

**Đại Thừa Đại Tập
Địa Tạng Thập Luân
Kinh Giảng Ký
Quyển 1
大乘大集地藏十輪
經講記**

**Mộng Tham lão hòa thượng chủ giảng
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

(trang trống)

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký

大乘大集地藏十輪經講記

Mộng Tham lão hòa thượng chủ giảng

梦参老和尚主講

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Đôi nét về lão hòa thượng Mộng Tham

Lão pháp sư Mộng Tham (1915-2017), tục danh là Lưu Thụy Đình, pháp danh Giác Tĩnh, tự hiệu là Mộng Tham, hàm ý “*chẳng giác mà cũng chẳng tỉnh*”. Lại do một giấc mộng mà xuất gia, nên Sư tự xưng như thế. Sư sanh năm 1915 tại huyện Khai Thông, tỉnh Hắc Long Giang, là con cả trong gia đình. Năm 1928, Sư xin vào làm cảnh sát đường sắt tại cục đường sắt Trường Xuân. Năm 1930, Sư vào học trường quân sự Phụng Thiên, trở thành sĩ quan trong lữ đoàn Phụng Thiên. Khi thủ lĩnh quân phiệt Phụng Thiên là Trương Tác Lâm thua trận, phải rút quân về Bắc Kinh, Sư theo quân đoàn về Bắc Kinh. Khi được giao nhiệm vụ tuần phòng tại Thạch Gia Trang vào cuối năm ấy, trong khi nghỉ đêm tại một cơ xưởng bỏ hoang, Sư mộng thấy chính mình xuất gia. Tỉnh giấc, Sư bèn tìm đến xin xuất gia với lão hòa thượng Tu Lâm ở chùa Đâu Suất núi Thượng Phương thuộc huyện Phòng Sơn, thành phố Bắc Kinh. Sư xuống tóc tại miếu Dược Vương thuộc hậu sơn Di Hòa Viên, được đặt pháp danh là Giác Tĩnh. Do tự khiêm “*chẳng giác, chẳng tỉnh*”, lại do mộng mà xuất gia, nên Sư lấy hiệu là Mộng Tham.

Sau khi xuất gia, Sư lại mộng thấy một vị Tăng bảo hãy sang núi Cửu Hoa. Tỉnh giấc, Sư bỗng phát hiện vị Tăng trong mộng giống hệt chân dung của hòa thượng Biện Dung (tổ Liên Trì cũng do vị này mà đắc ngộ), Phật giáo Trung Hoa thường coi ngài Biện Dung là một hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát. Ngài đến Cửu Hoa Sơn, đứng dịp mở tháp thờ nhục thân Kim Địa Tạng (ngài Kim Kiều Giác), cho nên càng đặc biệt tín ngưỡng, tôn phụng Địa Tạng Bồ Tát. Khi ở tại Cửu Hoa, Sư lại mộng thấy có người bảo hãy sang chùa Dũng Tuyền tại Cổ Sơn. Do vậy, Sư xin vào Cổ Sơn Phật Học Viện để học kinh Hoa Nghiêm với lão pháp sư Từ Châu. Do trình độ văn hóa quá thấp, Sư nghe giảng chẳng hiểu gì, tính rời Cổ Sơn, thì trong mộng lại thấy có một vị Tăng dạy hãy học tập phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện trước để khai trí huệ. Sư vâng theo, qua

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

nhiên, trí huệ tăng tấn. Sư lại tìm đến chùa Trạm Sơn ở Thanh Đảo để học Thiên Thai Tứ Giáo và thư pháp với pháp sư Đàm Hư.

Năm 1937, Sư vâng lệnh thầy, sang Hạ Môn, cung thỉnh pháp sư Hoàng Nhất đến chùa Trạm Sơn. Sư làm thị giả cho ngài Hoàng Nhất suốt nửa năm, bèn cầu thỉnh pháp sư Hoàng Nhất chế tác một bộ Luân Tướng theo đúng cách thức như kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã dạy. Pháp sư Hoàng Nhất không chỉ tạo Luân Tướng, còn dạy rất nhiều yếu nghĩa của kinh ấy, lại còn đích thân chép phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm trao tặng. Bản thư pháp trân quý này được trân trọng cất giữ tại chùa Pháp Nguyên ở Bắc Kinh, nhưng đã bị Hồng Vệ Binh phá hủy tan nát trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa.

Năm 1940, do ủng hộ quân Kháng Nhật, Sư bị truy bắt, phải ẩn náu, đổi trang phục thành thị giả của một vị lạt-ma tại Ung Hòa Cung. Muốn hiểu thêm về Mật Tông, Sư bèn từ Bắc Kinh xuống Thượng Hải, sang Hương Cảng, rồi đáp thuyền sang Ấn Độ qua Tây Tạng cầu pháp. Tại Tây Tạng, Sư y chỉ Rinpoche Hạ Ba của phái Cách Lỗ (Gelugpa) chùa Sắc Lạp (Sera), học Bồ Tát Đạo Tu Pháp Thứ Đệ với pháp danh là Cổn Khước Đồ Đăng...

Ngài Mộng Tham từ Tứ Xuyên trở về Bắc Kinh, Sư được mời dạy học tại Trung Quốc Phật Học Viện, chuyên giảng dạy Tứ Phần Luật. Năm 1984, Sư được các vị pháp sư Diệu Trạm và Viên Chuyết thỉnh sang chùa Nam Phổ Đà tại Hạ Môn để giúp khôi phục Mân Nam Phật Học Viện, giữ chức Giáo Vụ Trưởng. Năm 1987, Sư được hòa thượng Tuyên Hóa mời sang Vạn Phật Thánh Thành chủ trì pháp hội Thủy Lục, tạo thành nhân duyên hồng pháp tại hải ngoại sau này. Năm 1988, nhận lời thỉnh của Mỹ Quốc Bồ Đề Tâm Cơ Kim Hội, Sư cùng thị giả là pháp sư Hoàng Giác định cư tại Nữ Ước, bắt đầu giảng kinh Chiêm Sát và pháp môn Địa Tạng suốt năm năm tại Mỹ.

Từ đó, Sư lần lượt chống tích trượng sang Gia Nã Đại, Tân Tây Lan, Tân Gia Ba, Hương Cảng, và Đài Loan hồng pháp. Năm 1995, trong khi trụ tích tại chùa Hoàng Pháp ở Vancouver, sau khi phát hiện bị ung thư trực tràng, Sư tính bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật vãng sanh. Chấp thuận lời tha thiết cầu thỉnh trụ thế của các đệ tử, Sư chấp thuận phẫu thuật vào năm 1996 tại bệnh viện Chương Hóa, Đài Bắc. Năm 2004, chấp thuận lời thỉnh của tứ chúng chùa Phổ Thọ, Sư bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm từ ngày mồng Hai tháng Hai và các kinh luận Đại Thừa. Năm 2006, nhận lời thỉnh của tổ chức Phương Quảng Văn Hóa, giảng kinh Thập Luân tại chùa Phổ Thọ. Năm 2007, Sư đến các chùa

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Thông Giáo Tự và Cư Sĩ Lâm tại Bắc Kinh hoàng pháp. Năm 2009, Sư tham dự hoạt động hoàng pháp do Đài Bắc Quốc Tế Hội Nghị tổ chức, mỗi buổi giảng có mấy ngàn người nghe. Cuối năm đó, Sư trở về Ngũ Đài Sơn, giảng kinh Lăng Nghiêm. Năm 2014, do lời thỉnh cầu của các đệ tử xuất gia, Sư từ Mộng Tham Tinh Xá ở Thâm Quyển (Quảng Đông) về an dưỡng tại chùa Chân Dung núi Ngũ Đài. Ngày 27 tháng Mười Một, Sư thị hiện viên tịch tại chùa Chân Dung, thọ 103 tuổi.

Suốt đời, Sư luôn tự coi mình chưa xứng là một vị tỷ-kheo, chỉ là người xuất gia vân du, không truyền pháp (chẳng lập môn hộ), mà cũng chẳng kiến lập đạo tràng nào (ngay cả Mộng Tham Tinh Xá tại Thâm Quyển chỉ là do các đệ tử kiến lập rồi nhiều lượt tha thiết thỉnh cầu, Sư mới chấp thuận cho đặt tên như thế). Sư suốt đời chỉ mang ý niệm hoàng pháp, cốt sao giảng giải những ý nghĩa thâm viển trong kinh cho mọi người đều hiểu. Những lời giảng của Sư chất phác, bình dị. Những người hâm mộ Sư, phát tâm tu học, hoặc xuất gia rất đông. Chính nhờ ảnh hưởng của Sư mà các chùa Phổ Thọ tại Ngũ Đài, Năng Nhân tại núi Nhạn Đãng, và Chân Dung tại Ngũ Đài đều được khôi phục, đỉnh thịnh. Tuy giảng nhiều pháp khác nhau, nhưng pháp môn được Sư đặc biệt chú trọng là pháp môn Địa Tạng, nhất là kinh Chiêm Sát.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký

**** Mạn đàm phẩm Tự của kinh Thập Luân***

Trước khi bắt đầu giảng kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, tôi cùng mọi người mạn đàm đôi chút. Chúng ta học một bộ kinh, phải học thấu đáo, học hiểu như thế nào? Học kinh xong thì phải hành, phải kết hợp với thân tâm của chính mình, cũng phải hiểu pháp nhân duyên. Nhân duyên đã trọn đủ, hết thảy sự vật sẽ thành. Nhân duyên chẳng trọn đủ, chuyện ấy sẽ chẳng thể thành tựu được! Tôi cùng chư vị đạo hữu chia tay nửa năm, trong nửa năm ấy, tôi đã đến rất nhiều nơi, chẳng hạn như Đài Bắc, Đại Lục, Hoa Kỳ; đây là nhân duyên. Hàm nghĩa của nhân duyên chính là chúng ta làm bất cứ chuyện gì, nhất định là có “*tiền nhân*” (前因, cái nhân từ trước), tùy thuộc cái duyên có trọn đủ hay không? Duyên chẳng trọn đủ, sẽ chẳng thể thành tựu được! Bất luận sự vật nào cũng đều chẳng thể thành tựu. Nhưng tất cả hết thảy nhân duyên lại đều là giả, cho nên nói “*pháp nhân duyên chẳng có thật thể*”. Chúng ta cũng sẽ nói tới “*duyên khởi tánh không*”, đối với vấn đề

này, bộ kinh này giảng rất nhiều.

Trước khi chúng ta học tập kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, mọi người cần phải phát tâm, phát tâm gì vậy? Phát tâm sám hối! Tôi nghe rất nhiều người nói: “Tuy tôi chẳng liễu giải chuyện chi khác, chứ đối với chính mình, tôi còn chẳng liễu giải hay sao?” Tôi nói: “Tuy tôi xuất gia đã hơn sáu mươi năm, vẫn chẳng liễu giải chính mình!” Chắc mọi người nghe nói, sẽ cảm thấy rất lạ lùng! Không chỉ một mình tôi chẳng liễu giải chính mình, chỉ sợ quý vị, trừ bậc thánh nhân và Bồ Tát ra, kẻ chẳng liễu giải chính mình rất nhiều! Phần lớn mọi người đều chẳng liễu giải chính mình! Quý vị có biết trong quá khứ, chính mình đã làm những gì hay không? Kẻ chẳng liễu giải cái nhân trong quá khứ, nay phải hứng chịu cái quả mà cũng chẳng nhận biết. Vì sao tôi phải chịu đau khổ như thế này? Vì sao tai nạn này giáng xuống thân tôi? Chắc mỗi vị đạo hữu đều có kinh nghiệm như thế này: Lọt vào tình cảnh oan uổng, bị ủy khuất. Chuyện ấy về căn bản chẳng liên quan gì đến ta, cuối cùng đổ xuống đầu ta! Quý vị nghĩ “oan uổng quá”, đó là vì quý vị chẳng biết cái nhân trong quá khứ, chẳng liễu giải chính mình!

Cũng có người mạn đàm cùng tôi, nói: “Trên thế giới này, chuyện bất công quá nhiều!” Tôi nói: “Đó là cái nhìn của quý vị”. Họ nói: “Su phụ! Thầy thấy như thế nào?” Tôi đáp: “Chẳng có nửa điểm không công bằng! Hết sức công bằng, đặc biệt công bằng”. Tôi nói những lời này, chắc là trong lòng mọi người chẳng thể chấp nhận cho lắm! Hết thấy những gì quý vị phải hứng chịu, đều do chính mình đã làm. Chính quý vị làm, chính mình hứng chịu; sao không công bằng cho được? Vì chúng ta không có trí huệ, chẳng thấy rõ rất nhiều chuyện, mới cho rằng chuyện ấy quá thiếu công bằng. Trong quá khứ, lúc quý vị oan uổng người khác, chính mình có hiểu hay không? Tôi nói: “Nay quý vị bị kẻ khác hại, có biết là trong quá khứ, quý vị cũng từng hại người hay không?”...

Nếu nhìn theo quan điểm nhân quả vô lượng kiếp, sẽ thấy hết sức công bằng. Tôi nói những lời này, hy vọng các vị đạo hữu lúc học kinh Thập Luân sẽ dùng cái tâm sám hối như vậy để học. Bộ kinh này có một phẩm là phẩm Sám Hối nhằm mong chúng ta hãy sám hối tội nghiệp trong quá khứ, sám hối cho tội nghiệp thanh tịnh. Hễ có trí huệ, quý vị sẽ biết. Mọi người phải chuẩn bị trước tư tưởng. Quý vị chẳng biết [chính mình] trong quá khứ đã từng làm chuyện gì! Kinh Thập Luân dạy cho quý vị biết: Trong quá khứ, quý vị đã làm những chuyện gì, hiện tại phải hứng chịu những khổ nạn gì. Vì sao quý vị sanh vào thời điểm này? Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, quý vị chẳng sanh, chẳng sanh về thế giới

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Cực Lạc, chẳng sanh về Đâu Suất Thiên, cũng chẳng sanh về thế giới của Đông Phương Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, mà sanh trong thế giới Sa Bà vào thời điểm này. Vì sao vậy? Vì quý vị đã tạo nghiệp ấy. Đã có cái nghiệp ấy, chính mình phải hứng chịu. Đây là rất công bằng, chẳng có gì không công bằng! Do vậy, kinh Thập Luân giống như một cái màn hình cho chúng ta biết những tội ác, những sai lầm của chính mình, trong tâm sẽ chẳng bất bình nữa!

Lần này, vào lúc chúng ta học tập kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, bản thân tôi chẳng có tin tâm [đối với chính mình], vì chẳng tìm thấy những bản giảng thuật của cổ nhân, chẳng tìm thấy tài liệu tham khảo, vậy là rất có thể sẽ nói sai nhiều chỗ! Những kinh chúng tôi đã giảng trước kia đều đã được cổ nhân giảng rất nhiều lượt, có tài liệu tham khảo để tra cứu. Nói sai thì còn có thể đùn đẩy đôi chút: “Các vị đại đức đều nói như vậy, chẳng liên quan đến tôi cho lắm!” Nhưng bộ kinh này người khác chưa từng nói qua, chẳng thể nào đùn đẩy được!

Trước tiên, tôi bắt đầu nói về một ngàn vị Phật, khiến cho mọi người nhận thức nay chúng ta đang thuộc thời đại nào. Trong một ngàn vị Phật ấy, hiện thời là thời đại Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ở trong thời đại này, chúng ta rất khổ. Cái nhân khiến chúng ta chịu khổ là do cái nghiệp trong quá khứ rất nặng. Thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật, thọ mạng của nhân loại đặc biệt ngắn ngủi, chỉ có một trăm năm. So trong thời đại của Thất Phật, [sẽ thấy] thời đại của chúng ta tốt nhất, vì chỉ có Thích Ca Mâu Ni Phật mới có nguyện lực lớn đường ấy, Ngài đến giảng sanh nơi đây. Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng xuất hiện trong thời đại này, thì ngay cả đạo lý này chúng ta cũng chẳng biết. Vì thế, một khi chúng ta đã nhận thức rõ ràng những sự đau khổ đang phải hứng chịu trong thời đại này, cái tâm sẽ bình tĩnh. Cho đến khi quý vị học, cũng sẽ biết học như thế nào!

Ngoài ra, bộ kinh này có phân lượng khá dài, thời gian chúng ta học tập sẽ dài hơn đôi chút. Chẳng giống như kinh Kim Cang, kinh Di Đà, hay Tâm Kinh có thể học xong rất nhanh chóng, bộ kinh này thì không thể vậy! Bất quá, số phẩm cũng không nhiều, tất cả chỉ có tám phẩm, gồm mười quyển. Mọi người có thể mở quyển thứ nhất ra xem: Phẩm Vô Y Hạnh và phẩm Hữu Y Hạnh chiếm năm quyển. Lại thêm phẩm Tự trước đó và phẩm Hoạch Ích Chúc Lụy, ngoại trừ phẩm Thập Luân, số quyển của các phẩm trung gian cũng chẳng nhiều. Phẩm Thập Luân dạy: Dùng Thập Luân của đức Phật để đối trị thập luân nghiệp chướng của phàm phu. Kế đó là phẩm Sám Hối, phẩm Thiện Ác Nghiệp

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Đạo, và phẩm Phước Điền Tướng, tuy số quyền và số phẩm chẳng nhiều, các đạo lý trong ấy vẫn rất phức tạp.

Trong phẩm Tự, đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát lễ Phật và tán thán công đức của Phật. Do vậy, trong phẩm Tự, chẳng có đạo lý to lớn gì để có thể nói [cặn kẽ], nhưng đại ý của phẩm Thập Luân thì khác hẳn! Dùng Thập Luân của Phật để đối trị thập luân trong hiện tại của chúng ta đây nhé!

Chúng ta học tập bộ kinh này, phải có phương pháp; nhất định phải kết hợp làm một với cuộc sống hằng ngày của quý vị. Bộ kinh này dạy chúng ta phải sống như thế nào. Trong cuộc sống thường ngày, đừng tạo nghiệp nữa, đừng làm chuyện sai trái nữa. Vì sau khi đã tạo, đợi đến lúc phải hứng chịu, quý vị sẽ chịu không nổi, sẽ rất đau khổ. Nếu có thể kết hợp với cuộc sống hằng ngày để học tập, kinh thường nói Thập Trí hoặc Thập Lực của Phật, quý vị phải đối chiếu, học tập Phật nghiệp, dùng nghiệp của Phật để chuyển hóa nghiệp của chúng ta thành Phật nghiệp. Điều này có nghĩa là mỗi câu nói, mỗi hành động, khi thốt lời, khi thân thể hành động, khi tâm suy tưởng, bèn dùng [Phật nghiệp] để đối chiếu. Quý vị phải học tập từ mọi sự ngay trong cuộc sống thường ngày. Sau khi đã học xong, sẽ đối chiếu với chính mình để dần dần sửa đổi, càng học càng thâm nhập, sẽ chẳng sanh phiền chán, sẽ có thể tiến nhập rất nhanh chóng!

Nếu chẳng học như vậy, quý vị sẽ chẳng thể tiến nhập được. Nói theo ngôn ngữ thường ngày của chúng ta, bộ kinh này do Huyền Trang đại sư phiên dịch, so với kinh Địa Tạng, hoặc kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, văn tự phiên dịch có khác nhau. Vì có những vị đại đức sử dụng cách “*dịch ý*”, tức là căn cứ trên nếp sống, tình cảm, ngôn ngữ, và hết thảy tập quán của chúng ta để biểu đạt [ý kinh]. Huyền Trang đại sư cho rằng cách biểu đạt ấy có thể đánh mất tánh chất chân thật của [bản kinh gốc], chỉ sợ sẽ chênh lệch với nguyên nghĩa do đức Phật đã nói tại Ấn Độ. Do vậy, Ngài dịch theo sát văn tự, và cũng dựa theo ý nghĩa để dịch. Phần lớn văn tự [trong kinh này] vốn là văn tự xuất phát từ Ấn Độ, thoạt nhìn hơi xa lạ. Những danh tướng thường thấy trong kinh văn, chẳng hạn như Phật, Thế Tôn, trong bộ kinh này sẽ được gọi là Bạc Già Phạm (Bhagavat).

Giống như lúc thuở đầu, tôi qua Tây Tạng học pháp, không chỉ là [cảm thấy] những câu văn trong kinh điển rất khó học tập, mà ngay lời nói cũng rất kỳ quặc, tốn một thời gian rất dài mà cũng chẳng sửa được. Chẳng hạn như chúng tôi muốn mời quý vị dùng cơm hay uống trà, sẽ

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 1

không nói “mời dùng cơm” hay “mời uống trà”, mà nói là “trà uống mời” hay “cơm dùng mời”. Quý vị nghe xong thấy rất kỳ quái, nói ra cũng rất trúc trắc. Văn từ trong bộ kinh này, có rất nhiều chỗ giống như thế đó. Hiểu cách dùng từ, khi chúng ta nói, sẽ đảo lại, hoán chuyển ý nghĩa bao hàm trong ấy. Khi xem bộ kinh này, cũng phải nên xem như vậy.

Trong kinh vẫn có những chỗ “*tỷ phương*” (比方, so sánh, tỷ dụ). Nói “*tỷ phương*” tức là xét theo ý nghĩa trong Phật pháp, sợ quý vị không hiểu, cho nên dùng ý nghĩa khác để tỷ dụ, như vậy thì chúng ta sẽ hiểu. Nhưng một khi đã thông qua cách “*tỷ phương*” thì nghĩa lý đã cách xa tám vạn bốn ngàn dặm! Chẳng hạn như nói đến Không, Phật giáo thường hay dùng Không để tỷ dụ Pháp Tánh, tỷ dụ Tự Thể, tỷ dụ Thật Tướng. Chúng ta hoàn toàn hiểu sai nó, bèn nói “đã là Không thì cái gì cũng chẳng có”; do vậy, rơi vào Đoạn Kiến. “*Không*” trong Phật giáo chẳng phải là rỗng không như thế! Nó chẳng tách rời vật chất, do hiển thị vật chất, nên mới nói là Không! Cái Không ấy do từ trên vật chất cụ thể mà thấu đạt Không. Giống như quý vị nói “*người*” là cụ thể, vẫn tồn tại, [nhưng xét theo bản chất, theo nhân duyên hòa hợp thì người] “*là Không*”. Hàm nghĩa trong Phật pháp là như vậy đó. Chẳng phải nói “*Không*” thì sẽ chẳng có gì cả! Ở đây, chỉ nêu thí dụ mà thôi, có rất nhiều trường hợp giống như vậy.

Lại ví như nói phẩm Tự của kinh Thập Luân nói tới Địa Tạng Bồ Tát, vì bộ kinh này chủ yếu lấy Địa Tạng Bồ Tát làm vị thuyết pháp chủ. Nhưng trong kinh, ngài Địa Tạng là tùy hỷ mà đến, [lúc Ngài chưa đến đã] có Bồ Tát Tăng, La Hán Tăng, và phàm phu Tăng. Mọi người tụ họp nói kinh Nguyệt Tạng. Khi bộ kinh ấy đã nói xong, Địa Tạng Bồ Tát mới tùy hỷ mà đến, hoàn toàn chẳng phải vì thỉnh kinh (thưa hỏi đức Phật dạy một kinh nào đó), hay thuyết pháp mà đến. Đức Phật liền do nhân duyên ấy mà nói công đức của Địa Tạng Bồ Tát, mà Địa Tạng cũng tán thán công đức của Phật. Nhân duyên của bộ kinh này do như vậy mà dẫn khởi. Trước khi giảng kinh này, đức Phật đang giảng kinh Đại Thừa Đại Tập Nguyệt Tạng. Kinh Nguyệt Tạng vừa mới viên mãn, Địa Tạng Bồ Tát đến nơi. Tướng cảnh giới khi Bồ Tát đến, mọi người xem kinh văn liền biết ngay.

Trong khi thâu thập các tài liệu, Hồng cư sĩ đã thâu thập các kinh điển có liên quan đến Địa Tạng Bồ Tát như kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, kinh Địa Tạng Thập Vương, kinh Địa Tạng Bồ

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Tát Đà La Ni, Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỹ, Địa Tạng Bồ Tát Tam Quốc Linh Dị Ký, Địa Tạng Bồ Tát Sám Bồn, và Chiêm Sát Sám Pháp. Những bộ ấy đều thuộc về pháp môn Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị chỉ cần thông đạt một bộ, những bộ khác đều có liên quan.

Kinh Địa Tạng và kinh Thập Luân tương thông, nhưng chỗ bất đồng là phương pháp chuyển nghiệp cho chúng sanh có đôi chút khác biệt. Kinh Thập Luân tu Chỉ Quán, kinh Địa Tạng thì chỉ cần tạo tượng, bái sám, có thể niệm thánh hiệu Địa Tạng thì coi như đã tu hành. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo thì phần liên quan đến sự tu hành của chúng ta, tôi vẫn chưa giảng, tức là nửa bộ sau của kinh Chiêm Sát. Kinh Thập Luân thoát đầu dạy quý vị tu hành như thế nào để chứng nhập Thiên Định. Chẳng nhập Thiên Định, sẽ chẳng thành đạo. Vừa khởi đầu, kinh dạy quý vị một phương pháp từ cạn nhập sâu. Chúng ta nghe xong, cảm thấy dường như rất đơn giản, nhưng sử dụng sẽ chẳng dễ dàng cho lắm! Vẫn là sáu chữ Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, Tịnh, nếu quý vị khởi tu, sẽ chẳng dễ dàng cho lắm. Đại khái, chúng ta biết những phương pháp do Địa Tạng Bồ Tát truyền dạy đều có các phương pháp ấy, đều bao gồm trong những tài liệu ấy.

Tuy vậy, trong ấy có một điều: “*Khư La sơn là Tịnh Độ của Địa Tạng Bồ Tát*”; Đối với cách nói ấy, chúng tôi không hoàn toàn nghĩ như thế. Vì lúc đó, đức Phật đang thuyết pháp tại núi Khư La; khi Ngài sắp nói xong, Địa Tạng Bồ Tát từ phương Nam đến đó. Điều ấy cho thấy núi Khư La không phải là Tịnh Độ của Ngài. Nếu là Tịnh Độ của Ngài, Ngài lại cần gì phải từ phương Nam đến đó? Hơn nữa, kinh Chiêm Sát và kinh Địa Tạng đều chỉ ra Địa Tạng Bồ Tát từ phương Nam đến, từ phương Nam nào vậy? Trong thời điểm ấy, chính là phương Nam của trời Đao Lợi! “*Phương vô định phương*” (Không có phương vị nhất định).

Tôi nghĩ: Chỗ nào có địa ngục, chỗ nào nhằm thời đại không có Phật, người nơi nào khổ sở nhất, nơi ấy nhất định có Địa Tạng Bồ Tát độ chúng sanh. Đây là nguyện của Ngài. Bất luận Ngài đến chỗ nào, chỗ ấy sẽ là Tịnh Độ của Ngài. Chúng ta thấy chữ Tịnh Độ, bèn nghĩ nơi đó phải giống như thế giới Cực Lạc, thế giới Bất Động, thế giới Lưu Ly, thế giới Hương Tích thì mới là Tịnh Độ, nhưng Tịnh Độ của Địa Tạng Bồ Tát thì “*chỗ nào có địa ngục, chỗ đó là Tịnh Độ, chỗ ấy là Tịnh Độ để Ngài hóa độ chúng sanh*”. Có phải là chúng ta bắt buộc phải lý giải như vậy hay không? Ở đây là mạn đàm, mỗi người có phương pháp tu hành riêng. Có khi cách tu hành là dựa theo Chiêm Sát Sám Pháp để lạy Chiêm Sát Sám.

Đây chỉ là bước đầu trong tu hành, trọn chẳng phải là chúng ta bái sám thì là tu hành! Đương nhiên cũng coi như là tu hành, vì trước hết quý vị phải tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng đã tiêu thì mới có trí huệ; có trí huệ thì mới có thể tu hành.

Hiện thời, chúng ta vẫn chưa thể tu hành, hãy quan sát hơi thở ra vào, vừa quán bèn tán loạn, làm sao có thể nhập Định cho nổi? Nhưng qua việc bái sám, nghiệp chướng tiêu mất. Hễ nghiệp chướng tiêu, trí huệ sẽ sanh khởi, dễ dàng tiến nhập tu hành. Do vậy, bất cứ pháp môn tu hành tối sơ nào, đều coi sám hối là bậc nhất, phải tiêu trừ nghiệp chướng trước hết. Học Mật Tông cũng giống như thế! Trước hết, quý vị phải lạy mười vạn đại lễ¹. Cách lễ ấy chẳng giống như chúng ta đánh lễ, mà là đại lễ bái! Trước hết, quý vị phải tiêu nghiệp chướng, những điều ấy đều là tiền phương tiện (phương tiện chuẩn bị). Nếu suốt đời cứ lạy như vậy, có thể thành tựu hay không? Nhất định là có thể thành tựu, vì trí huệ của quý vị tăng trưởng! Khi lạy, quý vị khởi lên quán tưởng: “*Năng lễ, sở lễ tánh không tịch*” (Người lễ, đáng được lễ, tánh đều không tịch). Thường xuyên quán tưởng như vậy, lâu ngày sẽ có thể chứng nhập. Khi đó, tu Định sẽ tiến nhập rất nhanh chóng!

Nhưng phương thức tu hành trong mỗi bộ kinh, mỗi bộ luận, mỗi vị Bồ Tát cũng đều bất đồng. Cũng có đạo hữu hỏi tôi như thế này: “Địa Tạng Bồ Tát đến hội này, vì sao có rất nhiều người chẳng nhận biết Ngài, còn cần phải tìm người giới thiệu?” Tôi nói: “Không chỉ Địa Tạng Bồ Tát là như thế, ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật mà còn có rất nhiều kẻ trong cõi Phật của Ngài mà chẳng biết Ngài!” Pháp sư Hoàng Giác từng nói đùa: “Chẳng cần nói quốc độ Phật giáo nào khác, ngay cả quốc độ này, là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, họ chỉ biết niệm A Di Đà Phật, chẳng biết thầy họ là Thích Ca Mâu Ni Phật”. Chẳng có gì khác, chỉ có thể nói là “không có duyên”. Cũng có các pháp sư chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát. Tôi cũng đã nghe có người nói: “Tôi chưa từng nghe về Địa Tạng Bồ Tát, chẳng học pháp môn của Địa Tạng Bồ Tát, cũng chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát luôn!” Cũng giống như vậy, hiện thời, cũng có rất nhiều người chẳng biết Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Vì sao vậy? Là do Duyên như tôi vừa thưa cùng mọi người. Nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ chưa từng kết duyên với Bồ Tát, tự nhiên sẽ chẳng liễu giải phương pháp của Ngài.

¹ Đây là cách lễ theo truyền thống của Tây Tạng, toàn bộ thân hình đổ rạp xuống đất, hai tay duỗi thẳng về trước.

Rất nhiều người có thói quen phán giáo, phàm là kinh nói về Địa Tạng Bồ Tát, bất luận là kinh Địa Tạng cũng thế, mà kinh Thập Luân cũng thế, hễ nói về chuyện địa ngục và nhân gian thì dường như chẳng phải là Đại Thừa! Hễ nói đến Đại Thừa thì phải biết rất ư là lớn. Họ cho rằng phải như pháp môn Duy Tâm thì mới là Đại Thừa, hoặc như Đại Thủ Ấn (Mahāmudrā) của Mật Tông “*lập tức thành Phật*”, cho rằng đây mới là Đại Thừa. Bọn họ nghĩ kinh Địa Tạng, kinh Thập Luân, thậm chí kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là Tiểu Thừa. Còn như [tựa đề là] Đại Thừa Đại Tập Thập Luân Kinh đặc biệt chỉ ra đây là Đại Thừa, có những kẻ chỉ viết là Đại Tập Thập Luân Kinh, chẳng có chữ Đại Thừa, đầu bản dịch của pháp sư Huyền Trang ghi rõ là Đại Thừa!

Bộ kinh này được dịch hai lần, một lần vào đời Tùy, ai phiên dịch cũng chẳng biết, vì bản dịch ấy bị thiếu tên [người dịch]. Lần phiên dịch thứ hai do Huyền Trang đại sư phiên dịch. Mọi người thấy Ngài chú thích thời gian, địa điểm, và điều kiện đều có. Pháp sư Huyền Trang dịch bộ kinh này trong niên hiệu Vĩnh Huy² đời Đường, tức là mười sáu năm sau khi Ngài từ Ấn Độ trở về Trung Hoa mới phiên dịch bộ kinh này.

Trong kinh, trừ tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát ra, Địa Tạng Bồ Tát cũng hướng về đức Phật tán thán một lượt. Mục đích đức Phật và Địa Tạng Bồ Tát thù tạc xướng họa với nhau, chủ yếu là để phá trừ Thập Ác của chúng ta. Phần Chiêm Sát Luân trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo cũng chú trọng Thập Ác. Kinh Địa Tạng dạy: Sở dĩ quý vị phải đọa địa ngục cũng là vì Thập Ác. Thập Ác là gì? Là “giết, trộm, dâm” phát sanh nơi thân, “nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, ác khẩu” nơi miệng, và “tham, sân, si” nơi tâm của chúng ta. Đó là mười nghiệp. Những nghiệp tạo tác nơi thân, nghiệp phát xuất từ miệng, nghiệp dấy khởi từ tâm, đây là mười nghiệp. Chẳng tạo mười ác nghiệp ấy, làm toàn chuyện tốt, đó là Thập Thiện. Nói lời hay đẹp, chẳng ác khẩu, tận lực xúc tiến khiến cho mọi người hòa hảo, chẳng phá hoại người khác, tức là chẳng phạm Luỡng Thiệt. Nói năng chưa hề thốt lời ô uê, đó gọi là “chẳng ác khẩu”. Luôn tán thán; ngoài tán thán công đức của người khác ra, tận lực nói những lời êm tai, thốt lên những lời lẽ khiến cho người khác hoan hỷ, đây là đối trị Ác Khẩu. Lời lẽ nào chẳng có đạo lý sẽ không nói, suốt ngày từ sáng đến tối đừng nói chuyện phiếm; chẳng còn nói những chuyện “ta đúng, người sai” nữa. Chẳng nói những lời lẽ kiêu đó, tức là “chẳng nói lời thêu dệt”. Chẳng nói những

² Vĩnh Huy là niên hiệu của Đường Cao Tông (Lý Trị) từ năm 650 đến năm 655.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

lời lẽ vô nghĩa, gạt người, lừa dối, những lời lẽ dối trá lại càng chẳng nói, như thế thì khẩu nghiệp thanh tịnh. Hễ thêm chữ Chẳng vào trước [Thập Ác], liền thành thiện nghiệp. Không có chữ Chẳng thì là ác nghiệp, còn gọi là Ác Luân. Trong tâm khởi tham niệm, khởi sân niệm, dấy lên tà kiến. Ngu si là tà kiến. Tà kiến là không hiểu rõ, hồ đồ, nghiệp nhân của vô minh do “tham, sân, si” dẫn khởi. Nếu trong tâm chúng ta chẳng có tham, sân, si, thì là thiện nghiệp. Thân chẳng giết, trộm, dâm là thiện nghiệp. “*Không dâm*” tức là ngoài quan hệ vợ chồng ra, nhưng nói rõ ràng thì là hết thầy không dâm, đây là thiện nghiệp.

Hình dung mười thiện nghiệp ấy thì là Thiện Luân. Nếu tạo tội, sẽ trở thành Ác Luân. Luân có tác dụng gì? Mọi người đều biết: Luân là “*phát động, vận chuyển chẳng ngừng*”. Luân mang ý nghĩa “*chuyển biến*”, luân chuyển không ngừng. Vì sao chúng ta luân hồi trong lục đạo vĩnh viễn chẳng ngưng dứt, vĩnh viễn lưu chuyển? Chính vì nghiệp. Nghiệp khiến cho quý vị chẳng thể ngưng dứt. Nếu quý vị tạo thiện nghiệp, thiện cũng khiến cho quý vị chẳng thể ngưng nghỉ. Nhưng Thập Luân cũng có rõ ràng và sơ bộ:

- Khiến cho thiện nghiệp đạt tới Thập Luân của Phật thì là Thập Trí.

- Chuyển các điều ác của chúng sanh thành Ngũ Nghịch, Thập Ác chính là Thập Ác Luân ác nhất. Phẩm Vô Y Hạnh và Hữu Y Hạnh cũng giảng về Thập Ác Luân.

Trước hết là nói dùng Thập Luân của Phật để đối trị Thập Ác Luân của chúng sanh. Do vậy, tên gọi của bộ kinh này là Thập Luân. Vì sao lại phải thêm Địa Tạng Thập Luân? Cuối bộ kinh này, vị được dặn dò lưu truyền và hộ trì kinh này chính là Hư Không Tạng Bồ Tát. Trong phẩm Chúc Lụy Nhân Thiên của kinh Địa Tạng cũng là Hư Không Tạng Bồ Tát. Mọi người biết Hư Không Tạng Bồ Tát có hàm nghĩa gì? Trong kinh Hoa Nghiêm, Hư Không Tạng Bồ Tát biểu thị “*dung nạp hết thầy, hàm nhiếp hết thầy*”. Chữ Tạng (藏) trong Hư Không Tạng có nghĩa là “*kho báu*”. Hư Không chẳng phải là rỗng tuếch, mà là hình dung Ngài đã chứng đắc tánh Không, chứng đắc chân tâm, chứng đắc mười tướng của kinh Chiêm Sát. “*Không*” chẳng phải là “*không có gì*”. Hư Không bao hàm hết thầy các pháp, chẳng rỗng không. Căn dặn Ngài hãy tuyên truyền kinh này, dặn Ngài hãy hoằng dương.

Mười cái luân ấy chẳng có lúc nào ngưng nghỉ, bất luận là thiện luân hay ác luân, khi nào thì mới có thể ngưng nghỉ? Chờ đến khi cái tâm của chính mình lắng xuống. Vị Phật nào cũng đều chứng cảnh giới

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Thập Luân ngưng dứt, chúng đặc tánh thể ấy. Nhằm khiến cho chúng ta đạt được mục đích ấy, cho nên gọi là Đại Thừa.

“Đại” là nói cái tâm của chúng ta. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cũng là chữ Đại ấy. Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh cũng là chữ Đại ấy. Chữ Đại nêu rõ tâm thể, hoặc tổng thể của chúng ta. Cái Thể của hết thảy các pháp môn, đại tổng tướng của pháp môn là Đại. “Thừa” là chuyên chở. Nếu nương vào mười thiện nghiệp ấy, chúng nó sẽ có thể chuyên chở quý vị đạt đến Tịch Diệt rốt ráo. “*Có thể tịch diệt*” chính là Phật quả. Hàm nghĩa của Không trong tiếng Phạn là Tịch Diệt, hoặc Tịch Tĩnh, đều nhằm hình dung Không; thế nhưng chẳng nói là Không! Do tiếng Hán không có chữ ấy, chúng ta chẳng thể dịch được, bèn dùng chữ Không để thay thế. Nhưng sử dụng chữ Không, chúng ta lại hiểu lầm là “chẳng có gì”. Vừa nói Không, có rất nhiều người liền rơi vào Đoạn Diệt Kiến, bởi nghĩ Không là “*chẳng có gì cả*”! “*Không*” chẳng phải là “*không có*”. Chữ Không ấy bao gồm hết thảy các pháp Duyên Khởi, bản thể của chúng là Tánh Không. Cái Không ấy bao gồm hết thảy các pháp Duyên Khởi, làm thế nào để hiển thị Tánh Không ấy? Dùng duyên khởi để hiển thị cái Không ấy. Làm thế nào để chúng đặc cái Không ấy? “*Duyên khởi hoàn diệt*” chính là chứng đắc cái Không ấy.

Có hai cách giải thích chữ “*Đại Tập*”:

1) Một là trong pháp hội ấy, đã tập hợp rất nhiều chúng sanh. Nhiều tới mức độ nào? Vô số! Quý vị xem kinh văn sẽ biết: Có bao nhiêu Thanh Văn Tăng? Vượt quá số lượng! Tức là dùng số lượng để tính toán, sẽ chẳng thể tính toán được! Đó gọi là “*vượt quá số lượng*”. Có bao nhiêu vị Bồ Tát Tăng? Vượt quá số lượng! Hễ nói đến pháp môn Địa Tạng, trừ kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo ra, xứ sở có hai chỗ: Một là ở Dao Lợi Thiên, hai là giữa bảy rặng núi Kim Sơn, tức là núi Khư La, ở giữa Dục Giới và Sắc Giới, kẻ bình phàm chẳng thể tới được. Đây là xứ sở thù thắng. Tu học ở nơi đây thì mới có thể dung nạp nổi!

Trong kinh Phật, hễ nói đến con số thì chẳng dùng những con số trong nhân gian để tính toán, [tức là chẳng] dùng một, hai, ba, bốn, năm, sáu để tính toán. Bao nhiêu ức? Bao nhiêu vạn? Bao nhiêu triệu? Chúng ta chẳng thể tính toán; do vậy, đức Phật dùng một tỷ dụ, tức là dùng cát sông Hằng để tỷ dụ. “*Hằng hà sa*” (cát sông Hằng): Sông Hằng dài bảy, tám ngàn dặm, số lượng cát trong ấy là bao nhiêu? Trí lực con người chẳng thể tính đếm được. Như vậy, đối với những con số ở đây, quý vị phải nên lý giải như thế!

2) Một cách giải thích khác: Quý vị có thể nghe nói Thập Nghiệp tức là có thể vận chuyển quý vị, nêu tỏ tâm địa, thành tựu Thể Tánh của chính mình, thành tựu Tỳ Lô Giá Na của chính mình, tức là có thể đạt đến Đại. Do vậy, các đại chúng nhóm họp trong pháp hội lần này, đều là những người hữu duyên. Nay chúng ta có thể cùng nhau học tập bộ kinh này, luân chuyển mãi cho tới nay, chúng ta mới có duyên. Chẳng có cái duyên ấy, sẽ chẳng thể gặp được!

Đối với vấn đề này, tôi cũng suy nghĩ rất nhiều lần. Bất cứ lúc nào, cũng đều suy tưởng: “*Nói là vô duyên thì dường như lại là hữu duyên. Nói là hữu duyên thì dường như đã nhiều năm qua, trước nay chưa có ai phát tâm muốn giảng kinh Thập Luân*”. Khi tôi chưa phát cái tâm ấy, cứ thật thà nói: “Bộ kinh này, trừ khi có dịp phải cùng học tập với mọi người thì tôi mới xem”. Trước kia, tôi chưa hề đọc qua. Tuy chúng tôi có nhắc tới Địa Tạng Tam Kinh, nhưng tôi chưa hề xem từ đầu đến cuối kinh Thập Luân. Ngược lại, pháp sư Hoằng Giác đã đọc, đã nghiên cứu trước tôi. Sư đã xem một lượt, Sư cầm quyển kinh được bọc bìa màu đỏ, tức là không chỉ xem một lượt, mà còn phê chú.

Trước kia, tôi không có tâm nguyện muốn giảng bộ kinh này. Nay vì một vài vị đạo hữu đề nghị: “Mọi người cùng nhau học tập bộ kinh này”. Tôi một chút tin tâm cũng không có; nếu học tập kinh này, có ai nghe hay không? Bọn họ đáp: “Lẽ nào lại không có ai nghe? Vì rất ít người biết có bộ kinh này!” Cũng có lẽ là nhân duyên chín muồi. Hiện thời, người đến nghe cũng chẳng ít, vẫn là có người nghe, chẳng phải là không ai nghe! Như vậy, khi chúng ta học, mọi người có thắc mắc gì hãy nêu ra. Chúng ta phải dùng một thời gian dài để học. Nếu đã phát tâm học, phải học kỹ lưỡng. Như thế nào mới là học kỹ lưỡng? Chúng ta phải sử dụng! Bất luận học vấn gì, đều phải vận dụng. Học viết chữ là vì quý vị phải dùng. Học tiếng Anh thì quý vị cũng phải dùng, dùng tiếng Anh để nói năng, tức là chúng ta phải dùng. Vậy thì học phương pháp do Địa Tạng Bồ Tát dạy để làm gì? Thành Phật!

Nếu phát tâm lớn hơn một chút, đương nhiên là sẽ chẳng đọa địa ngục! Hễ học kinh Thập Luân, sẽ chẳng đọa tam đồ nữa, chẳng đọa địa ngục nữa, chẳng đọa làm ác quỷ, chẳng đọa làm súc sanh! Chúng ta xem đó có phải là đã thành tựu rồi hay chưa? Chưa phải! Nhất định phải thành Phật. Có thể sanh lên trời cũng thế, hưởng thọ hạnh phúc cũng thế, chỉ là tới một lúc nào đó, chúng ta sẽ chẳng thể thỏa mãn được. Cũng như trước kia, cuộc sống và tập quán tại Trung Hoa Đại Lục chẳng có cách nào so sánh với nước Mỹ, mà cũng chẳng có cách nào so sánh với

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Ôn Ca Hoa (Vancouver) của Gia Nã Đại, chúng ta thường nói cuộc sống ở những nơi đó là thiên đường. Nhưng đã đến đây, đã tới thiên đường rồi đó, có cảm thấy hạnh phúc hay không? Chẳng thể! Vì yêu cầu lại nâng cao hơn! Kết quả là chỗ này chẳng phải, chỗ kia cũng không phải, như thế nào cũng chẳng vừa ý. Chúng ta sanh lên trời rồi, có mãn ý hay không? Dẫu sanh lên trời, quý vị cũng chẳng mãn ý, tuy toàn là cảnh giới vui sướng. Khi đã có cảnh giới vui sướng, quý vị lại có yêu cầu khác, mong cầu bất tử! Làm thế nào để đạt được? Nếu nói đến sung sướng thì đầu óc cũng phình to. Chịu khổ thì đầu óc cũng phình to. Ở trên trời hưởng phước, hưởng sự vui sướng, đầu óc cũng sẽ phình to! Chuyện gì cũng chẳng làm, hưởng hết sạch phước, lại phải nên làm như thế nào? Do vậy, chúng ta nhất định phải chiếu theo kinh Thập Luân để học tập.

Chúng ta phát nguyện thành Phật. Pháp môn này dạy chúng ta từng bước thành Phật như thế nào. Chúng ta vận dụng phương pháp này sẽ thành tựu. Lúc mới học kinh Thập Luân, quý vị cảm thấy có những vấn đề gì hay không? Hãy nêu ra để thảo luận. Chúng ta tuân theo tánh chất nửa nghiên cứu, nửa học tập, chớ nên nghe suông, chỉ dùng tai để nghe sẽ chẳng đủ! Quý vị cần phải dùng ý căn, phải dùng trí huệ, lục căn dùng lẫn cho nhau thì mới học được!

Khi học tập, sẽ có những chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Gia đình của quý vị có chuyện, hoặc là có nhân duyên này, nhân duyên nọ, rất khó nói! Trước hết, quý vị phát nguyện, mong mỗi “Địa Tạng Bồ Tát gia trì, khiến cho con học hoàn mãn, có thể học từ đầu đến cuối chẳng thiếu một buổi nào”. Thiện căn như vậy cũng rất khó có. Do vậy, quý vị nhất định phải phát cái nguyện đầu tiên ấy. Kế đó, phát nguyện thứ hai: “*Nguyện cho con chấm dứt nỗi đau khổ trong hiện tiền*”. Muốn giảm thiểu chướng ngại đâu phải dễ dàng như thế! Ngã bệnh sẽ không đến được, hoặc là đúng ngay lúc quý vị chuẩn bị đi nghe giảng, vừa mới ra khỏi cửa, có khách tới chơi. Quý vị cự tuyệt kẻ đó, nói phải đi nghe giảng, sẽ là chẳng biết cách đối xử. Nếu tiếp đãi kẻ đó thì tối nay sẽ mất một buổi học.

Quý vị thấy vấn đề ấy thoạt nhìn là chuyện nhỏ, nhưng nói tổng quát, sẽ thấy chẳng nhỏ! Nếu chướng ngại phát sanh nơi thân tôi, tôi cũng chẳng giảng được, cũng phải gián đoạn. Do vậy, hiện thời, hễ gặp dịp giảng kinh, cùng mọi người học một bộ kinh nào, chính tôi sẽ phát nguyện tụng những bộ kinh ấy, lại còn niệm thánh hiệu Địa Tạng để cầu gia trì. Chẳng cầu gia trì, sẽ bị gián đoạn giữa chừng. Một thứ bị gián

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

đoạn, hết thầy đều gián đoạn. Từ lúc giảng kinh tới nay, cho đến bây giờ, điều tôi tiếc nuối nhất là lần giảng kinh Hoa Nghiêm ở chùa Nam Phổ Đà chẳng được viên mãn! Tôi giảng đến phẩm Ly Thế Gian bèn rời khỏi đó. Vẫn mong trở về giảng viên mãn bộ kinh ấy, thế mà vĩnh viễn chẳng viên mãn được! Quý vị quay lại giảng, người nghe kinh thuở đó và người nghe kinh hiện thời không giống nhau. Họ đã sớm đi hết rồi, tôi quay lại giảng cách nào cũng chẳng thể bổ sung khóa giảng ấy được! Làm thế nào đây? Cũng chỉ đành sám hối, những kinh khác đều giảng xong từ đầu đến đuôi. Tôi hy vọng sẽ giảng viên mãn kinh Thập Luân. Nếu không, trong tương lai, đến khi lâm chung, sẽ bị vướng mắc, sẽ rất khổ não! Vì thế nói: Mọi người chúng ta hãy cùng nhau phát nguyện mong học tập rất tốt đẹp.

Mọi người nhất định phải học hiểu trình tự, đừng học nửa vời. Như thế nào là hiểu? Có thể sử dụng! Khi sử dụng, chẳng bị chướng ngại. Lúc quý vị tu quán tưởng, chẳng có gì gây chướng ngại. Bộ kinh này không giống như kinh Địa Tạng dùng để đọc tụng. Kinh Địa Tạng tán thành quý vị đọc tụng, giống như chúng ta đọc Tâm Kinh hoặc kinh Kim Cang, các kinh ấy dạy chúng ta đọc tụng. Kinh Thập Luân bảo quý vị hãy hành! Quý vị có thể làm được bao nhiêu, không nhất định! Nay chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn.

I. Tự - Phẩm Đệ Nhất

序品第一

(Phẩm thứ nhất: Tự)

(Kinh) Như thị ngã văn: Nhất thời, Bạc Già Phạm tại Khư La Đế Da sơn, chư Mâu-ni tiên sở y trụ xứ, dữ đại bát-sô chúng câu, vị quá số lượng đại Thanh Văn Tăng. Phục hữu Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, vị quá số lượng đại Bồ Tát Tăng, thuyết Nguyệt Tạng dĩ.

(經) 如是我聞：一時，薄伽梵在佉羅帝耶山，諸牟尼仙所依住處，與大苾芻眾俱，謂過數量大聲聞僧。復有菩薩摩訶薩眾，謂過數量大菩薩僧，說《月藏》已。

(Kinh: Tôi nghe như thế này: Một thời, đức Bạc Già Phạm ở tại núi Khư La Đế Da, là nơi y trụ của các vị Mâu-ni tiên, cùng các vị đại bát-sô nhóm họp, tức là hàng đại Thanh Văn Tăng chẳng thể tính đếm. Lại có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, tức là chẳng thể tính đếm các vị đại Bồ Tát Tăng, nói kinh Nguyệt Tạng xong).

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Đây là một đoạn kinh văn. Nhân duyên hòa hợp, nhằm lúc khế lý, khế cơ, đức Phật thuyết pháp, thuyết pháp gì vậy? Kinh Nguyệt Tạng. Chúng ta không học kinh Nguyệt Tạng trong Đại Tạng Kinh, cho nên chúng tôi không nhắc tới. Vào lúc khế cơ, khế lý ấy, đức Thế Tôn ngự tại núi Khur La Đê Da (Kharādīya). Nơi ấy là chỗ của những người tu hạnh Tịch Tĩnh. Mâu Ni (Muni) dịch [sang tiếng Hán] là Tịch Tĩnh (寂淨). Các vị tiên nhân tu Tịch Tĩnh ở nơi ấy, đó là chỗ họ nương nấu để tu hành. Khi đó, có rất nhiều vị tỳ-kheo Tăng thọ giới tỳ-kheo, có bao nhiêu? “*Quá số lượng*” tức là chẳng thể dùng số lượng để tính toán. Chẳng phải là ngàn, vạn, ức, triệu! Còn nhiều hơn những con số ấy, chẳng thể biết nổi số lượng! Còn có những vị Bồ Tát Ma Ha Tát, Bồ Tát là giác hữu tình. Đó là những chúng sanh phát đại tâm, đều là bậc đại Bồ Tát, đạt được thành tựu, cũng là chẳng thể tính đếm số lượng.

Vị đương cơ trong bộ kinh ấy là Nguyệt Tạng Bồ Tát. Khi [đức Phật] giảng bộ kinh ấy, chính tôi (ngài A Nan) được nghe. “*Như thị*” là nói đến pháp môn này. Đức Phật nói các pháp như thế, tôi đích thân được nghe. Điều này được gọi là “*lục thành chứng tín tự*” (phần tựa đề chứng tín gồm sáu thứ thành tựu), tức là có sáu thứ chứng minh hồng thành tựu pháp môn này, hoàn toàn chẳng phải là hư giả. “*Như thị*” là nói đến pháp này, “*ngã*” là ngài A Nan tự nói về mình. Nói theo pháp Đại Thừa thì kinh điển do ngài A Nan kết tập, Ngài nói: “Tôi đích thân tự nghe, chẳng phải là giả”. Nghe khi nào?

“*Nhất thời*”: Phạm thời gian đức Phật thuyết pháp đều là lúc khế lý, khế cơ. Vì đức Phật có khi nói trên trời, có lúc nói trong nhân gian, có khi ở địa điểm này, có lúc ở địa điểm khác. Điều kiện địa điểm và thời gian đều khác biệt. Chúng tôi có thể nêu thí dụ để thuyết minh. Hiện thời, ở nơi đây là tám giờ rưỡi, thời gian tại Đài Loan sẽ khác, Đại Lục cũng khác. Nữ Ước thì sớm hơn ba tiếng đồng hồ, cũng đều là thời gian bất đồng. “*Thời vô định thể*” (Thời gian không có bản thể nhất định): Nó là pháp vô định, hướng hồ đức Phật thuyết pháp trọn khắp các thế giới, nhân gian lẫn cõi trời, khắp nơi đều có, lấy thời gian ở chỗ nào làm chuẩn? Do vậy bèn ước định là “*nhất thời*”, tức là lúc nhân duyên hòa hợp, khế lý, khế cơ. Đây là Thời Thành Tựu.

“*Văn Thành Tựu*”: Ai nói? Đức Bạc Già Phạm, tức là Thế Tôn, cũng là do đức Phật nói. Đây gọi là Chủ Thành Tựu. Nói ở chỗ nào? Núi Khur La Đê Da (Kharādīya). Địa điểm núi Khur La Đê Da chính là một quả núi trong bảy Kim Sơn, rất gần núi Tu Di. Vây quanh núi Tu Di là một lớp Kim Sơn, một tầng biển nước thơm, [có lần lượt bảy tầng như

thế]. “Kim Sơn” được nói trong kinh Phật bằng sắt, vì sắt là một thứ kim loại, không nhất định là hoàng kim, cho nên nói là Kim Sơn. “Hải” là biển nước thơm vây quanh núi Tu Di. Nếu nói theo cách phiên âm tiếng Hán thì gọi là La Tân Sơn. Vì nơi ấy chẳng có khói lửa của con người, những vị tiên nhân có thần thông, tu tịnh hạnh mới có thể đến đó tu hành. Đây chính là trụ xứ để các vị Mâu-ni tiên nhân nương ở.

Đức Phật giảng kinh Nguyệt Tạng ở nơi đó. Có những đại chúng nào tham dự pháp hội? Chính là các vị Thanh Văn và Bồ Tát. Nơi ấy cũng chẳng có phàm phu Tăng, vì phàm phu Tăng chẳng thể đến được. Không có thần thông, sẽ chẳng thể đến nơi ấy được. Do vậy, chỉ nêu lên hai chúng Thanh Văn và Bồ Tát nghe pháp. Chúng ta có thể dựa trên hai chữ Đại Tập để lý giải. Nếu đã là Đại Tập, chúng Thanh Văn và Bồ Tát tới tham dự sẽ hết sức đông đảo. Thanh Văn học tập Bồ Tát, đây là cách nhìn và suy nghĩ của chúng tôi, cũng có nghĩa là khiến cho hàng Thanh Văn nghe pháp sẽ tiến nhập Đại Thừa, đều trở thành đại Bồ Tát. Do vậy, kinh có tên là Đại Thừa Đại Tập.

Khi bộ kinh ấy viên mãn, pháp hội còn chưa giải tán, Địa Tạng Bồ Tát đến tùy hỷ. Ngài biết nhân duyên hồng dương pháp môn trong kinh Thập Luân của Thích Ca Mâu Ni Phật đã chín muồi, cho nên Ngài đến đây vào lúc đó. Đoạn kinh văn trên đây trần thuật tình huống trước khi Địa Tạng Bồ Tát đến tụ hội với đức Phật.

(Kinh) Nhĩ thời, Nam phương đại hương vân lai, vũ đại hương vũ; đại hoa vân lai, vũ đại hoa vũ; đại diệu thù lệ bảo sức vân lai, vũ đại thù lệ diệu bảo sức vũ; đại diệu tiền khiết y phục vân lai, vũ đại tiền khiết diệu y phục vũ. Thệ chư vân vũ sung biến kỳ sơn, chư Mâu-ni tiên sở y trụ xứ. Tùng chư hương, hoa, bảo sức, y phục, diễn xuất chủng chủng bách thiên vi diệu đại pháp âm thanh, vị quy kính Tam Bảo thanh, thọ trì học xứ thanh, nhân nhục nhu hòa thanh.

(經)爾時，南方大香雲來，雨大香雨；大華雲來，雨大華雨；大妙殊麗寶飾雲來，雨大殊麗妙寶飾雨；大妙鮮潔衣服雲來，雨大鮮潔妙衣服雨。是諸雲雨充遍其山，諸牟尼仙所依住處。從諸香、華、寶飾、衣服，演出種種百千微妙大法音聲，謂歸敬三寶聲、受持學處聲、忍辱柔和聲。

(Kinh: Lúc bấy giờ, phương Nam có mây hương lớn bay đến, tuôn

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

mưa hương to; mây hoa lớn bay đến, tuôn mưa hoa lớn; mây đồ trang hoàng quý báu, đặc biệt lộng lẫy, màu nhiệm to lớn bay đến, mưa các thứ trang hoàng quý báu to lớn, đặc biệt lộng lẫy, màu nhiệm; mây y phục mới, sạch, đẹp đẽ to lớn bay đến, tuôn xuống các thứ y phục mới, sạch, đẹp đẽ to lớn. Các thứ mây ấy mưa trồn khắp núi ấy, tức là chỗ nương trụ của các vị Mâu-ni tiên. Từ trong các thứ hương, hoa, vật trang sức báu, y phục, diễn xuất đủ loại trăm ngàn âm thanh đại pháp vi diệu, như tiếng quy kính Tam Bảo, tiếng thọ trì học xứ, tiếng nhân nhục, nhu hòa).

Kể đó là Địa Tạng Bồ Tát đến dự. Địa Tạng Bồ Tát đến đó, trước hết, có một thứ khí thể mà mỗi khi chúng ta xem kinh Địa Tạng và kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đều [mô tả] như thế. Ngay trong lúc ấy, từ phương Nam dấy lên mây hương, tức là vàng mây. Trong hư không có vàng mây chứa đựng hương thơm. Khi ngồi máy bay, tôi từng dấy lên ảo tưởng, bay lên tận chỗ cao tới hai vạn mét trên không trung, bay qua những đám mây bông bành phía dưới. Đã lên đến các tầng mây, tôi nghĩ không có cách nào mở cửa sổ. Nếu có thể mở cửa sổ, chắc chắn sẽ có cảm nhận bất đồng về không khí hoặc các đám mây. Lúc đó (lúc đức Phật vừa thuyết giảng kinh Nguyệt Tạng xong), mây hương trôi tới, lại còn có mưa. Mọi người đừng hiểu Vũ ở đây là trời mưa, vì nhắc tới “vũ”, chắc chắn ngỡ là trời mưa. Ở đây, quý vị thấy nhé, ngay lập tức tuôn xuống châu báu. Tuôn xuống nhiều như mưa sa vậy. Ngay lập tức lại tuôn xuống y phục, đây chẳng phải là mưa. Quý vị hỏi tôi: “Chuyện này có thật hay không?” Tôi thưa với quý vị: “Đây là ý cảnh”. Đã thế, đến cuối cùng, trên hai tay của mỗi người đều xuất hiện Như Ý Bảo Châu. Như Ý Bảo Châu tuôn ra vô lượng bảy báu. Nay Địa Tạng Bồ Tát gia trì chúng ta, cũng sẽ khiến cho hai tay chúng ta đều hiện ra bảy báu. Như thế thì mọi người đều hoan hỷ, thế giới này sẽ chẳng có chiến tranh. Chiến tranh chẳng qua là vì tiền hay sao? Đã có rồi, tức là có châu báu rồi.

Mây bay tới là mây hương, tuôn ra mưa hương. Có thể hiểu Vũ là tuôn xuống, tuôn xuống các thứ hương. Mây đại hoa bay tới, mây hoa sẽ trút hoa xuống, đều chẳng phải là nước. Nếu là tuôn nước, khắp trời toàn là nước, sẽ thành thủy tai! “Mưa” ở đây phải hiểu theo ý nghĩa này. Còn có một loại mây gồm các thứ trang hoàng báu màu nhiệm đặc biệt lộng lẫy. Chắc mọi người đã từng đến các chùa miếu rất trang nghiêm, tràng và bảo cái (lọng báu) rất đầy đủ. Ở Đài Loan cũng có. Kể đó là những

vật trang hoàng như bảo tràng. Những vật trang hoàng như bảo tràng cũng từ trên hư không giáng xuống. Y phục màu nhiệm mới sạch từ trên cao rơi xuống. Những thứ hương, vật trang sức đẹp đẽ, hương, hoa tịnh khiết, y phục đẹp đẽ mới mẻ, sạch sẽ đầy khắp La Lô Sơn. Khắp đất đều là hương, hoa, y báu, hoa đẹp. Điều kỳ lạ nhất là lại còn có các âm thanh. Áo thơm bèn có âm thanh của áo thơm, hương có âm thanh của hương, vật trang hoàng có những âm thanh của vật trang hoàng, các loại hoa có âm thanh của hoa, giống như kinh Di Đà đã nói: Hết thấy âm thanh đều là pháp âm. Vì thế, cuối cùng tổng kết bằng một câu: Từ những thứ hương, hoa, vật trang sức báu, y phục, diễn nói trăm ngàn pháp âm vi diệu để thuyết pháp. Chúng ta có thể tưởng tượng, đây là mong quý vị bố thí, mong quý vị nhẫn nhục, mong quý vị hành thiện nghiệp, chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Pháp âm nói các pháp ấy.

Lại còn [có âm thanh] khuyên quý vị quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, còn có âm thanh quy y Tam Bảo, còn có âm thanh thọ trì giới luật học xứ. Điều phải học ở đây là chuyên nói về giới luật. Chúng ta phải nên học giới. Phạm là đệ tử Phật, vừa khởi đầu, nhất định phải học giới. “*Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*” cũng là giới. Trước hết, quý vị học quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Khi những thứ y phục, bảo vật, cho đến những vật trang hoàng báu rơi xuống, trong đó có âm thanh. Âm thanh dạy quy y Tam Bảo, quy y Phật, Pháp, Tăng, cho đến Lục Độ vạn hạnh, đoạn ác, làm lành. Tất cả những âm thanh đều là âm thanh như vậy! Dưới đây liệt kê những âm thanh của các thứ từ trên cao rơi xuống, tức là từ trong các vật rơi xuống, trong y phục có âm thanh, trong hoa có âm thanh, trong mây hương tuôn ra các mùi hương có âm thanh.

(Kinh) Tinh tấn dũng mãnh thanh, hàng phục tứ ma thanh, thú nhập trí huệ thanh, quảng đại danh xưng biến mãn tam giới thanh, khuyến tu thù thắng niệm định tổng trì thanh, Không, Vô Tướng, Vô Nguyện thanh.

(經)精進勇猛聲、降伏四魔聲、趣入智慧聲、廣大名稱徧滿三界聲、勸修殊勝念定總持聲、空無相無願聲。

(Kinh: Tiếng tinh tấn dũng mãnh, tiếng hàng phục tứ ma, tiếng tiến nhập trí huệ, tiếng danh xưng rộng lớn trọn khắp ba cõi, tiếng khuyến tu niệm định tổng trì thù thắng, tiếng Không, Vô Tướng, Vô

Nguyện).

Đây là ba môn giải thoát Không, Vô Tướng, Vô Nguyện.

(Kinh) Yếm ly tham dục thanh, Sắc như tụ bọt thanh, Thọ như phù bào thanh, Tưởng như dương diễm thanh, Hành như ba tiêu thanh, Thức như huyền sự thanh, vô thường thanh, khổ thanh, vô ngã thanh, không thanh, tà quý thanh, viễn ly thanh, hộ niệm thanh, từ bi hỷ xả thanh, chứng đắc chư pháp thanh, sanh thiên Niết Bàn thanh, thú hướng tam thừa thanh, chuyển đại pháp luân thanh, vũ đại pháp vũ thanh, thành thực hữu tình thanh, độ tam ác thú thanh, tu trị viên mãn lục đạo bỉ ngạn thanh, thiện xảo phương tiện thanh, thú nhập Thập Địa thanh, du hý thần thông thanh, du hý thanh tịnh vô thượng Đại Thừa thanh, bất thoái chuyển địa thanh, Vô Sanh Pháp Nhẫn thanh, quán danh thọ vị thanh, thú nhập nhất thiết chư Phật đại hải thanh.

(經)厭離貪慾聲、色如聚沫聲、受如浮泡聲、想如陽焰聲、行如芭蕉聲、識如幻事聲、無常聲、苦聲、無我聲、空聲、慚愧聲、遠離聲、護念聲、慈悲喜舍聲、證得諸法聲、生天涅槃聲、趣向三乘聲、轉大法輪聲、雨大法雨聲、成熟有情聲、度三惡趣聲、修治圓滿六到彼岸聲、善巧方便聲、趣入十地聲、遊戲神通聲、遊戲清淨無上大乘聲、不退轉地聲、無生法忍聲、灌頂受位聲、趣入一切諸佛大海聲。

(Kinh: Tiếng chán ghét, xa lìa tham dục, tiếng Sắc như bọt nước tụ lại, tiếng Thọ như bọt nổi, tiếng Tưởng như ngọn nắng³, tiếng Hành như cây chuối⁴, tiếng Thức như huyền sự, tiếng vô thường, tiếng khổ, tiếng vô ngã, tiếng Không, tiếng hồ thẹn, tiếng xa lìa, tiếng hộ niệm, tiếng từ bi hỷ xả, tiếng chứng đắc các pháp, tiếng sanh lên trời, chứng Niết Bàn, tiếng tiến hướng tam thừa, tiếng chuyển đại pháp luân, tiếng tuôn mưa đại pháp, tiếng thành thực hữu tình, tiếng độ ba nẻo ác, tiếng

³ Dạng nắng (dương diễm, 陽焰) là một hiện tượng quang học. Khi trời nắng gắt, sẽ thấy xa xa có những vệt nước đọng.

⁴ Thân cây chuối gồm nhiều lớp bẹ hợp thành, cứ bóc ra, bóc mãi, cuối cùng chẳng có gì.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 1

tu tập đối trị viên mãn Lục Ba La Mật, tiếng phương tiện thiện xảo, tiếng tiến nhập Thập Địa, tiếng du hí thần thông, tiếng du hí Đại Thừa vô thượng thanh tịnh, tiếng địa vị chẳng thoái chuyển, tiếng Vô Sanh Pháp Nhân, tiếng quán đánh tiếp nhận địa vị, tiếng tiến nhập biến cả của hết thảy chư Phật).

Ý nghĩa được bao hàm trong bộ kinh này là các âm thanh thuyết pháp. Nếu là bậc đại trí huệ, như hàng Bồ Tát Ma Ha Tát vừa nghe các âm thanh ấy, sẽ thành đạo. Đối với những điều sau đó, sẽ là chưa nói mà đều có thể hiểu rõ, giống như một câu nói của thiền sư Trung Hoa (“thoại đầu” hoặc “chuyên ngữ”), vừa chỉ điểm bèn thông suốt, chuyện gì cũng chẳng cần phải rườm rà nữa! Nhưng các âm thanh ấy, tức những tiếng thuyết pháp ấy, nếu quý vị bảo là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói thì cũng được, nhờ vào sức oai thần của Phật. Nếu nói là Địa Tạng Bồ Tát chưa tới mà đã thuyết pháp trước, cũng được luôn! Nếu nói theo cách thứ nhất thì đó là pháp do đức Phật nói, và là pháp do chẳng thể tính đếm số lượng Thanh Văn Tăng và chẳng thể tính đếm số lượng Bồ Tát Tăng đã nghe trong pháp hội [giảng giải về] Nguyệt Tạng Bồ Tát. Nay chúng ta nghe những gì? Chính là các âm thanh ấy, chúng ta có nghe biết hay không? Nếu phải giải thích từng điều một, giải thích bộ kinh này rất dài. Phẩm Tự thuộc Tự Phần, trọn chẳng phải là chánh văn. Từ quyển thứ nhất là phẩm Tự cho đến phẩm cuối cùng là phẩm Hoạch Ích Chúc Lụy [thuộc phần Lưu Thông], các phẩm ở giữa là phần Chánh Tông.

Phần Chánh Tông giảng rõ mục đích của kinh này. Quý vị mong đạt được điều gì, sẽ tu hành ở chỗ nào? Nếu vừa bắt đầu biểu diễn như thế, quý vị liền khai ngộ thì có thể rời đi rồi, chẳng cần phải nghe những điều sẽ nói kế tiếp nữa! Vì chính mình đã biết bộ kinh này muốn nói điều gì, những điều sẽ nói sau đó đã được vạch ra trong đại ý của phần trước.

Vì sao? Các vị đại đức xưa kia vừa nghe liền hiểu rõ phần Huyền Nghĩa của quý vị, cho nên chẳng nghe nữa! Pháp quý vị toan nói, họ đã hiểu rõ, đã chứng nhập. Do đó, họ mới có thể rời khỏi pháp hội, chỉ cần nghe phần Huyền Nghĩa của quý vị. Nay chúng ta không có loại trí huệ ấy, chẳng có sức mạnh ấy để có thể vận dụng Huyền Nghĩa khiến cho người khác khai ngộ, thành đạo. Thuở đức Phật tại thế, Ngài cũng đối trước ba căn thuyết pháp. Bậc thượng thượng căn [vừa nghe nói] đã đạt được, đã lãnh ngộ, người ta bèn rời đi để tu đạo hòng thành tựu. Người

thuộc căn cơ trung hạ vẫn phải chờ ở đây. Đức Phật lại phải nói tiếp, nói đến cuối cùng mới lục tục kéo đi. Cuối cùng, đức Phật vẫn chẳng có cách nào độ trọn hết chúng sanh, phải đợi Di Lạc Bồ Tát giáng thế, Ngài sẽ thay Phật độ họ. Hoặc là rốt cuộc đức Phật bèn phó chúc Hư Không Tạng Bồ Tát: “Ông lưu truyền bộ kinh này để độ chúng sanh”. Hàm nghĩa như vậy đây!

Từ phẩm Tự, chúng ta có thể cảm nhận oai lực của Địa Tạng Bồ Tát; từ chỗ này, sẽ có thể thấy chỗ tiến nhập. Chúng ta sẽ sanh khởi tín tâm cực đại thù thắng, tín ngưỡng cực đại đối với Địa Tạng Bồ Tát; đồng thời sẽ phát nguyện: Nguyện có thân thông giống như Địa Tạng Bồ Tát. Bất luận đến nơi đâu, thanh thế đều hơn người! Cửa cái, xe cộ, người hầu đã sớm đến đó trước, đã an bài sẵn. Vừa nhìn vào, đã tạo thành thanh thế. Bồ Tát cũng giống như vậy. Bất quá, thanh thế của Ngài khác hẳn thanh thế của chúng ta. [Ngài làm như vậy] có thể khiến cho rất nhiều người được lợi ích.

(Kinh) Nhĩ thời, nhất thiết chư lai đại chúng, hàm kiến như thị chủng chủng vân vũ, diệp văn như thị chư pháp âm thanh. Tùy ý sở nhạo, các kiến kỳ thân, chủng chủng hương, hoa, bảo sức, y phục chi sở trang nghiêm. Hựu các tự kiến lưỡng thủ chưởng trung trì Như Ý Châu, tòng thị nhất nhất Như Ý Châu trung, vũ chủng chủng bảo. Phục tòng nhất nhất Như Ý trung, phóng chư quang minh. Nhân quang minh cố, nhất nhất hữu tình giai kiến thập phương Cãng-già sa đấng chư Phật thế giới. Hựu nhân quang minh, kiến chư Phật độ, nhất nhất Thế Tôn, vô lượng chúng hội cung kính vi nhiễu. Phục nhân quang minh, kiến chư Phật độ nhất thiết hữu tình, nhược hữu bệnh giả, nhân thử quang minh chi sở chiếu xúc, chúng bệnh trừ dữ. Chư ưng bị sát cập tù hệ giả, quang minh chiếu cố, giai đắc giải thoát. Chư thân, ngũ, ý thô trọng uế trược, nhân quang giai đắc khinh nhuyển thanh tịnh. Chư cơ khát giả diệp giai bão mãn. Chư bị chủng chủng hình phạt bức thiết, quang minh chiếu cố, giai ly ưu khổ. Chư thiếu y phục, bảo sức, trân tài, quang minh chiếu cố, tùy niệm giai túc. Nhược chư hữu tình nhạo dục sát sanh, nãi chí hoặc hữu nhạo dục tà kiến, do thử quang minh chi sở chiếu xúc, giai tất nhạo dục viễn ly sát sanh, nãi chí nhạo dục viễn ly tà kiến. Nhược chư hữu tình, vị ư chủng chủng cầu bất đắc khổ chi sở bức thiết, quang minh chiếu cố, tùy nguyện giai đắc. Hựu nhân quang minh, kiến chư Phật độ nhất thiết hữu tình sở thọ chúng khổ, vô bất hưu tức, giai tất hoan ngu, thọ

chư diệu lạc. Hựu kiến như thị chư Phật độ trung, do thử quang minh chi sở chiếu xúc, viễn ly nhất thiết hôn vân, trần vụ, liệt phong, bạo vũ, bất thiện âm thanh, cập chư xú uế, khổ tâm ác vị, ác xúc khủng bố, viễn ly nhất thiết tà nghiệp, tà ngữ, tà ý, tà quy, bất hàn, bất nhiệt, an tĩnh thân nhiên, địa bình như chướng, chư diệu lạc cụ sung mãn kỳ trung.

(經)爾時，一切諸來大眾，咸見如是種種雲雨，亦聞如是諸法音聲。隨意所樂，各見其身，種種香花寶飾，衣服之所莊嚴。又各自見兩手掌中持如意珠，從是一一如意珠中，兩種種寶。復從一一如意中，放諸光明。因光明故，一一有情皆見十方殑伽沙等諸佛世界。又因光明，見諸佛土，一一世尊，無量衆會恭敬圍繞。復因光明，見諸佛土一切有情，若有病者，因此光明之所照觸，衆病除愈。諸應被殺及囚繫者，光明照故，皆得解脫。諸身語意粗重穢濁，因光皆得輕軟清淨。諸飢渴者亦皆飽滿。諸被種種刑罰逼切，光明照故，皆離憂苦。諸少衣服寶飾珍財，光明照故，隨念皆足。若諸有情樂欲殺生，乃至或有樂欲邪見，由此光明之所照觸，皆悉樂欲遠離殺生，乃至樂欲遠離邪見。若諸有情，爲於種種求不得苦之所逼切，光明照故，隨願皆得。又因光明，見諸佛土一切有情所受衆苦，無不休息，皆悉歡娛，受諸妙樂。又見如是諸佛土中，由此光明之所照觸，遠離一切昏雲塵霧、烈風、暴雨、不善音聲，及諸臭穢，苦辛惡味，惡觸恐怖，遠離一切邪業、邪語、邪意、邪歸，不寒、不熱，安靜坦然，地平如掌，諸妙樂具充滿其中。

(Kinh: Lúc bảy giờ, hết thấy các đại chúng đến dự pháp hội đều thấy các thứ mây tuôn mưa như thế, cũng nghe các âm thanh thuyết pháp như thế. Tùy theo lòng ưa thích, ai nấy đều thấy các thứ hương, hoa, vật trang hoàng báu, y phục trang nghiêm thân mình. Mỗi người lại thấy hai tay cầm Như Ý Châu. Từ trong mỗi Như Ý Châu ấy, tuôn ra các thứ báu. Lại từ mỗi viên Như Ý Châu, tỏa ra các quang minh. Do quang minh, mỗi hữu tình đều thấy mười phương các thế giới nhiều như cát

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

sông Hằng. Lại do quang minh, thấy các cõi Phật, mỗi vị Thế Tôn có vô lượng chúng hội cung kính vây quanh. Lại do quang minh, thấy trong các cõi Phật, hết thấy hữu tình nếu là kẻ bị bệnh, do quang minh ấy chiếu chạm, các bệnh trừ sạch. Những kẻ đáng bị giết và tù tội, trói buộc, do quang minh chiếu tới, đều được giải thoát. Những kẻ thân, ngữ, ý thô tháp, nặng nề, như uế, do quang minh mà đều được nhẹ nhàng, mềm dịu, thanh tịnh. Những kẻ đói khát cũng đều được no đủ. Những kẻ bị đủ mọi hình phạt bức bách, do quang minh chiếu đến, đều lìa ưu khổ. Những kẻ thiếu thốn y phục, vật trang hoàng báu, của cải quý báu, do quang minh chiếu tới, thuận theo ý niệm mà trọn đủ. Nếu các hữu tình ưa thích sát sanh, cho đến có kẻ ưa thích tà kiến, do quang minh ấy chiếu chạm, thấy đều ưa thích xa lìa sát sanh, cho đến ưa thích xa lìa tà kiến. Nếu các hữu tình, bị đủ mọi nỗi khổ vì cầu chẳng được bức bách, do quang minh chiếu tới, sẽ tùy theo ước nguyện mà đều đạt được. Lại do quang minh mà thấy hết thấy hữu tình trong các cõi Phật đang chịu các thứ khổ, không ai chẳng được ngơi nghỉ, ngưng dứt, thấy đều vui sướng, hưởng sự vui màu nhiệm.

Lại thấy trong các cõi Phật như thế, do quang minh này chiếu chạm, xa lìa hết thấy mây đen, sương bụi, gió dữ, mưa cuồng, các âm thanh bất thiện, và các thứ thói tha, bản thú, các vị ác đấng cay, các sự đùng chạm xấu ác, kinh sợ, xa lìa hết thấy tà nghiệp, tà ngữ, tà ý, quy hướng tà vạy, chẳng lạnh, chẳng nóng, an tĩnh, thân nhiên, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, các thứ vật tạo nên sự vui sướng màu nhiệm đều đầy ấp trong đó).

“Chư lai đại chúng” là các vị Thanh Văn Tăng, Bồ Tát Tăng, và còn có các vị đại chúng mới đến. Khi Địa Tạng Bồ Tát tới, còn có những người theo Địa Tạng Bồ Tát từ thế giới phương khác mới tới. Đại chúng còn chưa giải tán trong pháp hội ấy, đều thấy các vàng mây ấy tuôn xuống những vật báu. Đồng thời cũng thấy, nghe từ trong các thứ y phục, vật trang hoàng báu ấy tuyên dương pháp âm. Bất luận quý vị ưa thích màu sắc hoặc vật báu nào, quý vị sẽ thấy từ trên hư không rơi xuống các vật trang sức báu tự động khoác lên thân mình. Vì thế, kinh nói:

“Diệc văn như thị chư pháp âm thanh, tùy ý sở nhạo” (Cũng nghe các âm thanh như thế, tùy theo lòng yêu thích): Tùy ý mình thích thứ gì, sẽ thấy thân mình được trang nghiêm bởi tất cả các thứ hương, hoa, vật trang sức báu, y phục. Các thứ y phục dâng lên quý vị đều là kích thước

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 1

lớn, nhỏ, dài, ngắn rất phù hợp, may cắt còn chuẩn xác hơn thợ may! Tùy ý thì một là do nguyên lực của Bồ Tát, đằng khác là do tâm lực của quý vị.

Không chỉ như thế, đồng thời ai nấy đều thấy trên hai tay cầm Như Ý Bảo Châu, vì Địa Tạng Bồ Tát tay cầm Như Ý Bảo Châu. Tác dụng của Như Ý Bảo Châu là trong tâm quý vị nghĩ tới điều gì, bảo châu liền xuất hiện thứ đó, thỏa mãn hết thảy nhu cầu của quý vị. Đây là đối với mỗi người tham dự pháp hội, không chỉ thỏa mãn nhu cầu nơi thân, mà hết thảy những điều mong muốn trong tâm đều được thỏa mãn. Đối với y phục, trăm hoa, vật trang sức, có kẻ thích màu đỏ, có kẻ chuộng màu xanh, chẳng thấy giống hết như nhau, tự nhiên khoác trên thân quý vị, trang nghiêm viên mãn.

Nhưng có một điều bình đẳng như nhau, tức là tay ai nấy đều cầm Như Ý Bảo Châu. Chúng ta thấy tượng ngài Địa Tạng, một tay cầm tích trượng, tay kia cầm Như Ý Châu; Ngài bố thí Như Ý Bảo Châu. Trong tay mỗi đại chúng dự hội đều có Như Ý Châu. Không chỉ là có, mà còn từ Như Ý Châu sanh ra vô lượng vật báu. Viên châu ấy phóng quang minh. Không chỉ là có thể tuôn ra châu báu, mà còn có thể tỏa sáng. Quang minh tỏa ra từ những viên châu ấy to cỡ nào? Còn to hơn ánh sáng đèn, còn to hơn ánh sáng mặt trời, vì ánh sáng của đèn đuốc hoặc mặt trời chẳng thể chiếu tới các cõi Phật khác. Quang minh của chúng khác hẳn.

“*Nhất nhất hữu tình*” (Mỗi một hữu tình) tức là đại chúng tham dự pháp hội, họ có thể thấy mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới.

“*Cãng-già sa*” tức là cát sông Hằng. Có Hằng hà sa thế giới Phật nhiều dường ấy, mỗi hạt cát là một thế giới Phật. Tức là quang minh từ Như Ý Châu tỏa ra chiếu sáng các thế giới nhiều ngàn ấy. Mỗi thế giới đều có Phật đang thuyết pháp. Vậy thì mỗi quang minh chiếu thấu hết thảy các cõi Phật nhiều như cát sông Hằng. Mỗi hạt cát là một thế giới Phật. Mỗi thế giới có một vị Phật, đều hiển hiện trong quang minh. Đồng thời, trong hội ấy chẳng có tâm phân biệt, cũng chẳng phân biệt đây là vị Phật gì, vị Phật kia có danh hiệu là gì? Khi đó, họ chẳng có tâm phân biệt.

“*Nhân quang minh cố*” (Do vì quang minh), cho nên chiếu soi, hiện ra hết thảy các cõi Phật, cũng thấy mỗi vị Phật đều có vô lượng Bồ Tát, vô lượng đại chúng vây quanh nơi đó. Vô lượng chư Phật đang thuyết pháp trong đó. Vừa trông thấy như thế, nghiệp chướng gì cũng

đều tiêu trừ. Nếu nghiệp chẳng tiêu, sẽ chẳng trông thấy! Lại do quang minh ấy mà trông thấy hết thấy hữu tình trong các cõi Phật. Không chỉ thấy chư Phật thuyết pháp, mà còn có thể thấy hết thấy chúng sanh trong quốc độ của các Ngài. Vì quang minh của Địa Tạng Bồ Tát chiếu đến nơi nào, kẻ có bệnh liền khỏi bệnh, các bệnh trừ sạch. Hoặc là kẻ sắp bị giết hại, đúng lúc sắp ra pháp trường, cũng được giải thoát, chẳng bị giết hại. Hoặc đang bị giam cầm trong ngục, sẽ được thả ra. Vì sao?

“*Quang minh chiếu cố*” (Do quang minh chiếu), tức là do Như Ý Châu của Địa Tạng Vương Bồ Tát ở trong tay các hữu tình tỏa ra quang minh chiếu rọi. Quang minh từ [những viên châu trong tay] tất cả đại chúng đều cùng chiếu rọi, cho nên đều được giải thoát. Bất quá, chúng ta chỉ có thể thấy cái Thể của cảnh giới quang minh.

Nói đến quang minh nơi tánh thể, do nghiệp của mỗi người chúng ta, dầu vẫn chưa thanh tịnh, nhưng cậy vào sức gia trì của Địa Tạng Bồ Tát, cùng với sức gia trì của đức Phật trong pháp hội, sẽ ngay lập tức có tướng cảnh giới ấy. Có tự do hay không? Có chứ! Địa Tạng Bồ Tát đến đây, chiếu trọn khắp đại địa. [Trong đoạn kinh văn kế tiếp, sẽ nói Địa Đại nơi thân của đại chúng nặng hơn, kiên cố hơn], muốn nâng cánh tay ư? Chẳng nâng được, vì [quang minh đã] chiếu trọn khắp các Địa Đại. Đó chỉ là hiện tượng trong một sát-na, đây là oai lực của Địa Tạng Bồ Tát.

Gọi là Tự Phẩm tức là Tự Thuyết (diễn giải để dẫn nhập). Tự Thuyết sẽ chẳng thể giảng giải thâm nhập được. Nếu đã giảng hết trong phẩm Tự, những kinh văn phía sau chẳng cần phải nói nữa. Nếu giảng phẩm Tự hết sức dài, cũng là đem những kinh văn trong phần sau giảng ghép vào phẩm Tự để giảng. Vì mọi người cùng nhau học tập, rất khó giảng theo thứ tự. Nhưng chúng tôi có mấy điều phạm sai lầm, là vì cố ý vi phạm!

[Vì sao nói như vậy?] Bản thân tôi học [Thiên Thai] Tứ Giáo, tức là dùng Tứ Giáo để phân khoa, phán giáo. Tức là đối với Tạng, Thông, Biệt, Viên, nhận định bộ kinh này nên thuộc về giáo nào. Trước hết, phải thích danh (giải thích tên kinh). Giải thích tên kinh xong, còn phải giảng giải ý nghĩa (tức là nói đến Thể Tướng). Giảng giải ý nghĩa xong, giảng về Tông Thù. Giảng Tông Thù xong, lại còn phải nêu rõ mục đích (tức phần Lực Dụng). Ất cần phải tuân theo quy luật ấy. Đó là quy luật do các vị đại đức trong Phật giáo Trung Hoa đã ấn định, gọi là Ngũ Trùng Huyền Nghĩa (năm tầng ý nghĩa u huyền). Năm tầng ấy, nếu phải giảng từng tầng một, cũng phải tốn thời gian mười hôm thì mới giảng trọn hết

năm tầng huyền nghĩa được.

Nhưng tôi thuở đầu học Ngũ Giáo; nếu giảng theo Ngũ Giáo, ngoại trừ Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên ra, còn phải giảng Thập Huyền Môn. Trước khi chưa giảng vào kinh văn, nhất định phải giảng Thập Huyền Môn. Giảng Thập Huyền Môn, chỉ sợ giảng phân huyền đàm mất nửa tháng hoặc một tháng. Hiện thời, mỗi bữa chúng tôi chỉ giảng một tiếng rưỡi, vì sao phải làm như vậy? Vì khi các vị đại đức thời cổ giảng kinh, chẳng hạn như tôi muốn giảng kinh Pháp Hoa, những người đến dự toàn là học kinh Pháp Hoa, nghiên cứu kinh Pháp Hoa, người đến nghe cũng là vì nghe Huyền Nghĩa mà đến, do nghe pháp giáo mà đến. Học xong những điều ấy rồi, họ sẽ rời đi, không nghe phần giảng về kinh văn. Ở đây, mọi người đều là sơ học, nếu tôi bắt đầu bằng Huyền Đàm, sợ mọi người sẽ lơ lửng hết, giống như xe bay lên trời thẳm vậy, sẽ khiến cho mọi người nghe không hiểu, chẳng biết bay đến chỗ nào nữa!

Nay chúng tôi dựa theo kinh văn để giảng rõ ý nghĩa, nhưng đây là cách thức sai lầm! Nếu giảng kinh, “*y văn hiển nghĩa*” tức là dựa theo văn tự để giải thích ý nghĩa. Nếu chẳng chiếu theo văn tự để nói, lại nói những nghĩa lý khác, “*tam thế Phật oan!*” Đó là oan gia đối đầu của tam thế Phật, chẳng thể được! “*Ly kinh nhất tự*” (Rời kinh một chữ), nếu pháp sư rời lìa kinh, tự mình mù quáng nói bừa, không thể nào chẳng đọa địa ngục, “*tức đồng ma thuyết*” (liền giống như ma nói). Đây chẳng phải là Phật nói, mà là ma nói. Mọi người hãy nghĩ xem, như vậy thì pháp sư phải nên làm như thế nào? Lìa khỏi kinh, lìa khỏi một chữ, là phạm sai lầm. Chẳng lìa văn tự, cứ dựa theo văn tự để nói, sẽ là oan gia đối đầu của Phật. Đây là một lẽ!

Đối ứng căn cơ để thuyết pháp, do [căn tánh của] người nghe mà thí giáo. Hôm nay cùng mọi người hữu duyên, mà trí huệ của tôi chỉ được như thế, công hiến cho mọi người đôi chút hiểu biết như thế. Nhiều hơn nữa, tôi cũng chẳng có trí lực. Nói sai, chỉ có đọa địa ngục. Đọa địa ngục thì cũng đành chịu, chẳng có cách nào! Đã từ lâu rồi, bất luận giảng kinh, xử sự, tôi luôn nghĩ như thế này: “Chuẩn bị xuống địa ngục bất cứ lúc nào”. Có thể trốn thoát hay không? Phải xem Địa Tạng Bồ Tát có giá trị hay không? Nếu Địa Tạng Bồ Tát giá trị, chắc là tôi sẽ tạm thời chẳng đọa địa ngục; hoặc là đọa địa ngục, tôi sẽ sám hối trước rồi mới làm. Đợi đến khi làm xong, tôi lại sám hối. Chỉ có cách như thế! Nếu không, kinh sẽ bị đoạn tuyệt. Nếu không có ai giảng, kinh Thập Luân sẽ tuyệt chủng. Thật sự đã gần như sắp tuyệt chủng rồi! Trong Đại Tạng Kinh có rất nhiều kinh hết sức vi diệu, hết sức hay đối với chúng ta, chẳng có ai nói!

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Chẳng có ai nói thì cũng như đoạn tuyệt rồi! Chỉ có trong Đại Tạng Kinh thì cũng như bị bỏ xó trong ấy! Còn có rất nhiều chùa miếu, chẳng cho xem, mà cũng chẳng cho phép động tới Đại Tạng Kinh, bảo động tới là phạm tội, cho rằng Đại Tạng Kinh đáng nên để thờ! Mỗi đảng đều có lý lẽ riêng. Đối với tôi, kinh do đức Phật nói nhằm dạy chúng ta học. Chẳng cho phép xem, chất đóng tại đó để làm gì? Chất lâu ngày, hư nát hết. Hư nát hết mà mọi người cũng chẳng biết!

Khi chúng ta học, phải xác thực học. Khi học vào phần chánh văn, phải thật sự nhập lý, chẳng trái nghịch lý. Ngoài ra, còn phải nhập thế, tức là nhất định phải kết hợp với cuộc sống hằng ngày, tức là phải có thể sử dụng những gì chúng ta đã học, học xong dùng được liền! Hiện thời có phiền não, học xong kinh Thập Luân, phiền não tiêu mất, tức là dùng được! Rất khó, trong tâm nghĩ chẳng thông, lấy kinh Thập Luân xem, nghe, học, cũng sẽ thông suốt. Có thể vận dụng như vậy thì rất tốt!

Trong phần trước, tôi đã mạn đàm cùng quý vị, nay chúng tôi chánh thức giảng kinh, không phải là nhắc lại, mà là nói lại từ đầu. Bộ kinh này có danh xưng là Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh.

“*Đại Thừa*”: Phật giáo chia là ba thừa, tức đại, trung, tiểu, vì đức Phật thuyết pháp “*đối cơ*”, tức là phù hợp căn cơ của người nghe. Đối với Đại Thừa Bồ Tát, hoặc là đối trước những người phát đại tâm, bèn nói pháp liễu nghĩa rất sâu. Đối với căn cơ trung hạ, tùy thuộc sự ưa thích hay cần thiết của họ mà nói [các pháp thích ứng], để có thể dần dần dẫn họ nhập môn các pháp thuộc Trung, Tiểu Thừa. Hàm nghĩa của pháp đại và tiểu, trong phần trước tôi đã giải thích. Chữ Đại giải thích rất đơn giản, chính là một niệm tâm bình thường trong hiện tiền của chúng ta. Hễ nói đến Đại, đến tột cùng là muốn chỉ rõ cái tâm của quý vị, hiểu rõ cái tâm của quý vị trọn đủ hết thảy.

Pháp không có đại, mà cũng chẳng có tiểu. Có người vì chịu khổ, biết khổ, họ sẽ hy vọng hết thảy chúng sanh đều có thể lìa khổ. Đó là Đại. Dầu đức Phật nói pháp tánh, lý thể, đối với kẻ chỉ nghĩ đến chính mình, chẳng nghĩ đến người khác, đại pháp cũng biến thành tiểu pháp! Pháp chẳng có đại mà cũng chẳng có tiểu, chỉ thuận theo cái tâm của quý vị mà lập! Bản thân Pháp là nói đến Tánh Thể. Vì chúng sanh có đủ mọi tánh, cho nên Phật [thuyết pháp] cũng có đủ loại tánh. Pháp là phương pháp, là đường lối, pháp tắc, tùy thuộc quý vị lý giải như thế nào. Vì thế, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Tông, Mật Tông, Tứ Giáo, Ngũ Giáo, chẳng cần phải dây lên tranh chấp. Hễ tranh chấp, sẽ thành hý luận. Do vậy, trước hết chúng ta phải hiểu rõ hai chữ Đại Thừa.

“*Đại Tập*”: Đại chúng đến tham dự pháp hội lần này rất đông. “*Tập*” (集) có nghĩa là nhiều. Tập hợp một chỗ để làm gì? Để diễn giải tuyên lưu Đại Thừa.

“*Địa Tạng*”: Địa là cái tâm của mỗi người, tức tâm địa, và sử dụng cái tâm địa ấy như thế nào? “*Địa*” là hình dung cái tâm của chúng ta, vì đại địa chứa đựng hết thảy. Hết thảy những thứ chúng ta cần đều đến từ đất. Bất luận xăng, than đá, nhiệt năng, toàn thể đều từ đất mà ra. Địa có nghĩa “*hàm tàng*” (chứa đựng), còn có ý nghĩa “*sinh trưởng*”. Những thứ chúng ta ăn hoặc dùng đều sinh từ đất. “*Tạng*” là giấu kín, cũng là “chứa đựng rất nhiều nghĩa lý”, nhưng chúng ta không biết. Vì sao không biết? Vì chúng ta đã mê, cũng có nghĩa là cái tâm chúng ta đã mê. Hai chữ này đều có thể giải thích là cái tâm của chúng ta. Do cái tâm của chúng ta sanh ra thân, ngữ, ý nghiệp; từ thân, ngữ, ý nghiệp, lần lượt sanh ra ba điều nơi thân, bốn điều nơi miệng, và ba điều nơi ý, hợp thành mười nghiệp. Mười nghiệp ấy vĩnh viễn không ngừng, giống như bánh xe xoay tròn, chẳng ngưng nghỉ, vĩnh viễn xoay chuyển. Đồng thời, bánh xe có một công năng là nghiền nát, có thể giúp chúng ta nghiền nát Hoặc, Nghiệp, Khổ, sanh ra Giới, Định, Huệ thanh tịnh.

Nói theo hàng đệ tử Phật chúng ta, nếu quy y Tam Bảo, học Phật pháp, sẽ xoay ngược bánh xe. [Hiện thời], không chỉ chẳng thể chuyển hướng chánh đáng để trừ khử ba nghiệp, mà ngược lại còn tăng thêm ba nghiệp rất nhiều là vì lẽ nào? Vì vốn đã sẵn có rất nhiều khổ não, đáng lẽ vốn phải tin Phật, tin Pháp, tin Tăng để diệt trừ khổ não, nhưng họ chẳng phải là như thế. Trong Phật pháp, họ đẩy lên phân biệt, phá hòa hợp Tăng, thậm chí tạo nghiệp, báng pháp, phá hoại Phật. Họ tưởng họ đang tán thán Phật, thật ra là phá hoại Phật. Bộ kinh này chuyên nói về hiện tượng ấy.

Do vậy, trong bộ kinh này, đối với hạng tỳ-kheo phá giới, chỉ cần họ vẫn còn khoác ca-sa, họ tạo nghiệp của họ, quý vị chẳng cần quan tâm đến họ. Chỉ cần họ hiện tướng Tam Bảo, vẫn phải cung kính họ. Cung kính họ, sẽ là phước đức của quý vị. Nếu quý vị phá hoại, tức là sanh ra tội ác. Bất luận họ bại hoại cỡ nào, chẳng do quý vị quản. Do vậy, đức Phật chẳng chấp thuận quốc vương, đại thần dùng pháp luật để xử phạt tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni. Tôi nêu lên thí dụ này nhằm nói rõ: Thập Luân là dùng Thập Luân của Phật để đối trị Thập Luân của chúng ta.

“*Kinh*” có nghĩa là “*xuyên suốt*”, giống như chúng ta khâu hoa lại với nhau. Tại Ấn Độ, họ dùng chỉ để khâu hoa [thành tràng hoa]. Vì những nghĩa lý được giảng trong kinh nhằm nói đối ứng với chúng sanh

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

này, hoặc đối ứng chúng sanh khác, nói trước, nói sau, hiển thuyết, mật thuyết, đều được gom lại một chỗ, khiến cho nghĩa lý trong kinh được gom tụ lại. Đây là tựa đề kinh.

Phẩm Tụ tức là phần giới thiệu dẫn nhập nhằm phát khởi bộ kinh này. Trong phẩm Tụ, một là tán thán công đức của Phật, hai là đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Vì sao đức Phật tán thán công đức của ngài Địa Tạng? Trong [khi giảng] kinh Địa Tạng, chúng tôi cũng đã từng nói. Trong [khi giảng] kinh Chiêm Sát, cũng đã từng nói: Chính là khiến cho những kẻ chẳng liễu giải sự tu hành nơi nhân địa của Địa Tạng Bồ Tát và những kẻ tín tâm lẫn cung kính tâm chưa trọn đủ, nhờ đức Phật tán thán, sẽ sanh khởi lòng ưa thích: “Vị đại Bồ Tát này tuyệt diệu quá, ta phải thân cận Ngài, cho đến nghe danh hiệu Ngài, lễ bái tượng Ngài, ta sẽ đạt được nhiều điều tốt đẹp”. Vậy thì quý vị đến học, sẽ có thể tiến nhập rất nhanh chóng. Tâm chúng sanh là như vậy. Nếu nghe người khác nói người ấy tốt lắm, quý vị còn chưa gặp người ấy, quý vị đã hết sức tin tưởng người ấy. Giả sử gặp gỡ, càng cảm thấy tốt đẹp hơn. Nhưng có những kẻ giả dối, danh chẳng xứng với thật, nghe tiếng chẳng bằng gặp mặt. Gặp mặt dường như hơn hẳn nghe tiếng. Có kẻ ta gặp gỡ, [nhận thấy kẻ ấy] chẳng được như danh tiếng. Gặp kẻ đó, quả thật sẽ khinh thường, sẽ càng liễu giải hơn, biết kẻ đó tội tệ, là phường giả danh. Bồ Tát khác hẳn! Phàm là đối với các vị Phật, Bồ Tát được nói trong kinh, quý vị nghiên cứu, được gặp gỡ, sẽ sanh khởi vô lượng tâm cung kính.

Có đạo hữu hỏi tôi: “Những vị như Địa Tạng Bồ Tát hay Quán Thế Âm Bồ Tát, chẳng phải là ai nghe nói cũng đều sanh khởi tâm cung kính ư? Vì sao còn phải giới thiệu?” Đức Phật hướng đến đại chúng, hướng về pháp hội này giới thiệu, chúng ta hãy xem xét vấn đề này từ cảnh giới tư tưởng. Trên thế giới này, trong năm sáu chục ức người, kẻ chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát quá nhiều, vì chẳng thân cận Tam Bảo, cho nên họ chẳng biết. Có kẻ đã thân cận Tam Bảo, thậm chí có người xuất gia rất nhiều năm, vẫn có kẻ chẳng biết đến danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, lại càng chẳng cần phải nói tới các kinh Địa Tạng, kinh Thập Luân, kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Chính tôi biết chuyện này, chẳng phải là nói xằng. Có kẻ giảng kinh rất nhiều năm, vẫn chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát, chưa hề học đến, mà cũng chẳng hề thân cận, cũng chẳng xem tới. Do vậy, ắt cần phải giới thiệu một phen!

Ngay trong pháp hội ấy, có rất nhiều người chẳng thấy, chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát. Do vậy, quý vị thấy trong kinh Địa Tạng, ngay cả Văn

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Phổ Quang Bồ Tát, đều hướng về đức Phật thưa hỏi để đức Phật dạy về công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị nghĩ xem: Quán Thế Âm Bồ Tát thần lực lớn dường ấy, thần thông to dường ấy, Ngài còn chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát ư? Mỗi vị giáo hóa một phương, duyên của mỗi vị Phật bất đồng. Tuy nói “*Phật Phật đạo đồng*”, bất quá mỗi vị Phật thuyết pháp bất đồng, mỗi thế giới Phật bất đồng. Do vậy, ắt phải giới thiệu đôi chút, ý nghĩa của phẩm Tự là như vậy đây.

Trong hội này, Địa Tạng Bồ Tát dùng sức thần thông và nguyện lực của Ngài đến tùy hỷ. Ngài biết Ngài có nhân duyên với pháp hội này, bèn đến tùy hỷ, tán thán. Trong kinh Địa Tạng, đức Phật phóng quang triệu vời. Quang tượng trưng cho âm thanh, quang minh và âm thanh tương đồng. Trong phần trước, chúng tôi đã giảng đại khái ba mươi chín loại âm thanh. Mỗi loại vật dụng được tuôn xuống, như y phục rơi xuống, vật trang sức báu đặc biệt lộng lẫy rơi xuống, đều đang thuyết pháp. Trong ấy chứa đựng âm thanh, hết thấy động tác đều có âm thanh, nhưng chúng ta chẳng nghe được.

Vì sao? Vì chúng ta chưa chứng đắc Nhĩ Căn viên thông. Do vậy, Ngài cần phải dùng phương thức này để biểu đạt. Âm thanh thuyết pháp [đã xuất hiện] tuy người còn chưa tới, tức là Địa Tạng Bồ Tát còn chưa hiện thân, âm thanh đã đến trước. Đã thế, những thứ rơi xuống do Ngài chiêu cảm như vật báu, y phục, đều là những vật dụng trong đời sống, là những thứ ai nấy đều cần dùng, ai nấy đều cảm thấy chúng tự động khoác lên người.

Vì sao có cảnh tượng ấy? Đây là do nguyện lực của Địa Tạng Bồ Tát, là cái nhân tu hành trong vô lượng kiếp chiêu cảm cái quả. Ngài vừa mới động thân, còn chưa đến nơi ấy. Chỉ cần chúng sanh nơi nào có duyên với Ngài, Ngài sẽ đều đến đó. Đây là tán thán công đức của Địa Tạng Vương Bồ Tát [dựa trên] những điều hy vọng, ưa thích liên quan đến đại chúng. Những điều được nói trong bộ kinh này đều liên quan đến cuộc sống thường nhật, như trong phần trên đã nói: Chúng ta luôn có các nhu cầu. Có cần của cải hay không? Dẫu hiện thời không có nhu cầu ấy, nhưng chúng ta vẫn đang ở trong hắc ám, vô tri, vô minh. Vô minh là vô tri.

Chúng ta có rất nhiều tà kiến, tức là tri kiến chẳng chánh xác, nhìn vấn đề nào cũng đều chẳng đúng. Do chẳng nhìn đúng vấn đề, xử sự dễ phạm sai lầm. Vốn kinh doanh để mong phát tài, nhưng do chẳng nhìn nhận đúng, đầu tư bèn cạn vốn. Vốn mong đi giải trí, đến đó bèn ngã

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

bệnh, vì quý vị chẳng thích hợp khí hậu. Muốn đi du lịch, máy bay xuất hiện trực trặc, cho đến đủ mọi thứ bức hại. Đây là vì hôn ám, vô trí. Chuyện chẳng nên làm, quý vị cứ làm, sẽ gặp nguy hiểm. Nếu có trí huệ, sẽ chẳng đi. Nếu quý vị được quang minh của Địa Tạng Bồ Tát chiếu tới, sẽ có trí huệ. Đã có trí huệ, sẽ hiểu rõ: Điều gì chẳng nên làm, quý vị sẽ chẳng làm; chỗ nào chẳng nên tới, quý vị sẽ chẳng tới; điều gì chẳng nên nói, quý vị sẽ không nói, liên quan đến những điều bản thân chúng ta sẽ làm như thế đó!

Nhưng đối với các thứ công đức, cho đến các thứ âm thanh thuyết pháp ở đây, có đạo hữu hỏi: “Vì sao một thứ tôi cũng chẳng gặp được?” Vì không có cái duyên ấy! Nay chúng tôi giảng bộ kinh này, giảng công đức của Địa Tạng Bồ Tát, tức là quý vị hữu duyên gặp gỡ. Mai sau, quý vị niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, hoặc cầu Địa Tạng Bồ Tát, lễ tượng Địa Tạng, hoặc học kinh Địa Tạng Thập Luân, kể cả kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, hoặc kinh Địa Tạng [Bổn Nguyên Công Đức], đều là có mối liên quan với Địa Tạng Bồ Tát. Sau khi đã duyên niệm nhiều lần, quý vị sẽ dần dần có thể đạt được. Đương thời, trong pháp hội ấy của đức Phật, những người trong pháp hội ấy đều đạt được. Nay chúng ta cũng sẽ đạt được; trong tương lai, khi chúng ta gặp nhân duyên này, cũng sẽ được gia trì.

Ở đây, có hai loại [gia trì]: Một là chúng ta thấy rõ ràng, hoặc trong tâm cảm nhận. Loại kia là quý vị chẳng thấy được, chẳng cảm nhận được. Có những hiện tượng do Địa Tạng Bồ Tát gia trì, hoặc là do niệm kinh Địa Tạng, sẽ cảm thấy chuyện của chính mình tốt hơn trước kia đôi chút. Đó gọi là “*minh gia*” (gia trì ngầm ngầm). “*Minh gia*” tức là chẳng hiển hiện, nhưng cũng có khi thật sự mộng thấy, cũng có người mộng thấy Địa Tạng Bồ Tát đến quán đảnh. Uống nước quán đảnh xong, vốn là kẻ rất ngu si, sẽ biến thành trí nhớ rất mạnh, khôi phục trí nhớ. Có đứa bé vốn bị ngu độn, hoặc sanh ra chẳng nghe được hay nhìn được, tâm trí hôn ám. Vì nó niệm Địa Tạng Bồ Tát, [hay do] cha mẹ cầu thay cho nó bèn niệm Địa Tạng Bồ Tát, nó đã bình phục. Xác thực là có những chuyện ấy, tôi biết rất nhiều trường hợp. Đây là Địa Tạng Bồ Tát gia trì, nhưng đây đều là những cái nhân nhỏ nhoi. Hy vọng lớn nhất của chúng ta là thành Phật. Có những người do vậy bèn có thể minh tâm kiến tánh. Họ vừa trông thấy liền tâm khai ý giải, toàn thể nghiệp chướng đều tiêu mất. Điều này là do căn tánh mỗi người mỗi khác.

Khi nghe pháp, đại chúng cùng ở trong pháp hội khi đó, có người chứng quả Thanh Văn, có người phát Bồ Đề tâm, nhưng cũng có người

chưa đạt được lợi ích, cũng có người tạo thành chủng tử cho mai sau. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp tại Ấn Độ, biết đâu chúng ta cũng hiện diện tại đó! Tuy nghe, nhưng chẳng đạt được lợi ích, vẫn bị lưu chuyên, đó gọi là “*viễn chủng tử*”. Nếu đức Phật thuyết pháp mà độ được hết thì đức Phật cũng chẳng cần căn dặn Di Lặc Bồ Tát hóa độ chúng sanh! Quý vị thấy đó: Nói xong mỗi bộ kinh, đức Phật đều phải phó thác một vị Bồ Tát: “Ông phải khéo hoằng dương bộ kinh này, khiến cho chúng sanh chưa đắc độ sẽ được độ, người đã độ sẽ được tăng trưởng, đều khiến cho họ thành Phật”. Mỗi bộ kinh đều như thế. Chúng ta cần phải nghĩ như thế này: Chỉ cần ta nghe thấy, chỉ cần được nghe là đã được gieo chủng tử, vĩnh viễn chẳng hư hoại. Đức Phật sẽ tùy thời gia trì chúng ta, khiến cho chúng ta sẽ đạt được lợi ích.

Trong phẩm Tự, đức Phật giảng về công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Mỗi sự nghiệp, mỗi công đức do Ngài đã làm, đều do Ngài tu thành. Giống như hiện thời mọi người phát tâm tu tập, tu các phương thức hoặc phương pháp, chiếu theo cách nào đó để tu, hình thức bất đồng, hiệu quả cũng khác biệt. Dụng tâm rất chân thật, thiết tha, dụng tâm rất chí thành, sẽ đạt được hiệu quả vừa mau chóng, vừa to lớn. Nếu cái tâm của quý vị chỉ là tùy tiện nghe, giống như đi học, quý vị sẽ chỉ đạt được viễn nhân, trong tương lai sẽ chẳng giống người khác, sẽ dần dần đến đời nào đó mới chín muồi, mới có thể lại gặp gỡ, lại tăng trưởng. Lại phải sau nhiều đời nhiều kiếp mới chín muồi, mới tăng trưởng. Thậm chí trong một đời của mỗi cá nhân, sau khi quý vị nghe pháp, sẽ dần dần tăng trưởng biến hóa. Tuy vậy, quý vị đừng nầy sanh tà kiến. Nếu sanh khởi tà kiến, các công đức trước đó sẽ giống như quý vị ấn nút Cancel của computer vậy, ngay lập tức trừ sạch, chẳng còn! Nầy sanh tà kiến, sẽ chẳng thành tựu. Điều đáng chú ý nhất ở đây là tà kiến. Nhất định phải rời xa hết thầy tà nghiệp, tà ngữ.

Tôi đặc biệt giải thích cùng mọi người đôi chút về tà nghiệp, đặc biệt là nghiệp sát sanh. Đương nhiên, hàng đệ tử Phật chúng ta chẳng mở kỹ viện, nhưng mở Karaoke sợ là vẫn có, chỉ tùy thuộc quý vị làm như thế nào! Quý vị làm nghề đồ tể, chuyên môn sát hại chúng sanh, đó gọi là tà nghiệp. Tà ngữ còn quá hơn nữa, nói những lời không chánh xác, nói những lời trái nghịch lương tâm của chính mình. Vì sao? Vì một chút lợi nhỏ nhoi trước mắt, chính mình cũng biết là không đúng, cũng biết là chẳng thể nói như vậy, nhưng để bảo vệ lợi ích của chính mình mà phải cố động, ắt phải làm như thế. Chuyện như vậy rất nhiều, chỉ sợ ai nấy đều đã từng nói những lời lẽ như vậy!

Tà ý càng khôn khổ hơn nữa! Tà ý nằm ngay trong tâm chúng ta. Đối với ý niệm chẳng chánh đáng sanh khởi, quý vị phải luôn quán chiếu, đừng để mất chánh niệm. Cuối cùng, phải xa lìa hết thấy tà nghiệp, tà ngữ, tà kiến. Vì quý vị có thể lựa chọn nghề nghiệp, nói năng thì quý vị có thể làm chủ, có thể uốn nắn tư tưởng được. Bản thân quý vị thực hiện tốt đẹp, quy y Tam Bảo, sẽ chẳng cần phải Đông tìm phương tiện, Tây kiếm phương tiện chi nữa! Có người sở dĩ học Khí Công là để giữ cho thân thể khỏe mạnh. Thế nhưng, bất luận gìn giữ như thế nào, cũng chẳng thể gìn giữ được, vì đây chẳng phải là chánh nghiệp. Tôi thấy những người bị xe đụng chết, hoặc do máy bay xảy ra tai nạn, chẳng thấy thân thể họ [trước khi tai nạn xảy ra] không tốt đẹp. Quý vị chẳng thể làm chủ chuyện này được. Quý vị phải chánh tín Tam Bảo. Nếu muốn vận động thì lạy nhiều hơn cũng được. Lạy theo kiểu bình thường không được, thì lạy rạp cả người xuống đất. Lạy chưa tới hai ba chục lễ, cả người đầm mồ hôi. Đây cũng là vận động, đây cũng là chánh nghiệp.

Tuy vậy, tôi thấy rất nhiều người nghe xong, chẳng cảm thấy thoải mái cho lắm. Họ nghĩ chuyện bảo dưỡng thân thể không phải là chuyện xấu. [Hãy tự vấn] vì sao phải bảo dưỡng thân thể? Thân thể tồn tại là vì ý nghĩa nào? Họ chẳng nghiên cứu, lại ngược ngạo theo đuổi ngũ dục. Suốt ngày từ sáng đến tối vào quán rượu, uống say bết nhè. Mong thân xác bảo dưỡng tốt đẹp, rốt cuộc lại chơi ma túy. Mong thân thể bảo dưỡng tốt đẹp, lại quan hệ nam nữ bừa bãi. Chúng ta bảo dưỡng thân thể này như thế nào, để làm gì? Bảo dưỡng nó để tạo nghiệp! Đó gọi là tà nghiệp.

Tà ngữ là do tư tưởng chẳng chánh xác chủ đạo. Mỗi quan hệ lớn nhất của tà kiến là nó chỉ đạo cái thân và lời ăn tiếng nói của quý vị. Sau khi ăn nói bừa bãi, thường là chuốc họa rất lớn. Chúng tôi thường nói: Trong mỗi niệm, đều duyên niệm Tam Bảo. Tam Bảo là nơi quy y của quý vị. Nếu lìa chỗ quy y ấy, mong quy y nơi khác, sẽ là tà quy. Quy y Tam Bảo, vĩnh viễn đạt được thanh tịnh mãi cho đến khi thành Phật. Quý vị thọ Tam Quy Y mà có thể giữ vững, sẽ chẳng đọa tam đồ, vĩnh viễn thuộc vào nhân đạo. Dầu quý vị tu một đời chẳng thành, cứ từ từ tu, cũng có thể thành đạo. Nếu quý vị vốn tin tưởng đích xác là chánh giáo, cũng đã quy y [Tam Bảo] rồi, nhưng cảm thấy kiểu này chậm quá, nghe kẻ khác nói có một phương pháp ngay lập tức có thần thông, liền bỏ rơi Tam Bảo, trái lìa Tam Bảo. Tình hình này tôi nghe nói rất nhiều, đây cũng là nghiệp của mỗi người!

Tôi vừa mới đến Nữ Ước, có những vị cư sĩ đến quy y với tôi. Sau đó, họ lại quy y Thanh Hải. Sau đấy, lại cảm thấy Thanh Hải cũng chẳng đủ mau, muốn tìm một phương pháp khác nhanh hơn. Cuối cùng, dẫn phát ma chúng. Ma chúng ấy đã hiện ra, chẳng có cách nào cứu chữa! Nếu quý vị muốn cứu vãn, cũng chẳng thể cứu vãn được. Đã phá rồi, rất khó cứu. Đã phá giới, còn có thể sám hối. Nếu là phá kiến, sẽ chẳng phải là một hai đời, mà là vô lượng kiếp. Hễ một ngày nào đó đọa vào tà trí, tà kiến, rất khó vãn hồi được! Giả như người ấy có đại thiện căn, gặp Địa Tạng Bồ Tát. Ngài phóng quang minh chiếu kẻ đó, kẻ đó sẽ buông xả tà kiến, buông xả tà nghiệp, nhưng nhân duyên kiêu ấy có nhiều hay chẳng? Rất ư là ít! Nay mọi người có vị nào được quang minh của Địa Tạng Bồ Tát chiếu soi hay chưa? Tôi cho rằng chưa có. Tôi nghĩ mọi người chắc là sẽ đạt được lợi ích, nhưng chuyện này tùy thuộc nhân duyên của mỗi người!

(Kinh) Nhĩ thời, chúng hội kỳ thân huật nhiên, địa giới tăng cường, kiên trọng nan cử. Ký đồ tư thụ, hàm tất kinh nghi: “Hà nhân, hà duyên, nhi hiện thử tướng?” Ư chúng hội trung, hữu thiên Đế Thích, danh Vô Cấu Sanh, khứ Bạc Già Phạm bất viễn nhi tọa, tức tùng tòa khởi, đánh lễ Thế Tôn, hiệp chưởng hướng Phật, dĩ tụng văn viết:

(經)爾時，眾會其身欬然，地界增強，堅重難舉。既睹斯瑞，咸悉驚疑：「何因何緣，而現此相？」於眾會中，有天帝釋，名無垢生，去薄伽梵不遠而坐，即從座起，頂禮世尊，合掌向佛，以頌問曰：

(Kinh: Lúc bấy giờ, đại chúng trong hội bỗng thấy địa đại trong thân họ tăng mạnh, cứng chắc, nặng nề khó cử động. Đã thấy điềm ấy, thấy đều kinh nghi: “Nhân gì, duyên gì mà hiện tướng này?” Trong chúng hội có trời Đế Thích, tên là Vô Cấu Sanh, ngồi cách đức Bạc Già Phạm chẳng xa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, và chắp tay hướng về đức Phật, dùng kệ hỏi rằng:)

Mọi người đều hoài nghi, chẳng biết xảy ra chuyện gì. Trong hội trường Đại Tập, đức Phật đang thuyết pháp, bỗng có những hiện tượng ấy. Đây chẳng phải là hiện tượng bình thường. Trước đó, đã xuất hiện đủ loại thụ tướng. Người tham dự đại hội bỗng cảm thấy nơi thân thể họ, tay chẳng thể động, chẳng nâng tay lên được. “Địa giới tăng cường” tức

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

là nơi thân thể họ, Địa Đại mất đi tác dụng. Bất quá, họ biết đây là tạm thời, chẳng gây trở ngại. Vì sao có hiện tượng ấy xảy ra? Hoài nghi, kinh sợ, chẳng biết nhân duyên gì mà nảy sinh hiện tượng ấy? Mọi người đều nghĩ như thế. Trong số đó, có hàng đại Bồ Tát thừa hỏi đức Phật. Trong đại chúng ở đây, có một vị trời là Đê Thích.

Chúng ta có thể nói Thiên Đê Thích là Ngọc Hoàng Đại Đế, tức chúa trời Đạo Lợi, có tên là Vô Cấu Sanh. Đây là bậc đại Bồ Tát thị hiện. Phạm là Đê Thích Thiên cũng vậy, mà Phạm Thiên cũng thế, ở trong pháp hội ấy, hướng về đức Phật thừa hỏi đạo lý hết sức sâu xa, đều là bậc Bồ Tát hóa hiện. Bồ Tát hóa hiện thì mới có trí huệ ấy. Cũng vì ông ta ngồi cách đức Thế Tôn chẳng xa, khi đứng lên hỏi, sẽ rất thuận tiện. Ông ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng về đức Phật đánh lễ. Để thỉnh pháp, trước hết, phải tuân theo nghi thức. Chúng ta đều là phàm phu, mọi người thỉnh pháp, hoặc hỏi vấn đề gì, trọn chẳng theo quy củ ấy. Mọi người cất tiếng hỏi là được rồi, thầy yêu cầu như thế, đạo hữu cũng làm như thế. Thuở đức Phật tại thế, trong một đại pháp hội, chẳng phải là tùy tiện hỏi như vậy. Quý vị muốn thỉnh pháp; trước hết, ắt cần phải rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ đức Phật trước đã. Đánh lễ Thế Tôn xong, trong kinh thường nói là “*hồ quỳ, hiệp chưởng*”, tức là quỳ một chân xuống. Nay chúng ta quỳ cả hai chân. Hồ quỳ, chấp tay, hướng về đức Phật, trước khi thừa hỏi, phải tán thán đức Phật. Kế đó, ông ta dùng kệ tán thán đức Phật.

(Kinh) “Cụ đế ngữ, đế kiến, đế thiện trụ Mâu Ni, phổ vị chúng hoàng tuyên, đế cứu cánh kiên pháp, linh chư hữu tình loại, diệt khổ cập khổ nhân. Hà duyên u thử trung, hiện chư vân vũ đẳng. Linh cử chúng hoan duyệt, hàm sanh tịnh tín tâm, giai phát thú Đại Thừa, độ nghi, sanh thật kiến? Thiên nhân đại chúng thân, địa giới tăng kiên trọng, bất năng tự thắng cử, thử tướng hữu hà duyên? Lưỡng thủ giai châu hiện, vũ chúng bảo, phóng quang, chiếu thập phương trừ tội, tức khổ, hoạch an lạc. Đạo sư! Phục hà nhân, linh cử chúng giai kiến, chủng chủng hương man đẳng, các các tự nghiêm thân? Thiên nhân phổ do dự, bất trắc hà nhân duyên, hữu thù tương dục lai, hiện thử thân thông lực? Vị thị Phật, Bồ Tát? Vị Phạm, ma, Thích, thiên? Duy nguyện đại đạo sư, tốc vị chúng tuyên thuyết”.

(經) 「具諦語諦見，諦善住牟尼，普為眾弘宣，諦究竟堅法，令諸有情類，滅苦及苦因。何緣於此中，現諸雲

雨等。令舉眾歡悅，咸生淨信心，皆發趣大乘，度疑生實見？天人大眾身，地界增堅重，不能自勝舉，此相有何緣？兩手皆珠現，兩眾寶放光，照十方除罪，息苦獲安樂。導師！復何因，令舉眾皆見，種種香鬘等，各各自嚴身？天人普猶豫，不測何因緣，有誰將欲來，現此神通力？為是佛菩薩？為梵魔釋天？唯願大導師，速為眾宣說」。

(Kinh: “Đáng lời thật, thấy thật. Đáng Mâu Ni khéo trụ, khắp vì chúng hoằng tuyên, pháp rốt ráo chắc thật, khiến các loài hữu tình, diệt khổ và nhân khổ. Duyên gì ở nơi đây, hiện các thứ mây, mưa, khiến đại chúng vui sướng, đều sanh tâm tịnh tín, đều tiến hướng Đại Thừa, thoát nghi, sanh chân kiến? Thân đại chúng trời, người, địa đại thêm cứng, nặng, chẳng thể tự cử động. Tướng ấy do duyên gì? Hai tay đều hiện châu, tuôn các báu, phóng quang, chiếu mười phương trừ tội, dứt khổ, được an lạc. Đạo sư! Do nhân gì, khiến mọi người đều thấy, các thứ như tràng hương, tự trang nghiêm thân mình? Trời, người đều do dự, chẳng lường nhân duyên gì, là ai sẽ sắp đến, hiện sức thần thông này? Đó là Phật, Bồ Tát? Hay Phạm, ma, Thích, thiên? Kính mong đại sư, mau vì đại chúng nói”).

Lời đức Phật nói, những vấn đề đức Phật thấy đều là chân thật. “Đế” (諦) có nghĩa là chân thật. “Đế” là lời nói đúng thật. Khi đức Phật thuyết pháp, thường bảo: “Đế thính! Đế thính!” (Hãy lắng nghe chắc thật), tức là “hãy nghe đúng như thật”, cũng có nghĩa là “*hãy quán chiếu cái tâm của quý vị*”, hãy dùng cái tâm của quý vị để nghe, đừng dùng tai để nghe. Khi nói năng, phải nói tương xứng với cái tâm, phải nói lời chân thật; đây là Thật Tướng. Đức Phật toàn nói tương chân thật. Đức Phật thuyết pháp, cũng sanh hoạt, cũng ôm bát khát thực, nhưng Ngài chẳng rời Định. Như Lai thường ở trong Định, hết thấy động tác đều chẳng rời Định. Địa Tạng Bồ Tát cũng giống như thế, hết thấy mọi lúc đều chẳng rời Định, đều là hoạt động trong Định. Định có thể sanh ra huệ. Phương tiện ở trong huệ, hết thấy những gì đã làm đều là phương tiện thiện xảo.

Thật ra, cơ sở thực tại của phương tiện thiện xảo được sanh từ trí huệ căn bản, mà trí huệ căn bản sanh từ Thật Tướng Lý Thể. Ngày nào đó, quý vị chứng đắc trọn vẹn, thấy Thật Tướng, những lời quý vị nói ra sẽ đều là những lời lẽ thực tại, tri kiến cũng đều là tri kiến chân chánh,

chẳng hư dối. Quý vị trụ trong cảnh giới tương xứng với lẽ Chân, thường ở trong Định.

“*Mâu Ni*” (Muni) còn dịch là Tịch Mặc. Chữ Mâu Ni trong Thích Ca Mâu Ni Phật được dịch thành Tịch Mặc (寂默), Tịch Mặc chính là Tĩnh. Cũng có thể nói Tịch Tĩnh là Niết Bàn, hoặc cũng có thể nói là Niết Bàn Tịch Tĩnh, chính là một loại trong ba loại pháp ấn. Khéo trụ trong Tịch Tĩnh, trụ ở nơi đâu? Trong Thật Tế lý địa, trụ trong Thật Tướng Lý Thể, trụ trong nghĩa Trung Đạo, trụ trong Đệ Nhất Nghĩa. Tịch Tĩnh có ý nghĩa như thế đó.

Vô Cầu Sanh Thiên Đế Thích tán thán đức Phật: “Bạch Phật! Ngài trọn đủ hết thấy lời lẽ chân thật. Ngài là đáng tri kiến chân thật, thường ở trong Định”. “*Phổ vị chúng hoằng tuyên*” (Vi khắp đại chúng mà tuyên dương rộng lớn): Mong Ngài sẽ dùng phương tiện thiện xảo, tức là phương tiện huệ sanh khởi từ trí huệ căn bản để thị hiện thiện xảo giáo hóa chúng con là những kẻ vô tri. Thỉnh pháp cũng chẳng phải dễ! Phàm là thỉnh pháp, ngoài tán thán ra, còn là mong cầu những nghĩa lý được hiển lộ. Khi thỉnh vấn những nghĩa lý ấy, người hỏi cũng phải dùng đủ mọi phương tiện thiện xảo để nêu ra câu hỏi. Nêu ra câu hỏi chẳng dễ dàng đâu nhé! Phải xin khai thị, và cũng phải học tập. Như trong hiện tại, giữa các đạo hữu tán gẫu chuyện đời thường với nhau, [phải hỏi thăm] con cái như thế nào, thân thể như thế nào, hiện tượng xã hội như thế nào. Trong pháp hội thuở ấy, rất ít hỏi những vấn đề ấy, nhưng cũng chẳng ngoài những vấn đề ấy; bất quá, ngôn ngữ thiện xảo bất đồng. Đức Phật dạy chúng ta những pháp thiện xảo rất ráo, kiên cố bất hoại, kim cang tánh. Đức Phật là bậc “*cụ đế ngữ, đế kiến, đế thiện trụ Mâu Ni, phổ vị chúng hoằng tuyên, đế cứu cánh kiên pháp*” (là bậc nói chân thật, thấy chân thật, là bậc khéo trụ trong Tịch Tĩnh, vì khắp các chúng sanh tuyên thuyết rộng rãi các pháp rất ráo kiên cố chân thật), chuyên vì chúng sanh nói pháp kim cang, nói pháp bất động, khiến cho chúng sanh được nhập chân thật. Đây là sự thỉnh cầu.

Do vậy, con mong cầu Phật “*linh chư hữu tình loại, diệt khổ cập khổ nhân, hà duyên ư thứ trung, hiện chư vân vũ đẳng*” (khiến cho các loài hữu tình diệt khổ quả và khổ nhân. Vì sao trong hội này, hiện ra các thứ mây tuôn mưa). Trong pháp hội hiện thời, xuất hiện những hiện tượng lạ lùng, đặc biệt nhất, hiện ra những đám mây tuôn mưa như vậy, tuôn xuống những thứ báu nhiệm màu, trên tay mỗi người đều có một viên Như Ý Bảo Châu, khiến cho hết thấy chúng sanh không chỉ là diệt quả khổ, mà ngay cả khổ nhân cũng đều chẳng có. Có nhân thì mới có

quả. Chỉ diệt khổ quả, chẳng diệt khổ nhân, hoặc chúng ta tu đạo chỉ cầu chuyển biến khổ quả, chẳng cầu chuyển biến khổ nhân. Nay chúng ta chẳng thoải mái, bệnh đã lành rồi, phải suy xét bệnh đã lành vẫn có thể bị lại. Do vậy, phải trừ bỏ cái nhân [gây bệnh] ấy. Vì sao quý vị mắc bệnh? Đó là khổ nhân. Vì sao chúng ta bị khổ? Vì sao người khác chẳng bị khổ? Ta chịu khổ, [cảm thấy] thế giới này rất bất bình đẳng! Kẻ khác có tiền, ta chẳng có tiền. Vì sao? Kẻ nào chẳng tìm nhân, chỉ cầu bình đẳng nơi quả, sẽ chẳng thể bình đẳng được! Chẳng có cách nào bình đẳng! Bình đẳng thì phải bình đẳng nơi cái nhân, phải hiểu đạo lý này!

Câu hỏi ở đây là do nhân duyên gì mà trong pháp hội này, hiện ra nhiều tướng đặc biệt, lạ lùng như vậy? Sau khi thị hiện những đám mây ấy, lại thị hiện tuôn ra những vật trang hoàng quý báu, màu nhiệm, tuôn xuống những vật dụng cần thiết cho cuộc sống, cho đến hiện ra Như Ý Bảo Châu. Vì sao? Vì những cảnh giới ấy khiến cho đại chúng hết sức hoan hỷ, sung sướng, mọi người đều hoan hỷ, hoan hỷ khôn ngần, sanh khởi tín tâm thanh tịnh. Nói đến chữ Tịnh, đó là nói tới tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ, Tà Kiến, [cũng như Thập Ác], tức tham, sân, si, vọng ngữ, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, giết, trộm, dâm đều chẳng có, mà là sanh khởi tâm thanh tịnh. Do tín tâm mà sanh khởi niềm tin thanh tịnh, cảm nhận rất thù thắng.

Mọi người đều biết Đại Thừa; nói đến Đại Thừa thì nói thông tục hơn sẽ là “*thành Phật*”. Một khi đã phát tâm hướng tới thành Phật; đây là Đại Thừa. Biết cảnh giới ấy là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là bình phạm. Chương ngại lớn nhất của chúng ta là không có tín tâm. Vì sao chẳng có tín tâm? Do nghi hoặc quá nặng: “Thật vậy ư? Có thể thành Phật ư?” Quá nhiều dấu hỏi, chẳng biết đã đánh bao nhiêu dấu hỏi? Toàn là nghi! Kẻ nghi chẳng phải là hoàn toàn không tin, mà là nửa tin nửa ngờ. Hoàn toàn không tin thì ngay cả nghi cũng chẳng có; căn bản là họ không tin! Nghi là có chứa đựng một chút tin tưởng, có nghi là tốt rồi! Ý nghĩa bao hàm trong nghi là như thế đó. Cái tâm hoài nghi ấy vẫn là cái tâm chẳng liễu giải, chưa thể thành tựu, chưa có kiến giải thật sự. Khiến cho những người như thế sanh khởi thật kiến (kiến giải chân thật), [đó là ý nghĩa của câu] “*độ nghi, sanh thật kiến*”. “*Thật kiến*” tức là kiến địa chân thật. Người minh tâm kiến tánh như vậy sẽ sanh khởi kiến giải đều là thật kiến, những kiến giải khởi lên từ tâm người ấy đều là thật kiến.

Còn có một loại tình huống: Đột nhiên trong lúc ấy, bất luận là trời hay người, tất cả đại chúng tham dự pháp hội, vì sao “*địa giới tăng kiên trọng*” (địa giới tăng thêm cứng cõi, nặng nề)? “*Địa giới*” chính là

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

thân thể, Địa Đại cứng, nặng. “*Bất năng tự thắng cử*” nghĩa là chính mình muốn giơ tay lên, muốn động đây, đều chẳng thể động được. Tôi nhớ hồi trước xem tiểu thuyết, có nói một thứ là “*định thân pháp*”. Đã bị định thân thì một ngón tay cũng chẳng thể cử động được. Ở đây là nói do sức oai đức của Địa Tạng Bồ Tát, thân thể [của đại chúng trong pháp hội] sẽ cảm thấy chẳng thể cử động được. Đây là do duyên gì? Vì sao có hiện tượng ấy?

Còn có một hiện tượng đặc biệt lạ lùng, “*lưỡng thủ giai châu hiện*” (hai tay đều có bảo châu hiện ra). Bài kệ này nhằm trùng tụng những điều đã nói trước đó, Thiên Đế muốn nhắc lại lần nữa. Những điều trước đó chưa nói cặn kẽ, sẽ được nhắc lại trong bài kệ tụng này. “*Lưỡng thủ giai châu hiện*”: Quý vị thấy tay Địa Tạng Bồ Tát cầm Như Ý Bảo Châu. Như Ý Bảo Châu là “câu gì hiện đó”. Quán Thế Âm cầm bình tịnh thủy, cái bình ấy không chỉ là chứa nước, mà là thứ gì cũng đều có. Chỉ cần quý vị câu gì, bèn hiện ra thứ ấy. Không chỉ là hiện châu, mà châu ấy còn tuôn ra chất báu, tuôn đủ loại báu. Lại còn từ các thứ báu đã xuất hiện ấy, mỗi thứ báu đều phóng quang, chiếu thấu các cõi Phật trong mười phương. Bất quá, hoàn toàn chẳng phải là toàn bộ đều chiếu. Tức là trên tay có châu, châu hiện ra các thứ báu, có thể tuôn ra các thứ báu.

Sau đó, lại hiện ra các thứ quang minh. Các thứ quang minh ấy chiếu đến chỗ nào, chỗ ấy đều được cát tường, vui sướng. Trong phần trước, [kinh văn đã nói] các loại bệnh tật sẽ được quang minh chiếu tới, đều khỏi hẳn. Vậy thì, nếu là người tu đạo, gặp được quang minh ấy, cũng sẽ thành đạo, hết thấy khổ luân cũng đều “*tức diệt*” (ngưng dứt, diệt trừ), “*tức*” (息) là ngưng nghỉ. Hết thấy các khổ đều ngưng dứt, đều được an lạc.

“*Thế Tôn*”: Đức đạo sư được gọi là Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Đây là do nguyên nhân nào? Vì sao có thể khiến cho đại chúng đều trông thấy, [đó là ý nghĩa của câu] “*linh cử chúng giai kiến*”. Chúng con đều thấy, mỗi người đều tận mắt trông thấy. Vì sao quang minh vừa diệt dứt thì [khổ đau] gì cũng chẳng trông thấy? Vì sao có quang minh ấy, đây là vì nguyên nhân nào? Điều gì đã khiến cho đại chúng có thể trông thấy, do cái nhân nào vậy? Cho đến hiện ra các thứ hương, hoa, các vật trang hoàng, tràng hoa, khiến cho thân thể mỗi người đều trở thành rất trang nghiêm, rất đầy đủ, trong quá khứ chẳng hề có chuyện này! Đối với các thứ hiện tượng ấy, mọi người đều rất hoài nghi, “*thiên nhân phổ do dự*” (trời người đều do dự). “*Do dự*” là hoài nghi, chẳng biết là chuyện gì?

Do chẳng thể suy lường nhân duyên vì sao có những hiện tượng như thế, chẳng lẽ là do có vị Phật hay Bồ Tát nào đến? Là do các vị ấy hiện sức thần thông ư? Hoặc là do Phạm Thiên, hoặc là ma vương, hoặc là Đế Thích Thiên [có thể lực] đặc biệt to lớn. Chuyện ấy vẫn là một dấu hỏi! Ai có phước đức lớn dường ấy để có thể hiện các sức thần thông khiến cho đại chúng có các cảm nhận như vậy?

“*Duy nguyện đại đạo sư, tốc vị chúng tuyên thuyết*” (Kính mong đại đạo sư, mau vì chúng tuyên nói): Đức Phật là vị đại đạo sư tiếp dẫn chúng con, hãy mau nói cho đại chúng biết. Trong tâm đại chúng chẳng buông nghi vấn xuống được, còn có điều do dự, hoài nghi. Vì thế, thưa hỏi. Đế Thích vừa hỏi, đức Phật liền trả lời.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích viết: “Nhữ đẳng đương tri, hữu Bồ Tát Ma Ha Tát, danh viết Địa Tạng, dĩ u vô lượng vô số đại kiếp, ngũ trước ác thời, vô Phật thế giới thành thực hữu tình, kim dữ bát thập bách thiên na-dữu-đa tân-bạt-la Bồ Tát câu, vị dục lai thử, lễ kính, thân cận, cúng dường ngã cố, quán Đại Tập hội sanh tùy hỷ cố, tịnh chư quyến thuộc, tác Thanh Văn tượng, tương lai chí thử, dĩ thần thông lực hiện thị biến hóa”.

(經)爾時，世尊告無垢生天帝釋曰：「汝等當知，有菩薩摩訶薩，名曰地藏，已於無量無數大劫，五濁惡時，無佛世界成熟有情，今與八十百千那庾多頻跋羅菩薩俱，為欲來此，禮敬親近，供養我故，觀大集會生隨喜故，並諸眷屬，作聲聞像，將來至此，以神通力現是變化」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích rằng: “Các ông nên biết, có Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Địa Tạng, đã trong vô lượng vô số đại kiếp, nhằm thời ác ngũ trước, ở trong thế giới không có Phật để thành thực hữu tình, cùng với tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa tân-bạt-la Bồ Tát câu hội, vì muốn đến đây để lễ kính, thân cận, cúng dường ta, do thấy hội Đại Tập sanh tùy hỷ, bèn cùng các quyến thuộc, dùng hình tượng Thanh Văn sẽ đến nơi đây, dùng sức thần thông hiện ra các sự biến hóa ấy”).

Vì Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích thưa hỏi như vậy, đức Phật liền giải thích cho ông ta. Đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí, hết thấy các sự vật

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

không có gì Ngài chẳng hiểu. Đức Phật biết Địa Tạng Bồ Tát sắp tới, bèn bảo Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích: “*Ông hãy nên biết, hiện thời có một vị đại Bồ Tát tên là Địa Tạng*”. “*U vô lượng vô số đại kiếp*” (Trong vô lượng vô số đại kiếp) là nói đến quá trình tu hành của Ngài, hóa độ, hướng dẫn chúng sanh trải qua một thời gian rất dài. Do vậy, dùng “*vô lượng vô số*” để hình dung. “*Kiếp*” là tiếng Ấn Độ, [nói đầy đủ là] Kiếp Bá (Kalpa), dịch là Thời Phần. [Kiếp là] Thời Phần dài nhất. Hễ nói tới Kiếp bèn hình dung một thời gian rất dài, nói thời gian ngắn thì gọi là “*sát-na*”. Sát-na (kṣaṇa) trong tiếng Ấn Độ là thời gian ngắn nhất, Kiếp là thời gian dài nhất, nhưng ở đây là “*đại kiếp*”. Kiếp có đại, trung, tiểu kiếp. Vị đại Bồ Tát này nguyện lực hết sức to lớn. Ngài chuyên ở trong đời ác Ngũ Trược hóa độ chúng sanh.

Ngũ Trược (Pañca-kasāyāh) là thời đại này. Chúng ta thường nói tới thời Mạt Pháp, tức là trong thời đại này rất tệ, đục ngầu, dơ bẩn, chẳng trong trẻo. Trong thời đại đục ngầu, dơ bẩn, chẳng trong trẻo, muốn bảo vệ môi trường, sẽ chẳng thể được. Chúng ta thật sự chẳng thể bảo vệ. Sanh mạng của chúng ta có thể chấm dứt bất cứ lúc nào, chẳng như Bắc La Châu (Bắc Cầu Lô Châu), [thọ mạng ở nơi đó là] tám vạn bốn ngàn tuổi, chẳng đục ngầu, như bẩn, rất rõ ràng. Vì chúng ta người già cũng chết, mà kẻ trẻ tuổi cũng chết, chỉ là chẳng biết lúc nào thôi! Sanh tử chẳng nhất định, như đục, chẳng trong lành. Mỗi người có quan điểm đối với các vấn đề khác nhau. Con người có quá nhiều cách nhìn, ngay cả đối với chính mình cũng có quá nhiều tri kiến. Đó là Kiến Trược (Drsti-kasāya). Do nhìn nhận vấn đề chẳng nhất trí, cho nên có Phiền Não Trược (Kleśa-kasāya). Đối với Phiền Não Trược, tôi nghĩ mỗi người đều có thể tự biết phiền não của chính mình, chẳng cần phải nói nữa! Thế giới này có năm, sáu mươi ức người, phiền não và tri kiến của mỗi người đều rất vẫn đục, đó là Chúng Sanh Trược (Sattva-kasāya). Nói chung, thời đại này chẳng tốt đẹp.

Trong thời đại này, đối với “*vô Phật thế giới*” (thế giới không có Phật), nguyện của Địa Tạng Bồ Tát là ở trong đời ác Ngũ Trược độ chúng sanh. Nơi nào chẳng có Phật, nơi nào tam đồ khổ nạn đặc biệt nặng nề, Ngài sẽ đến đó để độ các chúng sanh ấy. “*Thành thực hữu tình*” chính là nguyện của Ngài. “*Na-dữu-đa tân-bạt-la*” (Nayuta Vimvara) là những con số lớn, là mười triệu; có bao nhiêu mười triệu? Tám mươi trăm ngàn lần mười triệu. Đó là nói tới các quyển thuộc theo Địa Tạng Bồ Tát cùng đến. Đối với số lượng nhiều đến tám mươi trăm ngàn tân-bạt-la, thế giới này của chúng ta cũng chẳng thể chứa nổi nhiều

người ngân ấy. Đó là ý cảnh, chớ nên tìm cầu nơi con số. Chúng ta chỉ hiểu ý [là được rồi].

Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích: Địa Tạng Bồ Tát muốn đến nơi đây để thân cận, cúng dường ta. Đồng thời, Bồ Tát thấy hội Đại Tập này của ta, rất vui thích, Ngài sẽ đến tùy hỷ, tán thán, tham dự pháp hội này. Nhưng Ngài hiện hình tướng Thanh Văn. Hình tướng Thanh Văn là cạo tóc, đắp y nhiễm sắc. Phàm là Địa Tạng Bồ Tát thì đều là cạo tóc, hiện hình tướng Thanh Văn, nhưng có lúc chúng ta thấy tượng Ngài ngồi đội mào Ngũ Phật, tức là [trên mào có hình] Ngũ Phương Phật⁵. Đó là [hình tướng] dùng trong [trai đàn] Diệm Khẩu. Trừ pháp hội Diệm Khẩu ra, nếu làm pháp sự, khi cầu đảo cho chúng sanh, phải đội mào Ngũ Phật. Bất quá, những lúc như vậy rất ít, thường là Ngài để đầu trần, chúng ta thờ tượng Địa Tạng Bồ Tát đều là hình tướng Thanh Văn. Ngài muốn đến pháp hội này, bèn hiện ra sự biến hóa ấy.

⁵ Ngũ Phương Phật còn gọi là Ngũ Phương Như Lai, hoặc Ngũ Trí Như Lai, hoặc Ngũ Thiên Na Phật, chính là năm vị Phật ở bốn phương và trung ương. Đây là cụ thể hóa Chân Trí lưu xuất các trí riêng biệt, hoặc từ tám thức đã chuyển biến thành năm trí:

1. Trung ương là Tỳ Lô Giá Na Phật (một hóa thân của Ngài là Quảng Bác Thân Như Lai), là cụ thể hóa của Pháp Giới Thể Tánh Trí, màu trắng, pháp bảo là bánh xe, kết ấn Chuyển Pháp Luân, đối trị vô minh, chủng tự (seed syllable) là Vam, lưu xuất Phật Bộ. Vị Bồ Tát tương ứng là Phổ Hiền Bồ Tát, lưu xuất Bất Động Minh Vương.
2. Đông phương A Súc Phật (hóa thân là Diệu Sắc Thân Như Lai), cụ thể hóa của Đại Viên Kính Trí, màu xanh dương thẫm, pháp bảo là chày kim cang đơn, kết Xúc Địa ấn, đối trị đồ kỹ, chủng tự là Hum, lưu xuất Kim Cang Bộ. Vị Bồ Tát tương ứng là Kim Cang Thủ Bồ Tát, lưu xuất Hàng Tam Thế Minh Vương.
3. Tây phương A Di Đà Phật (hóa thân là Cam Lộ Vương Như Lai), cụ thể hóa của Diệu Quán Sát Trí, màu đỏ, pháp bảo là hoa sen, kết Thiên Định ấn, đối trị ích kỹ, chủng tự là Hrih, lưu xuất Liên Hoa Bộ. Vị Bồ Tát tương ứng là Quán Thế Âm Bồ Tát, lưu xuất Quân Trà Lợi Minh Vương.
4. Nam phương Bảo Sanh Phật (hóa thân là Bảo Thắng Như Lai), cụ thể hóa của Bình Đẳng Tánh Trí, màu vàng, pháp bảo là Như Ý Bảo Châu, kết Thí Xả ấn, đối trị kiêu ngạo, chủng tự là Tram, lưu xuất Bảo Bộ. Vị Bồ Tát tương ứng là Bảo Thủ Bồ Tát (tức Địa Tạng Bồ Tát), lưu xuất Diễm Man Đắc Ca (Yamantaka) Minh Vương.
5. Bắc phương Bất Không Thành Tự Phật (hóa thân là Ly Bố Úy Như Lai), cụ thể hóa của Thành Sở Tác Trí, màu xanh, pháp bảo là chày kim cang kép, kết Thí Vô Úy Ấn, đối trị sân hận, chủng tự là Ah, lưu xuất Yết Ma Bộ. Vị Bồ Tát tương ứng là Vīśvapanī Bồ Tát (Phổ Thủ Bồ Tát), lưu xuất Kim Cang Dược Xoa Minh Vương.

(Kinh) Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hữu vô lượng vô số bất khả tư nghị thù thắng công đức chi sở trang nghiêm, nhất thiết thế gian Thanh Văn, Độc Giác sở bất năng trắc. Thử đại Bồ Tát thị chư vi diệu công đức phục tạng, thị chư giải thoát trần bảo xuất xứ, thị chư Bồ Tát minh tịnh nhân mục.

(經)是地藏菩薩摩訶薩，有無量無數不可思議殊勝功德之所莊嚴，一切世間聲聞、獨覺所不能測。此大菩薩是諸微妙功德伏藏，是諸解脫珍寶出處，是諸菩薩明淨眼目。

(Kinh: Vị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát này có vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn công đức thù thắng để trang nghiêm, hết thảy thế gian, Thanh Văn, Độc Giác chẳng thể lường được. Vị đại Bồ Tát này là kho tàng của các công đức vi diệu, là chỗ sanh ra các thứ trần quý giải thoát, là mắt sáng sạch của các vị Bồ Tát).

Nhưng vị Địa Tạng Bồ Tát Đại Bồ Tát này có vô lượng vô số công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Tuy Ngài thị hiện hình tướng Thanh Văn, nhưng Ngài thù thắng trang nghiêm vượt xa hết thảy các vị đại Bồ Tát, hơn hẳn các vị Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm. Trong phẩm thứ mười một của kinh Địa Tạng, Kiên Lao địa thần đã khen ngợi Địa Tạng Bồ Tát như sau: “Con ở trong thế giới này, gặp rất nhiều vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Di Lặc, công đức và nguyện lực của những vị ấy đã là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng Địa Tạng Bồ Tát vượt xa các vị ấy”. So sánh các vị Bồ Tát với nhau, cũng như giữa các vị Phật với nhau, vốn chỉ nhằm hiển thị công đức của Địa Tạng Bồ Tát, cho nên đến phần sau kinh Thập Luân cũng nêu rõ, kinh Địa Tạng cũng nêu rõ. Như Ngài phát nguyện chuyên cứu độ chúng sanh trong đời ác ngũ trược, độ chúng sanh nơi địa ngục trong thế gian không có Phật, chẳng dễ hóa độ! Vì vậy, hết thảy chư Phật đều tán thán.

Có một câu chuyện: Tôn giả Ca Diếp muốn nghe thử rốt cuộc âm thanh của đức Phật lan xa tới cỡ nào, bèn dùng sức thần thông của Ngài [để đi thật xa]. Kết quả là Ngài chẳng biết đã đến nơi đâu, thế mà âm thanh của đức Phật vẫn ở bên tai. Ngài tới quốc độ nào vậy? Ngài tới pháp hội của người ta, đúng vào lúc đang thọ trai. Ngài ở trên miệng bát của một vị Tăng, đi trên một cái bát dùng để ăn cơm. Vị Tăng đang dùng cơm ấy tưởng Ngài chỉ là một con trùng nhỏ. Đức Phật [nơi ấy] bảo vị Tăng ấy: “Ông đừng có động! Đây là đại đệ tử của một vị Phật ở phương

Đông”. Nói xong, vị tăng nhân ấy cũng chẳng dám cử động. Đức Phật ấy liền hướng về tôn giả Ca Diếp bảo: “Ông có thể niệm Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Hễ niệm Bồ Sư, vóc dáng của ông sẽ bằng vị đệ tử này”. Vừa niệm Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, thân lượng của Ngài bèn là vô lượng vô biên.

Tôi nêu ra câu chuyện này là vì muốn chứng minh điều gì? Phật Phật đạo đồng. Vì độ một loại chúng sanh ấy, Ngài chỉ có thể thị hiện tương tự như họ. Do vậy, đến địa ngục, Địa Tạng Bồ Tát liền hiện thành một vị xuất gia, tức là một vị hòa thượng rất khổ não. Đôi khi quý vị thấy tượng Địa Tạng, bất luận là trong mộng cũng thế, hay là cảnh giới được thấy cũng thế, Ngài giống như một vị hòa thượng bình phàm. Nếu thấy rất nhiều quang minh thù thắng, tức là nghiệp lực của quý vị đã biến hóa, sẽ trông thấy Địa Tạng Bồ Tát cũng biến hóa. Chư Phật, Bồ Tát tùy tâm của quý vị mà biến hiện.

Chẳng hạn như quý vị đến triều bái Ngũ Đài Sơn, mỗi người thấy Văn Thù Bồ Tát khác nhau, tức là tùy theo cái tâm của quý vị mà hiện. Hết thấy các vị đại Bồ Tát đều là như thế. Do kinh Địa Tạng hay kinh Thập Luân đều nhằm hiển thị công đức của Địa Tạng Bồ Tát, công đức của Địa Tạng Bồ Tát sẽ được nói đặc biệt thù thắng. Nếu là một bộ kinh khác, chẳng hạn như kinh nói về Văn Thù Bồ Tát thì sẽ lại khác hẳn: Văn Thù Bồ Tát đặc biệt thù thắng. Văn Thù Bồ Tát đã sớm thành Phật, là thầy của bảy vị Phật, là mẹ của chư Phật, tức Bát Nhã là mẹ của chư Phật. Đây là hiển thị cho chúng sanh thấy. Còn có những bộ kinh, trong ấy đức Phật tán thán vị Bồ Tát này; qua kinh khác, đức Phật đột nhiên hiển thị vị Bồ Tát khác, tán thán công đức của vị ấy. Phải hiểu đạo lý này, đừng sanh khởi cái tâm phân biệt! Nếu nói “*công đức của Địa Tạng Bồ Tát to lớn, công đức của Quán Âm Bồ Tát nhỏ bé*”, đã phạm sai lầm mất rồi! Nhưng trong kinh, sở dĩ đức Phật nói như vậy nhằm khiến cho đại chúng nhận biết, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, trong tâm sanh khởi cảm giác thù thắng. Hàm nghĩa là như thế đó!

Đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát có vô lượng vô số công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn để trang nghiêm. Hết thấy thế gian, Thanh Văn, Độc Giác đều chẳng thể lường được. Nếu muốn suy lường công đức của Ngài, chẳng thể suy lường nổi! Mọi người có còn nhớ trong phẩm thứ nhất của kinh Địa Tạng: Đối trước chư Phật, Bồ Tát cho đến trời, người tới tham dự pháp hội, đức Phật hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng: “Ông có tính được số lượng người tham dự pháp hội là bao nhiêu hay không?” Văn Thù Bồ Tát thưa cùng đức Phật: “Dùng sức trí huệ của

con đê suy lường trong một ngàn kiếp, vẫn chẳng thể biết trọn hết con số ấy”.

Đức Phật bảo: “*Ta dùng Phật nhãn để xem trong một ngàn kiếp mà vẫn chưa trọn hết số ấy*”. Dùng Phật nhãn để xem mà vẫn chưa thể trọn hết số lượng. Phật nhãn chiếu hết thấy mà vẫn còn chưa thể cùng tận con số đó. Đây là đề cao công đức của Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho chúng sanh sanh khởi cái tâm thù thắng. Học pháp, học Phật, quý vị cũng phải vận dụng trí huệ của chính mình. Nếu hiểu được nghĩa lý của Phật thì sẽ thành tựu.

Trong kinh này cũng vậy. Đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát nói: Hết thấy Thanh Văn và Duyên Giác chẳng thể suy lường, chẳng thể suy tính ngần mé công đức của Bồ Tát. Vị đại Bồ Tát này là kho tàng của hết thấy công đức vi diệu, chứa đựng vô lượng công đức. Lại là chỗ sanh ra hết thấy của báu giải thoát. Vì thế, từ Như Ý Bảo Châu trong tay mỗi người, đều có thể tuôn ra vô lượng trân bảo. Vì Địa Tạng Bồ Tát hàm tàng hết thấy trân bảo, Ngài có thể khiến cho mọi người đều đạt được chánh pháp nhãn tàng. Vì thế nói “*thị chư Bồ Tát minh tịnh nhãn mục*” (là mắt sáng trong sạch của các Bồ Tát). Mong đạt được như thế thì quý vị phải tu trong vô lượng kiếp, chỉ sợ tu chẳng thành. Những lời tán thán ấy biểu thị ý nghĩa rất tôn quý, rất thù thắng.

(Kinh) Thị thú Niết Bàn thương nhân đạo thủ. Như Như Ý Châu vũ chúng tài bảo, tùy sở hy cầu, giai linh mãn túc. Thị chư thương nhân sở thái bảo chủ, thị năng sanh trưởng thiện căn lương điền, thị năng thịnh trử giải thoát lạc khí, thị xuất diệu bảo công đức hiền bình. Chiếu hành thiện giả do như lãng nhật. Chiếu thất đạo giả, do như minh cự. Trừ phiền não nhiệt như nguyệt thanh lương. Như vô túc giả sở đắc xa thặng. Như viễn thiệp giả sở bị tư lương. Như mê phương giả sở phùng thị đạo. Như cuồng loạn giả sở phục diệu dược. Như tật bệnh giả sở ngộ lương y. Như luy lão giả sở bằng kỹ trượng. Như bì quyện giả sở chỉ sàng tòa.

(經)是趣涅槃商人導首。如如意珠兩眾財寶，隨所希求，皆令滿足。譬諸商人所採寶者，是能生長善根良田，是能盛貯解脫樂器，是出妙寶功德賢瓶。照行善者猶如朗日。照失道者，猶如明炬。除煩惱熱如月清涼。如無足者所得車乘。如遠涉者所備資糧。如迷方者所逢示導。如狂

亂者所服妙藥。如疾病者所遇良醫。如羸老者所憑几杖。
如疲倦者所止床座。

(Kinh: Là người hướng dẫn cầm đầu các thương nhân đạt đến Niết Bàn. Như châu Như Ý tuôn ra các thứ của báu, tùy lòng mong cầu đều khiến cho trọn đủ. Ví như bến báu cho các thương nhân thu thập [của báu]. Là ruộng tốt có thể sanh trưởng căn lành. Là dụng cụ chữa đưng niềm vui giải thoát. Là hiền bình có thể tuôn ra các thứ báu công đức màu nhiệm. Chiếu người làm lành ví như mặt trời rạng rỡ. Soi kẻ lạc đường ví như đuốc sáng. Trừ nóng phiền não như mặt trăng trong mát. Như kẻ không chân có được xe cộ. Như người đi xa có đủ lương thực, chi dụng. Như người mê mất phương hướng gặp người chỉ dẫn. Như kẻ cuồng loạn được uống thuốc hay. Như người bệnh tật gặp được lương y. Như ghé, gậy cho kẻ già cả lụm cụm nương cậy. Như giường, tòa cho người mệt mỏi nghỉ ngơi).

“Thị thú Niết Bàn thương nhân đạo thủ” (Là người hướng dẫn cho các thương nhân tiến nhập Niết Bàn): Nếu muốn thành Phật, sẽ giống như thương nhân vào biển thu nhặt của báu, quý vị phải mời một người hướng dẫn vào biển đi thu thập của báu. Nếu muốn tiến hướng Niết Bàn, quý vị cũng phải có người hướng dẫn. Ai là người hướng dẫn? Địa Tạng Bồ Tát là người hướng dẫn, dẫn dắt quý vị hướng đến Niết Bàn. Giống như Như Ý Bảo Châu tuôn ra các thứ báu, tùy lòng mong cầu đều được thỏa mãn, Ngài sẽ chẳng phiền chán. Có những đạo hữu lay Địa Tạng Bồ Tát xong, hoặc là niệm kinh xong, trước hết, cầu cho người nhà của chính mình bình an, hoặc cầu thân tâm khỏe mạnh; xong rồi lại cầu phát tài. Còn cầu rất nhiều! Có kẻ hỏi tôi: “Su phụ ơi! Con cầu nhiều quá, Địa Tạng Bồ Tát có bực bội hay không?” Tôi đáp: “Quý vị cầu nhiều cỡ nào? Quý vị cầu một ức, mười ức, trăm ức, ngàn ức, vạn vạn ức, Địa Tạng Bồ Tát cũng chẳng phiền. Quý vị cầu càng nhiều, cho thấy công phu tu hành của quý vị càng tốt, cho nên mới có thể cầu nhiều ngàn ấy. Nếu không, sẽ cầu chẳng được!”

Mọi người niệm kinh Địa Tạng xong rồi phát nguyện, tôi nghĩ quý vị chẳng cầu quá nhiều, vì tâm lượng của quý vị chẳng lớn ngàn ấy, cầu chẳng được, mà nghĩ cũng chẳng tới. Quý vị có cầu cho hết thấy chúng sanh đều thành Phật hay chẳng? Cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì, khiến cho hết thấy chúng sanh đều thành Phật, mong vĩnh viễn ở trong pháp giới, có cầu như vậy hay chẳng? Chưa hề cầu! Tâm lượng của quý vị chẳng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

thể coi là lớn, chỉ nghĩ đến chính mình. Ất cần phải nghĩ đến những người mình gặp gỡ, nghĩ đến đồng bào. Tiến hơn bước nữa là nghĩ tới hơn sáu mươi ức người trên địa cầu. Có nghĩ tới những tinh cầu khác hay chăng? Có nghĩ đến pháp giới hay chăng? Có nghĩ mong cho chúng sanh trong Liên Trì Hải Hội đều thành A Di Đà Phật hay chăng? Mọi người đều rất ít ai phát các nguyện ấy! [Chỉ nghĩ] “tôi vãng sanh là được rồi, có thể đến gia nhập Liên Trì Hải Hội, trở thành một thành viên là khá lắm rồi!” Quý vị có mong đại chúng trong Liên Trì Hải Hội đều biến thành A Di Đà Phật hay chăng? Nếu chưa từng mong, từ nay trở đi, quý vị phải mong, phải phát nguyện. Không chỉ là chính mình có thể đến Liên Trì Hải Hội, mà Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ cần sanh vào Liên Trì Hải Hội, ai nấy đều là A Di Đà Phật. Thậm chí mong cho thế giới Sa Bà, bất luận kẻ nào chịu khổ nạn lớn đến mấy đi nữa, người trên thế giới này nay đang chung sống với ta, nhất định đều có thể thành Phật, cùng với ta thành Phật.

Phát nguyện lớn hơn một chút thì “*sau khi họ đều thành Phật, tôi mới thành Phật*”. Trăm ngàn vạn ức sự đều có thể hướng về Địa Tạng Vương Bồ Tát để nói. Quỳ trước Ngài, niệm thánh hiệu Địa Tạng mười câu, niệm xong bèn phát nguyện, đặc biệt vì những nguyện ấy. Đó là tu đạo. Quý vị có nguyện lớn cỡ nào, bèn có sức thần thông to chừng ấy. Do nhờ mượn nguyện lực của chư Phật và Bồ Tát, thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật đều trở thành cái nguyện của quý vị. Nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát là “*tận hư không khắp pháp giới, khiến cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật*”, đó chính là đại nguyện Phổ Hiền. Nhất định phải hiểu đạo lý này; Bồ Tát sẽ chẳng phiền chán. Phiền là do chính quý vị tự suy nghĩ lung tung, dấy lên vọng tưởng. Toàn là nghĩ tưởng cảnh giới ngũ dục, vậy là không được rồi! Nếu nghĩ tới thánh cảnh, hoặc tưởng cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, sẽ là ruộng tốt có thể sanh trưởng thiện căn. Vì thế nói “*cuộc đất ấy sanh trưởng hết thảy thiện căn*”.

“*Thị năng thịnh trử giải thoát lạc khí*” (Là dụng cụ chứa đựng niềm vui giải thoát): “*Giải thoát lạc khí*” là gì? Chính là giải thoát. Đừng hiểu chữ “*lạc khí*” (樂器) là “*nhạc khí*” để tấu âm nhạc. Địa Tạng Bồ Tát là cuộc đất chứa đựng hết thảy chúng tử giải thoát, hết thảy đều có thể giải thoát, là hiền bình⁶ có thể hiện ra hết thảy công đức quý báu,

⁶ Hiền bình (Pūrṇa-ghata): Hiền có nghĩa là Thiện, hàm ý “*có thể sanh ra phước lành, thỏa nguyện như ý*”. Bình này còn gọi là thiện bình, đức bình, mãn bình, hiền đức bình, công đức bình, như ý bình, cát tường bình. Đây là chiếc bình thường sử

màu nhiệm. Giống như tôi vừa mới nhắc tới chiếc bảo bình của Quán Thế Âm Bồ Tát, xuất hiện hết thấy các món báu màu nhiệm, tiêu tai, miễn nạn. Cần thứ gì, trong bảo bình sẽ xuất hiện thứ ấy. Quang minh của Địa Tạng Bồ Tát chiếu đến những người làm lành, chỉ chiếu người làm lành, chứ kẻ làm ác chẳng thành tựu. Kẻ làm ác phải sửa đổi thành làm lành. Đó là “*lãng nhật*”. “*Lãng nhật*” (朗日) tức là vàng mặt trời sáng ngời.

Kẻ lạc lối chẳng tìm thấy đường, phía trước bèn có đèn sáng, hay có đuốc sáng, có đuốc lớn chỉ lối. Khi nhiệt nã, vàng trắng trong mắt nhất, [cho nên nói là] “*như nguyệt thanh lương*” (như trăng trong mát). Nếu là kẻ chẳng có chân, sẽ có xe lăn cho quý vị ngồi, ví như chiếc xe, [nên nói là] giống như “*sở đắc xa thặng*” (có được xe cộ). Ví như quý vị đi đường xa, vừa khát, vừa đói, chẳng có nước, chẳng có thức ăn, vậy thì sẽ cấp lương thực cho quý vị. Như kẻ mê mất phương hướng, sẽ chỉ bảo quý vị. “*Như vô túc giả, sở đắc xa thặng, như viễn thiệp giả sở đắc tư lương, như mê phương giả sở phùng thị đạo, như cuồng loạn giả, sở phục diệu dược*” (Như người không chân có được xe cộ, như người đi xa có được lương thực, chỉ dụng. Như người lạc lối gặp người chỉ đường. Như kẻ cuồng loạn được uống thuốc hay).

Kẻ đó đã bị điên cuồng, có cách nào chữa trị hay không? Vậy thì phải gặp được thuốc hay, gặp bác sĩ giỏi. Nếu gặp được thần dược, có thể lập tức ngừng điên cuồng. Chúng ta cứ nghĩ kẻ bị bệnh mới điên cuồng; thật ra, chúng ta đều đang điên cuồng! Vì sao chẳng tu Bồ Đề đạo? Có đạo hữu tự cho rằng chính mình tu hành rất nhiều; tôi tính thử nhé! Tôi nói: Một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị tu được bao nhiêu? Quý vị còn tu chẳng nhiều bằng tôi, sao còn nói quý vị tu nhiều lắm! Chính quý vị hãy tự tính toán, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, mỗi tiếng là sáu mươi phút, có mấy phút niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng? Có mấy phút niệm tham, sân, si, niệm giết, trộm, dâm, niệm nói dối, nói thêu dệt, nói thô ác? Quý vị có tính hay chưa? Quý vị tu hành quá ít! Mọi người phải tu hành nhiều hơn! Tu hành thì đừng vì chính mình tu hành, quá ít còn tự cho là lỗi lạc lắm. Cách biệt quá xa, làm sao

dụng trong đàn tràng Mật giáo, chứa đựng các thứ chất báu, hương, thuốc báu v.v... Trong Tạng Truyền Phật giáo, hiền bình thường được gọi là Terbum, thường được dịch là Treasure Vase, Wealth Vase, hay Treasure Urn, thường có hình tròn, cổ thắt, miệng loe, có nắp đậy, phía ngoài có hình Phật, Bồ Tát và các hình cát tường, hay hình Hoàng Tài Thân (Dzambala, hóa thân của Tỳ Sa Môn Thiên Vương), và các chú ngữ, đôi khi buộc giải vải ngũ sắc quanh cổ bình.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

có thể minh tâm, làm sao có thể tiêu tai, miễn nạn cho được? Hãy khéo suy nghĩ đôi chút, làm thế nào để tiêu tai, miễn nạn?

“*Thí chư thương nhân sở thái bảo chủ, thị năng sanh trưởng thiện căn lương điền, thị năng thịnh trừ giải thoát lạc khí*” (Ví như bãi báu cho các thương nhân thu nhặt, là ruộng tốt có thể sanh trưởng căn lành, là dụng cụ chứa đựng niềm vui giải thoát): “*Khí*” (器) là một thứ đồ đựng, đồ đựng ấy chứa gì vậy? Chứa đựng điều vui sướng nhất. Điều gì vui sướng nhất? Giải thoát! Giải thoát thì sẽ chẳng có phiền não, chẳng có dục vọng; đó gọi là “*giải thoát lạc khí*”. Đây hoàn toàn chẳng phải là những thứ nhạc khí như đàn tỳ bà hoặc cổ cầm, “*lạc*” ở đây có nghĩa là “vui sướng”. “*Hiền bình có thể xuất sanh công đức quý báu nhiệm màu*”: Cái bình ấy có thể sanh ra hết thảy công đức; trong phần trước, tôi đã nói cái bình ấy giống như bảo bình của Quán Âm Bồ Tát. Đây là hình dung công đức của Địa Tạng Bồ Tát.

Ai có thể làm chuyện tốt, làm việc lành, quang minh của Địa Tạng Bồ Tát sẽ như ánh sáng mặt trời rạng rỡ chiếu đến thân quý vị. Đối với người lạc đường, “*thất đạo*” (失道) là lạc đường, đang đi đường thì bị lạc lối, Địa Tạng Bồ Tát giống như lửa đuốc sáng ngời chiếu rọi quý vị. Nếu là chúng sanh có phiền não, quang minh của Địa Tạng Bồ Tát liền diệt trừ sự nhiệt não ấy, giống như vàng trắng trong mát, khiến cho quý vị chẳng có nhiệt não.

“*Như vô túc giả, sở đắc xa thặng*” (Như người không chân có được xe cộ): Khi quý vị đi đường rất mệt nhọc mà có xe cộ, sẽ có thể giảm thiểu nỗi khôn khổ ấy. “*Như viễn thiệp giả, sở bị tư lương*” (Như người đi xa có được lương thực và chi dụng): Đi đường xa mà chẳng có lương thực và tiền chi dụng, sẽ không đến được. “*Như mê phương giả, sở phùng thị đạo*”, ý nói: Đã mê mất phương hướng, có người chỉ dẫn phương hướng cho quý vị, giống như khi chúng ta đi đường bèn hỏi đường. Một hàm nghĩa khác là trong đời sống, chúng ta tìm ra một pháp môn phương tiện thiện xảo để xuất ly sanh tử, chính là niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát.

Theo những điều đã nói trong đoạn kinh văn này, Địa Tạng Bồ Tát có thể ban gì cho chúng ta? Chính là “*phương tiện thiện xảo*”. Khi một người tu đạo, do liên quan đến nguyện lực, người cầu Ngài sẽ có thể đạt được những thứ tốt lành, nhưng đó là đối với người hữu duyên, chứ kẻ vô duyên thì vẫn chẳng thể đạt được. “*Như cuồng loạn giả, sở phục diệu dược*” (Như kẻ cuồng loạn được uống thuốc tốt lành): Chúng tôi đã khuyên rất nhiều đạo hữu cúng nước lên đức Địa Tạng. Khi cúng, trong

tâm quý vị phải rất chân thành. Đến lúc uống, phải chiêu theo phương thức do Thích Ca Mâu Ni Phật dạy Quán Thế Âm Bồ Tát trong kinh Địa Tạng để làm thì mới có thể đạt được lợi lạc. Đạt những lợi lạc gì vậy? Hễ có bệnh khổ, sẽ giảm bớt bệnh khổ. Chẳng có trí huệ, chẳng có trí nhớ, thì sẽ có trí nhớ. Kẻ cuồng loạn là người mất trí, hoặc là vì tư tưởng có vấn đề, hoặc vì kinh sợ, biến thành rối loạn thần kinh. Nếu trì thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ giống như thuốc hay. Hoặc là kẻ có bệnh tật mà gặp được lương y. Đây là đức Phật bảo Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích rằng: “Cho đến tất cả những đại chúng tham dự pháp hội”, tức là nói với tất cả chúng Bồ Tát, Thanh Văn trong hội Đại Tập này. Đức Phật hướng về đại chúng, bảo: Địa Tạng có nhiều công đức dường ấy, khiến cho người lụm cụm già cả dường như có gậy chống để nương tựa, như kẻ mệt mỏi có được giường, tòa để nghỉ ngơi.

(Kinh) Độ tứ lưu giả, vị tác kiều lương. Thụ bỉ ngạn giả, vị tác thuyền phiệt, thị tam thiện căn thù thắng quả báo, thị tam thiện bốn sở dẫn đẳng lưu. Thường hành huệ thí, như luân hằng chuyển. Trì giới kiên cố, như Diệu Cao sơn. Tinh tấn nan hoại, như Kim Cang bảo. An nhẫn bất động, do như đại địa.

(經)度四流者，為作橋樑。趣彼岸者，為作船筏，是三善根殊勝果報，是三善本所引等流，常行惠施，如輪恆轉。持戒堅固，如妙高山。精進難壞，如金剛寶。安忍不動，猶如大地。

(Kinh: Làm cầu bến cho kẻ vượt bốn dòng. Làm thuyền bè cho kẻ hướng đến bờ kia. Là quả báo thù thắng của ba thiện căn, là đẳng lưu quả do ba gốc lành dẫn khởi. Thường hành bố thí rộng rãi như bánh xe luôn xoay. Giữ giới kiên cố như núi Diệu Cao. Tinh tấn khó hoại như báu Kim Cang. An nhẫn bất động dường như đại địa).

“Độ tứ lưu giả vị tác kiều lương” (Làm cầu bến cho kẻ vượt bốn dòng): “Kiều lương” (橋樑, cầu bến) là tỷ dụ. “Tứ lưu” (Bốn dòng) là nói bốn dòng thác sanh, lão, bệnh, tử. Ngài làm cầu bến cho quý vị, nghĩa là giúp cho quý vị đắc độ. Ngay trong lúc quý vị từ bờ này [sanh tử] muốn tới bờ kia [giải thoát], Ngài có thể làm thuyền bè cho quý vị. Là quả báo thù thắng của ba thiện căn. Ba thiện căn là không tham, không sân, không si, vì “không tham, không sân, không si” sẽ có thể sanh ra hết thảy các thiện pháp. “Nhu quả đẳng lưu do ba gốc lành dẫn

khởi”: “Ba gốc lành” chính là bố thí, từ bi, và trí huệ. Bố thí và từ bi có thể khiến cho quý vị vượt qua hết thấy ách nạn, mà cũng có thể khiến cho phiền não tham, sân, si lưu nhập bố thí, từ bi. Vì vậy, thường hành huệ thí (惠施, bố thí rộng rãi). “Nhu luân hằng chuyển” (Nhu bánh xe thường xoay) có nghĩa là không ngưng nghỉ. Vì trì tụng Địa Tạng Bồ Tát, cung kính Địa Tạng Bồ Tát, vị Bồ Tát ấy sẽ có thể giúp quý vị trì giới kiên cố, giống như núi Diệu Cao (Tu Di) vậy.

“Tinh tấn nan hoại, như kim cang bảo. An nhẫn bất động, do như đại địa” (Tinh tấn khó hoại như báu kim cang. An nhẫn bất động ví như đại địa): Nói đến tinh tấn bất hoại, sẽ là chuyện rất khó khăn. Nếu chúng ta tu một pháp, chẳng hạn như niệm kinh Địa Tạng, hoặc là quán tưởng thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát, ngay trong lúc quý vị đang tu tập, sẽ có rất nhiều chướng ngại. “Chướng ngại” có nghĩa là khiến cho quý vị không thể thành tựu. Mỗi ngày quý vị [tự ấn định] tụng một bộ kinh Địa Tạng, thế nhưng luôn có những việc khiến cho quý vị gián đoạn, chẳng thể tụng kinh. Nếu kiên trì niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát không gián đoạn, bất cứ chuyện phá hoại nào cũng đều chẳng thể phá hoại sự tinh tấn của quý vị được. Vì sao chẳng thể phá hoại? Do quý vị có tâm lực kiên cố. Thường là có các chướng ngại chúng ta không thể khắc phục được, chẳng làm được. Khi ấy, hai đàng tinh tấn và giải đãi có mối quan hệ rất lớn, đặc biệt là đối với người học Phật, người tin Phật. Không đạt được lợi ích thật sự là vì chúng ta chẳng đủ tinh tấn, chẳng thể kiên trì!

Nếu chúng ta nguyện mỗi ngày tụng một bộ kinh Địa Tạng, trong bất cứ thời điểm khó khăn nào, vẫn đều chẳng gián đoạn, vậy thì tinh tấn sẽ có sức mạnh. Vì sao phải tinh tấn? Cũng là vì đối với chuyện chẳng gián đoạn giữa chừng, rất nhiều người chẳng làm được! Dầu đối với những chuyện thoát nhìn rất nhỏ, chẳng hạn như mỗi ngày ta phải niệm thánh hiệu Địa Tạng một trăm câu, ta nghĩ chuyện này quá dễ dàng, chẳng thể nào gián đoạn được. Thế nhưng chính mình sẽ quên mất, hoặc vì có chuyện khác xen vào, nay chẳng làm nữa! Tôi nghĩ mỗi vị đạo hữu đều thấu hiểu chuyện này.

Thoạt đầu, sau khi quý vị phát nguyện tin tưởng Tam Bảo, tôi đã nói với rất nhiều đạo hữu: “Đã thọ Tam Quy Y, từ hôm nay trở đi, buổi tối sắp ngủ bèn niệm mười lần ‘quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng’. Niệm xong mới ngủ. Sáng dậy, vừa mở mắt ra, ở ngay trên giường, trước hết bèn niệm mười lần quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng”. Tột bậc đơn giản như thế đó! Ai nấy đều cho rằng chính mình sẽ tuyệt đối làm được. Tôi hỏi rất nhiều đạo hữu, thoạt đầu, khi họ thọ Tam Quy, họ

cam đoan làm được. Một năm sau, lại hỏi họ: “Quý vị có làm được hay không? Có làm mỗi ngày hay không?” “Ôi trời! Quên mất tiêu rồi!” Do nguyên nhân nào? Đương nhiên là do chúng ta thường lẩn tránh, nghiệp chướng giải đãi, chẳng coi trọng chuyện này!

Công đức của Địa Tạng Bồ Tát nhiều như đã nói trên đây, do đức Phật dạy Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích. Chúng ta nghe xong, có tin tưởng hay không? Đây là một vấn đề to lớn! Chúng ta thường nghe pháp rất nhiều, học pháp cũng chẳng ít. Rất nhiều đạo hữu thường xuyên nói: “Tôi biết Phật pháp quá ít, cho nên chẳng thể nhập môn”. Tôi thấy chẳng phải là như vậy! Tôi nói: “Quý vị biết rất nhiều”. Tối thiểu, quý vị biết Phật, Pháp, Tăng là gì? Chẳng biết dụng công ư? Niệm Địa Tạng Bồ Tát đã gồm trọn cả rồi! Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát đã gồm thâu hết rồi! Quý vị có niệm hay không? Mỗi ngày quý vị niệm bao nhiêu câu? Mỗi ngày hai mươi [bốn] tiếng đồng hồ, trừ thời gian ngủ nghỉ và làm việc ra, thời gian còn lại trong tâm quý vị duyên niệm Tam Bảo lại là bao nhiêu?

Hôm nay, có rất nhiều đạo hữu cùng dùng cơm, tôi nghĩ: Trong lúc ấy, [đại đa số] nói Đông, nói Tây, chẳng hề nói đến Phật, chẳng nói đến Pháp, chẳng nói đến Tăng. Nếu quý vị tùy thời nhắc nhở mọi người như vậy, họ sẽ nghĩ quý vị rất đáng ghét, quá lải nhải. Có cảm giác ấy hay không? Quý vị không nói, họ quên bẵng rồi! Khi quý vị mỗi ngày suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ đều duyên niệm Tam Bảo, tới tối lúc đi ngủ, suy nghĩ: “Hôm nay mình có bao nhiêu thời gian niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng?” Quý vị nói cầu cảm ứng, cầu gia trì, cảm ứng hay gia trì đều do chính quý vị. Tôi nhớ pháp sư Tinh Vân có nói “*kẻ địch lớn nhất trong đời người chính là bản thân*”. Câu nói ấy rất hữu lý! Nếu chúng ta có thể quán tưởng như vậy, quán tưởng trong một thời gian dài, đừng nói là hai mươi bốn giờ, mà là một phần ba, tức tám giờ, cho đến một ngày có thể duyên niệm Tam Bảo bốn tiếng đồng hồ, tinh tấn chẳng lười nhác, tuyệt đối sẽ chẳng đọa tam đồ. Quý vị lại tăng thành tám tiếng nữa, rồi tăng thành mười hai tiếng, nhất định là có thể thành tựu đạo nghiệp!

Vì sao chúng ta chẳng hiểu rõ? Vì sao chẳng thông suốt? Vì sao không biết? Vì sao chẳng có trí huệ? Vì sao chẳng thể nhập Định? Vì cái tâm của quý vị cách biệt Tam Bảo rất xa! Tôi nói những lời này, chắc mọi người chẳng nghe lọt tai. Vì [quý vị tự nhủ]: Tôi tin Phật rất nhiều năm. Hiện thời, hằng ngày niệm Phật, tôi đã “chuyên nghiệp” rồi. Có lúc trong khi mọi người đang tụ hội, đột nhiên tôi suy nghĩ: Nay mọi người

đang làm gì? Có đang nói đến Phật hay không? Có nói tới Phật pháp hay không? Có đang tu hành hay không? Có đang buông lung, biếng nhác hay không? Nghĩ tới an nhẫn, bất động như kim cang, giống hệt như đại địa, chúng ta vẫn phải dụng công nhiều hơn!

(Kinh) Tĩnh Lự thâm mật, do như bí tạng. Đẳng chí nghiêm lệ, như diệp hoa man. Trí huệ thâm quảng, do như đại hải. Vô sở nhiễm trước, thí thái hư không. Diệu quả cận nhân, như chúng hoa điệp. Phục chư ngoại đạo, như sư tử vương. Hàng chư thiên ma, như đại long tượng. Trảm phiền não tặc, do như thần kiếm. Yếm chư huyền tạp, như Độc Giác thừa. Tẩy phiền não cấu, như thanh tịnh thủy. Năng trừ xú uế, như tạt phong phiêu. Đoạn chúng kết phược, như lợi đao kiếm.

(經)靜慮深密，猶如秘藏。等至嚴麗，如妙華鬘。智慧深廣，猶如大海。無所染著，譬太虛空。妙果近因，如眾華葉。伏諸外道，如師子王。降諸天魔，如大龍象。斬煩惱賊，猶如神劍。厭諸諠雜，如獨覺乘。洗煩惱垢，如清淨水。能除臭穢，如疾飄風。斷眾結縛，如利刀劍。

(Kinh: Tĩnh Lự sâu kín ví như kho tàng bí mật. Bình đẳng đạt tới trang nghiêm đẹp đẽ như tràng hoa đẹp. Trí huệ sâu rộng ví như biển cả. Chẳng bị dắm nhiễm dường như thái hư không. Diệu quả gần nhân như các hoa lá. Hàng phục các ngoại đạo như sư tử chúa. Hàng phục các thiên ma như long tượng lớn. Chém giặc phiền não giống như gươm thần. Chán các ồn náo như Độc Giác thừa. Gột rửa chất nhơ phiền não như nước thanh tịnh. Có thể trừ xú uế như gió thổi mạnh. Đoạn các kết phược như đao, gươm sắc).

“Tĩnh Lự thâm mật do như bí tạng” (Tĩnh Lự sâu kín ví như kho tàng bí mật): Tĩnh Lự (靜慮) là tư lự, cũng tức là khi chính mình lắng lòng suy nghĩ. Đây là cảnh giới rất sâu, chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng hạn như chúng ta tùy tiện trì một bài chú nào đó, chú dài là Đà La Ni, chú ngắn thì ba chữ, bốn chữ, chân ngôn chỉ có một chữ, chẳng hạn như chữ Án. Rất nhiều chữ đều là chữ chung tử, tùy thuộc do vị Bồ Tát nào truyền dạy. Địa Tạng Bồ Tát có công đức dường ấy, có những công lực ấy, có thể khiến cho chúng ta “đẳng chí nghiêm lệ, như diệp hoa man. Trí huệ thâm quảng, do như đại hải” (bình đẳng đạt tới sự trang nghiêm

đẹp đẽ như tràng hoa màu nhiệm. Trí huệ rộng sâu ví như biển cả). Đây là những lời đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát.

“*Vô sở nhiễm trước, thí thái hư không*” (Chẳng bị đấm nhiễm dường như thái hư không): Thái hư không chẳng bị nhiễm đấm. Hư không chẳng bị nhiễm đấm. Diệu quả trong quá khứ là do người ấy tu nhân. Tu cái nhân trong hiện tại, sẽ thành diệu quả trong vị lai.

“*Diệu quả cận nhân, như chúng hoa diệp*” (Diệu quả gần nhân như các hoa lá): Giống như lúc đơm hoa, kết trái, vì còn phải dùng cành lá để nâng đỡ. Hoa đẹp còn phải có lá xanh nâng đỡ. Quý vị gieo chủng tử xuống thì trước hết nảy lá, sau đấy mới đơm hoa. Lá cây sẽ hấp thụ chất dinh dưỡng. Đó là mối quan hệ. Hàng phục những kẻ ngoại đạo, như sư tử chúa hàng phục hết thầy thiên ma, như đại long tượng. “*Trảm phiền não tặc, do như thần kiếm*” (Chém giặc phiền não như gươm thần): Gươm thần chính là gươm trí huệ.

“*Yếm chư huyền tạp, như Độc Giác thừa*” (Chán các ồn náo như Độc Giác thừa): Độc Giác thì sao? Ngài thích tìm chỗ núi sâu tĩnh lặng để tu hành, chán lìa ồn ào.

“*Tẩy phiền não cấu, như thanh tịnh thủy*” (Gột rửa chất nhơ phiền não như nước thanh tịnh): Hai câu này, câu trên đối ứng câu dưới. Nếu chúng ta mong gột sạch phiền não, Địa Tạng Bồ Tát sẽ biến thành nước thanh tịnh, gột sạch phiền não cho chúng ta. Nếu muốn trừ khử hôi thối, ô uế, sẽ như gió mạnh thổi bạt đi. “*Đoạn chúng kết phược, như lợi đao kiếm*” (Cắt các trói buộc, như đao, gươm sắc): “*Kết phược*” (結縛) là các Hoặc nghiệp, tức là Hoặc nghiệp từ vô lượng kiếp đến nay, trói chặt chúng ta, giống như rất nhiều gông xiềng cùm chặt chúng ta, chẳng thể tháo gỡ được!

(Kinh) Hộ chư bố úy, như thân, như hữu. Phòng chư oán địch, như tiệp, như thành. Cứu chư nguy nan, do như phụ mẫu. Tàng chư khiếp liệt, do nhược từng lâm. Như hạ viễn hành, sở đầu đại thụ. Dữ nhiệt khát giả, tác thanh lãnh thủy. Dữ cơ phạp giả, tác chư cam quả. Vị lộ hình giả, tác chư y phục. Vị nhiệt phạp giả, tác đại mật vân. Vị bản quỹ giả, tác như ý bảo. Vị khủng cụ giả, tác sở quy y. Vị chư giá sắc, tác cam trạch vũ. Vị chư trước thủy, tác Nguyệt Ai châu.

(經)護諸怖畏，如親如友。防諸怨敵，如塹如城。救諸危難，猶如父母。藏諸怯劣，猶若叢林。如夏遠行，所投大樹。與熱渴者，作清冷水。與飢乏者，作諸甘果。為

露形者，作諸衣服。為熱乏者，作大密雲。為貧匱者，作如意寶。為恐懼者，作所歸依。為諸稼穡，作甘澤雨。為諸濁水，作月愛珠。

(Kinh: Che chở khỏi các sợ hãi như người thân, như bè bạn. Ngừa các oán địch, như hào, như thành. Cứu các nguy nan, giống như cha mẹ. Che giấu các kẻ khiếp nhược, yếu đuối, giống như rừng rậm. Như mùa Hè đi xa, nương dưới cây to. Làm nước trong mát cho người khát vì nóng bức. Làm quả ngọt cho người đói thiếu. Làm y phục cho kẻ lỏa lồ. Làm mây dày lớn cho người khôn khổ vì nóng bức. Làm báu như ý cho người nghèo túng. Làm chỗ nương về cho người sợ hãi. Làm mưa ngọt lành cho người trồng cấy. Làm Nguyệt Ái châu cho các nước đục).

“*Hộ chư bố úy, như thân, như hữu*” (Che chở khỏi các sợ hãi, như người thân, như bạn bè): Sinh khởi sợ hãi, thân nhân và bè bạn của chúng ta sẽ giúp chúng ta giải trừ khó khăn. Phòng ngừa oán tặc, sợ oán tặc tấn công chúng ta, bèn tu bỏ thành trì. Ngoài thành, đào hào bảo vệ thành. “*Hào*” là sông đào nhằm bảo vệ thành. Những điều này đều mang ý nghĩa tỷ dụ. “*Cứu chư nguy nan, do như phụ mẫu*” (Cứu các nguy nan, giống như cha mẹ): Bất luận là ai, khi gặp lúc khó khăn đều nghĩ đến mẹ, đều gọi mẹ. Người đang lúc lâm vào cửa tử, hoặc lúc nguy nan nhất, hoặc khi trẻ nhỏ đau khổ, đại đa số đều kêu mẹ. Chỉ có cha mẹ chúng ta mới quan tâm chúng ta. Địa Tạng Bồ Tát giống như cha mẹ bảo vệ, che chở chúng ta.

“*Tàng chư khiếp liệt, do nhược tùng lâm*” (Che giấu các kẻ khiếp nhược, yếu đuối giống như rừng rậm): Kẻ gặp cảnh sợ hãi, để tránh nạn bèn trốn trong khu rừng rậm. “*Như Hạ viễn hành, sở đầu đại thụ*”, ý nói: Giống như lúc đi xa, bị mặt trời hun bức, rất thống khổ, đến chỗ cây to hóng mát. Địa Tạng Bồ Tát giống như cội cây to để chúng ta hóng mát. Nếu đã khổ vì nóng bức, lại rất khát, Địa Tạng Bồ Tát giống như nước mát lạnh. Còn những kẻ đói, khát, bần cùng, Ngài làm các thứ quả ngọt, [hàm nghĩa] những thức ăn rất ngon lành. Kẻ chẳng có quần áo mặc, tức “*lộ hình giả*” (kẻ lỏa lồ), Địa Tạng Bồ Tát liền bố thí quần áo cho chúng ta. “*Vị nhiệt pháp giả, tác đại mật vân*” [nghĩa là] khi rất nóng bức, Ngài giống như đám mây dày, ngăn che ánh mặt trời, chúng ta liền cảm thấy mát mẻ.

“*Vị bần quý giả, tác như ý bảo*” (Vì kẻ nghèo thiếu, làm báu như ý): “*Như Ý Bảo*”: Như người khôn cùng có được kho báu. Giống như

bảo châu do Địa Tạng Bồ Tát cầm trong tay có thể xuất hiện các thứ vật báu như ý. “*Vị khùng cụ giả, tác sở quy y*” (Làm chỗ nương về cho người sợ hãi): Sợ hãi bèn quy y Bồ Tát, tâm kẻ ấy sẽ an ổn, chẳng sợ hãi. “*Vị chur giá sắc, tác cam trạch vũ*” (Làm mưa ngọt cho người trồng cây): Tới lúc khô hạn, hoa màu chẳng tươi tốt, Địa Tạng Bồ Tát liền tuôn mưa lành, có ý nghĩa như vậy đây.

“*Vị chur trước thủy, tác Nguyệt Ái Châu*” (Làm Nguyệt Ái Châu cho các thứ nước đục): Ở nơi đây, chúng ta chẳng có loại châu này. Nguyệt Ái Châu có thể biến nước đục thành nước trong sạch. Nước dẫu rất vẩn đục, thả Nguyệt Ái Châu vào, nước ngay lập tức thanh tịnh. Do vậy, đang trong lúc vẩn đục, chẳng thanh tịnh, hễ niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, tâm chúng ta liền thanh tịnh. Trong lúc phiền não, chẳng được giải thoát, có thể đến Phật đường, hoặc đối trước tượng Địa Tạng, tñnh tọa chốc lát, niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, quý vị sẽ cảm thấy đỡ rất nhiều. Những điều này đều nhằm hình dung công đức của Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Linh chur hữu tình, thiện căn bất hoại. Hiện diệu cảnh giới, linh chúng hân duyệt. Khuyến phát hữu tình, tăng thượng tâm quý. Cầu phước huệ giá, linh cụ trang nghiêm. Năng trừ phiền não, như thổ hạ dục. Năng nhiếp loạn tâm, như đấng trì cảnh. Biện tài vô trệ, như thủy kích luân. Nhiếp sự hệ tâm, như quán diệu sắc. An nhĩn kiên trụ, như Diệu Cao sơn. Tổng trì thâm quảng, do như đại hải. Thần Túc vô ngại, thí nhược hư không. Diệt trừ nhất thiết Hoặc chướng tập khí. Do như liệt nhật, tiêu thích khinh băng. Thường du tñnh lự, Vô Sắc chánh đạo. Nhất Thiết Trí trí, diệu bảo châu chử. Năng vô công dụng, chuyển đại pháp luân.

(經)令諸有情，善根不壞。現妙境界，令眾欣悅。勸發有情，增上慚愧。求福慧者，令具莊嚴。能除煩惱，如吐下藥。能攝亂心，如等持境。辯才無滯，如水激輪。攝事繫心，如觀妙色。安忍堅住，如妙高山。總持深廣，猶如大海。神足無礙，譬若虛空。滅除一切，惑障習氣。猶如烈日，銷釋輕冰。常游靜慮，無色正道。一切智智，妙寶洲渚。能無功用，轉大法輪。

(Kinh:) Khiến cho các hữu tình thiện căn chẳng hư hoại. Hiện ra cảnh giới màu nhiệm khiến cho chúng sanh vui thích. Khuyến lơn, khơi

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

gợi hữu tình tăng thêm lòng hổ thẹn. Khiến cho kẻ cầu phước huệ trọn đủ trang nghiêm. Có thể trừ phiền não như thuốc khiến cho ói ra. Có thể nhiếp loạn tâm, như cảnh Đẳng Trì. Biện tài chẳng vương mắc, như nước đầy guồng quay. Nhiếp sự, buộc tâm, như quán diệu sắc. An nhẫn, trụ vững, như núi Diệu Cao. Tổng trì sâu rộng giống như biển cả. Thần Túc vô ngại, khác nào hư không. Diệt trừ hết thảy Hoặc chương tập khí, ví như mặt trời rực rỡ tiêu ngay băng mỏng. Thường đạo trong Tình Lự Vô Sắc chánh đạo, và bến bãi diệu bảo của trí Nhất Thiết Trí. Có thể vô công dụng mà chuyển đại pháp luân).

Địa Tạng Bồ Tát có thể khiến cho thiện căn của chúng ta bất hoại. Nếu hiện thời chúng ta đã gieo chủng tử, đã có thiện căn, hoặc thiện căn đời sau bất hoại, lại có thể gặp gỡ Địa Tạng Bồ Tát, niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ có thể gia trì quý vị. Trong kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát đã đối trước Thích Ca Mâu Ni Phật phát nguyện, và Thích Ca Mâu Ni Phật đã phó chúc chúng sanh đời Mạt Pháp cho Ngài. Ngài nói: *“Chỉ cần có công đức chừng bằng một hạt vi trần, hay một giọt nước trong Phật pháp, con sẽ đều làm cho kẻ ấy được giải thoát”*. Ngài đã phát nguyện, sẽ thực hiện. Chỉ cần gieo thiện căn, chờ đến khi nhân duyên chín muồi, nhất định sẽ tăng trưởng, hiện ra cảnh giới màu nhiệm khiến cho chúng sanh vui thích.

Hiện thời, trong hội này, Ngài đã biểu hiện, hiện ra những cảnh giới rất thù thắng, rất chẳng thể nghĩ bàn; mọi người đều sanh tâm hoan hỷ, có thể khiến cho hết thảy hữu tình sanh lòng hổ thẹn, hiểu vì sao chính mình chẳng thể giải thoát? Vì sao không thể tích tụ thiện nghiệp? Vì sao không thể giúp đỡ người khác? Vì sao cái tâm ích kỷ của chính mình nặng nề dường ấy? Vì sao nhiều khổ nạn giáng xuống thân mình như vậy? Bèn hổ thẹn chính mình trong quá khứ đã sai trái, chẳng tích tụ phước nghiệp, cho nên đời này chuyện gì cũng thua kém kẻ khác. Vậy thì Địa Tạng Bồ Tát có thể giúp đỡ quý vị, khiến cho quý vị tăng trưởng phước huệ, khiến cho cái tâm sám hối của quý vị mạnh mẽ, khiến cho quý vị có thể trang nghiêm, khiến cho quý vị có thể diệt trừ phiền não.

Nếu bụng dạ chẳng thanh tịnh, hãy uống một chút thuốc xổ, giống như chúng ta có rất nhiều phiền não, chẳng hiểu giải thoát như thế nào, hãy niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, niệm kinh Địa Tạng, quý vị sẽ có thể giải thoát. Ý nghĩa là như thế đó. Tâm rất tán loạn, hãy niệm thánh hiệu cho nhiều. Niệm thánh hiệu là phương pháp tốt nhất. Có lúc chúng ta niệm kinh, hiệu quả cũng chẳng tốt bằng! Niệm thánh hiệu có thể

khảo nghiệm cái tâm tán loạn của chính mình, mà cũng khảo nghiệm [đề nhận biết] quý vị trọn đủ phiền não! Niệm một trăm câu chưa được, lại niệm một ngàn câu. Vẫn không được, bèn niệm một vạn câu. Không được, bèn niệm mười vạn câu. Vẫn không được, bèn niệm một trăm vạn câu. Hiệu quả như thế liền sanh khởi.

Tôi chẳng nói bừa đâu nhé; chính tôi đã làm như thế đó! Trước hết, tôi chuẩn bị niệm một ngàn câu. Chẳng thành tựu, bèn niệm một vạn câu. Một vạn câu chẳng thành tựu, bèn niệm mười vạn câu. Mười vạn câu chẳng thành tựu, bèn niệm một trăm vạn câu, bèn được! Nếu vẫn không được, lại tiếp tục niệm, niệm không hạn chế số lượng. Thế nhưng, đây chỉ là tính làm một chuyện chi đó. Tôi mong làm một chuyện chi đó, mong đạt được bình an, mong được như ý; trước hết chính mình hãy trải nghiệm một phen, vậy thì hãy niệm đi! Lúc mới bắt đầu niệm, tâm còn tán loạn, đến khi quý vị niệm mười vạn câu, mấy chục vạn câu trở lên, tự nhiên tán loạn ít đi. Đó gọi là công phu, ai niệm cũng đều giống nhau. Quý vị niệm như thế, cũng sẽ đạt được như thế. Ai chịu làm theo, sẽ đạt được như vậy. Nhưng quý vị phải biết buông xuống, ngày đêm đều niệm. Quý vị phải định kỳ hạn, hoặc là trong hai mươi ngày, niệm một trăm vạn câu. Mỗi ngày, bình quân ta sẽ niệm bao nhiêu câu, nhất định phải làm. Hễ chưa làm được, quý vị không ngủ, không ăn, chờ đến khi làm xong. Cũng có thể là quý vị không cần chẳng ngủ, chẳng ăn, quý vị vẫn có thể ngủ như thường, nhưng vẫn phải niệm như vậy. Nếu quý vị học pháp môn Quán Âm, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cũng được. Niệm thánh hiệu của bất cứ vị Bồ Tát nào cũng đều được! Chỉ cần quý vị chịu tinh tấn, chịu dụng công, sẽ có thể đạt được.

Những điều được nói trong đoạn kinh văn trên đây đều là tỷ dụ, giảng kinh, thuyết pháp, hoặc biện luận với người khác, quý vị chẳng có biện tài, thường bị chướng ngại. Người khác hỏi, ta chẳng trả lời được. Vậy thì niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát cho nhiều, sẽ tăng trưởng trí huệ của quý vị. Hoặc là uống Địa Tạng Thủy, sẽ được Ngài gia trì. Khi ấy, đối trước cảnh, sẽ có thể nhiếp cái tâm. Nếu không, đối trước cảnh, chẳng thể nhiếp cái tâm. Cảnh là hiện tượng. Đối trước hết thấy các hiện tượng, quý vị sẽ có thể chẳng động tâm.

“*Như quán diệu sắc, an nhĩn kiên trụ*” (Như quán sắc màu nhiệm, an nhĩn, trụ vững): “*Diệu sắc*” là sắc gì vậy? Diệu sắc là vô sắc. Điều này sâu lắm! Như quán diệu sắc thân, diệu sắc thân là vô tướng. Tôi nêu thí dụ, khi quán thánh tượng của Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta nhờ vào sắc thân có sắc tướng ấy [để quán]. Đó là giả, vì [sắc tướng ấy] là

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

tranh vẽ hay tượng đắp, nhưng từ cái giả ấy, có thể sanh ra cái thật. Cái thật là như thế nào? Tướng “*vô tướng*”. Diệu sắc thân nghĩa là quang minh.

Quán như thế lâu ngày, quang minh ấy và quang minh của quý vị, tự tâm của quý vị và tâm tự tánh của đức Địa Tạng, hai đàng sẽ hợp lại, an nhẫn kiên trụ bất động! Tổng trì hết thấy các pháp, trì vô lượng nghĩa ở mức độ sâu, trí huệ như biển cả. Thần Túc là thần thông, tức Thần Túc Thông. Thần Túc của Ngài (Địa Tạng Bồ Tát) vô ngại, dường như hư không. Hư không đối với hết thấy đều là vô chướng ngại. Đây là công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Ngài tu hành, chứng nhập rất sâu, hết thấy chướng ngại và tập khí phiền não toàn bộ đều bị đoạn trừ. Tình huống đoạn trừ giống như vàng thái dương chiếu vào băng mỏng: Mặt trời vừa mọc lên, toàn thể băng mỏng đều tiêu mất.

“*Thường du Tĩnh Lự vô sắc chánh đạo*” (Thường đạo trong Tĩnh Lự vô sắc chánh đạo): “*Vô sắc chánh đạo*” là gì? Chính là trí huệ, là Bồ Đề đạo, là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vô sắc là hết thấy các sắc tướng đều chẳng có. Đạo thật sự là vô đạo. Vậy thì sẽ có thể đạt được trí Nhất Thiết Trí. Nhất Thiết Trí là bình phạm. [Từ ngữ] “*trí Nhất Thiết Trí*” chuyên dùng để diễn tả: Trong hết thấy các trí huệ do đức Phật đã nói, trí Nhất Thiết Trí là trí huệ thù thắng bậc nhất. Khi ấy, mới có thể chuyển diệu pháp luân chẳng thể nghĩ bàn thù thắng nhất. Diệu pháp luân có thể khiến cho hết thấy các sự cảm nhiễm vô minh của hết thấy chúng sanh đều tiêu trừ.

(Kinh) “Thiện nam tử! Thị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, cụ như thị đẳng vô lượng vô số bất khả tư nghị thù thắng công đức, dữ chư quyền thuộc, dục lai chí thử, tiên hiện như thị thần thông chi tướng”. Thế Tôn thuyết thị Địa Tạng Bồ Tát chư công đức dĩ. Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, dữ bát thập bách thiên na-dữu-đa tàn-bạt-la Bồ Tát, dĩ thần thông lực, hiện Thanh Văn tượng, tùng Nam phương lai, chí Phật tiền trụ, dữ chư quyền thuộc, cung kính đảnh lễ Thế Tôn song túc, hữu nhiều tam táp, tại Như Lai tiền, hiệp chưởng nhi lập, dĩ tụng tán viết.

(經)「善男子！是地藏菩薩摩訶薩，具如是等無量、無數、不可思議殊勝功德，與諸眷屬，欲來至此，先現如是神通之相」。世尊說是地藏菩薩諸功德已。爾時，地藏菩薩摩訶薩，與八十百千那庾多頻跋羅菩薩，以神通力，

現聲聞像，從南方來。至佛前住，與諸眷屬，恭敬頂禮世尊雙足，右繞三匝，在如來前，合掌而立，以頌讚曰。

(Kinh: “Này thiện nam tử! Vị Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ấy có vô lượng vô số công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn như thế đó, cùng với các quyền thuộc muốn đến nơi đây. Trước hết, hiện ra tướng thần thông như thế”. Đức Thế Tôn nói các công đức của Địa Tạng Bồ Tát xong. Khi ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát và tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa tần-bạt-la Bồ Tát dùng sức thần thông, hiện hình tướng Thanh Văn, từ phương Nam đến. Đến trước đức Phật, Ngài cùng với các quyền thuộc cung kính đánh lễ dưới hai chân của đức Thế Tôn, nhiễu theo chiều phải ba vòng, chấp tay, đứng trước Như Lai, dùng kệ khen ngợi rằng).

Đức Phật hướng về Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích tán thán Địa Tạng Bồ Tát trọn đủ các công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng quyền thuộc của Bồ Tát cũng là những vị đã theo Ngài hóa độ chúng sanh lâu dài, số lượng đều là chẳng thể tính đếm, tức là [nói đại lược thì có] tám mươi trăm ngàn triệu tần-bạt-la vị Bồ Tát đến độ chúng sanh nơi đây. Tuy các vị Bồ Tát chưa đến nơi, các Ngài đã hóa hiện trước tướng thần thông như thế.

“*Thế Tôn thuyết thị Địa Tạng Bồ Tát chư công đức dĩ*” (Đức Thế Tôn nói các công đức của vị Địa Tạng Bồ Tát ấy xong): Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích hỏi vì sao có các thụy tướng hiện ra? Đức Phật liền bảo: Có một vị Bồ Tát tên là Địa Tạng Bồ Tát dẫn theo tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa tần-bạt-la quyền thuộc sẽ đến nơi đây để cúng dường ta, đến hội Đại Tập này để tùy hỷ công đức, cho nên có nhiều cảnh tướng thù thắng ngàn ấy. Đức Phật vừa nói xong, Địa Tạng Bồ Tát cũng đến nơi.

“*Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, dữ bát thập bách thiên na-dữu-đa tần-bạt-la Bồ Tát, dĩ thần thông lực, hiện Thanh Văn tượng, tùng Nam phương lai*” (Khi ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát cùng với tám mươi trăm ngàn na-dữu-đa tần-bạt-la Bồ Tát dùng sức thần thông, hiện hình tướng Thanh Văn, từ phương Nam đi đến): Từ phương Nam đến, đương nhiên là nói theo lúc đức Phật đang thuyết pháp, Bồ Tát từ [phía Nam của] La Lô Sơn mà đến. Bất quá, có người giải thích La Lô Sơn là Tịnh Độ của Địa Tạng Bồ Tát. Tuy vậy, nếu đó là Tịnh Độ của Địa Tạng Bồ Tát; đáng lẽ Ngài phải ở ngay La Lô Sơn, vì sao còn phải từ phương Nam đến? Rốt cuộc, Địa Tạng Bồ Tát trụ ở phương nào?

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Trọn khắp hết thảy mọi nơi! Nơi nào có địa ngục, nơi nào có khổ nạn, Địa Tạng Bồ Tát ở ngay nơi ấy, Ngài từ chỗ nào đến cũng đều được!

Đức Phật nói xong, Địa Tạng Bồ Tát vận sức thần thông đến pháp hội. “*Nhĩ thời*” (Lúc bấy giờ) tức là lúc Phật dạy Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích vừa xong, Địa Tạng Bồ Tát liền cùng quyến thuộc của Ngài, hiện hình tướng Thanh Văn, đã đến nơi, tới trước đức Phật. Lúc đến nơi, trước hết bèn thực hiện một nghi thức: Trước hết, cung kính đánh lễ dưới hai chân đức Thế Tôn. Đây chính là nghi thức chúng ta đều làm mỗi khi lễ bái.

Khi lễ bái, vì sao mọi người phải lật ngửa hai bàn tay? [Lật ngửa] hai bàn tay nhằm đỡ lấy hai chân đức Phật, gọi là “*đầu diện tiếp túc quy mạng lễ*” (đầu và mặt áp vào chân đức Phật để quy mạng lễ). Hai tay đừng nên đặt cách nhau quá xa, vì mặt và hai tay của quý vị đều áp vào chân đức Phật. Mặt áp vào chân Phật, tay áp vào chân Phật. Đây là “*đầu diện tiếp túc quy mạng lễ*”. Quy mạng lễ thì phải đánh lễ dưới hai chân của đức Thế Tôn.

Thuở đức Phật tại thế thuyết pháp, [cũng như] lúc chúng ta đến chùa miếu, hoặc khi thấy tháp, nhất định phải “*thuận nhiều tam táp*”, tức là đi vòng xung quanh ba vòng [theo chiều kim đồng hồ]. Vì sao tượng Phật trên đài điện của chùa miếu phải thờ ở giữa, chẳng dựa vào vách tường? Vì cần phải nhiều Phật. Vừa bước vào, nhất định phải đi nhiều theo chiều phải, tức là nhiều theo chiều kim đồng hồ như đức Phật đã quy định. Nhiều ba vòng xong bèn đánh lễ. Hễ tiến vào, nhất định nhiều ba vòng, nhiều ba vòng xong bèn đánh lễ. Đánh lễ xong bèn ngồi trước đức Phật.

Ở đây, khi Địa Tạng Bồ Tát đến nơi, Ngài tới trước đức Phật, sau khi nhiều ba vòng bèn đứng, dùng kệ tán thán công đức của đức Phật. Đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát lại tán thán Phật. Địa Tạng Bồ Tát còn chưa đến nơi, đã hiện thần thông, đức Phật đã tán thán Bồ Tát có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Ngài đến trước mặt đức Phật, cung kính đánh lễ xong bèn nhiều theo chiều phải ba vòng, đứng trước đức Phật, chắp tay tán thán công đức của Phật.

(Kinh) *Lưỡng Túc Tôn đạo sư, từ tâm thường phổ phú, an nhẫn như đại địa, biến trừ sân hận tâm.*

(經) 兩足尊導師，慈心常普覆，安忍如大地，遍除瞋忿心。

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

(Kinh: Lương Túc Tôn đạo sư, từ tâm thường phủ khắp, an nhẫn như đại địa, trừ trọn tâm sân hận).

Đây là bài kệ tụng thứ nhất. Cứ bốn câu là một kệ, tổng cộng có ba mươi bốn bài tán, tức là dùng ba mươi bốn bài kệ tụng để tán thán đức Phật. “*Lương Túc Tôn đạo sư*” tức là bậc phước trọn, huệ trọn, làm bậc đạo sư chỉ đường, dẫn dắt hết thảy chúng sanh thoát khỏi biển khổ sanh tử. “*Từ tâm thường phủ khắp*” (Tâm Từ thường che phủ khắp), nghĩa là: Tâm Phật đại từ, thường dẹp trừ đau khổ, ban vui sướng cho chúng sanh. “*Từ tâm*” nghĩa là ban cho sự vui sướng. “*Phổ*” (普) là trọn khắp, chẳng bỏ sót, bình đẳng. “*Phủ*” (覆) nghĩa là che phủ. Tức là lòng Từ của đức Phật che phủ trọn khắp hết thảy chúng sanh.

“*An nhẫn như đại địa, biến trừ sân hận tâm*” (An nhẫn như đại địa, trừ trọn khắp hết thảy tâm sân hận, phần nộ). “*An nhẫn*” có nghĩa là chịu đựng. Đối với tất cả những phiền não và tất cả những chuyện chẳng đúng pháp của hết thảy chúng sanh, dù mọi tai nạn trong đời ác ngũ trược, đức Phật đều dùng lòng đại từ. Không chỉ là có thể chịu đựng, mà còn có thể dẹp trừ. Bản thân đức Phật chẳng có tâm sân hận, phần nộ. Chúng sanh có sân niệm, đức Phật thay họ diệt trừ. “*Phổ phủ*” có nghĩa là trọn khắp chúng sanh, cũng tức là mong trừ tâm sân hận, phần nộ cho trọn khắp chúng sanh. Hãy cẩn thận: Tâm sân nộ là thứ lợi hại nhất trong sân si.

Vì thế, một niệm sân của chúng sanh dấy lên, trăm vạn cửa chướng mở! Cái tâm sân hận của chúng sanh hề có chút gì chẳng vừa ý bèn nổi cáu. Hễ nổi cáu, sẽ thiêu rụi rừng công đức. Đây là bài kệ tán thán công đức thứ nhất.

(Kinh) Cụ thù thắng tướng hảo, trang nghiêm chư Phật quốc, năng dĩ để từ bi, sung mãn nhất thiết độ.

(經)具殊勝相好，莊嚴諸佛國，能以諦慈悲，充滿一切土。

(Kinh: Đủ tướng hảo thù thắng, trang nghiêm các cõi Phật, lòng từ bi chân thật, sung mãn hết thảy cõi).

Tướng mạo của đức Phật trọn đủ, không chỉ hạn cuộc trong vòng trời người, mà còn là trọn đủ vô lượng tướng hảo trang nghiêm. Tướng mạo ấy có hai loại: Một loại là tướng Hóa Thân, loại kia là tướng Báo

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Thân. Tướng Báo Thân thì như Lô Xá Na Phật (Rocana), tức là Báo Thân của Phật Thích Ca, tướng ngàn trượng viên mãn, giống như tướng Vô Lượng Quang của A Di Đà Phật. Vô Lượng Quang Thọ là tướng Báo Thân của Phật, là tướng thù thắng của chư Phật. Bất luận Báo Thân hay Hóa Thân, đều trọn đủ ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo thù thắng. Đó gọi là tướng nhân thiên. Đức Phật có vô lượng tướng hảo trang nghiêm.

“*Trang nghiêm chư Phật quốc*” (Trang nghiêm các cõi Phật): Trang nghiêm hết thấy các Phật quốc độ. Có thể nói “*chư Phật quốc độ*” là quốc độ của Thích Ca Mâu Ni Phật tức thế giới Sa Bà, mà cũng có thể nói là trọn khắp pháp giới hết thấy các Phật quốc độ. Vị Phật nào cũng đều trang nghiêm Phật quốc độ. Lòng từ bi của Phật chẳng phải là ái kiến đại bi, mà là “*đế từ bi*”. “*Đế*” (諦) là chân lý. Nói tới “*chân lý*” thì là chân tâm, cũng chính là Thật Tướng của chúng ta. Chữ Đế bao hàm ý nghĩa ấy. “*Đế từ bi*” là lòng từ bi đúng lý, dẹp trừ hết thấy thống khổ, ban sướng vui cho hết thấy chúng sanh, khiến cho hết thấy chúng sanh đều có thể hiểu rõ pháp tánh của chính mình, khiến cho hết thấy chúng sanh đều có thể trọn đủ trí huệ Bát Nhã tràn ngập hết thấy các cõi Phật. Lòng từ bi của Phật cứu độ hết thấy chúng sanh chẳng hề phân biệt. Đây là bài kệ tụng thứ hai.

(Kinh) Vĩnh tuyệt chư ái võng, như thật thiện an trụ, xả chư thanh tịnh quốc, độ nhiễm trước chúng sanh.

(經)永絕諸愛網，如實善安住，舍諸清淨國，度染濁眾生。

(Kinh: Vĩnh viễn dứt lưới ái, như thật, khéo an trụ, bỏ các cõi thanh tịnh, độ chúng sanh nhiễm trước).

Đây là tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật, đạt được thanh tịnh rốt ráo, vĩnh viễn chẳng có ái dục. Chữ “*võng*” (網) là từ ngữ hình dung. Ái trong “*ái dục*” giống như lưới rập [trói chặt], mong tìm đâu mới cũng chẳng thể tìm được, hàm nghĩa [chúng sanh] bị vướng vào trong lưới, chẳng thể thoát ra. Đức Phật đã vĩnh viễn đoạn tuyệt lưới ái dục. Ngài không chỉ tự mình đoạn tuyệt, mà còn muốn đoạn tuyệt lưới ái dục của hết thấy chúng sanh. Do Ngài có thể chứng đắc Thật Tế Lý Thể chân thật, cho nên khéo an trụ, thường trụ trong cảnh giới vô vi tịch tĩnh, cũng tức là Niết Bàn.

Chúng ta nói: “Ngài an trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ!” Nơi chốn tốt đẹp như vậy, đức Phật chẳng trụ, Ngài “*xả chư thanh tịnh quốc*” (bỏ các cõi thanh tịnh), Ngài bỏ cõi Thật Báo Trang Nghiêm và Thường Tịch Quang Tịnh Độ để vào đời ác Ngũ Trược nhằm độ chúng sanh nhiễm trược. Chúng sanh trong thế giới này cấu nhiễm rất nặng, đức Phật vì độ họ mà đến. Đây là tán thán công đức của Phật chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) *Bổn nguyện nhiếp uế độ, thành thực ác chúng sanh, khởi kiên cố chánh cần, cứu tu chư khổ hạnh.*

(經)本願攝穢土，成熟惡眾生，起堅固正勤，久修諸苦行。

(Kinh: *Bổn nguyện nhiếp cõi uế, thành thực chúng sanh ác, đầy chánh cần vững chắc, tu khổ hạnh đã lâu.*)

Đức Phật ở trong thế giới Sa Bà này độ chúng sanh rất khó khăn. Đây là nguyện lực sẵn có của Ngài, là nguyện lực khi Ngài vừa mới phát tâm. Ngài đã phát thệ: “Trong tương lai, khi thành Phật, sẽ độ chúng sanh khổ nhất, uế trược nhất, sẽ đến nơi đó để độ họ. Các chúng sanh ấy trọn đủ hết thấy ác kiến, ương ngạnh, khó điều phục, khó hóa độ, ta sẽ đều thành thực họ”. Điều ấy chẳng dễ thực hiện, ắt cần phải trải qua vô lượng kiếp dũng mãnh tinh tấn, siêng năng tu tập không ngừng. [Đó là] “*kiên cố chánh cần*” (siêng năng tu tập chánh đáng kiên cố). “*Cứu tu chư khổ hạnh*” (Tu các khổ hạnh đã lâu): “*Tu khổ hạnh*” là có thể thị hiện tu khổ hạnh giống hết như chúng sanh, thị hiện nêu gương, tu tập ngay trong khổ nạn thì mới có thể thành thực chúng sanh. Bài kệ kế tiếp nhằm nhắc lại.

(Kinh) *Cứu tu chư khổ hạnh, văn sanh từng cụ tâm, tu chư Thí, Giới, Nhân, cập Tinh Tấn, Định, Huệ.*

(經)久修諸苦行，聞生悚懼心，修諸施戒忍，及精進定慧。

(Kinh: *Tu khổ hạnh đã lâu, kẻ nghe, sanh hoảng sợ. Tu hạnh Thí, Giới, Nhân, và Tinh Tấn, Định, Huệ.*)

Tu Lục Độ, vạn hạnh, Bồ Thí, Trì Giới, Nhân Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Trí Huệ, tức là Lục Ba La Mật. Thành tựu Lục Ba La Mật

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

bằng cách nào? Tu vô lượng khổ hạnh. Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói: Trong thế giới Sa Bà này, chẳng có chỗ nào nhỏ như vi trần mà chẳng phải là chỗ đức Phật xả sanh mạng. [Trong phần kinh văn giảng về] đại nguyện thứ tám trong mười đại nguyện của Phổ Hiền, [Phổ Hiền Bồ Tát đã nói] đức Phật độ chúng sanh trong thế giới này như thế nào? Khi Ngài chép kinh điển hồng tạo lợi ích cho chúng sanh, chẳng có giấy, liền lột da trên thân làm giấy, bẻ xương của chính mình để làm bút, dùng máu trên người làm mực. Ngài biên chép kinh điển như vậy đó. Khi chúng ta học kinh, phải sanh khởi cái tâm cung kính như vậy, nghĩ đến đức Phật trong quá khứ vì độ chúng ta, đã tu các khổ hạnh ấy. Lúc chúng ta nghe nói cảnh giới như vậy, sẽ sanh khởi cái tâm sợ hãi: Ngài gieo thân nuôi cọp, cắt thịt [của chính mình] cho chim ưng ăn [để cứu con bò câu bị chim ưng đuổi bắt].

Những chuyện giống như vậy chúng ta đều đã nghe nói cả rồi; khi nghĩ tới, sẽ sanh tâm hoảng sợ. Đức Phật tu Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Huệ, đều chẳng phải là dễ dàng mà đạt được. Chẳng phải là tu một hai ngày, mà là do tu tập đã lâu, cho nên mới đạt được!

(Kinh) Tăng cúng sự vô lượng, Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, cập tế chư hữu tình, cơ khát bệnh tử giả.

(經)曾供事無量，佛菩薩聲聞，及濟諸有情，飢渴病死者。

(Kinh: Tăng phụng sự vô lượng, Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, và cứu các hữu tình, kẻ đói, khát, bệnh, chết).

Thượng cầu, hạ hóa: Hướng về hết thầy chư Phật cầu pháp, cúng dường hết thầy chư Phật, cúng dường hiền thánh tăng. Lại còn muốn độ chúng sanh. “Hạ hóa” là tế độ hết thầy hữu tình, xả mình để cứu người khác.

(Kinh) Bản vị tha hữu tình, tự xả đa thân mạng, bản vị chánh pháp cố, xả đa cốt, huyết, bì.

(經)本為他有情，自舍多身命，本為正法故，舍多骨血皮。

(Kinh: Vốn vì các hữu tình, tự xả nhiều thân mạng. Vốn chỉ vì chánh pháp, xả nhiều xương, máu, da).

Vì lợi ích chúng sanh mà tự xả thân mạng của chính mình nhằm lợi ích người khác. Chuyện này hoàn toàn tương phản với chúng ta. Chúng ta luôn vì bảo vệ tánh mạng của chính mình mà thương tổn sanh mạng của kẻ khác. Miệng xoen xoét “ta vì mọi người thế này, thế nọ”, thật ra, mọi người vì ta! Xưa nay, những tướng quân thốt ra những lời đó đều y hệt như nhau. Xưa kia đã có câu thơ: “*Nhất tướng công thành, vạn cốt khô*” (Một vị tướng thành tựu công nghiệp thì muôn người phơi thây). Một vị tướng quân thành danh, quý vị biết bao nhiêu người phải chết để thành tựu cho hắn? Trên chiến trường, hy sinh rất nhiều người mới giúp cho hắn thành tựu, đấy là nghiệp. Nhưng đức Phật hoàn toàn tương phản, vì hữu tình chúng sanh, nhiều đời Ngài tự xả thân mạng của chính mình, chẳng phải là trong một, hai đời. Đức Phật đã từng vì một chúng sanh mà dùng rất nhiều kiếp, xả thân mạng của chính mình để cứu kẻ ấy. Vì cầu chánh pháp, bảo tồn chánh pháp, Ngài có thể dùng da của chính mình làm giấy, dùng xương làm bút, dùng máu làm mực. Đại nguyện thứ tám của Phổ Hiền Bồ Tát đã nói như thế.

(Kinh) Khí xả tự an lạc, bi mãn chư hữu tình, chuyên vì chư hữu tình, cần tu đoạn Hoặc võng.

(經) 棄舍自安樂，悲愍諸有情，專為諸有情，勤修斷惑網。

(Kinh): Bỏ an lạc tự thân, thương xót các hữu tình, chuyên vì các hữu tình, siêng tu đoạn lưới Hoặc).

Ngài chẳng vì cầu yên vui cho chính mình, mà chuyên vì chúng sanh đạt được hạnh phúc, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, mỗi vị Bồ Tát, mỗi vị Phật đều là như thế. Tuy thế giới Cực Lạc tốt đẹp, Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng trụ trong thế giới Cực Lạc, mà đến thế giới Sa Bà độ chúng sanh. Thế giới Hoa Tạng của Thích Ca Mâu Ni Phật là quốc độ thanh tịnh, Ngài tới thế giới Hoa Nghiêm thị hiện, đến thế giới Sa Bà độ chúng sanh khổ sở. Thọ mạng trong các cõi Phật khác là tám vạn bốn ngàn năm, có khi là tám vạn năm, hoặc bốn vạn năm; thọ mạng của Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ có một trăm năm!

(Kinh) Thiện hộ u lục căn, hằng viễn ly chư dục, quán hữu vi, vô thường, khổ, không, vô ngã tánh. Chư khổ nghiệp tăng trưởng, giai tham ái vi nhân, cố tiên u lục căn, vĩnh đoạn chư tham dục.

(經)善護於六根，恆遠離諸欲，觀有為無常，苦空無我性。諸苦業增長，皆貪愛為因，故先於六根，永斷諸貪慾。

(*Kinh*: Khéo gìn giữ sáu căn, luôn xa lìa các dục. Quán hữu vi, vô thường, khổ, không, vô ngã tánh. Các khổ nghiệp tăng trưởng, tham ái đều là nhân. Nên đoạn sáu căn trước, mãi dứt các tham dục).

Đức Phật thấy chúng sanh đang tăng trưởng khổ nghiệp. Vì sao tăng trưởng khổ nghiệp? Do cái nhân là tham ái. Dùng tham ái làm nhân, cho nên cảm vơi khổ quả từ khổ nghiệp. Quý vị phải nên nhận biết, khéo gìn giữ sáu căn của chính mình. Lục căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý. Hãy khéo gìn giữ, đừng nên buông lung, đừng nên tạo tội, đừng dấy lên đủ thứ tham dục. Hãy xa lìa hết thảy các dục. Quán hết thảy các pháp hữu vi: Hết thảy các pháp thế gian, hễ hữu hình, hữu tướng, thì những pháp hữu vi ấy đều là vô thường. Quán hết thảy các pháp là vô thường, quán hết thảy các pháp là Khổ, quán hết thảy các pháp là Không. Khổ nghiệp tăng trưởng, quý vị có biết cái khổ quả ấy xảy tới như thế nào hay không? Chính là do tham ái làm nhân, do tham ái mà có. Vì thế, nơi sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, nếu đoạn dứt tham dục, khổ nghiệp sẽ chẳng thể tăng trưởng. Khổ nghiệp chẳng thể tăng trưởng, quý vị sẽ chẳng phải chịu khổ. Ở đây, đức Phật thị hiện giáo dục hết thảy chúng sanh, tán thán đức Phật khi còn tu nhân đã dùng phương thức này để chỉ dạy, hóa độ chúng sanh.

(*Kinh*) *Phổ w hữu tình giới, thường an trụ đại bi, tuy đắc thắng Bồ Đề, nhi bất xả bốn nguyện.*

(經)普於有情界，常安住大悲，雖得勝菩提，而不捨本願。

(*Kinh*: Trọn khắp hữu tình giới, thường an trụ đại bi, tuy chứng diệu Bồ Đề, chẳng lìa bỏ bốn nguyện).

Đây là tán thán đức Phật ở trong cõi hữu tình, thường phát khởi tâm đại bi. Trông thấy các hữu tình chúng sanh khổ nạn, tuy đức Phật đã chứng đắc quả Bồ Đề thù thắng, nhưng bốn nguyện của Ngài là lợi lạc chúng sanh, chẳng xả nguyện lực vốn sẵn có. Do vậy, vẫn đến cõi này để độ chúng sanh. Nếu nói theo Lý, Phật độ hết thảy chúng sanh, nhưng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

chẳng có chúng sanh để có thể độ. Nay chúng ta trước hết nói về Sự, chẳng nói theo Lý, vì Địa Tạng Bồ Tát tán thán Phật, khởi đầu bằng những chuyện mà bọn chúng sanh chúng ta có thể lãnh hội được. Vì sao chúng ta sanh vào cõi này? Sở dĩ chúng ta sanh vào cõi này là do Thập Luân.

Thập Luân là khổ luân. Phải đoạn khổ luân ấy, tức là tu trí luân của Phật. Dùng trí luân để đối trị khổ luân, hai đằng đối lập. Khi Địa Tạng Bồ Tát tán thán đức Phật, đã nêu ra danh từ rất giản lược mà thôi. Vì sao Ngài chẳng nói [cặn kẽ]? Ngài biết hết thấy các pháp đều là Không, đều là giả, nhưng chúng sanh chẳng biết. Đối với chúng sanh, đó là nỗi khổ thật sự.

(Kinh) Tùy kiến chư hữu tình, bức thiết tại chúng khổ, tùy khởi cần tinh tấn, dũng mãnh nhi tế bạt.

(經)隨見諸有情，逼切在眾苦，隨起勤精進，勇猛而濟拔。

(Kinh: Hễ thấy các hữu tình, bị các khổ bức bách, liền siêng năng tinh tấn, để dũng mãnh cứu giúp).

Ngài trông thấy hết thấy các hữu tình bị khổ sở bức bách, đích xác là đang ở trong các khổ. Cho nên đức Phật dũng mãnh, tinh tấn cứu vớt các chúng sanh đang chịu khổ ấy. Vì thế, Ngài liền nêu gương cho họ, hy vọng họ sẽ siêng tu bố thí, sẽ trì giới, sẽ nhẫn nhục, sẽ tinh tấn, sẽ tu Định, sẽ câu trí huệ Bát Nhã.

(Kinh) Linh cần tu Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Định, Bát Nhã, như mẫu w nhất tử, từ tâm nhi dưỡng dục.

(經)令勤修施戒，忍進定般若，如母於一子，慈心而養育。

(Kinh: Khiến siêng tu Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Định, Bát Nhã, như mẹ chỉ một con, từ tâm mà nuôi nấng).

“*Như mẫu w nhất tử, từ tâm nhi dưỡng dục*”: Giống như mẹ chỉ sanh được một đứa con. Toàn bộ thân tâm của mẹ đều vì đứa con ấy, yêu thương, bảo vệ, nuôi nấng đứa bé ấy. Đây là tình yêu thương của mẹ. Còn như trong hiện thời có người mẹ đem cả hai đứa con đều giết chết, quăng xuống biển; đó là hiện tượng đặc thù. Trong xã hội hiện tại,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

ngiệp chướng quá nặng, nên mới nảy sinh hiện tượng ấy. Đó là nghiệp chướng đặc biệt nặng nề! Nói chung, lòng mẹ yêu con trăm phần trăm đều là chân thật, thiết tha. Đối với người hiện thời thì phải giảm bớt đôi chút.

Có kẻ nêu ra những trường hợp mẹ giết con cũng nhiều, mà con cái giết cha mẹ càng nhiều hơn. Điều đó cho thấy đời ác ngũ trược, nghiệp chướng đã đến lúc tội bậc sâu nặng. Do vậy, đức Phật chuyên rờn, siêng năng, chân thật, thiết tha mong thành Phật, vì Ngài mong độ chúng sanh.

(Kinh) Bốn w hữu tình loại, thường trụ phổ từ tâm, cố tốc chúng Bồ Đề, độ thoát vô lượng chúng.

(經)本於有情類，常住普慈心，故速證菩提，度脫無量眾。

(Kinh: Vốn đối với hữu tình, thường trụ phổ từ tâm, nên mau chúng Bồ Đề, độ thoát vô lượng chúng).

Vì chúng sanh đức Phật mới tu Phật đạo, vì chúng sanh nên Ngài mới thành Phật. Thành Phật để độ chúng sanh.

(Kinh) Bốn tu Bồ Đề hạnh, vô bất vị chúng sanh, cố kim w hữu tình, bất xả w Lục Độ. Tích thường w mật thể, cầu Vô Thượng Bồ Đề, kim hoàn mật thể trung, tốc thành Vô Thượng Giác.

(經)本修菩提行，無不為眾生，故今於有情，不舍於六度。昔常於末世，求無上菩提，今還末世中，速成無上覺。

(Kinh: Vốn tu hạnh Bồ Đề, đều luôn vì chúng sanh, nay đối với hữu tình, chẳng lìa bỏ Lục Độ. Xưa thường trong đời Mật, cầu Vô Thượng Bồ Đề. Nay vẫn trong đời Mật, chóng thành Vô Thượng Giác).

Phật vĩnh viễn chẳng ngừng độ chúng sanh, siêng năng, chuyên rờn chẳng thôi. Do vì chúng sanh, Ngài mới tu Bồ Đề hạnh; vì chúng sanh, Ngài mới tu Phật đạo. Đã tu thành Phật đạo, Ngài vẫn mong độ chúng sanh, độ thoát vô lượng chúng sanh. Khi Địa Tạng Bồ Tát tán thán đức Phật, đức Phật hoàn toàn chẳng phải như Thích Ca Mâu Ni Phật mà tất cả chúng ta thường thấy: Từ phát tâm, chúng Bồ Đề, cho đến

độ chúng sanh, thành Phật, nhập Niết Bàn [chỉ trong một đời]. Địa Tạng Bồ Tát chẳng thấy như vậy, [mà là thấy đức Bổn Sư] đã thành Phật độ chúng sanh, chúng sanh được độ lại thành Phật, thành Phật rồi lại thị hiện làm chúng sanh. Làm chúng sanh lại tu, tu rồi lại thành Phật. Đó là một vị Phật không ngừng độ chúng sanh. Mấy câu này có ý nghĩa như thế đó.

(Kinh) Điều phục chư ác kiến, thiên, long, nhân, được xoa, an trụ năng đoạn Hoặc, như kim cang thánh đạo.

(經)調伏諸惡見，天龍人藥叉，安住能斷惑，如金剛聖道。

(Kinh: Điều phục các ác kiến, trời, rồng, người, được xoa, an trụ đoạn trừ Hoặc, như kim cang thánh đạo).

Ác kiến tức là kiến giải tà ác rất khó điều phục, hiện thời chúng ta thường gặp phải. Quý vị nói những thiện đạo tốt lành với họ, họ chẳng nghe lọt tai. Ác kiến của họ chẳng thể nghĩ bàn. Ác kiến là gì? Chúng ta có thể thường xuyên nghe thấy. Chúng ta nói “giết người là không đúng”, họ vặn lại: “Vì sao giết người không đúng? Tao không giết nó, nó sẽ giết tao”. Hoặc là kẻ đó cũng chẳng giết người, hấn vì cướp tiền mà giết người. Chúng ta thấy xác chết không đầu, hoặc thi thể vô danh, chẳng biết là ai giết! Giết rồi vứt bỏ. Quý vị phải tìm ra nguyên nhân vì sao?...

Có những đứa thanh niên đua xe, cưỡi trên xe, nổ súng vào xe người khác đang lái. Trông thấy kẻ chẳng vừa mắt liền vung đao giết gọn, oán cừu gì cũng chẳng có! Đây là nghiệp gì vậy? Đây là cộng nghiệp của chúng sanh trong hiện thời cảm vờ. Thứ kiến giải ấy có phải là ác kiến hay không? Quý vị hỏi chúng nó vì sao lại dấy lên cách nhìn ấy, đối với chính mình có lợi ích chi đâu? Chúng nó cũng chẳng có mong cầu gì, chẳng phải là vì bọn chúng coi giết người là chuyện vui sướng ư? Đây gọi là ác kiến. Nếu muốn điều phục những ác kiến ấy, mọi người hãy ngẫm xem, có dễ điều phục hay không? Chúng nó có nghe khuyên bảo hay không? Rất khó! Được Xoa (Yakṣa) chính là Dạ Xoa. Chúng ta thường nói đến Được Xoa. Dạ Xoa là ma quỷ, nhưng vẫn có những quỷ tốt lành, có những loài tốt lành. Có những Dạ Xoa Đại Tướng là hộ pháp. Người, trời, rồng cũng có kẻ ác, đều là có thiện lẫn ác. Điều phục các ác kiến, chế phục trời, rồng, người, Được Xoa thuộc loại ác.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

“An trụ năng đoạn Hoặc” (An trụ, có thể đoạn Hoặc): Khiến cho họ đoạn tuyệt ác kiến, an trụ trong thiện đạo, an trụ trong kim cang thánh đạo, cần sức mạnh lớn cỡ nào? Do vậy, chỉ có Phật và các vị đại Bồ Tát mới có thể điều phục. Chuyện này cũng cần phải hữu duyên, mà cũng phải có thiện căn.

Trong kinh Phật, có nhiều vị Bồ Tát như thế, có nhiều đức Phật dường ấy, [thế mà] có người ngay cả danh hiệu các vị Phật, Bồ Tát cũng chẳng nghe thấy, ngay cả nhân duyên thoảng qua tai cũng không có, làm sao có thể điều phục họ cho được? Giống như vây quanh chúng ta là lục thân quyến thuộc, mọi người đều có lòng yêu thương ta, đối với con cái của chính mình đặc biệt thương yêu, nhưng trọn chẳng phải là quý vị nói, họ sẽ nghe theo. Nếu dễ độ như vậy, hiện thời chẳng còn chúng sanh ác nữa!... Quý vị dùng thiện tâm khuyên họ, họ có nghe lời quý vị hay không? Mong họ nghe lời quý vị thì phải có đại oai lực, bản thân quý vị cũng phải tu đức trọn đủ. Đức chẳng đủ, sẽ chẳng được! “Đức chẳng đủ cho kẻ khác phục, oai chẳng đủ để trị người khác”. Họ làm sao nghe lời quý vị cho được? Do vậy, phải cậy vào chính mình tự tu. Phật tự tu trước hết. Địa Tạng Bồ Tát tán thán điều này.

(Kinh) Thọ vô lượng hữu tình, đắc thắng Bồ Đề ký, thành Ứng Cúng đạo thủ, tối thượng lương phước điền.

(經)授無量有情，得勝菩提記，成應供導首，最上良福田。

(Kinh: Thọ ký vô lượng chúng, đắc Bồ Đề thù thắng, thành Ứng Cúng đạo sư, ruộng phước tốt lành nhất).

Đây là tốt đẹp. Vô lượng hữu tình chúng sanh phát tâm hành đạo, siêng tu Lục Ba La Mật, đức Phật sẽ thọ ký họ đắc Bồ Đề thù thắng, tức là nói trong tương lai, người ấy nhất định có thể thành Phật, trong tương lai nhất định có thể thành bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, làm người hướng dẫn cho hết thầy chúng sanh, làm ruộng phước tốt lành nhất cho hết thầy chúng sanh, cũng chính là thành Phật.

(Kinh) Thế Tôn vô đẳng侶, phổ phủ chư quần sanh, vô lượng đại danh văn, sung mãn thập phương giới.

(經)世尊無等侶，普覆諸群生，無量大名聞，充滿十方界。

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

(Kinh: Thế Tôn không ai bằng, che chở khắp quần sanh, thanh danh rền vô lượng, tràn ngập mười phương cõi).

Hết thấy những vị ngang hàng có thể sánh bằng đức Thế Tôn thì phải là hết thấy chư Phật. Chẳng có ai hơn nổi Phật, mà cũng chẳng có ai bằng Phật! Chỉ có Phật mới có thể phổ độ hết thấy quần sanh, tức là hết thấy chúng sanh. Phật đều có thể che chở họ trọn khắp.

“*Phổ phủ*” (普覆, che phủ khắp) có nghĩa là có thể vun bồi họ, khiến cho họ tăng trưởng, thành Phật, có thanh danh giống như Phật: Tiếng rền khắp mười phương, các cõi nước trong mười phương đều biết Thích Ca Mâu Ni Phật. Đây là đại thanh danh của Phật, cho đến mười hiệu của Phật, tức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri... vị Phật nào cũng đều có mười hiệu ấy.

(Kinh) Thị cố, chư Bồ Tát, vị thành tựu kỳ sự, hàm cộng lai quy y, Đại Mâu Ni túc hạ.

(經)是故，諸菩薩，為成就己事，咸共來歸依，大牟尼足下。

(Kinh: Do vậy, các Bồ Tát, vì thành tựu chuyện mình, đều cùng đến quy y, dưới chân Đại Mâu Ni).

Bồ Tát là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva), tức Giác Hữu Tình, là những vị Bồ Tát phát đại tâm trong mười phương pháp giới, mong lợi ích chúng sanh, tức là những người mong làm cho hết thấy hữu tình đều giác ngộ, phát đại Bồ Tát tâm, thành tựu chính mình, thành tựu sự nghiệp của Phật, khéo độ chúng sanh, đều quy hướng Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Hàm cộng lai quy y, Đại Mâu Ni túc hạ*” nghĩa là “đều quy thuận dưới chân đức Thế Tôn, tức là Thích Ca Mâu Ni Phật”. Đại Tịch Diệt là đại Niết Bàn, Mâu Ni dịch nghĩa là Tịch Diệt.

(Kinh) Văn sở thuyết diệu pháp, giai sanh hoan hỷ tâm, khởi tăng thượng chánh cần, tu tập Bồ Đề hạnh.

(經)聞所說妙法，皆生歡喜心，起增上正勤，修習菩提行。

(Kinh: Nghe nói pháp nhiệm mầu, đều sanh lòng hoan hỷ, khởi chánh cần tăng thượng, tu tập hạnh Bồ Đề).

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Đến quy y Phật để cầu thuyết diệu pháp. Diệu pháp là gì? Diệu Pháp Liên Hoa Kinh cũng là diệu pháp, kinh Kim Cang cũng là diệu pháp. “*Diệu*” (妙) là chẳng thể nghĩ bàn, rất vi diệu. Trong tâm chúng ta chẳng thể nghĩ đến, nghị luận chẳng được, thì gọi là Diệu. Quy luật, quy tắc, đó là Pháp, chính là những gì khiến cho hiểu rõ. Nói cách khác, [hiểu rõ] chính là khai ngộ. Chẳng khai ngộ, đức Phật sẽ không nói. Chúng ta chẳng hiểu rõ, đức Phật vừa nói, chúng ta liền hiểu rõ. Đó gọi là “*diệu pháp*”. Chúng ta chẳng biết khổ do đâu mà có, đức Phật liền dạy Khổ là do Tập mà có, tức chiêu cảm. Có cái nhân thì mới có khổ quả. Muốn thoát ly thì sao? Ngài dạy phải tu Đạo. Tu Đạo chứng Tịch Diệt, khổ quả liền đoạn. Đây là diệu pháp.

Nếu chẳng có trí huệ, hãy khởi lên quán chiếu, khởi lên tư duy cho nhiều. Đối với hết thấy sự vật, chẳng hiểu thì phải học: Đóa hoa này sanh ra như thế nào? Vì sao nó có màu vàng? Tùy tiện nêu ra một sự vật, [sẽ thấy] chuyện chúng ta không biết quá nhiều! Dùng trí huệ của Phật để chỉ dạy chúng ta, những điều ấy đều gọi là “*diệu pháp*”. Đây là chẳng thể nghĩ bàn! Các diệu pháp ấy chỉ là nói đến pháp tắc để thoát sanh tử, chứng Niết Bàn.

Nghe đức Phật nói loại diệu pháp ấy liền sanh tâm đại hoan hỷ. Chúng sanh đã sanh tâm hoan hỷ, sẽ chánh đáng siêng năng, hăng hái tu học, sẽ sanh khởi sự chánh cần (正勤, siêng năng chánh đáng) tăng thượng, tức là “*khởi tăng thượng chánh cần*”. Nay chúng ta tuy siêng tu chánh đáng (chánh cần), nhưng vẫn chưa đủ tăng thượng. Phải dốc sức thêm, tăng thêm cái tâm thù thắng, tăng thêm cái tâm tinh tấn. Quý vị đã có cái tâm xuất ly, lại thêm tâm tăng thượng, sẽ như thế nào? Tu tập giác ngộ, phát khởi Bồ Đề tâm. Đây cũng là tu tập tánh môn giác ngộ. Cần phải làm như thế nào?

(Kinh) Do đạo sư pháp lực, giai tốc chứng Bồ Đề, cố kim giả đạo sư, Đại Tập vị tăng hữu.

(經)由導師法力，皆速證菩提，故今者導師，大集未曾有。

(Kinh: Do pháp lực đạo sư, đều mau chứng Bồ Đề, vì thế nay đạo sư, Đại Tập chưa từng có).

Do pháp lực của bậc đạo sư, khiến cho các vị Thanh Văn Tăng, Bồ Tát Tăng ấy đều rất nhanh chóng chứng quả rốt ráo. Bồ Đề chính là

quả rất ráo. Vì thế, nay con tán thán Phật, đại pháp hội trong hiện tại đúng là chưa từng có, cho nên con đến tùy hỷ.

(Kinh) Thập tam triệu Dược Xoa, hằng đạm chur huyết nhục, giai xả chur ác nghiệp, tốc thú đại Bồ Đề.

(經)十三兆藥叉，恆啖諸血肉，皆舍諸惡業，速趣大菩提。

(Kinh: Mười ba triệu Dược Xoa, luôn ăn các máu thịt, đều bỏ các ác nghiệp, mau hướng đại Bồ Đề).

Có gì để chứng minh [những người được pháp lực của đấng đạo sư tiếp dẫn sẽ nhanh chóng chứng Bồ Đề] hay không? Ở đây, nêu lên một trường hợp: Địa Tạng Bồ Tát vừa đến, liền biết trong pháp hội này có rất nhiều người đắc độ, rất nhiều người nghe pháp khai ngộ, ở trong hội Đại Tập này, họ sẽ chứng Bồ Đề. Ngài nêu ra một con số: “Mười ba triệu Dược Xoa”. Những quý Dạ Xoa ấy đều là hạng ăn máu thịt, luôn ăn thịt chúng sanh. Trong hội Đại Tập này, mười ba triệu Dạ Xoa do nghe diệu pháp của đức Phật, họ chẳng tạo sát nghiệp nữa, chẳng còn nào hại chúng sanh. “Giai xả chur ác nghiệp”: đều bỏ các ác nghiệp. “Tốc thú đại Bồ Đề” (Nhanh chóng tiến đến Bồ Đề): Đây là như chúng ta thường nói: “Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật” (Buông đao đồ tể, ngay lập tức thành Phật). Trong hội Đại Tập này, có mười ba triệu quý Dạ Xoa chẳng còn tạo sát nghiệp, chẳng còn lưu chuyển theo nghiệp, xả trừ nghiệp, tiến hướng Phật quả.

(Kinh) Hữu đắc thắng tổng trì, an nhẫn cập tĩnh lự, hữu vĩnh tận chur lậu, Ứng Cúng thế gian tôn.

(經)有得勝總持，安忍及靜慮，有永盡諸漏，應供世間尊。

(Kinh: Đắc tổng trì thù thắng, an nhẫn và tĩnh lự, vĩnh viễn hết các lậu, thành Ứng Cúng Thế Tôn).

Địa Tạng Bồ Tát vừa đến nơi đây, do sức trí huệ của Ngài, liễu giải trong không thể tính đếm Thanh Văn Tăng, không thể tính đếm Bồ Tát Tăng, có bao nhiêu vị chứng đắc Bồ Đề, có bao nhiêu vị phát Bồ Đề tâm, bao nhiêu vị trụ Tứ Nhiếp Pháp. Trí huệ của Địa Tạng Bồ Tát rất lớn. Ngài vừa đến nơi đây, đã biết bao nhiêu người như vậy! Chúng ta

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

một người cũng chẳng biết, chẳng có trí huệ, cho nên vẫn là chúng sanh khổ sở. Nhìn từ sự tường thuật trong kinh văn, trong phần trước, đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát đến nơi đây, cũng tán thán công đức của Phật, cũng nói ra sự thù thắng của Phật pháp.

Đức Phật thuyết diệu pháp ở nơi đây, có mười ba triệu Dược Xoa buông xuống sát nghiệp, từ ác nhất chuyển biến thành thiện nhất. Lại còn có rất nhiều người đắc Đà La Ni (Tổng Trì), chứng đắc rất nhiều quả Đà La Ni, đắc Thiên Định rất sâu, vĩnh viễn hết sạch các lậu. Có người thành Phật.

“*Ứng Cúng thế gian tôn*” (Đấng Ứng Cúng được thế giới tôn trọng): Trong hội Đại Tập này, có rất nhiều người thành Phật, nhiều người buông dao đồ tể, rất nhiều người đắc Tổng Trì, rất nhiều người đắc Lục Ba La Mật. Có nhân duyên thù thắng dường ấy. Chúng ta vẫn chẳng chứng đắc, bèn tùy hỷ đôi chút, hy vọng mọi người đều đạt được Tổng Trì thù thắng.

(Kinh) Hữu tu Tứ Vô Lượng, hữu trụ Tứ Nhiếp pháp, hữu đắc Tứ Biện Tài, hữu an trụ Thuận Nhẫn, hữu đắc Kiện Hành Định, hữu đắc diệu huệ nhãn, hữu trụ Vô Sanh Nhẫn, giai do đạo sư lực.

(經)有修四無量，有住四攝法，有得四辯才，有安住順忍，有得健行定，有得妙慧眼，有住無生忍，皆由導師力。

(Kinh: Người tu Tứ Vô Lượng, kẻ trụ pháp Tứ Nhiếp, kẻ chứng bốn biện tài, kẻ an trụ Thuận Nhẫn, kẻ đắc Kiện Hành Định, kẻ đắc diệu huệ nhãn, kẻ trụ Vô Sanh Nhẫn, đều do sức Đạo Sư).

Đây là những lời lẽ đẹp đẽ để tán thán đức Phật của Địa Tạng Bồ Tát. Từ những lời ca ngợi ấy, chúng ta có thể thấy trí huệ của Bồ Tát. Thông thường, chúng ta chiếu theo kinh điển để ca ngợi Bồ Tát, ca ngợi Phật. Nếu chúng ta tự soạn lời ca ngợi, sợ rằng cũng chẳng thể tán thán nổi. Lời ca ngợi ấy bao gồm rất nhiều hàm nghĩa, có khi là [tán thán] sự tu hành của đức Phật trong lúc tu nhân, có lúc là sự biểu hiện nơi quả đức, có khi là tán nhân, có lúc là tán quả, nói ra bài Già Đà màu nhiệm này, chính là những lời lẽ tán thán chẳng thể nghĩ bàn.

“*Tứ Vô Lượng*” tức là bốn vô lượng tâm “tù, bi, hỷ, xả”. Tứ Nhiếp là trong lúc tu nhân, đức Phật đã dùng những lời lẽ tốt đẹp tốt bậc

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

đề nhiếp thọ hết thảy chúng sanh. Họ nghe những lời lẽ của Ngài, tâm sanh hoan hỷ. Sau đây, tiến nhập Phật môn. Hoặc Ngài thị hiện đồng sự với họ, hoặc thị hiện bố thí. Do vậy, trong mỗi bài kệ tán thán, đều hàm nhiếp những chuyện đức Phật đã làm trong vô lượng ức kiếp. Chúng ta nghe những danh từ ấy, cảm thấy dường như quá dễ dàng. Thế nhưng, khi chúng ta thực hiện, sẽ [nhận thấy] rất khó, vì chúng ta có tâm đố kỵ. Thấy kẻ khác làm chuyện tốt, tâm sanh ganh ghét. Không chỉ chẳng ca ngợi, mà lúc người khác khen ngợi, vẫn muốn nói chen vào những lời lẽ phá bĩnh: “Có gì hay ho đâu? Ai làm chẳng được!” Chúng ta đọc những lời lẽ ca ngợi này, trong tâm thường nghĩ tưởng như thế, sanh khởi lòng hổ thẹn, phải học theo Phật, Bồ Tát tán thán như thế nào.

Nếu trong lúc biểu dương một đệ tử để mọi người sanh khởi cảm xúc thù thắng, học tập theo, hãy khéo dùng những lời lẽ ca ngợi, xưng tán người đệ tử ấy thích đáng. Chúng ta luôn cảm thấy khi Bồ Tát tán thán Phật, đều là tán thán chẳng trọn hết. Ngoại trừ các vị như Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc, Quán Âm, nếu các vị đại Bồ Tát ấy tán thán, sẽ có thể nêu trọn công đức của Phật. Chứ chúng ta chẳng thấu hiểu sâu xa dường ấy! Nếu muốn tán thán công đức của Phật, sẽ chẳng thể tán thán nổi, tán thán chẳng cùng tận.

Trong lời tán thán của Địa Tạng Bồ Tát, từ trước đến giờ, đều là tán thán những gì? Ngài nói: “*Đức Phật thật tuyệt diệu, con thấy các vị trong hội Đại Tập này đạt được lợi ích nơi pháp*”. Ngài tán thán đức Phật giáo hóa các vị ấy, hội này chẳng phải là hội Đại Tập ư? Thanh Văn Tăng và Bồ Tát Tăng đều chẳng thể tính đếm ư? Ở trong pháp hội này, có các vị do được đức Phật chỉ dạy, có những người tu Tứ Vô Lượng Tâm; có người do đức Phật dạy bèn tu Tứ Nhiếp Pháp. Có người do được đức Phật dạy bảo mà ở trong hội này tu Tứ Vô Ngại Biện.

Tứ Nhiếp là gì? Chính là Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, và Đồng Sự. Tứ Biện Tài là gì? Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, biện vô ngại. Ở đây, còn có “*Kiện Hành Định*”, Kiện Hành Định chính là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội. Danh từ Pháp Tướng liên quan tới mỗi bộ kinh. Mỗi bộ kinh đều có ý nghĩa như thế nào, quý vị hãy tự xem, vì các ý nghĩa ấy chẳng phải là ý nghĩa chủ yếu mà chúng tôi muốn nói. Ý nghĩa chủ yếu là gì? Chúng ta muốn tu hành theo kinh Thập Luân thì phải tu hành như thế nào? “*Tu hành*” là chúng ta phải quán tưởng như thế nào? Có thể tu Định như thế nào? Khai huệ như thế nào? Đặc biệt là tuy chỉ có sáu chữ “*sổ, tùy, chỉ, quán, chuyển, tịnh*”, nhưng các hàm nghĩa trong ấy quá nhiều, chúng ta có thể từ nhập môn mà một mực hành cho đến khi đắc

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Định. “*Diệu huệ nhãn*” (Mắt trí huệ màu nhiệm) là lời ca ngợi đức Phật, ý nói: Trong hội này, có nhiều người dường ấy còn đạt được con mắt trí huệ, tức là đạt được diệu huệ nhãn nơi chánh pháp nhãn tàng. Có người đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Vô Sanh Pháp Nhãn là chứng đắc pháp tánh, chứng đắc Lý Thể, liễu giải, ngộ nhập hết thấy các pháp vô sanh. Có thể hiểu chữ Nhãn (忍) là “*tán thành*”. Có người trụ trong Vô Sanh Pháp Nhãn là do các sức mạnh nào? Vì sao các đạo hữu trong hội có sức mạnh như thế ấy? Đều là do sức của đấng Đạo Sư, tức là sức dạy bảo của đức Phật.

(Kinh) Thế Tôn đại oai đức, tôi diệt chúng ma oán, hàng phục chư ngoại đạo, cứu thập ngũ dị loại.

(經)世尊大威德，摧滅眾魔怨，降伏諸外道，九十五異類。

(Kinh: Thế Tôn oai đức lớn, dẹp tan các ma oán, hàng phục các ngoại đạo, chín mươi lăm dị loại).

Đại chúng trong pháp hội này hẳn còn có các chúng ngại, bị oán địch quấy nhiễu, do oai đức của Phật, các thứ ấy đều bị dẹp tan. “*Cứu thập ngũ dị loại*” cũng là [chín mươi lăm thứ] ngoại đạo.

(Kinh) Trọn địa ngục, bần sanh, ngạ quỷ, phi thiên thú, cố chân thật hữu tình, hàm quy tôn túc hạ.

(經)盡地獄傍生，餓鬼非天趣，故真實有情，咸歸尊足下。

(Kinh: Trọn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, nẻo phi thiên, các hữu tình chân thật, đều quy ngưỡng Thế Tôn).

Còn có địa ngục, bần sanh (súc sanh), ngạ quỷ, những loài phi thiên (chẳng phải là chư thiên), [*“phi thiên”*] tức là các hữu tình chẳng thuộc vào thiên đạo, mà cũng chẳng phải là nhân loại, ở đây là nói đến A Tu La. Tuy họ có phước giống như chư thiên, cũng thuộc vào thiên đạo, nhưng họ chẳng giống chư thiên. [Do vậy, bài kệ này] nói về lục đạo chúng sanh: Địa ngục, ác quỷ, súc sanh, trời, người, và A Tu La. Đây là gồm trọn lục đạo. Tất cả hội chúng trong hội Đại Tập đều quy y dưới chân đức Phật. “*Hàm quy tôn túc hạ*” (Đều nương về dưới chân bậc tôn kính), [*“bậc tôn kính”*] tức là đức Phật.

(Kinh) Kim giả tức đao binh, dịch bệnh, cơ cần kiếp, độ mê thất chánh đạo, manh minh chư hữu tình.

(經)今者息刀兵，疫病饑饉劫，度迷失正道，盲冥諸有情。

(Kinh: Nay dứt bật đao binh, kiếp đói kém, bệnh dịch, độ kẻ mê đường chánh, các hữu tình mù tối).

Nếu có đao binh kiếp (chiến tranh), do oai lực của Phật, đao binh kiếp chấm dứt. Nếu có bệnh khổ lan tràn, hoặc nạn đói kém, hoặc trong khi hoại kiếp, rất nhiều chúng sanh mê mất chánh đạo, đức Phật đều độ họ. “*Manh minh chư hữu tình*” (Những hữu tình mù tối) là những kẻ ở trong hắc ám. Chữ Minh (冥) vốn nói tới sự tối tăm. Những kẻ ấy do thân kinh bất bình thường, dường như vĩnh viễn ở trong tối tăm. Các hữu tình như thế ở trong cảnh tối tăm, thường nói là “có mắt mà chẳng thấy”, vì nơi thân chẳng hề thấy có quang minh. Nói “*manh minh*” là một cách hình dung vậy.

(Kinh) Chư phiền não cuồng loạn, giai an tịch diệt đạo, cố ngã xả chư duyên, lai lễ kính tôn túc.

(經)諸煩惱狂亂，皆安寂滅道，故我舍諸緣，來禮敬尊足。

(Kinh: Kẻ phiền não cuồng loạn, đều trụ đạo tịch diệt, nên con bỏ các duyên, đến lễ kính Thế Tôn).

Còn có những kẻ phiền não, cuồng loạn. Chữ “*cuồng loạn*” bao hàm rất nhiều ý nghĩa, chẳng tin chánh đạo, chẳng có chánh tri kiến, tà kiến cũng chẳng ít. [Đức Phật] khiến cho những người ấy an trụ trong đạo tịch diệt, sức mạnh ấy rất chẳng thể nghĩ bàn. Vì con thấy trong hội Đại Tập này có nhiều công đức dường ấy, nhiều lợi ích chẳng thể nghĩ bàn dường ấy.

“*Cố ngã xả chư duyên*” (Nên con bỏ các duyên): Địa Tạng Bồ Tát nói: “*Con buông xuống hết thấy các nhân duyên, buông xuống toàn bộ các duyên khác để đến lễ Phật*”. Điều này mang ý nghĩa cầu gia trì, “*lai lễ kính tôn túc*” (đến lễ dưới chân bậc tôn kính).

(Kinh) Vô biên chư Phật độ, hiện tại chư đạo sư, hàm quảng tán Thế Tôn, văn giả giai lai thử.

(經)無邊諸佛土，現在諸導師，咸廣讚世尊，聞者皆來此。

(*Kinh: Vô biên các cõi Phật, các đạo sư hiện tại, đều rộng tán Thế Tôn, người nghe đều đến đây.*)

Đây là Địa Tạng Bồ Tát xưng tán: Con thấy vô biên cõi Phật, có rất nhiều cõi nước giáo hóa của đức Phật, mỗi vị Phật trong các quốc độ ấy đều tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn của Thích Ca Mâu Ni Như Lai, đều đang tán thán đức Thế Tôn. Vì sao? Ngài đang ở trong chốn khổ sở nhất, nhằm trừ ác thế ngũ trược để độ chúng sanh, cho nên những ai thấy nghe, không ai chẳng sanh lòng hoan hỷ to lớn.

(*Kinh*) *Ngã văn Biến Tri hải, chân thật đức vô biên, độ thoát chư hữu tình, tâm hoan hỷ kính lễ. Tăng tu vô lượng phước, kim đắc lễ tôn túc, nguyện vô lượng kiếp trung, thường tu đa cúng dường.*

(經)我聞徧知海，真實德無邊，度脫諸有情，心歡喜敬禮。曾修無量福，今得禮尊足，願無量劫中，常修多供養。

(*Kinh: Con nghe biển Biến Tri, đức chân thật vô biên, độ thoát các hữu tình, tâm hoan hỷ kính lễ. Tăng tu vô lượng phước, nay được lễ Thế Tôn, nguyện trong vô lượng kiếp, thường tu nhiều cúng dường.*)

Khi bái sám có mấy câu như vậy, trước kia, tôi chẳng tìm thấy xuất xứ, sau này, đọc kinh Thập Luân mới biết xuất xứ: Ngẫu Ích đại sư đã trích lục từ chỗ này, chứ trong kinh Địa Tạng chẳng có, mà kinh Chiêm Sát cũng chẳng có. “*Biến Tri hải*” (biển Chánh Biến Tri) là Phật đạo. Con liễu giải Phật, biết trí huệ của Phật, pháp âm do Ngài nói có thể giải trừ nỗi khổ cùng cực của hết thảy chúng sanh. Phật có chân thật đức, [các công đức được nói] trong phần trước là Đệ đức, tức là công đức sanh khởi xứng hợp lễ Chân, cho nên gọi là “*chân thật đức*”. Do tánh thể trọn khắp hết thảy mọi nơi, cho nên đức ấy cũng trọn khắp hết thảy mọi nơi, vô biên. Trong câu “*độ thoát chư hữu tình*”, “*độ*” là đức Phật giáo hóa, “*thoát*” là chúng sanh thoát ly khổ nạn, có thể độ thoát. Các hữu tình chúng sanh ấy đã lìa thoát khổ nạn, được hưởng vui sướng, tâm sanh khởi đại hoan hỷ, có thể lễ Phật. Chẳng dễ gì thấy Phật! Nếu chẳng tu vô lượng phước đức, có mong lễ Phật cũng chẳng được!

“Tăng tu vô lượng phước, kim đắc lễ tôn túc” (Tùng tu vô lượng phước, nay được lễ dưới chân bậc tôn kính): Sở dĩ chúng ta có thể bái sám, là do nhiều đời nhiều kiếp tu tập mà ra! Đừng nói là chúng ta hằng ngày bái sám, dầu chỉ đến chùa lễ một lạy, vẫn là chẳng thể nghĩ bàn rồi! Kinh Pháp Hoa dạy: “*Nhuộc nhân u tháp miếu trung, đôn hiệp chưởng, tiểu đê đầu, giai dĩ thành Phật đạo*” (Nếu ai ở trong tháp, miếu, chỉ giơ một tay làm lễ, hơi cúi đầu, đều đã thành Phật đạo). Có khi nói là “*Phật đạo giai dĩ thành*” (Phật đạo đều đã thành), còn kinh Pháp Hoa thì nói “*giai dĩ thành Phật đạo*”.

Có những kẻ chỉ nói theo văn tự, [cho rằng] chỉ cần đến tháp, miếu chấp tay, cúi đầu thì đều đã thành Phật đạo. Có một giáo sư thuộc đại học Hạ Môn (Amoy) đã từng hỏi tôi về vấn đề này. Ông ta hỏi: “Tôi lễ Phật mỗi ngày, không chỉ là giơ một tay, mà chấp cả hai tay, vẫn chẳng thành Phật! Những lời ấy có khuyết điểm”. Tôi giải thích: “Những lời ấy chẳng có khuyết điểm tí nào! Phạm là người đến tháp, miếu, có thể chỉ giơ một tay [để lễ kính], hơi cúi đầu, đã đều thành Phật. Điều ấy xác nhận: Nay ông đã đến, có thể trông thấy tượng Phật, chỉ giơ một tay lễ kính, trong tương lai, nhất định sẽ thành Phật, trọn chẳng phải là hiện tại ông đã thành Phật. Quá khứ chur Phật gieo thiện căn, trong khi tu nhân, các Ngài đã gieo như thế. Cho nên các Ngài đã thành tựu Phật đạo, chứng minh: Trong hiện tại, bất luận vị nào có thể trông thấy tượng Phật mà có thể giơ một tay lễ kính, hơi cúi đầu, trong tương lai, nhất định sẽ có thể thành Phật. Từ quá khứ mà chứng minh hiện tại”.

Do vậy, nếu quá khứ chẳng tu vô lượng phước thì nay quý vị sẽ chẳng thể lễ Phật. Câu ấy có nghĩa như vậy đó. Chúng ta không chỉ lễ Phật, lại còn bái Phật, hằng ngày bái sám, chứng tỏ: Trong quá khứ, chúng ta đã tu vô lượng phước. Vì thế, phải phát nguyện “*nguyện vô lượng kiếp trung, thường tu đa cúng dường*” (nguyện trong vô lượng kiếp, thường tu nhiều cúng dường) hòng có thể cúng dường đức Thế Tôn.

(Kinh) Ngã kim học Thế Tôn, phát như thị thệ nguyện, đương u thử uế độ, đắc Vô Thượng Bồ Đề.

(經)我今學世尊，發如是誓願，當於此穢土，得無上菩提。

(Kinh: Con nay học Thế Tôn, phát thệ nguyện như thế, sẽ trong cõi uế này, đắc Vô Thượng Bồ Đề).

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

“Ngã” (Con) là Địa Tạng Bồ Tát tự xưng. Trong thuở quá khứ, đức Thế Tôn phát nguyện như vậy. Thoạt đầu, Thích Ca Mâu Ni Phật nghe danh hiệu của năm mươi ba vị Phật, Ngài lần lượt hướng về người khác truyền tụng, [những người ấy] nay chính là ba ngàn vị Phật, cũng là ba ngàn vị Phật trong Vị Lai Tinh Tú Kiếp, Hiện Tại Hiền Kiếp, và Quá Khứ Trang Nghiêm Kiếp khi chúng ta niệm kinh [Tam Thiên Phật Danh]. Ba ngàn vị Phật trong ba kiếp thoạt đầu được nghe danh hiệu của năm mươi ba vị Phật, gieo thiện căn, dần dần tu hành, đều thành Phật. Địa Tạng Bồ Tát tự khiêm, Ngài nói: “*Nay con cũng học theo Phật, cũng phát các thế nguyện giống như hội Đại Tập của đức Phật trong hiện thời. Chính mình cũng tu hành trong cõi uế vào lúc đời ác Ngũ Trược này, chẳng ở trong quốc độ thanh tịnh, [chịu đựng] hết sức nhiều chướng ngại. Tu hành ở trong ấy chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Thích Ca Mâu Ni Phật phát nguyện, do nhiều đời nhiều kiếp tu nhân mà thành tựu*”.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dĩ diệu già-tha lễ tán Phật dĩ.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩以妙伽他禮讚佛已。

(Kinh: Khi ấy, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dùng bài kệ mẫu nhiệm lễ tán đức Phật rồi).

Địa Tạng Bồ Tát vừa lễ vừa tán, tức là vừa tán thán vừa đánh lễ. Giống như khi chúng ta lễ Phật, cũng là tán thán và kính lễ. Chúng ta chẳng thể soạn kệ, bèn lấy các bài kệ tán Phật của các vị Bồ Tát để niệm, như trong phần trùng tụng của phẩm Phổ Hiền, có rất nhiều bài kệ tán thán Phật, đều có thể dùng để tán thán Phật. Còn có những bài có thể dùng để niệm sám hối tội lỗi, chẳng phải là thuần túy tán thán công đức của Phật, mà còn sám hối tội của chính mình, ai nấy đều phải tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình. Trong khi chúng ta lạy Phật, vừa lạy, vừa tưởng: “*Nguyện tiêu tam chướng chư phiền não, nguyện đắc trí huệ chân minh liễu, phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ, thế thế thường hành Bồ Tát đạo*” (Nguyện tiêu ba chướng, các phiền não, nguyện được chân trí hiểu thông tỏ, nguyện các tội chướng thảy tiêu trừ, đời đời thường hành Bồ Tát đạo). Vừa niệm, vừa lễ, đã tán Phật, lại sám hối tội lỗi, lại phát nguyện. Đây đều là những bài kệ do bậc đại Bồ Tát đã soạn cho chúng ta.

Chính mình cũng có thể soạn kệ tụng, viết kệ, tùy thuộc ý nguyện

của chính quý vị. Quý vị học rất nhiều kinh, chính mình mong cầu chuyện gì, bèn soạn kệ để chính mình tán tụng. Chúng ta thấy bài kệ tán thán Văn Thù Bồ Tát của đại sư Tông Khách Ba (Tsongkhapa)⁷. Hiện thời, những bài kệ mà pháp sư Hoàng Giác đọc khi giảng Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận đều do đại sư Tông Khách Ba soạn ra, nguyện hết thầy chúng sanh đều thành Phật. Tuy chỉ là bài tán tụng để niệm, nhưng thật ra là tu hành. Đây là các vị Bồ Tát tán xướng lẫn nhau. Địa Tạng Bồ Tát đến pháp hội Đại Tập này, trong khi lễ Phật, đã nói tất cả ba mươi bốn

⁷ Tsongkhapa (có nghĩa là “người đến từ xứ Tsongkha”, 1357-1414), được coi là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát, là người sáng lập tông phái Gelugpa của Phật Giáo Tây Tạng. Cha Ngài là người Mông Cổ, mẹ là người Tây Tạng. Ngài sanh ở thành phố Tsongkha thuộc vùng Amdo (nay thuộc Tây Ninh của tỉnh Thanh Hải, Trung Hoa), thọ Ngũ Giới với Karmapa đời thứ tư, với tên gọi là Kunga Nyingpo. Lên bảy tuổi, Ngài cầu thọ giới Sa Di với tu viện trưởng tu viện Hạ Quỳnh (Jakhyung), được đặt pháp danh là Losang Drakpa (Thiện Huệ Xung). Ngài được truyền thụ các Mật pháp bí nhiệm về Thánh Lạc (Heruka), Hỷ Kim Cang (Hevajra) và Diễm Man Đắc Ca (Yamantaka) rất sớm. Do thông thạo kinh điển, Ngài đặc biệt hứng thú nghiên cứu Luận Tạng, mật điển Thời Luân (Kalachakra), và Đại Thủ Ấn (Mahamudra). Lúc 24 tuổi, Ngài được thọ Cụ Túc Giới theo tông phái Sakyapa. Ngài chuyên nghiên cứu các giáo điển theo truyền thừa bởi tôn giả Atisha, và theo học với nhiều vị thầy nổi tiếng của hai tông Sakyapa và Kargyupa. Không chỉ nghiên cứu thâm nhập kinh điển, Ngài còn tự bé quan hành trì, cúng dường, và sám hối. Theo ghi chép, Ngài đã tự mình đánh lễ hàng triệu lần, tác pháp cúng dường, và sám hối tam nghiệp. Nhận thấy các lama Tây Tạng lời lỏng giới luật, nhiều vị buông lung trong tửu sắc, hoặc lạm dụng các pháp song tu (thậm chí mượn tiếng song tu để hành dâm bừa bãi), cũng như không chú trọng nghiên cứu kinh điển và các bộ luận Đại Thừa. Ngài nhấn mạnh việc nghiên cứu giới luật, và kinh luận, đặc biệt là Duyên Khởi Tánh Không và Trung Quán của Duy Thức, hành trì giới luật nghiêm cẩn, cấm ngặt các đệ tử đã thọ Đại Giới không được uống rượu, không được tùy tiện cưới vợ, tuyệt đối không được thực hành pháp song tu với nữ nhân. Do vậy, trong tu viện Ganden do Ngài sáng lập vào năm 1409, các tăng sĩ được gọi là Gelugpa (những người đức hạnh). Hai đệ tử nổi tiếng của Ngài là Khedrup Geleg Pelzhang (Ban Thiên Lạt Ma đời thứ nhất) và Gedun Drupa (Đại Lai Lạt Ma đời thứ nhất) là những người góp phần tích cực trong việc hình thành tông phái Gelugpa. Để phân biệt với các tông phái cũ, họ đội mũ màu vàng, nên người Hoa thường gọi họ là Hoàng Mạo Phái. Trong khi các tông phái cũ được gọi là Hồng Mạo Phái (Nyingmpa, Sakyapa và Kargyupa). Ngài để lại rất nhiều trước tác, trọng yếu nhất là các bộ Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận Quảng Luận (Lamrim Chenmo), Mật Tông Đạo Thứ Đệ Quảng Luận, Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Lược Luận, Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Tâm Luận, Đại Thừa Tu Tâm Thất Nghĩa Luận Quán Chú, Duyên Khởi Tán Ngũ Thập Bát Tụng...

bài kệ. Ngài khởi đầu bằng tán tụng, dùng tất cả ba mươi bốn bài kệ tụng để tán thán. Sau khi tán thán, lễ bái, lại còn phụng hiến cúng dường.

(Kinh) Dữ chư quyền thuộc, phục trì vô lượng thiên diệu hương, hoa, chủng chủng bảo sức, nhi tán Phật thượng, biến thành bảo cái, trụ hư không trung, vị thính pháp cố, tức ư Phật tiền, nghiêm nhiên nhi tọa.

(經)與諸眷屬，復持無量天妙香華，種種寶飾，而散佛上，變成寶蓋，住虛空中，為聽法故，即於佛前，儼然而坐。

(Kinh: Cùng các quyền thuộc lại cầm vô lượng hương, hoa màu nhiệm cõi trời và các thứ trang hoàng quý báu rải trên đức Phật, biến thành lọng báu, trụ trên hư không, vì nghe pháp bèn ngồi đóaan nghiêm trước đức Phật).

Quyển thuộc đông đảo như vậy đều dùng hương, hoa màu nhiệm, và các thứ trang hoàng báu để cúng Phật. Những vật ấy, những thứ hoa báu khi rải lên hư không, đều biến thành lọng báu. Lọng báu giống như dù che, biến thành lọng báu che trên đức Phật. Sau khi tán thán, lễ bái, bèn “Phật tiền nghiêm nhiên nhi tọa” (ngồi đóaan nghiêm trước đức Phật), cũng tức là rất thận trọng, trang nghiêm đến ngồi trong hội.

(Kinh) Nhĩ thời, nhất thiết chư lai đại chúng, ký kiến Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dĩ, giai hoạch hy kỳ, đắc vị tăng hữu, các trì chủng chủng thượng diệu hương, hoa, bảo sức, y phục, tràng, phan, cái đẳng, phụng tán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nhi vi cúng dường, giai tác thị ngôn.

(經)爾時，一切諸來大眾，既見地藏菩薩摩訶薩已，皆獲希奇，得未曾有，各持種種上妙香華、寶飾、衣服、幢幡、蓋等，奉散地藏菩薩摩訶薩而為供養，皆作是言。

(Kinh: Lúc bấy giờ, hết thấy đại chúng đến dự hội đã thấy Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát xong, đều cảm thấy hiếm lạ, đạt được chưa từng có, ai nấy đều cầm các thứ hương, hoa, vật trang hoàng báu, y phục, tràng, phan, lọng v.v... thượng diệu dâng rải lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát để cúng dường, đều nói như thế này).

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Các đại chúng vốn đến dự hội Đại Tập, trông thấy Địa Tạng Bồ Tát đi đến, “*giai hoạch hy kỳ*”, tức là cảm thấy đặc biệt hiếm lạ, do vị Bồ Tát ấy dùng lời lẽ mỹ diệu để tán thán đức Phật, họ cảm thấy rất thù thắng, mà cũng rất cảm động, cho nên đều muốn cúng dường Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Ngã đẳng kim giả khoái đắc thiện lợi, nhân Phật thân lực, thân đắc chiêm ngưỡng, lễ kính, cúng dường như thị Đại Sĩ.

(經)我等今者快得善利，因佛神力，親得瞻仰，禮敬，供養如是大士。

(Kinh: Chúng tôi nay mau chóng đạt được lợi ích tốt lành, do thân lực của đức Phật mà đích thân được chiêm ngưỡng, kính lễ, cúng dường bậc Đại Sĩ như thế).

Sở dĩ chúng tôi đạt được lợi ích rất to lớn, rất tốt đẹp, đều là do thân lực của đức Phật, cho nên mới có thể chiêm ngưỡng, kính lễ, cúng dường vị Đại Sĩ này, tức là Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Nhĩ thời, chúng trung hữu Bồ Tát Ma Ha Tát, danh Hảo Nghi Vấn.

(經)爾時，眾中有菩薩摩訶薩，名好疑問。

(Kinh: Khi ấy, trong đại chúng có vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Hảo Nghi Vấn).

Ngay lúc ấy, trong hội có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát tên là Hảo Nghi Vấn, có nghi bèn thưa hỏi. Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, vị phát khởi bộ kinh ấy là Kiên Tịnh Tín Bồ Tát, tức vị Bồ Tát nêu câu hỏi trước tiên có tên là Kiên Tịnh Tín, biểu thị chúng ta đều chẳng có tín tâm, nhưng Ngài thì tín tâm hết sức kiên định, hy vọng sẽ khiến cho mọi người cũng [có tín tâm] kiên định giống như Ngài. Nay vị đại Bồ Tát phát khởi ở đây là Hảo Nghi Vấn. Bản thân Hảo Nghi Vấn Đại Bồ Tát đã hết sức liễu giải Địa Tạng Bồ Tát, cho nên Ngài đại diện đại chúng trong đại hội, vì người khác chẳng có trí huệ để thưa hỏi. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát cũng vì như thế mà hỏi. Có lúc, chẳng có ai thưa hỏi, Văn Thù Bồ Tát bèn thưa hỏi, như trong các kinh luận, đều do Văn Thù Bồ Tát thưa hỏi. Trong lúc thưa hỏi lẫn nhau, sẽ sanh ra các nghĩa lý, khiến cho đại chúng trong pháp hội đạt được rất nhiều lợi ích. Vị Hảo

Nghi Vấn Bồ Tát này hề có nghi liền hỏi.

Tôi nhớ Vĩnh Gia đại sư có mấy câu như thế này: “Viên Đốn Giáo vô nhân tình” (Viên Đốn Giáo không có chuyện nói theo tình cảm bình phàm), [ý nói]: Giáo lý viên mãn chẳng thể nghĩ bàn, kẻ bình phàm sẽ chẳng thể liễu giải được! Chẳng thể nói theo tình cảm bình phàm, chẳng có tình cảm bình phàm nào để nói được (tức là chẳng vì nghi vấn mà e ngại người khác mịch lòng, hay sợ bị chê là ngu dốt, độn căn mà cứ ôm mãi nỗi nghi). “Hữu nghi bất quyết trực tu tranh” (Có nghi vấn chẳng quyết đoán được thì cứ thẳng thừng tranh biện): Ta có chuyện hoài nghi chẳng thể quyết đoán được, “trực tu tranh” nghĩa là cứ tranh luận như vậy chẳng sao cả! Đừng nên nghe người khác bảo thế nào, ta bèn nói rập khuôn thế đó, người khác bảo sao, ta nghe vậy! Đây là chẳng đúng, quý vị cần phải hỏi. “Hữu nghi bất quyết trực tu tranh, thị phi sơn tăng tranh nhân ngã” (Hễ có nghi vấn mà chẳng thể quyết đoán được, cứ thẳng thừng tranh biện để giải quyết mọi nghi, chẳng phải là chuyện tranh chấp giữa ta với người của các vị tăng): Chẳng phải là ta tranh luận đúng, sai. “Tu hành khùng lạc đoạn thường khanh” ([Nếu không giải quyết nghi hoặc], sợ rằng tu hành sẽ rơi vào hầm bẫy Đoạn Kiến và Thường Kiến): Người tu hành chẳng hiểu đạo lý ấy, nếu chẳng đọa vào Đoạn Kiến, thì cũng rơi vào Thường Kiến. Hảo Nghi Vấn Bồ Tát thấy cảnh tượng và sự biến hóa ấy, cho nên bèn đứng dậy, hướng về đức Phật thưa hỏi.

(Kinh) Tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, thiên đản nhất kiên, lễ Phật song túc, hữu tất trước địa, hiệp chưởng hướng Phật, nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thử thiện nam tử tùng hà nhi lai? Sở cư Phật quốc, khứ thử viễn cận? Thành tựu hà đẳng công đức thiện căn, nhi môn Thế Tôn chủng chủng xưng tán? Phục năng tán Phật bất khả tư nghị công đức pháp hải? Ngã đẳng tích lai, vị tăng văn kiến, duy nguyện vị thuyết”.

(經)從座而起，整理衣服，偏袒一肩，禮佛雙足，右膝著地，合掌向佛，而白佛言：「世尊！此善男子從何而來？所居佛國，去此遠近？成就何等功德善根，而蒙世尊種種稱嘆？復能讚佛不可思議功德法海？我等昔來，未曾聞見，唯願為說」。

(Kinh: Từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật y một bên vai, lễ dưới hai chân đức Phật, gối phải đặt sát đất, chắp tay hướng về

đức Phật, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vị thiện nam tử này từ đâu đến? Cõi Phật mà vị ấy ở cách đây xa hay gần? Thành tựu công đức, thiện căn như thế nào mà được đức Thế Tôn xưng tán đủ mọi lẽ? [Vì sao] vị ấy lại có thể tán thán biến pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật? Chúng con trước nay chưa từng thấy, nghe, kính mong hãy nói cho”).

Trước hết, đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát, “mông Thế Tôn chúng chúng xưng tán, phục năng tán Phật bất khả tư nghị công đức pháp hải” (được đức Thế Tôn xưng tán đủ mọi lẽ, [vì ấy] lại có thể tán thán biến pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật). Tán thán kiểu ấy, tán thán chẳng thể nghĩ bàn, những kẻ bình phàm sẽ chẳng thể tán thán được. Có sao trước nay [chúng con] chưa hề nghe thấy? Chúng con chưa từng nghe thấy vị đại Bồ Tát như thế, từ trước đến nay chưa hề nghe thấy. “Duy nguyện vị thuyết” [nghĩa là] xin đức Thế Tôn hãy giải thích, khai thị cho chúng con. Có lúc khi chúng ta lễ sám xong, có đạo hữu nói: “Su phụ! Xin hãy khai thị”. Khai thị điều gì? Quý vị có thắc mắc gì? Hãy nêu ra câu hỏi. Hễ quý vị đối trước Phật cầu chỉ dạy, đối trước tượng Phật cầu thỉnh, ắt cần phải có nguyện lực, có mục đích gì. Trước hết, quý vị phải có thắc mắc, chẳng thể hồ đồ đập đầu nói “đức Phật gia trì con” được! Giống như quý vị mắc bệnh gì, cần phải hỏi bác sĩ, thì phải nói rõ căn bệnh. Phải có thắc mắc rồi mới nêu ra câu hỏi.

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: “Chỉ! Thiện nam tử! Như thị Đại Sĩ công đức, thiện căn, nhất thiết thế gian thiên nhân đại chúng, giai bất năng trắc kỳ lượng thiểu thâm. Nhược văn Như Lai vị như quảng thuyết như thị Đại Sĩ công đức, thiện căn, nhất thiết thế gian thiên nhân đại chúng, giai sanh mê muội, hoặc bất tín thọ”.

(經)世尊告曰：「止！善男子！如是大士功德善根，一切世間天人大眾，皆不能測其量淺深。若聞如來為汝廣說如是大士功德善根，一切世間天人大眾，皆生迷悶，或不信受」。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Thôi đi! Thiện nam tử! Công đức và thiện căn của vị Đại Sĩ như thế, hết thấy đại chúng trời người trong thế gian đều chẳng thể suy lường cạn hay sâu. Nếu nghe Như Lai vì ông rộng nói công đức và thiện căn của vị Đại Sĩ như thế, hết thấy đại chúng trời người trong thế gian sẽ đều mê muội, mờ mịt, hoặc chẳng tin

nhận”).

Đức Phật trả lời Hảo Nghi Vấn Bồ Tát: “*Chi*” (Thôi đi), tức là ta không trả lời ông, chẳng cần phải hỏi nữa! Vì sao ta không nói cho ông? “*Như thị Đại Sĩ*”, công đức của vị đại Bồ Tát này, thiện căn do Ngài đã tu, hết thầy đại chúng trời người trong thế gian chẳng thể tin nhận, suy lường mức độ cạn hay sâu của Ngài, sẽ chẳng thể suy lường được! Giả sử ta đem công đức của vị ấy nói cạn kẽ rồi, sẽ có những kẻ sanh lòng nghi báng, hoặc đâm ra mê muội, mờ mịt. “*Mê muội*” (迷悶) là chẳng thể lý giải!

(Kinh) Thời, Hảo Nghi Vấn phục trùng thỉnh ngôn.

(經)時，好疑問復重請言。

(*Kinh*: Khi ấy, Hảo Nghi Vấn lại thỉnh lần nữa như sau).

Hảo Nghi Vấn Bồ Tát đã hỏi, đức Phật chẳng đáp. Ngài vẫn muốn thỉnh, thỉnh lần nữa.

(Kinh) “Duy nguyện Như Lai ai mãn vị thuyết”.

(經)「唯願如來，哀愍為說」。

(*Kinh*: “*Kính mong đức Như Lai xót thương nói cho*”).

Đã là như thế, [con vẫn] cầu mong [Như Lai] thương xót hết thầy chúng sanh, nói cho hết thầy chúng sanh. Hễ nói ra, chúng sanh sẽ được phước, “*được phước*” tức là lìa khổ, được vui. Ngài thỉnh lần nữa. Phạm là thỉnh một lần chẳng nói, chúng ta sẽ thỉnh nữa. Có lúc, đức Phật dù được thỉnh lần nữa, vẫn chẳng nói. Thỉnh lần thứ ba, nhất định là đức Phật sẽ nói. Một rồi hai, hai rồi ba lượt thỉnh, trong rất nhiều bộ kinh, đều là thỉnh từ một đến ba lượt. Kinh Pháp Hoa cũng vậy; trước hết, đức Phật đáp ứng. Ngài vừa mới đáp ứng sẽ nói, năm ngàn người đang hiện diện đều lui ra, họ chẳng nghe! Chưa đợi đến lúc đức Phật thuyết pháp, họ đã lui về. Các đạo hữu nào đã đọc kinh Pháp Hoa ắt biết chuyện này.

(Kinh) Phật ngôn: “Để thỉnh! Thiện tư niệm chi.

(經)佛言：「諦聽！善思念之。」

(*Kinh*: Đức Phật dạy: “*Lắng nghe! Hãy khéo suy niệm*”).

Đã khải thỉnh lần nữa, quý vị hãy “*đế thính*” (lắng nghe). Trong phần trước là “*đế ngữ, đế kiến*” (nói chắc thật, thấy chắc thật), ở đây là “*đế thính*”. Mỗi lần đức Phật trả lời đều dạy “*đế thính*”. “*Đế thính*” là đúng như thật, [hàm ý] hãy lắng nghe để lý đúng như thật, hãy dụng tâm mà nghe. Đừng dùng tai để nghe! Dùng tai để nghe, sẽ từ tai này lọt sang tai kia, chớ nên! “*Đế thính*” là mong quý vị hãy tư duy. Chỉ nghe suông là không được, vẫn phải khéo suy niệm, phải khéo quan sát.

(Kinh) Ngô đương vị nhữ lược thuyết thiểu phần.

(經)吾當為汝略說少分。

(Kinh: Ta sẽ vì ông nói đại lược ít phần).

Nếu muốn nói viên mãn công đức của vị Đại Sĩ này, chỉ sợ chẳng thể. Nay chỉ nói đại lược đôi chút. “*Thiểu phần*” là rất ít.

(Kinh) Như thị Đại Sĩ, thành tựu vô lượng bất khả tư nghị thù thắng công đức.

(經)如是大士，成就無量不可思議殊勝功德。

(Kinh: Bậc Đại Sĩ như thế thành tựu vô lượng công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn).

Vị Địa Tạng Bồ Tát Đại Sĩ này đã thành tựu công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Tiếp đó, [đức Phật] nêu ra công đức của Đại Sĩ.

(Kinh) Dĩ năng an trụ Thủ Lăng Già Ma thắng tam-ma-địa, thiện năng ngộ nhập Như Lai cảnh giới, dĩ đắc tối thắng Vô Sanh Pháp Nhân, u chư Phật pháp, dĩ đắc tự tại, dĩ năng kham nhẫn Nhất Thiết Trí vị, dĩ năng siêu độ Nhất Thiết Trí hải, dĩ năng an trụ Sư Tử Phần Tán Tràng tam-ma-địa, thiện năng đặng thượng Nhất Thiết Trí sơn, dĩ năng tột phục ngoại đạo tà luận, vị dục thành thực nhất thiết hữu tình, sở tại Phật quốc tất giai chỉ trụ. Như thị Đại Sĩ, tùy sở chỉ trụ chư Phật quốc độ, tùy sở an trụ chư tam-ma-địa, phát khởi vô lượng thù thắng công đức, thành thực vô lượng sở hóa hữu tình.

(經)已能安住首楞伽摩勝三摩地，善能悟入如來境界，已得最勝無生法忍，於諸佛法，已得自在，已能堪忍一切智位，已能超度一切智海，已能安住師子奮迅幢三摩地

，善能登上一切智山，已能摧伏外道邪論，為欲成熟一切有情，所在佛國悉皆止住。如是大士，隨所止住諸佛國土，隨所安住諸三摩地，發起無量殊勝功德，成熟無量所化有情。

(Kinh: Đã có thể an trụ chánh định Thủ Lăng Già Ma thù thắng, khéo có thể ngộ nhập cảnh giới Như Lai, đã đắc Vô Sanh Pháp Nhãn tối thắng, đã được tự tại trong các Phật pháp, đã có thể kham nhẫn địa vị Nhất Thiết Trí, đã có thể vượt qua biên Nhất Thiết Trí, đã có thể an trụ trong chánh định Su Tử Phán Tấn Tràng, khéo có thể lên núi Nhất Thiết Trí, đã có thể dẹp tan, hàng phục tà luận của ngoại đạo, vì muốn thành thực hết thấy hữu tình, ở trong các cõi Phật đều có thể an trụ. Vị Đại Sĩ như thế hãy an trụ trong các cõi Phật, an trụ trong các môn chánh định, sẽ đều phát khởi vô lượng công đức thù thắng, thành thực vô lượng hữu tình do Ngài giáo hóa).

Trong phần trước, [Hảo Nghi Vân Bồ Tát] đã thắc mắc: Vị thiện nam tử này từ đâu tới? Ngài là người thuộc cõi Phật nào? Cách thế giới Sa Bà tức là quốc độ giáo hóa của đức Phật [Thích Ca Mâu Ni] bao xa? Ngài thỉnh vân như thế, đức Phật bèn giải đáp: “*Vị Đại Sĩ này trụ trong quốc độ nào thì quốc độ ấy là nơi Ngài an trụ*”. Do vậy, Ngài không nhất định đến từ phương Nam. Kinh Địa Tạng nói là từ phương Nam đến, nhưng theo kinh này nói, chỉ cần cõi Phật nào có địa ngục, chỉ cần có tam đồ, Ngài sẽ đều ở đó. Ngài an trụ ở bất cứ nơi đâu, đều trụ trong tam-ma-địa. Tam-ma-địa (Samādhi) là Định, là diệu định. Chúng ta nói tiếp về công đức thù thắng của Ngài.

“*Thủ Lăng Già Ma (Śūraṅgama) thắng tam-ma-địa*” tức là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội. Trong quá khứ, cách dịch theo lối cũ là Thủ Lăng Nghiêm. Pháp sư Huyền Trang chiếu theo nguyên ý để phiên dịch, nên dịch thành Thủ Lăng Già Ma thắng tam-ma-địa. Kiện Hành Định trong phần trước cũng có thể dịch là Kiện Tướng Định, [hàm ý] đã thực hiện xong những chuyện ấy. “*Cứu cánh Định*” là rốt ráo nhất. Đối với các tam-muội do đức Phật đã chứng đắc, theo kinh Niết Bàn, quyển thứ hai mươi bảy, Thủ Lăng Nghiêm tam-muội có năm tên. Tên gọi thứ nhất là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội. Tên gọi thứ hai là Bát Nhã Ba La Mật. Bát Nhã Ba La Mật chính là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, cũng tức là Thủ Lăng Già Ma thắng tam-ma-địa như chúng ta vừa đọc trong kinh này. Tên gọi thứ ba là Kim Cang tam-muội, đây là danh từ được dùng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

trong Mật Tông. Tên gọi thứ tư là Sư Tử Hồng tam-muội. Tên gọi thứ năm là Phật Tánh tam-muội.

Bất cứ nghiệp nào đã làm, tức là bất cứ mỗi sự nghiệp do đức Phật đã thực hiện, đều được gọi là tam-muội, hành động nào cũng đều gọi như vậy. Nhưng trong một trăm lẻ tám tam-muội, có một môn tổng tam-muội. Bồ Tát đã trụ trong tam-muội ấy, cũng tức là trụ trong môn Định này. Ngài từ sáng sớm luôn trụ trong Định, dùng vô lượng định để độ vô lượng chúng sanh. Dùng môn Định ấy để đến cõi Phật nào hồng độ loại chúng sanh nào, đều chẳng nhất định. Địa Tạng Bồ Tát là như thế đó, mỗi buổi sáng sớm đều nhập vô lượng tam-muội để độ vô lượng chúng sanh. Đức Phật nói chút phân như thế đó, thành tựu chúng sanh, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao Địa Tạng Bồ Tát có nhiều công đức dường ấy? Vì Ngài đắc tam-muội nhiều ngàn ấy. [Trong kinh Thập Luân này, chỉ nêu đại lược] Ngài có hai mươi ba loại Định. Kế đó là những môn Định mà Địa Tạng Bồ Tát đã đắc, còn môn Định này là nói tổng quát.

Vị Đại Sĩ này có thể ngộ nhập cảnh giới của Như Lai, Ngài giống hệt Như Lai, đã đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn tối thắng. Vô Sanh Pháp Nhẫn là đã thấy Pháp Tánh, tức bậc Đẳng Địa Bồ Tát. Bồ Tát dựa vào địa vị Sơ Địa, sẽ chứng đắc từng phần, mãi cho đến khi chứng rốt ráo, tức là Vô Sanh Pháp Nhẫn rốt ráo nhất, tối thắng nhất, thừa nhận các pháp đều vô sanh. Trong phần trước, chúng tôi đã từng nói: Chuyện này rất khó khăn. Chúng ta cho rằng hết thảy các pháp đều có sanh, cũng coi hết thảy các pháp duyên khởi là chân thật. Do vậy, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thấy thứ gì cũng đều là chân thật. Cái đồng hồ có quả lắc này là chân thật, đóa hoa này cũng là chân thật, chẳng thể biết chúng là vô thường, chẳng thể biết các pháp là vô sanh, là nhân duyên. Pháp sanh bởi nhân duyên thì chẳng có tự tánh, nhưng chuyện này chẳng giống như hư không. Vô sanh là “*vô sanh, nhưng không gì chẳng sanh*”, trong các pháp, sẽ có bản thể của pháp tánh sanh. Tùy tiện lấy bất cứ một pháp nào, không gì chẳng phải là pháp giới.

Đối với vấn đề này, tôi gần như hơn hai mươi mấy năm dài chẳng thể lý giải. Kinh Hoa Nghiêm luôn nói Có; trước nay, kinh Hoa Nghiêm chưa hề nói Không. Hoa Nghiêm là Có, như vô biên thế giới, thứ gì cũng đều là vô biên, thứ gì cũng đều có! Sau hai mươi năm, tôi mới dần dần hiểu đôi chút! Tôi nêu ra một thí dụ, “*chuyển đại pháp luân trong một vi trần*”, tức là đức Phật ở trong một hạt vi trần mà nói đại pháp luân. Như vậy là trong hai vi trần có hai vi trần số cõi nước, hai [vi trần số] cõi sẽ

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

có chẳng thể nghĩ tưởng chư Phật. Trong mỗi vi trần, có vô cùng vô tận cõi Phật. Mỗi cõi Phật lại có Phật thành đạo trong ấy, được hải hội vây quanh, có các đại Bồ Tát. Sao vi trần lại có sức mạnh to ngàn ấy? Bản thân nó là Không, cho nên trong một hạt vi trần chẳng phải là Hữu, tức là quang minh trí huệ Bát Nhã. Hôm qua, pháp sư Hoằng Giác có nói về Chiếu. Hạt vi trần chính là Chiếu, tức là trí huệ có thể chiếu soi. Hễ chiếu thì thứ gì cũng đều được gộp vào trong ấy. Chẳng có suy tưởng, nghĩ nhớ, chẳng có phân biệt, chẳng nhờ vào phân biệt, chẳng nhờ vào hành động. Kinh Hoa Nghiêm toàn là nghĩa lý như thế đó. Có kẻ bảo kinh Kim Cang là Không, kinh Hoa Nghiêm là Hữu, sai lầm mất rồi! Kinh Kim Cang chẳng Không, mà kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng Có! Kinh Hoa Nghiêm dạy “*Bát Nhã Không cũng là bất không*”. Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy, chứa đựng nghĩa lý như thế, hòng làm cho quý vị ngộ hết thấy các pháp.

Tâm Kinh dạy “*bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh*” cũng có ý nghĩa tương tự. Hiện thời, có một loại nam kỹ (male prostitute). Trong quá khứ cũng có nam kỹ viện, họ được gọi là “*trương công*”. Tại Bắc Kinh, quý vị chẳng thể gọi người khác là “*trương công*”, gọi như thế là chửi mắng người ta. Tại Bắc Kinh thuở đó, nếu quý vị đi giày có rỗng xanh vờn quanh, láng mượt, da dẻ tươi nhuận, người khác vừa nhìn liền biết gã trai trẻ ấy là “*trương công*”, cũng là nam kỹ. Nếu là nữ thì là kỹ nữ. Kinh Hoa Nghiêm nói Thiện Tài đồng tử đến tham yết cô Bà Tu Mật Đa (Vasumitra), cô ta là kỹ nữ. Mọi người đều bảo: “Đồng tử này có đạo đức đầy đủ dường ấy, cơ sao tìm kỹ nữ?” Kinh Hoa Nghiêm là “*niêm tịnh như nhau*”. Quý vị vừa tiếp xúc cô Bà Tu Mật Đa, sẽ khai ngộ. Ai tiếp xúc cô ta, nắm tay cô ta, hôn cô ta, ôm ấp cô ta, liền thành đạo. Tiếc là chúng ta chẳng có phước báo ấy. Chúng ta trông thấy cô ta bèn chạy tuốt! Do chạy tuốt nên chẳng đạt được phước báo ấy, vì chúng ta dùng cái tâm phân biệt để nhìn!

Cảnh giới của kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới như thế đó, toàn thể là trí huệ Bát Nhã. Như vua Vô Yếm Túc giết người chẳng chán. Quý vị thấy đó, Thiện Tài đồng tử đến tham yết nhà vua, trong tâm đầy nghi hoặc, đó là thiện tri thức ư? Treo lưng lẳng đuôi người, nã người, quả thật là cả đồng chí thể bị chia cắt, giống như tới phòng giải phẫu trong bệnh viện. Vua Vô Yếm Túc đang độ chúng sanh, Ngài khiến cho quý vị chẳng đầy lên tâm phân biệt, phải sanh khởi trí vô phân biệt. Đây mới là cảnh giới Hoa Nghiêm. Quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm thì phải đọc như vậy.

Kinh Hoa Nghiêm là gì? Hoàn toàn là trí Bát Nhã, Không và Hữu bất nhị. Quý vị phải lý giải “*Không và Hữu bất nhị*” thì mới có thể tiến nhập. Do vậy, Vô Sanh Pháp Nhân là biết các pháp vô sanh, vô sanh cũng vô diệt. Vô sanh, vô diệt, vô hình, vô tướng. Phàm hết thấy hình tướng, bản thể của chúng vốn là Không, chúng ta nói đại lược là Vô Sanh Pháp Nhân. Ngài (Địa Tạng Bồ Tát) có thể tự tại giống như chư Phật, thật sự đạt được tự tại, đã có thể kham nhận địa vị Nhất Thiết Trí. Câu nào trong đoạn kinh văn này cũng đều nhằm nói Địa Tạng Bồ Tát đã bình đẳng với chư Phật, đã thành Phật. Ngài có thể vượt qua biển Nhất Thiết Trí, đã có thể an trụ trong Sư Tử Phấn Tấn Tràng tam-muội, đó cũng là pháp môn Đại Bi. Pháp môn Như Huyền Đại Bi được gọi là Sư Tử Phấn Tấn tam-muội.

“*Thiện năng đặng thượng Nhất Thiết Trí sơn*” (Khéo có thể lên núi Nhất Thiết Trí): Đây là cách nói hình dung, ví như đã có thể dẹp tan, hàng phục tà luận của ngoại đạo. Nhìn từ phương diện cứu cánh liễu nghĩa, hễ cái tâm vượt ra ngoài đạo, chấp lấy pháp ngoài tâm thì là tà luận. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài hết thấy các pháp cũng chẳng có tâm!

“*Vị dục thành thực nhất thiết hữu tình cố*” (Vì muốn thành thực hết thấy hữu tình): Do muốn thành thực hết thấy hữu tình, cho nên tùy thuận thị hiện thiện xảo. Bất cứ quốc độ nào Ngài an trụ thì nơi đó là Phật quốc độ của Ngài. Do vậy, trong phần trước, Hảo Nghi Vấn Bồ Tát hỏi Ngài cư trụ trong cõi Phật nào, [câu trả lời sẽ là] chẳng có! Địa Tạng Bồ Tát là ai? Cõi Phật của Ngài là như thế nào? Kinh Địa Tạng chẳng nói, kinh Thập Luân nói tường tận như thế này: Phàm tất cả các cõi Phật, Ngài đều trụ trong ấy. Bạc Đại Sĩ như thế, ở bất cứ cõi Phật nào, cũng đều an trụ trong các tam-ma-địa, phát khởi vô lượng công đức thù thắng, thành thực vô lượng hữu tình do Ngài hóa độ.

(Kinh) Như thị Đại Sĩ, tùy trụ như thị chư Phật quốc độ. Nhược nhập Năng Phát Trí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai tất đồng kiến chư tam-ma-địa sở hành cảnh giới.

(經)如是大士，隨住如是諸佛國土。若入能發智定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆悉同見諸三摩地所行境界。

(Kinh: Vị Đại Sĩ như thế, hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu có thể nhập Năng Phát Trí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho

hết thấy hữu tình trong cõi Phật đó đều thấy cảnh giới sở hành của các tam-ma-địa).

Bất luận trụ trong cõi Phật nào, “*tùy trụ như thị chư Phật quốc độ*” (hễ trụ trong các cõi Phật như thế), Ngài sẽ nhập môn Định nào để hóa độ hết thấy chúng sanh? Tiếp theo đây, [đức Phật] sẽ liệt kê tất cả hai mươi ba môn Định. Nếu Địa Tạng Bồ Tát trụ trong quốc độ này, Ngài sẽ nhập Năng Phát Trí Định trong quốc độ ấy. Do trụ trong định lực đó, Ngài sẽ khiến cho tất cả hữu tình trong quốc độ ấy cùng nhập môn Phát Trí tam-ma-địa. Tiếp theo đây là một môn định khác trong một cõi Phật khác.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Vô Biên Trí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, tùy kỳ sở ưng, năng dĩ vô lượng thượng diệu cúng cụ, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn. Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Thanh Tịnh Trí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai tất đồng kiến chư dục cảnh giới vô lượng quá hoạn, tâm đắc thanh tịnh.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足無邊智定，由此定力，令彼佛土一切有情，隨其所應，能以無量上妙供具，恭敬供養諸佛世尊。隨住如是諸佛國土，若入具足清淨智定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆悉同見諸欲境界無量過患，心得清淨。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Vô Biên Trí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật ấy, tùy theo lẽ đáng nên, có thể dùng vô lượng vật cúng thượng diệu cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn. Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Thanh Tịnh Trí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật ấy thấy đều cùng thấy vô lượng lỗi lầm, tai họa của các dục cảnh giới, tâm được thanh tịnh).

Ngài đã nhập Cụ Túc Thanh Tịnh Trí Định, sẽ hiển hiện lỗi lầm, tai hại của dục. Dục bao gồm rất nhiều thứ, chẳng hạn như tham dục. Nhưng đây là Thanh Tịnh Trí Định, do sức của Thanh Tịnh Trí Định, có thể khiến cho hữu tình chúng sanh nhận biết các lỗi lầm, họa hại trong

cảnh dục, họ sẽ chẳng tham đắm hết thấy các dục, chẳng dấy lên dục niệm, tâm được thanh tịnh, có thể khiến cho hết thấy hữu tình đạt được thanh tịnh. Đó là một loại.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Tàm Quý Trí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai đắc cụ túc tăng thượng tàm quý, ly chư ác pháp, tâm vô vong thất.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足慚愧智定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆得具足增上慚愧，離諸惡法，心無忘失。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Tàm Quý Trí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật đều được trọn đủ hổ thẹn tăng thượng, lìa các pháp ác, tâm chẳng quên mất).

Phải sanh khởi lòng hổ thẹn, phải có trí huệ. Chúng ta bái sám, hằng ngày nói “không hổ, không thẹn”, lại làm rất nhiều chuyện sai trái, chẳng có một tí hổ thẹn nào, còn cho đó là chánh xác. Đây là lừa dối rất rõ rệt! Có kẻ nào chấp trước dục cảnh, do sức của môn Định do Bồ Tát đã nhập, dục vọng sẽ nhẹ bớt, thậm chí đoạn dứt. Vì thế, Bồ Tát nhập môn Định này khiến cho chúng sanh hữu duyên với Ngài trong cõi Phật ấy có thể trọn đủ cái tâm thanh tịnh. Khi ngài nhập Cụ Túc Tàm Quý Trí Định, chúng sanh trong cõi Phật ấy đều sanh khởi cái tâm tàm quý (hổ thẹn). “Tàm” (慚) là sám hối quá khứ, “quý” (愧) là thẹn với tương lai, trong tương lai trọn chẳng làm nữa. Hổ thẹn bao gồm hai loại ý nghĩa, phải sanh khởi cái tâm hổ thẹn. Sám hối vì quý vị vừa mới làm chuyện rất sai trái, hổ thẹn sau này ta trọn chẳng thể làm nữa. Địa Tạng Bồ Tát ở trong cõi Phật ấy, dùng Tàm Quý Trí Định, do sức của môn Định ấy, có thể khiến cho hữu tình trong cõi Phật ấy đều trọn đủ lòng hổ thẹn vô thượng, hổ thẹn tăng trưởng. Đối với chư Phật và Bồ Tát, bản thân các vị đại Bồ Tát cũng thường hổ thẹn, thường cảm thấy chính mình vẫn chẳng thể giống như Phật, vẫn chưa thể lập tức thành Phật. Các Ngài cũng có tâm hổ thẹn. Hổ thẹn có sâu và cạn. Chẳng phải là các vị ấy đã thối lạc Địa Tạng Bồ Tát có trí lực gì ư? Vì sao trong quá khứ chúng con chẳng nghe thầy? Đức Phật bảo các Ngài: “Do các ông vô duyên với Ngài”. Địa Tạng Bồ Tát ở bất cứ quốc độ nào, nhập bất cứ môn Định nào, độ

bất cứ chúng sanh nào.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Chư Thừa Minh Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai đắc thiện xảo Thiên Nhân Trí Thông, Túc Trụ Trí Thông, Tử Sanh Trí Thông, liễu đạt thử thế, tha thế nhân quả.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足諸乘明定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆得善巧天眼智通，宿住智通，死生智通，了達此世，他世因果。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Chư Thừa Minh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đều đắc thiện xảo Thiên Nhân Trí Thông, Túc Trụ Trí Thông, Tử Sanh Trí Thông, thông đạt nhân quả trong đời này và đời khác).

“*Chư Thừa Minh Định*”: Hoặc là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, hoặc Bồ Tát Thừa, Địa Tạng Bồ Tát nương vào môn Chư Thừa Minh Định này, khiến cho hết thảy hữu tình có thể thiện xảo đạt được Thiên Nhân Thông, Tha Tâm Thông, liễu sanh tử, trí thông đạt sanh tử. “*Sanh diệt*” nghĩa là vô thường, vốn chẳng có. Dựa vào định lực để quán vô thường, sẽ đều chứng đắc Bát Nhã Không. Nói chung, họ có thể biết nhân quả thế gian và xuất thế gian.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Vô Ưu Thần Thông Minh Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai ly nhất thiết sầu ưu, hôn muội.

(經)隨住如是諸佛國土，若入無憂神通明定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆離一切愁憂，昏昧。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Vô Ưu Thần Thông Minh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật đó đều lìa hết thảy sầu ưu, tối tăm).

Trong quốc độ Địa Tạng Bồ Tát đã trụ, Ngài nhập Vô Ưu Thần Thông Minh Định. Do sức của môn Định ấy, có thể khiến cho hữu tình trong cõi Phật đó chẳng ưu sầu, không buồn rầu, không lo lắng, sáng suốt, tỉnh lặng, chẳng tối tăm, mờ mịt. “*Hôn muội*” (昏昧) là tối tăm. Ở

trong tôi tâm thì còn thông suốt điều gì được nữa? Vì không hôn ám, cho nên họ có thể lia hết thấy ưu sầu, biết ưu sầu khổ não là giả, chỉ là vọng niệm tôi bời!

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Thắng Thông Minh Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai đắc cụ túc thần thông thiện xảo.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足勝通明定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆得具足神通善巧。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Thắng Thông Minh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong cõi Phật ấy đều được trọn đủ thần thông hay khéo).

Thần thông là tâm. “Thần” (神) là thiên tâm, cũng chính là cái tâm tự nhiên của chúng ta. “Thông” (通) là tất cả trí huệ của chúng ta. “Huệ” (慧): Thông minh huệ tánh. Quý vị do cái tâm minh tịnh (sáng suốt, thanh tịnh) chẳng thể nghĩ bàn, sanh ra một thứ trí huệ phương tiện thiện xảo, đó gọi là “*thần thông*”. Thần thông là phương tiện thiện xảo. Bồ Tát nhập môn Định này, chúng sanh trong quốc độ ấy đều trọn đủ thần thông thiện xảo.

Nay Địa Tạng Bồ Tát đang ở trong thế giới này của chúng ta, sáng sớm mỗi ngày nhập Cụ Túc Thắng Thông Minh Định, chúng ta có đạt được thần thông thiện xảo hay chẳng? Nếu Bồ Tát ở trong một quốc độ nào, vừa nhập môn Định nào, chúng sanh trong quốc độ ấy đều có thể đạt được điều ấy. [Vậy mà] Địa Tạng Bồ Tát ở trong quốc độ này, vì sao chúng ta vẫn chẳng thể đạt được? Hãy tham cứu đi! Chúng ta có duyên với Địa Tạng Bồ Tát hay không? Chẳng có duyên! Nay chúng ta niệm kinh Địa Tạng, hằng ngày niệm thánh hiệu Địa Tạng, rất hữu duyên, Địa Tạng Bồ Tát nhập nhiều môn Định như vậy, vì sao ta một môn cũng chẳng đạt được? Hãy tham cứu đi! Chính mình hãy tư duy, quán tưởng một phen, vì sao vậy?

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Phổ Chiếu Chư Thế Gian Định, do thử Định lực, linh thập phương giới, ly chư hôn ám, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, phổ kiến thập phương chư Phật quốc độ. Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Chư Phật Đấng Cụ Minh Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ

nhất thiết hữu tình, xả tà quy y, quy chánh Tam Bảo.

(經)隨住如是諸佛國土，若入普照諸世間定，由此定力，令十方界，離諸昏暗，令彼佛土一切有情，普見十方諸佛國土。隨住如是諸佛國土，若入諸佛燈炬明定，由此定力，令彼佛土一切有情，舍邪歸依，歸正三寶。

(*Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Phổ Chiếu Chư Thế Gian Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho mười phương cõi lìa các tối tăm, khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy thấy trọn khắp các cõi Phật trong mười phương. Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Chư Phật Đăng Cự Minh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy bỏ tà quy y, nương về Tam Bảo chân chánh*).

Phổ Chiếu Chư Thế Gian Định (môn Định chiếu khắp các thế gian) và Chư Phật Đăng Cự Minh Định (môn Định đèn đuốc sáng của chư Phật), hai thứ Định mọi người đều hiểu rõ, nên tôi không thuyết minh thêm nữa.

(*Kinh*) *Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Kim Cang Quang Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ, sở hữu nhất thiết Tiểu Luân Vi Sơn, Đại Luân Vi Sơn, Tô Mê Lô Sơn, cập chư dư sơn, kê, giản, câu, hác, ngôa, lịch, độc thích, chư ứ thảo mộc, giai tất bất hiện, linh bỉ Phật độ, sở hữu nhất thiết chúng tà cổ độc, chư ác trùng thú, tai hoạn, dịch lệ, hôn ám trần cấu, bất tịnh xú uế, tất giai tiêu diệt, linh bỉ Phật độ, địa bình như chưởng, chủng chủng gia tường tự nhiên dũng hiện, thanh tịnh thù thắng, chúng tướng trang nghiêm.*

(經)隨住如是諸佛國土，若入金剛光定，由此定力，令彼佛土，所有一切小輪圍山，大輪圍山，蘇迷盧山，及諸餘山，溪澗溝壑，瓦礫毒刺，諸穢草木，皆悉不現，令彼佛土，所有一切眾邪蠱毒，諸惡蟲獸，災橫疫癘，昏暗塵垢，不淨臭穢，悉皆銷滅，令彼佛土，地平如掌，種種嘉祥自然踴現，清淨殊勝，眾相莊嚴。

(*Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Kim Cang Quang Định, do sức của môn Định ấy, khiến cho tất cả hết thảy núi Tiểu Luân Vi, núi Đại Luân Vi, núi Tô Mê Lô (núi Tu Di), và các núi khác,*

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

khe, ngòi, rãnh, kềm núi⁸, ngói, sỏi, gai độc, các thảo mộc như uế trong cõi Phật ấy, thấy đều chẳng hiện, khiến cho hết thấy các cỏ độc⁹ tà vạy, các trùng thú ác, tai ương ngang trái, bệnh dịch, bụi như tằm tối, hôi như chẳng sạch trong cõi Phật ấy, thấy đều tiêu diệt, khiến cho cõi Phật ấy đất phẳng như lòng bàn tay, các thứ tốt lành tự nhiên ồ ạt hiện ra, thanh tịnh thù thắng, các tướng trang nghiêm).

Môn Định này có tên là Kim Cang Quang Định. Khi nhập môn Định này, trong quốc độ ấy có Đại Luân Vi Sơn, Tiểu Luân Vi Sơn, Tô Mê Lô Sơn (cũng là núi Diệu Cao), trong những núi ấy có khe nước, có ngòi rãnh, có cao thấp, lại còn có gạch, sỏi, gai độc, cỏ cây dơ bẩn, có hoa cỏ, cây cối độc địa, những thứ ấy đều chẳng xuất hiện nữa. Các chúng sanh trong thế giới ấy sẽ chẳng bị trúng phải các thứ tà độc, trùng độc, cho đến chẳng bị ác trùng, ác thú xâm hại, thậm chí những thứ bụi bặm tối tăm, những thứ hôi như bất tịnh đều tiêu mất. Do sức của môn Kim Cang Quang Định, khiến cho đất trong quốc độ ấy bằng phẳng như lòng bàn tay, đủ loại hiện tượng tốt lành tự nhiên ồ ạt xuất hiện, thanh tịnh thù thắng, các tướng trang nghiêm. Khi Địa Tạng Bồ Tát nhập Kim Cang Quang Định trong quốc độ ấy, khiến cho quốc độ ấy sanh ra các thứ biến hóa đó.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Trí Lực Nan Tồi Phục Định, do thử Định lực, linh bí Phật độ nhất thiết ma vương, cập chư quyền thuộc, giai tất kinh bố, quy y Tam Bảo.

⁸ “Kềm núi” là khe núi nhỏ hẹp, hai bên là vách núi dựng đứng, chính giữa là một dòng sông nhỏ quanh co. Những kềm núi đẹp nổi tiếng như kềm Trống trên sông Đáy thuộc tỉnh Hà Nam, hoặc Hòn Kềm ở Quảng Nam.

⁹ Cỏ (蠱) là các loại trùng độc (côn trùng, rắn độc, nhện, rết, bò cạp v.v...), hoặc các loại thực vật có chất độc, được chế thành bột để hạ độc hoặc không chế người nào đó. Người luyện thuật này gọi là Vu Sư hay Cỗ Sư, thuật này được gọi là Vu Cỗ hay Cỗ Thuật. Cách này thường sử dụng trong các bộ tộc thiểu số, nhất là người Miêu, đặc biệt là tại vùng Tương Tây (Hồ Nam) của Trung Hoa. Tại Trung Hoa, thường có truyền thuyết cỏ trùng có thể sống ký sinh trong thân thể người bị hại, khiến cho người bị hại hoàn toàn nghe theo lời sai khiến của Vu Sư. Thậm chí còn có truyền thuyết nói Cỗ Sư có thể dùng Cỗ để điều khiển xác chết đi hại người. Truyền thuyết phổ biến nhất là để luyện Cỗ, họ bỏ các loại trùng độc vào trong một đồ chứa lớn, cho chúng tàn sát lẫn nhau. Con nào sống sót cuối cùng sẽ là con độc địa nhất, đem con đó luyện Cỗ.

(經)隨住如是諸佛國土，若入智力難摧伏定，由此定力，令彼佛土一切魔王及諸眷屬，皆悉驚怖，歸依三寶。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Trí Lực Nan Tồi Phục Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thầy ma vương và các quyến thuộc trong cõi Phật ấy thầy đều kinh sợ, quy y Tam Bảo).

Nếu Địa Tạng Bồ Tát dùng môn Trí Lực Nan Tồi Phục Định (trí lực khó thể dẹp tan) này, hễ vừa nhập thì do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho ma vương và quyến thuộc của hắn trong cõi nước ấy sanh lòng hoảng sợ, đều quy y Tam Bảo. Ma vương sanh lòng hoảng sợ sẽ chẳng nào hại người khác.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Điện Quang Minh Định, do thứ Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai tất viễn ly hậu thế khủng bố, đắc pháp an ủi.

(經)隨住如是諸佛國土，若入電光明定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆悉遠離後世恐怖，得法安慰。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Điện Quang Minh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thầy hữu tình trong cõi Phật ấy thầy đều xa lìa sự sợ hãi trong đời sau, được sự an ủi nơi pháp).

Vì được Điện Quang Minh Định an ủi, thoát ly tam đồ, vĩnh viễn chẳng bị sợ hãi. Điện Quang Minh Định là pháp chẳng thể nghĩ bàn, có thể đạt được sự an ủi bởi pháp trí.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Thượng Diệu Vị Định, do thứ Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, tùy niệm giai đắc ẩm thực sung túc.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足上妙味定，由此定力，令彼佛土一切有情，隨念皆得飲食充足。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Thượng Diệu Vị Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thầy hữu tình trong cõi Phật đó, thuận theo ý niệm đều được thức ăn sung túc).

Thượng Diệu Vị Định cũng là ăn uống ngon lành. [Môn Định này] khiến cho chúng sanh trong quốc độ ấy có thể đạt được diệu vị thù thắng, tất cả các thức ăn đều sung túc, đều ngon lành. Sánh vào Lục Dục Thiên, thức ăn của quý vị chẳng cần đầu bếp, nghĩ gì bèn có nấy. Chỉ cần tưởng món gì, món ấy bèn hiện hữu. Sánh lên trời sẽ có năng lực ấy, hưởng hồ lại được Bồ Tát nhập Định gia trì.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Thắng Tinh Khí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ, nhất thiết hữu tình, vô bất giai đắc tăng thượng lực thế, ly chư bệnh khổ.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足勝精氣定，由此定力，令彼佛土，一切有情，無不皆得增上力勢，離諸病苦。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Thắng Tinh Khí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy, không ai chẳng đều tăng thượng thế lực, là các bệnh khổ).

Bệnh khổ gì cũng đều chẳng có, đây là do sức Thắng Tinh Khí Định của Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Thượng Diệu Chư Tư Cụ Định, do sức của môn Định ấy, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, tùy nhạo giai đắc sàng, tòa, phu cụ, y phục, bảo sức, chư tư thân cụ, vô sở pháp thiếu, thù diệu đoan nghiêm, thậm khả ái nhạo.

(經)隨住如是諸佛國土，若入上妙諸資具定，由此定力，令彼佛土一切有情，隨樂皆得床座敷具，衣服寶飾，諸資身具，無所乏少，殊妙端嚴，甚可愛樂。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Thượng Diệu Chư Tư Cụ Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy, tùy theo lòng yêu thích, đều được giường, tòa, đồ trải, y phục, vật trang hoàng báu, các vật cần dùng cho cuộc sống không bị thiếu khuyết, đoan nghiêm, đẹp dễ lạ lùng, hết sức đáng yêu mến).

Thượng Diệu Chư Tư Cụ Định: Do sức của môn Định này, khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy, tất cả các thứ giường, tòa, đồ

dùng, cơm áo, bàn, ghế, ghế dài, đều là thượng diệu chẳng thể nghĩ bàn. Cho đến quần áo, vật trang hoàng báu, tất cả các vật dụng cần dùng trong cuộc sống đều chẳng hề thiếu thốn, lại còn toàn là những thứ thượng diệu.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Vô Tránh Trí Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, thân tâm dũng kiện, viễn ly nhất thiết oán tăng hệ phược, hòa thuận, hoan ngu, ái nhạo cụ túc, Thí, Giới, an nhẫn, dũng mãnh, tinh tấn, tâm vô tán loạn, thành tựu trí huệ.

(經)隨住如是諸佛國土，若入無諍智定，由此定力，令彼佛土一切有情，身心勇健，遠離一切怨憎繫縛，和順歡娛，愛樂具足，施、戒、安忍、勇猛精進，心無散亂，成就智慧。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Vô Tránh Trí Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy, thân tâm mạnh mẽ, xa lìa hết thảy oán ghét trói buộc, hòa thuận, vui sướng, yêu mến trọn đủ, Thí, Giới, an nhẫn, dũng mãnh tinh tấn, tâm chẳng tán loạn, thành tựu trí huệ).

Nhập Vô Tránh Trí Định, “Tránh” (諍) là đấu tranh. Do có trí huệ, nên khi nhập môn Định này, sẽ do sức của môn Định này mà chúng sanh trong cõi ấy, thân tâm mạnh mẽ, xa lìa hết thảy oán ghét trói buộc, hòa thuận, hoan hỷ, trọn đủ những điều yêu thích. Do vậy bèn đầy đủ các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, Bát Nhã, sáu môn Ba La Mật đều trọn đủ. Do tâm chẳng tán loạn, nên trọn đủ trí huệ Bát Nhã, thành tựu trí huệ.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Năng Dẫn Thắng Dũng Dục Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai thọ vô lượng thắng diệu hoan hỷ.

(經)隨住如是諸佛國土，若入能引勝踴躍定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆受無量勝妙歡喜。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Năng Dẫn Thắng Dũng Dục Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đều hưởng vô lượng hoan hỷ thù thắng nhiệm

mâu).

Khiến cho các hữu tình đều có thể hưởng thụ vô lượng niềm hoan hỷ thù thắng nhiệm màu. Đây là Thắng Dũng Dược Định.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Thế Lộ Quang Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, đắc Vô Ngại Trí, năng tu chủng chủng thanh tịnh sự nghiệp. Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Thiện Trụ Thắng Kim Cang Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai đắc chư căn cụ túc vô khuyết, thường nhạo viễn ly, kỳ tâm tịch tĩnh. Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Tăng Thượng Quán Thắng Tràng Định, do thử Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai thâm ha yếm tự ác nghiệp quá, hàm thiện hộ trì thập thiện nghiệp đạo, sanh thiên yếu lộ.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足世路光定，由此定力，令彼佛土一切有情，得無礙智，能修種種清淨事業。隨住如是諸佛國土，若入善住勝金剛定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆得諸根具足無缺，常樂遠離，其心寂靜。隨住如是諸佛國土，若入增上觀勝幢定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆深呵厭自惡業過，咸善護持十善業道，生天要路。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Thế Lộ Quang Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đắc Vô Ngại Trí, có thể tu các thứ sự nghiệp thanh tịnh. Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Thiện Trụ Thắng Kim Cang Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đều được các căn đầy đủ, chẳng thiếu khuyết, thường thích xa lìa, tâm họ tịch tĩnh. Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Tăng Thượng Quán Thắng Tràng Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy đều chê trách, chán nhàm sâu xa lỗi lầm ác nghiệp của chính mình, đều khéo hộ trì thập thiện nghiệp đạo là con đường trọng yếu để sanh lên cõi trời).

Khi Địa Tạng Bồ Tát nhập các môn Định này, chúng sanh trong các quốc độ được Ngài giáo hóa sẽ có thể chẳng tạo ác nghiệp, tăng

trường thiện nghiệp, hành theo thiện đạo là đường lối để sanh lên cõi trời.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Cụ Túc Từ Bi Thanh Định, do thứ Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, giai tất phát khởi từ tâm, bi tâm, vô oán hại tâm, phổ bình đẳng tâm, cánh tương lợi ích an lạc chi tâm.

(經)隨住如是諸佛國土，若入具足慈悲聲定，由此定力，令彼佛土一切有情，皆悉發起慈心悲心，無怨害心，普平等心，更相利益安樂之心。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Cụ Túc Từ Bi Thanh Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thảy hữu tình trong cõi Phật ấy thấy đều phát khởi từ tâm, bi tâm, tâm chẳng oán hại, tâm bình đẳng trọn khắp, và tâm tạo lợi ích an lạc lẫn nhau).

Địa Tạng Bồ Tát nhập môn Từ Bi Thanh Định này, khiến cho hết thảy hữu tình trong quốc độ ấy đều phát khởi từ tâm và bi tâm, chưa hề có lòng oán hại, chẳng có tâm tổn hại kẻ khác, tâm bình đẳng trọn khắp.

(Kinh) Tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Dẫn Tập Chư Phước Đức Định, do thứ Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết hữu tình, ly chư đấu tránh, tật dịch, cơ cấn, phi thời phong vũ, khổ, sát, tân, toan, chư ác sắc xúc, tất giai tiêu diệt. Như thị Đại Sĩ, tùy trụ như thị chư Phật quốc độ, nhược nhập Hải Điện Quang Định, do thứ Định lực, linh bỉ Phật độ nhất thiết đại địa chúng bảo hợp thành, nhất thiết quá hoạn giai tất viễn ly, chủng chủng bảo thụ, y thụ, khí thụ, chư anh lạc thụ, hoa thụ, quả thụ, chư âm nhạc thụ, vô lượng nhạc cụ, châu biến trang nghiêm. Dĩ yếu ngôn chi, thứ thiện nam tử ư nhất nhất nhật, mỗi thân triệu thời, vị dục thành thực chư hữu tình cố, nhập Cãng Già hà sa đẳng chư Định.

(經)隨住如是諸佛國土，若入引集諸福德定，由此定力，令彼佛土一切有情，離諸斗諍，疾疫，饑饉，非時風雨，苦澀辛酸，諸惡色觸，悉皆銷滅。如是大士，隨住如是諸佛國土，若入海電光定，由此定力，令彼佛土一切大地眾寶合成，一切過患皆悉遠離，種種寶樹，衣樹，器樹

，諸瓔珞樹，華樹，果樹，諸音樂樹，無量樂具，週徧莊嚴。以要言之，此善男子於一一日，每晨朝時，為欲成熟諸有情故，入殑伽河沙等諸定。

(Kinh: Hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Dẫn Tập Chư Phước Đức Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy hữu tình trong các cõi Phật ấy là các tranh chấp, tật dịch, đói kém, mưa gió trái thời, đắng, chát, cay, chua, các sắc và sự xúc chạm xấu ác, thấy đều tiêu diệt. Bạc Đại Sĩ như thế hễ trụ trong các cõi Phật như thế, nếu nhập Hải Điện Quang Định, do sức của môn Định ấy, sẽ khiến cho hết thấy đại địa trong cõi Phật ấy đều do các thứ báu hợp thành, hết thấy làm lỗi, họa hoạn thấy đều xa lìa, các thứ cây báu, cây y phục, cây vật dụng, cây các chuỗi anh lạc, cây hoa, cây quả, cây các thứ âm nhạc, vô lượng nhạc cụ đều trang nghiêm trọn khắp. Nói tổng quát, vị thiện nam tử này hằng ngày vào lúc sáng sớm, vì muốn thành thực các hữu tình mà nhập các môn Định nhiều như cát sông Hằng).

Ở đây nêu ra hai mươi ba loại Định, vào lúc sáng sớm, Địa Tạng Bồ Tát sẽ nhập Định nhiều như số cát trong sông Hằng như vậy, chẳng phải chỉ là hai mươi ba loại định, mà là các môn Định nhiều như cát sông Hằng, vô lượng môn Định.

(Kinh) Tùng Định khởi dĩ, biến u thập phương chư Phật quốc độ, thành thực nhất thiết sở hóa hữu tình, tùy kỳ sở ưng, lợi ích an lạc. Thử thiện nam tử, dĩ u vô lượng vô số đại kiếp, Ngũ Trược ác thời, vô Phật thế giới, thành thực hữu tình.

(經)從定起已，遍於十方諸佛國土，成熟一切所化有情，隨其所應，利益安樂。此善男子，已於無量無數大劫，五濁惡時，無佛世界，成熟有情。

(Kinh: Từ Định xuất, trọn khắp các cõi Phật trong mười phương, thành thực hết thấy hữu tình được hóa độ, tùy theo căn cơ thích hợp mà tạo lợi ích an lạc. Vị thiện nam tử ấy đã trong vô lượng vô số đại kiếp, nhằm thời ác Ngũ Trược, ở trong thế giới không có Phật để thành thực hữu tình).

Vị Đại Sĩ này, tức vị thiện nam tử này, đã trong vô lượng kiếp, nhằm thuở Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Nã Trược, Chúng Sanh

Trước, và Mạng Trước mà lợi ích chúng sanh. Nhằm lúc chẳng có Phật xuất thế, Ngài cũng lợi ích chúng sanh. Quá khứ là như vậy, mà hiện tại cũng là như vậy.

(Kinh) Phục u đương lai quá u thị số. Hoặ hữu thế giới, đao binh kiếp khởi, hại chư hữu tình, thử thiện nam tử kiến thị sự dĩ, u thần triêu thời, dĩ chư Định lực, trừ đao binh kiếp, linh chư hữu tình hỗ tương từ mãn. Hoặ hữu thế giới dịch bệnh kiếp khởi, hại chư hữu tình, thử thiện nam tử kiến thị sự dĩ, u thần triêu thời, dĩ chư Định lực, trừ dịch bệnh kiếp, linh chư hữu tình giai đắc an lạc. Hoặ hữu thế giới cơ căn kiếp khởi, hại chư hữu tình, thử thiện nam tử kiến thị sự dĩ, u thần triêu thời, dĩ chư Định lực, trừ cơ căn kiếp, linh chư hữu tình giai đắc bảo mãn.

(經)復於當來過於是數。或有世界，刀兵劫起，害諸有情，此善男子見是事已，於晨朝時，以諸定力，除刀兵劫，令諸有情互相慈愍。或有世界疫病劫起，害諸有情，此善男子見是事已，於晨朝時，以諸定力，除疫病劫，令諸有情皆得安樂。或有世界饑饉劫起，害諸有情，此善男子見是事已，於晨朝時，以諸定力，除饑饉劫，令諸有情皆得飽滿。

(Kinh: Lại trong tương lai vượt quá số ấy. Nếu có thế giới chiến tranh dấy lên, hại các hữu tình, vị thiện nam tử này thấy chuyện ấy rồi, vào lúc sáng sớm, dùng các Định lực trừ kiếp đao binh, khiến cho các hữu tình từ ái, thương xót lẫn nhau.

Hoặ có thế giới khi kiếp dịch bệnh nổi lên, hại các hữu tình, vị thiện nam tử này thấy chuyện ấy rồi, vào lúc sáng sớm, dùng các Định lực, trừ kiếp dịch bệnh, khiến cho các hữu tình đều được yên vui. Hoặ có thế giới lúc kiếp đói kém nổi lên, hại các hữu tình, vị thiện nam tử này thấy chuyện ấy rồi, vào lúc sáng sớm, dùng các Định lực trừ kiếp đói kém, khiến cho các hữu tình đều được no đủ).

“Phục u đương lai” chính là tương lai. “Quá u thị số” nghĩa là còn nhiều hơn con số trước kia. Hoặ là có thế giới, “đao binh kiếp khởi, hại chư hữu tình” (kiếp đao binh dấy lên, hại các hữu tình), thế giới này chưa hề có một ngày nào không có chiến tranh, chẳng hề không nghe đến lửa đạn. Hiện thời chính là lúc kiếp đao binh nổi lên, tổn hại hữu

tình. Địa Tạng Bồ Tát thấy chuyện này, vào lúc sáng sớm, dùng Định lực của Ngài để trừ khử kiếp đao binh.

“*Linh chư hữu tình, hỗ tương từ mãn*” (Khiến cho các hữu tình từ ái, thương xót lẫn nhau). Hoặc là có thế giới, khi tai kiếp tật dịch nổi ra, hại các hữu tình. “*Thử thiện nam tử kiến thị sự dĩ*” (Vị thiện nam tử này thấy chuyện ấy rồi) vào lúc sáng sớm, dùng các Định lực trừ khử kiếp tật dịch ấy, khiến cho các hữu tình đều được yên vui. Hoặc có thế giới kiếp đói kém xảy ra, chẳng có cơm ăn, mọi người đói khát, hại các hữu tình, vị thiện nam tử này tức Địa Tạng Bồ Tát, thấy chuyện ấy, cũng vào lúc sáng sớm, dùng Định lực của Ngài trừ khử đói kém, khiến cho hết thảy các hữu tình đều được no đủ.

(Kinh) Thử thiện nam tử, dĩ chư Định lực, tác như thị đẳng vô lượng vô biên bất khả tư nghị, lợi ích an lạc chư hữu tình sự.

(經)此善男子，以諸定力，作如是等無量無邊不可思議，利益安樂諸有情事。

(*Kinh: Vị thiện nam tử này dùng các Định lực để làm vô lượng vô biên chuyện lợi ích an lạc các hữu tình như thế đó*).

Địa Tạng Bồ Tát dùng Định lực của Ngài để làm những chuyện lợi ích chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn nhiều ngàn ấy.

(Kinh) Thử thiện nam tử cụ túc thành tựu vô lượng vô số bất khả tư nghị, thù thắng công đức, thường cần tinh tấn, lợi ích an lạc nhất thiết hữu tình. Tăng u quá khứ vô lượng vô số Cãng Già sa đảnh Phật Thế Tôn sở, vị dục thành thực, lợi ích an lạc chư hữu tình cố, phát khởi đại bi, kiên cố nan hoại.

(經)此善男子，具足成就無量無數不可思議，殊勝功德，常勤精進，利益安樂一切有情。曾於過去無量無數殑伽沙等佛世尊所，為欲成熟，利益安樂諸有情故，發起大悲，堅固難壞。

(*Kinh: Vị thiện nam tử ấy thành tựu đầy đủ vô lượng vô số công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, thường siêng năng tinh tấn, lợi ích an lạc hết thảy hữu tình, từng ở nơi quá khứ vô lượng vô số Hằng hà sa Phật Thế Tôn, vì muốn thành thực lợi ích an lạc các hữu tình mà phát khởi đại bi kiên cố, khó phá hoại*).

Tâm đại bi của Ngài hết sức kiên cố, chẳng ai có thể phá hoại được!

(Kinh) Dũng mãnh tinh tấn, vô tận thệ nguyện, do thử đại bi kiên cố nan hoại. Dũng mãnh tinh tấn, vô tận thệ nguyện, tăng thượng thế lực. Ư nhất nhật dạ, hoặc nhất thực khoảnh, năng độ vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa số chư hữu tình loại, giai linh giải thoát chủng chủng ưu khổ, cập linh nhất thiết như pháp sở cầu, ý nguyện mãn túc. Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, chủng chủng hy cầu, ưu khổ bức thiết, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc như pháp sở cầu, ly chư ưu khổ, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)勇猛精進，無盡誓願，由此大悲堅固難壞。勇猛精進，無盡誓願，增上勢力。於一日夜，或一食頃，能度無量百千俱胝那庾多數諸有情類，皆令解脫種種憂苦，及令一切如法所求，意願滿足。隨所在處，若諸有情，種種希求，憂苦逼切，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得如法所求，離諸憂苦，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Dũng mãnh, tinh tấn, thệ nguyện vô tận. Do lòng đại bi kiên cố khó hoại ấy, dũng mãnh, tinh tấn, thệ nguyện vô tận, mà tăng thượng thế lực. Trong một ngày đêm, hoặc trong khoảng một bữa ăn, có thể độ vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa số các loài hữu tình, khiến cho họ đều được giải thoát các thứ ưu khổ, và khiến cho hết thấy các điều mong cầu đúng pháp đều được thỏa mãn theo ý nguyện. Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình do các thứ mong cầu mà bị sầu khổ bức bách, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy các điều mong cầu đúng pháp sẽ đều đạt được, là các nỗi ưu khổ, tùy theo căn tánh thích đáng mà đặt yên họ nơi đạo sanh lên trời hoặc Niết Bàn).

Tôi thiểu là quý vị có thể sanh lên trời, chẳng đọa vào tam đồ, thậm chí đạt được bát sanh, bát diệt, rốt ráo thành Phật.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, cơ khát sở bức, hữu

năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc như pháp sở cầu, ẩm thực sung túc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，飢渴所逼，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得如法所求，飲食充足，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(*Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình bị đói khát bức bách, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy những điều cầu mong sẽ đều đạt được đúng như pháp, thức ăn sung túc, xứng theo căn tánh của họ mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).*)

Những lời lẽ này đều có cùng một ý nghĩa [với đoạn kinh văn trước đó].

(*Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, pháp thiếu chủng chủng y phục, bảo sức, y dược, sàng phu, cập chư tư cụ, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc như pháp sở cầu, y phục, bảo sức, y dược, sàng phu, cập chư tư cụ, vô bất bị túc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo. Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, ái nhạo biệt ly, oán tắng hợp hội, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc ái nhạo hợp hội, oán tắng biệt ly, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.*

(經)隨所在處，若諸有情，乏少種種衣服，寶飾醫藥，床敷及諸資具，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得如法所求，衣服寶飾，醫藥床敷及諸資具，無不備足，隨其所應，安置生天，涅槃之道。隨所在處，若諸有情，愛樂別離，怨憎合會，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得愛樂合會，怨憎別離，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(*Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình thiếu thốn các thứ y phục, vật trang hoàng báu, thuốc men, giường, đồ trải, và các thứ vật dụng cần thiết, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng,*

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy các điều mong cầu đúng pháp sẽ đều đạt được. Y phục, vật trang hoàng báu, thuốc men, giường, đồ trải, và các thứ vật dụng cần thiết, không gì chẳng trọn đủ, xứng theo căn tánh mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn. Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, kẻ yêu chuộng phải chia lìa, kẻ oán ghét cứ phải tụ họp, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, thì hết thấy sẽ đều được kẻ yêu chuộng tụ họp, xa lìa kẻ oán ghét, tùy theo căn tánh mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Đây là khổ nạn. Yêu thương mà chẳng thể tụ họp, kẻ oán chẳng mong gặp gỡ mà chẳng thể được. Đó gọi là “oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ”. Nếu chí tâm xưng niệm, niệm tụng Địa Tạng Bồ Tát, những nỗi khổ ái biệt ly và oán tắng hội sẽ theo đúng lẽ mà tiêu mất, được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.

(Kinh) *Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, thân tâm ưu khổ, chúng bệnh sở não, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc thân tâm an lạc, chúng bệnh trừ dữ, tùy kỳ sở ứng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.*

(經)隨所在處，若諸有情，身心憂苦，眾病所惱，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得身心安樂，眾病除愈，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh): *Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, thân tâm ưu khổ, bị các thứ bệnh gây phiền não, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều được thân tâm yên vui, các bệnh trừ sạch, xứng theo căn tánh, đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).*

Những đoạn kinh văn trên đây tán thán Địa Tạng Bồ Tát. Chắc mọi người sẽ hoài nghi: Theo các đoạn kinh văn ấy, chỉ cần xưng niệm danh hiệu thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, những gì chúng ta thiếu thốn sẽ đều có thể đạt được, cầu gì được nấy, thậm chí thành Phật. [Cần phải nhớ]: Theo những gì kinh văn đã dạy, chỉ cần chí tâm niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, khi Địa Tạng Bồ Tát nhập định, Ngài sẽ gia trì quý vị.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 1

Trong mỗi câu kinh đều có “*chí tâm*”, đừng vớt mất hai chữ “*chí tâm*” ấy. Nếu đánh mất “*chí tâm*”, đoạn kinh văn này sẽ có vấn đề. Ngài dạy: Ất cần phải “*hữu năng chí tâm xưng danh giả*” (có thể chí tâm xưng danh). Mọi người bái sám, trước mỗi câu cũng đều có “*chí tâm xưng danh giả*”. Mọi người bái sám, trước mỗi câu cũng đều có hai chữ “*nhất tâm*”. Do vậy, chúng ta đừng nên nảy sinh vấn đề đối với tín tâm.

Vấn đề nơi tín tâm là gì vậy? [Nếu quý vị thắc mắc]: “Đức Phật bảo Hảo Nghi Vấn Bồ Tát rằng Địa Tạng Bồ Tát có sức công đức nhiều ngàn ấy, có sao tôi làm theo mà hiệu quả khác hẳn? Có phải là đức Phật nói dối hay không?” Như trong phần trên, Ngài đã dạy [chí tâm], nhưng vì quý vị chẳng làm như thế, sẽ chẳng đạt được hiệu quả! Trong một vạn câu niệm của quý vị, có một câu nào chí tâm hay không? Hễ có một câu là được rồi. Vì thế, có lúc rất tương ứng, cũng có nghĩa là trong lúc đó, tâm quý vị rất thanh tịnh. Có cách nào để có thể đạt được hay không? Mọi người nhất định phải tu quán tưởng, quán tưởng Địa Tạng Bồ Tát, còn phương pháp quán tưởng thì trong phần sau, chúng tôi sẽ nói.

Khi nói đến tu Định, tu tĩnh, khi quý vị muốn quán tưởng, phải vận dụng như thế nào? Quý vị sẽ dần dần có thể tương ứng, xác thực tương ứng. Đức Phật chẳng nói một câu nào giả dối, mà cũng chẳng có câu nào gạt gẫm chúng ta. Nếu chẳng có tác dụng, Ngài lừa gạt chúng ta để làm gì? Phật, Bồ Tát chẳng như vậy. Nhưng chúng ta đã làm theo phương pháp trong kinh Phật đã dạy, có sao chẳng đạt được hiệu quả? Vì căn bản là quý vị chẳng học đàng hoàng. Quý vị tự nhận mình là đệ tử Phật, và cũng đang tu tập; nhưng căn bản là quý vị chẳng học, quý vị chẳng làm ứng hợp với những điều đã chỉ dạy!

Chẳng hạn như trong phẩm thứ mười hai của kinh Địa Tạng, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: Nếu trí nhớ kém cỏi, chẳng thể đọc tụng kinh Phật, đây là do túc chướng chưa tiêu mất, hãy cúng dường một chén nước trước tượng Địa Tạng Bồ Tát. Sáng sớm hôm nay đã cúng, sáng sớm hôm sau đổ chén nước ấy ra uống. Uống xong, rửa sạch cái chén ấy rồi lại cúng, uống nước đã cúng ấy. Sau đó, phải thận trọng chí tâm. Vì thế, Phật dạy trong vòng hai mươi một ngày, đừng sát hại, kiêng rượu, thịt, tà dâm, vọng ngữ. Những điều này kẻ bình phàm đều có thể làm được, đệ tử Tam Bảo đều làm được, nhưng chí tâm nghĩ nhớ danh hiệu Đại Sĩ thì chẳng làm được! Do vậy, chẳng được tương ứng!

Chúng tôi vừa giải thích sâu hơn cái gọi là “*chí tâm tư niệm Đại Sĩ danh*”, điều này liên quan đến những điều chúng ta vừa đọc trong bộ

kinh [Thập Luân này]. Như thế nào thì quý vị mới đạt đến “*chí tâm tu niệm Đại Sĩ danh*”? Trong ấy có công phu, mà cũng có đôi chút bí mật. Nói rõ ràng thì [thật ra] chẳng có gì là bí mật, nhưng khi quý vị chẳng làm được thì vẫn là bí mật! Chuyện này phải cậy vào sức quán tưởng. “*Chí tâm*” chẳng phải là miệng niệm, cũng chẳng phải là dùng mắt nhìn, mà là trong tâm quán tưởng. Trung Hoa có một câu nói cũ xì: “*Tâm thành tắc linh*” (Tâm chí thành sẽ linh). Tâm quý vị đã chí thành, đá vàng cũng phải nứt, người học Phật cái tâm vốn ít xáo động hơn người khác, sẽ dễ thanh tịnh.

Chúng ta tựa theo lời dạy trong kinh Phật để thực hiện, hoặc là chưa đạt đến mục đích, còn chưa đạt được tương ứng, nhất định phải tìm ra nguyên nhân vì sao? Phải kiểm tra tư tưởng của chính mình, tự mình uốn nắn cho đúng. Sửa đổi một lần chưa thành công, hai lần chưa thành công, thì mười lần! Vì sao tu hành cần phải dụng công mấy chục năm? Hễ làm đúng, sẽ lập tức khai ngộ. Hễ khai ngộ thì mới biết nguyên lai là chuyện như thế đó. Cho đến khi quý vị đã biết chuyện nguyên lai là như thế đó, chuyện ấy cũng chẳng có. Đạo lý này thoát nhìn rất đơn giản, làm được rất khó! Nói rất dễ dàng, chỉ cần dùng cái tâm bình thường để đối đãi là được rồi, nhưng quý vị chẳng nắm chắc cái tâm bình thường ấy!

Có rất nhiều người hỏi tôi: Họ đã uống Địa Tạng thủy, nhưng chẳng có hiệu quả tốt đẹp nào! Tôi nói: “Có người đạt hiệu quả tốt, quý vị hãy hỏi người ấy làm như thế nào?” Nhưng đã có hiệu quả tốt, chớ nên tái phạm. Nếu quý vị tái phạm, sẽ lại chẳng còn [hiệu quả tốt đẹp ấy], sẽ có lúc sáng suốt, có khi tối tăm. Cái tâm của chúng sanh có lúc sáng suốt, có khi tối tăm, chúng ta chẳng quyết định được. Cho nên trí huệ sáng suốt và tối tăm, hai đằng cứ một mực chông chênh: Có lúc sáng suốt, có lúc lại tối tăm; đã tối tăm rồi lại khôi phục nguyên trạng sáng suốt. Nói là “*nghiệp chướng phát hiện*”, có lúc người ấy lại sáng suốt, nghiệp chướng lại tiêu mất. Thế nhưng, chẳng cần biết là như thế nào, hễ niệm tụng Địa Tạng Bồ Tát, tuyệt đối chẳng đọa vào tam đồ. Bất quá, phải trải qua đôi chút luân chuyển.

Bất luận kinh Địa Tạng, kinh Chiêm Sát, hay kinh Thập Luân cũng thế, chỉ cần xưng tụng danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, hiện tại đã kết duyên, sẽ đều có thể đạt được công đức ấy. Vì trong kinh Địa Tạng, chính Địa Tạng Bồ Tát đã hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật cam đoan điều ấy. Ngài nói: “*Phàm là [chúng sanh] trong đời Mạt, chỉ cần có đôi chút thiện căn trong Phật pháp, dầu bằng máy tơ, sợi tóc, con cũng sẽ nhất định độ thoát kẻ đó*”. Như vậy thì cậy vào thần lực của Địa Tạng

Bồ Tát sẽ chẳng có vấn đề gì. Tuy vậy, quý vị chớ nên vì câu ấy mà đợi Địa Tạng Bồ Tát đến độ! Chính mình vẫn phải nỗ lực! Nếu không, thời gian sẽ rất dài.

Nay chúng ta chỉ niệm kinh văn một lượt, những đạo lý được nói trong những phần kinh văn trên đây rất sâu, quý vị đọc trước là được rồi. Thật sự muốn học tập kinh Thập Luân là trong phần sau, chờ đến khi nói tới quyển thứ hai, dùng Thập Luân của Phật để đối trị Thập Luân của chúng ta. Đối với kinh văn trong hai quyển sau, hãy khéo dụng công đôi chút, đây là chỗ chúng ta tu hành. Trên đây là Tự Phàn, trước hết, tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát để tâm quý vị quy hướng: “*Địa Tạng Bồ Tát đúng là chẳng thể nghĩ bàn!*” Trong tâm quý vị sẽ nảy sinh cảm xúc rất chí thành, học tập theo, sẽ dễ tiến nhập.

Đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát lần nữa, nhưng trong rất nhiều pháp hội, rất ít khi Địa Tạng Bồ Tát đến dự. Văn Thù Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát thường ở hai bên đức Phật, Địa Tạng Bồ Tát rất ít đến! Trừ phi do liên quan đến Ngài mà cần phải phát khởi pháp hội chi đó, Ngài mới đến dự. Rất nhiều pháp hội chẳng có Địa Tạng Bồ Tát. Vì sao? Ngài phải hiện thân trọn khắp trong rất nhiều cõi Phật, Ngài có danh xưng là gì? Không nhất định gọi là Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát có vô lượng ức danh hiệu, Định của Ngài cũng là vô lượng ức định, [ngay cả] danh tự của Ngài cũng là vô lượng ức định. Ngoài ra, vị Bồ Tát nào sẽ là Địa Tạng Bồ Tát? Chúng ta đến Ngũ Đài Sơn, triều bái Văn Thù Bồ Tát, vị nào là Văn Thù Bồ Tát? Quý vị gặp quá nhiều người! Thật ra, hằng ngày chúng ta gặp gỡ Địa Tạng Bồ Tát, hoặc Địa Tạng ở cạnh chúng ta mỗi ngày, chỉ là chính mình chẳng biết đấy thôi! Do vậy, quý vị cứ niệm là được rồi. Khi quý vị niệm kinh Địa Tạng, khi quý vị nghĩ nhớ Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát đã ở trong tâm quý vị.

Đoạn kinh văn này nhắc tới Hảo Nghi Vấn Bồ Tát vì Ngài chẳng lý giải, mà cũng chưa từng nghe nói qua, nhưng trong pháp hội này, Ngài được gặp gỡ, mà cũng được nghe nói [Địa Tạng Bồ Tát]. Trước hết, đức Phật tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát; sau đây, Địa Tạng Bồ Tát lại dùng bài kệ màu nhiệm để tán thán công đức của đức Phật. Hảo Nghi Vấn Bồ Tát cảm thấy Địa Tạng Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, liền hỏi: “Địa Tạng Bồ Tát đã gieo thiện căn vào lúc nào? Nay Bồ Tát đang ở trong cõi Phật nào? Cõi Phật ấy cách thế giới Sa Bà của chúng ta xa hay gần? Trong đời quá khứ, Địa Tạng Bồ Tát đã gieo thiện căn nào, cũng như đã tu tập những công đức gì?” Hảo Nghi Vấn Bồ Tát thỉnh vấn

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

đức Phật [những thắc mắc ấy]. Thoạt đầu, đức Phật chẳng đáp ứng, vì nói ra chỉ sợ chúng sanh hoài nghi chẳng tin, đức Phật liền bảo “thôi”. Do Hảo Nghi Vấn Bồ Tát xin chỉ dạy lần nữa, đức Phật bèn dạy cho. Đây là trong kinh Thập Luân, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát.

Ngoài ra, chúng ta thấy trong kinh Địa Tạng, hoặc xem kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, [sẽ biết] thời gian Địa Tạng Bồ Tát tu hành rất lâu xa. Đồng thời, đức Phật chẳng nói cặn kẽ, Ngài giới thiệu cho Hảo Nghi Vấn Bồ Tát chỉ là nói đại lược chút phần! Trong chút phần ấy, trước hết, nói một phần về các môn Định do Địa Tạng Bồ Tát đã nhập. “*Định*” có nghĩa là quan sát. Do Định thì mới có thể sanh ra Huệ. Khi chúng ta có chuyện gì, sẽ nói “đợi tôi lắng lòng suy nghĩ”, có ý nghĩa ấy. Vì Địa Tạng Bồ Tát trọn khắp mọi nơi, hết thấy mọi nơi đều là chỗ Ngài trụ. Ngài tùy ý an trụ trong các cõi Phật. Chẳng phải là Hảo Nghi Vấn Bồ Tát đã hỏi [Địa Tạng Bồ Tát] “trụ trong cõi Phật nào, cách nơi này bao xa đây ư?” Đức Phật trả lời: “*Ngài an trụ ở bất cứ cõi Phật nào, nơi đó đều là xứ sở để Địa Tạng Bồ Tát hành Bồ Tát đạo*”. Trọn chẳng phải chỉ là thế giới Sa Bà, mà cũng chẳng phải chỉ là thế giới Cực Lạc, chẳng phải chỉ là thế giới của Đông phương Lưu Ly Quang Như Lai! Chỉ cần chỗ nào có tam đồ, thì sẽ có Ngài.

Do vậy, trong rất nhiều kinh giáo Đại Thừa, Địa Tạng Bồ Tát rất ít khi hiện diện. Đây là một vấn đề: Có phải là Ngài thật sự chẳng ở nơi đây? Chẳng phải! Chỉ là vì danh xưng của Ngài không phải là Địa Tạng Bồ Tát. Tùy theo quốc độ đã hiện, tùy thuộc thân đã hiện, Ngài lại có danh hiệu khác!

Đoạn kinh văn này nói Ngài đã nhập tổng cộng hai mươi ba loại Định; thật ra, chỉ là nêu đại lược ít phần. Trong kinh Địa Tạng, hoặc kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Ngài nhập Định nhiều hơn nữa. Mỗi sáng sớm bèn nhập trăm ngàn vạn ức môn Định. Trước là dùng Định để động, sau là dùng trí để cứu bạt, tức là trước hết dùng Định để quan sát một phen, sau đấy, dùng trí huệ để cứu độ chúng sanh.

Trong thế giới này, Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt hữu duyên với thế giới Sa Bà. Xét theo ý nghĩa của kinh văn, chúng ta ở trong thế giới này lẽ ra phải đắc độ, có sao đến giờ vẫn còn khổ sở như vậy? Vẫn phải là do hữu duyên. Chúng ta niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát hằng ngày! Tôi dẫn hai câu trong kinh do chính Địa Tạng Bồ Tát tự nói: Có rất nhiều chúng sanh còn chưa được thấy nghe danh tự của ta, “*bất vị văn danh, vân hà huyền niệm?*” [ý nói]: Ngay cả danh tự của ta còn chưa nghe

thấy, làm sao niệm tên ta cho được? Đối với điềm này, [chắc là] chúng ta sẽ hoài nghi: “Hằng ngày chúng tôi đều niệm, sao lại nói vẫn chẳng thấy nghe thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát?”

Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nói như thế này: “*Phải chí tâm*”. Khi sử dụng Chiêm Sát Luân [để xem xét nghiệp chướng của chính mình sâu cạn như thế nào], nhất định phải chí tâm. Chẳng chí tâm, sẽ chẳng nghe danh tự Địa Tạng Bồ Tát, mà cũng chẳng tương ứng với Địa Tạng Bồ Tát. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát, Ngài nói: “*Hết thấy chúng sanh muốn học tập pháp sám hối, nếu muốn bái Địa Tạng Sám thì phải chí tâm. Nếu chẳng thể chí tâm, bất cứ hiện tượng nào cũng đều chẳng đạt được, thậm chí ‘chẳng được nghe tên, làm sao suy niệm?’ Căn bản là chẳng thấy nghe danh tự của tôi, niệm như thế nào đây?*” cũng tức là “chẳng niệm”. Rành rành là đang niệm, rành rành là tôi đã thấy nghe, vì sao [lại bảo là] “chẳng niệm”? Vì quý vị chẳng chí tâm!

Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nói: “*Nhược bĩ chúng sanh tuy học sám hối, bất năng chí tâm, bất hoạch thiện tướng giả, thiết tác thọ giới, bất vi đắc giới*” (Nếu các chúng sanh đó tuy học sám hối, nhưng chẳng thể chí tâm, chẳng đạt được tướng lành, dẫu coi là [chính mình] đã thọ giới, vẫn chẳng đắc giới). Điều gì cũng chẳng đạt được! Khi chúng ta học pháp, thường là chẳng vâng theo pháp để làm! Đã thọ Tam Quy Y, nhưng quý vị chẳng hành theo Tam Quy Y, còn coi là đệ tử Phật được chăng? Thọ Ngũ Giới, chẳng trì Ngũ Giới, có được coi là đắc giới hay không? Hàm nghĩa là như thế đây!

Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát nói: “Ngài nói chí tâm, như thế nào mới được coi là chí tâm? Chí tâm là như thế nào?” Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hỏi như thế, Địa Tạng Bồ Tát đáp: “*Thiện nam tử! Tôi nói chí tâm thì đại lược có hai loại. Những gì là hai? Một là lúc mới học tập bèn cầu nguyện chí tâm, hai là nhiếp ý chuyên ròng, thành tựu tương ứng dừng mãi chí tâm. Có được hai loại chí tâm ấy, sẽ có thể đạt được thiện tướng. Loại chí tâm thứ hai lại có hạ, trung, thượng, ba thứ khác biệt*”. Do đoạn kinh văn tôi vừa đọc, mọi người sẽ đều có thể biết sự trọng yếu của chí tâm. Trong phần sau kinh Thập Luân, cũng sẽ giảng giải. Phần trước chỉ nói tổng quát về công đức của Bồ Tát mà thôi, trọn chẳng nói về những sự thật mà Ngài đã thực hiện. Nhưng khi học kinh, trước hết phải tìm ra hàm nghĩa trong bộ kinh ấy, tìm tòi những chỗ mâu thuẫn giữa các kinh, giải quyết những chỗ quý vị cho là mâu thuẫn, phải giải quyết những điều hoài nghi trước đã, sau đấy mới có thể chí tâm,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

thâm nhập, mới có thể được cứu, mới tương ứng với nguyện lực của Bồ Tát, tương ứng với những điều quý vị mong cầu.

Nếu chẳng y pháp, chẳng y pháp thì là học pháp mà chẳng y pháp. Đó là căn bệnh chung của chúng ta. Học kinh mà chẳng chiếu theo kinh, điều này lại giải thích như thế nào đây? Người học Phật rất đông, đức Phật dạy họ làm như thế nào, họ chẳng làm như thế đó. Sau đấy, lại còn ôm lòng oán hận, chê bai Phật pháp chẳng linh. Chẳng phải là không linh, mà là do quý vị chẳng làm theo, hoặc chẳng làm đúng pháp, nhất định phải y pháp. Có những chuyện xét theo lý thì có thể thông, nhưng nơi Sự thì tuyệt đối chẳng được! Do vậy, sau khi đã hiểu đạo lý này, mới biết rõ vì sao suốt ngày bái sám, niệm Địa Tạng Bồ Tát, mà dường như những mong cầu của chúng ta vẫn chẳng được thỏa mãn.

Trong sự gia trì của Bồ Tát, còn có những hiện tượng rất rõ rệt, hoặc là trong mộng, hoặc là thấy Địa Tạng Bồ Tát gia trì, tai nạn của quý vị lập tức tiêu mất, lập tức có thể hiểu rõ, tâm khai ý giải, hoặc nghiệp tiêu mất. Đó gọi là “*minh gia*” (明加, gia trì rõ ràng), rất rõ rệt! Lại còn có loại “*minh gia*” (冥加), tức là âm thầm gia trì, từng bước dẫn dắt quý vị. Nếu là gia trì rõ rệt, Bồ Tát có trí huệ, chúng ta chẳng có trí huệ, sẽ dễ dàng kiêu ngạo, hoặc là do mộng thấy tướng hảo, quang minh, quý vị sẽ rêu rao chính mình được gia trì khắp nơi hồng chúc danh, chúc lợi: “Đêm hôm qua, Địa Tạng Bồ Tát đối trước tôi phóng quang, tôi rất sung sướng”. Người khác vừa nghe, [tám tắc]: “Ông đã có thành tựu”, vội vàng móc hồng bao ra, cúng dường quý vị, hồngбет! Quý vị đã bị đọa lạc! Do đó, khi cầu thì nhất định phải hiểu loại kiến giải thù thắng này! Bất luận học bộ kinh nào, cũng đều nhất định phải học theo pháp, chớ nên lướt qua.

[Chắc là sẽ có kẻ thắc mắc]: Chẳng phải là [chư tổ thường] nói “*đốn ngộ*” đó sao? Đốn ngộ chẳng lìa khỏi Sự tu (tu hành nơi Sự). Quý vị đừng thấy người ta khai ngộ, vừa mới nghe đã lý giải [mà tưởng là dễ]; sau đó, họ đạt được lý giải thù thắng, được thanh tịnh luân tướng, chẳng phải là do [chỉ tu tập] trong đời này, mà là do đã nhiều kiếp tu tập! Chúng ta thấy công nhân sử dụng các công cụ hết sức thuận thực, nhơay một cái đã làm xong. Quý vị làm thì mò hôi mướt đầu, vẫn mò mẫm, chẳng hiểu rõ cách làm như thế nào! Lại còn làm ra những thứ chưa xứng gọi là thứ phẩm. Đạo lý y hệt như nhau! Trước hết, phải hiểu đạo lý này rồi quý vị nghe những câu trong bộ kinh này, được định lực của Bồ Tát gia trì, cho đến Bồ Tát trụ trong bất cứ quốc độ nào, ở bất cứ nơi đâu, cũng đều có rất nhiều chúng sanh có thể đạt được lợi ích. Chính quý

vị sẽ có thể cảm nhận được!

[Nếu nói] “tôi chẳng trông thấy”, vì sao tôi cảm nhận như vậy? Vì sao kinh nói như thế? Hai đấng dường như chẳng tương ứng. Hãy nên hiểu đạo lý này: Quý vị ngay cả điều tối thiểu là chí tâm phát nguyện cũng chẳng có! Chỉ có chí tâm ưa thích, nghe nói [những công hạnh của] Địa Tạng Bồ Tát bèn rất cảm động; đây chỉ là cái tâm mong cầu, vẫn chưa đạt đến mức chí tâm! Chí tâm có mức độ nhất định. Đã phát khởi chí tâm, giống như cái tâm dũng mãnh, tinh tấn, đây vẫn là còn chia thành ba tâm. Đạt đến thâm tâm: “*Địa Tạng Bồ Tát là chính ta, ta là Địa Tạng Bồ Tát*”. Quán tưởng như thế thì sẽ tương ứng. Tự nhiên quý vị sẽ chứng đắc cảnh giới khác hẳn. Như nghe nói về Địa Tạng Bồ Tát, liền có thể đạt đến mức “*xả hết thấy, chuyện gì cũng giao cho Địa Tạng Bồ Tát*”, chúng ta vẫn chưa làm được!

Còn như dựa theo những yêu cầu trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, khi sử dụng luân tướng, phải nên lễ bái như thế nào, y pháp như thế nào, cầu gì được nấy, thì cần phải có công lực, tức là dũng mãnh chí tâm, phải trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chẳng phân biệt ngày đêm mà bái sám, xưng tụng danh hiệu, tụng kinh Địa Tạng, dập đầu lễ bái. Trọn chẳng phải là cứ chiếu theo bản văn sám pháp lạy một lượt là xong! Phải thực hiện liên tục, có yêu cầu nhất định! Nhưng đối với bọn phàm phu chúng ta, đối với thể lực và thân tâm của chúng ta trong hiện thời, nếu chiếu theo quy định của Bồ Tát thì chúng ta chẳng thể nào làm nổi. Vậy thì sẽ có gia trì. Quý vị chỉ cần thật sự thực hiện thì sẽ được gia trì.

Trước kia, có một vị tổ sư. Ngài dùng sanh mạng của chính mình để tu trì. Vì Ngài ưa ngủ gật, hôn trầm đặc biệt nặng nề, bèn tự đặt mình vào chỗ ắt phải chết. Ai này đều sợ chết, Ngài đến tĩnh tọa nơi vách đá cheo leo để coi chính mình có còn ngủ gục hay không? Hễ ngủ gục, sẽ rơi phịch xuống, rơi xuống sẽ chết chắc! Làm như vậy có thể chế ngự phiền não hay không? Chẳng thành công! Ngài tĩnh tọa, duy trì chẳng nổi, bèn ngã nhào. Vì Đà Bồ Tát liền kéo Ngài lên, Ngài hỏi: “Vị nào hộ pháp? Ai đã cứu tôi lên?” Vì Đà hộ pháp bảo Ngài: “Ta là Vì Đà Bồ Tát đến hộ trì ông”. Ngài vừa nghe như vậy, bèn sanh tâm kiêu mạn, nói: “Trong Nam Thiệm Bộ Châu, người tu giống như ta chỉ sợ chẳng được mấy ai!” Vì Đà Bồ Tát nói: “Người giống như ông, ta đã gặp quá nhiều, nhiều như lông bò vậy. Kẻ có tâm kiêu ngạo như ông thì mười kiếp sau ta mới hộ trì pháp cho ông. Suốt mười kiếp ta chẳng hộ trì ông”. Vì Đà Bồ Tát liền ắp mắt.

Ngài suy tưởng: “Thoạt đầu, tôi cũng chẳng cầu ông hộ pháp. Ông hộ pháp thì cũng tốt, không hộ pháp cũng chẳng sao. Tôi vẫn cứ tu như vậy”. Ngài lại ngồi. Ngồi lâu chẳng thể duy trì nổi, thân thể hữu hạn, lại rơi vào xuống, Vi Đà Bồ Tát lại cứu Ngài lên. [Tổ sư thắc mắc]: “Chẳng phải là ông không hộ pháp cho tôi ư? Vì sao lại hộ trì?” Vi Đà Bồ Tát nói: “Một niệm của ông vượt khỏi mười kiếp. Ta nói mười kiếp không hộ pháp cho ông, nhưng một niệm tâm tinh tấn ấy đã vượt khỏi mười kiếp”. Khi chúng ta gặp nguy nan hay trong hoàn cảnh khó khăn, có sanh khởi tâm niệm vượt qua mười kiếp hay không? Thường nói là “*buông xuống thân tâm*”, chúng ta có buông xuống hay không? Chính mình hiểu rất rõ!

Dựa trên đoạn kinh văn đức Phật trả lời Hảo Nghi Vấn Bồ Tát trong kinh Thập Luân, [sẽ thấy] đây chẳng phải là Địa Tạng Bồ Tát tự tán dương công đức của chính mình, mà là do đức Phật nói. Đức Phật nói: Vị thiện nam tử ấy, ở ngay trong quốc độ mà Ngài trụ, do định lực, nguyện lực, tâm từ bi, đạo lực, chỉ cần Ngài ở nơi đâu, nơi ấy liền cát tường. Thế nhưng chúng sanh ở nơi ấy cũng phải chí tâm tương ứng với Ngài. Không tương ứng thì vẫn chẳng đạt được! Nhưng có chỗ lại nói, như trong phẩm thứ mười hai của kinh Địa Tạng, đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: “*Vị Địa Tạng này đặc biệt hữu duyên với chúng sanh trong cõi này. Chỉ cần chúng sanh có cầu, chúng sanh có niệm, sẽ đều được gia trì*”, chẳng đòi hỏi nghiêm ngặt như thế. Hơn nữa, trong phẩm thứ mười ba của kinh Địa Tạng, cuối cùng đức Phật đã phó thác: “*Đối với chúng sanh đời Mạt Pháp, ông nhất định phải dùng thần lực và nguyện lực cứu giúp, che chở họ*”.

Địa Tạng Bồ Tát liền nguyện rằng: “*Trong thời Mạt Pháp, những ai chỉ cần có chút thiện căn trong Phật pháp, dầu bằng một vi trần, hay một giọt nước, con nhất định cứu độ kẻ ấy, khiến cho kẻ ấy được giải thoát*”. So với chí tâm tương ứng vừa được nói trên đây, kết hợp cả hai đằng để xem, [sẽ hiểu] học pháp thì chẳng thể chấp trước nơi văn tự, ngôn ngữ. Nếu không, sẽ ngã lòng và chẳng thể sanh tâm chí thành được.

Địa Tạng Bồ Tát nói: “*Có đôi chút công đức bằng một vi trần, hoặc một giọt nước trong Phật pháp, ta sẽ đều cứu độ*”, [thế mà] nay ta có rất nhiều công đức nơi Phật pháp, không chỉ bằng một giọt nước, có sao Địa Tạng Bồ Tát chẳng cứu độ ta? Quý vị sanh tưởng ý niệm oán thán như thế! Đối với Phật pháp, phải nhìn theo mọi khía cạnh, luôn luôn tu tập, phải nhìn như thế đó.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, hỗ tương quai vi, hưng chư đấu tránh, hữu năng chí tâm xưng danh niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc xả độc hại tâm, cộng tương hòa mục, hoan hỷ nhẫn thọ, triển chuyển hồi quý, từ tâm tương hướng, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，互相乖違，興諸斗諍，有能至心稱名念誦，歸敬供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得舍毒害心，共相和穆，歡喜忍受，展轉悔愧，慈心相向，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình chống trái lẫn nhau, dấy lên các sự đấu đá, tranh chấp, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy sẽ đều bỏ tâm độc hại, hòa thuận với nhau, hoan hỷ chịu đựng, lần lượt hồi hận, thẹn thùng, đối đãi với nhau bằng lòng Từ, tùy theo căn tánh đáng độ mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Đoạn kinh văn này có ý nghĩa rất dễ hiểu, chẳng cần phải giải thích như thế nào. Mọi người biết rất rõ: Trong hiện thời, chúng ta luôn có đủ các hiện tượng này, làm thế nào để vượt thoát, hồng Địa Tạng Bồ Tát sẽ đặt yên chúng ta nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn? Phải chí tâm! Tôi mới vừa đọc [một đoạn] kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, chẳng biết mọi người có quên hay chẳng? Phải học tập, tức là học tập phát nguyện chí tâm. Chẳng học tập, sẽ chẳng đạt được chí tâm. Phần lớn chúng ta là tán loạn tâm, hôn trầm tâm, điều này có mối liên quan rất lớn với tín tâm. Chúng ta phải vun bồi tín tâm. Tin tưởng pháp sâu đậm, chẳng đòi dòi, rất khó! Chẳng cần biết nói như thế nào, chỉ sợ các đạo hữu vẫn là “thật vậy sao?” Cứ phết dấu hỏi: “Sao tôi chẳng đạt được?” Rất nhiều người đều có cái dấu hỏi này, chẳng thềm tự vấn chí tâm của chính mình đã đạt tới mức độ nào? Vì chẳng có chí tâm, chẳng tương ứng với Địa Tạng Bồ Tát, sẽ chẳng đạt được tình hướng ấy. Đây là nói về đạo sanh thiên, Niết Bàn, chứ còn tiêu tai miễn nạn thì ít nhiều gì vẫn có!

Dựa theo kinh nghiệm của cá nhân tôi, từ sau khi tới Mỹ, tôi và pháp sư Hoàng Giác hai người đều thấu hiểu: Hễ ai đến Phật đường tùy hỷ lễ bái, sẽ đều đạt được lợi ích nhất định; bất quá chẳng phải là lợi ích triệt để rốt ráo! Vì tâm người ấy chẳng triệt để, cho nên cũng chẳng thể

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

đạt được lợi ích triệt để. Có khi người ấy cầu chuyện chi đó, hoặc là cầu cho con cái của mình tiêu trừ tai nạn, một khi tai nạn của con mình trừ sạch rồi, người đó chẳng tin nữa, chẳng làm nữa. Như vậy thì đạo sanh thiên, Niết Bàn sẽ chẳng thể đạt được! Hơn nữa, so sánh giữa hai đấng, tình kiến thế gian đặc biệt nặng nề, còn cái tâm xuất ly đặc biệt nhẹ tênh; cái nặng nề thì ngày càng nặng nề hơn, cái nhẹ tênh thì ngày càng nhẹ bằng!

Tôi thấy rất nhiều đạo hữu như vậy. Trong một năm, mỗi người đều biến hóa rất lớn. Điều chúng ta có thể làm là khuyên nhủ, khơi gợi họ. Khi chúng ta cùng nhau bái sám, hễ đạt được mục đích, họ sẽ chẳng bái sám nữa, chúng ta cũng tách lìa nhau: “A! Tôi sẽ lạy ở nhà nghe!” Tôi nói: “Quý vị đừng gạt tôi! Quý vị ở nhà lạy ai vậy?” “Đâu có! Tôi vẫn niệm mà!” Niệm cái gì cũng chẳng biết! Chúng ta đừng nên dối gạt chính mình! Quý vị mong lừa gạt quý thần, sẽ chẳng gạt được đâu! Quý vị có lừa Bồ Tát nổi không? Bồ Tát vốn ở ngay trong tâm quý vị. Nếu tâm của quý vị linh, sự nghiệp đều linh. Đó là cái tâm của chính quý vị. Tới phần sau, chúng tôi sẽ giảng Địa Tạng Bồ Tát chính là cái tâm của chính mình.

Trong phần trước, tôi có nói: “*Địa*” là tâm địa của chúng ta. “*Tạng*” là “*mật tạng*” (密藏, ẩn giấu). Tâm địa của chúng ta bao gồm những chuyện ấy. Dẫu sao, hai phương diện ấy đều là Không; nhưng Không chẳng phải là rỗng không, mà nó có thể biến thành công đức vô lậu tánh, cũng có thể biến thành hết thảy ưu bi phiền não, tùy thuộc quý vị lý giải như thế nào!

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, bế tại lao ngục, nữu, giới, già, tảo, kiểm hệ kỳ thân, cụ thọ chúng khổ, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc giải thoát lao ngục, nữu, giới, già, tảo, tự tại hoan lạc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，閉在牢獄，桎械枷鎖，檢系其身，具受眾苦，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得解脫牢獄，桎械枷鎖，自在歡樂，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, bị giam kín trong tù ngục, gông, cùm, xiềng xích trói chặt thân hình, chịu đủ mọi nỗi khổ, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thủy lao ngục, gông, cùm, xiềng xích đều được giải thoát, tự tại vui sướng, tùy theo căn tánh đáng độ mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Giải thoát tai ương lao ngục, thoát khỏi nỗi khổ bị gông xiềng; hề giải thoát bèn tự tại, vui sướng. Nhưng ở đây cũng có một vấn đề, có vấn đề gì vậy? Quan niệm thời gian của chúng ta khác với quan niệm thời gian của Phật. Chư Phật thấy là một sát-na, khảo nghiệm quý vị, nhưng quý vị cảm thấy đã trải qua mấy chục năm. Cá nhân tôi thấu hiểu chuyện này sâu xa, có thể là mọi người chẳng thấu hiểu điều này. Vì quý vị chưa từng bị tù, cũng chẳng ở tù trong một thời gian lâu như thế, nhưng ưu bi khổ não thì ai mà chẳng có? Tôi thấy người nào cũng đều có. Dầu quý vị làm tiền nhiều của, dầu là đế vương, tể tướng, hề chẳng đạt được mục đích, thì vẫn khổ não. Đã đạt được quyền lực, sợ bị mất đi. Đã có của cải, sợ bị mất mát. Ưu sầu như thế đó, nghĩ đủ trọn mọi biện pháp để gìn giữ.

Quý vị có của cải rất lớn, niệm Địa Tạng Bồ Tát, cầu cho của cải đừng bị mất đi, như thế thì có giữ nổi hay chẳng? Sự an bài của Địa Tạng Bồ Tát sẽ chẳng giống như sự an bài quý vị nghĩ tưởng, cũng không chừng là của cải tán thất nhanh hơn một chút! Vì sao vậy? Địa Tạng Bồ Tát mong vun bồi phước cho quý vị, chẳng để cho quý vị giữ khư khư những thứ ấy, những thứ ấy chính là rắn độc! Quý vị cho rằng Địa Tạng Bồ Tát chẳng linh; thật ra, Địa Tạng Bồ Tát rất linh. Ngài tán tài để quý vị miễn trừ tai nạn. Ngay trong khi quý vị oán thán, thường là lúc chúng ta đạt được lợi ích! *“Tự tại hoan lạc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo”* (Tự tại vui sướng, tùy theo căn tánh đáng nên độ, mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn): Thế nhưng, lúc Địa Tạng Bồ Tát cứu độ chúng sanh, mục đích tối hậu của Ngài là khiến cho quý vị đạt được đạo Niết Bàn bất sanh, bất diệt. Sanh lên trời cũng là quá trình, chẳng phải là sự vui sướng mà quý vị mong đạt được hay sao? Sanh lên trời, vui sướng hơn sự vui sướng trong nhân gian rất nhiều. Đó là vô ưu, vô sầu, vĩnh viễn chẳng còn ưu sầu nữa. Nếu quý vị lại tu hành thành Phật, sẽ càng tốt đẹp hơn!

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, ưng bị tù chấp, tiên thát khảo sở, lâm đương bị hại, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc miễn ly tù chấp, tiên thát, gia hại, tùy kỳ sở ưng, an trí

sanh thiên, Niết Bàn chi đạo. Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, thân tâm bì quyện, khí lực luy chuyết, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc thân tâm sướng thích, khí lực cường thịnh, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，應被囚執，鞭撻拷楚，臨當被害，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得免離囚執，鞭撻，加害，隨其所應，安置生天，涅槃之道。隨所在處，若諸有情，身心疲倦，氣力羸憊，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得身心暢適，氣力強盛，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(*Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, đáng bị tù ngục, đánh đập, tra khảo, sắp sửa bị hại, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy đều được thoát khỏi, xa lìa tù rạc, đánh đập, làm hại, tùy theo căn cơ đáng nên độ, mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn. Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, thân tâm mệt mỏi, khí lực hao mòn, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy đều được thân tâm thoải mái, thư thái, khí lực cường thịnh, tùy theo căn cơ đáng nên độ, mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.*)

Đức Phật bảo Hảo Nghi Vấn Bồ Tát: “Ông hỏi ta về công đức của Địa Tạng Bồ Tát ư? Ta nói với ông từng điều như thế đó”. Đây vẫn là chút phân, vì khổ não của chúng sanh quá ư là nhiều. Nơi thân của mỗi cá nhân đều khác nhau, phiền não cũng quá nhiều. Do vậy, tuy nói mấy điều như thế, vẫn chỉ là nêu đại lược.

“*Tùy sở tại xứ*” (Ở bất cứ nơi đâu): Hễ nói “*tùy sở tại xứ*” thì là nói về Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát ở chỗ nào, hữu tình ở chỗ đó đều có thể tránh khỏi khổ nạn. Thân tâm mệt mỏi là nội tâm mệt mỏi, thân thể mệt mỏi, quá sức mệt nhọc! Người ta phải làm mấy jobs, lại còn phải đi học. Tôi ở Mỹ, đã từng thấy có người làm hai jobs, lại còn phải đi học. Buổi tối đi học, buổi sáng đi làm. Có những người rất hạnh phúc, cuộc sống gia đình sung túc, có thể nuôi người ấy đi học. Có những người rất khổ sở, tự đến nước Mỹ thì tiền chi tiêu cũng phải tự mình

kiếm, làm lụng để tự nuôi thân. Thậm chí mấy người sống chen chúc trong một phòng. Tôi ở Nữ Ước, nghe nói có mấy người thuê chung một chỗ để đặt giường, ba người, anh dùng tám tiếng, tôi dùng tám tiếng, người kia dùng tám tiếng. Trong tám tiếng này, tôi đi làm thì anh ngủ; tám giờ sau, đến phiên người khác đi làm. Ba người dùng chung một cái giường như vậy. Đây là sự thật, chẳng phải là nói giỡn! Có người nhà ở rất lớn, rất thoáng đãng. Vì sao? Đó là do phước báo của người này, do nghiệp chướng của người kia. Nếu nói rất bất bình đẳng, thì thật ra, hết sức bình đẳng. Chúng tôi nghe chuyện ấy, cảm thấy rất bình đẳng. Nghiệp đầy nhé! Chính mình tạo nghiệp, tự mình hứng chịu, có thoát cũng chẳng thoát được! Nếu người ấy chí thành khẩn thiết niệm Địa Tạng Bồ Tát, cũng có lẽ sẽ thay đổi.

Người đang trong lúc khổ nạn, sẽ dễ sanh khởi chí tâm. Một khi đạt được, chí tâm mất tiêu, lại biến đổi! Cầu cho thân thể khỏe khoản đôi chút, hễ thân thể thật sự khỏe hơn đôi chút, quên khuấy Bồ Tát liền, lại buông lung. Chuyện này bản thân ai cũng đều có, tôi cũng có luôn! Khi tôi ở trong tù, tưởng Phật, tưởng Tam Bảo. Vừa ra khỏi tù, chẳng phải là chuyện như vậy nữa, hoàn toàn chẳng phải là niệm nào cũng đều nghĩ [đến Tam Bảo]. Trong tù khổ sở, rất bức bách, cũng chẳng có chuyện chi khác, đầu óc tập trung suy tưởng như thế. Vừa thoát ra, quá nhiều chuyện, chuyện vui sướng rất nhiều, quên bẵng Phật sự, chẳng thể chí tâm niệm như vậy được nữa. Đó là lẽ tất nhiên. Trừ phi tu Định thành công, đạt được địa vị Bất Thoái Chuyển! Nếu không, hết thấy chúng sanh đều giống nhau!

Hoặc là chẳng có khí lực, cầu Bồ Tát tăng thêm một chút khí lực. Tôi rất cảm kích Bồ Tát, từ lúc ở tù cho đến nay, suốt đời chẳng bị bệnh gì. Năm nay đã tám mươi một tuổi, sắp tám mươi hai tuổi rồi, cảm thấy vẫn rất có khí lực. Quý vị nghe tôi nói chuyện, hãy còn có khí lực. Bồ Tát sẽ gia trì quý vị như thế nào? Không bị bệnh là đủ rồi! Do vậy, vì sao mỗi vị đạo hữu hãy đều nên báo ân Phật, báo ân Bồ Tát? Vì các Ngài đã gia trì rất nhiều, chính mình đang hưởng phước mà chẳng biết! Hôm nay, tôi xem truyền hình, thấy nói bão lốc (Tornado) đánh xuống bốn tiểu bang của Mỹ, tổng cộng tổn thất hai mươi tám ức Mỹ Kim. Hai mươi tám ức Mỹ Kim là một con số chẳng nhỏ. Bão lốc tràn qua như vậy, sẽ chẳng có chỗ để ở. Ngày hôm qua còn rất hạnh phúc, bão cuốn qua, hôm nay chẳng hạnh phúc nữa, mong chờ cứu tế, phải chờ đợi! Quý vị hứng chịu khổ nạn, chờ đợi cứu tế, rất khôn khó! Các hiện tượng như vậy trên thế giới, tuy quý vị đều trông thấy, nhưng đều có một thứ tâm lý

cầu may: “Vẫn chưa đến phiên ta”. Ai nấy đều có ý tưởng này: “Chưa đến lượt ta, có thể sẽ không bị”. Đệ tử Tam Bảo phải luôn quy hết thầy công đức về Tam Bảo, Tam Bảo sẽ gia trì ta, khiến cho ta còn có khí lực. Nếu chí tâm xưng niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, thân tâm thoải mái, thư thái, khí lực sẽ cường thịnh.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, chư căn bất cụ, tùy hữu tổn hoại, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc chư căn cụ túc, vô hữu tổn hoại, tùy kỳ sở ứng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，諸根不具，隨有損壞，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得諸根具足，無有損壞，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, các căn chẳng đủ, có chỗ bị hư tổn, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thầy đều được các căn đầy đủ, chẳng bị tổn hoại, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Đối với những câu này, tôi có cách nghĩ như sau: Có phải là những người sáu căn tàn khuyết, chẳng trọn vẹn, sẽ ngay lập tức mọc ra hay không, hoặc là chân bị cụt sẽ mọc ra chân khác hay không? Chẳng phải là ý nghĩa ấy! Địa Tạng Bồ Tát gia trì quý vị, dùng một phương thức khác để gia trì, khiến cho quý vị sau khi chết đi, sẽ lại đầu thai [với thân thể toàn vẹn]. Còn có một loại khác: Người ấy thật sự là kẻ sáu căn chẳng hoàn bị, kẻ mù bỗng nhiên thấy đường, kẻ điếc tai đột nhiên nghe tiếng. Chuyện này đã có các trường hợp chứng minh cụ thể. Khi chúng tôi đến đây vào mấy năm trước, có một cô bé tai đeo máy trợ thính (hearing aids), nói chuyện cứ ú ớ không thốt nên lời. Cách nay chưa đầy một năm, cô ta đã có thể nói chuyện, lại còn học rất khá. Cô ta mới niệm Địa Tạng Bồ Tát đôi chút, nhưng niệm lực rất thành khẩn, trong tâm thuần tịnh, chẳng tạp. Đó là một đứa bé mười mấy tuổi, người Cao Hùng, ở đây có người có thể chứng minh. Đây là sự thật. Đó là Địa Tạng Bồ Tát tiêu trừ “sáu căn không toàn vẹn” cho cô ta, sẽ đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn, vẫn phải tiếp tục tu hành. Do vậy, kẻ các căn chẳng

đủ thì phải cầu khẩn như thế.

Nhưng cuối mỗi đoạn [thuyết minh sự cứu giúp] khổ nạn [của Địa Tạng Bồ Tát], đều có một điều kiện: Phải chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, lại còn phải cúng dường. Mọi người vừa nghe nói cúng dường, bèn cho là phải bỏ tiền, không nhất định đâu nhé! Sự cúng dường tốt nhất là pháp cúng dường, tức là dùng niệm thánh hiệu để cúng dường. Quý vị cúng dường Địa Tạng Bồ Tát thì hoặc là niệm kinh Chiêm Sát, hay niệm kinh Địa Tạng, dùng pháp để cúng dường cũng được. Còn có cách dùng ý để cúng dường. Nếu quý vị chẳng có rất nhiều tiền, hoặc giả như quý vị có tiền, nhưng chẳng có cách nào ra phố, vậy thì cứ nghĩ mình đến tiệm hoa, hay tới tiệm trái cây dọn hết về là được rồi. Có người hỏi tôi: “Su phụ! Làm như vậy chẳng phạm tội trộm cắp ư?” Tôi nói: “Quý vị chẳng lấy của người ta cái chi hết, phạm giới trộm cắp nổi gì?” Giới trộm cắp là quý vị ở chỗ người ta lấy cái gì khỏi chỗ của nó [mà không xin phép] thì mới phạm giới trộm cắp. Còn đây là trong tâm quý vị biến hóa, phạm giới trộm cắp nổi gì? Quý vị tưởng những thứ trái cây, so với trái cây của họ còn tốt đẹp hơn, chúng được sanh từ ý niệm. Sanh từ ý niệm thì là pháp cúng dường, tức là một cách cúng dường bằng ý niệm. Đây chính là pháp cúng dường trong “*quảng tu cúng dường*” của Phổ Hiền thập đại nguyện vương.

Vì thế, cúng dường thì có thể dùng pháp cúng dường, nhưng tôi phải cảnh tỉnh mọi người: Tâm tham chớ nên quá nặng, thứ gì cũng chẳng xả được, cứ suy tính “ta niệm một ít kinh, pháp cúng dường đã thành rồi”, một đồng cũng chẳng bỏ ra, một chút sức cũng chẳng xuất ra, sai mất rồi! Vì pháp cần phải kết hợp với Sự, trong tình huống bất đắc dĩ, chẳng có cách nào, quý vị mới dùng pháp cúng dường. Nhưng quý vị có sức làm được, thì phải nhờ vào Sự để biểu thị pháp thì Lý và Sự mới có thể vô ngại. Nếu tôi không nói như vậy, chắc có người sẽ chửi tôi vì đã kêu gọi mọi người chẳng cần bỏ tiền cúng dường Tam Bảo, chỉ dùng ý niệm để cúng dường, hòa thượng trong chùa lấy gì mà ăn? Do vậy, phải kết hợp hai đàng, chớ nên lệch lạc bỏ phé! Nghe pháp thì ngàn vạn lần đừng nảy sanh Pháp Chấp. Nếu nói như thế này, quý vị sẽ chấp trước như thế này; nói như thế kia, quý vị lại chấp trước như thế kia, sẽ phiền phức lắm. Quý vị chẳng học được, mà có cố học cũng chẳng nổi! Nhất định phải hiểu đạo lý này!

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, diên cuồng, tâm loạn, quỷ mị sở trước, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy

kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc tâm vô cuồng loạn, ly chư nhiễu nã, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，顛狂心亂，鬼魅所著，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得心無狂亂，離諸擾惱，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(*Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, điên cuồng, loạn tâm, bị quỷ mị dựa, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy sẽ đều được tâm chẳng cuồng loạn, lìa các quấy nhiễu, nã hại, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).*

Đây là kẻ cuồng loạn, mắc bệnh tâm thần, loại bệnh này chẳng dễ trị. Kẻ nổi điên rất khó trị. Còn có những kẻ bị quỷ mị dựa, thật sự có chuyện này! Đích xác là có quỷ trạch (鬼宅, nhà có quỷ quấy nhiễu), chúng ta gặp phải bèn niệm kinh. Niệm kinh gia trì. Có đạo hữu nói chính mình vừa mở kinh Địa Tạng ra, bà nội hiện đến, bà ngoại cũng đến, lục thân quyến dọa người ấy kinh hồn. Người ấy cũng chẳng biết là chuyện như thế nào! Đó là họ tìm người ấy [câu mong] siêu độ. Họ tìm kiếm đã rất lâu, tìm chẳng được người nào có duyên giúp họ siêu độ. Do đó, vừa niệm kinh Địa Tạng, họ bèn tìm đến, quý vị đừng sợ. Có người là thấy trong mộng, có kẻ thấy ngay lúc tỉnh táo.

Ở Nữ Ước, tôi có một người đệ tử phát sanh hiện tượng này; sau đó, chẳng niệm kinh Địa Tạng nữa! Trước đó, người ấy niệm kinh Địa Tạng, ban ngày lái xe từ nhà đến công ty, trông thấy một cái đầu lâu ở bốn phương, lại có người vừa cao vừa lớn hương về xe của ông ta chạy đến. Ông ta bị dọa choáng váng; từ đấy, chẳng niệm kinh Địa Tạng nữa. Sau đó, ở nhà cũng thường xuyên gặp chuyện như thế ấy, trông thấy quỷ mị. Gặp phải chuyện như vậy, nhất định phải kiên định. Ông ta chẳng tin lời tôi. Tôi nói: “Ông phải kiên định, tiếp tục đối xử tốt với họ”. Ông ta nói: “Không niệm nữa! Không niệm thì sẽ không có nữa”. Thế nhưng, có rất nhiều đạo hữu của chúng ta đều niệm kinh Địa Tạng, mà cũng chẳng có ai không niệm nữa. Người mỗi ngày niệm một bộ vẫn rất nhiều!

Giả sử có hiện tượng ấy phát sanh, hãy chí tâm niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, tâm quý vị

sẽ khôi phục, chẳng bị cuồng loạn nữa! Các quý vị nhiều hại, não loạn quý vị cũng sẽ theo đó mà tiêu mất! Không chỉ là như thế, Địa Tạng Bồ Tát còn chỉ dạy quý vị phải học tập như thế nào, sử dụng pháp môn nào! Tụng kinh cũng được, mà tu theo kinh Chiêm Sát cũng được, tu kinh Thập Luân cũng được, hoặc là tu quán tưởng cũng được. Sau đây, sẽ đặt yên quý vị nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, tham dục, sân khuể, ngu si, phần hận, xan tật, kiêu mạn, ác kiến, thù miên, phóng dật, nghi đãng, giai tất xí thịnh, não loạn thân tâm, thường bất an lạc, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc ly tham dục đãng, thân tâm an lạc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，貪慾、瞋恚、愚癡、忿恨、慳嫉、憍慢、惡見、睡眠、放逸、疑等，皆悉熾盛，惱亂身心，常不安樂，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得離貪慾等，身心安樂，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, tham dục, nóng giận, ngu si, phần hận, keo kiệt, ganh ghét, kiêu căng, ngạo mạn, ác kiến, mê ngủ, buông lung, ngờ vực v.v... thấy đều lòng lầy, não loạn thân tâm, thường chẳng an lạc, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thì hết thấy đều lìa tham dục v.v... thân tâm yên vui, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Buông lung (phóng dật, 放逸) và nghi là hai chuyện khác nhau. “Nghi” là hoài nghi, “buông lung” nghĩa là tán loạn, rất thiếu tinh tấn. Tinh tấn tương phản với buông lung, có ý nghĩa bao hàm như thế đó. Nếu các hữu tình tâm tham dục rất nặng nề, rất nóng tánh, cái tâm sân khuể rất nặng, còn có kẻ ngu si, tà kiến, nhìn nhận sự vật, nhìn nhận vấn đề luôn bất đồng người khác. Đối với Phần, có người còn cho nó là tốt, hễ bất bình bèn la lên. Trông thấy kẻ này lán hiếp kẻ khác, sẽ sanh khởi cái tâm phần hận, chẳng thể nhịn tức nổi! Mọi người cho rằng kẻ đó có tác phong hiệp nghĩa, có tinh thần chánh nghĩa rất nặng. Phật giáo chẳng nói như thế, vì quý vị chẳng hiểu rõ sự lý, chẳng hiểu nhân quả, chẳng biết là chuyện như thế nào. Đòi trước là chuyện như thế nào, tương lai

và quá khứ là chuyện như thế nào. Vì sao có chuyện ấy phát sanh? Quý vị đâm ra kêu ca vì chuyện bất bình! Tôi cho rằng đây là Phẫn (忿), Phẫn chính là bất bình. Hoặc là vì người khác đối xử [không đẹp] với quý vị mà quý vị sanh ra bất bình, hoặc là thấy chuyện của người khác mà quý vị nảy sanh phẫn hận. Chuyện này cho thấy quý vị chẳng có cách nào, chỉ có thể hận kẻ đó mà thôi. Quý vị muốn trả thù, nhưng chẳng đánh lại người ta, bèn ghim hận trong tâm. Nay chẳng có cách nào, chờ có dịp “*tao sẽ đối phó mày*”; điều này thuộc về Hận.

Xan (慳) là keo kiệt, tham lam. Chính mình tuy có, nhưng chẳng chịu xả. Tật đố (嫉妒) là ganh ghét người khác. Thấy người khác xả, chính mình lại chẳng xả được, [bèn ganh ghét]. Hoặc là thấy kẻ khác làm chuyện tốt, tự mình chẳng làm được, nhưng ganh tỵ người ta, ganh công sức của người khác, ghét kẻ hiền tài. Kiêu (驕) là cảm thấy mình ngon lành hơn kẻ khác. Kiêu ngạo, nếu thêm chữ Nữ bên cạnh thì sẽ là Kiêu (嬌, yêu kiêu, tha thướt). Kiêu và Mạn thường có mối liên quan. Mạn có rất nhiều loại. Có một loại là chính mình chẳng bằng người ta, lại cảm thấy mình hơn hẳn, loại này gọi là Quá Mạn (過慢). Có những kẻ thấy người khác tốt đẹp, bèn nói “có gì hay ho đâu! Tao cũng có thể làm được mà!” Đây cũng là một loại Mạn. Thật ra, kẻ đó chẳng làm được, căn bản là chẳng có bản lĩnh ấy, vẫn cảm thấy mình hơn hẳn người ta. Điều này có tánh chất kiêu mạn!

Ác kiến thuộc loại ngu si. Họ có cách nhìn vấn đề khác hẳn người khác, [cho rằng] “cứ ăn mặn, chẳng cần phải bận tâm!” Giết cá, giết tôm, giết gì gì đi nữa, đều cho rằng những thứ đấy phải nên bị ăn; đó là ác kiến. Tồn hại người khác, vẫn cho rằng đó là chuyện đáng nên làm. Tôi nghe một bà cụ nói: “Lợn, dê để cho người ta ăn. Lợn, dê là thức ăn mà”. [Nói như vậy], người dành để cho cạp ăn. Nếu măng xà, rắn độc, mãnh thú ăn thịt quý vị, quý vị có chịu để cho chúng nó ăn hay không? Mỗi người có hoàn cảnh riêng. Bất quá, sức chúng nó không thể chống lại quý vị nổi, bị quý vị giết. Quý vị chẳng nuôi dê, nó ở trong núi sống theo cách của nó. Nó ăn cỏ, dẫu quý vị chẳng cho nó ăn, nó vẫn sống theo kiểu của nó được! Quý vị bắt nó về giết. Nuôi trong nhà [đem giết] thì còn tạm chấp nhận, chứ dê sống trong núi, trở ngại quý vị nổi gì? Quý vị cho là chuyện đáng nên làm; đây đều là ác kiến.

Còn có một loại ác kiến là luôn muốn hại người khác. Khi tôi ở trong tù, có các phạm nhân đã vào tù, vẫn mong mỗi ngày hại kẻ khác. Có các phạm nhân chuyên báo cáo cho những kẻ ác hơn họ, họ ba ngày không hại người khác, sẽ ử rử! Các thí dụ về ác kiến đặc biệt nhiều, ai

này đều có. Đừng cho rằng chính mình rất thanh tịnh! Dùng cách kiến giải này để nhìn nhận vấn đề, sẽ thấy chúng ta đều có. Bất quá, sau khi học Phật, đều cố gắng sửa đổi.

Ngủ nghề thì bất cứ ai cũng đều chẳng tránh được. Có người ắt phải ngủ mười mấy tiếng đồng hồ, có người ngủ mấy giờ là đủ rồi. Đức Phật dạy chúng ta giảm bớt ngủ nghề, ngủ càng nhiều, sẽ càng hôn trầm. Còn có tình hình, nói đùa thôi, họ chẳng xem kinh, sẽ không bị ngủ gục. Vừa mở kinh bôn ra, ngủ gục liền. Còn có những kẻ chẳng tỉnh tọa thì không ngủ, vừa tỉnh tọa là đầu gật gù ngay. Vì sao? Chúng ta thường nói là nghiệp chướng, đây là chướng! Ngủ nghề là Cái (蓋) vì nó che lấp trí năng của quý vị, được gọi là Thùy Miên Cái (睡眠蓋).

Còn có khi tâm trí hôn trầm, bất luận ai cũng có, tôi cũng có. Mấy hôm trước, khi tôi niệm Phật, bái sám xong, khi tĩnh tọa, vừa niệm xong thánh hiệu, tôi có chút lơ mơ. Pháp sư Hoằng Giác nhắc nhở tôi: “Lão pháp sư! Ngài ngủ gục”. Tôi liền chú ý, không được rồi! Hễ chú ý, xúc dậy tinh thần cảnh tỉnh thì đỡ hơn. Món Cái này chẳng phải là chuyện tốt. Có người khuyên quý vị nghỉ ngơi một chút, ngủ một lát sẽ đỡ ngay. Ngủ thì làm sao mà đỡ hơn được? Ngủ hồ đồ luôn. Quý vị tĩnh tọa một chốc, quán tâm, trong khi buồn ngủ, quý vị bèn tu Quán. Nếu quý vị thật sự tu quán Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ tiến nhập thân tâm quý vị. Quang minh của Địa Tạng Bồ Tát sẽ xua tan cơn mê ngủ. Ngủ mê quá nhiều là lỗi lầm của chúng ta. Cứ tính xem, suốt đời, ngủ nghề đã chiếm bao nhiêu thời gian?

Phóng dật là khi cao hứng, vọng tâm sẽ tới bờ. Chơi banh hào hứng, năm sáu tiếng đồng hồ không sao cả. Bảo kẻ đó tĩnh tọa tu hành hay niệm kinh ở đây, ngồi chỉ một tiếng đồng hồ, chịu không nổi! Ngồi nửa tiếng đồng hồ đã nóng ruột, nháp nhôm, muốn đứng dậy. Nếu chơi banh, chơi rất hăng, bất kể đó chơi dăm ba tiếng đồng hồ, không sao hết! Còn có kẻ đánh mặt chược; chơi hết bốn ván, lại chơi thêm bốn ván nữa, càng đánh càng hăng. Vì sao? Phóng dật (buông lung). Đây là cái nghiệp của chúng sanh.

Nghi là chướng ngại lớn nhất trong tu đạo, đối với chuyện gì cũng đều phết dấu hỏi. Có rất nhiều người từ thuở bé do bị cha mẹ lừa gạt đã quen, đến khi trưởng thành, bất luận ai nói gì, kẻ đó cũng đều phết dấu hỏi. Cho nên các đạo hữu có con cái, ngàn vạn lần đừng gạt con cái. Đầu óc con cái hết sức ngây thơ, quý vị nói với nó điều gì, nó sẽ tin ngay. Về sau, nó thấy chuyện chẳng phải như vậy, từ đó, đối với chuyện gì cũng đều hoài nghi. Đặc biệt là người học Phật, quý vị kể với họ các thánh

cảnh và các công đức của Địa Tạng Bồ Tát, [họ sẽ ngờ vực]: “Sao tôi chẳng đạt được? Vị lão hòa thượng này nói nhầm rồi!” Họ sanh lòng hoài nghi. Nghi là chướng ngại lớn nhất trong tu đạo. Vì sao hoài nghi? Tương phản của Nghi là Tín. Tín chẳng trọn đủ thì sẽ hoài nghi. Chuyện gì cũng đều ngờ vực, nghi là nhân duyên chướng đạo. Tình hình ấy hết sức mạnh mẽ.

“*Giai tất xí thịnh*” (Thầy đều lòng lẫy): Toàn thể rất hùng hực, não loạn thân tâm của quý vị, khiến cho thân tâm của quý vị chẳng thể tu đạo, chẳng thể an lạc. Những đạo hữu vương phải những căn bệnh ấy, khi tham dục, sân khuê, ngu si, phẫn hận, keo kiệt, đố kỵ, kiêu căng, ngạo mạn, ác kiến, ham ngủ, buông lung, nghi ngờ lòng lẫy, quý vị phải buông xuống, an tâm, chí tâm xưng niệm, quy ngưỡng, cung kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Những điều đó chúng tôi đã đều từng thí nghiệm. Sở dĩ quý vị có phiền não là do có mấy thứ ấy. Bất luận thứ gì, hoặc do hoàn cảnh bên ngoài đưa tới, hoặc là vì nhận diện thoại của đệ tử, hoặc là vì họ xảy ra chuyện chi đó, chúng tôi động tâm, cũng sẽ phiền não như họ...

Hễ gặp phải chuyện quý vị quan tâm, chính mình chẳng thể làm chủ nổi, tự nhiên sẽ bị rối loạn theo nó. Hãy niệm Địa Tạng Bồ Tát đi nhé! Niệm thì niệm đầy, cầu thì cũng cầu đầy, cảm thấy chẳng linh, vì bên này quý vị tận sức niệm, tận sức cầu, bên kia họ vẫn tận lực đánh! Sự thật trước mặt thường sẽ khiến cho đạo lực của quý vị lui sụt. Chuyện này thường gọi là “*đạo lực thoái thất*”.

Bình thường, chúng ta nói Không, nói Giả, quý vị phải tự thấu hiểu: Quý vị nói Không, nói Giả thì được, chứ đối với chúng sanh mà nói Không, nói Giả, họ có tin quý vị hay không? Bên đó họ đang khổ, quý vị ở đây nói là Không. Giống như cá thuộc loại súc sanh, chúng ta chẳng hiểu ngôn ngữ của nó. Nếu quý vị hiểu ngôn ngữ của nó, sẽ biết nỗi thống khổ của nó! [Sẽ nghe chúng nó than thở]: “Chúng mày ngồi vui sướng trên bàn, dùng dầu chiên tao, dùng dao xắt tao, còn bảo: ‘Ngon quá xá, ngon thiệt!’ Lại còn chú trọng hương vị!” “*Dục tri thế thượng đao binh kiếp, thả thỉnh đồ môn bán dạ thanh*” (Muốn biết đao binh trên cõi thế, lò mổ xin nghe tiếng nửa đêm). Hiện thời ăn uống đủ mọi vẻ mọi trò. Bày vẽ cho lắm thì hỏa tiễn định vị, phi cơ chi đó cũng đều bay tới! Quý vị ăn cầu kỳ cho cố vào thì sẽ bị trả thù cũng đủ trò lắm vẻ! Vì thế, chúng ta hiểu đạo lý này, phải nên chí thành xưng niệm Địa Tạng Bồ Tát. Như thế thì Địa Tạng Bồ Tát có thể cứu chúng ta lìa khỏi khổ nạn, đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.

Phát nguyện chí tâm. Phát nguyện có thể tăng thêm sự chí tâm của chúng ta, nói “tôi mong độ hết thấy chúng sanh, tôi nghĩ tới nỗi khổ của hết thấy chúng sanh”. Như tôi vừa mới nói, có thể nói theo hai phương diện. Nói theo phương diện tốt lành, “*dục tiêu thế thượng đao binh kiếp*” (muốn tiêu trừ kiếp đao binh trên cõi đời), hằng ngày ta niệm cầu các tai nạn trên thế giới này tiêu mất, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Đó là tốt, đây là đại bi tâm. Suy nghĩ theo phương diện khác, [tức là hãy quan tâm tới những điều trước kia chúng ta] chẳng quan tâm. Vì sao quý vị chẳng nghĩ tới Trung Đông, hoặc những quốc gia bị bão tố, chúng ta có cái tâm vui sướng khi người khác mắc họa hay chẳng? Phía địch nhân của chúng ta bị bão tố, [bèn hả hê]: “Thấy chưa! Ông trời đối nghịch với tội bay kìa!” Quý vị có vui sướng khi kẻ khác mắc tai gặp họa hay chẳng? Nếu có, phạm tội mất rồi, phải đối đãi bình đẳng. Vì sao có lắm thiên tai ngàn ấy? Nhân gian chẳng có cách nào trừng trị quý vị, nhân gian chẳng trả thù quý vị nổi, quý vị nói “chẳng công bằng” ư? “*Thiên*” có nghĩa là tự nhiên. Sức mạnh tự nhiên sẽ xảy tới!

Quý vị muốn tìm nguyên nhân, hãy tìm đi! Trong quá khứ, từ thuở bé đến nay, chưa hề nghe nói “*bảo vệ môi trường, bảo vệ sanh thái*”, dường như cũng chẳng có lắm tai nạn như hiện thời. Hiện thời, đặc biệt nhiều! Vì sao khí hậu khác thường? Nhân loại nghiên cứu các thiên thể, chẳng nghiên cứu nhân quả. Chúng ta ai nấy đều hiểu: Địa cầu còn tồn tại lâu dài hay không? Chẳng thể lâu dài được! Hằng ngày khai thác, mỗi ngày đều muốn khai thác bao nhiêu thứ từ địa cầu. Khai thác xong, sẽ đưa các thứ đó đến đâu? Chúng ta khai thác nền lục địa để lấy dầu mỏ, để làm gì? Đốt cháy hoặc chế biến, chế biến rồi thì chúng sẽ đi đâu? Chẳng mất đi chút nào! Nó ở trên không trung. Không trung cũng là vật thể, nó lại dần dần ngưng tụ. Ngưng tụ rồi sẽ lại rơi xuống thế giới này, hư hoại, sau đó, tích tụ tăng trưởng, tăng trưởng rồi sẽ lại chìm xuống. Xoay vòng luân chuyển như thế đó. Đó gọi là Chúng Sanh Nghiệp, gọi là Nghiệp Luân.

Chúng ta giảng kinh Thập Luân là nói tới Luân. Luân là “vĩnh viễn chẳng ngừng nghỉ”. Phật giáo nói về chuyện này. Các khoa học gia hiện thời cũng chứng thực vấn đề này, chứng thực vấn đề: “*Chính con người tạo nghiệp, chính mình tạo tác*”. Hằng ngày kêu ca không khí ô nhiễm, nhưng hằng ngày tăng thêm ô nhiễm. Làm như thế nào đây? Do vậy, khi chúng ta niệm Địa Tạng Bồ Tát, phải hồi hướng, bản thân chúng sanh tạo nghiệp thì phải tự mình hứng chịu. Vì sao họ làm như vậy? Vì tâm họ đã cuồng loạn. Muốn tìm một kẻ không cuồng loạn, sẽ

rất ít, nhưng chúng ta là đệ tử Phật giáo, phải ngưng dứt cuồng loạn, chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, cung kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát có sức lớn như vậy, nhập Định nhiều như vậy, có thể ban cho chúng ta an vui nhiều như vậy, có thể đặt yên chúng ta nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn. Địa Tạng Bồ Tát có sức mạnh ấy, chúng ta có sức để cầu hay không? Có chứ! Chính là chí tâm. Sức mạnh của chí tâm và sức mạnh gia trì của Địa Tạng Bồ Tát, hai đàng kết hợp lại, vấn đề này liền được giải quyết.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, vi hỏa sở phân, vi thủy sở nịch, vi phong sở phiêu, hoặc u sơn nham, nhai ngạn, thụ xá, điền trụ, đọa lạc, kỳ tâm chương hoàng, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc ly chư nguy nan, an ổn, vô tổn, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，為火所焚，為水所溺，為風所飄，或於山岩，崖岸樹舍顛墜墮落，其心悵惶，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得離諸危難，安隱無損，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, bị lửa thiêu đốt, bị nước nhấn chìm, bị gió thổi bay, hoặc nơi vách núi, bờ đá chênh vênh, cây cối, hay nhà cửa mà té nhào, rớt ngã, trong tâm kinh hoàng, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy đều được lìa các nguy nan, an ổn, chẳng bị tổn hoại, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Bất luận quý vị ở nơi đâu, chỉ cần xưng niệm Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ đến nơi đó. Địa Tạng Bồ Tát trọn khắp hết thấy mọi nơi.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, vi chư độc xà, độc trùng sở thích, hoặc bị chủng chủng độc dược sở trúng, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc ly chư não hại, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，為諸毒蛇，毒蟲所螫，或被種種毒藥所中，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得離諸惱害，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, bị các rắn độc, trùng độc cắn, hoặc trúng phải các thứ thuốc độc, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thảy đều được lìa các nỗi hại, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Đây là những chuyện chúng ta thường trông thấy. Trong phần kinh văn phía sau, khi giảng về Thập Luân, sẽ nói rõ những tai nạn ấy do đâu mà có, tôi tính lược đi không nói. Trong phần Tự Phẩm, đọc một lượt, thuận theo kinh văn mà nói là được rồi. Pháp sư Hoảng Giác đề nghị: “Kẻ bình phàm chẳng lý giải cho mấy. Nói đôi chút sẽ tốt hơn”. Hôm nay, tôi sẽ dông dài đôi chút, tiến độ giảng kinh sẽ rất chậm. Mỗi bộ kinh có ý nghĩa chủ yếu, ý nghĩa trung tâm là gì? Chúng ta học một bài văn, hoặc làm chuyện gì, nói chung là có một mục đích trung tâm. Chúng ta phải đặt trọng điểm nơi mục đích trung tâm, nhưng nói về những hiện tượng này sẽ có lợi. Mọi người có biết những hiện tượng ấy do đâu mà có hay không? Ngay trong lúc tâm quý vị động niệm, bèn dấy lên gió. Tâm vừa động niệm, nghiệp liền sanh ra.

Nói về bản thân tôi, tôi là như thế này: Tôi muốn quý vị làm lành, người khác cho đó là quạt gió, nổi lửa. Nếu ở trong ngục mà nói “quý vị hãy gắng niệm Phật, làm nhiều chuyện tốt hơn”, người khác bảo quý vị đang quạt gió, nổi lửa, tuyên truyền Phật giáo. Bởi vậy, tâm quý vị vừa động niệm, người khác ngược ngạo cho đó là quạt gió; kết quả là càng quạt gió, lửa càng lớn. Lửa càng lớn, càng đốt nhanh. Lửa càng đốt nhanh thì tai nạn trên thế giới càng nhiều. Hiện thời, mọi người đều đang quạt gió, đều đang châm lửa, lửa càng dữ dội hơn! Mọi người hãy ngẫm xem, nước thuộc về tình thức. Nước lẫn tình thức đều đi xuống; tình cảm càng nặng, thủy tai càng lớn. Tâm sân hận càng nặng, hỏa tai càng lớn. Ai nấy đều chẳng nén giận, tai nạn bão lốc càng lớn. Hằng ngày quý vị moi rỗng địa cầu, địa cầu sẽ trả thù. Do vậy, năm 1976, Đường Sơn (thuộc tỉnh Hà Bắc) bị động đất lớn, toàn thể dưới đáy thành phố Đường Sơn trống rỗng, moi khoét cả mấy trăm năm. Một khi bị khoét rỗng, nó có thể chẳng sụp xuống ư? Dưới nền đất trống rỗng. Hiện thời, có rất

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

nhều chỗ địa tầng (地層, các lớp đất) còn bị chìm xuống. Vì sao chìm xuống? Rút hết nước ngầm, ai sẽ duy trì nó?

Trung Hoa có câu nói cũ xi: “*Thiên tác nghịệt do khả vi, tự tác nghịệt bất khả hoạt*” (Trời gieo oan nghịệt thì còn có thể chống lại, tự mình tạo oan nghịệt chẳng thể sống). Tự mình tạo nghịệp, tự mình chôn vùi chính mình. Nếu chẳng phải như vậy, có sao địa cầu bị hư hoại? Họ làm như thế nào đi nữa, vẫn tự coi là đúng, đợi cho đến khi hư hoại hết cả, đã không phải là chuyện của thế hệ chúng ta, đó là chuyện của không biết bao nhiêu vạn vạn năm sau. Địa cầu vẫn là rất lớn, cứ đào khoét đi! Dầu sao trong một thời gian cũng chưa thấy gì mà! Tuy chưa thấy gì, [những hậu quả đã nảy sanh] trong tâm của chúng ta.

Tịnh tâm, ít ham muốn bằng cách nào? Niệm thánh hiệu cho nhiều. Chẳng phải là tôi vừa nhắc tới chí tâm ư? Quý vị chẳng niệm, đạt tới chí tâm bằng cách nào đây? Chúng ta từ chẳng chí tâm đạt đến chí tâm, nhất định phải đạt được chí tâm, đừng nên gấp gáp. “Tôi vừa niệm, tâm liền tán loạn, tụng làm sao được?” Khi quý vị niệm lâu ngày, tâm tán loạn chẳng còn nữa! Quý vị hoàn toàn chẳng niệm, mới thật sự là tán tâm.

Có những người đã từng hỏi tôi như thế này. Người ấy nói: “Khi con chẳng niệm Phật, chẳng tụng kinh, chẳng niệm kinh, dường như tâm chẳng có nhiều tán loạn như vậy, chẳng có phiền não nhiều như vậy. Hễ con niệm kinh liền cảm thấy chính mình tận lực dấy vọng tưởng”. Mọi người lý giải như thế nào? Không niệm kinh, dường như chẳng có phiền não. Vừa niệm kinh, dường như có quá nhiều phiền não, có phải là như vậy hay không? Chẳng niệm kinh, quý vị đang ở trong phiền não. Quý vị niệm kinh bèn tách khỏi phiền não, quay đầu nhìn lại phiền não, tình huống là như thế đó. Quý vị chẳng niệm kinh, [chính là] luôn ở trong tán loạn, làm sao nhận biết tán loạn cho được? Quý vị lẳng lòng niệm kinh, tức là lại có những tư tưởng khác; do vậy, cảm thấy cái tâm tán loạn rất nhiều. Nếu chẳng niệm kinh, quý vị luôn ở trong tán loạn, làm sao biết tán loạn cho được? Niệm lâu ngày, quý vị sẽ đạt tới chí tâm. Bái sám một chap chẳng chí tâm, bèn bái sám hai chap! Bái sám lâu ngày, tự nhiên sẽ sanh ra sức mạnh.

Hiện thời, chúng ta có rất nhiều đạo hữu bái sám đã rất lâu. Trong khi họ bái sám, trong tâm rất thanh tịnh. Quý vị vĩnh viễn chẳng tiếp cận, sẽ vĩnh viễn chẳng lý giải! Quý vị tiếp cận, sẽ dần dần lý giải, dần dần tiến nhập, hết thấy mọi chuyện đều là như thế. Chớ nên vì hiện thời ta còn chưa đạt được chí tâm, bèn cảm thấy rất uể oải. Không sao hết!

Chí tâm là do học tập mà ra! Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta học tập phát nguyện chí tâm, phát nguyện nhiều lượt, học tập cho nhiều, sẽ thành tựu chí tâm. Hễ chí tâm đã thành, đạo lực cũng sẽ thành, khổ nạn liền dần dần giải trừ. Quý vị phát nguyện thân tâm khỏe mạnh, chẳng bị bệnh khổ, nguyện gia trạch bình an, lục thân quyến thuộc bình an...

Ngoài ra, nhìn trước mắt, quả địa cầu này vẫn còn tồn tại... Ất cần phải là toàn thể địa cầu đều bình an, quý vị mới có thể đạt được bình an. Nếu gia tộc chẳng bình an, quý vị mong một mình an tĩnh sẽ chẳng được, sẽ có rất nhiều người đến quấy nhiễu, chẳng phải là như vậy hay sao? Nếu con cái, chồng, vợ chẳng bình an, một mình quý vị muốn được bình an trong nhà, tôi thấy là chuyện khó khăn rất lớn. Mọi người đều bình an cả rồi, quý vị mới được bình an. Nhân loại đều bình an thì thế giới mới bình an được. Hết thầy chúng sanh đều bình an thì nhân loại mới có thể bình an.

Tôi chẳng nói ăn mặn, giết cá, mổ vịt là không đúng. Quý vị muốn ăn là chuyện của quý vị, quý vị muốn giết là chuyện của quý vị, nhưng trong khi quý vị giết và ăn, phải sanh khởi một niệm tâm từ bi. Quý vị nói: “Tôi cũng chẳng ăn suông quý vị, tôi luôn đền bồi cho quý vị. Tôi niệm Phật cho quý vị để quý vị đừng đọa làm súc sanh nữa”. Chỉ cần quý vị có một niệm tâm như vậy đã là rất khó có rồi! Khi tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, tôi chuyên giảng “*chí tâm*”. Chí tâm là chí thành khẩn thiết, nhiếp niệm chuyên ròng, dũng mãnh, tinh tấn. Quý vị niệm như vậy, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát thì mới có hiệu quả. Nếu niệm hời hợt, hiệu quả sẽ chẳng lớn. Kinh văn ở đây chẳng nói [rõ ràng] như vậy, vì đây là Tự Phần, chỉ là đức Phật đang tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Khi thật sự vận dụng, quý vị nhất định đạt được chí tâm. Vì thế, mỗi câu kinh văn đều có từ ngữ “*hữu năng chí tâm*” (có thể chí tâm), mỗi câu đều có “*chí tâm xưng danh*”, đừng nên quên “*chí tâm*”. Nếu chẳng có “*chí tâm*”, một tí hiệu quả cũng chẳng có! Nhưng để chí tâm thì phải tu hành. Tu đạt được “*chí tâm*” rất khó, trước hết phải tu “*tín tâm*”. Trước hết, quý vị ắt cần phải tin tưởng cùng cực. Nếu quý vị hàm hồ, một mai sanh bệnh, sẽ cho rằng tìm bác sĩ là chuyện khẩn yếu, niệm Địa Tạng Bồ Tát có tác dụng gì đâu? Như thế thì sẽ chẳng có hiệu quả chi hết!

Có đạo hữu cũng biết căn bệnh chẳng có cách nào chữa khỏi, bèn niệm Địa Tạng Bồ Tát, chí tâm niệm, hiệu quả bèn sanh ra. Nhưng có người bị sâu cắn, rắn cắn, thậm chí trúng phải thuốc độc, có thể thật sự chí tâm niệm, hoặc là trong mộng liền ói ra, hoặc lúc đang tỉnh bèn ói ra,

người ấy sẽ có phản ứng. Địa Tạng Bồ Tát cũng chẳng hiện thân, cũng chẳng cảm ứng chi hết, người ấy tự nôn mửa hoặc bài tiết ra. Ngay từ đầu, trong mỗi đoạn kinh văn đều là “*chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường*”. Mấy câu này đều liên quan với nhau. Thứ nhất là nhất định phải chí tâm, sẽ có thể lìa khỏi, trừ diệt khổ não. Không chỉ là lìa khỏi, trừ diệt khổ não trong hiện tại, mà trong tương lai, sau khi chết, chẳng đọa vào tam đồ, chẳng đọa làm ngựa quý, súc sanh, có thể trực tiếp sanh lên trời. Sau khi đã sanh lên trời, lại tiếp tục nghe pháp, tiếp tục tu đạo, chứng đắc Niết Bàn.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, ác quỷ sở trì, thành chư ngược bệnh, hoặc nhật nhật phát, hoặc cách nhật phát, hoặc tam tứ nhật nhi nhất phát giả, hoặc linh cuồng loạn, thân tâm chiến điệu, mê muội thất niệm, vô sở liễu tri, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc giải thoát vô úy, thân tâm an thích, tùy kỳ sở ứng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，惡鬼所持，成諸瘧病，或日日發，或隔日發，或三四日而一發者，或令狂亂，身心戰掉，迷悶失念，無所了知，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得解脫無畏，身心安適，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình bị ác quỷ bám, thành các thứ bệnh sốt rét, hoặc phát bệnh mỗi ngày, hoặc phát bệnh cách ngày, hoặc cách ba bốn ngày phát bệnh một lần, hoặc khiến cho cuồng loạn, thân tâm run rẩy, mê man, ngây ngốc, chẳng hay biết gì, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thầy đều được giải thoát, không sợ hãi, thân tâm an ổn, thoải mái, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Mỗi câu “*tùy sở tại xứ*” đều là nói Địa Tạng Bồ Tát ở chỗ nào, ở xứ sở nào, xứ sở ấy sẽ được lợi ích. Hữu tình chúng sanh ở nơi ấy bị ác quỷ nắm giữ, có khi là hồ tiên (cáo), hoàng tiên (chồn), bị chúng nó mê hoặc. Tuy nói là mê hoặc, nhưng cũng ắt phải là hữu duyên! Ác quỷ ấy có duyên với quý vị, nhưng không phải là ai cũng đều gặp. Đệ tử Phật đều tin tưởng quý thân, vì trong lục đạo chúng sanh, quý là một đường.

Nếu là những kẻ không tin Phật, họ sẽ nói “chẳng thấy quỷ thần sẽ chẳng tin”, cho rằng không có quỷ. Có những người trông thấy quỷ, lại ngược ngạo nói là quý vị bị hoa mắt, cũng chẳng tin tưởng cho lắm. Vì trong lục đạo, người và súc sanh là những loài chúng ta tiếp xúc, còn chúng sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, A Tu La, chư thiên, kẻ bình phàm chẳng hề tiếp xúc, liền cho rằng những chúng sanh ấy chẳng tồn tại.

“*Ác quỷ sở tri*” (Bị ác quỷ nắm giữ): Ác quỷ không chỉ bám vào thân quý vị, khiến cho quý vị không thoải mái, mà còn có khi dựa vào thân người khác, khiến cho người đó điên cuồng, mê loạn, cầm dao, vung súng giết quý vị mà bản thân người đó vẫn chẳng hay biết. Giống như tôi thấy những kẻ cầu cơ, đối với chuyện này, tôi cũng chẳng hoài nghi chút nào. Đứa bé mười mấy tuổi làm sao có thể biết gì? Nhưng “*thần*” vừa giáng xuống thân, kẻ phò cơ liền nắm lấy bút viết nhoay nhoáy, viết ra rất nhiều bài thơ, kẻ đó có biết hay không? Quý vị nói là có hay không? Xác thực là có¹⁰. Tất cả ngôn từ của Phật, chẳng có một câu nào, chẳng có một chữ nào là giả. Chúng ta thường nói “*bị ác quỷ dựa*”, có những kẻ chẳng tin tưởng. Có kẻ bị quỷ làm cho mê muội, tình huống nghiêm trọng nhất là khiến cho người ấy điên rồ, cuồng loạn, chuyện này rất nhiều. Có kẻ chẳng tin, cho nên vừa rồi tôi nói phải chí tâm. Trước hết, ắt cần phải kiến lập tín tâm. Có tín tâm rồi thì sau đây mới có thể chí tâm. Xác thực là có những người bị quỷ kèm kẹp, có người bèn phát bệnh sốt rét, mỗi ngày phát một lần, hoặc là cách một ngày, hoặc cách ba bốn ngày, cứ đúng giờ bèn phát tác, đó chính là bị quỷ thần kèm kẹp. Hễ bệnh phát tác, khi lạnh thì lạnh gần chết, khi nóng thì phát sốt không thể chịu nổi!

Bệnh sốt rét nếu là vì quỷ dựa, khiến cho quý vị cuồng loạn, phát rồ. Chúng ta thấy người ấy điên điên khùng khùng suốt ngày chạy khắp nơi, đã cuồng loạn rồi. Cuộc sống bình thường, hành động chánh đáng đều bị mê mất. Khi đó, nếu thân hữu của người ấy có thể niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát giúp cho người ấy khôi phục đôi chút tri giác; sau

¹⁰ Xin chú ý, ở đây, hòa thượng nói quý vị giáng cơ là có, chẳng phải do những đồng tử hầu cơ bịa đặt, chứ không hề nói những kẻ giáng cơ tự xưng là “*thần này, thánh nọ*” chính là thân tiên, Bồ Tát, thật sự giáng cơ. Ngài cũng không hề nói những lời cơ bút là chân thật, đáng tin cậy, vì như tổ Ấn Quang đã khẳng định: Trong các đàn cầu cơ, thường là các tiểu quỷ dối gạt tự xưng là thiên tiên, thần, Phật để mê hoặc tín đồ thờ phụng họ. Những lời họ tiên đoán đa số đều vụn vặt, có thể đúng trong tương lai rất gần, chứ những điều trọng đại đều tiên đoán sai be bét. Hoặc họ tự xưng là Phật này, Bồ Tát nọ, nhưng không giảng được một bài kinh pháp nào ra hồn!

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

đó, dạy người ấy tự niệm. Nếu người ấy có thể tự niệm, sẽ có hiệu quả. Những trường hợp như vậy rất nhiều, mọi người nhất định phải tin tưởng. Quý đạo là một đường [trong lục đạo]. Quý nhiều hơn người. Người chết đi biến thành quý, súc sanh chết đi cũng biến thành quý. Lục đạo chúng sanh đều là biến hóa lẫn nhau. Nếu có thể chí tâm niệm tụng thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, sẽ có thể khiến cho căn bệnh này chuyển biến tốt đẹp, có thể xua đuổi ác quỷ.

Trước kia, khi tôi ở Vạn Phật Thánh Thành, có một vị lão cư sĩ tin Phật đã rất nhiều năm. Ông ta bị một con hồ ly từ đời Hán mê hoặc. Ông ta đặc biệt từ Nữ Ước tìm đến Vạn Phật Thánh Thành, thỉnh Tuyên Hóa thượng nhân trị liệu. Tuyên Hóa thượng nhân khi đó có một vị đệ tử, đã nói con hồ ly ấy không phải là hồ ly bình thường, mà là thay cha báo cừ, được gọi là “*bạch hồ vương tử*” (vương tử cáo trắng). Vì sao tôi biết rõ như vậy? Có một hôm, vị pháp sư ấy lái xe chở vị lão cư sĩ ấy đến chỗ tôi để cho tôi thuyết pháp cho con hồ ly ấy. Do vậy, tôi mới biết rất tường tận. [Con hồ ly] từ đời Hán cho đến hiện thời, quả thật là có, ông ta thấy nó, chúng tôi không thấy. Ông ta muốn tôi giảng pháp cho nó. Tôi nói với nó, oan gia nên cởi gỡ, đừng nên thắt buộc, giảng về Khô, Không, Vô Thường. Bản thân ông ta khóc, mà con hồ ly cũng khóc. Sau đó, vị pháp sư ấy kết nhân duyên với con hồ ly ấy. Không chỉ chẳng muốn rời bỏ nó. Thầy ấy giảng kinh Pháp Hoa tại Nữ Ước, niệm chú Đại Bi, con hồ ly ấy cũng niệm chú Đại Bi theo. Hồ ly cùng ông ta hai người hợp tác, khi pháp sư giảng kinh Pháp Hoa, con hồ ly gia trì cho người ta, nhưng do chẳng có sức mạnh của Địa Tạng Bồ Tát, vậy là có chuyện chẳng chánh đáng.

Kẻ bình phàm sau khi bị quỷ thân mê hoặc, sẽ thường có hiện tượng ấy. Đó là sự thật, nhưng vẫn là phải có nhân duyên với họ. Chẳng có nhân duyên, sẽ chẳng thể phát sanh. Đặc biệt là đệ tử Tam Bảo, vì sao gặp phải loại nhân duyên túc thế này? Chúng ta niệm kinh Địa Tạng, niệm xong sẽ thấy, đặc biệt là niệm vào ban đêm sẽ rất sợ hãi, vừa niệm bèn sanh cảm giác sợ hãi. Có khi quý vị niệm bèn phát sốt, hoặc cảm thấy thân lạnh ngắt. Đây là hiện tượng bình thường, đừng phát sanh cảm giác hoảng sợ. Trong khi quý vị niệm kinh Địa Tạng, những người tìm tới đều là quyến thuộc của quý vị. Nếu không, họ sẽ chẳng thể đến trước quý vị được. Họ rất mong được độ, nghe kinh Địa Tạng. Nếu quý vị niệm hai ngày, hoặc là niệm mấy lượt, hiện tượng ấy sẽ chẳng có nữa, sẽ mất đi. Đó là lẽ tất nhiên.

Đường quý thân từ xưa đến nay đều có. Bất cứ quốc gia nào, bất

cứ khu vực nào cũng đều có, có chuyện nhà cửa chẳng yên ổn, đặc biệt quái dị. Hôm nay, tôi thấy [kinh văn nói] những loài quỷ này, nhớ tới lúc ở Nữ Ước, có một vị đạo hữu, còn chưa thọ Tam Quy Y. Chồng bà ta là người Nhật, làm việc cho một công ty Nhật. Bà ta có một gian nhà hôi thối khôn cùng; đó là vì ác quỷ được nói trên đây. Thân thể ác quỷ đặc biệt hôi thối. Sau đó, bà ta niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, cũng niệm kinh Địa Tạng, mời chúng tôi đến sám tịnh. Sau đó, ác quỷ cũng tiêu mất. Trước đó, bà ta xịt loại nước hoa nào cũng đều vô hiệu, đều không [khử mùi hôi thối] được. Chuyện này xác thực là có, mọi người phải chí tâm. Chúng ta là đệ tử Phật, nhất định phải tin tưởng lời đức Phật dạy: Quỷ đạo là một đường trong lục đạo. Người đã chết biến thành quỷ, vẫn chẳng phải dễ! Còn phải đầu thai vào quỷ đạo. Đầu thai vào đường nào, giống như đầu thai làm nhân loại, đầu thai vào súc sanh đạo, [đều phải có cái nhân trong đường ấy], phải đầu thai vào quỷ đạo thì mới có thể biến thành quỷ.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, vị chư Dược Xoa, La Sát, nga quỷ, Tát Xá Giá quỷ, Bồ Đát Na quỷ, Cửu Bàn Đồ quỷ, Yết Trá Bồ Đát Na quỷ, hấp tinh khí quỷ.

(經)隨所在處，若諸有情，為諸藥叉、羅剎、餓鬼、畢舍遮鬼、布怛那鬼、鳩畔荼鬼、羯吒布怛那鬼、吸精氣鬼。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, bị các Dược Xoa, La Sát, nga quỷ, quỷ Tát Xá Giá, quỷ Bồ Đát Na, quỷ Cửu Bàn Đồ, quỷ Yết Trá Bồ Đát Na, quỷ hút tinh khí).

Có một quyển Phiên Dịch Danh Tướng Ký (翻譯名相記) giải thích những tên gọi của quỷ, tôi đại khái dựa theo thứ tự đọc mấy đoạn là được rồi. Quỷ Tát Xá Giá (Piśāca) chính là hấp huyết quỷ (quỷ hút máu). Loại quỷ này ăn tinh khí của con người, nhưng chúng không hiện hình. Quý vị chẳng thấy nó, mà nó cũng chẳng hiện ra dọa dẫm quý vị. Nó hút máu, hấp thụ tinh khí của quý vị, chẳng phải là theo bên thân quý vị để hấp thụ. Nếu vật bài tiết của quý vị có máu, chẳng hạn như trong bệnh viện, đặc biệt là khi mẹ sanh con, những con quỷ ấy ăn mùi vị đó. Chẳng phải là thật sự ăn, chỉ là ngửi mùi thì là đã ăn.

Kẻ đó là quỷ Bồ Đát Na (Pūtana). Bồ Đát Na là “hôi thối”. Thân thể nó hôi thối lạ lùng, nhưng không ăn đồ vật này nọ. Ở đâu có mùi hôi

thối, nó liền chạy đến ăn mùi hôi thối đó. Hiện thời, sợ rằng nhà vệ sinh ở Mỹ và Gia Nã Đại không có quỷ này vì không hôi thối. Nó hướng xuống phía dưới đất, chuyên tìm những chỗ hôi thối, để hút mùi thối. Nhưng trong các loài quỷ, trong số các nạ quỷ, chúng có phước báo lớn nhất. Đã là quỷ chuyên môn hút mùi thối, có sao có phước báo lớn nhất? Nó chuyên môn chòng gheo người hoặc súc vật, khiến cho họ bình ra, chuyên môn ăn mùi thối của quý vị. Nó được ăn trong khi các nạ quỷ khác không được ăn. Do vậy nói nó có phước báo to lớn.

Dược Xoa, La Sát: Dược Xoa (Yakṣa) là Dạ Xoa, chuyên uống máu người, chuyên ăn tinh khí của con người. Chúng ta thường nhắc tới Dược Xoa và La Sát (Rākṣas)¹¹ cùng lúc, loại quỷ này cực ác.

Quỷ Cưu Bàn Đồ (Kumbhāṇḍa) tức là Ung Hình Quỷ (甕形鬼) vì nó [có hình dáng] giống như một cái vò. Trong quá khứ, có một người công danh rất lớn, làm người rất chánh trực. Khi ông ta vào nhà vệ sinh, gặp phải Ung Hình Quỷ. Ông ta là người có công danh, trên thân có quang minh. Ung Hình Quỷ muốn tránh né, nhưng chạy không được, bị ông ta chặn lại. Ông ta từ ngoài cửa tiến vào, bảo Ung Hình Quỷ: “Ngươi đừng có chạy!” Con quỷ ấy chẳng dám chạy. Vì khi đó, đi vệ sinh đâu có đèn điện, phải cầm theo đèn dầu. Ông ta bảo: “Ngươi đợi ở đây!” Ông ta liền đặt thếp đèn lên đầu Ung Hình Quỷ. Chẳng sợ hãi mà cũng chẳng kinh hoảng vì con Ung Hình Quỷ ấy. Chờ lúc xong xuôi, ông ta cầm lấy đèn, bảo: “Ngươi đi đi”. Trong lịch sử có ghi chép về loại quỷ này. Nếu muốn xem những câu chuyện về quỷ, có một quyển sách là Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký (閱微草堂筆記) do Kỳ Hiều Lam soạn. Sách ấy toàn viết về quỷ, chép những chuyện ông ta được nghe kể lại, khác hẳn Liêu Trai Chí Dị. Liêu Trai Chí Dị là chuyện soạn ra, còn Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký đại đa số được viết khi Kỳ Hiều Lam bị đày đi Tân Cương. Vùng biên cương, những chuyện ấy đặc biệt nhiều. Ông ta nghe kể những câu chuyện cũ bèn ghi chép lại. Duyệt Vi (閱微) có nghĩa là ẩn kín. Tôi nêu ra mấy chuyện để chứng minh quỷ thật sự tồn tại.

¹¹ La Sát (Rākṣas) còn phiên âm là La Sát Tư, La Xoa Sa, La Khất Sát Sa, dịch nghĩa là Khả Úy (đáng sợ) hay Tóc Tật (nhanchóng), là một loại quỷ thần. Mật giáo gọi họ là La Sát Thiên, có tên riêng là Niết Rị Đê (Nairṛṭi). Quỷ La Sát thường được mô tả là loài quỷ hung tợn, thích ăn thịt người, thích uống máu, bay lượn rất nhanh, có khả năng biến hình đủ loại để trà trộn ăn thịt nạn nhân. La Sát nam tóc đỏ, mắt xanh, nanh chĩa rất hung tợn, La Sát Nữ đẹp đẽ tuyệt diệu, thường dụ dỗ nhân loại lấy họ làm vợ rồi ăn thịt chòng.

Quý Yết Trá Bồ Đát Na (Kaṭapūtaṇa): Loại quý này có hình dáng cực xấu, thường ra vào chôn mồ mả. Chúng không đến chỗ bình thường vì chuyên ăn xác chết, [đúng ra là] ngửi xác chết. Khi xác chết rữa nát, quý sẽ hút lấy mùi xác chết. Vì sao khi tỳ-kheo ăn cơm, nhất định phải thí thực cho những loài quý ấy? Khi cúng Ngọ, cúng dường hết thầy chúng sanh, cũng bao gồm các loài quý ấy trong đó. Hễ như vậy, chúng nó có thể ngửi thấy mùi, ngửi được hương vị của thức ăn.

(Kinh) Cập chư hổ, lang, sư tử, ác thú, cổ độc, yếm đảo, chư ác chú thuật, oán tặc, quân trận, cập dư chủng chủng chư bồ úy sự chi sở triền nhiễu, thân tâm chương hoàng, cụ thất thân mạng, ố tử tham sanh, yếm khổ cầu lạc, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết giai đắc ly chư bồ úy, bảo toàn thân mạng, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)及諸虎狼，師子惡獸，蠱毒厭禱，諸惡咒術，怨賊軍陣，及餘種種諸怖畏事之所纏繞，身心悵惶，懼失身命，惡死貪生，厭苦求樂，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切皆得離諸怖畏，保全身命，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Và các loài cọp, sói, sư tử, ác thú, cổ độc, ếm đảo, các chú thuật ác, oán tặc, quân trận, và các chuyện sợ hãi khác quân trời, thân tâm hoảng hốt, sợ mất thân mạng, ghét chết, tham sống, ghét khổ, cầu vui, nếu có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thầy đều được lìa khỏi các sợ hãi, bảo toàn thân mạng, tùy theo căn cơ đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

“Yếm đảo chư ác chú thuật”: (Các thuật ếm đảo, chú thuật ác): Đây là những chú thuật xấu ác để trừ ếm người họ rất chán ghét. Còn có quân đội hai bên giao chiến, trong chiến trận đối địch giữa hai bên, sanh khởi đủ loại chuyện đáng sợ hãi. Các thứ quân trời, vắn vít, khiến cho thân tâm của quý vị không biết đâu mà lờng, kinh hoàng, thất thố, sợ mất thân mạng. Ai nấy đều ham sống, chẳng muốn chết. Đó là lẽ thường tình của con người. Ai cũng chẳng muốn chịu khổ, đều mong cầu vui sướng, đó là “yếm khổ, cầu lạc”. Nếu đối trước lúc nguy nan ấy, quý vị

có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, sẽ có thể lia bỏ hết thủy sợ hãi, mà cũng có thể giữ vẹn thân mạng của chính mình, dần dần nhập đạo, tùy theo căn tánh của quý vị mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn. Điều này biểu thị đại từ, đại bi, đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát. Ngài chẳng ngại nhiều chuyện, chuyên quán mọi chuyện vật vãn của hết thủy chúng sanh, vì Ngài đã phát cái nguyện ấy. Có những người rất sợ lo chuyện bao đồng, đặc biệt là bọn lão hòa thượng như chúng tôi, trong tâm luôn nghĩ “*hiều thêm một chuyện, chẳng bằng ít đi một chuyện*”, chính mình tu hành là được rồi!

Trong thế giới Sa Bà này, từ bi nhất là Địa Tạng Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát, các Ngài chuyên lo chuyện bao đồng! Tuy nói theo phía các Ngài là chuyện bao đồng, nhưng vẫn là quý vị hữu duyên với các Ngài. Như thế nào thì được coi là hữu duyên? Quý vị có thể niệm danh hiệu của các Ngài, có thể niệm thánh hiệu là hữu duyên. Chẳng dễ gì được nghe danh hiệu của các Ngài, lại còn có thể trì niệm. Khi gặp lúc đau khô bức bách, bèn nghĩ tới các Ngài. Quý vị chớ nên gọi mẹ, gọi mẹ chẳng có tác dụng chi hết! Chúng ta thường là hễ đau khổ bèn gọi mẹ. Người Tây Tạng gọi mẹ là Á Ma. Tôi đã nghe rất nhiều ngôn ngữ, chữ Mẹ vẫn chẳng biến đổi, Chữ Mẹ từ lúc sanh ra bèn hiểu, dường như đều giống nhau. Hễ gặp khó khăn, lúc bị đau khổ, luôn gọi mẹ. Tuy vậy, quý vị phải đổi thành gọi Địa Tạng Bồ Tát, hoặc gọi Quán Thế Âm Bồ Tát, chớ gọi mẹ chẳng thể giải quyết vấn đề. Nếu quý vị gọi Địa Tạng Bồ Tát, Ngài trở thành mẹ của quý vị, vấn đề sẽ được giải quyết, Ngài thật sự có thể cứu quý vị.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, hoặc vị đa văn, hoặc vị tịnh tín, hoặc vị tịnh giới, hoặc vị Tĩnh Lự, hoặc vị thân thông, hoặc vị Bát Nhã, hoặc vị giải thoát, hoặc vị diệu sắc, hoặc vị diệu thanh, hoặc vị diệu hương, hoặc vị diệu vị, hoặc vị diệu xúc, hoặc vị lợi dưỡng, hoặc vị danh văn, hoặc vị công đức, hoặc vị công xảo, hoặc vị hoa quả, hoặc vị thụ lâm, hoặc vị sàng tòa, hoặc vị phu cụ, hoặc vị đạo lộ, hoặc vị tài cốc, hoặc vị y dược, hoặc vị xá trạch, hoặc vị bộc sử, hoặc vị thái sắc, hoặc vị cam vũ, hoặc vị cầu thủy, hoặc vị giá sắc, hoặc vị phiền phát, hoặc vị lương phong, hoặc vị cầu hỏa, hoặc vị xa thặng, hoặc vị nam nữ, hoặc vị phương tiện, hoặc vị tu phước, hoặc vị ôn noãn, hoặc vị thanh lương, hoặc vị ức niệm, hoặc vị chủng chủng thể xuất thế gian chư lợi lạc sự, u truy cầu thời, vị chư ưu khổ chi sở

bức thiết, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, thử thiện nam tử công đức diệu định oai thần lực cố, linh bỉ nhất thiết giai ly ưu khổ, ý nguyện mãn túc, tùy kỳ sở ưng, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，或為多聞，或為淨信，或為淨戒，或為靜慮，或為神通，或為般若，或為解脫，或為妙色，或為妙聲，或為妙香，或為妙味，或為妙觸，或為利養，或為名聞，或為功德，或為工巧，或為華果，或為樹林，或為床座，或為敷具，或為道路，或為財谷，或為醫藥，或為舍宅，或為僕使，或為彩色，或為甘雨，或為求水，或為稼穡，或為扇拂，或為涼風，或為求火，或為車乘，或為男女，或為方便，或為修福，或為溫暖，或為清涼，或為憶念，或為種種世出世間諸利樂事，於追求時，為諸憂苦之所逼切，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，此善男子功德妙定威神力故，令彼一切皆離憂苦，意願滿足，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(*Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, hoặc vì đa văn, hoặc vì tịnh tín, hoặc vì tịnh giới, hoặc vì Tĩnh Lực, hoặc vì thần thông, hoặc vì Bát Nhã, hoặc vì giải thoát, hoặc vì diệu sắc, hoặc vì diệu thanh, hoặc vì diệu hương, hoặc vì diệu vị, hoặc vì diệu xúc, hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì tiếng tăm, hoặc vì công đức, hoặc vì hay khéo, hoặc vì hoa quả, hoặc vì rừng cây, hoặc vì giường, tòa, hoặc vì đồ trái, hoặc vì đường sá, hoặc vì cửa cái, ngũ cốc, hoặc vì thuốc thang, hoặc vì nhà cửa, hoặc vì tô tó, hoặc vì màu sắc, hoặc vì mưa ngọt, hoặc vì cầu nước, hoặc vì mùa màng, hoặc vì gió thoảng, hoặc vì gió mát, hoặc vì cầu lửa, hoặc vì xe cộ, hoặc vì con cái, hoặc vì phương tiện, hoặc vì tu phước, hoặc vì âm áp, hoặc vì mát mẻ, hoặc vì ức niệm, hoặc vì các thứ chuyện lợi lạc thế gian và xuất thế gian, trong lúc theo đuổi, bị các thứ ưu khổ bức bách, nếu có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, do công đức, diệu định và sức oai thần của vị thiện nam tử ấy, khiến cho hết thấy đều là ưu khổ, ý nguyện được thỏa mãn, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà được đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).*

Những điều đó đều có thể mãn nguyện. Những điều được nói trong phần sau là pháp thế gian, còn trong phần trước là pháp xuất thế gian. Mong nghe nhiều kinh, nghe pháp thấu hiểu. Do đa văn, ắt sẽ đắc Văn Huệ. Như chúng ta nghe kinh, nghe pháp ở nơi đây, tợ hồ có chỗ nào đó giảng kinh, chúng ta đến nghe rất dễ dàng, chẳng khó khăn cho lắm. Nhưng đối với tôi mà nói, tôi cảm thấy hết sức khó khăn, rất khó khăn! Hiện thời, tại Đại Lục (Hoa Lục), có rất nhiều người tin Phật, mong được nghe truyền Tam Quy Y mà chẳng được nghe. “Chẳng phải là có Phật Học Viện ư?” Phật Học Viện tại Đại Lục chẳng cho phép dự thính. Giảng kinh, giảng pháp chỉ có thể làm trong chùa miếu, chẳng thể tụ họp giảng kinh. Pháp luật tại Hoa Lục không cho phép chuyện này.

Có lẽ chúng ta cảm thấy đa văn là chuyện dường như rất dễ dàng. Thật ra, rất khó! Muốn nghe một bộ kinh, chẳng dễ dàng như thế đâu nhé, ắt cần phải có nhân duyên. Người nói, kẻ nghe, đều phải có nhân duyên. Muốn thuyết pháp, còn phải có nơi chốn. Nơi chốn rất khó khăn. Nếu nghe pháp mà có thể sanh khởi tín tâm thanh tịnh, càng khó hơn nữa! Tôi nói như vậy, mọi người đừng phiền não, tịnh tín rất khó. [Khó phát khởi] tịnh tín cũng bao gồm những vị sư phụ xuất gia như chúng tôi! Nghe pháp, sanh khởi tín tâm thanh tịnh [chẳng phải là chuyện dễ]. Nếu nói theo cách phân chia phẩm vị, phải đạt tới địa vị Ngũ Phẩm thì nghe pháp mới có thể thanh tịnh, trong tâm có thể thanh tịnh thì mới có thể nghe pháp!

Sanh khởi tịnh tín rất khó, phải là trong tư tưởng của chúng ta, tí xíu tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, ái, hết thấy đố kỵ, chướng ngại đều chẳng có. Chẳng đạt được tín tâm thanh tịnh, hãy niệm Địa Tạng Bồ Tát, cầu đắc tín tâm thanh tịnh. Nay chúng ta tin Phật, nhưng xen tạp rất nhiều động cơ (motivation), cho nên hiệu quả chẳng tốt đẹp cho mấy, chẳng thể khai ngộ. Tận lực nghe rất nhiều bộ kinh, quý vị vẫn hiểu rất ít. Pháp được nghe chẳng khế hợp cái tâm của chính mình, quý vị sẽ chẳng thể sanh khởi lòng tin thanh tịnh thật sự. Lòng tin thanh tịnh chẳng phải là chúng ta tùy tiện nói một câu sẽ là lòng tin thanh tịnh. Nếu quý vị có thể giác ngộ ý niệm chẳng đúng, ngay lập tức chấm dứt thì mới được. Nhận biết “niệm trước khởi ác” bèn có thể ngăn chặn, không cho “niệm sau khởi lên”, sẽ là có tín tâm. Các vị đạo hữu có tín tâm vì hộ trì Tam Bảo, thà xả thân mạng, trọn chẳng suy tính cho thân mạng của chính mình, họ lo toan cho Phật, Pháp, Tăng. Chúng ta có lòng tin thanh tịnh như thế hay chẳng? Đã thế, họ vừa nghe pháp bèn có thể nhập. Có thể nhập, bèn có thể đắc Định. Có thể Định thì sẽ có thể sanh Huệ. Họ

nhất định phát nguyện, phát nguyện rồi ắt cần phải thực hiện theo đúng điều đã nguyện. Đó mới là biểu hiện của tịnh tín.

Lại nói sâu hơn một chút, tin tưởng chính mình là Phật! Đấy mới là tịnh tín. Quý vị niệm Địa Tạng Bồ Tát, phải tin tưởng chính mình là Địa Tạng Bồ Tát. Hoặc là xoay trở lại cái Nghe, quán ngược lại, quán cái tâm của chính mình và tâm Địa Tạng Bồ Tát hợp nhất: Tâm ta chính là Phật tâm, mà cũng là chúng sanh tâm. Không chỉ chính mình tịnh tín như thế, mà còn khiến cho hết thảy chúng sanh đều trở thành tín tâm thanh tịnh. Đó là cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Khi chúng ta chí tâm niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, quý vị chính là Địa Tạng Bồ Tát, đó gọi là “*tịnh tín*”. Lúc quý vị chí tâm niệm A Di Đà Phật, bản thân quý vị phải biết chính mình đã trở thành A Di Đà Phật. Phải kiến lập tín tâm như thế! Nếu tìm cầu sự gia trì của Địa Tạng Bồ Tát thì Địa Tạng Bồ Tát gia trì chính là tự tâm của quý vị gia trì tự tâm! Còn có “*tịnh giới*”. Bất luận quý vị thọ Tam Quy, Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, cho đến hai trăm năm mươi giới tỳ-kheo, ba trăm bốn mươi tám giới của tỳ-kheo-ni, cho đến Bồ Tát trọng giới. Nói chung, Tam Tụ Tịnh Giới, tức Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới, và Nhiêu Ích Hữu Tình Giới, vì trì giới thanh tịnh, chính mình sẽ được thanh tịnh.

“*Hoặc vì Tĩnh Lự*”: Tĩnh Lự là Định, là tên gọi khác của Định, cũng là tam-muội. Tĩnh tọa tư duy là tu tư duy.

“*Hoặc vì thần thông*”: Mọi người đều biết thần thông: Người khác chẳng thể, mà quý vị có thể. Ở nơi đây, quý vị tác ý liền tới Bắc Kinh, vừa tác ý liền đến Đài Bắc. Chỗ nào có đao binh kiếp, quý vị ở nơi đây giơ tay, kiếp đao binh tiêu mất, đánh nhau chẳng thành công! Giống như có vị đại hòa thượng trông thấy lửa lớn đã bốc cháy, bèn mượn rượu của người khác uống vào, phun rượu lên không trung, dập tắt trận lửa ấy. Lửa bị dập tắt, nhưng người thấy có mùi rượu. Khi đó, vị ấy ở Tây An, dập tắt lửa ở Bắc Bình Phủ. Đó gọi là thần thông. Bất quá, thần thông kiểu đó vẫn là tiểu thần thông. Đại thần thông là có trí huệ, huệ tánh có thể thông đạt hết thảy. Đối với cái tâm tự nhiên, bèn khôi phục cái tâm tự nhiên quý vị vốn sẵn có. Đấy gọi là Thần. Thần minh thiên tâm, thiên tâm là tự tánh. Tâm rất tự nhiên, thông minh huệ tánh, diệu dụng vô biên, đó gọi là “*thần thông*”. Nhưng thông thường là hiện ra các tiêu cảnh giới, đấy chẳng phải thần thông to lớn gì! Khi Bồ Tát vận dụng thần thông, nhất định sẽ chuyển biến Hoặc nghiệp của chúng sanh, tiêu trừ nghiệp chướng của chúng sanh, làm tăng thêm tín tâm thanh tịnh cho họ.

“*Hoặc vì Bát Nhã*”: Bát Nhã là diệu huệ. Chúng ta đọc kinh Bát Nhã, kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, cho đến đọc Tâm Kinh, thành tựu trí huệ. Trí huệ ấy chẳng phải là trí huệ bình phàm, mà là trí Bát Nhã Lục Độ vạn hạnh, hoặc là giải thoát đạo.

Có hai cách giải thích chữ “*diệu sắc*”:

- Tướng mạo rất trang nghiêm, vượt xa kẻ bình phàm. Ba mươi hai tướng, tám mươi loại hảo, đều là diệu sắc.

- Còn có vô sắc diệu sắc, vô hình, vô tướng.

Diệu sắc, diệu thanh, diệu hương, diệu vị, diệu xúc, tức là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, lại kèm thêm chữ Diệu, sẽ là chẳng thể nghĩ bàn. Gọi là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, tức chẳng phải là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, mà gọi là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, đây mới là Diệu. Chẳng đạt đến mức độ ấy, chẳng gọi là Diệu. Diệu là chẳng thể nghĩ bàn. Rõ ràng là xanh, hồng, đỏ, vàng, nhưng hết thấy sắc tướng chẳng phải là sắc tướng, vì xét theo tánh, sẽ biết chúng là duyên khởi, chẳng chân thật. Từ nơi tướng mà hiện ra tánh của chúng, đó là Diệu. Sắc, phi sắc tướng, hoa, phi hoa, hoa chẳng phải là hoa!

Tôi nhớ đã từng đọc một câu đối: “*Sơn sắc, thủy sắc, yên hà sắc, sắc sắc giai Không*” (Sắc núi, sắc nước, sắc khói ráng chiều, sắc nào cũng đều là Không), ý nói: Chẳng có Sắc, nó do cái tâm của quý vị biến hiện. “*Phong thanh, vũ thanh, chung khánh thanh, thanh thanh tự tại*” (Tiếng gió, tiếng mưa, tiếng chuông khánh, tiếng nào cũng tự tại). Tiếng cũng chẳng có.

Vì thế, diệu sắc, diệu thanh, cho đến diệu hương đều là như thế mà thôi. Đây chẳng phải là cảnh giới bình thường. Nếu muốn đạt đến cảnh giới này, quý vị phải chí tâm niệm Địa Tạng Bồ Tát, chuyển cái tâm của chính mình thành nhất trí với cái tâm của Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị là Địa Tạng Bồ Tát thì mới có thể đạt tới cảnh giới thù diệu này. Vì tiếng tăm, vì lợi dưỡng, vì muốn làm công đức, quý vị cũng có thể [xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát].

“*Hoặc vì tôi tớ*”, nói đại lược một phen. Trong nhà muốn mượn mấy người hầu, hoặc là quý vị muốn mở công ty, muốn thuê mấy nhân viên, đều coi là “tôi tớ”. Hoặc trong nhà phải thuê vú em, cũng coi như là tôi tớ. Trong các tình hình như thế, cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì một phen, dường như chuyện gì Địa Tạng Bồ Tát cũng quản. Mục đích là quý vị phải chí tâm niệm danh hiệu của Ngài, chờ cho đến khi quý vị niệm linh ứng, tâm tư của quý vị nảy sanh biến hóa. Kinh Thập Luân

nhằm chuyên biến phiền não của quý vị. Đầu tiên là Tự Phần nhằm nói công đức thù thắng của Địa Tạng Bồ Tát, hòng quý vị sanh khởi tín tâm, ngộ hậu chúng ta tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát. Nếu tâm quý vị có thể tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát, tâm quý vị sẽ ứng hợp tâm Địa Tạng Bồ Tát; sau đây, cái tâm của quý vị chuyên thành tâm Địa Tạng Bồ Tát. Tâm của Địa Tạng Bồ Tát là đại nguyện, quý vị cũng sẽ luôn thuận theo mà phát khởi đại nguyện. Địa Tạng Bồ Tát thuận theo chư Phật, Bồ Tát mà phát đại nguyện.

Chúng ta học theo Ngài, cũng phát đại nguyện. Ngài vì thành tựu chúng ta, khiến cho nguyện và tâm của chúng ta nhất trí với nguyện và tâm của Ngài, Phật Phật đạo đồng. Nếu quý vị có thể chí tâm, thành tín niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính Địa Tạng Bồ Tát thì những điều mong cầu trên đây đều có thể đạt được. Vì sao? Trong phần trên, tôi đã nói, Địa Tạng Bồ Tát nhập diệu định nhiều ngàn ấy. Từ trong các Định ấy, sanh ra trí năng nhiều dường ấy, Ngài có thể chuyển hóa cái tâm của chúng ta. Khi Ngài gia trì quý vị, chẳng phải là Ngài ban cho quý vị, mà là tự tâm của quý vị sanh khởi diệu dụng, tự nhiên trọn đủ. Đừng nên nghĩ Địa Tạng Bồ Tát sẽ ban cho chúng ta điều gì, mà là tự tâm của quý vị sanh khởi công đức, sanh khởi thù thắng, là sức mạnh từ chính cái tâm của quý vị, kết hợp với diệu định và sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Địa Tạng Bồ Tát, cho nên mới có thể lìa khổ, lìa khỏi hết thầy ưu, bi, khổ não; do vậy, những nguyện vọng mong cầu của quý vị đều được thỏa mãn. Không chỉ là như thế, mà còn có thể đặt yên quý vị nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, dĩ chư chủng tử, thực ư hoang điền, hoặc thực điền trung, nhược cần doanh vụ, hoặc bất doanh vụ, hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, thử thiện nam tử, công đức diệu định, oai thần lực cố, linh bỉ nhất thiết quả thật phong năm. Sở dĩ giả hà? Thử thiện nam tử tàng quá vô lượng vô số đại kiếp, ư quá số lượng Phật Thế Tôn sở, phát đại tinh tấn, kiên cố thế nguyện. Do thử nguyện lực, vị dục thành thực chư hữu tình cố, thường phổ nhậm trì nhất thiết đại địa, thường phổ nhậm trì nhất thiết chủng tử, thường phổ linh bỉ nhất thiết hữu tình tùy ý thọ dụng. Thử thiện nam tử oai thần lực cố, năng linh đại địa nhất thiết thảo mộc, căn, tu, nha, hành, chi, diệp, hoa, quả, giai tất sanh trưởng, được cốc, miêu giá, hoa quả mậu thật, thành thực nhuận trạch, hương khiết nhuễn mỹ.

(經)隨所在處，若諸有情，以諸種子，植於荒田，或熟田中，若勤營務，或不營務，有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，此善男子，功德妙定，威神力故，令彼一切果實豐稔。所以者何？此善男子曾過無量無數大劫，於過數量佛世尊所，發大精進，堅固誓願。由此願力，為欲成熟諸有情故，常普任持一切大地，常普任持一切種子，常普令彼一切有情隨意受用。此善男子威神力故，能令大地一切草木、根、鬚、芽、莖、枝、葉、華、果，皆悉生長，藥谷、苗稼、華果茂實，成熟潤澤，香潔軟美。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, lấy các hạt giống gieo xuống ruộng hoang, hoặc nơi ruộng thực, hoặc là siêng chăm bón, hoặc chẳng chăm bón, mà có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, do công đức, diệu định, và sức oai thần của vị thiện nam tử này, khiến cho hết thấy quả hạt sanh trưởng dồi dào. Vì có sao vậy? Vị thiện nam tử này đã từng trải qua vô lượng vô số đại kiếp, ở nơi chẳng thể tính đếm chư Phật Thế Tôn, phát ra thế nguyện kiên cố đại tinh tấn.

Do nguyện lực ấy, vì muốn thành thực các hữu tình, thường duy trì trọn khắp hết thấy các đại địa, thường duy trì trọn khắp hết thấy hạt giống, thường khiến cho trọn khắp hết thấy hữu tình tùy ý thọ dụng. Do sức oai thần của vị thiện nam tử này, có thể khiến cho hết thấy cỏ cây trong đại địa, rễ, tua, mầm, thân, cành, lá, hoa, quả, thấy đều sanh trưởng, dược thảo, ngũ cốc, thóc lúa, hoa quả sum suê, chi chít, chín rộ tươi nhuận, tinh sạch, mềm mại, ngon đẹp).

Đoạn này nói về người trồng trọt hoa màu, hy vọng những hoa màu đã gieo trồng đều tăng trưởng rất tốt đẹp. Hoặc là quý vị mong trồng hoa, mong cho những chậu cây cảnh trong nhà mọc tươi tốt hơn đôi chút, hãy đối trước những bồn hoa ấy niệm Địa Tạng Bồ Tát, đi nhiều quanh nó (đừng cười, [làm như vậy] thật sự rất tốt). Chậu cây cảnh sắp chết, đặc biệt là chúng tôi thích quân tử lan và lan thảo, chúng sắp chết rụi hết. Trở về, bái sám, cầu nguyện, nó lại mọc tươi tốt. Nhưng nêu coi hiệu quả của những chuyện nhỏ nhặt ấy là thánh nghiệm, thánh quả, sẽ hỏng bét. Chúng ta học Phật, cầu Địa Tạng Bồ Tát, phải đúng lẽ tự

nhiên là tu hành, bái sám. Quý vị chẳng nghĩ đến những chuyện ấy, nhưng đã tác ý thì hoa cỏ cũng rất tươi tốt, chẳng thể nghĩ bàn.

Ở quê tôi, có một chuyện như thế này: Có một phụ nữ chỉ có một đứa con duy nhất. Bà ta nghĩ nhớ đứa con, có người dạy bà một phương pháp: “Bà đứng ở bậc cửa, một tay nắm then cài, một tay cầm giỏ com. An com trong cái giỏ, tận lực gõ cái then ngang ấy. Chẳng đầy mấy hôm, con bà sẽ quay về”. Bà cụ ấy liền ngày ngày gõ, chưa được mười mấy hôm, con bà thật sự trở về. Do nguyên nhân nào? Con bà trong lòng chẳng yên, cho là trong nhà đã xảy ra tai họa to lớn chi đó, vội trở về thì chẳng có chuyện chi hết, chỉ là mẹ nhớ mong. Đây là một thí dụ cho thấy [tác dụng] của chí tâm.

Một thí dụ khác về chí tâm: Có một bà mẹ tưởng nhớ con, tưởng nhớ khôn cùng, nhưng đứa con ấy hết sức bất hiếu với mẹ. Tuy vậy, mẹ rất thương yêu nó, rất chí tâm. Có một lần, con bà ta gặp một nhóm người muốn triều bái Phổ Đà Sơn, nó cũng muốn theo họ đi triều bái. Có người nói: “Mày bất hiếu như thế, lên núi lễ Phật sẽ ảnh hưởng bọn tao”. Nó nói: “Không đâu, tôi đã thay đổi”. Nó liền đi theo mọi người đi lên núi lễ Phật. Khi đã tới Phổ Đà Sơn, trên mặt biển xuất hiện hoa sen sắt. Trên mặt biển toàn là hoa sen sắt, thuyền không tiến lên được. Mọi người liền chí thành niệm hoa sen sắt, nó cũng niệm theo mọi người. Nó thấy Quán Thế Âm Bồ Tát bảo: “Người chẳng cần triều bái ta, hãy quay về nhà. Người quay về thì sẽ chẳng có hoa sen sắt nữa, quay về đi!” Nó thưa: “Con tới triều bái Bồ Tát”. Quán Thế Âm Bồ Tát nói: “Khi người trở về, sẽ thấy người mở cửa cho người chính là ta”. Vì thế, nó quay về, hoa sen sắt cũng biến mất, mọi người tiếp tục dong thuyền đến Phổ Đà Sơn. Nó chẳng thành công triều bái, bèn trở về nhà. Khi về đến nhà, đã là mười hai giờ đêm, mẹ già đã ngủ rồi, nó liền gõ cửa. Mẹ nghe tiếng con, liền khoác áo bông ra mở cửa cho nó. Đây chính là Quán Âm Bồ Tát độ cho hai mẹ con họ. Nó trở về sám hối với mẹ, thật sự sám hối. Vì nó triều bái Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát cảm động trước một niệm chí thành của nó, bèn chuyển biến [tâm nó] thành hiếu tâm. Chí tâm có mối quan hệ rất lớn!

Những kiểu chí tâm trên đây là chí tâm nhỏ nhoi, chẳng phải là loại chí tâm chúng ta cần phát. Chúng ta phải phát nguyện “*thành Phật độ chúng sanh*”. Mọi người phải ghi nhớ: Phạm là mỗi vị đạo hữu chúng ta, đều phải nên phát nguyện “*thành Phật độ chúng sanh*”. Đây là nguyện rốt ráo của chúng ta. Bất luận phẩm Tịnh Hạnh hay phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nguyện đã phát ra, nguyện nào cũng đều là độ

chúng sanh, nguyện nào cũng là nguyện thành Phật, làm cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật. Đọc các bộ kinh điển Bát Nhã, những bộ kinh ấy có liên quan đến chúng ta vì câu trí huệ Bát Nhã. Ngoài những điều ấy ra, cho đến tịnh tín, tịnh giới đều cần thiết. Còn những thứ vật dụng trong cuộc sống thì không cần nhất thiết phải cầu! Chúng càng nhiều thì càng lắm phiền não, càng ít càng thanh tịnh. Vì thế, nói đến “*chủng tử*” và “*hoang điền*” (ruộng hoang) trong đoạn kinh văn này chính là nói về Bát Nhã, có thể giải thích như vậy!

“*Sở dĩ giả hà*” (Vì có sao vậy): Vì sao Địa Tạng Bồ Tát có sức công đức nhiều dường ấy? Đức Phật lại tán thán Địa Tạng Bồ Tát. “*Thử thiện nam tử*” (Vị thiện nam tử này) tức là nói Địa Tạng Vương Bồ Tát. “*Tằng quá vô lượng vô số đại kiếp*” (Đã từng trải qua vô lượng vô số đại kiếp): Đã trải qua một thời gian rất dài, thời gian không thể tính đếm được.

“*Ư quá số lượng Phật Thế Tôn sở*” (Ở chỗ chẳng thể tính đếm chư Phật Thế Tôn): Dùng số lượng để tính toán, cũng chẳng có cách nào tính toán nơi chốn của chư Phật Thế Tôn. “*Phật Thế Tôn*” là chư Phật. Bồ Tát đã phát thệ nguyện đại tinh tấn kiên cố. Không chỉ là tinh tấn, mà còn kiên cố, tuyệt đối chẳng lay động. Nguyện trọn chẳng lay động, nhất định phải đạt tới mục đích. Mọi người hãy tự kiểm xem cái nguyện của chính mình có lay động hay chẳng? Trong khi quý vị hứng chịu khổ nạn, hoặc lúc gặp cảnh giới chẳng vừa ý, hoặc trong lúc quý vị bái sám nầy sanh chướng ngại, niệm kinh nầy sanh chướng ngại, quý vị có còn niệm hay không? Quý vị bái sám mà chẳng thành tựu, có còn bái sám nữa hay không? Những chuyện nhỏ nhặt đó mà chẳng thể khắc phục nổi, còn mong chi thành Phật? Do vậy, thệ nguyện ắt cần phải kiên cố. Gặp phải bất cứ vui dấp hay khó khăn gì, một khi quý vị đã phát nguyện, đừng để các cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, phải kiên trì, đừng gián đoạn giữa chừng.

Quý vị phát ra cái nguyện nhỏ nhất là thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Thọ quy y thì vị sư phụ truyền trao sẽ bảo quý vị, dạy quý vị phải “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, mỗi ngày có thể niệm nhiều lượt sẽ càng tốt hơn. Nếu thật sự chẳng có thời gian niệm, sáng tối hãy liên tục niệm, tối thiểu là mười lượt, quý vị có làm được hay không? Ngay cả thệ nguyện như vậy mà làm chẳng được, làm sao có thể tiêu tai miễn nạn cơ chứ? Đã chẳng thể tránh khỏi tai nạn trước mắt, càng chẳng cần phải nói đến chuyện miễn trừ tai nạn từ vô lượng kiếp đến nay, [cũng như chẳng cần phải nói tới chuyện] tiêu trừ họa nghiệp, chứng đắc trí Bát Nhã, cho

đền thành Phật chi nữa!

Giả sử nói tướng cảnh giới hiện tiền đem lại tổn thất cho chúng ta, nhưng rất hữu ích cho người khác, chúng ta có chịu bị hao tổn để giúp đỡ người khác hay không? Mỗi người hãy tự vấn cái tâm của chính mình, sẽ tự biết ngay, đều hiểu rõ ràng. Do Địa Tạng Bồ Tát thệ nguyện, phát tâm thệ nguyện thành thực chúng sanh, Ngài thường duy trì trọn khắp đại địa, không chỉ riêng thế giới Sa Bà. Trong phần trên còn nói, “*tùy sở tại xứ, tùy kỳ sở ưng*” (ở bất cứ nơi đâu, thuận theo căn tánh), Ngài ở nơi nào, nơi đó được lợi ích, khiến cho hết thảy đại địa nhuần trạch trọn khắp chúng sanh. Đây là công năng chuyên chở của đại địa. Nếu chẳng có đại địa gánh vác chúng ta, chúng ta đều chẳng thể sống sót được! Nếu chẳng có đại địa sanh trưởng vạn vật, chúng ta đều chẳng thể sống sót được! Nếu hiện thời dầu mỡ phía dưới đại địa đều cạn sạch, nếu chẳng sanh ra điện lực, chúng ta sẽ sống như thế nào? Đặc biệt là trong những quốc gia phát triển, nếu chẳng có điện, ngay cả cơm cũng chẳng có mà ăn. Hiện thời, mùa Đông đang đến, thời tiết rất lạnh, nếu chẳng có điện, hệ thống sưởi ấm hoạt động bằng cách nào? Sẽ khiến cho quý vị đông cứng hết!

“*Thường phổ nhậm trì nhất thiết đại địa*” (Thường duy trì trọn khắp hết thảy đại địa): “*Đại địa*” là nói tới tâm địa của hết thảy chúng sanh, tạo chủng tử thành Phật cho hết thảy chúng sanh. “*Thường phổ trụ trì nhất thiết chủng tử*” (Thường duy trì trọn khắp hết thảy các hạt giống). Nói theo tướng thế gian, sẽ là đại địa chứa đựng tất cả các hạt giống. Hết thảy lương thực là thứ cần thiết cho cuộc sống, giúp chúng ta duy trì sanh mạng, đều sanh từ đất. Nay chúng ta hãy nhướng mắt mà xem, mắt chúng ta đeo kiếng, y phục khoác trên thân, cho đến bàn, ghế, băng ghế, quý vị nói xem: Có thứ nào chẳng phải từ đất mà ra? Có thứ nào chẳng sanh trưởng từ đất? Do vậy nói Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện, Ngài duy trì trọn khắp hết thảy đại địa, duy trì hết thảy các hạt giống, khiến cho hết thảy chúng sanh đều tùy ý thọ dụng, thỏa mãn cái nguyện của chúng sanh.

Do sức oai thần của vị thiện nam tử ấy, có thể khiến cho đại địa, cỏ cây, rễ, tua, mầm, thân, cành, lá, hoa, quả, đều có thể sanh trưởng, thậm chí được thảo, ngũ cốc, thóc lúa, hoa quả sum suê, chi chít, tăng trưởng tươi nhuận, thơm tho, tinh sạch, mềm mại, ngon lành, ở nơi đâu, Ngài cũng đều thành thực chúng sanh. Đây là những thứ giúp cho cuộc sống. Lại nói bản thân chúng sanh trọn đủ hết thảy mọi thứ, thứ gì cũng đều có thể ăn được!

(Kinh) Tùy sở tại xứ, nhược chư hữu tình, tham, sân, si đặng, giai mãnh lợi cố, tạo tác sát sanh, hoặc bắt dử thú, hoặc dục tà hạnh, hoặc hư cuống ngữ, hoặc thô ác ngữ, hoặc ly gián ngữ, hoặc tạp uế ngữ, hoặc tham, hoặc sân, hoặc phục tà kiến, Thập Ác nghiệp đạo.

(經)隨所在處，若諸有情，貪，瞋，癡等，皆猛利故，造作殺生，或不與取，或欲邪行，或虛誑語，或粗惡語，或離間語，或雜穢語，或貪，或瞋，或復邪見，十惡業道。

(Kinh: Ở bất cứ nơi đâu, nếu các hữu tình, tham, sân, si v.v... đều mạnh mẽ, tạo tác sát sanh, hoặc chẳng cho mà lấy, hoặc muốn làm tà hạnh, hoặc nói lời hư dối, hoặc lời thô ác, hoặc lời ly gián, hoặc lời tạp uế, hoặc tham, hoặc sân, hoặc lại tà kiến, mười ác nghiệp đạo).

Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đây là ba nghiệp nơi thân. Giết, trộm, dâm là ba nghiệp nơi thân, lại còn thêm nói dối, nói lời thô ác, nói thù dật, nói đôi chiều là bốn nghiệp nơi miệng, lại còn thêm tham, sân, si là ý nghiệp, hợp thành Thập Ác Nghiệp Đạo. Thập Ác Nghiệp Đạo, tham dục, sân hận, tà kiến hết sức mãnh liệt. Tà kiến có khi là vô minh, hết sức mãnh liệt. Vì mãnh liệt, tâm sân hận nặng nề. Do vậy, sát sanh, trộm cắp, không cho mà lấy, người ta không cho, quý vị cứ lấy, hoặc là cưỡng đoạt, hoặc là lấy trộm, đều thuộc loại trộm cắp. “Đạo” (盜) là dùng sức mạnh đoạt lấy, “thâu” (偷) là trộm lấy. Kẻ chẳng tin Tam Bảo, chẳng có duyên này, ác nghiệp rất nặng. Càng là hạng người như vậy, càng khó thấy, nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Hữu năng chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát giả, nhất thiết phiền não tất giai tiêu diệt, viễn ly Thập Ác, thành tựu Thập Thiện, u chư chúng sanh, khởi từ bi tâm, cập lợi ích tâm. Thử thiện nam tử thành tựu như thị công đức, diệu định, oai thần chi lực, dũng mãnh tinh tấn, u nhất thực khoảnh, năng u vô lượng vô số Phật độ, nhất nhất độ trung, dĩ nhất thực khoảnh, giai năng độ thoát vô lượng vô số Càng Già sa đặng sở hóa hữu tình, linh ly chúng khổ, giai đắc an lạc, tùy kỳ sở uong, an trí sanh thiên, Niết Bàn chi đạo.

(經)有能至心稱名，念誦歸敬，供養地藏菩薩摩訶薩者，一切煩惱悉皆銷滅，遠離十惡，成就十善，於諸眾生

，起慈悲心，及利益心。此善男子成就如是功德，妙定，威神之力，勇猛精進，於一食頃，能於無量無數佛土，一一土中，以一食頃，皆能度脫無量無數殍伽沙等所化有情，令離眾苦，皆得安樂，隨其所應，安置生天，涅槃之道。

(Kinh: Có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, tôn kính, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy phiền não thấy đều tiêu diệt, xa lìa Thập Ác, thành tựu Thập Thiện, đối với các chúng sanh khởi tâm từ bi và tâm lợi ích. Vị thiện nam tử ấy thành tựu công đức, diệu định, và sức oai thần như thế, dùng mãnh tinh tấn, trong khoảng một bữa ăn, có thể trong vô lượng vô số Phật độ, trong mỗi một cõi, trong khoảng một bữa ăn, đều có thể độ thoát vô lượng vô số các hữu tình được hóa độ nhiều như cát sông Hằng, khiến cho họ lìa các khổ, đều được yên vui, tùy theo căn tánh đáng nên độ mà đặt yên nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn).

Có thể nghe biết Địa Tạng Bồ Tát, lại có thể chí tâm xưng danh, niệm tụng, quy ngưỡng, cung kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, hết thấy phiền não đều được tiêu diệt. Vì sao? Vì chí tâm xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Tướng cảnh giới ấy và cái tâm của quý vị có thể phù hợp, tâm và cảnh như một, đương nhiên là có thể tiêu trừ nghiệp Thập Ác. Thập Ác chuyển thành Thập Thiện, có thể biến thành nghiệp Thập Thiện. Thập Thiện là cội gốc để sanh thiên, là đạo lương (道糧, tu lương nơi đạo nghiệp) để sanh thiên. Nếu chẳng có nghiệp Thập Thiện, sẽ chẳng thể sanh thiên được, chẳng có phước phận ấy! Trên cơ sở này, lại có thể đối với hết thấy chúng sanh, sanh khởi tâm từ bi, dẹp trừ hết thấy thống khổ của chúng sanh, ban vui sướng cho hết thấy chúng sanh, lợi ích hết thấy chúng sanh, chẳng so đo cho chính mình. Nếu quý vị phát nguyện giống như Địa Tạng, hành theo Địa Tạng Bồ Tát, quý vị chính là Địa Tạng Bồ Tát, có thể thành tựu công đức, diệu định, và sức oai thần như vậy, giống hết như Địa Tạng Bồ Tát.

Hễ bàn đến dùng mãnh, tinh tấn, khó lắm đấy! Nếu mỗi ngày chúng ta có thể thực hiện (dùng mãnh, tinh tấn) năm, sáu tiếng đồng hồ, sẽ cảm thấy là tu hành rất tuyệt vời. Năm thời gian bên Đông, sáu thời gian bên Tây, chỉ sợ cũng chẳng đạt được tám tiếng đồng hồ, vẫn chưa nói là dùng mãnh được! Dùng mãnh là suốt ngày đêm sáu thời, suốt hai

mười bốn tiếng đồng hồ đều chí tâm dũng mãnh, chẳng đoái hoài thân mạng, thật sự dũng mãnh chí tâm, chí tâm khẩn thiết niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, tướng Địa Tạng Bồ Tát. Do diệu định và oai thần dũng mãnh, tinh tấn mà Ngài có thể trong khoảng một bữa ăn, tức “*nhất thực khoảnh*”, có thể nhập vô cùng vô tận diệu định. Trong phần trước, chúng tôi đã có nói “*vô cùng vô tận quốc độ*”. Ngài có thể trụ trong vô lượng vô số Phật độ. Phạm là ở bất cứ nơi đâu, trong vô lượng vô số cõi Phật, trong ức vạn cõi Phật, Ngài có thể độ thoát vô lượng vô số, Hằng hà sa số chúng sanh nhiều ngàn ấy, hóa độ hữu tình nhiều ngàn ấy, khiến cho hữu tình nhiều ngàn ấy đều có thể xa lìa đau khổ, chẳng còn hứng chịu đau khổ nữa, khiến cho những chúng sanh ấy đều được yên vui. “*Tùy kỳ sở ưng*”, tức là thuận theo căn cơ mà thuyết pháp, tùy theo căn cơ mà thí pháp hóa độ, tức là thuận theo căn cơ người ấy đáng nên hóa độ như thế nào mà đặt yên họ nơi đạo sanh thiên, Niết Bàn.

(Kinh) Thử thiện nam tử, thành tựu như thị như ngã sở thuyết bất khả tư nghị chư công đức pháp, kiên cố thệ nguyện, dũng mãnh tinh tấn, vị dục thành thực chư hữu tình cố, ư thập phương giới.

(經)此善男子，成就如是如我所說不可思議諸功德法，堅固誓願，勇猛精進，為欲成熟諸有情故，於十方界。

(Kinh: Vị thiện nam tử này thành tựu các pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn như ta đã nói như thế, thệ nguyện kiên cố, dũng mãnh, tinh tấn, vì muốn thành thực các hữu tình nên trong mười phương cõi).

Vì làm cho Hằng hà sa số hữu tình chúng sanh lìa khổ, được vui, khiến cho bọn họ chúng đắc Niết Bàn, Địa Tạng Bồ Tát có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn như thế nào? Có các pháp cứu độ như thế nào? Kế đó, nói rõ pháp cứu độ của Ngài. “*Như ngã sở thuyết bất khả tư nghị chư công đức pháp*” (Các pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn như ta đã nói): Thệ nguyện kiên cố, dũng mãnh, tinh tấn, mong thành thực hết thấy chúng sanh. Ngài làm như thế nào? Đức Phật nói Ngài ở trong mười phương thế giới, vì lợi ích chúng sanh mà thị hiện Đồng Sự. [Tức là] quý vị thuộc loài chúng sanh nào, Ngài bèn hiện thân thuộc loài ấy để độ quý vị, tổng cộng có bốn mươi hai loại.

(Kinh) Hoặc thời hiện tác Đại Phạm Vương thân, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp, hoặc phục hiện tác Đại Tự Tại Thiên thân,

hoặc tác Dục Giới Tha Hóa Tự Tại Thiên thân, hoặc tác Lạc Biến Hóa Thiên thân, hoặc tác Đổ Sứ Đa Thiên thân, hoặc tác Dạ Ma Thiên thân, hoặc tác Đế Thích Thiên thân, hoặc tác Tứ Đại Vương Thiên thân, hoặc tác Phật thân, hoặc tác Bồ Tát thân, hoặc tác Độc Giác thân, hoặc tác Thanh Văn thân.

(經)或時現作大梵王身，為諸有情如應說法，或復現作大自在天身，或作欲界他化自在天身，或作樂變化天身，或作睹史多天身，或作夜摩天身，或作帝釋天身，或作四大王天身，或作佛身，或作菩薩身，或作獨覺身，或作聲聞身。

(*Kinh*: *Hoặc có lúc hiện làm thân Đại Phạm Vương, vì các hữu tình thuyết pháp đúng theo căn cơ, hoặc lại hiện làm thân Đại Tự Tại Thiên, hoặc làm thân Tha Hóa Tự Tại Thiên trong Dục Giới, hoặc làm thân Lạc Biến Hóa Thiên, hoặc làm thân Đổ Sứ Đa Thiên, hoặc làm thân Dạ Ma Thiên, hoặc làm thân Đế Thích Thiên, hoặc làm thân Tứ Đại Vương Thiên, hoặc làm thân Phật, hoặc làm thân Bồ Tát, hoặc làm thân Độc Giác, hoặc làm thân Thanh Văn*).

“*Hoặc thời hiện tác Đại Phạm Vương thân*” (Hoặc là có lúc hiện làm thân Đại Phạm Vương): Thân Đại Phạm Vương là thân Đế Thích Thiên¹², vì các hữu tình thuyết pháp. Hoặc là hiện thân Đại Tự Tại Thiên, tức là Ma Hê Thủ La Thiên. Thị hiện thân Đại Tự Tại Thiên Vương để thuyết pháp cho loài chúng sanh ấy. Hoặc là hiện thân Tha Hóa Tự Tại Thiên trong Dục Giới, hoặc là Lạc Biến Hóa Thiên, tức là Hóa Lạc Thiên. Hoặc là hiện thân Đổ Sứ Đa Thiên, tức là Đâu Suất Thiên, chính là Lục Dục Thiên. Hoặc là hiện Dạ Ma Thiên, tức tầng trời thứ ba. Hoặc hiện Đế Thích Thiên, hoặc là thân Tứ Đại Vương Thiên (cũng tức là thân Tứ Thiên Vương), hoặc hiện thân chư thiên cho đến Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên, Lục Dục Thiên, thị hiện thân trời để làm đồng loại của họ, hoặc thị hiện thân Phật. Bồ Tát chỉ cần sau khi đã đăng địa (chứng Sơ Địa), đã có thể thị hiện thân Phật. Cho đến trong cảnh giới

¹² Ở đây, lão pháp sư Mộng Tham nói nhầm. Đại Phạm Vương là vua cõi trời Sơ Thiên, là chúa tể của mười tám cõi trời thuộc Sắc Giới, trong khi Đế Thích Thiên chỉ là chúa cõi trời Đạo Lợi, tức tầng trời thứ hai trong Dục Giới, thua kém Đại Phạm Vương rất xa.

Hoa Nghiêm, hễ phát Bồ Đề tâm, hễ trụ trong Vị Bất Thoái, là đã có thể thị hiện. Thất Trụ Bồ Tát có thể thị hiện thân Phật.

“*Hoặc tác Bồ Tát thân*” (Hoặc làm thân Bồ Tát): Có bao nhiêu địa vị Bồ Tát? Có khi thị hiện làm đại Bồ Tát, có lúc thị hiện làm tiểu Bồ Tát. Nói “*tiểu Bồ Tát*”, tức là những vị Bồ Tát bình phàm, như các vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền. Hoặc thị hiện thân Nhị Thừa, tức là Độc Giác và Thanh Văn. Độc Giác và Duyên Giác thuộc cùng một địa vị. Sanh nhằm lúc có Phật, nương theo pháp thập nhị nhân duyên để chứng đắc thông suốt thì là Duyên Giác. Sanh nhằm lúc không có Phật, tự mình quán thấy vật chất biến hóa: Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thu hoạch, Đông tàng trữ, trông thấy hết thấy sự vật biến hóa, chứng đắc ngộ đạo, thì gọi là Độc Giác. Thanh Văn là nghe âm thanh thuyết pháp của đức Phật mà ngộ đạo. Tứ thánh pháp giới là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, và Duyên Giác. Trên đây là thị hiện tứ thánh pháp giới.

(Kinh) Hoặc tác Chuyển Luân Vương thân, hoặc tác Sát-đế-lợi thân, hoặc tác Bà-la-môn thân, hoặc tác Phiệt-xá thân, hoặc tác Thú-đạt-la thân, hoặc tác trượng phu thân, hoặc tác phụ nữ thân, hoặc tác đồng nam thân, hoặc tác đồng nữ thân, hoặc tác Kiện Đạt Phước thân, hoặc tác A Tổ Lạc thân, hoặc tác Khẩn Nại Lạc thân, hoặc tác Mạc Hồ Lạc Già thân, hoặc tác long thân, hoặc tác Dược Xoa thân, hoặc tác La Sát thân, hoặc tác Cựu Bàn Đồ thân, hoặc tác Tất Xá Giá thân, hoặc tác ngạ quỷ thân, hoặc tác Bồ Đát Na thân, hoặc tác Yết Trá Bồ Đát Na thân, hoặc tác Việt Đồ Ha Lạc quỷ thân, hoặc tác sư tử thân, hoặc tác hương tượng thân, hoặc tác mã thân, hoặc tác ngư thân, hoặc tác chủng chủng cầm thú chi thân, hoặc tác Diêm Ma Vương thân, hoặc tác địa ngục tốt thân, hoặc tác địa ngục chư hữu tình thân. Hiện tác như thị đẳng vô lượng vô số dị loại chi thân, vị chư hữu tình như ưng thuyết pháp, tùy kỳ sở ưng, an trí tam thừa bất thoái chuyển vị.

(經)或作轉輪王身，或作剎帝利身，或作婆羅門身，或作筏舍身，或作戍達羅身，或作丈夫身，或作婦女身，或作童男身，或作童女身，或作健達縛身，或作阿素洛身，或作緊捺洛身，或作莫呼洛伽身，或作龍身，或作藥叉身，或作羅剎身，或作鳩畔荼身，或作畢舍遮身，或作餓鬼身，或作布怛那身，或作羯吒布怛那身，或作粵闍訶洛

鬼身，或作師子身，或作香象身，或作馬身，或作牛身，或作種種禽獸之身，或作剋魔王身，或作地獄卒身，或作地獄諸有情身。現作如是等無量無數異類之身，為諸有情如應說法，隨其所應，安置三乘不退轉位。

(Kinh: Hoặ làm thân Chuyển Luân Vương, hoặ làm thân Sát-đế-lợi, hoặ làm thân Bà-la-môn, hoặ làm thân Phiệt-xá, hoặ làm thân Thú-đạt-la, hoặ làm thân trượng phu, hoặ làm thân phụ nữ, hoặ làm thân bé trai, hoặ làm thân bé gái, hoặ làm thân Kiện Đạt Phược, hoặ làm thân A Tổ Lạc, hoặ làm thân Khẩn Nại Lạc, hoặ làm thân Mạc Hồ Lạc Già, hoặ làm thân rồng, hoặ làm thân Dược Xoa, hoặ làm thân La Sát, hoặ làm thân Cưu Bàn Đồ, hoặ làm thân Tất Xá Giá, hoặ làm thân ngựa quý, hoặ làm thân Bồ Đát Na, hoặ làm thân Yết Trá Bồ Đát Na.

Hoặ làm thân quý Việt Đồ Ha Lạc, hoặ làm thân sư tử, hoặ làm thân hương tượng, hoặ làm thân ngựa, hoặ làm thân trâu, hoặ làm thân các loại cầm thú, hoặ làm thân vua Diệm Ma, hoặ làm thân quý tốt trong địa ngục, hoặ làm thân các hữu tình trong địa ngục. Hiện ra vô lượng vô số thân dị loại như thế, vì các hữu tình thuyết pháp thích hợp, tùy theo căn tánh mà đặt yên họ nơi đạo địa vị bất thoái chuyển trong tam thừa).

Tiếp đó, thị hiện tướng nhân gian. Hoặ làm thân Chuyển Luân Vương (Cakravartin-rajā), hoặ làm thân Sát-đế-lợi, làm thân tiểu quốc vương. Sát-đế-lợi (Kṣatriya) là chủng tánh (varṇa). Hoặ là chủng tánh Bà-la-môn (Brāhmaṇa), hoặ là Phiệt-xá. Phiệt-xá (Vaiśya) còn gọi là Phệ Xá, tức là công, nông, thương, cũng là chủng tánh thứ ba trong bốn loại chủng tánh (varṇa) của Ấn Độ. Bà-la-môn tôn quý nhất, Sát-đế-lợi là loại thứ hai, thuộc dòng vua chúa. Công, nông, thương là Phiệt-xá. Thú-đạt-la (Sūdra) là nô lệ, nô lệ là dân thấp kém nhất.

Hoặ là hiện thân nam tử, tức thân trượng phu. Hoặ là hiện thân nữ nhân, hoặ thị hiện thân bé trai, bé gái. Hoặ là Kiện Đạt Phược (Gandharvas, Càn Thát Bà, ca thần), tức là thân thuộc tám bộ quý (Aṣṭasenā, thiên long bát bộ). Hoặ là A Tổ Lạc (Asura, A Tu La), hoặ là Khẩn Nại Lạc (Kimnara, Khẩn Na La, nhạc thần), hoặ làm Mạc Hồ Lạc Già (Mahoraga, Ma Hầu La Già). Hoặ làm thân rồng, hoặ làm thân Dược Xoa, hoặ làm thân La Sát, hoặ làm thân Cưu Bàn Đồ (Kumbhāṇḍa, Cưu Bàn Trà), hoặ làm thân Tất Xá Giá (Piśāca), hoặ

làm thân ngựa quý, hoặc làm thân Bồ Đát Na (Pūtana), hoặc làm thân Yết Trá Bồ Đát Na (Kaṭa-pūtana), hoặc làm thân quý Việt Đồ Ha Lạc, hoặc làm thân sư tử. Kế đó là các thân súc sanh, địa ngục v.v... Hoặc làm thân hương tượng¹³, hoặc làm thân ngựa, hoặc làm thân trâu, hoặc làm thân các loại cầm thú, hoặc làm thân Diêm Ma Vương, hoặc làm thân ngục tốt trong địa ngục, hiện làm vô lượng vô số thân dị loại như thế.

Địa Tạng Bồ Tát hiện rất nhiều thân trong địa ngục, ngay cả những thân hữu tình thọ tội, Ngài cũng thị hiện. Khi ấy, Ngài thị hiện thuyết pháp cho những người thọ khổ nạn ấy, họ sẽ nghe nhận. Ở trong nhà tù, vẫn là có chuyện hiển linh thuyết pháp. Ở đây, chúng tôi giảng về Địa Tạng Bồ Tát, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cũng chẳng sao, điều quan trọng nhất là quý vị chí tâm. Niệm Quán Âm Bồ Tát cũng được, mà niệm Địa Tạng cũng như thế. Quán Thế Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát, tùy tiện niệm bất cứ vị Bồ Tát nào, chỉ cần trong khi đó có thể niệm là được rồi. Rất nhiều người vào lúc ấy đều chẳng thể niệm. Đặc biệt là vào lúc lâm chung mà có thể niệm, bất luận quý vị niệm danh hiệu của một vị Bồ Tát hay một vị Phật nào, thậm chí niệm một câu kệ tụng trong kinh điển Đại Thừa.

Trong Cảm Ứng Lục, có một đoạn ghi như thế này: Có một người đến cửa địa ngục, ông ta chỉ niệm nửa câu “*nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật*” (nếu ai muốn biết rõ, ba đời hết thấy Phật), địa ngục chẳng còn nữa, ông ta cũng được cứu. Rất nhiều người khi sắp mạng chung, sau khi đọa địa ngục, hoặc là đọa làm ngựa quý, đọa vào súc sanh đạo, rất đáng tiếc là hoàn toàn quên bẵng Phật pháp. Quý vị có thể dùng giác mộng để thể nghiệm, hãy xem là trong ấy quý vị còn có Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo hay không? Chỉ cần quý vị có một niệm, niệm ra được, ngay lập tức tỉnh mộng. Mọi người có làm thử hay không? Hoặc là niệm chú Đại Bi, bất luận quý vị niệm gì đi nữa, bèn tỉnh thức. Điều đáng tiếc là trong khi gấp rút, quý vị quên bẵng toàn bộ Phật pháp. Ngay lúc đó, hãy nên niệm Địa Tạng Bồ Tát, thế nhưng niệm chẳng thành! Khi ấy chẳng có niệm, lúc tỉnh mới nghĩ tới. Thường ngày quý vị chẳng dụng công, đến khi đó thì làm sao được?

Do vậy nói khi Địa Tạng Bồ Tát muốn độ chúng sanh, tùy thuộc người ấy đáng nên nghe pháp nào, đáng nên dùng thân nào để hóa độ,

¹³ Hương tượng (Gandha-hastin): Loài voi lớn vào mùa giao phối, thân thể tiết ra mùi thơm, có sức rất mạnh, tánh tình rất hung bạo, rất khó chế phục. Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận, một con hương tượng sức mạnh bằng mười con voi thường.

Ngài bèn hiện thân đó, cũng hiện thân ngục tốt trong địa ngục, cũng hiện thân Diêm vương gia, thậm chí còn hiện thân các chúng sanh chịu tội, vào chảo dầu, lên núi đao. Hoặc là khi thị hiện, Ngài sẽ niệm Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát cũng sẽ niệm Địa Tạng Bồ Tát, hoặc là Địa Tạng Bồ Tát sẽ lạy Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát còn phải lạy Địa Tạng Bồ Tát ư? Tôi kể một câu chuyện nhé.

Tô Đông Pha và thiền sư Phật Ấn, hai người đến một ngôi chùa to. Tô Đông Pha thấy tượng Quán Thế Âm tay cầm một xâu chuỗi, liền hỏi thiền sư Phật Ấn: “Bức tượng Quán Thế Âm Bồ Tát này cầm xâu chuỗi để làm gì nhỉ? Ngài còn phải niệm chi nữa!” Thiền sư Phật Ấn nói: “Vì sao Ngài chẳng cần phải niệm?” Tô Đông Pha hỏi: “Ngài niệm ai?” “Ngài niệm Quán Thế Âm Bồ Tát”. Nghe vậy, [Tô Đông Pha ngạc nhiên]: “Quán Thế Âm Bồ Tát còn phải niệm Quán Thế Âm Bồ Tát à?” Thiền sư Phật Ấn nói: “Đúng thế! Quán Thế Âm niệm Quán Thế Âm Bồ Tát”. Tô Đông Pha lại hỏi: “Ngài có lạy Phật hay không?” Thiền sư đáp: “Lạy chứ!” “Lạy ai?” Thiền sư Phật Ấn nói: “Lạy Quán Thế Âm Bồ Tát”. Mọi người hãy suy nghĩ ý nghĩa là như thế nào vậy? Ngay lúc đó, Tô Đông Pha khai ngộ, có phải là đại khai ngộ hay không? Ngộ đôi chút, cầu người khác chẳng bằng cầu chính mình!

Do vậy, tôi nói với quý vị một lần nữa: Quý vị niệm Địa Tạng Bồ Tát là niệm chính mình. Tâm quý vị là tâm Địa Tạng, tâm Địa Tạng là tâm của quý vị. Quý vị đã quên khuấy chính mình, chẳng đặt chính mình vào đó. Chỉ niệm suông Địa Tạng Bồ Tát, sức gia trì sẽ khá nhỏ. Trí huệ Bát Nhã của Địa Tạng Bồ Tát chiếu quý vị, trí huệ Bát Nhã của quý vị và trí huệ Bát Nhã của Địa Tạng Bồ Tát cùng kết hợp lại, tự tánh của quý vị sẽ được gọi là tự tánh Địa Tạng. Niệm nào cũng từ tâm khởi, niệm nào cũng trở về cái tâm. Vì thế, cầu người khác chẳng bằng cầu chính mình.

Tuy vậy, khi chính quý vị chưa linh, vẫn phải cầu người khác. Khi cầu người khác, hãy nghĩ đến chính mình. Khi cầu chính mình, tức là cầu người khác. Phải tưởng nhiều, quán nhiều, phải có công lực kha khá thì mới có thể sanh ra tác dụng tương đương. Quý vị thường xuyên nghĩ như vậy, niệm Địa Tạng Bồ Tát là niệm chính mình, niệm chính mình cũng là niệm Địa Tạng Bồ Tát. Như vậy thì quý vị sẽ mộng càng tốt đẹp hơn, sẽ mộng hết sức thù thắng. Mộng gì vậy? Đã tỉnh mộng, tất cả giác mộng đều tỉnh. Nay chúng ta đang ở trong mộng, tôi ở nơi đây nói mớ, quý vị ở nơi đây nghe trong mộng. Đợi đến khi tôi cũng chẳng nói mớ, quý vị cũng không nghe trong mộng, mọi người đều thành tựu cả rồi.

Chúc mọi người cát tường, sớm có ngày thành tựu.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Đại Sĩ thành tựu như thị bất khả tư nghị chư công đức pháp, thị chư thù thắng công đức phục tạng, thị chư giải thoát trân bảo xuất xứ, thị chư Bồ Tát minh tịnh nhân mục, thị thú Niết Bàn thương nhân đạo thủ, như thị nữ chí năng vô công dụng chuyển đại pháp luân, như tiền quảng thuyết.

(經)善男子！如是大士成就如是不可思議諸功德法，是諸殊勝功德伏藏，是諸解脫珍寶出處，是諸菩薩明淨眼目，是趣涅槃商人導首，如是乃至能無功用轉大法輪，如前廣說。

(Kinh: Này thiện nam tử! Vị Đại Sĩ như thế thành tựu các pháp công đức chẳng thể nghĩ bàn như thế, là kho tàng các công đức thù thắng, là chỗ sanh ra các của báu giải thoát, là mắt sáng sạch của các Bồ Tát, là người hướng dẫn cho các thương nhân đạt đến Niết Bàn, cho đến có thể vô công dụng chuyển đại pháp luân như thế, như đã nói rộng trên đây).

Đây là bốn mươi hai loại thân của Địa Tạng Bồ Tát như đã nói trên đây, đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn thị hiện thân ấy để thuyết pháp. Ở đây, chỉ nêu ra những loại lớn, trong mỗi loại còn có vô lượng thân. Như là thị hiện làm các hữu tình trong địa ngục, địa ngục quá nhiều. Chúng ta niệm kinh Địa Tạng, [sẽ thấy] địa ngục nhiều dường ấy, Ngài có thể thị hiện các loại thân hình. Chỉ đành nói công đức của Địa Tạng Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn. Tán thán công đức của Địa Tạng Bồ Tát để khiến cho tâm mọi người chúng ta hướng về, mong cầu Bồ Tát gia trì. Trong phần trước, tôi đã nói: Đây cũng là cầu tâm lực của chính quý vị gia trì. Nhưng ắt cần phải đối cảnh, tâm đối cảnh mới sanh. Đối với cảnh, tức Địa Tạng Bồ Tát, bèn duyên niệm Địa Tạng Bồ Tát, tâm quý vị bèn chuyển biến thành Địa Tạng Bồ Tát, hiệu quả sẽ như thế nào? Theo như tôi liễu giải, tâm thành bèn linh.

Mấy hôm nay, các đạo hữu ở Đài Loan gọi điện thoại cho tôi hai lượt, nói có hai người bệnh hết sức nguy ngập, bác sĩ cho là chẳng còn có mấy may cách nào chữa trị được nữa. Cha của một vị cư sĩ đã vào bệnh viện, cần phải giải phẫu, nhưng bác sĩ chẳng dám mổ, nói là rất nguy hiểm. Vị cư sĩ ấy gọi điện thoại cho tôi, tôi bảo: “Chính ông hãy chí thành niệm, niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát là được rồi”. Khi ấy,

chỉ có niệm thánh hiệu. Vì như trong kinh văn phần trước đã nói, chỉ cần xưng thánh hiệu, nhất tâm nhất ý, chí tâm xưng niệm thánh niệm, hiệu quả sẽ tốt đẹp. Còn có một vị cư sĩ khác có chị phải đưa vào bệnh viện Trường Canh ở Lâm Khẩu, bệnh tình cũng rất nguy ngập, bác sĩ chẳng dám giải phẫu, nhưng lại cần phải mổ. Cô ta ở Đài Bắc, vốn đã theo tôi bái sám rất nhiều lần, nhưng trong tình huống này, tôi yêu cầu cô ta ngưng lại, hồi hướng cho chị. Hai ngày gần đây, họ đều gọi điện thoại báo tin: “Hiệu quả rất tốt, sau khi mổ rất bình an”. Quý vị nói xem: Có hiệu nghiệm hay là không? Địa Tạng Bồ Tát có thật sự hiện thân hay không? Chẳng hiện! Rốt cuộc, họ phẫu thuật xong, bình an vô sự, bệnh được lành. Đây là sự thật. Trước kia, chúng tôi nói quá nhiều chủng loại, thậm chí ngũ cốc, hoa cỏ, cây cối. Đấy trọn chẳng phải là Bồ Tát quản quá nhiều chuyện, mà đều là do cái tâm của chúng ta khởi lên biến hóa. Trong khi thân nhân của chính quý vị phát sanh nguy nan, nếu người ấy là đệ tử tin Phật, hiệu quả sẽ càng tốt đẹp hơn. Nếu họ chẳng tin Phật, phải dựa vào sức gia trì khác, hiệu quả chẳng nhất định sẽ xác thực, chắc chắn. Nhưng nếu có cái tâm khẩn thiết, vẫn có thể thấu được hiệu quả. Vì thế, nói “*cầu sư phụ gia trì*”, vị sư phụ nào gia trì được?

Trong phần trên, chúng tôi đã nói: “*Cầu người chẳng bằng cầu mình*”. Quán Thế Âm Bồ Tát còn lạy Quán Thế Âm Bồ Tát, tức là ý nghĩa này. Có gia trì hay không? Đương nhiên là có. Khi quý vị thỉnh mấy vị sư phụ niệm kinh, hoặc là mời vị sư phụ quy y của chính quý vị trong khi bái sám hãy hồi hướng thì cũng được. Nhưng công đức ấy không nhất định là của sư phụ, mà đa số là từ thân nhân của chính mình, cũng như do sự quan tâm của chính mình. Nếu lòng đại bi của vị sư phụ ấy không trọn đủ, như tôi chẳng hạn, tôi không nhất định rất quan tâm người ấy, lại còn do người khác gọi điện thoại giới thiệu, trước nay tôi chưa từng gặp gỡ, tôi có quan tâm cũng chỉ có thể nghĩ tưởng tên họ của người ấy, duyên niệm Địa Tạng Bồ Tát từ bi, cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì, quán tưởng [như vậy], hoàn toàn chẳng bằng bản thân người ấy cầu. Nếu có thể chí tâm xưng niệm Địa Tạng Bồ Tát, quy kính, cúng dường danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, hết thầy phiền não, hết thầy bệnh khổ, tai nạn đều tiêu diệt. Nêu ra những điều này chỉ nhằm tăng thêm tín tâm cho mọi người mà thôi!

Công đức ấy do tu vô lượng kiếp mà có, đấy là Địa Tạng Bồ Tát. “*Như thị Đại Sĩ*” (Vị Đại Sĩ như thế) là nói đức Địa Tạng Bồ Tát. Ngài thành tựu công đức chẳng thể nghĩ bàn như thế, lợi ích hết thầy chúng sanh, phương tiện thiện xảo. Tất cả chúng ta đều được lợi ích là do công

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

đức của Địa Tạng Bồ Tát. Ngài có công đức chẳng thể nghĩ bàn đến mức độ nào? Giống như kho báu, như kho tàng ẩn kín, chỉ cần quý vị khai quật là có. Dùng cách nào để khai quật? Khi xưng danh hiệu tức là khai quật. Chỉ cần quý vị chí thành khẩn thiết niệm “*Nam-mô Địa Tạng Bồ Tát*”, cho đến dùng lòng chí tâm niệm đều được.

Nói “*dùng lòng chí tâm*” tức là khi niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, bèn niệm đến mức phân minh, rành rẽ, chẳng hôn trầm, chẳng tán loạn, tâm chính mình rõ ràng, sáng suốt, niệm từng chữ như thế. Trong khi quý vị niệm, sẽ tương thông Địa Tạng Bồ Tát, chuyện mong cầu sẽ nảy sinh hiệu quả. Quý vị phải cảm tạ ai? Phải cảm tạ Địa Tạng Bồ Tát. “*Thị chư thù thắng công đức phục tạng*” (Là kho tàng của các công đức thù thắng): Đây là nói hình dung, hình dung công đức thù thắng của Ngài giống như kho báu. Kho báu ấy chứa đựng công đức lợi ích chúng sanh.

“*Thị chư giải thoát trân bảo xuất xứ*” (Là nơi sanh ra các của báu giải thoát): Bản thân của giải thoát chính là trân bảo. Điều này vô hình, vô tướng, phải như thế nào thì mới có thể giải thoát? Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, rốt ráo giải thoát. Trong khi chúng ta cầu, chẳng có năng cầu (chủ thể cầu nguyện) và sở cầu (điều mong cầu), đến lúc ấy sẽ giải thoát, giống như trân bảo vậy. “*Trân bảo*” là cách nói hình dung để hình dung sự giải thoát. Địa Tạng Bồ Tát là chỗ sanh ra của báu giải thoát. Nếu chúng ta mong cầu trân bảo, cầu Địa Tạng Bồ Tát, sẽ giống như lúc Địa Tạng Bồ Tát vừa mới đến hội này, tất cả hết thấy chúng sanh trong hội Đại Tập đều thấy trên hai tay hiện ra Ma Ni bảo châu. Ma Ni bảo châu xuất hiện vô lượng trân bảo. Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát là hết thấy các món trân bảo giải thoát.

“*Thị chư Bồ Tát thanh tịnh nhãn mục*” (Là mắt thanh tịnh của các Bồ Tát) tức là pháp nhãn thanh tịnh. Chúng ta hãy xem xét vấn đề này: Mắt là thứ vẫn đục, chẳng phân biệt rõ ràng đúng, sai. Nếu nhận được bưu kiện gởi tới, biết bưu kiện ấy là bom, quý vị sẽ tuyệt đối chẳng mở ra. Vì chẳng biết đấy là họa hay phước, [nên mới mở ra]. Khi chúng ta thấy hảo sự, trong tâm vui sướng khôn cùng. Thật ra, đấy là họa căn. Như ở Đài Loan rất chú trọng sanh con, nghĩ đó là hạnh phúc. Nó trưởng thành, làm cho quý vị mắc họa, khuynh gia bại sản, đó là họa căn! Quý vị làm sao biết nổi? Căn bản là chẳng biết! Vì chẳng có con mắt thanh tịnh, đó là nói theo phương diện thế gian.

Nói theo Phật pháp, pháp nào khiến cho quý vị có thể khai ngộ, có thể giải thoát, có thể thành tựu? Ta chẳng có loại pháp nhãn ấy, chẳng

biết đời trước chúng ta tu gì. Do vậy, bèn mò mẫm. Vị sư phụ này giảng kinh, quý vị cũng nghe. Vị sư phụ kia bảo quý vị niệm Phật, quý vị cũng niệm. Vị sư phụ khác bảo niệm Địa Tạng Bồ Tát, quý vị cũng hành trì. Bảo niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, quý vị cũng niệm theo. Vị Bồ Tát nào mới thích ứng căn cơ của quý vị? Cứ phải thử, vì quý vị chẳng có sự sáng suốt ấy.

“*Minh*” là có trí huệ, “*tịnh*” có nghĩa thanh tịnh. Đây là pháp nhãn, mà cũng là pháp nhãn thanh tịnh. Pháp nhãn thanh tịnh thì đối với hết thảy các pháp, quý vị có thể thấy bản thể của các pháp. Điều này cũng rất sâu, hết thảy các pháp vốn bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh. Phải đạt tới loại cảnh giới này thì mới là rốt ráo; đây là thanh tịnh nhãn mục. Vậy thì Địa Tạng Bồ Tát chính là hết thảy các vị Bồ Tát. Quý vị muốn liễu sanh tử, muốn cầu Phật pháp, muốn cầu khai ngộ, muốn chứng đắc giải thoát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ giúp đỡ, gia trì quý vị, khiến cho quý vị sáng mắt, sáng lòng.

“*Thị thú Niết Bàn thương nhân đạo thủ*” (Là người hướng dẫn thương nhân đến Niết Bàn): Niết Bàn có nghĩa là “*bất sanh, bất diệt*”. Nay mọi người đều mong hướng đến Niết Bàn. Hướng đến Niết Bàn là liễu sanh tử. Liễu sanh tử, sẽ chứng đắc rốt ráo giải thoát, giống như thương nhân muốn vào biển sâu nhất của báu, phải có người chỉ dẫn, giúp đỡ. Muốn tiến hướng Niết Bàn, cũng ắt phải có đạo sư (導師, người dẫn đường, người hướng đạo). Tìm ai đây? Tìm Địa Tạng Bồ Tát! Địa Tạng Bồ Tát là người hướng dẫn quý vị tiến đến Niết Bàn, giống như thương nhân vào biển sâu thập của báu [có người kinh nghiệm hướng dẫn].

“*Như thị nãi chí năng vô công dụng chuyển đại pháp luân, như tiền quảng thuyết*” (Như thế cho đến có thể vô công dụng mà chuyển đại pháp luân, như trong phần trước đã nói cặn kẽ): Vì sao ta ở nơi giải thoát trần bảo này, mong đạt được Không, Vô Tướng, Vô Nguyện? Vì khi Địa Tạng Bồ Tát làm những chuyện ấy, Ngài chẳng nhờ vào công dụng, chẳng cậy vào tu vi¹⁴, mà có thể khiến cho những điều chúng ta mong cầu đều đạt được. Chúng ta cầu Địa Tạng Bồ Tát, niệm kinh Địa Tạng, cho đến xưng thánh hiệu, đạt được những điều chúng ta mong cầu,

¹⁴ Hiểu theo thuật ngữ thông thường, nhất là trong võ thuật, “tu vi” (修爲) là quá trình tu luyện đạt được những thành tựu nhất định, có bản lãnh nhất định. Hoặc có thể hiểu đơn giản là thực lực của một người trải qua quá trình luyện tập, bồi dưỡng. Còn trong Phật giáo, tu vi chính là những cảnh giới chứng đắc do tu tập.

chuyển hóa hoàn cảnh. Địa Tạng Bồ Tát cũng chẳng phóng quang, mà cũng chẳng hiện thân. Có người nói sẽ phóng quang, sẽ hiện thân, sẽ thấy thụy tướng, nhưng đều chẳng có, chỉ cần đạt được mục đích mong cầu là được rồi. Đó gọi là “*vô công dụng*”. Khi chúng ta tu hành, có thể chẳng cậy vào công dụng mà tự nhiên thành tựu, chuyện ấy rất khó! Địa Tạng Bồ Tát chuyển đại pháp luân, chẳng cần phải tác ý. Trong một niệm, nơi vô lượng thế giới, Ngài thị hiện vô lượng thân hình, độ vô lượng chúng sanh, trong cùng một thời gian mà nhanh chóng hiện ra. Đây là “*vô công dụng*”. Do trong phần trước đã nói rất nhiều, nên bảo là “*như tiên quảng thuyết*”.

(Kinh) Thiện nam tử! Giả sử hữu nhân u kỳ Di Lạc, cập Diêu Cát Tường, tịnh Quán Tự Tại, Phổ Hiền chi loại, nhi vi thượng thủ, Cãng Già sa đẳng chư đại Bồ Tát Ma Ha Tát sở, u bách kiếp trung, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường, cầu chư sở nguyện, bất như hữu nhân u nhất thực khoảnh, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, cầu chư sở nguyện, tốc đắc mãn túc.

(經)善男子！假使有人於其彌勒，及妙吉祥，並觀自在，普賢之類，而為上首，殞伽沙等諸大菩薩摩訶薩所，於百劫中，至心歸依，稱名、念誦、禮拜、供養，求諸所願，不如有人於一食頃，至心歸依，稱名、念誦、禮拜、供養地藏菩薩，求諸所願，速得滿足。

(Kinh:) *Này thiện nam tử! Giả sử có người ở chỗ các vị đại Bồ Tát Ma Ha Tát như Di Lạc, và Diêu Cát Tường, cùng với Quán Tự Tại, Phổ Hiền là các bậc thượng thủ, nhiều như cát sông Hằng, trong một trăm kiếp, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường, mong cầu các nguyện, thì chẳng bằng có kẻ trong khoảng một bữa ăn, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, các điều nguyện cầu sẽ được nhanh chóng thỏa nguyện).*

“*Thiện nam tử*” là danh xưng đức Phật dùng để gọi Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích. Đức Phật bảo Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích: Giả sử có một nam tử phát khởi thiện tâm, khi mong cầu giải thoát, đã cầu Di Lạc Bồ Tát, hoặc Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Diêu Cát Tường là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát), hoặc là cầu Quán Tự Tại Bồ Tát, hoặc cầu Phổ Hiền Bồ

Tát. Không chỉ là cầu một, hai vị, mà là cầu các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát nhiều như cát sông Hằng, cầu các vị Bồ Tát nhiều ngàn ấy trong thời gian bao lâu? Cầu suốt một trăm kiếp.

Nếu quý vị chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, cúng dường các vị Bồ Tát ấy như thế, chẳng bằng “*ư nhất thực khoảnh*”, “*nhất thực khoảnh*” là thời gian ăn một bữa cơm, chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, lễ bái, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Những điều người ấy cầu nguyện sẽ có thể nhanh chóng được thỏa nguyện, chẳng cần thời gian dài cả trăm kiếp như thế! Đức Phật vẫn sợ Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích hoài nghi, bèn giải thích thêm lần nữa. Vì sao ta nói như vậy? Đây là so lường công đức, tức là so sánh giữa Địa Tạng Bồ Tát với Di Lạc Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Quán Tự Tại Bồ Tát, hoặc là Phổ Hiền Bồ Tát. Nếu nói so sánh, thì cầu Địa Tạng Bồ Tát sẽ được mãn nguyện nhanh hơn, do nguyện nhân nào?

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Địa Tạng Bồ Tát lợi ích an lạc nhất thiết hữu tình, linh chú hữu tình sở nguyện mãn túc, như Như Ý bảo, diệp như phục tạng. Như thị Đại Sĩ, vị dục thành thực chú hữu tình cố, cửu tu kiên cố đại nguyện, đại bi, dũng mãnh, tinh tấn quá chư Bồ Tát. Thị cố, nhữ đẳng ưng đương cúng dường.

(經)所以者何?地藏菩薩利益安樂一切有情,令諸有情所願滿足,如如意寶,亦如伏藏。如是大士,為欲成熟諸有情故,久修堅固大願大悲,勇猛精進過諸菩薩,是故,汝等應當供養」。

(Kinh: Vì có sao vậy? Địa Tạng Bồ Tát lợi ích an lạc hết thảy hữu tình, khiến cho các nguyện cầu của hữu tình được thỏa mãn, như báu Như Ý, cũng như kho tàng. Vị Đại Sĩ như thế vì muốn thành thực các hữu tình, cho nên tu đại nguyện, đại bi kiên cố đã lâu, dũng mãnh, tinh tấn vượt hẳn các vị Bồ Tát khác. Do vậy, các ông hãy nên cúng dường).

“Sở dĩ giả hà?” (Vì có sao vậy) mang ý nghĩa gạn hỏi: Vì Địa Tạng Bồ Tát lợi ích yên vui hết thảy hữu tình, khiến cho các điều mong cầu của hữu tình được thỏa mãn giống như Như Ý Bảo Châu, như “*phục tạng*” (伏藏, kho tàng) đã nói trong phần trước? Ngài tàng trữ vô lượng tâm nguyện. Vị Đại Sĩ Địa Tạng Bồ Tát này “*vị dục thành thực nhất thiết hữu tình, cửu tu kiên cố đại nguyện đại bi, dũng mãnh, tinh tấn*” (vì

muôn thành thực hết thủy hữu tình, tu đại nguyện, đại bi kiên cố đã lâu, dũng mãnh, tinh tấn), Ngài tu đại bi, dũng mãnh tinh tấn. “*Quá chư Bồ Tát*” nghĩa là vượt xa các vị Bồ Tát đã nói trong phần trước như Di Lặc, Diệu Cát Tường, Phổ Hiền.

“*Thị cố, như đẳng ưng đương cúng dường*” (Do vậy, các ông hãy nên cúng dường), chúng tôi giải thích câu này nhiều hơn. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, cho đến Quán Thế Âm Bồ Tát, đây là bốn vị đại Bồ Tát chúng ta quen thuộc nhất. Pháp chúng ta học, nói theo cõi này, tức là thế giới Sa Bà, chẳng phải là của Di Lặc Bồ Tát, thì cũng là của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, hay Phổ Hiền Bồ Tát. Vì sao đức Phật dùng bốn vị đại Bồ Tát này để so sánh? Vì nay đang nói kinh Thập Luân, chẳng phải là nói kinh Đại Bát Nhã. Nếu giảng kinh Đại Bát Nhã, chỉ có Diệu Cát Tường Bồ Tát, tức là chỉ hiển thị Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Nếu giảng kinh Di Lặc Thượng Sanh, sẽ chỉ có Di Lặc Bồ Tát. Nay chúng ta đang nói kinh Thập Luân, cho nên khi giảng một bộ kinh nào, muốn đề cao một vị Bồ Tát nào, đức Phật sẽ dùng các vị Bồ Tát khác để so sánh, đó là Hiền, hồng làm cho quý vị sanh khởi tâm thù thắng, vì tâm chúng sanh phân biệt đặc biệt nặng nề. Vị nào công đức to lớn, người ta sẽ tìm vị đó, họ nghĩ như thế đó.

Thật ra, cầu người chẳng bằng cầu mình, quý vị phải nên hiểu đạo lý này. Địa Tạng Bồ Tát so với Quán Thế Âm Bồ Tát và Văn Thù Bồ Tát, vị nào công đức to hơn? Văn Thù Bồ Tát đã thành Phật trong quá khứ, nay [thị hiện] vẫn chưa thành Phật, thị hiện làm thân Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát trong quá khứ cũng đã thành Phật, các Ngài đều là Cổ Phật. Nhưng trong tâm phàm phu, chúng ta sẽ dấy lên cái tâm phân biệt.

Khi giảng bộ kinh này, đức Phật đặc biệt đề cao Địa Tạng Bồ Tát, nói Ngài nguyện lực kiên cố, tâm đại bi mạnh mẽ. Quán Thế Âm Bồ Tát là Đại Bi Quán Thế Âm, tâm đại bi y hệt. Do chúng ta hiện thời đang học kinh Thập Luân, cho nên đức Phật đặc biệt đề cao công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Chúng sanh được Địa Tạng Bồ Tát hóa độ, chón Ngài đến, nơi chúng sanh được độ là trong tam ác đạo, điều này rất thù thắng, chẳng lẽ Quán Thế Âm Bồ Tát không phải là như vậy hay sao? Ngạ quỷ Diệm Nhiên Đại Sĩ trong lễ cúng Diệm Khẩu chẳng phải do Quán Thế Âm Bồ Tát hóa hiện đó sao? Phật Phật đạo đồng, trọn chẳng phải là A Di Đà Phật cao hơn Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng chẳng phải là Phật Dược Sư cao hơn Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu chẳng có Thích Ca Mâu

Ni Phật, chúng ta cũng chẳng biết Phật Dược Sư là gì, A Di Đà Phật là gì? Có người niệm A Di Đà Phật, quên tuốt Thích Ca Mâu Ni Phật. Có người chỉ biết A Di Đà Phật, ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng hiểu rành cho mấy! Phật chẳng có chướng ngại đồ kỵ, chẳng giống như phạm phu. Chúng ta sẽ nói: “Tôi giới thiệu cho quý vị, vậy mà quý vị quên tuốt tôi. Quý vị chỉ niệm vị ấy, chẳng thêm niệm tôi!” Đó chẳng gọi là Phật!

Ý của tôi là trong khi đọc tụng bộ kinh này, hãy chí tâm quy y, xưng danh, niệm tụng, cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, vì Địa Tạng Bồ Tát thế nguyện kiên cố, dũng mãnh, tinh tấn, vượt xa Di Lặc, Diệu Cát Tường, Quán Tự Tại, Phổ Hiền. Đức Phật cũng nói lời thành thật, trọn chẳng nói dối, nhưng trong bộ kinh này, Ngài đặc biệt nêu bày Địa Tạng Bồ Tát. Nếu nói theo kinh Địa Tạng, ngay cả Văn Thù Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng đều tán thán Địa Tạng Bồ Tát. Nếu niệm phẩm Phổ Môn, [quý vị sẽ thấy kinh văn dạy] cúng dường sáu mươi hai ức Hằng Hà sa Bồ Tát nhiều ngàn ấy, chẳng bằng cúng dường Quán Thế Âm trong khoảng một bữa ăn, ý nghĩa như nhau!

Sở dĩ tôi nói như vậy vì có đạo hữu đang hiện diện ở đây tụng phẩm Phổ Môn, cũng có vị niệm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Nếu như nói: “Chỉ cần niệm kinh Thập Luân là được rồi, vì công đức của Địa Tạng Bồ Tát to tát dường ấy, đều vượt hơn các vị kia”. Sai lầm mất rồi! Bồ Tát đều như nhau, công đức đều như nhau. Đối với vị Bồ Tát này, chúng ta học theo đôi chút, sẽ có thể thọ dụng thành tựu.

(Kinh) Nhĩ thời, thập phương chư lai đại chúng, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát, cập chư Thanh Văn, thiên, nhân, Dược Xoa, Kiện Đạt Phược đẳng, giai tùng tòa khởi, tùy lực sở tác, các trì chủng chủng kim, ngân đẳng tiết, chúng bảo hoa, hương, phụng tán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Phục trì chủng chủng thượng diệu y phục, mật-ni bảo châu, chân châu hoa man, chân châu anh lạc, kim ngân bảo lũ, tràng, phan, cái đẳng, phụng thượng Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Phục dĩ vô lượng thượng diệu âm nhạc, chủng chủng tán tụng, cung kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát.

(經)爾時，十方諸來大眾，一切菩薩摩訶薩，及諸聲聞、天人、藥叉、健達縛等，皆從座起，隨力所作，各持種種金銀等屑，眾寶華香，奉散地藏菩薩摩訶薩。復持種

種上妙衣服、末尼寶珠、真珠華鬘、真珠瓔珞、金銀寶縷、幢幡蓋等，奉上地藏菩薩摩訶薩。復以無量上妙音樂，種種讚頌，恭敬供養地藏菩薩。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đại chúng từ mười phương đến, hết thầy Bồ Tát Ma Ha Tát và các vị Thanh Văn, trời, người, Dược Xoa, Kiện Đat Phước v.v... đều từ chỗ ngồi đứng dậy, tùy theo sức mình, ai nấy cầm các loại mảnh vàng, bạc v.v... các hoa, hương báu, dâng rải lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Lại cầm các thứ y phục tốt đẹp nhất, bảo châu Mạt-ni, tràng hoa chân châu, chuỗi anh lạc chân châu, các sợi dây báu bằng vàng, bạc, tràng, phan, lọng v.v... dâng lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Lại dùng vô lượng âm nhạc thượng diệu, các thứ tán tụng để cúng kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát).

“*Nhĩ thời, thập phương chư lai đại chúng*” (Lúc bấy giờ, các đại chúng từ mười phương đến): Hội Đại Tập này chẳng thể tính đếm số lượng, các vị Bồ Tát cũng là chẳng thể tính số lượng, chẳng thể dùng con số để biết trong ấy có bao nhiêu vị Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác. Hội thuyết pháp của đức Phật đều là như thế. Các đại chúng từ mười phương đến dự hội, tức là hết thầy Bồ Tát Ma Ha Tát, cũng như Thanh Văn, chư thiên, Dược Xoa, tám bộ quỷ thần, nghe đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát đều từ chỗ ngồi đứng dậy. “*Tùy lực sở tác*” là trọn hết sức mình, sức có bao nhiêu, bèn cúng dường bấy nhiêu. Cúng dường những gì? Chính là “*kim, ngân đẳng tiết, chủng bảo hoa, hương, phụng tán Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát*” (các mảnh vàng, bạc v.v... các hương, hoa báu, dâng rải lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát), tận hết sức mình cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Trong mỗi pháp hội, Bồ Tát cho đến chư Phật sẽ đều cúng dường. Ở trong hội, vào lúc ấy, chư Phật đến từ phương khác đều cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, và cũng cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, từ chỗ ngồi đứng lên, nghe đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát, liền tùy theo sức kham nổi, chẳng quay về [cõi mình] để sửa sửa, mà cũng là trên mình có đem theo gì [bèn dâng ra]. “*Tùy lực sở tác*” cúng dường là như thế đó, mọi người đều dùng những thứ như vàng, bạc, châu báu chẳng hạn để dâng hiến Địa Tạng Bồ Tát.

Còn có người “*trì chủng chủng thượng diệu y phục*” (cầm các thứ y phục tốt đẹp). Thượng diệu y phục thì như trong kinh Địa Tạng và trong hết thầy các kinh luận đều nói như vậy. Khi sắp mặc quần áo mới, hãy cúng dường Địa Tạng Bồ Tát trước. Khi sắp ăn món ngon, đều nên

cúng dường Địa Tạng Bồ Tát trước. Cho đến cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, đều là như thế. Ngay cả món đồ chơi mới mua về, cũng cúng dường Bồ Tát trước. Phàm những thứ quý vị cho là đồ tốt, muốn sử dụng, đều cúng dường Bồ Tát trước đã. Nếu dưỡng thành thói quen ấy, công đức của quý vị sẽ là chẳng thể nghĩ bàn.

Tiếp đó, còn có mặt-ni (ma-ni) bảo châu, tràng hoa chân châu, chuỗi anh lạc bằng chân châu, dây báu vàng, bạc, tràng, phan, lọng báu, dâng lên Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Còn có vô lượng âm nhạc và nhạc cụ thượng diệu, hoặc xướng những bài ca, hoặc xướng những bài tán tụng, cho đến các thứ tán tụng để cung kính cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Nhưng sau khi Địa Tạng Bồ Tát tiếp nhận những thứ cúng dường ấy, Ngài sẽ làm như thế nào? Trong phẩm Phổ Môn, Vô Tận Ý Bồ Tát cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng nhận.

Vô Tận Ý Bồ Tát lại thỉnh, sau đấy, còn phải nhờ đức Phật nhắc nhở Quán Thế Âm Bồ Tát thương xót Vô Tận Ý Bồ Tát và đại chúng tham dự pháp hội, Quán Thế Âm Bồ Tát mới tiếp nhận. Nhận xong, Quán Thế Âm Bồ Tát liền đem vật được cúng dường chia thành hai phần, một phần dâng lên tháp Đa Bảo, một phần cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong hội này, chỉ có đức Phật hiện diện, cho nên Địa Tạng Bồ Tát đem tất cả những vật cúng, tức là tất cả các vật dụng của mọi người, đều dâng lên đức Thế Tôn. Không chỉ là cúng dường, mà còn nói kệ tán tụng.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, trì thủ chủng chủng thượng diệu cúng cụ, hồi phụng Thế Tôn, nhi thuyết tụng viết: “Thiên, nhân, long, thần sở cúng dường, thập phương Bồ Tát giai lai phụng. Văn Cứu Thế hữu đại công đức, duy nguyện thọ ngã tối thắng cúng”.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩，持此種種上妙供具，回奉世尊，而說頌曰：「天人龍神所供養，十方菩薩皆來奉。聞救世有大功德，唯願受我最勝供」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lại cầm thứ cúng dường thượng diệu dâng lên đức Thế Tôn, bèn nói kệ tụng rằng: “Trời, người, rồng, thần đã cúng dường, mười phương Bồ Tát đến dâng hiến, nghe đáng Cứu Thế công đức lớn, kính xin nhận đồ cúng tối thắng”).

Những vật cúng con cầm trên tay là do trời, người, rồng, thần,

mười phương Bồ Tát dâng hiến cho con, con lại kính dâng lên đức Thế Tôn. Ai nấy đều biết đức Thế Tôn là đáng cứu thế công đức to lớn, kính mong tiếp nhận vật cúng tối thắng của con. Họ cúng dường con, cho nên con lại đem cúng dường đức Thế Tôn.

(Kinh) Nhữ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thuyết thị tụng dĩ, đánh lễ Phật túc. Ư thị, Thế Tôn phục thuyết tụng viết:

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩說是頌已，頂禮佛足。於是世尊復說頌曰。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói bài tụng ấy xong, đánh lễ dưới chân đức Phật. Ngay khi đó, đức Thế Tôn lại nói kệ tụng rằng).

Sau khi Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói bài kệ tụng ấy rồi, đánh lễ dưới chân đức Phật, trở về chỗ ngồi. Khi đó, đức Phật lại nói kệ tụng đề xưng dương Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) “Khởi kiên cố huệ thanh tịnh tâm, diệt chư hữu tình vô lượng khổ. Thí chúng diệu lạc như bảo thủ, năng đoạn Hoặc vông như kim cương, khởi đại bi huệ cụ tinh tấn, thiện trì diệu cúng phụng Thế Tôn. Dĩ hải trí cứu khổ chúng sanh, đăng chư thú hữu vô úy ngạn”.

(經)「起堅固慧清淨心，滅諸有情無量苦。施眾妙樂如寶手，能斷惑網如金剛，起大悲慧具精進，善持妙供奉世尊。以海智救苦眾生，登諸趣有無畏岸」。

(Kinh: “Dấy tâm thanh tịnh, huệ kiên cố, diệt vô lượng khổ cho hữu tình. Như tay báu thí các diệu lạc, như kim cương cắt đứt lưới Hoặc, dấy đại bi huệ, trọn tinh tấn, khéo dùng diệu cúng hiến Thế Tôn, dùng biển trí cứu chúng sanh khổ, độ các đường lên bờ vô úy”).

Đức Phật nói: “Cúng dường rất khéo. Ông có trí huệ kiên định chẳng đổi dời, chúng đắc các pháp tánh”. Chẳng phải là chúng ta nói đến cảnh giới Nhất Thật ư? Cái tâm trong cảnh giới Nhất Thật chính là chân tâm, mà cũng là diệu minh chân tâm. Đồng thời, ông có thể diệt vô lượng khổ nạn của hết thầy hữu tình, bố thí những thứ âm nhạc tốt bậc vi diệu. “Bảo thủ” (Tay báu) là tay mâu nhiệm khảm các âm nhạc, mà cũng có thể đoạn trừ hết thầy nghi hoặc của chúng sanh giống như kim cương.

Kim cang trí có thể đoạn hết thấy lưới phiền não. “*Khởi đại bi huệ cụ tinh tấn*” (Dây trí huệ đại bi có tinh tấn), [ý nói] có tâm đại bi trí huệ độ chúng sanh. Lại còn độ suốt một thời gian dài đường ấy, tinh tấn chẳng lười nhác.

“*Thiện trì diệu cúng phụng Thế Tôn*” (Khéo cầm đồ cúng màu nhiệm dâng lên đức Thế Tôn): Những thứ cúng dường của ông rất vi diệu. Khi vị đại Bồ Tát này chuyển dâng cúng dường đức Phật, tất cả những phẩm vật cúng dường trải qua sự biến hóa, hợp tất cả bảo vật thành một lọng báu, hoặc một tràng phan, chẳng phải là vật chất ban đầu. Như mọi người cúng dường Phật, chúng ta chỉ thấy là táo, trái cây, hoặc là lê, hoặc là hương, hoa, nhưng qua sự chuyển hóa cúng dường, những thứ hoa, hương bèn trọn khắp mười phương thế giới. Nếu quý vị cúng dường, đã đọc lời đại nguyện thứ ba trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, tức “*quảng tu cúng dường*” thì khi quý vị đặt tràng hoa trong giỏ hoa để cúng dường đức Phật, nếu quý vị biết cúng dường như thế nào, nhất định sẽ tu quán tưởng. Các vị đạo hữu hãy nên tu như thế. Nếu chưa hề tu, tôi sẽ nhắc lại đôi chút.

Quý vị phải quán tưởng tràng hoa ấy, đừng nghĩ nó chỉ lớn chừng đó. Hãy dùng tâm lực của quý vị, khiến cho trọn hư không, khắp pháp giới đều biến thành tràng hoa ấy. Tràng hoa ấy thoát nhìn dường như chỉ cúng dường trong thế giới Sa Bà này, hoặc cúng tại Ôn Ca Hoa (Vancouver), nhưng nó đã trọn khắp thế giới Sa Bà, sẽ đến tận thế giới Cực Lạc cúng dường Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, cũng đến thế giới của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ở phương Đông. Nếu chúng ta chẳng biết nhiều lắm, chỉ biết Tây Phương A Di Đà Phật, mọi người rất quen thuộc nơi ấy, hoặc là Đông Phương Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, vì chúng ta thường niệm kinh Dược Sư, hoặc là chư Phật trong thượng phương hay thập phương, thậm chí lạy Chiêm Sát Sám, trong ấy có danh hiệu của năm mươi ba vị Phật rất thân thuộc! Hãy tưởng tượng tràng hoa trọn khắp từng cõi Phật, từng vị Phật, Bồ Tát đều có. Đây là “*ý cúng*”. Như thế thì tràng hoa không chỉ là trạng thái như trước mắt, mà hết thấy sẽ đều sanh khởi biến hóa. Ai khởi lên biến hóa? Do sức gia trì của hành giả, tức người tu hành. Cũng là do tứ chúng đệ tử, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di khi cúng dường, nhờ vào tâm lực của họ để cúng dường. Đó gọi là “*diệu cúng*”. Cách cúng dường ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Đồng thời, trí huệ của quý vị sâu như biển, to như biển, vĩnh viễn cứu độ chúng sanh đang chịu khổ, vô cùng, vô tận. Nước biển vĩnh viễn

chẳng khô cạn, ngàn vạn sông rạch đổ vào biển, nước biển cũng chẳng tăng thêm. Trí huệ của chư Phật, Bồ Tát sâu như biển, rộng như biển, có thể dung nạp hết thảy, khiến cho hết thảy chúng sanh, tức là chúng sanh trong hết thảy các đường, đều có thể đạt tới bờ kia, đều có thể thành Phật. Chúng ta thì ngay cả nói kệ tán thán cũng chẳng nổi. Khi chư Phật, Bồ Tát tán thán, các Ngài sử dụng ngôn ngữ và văn tự rất vi diệu, biến hóa hết sức to lớn. Chúng ta biết: “Đạt đến bờ kia” chính là thành Phật, nhưng Ngài không nói là “bờ kia”, mà nói là “bờ vô úy”, hoặc là “bờ trí huệ, bờ Bát Nhã”. Đây là sự hay khéo trong văn tự.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, tức tùng tòa khởi, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ngã đương tế độ thử tứ châu chử, Thế Tôn đệ tử nhất thiết bất-sô, bất-sô-ni, ồ-ba-sách-ca, ồ-ba-tu-ca, linh kỳ giai đắc tăng trưởng ỨC NIỆM, tăng trưởng thủ hộ ỨC NIỆM, tăng trưởng thọ mạng, tăng trưởng thân thể, tăng trưởng vô bệnh, tăng trưởng sức lực, tăng trưởng danh văn, tăng trưởng tư cụ, tăng trưởng thân hữu, tăng trưởng đệ tử, tăng trưởng tịnh giới, tăng trưởng đa văn, tăng trưởng huệ xả, tăng trưởng diệu định, tăng trưởng an nhàn, tăng trưởng phương tiện, tăng trưởng giác phần thánh để quang minh, tăng trưởng thú nhập Đại Thừa chánh đạo, tăng trưởng pháp minh, tăng trưởng thành thực hữu tình, tăng trưởng đại từ đại bi, tăng trưởng nhất thiết bạch pháp, tăng trưởng diệu xưng biến mãn tam giới, tăng trưởng pháp vũ phổ nhuận tam giới, tăng trưởng nhất thiết đại địa tinh khí tư vị, tăng trưởng nhất thiết chúng sanh tinh khí thiện tác sự nghiệp, tăng trưởng chánh pháp tinh khí thiện hạnh, tăng trưởng trí huệ quang minh, tăng trưởng lục đáo bỉ ngạn diệu hạnh, tăng trưởng ngũ nhãn, tăng trưởng quán đảnh, tăng trưởng sanh thiên, Niết Bàn.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩即從座起，而白佛言：
「大德世尊！我當濟度此四洲渚，世尊弟子一切苾芻、苾芻尼、鄔波索迦、鄔波斯迦，令其皆得增長憶念，增長守護憶念，增長壽命，增長身體，增長無病，增長色力，增長名聞，增長資具，增長親友，增長弟子，增長淨戒，增長多聞，增長慧舍，增長妙定，增長安忍，增長方便，增長覺分聖諦光明，增長趣入大乘正道，增長法明，增長成

熟有情，增長大慈大悲，增長一切白法，增長妙稱徧滿三界，增長法雨普潤三界，增長一切大地精氣滋味，增長一切眾生精氣善作事業，增長正法精氣善行，增長智慧光明，增長六到彼岸妙行，增長五眼，增長灌頂，增長生天，涅槃。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Con sẽ độ các đệ tử của đức Thế Tôn trong bốn đại châu này, hết thầy tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, khiến cho họ đều được tăng trưởng nghĩ nhớ, tăng trưởng gìn giữ nghĩ nhớ, tăng trưởng thọ mạng, tăng trưởng thân thể, tăng trưởng không bệnh tật, tăng trưởng sức lực, tăng trưởng tiếng tăm, tăng trưởng những vật cần dùng, tăng trưởng thân hữu, tăng trưởng đệ tử, tăng trưởng tịnh giới, tăng trưởng đa văn, tăng trưởng huệ xả, tăng trưởng điều định, tăng trưởng an nhẫn, tăng trưởng phương tiện, tăng trưởng giác phân thánh để quang minh, tăng trưởng tiến nhập thánh đạo Đại Thừa, tăng trưởng pháp minh, tăng trưởng thành thực hữu tình, tăng trưởng đại từ đại bi, tăng trưởng hết thầy bạch pháp, tăng trưởng sự xung tán mâu nhiệm trọn khắp ba cõi, tăng trưởng mưa pháp nhuần thấm trọn khắp ba cõi, tăng trưởng tinh khí mùi vị của hết thầy đại địa, tăng trưởng tinh khí thiện hạnh của chánh pháp, tăng trưởng quang minh trí huệ, tăng trưởng điều hạnh Lục Ba La Mật, tăng trưởng ngũ nhãn, tăng trưởng quán đánh, tăng trưởng sanh thiên Niết Bàn”).

“Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, tức tùng tòa khởi nhi bạch Phật ngôn” (Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch cùng đức Phật rằng): Sau khi cúng dường đức Phật, Địa Tạng Bồ Tát trở về chỗ ngồi, đức Phật lại khen ngợi: “Ông cúng dường rất hay!” Lại nói kệ tụng, Địa Tạng Bồ Tát lại từ chỗ ngồi đứng lên, đánh lễ đức Phật, hướng về đức Phật, thưa: “Đại đức Thế Tôn”. Gọi đức Phật là “đại đức”. “Đại” có nghĩa là vô lượng. Phạm trong hết thầy các kinh luận, hễ đức Phật nói đến Đại, tức là nói tới cái Thể của chúng ta, là cảnh giới Nhất Thật, hoặc nói “*diệu minh chân tâm*”, hoặc nói “*Như Lai tạng tánh*” đều được. Tuy danh xưng khác nhau, đều là giả danh. Nhưng trên thực tế, chỉ là một chữ Đại. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh đều là Đại. Chữ

Đại này có ý nghĩa là “*đương thể*” (bản thể của chính nó).

Xưng tán công đức của Phật là “*đại đức*” có ý nghĩa như vậy đó. Thế Tôn! Con phải nên tuân chiếu lời đức Phật chỉ dạy. Đối với thế giới này, tức là như chúng ta thường nói “*tứ đại bộ châu*”, [còn ngài Huyền Trang dịch thành] “*thứ tứ châu chủ*”. “*Thế Tôn đệ tử*” (đệ tử của đức Thế Tôn) tức là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật (“*tứ chúng*” bao gồm bát-sô, bát-sô-ni, ô-ba-sách-ca, ô-ba-tur-ca, đây là hai chúng xuất gia và hai chúng tại gia. Xuất gia là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, tại gia là nam cư sĩ và nữ cư sĩ, cũng là Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ), con đều làm cho họ tăng trưởng ức niệm.

“*Tăng trưởng ức niệm*” nghĩa là tăng trưởng trí huệ. Chẳng phải là chúng ta không có trí nhớ hay sao? Trong phẩm mười hai của kinh Địa Tạng đã nói: Đọc kinh mà không có trí nhớ, đọc xong quên bẵng, dạy một lượt chẳng thể nhớ được, dạy mấy lần cũng chẳng nhớ. Đây là chẳng có trí nhớ, đã học rồi mà chẳng nhớ được. Địa Tạng Bồ Tát nói: “Con có thể giúp đỡ họ, khiến cho họ tăng trưởng ức niệm”. Tăng trưởng ức niệm ở đây đương nhiên là nói đến niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Do vậy, “họ đã có tín tâm, đã học Phật pháp, con sẽ tăng trưởng cho họ”. Đó gọi là “*tâm tăng thượng*”, ắt cần phải niệm niệm tăng trưởng, niệm niệm tăng thượng. Càng tăng trưởng, trí huệ càng lớn, phước đức càng nặng, có hàm nghĩa như thế đó.

“*Tăng trưởng thủ hộ ức niệm*”, phải gìn giữ sự ức niệm, vì sao? Khi ngủ quên phải niệm “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, hoặc sáng sớm, vừa mở mắt ra, niệm “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, thủ hộ Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, ngàn vạn lần đừng để mất. Đây chính là ý nghĩa “*thủ hộ*”, giống như chúng ta bảo vệ tài sản.

“*Tăng trưởng thọ mạng*”: Trước là từ cạn vào sâu. Đây là thuận theo mong muốn của chúng sanh. Chẳng có ai mong đoán mạng, trừ phi họ quá ưu sầu khổ não, chẳng muốn sống nữa. Vẫn có kẻ tự sát, vì sao? Vì rất khổ, chẳng thể cam chịu sống nổi nữa, chẳng có hứng thú để sống tiếp. Vì thế nói “*tăng trưởng thọ mạng*” là ước nguyện của mọi người. Địa Tạng Bồ Tát liền hướng về đức Phật phát nguyện, cứu giúp các đệ tử được Ngài giáo hóa trong bốn đại bộ châu, nói “*bốn châu*” là chuyên chỉ Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Câu La Châu (Bắc Câu Lô Châu), Đông Thắng Thần Châu, và Tây Ngưu Hạ Châu (Tây Ngưu Hóa Châu), nói đến bốn đại bộ châu ấy.

“*Tăng trưởng thân thể*”: Chuyện này có một cách giải thích, hoặc là mong thân thể khỏe mạnh, hoặc thân thể vốn rất xấu xí, thô kệch,

mong biến thành xinh đẹp hơn một tí, đẹp trai hơn một tí. Hoặc là quý vị cảm thấy quá bé nhỏ, mong to lớn hơn đôi chút. Do vậy, “*tăng trưởng thân thể*” có rất nhiều chủng loại, đây cũng là điều quý vị mong cầu. Quý vị vốn chẳng có bệnh, nếu tăng trưởng thân thể, sẽ vĩnh viễn chẳng bị bệnh. Đây là “*tăng trưởng vô bệnh*”. “*Tăng trưởng sắc lực*” là tăng trưởng thể lực của quý vị.

“*Tăng trưởng danh văn*” là điều chúng ta mong mỏi, ai nấy đều hy vọng sẽ có danh tiếng tốt đẹp. “*Tăng trưởng tư cụ*”: “*Tư cụ*” (资具) là những vật dụng cần thiết trong đời sống, giúp cho quý vị sống sót, bao gồm nhà ở, xe hơi, những vật dùng cần thiết v.v... đều có thể trọn đủ. “*Tăng trưởng đệ tử*”: Nói đến đức Phật hay nói đến bốn vị đại đệ tử của đức Phật. Bất luận xuất gia hay tại gia, ai nấy đều muốn đồ chúng đông đảo hơn đôi chút. Có người chẳng nhất định cầu có nhiều đồ chúng. Đồ đệ đông đảo phiền toái lắm, con cháu cũng rất phiền nhiễu; nhưng đây là nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, chẳng giống với những điều tiếp theo dưới đây.

“*Tăng trưởng tịnh giới*”: Quý vị thọ Tam Quy, Ngũ Giới, cho đến tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới. Tại gia thì có Ngũ Giới, Bát Giới, có sáu giới trọng, hai mươi tám giới khinh [trong giới tại gia Bồ Tát], đều có thể thanh tịnh, vĩnh viễn trì giới thanh tịnh.

“*Tăng trưởng đa văn*”: Đa văn là nghe pháp thù thắng. Tăng trưởng nghe thì là Đa Văn, đã nghe xong bèn sanh trưởng trí huệ.

“*Tăng trưởng huệ xả*”: [Huệ xả] là bố thí. Xả nói sâu hơn đôi chút, sẽ là xả trừ Ngã Chấp, đừng nên chấp cái Ta, nhưng chuyện này cần phải có trí huệ. Xả rất khó. Người có trí huệ thì hết thấy đều có thể xả, ngay cả thân mạng của chính mình vẫn có thể xả. Chuyện này cạy vào trí huệ.

“*Tăng trưởng diệu định*”: Diệu định là như thế nào? Chính là Định lực ngay trong hết thấy các hành động. Điều này chẳng thể nghĩ bàn. Hiện thời, quý vị nghe kinh nhập Định, trọn chẳng phải là ngủ gà ngủ gật, mà là thật sự nhập Định, nghe kinh ở trong Định. Do vậy, khi các vị đại Bồ Tát lợi lạc chúng sanh, đều ở trong Định. Chúng ta thấy các Ngài bay qua, bay lại, thật ra là đang nhập Định. Do vậy, khi mới khởi đầu bộ kinh này, Địa Tạng Bồ Tát vào lúc sáng sớm, đã nhập Định nhiều ngàn ấy, hết thấy mọi lúc, hết thấy mọi nơi đều ở trong Định.

“*Tăng trưởng an nhẫn*”: An nhẫn là nhẫn nhục, nhưng vì sao Ngài không nói là “*nhẫn nhục*”, mà nói là “*an nhẫn*”? Nói theo phía chúng ta, chúng ta phần nhiều chẳng tuân thủ bốn phạm. Nhẫn có thể gìn

giữ bốn phận của quý vị. Chuyện gìn giữ bốn phận bao gồm rất nhiều. Do có trí huệ, có diệu Định, sẽ có thể gìn giữ Định, Huệ chẳng mất, có thể điều hòa, cân nhắc, khiến cho Định và Huệ cân bằng. Đó gọi là An Nhẫn. Từ an nhẫn, có thể sanh ra các phương tiện thiện xảo, như Địa Tạng Bồ Tát đã nhập Định nhiều ngàn ấy, dùng nhiều phương tiện lợi ích chúng sanh ngàn ấy. Đó là phương tiện thiện xảo. Đã có trí huệ, cho nên sanh ra phương tiện huệ. Do đã có trí huệ, hết thấy các phương tiện đều là giải thoát. Nếu chẳng có trí huệ, phương tiện sẽ là trói buộc. Chẳng hạn như chúng ta làm chuyện gì, tứ bề đều gặp chướng ngại. Quý vị cũng phát tâm độ chúng sanh, chẳng độ được. Đã thế, còn nẩy sanh tràn lan rất nhiều thứ phiền toái, nẩy sanh rắc rối tứ phía. Đó là vì chẳng có thiện xảo huệ, cho nên xử trí chẳng thích đáng!

“Tăng trưởng giác phần thánh đế quang minh”: Giác phần là Bồ Đề đạo. Thất Giác Phần là nói riêng biệt. Tăng trưởng Bồ Đề tức là tăng trưởng sự giác ngộ của chính mình. Sự giác ngộ ấy có thể khiến cho thánh đế của quý vị quang minh. Thánh Đế là có thể nương vào Thật Tế Lý Thể để chứng đắc thánh vị, ngay cả thành Phật cũng có thể. Thập Địa Bồ Tát cũng đều là thánh vị, cho đến nói theo giáo nghĩa ban sơ, Tứ Quả A La Hán cũng là Thánh Đế; pháp ấy được gọi là Tứ Thánh Đế Pháp. *“Tăng trưởng thánh đế quang minh”* có nghĩa là [tăng trưởng] trí huệ; bản thân của Đế chính là quang minh.

“Tăng trưởng thú nhập Đại Thừa chánh đạo”: Có thể vận chuyển bốn tâm của chính mình thì chính là Đại Thừa. Chúng ta nói “hết thấy đều chẳng thể lìa khỏi tâm ta”, đó là Bồ Đề đạo thật sự. Bồ Đề đạo thật sự thì ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp lại chẳng có tâm. Hết thấy các pháp đều do tâm tánh của quý vị hiển hiện. Đây là Đại Thừa chánh đạo.

“Tăng trưởng pháp minh”: Liễu giải tánh thể của hết thấy các pháp, đừng khởi phân biệt nơi tướng. Liễu giải pháp tánh của hết thấy các pháp, điều này được gọi là trí huệ, được gọi là “*minh*” thật sự.

“Tăng trưởng thành thực hữu tình”: Nói sâu hay cạn đều được, thành thực gì vậy? Thành thực hết thấy hữu tình; tăng trưởng sự tư giáo (giáo dục tư tưởng) của quý vị. Chẳng phải là đã phát nguyện lợi ích chúng sanh đó sao? Như vậy thì có phải là chúng sanh có thể thành thực hay sao? Có thể y giáo phụng hành hay sao? Có phải là có thể y giáo phụng hành để thành đạo hay không? Chẳng hạn như tứ chúng đệ tử chiếu theo lời dạy bảo của đức Phật để lần lượt hóa độ chúng sanh, khiến cho họ đều có thể tín nhập, đều có thể y giáo phụng hành, đều có thể tu

hành, đều có thể thành thực. Hễ thành thực, sẽ có thể liễu thoát, khiến cho hữu tình đều có thể thành thực. Tăng trưởng cái tâm đại từ đại bi chính là tăng trưởng Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm bao hàm rất nhiều thứ, đại từ đại bi chính là Bồ Đề tâm.

“*Tăng trưởng nhất thiết bạch pháp*” (Tăng trưởng hết thảy bạch pháp): [Bạch pháp] tức là thanh tịnh pháp. Thanh tịnh pháp là gì? Hết thảy Giới, Định, Huệ, hết thảy các pháp do đức Phật dạy chúng ta. Bạch pháp là thanh tịnh pháp, tiêu mất hắc pháp. Hắc pháp là pháp ô nhiễm. Kinh văn của phẩm Vô Y Hạnh và Hữu Y Hạnh trong phần sau sẽ nói căn kẽ về đạo lý hắc bạch. Hết thảy các pháp trên đây đều là tổng thuyết, trong phần sau sẽ giải thích rõ. Trong phần trước chỉ nói tổng quát đôi chút.

“*Tăng trưởng nhất thiết chúng sanh tinh khí*”: Có tinh thần, có khí lực. “*Tinh*” là thuần, “*khí*” là khí chất. Vì chúng ta là đệ tử đức Phật, khiến cho tứ chúng đệ tử đều có thể tinh thuần, ngõ hầu mọi người nhìn vào, đều thấy khí chất của hàng đệ tử Phật khác hẳn. Mọi người trông thấy biểu hiện khí chất của đệ tử Phật đều rất cung kính, đồng thời cũng “*khéo làm các sự nghiệp*”.

“*Thiện tác sự nghiệp*” (Khéo làm các sự nghiệp): Có thể tăng trưởng tinh khí thiện hạnh của chánh pháp, tăng trưởng quang minh trí huệ, ý nghĩa của chúng đều như nhau.

“*Tăng trưởng đạo bỉ ngạn diệu hạnh*” (Tăng trưởng các diệu hạnh đạt đến bờ kia): Tức là Lục Ba La Mật, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, trí huệ; đầy đủ là các diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn, có thể đạt đến bờ kia thành Phật.

“*Tăng trưởng ngũ nhãn*”: Ngũ Nhãn là nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, và Phật nhãn. Từ địa vị phàm phu cho đến khi thành Phật, chúng ta đều là nhục nhãn. Hiện thời, mọi người đều là nhục nhãn. Nhục nhãn có chướng ngại, người khác dùng tay chắn ngang, quý vị sẽ chẳng thấy chi hết. Chẳng có quang minh, quý vị cũng chẳng trông thấy. Nhục nhãn có chướng ngại, chẳng thông đạt. Nhục nhãn có chướng ngại, chẳng thông suốt, còn thiên nhãn thông suốt, chẳng chướng ngại. Thiên Nhãn Thông là báo đắc (報得, do quả báo mà đạt được), có thể thấy hết thảy. Họ có thể thấy chúng ta, nhưng chúng ta chẳng trông thấy họ. Huệ nhãn chiếu soi hết thảy Tục Đế, Tục Đế là phương tiện huệ. Có huệ nhãn thì sẽ quán Tục. Loại mắt thứ tư là pháp nhãn. Pháp nhãn hiểu rõ Chân Không, [thấy thấu suốt] hai lý Tục Đế và Chân Đế. Phật nhãn chiếu hết thảy. Đối với ngũ nhãn, nay chúng ta dừng lại nơi giai đoạn

nhục nhãn. Nhưng có một số người cá biệt, do quả báo, mới sanh ra đã có thể thấy. Đó là như hiện thời gọi là “*công năng đặc dị*”. Họ có thể thấy sự vật dưới mặt đất; đây là báo đặc. Công năng thuộc loại này súc sanh cũng có. Như có những con hồ ly, chồn, [thường nói là] “*hồ hoàng liêu đậu*”, có khi là rắn, tức là bốn loại “*tiên*” hồ, hoàng, liêu, đậu (狐黃柳豆)¹⁵, còn có quý như các vị đại lực quý thần chúng ta vừa đọc trong phần trên. Họ đều có thần thông, nhưng chẳng rót ráo! Họ vẫn bị chướng ngại, chẳng có con mắt như chư thiên, [chỉ là] thấy thông suốt một chút. Đó gọi là “*báo đặc thông*” (thần thông do quả báo mà có). Chư thiên [có thiên nhãn] là do báo đặc. Huệ nhãn và pháp nhãn đều do tu được. Phật nhãn là thành tựu rót ráo. Đó là Ngũ Nhãn, chúng tôi nói giản lược đôi chút như vậy.

“*Tăng trưởng quán đánh*”: Quán đánh có rất nhiều cách giải thích. Thọ quán đánh chính là nghi thức từ Ấn Độ. Xưa kia, tại Ấn Độ, [nghi thức này] nhằm cầu gia trì đưa bé vừa mới sanh ra. [Đứa bé ấy] vốn là Thái Tử của quốc vương sanh ra, [quốc vương] bèn tìm người tu đạo. Người tu đạo không nhất định là Phật, [các tu sĩ] thuộc sáu phái ngoại đạo đều được, dùng nước bốn biển rưới lên đầu Thái Tử nhằm tiêu trừ tai nạn. Như chúng ta cầu pháp, [vị thầy truyền pháp] sẽ dùng cách xối pháp thủy lên đỉnh đầu. Hiện thời, chúng ta học cách tu theo Mật Tông, Quán Đánh là thuật ngữ chuyên biệt. Vốn có rất nhiều loại Quán Đánh (Abhiṣeka); ở đây nói là “*tăng trưởng quán đánh*” là nói theo ý nghĩa gia trì. Đây là nói về pháp quán đánh.

Khi chúng ta tu Quán, cũng phải tự mình quán đánh cho chính mình. Hoặc là quán Dược Sư Phật, hoặc quán A Di Đà Phật đang ngự trên đỉnh đầu quý vị, và gia trì, tăng trưởng cơ hội cho quý vị nhập Niết Bàn. Địa Tạng Bồ Tát gia trì, khiến cho đệ tử Phật trong bốn đại bộ châu đều có thể từ cơ sở vốn sẵn có của chính mình mà dần dần tăng trưởng. Nếu vốn là chẳng có tí gì, làm sao có thể tăng trưởng cho được? Tăng trưởng từ trên cơ sở vốn sẵn có. Nếu đã học pháp tu đạo, sẽ tăng trưởng cơ hội chúng đắc quả vị của Như Lai, hoặc là sẽ khiến cho kẻ ấy thoát

¹⁵ Đây là tín ngưỡng dân gian của người Hoa tại Đại Lục, nhất là vùng Giang Chiết, họ thờ phụng các con vật có linh tánh, có thể tu đắc thần thông, tin rằng chúng sẽ đem lại tài vận và may mắn cho người thờ. Hồ là hồ ly (cáo), Hoàng là hoàng thử lang (chồn), Liêu là rắn, Đậu là chuột. Đứng ra, có năm loại “*tiên gia*” thường gọi là “*ngũ đại tiên gia*”, hoặc “*ngũ hiển tài thân*”, thường gọi bằng danh xưng hồ tiên (cáo), hoàng tiên (chồn), bạch tiên (nhím), liêu tiên (rắn), và hôi tiên (tiên màu xám, tức chuột).

khỏi tam đồ. Sau đây, sẽ có thể sanh lên trời, hưởng thụ hạnh phúc, lại còn có thể nghe pháp.

(Kinh) Sở vị hữu danh Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú. Ngã u quá khứ Cãng Già sa đẳng Phật Thế Tôn sở, thân thừa thọ trì thử đà-la-ni, năng linh tăng trưởng nhất thiết bạch pháp, tăng trưởng nhất thiết chủng tử, căn, nha, tu, hành, chi, diệp, hoa, quả, dược cốc tinh khí, tư vị, tăng trưởng vũ trạch, tăng trưởng hữu ích địa, thủy, hỏa, phong, tăng trưởng hỷ lạc, tăng trưởng tài bảo, tăng trưởng thắng lực, tăng trưởng nhất thiết thọ dụng tư cụ. Thử đà-la-ni năng linh nhất thiết trí huệ mãnh lợi, phá phiền não tặc”. Tức thuyết chú viết.

(經)所謂有名具足水火吉祥光明大記明咒總持章句。我於過去殑伽沙等佛世尊所，親承受持此陀羅尼，能令增長一切白法，增長一切種子、根鬚、芽莖、枝葉、華果、藥谷、精氣滋味，增長雨澤，增長有益地水火風，增長喜樂，增長財寶，增長勝力，增長一切受用資具。此陀羅尼能令一切智慧猛利，破煩惱賊」。即說咒曰。

(Kinh: Có chương cú tổng trì được gọi là Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú. Trong quá khứ, con đã ở chỗ chư Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, đích thân nhận lãnh, thọ trì đà-la-ni này, [chú này] có thể tăng trưởng hết thảy các bạch pháp, tăng trưởng tinh khí và vị ngon của hết thảy hạt giống, rễ, mầm, tua, thân, cành, lá, hoa, quả, dược thảo, ngũ cốc, tăng trưởng mưa tưới nhuần, tăng trưởng hữu ích đất, nước, lửa, gió, tăng trưởng hỷ lạc, tăng trưởng của cải, tăng trưởng sức thù thắng, tăng trưởng hết thảy sự hưởng thụ vật dụng cần thiết. Đà-la-ni này có thể khiến cho hết thảy trí huệ mạnh mẽ, nhay bén, phá giặc phiền não”. Liền nói chú rằng).

Địa Tạng Bồ Tát có bài chú, chú gì vậy? Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú. “Trì” (持) là tam-muội. Địa Tạng Bồ Tát có tam-muội như vậy, nói đơn giản là Chân Ngôn, cũng chính là chú ngữ. Chú ngữ này có tên gọi là Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chú, cũng chính là Đại Minh Chú. Tâm Kinh cũng có thể gọi là Đại Minh Chú, có ý nghĩa đại quang minh, mà cũng có nghĩa là Tổng Trì. [Bồ Tát nói]: Bài chú này do

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

trong quá khứ con đã từ chỗ chur Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một cõi Phật, ở chỗ các đức Thế Tôn ấy, con đích thân tự thọ quán đảnh, đích thân lãnh thọ đà-la-ni này, tức là bài chú này, hay tam-muội này. Nếu tụng niệm bài chú này, hết thảy thiện nghiệp đều có thể tăng trưởng, hết thảy ác nghiệp đều có thể tiêu mất. Tinh khí và vị ngon của hạt giống, cho đến rễ, tua, mầm, thân, cành, lá, hoa, quả, dược thảo, ngũ cốc đều tăng trưởng, tăng trưởng mưa thấm nhuần.

“*Dược cốc tinh khí*” (Tinh khí của dược thảo, ngũ cốc) có đôi chút thần bí. Chúng ta uống thuốc, chẳng hạn như nhân sâm, đông trùng hạ thảo (caterpillar fungus), bói mẫu (fritillaria cirrhosa), linh chi (gardonema), các thứ thuốc ấy cần phải sanh trưởng hoang dại thì mới có thể bồi bổ thân thể con người khỏe mạnh, sống lâu. Các loại thực vật ấy có thể tăng trưởng bằng cách nào? Ất cần phải mưa đúng chừng mực. Trời đổ mưa tưới tắm, đặc biệt là tăng trưởng sự hữu ích của đất, nước, gió, lửa. Chẳng có sức gió, lương thực sẽ không tăng trưởng. Do sức gió nhẹ thổi, các thứ lương thực sẽ tăng trưởng nhanh chóng như dùng tay kéo lên, mọi người phải biết sức gió là như thế. Hỏa (lửa) là hơi ấm. Vì sao mùa Hạ, nhằm lúc trời mưa, [thảo mộc] tăng trưởng, mà mùa Đông nhằm lúc có tuyết, nó lại chẳng tăng trưởng? Vì chẳng đủ hơi ấm, sẽ chẳng thể tăng trưởng được!

Địa Đại có tánh chất cứng chắc. Tăng trưởng tánh chất kiên cố của địa đại, khiến cho nó đừng hư vỡ, đừng nảy sanh động đất. Tứ Đại tăng trưởng chính là tăng trưởng sự mừng vui của chúng sanh, tăng trưởng của cải cho chúng sanh, tăng trưởng sức mạnh thù thắng, tăng trưởng thọ dụng hết thảy các vật cần dùng cho đời sống. Trong phần trên đã nói “*tăng trưởng tư cụ*”, ở đây nhắc lại. Ý nghĩa của việc nhắc lại chính là do niệm bài chú này, sẽ khiến cho những thứ ấy được tăng trưởng. Bài đà-la-ni này có thể khiến cho trí huệ mạnh mẽ, nhạy bén, phá trừ kẻ giặc phiền não. Bài chú này có công đức to lớn ngàn ấy. Hồng cư sĩ sợ mọi người đọc sai bài chú này, đã chú thích âm đọc. Trong tương lai, nếu khi mọi người muốn trì tụng, sẽ lại in thêm mấy phần nữa, ai cần sẽ tặng cho người đó một bản. Tôi đọc một lượt, nếu mọi người niệm thầm theo, hoặc là tôi đọc một câu, quý vị đọc theo một câu, thì cũng coi như đã nhận lãnh rồi.

(Kinh) “Sám bồ, sám bồ, sám sám bồ, a ca xá sám bồ, phược yết lạc sám bồ, am bạt lạc sám bồ, phiệt la sám bồ, phạt chiết lạc sám bồ, a lộ ca sám bồ, đạm ma sám bồ, tát đế ma sám bồ, tát đế nật ha la sám

bồ, tỳ bà lộ ca sáp bà sám bồ, ồ ba thiêm ma sám bồ, nại dã na sám bồ, bát lạt nhạ tam mâu đễ lạt noa sám bồ, sát noa sám bồ, tỳ thấp bà lê dạ sám bồ, xá tát đa lạp bà sám bồ, tỳ a đồ tổ trá, mạc hê lệ, đạ mê, thiêm mê, chước yết lạt tế, chước yết lạt mạt hử lệ, xí lệ, tỳ lệ, yết lạt bà bạt la phạt lạt để, hê lệ, bát lạp bệ, bát lạt giá ra phạn đát nê, hạt lạt đát nê, bá ra, giá giá giá giá, hê lệ, nhị lệ, ê yết tha, thác khế, thác củ lô, thát lệ, thát lệ, nhị lệ, ma điện, đản điện, củ lệ, nhị lệ, áng củ chi đa tỳ, át lệ, kỳ lệ, ba ra kỳ lệ, củ trá thiêm mạt lệ, đôn kỳ, đôn kỳ, đôn cụ lệ, hử lô, hử lô, hử lô, củ lô tốt đô nhị lệ, nhị lý đê, di lý điện, bạng đồ đà, hát la, hê lệ, hử lô, hử lỗ lô”.

(經) 「識菡。識菡。識識菡。阿迦舍識菡。縛羯洛識菡。菴跋洛識菡。筏羅識菡。伐折洛識菡。阿路迦識菡。苜摩識菡。薩帝摩識菡。薩帝昵訶羅識菡。毗婆路迦插婆識菡。鄔波睽摩識菡。奈野娜識菡。鉢刺惹三牟底刺拏識菡。剎拏識菡。毗濕婆梨夜識菡。舍薩多臘婆識菡。毗捩荼素吒。莫醯隸。菖謎。睽謎。斫羯洛細。斫羯洛沫四隸。廁隸。諱隸。揭刺婆跋羅伐刺帝。欣隸。鉢臘薛。鉢刺遮囉飯怛泥。曷刺怛泥。播囉。遮遮遮遮。欣隸。弭隸。鷲羯他。託契。託齠盧。闍隸。闍隸。弭隸。磨綻。瘳綻。矩隸。弭隸。盎矩之多毗。遏嚧。祁嚧。波囉祁嚧。矩吒苦沫隸。敦祇。敦祇。敦具隸。澣盧。澣盧。澣盧。矩盧窳都弭隸。弭李第。彌李綻。叛荼陀。喝羅。欣梨。澣盧。澣魯盧。

(*Kinh*: 1) *Sám bồ.* 2) *Sám bồ.* 3) *Sám sám bồ.* 4) *A ca xá sám bồ.* 5) *Phược yết lạt sám bồ.* 6) *Am bạt lạt sám bồ.* 7) *Phiệt la sám bồ.* 8) *Phạt chiết lạt sám bồ.* 9) *A lộ ca sám bồ.* 10) *Đạ ma sám bồ.* 11) *Tát để ma sám bồ.* 12) *Tát để nạt ha la sám bồ.* 13) *Tỳ bà lộ ca sáp bà sám bồ.* 14) *Ồ ba thiêm ma sám bồ.* 15) *Nại dã na sám bồ.* 16) *Bát lạt nhạ tam mâu đễ lạt noa sám bồ.* 17) *Sát noa sám bồ.* 18) *Tỳ thấp bà lê dạ sám bồ.* 19) *Xá tát đa lạp bà sám bồ.* 20) *Tỳ a đồ tổ trá.* 21) *Mạc hê lệ.* 22) *Đạ mê.* 23) *Thiêm mê.* 24) *Chước yết lạt tế.* 25) *Chước yết lạt mạt hử lệ.* 26) *Xí lệ.* 27) *Tỳ lệ.* 28) *Yết lạt bà bạt la phạt lạt để.* 29) *Hê lệ.* 30) *Bát lạp bệ.* 31) *Bát lạt giá ra phạn đát nê.* 32) *Hạt lạt đát nê.* 33) *Bá ra.* 34) *Giá giá giá giá.* 35) *Hê lệ.* 36) *Nhị lệ.* 37) *Ê yết tha.* 38) *Thác khế.*

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

39) Thác củ lô. 40) Thát lệ. 41) Thát lệ. 42) Nhị lệ. 43) Ma điện. 44) Đản điện. 45) Củ lệ. 46) Nhị lệ. 47) Áng củ chi đa tỳ. 48) Át lệ. 49) Kỳ lệ. 50) Ba ra kỳ lệ. 51) Củ trá thiêm mạt lệ. 52) Đôn kỳ. 53) Đôn kỳ. 54) Đôn cụ lệ. 55) Hử lô. 56) Hử lô. 57) Hử lô. 58) Củ lô tốt đô nhị lệ. 59) Nhị lý đệ. 60) Di lý điện. 61) Bạ đồ đà. 62) Hát la. 63) Hê lệ. 64) Hử lô. 65) Hử lô (lô).

Bài Đại Minh Chú này có tất cả sáu mươi lăm câu. Niệm lần đầu đương nhiên không quen; trong tương lai, niệm nhiều lần là được. Nếu muốn trì niệm thì một ngày niệm bảy lần, cũng là đối với các điều mong cầu của Địa Tạng Bồ Tát trong phần trước, do niệm chú này, chúng ta sẽ có thể đạt được. Chú ngữ của chú này và chú Đại Bi có sức mạnh như nhau. Hàm nghĩa trong bài chú này chẳng thể giảng giải được, chúng tôi chẳng dịch được, cho nên đương nhiên cũng chẳng thể giảng!

(Kinh) Thiện thuyết năng tịnh chư hữu trần, thiện thuyết năng tịnh đầu tránh kiếp, thiện thuyết năng tịnh trược ác ý, thiện thuyết năng tịnh trược đại chủng, thiện thuyết năng tịnh trược ác vị, thiện thuyết năng tịnh trược ác khí, thiện thuyết năng mãn chư hy vọng, thiện thuyết năng thành chư giá sắc, thiện thuyết năng linh nhất thiết Phật, Như Lai Thế Tôn sở gia hộ, thiện thuyết hựu năng linh nhất thiết, Bồ Tát gia hộ nhi tùy hỷ.

(經)善說能淨諸有塵，善說能淨斗諍劫，善說能淨濁惡意，善說能淨濁大種，善說能淨濁惡味，善說能淨濁惡氣，善說能滿諸希望，善說能成諸稼穡，善說能令一切佛，如來世尊所加護，善說又能令一切，菩薩加護而隨喜。

(Kinh: Khéo nói thanh tịnh các hữu trần, khéo nói tịnh trừ kiếp đầu tránh, khéo nói tịnh trừ ý như ác, khéo nói tịnh hóa đại chủng như, khéo nói tịnh hóa vị như ác, khéo nói tịnh hóa khí như ác, khéo nói thỏa mãn các mong mỏi, khéo nói thành thực các mùa màng, khéo nói khiến cho hết thầy Phật, Như Lai Thế Tôn đều gia hộ, khéo nói lại khiến cho hết thầy, Bồ Tát gia hộ và tùy hỷ).

“Thiện thuyết” tức là đức Phật nói. Bài kệ này tán thán đức Phật, hoặc có thể nói là chư Phật khéo nói chú ngữ. Chư Phật nói bài chú ngữ này có thể thanh tịnh hết thầy các trần cấu, cũng có thể thanh tịnh kiếp đầu tránh, nay chúng ta gọi là “kiếp tranh đầu”. Người với người tranh

chấp, tập thể này đấu tranh với tập thể kia, nước này đấu đá nước kia. Hễ có đấu tranh, cho thấy thời đại này bất hảo. Niệm bài chú này có thể khiến cho chiến tranh tiêu trừ đôi chút, nhưng còn phải tùy thuộc niệm lực của chúng ta có đủ hay không. Dùng bài chú ngữ này có thể thanh tịnh ý niệm ác.

“*Thiện thuyết năng tịnh trược đại chúng*”: Hiện thời, địa, thủy, hỏa, phong vẫn đục, chẳng tuân theo quy củ, thường phát sanh thủy tai, địa đại thì có động đất, phong tai và hỏa tai đều trái thời, do bốn đại địa chúng (Tứ Đại) dấy lên đủ mọi tai ương.

“*Thiện thuyết năng tịnh trược ác vị*”: Trược ác vị tức là hoàn cảnh hiện thời rất ô nhiễm, có hương vị rất xấu. Nếu hít loại hương vị này, sẽ khiến cho thân thể chẳng khỏe mạnh, chẳng thể sống lâu được. Hai thứ khí và vị tương thông. Ngồi xe hơi rất thoải mái, lại mau chóng, nhưng mùi xăng rất khó ngửi. Đây là khí trược ác.

“*Thiện thuyết năng mãn chư hy vọng*”: Chú này có thể thỏa mãn hết thảy các mong mỏi của quý vị, hoặc là nói hết thảy chư Phật đều có thể thỏa mãn niềm hy vọng của hết thảy chúng sanh. “*Thiện thuyết*” có thể hiểu là nói rất hay. “*Thiện*” là nói rất tốt đẹp, bậc nói hay đẹp nhất vẫn là Phật. Nay Địa Tạng Bồ Tát nói chú này, chú này cũng do vô lượng chư Phật nói. Vì thế, khi trì chú này, có thể thỏa mãn các mong mỏi. “*Thiện thuyết năng thành chư giá sắc*”: Những thứ hoa màu, ngũ cốc đều có thể được mùa, chín rộ.

“*Thiện thuyết năng linh nhất thiết Phật, Như Lai Thế Tôn sở gia hộ*”: Hai câu này phải nói gộp chung. Trì chú này có thể khiến cho hết thảy chư Phật, có thể khiến cho hết thảy các đức Thế Tôn gia hộ chúng ta, khiến cho thiện nghiệp của chúng ta sớm có ngày thành tựu, sớm thành đạo nghiệp.

“*Thiện thuyết hựu năng linh nhất thiết Bồ Tát gia hộ nhi tùy hỷ*”: Không chỉ chư Phật gia hộ quý vị. Do trì chú này, cũng có thể khiến cho hết thảy các vị Bồ Tát đều chiếu cố, gia hộ, tùy hỷ quý vị. Bài kệ tụng trên đây nhằm tán tụng bài chú này!

(Kinh) Thế Tôn! Như thị Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Kỳ Minh Chú Tổng Trì Chương Cú. Ngã u quá khứ Cãng Già sa đẳng Phật Thế Tôn sở, thân thừa thọ trì thử đà-la-ni, năng linh tăng trưởng nhất thiết bạch pháp, quảng thuyết nãi chí tăng trưởng nhất thiết thọ dụng tư cụ.

(經)世尊！如是具足水火吉祥光明大記明咒總持章句。我於過去殑伽沙等佛世尊所，親承受持此陀羅尼，能令增長一切白法，廣說乃至增長一切受用資具。

(Kinh: Bạch đức Thế Tôn! Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chủ Tổng Trì Chương Cú như thế. Trong quá khứ, con ở chỗ chư Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, đích thân nhận lãnh, thọ trì đà-la-ni này, có thể khiến cho hết thấy bạch pháp tăng trưởng, nói rộng thì cho đến tăng trưởng hưởng thụ hết thấy các vật cần dùng).

Chú này có tên là Cụ Túc Thủy Hỏa Cát Tường Quang Minh Đại Ký Minh Chủ. Tổng trì chương cú này là do Địa Tạng Bồ Tát đã trải qua thời gian rất dài, ở chỗ chư Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, đích thân đối trước Phật lãnh thọ, và cũng là do Như Lai đích thân truyền dạy. Chú đà-la-ni này có thể khiến cho hết thấy các bạch pháp tăng trưởng, cho đến có thể tăng trưởng sự thọ dụng các vật cần dùng. Ai cần thọ dụng những vật cần thiết, mong cuộc sống thoải mái hơn một chút, hãy niệm chú nhiều hơn, những vật dụng cần thiết của quý vị sẽ sung túc.

(Kinh) Đại đức Thế Tôn! Thứ đà-la-ni, phổ năng tế độ thử tứ châu chữ Thế Tôn đệ tử, nhất thiết bát-sô, bát-sô-ni, ô-ba-sách-ca, ô-ta-tư-ca, linh kỳ giai đắc tăng trưởng ức niệm, quảng thuyết nãi chí tăng trưởng nhất thiết thọ dụng tư cụ. Thứ đà-la-ni năng linh Thế Tôn cam lộ thánh giáo, xí nhiên cứu trụ, lợi ích an lạc tam giới chúng sanh.

(經)大德世尊！此陀羅尼，普能濟度此四洲渚世尊弟子，一切苾芻、苾芻尼、鄔波索迦、鄔波斯迦，令其皆得增長憶念，廣說乃至增長一切受用資具。此陀羅尼能令世尊甘露聖教，熾然久住，利益安樂三界眾生」。

(Kinh: Bạch Đại Đức Thế Tôn! Đà-la-ni này có thể tế độ trọn khắp các đệ tử của đức Thế Tôn trong bốn bộ châu, hết thấy tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, khiến cho họ tăng trưởng ức niệm, nói rộng là cho đến tăng trưởng sự thọ dụng hết thấy các vật cần dùng. Đà-la-ni này có thể khiến cho thánh giáo cam lộ của đức Thế Tôn tồn tại hưng thịnh lâu dài, lợi ích an lạc chúng sanh trong tam giới).

“*Đại đức Thế Tôn*”: Địa Tạng Bồ Tát lại tôn xưng Thích Ca Mâu Ni Phật là đại đức Thế Tôn. “*Thử đà-la-ni*” là nói đến chú ngữ này. “*Phổ năng tế độ thử tứ châu chử*” (Có thể tế độ trọn khắp trong bốn bộ châu này), các đệ tử của đức Thế Tôn bao gồm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, “*ố-ba-sách-ca, ố-ta-tư-ca*” chính là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cũng tức là xuất gia nam chúng và nữ chúng, tại gia nam chúng và nữ chúng trong Phật giáo, nói gộp chung lại là bốn loại đệ tử của đức Phật. Họ đều có thể tăng trưởng ức niệm, đắc Tổng Trì. Ưc niệm chẳng quên mất, tức là trí nhớ tăng cường. Tất cả những gì đã hấp thụ, hết thầy các pháp được nghe, sẽ chẳng quên mất, nghĩ nhớ, thọ trì. Cho đến các sự vật quý vị đã trông thấy, niệm kinh, chỉ cần đọc một lượt, bèn có thể ức niệm thọ trì, vĩnh viễn chẳng quên mất. Nếu nói rộng, hết thầy thọ dụng đều có thể thỏa mãn. Vậy thì đà-la-ni chú này sẽ khiến cho thánh giáo giống như cam lộ, phổ tế quần sanh. “*Xí nhiên*” (熾燃) là tướng mạo quang minh chói rực, giống như khi lửa cháy bùng bùng, vĩnh viễn trụ thế lâu dài, chẳng bị mất đi.

“*Lợi ích an lạc tam giới chúng sanh*”: Không chỉ là nhân gian hay cõi trời, ở đây là nói Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, chúng sanh trong tam giới là nói tới bốn bộ châu. Nay chúng ta đang thuộc Nam Thiệm Bộ Châu. Nói theo phía chúng ta, nếu chúng ta trì chú này, sẽ có thể được gia trì.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, diễn thuyết như thị Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú, thời Khư La Đế Da sơn phổ giai chấn động, câu-chi thiên nhạc bất cổ tự minh, vũ vô lượng chủng thiên diệu hương, hoa, cập trân bảo đẳng. Nhất thiết chúng hội hàm tất kinh được, giai hoạch hy kỳ, đắc vị tăng hữu.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩，演說如是大記明咒總持章句，時佉羅帝耶山普皆震動，俱胝天樂不鼓自鳴，雨無量種天妙香華及珍寶等。一切眾會咸悉驚躍，皆獲希奇，得未曾有。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát diễn nói Đại Ký Minh Chú Tổng Trì Chương Cú như thế, khi đó, núi Khư La Đế Da thấy đều chấn động, câu-chi nhạc trời không ai tấu mà tự vang ra tiếng, tuôn vô lượng thứ hương, hoa màu nhiệm và các trân bảo cõi trời v.v... Hết thấy đại chúng trong hội thấy đều kinh ngạc, hớn hở, đều đạt được sự hiếm lạ, đạt được điều chưa từng có).

Khi nói chú ngữ này, nẩy sanh sáu loại chấn động. Đạo tràng ấy là nơi thuyết pháp, đại địa chấn động. Còn có ức nhạc khí của chư thiên trên hư không, trống không ai gõ, chuông không ai thỉnh, tự mình vang ra tiếng. Lúc đang nói chú ngữ này, còn có vô lượng hương, hoa, và trân bảo mâu nhiệm của cõi trời giống như mưa tuôn, rơi xuống núi Khur La Đê Da. Đại chúng tham dự pháp hội, kể các vị đại Bồ Tát “*hàm tát kinh được*” (thầy đều kinh ngạc, hớn hờ), “*kinh*” ở đây chẳng phải là sợ hãi, mà là vui mừng hớn hờ. “*Thán*” có nghĩa là quá hiếm lạ, quá khó có, ai nấy đều có tâm tình hiếm lạ, chẳng thể nghĩ bàn như thế. “*Đắc vị tăng hữu*”: Trước nay, chưa hề trông thấy. Ngay trong lúc đó, có một nhóm thiên nữ từ chỗ ngồi đứng dậy.

(Kinh) Thời, chúng hội trung hữu Đại Cát Tường thiên nữ, Cụ Đại Cát Tường thiên nữ, Đại Trì Diệu Âm thiên nữ, Đại Kiên Cố thiên nữ, Cụ Đại Thủy thiên nữ, Phóng Đại Quang thiên nữ nhi vi thượng thủ, tổng hữu nhất vạn bát thiên thiên nữ, tứ đại chủng, giai đắc tự tại, tùng tòa nhi khởi, khể thủ Phật túc, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Hy hữu đại đức! Thập kỳ Thế Tôn! Ngã đẳng tuy tứ đại chủng, đắc tự tại chuyển, nhi bất năng tri thị tứ đại chủng sơ, trung, hậu tướng, sanh diệt vi thuận. Như thị Đại Sĩ, dĩ đắc vi tế thậm thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, năng thiện liễu tri thị tứ đại chủng sơ trung hậu tướng, sanh diệt vi thuận”.

(經)時，眾會中有大吉祥天女、具大吉祥天女、大池妙音天女、大堅固天女、具大水天女、放大光天女而為上首，總有一萬八千天女，於四大種，皆得自在，從座而起，稽首佛足，合掌恭敬，而白佛言：「希有大德！甚奇世尊！我等雖於諸四大種，得自在轉，而不能知是四大種初中後相，生滅違順。如此大士，已得微細甚深般若波羅蜜多，能善了知是四大種初中後相，生滅違順」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong đại chúng dự hội có Đại Cát Tường thiên nữ, Cụ Đại Cát Tường thiên nữ, Đại Trì Diệu Âm thiên nữ, Đại Kiên Cố thiên nữ, Cụ Đại Thủy thiên nữ, Phóng Đại Quang thiên nữ làm thượng thủ, có tất cả một vạn tám ngàn thiên nữ đều được tự tại nơi bốn đại chủng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân đức Phật, chấp tay cung kính, bạch cùng đức Phật rằng: “Hy hữu đại đức! Thật lạ lòng đức Thế Tôn! Tuy chúng con được tự tại chuyển nơi tứ đại chủng, nhưng

chẳng thể biết tướng thoạt đầu, chẳng giữa, cuối cùng, sanh, diệt, nghịch, thuận. Bậc Đại Sĩ như thế, đã đắc Bát Nhã Ba La Mật Đa rất sâu vi tế, có thể khéo hiểu rõ tướng ban đầu, chẳng giữa, cuối cùng, sanh diệt nghịch thuận của bốn đại chủng này”).

Có tất cả một vạn tám ngàn thiên nữ, ở đây, chỉ nêu một vài vị thiên nữ đứng đầu. Các thiên nữ này đều tu các pháp thuộc về bốn đại chủng, tức địa, thủy, hỏa, phong, đã đều đắc tự tại với bốn đại chủng ấy. Trong tứ đại chủng “địa, thủy, hỏa, phong”, chỉ nêu thủy và hỏa, thật ra, bao gồm cả địa và phong. Mấy vị thiên nữ ấy cùng tất cả một vạn tám ngàn vị [thiên nữ] đều từ chỗ ngồi đứng dậy.

“*Khê thủ*” nghĩa là đánh lễ, “*khê thủ Phật túc*” nghĩa là hướng về đức Phật đánh lễ. “*Hiệp chưởng cung kính*” (Chấp tay cung kính), họ muốn thỉnh giáo đức Phật. “*Nhi bạch Phật ngôn: Hy hữu đại đức!*” (Mà bạch với đức Phật rằng: “Hy hữu đại đức!”): Đức Thế Tôn rất hy hữu, rất kỳ đặc.

“*Thậm tai Thế Tôn! Ngã đẳng tuy ư chư tứ đại chủng đắc tự tại chuyển*” (Lạ thay đức Thế Tôn! Chúng con tuy được tự tại chuyển đổi với bốn đại chủng ấy): Các cô có thể tự tại đối với địa, thủy, hỏa, phong, chẳng bị địa, thủy, hỏa, phong chuyển, lại còn có thể chuyển địa, thủy, hỏa, phong.

“*Nhi bất năng tri tứ đại chủng sơ, trung, hậu tướng*” (Nhưng chẳng thể biết tướng ban đầu, chẳng giữa, và cuối cùng của bốn đại chủng): Chẳng biết tướng trạng của tứ đại chủng khi chúng mới thành hình cho đến tướng trạng khi chúng tồn tại, cho đến tướng trạng khi chúng hủy diệt, cũng tức là đối với ba tướng sơ, trung, hậu, chẳng biết “*sanh, diệt, vi, thuận*” (sanh, diệt, trái nghịch, tùy thuận) của bốn đại chủng ấy. Họ chẳng có cách nào nắm vững! Địa Tạng Bồ Tát liễu giải sâu xa bốn đại chủng như vậy, đã đạt được Bát Nhã Ba La Mật Đa rất sâu, đã đạt được trí huệ rất sâu đối với bốn đại chủng. Các thiên nữ hướng về đức Phật thỉnh vấn, đức Phật sẽ dạy cho họ.

(Kinh) Phật ngôn: - Như thị, như thị, thiên nữ! Thử thiện nam tử, dĩ đắc vi tế thậm thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, năng thiện liễu tri thị tứ đại chủng sơ, trung, hậu tướng, sanh, diệt, vi, thuận. Thiên nữ đương tri, như như ý châu, cụ túc chúng đức, năng vũ chủng chủng thượng diệu trân bảo, thí chư chúng sanh. Thử thiện nam tử diệt phục như thị, năng vũ chủng chủng Giác Chi trân bảo, thí chư chúng

sanh. Như bảo châu chử, chủng chủng trân bảo sung mãn kỳ trung. Thử thiện nam tử diệt phục như thị, thành tựu chủng chủng Giác Chi trân bảo.

(*經*)佛言：「如是，如是，天女！此善男子，已得微細甚深般若波羅蜜多，能善了知是四大種初中後相，生滅違順。天女當知，如如意珠，具足眾德，能兩種種上妙珍寶，施諸眾生。此善男子亦復如是，能兩種種覺支珍寶，施諸眾生。如寶洲渚，種種珍寶充滿其中。此善男子亦復如是，成就種種覺支珍寶。」

(*Kinh: Đức Phật dạy: - Đúng thế, đúng thế, này thiên nữ! Vị thiện nam tử này đã đắc Bát Nhã Ba La Mật Đa vi tế rất sâu, có thể khéo biết rõ tướng ban đầu, chặng giữa, cuối cùng và tướng sanh, diệt, trái nghịch, thuận theo của bốn đại chủng ấy. Thiên nữ nên biết, như châu Như Ý có đủ các đức, có thể tuôn ra các thứ trân bảo thượng diệu thí cho các chúng sanh. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, có thể tuôn các thứ trân bảo Giác Chi thí cho các chúng sanh. Như bờ bãi báu, các thứ trân bảo đầy ắp trong đó. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, thành tựu các thứ trân bảo Giác Chi).*

“*Phật ngôn: Như thị, như thị*” (Đức Phật nói: - Đúng thế! Đúng thế): Các cô nói hay lắm! “*Thử thiện nam tử*” là nói tới Địa Tạng Bồ Tát, vì Ngài đã đắc Bát Nhã Ba La Mật Đa vi tế rất sâu, đã đạt được Trí Huệ Ba La Mật rốt ráo, cho nên có thể liễu giải bốn đại chủng. Đối với tướng “*sanh diệt vi thuận*” của “*tứ đại chủng sơ, trung, hậu tướng*”, như thế nào được coi là thuận? Như thế nào được coi là “*vi*” (違, trái nghịch)? Trái nghịch tứ đại chủng, tứ đại chủng sẽ sanh khởi tác dụng tương phản. Thuận theo tứ đại chủng, tứ đại chủng sẽ khiến cho các vật dụng cần thiết trong đời sống của quý vị sung túc. Trái nghịch tứ đại chủng, không chỉ là chẳng thể tạo điều tốt lành cho quý vị, mà ngược lại còn gây nên họa hại. Chẳng hạn như tướng trạng của địa, thủy, hỏa, phong khi mới hình thành cho đến tướng trạng khi chúng tồn tại, và tướng trạng khi chúng hủy diệt, tứ đại chủng sẽ mang đến tai họa cho chúng ta, nhưng nó cũng đem lại hết thảy cát tường. Chẳng có tứ đại chủng, sẽ chẳng có cách nào sống sót, phải nắm vững cả hai phương diện trái nghịch và tùy thuận chúng.

“*Thiên nữ đương tri*” (Thiên nữ nên biết): Đức Phật bảo một vạn

tám ngàn thiên nữ: Các vị phải biết tình huống thuận nghịch của bốn đại chủng ấy. Do Địa Tạng Bồ Tát đã nắm vững, nên giống như Như Ý Bảo Châu mà Ngài cầm trong tay. Nó có đầy đủ các đức, khiến cho bốn đại chủng tạo lợi ích cho chúng sanh, khiến cho Địa Đại sanh ra các thứ trân bảo thượng diệu, dùng đó để bố thí chúng sanh. Vị thiện nam tử ấy cũng giống như thế, tức là Địa Tạng Bồ Tát cũng có thể làm như vậy.

“Năng vũ chủng chủng Giác Chi trân bảo, thí chư chúng sanh” (Có thể tuôn ra các thứ trân bảo Giác Chi thí cho các chúng sanh): Ở đây là Pháp Bố Thí, chẳng phải là dùng trân bảo thế gian để hình dung Địa Tạng Bồ Tát. Ngài thị hiện đủ thứ chủng loại, tùy theo từng loại mà giáo hóa, khiến cho họ giác ngộ. Thiên nữ hướng về đức Phật thỉnh vấn, đức Phật trả lời, tán thán các thứ công đức của Địa Tạng Bồ Tát, đặc biệt là tứ đại chủng, đối với tướng ban đầu, chặng giữa, và cuối cùng của địa, thủy, hỏa, phong, hết thảy quá trình chuyên hóa, Địa Tạng Bồ Tát đều biết sâu xa đúng như thật. Đồng thời, đức Phật bảo các thiên nữ, công đức của vị thiện nam tử ấy giống như Như Ý Bảo Châu.

Như Ý Bảo Châu mang ý nghĩa tỷ dụ. Từ Như Ý Bảo Châu, có thể sanh ra các thứ châu báu thỏa mãn ước nguyện của chúng sanh. Vị thiện nam tử ấy có thể đúng như thật liễu tri hết thảy các pháp, mà cũng có thể xứng tánh liễu tri. Do vậy, Ngài có thể tuôn ra các thứ trân bảo thượng diệu.

“Trân bảo thượng diệu” là nói hình dung, [hàm nghĩa] có thể nói hết thảy các pháp cho hết thảy chúng sanh, khiến cho chúng sanh nghe pháp được khai ngộ, ý giải (意解, thấu hiểu ý nghĩa chân thật), miễn trừ khổ nạn.

“Thử thiện nam tử, diệc phục như thị” (Vị thiện nam tử này cũng giống như thế): Địa Tạng Bồ Tát cũng có thể lợi ích chúng sanh giống như Như Ý Bảo Châu, tuôn ra hết thảy các thứ báu. Các thứ báu do Ngài tuôn ra chẳng phải là bảo châu trong thế gian, mà là pháp bảo khiến cho hết thảy chúng sanh có thể giác ngộ, có thể nghe pháp mà ý giải. Dùng trân bảo thí cho các chúng sanh, giống như trong bãi châu báu sanh ra các thứ châu báu. Vị thiện nam tử này chứa đựng hết thảy các pháp từ vô lượng kiếp tới nay, hết thảy châu báu do đã nghe pháp rồi tích trữ, Địa Tạng Bồ Tát có công đức nhiều dường ấy.

(Kinh) Như thiên Ba Lợi Chất Đa La thụ, chúng diệu hương, hoa chi sở nghiêm sức. Thử thiện nam tử diệc phục như thị, chủng chủng vi diệu Phật pháp trân bảo nhi tự trang nghiêm.

(經)如天波利質多羅樹，眾妙香華之所嚴飾。此善男子亦復如是，種種微妙佛法珍寶而自莊嚴。

(*Kinh*: Như cây Ba Lợi Chất Đa La cõi trời được trang hoàng bằng các thứ hương, hoa màu nhiệm. Vị thiện nam tử này cũng giống như vậy, dùng đủ loại trân bảo Phật pháp vi diệu để tự trang nghiêm).

“*Như thiên Ba Lợi Chất Đa La thụ*” (Như cây Ba Lợi Chất Đa La cõi trời): Thiên Ba Lợi Chất Đa La Thụ (Pārijātaka) là cây báu chỉ riêng trời Đê Thích mới có. Loại cây báu này không giống như [các thứ cây có] cành, lá, hoa, quả [thông thường] của chúng ta, nó do hết thảy châu báu kết hợp thành. Thiện nam tử này giống như cây Ba Lợi Chất Đa La cõi trời, trọn đủ hết thảy trân bảo, lại còn trọn đủ hết thảy Phật Bảo, dùng hết thảy Pháp Bảo để trang hoàng. Những pháp bảo nào vậy? Chính là trân bảo Phật pháp vi diệu, lại còn trang nghiêm. Đức Phật thuyết pháp luôn luôn là vận dụng tỷ dụ trước, sau đấy mới thuyết pháp. Pháp và thí dụ hai đằng nói gộp chung. Chỉ vì sợ mọi người không hiểu rõ pháp, cho nên nói tỷ dụ trước. Những thứ châu báu và cây báu đều là tỷ dụ, hình dung Địa Tạng Bồ Tát dùng hết thảy các pháp để trang nghiêm.

(*Kinh*) Như sư tử vương, nhất thiết súc thú vô năng kinh phục. Thử thiện nam tử diệt phục như thị, nhất thiết chúng sanh vô năng kinh phục.

(經)如師子王，一切畜獸無能驚伏。此善男子亦復如是，一切眾生無能驚伏。

(*Kinh*: Như sư tử chúa, hết thảy các loài thú chẳng thể không kinh sợ, khuất phục. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, hết thảy chúng sanh chẳng thể không kinh sợ, kính phục).

“*Năng tột phục nhất thiết*” có nghĩa là có thể hàng phục hết thảy, giống như trong các loài thú, sư tử chúa có thể dẹp tan các loài thú. Đây là dùng chuyện mọi người đều thấy, đều thừa nhận trong thế gian để hình dung Địa Tạng Bồ Tát trọn đủ các pháp công đức.

(*Kinh*) Thí như lãng nhật, năng diệt thế gian nhất thiết hôn ám. Thử thiện nam tử diệt phục như thị, năng diệt nhất thiết chúng sanh

ác kiến, vô minh hôn ám. Thí như minh nguyệt, u dạ phần trung, năng thị nhất thiết tất đạo chúng sanh bình thân chánh lộ, tùy kỳ dục vãng, giai linh đắc chí. Thử thiện nam tử diệt phục như thị, u vô minh dạ, năng thị nhất thiết mê tam thừa đạo, trì sinh sanh tử khoáng dã chúng sanh tam thừa chánh lộ, tùy kỳ sở ưng, phương tiện an lập, linh đắc xuất ly.

(經)譬如朗日，能滅世間一切昏暗。此善男子亦復如是，能滅一切眾生惡見、無明昏暗。譬如明月，於夜分中，能示一切失道眾生平坦正路，隨其欲往，皆令得至。此善男子亦復如是，於無明夜，能示一切迷三乘道，馳騁生死曠野眾生三乘正路，隨其所應，方便安立，令得出離。

(Kinh: Ví như mặt trời rạng ngời có thể diệt hết thảy tối tăm trong thế gian. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, có thể diệt ác kiến vô minh tối tăm của hết thảy chúng sanh. Ví như trăng sáng trong đêm tối, có thể chỉ con đường chánh đáng bằng phẳng cho hết thảy chúng sanh lạc đường, họ muốn tới đâu đều đến được. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, trong đêm tối vô minh, có thể chỉ bày đường chánh tam thừa cho hết thảy chúng sanh mê mất đạo tam thừa, chạy quàng trong đồng hoang sanh tử. Tùy theo căn tánh đáng nên độ mà dùng phương tiện an lập, khiến cho họ được thoát lìa).

“Thí như lãng nhật, năng diệt thế gian nhất thiết hôn ám” (Ví như mặt trời rạng rỡ có thể diệt hết thảy tối tăm trong thế gian): “Lãng nhật” (朗日) có nghĩa là mặt trời chẳng bị mây che phủ, là vàng thái dương rạng ngời, trừ khử hết thảy tối tăm. Nơi cõi Phật mà Địa Tạng Bồ Tát đang ngự, Ngài ở bất cứ nơi đâu, đều có thể khiến cho hết thảy chúng sanh miễn trừ đau khổ tối tăm, cũng có thể trừ diệt ác kiến, mê muội, vô minh phiền não của hết thảy chúng sanh, giống như trăng sáng trong đêm tối, có thể khiến cho người lạc đường tìm được đường lối, chúng sanh chẳng thấy lối có thể đến được nơi đường sá bằng phẳng.

“Tùy kỳ dục vãng, giai linh đắc chí” (Tùy họ muốn tới nơi đâu đều đến được): Dưới ánh trăng soi tỏ, người đó muốn đi lại, sẽ chẳng lạc vào ngõ rẽ. Vị thiện nam tử ấy là nói Địa Tạng Bồ Tát, “diệt phục như thị” (cũng giống như thế), tức là cũng giống như vàng trăng sáng chỉ bày cho chúng sanh một con đường quang minh chánh đại. “U vô minh dạ, năng thị nhất thiết mê tam thừa đạo trì sinh sanh tử khoáng dã chúng

sanh” (Trong đêm tối vô minh, có thể chỉ cho hết thảy chúng sanh mê mất đường tam thừa, chạy quàng trong đồng hoang sanh tử): Đêm tối vô minh chính là chúng ta đang lạc lối trong nẻo sanh tử. Địa Tạng Bồ Tát có thể khiến cho chúng ta thoát ra. “*Tam thừa*” là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Tam thừa đạo quả tuy chưa phải là rốt ráo, nhưng quý vị có thể liễu sanh tử. Những điều này đều là tỷ dụ, sánh ví: Khi Địa Tạng Bồ Tát lợi ích chúng sanh, có thể thuận theo mong cầu của chúng sanh, dùng đủ mọi phương tiện an lập, khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích, được thoát lìa.

(Kinh) Thí như đại địa, nhất thiết chủng tử, thụ sơn, giá sắc, địa thân chúng sanh chi sở y chỉ. Thử thiện nam tử, diệc phục như thị, nhất thiết thù diệu Bồ Đề phần pháp chi sở y chỉ.

(經)譬如大地，一切種子，樹山，稼穡，地身眾生之所依止。此善男子，亦復如是，一切殊妙菩提分法之所依止。

(Kinh: Ví như đại địa là chỗ nương tựa cho hết thảy các hạt giống, cây cối, núi non, hoa màu, chúng sanh có thân thể cấu tạo từ Địa Đại. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, là chỗ y chỉ của hết thảy các pháp Bồ Đề phần thù thắng, nhiệm màu).

Ví như đại địa, hết thảy các hạt giống, cây cối, núi rừng, hoa màu, các thứ ấy đều phải nương cây đại địa để sanh trưởng. Nếu chúng sanh muốn thoát lìa các khổ nạn, phải nương cây Địa Tạng Bồ Tát thì mới có thể đạt được Pháp Thân. Vị thiện nam tử này cũng có công đức như thế, làm chỗ nương cậy cho hết thảy các pháp Bồ Đề Phần thù thắng, nhiệm màu. Bồ Đề Phần là đạo giác ngộ. Đạo giác ngộ rất nhiều. Pháp Tướng thường nói là ba mươi bảy đạo phẩm, mà cũng là Bát Chánh Đạo, Thất Giác Chi, Ngũ Căn, Ngũ Lực, [Tứ Niệm Xứ], Tứ Chánh Cần, và Tứ Như Ý Túc. Ở đây, nói tổng quát để hình dung các công đức của Địa Tạng Bồ Tát được đức Phật tán thán. Ngài có các công đức ấy, không chỉ là ban bảy báu thế gian cho chúng sanh, mà còn ban bố pháp tài.

(Kinh) Thí như đại bảo Diệm Cao sơn vương, thiện trụ kiên cố, vô khuyết, vô khích. Thử thiện nam tử, diệc phục như thị, thiện trụ nhất thiết bất cộng Phật pháp, do bất khí xả chư chúng sanh cố, danh vi vô khuyết, nhất thiết thiện căn giai thiện thí dữ chư chúng sanh cố,

đanh vi vô khích. Thí như hư không, nhất thiết chúng sanh giai sở thọ dụng. Thử thiện nam tử, diệc phục như thị, nhất thiết chúng sanh giai sở thọ dụng. Thử thiện nam tử, thành tựu như thị đẳng vô lượng vô biên chư công đức pháp.

(經)譬如大寶妙高山王，善住堅固，無缺無隙。此善男子，亦復如是，善住一切不共佛法。由不棄舍諸眾生故，名為無缺，一切善根皆善施與諸眾生故，名為無隙。譬如虛空，一切眾生皆所受用。此善男子，亦復如是，一切眾生皆所受用。此善男子，成就如是等無量無邊諸功德法」。

(*Kinh: Ví như núi chúa đại bảo Diệu Cao, khéo trụ kiên cố, chẳng thiếu khuyết, chẳng có kẽ hở. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, khéo trụ trong hết thảy Phật pháp bất cộng. Do chẳng vứt bỏ các chúng sanh, nên gọi là “chẳng thiếu khuyết”. Hết thảy các thiện căn đều khéo thí cho các chúng sanh, nên gọi là “chẳng có kẽ hở”. Ví như hư không, hết thảy chúng sanh đều thọ dụng. Vị thiện nam tử này cũng giống như thế, hết thảy chúng sanh đều được thọ dụng. Vị thiện nam tử này đều thành tựu vô lượng vô biên pháp công đức như thế đó).*

Đức Phật trọn đủ “bất cộng Phật pháp”. Tứ Vô Úy là bất cộng. Có tất cả mười tám pháp Bất Cộng. [Đức Phật] có đủ mười tám pháp Bất Cộng, [tức là các pháp] chẳng cùng chung phạm phu, Nhị Thừa cũng chẳng có [các pháp ấy]. Thật ra, hàng đại Bồ Tát đều trọn đủ. Địa Tạng Bồ Tát chẳng vứt bỏ hết thảy chúng sanh, còn chúng ta thì không được. Ngay cả đối với con cái của chính mình, nếu chúng nó chẳng hiếu thuận, hoặc chẳng nghe lời bèn bỏ mặc. Trong vòng bạn bè, hơi có tí gì chẳng vừa ý, sẽ vứt bỏ, hoặc là đối với một loài chúng sanh ác nào đó, chúng ta sẽ cảm thấy chán ghét.

Khi ở nơi đâu, cũng phải chọn lựa chỗ tốt đẹp nhất. Điều ấy cũng mang ý nghĩa “vứt bỏ”. Đối với lục thân quyến thuộc, chúng ta đều muốn thân cận hơn với những kẻ được coi là tốt đẹp hơn một chút, chẳng xấu xa, chẳng quấy nhiễu. Nếu nhìn theo quan điểm của Bồ Tát, càng là hạng chúng sanh [xấu xa như vậy], các Ngài càng [độc lòng] hóa độ. Chúng sanh tệ hại nhất là chúng sanh trong địa ngục, Địa Tạng Bồ Tát vào địa ngục để độ các chúng sanh ấy. Vì thế, Ngài hóa độ chúng sanh chẳng có lúc nào ghét bỏ, thậm chí những chúng sanh tạo tội Ngũ

Nghịch, Thập Ác, Ngài luôn nghĩ trọn hết mọi phương pháp để hóa độ, khiến cho họ có thể gieo thiện căn bậc thượng, có thể học tập Phật pháp, có thể xuất ly. Chỉ cần có chút kẽ hở nào, Ngài đều có thể thâm nhập dạy bảo, chẳng để chúng sanh bị đọa lạc. Giống như gì? Giống như hư không. Hư không bình đẳng lợi ích chúng sanh, ai cũng đều có thể qua lại, nó trọn chẳng tiếc rẻ. Chúng ta sống trong hư không. Địa Tạng Bồ Tát đối đãi hết thảy chúng sanh như hư không, thỏa mãn hết thảy mong cầu của chúng sanh, hết thảy chúng sanh đều có thể thọ dụng.

Địa Tạng Bồ Tát thành tựu vô lượng vô biên pháp công đức như đức Phật đã tán thán. Vì sao đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát như vậy? Vì Ngài muốn nói Đại Tập Thập Luân của Phật. Vì tán thán Địa Tạng Bồ Tát, sẽ khiến cho cái tâm tín ngưỡng của mọi người đối với Địa Tạng Bồ Tát tăng trưởng mạnh mẽ. Chỉ cần nghe danh hiệu Địa Tạng, sẽ nảy sanh một loại cảm giác thù thắng, cảm giác thân thiết, cảm giác mong cầu, tức là mong cầu Địa Tạng Bồ Tát, vì Địa Tạng Bồ Tát có thể khiến cho ta lìa khổ, được vui. Do vậy, đối với hết thảy nguy nan, đều có thể cầu Địa Tạng Bồ Tát.

Có các đạo hữu cảm thấy chính mình nguyện nhiều quá, hoặc quá đông dài, hoặc là cầu thứ này, lại cầu thứ kia, [thắc mắc]: “Chẳng biết Địa Tạng Bồ Tát có phiền chán hay không?” Có người đã hỏi tôi như vậy. Tôi đáp: “Kinh Địa Tạng đã chỉ ra, dầu quý vị có trăm ngàn vạn ức mong cầu nhiều ngàn ấy, Địa Tạng Bồ Tát cũng chẳng phiền chán. Nhưng có điều, quý vị phải chí tâm. Hễ chí tâm thì sẽ có thể tương ứng. Nếu quý vị chẳng chí tâm, sẽ chẳng đạt được chi hết!” Đó gọi là “*pháp nhân duyên*”; hễ gặp nhân duyên, nó sẽ sanh khởi. Địa Tạng Bồ Tát muốn ban bố trợ duyên cho chúng sanh, thành tựu chúng ta, khiến cho chúng ta lìa khổ, được vui, nhưng chúng ta chẳng có cái nhân ấy.

Địa Tạng Bồ Tát gia trì trọn khắp, nhưng trong số hơn sáu mươi ức người trên quả địa cầu này, chỉ sợ có quá nhiều người chưa hề nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Dầu được nghe danh hiệu, cũng chẳng sanh khởi cái tâm tin ưa, chẳng cầu Ngài, mà cũng chẳng có nguyện vọng ấy. Chẳng có nhân duyên ấy, làm sao có thể đạt được? Ngay cả danh hiệu còn chẳng được nghe mà! Do vậy, trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Địa Tạng Bồ Tát đã dạy: “*Nếu chẳng chí tâm, dầu niệm danh hiệu của ta, cũng như chẳng niệm. Dầu nghe danh hiệu của ta, chẳng được gọi là ‘được nghe’, cũng giống như chẳng được nghe*”. Hàm ý: Quý vị chẳng kiến lập nhân duyên với Địa Tạng Bồ Tát. Tuy nghe danh hiệu Ngài, quý vị chẳng có tâm tin ưa chi hết, chẳng cảm thấy

Ngài sanh ra lợi ích gì cho quý vị. Do vậy nói là “*chẳng được gọi là nghe thấy*”. Dầu được nghe mà giống như chẳng nghe! Bất luận Ngài có công đức nhiều dường ấy, lợi ích trọn khắp hết thấy, nếu như [người nghe] chẳng sanh khởi tâm tin ưa, cho đến chẳng thể chí tâm, vậy thì hoàn toàn chẳng có công đức hay sao? Chẳng phải vậy! Tuy được nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, hoặc là bái sám mà chẳng chí tâm, ngay cả chí tâm bậc hạ hạ cũng chẳng có, quý vị chỉ gieo viển nhân. Công đức đã gieo xuống, chúng tử đã gieo xuống, [mai sau] quý vị sẽ lại gặp gỡ, sẽ sanh khởi cái tâm tin ưa, lại sanh khởi tâm tinh tấn, dần dần cũng sẽ thành thực!

Như mọi người sở dĩ có thể bái sám như vậy, đều chẳng phải là một đời, hai đời, mà là do nhân duyên đã kết trong nhiều đời. Từ nay về sau, càng có thể tăng trưởng, đời này quý vị có thể lia khô, được vui, chính mình đối với Phật pháp có chỗ liễu ngộ, phải thường nên chú ý vấn đề như vậy. Đã gặp nhân duyên, quý vị nhất định phải gánh vác. Bất luận khổ hay vui, nhân duyên đã chín muồi, nay quý vị tiếp nhận, phải gánh vác. Cái gì đã qua, chẳng có nhân duyên, hãy buông xuống, đó gọi là “*giải thoát*”. Khi gặp nhân duyên, hãy nên tự mình nhận lãnh quả báo. Quý vị chẳng mong nhận lãnh, có đùn đẩy cho kẻ khác cũng chẳng được, sẽ càng tăng thêm phiền não, càng tăng thêm tai nạn. Quý vị gánh vác, [quả báo] sẽ giảm thiểu. Chuyện gì đã qua đi, hãy buông xuống, đừng nên luôn lưu luyến, tưởng nhớ, cũng tức là trong lòng mỗi người, chuyện gì đã là quá khứ, hãy để nó qua đi, vẫn cứ lưu luyến thì đối với chính mình, sẽ có tai hại hết sức to lớn. Do vậy, phải biết “*các pháp sanh bởi nhân duyên*”, hết thấy đều là giả. Địa Tạng Bồ Tát đã khai thị chúng ta một phương hướng chung. Nếu có tâm tình như thế, hiểu đạo lý này để học pháp, quý vị sẽ dễ ngộ, dễ dàng tiến nhập. Nếu không, rất khó tiến nhập!

Giảng quyền hạ của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo chính là giảng về ý nghĩa “*các pháp sanh bởi nhân duyên chính là Không*”, giảng về cảnh giới Nhất Thật. Ở đây, [chánh kinh] tán thán Địa Tạng Bồ Tát, tôi nói đại lược vài câu như thế, vì Địa Tạng Bồ Tát thành tựu công đức, chẳng phải là hạng Bồ Tát bình phàm mà mong thành tựu được! Đó là do nguyện lực của Ngài, lại còn do Ngài đã thực hiện cái nguyện ấy trong thời gian chẳng thể tính đếm được. Địa Tạng Bồ Tát đã sớm thành tựu! Trong phần trước, đức Phật đã tán thán Địa Tạng Bồ Tát, nói Bồ Tát thành tựu, phát nguyện lâu xa, dùng Di Lặc, Văn Thù, Quán Âm, Phổ Hiền để so sánh. Đây là bốn vị đại Bồ Tát mọi người quen thuộc,

hòng khiến cho chúng ta sanh khởi cảm giác thù thắng đối với Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Thời, chư đại chúng văn thuyết Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu vô lượng xưng tán công đức, giai hoạch hy kỳ, đắc vị tăng hữu, tôn trọng, cung kính, giai đại hoan hỷ, chí tâm để quán Địa Tạng Bồ Tát, mục bất tạm xả. Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết.

(經)時，諸大眾聞說地藏菩薩摩訶薩成就無量稱讚功德，皆獲希奇，得未曾有，尊重恭敬，皆大歡喜，至心諦觀地藏菩薩，目不暫舍。爾時，世尊重顯此義，而說頌曰。

(Kinh: Lúc bấy giờ, các đại chúng nghe nói Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu vô lượng công đức đáng xưng dương, tán thán, đều cảm thấy hiếm lạ, đạt được chưa từng có, tôn trọng, cung kính, đều hoan hỷ to lớn, chí tâm quán kỹ Địa Tạng Bồ Tát, mắt chẳng tạm rời. Khi ấy, để tỏ rõ nghĩa ấy lần nữa, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng rằng).

Mọi người đều cảm thấy mong cầu thật sự, “giai hoạch hy kỳ” (đều cảm thấy hiếm lạ) tức là cảm thấy thù thắng. “Đắc vị tăng hữu” là trong quá khứ chưa từng nghe nói. Đối với Địa Tạng Bồ Tát, sanh lòng tôn trọng, cung kính, sanh khởi tâm hoan hỷ to lớn. “Chí tâm để quán Địa Tạng Bồ Tát, mục bất tạm xả” (Chí tâm quán kỹ càng Địa Tạng Bồ Tát, mắt chẳng tạm rời): Quan sát đức tướng của Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát vào trong hội ấy, mọi người bèn quan sát Ngài như thế, quan sát kỹ càng đức tướng, bất luận là người tu pháp Quán Âm, hay tu pháp Văn Thù, tu Phổ Hiền Quán Pháp. Phẩm cuối cùng của kinh Pháp Hoa chính là quán Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta tu mỗi pháp đều là như thế. Ở đây, quý vị ắt cần phải quán tướng trạng của Địa Tạng Bồ Tát. Bất luận quý vị thỉnh tượng vẽ trên giấy hay tượng sứ cũng thế, cho đến tượng đúc bằng đồng, đối với bất cứ bức tượng nào, chỉ cần cảm thấy rất trang nghiêm, sanh khởi cảm giác thù thắng, quý vị hãy nên quán tướng. Quán khởi đầu từ bảo tòa của Ngài, hoặc là từ tòa hoa sen, hoặc chỉ quán từ con chó mang tên Thiện Thính ở trước tòa của Cửu Hoa Sơn Địa Tạng Bồ Tát, quán khởi đầu từ thân của con chó ấy cũng được. Tốt nhất là quán từ tòa hoa sen, Địa Tạng Bồ Tát ngồi trên hoa sen, quán quang minh của tòa hoa sen ấy, cho đến quang minh từ nơi Địa Tạng Bồ Tát

ngôi xếp bằng. Lại quan sát quang minh tỏa ra từ thân Ngài, quan sát quang minh từ nơi đầu Ngài. Quán từ dưới lên trên, thường xuyên quán tưởng như thế, sao cho vàng quang minh của Địa Tạng Bồ Tát chiếu đến đỉnh đầu quý vị, về mặt của Địa Tạng Bồ Tát nhập vào quả tim của quý vị. Nơi tim quý vị có cánh hoa sen, chính mình quán tưởng, quán tưởng cho thành thực. Trước hết là độ quý vị, sau đấy, hợp thành một với quý vị.

Quý vị quán tưởng như vậy, lại còn tụng kinh Địa Tạng, lâu ngày chày tháng, chỉ cần quý vị tác ý, Địa Tạng Bồ Tát ở ngay trong tâm quý vị, người khác trông thấy quý vị, hoặc là quý vị đang nói năng, giúp đỡ người khác, hồi hướng cho người khác, Địa Tạng Bồ Tát sẽ gia trì quý vị. Chính mình không có sức mạnh gì, nhưng do quý vị quán tưởng Địa Tạng Bồ Tát như vậy, Địa Tạng Bồ Tát sẽ vào trong thân tâm của quý vị, sức mạnh của Địa Tạng Bồ Tát sẽ hợp với quý vị làm một. Do vậy, người khác có thể đạt được lợi ích. Đại chúng tham dự pháp hội này đều là đại Bồ Tát, các Ngài thấy đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát như vậy, cảm thấy rất hiếm lạ, chưa hề nghe, cảm nhận chưa từng có. Do vậy, tôn trọng, cung kính, đều đại hoan hỷ.

Quán kỹ Địa Tạng Bồ Tát, “*mục bất tạm xả*” (mắt chẳng tạm rời), tức là mắt chẳng chớp, chuyên chú nơi một cảnh, tư tưởng đã chuyên chú. “*Mục bất tạm xả*” và “*mắt chẳng chớp*” có cùng ý nghĩa. Đức Phật sợ đại chúng dự hội chưa hoàn toàn chú ý, cho nên nhắc lại một lần nữa. Dưới đây, có tất cả hai mươi bốn bài tụng. Mỗi bài tụng là bốn câu, nhằm tán thán Địa Tạng Bồ Tát lần nữa. Nay chúng tôi đang giải thích phẩm Tự là phần phát khởi, vẫn chưa nói vào chánh văn của kinh Thập Luân. Chỉ là trước khi bắt đầu giảng bộ kinh này, Địa Tạng Bồ Tát trước hết đã tán thán công đức của đức Phật, đôi bên xướng họa, khiến cho đại chúng tham dự pháp hội sanh khởi tín tâm thanh tịnh. Đức Phật sợ đại chúng vẫn chưa nghe rõ, lại dùng thẻ tài Kê Tụng để trùng tụng một lần nữa.

(Kinh) “*Địa Tạng chân đại sĩ, cụ đồ đa công đức, hiện Thanh Văn sắc tướng, lai khế thủ đại sư.*”

(經) 「*地藏真大士，具杜多功德，現聲聞色相，來稽首大師。*」

(Kinh): “*Địa Tạng chân đại sĩ, trọn công đức trừ cầu, hiện sắc tướng Thanh Văn, đến đánh lễ Đại Sư.*”

Đây là bài tụng thứ nhất. “*Địa Tạng chân đại sĩ*”: Bậc chân đại sĩ chẳng phải là mạo nhận, cũng chẳng phải là giả. “*Chân*” có nghĩa là Ngài đã chứng đắc cảnh giới Nhất Thật, đã chứng đắc tâm Chân Như, đã chứng đắc pháp giới tánh. Chữ Chân có nghĩa như vậy đó. “*Đại sĩ*” là tôn xưng.

“*Đỗ đà*”¹⁶ có nghĩa là có thể “*trừ khử hết thảy trần cấu, có thể trừ khử hết thảy phiền não, biến hết thảy phiền não thành công đức*”. Nơi chúng ta là phiền não, nơi chư Phật, Bồ Tát là công đức. Ngài dùng điều này để độ chúng sanh. Nhưng Địa Tạng Bồ Tát thị hiện tướng Thanh Văn, vì sao Ngài thị hiện tướng Thanh Văn? Thanh Văn phải trì giới tỳ-kheo, giới tướng thanh tịnh, nhưng Ngài cũng thị hiện rất nhiều tướng, trong phần trước đã nói rất nhiều. Bất quá, trong pháp hội này, Địa Tạng Bồ Tát thị hiện tướng Thanh Văn. “*Lai kế thủ đại sư*” (Đến đánh lễ đáng đại sư), tức là hướng về đức Phật đánh lễ. Đại Sư là đức Phật tự xưng.

(Kinh) Thí chư chúng sanh lạc, cứu thoát tam hữu khổ, vũ vô lượng chủng vũ, vị cúng dường đại sư.

(經)施諸眾生樂，救脫三有苦，雨無量種雨，為供養大師。

(Kinh: Ban vui cho chúng sanh, cứu khổ khắp ba cõi, tuôn vô lượng các mưa, để cúng dường đại sư).

Thí hết thảy vui sướng cho chúng sanh. Điều này được gọi là “*dữ lạc*” (與樂, ban vui), tức là tâm đại từ bi. “*Từ*” có thể ban vui, thí cho chúng sanh hết thảy sự vui sướng. Chúng sanh đều đang ở trong khổ não, làm sao họ có thể vui sướng cho được? Chúng sanh tiêu mất khổ não thì sẽ vui sướng. Khi chúng ta đi đường vào ban đêm, chẳng có đèn chiếu sáng, nghe tiếng lạ, hơi lạ, vừa sợ quỷ, vừa sợ dã thú. Trong phần trước, [kinh văn] đã có nói: Địa Tạng Bồ Tát thị hiện quang minh giống như vàng trắng, [người đi đường] sẽ không sợ hãi, chẳng bước lầm vào ngõ rẽ. Đây chẳng phải là rất vui sướng hay sao? Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới là tam hữu chúng sanh, đều đang trong khổ nạn. “*Vũ vô*

¹⁶ Đỗ Đà (Dhuta) chính là cách phiên âm khác của chữ Đâu Đà. Do hạnh Đâu Đà nhằm trừ khử trần cấu phiền não, nên lão pháp sư nói Đỗ Đà có nghĩa là có thể trừ khử hết thảy trần cấu, có thể trừ khử hết thảy phiền não, biến hết thảy phiền não thành công đức.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

lượng vũ” chẳng phải là đồ mưa to, mà là tuôn xuống vô lượng châu báu, y phục nhiều như trời đổ mưa vậy. Vì sao? “*Vị cúng dường đại sư*” tức là để cúng dường đức Phật.

(Kinh) Thiên đế Vô Cấu Sanh, quán sát tứ phương dĩ, hiệp chưởng cung kính trụ, tán thỉnh ư đại sư.

(經) 天帝無垢生，觀察四方已，合掌恭敬住，讚請於大師。

(Kinh: Thiên đế Vô Cấu Sanh, quán sát bốn phương rồi, chấp tay, đứng cung kính, tán thán, thỉnh đại sư).

Đây là đức Phật nói trong đại hội có Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích. Ông ta thấy tất cả đại chúng từ bốn phương đến tham dự đại hội, có chút hoài nghi đối với chuyện này, mà cũng chẳng hiểu rõ ý nghĩa. Do vậy, Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích thấy mọi người trong bốn phương đều mong liễu giải, bèn chấp tay, cung kính, đứng trước đứng Phật, tán thán, xin Phật dạy cho vì sao từ trên trời tuôn xuống [các thứ cúng dường] chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Trên tay mỗi người lại có châu Như Ý. Vì sao có các tướng lạ lùng đặc biệt như vậy? Kính xin đức Phật hãy thuyết pháp.

(Kinh) Ngã kiến Thế Tôn chúng, Mạt-ni bảo quang minh, biến chiếu chư Phật quốc, vô bất giai minh liễu.

(經) 我見世尊眾，末尼寶光明，徧照諸佛國，無不皆明瞭。

(Kinh: Con thấy đại chúng này, báu Mạt-ni tỏa sáng, chiếu khắp các cõi Phật, không cõi nào chẳng rõ).

Đây là lời Vô Cấu Sanh Thiên Đế Thích hướng về đức Phật thưa thỉnh: “Con thấy [trên tay] mỗi chúng sanh đều có Mạt-ni bảo châu (như ý bảo châu). Mạt-ni bảo châu phóng quang minh, cho đến các quang minh ấy chiếu sáng các cõi nước trong mười phương. Hết thủy quốc độ đều hiển hiện như ở ngay trước mắt”, cũng có nghĩa là quang minh ấy đã chiếu rõ tướng thế gian trong các cõi Phật ấy.

(Kinh) Lục Thông chiếu thế gian, kim đương lai chí thử, dững mãnh danh Địa Tạng, hiện xuất gia oai nghi.

(經)六通照世間，今當來至此，勇猛名地藏，現出家威儀。

(*Kinh: Lục Thông soi thế gian, nay vị sắp đến đây, dũng mãnh tên Địa Tạng, hiện oai nghi xuất gia.*)

Thông thường là năm món thần thông, tức Thiên Nhĩ Thông, Thiên Nhãn Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, và Như Ý Thông; tuy vậy, ở đây còn có Lưu Tật Thông, hợp thành Lục Thông. Nay Địa Tạng Bồ Tát đến đây. “*Dũng mãnh danh Địa Tạng*” (Đáng dũng mãnh tên là Địa Tạng), ý nói: Sự nghiệp tu hành lợi ích chúng sanh của Ngài hết sức dũng mãnh, tinh tấn. Nhưng Ngài chẳng hiện thân Bồ Tát, mà hiện oai nghi xuất gia. Đây là ý nghĩa “*hội Tiểu hướng Đại*”. Vì trong hội Đại Tập này, chẳng thể tính đếm đại chúng Thanh Văn, Địa Tạng Bồ Tát hiện hình tướng Thanh Văn chủ yếu nhằm độ chúng sanh khổ não trong tam hữu, và hàng Nhị Thừa Thanh Văn còn chưa hội Tiểu hướng Đại. Do vậy, Ngài thị hiện đồng loại với họ.

(*Kinh*) *Thất Thánh Tài phục tạng, vô úy Phật âm thanh, chư Bồ Tát thắng tràng, chúng sanh chi đạo thủ.*

(經)七聖財伏藏，無畏佛音聲，諸菩薩勝幢，眾生之導首。

(*Kinh: Kho báu bảy thánh tài, tiếng Phật trọn vô úy, thắng tràng của Bồ Tát, đáng hướng dẫn chúng sanh.*)

Thất Thánh Tài có khi còn gọi là Thất Tài, tức là “bảy món của báu”. Có khi gọi là Thất Đức Tài, hay Thất Pháp Tài. Nói chung là bảy thứ thánh pháp. “*Thánh pháp*” là pháp thù thắng, bảy thứ nào vậy? Tức là Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Bố Thí, Định Huệ. Nhiếp tâm chẳng tán loạn là Định. Nhiếp tâm chẳng tán loạn, chẳng hôn trầm, bản thân điều này là một thứ của cải chẳng thể mua được, nên gọi là Tài. Món của cải này được gọi là Pháp Tài. Nhiếp tâm chẳng tán loạn, lại còn chẳng phải là không sáng suốt, lại còn có thể chiếu hết thấy các pháp, [tức là] dùng trí Bát Nhã để chiếu hết thấy các pháp. Món tài thứ bảy là Định Huệ Tài, không chỉ là chẳng tán loạn, mà còn có thể chiếu rõ hết thấy, chiếu tỏ các pháp. Những điều này được gọi là Thất Thánh Tài. Kho tàng chứa đựng Thất Thánh Tài chôn giấu kín đáo, chôn giấu ở nơi đâu? Chôn giấu trong tâm chúng sanh. Địa Tạng Bồ Tát có thể giúp chúng ta khai quật.

Hoặc có thể hiểu là Địa Tạng Bồ Tát chứa đựng bảy món Tài này. Chúng sanh chỉ cần cung kính cúng dường, chí thành, khẩn thiết lễ bái, sẽ có thể đạt được.

Món thứ nhất là Tín. “*Phật pháp chỉ có Tín là có thể nhập*”. Chẳng có Tín, sẽ không thể nhập được. Tín ắt phải hữu lực. Chẳng có sức, phước báo mà quý vị đạt được sẽ là phước báo thế gian. Nếu Tín sanh ra sức mạnh, sẽ có thể sanh khởi tác dụng. Tôi đã nói với mọi người rất nhiều lần, tối thiểu là quý vị có thể hiểu biết chính mình. Nếu sanh khởi phiền não, ngay lập tức có thể nhận biết và không chế, khiến cho phiền não ấy tiêu mất, chẳng bị phiền não xoay chuyển, tức là Tín có sức mạnh. Nhận biết ý niệm ấy không đúng, ngay lập tức liền ngưng dứt ý niệm ấy, chẳng để cho nó nối tiếp. Nhận biết tiền niệm khởi ác, bèn có thể khiến cho hậu niệm chẳng khởi lên nữa. Như thế là có sức mạnh. Bất quá, đây mới chỉ là trọn đủ tín tâm ban sơ. Nếu quý vị là người có thiện căn từ nhiều đời trong quá khứ, dẫu đời này chưa hề nghe Phật pháp, bỗng nghe người khác giảng, hoặc có ai nói với quý vị, các lỗ chân lông trên thân mở toang, cho thấy quý vị có túc thế thiện căn trong quá khứ sâu dày, vừa nghe liền có thể tiến nhập. Đó gọi là “có Tín”. Thuở đức Phật tại thế, các vị đại A La Hán nghe pháp âm của đức Phật, ngay lập tức râu tóc tự rụng, xuất gia, tâm khai, ý giải, chứng quả A La Hán, Kiên Tu thiền nào thấy đều đoạn trừ. Đây mới là thật sự trọn đủ Tín lực. Nếu chẳng có tướng cảnh giới ấy, chúng ta phải tu hành.

Muốn chúng đắc tín tâm ấy, phải tu một kiếp, cần tốn thời gian một kiếp. Chẳng hạn, dùng tiểu kiếp để tính, con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, cứ qua một trăm năm bèn giảm một chút, lại qua một trăm năm kế, giảm thêm chút nữa. Giảm cho đến khi con người chỉ thọ mười năm. Lại qua khỏi một trăm năm, tuổi thọ tăng thêm một ít. Cứ mỗi một trăm năm, lại tăng thêm [từng tuổi một. Lần lượt cho đến khi thọ tám vạn bốn ngàn năm. Chu kỳ] “một tăng, một giảm” được tính là một kiếp. Nói theo tiểu kiếp, nếu muốn đạt được tín tâm, quý vị phải tu trong một thời gian dài ngàn ấy. Quý vị cũng đừng cho là quá dài! So sánh với thọ mạng của con người, một ngày trên Tứ Thiên Vương Thiên là năm mươi năm trong nhân gian. Thọ mạng của Tứ Thiên Vương là năm trăm năm. Tầng trời thứ hai là Đao Lợi Thiên. Một ngày của Đao Lợi Thiên bằng một trăm năm trong nhân gian. Thọ mạng của Đao Lợi Thiên là một ngàn năm. Tầng trời thứ ba là Dạ Ma Thiên. Một ngày đêm trên Dạ Ma Thiên bằng hai trăm năm trong nhân gian. Thọ mạng của Dạ Ma Thiên là hai ngàn năm. Tầng trời thứ tư là Đâu Suất Thiên. Bốn trăm năm trong

nhân gian là một ngày đêm của họ. Thọ mạng của họ là bốn ngàn năm.

Hiện thời, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập diệt ba ngàn năm, chỉ mới được tám ngày trên Đạo Lợi Thiên! Do vậy, khi Đạo Tuyên luật sư được một vị trời dâng cúng, đã hỏi: “Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập diệt, nay Ngài ở chỗ nào?” Vị trời hỏi: “Thầy nói vị Thích Ca Mâu Ni Phật nào?” Mọi người hãy nghe ra hàm nghĩa trong câu hỏi đó: Có trăm ngàn ức vị Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị đang nói đến vị Thích Ca Mâu Ni Phật nào vậy? Tổ nói: “Vị Phật trong Nam Thiệm Bộ Châu này, trong thế giới Sa Bà này”. Vị trời đáp: “Con thấy Thích Ca Mâu Ni Phật còn chưa nhập diệt, Ngài đang giảng kinh”.

Chư thiên thấy khác chúng ta; do vậy, chúng ta cảm thấy rất dài, giống như sống một trăm tuổi rất lâu, nhưng so với Tứ Thiên Vương thì mới hai ngày. Một trăm năm trong nhân gian chỉ được hai ngày, tức hai ngày đêm của họ. Đối với vấn đề thời gian, mọi người hãy nên nhận thức như thế. Trong khi tu hành, dầu ta tu hai mươi bốn tiếng đồng hồ, họ thấy chỉ là chốc lát, thời gian rất ngắn ngủi. Do vậy, chư thiên thấy chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối luôn giải đãi, suốt cả trăm năm lâu lẳng, chẳng thấy quý vị tu hành. Chư thiên chẳng tiếp xúc với quý vị, họ thấy nhân gian bản thủ. Vị trời ấy xuống dâng cơm cho Đạo Tuyên luật sư, vì thấy nơi ấy là thanh tịnh. Nơi chốn người có đạo ở thì là thanh tịnh. Dùng mắt thấy rất khó, chúng ta thấy Phật đường rất thanh tịnh, rất thù thắng. Kẻ chẳng tin Phật đến nơi này, sẽ thấy rất thô lương, rất chán chường. Như các ngôi chùa lớn đều xây trong núi sâu, trọn chẳng có khói bệp của nhân gian, phải leo trèo mới lên đến nơi. Chúng ta triều bái Ngũ Đài Sơn, cảm thấy rất thù thắng. Kẻ chẳng tin, sẽ cảm thấy quá rách nát. Chúng ta thấy thân hộ pháp đương nhiên là rất trang nghiêm. Chúng ta thấy tượng đắp, đắp tạc rất trang nghiêm, bèn rất cảm động. Họ nhìn thấy, bèn thốt lên: “Ồ, cái tượng này được tạc có giá trị nghệ thuật rất cao”. Họ nhìn bằng một nhãn quan khác! Hết thấy sự vật mỗi người thấy mỗi khác.

Kho tàng chứa đựng của báu Thất Thánh Tài gồm Tín Tâm, Trì Giới, cho đến Tàm Quý, Định Huệ; đây đều là thánh tài, đáng gọi là Pháp Bảo. “*Vô úy Phật âm thanh*” (Âm thanh vô úy của Phật): Âm thanh của Phật là Tứ Vô Sở Úy, là vô lượng, là vô tận. Đây là các pháp tán thán Địa Tạng Bồ Tát, vì Địa Tạng Bồ Tát cũng trọn đủ các âm thanh của Phật. “*Chư Bồ Tát thắng tràng*” (Tràng thù thắng của các Bồ Tát): Lọng báu, tràng phan tương tự như quốc kỳ tượng trưng cho một quốc

gia. Bồ Tát là pháp tràng thù thắng, Ngài kiến lập pháp tràng, là người hướng dẫn của hết thảy chúng sanh, có ý nghĩa này. “*Chúng sanh chi đạo thủ*” nghĩa là bậc được hết thảy chúng sanh tôn kính.

(Kinh) Giải thoát bảo sở y, phước hải cụ tinh tấn, bi ý nhạo thông mãn, cứu khổ chư hữu tình.

(經)解脫寶所依，福海具精進，悲意樂聰敏，救苦諸有情。

(Kinh: Chỗ nương báu giải thoát, biển phước trọn tinh tấn, bi, ý nhạo, thông mãn, cứu khổ các hữu tình).

Hình dung giải thoát như một thứ báu. Địa Tạng Bồ Tát là chỗ nương cậy cho hết thảy các của báu giải thoát. Địa Tạng Bồ Tát là đáng chúng ta có thể nương cậy để cầu giải thoát. Chúng ta là những kẻ mong cầu của báu giải thoát, phải nương cậy Địa Tạng Bồ Tát. Sức mạnh tinh tấn, dũng mãnh tinh tấn, phước đức trí huệ đáng mong cầu của Ngài sâu rộng như biển. “*Bi ý nhạo, thông mãn*”: Bi Ý là tâm đại bi của Ngài. Bi Ý là đại thông mãn, đại trí huệ. Chúng ta luôn nghĩ Bi có thể dẹp khổ, chúng ta hy vọng Địa Tạng Bồ Tát sẽ dẹp trừ nỗi thống khổ của hữu tình, hy vọng chính mình có thể nghe pháp, có thể đắc trí huệ. “*Thông mãn*” (聰敏) có nghĩa là trí huệ, nhưng chúng ta phải kết hợp với Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát đại bi, ban trí huệ cho hết thảy chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có trí huệ. Có trí huệ thì mới có thể lìa khổ, được vui, Ngài mới đến cứu độ. Khi các hữu tình gặp khổ nạn, chúng sanh mới tin tưởng, ngưỡng mộ, mới có thể thọ trì.

Chúng ta tận lực học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, cũng có người học rất lâu, nhưng có thể là ngay cả Chiêm Sát Luân vẫn chẳng thể sử dụng được. Dầu có thể sử dụng, cũng chẳng thể tương ứng. Vì họ chẳng sanh khởi cái tâm chí thành. Tôi đã từng thưa với mọi người: Học nửa quyển đầu kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, phải xem kinh văn nhiều lượt, sau đây mới gieo Chiêm Sát Luân. Chẳng xem kinh văn mà cứ gieo, sẽ giống như gieo tiền đồng, hoặc gieo quẻ Lục Hào, chẳng thể tương ứng. Phải lễ bái, phải xưng tụng danh hiệu. Nếu chẳng tương ứng, lại lễ bái. Đây là tiêu nghiệp chướng. Bất luận tương ứng hay không tương ứng, quý vị cứ lễ bái. Khi xưng tụng thánh hiệu Địa Tạng, tội nghiệp sẽ tiêu mất.

Hết thảy Phật pháp đều dạy chúng ta một phương pháp làm thế

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

nào để lia khô, được vui. Tôi rất thiếu tiền, Địa Tạng Bồ Tát có thể thỏa mãn ước nguyện của quý vị. Đối với các thứ vật dụng cần thiết cho cuộc sống, quý vị mong có một biệt thự kiểu Tây, hãy lạy Địa Tạng Bồ Tát nhiều hơn. Quý vị mong có được xe hơi Bảo Mã (BMW), hoặc xe Bôn Tri (Mercedes-Benz), chỉ cần quý vị ưa thích, hoặc mong đạt đến mục đích, hãy lễ bái, cầu Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát sẽ có thể ban cho quý vị. Ngài không nhất định thông qua một phương cách nào nhất định để ban cho quý vị. Tại Đại Lục, có rất nhiều người hy vọng sẽ có một vị thân thích bên Mỹ từ trên trời rơi xuống để cứu họ, cho họ khá nhiều tiền, lại giúp họ mở tiệm. Có chuyện này hay không? Không chỉ là có, mà còn xác thực chẳng ít. Nhưng đây chỉ là chuyện vui sướng trước mắt, hễ đã qua rồi, sẽ chẳng còn nữa.

Cầu Địa Tạng Bồ Tát ban sự vui sướng cho quý vị hoàn toàn chẳng phải là như vậy, mà là [mong cầu] liễu sanh tử, khiến cho quý vị khai ngộ. Nếu đã thông suốt, do lạy Địa Tạng Bồ Tát, ở trong mộng, quý vị sẽ cảm nhận chuyện ấy trong tương lai có kết quả như thế nào, nhưng quý vị chẳng thể nói ra. Nếu nói ra, có thể sẽ bị thần hộ pháp trách phạt. Vì chẳng phải là quý vị chứng đắc, mà là do Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Do xưng thánh hiệu, bèn được gia trì. Trong tâm quý vị nảy sanh sự sáng suốt trong một niệm, chính mình lại che lấp sự sáng suốt ấy. Do vậy, hễ đạt được, thường là chẳng nói ra, như thế thì cái tâm của quý vị mới đạt được. Tiếp tục cầu, Ngài sẽ có thể cứu bạt nỗi khổ của quý vị, ban cho quý vị trí huệ, khiến cho quý vị hiểu rõ hết thảy.

(Kinh) Dữ bố giả vi thành, như minh nguyệt thị đạo, sanh thiện căn như địa, phá Hoặc như kim cang.

(經) 與怖者為城，如明月示道，生善根如地，破惑如金剛。

(Kinh: Thành trì cho kẻ sợ, như trăng sáng soi đường, sanh căn lành như đất, phá Hoặc như kim cang).

“Dữ bố giả vi thành” (Làm thành trì cho kẻ kinh sợ): “Khủng bố” là từ ngữ hình dung. Hiện thời không có thành trì, thành trì đều bị hủy hoại. Chiến tranh hiện thời không có tiền phương và hậu phương khác biệt. Dầu đắp tường thành cao đến mấy đi nữa, cũng chẳng ngăn được bom đạn từ không trung trút xuống, quý vị có biết hay không? Phi cơ từ trên trời giội bom xuống. “Thành” nói ở đây có ý nghĩa bất đồng. Trong

tâm chúng ta có tòa thành, tâm thành có hình dáng như thế nào? Giả sử niệm thánh hiệu Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát tạo ra một tòa thành, khiến cho quý vị chẳng hoảng sợ, chẳng có cảm giác kinh hoàng, giống như được tường thành bảo vệ.

Địa Tạng Bồ Tát giống như vàng trắng sáng soi đường cho quý vị. Đây là trùng tụng phần Trường Hàng. Trong phần trước đã nói: Khiến cho quý vị sanh khởi thiện căn chẳng dao động, giống như đại địa, vì chúng ta làm thiện sự nhưng không có cội rễ. Lúc này thì làm, có thể là lúc sau chẳng làm. Có thể làm rồi sau đó lại hối hận. Có chuyện như vậy hay không? Có chứ! Lại còn rất nhiều! Có đạo hữu phát khởi thiện tâm dũng mãnh, “*xả trách vi tự*” tức là buông xả cái nhà của mình, hoàn toàn biến thành tự viện. Về sau, ngay cả chính mình chẳng có chỗ ở, ngay cả cơm ăn cũng chẳng có, người ấy liền hối hận, nghĩ lúc ấy nên giữ lại đôi chút. Như vậy là công lao trước đó đã mất sạch! Có công đức hay không? Có thì có, nhưng vẫn chẳng thể giải thoát được! Có hối hận hay không? Có hối hận. Kinh Thập Luân chuyên giảng về vấn đề này!

Nếu chúng ta bố thí cho Tam Bảo; sau đó, đích thân thấy vị hòa thượng ấy xấu xa, quý vị bèn rất áo não, nghĩ ngợi: “Sao thuở ấy lại bố thí cho một gã hòa thượng như vậy chớ?” Nghĩ như thế, công đức chẳng còn! Bất luận ông ta như thế nào, quý vị đã cúng dường Tam Bảo, ông ta đại diện cho Tam Bảo. Thích Ca Mâu Ni Phật và Địa Tạng Bồ Tát chuyên bàn về vấn đề này. Quý vị đã cúng dường, nhân duyên chín muồi, hết thấy các chuyện quý vị đã làm đều đã xong rồi, cứ để cho nó qua đi, đừng níu kéo. Cái gì đã qua thì đã qua rồi, công đức đã thành tựu. Giống như quý vị tu hành, đạt đến bước thứ nhất, bước thứ nhất đã thành tựu, quý vị phải buông bỏ nó, ắt cần phải thực hiện bước thứ hai. Nếu quý vị cứ nắm khư khư bước thứ nhất chẳng buông xuống, sẽ chẳng thể tiến sang bước thứ hai được! Ắt cần phải buông xả thì mới có thể tiến vào bước thứ hai. Bước thứ hai đã thành tựu, cũng phải buông xả bước thứ hai, để tiến sang bước thứ ba, mãi cho đến khi rốt ráo thành tựu, hết thấy đều trọn đủ. Ngàn vạn phần đừng đã làm rồi lại hối hận.

Hễ quý vị tiên nhập thứ chi đó, đừng nên sau đó hối hận, công đức đã thành tựu. Đối phương như thế nào, chẳng ảnh hưởng gì đến quý vị. Quý vị thực hiện chuyện cúng dường Tam Bảo, cúng dường ngôi chùa ấy. Ta vừa mới cúng dường, chiến tranh bùng nổ ra, bom phá tan tành. Trong tâm quý vị áo não, nhủ thầm: “Tôi vừa mới cúng dường, sao lại bị phá hủy?” [Hãy biết] nhân duyên mới vừa cúng dường đã chín muồi, công đức đã trọn đủ. Khi quý vị cúng dường, vừa cúng dường xong là đã

thành tựu, cung điện trên cõi trời dành cho quý vị cũng đã xây xong, đạn bom chẳng thể phá hủy được, chỉ là quý vị không thấy mà thôi! Do vậy, đừng nên xét lại, vì quý vị đã tiến về trước rồi, đã trọn đủ rồi!

Nếu quý vị sanh về Dạ Ma Thiên, trọn chớ nên lưu luyến Tứ Thiên Vương và Đao Lợi Thiên, vì Dạ Ma Thiên thoáng đặng hơn Tứ Thiên Vương và Đao Lợi Thiên. Công đức và trang nghiêm khác hẳn. Nếu quý vị sanh vào thế giới Cực Lạc, vẫn nghĩ tưởng thế giới Sa Bà thì lại là chuyện khác hẳn, vì quý vị mong trở về hóa độ chúng sanh. Vì trong cõi này, hãy còn rất nhiều người hữu duyên với quý vị, họ còn chưa hiểu rõ. Cho đến khi quý vị đã hiểu rõ, quay trở về, thế giới Sa Bà đã chẳng phải là thế giới Sa Bà nữa, mà giống hệt như thế giới Cực Lạc, tùy thuộc đó là cách nhìn của ai. Địa Tạng Bồ Tát thấy địa ngục có phải là cảnh tượng địa ngục hay không? Chẳng phải! Ngài độ địa ngục. Vì thế nói: “*Sanh thiện căn như đất, phá Hoặc như kim cang*”. Hết thấy mê hoặc do trí huệ kim cang mà có¹⁷; hễ phá, hễ chiếu, sẽ chẳng còn [mê hoặc] nữa, đã hóa giải. Có quang minh trí huệ vừa chiếu đến, tối tăm còn có thể tồn tại hay không? Nếu chúng ta tắt đèn điện, nhà cửa sẽ tối tăm. Bật đèn điện lên, tối tăm bị phá trừ, bao hàm ý nghĩa như thế đó.

(Kinh) Năng thí giải thoát bảo, như thủy phiêu chúng Hoặc, phiền não nhiệt vì cái, dữ tạt như lương y.

(經)能施解脫寶，如水漂眾惑，煩惱熱為蓋，愈疾如良醫。

(Kinh: Thí của báu giải thoát, như nước trôi các Hoặc, ngăn che nóng phiền não, trị bệnh như lương y).

“*Năng thí*” là có thể bố thí. Người có thể bố thí hết sức giải thoát, có nghĩa là “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Giải thoát rất khó, vì tiền tài là thứ cần thiết cho cuộc sống. Người có trí thấy biết, dùng nó để lợi ích chúng sanh. Ất phải là bậc giải thoát thì mới chịu bố thí. Trong Lục Độ, vạn hạnh, bố thí đứng đầu. Bố thí là xả. Phải xả từ trong tâm, đừng nên chỉ chú trọng vật chất. Có thể bố thí thì mới có thể giải thoát. Khó xả nhất là thân thể của chính mình. Quý giá nhất cũng là thân thể của chính

¹⁷ Mê hoặc là do phiền não che lấp chân tánh. Mê và ngộ xét theo lý chỉ là một. Do vậy, mê hoặc có thể nói là trí huệ bị che lấp. Do bị che lấp nên trí huệ kim cang chẳng hiển lộ, biểu hiện thành mê hoặc. Do mê hay ngộ cùng một nguồn, nên nói mê hoặc sanh từ trí huệ kim cang.

mình. Hiện thời, nếu có ba người hướng về ta yêu cầu bố thí, hoặc là xin mắt, hoặc là xin tim. Hiện thời, ta chẳng thể cho họ, vì chẳng trọn đủ cái tâm xả ấy, mà cũng chưa đạt tới đạo lực ấy. Cho nên chẳng giải thoát được. Nếu là đại Bồ Tát, quý vị cầu điều gì, các Ngài đều xả cho quý vị. Ngay cả thân thể của chính các Ngài cũng đều xả, huống hồ quốc thành, vợ con? Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm đã nói: Những thứ như báu vật, các Ngài đều có thể thí xả cho hết thảy chúng sanh. Đây là giải thoát.

Hoặc nghiệp của chúng ta giống như nước cuốn trôi, đừng ngỡ nó là chân thật. Rất nhiều người chấp trước: “Nghiệp chướng của tôi nặng quá!” Thường nói ra rả như vậy thì sẽ tu chẳng thành! Hoặc là có chuyện gì chẳng đạt được, hoặc gặp phải tai nạn gì, điều đầu tiên cứ nghĩ là nghiệp chướng của chính mình rất nặng! Nghiệp chướng là Hoặc nghiệp của quý vị, khởi Hoặc, tạo nghiệp, giống như nước cuốn trôi, chẳng phải là chân thật, đừng tưởng nó là chân thật. Nếu quý vị sám hối, nghiệp chướng sẽ tiêu mất.

Đừng nghĩ nghiệp chướng của chính mình vẫn rất nặng. Nếu tận lực nghĩ Hoặc nghiệp của chính mình vẫn còn rất nặng, nếu nghĩ như vậy, nó sẽ một mực rất nặng nề, đè ép quý vị, vĩnh viễn chẳng thể giải thoát nổi! Bồ thí cũng thế, trì giới cũng thế, luôn nghĩ nghiệp chướng của chính mình nặng nề: “Ôi trời ơi! Chuyện này làm sao tôi làm nổi! Nghiệp chướng của tôi rất nặng!” Một câu “*nghiệp chướng rất nặng*” trở thành lý do để thoái thác, chớ nên! Nghiệp chướng vốn chẳng có cội rễ. Hễ Hoặc nghiệp sanh khởi, quý vị phải niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Niệm đến mức chân thành. Những pháp môn khác đều chẳng tu, thì hãy lo trì danh. Quý vị cũng chẳng niệm kinh Thập Luân, cũng chẳng niệm kinh Chiêm Sát, mà niệm thánh hiệu thì vẫn được, nhưng ắt cần phải niệm đến mức chí tâm.

Phiền não là nhiệt não. Có mấy loại nhiệt não? Do phiền não sanh ra tâm oán hận, hoặc là do suy nghĩ không thông bèn ngủ chẳng được. Càng nằm, càng mất ngủ. Càng mất ngủ, càng trần trọc, trong lòng bứt rứt khôn kham, toàn là nhiệt não. Phạm là phiền não, sẽ luôn gây bức bối, giống như đắp một cái mền bông vậy. “Cái” (盖) bao gồm Ngũ Cái và Thập Triền. Có Phiền Não Cái ngăn che quý vị. Nếu là tràng phan, bảo cái (lọng báu), tức lọng báu của Phật, đây là thánh cảnh. Còn Cái ở đây chính là phiền não. Phiền não gây bứt rứt, vằng vát cả đầu óc, khiến cho quý vị thở chẳng nổi, chẳng thông qua nổi, chẳng giải thoát nổi! Địa Tạng Bồ Tát phá trừ phiền não, giống như trừ khử nhiệt não, [giống như] giở bỏ lớp che đậy. Quý vị có bệnh, Địa Tạng Bồ Tát tựa như một vị

lượng y rất giỏi, uống một thang thuốc vào, quý vị chẳng còn bệnh tật chi nữa!

(Kinh) Nhất nhật xưng Địa Tạng, công đức đại danh văn, thắng câu-chi kiếp trung, xưng dư trí giả đức. Năng giải chư chúng sanh, nhất thiết phiền não phục, chí Kiện Hành Định đẳng, chư Định chi bỉ ngạn. Thập nhị duyên thanh tịnh, chư trí như hư không, phá vô biên Phật độ, chư hữu tình ám tu.

(經)一日稱地藏，功德大名聞，勝俱胝劫中，稱餘智者德。能解諸眾生，一切煩惱縛，至健行定等，諸定之彼岸。十二緣清靜，諸智如虛空，破無邊佛土，諸有情暗聚。

(Kinh: Một ngày xưng Địa Tạng, công đức, danh to lớn, hơn trong câu-chi kiếp, xưng danh bậc trí khác. Tháo hết thảy phiền não, đang trói buộc chúng sanh. Đạt tới Kiện Hành Định, các Định nơi bờ kia. Mười hai duyên thanh tịnh, các trí như hư không, phá tối cho hữu tình, trong vô biên cõi Phật).

Quý vị một ngày xưng danh hiệu Địa Tạng bèn trọn đủ. Khi quý vị niệm một tiếng, một tiếng trọn đủ thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Niệm mười tiếng, cũng trọn đủ công đức của mười tiếng Địa Tạng Bồ Tát. Nếu thành tâm niệm như thế, chỉ niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát trong một ngày, sẽ hơn hẳn cả kiếp xưng niệm danh hiệu của các bậc có đức khác, bao gồm cả việc xưng niệm danh hiệu của các vị đại Bồ Tát khác.

“Thập nhị duyên thanh tịnh”: Mười hai nhân duyên thuộc vào pháp Nhân Duyên: Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc, Danh Sắc lại duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu... Đây là Thập Nhị Nhân Duyên, luân chuyển như thế đó. Chỉ cần niệm thánh hiệu Địa Tạng, học theo Địa Tạng Bồ Tát, mười hai nhân duyên sẽ thanh tịnh. Các nghiệp hoặc của chúng ta, do khởi Hoặc mà tạo nghiệp, nghiệp sẽ trói buộc quý vị. Hễ bị trói buộc bèn chịu khổ. Nay chẳng tạo nghiệp, chẳng khởi Hoặc, nghiệp chẳng trói buộc quý vị được, chính mình có thể làm chủ. Không chỉ tự mình giải thoát, mà còn có thể giác ngộ hết thảy chúng sanh đang bị phiền não che phủ. Tự mình nghe pháp, còn muốn nói cho người khác. Như các đạo hữu giới thiệu rất nhiều thân hữu khiến cho họ tin Phật, nghe pháp. Đây là giúp đỡ chúng sanh giải thoát.

“*Kiên Hành Định*” là tên gọi của một môn Định trong một trăm lẻ tám loại Định, có *Kiên Hành Định*, *Kiên Đức Định*... Đây đều là tên gọi của các môn Định. Hễ có một môn Định thì sẽ có thể đạt đến bờ kia, nhưng *Cửu Thứ Đệ Định*, *Lục Dục Thiên Định* thì không được. Loại Định này (*Kiên Hành Định*) là thánh định. Thánh Định thì như trong phần sau, chúng ta sẽ nói sáu pháp là *Sổ*, *Tùy*, *Chi*, *Quán*, *Chuyển*, *Tịnh*; còn trong tông *Thiên Thai* thì là *Sổ*, *Tùy*, *Chi*, *Quán*, *Hoàn*, *Tịnh*, mang ý nghĩa “*hoàn nguyên phản tịnh*”. *Lục Diệu Môn* giảng giải ở mức độ cạn, còn *kinh Thập Luân* giảng ở mức độ sâu. Dù cạn hay sâu, chúng tôi cũng đều sẽ nói.

Sở dĩ bộ kinh này dài vì có rất nhiều phương pháp tu hành. Vì là phương pháp tu hành, chúng ta ắt cần phải làm đúng như thế. Học hiểu, sẽ có thể giải quyết vấn đề. Giải quyết vấn đề gì vậy? Trong cuộc sống hằng ngày, mỗi ngày chúng ta đều gặp rất nhiều vấn đề, trong tâm quán chiếu bất đồng, nhận thức và cảm quan của quý vị bất đồng. Quý vị ắt cần phải biết làm, ắt cần phải quán như vậy, giải quyết vấn đề ấy như thế nào? Giống như *Địa Tạng Bồ Tát* có trí huệ như thế, chúng ta vẫn chẳng đạt được.

Câu “*chư trí như hư không*” (các trí như hư không) có thể hiểu là “*hư không tức chư trí*”, mà cũng có thể nói ngược lại. Chúng ta có thể sánh ví *Không* với *Bát Nhã*. Trong *kinh Phật*, chỉ cần nói đến nghĩa *Không*, bèn dùng *hư không* để tỷ dụ. Thật ra, đây chẳng phải là *hư không*. *Hư không* có thể dung nạp hết thảy. Quý vị có trí huệ, đã phá trừ các *Hoặc*, trọn chẳng phải là tiêu diệt các *Hoặc* đó và vật chất. Nếu bình hoa là *Không*, trọn chẳng phải là đập nát nó vứt đi thì mới là *Không*, trọn chẳng phải là như vậy, mà là biết bản thể của nó là *Không*, do nhân duyên hòa hợp. Những đóa hoa [cắm trong bình đó] thoát đầu chẳng phải là sanh trưởng từ một cây hoa, mà là do người cắm hoa muốn dâng cúng hoa, bèn cắm chung một chỗ. Đối với mỗi đóa hoa, nó chứa đựng nước, có vật chất, đều là nhân duyên hòa hợp, chẳng có pháp nào là thật. Nhân duyên hòa hợp bèn sanh, nhân duyên tách rời bèn diệt. Khi duyên sanh, hãy tiếp nhận. Khi duyên diệt, hoa ấy diệt, tàn hết rồi, vậy thì hãy buông xả, chẳng còn nữa, vứt hoa đi! Đừng nên quuyến luyến, nuôi tiếc nữa, như thế đó! Gia đình cũng như thế, cha mẹ, vợ con, có nhân duyên mới tụ hội cùng nhau, mọi người đều như vậy. Tôi nói thời gian dài một chút thì là một trăm năm, cho đến khi đó, cũng phải ly tán. Đã ly tán, hãy buông xuống, đừng nên khăng khăng chấp trước. Đời này chẳng buông xả được, lại chấp vào đời sau. Đời sau lại không buông xả được, cho nên

chẳng thể giải thoát. Do vì lẽ này mới chẳng thể giải thoát. Chẳng biết các trí như hư không!

“*Phá vô biên Phật độ, chư hữu tình ám tu*” (Phá trừ sự tối tăm của các hữu tình trong vô biên cõi Phật): Chủ yếu là hết thảy chúng sanh trong vô biên cõi Phật, hắc ám tụ tập cùng một nơi. “*Ám tu*” chính là nghiệp. Nghiệp quá nhiều, phiền não, tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Giới Cấm Thủ Kiến, mười kết sử ấy kết tụ lại, khiến quý vị chẳng thoát ra được! Mười kết sử ấy sanh ra khá nhiều nghiệp, vô cùng, vô tận. Tham thì tham thứ gì, cũng đều là tham. Đối với Phật pháp, nếu quý vị thật sự có thể tiến nhập, trí Bát Nhã vừa chiếu, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, hết thảy đều là Không. Phạm là có hình, có tướng, ngôn ngữ, văn tự, đều là Giả, đều là Không. Nhưng khi chúng ta chưa đạt tới mức độ ấy, vẫn cần đến ngôn ngữ. Sau khi đã hiểu rõ văn tự thì mới phá trừ được. Trong khi chúng ta còn chưa chứng đắc cảnh giới ấy, chẳng thể lìa khỏi gia đình. Nếu chẳng cần đến gia đình, mặc kệ con thơ để đi nghe kinh thì không được rồi! Quý vị đến nghe kinh kiêu đó, sẽ chẳng đạt được lợi ích. Người ở nơi đây, tâm bản khoản nơi khác, chẳng chú tâm được! Quý vị phải nên làm gì thì hãy nên làm điều đó.

Nhưng “*thế pháp chư pháp vị, thế gian thường tương trụ*” (các pháp vị của pháp thế gian thường trụ trong thế gian). Nhất định phải hiểu đạo lý này! Do vậy, quý vị hiểu “*các trí như hư không*” thì mới có thể phá trừ hắc ám tụ (“*tu*” có nghĩa là tụ tập) của hữu tình trong vô biên cõi Phật, mới có thể tiêu trừ hết thảy các nghiệp sanh bởi nhân duyên. Địa Tạng Bồ Tát chẳng trụ trong một cõi Phật nào [nhất định], mà là trụ trong vô cùng vô tận [cõi Phật].

(Kinh) Tùy chư độ nhập Định, tứ Tĩnh Lự đẳng lưu, phổ linh chư hữu tình, nhập định trừ Hoặc nhiệt.

(經)隨諸土入定，四靜慮等流，普令諸有情，入定除惑熱。

(Kinh: Nhập Định trong các cõi, bốn Tĩnh Lự cùng nhập, khiến khắp các hữu tình, nhập Định, trừ nhiệt não).

“*Tùy chư độ nhập Định, tứ Tĩnh Lự đẳng lưu*” (Thuận theo các cõi mà nhập Định, bình đẳng nhập vào Tứ Tĩnh Lự): Tĩnh Lự có nghĩa là tư lự, hoặc Định. “*Đẳng lưu*” (等流) có nghĩa là “*bình đẳng đồng thời*”

tiến nhập”. Pháp Tứ Đế là Khô, Tập, Diệt, Đạo, bản thân của bốn pháp ấy đều là Định. “Đế” là như lý. Có thể khiến cho hết thấy hữu tình nhập Định, diệt trừ Hoặc, nhiệt não, tức phiền não, không chỉ trong đời này [mà còn...]

(Kinh) Chúng sanh tức ác nghiệp, đao binh, bệnh, cơ cấn, tùy sở tại não hại, giai năng linh giải thoát.

(經) 眾生宿惡業，刀兵病饑饉，隨所在惱害，皆能令解脫。

(Kinh: Chúng sanh tức ác nghiệp, chiến tranh, bệnh, đói kém, hề ai bị não hại, đều khiến được giải thoát).

Do nghiệp cảm của chúng sanh mà cảm vờ bão tố, lũ lụt, hỏa tai, đó là ba đại tam tai. Hiện thời, chiến tranh, nước lửa, đói kém là tiểu tam tai. Do nghiệp cảm của chúng sanh, những thứ tai nạn ấy hiện thời đặc biệt nhiều. Càng về sau càng nhiều hơn, đây mới chỉ là khởi đầu! Tôi sống hơn tám mươi năm, kể từ lúc hiểu chuyện, cảm thấy thế giới này chẳng có ngày nào tốt đẹp. Thuở ấy, miền Đông Bắc bọn thổ phỉ và quân phiệt đánh nhau, đánh xong thì Nam Bắc gây chiến. Sau đó, lại là người Nhật gây hấn. Mọi người hỏi tương xem, có ngày nào an định hay không? Đây chỉ là đao binh kiếp.

Có ai không bị bệnh? Có rất nhiều bệnh chẳng trị được. Đói kém, ôn dịch, có chỗ bị hại người ta biết, có chỗ chẳng bị hại, người khác không biết. Các thứ bệnh tật, binh đao, đói kém, mỗi thứ đều bao gồm vô lượng não hại. Quý vị vừa niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, vừa cầu Địa Tạng Bồ Tát, sẽ đều được giải thoát. Đây là đức Phật tán thán Địa Tạng Bồ Tát có công đức rất ráo rộng lớn. Quý vị có tai nạn gì, hãy cầu Ngài, sẽ đều tốt đẹp.

(Kinh) Chúng sanh ngũ thú thân, chư khổ sở bức thiết, quy kính Địa Tạng giả, hữu khổ tất giai trừ.

(經) 眾生五趣身，諸苦所逼切，歸敬地藏者，有苦悉皆除。

(Kinh: Chúng sanh trong năm đường, bị các khổ bức bách, hề quy kính Địa Tạng, các khổ thấy đều trừ).

“Chúng sanh ngũ thú thân, chư khổ sở bức thiết” (Chúng sanh thọ

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

thân trong năm đường, bị các nỗi khổ bức bách): Vốn là “lục thú”, tức lục đạo, ở đây nói là “ngũ thú”, [dường như] nói thiếu một đường. Bản thân chúng ta khi sanh mạng đã tận, quý vị sẽ tiến vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, hay người. A Tu La được gộp vào trong năm đường, có nhân Tu La, có thiên Tu La, có quỷ Tu La. Lục đạo có lúc nói thành năm đường, tức là đem Tu La đạo gộp vào trong năm đường kia. Họ chẳng phải là trời, chẳng phải là người. Hễ là chúng sanh trong năm đường, sẽ đều bị khổ nạn bức bách. Nếu quy kính Địa Tạng Bồ Tát, “*hữu khổ tất giai trừ*” nghĩa là tất cả các khổ nạn đều bị diệt trừ.

(Kinh) Chúng sanh thừa khổ luân, triển chuyển tương vi hại, quy kính Địa Tạng giả, giai trụ nhẫn từ tâm.

(經)眾生乘苦輪，展轉相違害，歸敬地藏者，皆住忍慈心。

(Kinh: Chúng sanh nương khổ luân, lần lượt nghịch hại nhau, hễ quy kính Địa Tạng, tâm đều trụ từ nhẫn).

Chúng ta nương theo các luân chẳng tốt đẹp, chúng là khổ luân, lần lượt chống trái, làm hại lẫn nhau. Nếu quy y Địa Tạng Bồ Tát, sẽ chẳng thương tổn lẫn nhau. Tôi chẳng thương tổn quý vị, quý vị cũng chẳng thương tổn tôi, đều có thể khởi tâm đại từ bi, giúp đỡ lẫn nhau. Bậc hiền nhân trước kia suy nghĩ rất hay, họ nói: “*Dân có dân trị, dân hưởng*”, nhưng ai thực hiện? Như vậy thì chẳng làm hại, chẳng trái nghịch nhau hay không? Giàu nghèo đều như nhau, mọi người cùng hưởng vui sướng. Kết quả là quý vị khổ một chút, tôi sướng một chút, đa số là tình hình như thế đó! Có ai biết nghĩ đến người khác? Toàn là nghĩ cho mình, toàn là trái nghịch, tổn hại lẫn nhau! Càng ngày càng trái nghịch, tổn hại lẫn nhau, khổ càng sâu nặng hơn, vĩnh viễn chẳng chấm dứt. Sau khi đã quy kính Địa Tạng Bồ Tát, nhiệt não trong tâm họ sẽ bình ổn, sanh khởi từ tâm.

(Kinh) Thập nhị duyên sở bố, truy cầu khổ sở y, quy kính Địa Tạng giả, giai an trụ vô úy.

(經)十二緣所怖，追求苦所依，歸敬地藏者，皆安住無畏。

(Kinh: Mười hai duyên đáng sợ, truy cầu càng khổ sở, hễ quy kính Địa Tạng, đều an trụ vô úy).

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Trong phần trước, chúng tôi đã nói về pháp thập nhị nhân duyên. Bất luận là đời quá khứ hay đời vị lai, nói chung, hễ tâm quý vị động niệm, khởi nghiệp; đấy gọi là Nghiệp Tướng. Nghiệp Tướng ấy chẳng ngưng dứt, nó sẽ chuyên biến. Sự chuyên biến ấy gọi là Chuyên Tướng. Nó là tướng cảnh giới trong tự tâm. Nghiệp Tướng, Chuyên Tướng, và Tướng Tướng (cảnh giới tướng) đã hoàn thành, bèn chấp thủ (chấp trước, nắm giữ) liên tục. Chấp trước danh tự rồi bèn khởi Hoặc, tạo nghiệp. Do vậy, khổ luân sẽ [tạo thành] bức hại lẫn nhau. Đấy là chuyện đáng sợ hãi (bố úy). Do đó, chớ nên khởi nghiệp. Chẳng tạo nghiệp, sẽ chẳng dấy Hoặc, mà cũng chẳng có kinh sợ. Sở dĩ chúng ta tạo nghiệp là do có thân thể. Thân thể cần phải ăn, cần phải mặc, đồng thời, cũng mong cầu thoải mái. Ai nấy đều mong chính mình được thoải mái. Làm thế nào để được thoải mái thì cứ làm như thế ấy, mặc kệ người khác có thoải mái hay không! “Mày cứ giúp tao thoải mái là được rồi!” Ai nấy đều tính toán như thế, tranh đoạt lẫn nhau. Càng truy cầu, cái khổ càng gần sát quý vị. Quý vị vốn theo đuổi sung sướng, nhưng càng truy cầu, càng khổ sở nhiều hơn. Mong lìa khổ, phải tu pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chúng ta pháp môn này, tức là niệm Địa Tạng Bồ Tát sẽ ổn thỏa, quý vị chẳng bị sợ hãi nữa!

(Kinh) Nhược nhạo tu chư phước, chánh niệm, giới, văn huệ, quy kính Địa Tạng giả, sở cầu giai mãn túc.

(經)若樂修諸福，正念戒聞慧，歸敬地藏者，所求皆滿足。

(Kinh: Nếu thích tu các phước, chánh niệm, giới, văn huệ, hễ quy kính Địa Tạng, sở cầu đều thỏa mãn).

Quý vị cầu phước đức, cầu trí huệ, phải sanh khởi chánh niệm. Niệm gì vậy? Niệm giới, niệm pháp. Niệm pháp là nghe pháp. Nghe pháp sẽ có thể sanh trí huệ, đấy cũng là niệm huệ. Hễ quy kính Địa Tạng Bồ Tát, Giới, Định, Huệ mà quý vị mong cầu sẽ đều được thỏa mãn, sẽ lìa khổ, được vui.

(Kinh) Nhạo nhất nhất công đức, công xảo, được, chủng tử, quy kính Địa Tạng giả, sở cầu giai mãn túc.

(經)樂一一功德，工巧藥種子，歸敬地藏者，所求皆滿足。

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

(Kinh: Ưa thích mỗi công đức, nghề khéo, thuốc, hạt giống, hễ quy kính Địa Tạng, sở cầu đều thỏa mãn).

Quý vị thích làm công đức, hoặc muốn làm thầy thuốc, làm khoa học gia, hoặc mong làm người dạy các kỹ thuật hay khéo, nhưng chẳng có trí huệ, thì sẽ chẳng làm được! Bèn cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì quý vị, ban cho quý vị trí huệ để có thể phát minh, sáng tạo. Lúc Bồ Tát mong lợi ích chúng sanh, ắt cần phải thấu hiểu Công Xảo Minh, Y Phương Minh, Nội Minh, Ngoại Minh, và Nhân Minh. Đó gọi là Ngũ Minh Bồ Tát. Bậc Bồ Tát tu Ngũ Minh thì nghề thuật thế gian sẽ đều hiểu, lại còn dùng tâm đại từ đại bi của Phật giáo để học tập. Quy kính Địa Tạng Bồ Tát sẽ có trí huệ, vừa học liền hiểu.

(Kinh) Cầu chư cốc, dược điền, nam, nữ, y, bộc sử, quy kính Địa Tạng giả, sở cầu giai mãn túc.

(經)求諸谷藥田，男女衣僕使，歸敬地藏者，所求皆滿足。

(Kinh: Cầu thóc lúa, ruộng, thuốc, con cái, áo, tôi tớ, hễ quy kính Địa Tạng, sở cầu đều thỏa mãn).

Hết thấy đều là những điều chúng ta mong cầu trong hiện tại, chẳng hạn như làm ruộng bèn mong ngũ cốc sanh trưởng tươi tốt, trồng thuốc bèn mong dược thảo sanh trưởng rất tốt. Vào núi hái thuốc thì linh chi, nhân sâm, những thứ dược liệu tôn quý, hiếm có như vậy đều đạt được. Mong mỏi có người giúp đỡ quý vị, hoặc là mong cầu y phục, tìm kẻ hầu tạn tụy. “Bộc sử” (僕使) là kẻ hầu. Quý vị mở một công ty, tìm mấy trợ thủ, công nhân, hay viên chức giỏi giang đều là rất khó! Công nhân, viên chức nào chẳng nghĩ trộm cắp, chẳng mong chinh quý vị, chẳng nghĩ làm hại quý vị? Chỉ cần quy kính Địa Tạng Bồ Tát, sở cầu sẽ đều có thể thỏa mãn.

(Kinh) Chúng đức cụ tương ứng, năng nhậm trì đại địa, nhân tư chư cốc dược, nhuận trách nhi tế nhuyễn.

(經)眾德具相應，能任持大地，因茲諸谷藥，潤澤而細軟。

(Kinh: Đủ các đức tương ứng, hay duy trì đại địa, do vậy, ngũ cốc, thuốc, tươi nhuận và mềm mịn).

Vì sao? Vì Địa Tạng Bồ Tát trọn đủ hết thảy các đức, Ngài duy trì đại địa, các thứ ấy đều sanh trưởng từ đại địa. Do vậy, các thứ ngũ cốc, được liệu đó được vun quén, sanh trưởng hết sức tươi tốt.

(Kinh) Chư phiền não sở phủ, nhạo hành Thập Ác nghiệp, quy kính Địa Tạng giả, phiền não ác giai trừ.

(經)諸煩惱所覆，樂行十惡業，歸敬地藏者，煩惱惡皆除。

(Kinh: Các phiền não che lấp, thích hành nghiệp Thập Ác, hễ quy kính Địa Tạng, phiền não ác đều trừ).

Quý vị bị những phiền não che lấp. “Phủ” (覆) là che lấp, quý vị chẳng nghĩ làm chuyện tốt, trong tâm tận lực tính làm chuyện ác. Mười ác nghiệp chính là “giết, trộm, dâm” nơi thân, “nói dối, nói thêu dệt, nói lời thô ác, nói đôi chiều” nơi miệng. Không chửi người khác, sẽ không thể nói năng được! Ất cần phải chửi người khác thì kẻ đó mới nói được. Khi tôi ở Tứ Xuyên, cảm thấy họ không chửi máng người khác sẽ không nói năng được! Trọn chẳng phải là chửi bới thật sự, trẻ con lần người già cứ mở miệng ra là “đồ con rùa nhà người”, đã thành câu cửa miệng của họ rồi! Tôi nghe nói rất khó chịu, họ bảo: “Đây là thói quen của bọn tôi, không có ý gì đâu!” Họ chẳng nói “đồ con rùa nhà người” sẽ chẳng nói được! Cứ mở miệng ra là “đồ con rùa”, dường như đã thành tật, nhưng chúng ta nghe rất chói tai, bất luận trai gái gì cũng đều nói như thế cả!

Còn có vùng Đông Bắc, thoát đầu, khi tôi còn bé, có một khu gọi là Lạp Cáp tộc, có thể là mọi người chưa từng nghe nói tới. Ngôn ngữ của họ đơn giản tới cực điểm, người trẻ tuổi gọi người lớn tuổi là “lão hỏa kế”, người lớn tuổi gọi kẻ trẻ tuổi là “tiểu hỏa kế”. Hai chữ “hỏa kế” (伙计) chẳng phải là phát âm như chữ “hỏa kế”¹⁸ trong tiếng Hán. Tôi hỏi ý nghĩa của hai chữ đó, họ chẳng có cách nào giải thích. Con gọi cha lẫn mẹ đều là “lão hỏa kế”. Cha mẹ cũng gọi con cái là “tiểu hỏa kế”. Ngôn ngữ nghèo nàn như thế đó, mong nói nhiều hơn mấy câu cũng chẳng được! Nếu quý vị biến thành tộc người đó, nói năng có khổ hay không? Có khác gì trâu, ngựa hay không? Do vậy, kinh nói “chẳng khác

¹⁸ Hỏa Kế có nghĩa gốc là những người làm công trong tiệm hoặc xưởng. Đặc biệt là bồi bàn thường được gọi là “hỏa kế”, tức “phổ ky” trong tiếng Quảng Đông.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

súc sanh, chẳng khác gỗ, đá”; kẻ chẳng hiểu Phật pháp chẳng khác gì gỗ, đá, và súc sanh, chẳng khác gì trâu, ngựa cho máy!

(Kinh) Hiện tác chủng chủng thân, vị chúng sanh thuyết pháp, cụ túc thí công đức, bi mãn chư chúng sanh.

(經)現作種種身，為眾生說法，具足施功德，悲愍諸眾生。

(Kinh: Hiện làm đủ mọi thân, vì chúng sanh thuyết pháp, trọn vẹn công đức Thí, thương xót các chúng sanh).

Trong phần trước đã nói Địa Tạng Bồ Tát hiện đủ loại thân, mọi người đều đã thấy. Tổng cộng, Ngài hóa hiện bốn mươi hai loại hóa thân.

(Kinh) Giả sử bách kiếp trung, tán thuyết kỳ công đức, do thượng bất năng tận, cố giai đương cúng dường”.

(經)假使百劫中，讚說其功德，猶尚不能盡，故皆當供養」。

(Kinh: Giả sử trong trăm kiếp, tán nói công đức Ngài, vẫn chẳng thể trọn hết, hãy đều nên cúng dường”).

Cuối cùng, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo đại chúng tham dự pháp hội: Nói công đức của Địa Tạng Bồ Tát thì đâu nói cả trăm kiếp vẫn tán thán chẳng trọn. “Do thượng bất năng tận, cố giai đương cúng dường” [nghĩa là]: Mọi người đều nên cúng dường Địa Tạng Bồ Tát, xung tưng thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát.

Tôi nói khá nhiều buổi mới hết Tự Phần, vẫn chưa nói đến phần Chánh Tông. Ý nghĩa được bao hàm trong Tự Phần chủ yếu là khiến cho mọi người tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát có thể dẹp trừ khổ nạn, ban vui sướng cho chúng ta, khiến cho mọi người tin tưởng. Địa Tạng Bồ Tát cũng hỏi đức Phật rất nhiều vấn đề, xin đức Phật giải đáp. Lần tới, tôi sẽ nói về phẩm Thập Luân, tức là phần Chánh Tông. Kinh có tám phẩm, phẩm đầu tiên là trần thuật. Phẩm cuối cùng là phần Lưu Thông, dặn dò Hư Không Tạng Bồ Tát phải lưu thông kinh này để rất nhiều người hưởng lợi ích, khiến cho rất nhiều hữu tình chúng sanh đắc độ. Bất quá, Hư Không Tạng Bồ Tát trụ trong hư không, vẫn chưa lưu thông, nay lại gặp nhân duyên, nên mọi người có thể cùng nhau học tập. Phẩm Tự đã

xong!

II. Thập Luân - Phẩm Đệ Nhị

十輪品第二

(Phẩm thứ hai: Thập Luân)

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, đánh lễ Phật túc, thiên dẫn nhất kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng, cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Ngã kim vấn Thế Tôn, vô lượng công đức hải, duy nguyện tứ khai hứa, vị giải thích trừ nghi”.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩從座而起，整理衣服，頂禮佛足，偏袒一肩，右膝著地，合掌恭敬，而白佛言：「我今問世尊，無量功德海，唯願賜開許，為解釋除疑」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, đánh lễ dưới chân Phật, trật áo một bên vai, gói phải đặt sát đất, chắp tay, cung kính, mà bạch với đức Phật: “Con nay hỏi Thế Tôn, biển vô lượng công đức, kính mong chấp thuận cho, nhằm giải thích trừ nghi”).

Nay chúng tôi bắt đầu giảng Chánh Tông Phần của kinh Thập Luân. Trong kinh văn của phẩm này, Địa Tạng Bồ Tát muốn nói về Thập Luân. Ngài lại còn xin đức Phật chỉ dạy Thập Luân là gì? Có Thập Luân của chúng sanh và Thập Luân của Phật. Pháp do đức Phật thuyết đối ứng với các loại nghiệp do chúng sanh đã tạo. Nay chúng ta đang ở trong khổ nạn, mong cầu giải thoát. Như thế nào thì mới có thể giải thoát? Đức Phật dạy chúng ta các phương pháp, mỗi bộ kinh đều là như thế. Trước hết, Bồ Tát thỉnh cầu, đức Phật khai thị. Bồ Tát lại thỉnh vấn, đức Phật lại nói. Hễ nói đến Phật trong pháp hội, sẽ đều là Thích Ca Mâu Ni Phật.

Trong phần Tự, Địa Tạng Bồ Tát đã tán thán đức Phật, đức Phật cũng tán thán Bồ Tát. Sau đây, Địa Tạng Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy. Khi thỉnh pháp, trước đó phải có nghi thức khai thỉnh. Hiện thời, bậc thánh chẳng còn, hiền nhân đã qua, chỉ còn sót lại các phàm phu hời hợt thỉnh pháp, ngay cả ý nghĩa cũng đều chẳng biểu thị, chỉ nói: “Pháp sư à! Chuyện đó giải thích như thế nào?” Trong quá khứ, [hỏi kiểu đó] sẽ không được! Quý vị muốn thưa hỏi, từ chỗ ngồi của quý vị đứng lên,

chỉnh đốn quần áo đàng hoàng, “*thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa*” (trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất). Nay cái y của chúng ta luôn để lộ vai phải, vì sao mỗi khi đánh lễ, đều phải trật vai áo phải? Vì trước khi đánh lễ, có lúc tiết trời lạnh lẽo, đắp y che cả hai vai. Khi một người sắp xin chỉ dạy, nhất định phải lật y ra, để lộ vai phải, đó gọi là “*thiên đản hữu kiên*” (trật vai áo phải). Cách quỳ của Ấn Độ là gối phải đặt sát đất, chỉ quỳ một đùi phải xuống: Khi quỳ, một đùi áp sát đất, đùi kia dựng lên. Sau đó, hai tay chấp lại. Đây là nghi thức thỉnh pháp. Muốn thỉnh pháp, ắt phải thực hiện nghi thức này.

Nhưng khi Phật pháp truyền sang Trung Hoa, đặc biệt là sau khi Tam Vũ Diệt Phật¹⁹, Thiên Tông đã hủy bỏ toàn bộ quy củ xưa kia trong Phật pháp, hủy bỏ [những lễ tiết] đức Phật đã chỉ dạy. Tuy nói là “*hủy bỏ*”, nhưng cũng có thể nói là vì để khai ngộ kẻ đưng cơ, cho nên chẳng chú trọng hình thức, vừa quát, vừa đánh, thậm chí còn chửi bới nữa! Đôn Hà²⁰ chẻ tượng Phật, đốt tượng Phật. Những tình hình ấy đều chẳng thể coi là lệ thường được! Chuyện đó chẳng phù hợp với khuôn phép do đức Phật chỉ dạy. Hét to hai tiếng, hoặc bạt tai quý vị, hoặc đá quý vị một cái, hình thức nào cũng đều có, chỉ cần quý vị khai ngộ là được rồi. Mục đích của họ là như vậy đó, nhưng trong nghi tiết của Phật pháp, làm như vậy không được! Bất luận đại Bồ Tát xin đức Phật chỉ

¹⁹ Tam Vũ Diệt Phật là ba lần pháp nạn của Phật pháp Trung Hoa: Triều đình cấm đoán Phật giáo, giam cầm tăng sĩ, phá hủy chùa chiền, hủy tượng Phật và kinh sách nhà Phật, đuổi tăng sĩ về đời, tịch thu tự sản. Gọi là Tam Vũ vì ba vua thực hiện chánh sách đàn áp này đều có chữ Vũ trong miếu hiệu, tức Bắc Ngụy Thái Vũ Đế, Bắc Châu Vũ Đế, và Đường Vũ Tông. Ngụy Thái Vũ Đế (Thác Bạt Đào) diệt Phật do say mê Đạo Giáo, nghe lời xúc xiểm của bọn Thôi Hạo và đạo sĩ Khâu Khiêm Chi, muốn biến Đạo Giáo thành quốc giáo độc tôn, cũng như muốn chiếm đoạt tài sản của tự viện. Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) muốn tôn sùng Nho học, lại do thấy quốc khó thâm thủng, tự viện Phật giáo có nhiều ruộng đất, tăng sĩ không phải nộp thuế, bèn nảy lòng tham. Lại do gã tăng phá giới hoàn tục trở thành đạo sĩ là Vệ Nguyên Tung xúc xiểm, Châu Vũ Đế bèn nhất quyết hủy diệt Phật giáo. Đường Vũ Tông (Lý Viêm) do muốn chiếm đoạt tài sản của tự viện, nghe theo lời sàm tấu của bè lũ đạo sĩ Triệu Quy Chân bèn hạ lệnh diệt Phật pháp.

²⁰ Đôn Hà Thiên Nhiên (739-824) là môn đệ của thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên và Mã Tổ Đạo Nhất. Trên đường vân du, Sư đến chùa Huệ Lâm, gặp lúc trời lạnh, Sư bèn chẻ tượng Phật làm củi đốt. Viện chủ trông thấy quở trách, Sư đáp: “Tôi đốt tìm xá-lợi”. Viện chủ bảo: “Phật gỗ làm gì có xá-lợi?” Sư nói: “Đã không có xá-lợi thì thỉnh thêm hai vị nữa để đốt”. Viện chủ liền khai ngộ.

dạy, hoặc quý vị muốn thỉnh pháp, phải có nghi thức này. Tôi vừa mới nêu đại lược nghi thức thỉnh pháp ấy.

Tiếp đó là thưa bày, khi thỉnh pháp còn phải tán thán. “*Ngã kim vấn Thế Tôn*” (Con nay hỏi đức Thế Tôn) mang ý nghĩa thỉnh vấn. “*Vô lượng công đức hải*” (Biển vô lượng công đức): Công đức của Phật chẳng thể hạn lượng. Vậy thì dùng điều gì để sánh ví? Giống như biển cả. Biển sâu và rộng, trí huệ của Ngài cũng sâu và rộng như biển, mà cũng chẳng có gì không biết, không gì chẳng hiểu. Do vậy, con thỉnh Phật hãy chấp thuận, kính mong ban ân, cho phép con nói, khéo giải thích nghi vấn cho chúng con. [Đó là ý nghĩa của câu] “*vị giải thích trừ nghi*”. Phương thức của chúng ta là trước hết nêu ra chuyện [thắc mắc] ấy, sau đó xin giải thích; còn phương thức tại Ấn Độ là tán thán trước, sau đây, xin quý vị khai thị, giúp tôi giải trừ nghi vấn. Sau đó mới nói [thắc mắc] chuyện gì. Bồ Tát vừa mới xin phép, còn chưa đợi Địa Tạng Bồ Tát hỏi, đức Phật lại tán thán.

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: “Nhữ chân thiện sĩ, ư nhất thiết pháp, trí kiến vô ngại, vị dục nhiều ích tha hữu tình cố, thỉnh vấn Như Lai. Tùy như ý vấn, ngô đương vị như phân biệt, giải thích, linh như tâm hỷ”. U thị, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ tụng văn viết: “Ngã tăng thập tam kiếp, dĩ cần tu khổ hạnh, vị nhất thiết hữu tình, trừ tam tai, ngũ trước, đa câu-chi Phật sở, dĩ thiết vô biên cúng, tăng kiến Đại Tập hội, thanh tín chúng hòa hợp, thông triết, cần tinh tấn, giai lai đồng hội tập, vị tăng kiến như thị, vô chư tạp uế chúng.

(經)世尊告曰：「汝真善士，於一切法，智見無礙，為欲饒益他有情故，請問如來。隨汝意問，吾當為汝分別解說，令汝心喜」。於是，地藏菩薩摩訶薩，以頌問曰：「我曾十三劫，已勤修苦行，為一切有情，除三災五濁，多俱胝佛所，已設無邊供，曾見大集會，清信眾和合，聰哲勤精進，皆來同會集，未曾見如是，無諸雜穢眾。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Ông là bậc chân thiện sĩ, trong hết thấy các pháp trí thấy vô ngại, vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình khác mà thưa hỏi Như Lai. Ông cứ tùy ý hỏi, ta sẽ vì ông phân biệt, giải thích, khiến cho ông hoan hỷ”. Ngay khi đó, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát dùng kệ hỏi rằng: - Con trong mười ba kiếp, đã siêng tu khổ hạnh, vì hết thấy hữu tình, trừ tam tai, ngũ trước, đối trước câu-chi Phật, dâng

cúng dường vô biên, từng thấy hội Đại Tập, chúng thanh tín hòa hợp, thông duệ, siêng tinh tấn, đều cùng đến nhóm họp, chưa từng thấy thế này, không có chúng tạp uế).

“*Thế Tôn cáo viết: Nhữ chân thiện sĩ*” (Đức Thế Tôn bảo: - Ông là bậc thiện sĩ thật sự), ý nói: Ông là một vị thiện nhân thật sự. “*Thiện*” ở đây không phải là thiện bình phàm, mà là chân thiện sĩ rất ráo. Đức Phật đều gọi các đệ tử là “*thiện sĩ*”, hoặc “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, đều thêm một chữ Thiện. “*Thiện*” là ông có duyên thân cận ta, thiện duyên ấy chẳng dễ dàng. Ông là người hướng thiện, trừ khử hết thảy cầu nhiễm, rất ráo thanh tịnh. Đây là đức Phật xưng tán, hứa khả Địa Tạng Bồ Tát, bảo: “Trí huệ của ông đối với hết thảy các pháp đã chẳng có chướng ngại, tự mình đều có thể thông đạt. Ông vốn chẳng cần phải hỏi, nhưng vì sao muốn hỏi?” “*Vị dục nhiều ích tha hữu tình cố*” (Vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình khác): Nếu chẳng có Địa Tạng Bồ Tát xin chỉ dạy, bộ kinh Đại Tập Thập Luân cũng sẽ chẳng thể nói. Đức Phật rất ít khi tự mình thuyết pháp, ắt cần phải có bậc đương cơ thỉnh vấn, đức Phật mới thuyết pháp. Không có căn cơ thích ứng, [hạng người] giống như chúng ta thì sẽ không có cách nào thừa thỉnh được. Ông muốn “*nhiều ích*”, tức là tạo lợi ích cho hết thảy các hữu tình khác, cho nên mới thưa hỏi Như Lai. Ta sẽ “*tùy ý nhữ vấn*” (cho phép ông tùy ý hỏi), ông muốn hỏi gì cứ hỏi đi, ta sẽ phân biệt, giải thích cho ông, khiến cho ông hoan hỷ. Khiến cho Địa Tạng Bồ Tát hoan hỷ chính là khiến cho hết thảy chúng sanh hoan hỷ; do vậy, Địa Tạng Bồ Tát bèn thưa hỏi.

Kế đó là những hạng mục thưa hỏi chủ yếu của Địa Tạng Bồ Tát, mà cũng là trọng điểm trong kinh này. Ngài muốn hỏi điều gì? Ngài nói Ngài đã từng tu hành mười ba kiếp, dùng thời gian mười ba kiếp để tu hành khổ hạnh. Thời gian một kiếp dài cỡ nào? Có thể chia thành bốn kiếp Thành, Trụ, Hoại, Không. Bốn trung kiếp được coi là một đại kiếp. Kiếp trong hiện thời là Trụ Kiếp. Trong Trụ Kiếp, thọ mạng của loài người từ tám vạn bốn ngàn năm, nói tròn là tám vạn tuổi, cứ qua một trăm năm giảm bớt đôi chút, giảm đến khi con người thọ mười năm. Lại từ mười tuổi, cứ qua một trăm năm tăng lên một tuổi, tăng đến tám vạn bốn ngàn năm. [Chu kỳ] một tăng một giảm như thế tính là một kiếp. Địa Tạng Bồ Tát nói: Con dùng thời gian mười ba kiếp, tức là mười ba lần chu kỳ một tăng một giảm tám vạn bốn ngàn năm ấy để làm gì? Tu khổ hạnh. Ngài tu khổ hạnh chẳng phải là thứ khổ hạnh cực nhọc như chúng ta.

Chúng ta biết Địa Tạng Bồ Tát luôn ở trong địa ngục, trong đời ác ngũ trược, vào lúc không có Phật pháp, lúc chúng sanh khổ nạn, Ngài đến độ chúng sanh, dùng thời gian dài như vậy, chẳng thể tính số năm, nếu tính theo số ngày, sẽ càng nhiều hơn nữa! Vì độ hết thấy chúng sanh, vì hết thấy hữu tình mà trừ tam tai, bát nạn. “*Tam tai*”: Đại tam tai là hỏa, thủy, phong, tiểu tam tai là đao binh, đói kém, ôn dịch. Hai loại tam tai này đều phải trừ bỏ vì mong chuyển biến hình thái xã hội, biến đổi sao cho tốt đẹp hơn đôi chút. Tam tai chẳng phổ biến như trong hiện thời.

Ngũ Trược (Pañca-kasāyāh): Kiếp Trược (Kalpa-kasāya) là thời đại chẳng tốt đẹp. Kiến Trược (Drsti-kasāya): Chúng sanh nhìn vấn đề khác nhau, rất loạn, thường xuyên vì tri kiến bất đồng mà tranh cãi. Vì sao Kiếp Trược, Kiến Trược, hoặc Phiền Não Trược (Kleśa-kasāya) lại như thế? Nảy sanh phiền não quá nặng. Chúng sanh trong thời đại này, xét từ thọ mạng, xét theo hình thể, xét theo các thứ tướng trạng, đều là vẩn đục, chẳng trong sạch, [đó là Chúng Sanh Trược (Sattva-kasāya)]. Cuối cùng là Mạng Trược (Āyu-kasāya). Đây gọi là “*ngũ trược ác thế*”.

Con đã từng tu khổ hạnh, tu trong một thời gian dài như vậy, để làm cho hết thấy chúng sanh thoát khỏi nỗi thống khổ do tam tai, ngũ trược. Con đã từng ở trước nhiều câu-chi đức Phật (một câu-chi (koṭi) là một ức), tức là ở trước nhiều ức đức Phật như thế, cúng dường rất nhiều, dâng cúng vô biên. Con cũng từng thấy tất cả cuộc tụ hội rất lớn của mỗi đức Phật. Các đệ tử nghe pháp trong các cuộc tụ hội ấy, các vị đệ tử thân cận đức Phật, mọi người đều rất hòa hợp, tín tâm rất thanh tịnh, đều là những vị rất thông minh, có trí huệ. Sau khi nghe pháp, lại còn có thể tinh tấn, dũng mãnh tu hành, đều cùng nhóm đến để nghe Phật pháp. “*Vị tăng kiến như thị, vô chư tạp uế chúng*” (Chưa từng thấy pháp hội nào được như thế này, không có đại chúng tạp uế): Khi có hội Đại Tập ấy, dường như chẳng có tam tai, chẳng có ngũ trược. Chưa từng gặp [một pháp hội] như vậy, chẳng có tạp uế, chẳng có chúng sanh như vậy. Con dùng thời gian mười ba kiếp để tu hành, tham gia rất nhiều cuộc tụ hội của chư Phật. Nơi chốn nhóm họp của các đức Phật rất tốt đẹp, đại chúng đến dự đều rất thanh tịnh. Thế gian trong các xã hội ấy cũng rất tốt đẹp, chúng sanh cũng rất thanh tịnh. Nhưng nay con thấy khác hẳn, ý nghĩa chủ yếu Bồ Tát muốn hỏi ở đây là hỏi về thế giới này.

(Kinh) Vân hà thử Phật quốc, uế ác, tổn tịnh thiện, trí giả giai

viễn ly, ác hạnh giả đồng cư, đa tạo Vô Gian tội, phỉ báng chánh pháp, hủy thánh, khởi ác kiến, vọng thuyết đoạn thường luận, cụ tạo Thập Ác nghiệp, bất úy hậu thế khổ. Đa viễn ly tam thừa, xú uế hương ác thú. Vô minh tế kỳ mục, tham tật đa gian kiêu, vân hà chuyển Phật Luân, độ thử chúng sanh loại? Vân hà phá tương tục, như kim cang phiền não? Vân hà đắc tổng trì, quả năng như thị nhẫn? Kim ngã kiến đạo sư, Đại Tập thậm hy hữu, vị tăng kiến dư xứ, cụ như thị chúng đức, cụ đồ-đa công đức, cần tu Bồ Đề đạo. Vân hà xử ngu chúng, năng khai thị Phật Luân?”

(經)云何此佛國，穢惡損淨善，智者皆遠離，惡行者同居，多造無間罪，誹謗於正法，毀聖起惡見，妄說斷常論，具造十惡業，不畏後世苦。多遠離三乘，臭穢向惡趣。無明蔽其目，貪嫉多奸矯，云何轉佛輪，度此眾生類？云何破相續，如金剛煩惱？云何得總持，果能如是忍？今我見導師，大集甚希有，未曾見餘處，具如是眾德，具杜多功德，勤修菩提道。云何處愚眾，能開示佛輪？」

(*Kinh: Có sao cõi Phật này, như ác, tổn tịnh thiện, người trí đều xa lìa, kẻ ác hạnh cùng ở, tạo nhiều tội Vô Gian, và phỉ báng chánh pháp, hủy thánh, dấy ác kiến, nói bừa lý đoạn, thường, tạo đủ mười ác nghiệp, chẳng sợ khổ đời sau. Hay xa lìa tam thừa, hôi bẩn, hương đường ác. Vô minh che lấp mắt. Tham, ganh, lắm gian trá. Làm sao chuyển Phật Luân, độ loại chúng sanh này? Phiền não như kim cang, phá tương tục ra sao? Làm sao đắc Tổng Trì, đắc Pháp Nhẫn như thế? Con nay thấy đạo sư, Đại Tập rất hiếm có, chưa từng thấy nơi khác, đủ các đức Đầu Đà. Siêng tu Bồ Đề đạo, làm sao giữa kẻ ngu, hay khai thị Phật Luân?”*)

“*Vân hà thử Phật quốc, uế ác tổn tịnh thiện*” (Vì sao cõi Phật này như uế, xấu ác, tổn hại điều thiện thanh tịnh): Vì sao quốc độ này, cũng chính là thế giới Sa Bà bản thiêu, rối loạn khôn sánh, toàn là chúng sanh tánh ác, chẳng có thiện tín thanh tịnh? “*Tổn tịnh thiện*”: Trong phần trước đã nói về Thanh, ở đây nói đến Tịnh. Đây là tác dụng của việc phiên dịch văn tự. Đại chúng thanh tịnh như thế, chẳng có người nào “thông minh, sáng suốt, siêng năng, thanh tịnh, có trí huệ” mà đến thế giới này, họ đều xa lìa. Chúng sanh làm ác đều tụ tập lại, thế giới này là các điều ác đực ngẫu. “*Đa tạo Vô Gian tội*” (Tạo nhiều tội Vô Gian):

Toàn là tạo nghiệp thuộc tội Vô Gián: Giết mẹ, giết cha, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Đó gọi là năm tội Vô Gián. Thậm chí “*phỉ báng u chánh pháp*” (phỉ báng chánh pháp).

“*Chánh pháp*” ở đây tức là pháp thanh tịnh do đức Phật nói. Nói theo phía chúng ta, tin tưởng chính mình là Phật thì càng thâm áo hơn. Ở đây, chánh pháp chính là hành Thập Thiện nghiệp, cũng là mười nghiệp nơi thân, miệng, ý. “Nương theo lời đức Phật chỉ dạy, chẳng làm các điều ác”, [như thế thì] đều được coi là chánh pháp. [Không chỉ hủy báng chánh pháp, mà họ] thậm chí báng hủy bậc “*thánh giả*”. “*Thánh giả*” là nói đến đức Phật hay các vị đại Bồ Tát. [Báng hủy thánh giả] là hủy báng Tam Bảo. Họ nhìn vấn đề khác chúng ta, thậm chí đốt tượng Phật, giết hòa thượng, bắt giam hòa thượng, thậm chí thiêu hủy Đại Tạng Kinh, cho đây là mê tín.

“*Hủy thánh, khởi ác kiến, vọng thuyết đoạn thường luận*” (Hủy báng bậc thánh, dấy lên ác kiến, nói xằng bậy các luận thuyết thường kiến và đoạn kiến): Họ đàm luận với nhau toàn là những lời lẽ hư vọng, chẳng phải là Đoạn thì sẽ là Thường. Nói chung là [thiên chấp] hai bên, chẳng khế hợp Trung Đạo. Hoặc là nói “đời người chết rồi là hết chuyện”, đó là Đoạn Kiến. Mong tương gìn giữ tâm thân cho mai sau, gìn giữ thân thể của chính mình, muốn sống lâu hơn, đó là Thường Kiến. Nếu đó là sự thật, trong thế gian thật sự có chuyện ấy, ai nấy đều vĩnh viễn chẳng muốn chết, chẳng thể được! Chẳng rơi vào Đoạn, bèn rơi vào Thường. Nói hư vọng, nói điên đảo, [đó là] “*vọng thuyết đoạn thường luận*”.

Những gì họ đã gây tạo đều là Thập Ác. Thân có ba điều, “giết, trộm, dâm”. Miệng có bốn điều “nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác”. Ý có ba điều, “tham, sân, si”. Mười điều ấy được gọi là Thập Ác nghiệp. Thêm vào chữ Chướng, sẽ là Thập Thiện. Chướng dấy lên tham, sân, si. Chướng dấy lên giết, trộm, dâm. Chướng tạo [nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác], giết, trộm, dâm. Khi tạo nghiệp Thập Ác, họ (chúng sanh trong thế giới Sa Bà) chưa hề sợ hãi tương lai phải hứng chịu khổ báo. Vì họ dấy lên Đoạn Kiến, [cho rằng] chẳng có đời sau. Họ chẳng sợ đời sau khổ sở chi cả, còn nói gì đến [mong cầu chứng đắc các quả vị thuộc] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát Thừa.

“*Đa viễn ly tam thừa*” (Hay xa lìa tam thừa): Càng chẳng thể thân cận thiện pháp, tu đạo chánh pháp họ còn xa lìa. Đã lìa tam thừa, sẽ hướng về chỗ nào? Đọa vào tam ác đạo. “*Xú uế hướng ác thú*” (Hôi như vào đường ác): Chịu khổ trong ba đường ác. Khổ nhất là địa ngục, ngạ

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

quỷ, và súc sanh, còn nhân gian thì cũng chẳng thấy tốt đẹp ra sao cả! Hưởng hết phước trời, chắc chắn sẽ đọa lạc. Nói năm đường ác cũng được, mà nói sáu đường [đều ác] cũng được. Nói theo lẽ thông thường, “*xu hướng ác thú*” (tiên hướng đường ác) chính là nói về ba ác đạo.

Vì sao họ làm như vậy? Vì họ bị vô minh che lấp pháp nhãn thanh tịnh. [Đó là ý nghĩa của câu] “*vô minh tế kỳ mục*”. Họ chẳng thấy. Chẳng phải là tâm tham, thì là ghen tỵ. “*Tham, tật, đả gian kiêu*” (Tham lam, ganh ghét, nhiều gian trá): [Chẳng phải là tham lam, ghen tỵ] thì cũng là gian trá khôn cùng. Đối với chúng sanh như thế đó, xã hội như thế đó, Phật sẽ độ chúng sanh như thế nào? “*Vân hà chuyển Phật Luân*” có nghĩa là Ngài sẽ thuyết pháp như thế nào? Chuyển Phật Luân để đối trị ác luân của chúng sanh như thế nào? Đây là các ý nghĩa được bao hàm trong bộ kinh Thập Luân này.

Vì sao nói là Luân? Luân (bánh xe) có công năng nghiền nát. Như ở đây, chúng ta có động lực thúc đẩy [bánh xe] tiến lên trước, bánh xe có thể nghiền nát, Phật Luân sẽ nghiền nát, chuyển hóa ác nghiệp của chúng sanh. Đức Phật chuyển Phật Luân như thế nào để độ hạng chúng sanh ấy? “*Vân hà phá tương tục, như kim cang phiền não*” (Làm thế nào để phá phiền não cứng chắc như kim cang luôn liên tục): Phiền não của chúng sanh cứng bén, rắn chắc như kim cang, tồn tại liên tục chẳng ngừng, Ngài chuyển Phật Luân bằng cách nào để cắt đứt dòng nghiệp liên tục của chúng sanh, cũng là cắt đứt dòng phiền não, sanh khởi dòng thanh tịnh, khiến cho họ đắc giải thoát. Hoặc là dùng trí huệ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật để phá trừ phiền não, khiến cho họ chứng đắc tam-muội.

“*Vân hà đắc Tổng Trì*” (Làm thế nào để đắc Tổng Trì), tức là đạt được tam-muội, đắc đại định. [Tổng Trì] là “*tổng nhất thiết pháp, trì vô lượng nghĩa*” (gồm chung hết thảy các pháp, nắm giữ vô lượng nghĩa). Như thế thì có thể chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn hay không? “*Nhẫn*” ở đây là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nếu đúng là như thế, có thể đạt được như vậy hay không?

“*Kim ngã kiến đạo sư, Đại Tập thậm hy hữu, vị tăng kiến dư xú, cụ như thị chúng đức, cụ dĩ-đa công đức, cần tu Bồ Đề đạo. Vân hà xử ngu chúng, năng khai thị Phật Luân*” (Con nay thấy hội Đại Tập của đáng đạo sư rất hy hữu. Chưa từng thấy ở các nơi khác có đầy đủ các đức như thế, trọn đủ công đức Đầu Đà, siêng tu đạo Bồ Đề. Làm thế nào ở trong đại chúng ngu muội mà có thể chỉ dạy Phật Luân): Bồ Tát tán thán Phật. Con nay thấy hội Đại Tập của đáng đạo sư, dường như biến

đổi, Ngài độ thoát như thế nào để chuyển biến đời ác ngũ trược thành [tốt đẹp] như thế này? Con chưa từng thấy ở các nơi khác có hội Đại Tập giống như hiện thời. “Đồ-đa” (杜多, Dhuta) là phiền não. Đoạn trừ hết thấy phiền não, các trần cấu phiền não ấy đều bị đoạn trừ. Đoạn trừ phiền não chính là công đức. Làm thế nào để đạt được công đức như thế? Đoạn trừ các phiền não ấy bằng cách nào? Siêng tu đạo Bồ Đề thì sẽ đạt được. Thứ tự trong đạo Bồ Đề là tu từng bước một. Từ sám hối tội nghiệp, sau đây, tu Định, tu Huệ, chuyện này rất khó khăn!

“*Vân hà xử ngu chúng, năng khai thị Phật Luân*” (Làm thế nào để ở trong đại chúng ngu muội như vậy mà có thể khai thị Phật Luân): Ở giữa đại chúng ngu si như thế ấy, đức Phật có thể thanh tịnh bằng cách nào? Vẫn có thể thuyết pháp độ chúng sanh như thế nào? “*Khai thị Phật Luân*” là thuyết pháp. Từ đây trở đi, đức Phật dùng tỷ dụ để thuyết minh Thập Luân, và cũng dùng Thập Luân của Phật để chuyển hóa Thập Ác Luân của chúng sanh. Ở đây, mười ác nghiệp là Thập Luân. Chuyển động Phật Luân như thế nào? Đức Phật dùng tỷ dụ, lại còn thị hiện xoay chuyển Phật Luân. Những điều đức Phật sắp nói chính là Thập Luân [của Phật].

(Kinh) Thế Tôn cáo viết: - Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ u quá khứ Cãng-già sa đẵng chư Phật thế giới, ngũ trược ác thời, dĩ tăng thỉnh vấn Cãng-già sa đẵng chư Phật Thế Tôn như thị pháp nghĩa. Nhữ u như thị sở vấn pháp nghĩa, dĩ tác cù lao, dĩ thiện thông đạt, dĩ đáo viên mãn chúng hạnh bỉ ngạn, dĩ đắc thiện xảo phương tiện diệu trí. Kim vị thành thực nhất thiết hữu tình, linh đắc lợi ích an lạc sự cố, vị linh nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát, thiện xảo phương tiện thánh hạnh phục tạng Thí đẵng, lục chủng Ba La Mật Đa, thành thực nhất thiết hữu tình thắng hạnh, Nhất Thiết Trí trí công đức đại hải tộc viên mãn cố. Vị chuyển nhất thiết Sát-đế-lợi vương chư bạo ác hạnh, sử bất đọa lạc tam ác thú cố. Vị linh thử độ Tam Bảo chủng tánh oai đức xí thịnh cứu trụ thế cố. Phục vấn Như Lai như thị pháp nghĩa. Đế thính! Đế thính! Thiện tư niệm chi! Ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết”. “Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyện nhạo dục văn”.

(經)世尊告曰：「善哉！善哉！善男子！汝於過去殞伽沙等諸佛世界，五濁惡時，已曾請問殞伽沙等諸佛世尊如是法義。汝於如是所問法義，已作劬勞，已善通達，已到圓滿眾行彼岸，已得善巧方便妙智。今為成熟一切有情

，令得利益安樂事故，為令一切菩薩摩訶薩，善巧方便聖行伏藏施等，六種波羅蜜多，成熟一切有情勝行，一切智智功德大海速圓滿故。為轉一切剎帝利王諸暴惡行，使不墮落三惡趣故。為令此土三寶種姓威德熾盛久住世故。復問如來如是法義。諦聽！諦聽！善思念之！吾當為汝分別解說」。 「唯然，世尊！願樂欲聞」。

(Kinh: Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam tử! Trong quá khứ, vào thời ác ngũ trược, ông đã từng ở trong các thế giới của chư Phật nhiều như cát sông Hằng, thưa hỏi các đức Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng về pháp nghĩa như thế. Đối với pháp nghĩa đã hỏi như thế, ông đã từng nhọc nhằn, đã khéo thông đạt, đã viên mãn các hạnh, đạt đến bờ kia, đã đạt được diệu trí phương tiện thiện xảo. Nay vì thành thực hết thấy hữu tình, khiến cho họ đạt được các sự lợi ích an lạc, vì khiến cho hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát dùng kho tàng thánh hạnh phương tiện thiện xảo như Thí v.v... sáu Ba La Mật Đa để thành thực hạnh thù thắng cho hết thấy hữu tình, vì mau chóng viên mãn biển cả công đức của trí Nhất Thiết Trí. Vì chuyển biến các hạnh bạo ác của hết thấy vua Sát-đế-lợi, để họ chẳng đọa lạc trong ba đường ác. Vì khiến cho chúng tánh Tam Bảo trong cõi này oai đức lừng lẫy tồn tại lâu dài trong thế gian, cho nên lại hỏi Như Lai pháp nghĩa như thế. Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy niệm, ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói”. “Thưa vâng đức Thế Tôn! Con mong ưa thích nghe”).

Khi nói về Thập Luân, trước hết, [đức Phật] dùng chuyện quốc vương trong thế gian thuở đầu tiếp nhận ngôi vua cho đến quá trình làm thế nào để đạt được vương vị nhằm thuyết minh đức Phật tu thành Phật đạo như thế nào? Sau khi Bồ Tát đã xin chỉ dạy như vậy, trước khi đức Phật thuyết pháp, bèn bảo: “Ông thưa hỏi điều này, không chỉ hướng về ta thưa hỏi, mà ông đã thưa hỏi quá nhiều lần. Không chỉ hỏi ta, mà ông còn hỏi chư Phật nhiều như cát sông Hằng”. Đức Phật bèn khen ngợi: “*Thiện tai! Thiện tai!*”, tức là tán thán lời thưa hỏi của Bồ Tát, ông hỏi hay lắm! “*Thiện nam tử*” là từ ngữ đức Phật dùng để gọi Địa Tạng Bồ Tát. “*Nhữ u quá khứ Căng-già sa đẵng chư Phật thế giới ngũ trược ác thời*” (Trong quá khứ, vào thời ác ngũ trược, ông đã ở trong các thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng): Địa Tạng Bồ Tát luôn ra đời trong thời đại không có Phật tại thế, nhằm lúc đời ác ngũ trược để giáo hóa chúng

sanh. Hiện thời cũng có thể coi như là lúc không có Phật xuất thế. Đức Phật đã nhập Niết Bàn, chỉ còn lưu lại Phật pháp, nhưng chúng ta chẳng hiểu rõ nghĩa chân thật của các pháp ấy. Đây là loại thứ nhất.

Tiếp đó, chẳng liễu giải pháp ấy là thật hay giả, là hư hay thật. Tôi thấy như thế này: Đối với các loại pháp nghĩa như Hiền giáo, Mật giáo, tứ giáo, ngũ giáo, Tịnh Độ, Hiền Thủ, chúng ta do thiếu trí huệ nên chẳng thể hiểu rõ được! Điều này cho thấy: Hiện thời, xác thực là đời ác ngũ trược. Thuở đức Phật tại thế, có rất nhiều pháp nghĩa, nếu chúng ta vừa nghe pháp liền có thể khai ngộ, liền có thể chứng Chân, có thể tiêu trừ phiền não! Còn [như trong hiện thời], chúng ta tuy nghe rất nhiều bộ kinh, học rất nhiều bộ kinh; tuy vậy, chẳng thể đoạn Hoặc, chẳng thể chứng đắc Pháp Nhãn Tịnh.

Đa số mọi người nhìn nhận vấn đề, nếu chẳng rơi vào Đoạn, thì sẽ rơi vào Thường. Cái tâm suy nghĩ, không nghĩ về Thường, sẽ nghĩ đến Đoạn, rất ít khi khế hợp nghĩa Trung Đạo. Điều này chúng tỏ thiện căn của chúng ta nông cạn, mỏng tanh. Đã học bộ kinh này xong thì phải hành. Phương pháp Phật Luân dạy chúng ta cách tu. Tu như thế nào? Phải thật sự thực hiện. Tuy vậy, hiện thời chúng ta tuy học, nhưng chẳng học được cái tâm nhẫn nại. Tôi nói điều này, mọi người đừng nổi cáu! Các đạo hữu xếp chuyện học pháp vào bậc thứ hai thì cũng rất tốt, hoặc xếp vào bậc thứ ba thì cũng khá lắm rồi. Tôi nói chuyện này bao gồm cả tỳ-kheo lẫn tỳ-kheo-ni trong ấy. Người thật sự có tâm thiết tha liễu sanh tử, biết thế giới này vô thường, nhận biết thế giới này là khổ, họ sẽ chẳng đối đãi với pháp như vậy. Nay chúng ta đối đãi với pháp như thế nào thì trong lòng mình đều tự biết. Vì sao như vậy? Đây là do túc nghiệp trong quá khứ của chúng ta, con mắt trí huệ bị vô minh che lấp. Đây là tình cảnh của chúng ta trong hiện tại. Vì sao chẳng có trí huệ như thế? Vì sao trong cuộc sống hiện thực, lại buông lung như thế? Chúng ta vẫn tham luyến; thật ra, chúng ta đều biết đức Phật đã dạy chúng ta rất nhiều phương pháp đối trị tốt đẹp, vì sao chúng ta chẳng thực hiện? Đây là nguyên nhân khiến cho Địa Tạng Bồ Tát vất vả, mệt nhọc trong thế giới này.

Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: “Những vấn đề như ông đã hỏi, ông đã từng hỏi quá nhiều đức Phật. Ở nơi chư Phật nhiều như cát sông Hằng, ông đã đều từng hỏi các đạo lý ấy. Ông đã vì đạo lý đã hỏi ấy mà bỏ rất nhiều công sức, đã trả giá rất lớn. Nói theo phía cá nhân ông, ông đã thông đạt, các hạnh đã viên mãn, đã đạt tới bờ kia, đã đắc diệu trí phương tiện thiện xảo, có thể thị hiện cho chúng sanh

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

đủ loại phương tiện, nghĩ ra hết thấy các pháp để dẫn dụ chúng sanh tin tưởng, dẫn dụ chúng sanh tiến nhập. Sau đây, sẽ làm cho họ thành thực, chẳng còn tạo tội nữa! Nay ông hướng về ta thưa hỏi, cũng nhằm mục đích này: Khiến cho hết thấy chúng sanh đạt được lợi ích, được an lạc, cũng như khiến cho hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ phương tiện thiện xảo để độ chúng sanh, vì chẳng phải vị Bồ Tát nào cũng đều trọn đủ phương tiện thiện xảo. Khi các vị đại Bồ Tát Ma Ha Tát học pháp, đã khai ngộ, đã chứng đạo, nhưng phương pháp lợi lạc chúng sanh hoàn toàn chẳng đơn giản. Vì chúng sanh có quá nhiều chủng loại, đối với nghiệp chướng của chúng sanh, ắt cần phải vận dụng phương tiện cực thiện xảo, chiêu theo việc làm của bậc thánh. Thế nhưng, Địa Tạng Bồ Tát đã đều trọn đủ. Tất cả những gì cất giấu trong kho báu ấy, chính là Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Thiên Định, Trí Huệ, lục Ba La Mật, từ bi, hỷ, xả, tứ vô lượng tâm. Dùng các thứ ấy để thành thực hết thấy hữu tình.

“Nhất Thiết Trí trí công đức đại hải tốc viên mãn cố” (Vì mau chóng viên mãn biển cả công đức của trí Nhất Thiết Trí): Trí Nhất Thiết Trí là đại trí huệ trong hết thấy các thứ trí huệ, ở đây là nói về đức Phật. *“Vị chuyển nhất thiết Sát-đế-lợi vương chư bạo ác hạnh”* (Vì chuyển biến các hạnh bạo ác của hết thấy các vua Sát-đế-lợi): Hiện thời, các hạnh tàn bạo, độc ác của các vua Sát-đế-lợi trong thời Mạt Pháp đều trọn đủ. Phạm những ai làm thủ lãnh, chúng ta đều coi họ là vua Sát-đế-lợi. Các chánh sách do họ chấp hành, đại đa số là tạo nghiệp. Đối với lời hỏi của Địa Tạng Bồ Tát, đức Phật bảo: “Ông hãy nên chuyển biến ác vương ấy, đừng để cho ông ta làm điều bạo ác hòng khỏi đọa lạc trong ba ác đạo”.

Đồng thời, còn vì có thể nhiếp nhập chủng tánh Tam Bảo, [khiến cho] oai đức của Phật Pháp Tăng Tam Bảo hưng thịnh lâu dài, trụ lâu dài trong thế gian. Do vậy, ông hỏi Như Lai các pháp nghĩa ấy rất hay, rất quan trọng. Phải như thế nào thì mới có thể khiến cho chúng sanh thoát ly đau khổ, khiến cho chúng sanh trong thời đại Mạt Pháp ngũ trược ác thế chẳng đọa lạc vào tam đồ? Ông hỏi rất hay, hãy nên chăm chú lắng nghe! Hãy lắng nghe! Ta sẽ nói cho ông. Ông phải như lý mà nghe, hãy nghe như thật.

Đối với mỗi vị thỉnh pháp, đức Phật đều sử dụng câu *“đế thính, đế thính”*. Chẳng lẽ Địa Tạng Bồ Tát không nghe đúng lý ư? Đức Phật dạy chúng ta phương thức: Khi nghe pháp, nhất định phải lắng nghe, nghe chăm chú. [Chúng ta] chưa thể nghe như lý, [đành phải chấp nhận yêu

cầu] tôi thiểu là đừng tam tâm, nhị ý. Nay đang trong lúc nghe, hãy tập trung tâm lực mà nghe thì mới có thể tiến nhập. Nếu chẳng tập trung tâm lực, quý vị sẽ chẳng thể nhập, có ý nghĩa ấy! Đây là bậc đại Bồ Tát thỉnh pháp, đức Phật thuyết pháp, đều nhằm nêu gương cho chúng ta. Nghe xong, quý vị còn phải khéo suy niệm, còn phải khéo quán tưởng. “Ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết” [nghĩa là] nay ta sẽ phân biệt nói rõ ràng từng điều cho ông. Địa Tạng Bồ Tát ngay lập tức đáp: “Duy nhiên Thê Tôn!” [nghĩa là] “vâng ạ! Bạch Phật”. Con ưa thích nghe, con rất hoan hỷ nghe đức Phật thuyết pháp. Đây là nghi thức, một đấng hỏi, một đấng đáp. Tuy vậy, vẫn chưa vào phần chánh yếu. Ở đây là phương thức thỉnh pháp và phương thức hứa khả sẽ nói.

(Kinh) Nhữ thời, Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Thiện nam tử! Như Lai do bốn nguyện lực, thành tựu thập chủng Phật Luân, cư thử Phật độ, ngũ trước ác thế. Nhất thiết hữu tình, thoái một nhất thiết bạch tịnh thiện pháp, quỹ pháp sở hữu Thất Thánh Tài bảo, viễn ly nhất thiết thông mãn trí giả, đoạn thường la vông chi sở phú tế, thường háo thừa ngự chư ác thú xa, u hậu thế khổ bất kiến bố úy, thường xử biến trọng vô minh hắc ám, cụ túc thập chủng bất thiện nghiệp đạo, tạo ngũ Vô Gian, phỉ báng chánh pháp, hủy tư hiền thánh, ly chư thiện pháp, cụ chư ác pháp. Ngã trụ như thị tạp ác độ trung, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, hàng chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, tội diệt nhất thiết chư chúng sanh loại, do như kim cang kiên cố phiền não, tùy kỳ sở nhạo, an trí nhất thiết hữu lực chúng sanh, linh trụ tam thừa Bất Thoái Chuyển vị.

(經)爾時，佛告地藏菩薩摩訶薩言：「善男子！如來由本願力，成就十種佛輪，居此佛土，五濁惡世。一切有情，退沒一切白淨善法，匱乏所有七聖財寶，遠離一切聰敏智者，斷常羅網之所覆蔽，常好乘馭諸惡趣車，於後世苦不見怖畏，常處遍重無明黑闇，具足十種不善業道，造五無間，誹謗正法，毀訾賢聖，離諸善法，具諸惡法。我住如是雜惡土中，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，降諸天魔，外道邪論，摧滅一切諸眾生類，猶如金剛堅固煩惱，隨其所樂，安置一切有

力眾生，令住三乘不退轉位。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát: - Này thiện nam tử! Như Lai do sức bốn nguyện, thành tựu mười thứ Phật Luân, ở trong cõi Phật này, nhằm đời ác ngũ trước. Hết thấy hữu tình lui sụt, đánh mất hết thấy thiện pháp trắng sạch, thiếu hụt tất cả của báu Thất Thánh Tài, xa lìa hết thấy bậc thông minh, trí huệ, bị lưới rập Đoạn Kiến và Thường Kiến che ngăn, thường chuộng ngồi xe vào đường ác, chẳng thấy sợ hãi nỗi khổ trong đời sau, thường ở trong vô minh tối tăm nặng nề trọn khắp, trọn đủ mười thứ nghiệp đạo bất thiện, tạo năm tội Vô Gián, phỉ báng chánh pháp, hủy báng, chê bai hiền thánh, lìa các thiện pháp, trọn đủ các ác pháp. Ta trụ trong cõi nước tạp ác như thế, được an ổn trụ, chẳng bị kinh hoảng, được không sợ hãi, tự xưng là ta ở nơi địa vị tôn quý của bậc đại tiên, xoay chuyển Phật Luân, hàng phục tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, dẹp tan hết thấy phiền não kiên cố ví như kim cương của hết thấy các loài chúng sanh, tùy lòng họ ưa thích mà đặt yên hết thấy chúng sanh có sức nơi địa vị Bất Thoái Chuyển trong tam thừa).

Đức Phật liền bảo Bồ Tát: Do quá khứ ta đã phát nguyện, mỗi vị Phật phát nguyện khác nhau, cho nên mỗi vị Phật thị hiện phương tiện thiện xảo, nhiếp thọ chúng sanh cũng khác nhau. A Di Đà Phật phát ra bốn mươi tám nguyện, muốn kiến lập thế giới Cực Lạc, dùng thế giới Cực Lạc để nhiếp thọ chúng sanh. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai kiến lập thế giới Lưu Ly Quang để trị liệu bệnh tật của chúng sanh, nhiếp thọ chúng sanh. Trong số một ngàn vị Phật thuộc Nhân Hiền Kiếp, Thích Ca Mâu Ni Phật phát nguyện chuyên ở trong đời ác ngũ trước, lại còn vào lúc thọ mạng con người chỉ có một trăm năm. Mọi người thấy đó, thọ mạng của Thích Ca Mâu Ni Phật ngắn nhất, chỉ một trăm năm. Vị Phật trước Ngài là Ca Diếp Phật, thọ mạng là một vạn năm.

Nay chúng ta nói Thất Phật, tức là nói [ba vị Phật quá khứ trong Trang Nghiêm Kiếp và] bốn vị Phật trong Hiền Kiếp [lần lượt] có tuổi thọ là bốn vạn năm, ba vạn năm, hai vạn năm, và một vạn năm, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ thọ một trăm năm. Vào lúc một ngàn vị Phật trụ thế, thọ mạng của Thích Ca Mâu Ni Phật ngắn nhất. Ngài cũng chẳng sống đến một trăm năm, tám mươi tuổi đã ra đi, duyên đã hết rồi. Đây là vì sức bốn nguyện.

Nhưng do có mười loại Phật Luân, cho nên ở trong cõi Phật này, tức là trong đời ác ngũ trước của thế giới Sa Bà, tuy ta thấy chúng sanh

đã lui sụt, đánh mất hết thầy các thiện pháp trắng sạch. Đã chẳng có pháp trắng sạch, sao họ có thể trì giới và tin tưởng cho được? Chẳng tin thì làm sao có thể trì giới? Lẽ nào có định huệ cho nổi? Chẳng thể nào! Họ có thể hành bố thí hay không? Phàm là người có thể hành, sẽ là chúng sanh trọn đủ Thất Thánh Tài. Chẳng hạn như các vị đạo hữu đang hiện diện tại đây, có rất nhiều người đã thọ Tam Quy, đã thọ Ngũ Giới. Quý vị trọn đủ Giới Tài, trọn đủ quy y Tam Bảo. Rất nhiều người cúng dường, hành bố thí, quý vị đã thực hiện Tài Thí. Vậy là quý vị đã trọn đủ, vẫn được coi là người thông minh, trí huệ, có thể nghe kinh thánh pháp.

Ở đây nói đến các chúng sanh thiếu khuyết của báu Thất Thánh Tài. Trong cùng một thời gian, rất nhiều người đều làm gì? Chúng ta có thể nghĩ ra hay không? Lục thân quyến thuộc đang làm gì? Quý vị đến đây nghe kinh, [còn họ thì đang làm gì], cứ so sánh, sẽ thấy rất rõ ràng, chẳng cần phải nói nữa. Người thông minh, có trí, thế nào là người trí? Quý vị biết chọn lựa. Người có trí huệ biết chọn lựa nên đi theo con đường nào, mỗi ngày nên làm chuyện gì. Người ấy biết chọn lựa. Kẻ chẳng có trí huệ sẽ chọn lựa khác hẳn. Kẻ ấy chọn ngồi “*ác thú xa*”, tức là tiến hướng tới nẻo ác. Chúng ta ngồi xe Nhị Thừa, tiến hướng tam thừa đạo. Hoàn toàn bất đồng! Chúng ta chẳng có nỗi khổ trong đời sau. Vì sao? Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, trì giới thanh tịnh, bố thí, nhẫn nhục. Như vậy thì sẽ giảm bớt rất nhiều họa hại.

Chúng ta sợ nỗi khổ trong đời sau. Vì thế, đời này phải tu, phải nghe pháp. Chúng ta chú trọng quang minh, phải phá trừ tối tăm, đừng làm mười thứ nghiệp đạo bất thiện, hãy hành thập thiện nghiệp đạo. Chúng ta là đệ tử tin Phật, thành tựu nghiệp đạo. Tôi rất ít nghe thấy đệ tử Phật ngoác miệng chửi bới kẻ khác âm ỉ. Có người nói: “Lão hòa thượng ơi! Thầy chẳng nghe thấy đó thôi!” Tôi nghe thấy chẳng ít, đó là sự thật, bất quá [những Phật tử chửi bới người khác như thế] vẫn là thiểu số. Khi đệ tử Phật chửi người khác, họ có sự băn khoăn, trong tâm họ sẽ nghĩ chính mình đang ác khẩu. Đệ tử Phật cũng có kẻ lường gạt, họ cũng muốn sám hối một phen: “Khi ấy, tôi làm như vậy chẳng đúng”. Nếu chẳng phải là đệ tử Phật, ngay cả ý nghĩ không đúng cũng chẳng có. Khi trả thù, “tao mong cho mày chịu khổ trước đôi chút rồi mới nói”. Họ có tâm lý ấy, có tâm thái ấy. Cho nên xe chở vào đường ác trong đời sau, họ đã ngồi sẵn trên đó rồi!

Phàm là kẻ chẳng sợ nỗi khổ trong đời sau, sẽ ngồi trên xe vào ác thú, đọa lạc trong đường ác. Chúng sanh sợ nỗi khổ trong đời sau sẽ

chẳng vậy. Tuy chúng ta cũng sống trong hắc ám, nhưng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, cho đến niệm một câu thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm một câu thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Một niệm ấy chính là quang minh. Quý vị niệm một câu, câu ấy chính là quang minh. Quý vị niệm từng câu, mỗi câu đều là quang minh. Quý vị sẽ có thể dần dần đột phá tầng tầng chướng ngại và tối tăm. Đây là người có trí huệ, có thể xa lìa thập bất thiện nghiệp đạo, sẽ hành thập thiện nghiệp đạo. Nói đến tội Ngũ Vô Giá, phỉ báng chánh pháp, hủy gièm bậc hiền thánh, mọi người phải chú ý. Là người tin Phật, quý vị chớ nên hủy báng. Nếu đối với các pháp do đức Phật đã nói, quý vị tin tưởng pháp này, hủy báng pháp kia, đó là diệt pháp. Nếu tôi giảng kinh, tụng kinh, nói niệm Phật không tốt, tức là đã báng bỏ niệm Phật, đây là báng pháp. Tôi niệm Phật bèn nói tụng kinh và giảng kinh chẳng tốt, đây cũng là báng pháp. Tôi giảng bộ kinh này, nói bộ kinh kia không đúng, đây đều là báng Pháp. Tôi chẳng có duyên với bộ kinh kia, càng phải nên cúng dường, lễ bái, mong mọi kết duyên! Hãy nên trọn đủ hết thấy các pháp nghĩa, đều phải nên hiểu, chớ nên hủy báng chánh pháp, phải đặc biệt chú ý điều này!

Hiện thời, trong các đạo hữu chúng ta, đúng là có những kẻ chẳng biết hậu quả do báng pháp, cứ nói luông tuông! Thậm chí tôi là đệ tử của chùa này, người khác là đệ tử của chùa kia, rất có thể đôi bên còn đánh nhau, xác thực là có chuyện ấy. Chùa miếu còn đánh lẫn nhau, huống hồ các đạo hữu tại gia! Nhưng quý vị phải biết: Đây chính là phỉ báng chánh pháp. Phỉ báng chánh pháp, tội nghiệp rất to. Chọc ngoáy ly gián giữa Tăng chúng, hoặc là đối với chùa này bêu riếu chùa nọ, đối với chùa nọ kể tội chùa này, nguy hiểm lắm đây! Đó là tội Ngũ Nghịch, Ngũ Vô Giá, phá hòa hợp Tăng chúng. Do vậy, đối với hết thấy các thánh nhân và hiền nhân, hết thấy các vị Trụ Trì, chúng ta đừng nên tùy tiện phê bình. Vì chúng ta chưa đạt tới cảnh giới ấy. Nếu chúng ta làm như vậy, sẽ là đi theo hướng ác pháp, chẳng phải là đi theo thiện pháp.

Đối trước các tội lỗi, tuy tôi đã sám hối rất nhiều năm, vẫn là sám hối chẳng sạch! Khi tuổi trẻ, tôi cũng là như vậy. Tôi học ngũ giáo, đã nói tứ giáo chẳng hay bằng ngũ giáo, điều gì tiếp xúc trước sẽ là chánh yếu. Sau đây, tôi học tứ giáo, cảm thấy tứ giáo và ngũ giáo đều chẳng sai biệt cho mây, tôi cũng chẳng tiến nhập. Vậy là trong quá khứ đã tạo tội nghiệp rất nhiều, cá nhân tôi biết sám hối. Đó là kinh nghiệm của tôi giới thiệu cùng mọi người. Do vậy, thoạt nhìn thì phỉ báng chánh pháp rất cạn, “tôi chẳng báng pháp”, thật ra, quý vị đã báng chẳng ít lần! Vị sư phụ này tốt lắm, vị sư phụ kia không tốt. Vị sư phụ nào cũng đều tốt!

Chỉ cần vị ấy đắp y ca-sa, vẫn là đệ tử Phật, ta đều nên tán thán, coi vị ấy như hiền nhân, hoặc coi như thánh nhân. Còn nhân quả cá nhân của vị ấy, chính vị ấy sẽ phải gánh vác, chẳng ăn nhập gì đến ta! Ta sẽ chẳng thay vị đó trái nghịch nhân quả!

Bộ kinh Thập Luân này chuyên giảng về tình hình ấy, “*đệ tử của ta bất luận phá giới hay phạm giới đến mức độ nào, cũng chẳng chấp thuận sự chế tài của quốc vương*”, đức Phật nói như vậy. Nếu họ chế tài, vua Sát-đế-lợi ấy là ác vương, vì sẽ hủy diệt Tam Bảo. Kẻ đó dẫu bại hoại, hễ còn một mảnh ca-sa, chưa phải là toàn bộ một tấm ca-sa, quý thần trông thấy cũng đạt được lợi ích. Người không tin, nhưng quý thần tin. Vì họ chịu khổ, quý thần có thần thông, cũng biết quan hệ lợi hại. Con người hồ đồ, chẳng biết quan hệ lợi hại, ăn nói luông tuồng, mọi người phải đặc biệt chú ý, đặc biệt là đối với chùa miếu, Tăng chúng, đệ tử Tam Bảo. Thậm chí giữa các đạo hữu với nhau, Tăng tán thán Tăng thì Phật pháp hưng thịnh, có ý nghĩa như thế đó.

Đệ tử Phật luôn ủng hộ Thích Ca Mâu Ni Phật, duy trì hết thầy chúng sanh, khiến cho chúng sanh trong vị lai chẳng chịu đau khổ, nhất định phải làm như thế. Trong quá khứ ta chẳng biết, trót làm rất nhiều chuyện sai trái; nay đã biết, từ nay về sau chẳng làm nữa. Nhưng trước kia đã làm sai thì như thế nào? Đối trước Phật, Bồ Tát sám hối, đối trước Địa Tạng Bồ Tát sám hối là được rồi. Vì bộ kinh Thập Luân này chuyên giảng về sám hối. Hàm nghĩa của sám hối là mong gột sạch tội lỗi trong quá khứ của chúng ta. Chúng ta mặc quần áo bẩn thì phải giặt giũ. Đã giặt rồi thì phải giữ cho sạch, sám hối có ý nghĩa như thế đó. Trong quá khứ, ta đã làm chuyện sai lầm, ta sửa đổi rồi, chẳng làm nữa. Quý vị sám hối, tội nghiệp trong quá khứ đã nhẹ bớt. Biết cách sám hối, quý vị sẽ có biện pháp. Quý vị có tâm hổ thẹn, đó chính là của cải quý báu của quý vị.

Tôi vừa mới nói đến hổ thẹn. Hổ thẹn là của báu, luôn so sánh với người khác, thấy mình chẳng bằng người ta. Người ta có công đức, ta chẳng có công đức. Người khác có của cải, ta chẳng có của cải. Vì sao người khác có của cải? Đời trước họ đã tu phước đức, ta chẳng ganh tỵ, luôn tùy hỷ. Chỉ cần người khác có công đức, ta đều tùy hỷ, tội ác của quý vị đã sám hối xong. Hổ thẹn là gieo của báu. Sở dĩ hết thầy chư Phật có thể thành đạo, [là vì] khi các Ngài sơ phát tâm trong quá khứ, đã có tâm hổ thẹn. Thích Ca Mâu Ni Phật nói: Ta ở trong quốc độ tạp ác này, an trụ rất ổn định, chẳng sợ hãi. Ta tự cho rằng ta là Thế Tôn, ta là bậc đại tiên, vì ta đang chuyên Phật Luân. Chuyên Phật Luân nhằm đối trị ác

luân, nhằm hàng phục các tà luận của thiên ma và ngoại đạo, dẹp tan phiền não của hết thấy chúng sanh. Phiền não của chúng sanh kiên cường, khó điều phục. Các phiền não ấy cứng chắc như kim cương, ta có thể đập tan. Ta cũng có thể khiến cho loại chúng sanh ấy được an lạc.

Đối với các thiện chúng sanh trong số ấy, ta làm cho họ trụ trong địa vị bất thoái chuyển nơi tam thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát Thừa. Vẫn chưa nói về Phật Luân, chỉ nói tổng quát như vậy. Ta trụ ở nơi đây, độ chúng sanh chẳng sợ hãi là do nguyện lực của chính mình trong quá khứ. Ta phát nguyện độ chúng sanh ở nơi đây, thọ mạng hết sức ngắn ngủi, nhanh chóng, thân thể hết sức thấp bé. Thời đại chẳng tốt đẹp như vậy, chúng sanh trong thời đại này đang ở trong đời ác ngũ trược. Thuở đức Phật tại thế là chánh pháp, chánh pháp cũng chẳng tốt đẹp hơn cho mấy. Vì sao? Ngài trụ trong đời ác ngũ trược! Bất quá, vẫn tốt đẹp hơn chúng ta hiện thời đôi chút. Nay chúng ta là lúc không có Phật tại thế, đương nhiên lại càng tệ hơn. Nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật sanh vào đời ác ngũ trược. Ngài trụ trong đời ác ngũ trược độ chúng sanh. Đó là Báo Thân của Thích Ca Mâu Ni Phật. Pháp Thân thanh tịnh của Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ chẳng phải là như vậy. [Thân thị hiện trong thế giới Sa Bà] là huyền hóa, chẳng thật. Hết thấy các pháp, như mộng, huyền, bọt, bóng, hãy nên thấy như thế. Đó gọi là chánh tri, chánh kiến. Dưới đây, đức Phật bèn nêu thí dụ để thuyết minh. Trước là nói về quốc độ, sau là nói về Phật Luân.

(Kinh) Thiện nam tử! Thí như hữu quốc, thời hư quân vị, kỳ trung sở hữu nhất thiết nhân dân, tự quân, tha quân, cánh tương xâm hại, vu sàu nhiễu loạn, nhân chúng bất an, hữu vô lượng chủng đấu tụng vi tránh, hồ tương khi lưỡng, siểm ngôn, vọng ngữ, thô ác quai ly, vu vọng kiêu loạn, chủng chủng tật bệnh, manh ế hôn ám, hàn, nhiệt, ngược tật, ôn khí dịch lệ, điên đảo, càn khô, ẩm thực bất tiêu, kỳ tâm cuồng loạn, chư căn bất cụ, chi thể khuyết giảm, pháp thiếu chủng chủng y thực, tư cụ, nhất thiết sở hữu giai bất khả lạc. Chư hữu tình loại quy y chủng chủng ngoại đạo, tà thần, ác kiến, ác tâm, cập ác ý nhạo, giai tất xí thịnh, mê thất chánh đạo, lâm đạo ác thú.

(經)善男子！譬如有國，時虛君位，其中所有一切人民，自軍他軍更相侵害，憂愁擾亂，人眾不安，有無量種斗訟違諍，互相欺凌，諂言妄語，粗惡乖離，誣罔矯亂，種種疾病，盲翳昏闇，寒熱瘧疾，溫氣疫癘，癩癩乾枯，

飲食不消，其心狂亂，諸根不具，肢體缺減，乏少種種衣食資具，一切所有皆不可樂。諸有情類，歸依種種外道邪神，惡見，噁心及惡意樂，皆悉熾盛，迷失正道，臨墮惡趣。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Ví như có quốc gia, khi ấy ngại vàng bỏ trống, tất cả hết thầy nhân dân trong nước, quân đội của chính mình và quân đội của kẻ khác xâm hại lẫn nhau, u ru sâu, nhiễu loạn, dân chúng chẳng yên. Có vô lượng thứ kiện tụng, tranh chấp, trái nghịch, lừa dối, lấn hiếp lẫn nhau, nói năng siểm nịnh, dối trá, thô ác mâu thuẫn, vu cáo, gạt gẫm, quấy rối, đủ mọi bệnh tật, mù quáng, tối tăm, bệnh hàn, bệnh nhiệt, sốt rét, ôn dịch, điên cuồng, khô héo, ăn uống chẳng tiêu, tâm tánh cuồng loạn, các căn chẳng đủ, chân tay thiếu sức, thiếu thốn các thứ cơm áo, vật dụng, hết thầy tất cả đều chẳng thể vui sướng được. Các loài hữu tình quy y đủ thứ ngoại đạo, tà thần, ác kiến, ác tâm, và ưa thích xấu ác, thầy đều lừa dối, mê mất chánh đạo, sẽ đọa vào đường ác).

Ở đây toàn là nói hình dung. Chúng ta đều hiểu những điều ấy, đích thân trải qua tình cảnh ấy. Hiện thời, chúng ta đang ở trong tình huống ấy. Thế giới này đang nhằm thời kỳ Mạt Pháp. Nam Thiệm Bộ Châu cũng chính là ngay trên quả địa cầu này, có hơn một trăm tám mươi quốc gia, có quốc gia nào tốt đẹp hơn đôi chút? [Có tốt đẹp hơn] thì cũng là nói tương đối! “*Thời hư quân vị*” (Khi ấy, ngại vàng bỏ trống) là nói theo tập quán tại Ấn Độ. Hiện thời, đất nước ấy rất loạn, hoàng đế của quốc gia ấy không có cách nào cầm quyền, [khác nào] ngôi vua bị bỏ trống. Càng rối loạn hơn nữa là tất cả nhân dân trong quốc gia ấy tranh đoạt lẫn nhau.

“*Tự quân, tha quân*” (Quân của chính mình, quân của người khác), đức Phật vẫn nói theo biên giới [của từng quốc gia], chứ theo kinh nghiệm của tôi, chẳng phải chỉ là như thế. Tôi sanh ở vùng Đông Bắc, thuở ấy, thổ phỉ rất dữ dội. Khi tôi còn bé, tại Đông Tam Tỉnh²¹, mỗi tỉnh đều có một Đốc Quân. Thuở đó gọi là Đốc Quân, sau đấy mới đổi thành Chủ Tịch tỉnh... Có một cuộc đất sạch sẽ, không biết quý vị có tìm được hay không? Chính là cái tâm của quý vị. Quý vị thanh tịnh nó, sẽ là sạch sẽ nhất! Có tin được không? Hãy xét kỹ xem! Quý vị lắng lòng xem

²¹ Đông Tam Tỉnh là ba tỉnh ở miền Đông Bắc Trung Hoa gồm Liêu Ninh, Cát Lâm, và Hắc Long Giang.

xét, hãy tỉnh tọa nửa tiếng đồng hồ. Đừng nên không tin tưởng, phải tin tưởng: Quý vị thanh tịnh được chốc lát, sẽ có thể an tịnh trong chốc lát ấy. Mọi người nói chung là chẳng an!

Hiện thời, đại khái là mỗi ngày tôi đều nhận được điện thoại từ các đạo hữu ở Đài Loan, tối thiểu là một cú, có lúc hai cú điện thoại. Tôi chẳng nói cặn kẽ nội dung. Thông thường là bất an, ai nấy đều bất an, có chỗ nào an ổn hay không? Chẳng có! Quý vị hãy buông xuống! Hễ buông xuống, sẽ an ổn. Quý vị chẳng buông xuống, lúc nào cũng đều chẳng an. Hiện thời, chúng ta có thời gian cố định như vậy, tức là trong một tiếng rưỡi [nghe kinh], chúng ta rất an ổn. Có được một tiếng rưỡi này, chúng ta rất hạnh phúc. An định được một tiếng rưỡi thì hãy an định một tiếng rưỡi; an định được hai tiếng thì hãy an định hai tiếng. Muốn cầu an định vĩnh cửu thì quý vị ắt phải thành đạo. Nếu chẳng thành đạo, sẽ chẳng có cách nào an định!

Dầu sanh thiên, cõi trời vẫn chẳng an định. Thường là Tu La đánh nhau với trời Đao Lợi, nhân gian mới động loạn. Cõi trời loạn trước, nhân gian loạn sau. Phạm Thiên thì đỡ hơn một chút, càng lên cao, càng tốt hơn đôi chút, bất quá phước báo đã hết, vẫn phải đọa xuống, chẳng có chỗ nào tốt lành!

Chỉ cần quý vị đã an tâm, chiếu theo Thập Luân của Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật ở nơi đây hết sức an định, chúng ta hãy học theo Ngài. Thích Ca Mâu Ni Phật nói: Có vô lượng thứ kiện tụng, chống trái, tranh chấp, đúng là vô lượng! Pháp luật của mỗi quốc gia khác nhau. Cho tới hiện thời, công ước về hải dương đã hầu như vô tác dụng. Pháp luật của mỗi quốc gia khác nhau, trong mỗi quốc gia, hồ sơ kiện cáo nơi pháp viện (tòa án) đều hết sức nhiều. Thứ gì cũng đấu tranh, kiện cáo kiểu nào cũng có. Chuyện chống trái quá nhiều. Hằng ngày đều luôn đấu tranh! “*Hỗ tương khi lãng*” (Lừa gạt, lẩn hiếp lẫn nhau): Hiện thời, lường gạt, lẩn hiếp đến mức độ nào? Ngay cả trong gia đình của mỗi cá nhân, vợ chồng, cha con, mẹ con đều lừa gạt, lẩn hiếp nhau. Tôi đã đích thân trải nghiệm, chẳng phải là nói bừa!...

Bây giờ nghĩ lại, chỗ nào có thể thanh tịnh cho nổi? Người với người là như thế đó. Nếu quý vị có quyền, có thế, có tiền, [kẻ khác] sẽ tận lực nịnh bợ, tung hô những điều quý vị nói, nghe nghệt cả tai luôn! Có phải như thế hay chẳng? Hiện thời biến thành kẻ nào cũng chẳng dám tin tưởng, hẳn nói có thật hay không? Ai nói gì cũng phải phết một dấu hỏi! Khi con cái của quý vị nói với quý vị, quý vị nghĩ ngợi: “Chẳng biết thằng nhãi này nói thật hay giả! Chắc đứa nhỏ này lại gạt ta rồi!”

Luôn phết dấu hỏi. Quý vị là ai? Đôi khi đối với chính mình, quý vị cũng phết dấu hỏi, có gì là chân thật? Hiện thời, trật tự trên toàn thế giới đều nháo nhào, chẳng có gì là trật tự. Vợ chồng, cha con, toàn thể quốc gia là như vậy đó. Nếu muôn chẳng loạn, sẽ chẳng thể nào được! Trong tình huống đó, làm thế nào để chẳng loạn? Phải nương theo lời đức Phật dạy mà thọ Tam Quy Y, nghe kinh Phật.

Ngoài chuyện đó ra, còn có bệnh tật. Hiện thời, có những căn bệnh hoàn toàn chẳng tìm thấy trong kinh Phật. Thuở đó, vẫn chưa có những căn bệnh ấy. Trong kinh Phật không có bệnh ung thư, chỉ có gầy mòn, héo hon, ăn uống chẳng tiêu hóa được, hoặc là mắt kém, tứ chi tàn khuyết, nóng sốt, sốt rét, bệnh hàn, bệnh nhiệt, ôn dịch, là các bệnh nặng nhất. Có bệnh AIDS hay không? Chẳng có. Có các loại bệnh ung thư hay không? Chẳng có! Sau này mới nghe nói tới những thứ bệnh ấy, trước kia chẳng biết. Các loại bệnh hoạn quá nhiều! Nếu bản thân chẳng trải nghiệm cảnh ấy, nghe người khác nói, tôi cũng chẳng tin cho lắm. Nhưng tôi đích thân trông thấy, chẳng thể không tin tưởng, mắt thấy sự thật mà!

Tôi đến bệnh viện Vinh Tổng²² và Trường Canh, trông thấy người sống đời thực vật, tôi mới tin tưởng. Tôi thấy còn ít, số lượng người thực vật sợ còn nhiều hơn những người tôi trông thấy. Tôi chỉ thấy hai bệnh viện như vậy. Đài Loan có, Đại Lục có hay không? Mỹ có hay không? Chỉ sợ là rất nhiều! Hạng người thực vật ấy, như kinh Địa Tạng đã nói, sống không được, mà chết cũng chẳng xong. Sự thống khổ ấy không có cách nào diễn tả được. Theo kinh Địa Tạng, người ấy đang ở trong cõi Âm, đang bị ra tòa thẩm vấn, vụ án chưa ngã ngũ, cho nên chết cũng không được, mà sống cũng chẳng xong. Nói cách khác, để cho kẻ ấy chịu tội. Sống để chịu tội! Người khác chịu tội thì cũng còn được đi; nếu người nhà của quý vị sống đời thực vật, thân nhân của chính mình còn chưa chết, làm sao nhẫn tâm mặc kệ người ấy cho được? Có rất nhiều người thực vật khiến cho người nhà suy sụp theo. Vì có một người như vậy, [người nhà] sẽ phải chăm nom người ấy, chẳng thể đi làm. Nói chung là phải để lại một người chăm sóc, đây chẳng phải là nghiệp u?

²² Bệnh viện này có tên gọi đầy đủ là Vinh Dân Tổng Y Viện (Veterans General Hospital). Hầu như mỗi thành phố lớn như Đài Bắc, Đài Trung, Cao Hùng... Bệnh viện Trường Canh là một hệ thống bệnh viện ở Đài Loan do Vương Vĩnh Khánh sáng lập nhằm tôn vinh thân phụ là Vương Trường Canh, có chi nhánh tại các thành phố Đài Bắc, Lâm Khẩu (thuộc thành phố Đào Viên), Cao Hùng, Cơ Long, Gia Nghĩa, Vân Lâm v.v...

Lại còn “*kỳ tâm cuồng loạn*” (tâm tánh cuồng loạn). Hiện thời, có nhiều người điên lảm! Nếu chẳng nghe thấy, sẽ chẳng thể liễu giải. Nhà thương điên, người điên cả đống. Em gái tôi làm bác sĩ ở bệnh viện tâm thần, nay đã về hưu. Cô ta kể kể bị điên thật đống. Trong quá khứ, chữa trị bằng phương pháp xung điện. Chữa xong, kẻ như người ấy đã lành bệnh, không điên nữa thì cũng biến thành kẻ ngốc. Chuyện gì cũng đều chẳng hiểu, thần kinh cũng hỏng luôn. Sau đấy, mới đổi thành trị liệu bằng châm cứu. Khi nổi điên, bèn châm cứu. Châm rồi, họ dứt cơn, không điên nữa. Trong tương lai, khi bệnh điên khá hơn, còn có thể có trí nhớ, còn có thể nhận biết lục thân quyến thuộc. Nếu đã bị điên, kẻ như đã trị lành mà ngay cả lục thân quyến thuộc và cha mẹ của chính mình đều chẳng nhận biết, quý vị nói như vậy thì sống còn có ý nghĩa gì nữa?

Lại còn các căn chẳng đầy đủ, thiếu tay, thiếu chân. Còn nữa, thế giới hiện thời tiến bộ như vậy, vẫn còn rất nhiều nơi không có y phục để mặc, không có lương thực. Từ truyền hình, chúng ta đều thấy, có những nơi cứ chiến tranh mãi, lương thực đều chẳng sản xuất được, lương thực rất thiếu thốn. Chúng sanh tại những nơi đó, kiến giải hết sức xấu ác, trong tâm cũng ác nghiệt. Do vậy, nếu quý vị đến huyện đó, người ở vùng núi nơi ấy trông thấy người khác, bất luận thấy như thế nào, ngay lập tức rút dao ra, chuẩn bị chiến đấu với quý vị. Nếu quý vị chẳng tổn thương họ, sẽ cho đi qua luôn. Nếu không, họ sẽ chuẩn bị đấu với quý vị. Tôi dùng chuyện này để chứng minh “*ác tâm*”. Họ cũng vui sướng, thế nhưng là “*ác ý nhạo*” (ưa thích xấu ác). Tâm họ đầy ấp sân hận, đố kỵ, chướng ngại, hoài nghi, đã sớm mê mất chánh đạo. Tà kiến, ác kiến, ác tâm hừng hực khôn cùng. Do vậy, họ mê mất chánh đạo. Như vậy thì có cách nào được nữa? Khi còn sống đã là như thế, chết đi chỉ đọa vào đường ác. Lại trôi lăn trong ba ác đạo. Đến khi thoát khỏi ba ác đạo, lại sanh vào nơi biên cương. Luân hồi kiêu ấy khi nào mới có thể chấm dứt?

Đây là những chỗ Địa Tạng Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát từ bi quan tâm nhất. Các Ngài thấy chúng sanh như thế đó. Chúng ta chẳng có trí huệ của Bồ Tát, tuy tâm chúng ta cũng từ bi, cũng thương xót, nhưng còn có tình ái, thuộc về ái kiến đại từ. Họ có đôi chút nhân duyên với ta, ta mới thực hiện (giúp đỡ, hóa độ). Như tôi đến một số nơi, tôi nói những người ấy còn thua trâu ngựa. Trâu, ngựa quý vị có thể thuần phục được, chúng nó có chút tâm lành. Quý vị nuôi chó đàn hoàng, nó sẽ vẫy đuôi mừng, chứ những kẻ đó thì đừng hòng. Quý vị nầy sanh cảm giác chán lìa họ, chẳng thể sanh khởi tâm đại từ đại bi đến cứu độ họ. Lúc ấy,

tôi cũng chẳng có [tâm từ bi mong cứu độ], chỉ có cảm giác chán lìa. Quý vị mong họ khi nào chuyển biến, thiện nghiệp phát hiện, còn có thể gặp gỡ Phật pháp, sẽ khó khăn lắm, chẳng biết phải trải qua bao nhiêu thế hệ. Đây là hiện tượng không tốt, tương phản với nó thì là hiện tượng tốt. Mỗi sự vật đều có hai mặt, đều là pháp tương đối. Đã nói điều xấu xong rồi, bèn nói điều tốt. Tốt thì mới tiếp cận Phật Luân. Phật độ chúng sanh cũng thế, vì phải kiến lập Phật Luân trên ác luân, rất khó khăn!

(Kinh) Thời, bỉ quốc trung hữu chư kỳ cựu, thông minh, đa trí, bác học, bình thứ, oai nghiêm chỉnh túc, tương dữ mưu nghị, vận chư trừ sách, tức tiện triệu tập quốc ấp nhân dân, cộng sở tiên thôi, thủ nhất vương tử. Tiên cụ đa chủng bố thí, điều phục, tịch tĩnh Thi La, tinh tấn, dũng mãnh, nan hành khổ hạnh, nhất thiết bị mãn. Cụ chư thù thắng phước đức chi tướng, chư căn viên mãn, chi thể vô khuyết, thân hình trường đại, tướng hảo đoan nghiêm, thành tựu tối thắng mỹ diệu dung sắc, thường vị nhất thiết tôn trọng, cung kính, suất độ nhân dân vô bất thân ái. Bẩm tánh thuần chất, thường hoài từ bi, bác học, đa tài, bị chư kỹ nghệ, nhu hòa, nhẫn nhục, trang nghiêm kỳ tâm, thị đại hậu phi sở sanh đích tử. Dĩ chư diệu hương, huân thanh tịnh thủy, điều hòa lãnh noãn, mộc dục kỳ thân, trước u chúng chủng thượng diệu hương huân, chúng bảo trang nghiêm, tiền tịnh y phục, Mạt-ni châu bảo, trí tại kế trung. Kim bảo, hoa man, quan sức kỳ thủ, tổ luyện khinh tăng thúc u phát tế.

(經)時，彼國中有諸耆舊，聰明多智，博學平恕，威嚴整肅，相與謀議，運諸籌策，即便召集國邑人民，共所薦推取一王子。先具多種佈施、調伏、寂靜尸羅，精進勇猛，難行苦行，一切備滿。具諸殊勝福德之相，諸根圓滿，支體無缺，身形長大，相好端嚴，成就最勝美妙容色，常為一切尊重恭敬，率土人民無不親愛。稟性淳質常懷慈悲，博學多才備諸技藝，柔和忍辱莊嚴其心，是大后妃所生嫡子。以諸妙香，熏清淨水，調和冷暖，沐浴其身，著於種種上妙香熏，眾寶莊嚴，鮮淨衣服，末尼珠寶，置在髻中。金寶華鬘，冠飾其首，素練輕繒束於髮際。

(Kinh: Khi ấy, trong nước có những bậc kỳ cựu, thông minh, đa trí, học rộng, bình đạm, khoan dung, oai nghiêm, đáng kính, cùng nhau

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

muu tính, bàn bạc, tính toán các mưu kế, liền triệu tập nhân dân trong đất nước, cùng nhau đề cử một vị vương tử. Trước hết, vị ấy phải trọn đủ các loại [phẩm đức]: Bồ thí, điều phục, có giới hạnh tịch tĩnh, tinh tấn, dũng mãnh, làm được các khổ hạnh khó làm, hết thấy đều trọn đủ. Có đủ các tướng phước đức thù thắng, các căn viên mãn, tứ chi và các phần nơi thân thể chẳng thiếu sót, thân hình cao lớn, tướng hảo đoan nghiêm, thành tựu dáng vẻ và diện mạo đẹp đẽ thù thắng nhất, thường được hết thấy tôn trọng, cung kính, nhân dân cả nước không ai chẳng thân cận, yêu mến. Bẩm tánh thuần hòa, chân chất, thường ôm lòng từ bi, học rộng, lắm tài, trọn đủ các nghề khéo, nhu hòa, nhân nhục để trang nghiêm cái tâm, là con dòng dõi do hoàng hậu sanh ra. Dùng các loại hương quý để xông thơm nước thanh tịnh, điều hòa lạnh ấm thích đáng, tắm gội thân thể vị ấy, cho mặc y phục mới sạch được xông ướp bằng đủ loại hương thượng diệu và trang nghiêm bằng các thứ báu, châu báu Mạt-ni đặt nơi búi tóc. Đầu được trang hoàng bởi các thứ báu bằng vàng và tràng hoa, dùng giải lụa nhẹ trắng tinh làm dây buộc quanh mí tóc).

Nói đối ứng với phần trước. Quốc gia ấy chẳng có quốc vương, rất hỗn loạn. Kẻ có chánh kiến rất ít, tà kiến rất đông. Vào lúc ấy, trong nước đó có những bậc hiền đạt. “Kỳ” (耆) là những bậc trưởng lão trong quá khứ. Họ là những người có trí huệ, học vấn rất giỏi, rất bình hòa, đối đãi kẻ khác bằng lòng khoan dung. Trông thấy quốc gia lâm vào tình huống ấy, liền cùng nhau bàn bạc, mưu tính, nghĩ đủ mọi biện pháp. “Trù” (籌) là vạch ra kế hoạch, “sách” (策) là thúc đẩy. Hiện thời, cục diện quốc gia như thế đó, mọi người cùng nhau thương nghị, phải có biện pháp. Các vị kỳ cựu ấy cùng nhau triệu tập nhân dân cả nước, tức “quốc áp nhân dân”. Mọi người đề cử, chọn ra một vương tử trong số các con của tiên vương, cũng là cùng nhau chọn lựa một phen. Vị vương tử ấy phải có thể điều phục chính mình, có thể bồ thí, có thể trì giới, tuân thủ pháp tắc thế gian. Thi La (Śīla) là giới luật, bao gồm [các phẩm đức] “tịch tĩnh, từ bi, ngăn ngừa, dứt ác”. “Tịch tĩnh Thi La” có ý nghĩa như vậy đó.

Phải tìm được một vị vương tử như vậy, [vị ấy] lại phải có thể từ tâm bồ thí, điều phục tánh tình của chính mình, có thể tuân thủ chế độ pháp luật, lại còn phải tinh tấn, dũng mãnh. Tinh tấn, dũng mãnh là nói theo thiện nghiệp, có thể thực hiện những khổ hạnh người khác chẳng làm được. Những điều ấy đều phải trọn đủ. Lại còn phải có tướng phước

đức thù thắng, tướng mạo không quá xấu xí. Kẻ làm quốc vương mà quá xấu thì cũng không được. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các căn đều viên mãn. Tứ chi nơi thân thể không chỗ nào bị thiếu hụt. Thân hình chẳng thể quá thấp bé, phải cao lớn, lại còn phải tròn đủ tướng hảo đoan nghiêm. Thành tựu dung sắc đẹp đẽ màu nhiệm như thế ấy, thường được hết thảy mọi người tôn trọng, cung kính. Mọi người dân trong nước ấy đều biểu thị lòng thân ái đối với vị vương tử ấy.

“*Bẩm tánh thuần chất, thường hoà từ bi, bác học, đa tài, bị chư kỹ nghệ*” nghĩa là: Tánh tình của vương tử ấy thuần hậu, chất phác, thường ôm lòng làm lợi, giúp đỡ người khác, chẳng tổn hại, nào hại bất cứ một ai. Học vấn rất giỏi, còn có các thứ nghề khéo. “*Nhu hòa, nhĩn nhục, trang nghiêm kỳ tâm*” (Cái tâm được trang nghiêm bằng nhu hòa, nhĩn nhục): Nhu hòa có nghĩa là chẳng thô bạo. Nhĩn nhục là bị đối xử phi lý, người ấy cũng chẳng so đo với kẻ khác. “*Thị đại hậu phi sở sanh đích tử*” (Là con dòng đích do hoàng hậu sanh ra), ý nói: Nếu do phi tần sanh ra thì chẳng phải là đích tử (嫡子, con dòng đích), sẽ thua kém đôi chút. Do vậy, phải chọn Thái Tử do hoàng hậu sanh ra, cũng tức là con của vị nguyên phối phu nhân.

Có được một Thái Tử như vậy, sau khi đã tuyên chọn, bèn dùng nước được ướp hương thanh tịnh, chẳng lạnh, chẳng nóng, điều hòa ấm lạnh, tắm gội thân thể của vương tử. Y phục của anh ta mặc đều dùng hương màu nhiệm xông ướp. [Y phục] mới, sạch, trang nghiêm bằng châu báu. “*Mạt-ni châu bảo, trí tại kế trung*” (Châu báu Ma-ni cài trên búi tóc): Kiểu này tôi đã từng thấy, người Tây Tạng là như thế đó. Quan lại từ tứ phẩm trở lên không cắt tóc, trên tóc đội một cái khảm thờ Phật²³ bé. Bất quá, chẳng có bảo châu Mạt-ni, họ đội một tượng Phật trang hoàng trên tóc. Vị quốc vương kia cài bảo châu Mạt-ni trên búi tóc. Trong quá khứ, đều là quán tóc [thành búi], đây là cách nói hình dung. Dùng chất báu bằng vàng trang hoàng cái mũ che tóc đẹp nhất. Mấy thứ ấy dùng “*tổ luyện khinh tăng thúc u tế phát*” (giải lụa trắng nhẹ buộc ngang mí tóc): Tóc phải cuộn lại, bó thành cái khảm thờ Phật. Tôi thấy người Tây Tạng tóc cuộn thành hai búi, giống như trẻ nhỏ của ta để tóc

²³ Đây là một loại hộp nhỏ bằng kim loại (thường là bằng bạc, bằng vàng, hay bằng đồng), hay bằng gỗ quý, gọi là Gau, thường được chạm trổ đẹp đẽ, có thể cắm các loại bảo thạch. Phía trước có một ô cửa sổ nhỏ để đặt tượng Phật. Tượng Phật thường được chèn quanh bằng lụa, đôi khi có các giải giấy mỏng viết các bài thần chú bao quanh. Gau cũng có thể xỏ dây để đeo trước ngực.

thành hai trái đào, chính giữa cài một cái khảm thờ Phật. Trong khảm thờ có một bức tượng Phật, cũng cần bảo thạch, tức là dùng bảo thạch khảm bên ngoài khảm thờ Phật. Thông thường, người ta đội tượng Quán Thế Âm khá nhiều.

(Kinh) Hựu dĩ chủng chủng Mạt-ni chân châu, kim, ngân đẳng bảo, cộng sở hợp thành nhĩ đàng, anh lạc, hoàn, xuyên, ấn đẳng. Chúng diệu bảo sức trang nghiêm kỳ thân, chức thành bảo lý, hạ thừa kỳ túc. Chúng bảo tán cái thượng phú kỳ danh, an trí cổ tích nhất thiết thiên tiên sở hộ trì tòa, thú nhập nhất thiết thiên đế đồng hứa cộng sở hộ trì, thiện xảo doanh cấu thù diệu đại điện, đặng tự tiên vương sở thăng tôn tòa.

(經)又以種種末尼真珠，金銀等寶，共所合成瑇瑁、瓔珞、環、玕、印等。眾妙寶飾莊嚴其身，織成寶履，下承其足。眾寶傘蓋上覆其頂，安置古昔一切天仙所護持座，趣入一切天帝同許共所護持，善巧營構殊妙大殿，登自先王所升尊座。

(Kinh: Lại dùng các thứ báu như Mạt-ni (Ma-ni), chân châu, vàng, bạc... cùng kết hợp thành vòng đeo tai, chuỗi anh lạc, vòng, xuyên, ấn v.v... Các thứ trang sức báu màu nhiệm trang nghiêm thân hình, kết thành dép báu đỡ dưới chân. Tàn, lọng bằng các thứ báu che đỉnh đầu, xếp đặt tòa được hết thầy thiên tiên hộ trì từ thuở xa xưa, tiến vào đại điện đẹp đẽ thù thắng, xây dựng khéo léo, được hết thầy thiên đế cùng chấp thuận hộ trì, lên tòa tôn quý của tiên vương).

Chúng ta biết nam giới Tây Tạng đều đeo bông tai, nhưng không phải là xỏ lỗ để đeo ở trái tai, mà là [buộc chỉ] đeo lên vành tai. Họ đeo vòng tai rất lớn. Người có phẩm vị, vừa nhìn đã biết họ là quan thuộc phẩm thứ mấy. Quan từ tứ phẩm trở lên mới được phép đeo, dưới tứ phẩm sẽ không được phép. Vòng tai cũng chia thành cấp bậc, dùng lục bảo thạch (turquoise), hay hồng bảo thạch (ruby). Những thứ trang trí trên đầu cũng liên quan đến cấp bậc. Ngoài ra, ngựa họ cưỡi, trên đầu ngựa có gắn chóp vàng, quý vị nhất định phải nhường đường. Đây là quan to từ tam phẩm trở lên, hoặc là Đại Hoạt Phật²⁴. Tôi dùng những thí

²⁴ Do truyền thống các đại Lạt-ma Tây Tạng thường là Phật, Bồ Tát hóa sanh chuyển thế, chẳng hạn Đại Lai Lạt Ma là hóa thân của Quán Thế Âm, Ban Thiền Lạt Ma

dụ ấy để hình dung oai nghi của quốc vương thời cổ. Ngoài ra, phía dưới con ngựa, tức là phía dưới đầu ngựa, ở phần cổ, buộc tua đỏ, tức là phía trước ức con ngựa buộc tua đỏ. Buộc hai tua là quan tứ phẩm, buộc ba tua là từ tam phẩm trở lên. Ngoài ra, yên ngựa cũng chia theo đẳng cấp. Do vậy, anh lạc, vòng tai đều do châu báu xen kẽ cẩn thành. Sự trang nghiêm của quốc vương càng khác biệt. Ông ta ngồi kiệu, toàn thân là châu báu, yên ngựa đều do châu báu cẩn chạm mà hợp thành. Đây là hình dung tình hình các quốc vương thuở xưa lên ngôi hoặc tuần du. Do kinh điển đều căn cứ theo tình huống đương thời tại Ấn Độ để miêu tả, chẳng giống tình huống trong hiện tại. Hiện thời, đã chẳng còn. Nói những điều này đều là tỷ dụ khi [quốc vương] mới lên ngôi.

Khi vương tử chưa lên ngôi vua, anh ta được chọn ra, bèn được trang hoàng như vậy. Cho anh ta ngồi vào tòa báu đã được cổ hiền tiên nhân trong quá khứ bảo vệ, mọi người lễ bái cung thỉnh. “*Thú nhập nhất thiết thiên đế đồng hứa cộng sở hộ trì, thiện xảo doanh cấu thù diệu đại diện*” (Tiên nhập đại diện thù thắng, nhiệm màu, kiến trúc hay khéo, được hết thầy thiên đế cùng chấp thuận duy trì): Đây là nói hình dung, nói điện đường ấy đã tu bổ rất đẹp đẽ. Quý vị đến Đài Loan cũng thế, tới Đại Lục cũng thế, ngay ở Ôn Ca Hoa (Vancouver), các điện đường cũng khá lắm. Phạm là đáp tạc tượng Phật, cho đến tòa ngôi của đức Phật, đều là bảo tọa. Vị đại vương tương lai này, trước khi lên ngôi, ngôi nơi cái tòa báu được hết thầy tiên nhân hộ trì. Những điều ấy đều là truyền thuyết.

(Kinh) Thiệu vương vị dĩ, khẩu kích nhất thiết thiên đế, long đế, Dược Xoa thần đế, A Tổ Lạc đế, Cựu Bạt Đồ đế, các sở hộ trì quảng đại chung cổ. Kỳ thanh chấn hưởng, châu biến quốc giới, Sát-đế-lợi đẳng tứ đại chủng tánh, vô lượng nhân chúng, mộc dục kỳ thân, trước tịnh y phục, chấp trì chủng chủng diệu bảo tăng thái, tán, cái, tràng, phan, Mật-ni, chân châu, kim, ngân, loa bối, bích ngọc, san hô, phệ lưu ly đẳng, sanh sắc khả nhiễm, vô lượng trân kỳ, phụng hiến tân vương, dĩ trình gia thụ. Quý tộc tịnh hạnh, bác học, đa tài chư Bà-la-

(Panchen Lama) là hóa thân của A Di Đà Phật, Karmapa là hóa thân của Quán Thế Âm, Trizin Sakyapa là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát v.v... cho nên người Hoa thường gọi các đại Lạt-ma là Hoạt Phật (Phật sống). Hầu như viện trưởng các tu viện lớn của Tây Tạng đều được coi là hóa thân (Tulku) của các vị Phật, Bồ Tát, hoặc tối thiểu các vị đại sư, các vị đại hành giả Mật Tông trong quá khứ.

môn, dĩ vô lượng chủng vi diệu tán tụng, ca vịnh đế đức, chủng chủng thiện sự chú nguyện u vương, dĩ chư cát tường tán sái vương danh.

(經)紹王位已，扣擊一切天帝、龍帝、藥叉神帝、阿素洛帝、鳩畔荼帝，各所護持廣大鐘鼓。其聲振響，週徧國界，剎帝利等四大種姓，無量人眾，沐浴其身，著淨衣服，執持種種妙寶繒彩、傘蓋、幢幡、末尼真珠、金、銀、螺貝，璧玉、珊瑚、茂琉璃等，生色可染，無量珍奇，奉獻新王，以呈嘉瑞。貴族淨行，博學多才諸婆羅門，以無量種微妙讚頌，歌詠帝德，種種善事咒願於王，以諸吉祥散灑王頂。

(*Kinh: Đã nói ngôi vua rồi, đánh gõ hết thầy các chuông trống rộng lớn đã được hết thầy vua trời, vua rồng, vua thần Dược Xoa, vua A Tô Lạc, vua Cưu Bàn Đồ bảo vệ. Tiếng ấy vang rền trọn khắp trong nước, vô lượng dân chúng thuộc bốn đại chủng tánh như Sát-đế-lợi v.v... tắm gội thân thể, mặc y phục sạch sẽ, cầm nắm dây lụa màu, lông, tràng, phan, kết bằng các thứ báu, Mạt-ni, chân châu, vàng, bạc, vỏ ốc to, bích ngọc, san hô, phê lưu ly v.v... màu sắc đáng yêu, vô lượng quý lạ, dâng lên tân vương, để tạo điềm tốt lành. Quý tộc tịnh hạnh, các Bà-la-môn học rộng, lắm tài, dùng vô lượng thứ tán tụng vi diệu, ca xướng, ngâm vịnh đức hạnh và các thứ thiện sự của vua, chú nguyện nhà vua, dùng các thứ cát tường rưới rải lên đỉnh đầu nhà vua).*

Lại còn có đại điện được xây dựng, thiết kê các thứ trang hoàng khéo đẹp như thế. [Tân vương] lên tòa tôn quý của tiên vương, kế thừa ngôi vua. Sau khi anh ta đã kế tục ngôi vua, bèn “*khẩu kích nhất thiết thiên đế, long đế, Dược Xoa thần đế, A Tô Lạc đế, Cưu Bàn Đồ đế, các sở hộ trì quảng đại chung cổ*” (đánh gõ các chuông trống rộng lớn được hết thầy vua trời, vua rồng, vua thần Dược Xoa, vua A Tu La, vua Cưu Bàn Đồ đều hộ trì): Đây là nói hình dung, ý nói “chuông trống được thiên long bát bộ bảo vệ”. Trong quá khứ, hoàng đế Mãn Thanh vào tảo triều mỗi ngày đều là chuông trống cùng giống. Trong chùa của hòa thượng, khóa tụng sáng tối cũng đều phải là chuông trống cùng giống. Nghênh đón một vị đại đức, đều phải giống trống, thỉnh chuông cùng lúc. Toàn thể Tăng chúng trong tự viện đều phải đắp y mặc hậu [xếp hàng] nghênh tiếp. Đây là hình dung ý nghĩa tôn quý. Thật ra, do đại

chúng thuộc tám bộ quỷ thần như trời, rồng... hộ pháp, nên chúng ta thường hình dung hoàng đế được “*bách linh tương hộ*” (trăm loài linh thiêng gia hộ). Đó là do phước báo của ông ta cảm vời.

Đến khi ấy, chuông trống cùng gióng, khiến cho cả cõi nước đều hay biết. Kế đó, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá, Thú-đà-la, là bốn đại chủng tánh từ xưa của Ấn Độ. Bốn đại chủng tánh có vô lượng người, ai nấy đều tắm rửa, thay áo, mặc quần áo sạch sẽ, cũng dùng đủ loại chất báu hợp thành tàn, lọng, tràng, phan. Những điều này đều là nói hình dung, vàng, bạc, tù và, bích ngọc, san hô, phệ-lưu-ly (Vidurya, tức lưu ly). “*Sanh sắc khả nhiễm*” là người vàng, “*sanh sắc*” là màu sắc trời sanh (màu sắc tự nhiên), màu sắc của họ tự sanh ra mà có, là vàng, hay trắng. Vô lượng các vật báu quý hiếm, đều kính dâng vị vua vừa mới lên ngôi. “*Dĩ trình gia thụy*” (Đề dâng bày điều tốt lành): Khi đó, quý tộc, Sát-đế-lợi, và Bà-la-môn học rộng, nhiều tài, dùng vô lượng các loại tán tụng vi diệu để ca vịnh đức hạnh và các thứ thiện sự của nhà vua.

“*Chú nguyện u vương*”: Trong phần trước, chúng ta đã thấy Địa Tạng Bồ Tát tán thán công đức của Phật, đức Phật lại tán công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Đây là ý nghĩa của các thứ tán tụng. “*Dĩ chư cát tường, tán sái vương đảnh*” (Dùng các thứ cát tường rưới rải lên đỉnh đầu tân vương), [nghĩa là] dùng các thứ châu báu ấy để chú nguyện, “*chú chúc*” tức là dùng ngôn từ cát tường để chúc tụng nhà vua cát tường, hạnh phúc.

(Kinh) Tiên vương sở trọng túc vọng quý tộc, bác học, đa nghệ, tánh trực, hiền minh, tùy kỳ sở ưng, thọ dĩ chủng chủng chức vị quan liêu, lý chư vương sự. Tiên u quốc cảnh tự quân, tha quân cánh tương xâm hại, kim giai linh tức. Diệt linh nhất thiết oán địch, ác hữu, năng vi hại giả, giai tất diệt diệt, tồn trừ tự quốc nhất thiết hắc phẩm, tăng ích tự quốc nhất thiết bạch phẩm. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đảnh đại vương, thành tựu như thị đệ nhất vương luân. Do thử luân cố, u tự quốc độ, đắc an lạc trụ, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)先王所重宿望貴族，博學多藝，性直賢明，隨其所應，授以種種職位官僚，理諸王事。先於國境，自軍他軍更相侵害，今皆令息。亦令一切怨敵惡友，能為害者，皆悉殄滅，損除自國一切黑品，增益自國一切白品。善男

子！剎帝利種灌頂大王，成就如是第一王輪。由此輪故，於自國土，得安樂住，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Đối với hàng quý tộc có danh vọng được tiên vương coi trọng, học rộng, nhiều tài, tánh thẳng thắn, hiền minh, sẽ tùy theo khả năng của họ mà trao cho các chức vị quan liêu để trông coi việc nước. Trước hết, trong nước thì đối với quân nước nhà và quân nước khác xâm hại lẫn nhau trước kia, nay đều dứt diệt. Cũng làm cho hết thấy oán địch, bạn ác, những kẻ làm hại, thấy đều diệt mất, tiêu trừ hết thấy các điều xấu xa trong nước mình, tăng thêm hết thấy những điều tốt đẹp trong nước nhà. Nay thiện nam tử! Vị đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ nhất như thế đó. Do bởi luân ấy, được trụ an lạc trong cõi nước của chính mình, có thể hàng phục hết thấy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ cái thân, khiến cho thọ mạng tăng thêm).

“Tiên vương sở trọng túc vọng quý tộc, bác học đa nghệ, tánh trực hiền minh, tùy kỳ sở ưng, thọ dĩ chủng chủng chức vị quan liêu” (Đối với hàng quý tộc có danh vọng được tiên vương coi trọng, học rộng, nhiều tài, tánh thẳng thắn, hiền minh, tùy theo khả năng của họ mà trao cho các chức vị quan liêu): Tân vương lên ngôi, phải phong các chức quan. Trong quá khứ, những quý tộc, quan lại ấy là những người tài năng, học vấn xuất chúng, hoặc là xử lý công việc công chánh, hiền minh, đáng giữ các chức vụ.

“Tùy kỳ sở ưng, thọ dĩ chủng chủng chức vị, quan liêu” [nghĩa là] trao chức quan cho họ [tùy theo khả năng thích đáng], để họ giúp đỡ nhà vua xử lý việc nước. Tân vương đăng cơ, phải có khí tượng mới mẻ, đảo ngược tai họa của nước nhà. “Tiên u quốc cảnh tự quân, tha quân cánh tương xâm hại, kim giai linh tức” (Trước hết, trong nước, quân của nước mình và quân nước khác xâm hại lẫn nhau, nay đều làm cho chấm dứt): Trong quá khứ, cục diện quốc gia hỗn loạn, đánh đấm lẫn nhau, hoặc là quân đội của nước mình, hoặc là quân đội nước khác xâm lăng gây hại, hoặc các vương hầu xung bá một phương, nay đều chấm dứt. Vì tân vương đăng cơ, có khí tượng mới.

“Diệt linh nhất thiết oán địch, ác hữu, năng vi hại giả, giai tất diệt diệt” (Cũng khiến cho hết thấy oán địch, bạn ác, kẻ có thể gây hại, thấy đều diệt mất): Đều bị tiêu diệt. Tiêu trừ hết thấy những điều xấu ác

trong nước mình, trừ khử nghiệp bất thiện, tăng thêm hết thảy các điều tốt đẹp trong nước mình, tăng thêm thiện nghiệp. Tiêu diệt Thập Ác, rộng hành Thập Thiện.

“Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đảnh đại vương thành tựu như thị đệ nhất vương luân” (Thiện nam tử! Vị đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đảnh thành tựu vương luân thứ nhất như thế đó): Đây là vương luân thứ nhất của quốc vương. Điều này hoàn toàn là nói tỷ dụ, nhằm hiển thị điều thứ nhất trong Phật Luân. Tiếp đó, sẽ nói đến Phật Luân.

“Do thử luân cố, ư tự quốc độ, đắc an lạc trụ” (Do luân này, trong quốc độ ấy, được trụ trong an lạc): Nhân dân trong quốc gia ấy đều bình an, hạnh phúc, tiêu trừ oán địch, bạo ác. Nhân dân của quốc vương ấy thọ mạng cũng được tăng thêm nhiều, được quốc vương hộ trì. Đây là vương luân thứ nhất.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị tạp nhiễm ngũ trước ác thế, Sách Ha Phật độ, không vô Phật thời, kỳ trung sở hữu nhất thiết chúng sanh, vi tự tâm trung tùy miên triền cấu, tự quân, tha quân nã hại, xâm bức, sâu ưu, nhiễu loạn, ngu minh, bất an, khởi vô lượng chủng chấp trước đoạn thường, đấu tụng vi tránh, hổ tương khinh miệt, khởi tham, sân, si, siểm, cuồng ngôn đả đàng, cộ tức thập chủng bất thiện nghiệp đạo. Chấp trước hữu tình phân nhiễu thế giới, thành tựu chủng chủng phiền não tật bệnh, khuyết chánh pháp nhãn, phần hận thiêu não, thường bất tư duy chân thật chánh pháp, khí chánh pháp vị, cơ hủy thiện hạnh, thiếu pháp sở thọ hỷ lạc tư vị, thường vị chủng chủng phiền não la võng chi sở phú tế, quy y lục chủng ngoại đạo tà sư, mê thất thánh đạo, hướng tam ác thú.

(經)善男子！如是雜染五濁惡世，索訶佛土，空無佛時，其中所有一切眾生，為自心中隨眠纏垢，自軍他軍惱害侵逼，愁憂擾亂，愚冥不安，起無量種執著斷常，斗訟違諍，互相輕蔑，起貪、瞋、癡、諂、誑言等，具足十種不善業道。執著有情紛擾世界，成就種種煩惱疾病，闕正法眼，忿恨燒惱，常不思惟真實正法，棄正法味，譏毀善行，乏少所受喜樂滋味，常為種種煩惱羅網之所覆蔽，歸依六種外道邪師，迷失聖道，向三惡趣。

(**Kinh:** *Này thiện nam tử! Đòi ác ngũ trước tạp nhiễm như thế, trong cõi Phật Sách Ha, vào lúc trống rỗng, chẳng có Phật, tất cả hết thấy chúng sanh trong ấy, do vì cấu nhiễm tùy miên trong tự tâm trôi buộc, quân mình và quân người khác nã hại, xâm lấn, bức bách, sầu ưu, nhiễu loạn, ngu si, tối tăm, bất an, dấy lên vô lượng thứ chấp trước đoạn kiến hay thường kiến, tranh chấp, kiện cáo, khinh miệt lẫn nhau, dấy lên tham, sân, si, nói năng siểm nịnh, lừa dối v.v... trọn đủ mười thứ nghiệp đạo bất thiện. Hữu tình chấp trước lăng xăng gây rối thế giới, thành tựu đủ thứ phiền não và bệnh tật, thiếu con mắt chánh pháp, bị phân hận thiêu đốt, nã hại, thường chẳng tư duy chánh pháp chân thật, bỏ chánh pháp vị, chê gièm, hủy báng hạnh lành, thiếu khuyết thọ hưởng ý vị hỷ lạc, thường bị các thứ lưới rập phiền não che lấp, quy y thầy tà thuộc sáu loại ngoại đạo, mê mất thánh đạo, hướng vào ba đường ác).*

Đây là hình dung đức Phật lợi ích chúng sanh. Do vậy, trước tiên nói về hình tướng chúng sanh. Quốc độ này có tướng trạng như thế nào? Giống như đòi ác ngũ trước! Sách Ha (Sahā-loka-dhātu) chính là quốc độ Sa Bà. Quốc độ này khi chẳng có Phật [tại thế], đức Phật trước đã nhập diệt, đức Phật sau còn chưa giáng sanh. Hiện thời, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập diệt, Phật Di Lạc còn chưa hạ sanh, chính là lúc không có Phật. Thế giới Sa Bà này bao gồm rất nhiều quốc độ. “*Tự tâm tùy miên*”: Tùy Miên²⁵ chính là căn bản phiền não, thuận theo cái tâm của chúng sanh mà dấy lên. “*Triền cấu*” (纏垢) trôi buộc, che phủ, chẳng trong sạch, “*cấu*” (垢) là bất tịnh. “*Tự quân*” (Quân của chính mình) tức là phiền não trong nội tâm, “*tha quân*” (quân của người khác) là phiền não gây nên bởi tướng cảnh giới bên ngoài. Trong ngoài cùng tấn công, nã hại, xâm lấn, bức bách, chúng sanh sống trong cảnh ưu sầu phiền não. Xã hội xáo động bất an, nội tâm của chúng sanh cũng bất an theo. Lại thêm ngu si, tối tăm, ương bướng, chẳng lành lợi. Đầu óc cũng chẳng tỉnh táo, lại còn chẳng thể có trí năng. “*Minh*” (冥) là tối tăm,

²⁵ Tùy Miên (Anúśaya) còn dịch là Sứ, hay Sứ Phiền Não, chính là tên gọi khác của Phiền Não, nhưng Phiền Não bao hàm ý nghĩa khá rộng, còn Tùy Miên chỉ hạn định trong hiện hành phiền não. Do nó ngấm ngấm ẩn tàng trong nội tâm (Miên, sánh ví như đang say ngủ), luôn chờ dịp để khởi tác dụng như bóng theo hình (Tùy); vì thế gọi là Tùy Miên. Nếu nói gọn thì Tùy Miên gồm tham, sân, si, nói rộng hơn thì sẽ thành mười kết sử. Hiền Dương Thánh Giáo Luận còn phân tích có hai mươi loại Tùy Miên.

thường ở trong hắc ám thì là “*bất minh*” (不明, chẳng sáng suốt). Trong tâm bất an, chẳng thể thanh tịnh.

Đồng thời, họ sanh khởi vô lượng chấp trước về Đoạn Kiến và Thường Kiến. Đối với tri kiến Đoạn và Thường, luôn cho là chính mình hữu lý, thích dấy lên đầu tranh, thích dấy lên kiện cáo. “*Tụng*” (訟) là thưa ra tòa. Tranh đấu mà chẳng giải quyết được vấn đề, bèn đưa nhau ra tòa. Hoặc oán cừu giết hại lẫn nhau. Ai cũng chẳng thấy kẻ khác vừa mắt, tự cao, tự đại, tâm kiêu mạn đặc biệt mạnh mẽ. Chuyện này chúng ta vừa nghĩ sẽ biết ngay, chẳng cần phải nói nữa. Luôn cảm giác chính mình ghê gớm lắm, khinh miệt lẫn nhau, coi rẻ người khác. Toàn dấy lên tham, sân, si, lừa dối, gạt gẫm, nịnh hót! Những lời lẽ nói ra toàn là ngôn từ bợ đỡ, súc xiêm, kiêu mạn đối với người dưới, chẳng tìm được lời nào chân thật, chẳng hề nói thật. Nói chung, trọn đủ mười thứ nghiệp đạo bất thiện! Nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, nói đôi chiều là khẩu nghiệp, “*giết, trộm, dâm*” là thân nghiệp, “*tham, sân, si*” là ý nghiệp.

Do vậy, trong thế giới Sa Bà này, các chúng sanh chấp trước ấy ở trong thế giới này thành tựu đủ loại bệnh tật phiền não. Bệnh do tâm sanh, chúng ta bệnh khổ rất nhiều, bệnh gì vậy? Bệnh phiền não. Bệnh thế gian thông thường thì có thể tìm thầy thuốc chữa trị, chứ bệnh phiền não thì phải do chính mình chữa. Nhìn vấn đề mà chẳng có mắt chánh pháp, sẽ chẳng thấy rõ ràng. Những gì đã làm toàn là tà, “*tà*” (邪) nghĩa là bất chánh. “*Phẫn hận thiêu não*” (Phẫn hận thiêu đốt, não hại) có nghĩa là nhiều loạn bất an, chưa hề nghĩ đến chánh pháp. Thường chẳng tư duy chánh pháp chân thật. Chánh pháp là gì? Như chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng ác khẩu, chẳng nói đôi chiều, chẳng “*giết, trộm, dâm*” thì là chánh ngữ, chánh kiến, chánh mạng, chánh tư duy. Đây là chánh pháp.

Vì họ chẳng tư duy chánh pháp, đối với những điều hay đẹp của chánh pháp, chẳng thể sanh khởi pháp hỷ. Dùng khẩu vị để tỷ dụ thì [pháp hỷ] giống như hương vị. Do chẳng đạt được pháp vị, nên họ chẳng sanh khởi pháp hỷ. Làm thế nào để đạt được cái tượng trưng cho pháp hỷ? Nếu lúc quý vị tĩnh tọa, có thể đạt được khinh an; lúc xuất Định, sẽ cảm thấy hết thấy những thứ quấy nhiễu rộn ràng hoàn toàn chấm dứt. Những nỗi ưu sầu và tư lự trong tâm, hết thấy tạp niệm toàn bộ chẳng sanh khởi, sẽ đạt được khinh an, quý vị sẽ đạt được sự hoan hỷ ấy. Khi quý vị đọc tụng kinh điển Đại Thừa, cảm thấy trong tâm hết sức hoan hỷ, hết sức sung sướng. Đây chính là đạt được pháp hỷ.

Còn nữa, khi xem kinh, đọc đoạn kinh văn này, cảm thấy rất hữu dụng đối với chính mình, trong tâm sanh khởi pháp hỷ, cảm nhận chính mình có rất nhiều tật xấu, bèn sửa đổi. Những điều này đều coi như là “*cảm nhận ý vị của pháp hỷ*”. Nếu tương phản, chẳng phải là như vậy, chẳng tư duy chánh pháp chân thật, mà tư duy toàn là tà đạo, sao có thể gọi là “*tư duy chánh pháp*” cho được? Chúng tôi dùng tỷ dụ để nói. Như Tứ Niệm Xứ, [quán tưởng] thân, thọ, tâm, pháp, bốn loại ấy thì được gọi là Tứ Niệm Xứ. Quán thân bất tịnh, chín lỗ thường tuôn ra [bất tịnh]. Quán cái thân xác thịt của chúng ta chẳng có tí gì sạch sẽ! Hai con mắt, hai lỗ mũi, hai tai, một cái miệng, đó là thất đại, cộng với đại tiểu tiện thành chín lỗ. Chín lỗ thường tuôn ra bất tịnh, chẳng sạch sẽ. Cho đến trên thân chúng ta toát mồ hôi, nếu cả ngày không tắm, người khác sẽ ngửi thấy hôi rình. Lỗ chân lông bài tiết mồ hôi, chẳng phải là thanh tịnh, chính quý vị cũng cảm thấy phiền não.

Nếu quý vị thường ngửi thấy mùi thơm lạ, sẽ cảm thấy vượt thoát khỏi phiền não. Nếu có những cảnh giới ấy, sẽ đoạn trừ các thứ phiền não. Giống như chiếc lưới đánh cá, chân tâm của quý vị bị cái lưới [phiền não] ấy bao trùm. Tin tưởng tà môn, ngoại đạo, hiện thời cũng rất nhiều. Học thần thông, học Khí Công, bảo dưỡng thân thể là chuyện tốt, nhưng thân thể này quý vị chẳng thể bảo dưỡng được! Bất luận quý vị bảo dưỡng thể nào đi nữa, gặp phải tai nạn xe cộ, thứ gì cũng đều chẳng còn nữa! Ngồi phi cơ cũng thường có chuyện rủi ro, quý vị có bảo dưỡng được không? Thường xảy ra những chuyện ngoài dự liệu của quý vị. Đó là thứ quý vị chẳng thể bảo dưỡng được, cho nên nhất định phải sanh khởi chánh kiến.

Chánh kiến là quan sát thân thể này bất tịnh, tức “*quán thân bất tịnh*”. Quán thọ, Thọ (受) là Khổ Thọ, có nghĩa là “*lãnh nạp*”. Lạnh, ấm, xa hoa, quý vị vừa tiếp xúc, như vừa rồi có nói đến nghi thức quán đánh, phải căn cho nhiệt độ nước thích hợp. Lạnh quá chẳng được, người ấy sẽ rùng mình. Nóng thì người ấy sẽ giãy nảy. Phải là nhiệt độ lạnh nóng vừa phải, sẽ rất thích hợp. Nếu quý vị nghe pháp, pháp hỷ sung mãn, tương ứng với cái tâm của quý vị, hết sức tương ứng, quý vị sẽ sanh tâm hoan hỷ, sẽ lãnh nạp. Thọ (受, tiếp nhận): Nếu quá nóng, quý vị sẽ chẳng thoải mái. Nếu bị đánh đập, chịu hình phạt, lại càng chẳng dễ chịu. Nếu ngã bệnh, loại bệnh khổ ấy, đừng nói chi khác, đầu nhức râm ran, quý vị sẽ toát mồ hôi. Đau bụng thì đau như đòi mạng. Bất kể bác sĩ giỏi đến đâu đi nữa, có khi cũng phải bó tay. Nghiệp chướng đã phát hiện, dầu giỏi mấy cũng đành chịu. Như vậy thì đối với Thọ, bất luận là sung

sương đến mây đi nữa, quý vị biết nó đều là khổ. Lạc Thọ là cái nhân của khổ; cuối cùng vẫn là khổ. Quán tâm vô thường, mỗi ngày đều vọng tưởng toi bờ. Quán pháp vô ngã, đó gọi là chánh đạo.

Chẳng quán như thế, mê mất chánh đạo. Chúng ta mỗi ngày vì thân thể này, chẳng biết đã tốn bao nhiêu té bào não: Phải mặc quần áo kiểu nào, phải ăn thứ gì, phải sống như thế nào cho thoải mái. Khi thân thể tiếp xúc Thọ, phải hưởng thụ như thế nào. Dốc tâm tận lực chú ý, bao lượt vọng tưởng, chẳng có lúc nào an định được, hết như con khi, mà tâm cũng như con vượn. Đó gọi là Tứ Niệm Xứ. Đây là chánh kiến căn bản của người học Phật, phải thường tư niệm như thế. Đó gọi là chánh đạo. Nếu chẳng suy nghĩ như vậy, đã mê mất chánh đạo, gọi là “*thất niệm*”. Còn có những người đã thọ Tam Quy Y, sư phụ bảo quý vị: “Phải trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng”. Nếu quý vị đã thất niệm, tức là mê mất chánh đạo, đi theo tà đạo, tà đạo sẽ hướng đến nơi đâu? Ngạ quỷ, súc sanh, hướng về ba ác đạo. [Những điều vừa nói trên đây] chính là để hình dung thế giới Sa Bà này, Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong thế giới Sa Bà này. Vào thời đại không có Phật xuất thế, sẽ là cảnh giới như thế nào? Chính là cảnh giới như thế đó! Chánh đạo, chánh niệm rất ít, tà tri, tà kiến quá nhiều. Đặc biệt là vào thời không có Phật, [các tà tri, tà kiến ấy] đặc biệt hưng thịnh. Chuyện này tôi không cần phải nói nhiều, mọi người đều có thể thấu hiểu. Hiện thời lại còn rất nhiều! Họ chẳng tin tưởng chánh đạo cho mấy, hết sức tin tưởng tà đạo, tin rất thành khẩn, vì sao? Do nghiệp quá khứ và hoàn cảnh gặp gỡ trong hiện tại, nghiệp và cảnh hai đàng kết hợp, thánh đạo và nghiệp trong quá khứ của họ chẳng tương hợp cho mấy! Vì thế, kinh Kim Cang dạy: Người có thể nghe danh tự Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật (Vajracchedikā Prajñāpāramitā), chẳng phải là đã gieo thiện căn nơi một, hai, ba, bốn, năm đức Phật, mà là đã gieo thiện căn nơi các đức Phật nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ, thì mới có thể nghe Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, cho đến nghe rồi có thể tin sâu chẳng nghi. Điều này cũng đúng với kinh Thập Luân.

Pháp môn Địa Tạng, ngoại trừ kinh Địa Tạng được mọi người biết đến rất nhiều, chứ Chiêm Sát Thiệt Ác Nghiệp Báo và kinh Thập Luân thì cũng rất ít người nghe đến, ngay cả tên kinh còn chưa hề nghe qua! Vì sao? Vì họ chẳng có nhân duyên ấy với Địa Tạng Bồ Tát, ngay cả nhân duyên nghe danh tự cũng chẳng có! Huống hồ nghe toàn bộ đạo lý trong bộ kinh này. Có ý nghĩa như thế đó! “*Mê mất thánh đạo*” tức là mê mất chánh đạo, sẽ tiến hướng ba đường ác. Đây chính là hình dung

cõi nước này, vào lúc chẳng có quốc vương, quốc gia sẽ có tình trạng ra sao. Sau đây, có một vị quốc vương anh minh, quốc gia ngay lập tức thay đổi. Đây là nói đến Phật Luân của Phật. Nếu nhằm lúc chẳng có Phật xuất thế, chúng sanh khổ sở, đã mê mất chánh đạo, tiến hướng tam ác đạo.

(Kinh) U thử độ trung, hữu chư Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ w quá khứ thân cận, cúng dường vô lượng chư Phật, dĩ nhập chư Phật công đức đại hải, dĩ trụ chư Phật bản sở hành đạo, giai cộng tập hội, lai chí ngã sở, đồng vị ngã ngôn: “Nhữ w quá khứ, dĩ tu vô lượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh Thi La, tinh tấn, dũng mãnh, nan hành khổ hạnh nhất thiết bị mãn, thị chư vi diệu phước huệ phương tiện, đại từ bi đẳng cộng sở trang nghiêm đại công đức tạng, thị nhất thiết Định tổng trì an nhĩn chư địa công đức viên mãn đại hải, vô siểm, vô cuồng, thân hình trường đại, tướng hảo viên mãn, nhĩn nhục, nhu hòa, đoan chánh thù diệu”.

(經)於此土中，有諸菩薩摩訶薩，已於過去親近，供養無量諸佛，已入諸佛功德大海，已住諸佛本所行道，皆共集會，來至我所，同謂我言：「汝於過去，已修無量佈施、調伏、寂靜尸羅，精進勇猛，難行苦行一切備滿，是諸微妙福慧方便，大慈悲等共所莊嚴大功德藏，是一切定總持安忍諸地功德圓滿大海，無諂無誑，身形長大，相好圓滿，忍辱柔和，端正殊妙」。

(Kinh: Trong cõi này có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, trong quá khứ đã thân cận, cúng dường vô lượng chư Phật, đã vào biển cả công đức của chư Phật, đã trụ trong đạo của chư Phật đã hành, đều cùng nhóm đến, cùng bảo ta rằng: “Ông trong quá khứ đã tu vô lượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh Thi La, tinh tấn, dũng mãnh, hết thấy khổ hạnh khó hành đã trọn vẹn, là kho đại công đức được trang nghiêm bởi các phương tiện phước huệ vi diệu, đại từ bi v.v... là biển cả công đức viên mãn của hết thấy Định tổng trì an nhĩn nơi các địa vị, chẳng siểm nịnh, chẳng lừa dối, thân hình cao lớn, tướng hảo viên mãn, nhĩn nhục, nhu hòa, đoan chánh màu nhiệm thù thắng”).

Ma Ha dịch là Đại. Có các vị đại Bồ Tát trong quá khứ đã từng thân cận, cúng dường vô lượng chư Phật, đã vào biển cả công đức của

chư Phật, đã trụ nơi đạo mà chư Phật vốn đã hành. Tức là nói các vị đại Bồ Tát đó giống như bậc kỳ cựu trong cõi nước, có cùng một ý nghĩa. Đức Phật dùng tỷ dụ để nói: Đức Phật sở dĩ thành đạo là do các vị đại Bồ Tát khuyến thỉnh. “*Giai cộng tập hội, lai chí ngã sở*” (Đều cùng nhóm họp, đến chỗ của ta): “*Ngã*” là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng đối với Địa Tạng Bồ Tát. Họ đều tới chỗ của ta. Đồng thời, mọi người đều bảo ta: “Trong quá khứ, ông đã tu vô lượng bố thí, điều phục, tịch tĩnh Thi La, tinh tấn, dũng mãnh, Lục Độ, vạn hạnh, ông đều tu rất khá, đã thành tựu”. “*Nan hành khổ hạnh, nhất thiết bị mãn*” (Hết thấy các khổ hạnh khó hành đều trọn vẹn): Có thể hành khổ hạnh, là kho đại công đức được trang nghiêm bởi các phương tiện phước huệ vi diệu, đại từ bi v.v... đã trọn đủ phước đức, có ý nghĩa như thế đó!

“*Thị nhất thiết Định tổng trì an nhẫn chư địa công đức viên mãn đại hải*” (Là biển cả công đức viên mãn của hết thấy các định, tổng trì an nhẫn nơi các địa vị): “*Chư địa*” chính là Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác. “*Tổng trì*” là như Xa Ma Tha (Śamatha), diệu Lăng Già định đã nói trong phần trước. Tổng Trì còn gọi là tam-muội. Do vậy, công đức nơi các địa đều trọn đủ viên mãn, thành tựu viên mãn.

“*Vô siểm, vô cuồng, thân hình trường đại*” (Không siểm nịnh, không dối trá, thân hình cao lớn): Ba mươi hai tướng và tám mươi loại hảo. “*Tướng hảo viên mãn*”, “*nhẫn nhục nhu hòa, đoan chánh thù diệu*” (nhẫn nhục, nhu hòa, đoan chánh thù thắng mâu nhiệm).

(Kinh) Bất phục y tha tu Bồ Đề đạo, nhất thiết trí hải dĩ đắc viên mãn, thành tựu tối thắng mỹ diệu dung sắc, năng vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại đạo sư, diệc năng an ủi nhất thiết sanh tử bố úy chúng sanh, dữ tác thân hữu, đại từ bi đẳng vô lượng công đức cộng sở trang nghiêm, thị Yết Lạc Ca, Tôn Đà Yết Nặc Ca, Mâu Ni Ca Diếp Ba Như Lai đẳng phụ chi chân tử.

(經)不復依他修菩提道，一切智海已得圓滿，成就最勝美妙容色，能為一切聲聞、獨覺作大導師，亦能安慰一切生死怖畏眾生，與作親友，大慈悲等無量功德共所莊嚴，是羯洛迦、孫馱羯諾迦、牟尼迦葉波如來等父之真子。

(Kinh: Chẳng còn nương vào ai khác để tu đạo Bồ Đề, đã được viên mãn biển Nhất Thiết Trí, thành tựu dung sắc đẹp đẽ tối thắng, có thể làm bậc đại đạo sư cho hết thấy Thanh Văn và Độc Giác, cũng có thể an ủi hết thấy chúng sanh đang sợ hãi sanh tử, làm bạn thân cho họ,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

vô lượng công đức như đại từ bi v.v... cùng trang nghiêm, là con thật sự của các vị cha như Yết Lạc Ca, Tôn Đà Yết Nặc Ca, Mâu Ni Ca Diếp Ba Như Lai v.v...)

“*Bất phục y tha tu Bồ Đề đạo*” (Chẳng còn nương tựa vào ai khác để tu đạo Bồ Đề): Đã thành tựu rốt ráo Bồ Đề, chứng quả Bồ Đề, chẳng còn nương vào Phật hoặc thầy để tu đạo Bồ Đề nữa. Vì sao? Vì đã viên mãn thành tựu biển Nhất Thiết Trí, thành tựu dung sắc đẹp đẽ tuyệt diệu tối thắng, cũng tức là dung sắc trang nghiêm mỹ diệu của Phật. Bất cứ kẻ ác nào, hễ trông thấy đức Phật, sẽ vẫn cung kính, vẫn hành lễ. “*Năng vị nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác tác đại đạo sư*” (Có thể làm bậc đại đạo sư cho hết thầy Thanh Văn và Độc Giác): Dẫn dắt hàng Nhị Thừa tiến nhập Đại Thừa, cho đến làm đạo sư cho hết thầy chúng sanh.

“*Diệc năng an ủi nhất thiết sanh tử bố úy chúng sanh, dữ tác thân hữu*” (Cũng có thể an ủi hết thầy chúng sanh sợ hãi sanh tử, làm bạn thân cho họ): Nghĩa là trong sanh tử có kinh hãi, có sợ sệt, quý vị có thể làm bạn thân thiết, có thể chỉ dạy cho các chúng sanh ấy. Đây là đức Phật có thể thị hiện thân của hết thầy các loài, trong Tứ Nhiếp Pháp, tức Đồng Sự, Lợi Hành, Bố Thí, [Ái Ngữ] có thể thị hiện, hành từ bi đồng loại. “*Đại từ bi đẳng vô lượng công đức cộng sở trang nghiêm*” (Cùng được trang nghiêm bởi vô lượng công đức như đại từ bi v.v...), đều có thể thành tựu.

“*Thị Yết Lạc Ca, Tôn Đà Yết Nặc Ca, Mâu Ni Ca Diếp Ba Như Lai đẳng phụ chi thân tử*” (Là con thật sự của các vị cha như Yết Lạc Ca, Tôn Đà Yết Nặc Ca, Mâu Ni Ca Diếp Ba Như Lai v.v...): Đây là ba vị Phật trong Nhân Hiền Kiếp, kiếp ấy có tất cả một ngàn vị Phật. Ba vị Phật đã thành tựu trong quá khứ. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư. Trong Nhân Hiền Kiếp, còn có chín trăm chín mươi sáu vị, Di Lạc Phật là vị Phật thứ năm. Nhân Hiền Kiếp là Trụ kiếp. Trong hai mươi tiểu kiếp thuộc Trụ kiếp, có một ngàn vị Phật xuất thế.

Hiện thời, Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện này. Trong kinh Địa Tạng cũng như thế, mà kinh Chiêm Sát cũng như thế, kinh Thập Luân cũng thế. Chỉ cần [quý vị] trong đời Mạt Pháp, đối với Phật pháp có công đức bằng một hạt bụi, một hạt cát, một giọt nước, Địa Tạng Bồ Tát đều độ quý vị. Di Lạc Bồ Tát cũng phát nguyện này. Khi Di Lạc Bồ Tát thành Phật, trong Long Hoa Tam Hội, Ngài sẽ độ thoát toàn bộ những đệ tử còn sót lại trong thời Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, khiến cho họ vượt thoát biển khổ. Nhưng chúng ta phải tự gieo cái nhân ấy sâu hơn

nữa, để tới khi đức Di Lạc trụ thế, sẽ có thể đắc độ, cho đến Địa Tạng Bồ Tát cũng sẽ đưa chúng ta về hết thấy các Tịnh Độ ở mười phương. Tùy thuộc quý vị mong cầu cõi Tịnh Độ nào, cũng đều có thể [sinh về đó].

Ở đây nói tới ba vị Phật. Yết Lạc Ca (Kanakamuni) chính là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Tôn Đà Yết Nặc Ca (Krakucchanda) là Câu Lưu Tôn Phật, Mâu Ni Ca Diếp Ba (Kāśyapa) là Ca Diếp Phật, cũng thuộc vào trong năm mươi ba vị Phật mà chúng ta hay lễ. Các Ngài cũng là ba vị Phật trong quá khứ thất Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong Nhân Hiền Kiếp. Ở đây nói Thích Ca Mâu Ni Phật là con thật sự của ba vị Như Lai, tức là giống như vương tử, cũng là đích tử, tức là đích tử của chư Phật, mà cũng là Phật tử.

(Kinh) U' thử Hiền Kiếp, đương đắc tác Phật, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát trung tối vi thượng thủ. Dĩ chư công đức chủng chủng diệu hương, huân Xa Ma Tha, Tỳ Bát Xá Na thanh tịnh chi thủy, nhi tự mộc dục, trước tầm quý y, thanh tịnh pháp giới vi kế trung châu, quan sát chư Phật sở hành cảnh giới quảng đại hoa man, thúc dĩ giải thoát thù diệu tố luyện.

(經)於此賢劫，當得作佛，一切菩薩摩訶薩中最高上首。以諸功德種種妙香，熏奢摩他、毘鉢舍那清淨之水，而自沐浴，著慚愧衣，清淨法界為髻中珠，冠飾諸佛所行境界廣大華鬘，束以解脫殊妙素練。

(Kinh: Ở trong Hiền Kiếp này, sẽ được làm Phật, là thượng thủ bậc nhất trong hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát. Dùng các thứ hương công đức mâu nhiệm xông nước thanh tịnh Xa Ma Tha và Tỳ Bát Xá Na để tự tắm gội, mặc áo hổ thẹn, dùng pháp giới thanh tịnh làm viên châu trong búi tóc, dùng tràng hoa rộng lớn “cảnh giới sở hành của chư Phật” để làm mào đội, dùng lụa trắng giải thoát thù thắng nhiệm mâu để buộc).

“U' thử Hiền Kiếp, đương đắc tác Phật” [nghĩa là] trong kiếp Nhân Hiền, sẽ thành Phật trong lúc ấy. Ngài là vị Phật thứ tư. “*Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát trung tối vi thượng thủ*” (Là thượng thủ bậc nhất trong các vị Bồ Tát Ma Ha Tát): Thượng thủ là hòa thượng thủ tọa của chùa miếu, hòa thượng là Phật. Đây là hòa thượng trừ bị. Khi nào hòa thượng [viện chủ] chẳng có mặt, vị thủ tọa hòa thượng sẽ thay mặt hòa thượng. Nếu [hòa thượng viện chủ] có chuyện gì cần phải ra ngoài, thủ tọa hòa thượng sẽ thay mặt lo liệu công việc. Giống như Tổng Thống có

Phó Tổng Thống. Nếu Tổng Thống tạm thời có việc, Phó Tổng Thống bèn thay thế xử lý. Đó gọi là Thượng Thủ, là thượng thủ bậc nhất trong các đệ tử của chư Phật. “*Dĩ chư công đức chủng chủng diệu hương, huân Xa Ma Tha, Tỳ Bát Xá Na thanh tịnh chi thủy*” (Dùng thứ hương công đức màu nhiệm để xông nước thanh tịnh Xa Ma Tha và Tỳ Bát Xá Na): Nước ấy chẳng phải là nước trong thế gian, mà là Định Huệ, cũng tức là Chỉ Quán. Xa Ma Tha (Śamatha) dịch là Chỉ, Tỳ Bát Xá Na (Vipaśyanā) dịch là Quán. Nước Chỉ Quán chính là nước Định Huệ, dùng nước ấy để tắm gội.

“*Trước tầm quý y*” (Mặc áo hồ thẹn): Y phục hồ thẹn chính là ca-sa. Chữ Ca-sa (Kāśāya) bao hàm nhiều ý nghĩa. Ở đây nói là “*tầm quý phục*”, vì khoác tấm áo ấy, sẽ luôn hồ thẹn. Tầm (thẹn) vì trên thì so sánh với bậc hữu đức, chính mình bèn thẹn thùng vì bản thân thiếu khuyết công đức. Quý (xấu hổ) là xấu hổ với người dưới, tôi chẳng thể đại từ đại bi cứu độ họ. Thường có cái tâm ấy, coi đó là quần áo, dùng hồ thẹn làm y phục. Trong búi tóc báu của Ngài, tức là giữa mào che tóc, chính là pháp giới thanh tịnh. Pháp giới thanh tịnh là vô nhiễm, vô cấu, vô tướng, dùng những điều ấy để làm bảo châu trong búi tóc. “*Quan sát chư Phật sở hành cảnh giới quảng đại hoa man*” (Dùng tràng hoa to lớn “cảnh giới sở hành của chư Phật” để làm mào đội): Đừng coi chuyện này như hình tướng cụ thể, mà dùng nó để hình dung công đức của Phật. Đây đều là pháp vô tướng. “*Thúc dĩ giải thoát thù diệu tổ luyện*” (Buộc bằng giải lụa trắng giải thoát thù thắng nhiệm màu): “*Giải thoát*” là chứng đắc ba môn giải thoát, Không, Vô Tướng, giải thoát rốt ráo, mười tám pháp Bất Cộng, Tứ Vô Sở Ủy. Đó đều là tướng giải thoát, giống như trâm cài đầu của quốc vương, có ý nghĩa như vậy đó.

(Kinh) Hựu dĩ chủng chủng Nhất Thiết Trí trí, Vô Sanh Nhân đẳng công đức trân bảo nhi tự trang nghiêm, từ, bi, hỷ, xả, dĩ vi bảo lý, năng phú tam giới tam chủng diệu hạnh viên mãn thánh nhân dĩ vi tán, cái, an trí cổ tích chư Phật thiên tiên cộng sở hộ trì Kim Cang Định tòa, thủ nhập nhất thiết Thanh Văn, Độc Giác cung kính hộ trì tứ chủng niệm trụ, tọa tiên chư Phật sở phu chi tòa, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề Nhất Thiết Trí vị.

(經)又以種種一切智智、無生忍等功德珍寶而自莊嚴，慈悲喜舍以為寶履，能覆三界三種妙行圓滿聖因以為傘蓋，安置古昔諸佛天仙共所護持金剛定座，趣入一切聲聞

、獨覺恭敬護持四種念住，坐先諸佛所敷之座，證得無上正等菩提一切智位。

(Kinh: Lại dùng các món trân bảo công đức như trí Nhất Thiết Trí, Vô Sanh Nhân v.v... để tự trang nghiêm, dùng từ, bi, hỷ, xả làm dép báu, dùng ba thứ diệu hạnh viên mãn là cái nhân của bậc thánh có thể che phủ tam giới làm tàn, lọng, xếp đặt tòa Kim Cang Định được thiên tiên là chư Phật cùng hộ trì từ thuở xa xưa, tiến nhập bốn thứ niệm trụ được hết thấy Thanh Văn và Độc Giác cung kính hộ trì, ngồi trên tòa của chư Phật đã từng trải từ trước, chứng đắc địa vị Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề Nhất Thiết Trí).

Lại dùng các thứ công đức như trí Nhất Thiết Trí, Vô Sanh Nhân v.v... Hết thấy Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thành tựu Nhất Thiết Trí. Đức Phật là bậc trí huệ trong hết thấy các trí, nên gọi là “*Nhất Thiết Trí trí*”. Vô Sanh Pháp Nhân là “*nhân*” hết thấy các pháp vô sanh. Dem chữ Nhân đặt ra trước, thì là “*chấp nhận các pháp là vô sanh*”. Vô sanh sẽ vô diệt, là tịch tĩnh Niết Bàn, bao hàm ý nghĩa này. Trong Phật giáo, hễ nói đến công đức, sẽ thường nói như thế, chúng ta phải nên thấu hiểu một phen. Công đức là gì? Chính là cái mà bản thân chúng ta vốn sẵn có, tự tin chính mình là Phật. Nói theo phía chúng ta, tự tin chính mình là Phật, công đức ấy vốn sẵn có. Nhưng một đấng phải trải qua tu tập để sửa đổi thành chánh đáng, một đấng là vốn sẵn có, bị chôn vùi trong câu nhiệm, trong các triền phược, bị vô minh che lấp. Phật đã rất ráo chúng đắc, thấu tỏ. Nay chúng ta đối với hết thấy các pháp, chẳng có sự nhận thức ấy, cũng không cho là vô sanh. Nếu chúng ta nhận thức hết thấy các pháp là Không, chúng sẽ trọn đủ công đức vô lậu tánh. Vô lậu là tánh chất gì? Chẳng còn rò rỉ, rơi rớt vào sáu đường, chẳng còn đọa vào Thanh Văn và Duyên Giác nữa!

Trong quá trình tu hành của Phật giáo, phán định theo tông Hoa Nghiêm, sẽ là năm mươi hai địa vị. Đầu tiên là Thập Tín, [tức là nói đến chuyện vun bồi] tín tâm của chúng ta. Thập Tín đã mãn, vẫn chưa dự vào địa vị [Tam Hiền, Thập Thánh], chỉ là địa vị Thập Tín. Thập Tín vẫn chưa dự vào địa vị [hiền nhân], vì còn bị thoái chuyển. Đời này đã sanh lòng tin, đời sau lại thoái chuyển. Cứ tiến tiến lùi lùi như vậy, chẳng nhất định. Trừ phi trụ trong địa vị Thất Trụ thì mới chẳng lui sụt xuống địa vị Thanh Văn và Duyên Giác. Sơ Trụ chẳng lui sụt vào sáu đường, Sơ Trụ bằng với A La Hán. Trong Viên Giáo, địa vị này được gọi là Vị Bất

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Thoái. Nếu là Hạnh Bất Thoái lại càng khó, Hạnh Bất Thoái tức là đã đạt đến địa vị Thất Địa Bồ Tát. Đạt tới Bát Địa là vô công dụng hạnh, chẳng cần phải tinh tấn tu hành chi nữa, vị Bồ Tát ấy vĩnh viễn là như thế, đó gọi là Bất Thoái.

Nếu chúng ta chưa đạt đến những địa vị ấy, Tín vị còn chưa mãn, Thập Tín vị đã là rất khó. Hiện thời, chúng ta cảm thấy niệm trước chẳng đúng, vẫn cứ để cho nó tiếp tục, biết rõ là chẳng đúng mà vẫn cứ làm, vậy là ngay cả tín cũng chưa có! Địa vị Sơ Tín vừa nghe Phật pháp liền rờn da gà, liền tiến nhập, biết những thứ nào là ác, sẽ chẳng làm nữa. Biết chính mình suy nghĩ chẳng đúng, sẽ có thể ngay lập tức ngưng dứt. Nhận biết tiền niệm khởi ác, sẽ ngăn cho hậu niệm khởi lên. Đã nhập Tín vị, sẽ có tướng cảnh giới gì? Công đức của người đó chỉ có tăng trưởng cao thêm, chẳng bị thoái đọa. Tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tuyệt đối chẳng thể dao động. Thà xả thân mạng, trọn chẳng trái bỏ tín ngưỡng, đây là đã nhập Tín vị. Hiện thời, hãy dùng Tín ấy để kiểm tra cá nhân chính mình. Nay ta có sức tín ngưỡng như vậy hay không? Chỉ cần có thể chẳng xả niệm. Tín tâm thứ hai là Niệm Bất Thoái, niệm nào cũng niệm Tam Bảo, duyên niệm Tam Bảo, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, [đó là] Niệm Bất Thoái. Nếu là Bồ Tát thuộc địa vị có tín tâm, tức Tam Tín, Tứ Tín, cho đến Đệ Thập Tín, sẽ là Nguyên Bất Thoái, chúng ta còn chưa làm được! Bất quá, những điều này nói về Phật, cho nên tôi nói kèm thêm đó thôi!

Vô Sanh Pháp Nhãn là “*nhãn*” hết thấy các pháp vô sanh. Đối với ý nghĩa Vô Sanh, tuy đã nghe nói, vẫn chẳng thấu hiểu được, giải vẫn chưa đủ! Đã giải thì vẫn chưa hành được, chẳng làm được! Nếu có thể biết hết thấy các pháp vô sanh; vô sanh bèn vô diệt, là tịch tĩnh, quý vị sẽ chẳng tạo bất cứ nghiệp nào nữa. Đạt tới địa vị Vô Sanh Pháp Nhãn, sẽ đoạn dứt vô minh. Địa vị Tam Hiền Bồ Tát vẫn chưa đủ. Phải là Đẳng Địa Bồ Tát, chứng Lý Thể pháp tánh. Chứng một phần, sẽ tiến thêm một địa. Chứng mười phần, sẽ gọi là Đẳng Giác. Chứng rốt ráo, tức Diệu Giác thì thành Phật. Do vì chúng ta đoạn hiện hành Hoặc rất dễ, nhưng đoạn tập khí sẽ hết sức khó khăn. Quý vị muốn biết đời trước là như thế nào ư? Chính quý vị có thể tự biết. Hiện thời, tập khí nào của quý vị nặng nề nhất thì chính là nó đấy. Đời trước đã làm gì, quý vị biết ngay, chính mình hiểu rất rõ ràng.

Nếu quý vị vẫn chẳng biết đời trước đã làm gì, từ đường nào mà sanh vào đời này, hãy dùng Chiêm Sát Luân như kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã dạy để chiêm sát, từ một tới mười con số đầu tiên sẽ

là đời quá khứ của quý vị, từ đường nào mà nay biến thành người. Muốn biết sau khi chết sẽ đến nơi đâu, hãy dùng thời điểm hiện tại để chiêm sát, sẽ biết mình đi vào đường nào. Trong tương lai, quý vị còn có thể nghe Phật pháp hay không? Chính mình biết rất rõ. Nếu quý vị chẳng hiểu rõ, Địa Tạng Bồ Tát sẽ bảo cho quý vị biết. Nếu gieo Chiêm Sát Luân mà chẳng ứng nghiệm, hãy niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát cho nhiều. Mỗi ngày niệm một vạn tiếng, niệm rồi lại gieo. Gieo lần nữa, [biết kết quả rồi] hãy chuyển hóa. [Nếu do gieo Chiêm Sát Luân, biết] chính mình đáng đọa vào tam ác đạo, không được rồi! Đáng nên thăng thiên mà chẳng thăng thiên, thăng về thế giới Cực Lạc. Quý vị có thể chuyển hóa chính mình.

Quý vị ắt cần phải chứng đắc Vô Sanh. Tuy chẳng thâm nhập chứng đắc Vô Sanh, chính mình đã lý giải, đã tin tưởng. Quý vị cũng trọn đủ công đức này, dùng trần báo Vô Sanh Pháp Nhân để trang nghiêm chính mình. Tứ vô lượng tâm là từ, bi, hỷ, xả, từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng. Từ, bi, hỷ, xả là dẹp trừ đau khổ của hết thảy chúng sanh, ban vui sướng cho hết thảy chúng sanh. Nghe pháp, gặp Tam Bảo, luôn sanh tâm hoan hỷ. Pháp hỷ sung mãn, chuyện gì cũng đều có thể xả, ngay cả thân thể của chính mình đây cũng đều có thể xả, huống hồ vật ngoài thân thể của chính mình! Đều có thể xả, khiến cho thân, miệng, và ý của chính mình trở thành cái nhân thù thắng viên mãn.

Dùng những thứ ấy làm “bảo lý” (寶履, dép báu). Dùng bảo lý để mang vào chân, ở trong tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới, thân, miệng, ý của người ấy vi diệu, trọn chẳng làm ác. Làm thiện sự, viên mãn hết thảy các nhân thù thắng để làm tàn, lộng. “*An trí cổ tích chư Phật thiên tiên cộng sở hộ trì Kim Cang Định tòa*” (Xếp bày tòa Kim Cang Định được chư Phật thiên tiên cùng hộ trì từ xưa): Kim Cang Bồ Đề tòa, ngôi nơi ấy, sẽ thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật ngôi Bồ Đề tòa trong đạo tràng Già Da Bồ Đề (Bodh Gaya) tại Ấn Độ. Nay ai đến đó, đều có thể trông thấy. Từ hơn hai ngàn năm trước đã là như thế, hiện thời vẫn như thế. Một khối đất vuông vức như thế, trải qua nhiều đợt gió táp mưa sa ngàn ấy, có thể sẽ bị giảm thiểu đôi chút. Tôi thấy như vậy đó, tôi cho rằng cũng có thể chưa hề bị lay động. Đó là Kim Cang tòa.

Thích Ca Mâu Ni Phật ngôi yên nơi tòa ấy. Ngôi nơi đó, Ngài chứng đắc quả vị Vô Thượng Bồ Đề, chứng đắc tòa Tứ Niệm Trụ được hết thảy Thanh Văn và Độc Giác cung kính hộ trì, cho đến thành tựu ở

nơi Kim Cang Bồ Đề tòa mà chư Phật đã từng ngồi. Tứ Niệm Trụ là gì? Trong phần trước đã nhắc tới rồi, [chính là] thân, thọ, tâm, pháp, tức Tứ Niệm Xứ. Đây là cái luân thứ nhất của đức Phật. Ngồi trên tòa ấy, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, là địa vị Nhất Thiết Trí, là quả vị của trí Nhất Thiết Trí.

(Kinh) Vị linh nhất thiết Tam Bảo chủng tánh bất đoạn tuyệt cố, chuyển u pháp luân, kích pháp chung cổ, diệu pháp âm thanh, biến mãn tam giới, linh chư thiên, long, Dược Xoa, La Sát, A Tố Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, Cưu Bàn Đồ, Bệ Lệ Đa, Tát Xá Giá, Bồ Đát Na, Yết Trá Bồ Đát Na, nhân phi nhân đẳng, u Tứ Thánh Đế giai đắc minh giải, tam chuyển thập nhị hành tướng pháp luân, nhất thiết thế gian sở hữu sa-môn, nhược Bà-la-môn, chư thiên, ma, Phạm, nhân phi nhân đẳng, sở bất năng chuyển, vị dục lợi ích an lạc thế gian vô lượng thiên nhân, linh đắc thù thắng quảng đại nghĩa lợi, tích sở vị chuyển, nhi kim chuyển chi. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ nhất Phật Luân.

(經)為令一切三寶種姓不斷絕故，轉於法輪，擊法鐘鼓，妙法音聲，徧滿三界，令諸天、龍、藥叉、羅剎、阿素洛、揭路荼、緊捺洛、莫呼洛伽、鳩畔荼、薜荔多、畢舍遮、布怛那、羯吒布怛那、人非人等，於四聖諦皆得明解，三轉十二行相法輪，一切世間所有沙門、若婆羅門、諸天魔梵、人非人等所不能轉，為欲利益安樂世間無量天人，令得殊勝廣大義利，昔所未轉，而今轉之。善男子！我成如是第一佛輪。

(Kinh: Vì khiến cho hết thảy chủng tánh Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt, bèn chuyển pháp luân, đánh chuông trống pháp. Âm thanh diệu pháp trọn khắp ba cõi, khiến cho các trời, rồng, Dược Xoa, La Sát, A Tố Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, Cưu Bàn Đồ, Bệ Lệ Đa, Tỳ Xá Giá, Bồ Đát Na, Yết Trá Bồ Đát Na, nhân phi nhân v.v... đều được hiểu rõ Tứ Thánh Đế, ba lượt chuyển pháp luân mười hai hành tướng mà hết thảy sa-môn, hay Bà-la-môn, chư thiên, ma, Phạm Thiên, nhân phi nhân v.v... trong thế gian đều chẳng thể chuyển được, vì muốn lợi ích, an vui vô lượng trời, người trong thế gian, khiến cho họ đạt được nghĩa lợi thù thắng rộng lớn. Trước kia chưa chuyển, mà nay chuyển.

Này thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ nhất như thế).

Như vậy thì sẽ khiến cho Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo vĩnh viễn chẳng đoạn tuyệt. Đây là thời đại chẳng có Phật, các vị Bồ Tát sẽ đến đâu để thỉnh? Khi Phật chưa đến nhân gian để thành Phật, Ngài đến nội viện của Đâu Suất Thiên trước. Hiện thời, người sẽ kế vị đức Phật là Di Lạc Bồ Tát cũng đã ở nơi đó. Các vị Bồ Tát ấy đến Đâu Suất nội viện, thỉnh Ngài hạ sanh nhân gian để thành Phật. Như vậy thì sẽ khiến cho chúng tánh Tam Bảo chẳng bị đoạn tuyệt. Chuyển đại pháp luân thì sơ chuyển pháp luân sẽ nói pháp Tứ Đế, ba lượt chuyển pháp luân trong đại thiên. Khi ấy, sẽ đánh chuông trống pháp. Chuông trống pháp do ai đánh? Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, lúc đức Phật mới thành đạo, chẳng muốn thuyết pháp, do Đại Phạm Thiên khải thỉnh, [đức Phật mới thuyết pháp]. Do vậy, chuông trống là do Đế Thích Thiên và Đại Phạm Thiên gõ.

Chuông trống ấy vang ra âm thanh diệu pháp, trọn khắp Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới, khiến cho các quỷ thần thuộc thiên long bát bộ như chư thiên, rồng, Dược Xoa (Yakṣa), La Sát (Rākṣasa), A Tồ Lạc (Asura, A Tu La), Yết Lộ Đồ (Garuḍa, tức Ca Lô La), Khẩn Nại Lạc (Kinnara, Khẩn Na La), Mạc Hồ Lạc Già (Mahoraga, Ma Hầu La Già), Cưu Bàn Đồ (Kumbhāṇḍa, Cưu Bàn Trà), đây là tám bộ quỷ thần chúng. Bê Lê Đa (Preta), Tát Xá Giá (Pisāca), Bồ Đát Na (Pūtanā), Yết Trá Bồ Đát Na (Kaṭapūtanā), nhân phi nhân v.v... Từ Bê Lê Đa trở xuống là quỷ, có xú quỷ, có quỷ ăn thịt người, có ngựa quỷ. “*Quỷ*” nói ở đây hàm ý quỷ vương.

“*Nhân phi nhân đấng*”: La Sát, Dạ Xoa có khi giống người, nhưng lại chẳng phải là người, nói là trời thì họ lại chẳng phải là trời, nhưng lại có thân thông. Giống người ư? Trên đỉnh đầu lại mọc ra chân gà, cho nên lại chẳng phải là người. Giống người mà chẳng phải là người, cho nên gọi là “*nhân phi nhân*”.

Tứ Thánh Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Pháp Tứ Thánh Đế, tam chuyển pháp luân “*thập nhị hành tướng*”, hết thảy sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên, ma, Phạm, nhân phi nhân v.v... trong thế gian đều chẳng thể chuyển! Trừ đức Phật ra, hết thảy các loài chúng sanh khác đều chẳng thể chuyển, chẳng thể nói. Chẳng phải là họ không thể nói, [thật ra] là vì họ chẳng biết nói như thế nào. Họ cũng chẳng niệm, mà cũng chẳng hiểu. Sau khi đức Phật thành đạo, “*vị dục lợi ích an lạc thế gian vô lượng thiên nhân, linh đắc thù thắng quảng đại nghĩa lợi*” (vì muốn lợi

ích an lạc vô lượng trời người trong thế gian, khiến cho họ đạt được nghĩa lợi rộng lớn thù thắng), trong quá khứ chẳng thuyết pháp, nay thuyết pháp.

“Nhi kim chuyển chi. Thiên nam tử! Ngã thành như thị đệ nhất Phật Luân” (Mà nay chuyển. Nay thiên nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ nhất như thế): Phật Luân là gì? Chính là ý nghĩa ấy. Trước hết, dùng vương luân của quốc vương để hình dung Phật Luân. Trước hết, dùng thế gian để hình dung xuất thế gian.

(Kinh) Do thử luân cố, như thật liễu tri thử thế, tha thế, thị xứ, phi xứ, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, hàng chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, chuyển đại phạm luân, thành đại phạm hạnh. Ngã ưng trụ thử tạp nhiễm thế giới, ngũ trước ác thời, xử đại chúng trung, chánh sư tử hồng, diệt chư hữu tình Ngũ Vô Gian nghiệp, quảng thuyết nãi chí chư bất thiện căn, tồi diệt nhất thiết chư chúng sanh loại, kiên như kim cang tương tục phiền não, kiến lập nhất thiết, vĩnh tận chư lậu, giải thoát diệu quả. Tùy kỳ sở nhạo, an trí nhất thiết hữu lực chúng sanh, linh trụ tam thừa bất thoái chuyển vị.

(經)由此輪故，如實了知此世他世，是處非處，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，降諸天魔，外道邪論，轉大梵輪，成大梵行。我應住此雜染世界，五濁惡時，處大眾中，正師子吼，滅諸有情五無間業，廣說乃至諸不善根，摧滅一切諸眾生類，堅如金剛相續煩惱，建立一切，永盡諸漏，解脫妙果。隨其所樂，安置一切有力眾生，令住三乘不退轉位。

(Kinh: Do luân này, biết rõ đúng thật đời này, đời khác, chỗ đúng, chỗ sai, được trụ an ổn, chẳng bị kinh hoàng, chẳng bị sợ hãi, hàng phục tà luận của chư thiên ma và ngoại đạo, chuyển đại phạm luân, thành đại phạm hạnh. Ta trụ trong thế giới tạp nhiễm này, vào thời ác ngũ trước, ở trong đại chúng, thực hiện sư tử hồng, diệt nghiệp Ngũ Vô Gian của các hữu tình, nói rộng cho đến đối với các bất thiện căn, dẹp tan phiền não liên tục cứng chắc như kim cang của hết thảy các loài chúng sanh, kiến lập hết thảy, vĩnh viễn hết sạch các lậu, đạt diệu quả giải thoát. Tùy theo ý họ ưa thích mà đặt yên hết thảy chúng sanh có sức, khiến cho họ trụ trong địa vị bất thoái chuyển của tam thừa).

Do vậy, đức Phật chứng đắc Thập Lực. Ở đây, chỉ nêu ra một loại là Thị Xứ Phi Xứ Lực. “*Như thật liễu tri thứ thế, tha thế*” (Biết rõ đúng thật đời này, đời khác): “*Thị xứ, phi xứ*” là gì? Nếu quý vị sanh trong thế giới nào, nơi ấy có tương ứng với nhân quả của quý vị hay không, có đầu thai lộn chỗ hay không? Cũng có trường hợp đầu thai sai, có khi là Bồ Tát thị hiện, chẳng phải là sanh không đúng chỗ! “*Như thật liễu tri*” (Biết rõ đúng như thật) là Thật Tế Lý Thể, cũng là cảnh giới Nhất Thật. Do dựa theo Nhất Thật giới, do [nuơng cậ] pháp tánh, biết tương xứng với pháp tánh, cho nên an ổn trụ trong thế giới này, chẳng kinh sợ, chẳng hoảng hốt, đắc vô sở úy. Không chỉ là chính mình chẳng sợ hãi, mà còn khiến cho hết thảy chúng sanh đều chẳng sợ hãi. “*Hàng chư thiên ma ngoại đạo tà luận*” (Hàng phục tà luận của các thiên ma và ngoại đạo): Phật giáo là chánh luận, phá trừ tà luận của ngoại đạo. Trong thời Mạt Pháp, tà có thể thắng chánh; hiện thời, tà thắng chánh. Vì sao? Do nghiệp chiêu cảm. Nghiệp của ai chiêu cảm? Do nghiệp của hết thảy chúng sanh chiêu cảm.

Những thứ chẳng phù hợp lời Phật dạy quá nhiều, tôi không nói nhiều về điểm này. Tôi nói nhiều, sẽ không hay lắm! Tự quý vị hãy phân biệt biện định gì là tà, gì là chánh? Ất cần phải có trí huệ phân biệt, biện định tà chánh. Phàm là đối với lời Phật dạy, tôi chỉ nêu ra một điều là Tứ Niệm Xứ. Phàm là quán thân bất tịnh, nếu nói thân thể này thanh tịnh, ta là Phật, thế mà chín lỗ nơi sắc thân thường tuôn ra các thứ bất tịnh, quý vị là Phật gì vậy? Chẳng có Phật như vậy! Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải là như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật hóa hiện [sắc thân] thanh tịnh. Cho đến hóa hiện sắc thân luôn là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Quý vị chẳng thể trụ trong Chánh Định, tâm của quý vị nhiều lượt sanh khởi, nhiều lượt vô thường. Chuyện gì cũng đặt chính mình vào bậc nhất, chẳng thể quán hết thảy các pháp vô ngã; ngay cả điều tối thiểu như vậy mà còn làm không nổi! Đó gọi là “*tà luân*” (邪轮), chẳng phải là thanh tịnh luân.

“*Chuyển đại phạm luân, thành đại phạm hạnh*”: Dùng “*đại phạm*” để hình dung thanh tịnh luân và phạm hạnh thanh tịnh. Do vậy, Địa Tạng Bồ Tát hỏi: “Bạch Phật! Vì sao thế giới này tạp nhiễm, ô trược như vậy mà Ngài có thể trụ an ổn trong đời ác ngũ trược?” Đức Phật liền dạy: “Rất an ổn! Do vậy, ta ở trong thế giới tạp nhiễm này, nhằm đời ác ngũ trược, ta phát ra sư tử hồng, nói ra chánh pháp, tiêu diệt hết thảy nghiệp Ngũ Vô Giá của hết thảy hữu tình, tiêu diệt sạch các nghiệp giết cha, giết mẹ, giết La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng.

Đồng thời, rộng nói các chuyện bất thiện, khiến cho họ đạt được thiện căn, dẹp tan bất thiện căn, dẹp tan hết thấy phiền não vốn có, liên tục không ngừng, kiên cố như kim cương của hết thấy chúng sanh, ta đều phá tan”.

“*Kiến lập nhất thiết, vĩnh tận chư lậu*” (Kiến lập hết thấy, vĩnh viễn chấm dứt các lậu): Khiến cho hết thấy chúng sanh đều thành Phật, đều chứng đắc giải thoát, chứng đắc quả vị rốt ráo chẳng thể nghĩ bàn; đây là Phật quả. Thuận theo sự vui thích của họ, mà an trí họ nơi đâu?

“*Linh trụ tam thừa bất thoái chuyển vị*” (Khiến cho họ trụ địa vị bất thoái chuyển của tam thừa): Trụ trong Thanh Văn, sẽ chẳng thoái chuyển vào lục đạo. Sau khi đã liễu sanh tử, đều có thể dần dần thành Phật. Hàng Nhị Thừa có thể thành Phật hay không? Đến một lúc nhất định, họ sẽ chuyển Tiểu hướng Đại. Chẳng có chúng sanh nào không thành Phật, mà cũng chẳng có người Nhị Thừa nào không thành Phật! Khi đức Phật quở trách A La Hán, quở họ chẳng phát đại tâm, chẳng phát Bồ Đề tâm; đó là vì còn chưa tới lúc. Mọi người nếu niệm kinh Địa Tạng, niệm phẩm Phổ Môn, sẽ biết ngay. Trong phẩm Phổ Môn, người phát khởi là Vô Tận Ý Bồ Tát. Trong kinh Địa Tạng, khi Địa Tạng Bồ Tát hóa thân làm cô Quang Mục, là một tín nữ tại gia, người độ cô ta chính là [một vị A La Hán, tức tiền thân của] Vô Tận Ý Bồ Tát. Vị A La Hán ấy chính là Vô Tận Ý Bồ Tát. Trong vô lượng kiếp trước, Vô Tận Ý Bồ Tát đã chứng quả A La Hán. A La Hán chẳng phát tâm là vì còn chưa tới lúc.

Nay tôi nói cùng mọi người về “*tam chuyển pháp luân ư đại thiên*” (ba lượt chuyển pháp luân trong đại thiên). Mọi người thường nghe thấy danh từ này, nhưng rất ít khi được giải thích cặn kẽ. Nay có nhân duyên này, chúng tôi lợi dụng dịp này để giảng. Một ngàn vị Phật trong Trang Nghiêm Kiếp, một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp, một ngàn vị Phật trong Tinh Tú Kiếp. Một ngàn vị Phật trong Trang Nghiêm Kiếp đã qua, từ Hoa Quang Phật đến Tỳ Xá Phù Phật. Khi chúng ta bái sám, [kinh văn] chỉ liệt kê Tỳ Bà Thi Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Xá Phù Phật, chúng ta nói các Ngài là ba vị Phật trong quá khứ. Bốn vị Phật Thế Tôn trong Hiền Kiếp hiện thời [cùng với ba vị Phật quá khứ], hợp thành Thất Phật Thế Tôn. Một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp có Câu Lưu Tôn Phật mà chúng ta vừa đọc thấy [trong kinh văn], Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ tư, Di Lặc Phật là vị thứ năm. Vị cuối cùng chính là Vi Đà Bồ Tát [trong hiện thời]. Vị Phật thứ nhất trong một ngàn vị Phật thuộc Tinh Tú Kiếp là Nhật Quang Phật, vị

Phật cuối cùng là Tu Di Tướng Phật. Cuối phẩm thứ tám của kinh Địa Tạng, quý vương Chủ Mạng thành tựu Tu Di Tướng Phật. Đây là vị Phật cuối cùng trong Tinh Tú Kiếp.

Nay dựa theo kinh văn này để nói “*tam chuyển pháp luân*”. Sơ chuyển pháp luân là giảng về Khổ Đế. Đã mê Đế này liền khổ. Nếu chẳng mê Đế này, tốt lắm. Đức Phật giảng Khổ Đế cho chúng ta. Sơ chuyển pháp luân là nói cho chúng ta biết hình tướng của khổ, Ngài nói: “*Đây là khổ, có tánh chất bức bách*”. Khổ chuyển là Thị Tướng Chuyển, nói “*đây là khổ, có tánh chất bức bách*”. Chúng sanh lợi căn vừa nghe, họ sẽ tự nhủ “*khổ có tánh bức bách*”, ta phải đoạn Khổ. Khổ do đâu mà có? Bèn tìm nguyên nhân. Nguyên nhân là do Tập mà có. Đây là Khổ, là bức bách, là Sơ Chuyển, là Thị Tướng Chuyển.

Thứ Chuyển là khuyên tu, nói “*đây là Khổ, các người nên biết*”. Các vị hãy nên biết đây là Khổ. Đế Tam Chuyển là Tác Chuyển, “*đây là Khổ, ta đã biết*”. Vừa chuyển, người lợi căn bèn khai ngộ. Có các chúng sanh căn cơ không nhạy bén như vậy, nhất định phải thêm vào “*nhữ ưng tri*” (các người hãy nên biết). Vì sao nói Khổ? Đây là Thứ Chuyển, dành cho hạng trung căn. Vậy mà quý vị còn chưa lãnh ngộ, Phật liền làm chứng (Tác Chứng), tức là Thị Chứng Chuyển, nói: “*Đây là Khổ, ta đã biết, các người phải nên tin*”. Đó là Khổ Tam Chuyển. “*Tam chuyển pháp luân ư đại thiên*”, [nghĩa là] nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đối với mỗi Đế, đều trải qua ba lượt chuyển, có ý nghĩa như thế đó.

Đây là Tập Đế, [nhằm trả lời câu hỏi] “*Khổ quả do đâu mà có?*” Nói đến cái quả thế gian, khổ quả do chính quý vị chiêu cảm, cùng lúc tụ tập. Khổ quả do khổ nhân thành tựu. Đây cũng là Sơ Chuyển, là Thị Tướng, [tức là nói]: “*Đây là Tập, có tánh chiêu cảm*”. Cái nhân của sự khổ tích tập quá nhiều, tự nhiên quý vị phải chịu khổ quả. Cái nhân ấy có thể cảm quả, mang tánh chất chiêu cảm. Người lợi căn nghe nói như vậy, họ biết ngay, hiểu ngay. Thứ Chuyển là dành cho người trung căn, tức là khuyên tu. “*Đây là Tập, các người nên đoạn*”. Quý vị chẳng muốn chịu khổ, phải đoạn cái nhân khổ ấy. Đó gọi là Thứ Chuyển. Thứ Chuyển mà vẫn chưa khai ngộ, vẫn chưa hiểu rõ thì phải Tam Chuyển. Tam Chuyển vẫn là Tác Chứng Chuyển.

Bốn Đế ấy đều là Thị Tướng, Khuyên Tu, và Tác Chứng. Một đàng là nhân quả thế gian, đàng kia là nhân quả xuất thế gian. Nói “*đây là Tập, ta đã đoạn*”, quý vị cũng phải nên đoạn, [đó là Tác Chứng Chuyển]. Giải thích như vậy, đó gọi là nhân quả thế gian. Nếu thật sự đã đoạn Tập nhân, tự nhiên là chẳng có khổ quả. Không có khổ quả, quý vị

sẽ vượt thoát tam giới. Vượt thoát tam giới, đoạn Khổ, bèn chứng. Tiếp đó, muốn đoạn Khổ thì phải tu Đạo. Tu Đạo sẽ có thể chứng đắc quả. Nhân quả thế gian là Khổ Tập, Khổ là quả, tức cái quả trong thế gian. Tập là cái nhân chiêu cảm khổ quả trong thế gian.

Như thế thì phải lật ngược lại! Từ thế gian đạt đến xuất thế gian, phải tu cái nhân xuất thế gian hòng chứng cái quả xuất thế gian. Khổ và lạc tương đối. Nói theo nhân quả xuất thế gian thì lạc quả gọi là Diệt, cũng là Sơ Chuyển, Thứ Chuyển, Tam Chuyển, tức Thị Tướng, Khuyến Tu, và Tác Chứng.

“Đây là Diệt, có tánh chất có thể chứng”, [hàm nghĩa] “diệt khổ, ắt quý vị có thể chứng”. Đã chứng đắc, sẽ chẳng có Khổ. Đây là tánh chất có thể chứng. Thứ Chuyển là khuyên tu, khuyên họ hãy tu đạo. “Đây là Diệt, các ngời hãy nên chứng”. Quý vị hãy nên chứng đắc. Diệt là chứng Sanh, quý vị bất sanh sẽ bất diệt, bất diệt cũng là bất sanh. Sanh tử luân chuyển, đã diệt thì sẽ chẳng luân chuyển nữa. Nói như thế đó: Quý vị hãy nên chứng. Khuyên họ hãy tu, tức là nói với người trung căn. “Đây là Diệt, các ngời hãy nên chứng”, quý vị hãy nên chứng đắc. Tam chuyển, tức là “đây là Diệt, ta đã chứng đắc”, ngụ ý: “Ta có thể chứng minh. Các ngời cũng có thể làm như thế, cũng có thể chứng đắc”. Đây chính là cái quả của ngộ. Nhân của ngộ quả là Đạo Đệ. Trong Khổ, Tập, Diệt, Đạo thì Đạo là nhân [của Diệt], là cái nhân của ngộ. Khổ quả là mê quả, lạc quả là ngộ quả. Khổ nhân là mê nhân, lạc nhân là ngộ nhân. Đây là tương đối.

Đạo Đệ sơ chuyển là Thị Hiện Chuyển: *“Đây là Đạo, có tánh chất có thể tu”,* hãy nên tu. Người thượng căn vừa nghe bèn có thể ngộ được. Đã ngộ sẽ có thể tu, hễ tu bèn chứng đắc. Nếu là kẻ trung căn, còn phải khuyên, đức Phật liền dùng chính mình để chứng minh, để khuyên tu, dạy: *“Đây là Đạo, các ngời hãy nên tu”*. Quý vị hãy nên tu Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Chúng tôi nêu một thí dụ, nói đến Tứ Niệm Xứ, đây là tu Đạo. Quý vị quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã; đây là tu Đạo. *“Các ngời hãy nên tu”* có rất nhiều pháp, tôi chỉ nêu thí dụ này. Tam Chuyển là Tác Chứng. *“Đây là Đạo, ta đã tu”*, ta tu rồi, đã chứng đắc. Hễ tu rồi thì sẽ chứng đắc.

“Tam chuyển Tứ Đệ” trong kinh nói theo ý nghĩa như vậy đó. Tập là nghiệp chiêu cảm tụ tập, hãy suy xét cận kề chuyện này một phen. Phiền não, Hoặc, Nghiệp của chúng ta sẽ chiêu cảm, tụ tập khổ quả sanh tử trong tam giới. Tập Đệ liên quan đến thế gian này. Vì sao sẽ sanh khởi khổ quả? Những gì quý vị đã làm chính là cái nhân để sanh khởi,

chính là căn nguyên tích tập. Căn nguyên là chân lý. Chân lý vốn chẳng có. Do quý vị tạo tác mà sanh khởi khổ nhân. Diệt có nghĩa là “tịch diệt”, quý vị hãy suy xét cặn kẽ một phen: Căn bản của khổ là gì? Là dục và ái. Nếu đoạn trừ dục và ái, khổ sẽ diệt. Khổ đã diệt, sẽ chẳng còn tái sanh, quý vị sẽ nhập cảnh giới Niết Bàn. Niết Bàn là gì? Là bất sanh, bất diệt. Cái nhân là Khổ Tập đã diệt hết, tự nhiên khổ quả cũng tiêu diệt. Đây là chân lý, nhưng Đạo Đế và Diệt Đế là xuất thế gian, Diệt có nghĩa là tịch diệt. Do dục và ái làm nhân, cho nên quý vị chẳng chứng đắc Diệt quả. Quý vị đoạn dục và ái, sẽ chứng đắc Diệt quả. Đoạn bằng cách nào? Phải tu, phải quán hết thấy các pháp vô ngã. Hãy nên tu như vậy.

Ba mươi bảy đạo phẩm và Bát Chánh Đạo đều là Chân Đế để chúng ta tu hành. Do vậy, sau khi đức Phật thành Phật, Ngài đã quan sát, ứng theo căn cơ, đi tới Lộc Dã Uyển, đối trước nhóm năm vị tỳ-kheo Kiều Trần Như nói pháp Tứ Đế. Đây là pháp cơ bản nhất trong Phật giáo, là giáo nghĩa tối sơ. Ngoài việc nói về giải thoát sanh tử ra, còn phải nói sâu hơn về Tứ Đế, đó là cách giải thích trong Đại Thừa. Kinh điển Đại Thừa cũng có Khổ, Tập, Diệt, Đạo Tứ Đế, nhưng nói còn sâu hơn Tiểu Thừa, phát huy đạo lý càng sâu hơn nữa. Hiểu các đạo lý ấy, thì gọi là Tam Chuyển Tứ Đế.

Nếu đối với các danh từ giống như thế này đều giải thích [cặn kẽ] như vậy, thời gian của chúng ta chẳng cho phép. Tôi chỉ giải thích một trường hợp này. Còn như Tứ Niệm Xứ, Tứ Như Ý Túc, Tứ Chánh Cần, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Bát Chánh Đạo, Thất Giác Chi đều thuộc vào ba mươi bảy đạo phẩm.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán lãnh đại vương, sở dăng vương vị, thọ đế chức dĩ, quán sát quá khứ, vị lai, hiện tại chư vương pháp đạo, u kỳ chủng chủng vương nghiệp luân trung, dĩ thiện quán sát nhân quả báo trí, tùy kỳ sở ưng, kiến lập nhất thiết phụ thần, liêu tá, phổ cập quốc ấp ngu trí nhân dân tam chủng nghiệp luân. Do thử nghiệp luân, suất độ chúng sanh trường dạ thọ dụng, sở hữu chủng chủng thích ý tư cụ, hỷ lạc tăng trưởng, năng diệt nhất thiết oán địch, ác hữu. Hà dăng danh vi tam chủng nghiệp luân? Nhất giả, kiến lập đế vương nghiệp luân, vị thiện giáo tập quân trận đấu chiến, hàng tha binh chúng, phủ dục nhân dân. Nhị giả, kiến lập điền trạch nghiệp luân, vị thiện giáo tập tạo xá, doanh nông, linh đắc an ổn, ẩm thực sung túc. Tam giả, kiến lập tài bảo nghiệp luân, vị thiện giáo tập

công thương tạp nghệ, linh đắc chủng chủng trân ngoạn, tư tài, tùy ý thọ dụng, tăng chư khoái lạc. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ nhị vương luân. Do thử luân cố, u tự quốc độ, đắc an lạc trụ, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如剎帝利灌頂大王，初登王位，受帝職已，觀察過去，未來，現在諸王法道，於其種種王業輪中，以善觀察因果報智，隨其所應，建立一切輔臣僚佐，普及國邑愚智人民三種業輪。由此業輪，率土眾生長夜受用，所有種種適意資具，喜樂增長，能滅一切怨敵惡友。何等名為三種業輪？一者，建立帝王業輪，謂善教習軍陣斗戰，降他兵眾，撫育人民。二者，建立田宅業輪，謂善教習造舍營農，令得安隱，飲食充足。三者，建立財寶業輪，謂善教習工商雜藝，令得種種珍玩資財，隨意受用，增諸快樂。善男子！剎帝利種灌頂大王，成就如是第二王輪。由此輪故，於自國土，得安樂住，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Như đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh, mới lên ngôi vua, nhận lãnh chức vị đế vương xong, quan sát đạo pháp của các vị vua trong quá khứ, vị lai, hiện tại, từ trong các thứ vương nghiệp luân, dùng trí khéo quan sát cái nhân và quả báo, tùy theo lẽ đáng nên mà kiến lập hết thấy các đại thần, quan chức phù tá, phổ cập ba thứ nghiệp luân cho nhân dân dù ngu hay trí trong nước. Do các nghiệp luân ấy, chúng sanh cả nước được thọ dụng trong đêm dài. Tất cả các thứ vật dụng cần dùng đẹp ý, tăng trưởng vui sướng, có thể diệt hết thấy oán địch và bạn ác. Những gì là ba thứ nghiệp luân? Một là đế vương nghiệp luân, tức là khéo dạy dỗ, tập luyện quân trận chiến đấu, đánh bại các quân đội khác, vô về, nuôi nấng nhân dân. Hai là kiến lập nghiệp luân ruộng đất, nhà cửa, tức là khéo dạy bảo, huấn luyện [dân chúng] tạo dựng nhà cửa, chăm lo nông nghiệp, khiến cho [dân chúng] được an ổn, ăn uống sung túc. Ba là kiến lập nghiệp luân của cải, tức là khéo dạy dỗ, huấn luyện công, thương, các ngành nghề, khiến cho họ đạt được đủ thứ đồ trân ngoạn, vật dụng sanh hoạt, tăng trưởng các sự vui sướng. Này thiện nam tử! Đại vương thuộc*

chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ hai như vậy. Do luân ấy, [nhà vua sẽ] trụ an ổn trong quốc độ của chính mình, có thể chế phục hết thảy oán địch và bạn ác, khéo giữ gìn thân thể, tăng thêm thọ mạng).

Đoạn kinh văn này nói vị vua đã được quán đánh sau khi kế thừa ngôi vua, đã quan sát pháp luật và tất cả chánh sách cai trị nhân dân do các vị vua trong quá khứ ấn định. Sau khi ông ta quan sát, [nhận thấy] trong ấy có thiện và ác, có tốt đẹp, có xấu xa. Vì sao trong quá khứ, quốc gia có lắm tai họa? Đó là vì pháp luật chẳng kiên toàn, thậm chí, chẳng tuân chiếu pháp luật để thực hiện. Dùng trí huệ quan sát các loại nhân quả, [nhận thấy] điều gì đáng nên cải cách, ông ta bèn sửa đổi. Do như vậy, đối với các quan lại, đại thần, cho đến đối với hết thảy nhân viên công tác, nhà vua kiến lập ba thứ nghiệp luân.

“Nghiệp” (業) là cái được thực hiện, “Luân” (輪) là tử dụ. “Luân” có thể tiêu trừ hết thảy Hoặc nghiệp của chúng sanh. Ở đây là nói theo Phật giáo. Nói theo người tại gia, sẽ là đập tan những thứ bất chánh, kiến lập những điều chánh xác. Trong mỗi quốc độ, đại đa số các vị quốc vương thuở đầu lập quốc, mới khởi sự đều tốt, dần dần hủ bại, suy vong, đọa lạc. Vương triều mới lại sanh khởi. Đã sanh khởi vương triều mới, sẽ lại kiến lập lần nữa, nhưng nghiệp luân của Phật giáo chẳng phải là như vậy. Trong quá khứ, chúng ta đã là như thế, hiện tại là như thế, tương lai sẽ là như thế, vĩnh viễn như thế.

Vị vua quán đánh ấy kiến lập ba loại nghiệp luân, tức là thực hiện các nghiệp. Các nghiệp ấy có tốt và xấu. Ông ta suất lãnh chúng sanh sống rất thoải mái, rất vừa ý, rất hưởng thụ. Kiến tạo ba loại nghiệp luân là để khiến cho nhân dân trong quốc gia của ông ta sống an định, vui sướng. Oán địch bên ngoài, hoặc bạn ác bất thiện đều bị đập tan thì ông ta mới có thể kiến lập sự nghiệp đế vương. Điều thứ nhất là tập luyện vũ trang. Bất cứ quốc gia nào, nếu chẳng có vũ lực để bảo vệ, người khác sẽ lấn hiếp họ. Quốc gia cường đại đều có sức mạnh vũ trang. Mọi người đọc tin tức trên báo chí, [sẽ thấy] nước Pháp không đếm xỉa bị phản đối, vẫn thử vũ khí hạch nhân sâu hơn. Vì sao? Họ muốn đích thân thăm dò để chính mình nắm chắc. Chẳng thăm dò, khi bị người khác khi dễ, họ cũng chẳng có cách nào! Nhưng thường là giữa các quốc gia, tôi đã có, vẫn chẳng chấp thuận cho anh có. Đây là nước lớn chèn ép nước nhỏ.

Hiện thời, từ một nhược quốc chuyển biến thành cường quốc, đã đổi thành một vị vua mới, điều thứ nhất là phải dạy nhân dân của ông ta

luyện tập chiến đấu, an định, và giáo dục nhân dân của chính mình. Đây là loại nghiệp luân thứ nhất, nhằm bảo vệ quốc gia. Tôi nhớ khi còn bé, trong huyện thường đắp tường thành vì sợ cường đạo hay thổ phỉ tấn công. Hiện thời, chỉ sợ ngay cả tường thành cũng chẳng có tác dụng chi hết! Hiện thời, [tường thành] đều bị phá hủy, vì [bom đạn] có thể từ trên không trung giáng xuống. Càng về sau, càng phát triển, càng dữ dội hơn nữa, giống như kiếp đao binh như đức Phật đã nói: “[*Những gì*] *thuận tay cầm lấy đều là vũ khí. Có cây đều là binh khí, đều có thể giết người*”. Hiện thời đã gần như là vậy. Vũ khí hóa học chẳng phải là như thế hay sao? Loại luân này ắt cần phải kiến lập.

Loại thứ hai là trước hết phải tạo dựng nhà ở. Có chỗ ở thì cũng là nghiệp luân về ruộng đất và nhà cửa. Có đất đai để khai phá, có đất đai để canh tác, trồng trọt, kiến tạo nhà ở. Do vậy, ông ta (vị vua quán đảnh) phải có các phương pháp, chỉ dạy họ kiến tạo nhà cửa như thế nào. Chúng tôi đã thấy [nhiều loại] nhà cửa, có rất nhiều nơi không giống nhau. Tôi ở Tứ Xuyên, thấy người Tứ Xuyên dựng nhà tranh. Tôi nói: “Nay quý vị có ngói và gạch, vì sao không xây nhà?” Họ nói: “Ở trong nhà xây bằng gạch ngói chẳng thoải mái!” Tôi hỏi: “Sao vậy?” Họ nói: “Chúng tôi dựng nhà tranh, Đông ấm, Hạ mát. Nhà xây gạch ngói thì không được. Những thứ này, đôi ba năm chúng tôi có thể dỡ bỏ, đổi mới. Nhà xây bằng gạch ngói rất khó thay mới”. Nhà tranh ở Tứ Xuyên có sườn nhà bằng trúc, khi gặt hái xong, sẽ lợp mái cỏ mới. Nhà cửa của họ xác thực là có ý vị mới mẻ. Cách mấy năm sẽ đổi một lần, đó là nhà tranh. Tây Tạng càng đơn giản hơn nữa, hết thấy [các vật liệu] đều lấy từ thân bò²⁶. Dùng lông bò dệt thành vải bạt, ghép lại [thành lều], kể như

²⁶ Bò ở đây là một loại bò đặc biệt ở Tây Tạng mà họ gọi là Yak (nếu nhìn vào văn tự Tây Tạng, phải ghi là gYag, nhưng khi phát âm, họ bỏ hẳn âm g, chỉ đọc thành Yak), có tên khoa học là *Bos Grunniens*), người Hoa gọi nó là “*mao ngưu*” (牦牛), thân hình to hơn bò thường, lông dài và rất rậm, chỉ sống ở cao nguyên Tây Tạng, cao nguyên quanh rặng Hy Mã Lạp Sơn, và rải rác một số ít tại Bắc Miến Điện, Tứ Xuyên, và Vân Nam. Loại bò này cao từ 1,6 mét đến 1,8 mét, sừng cong, hơi khoằm về phía trước. Lông chúng mọc rất dày ở trước ngực, phủ dài, che kín hông, ngực và nửa chân để chống lạnh. Đuôi của chúng giống như đuôi ngựa. Lông bò có thể cuộn và xe sợi để dệt vải, thắt thành các loại dây thừng, đan thảm. Da của chúng dùng để bọc khung gỗ làm thuyền, làm túi xách, giày. Chúng là phương tiện chủ yếu để chuyên chở, và cung cấp sữa và thịt cho con người. Sữa của chúng thường chế thành bơ để thấp đèn, và làm pho mát. Đối với mọi người dân, sữa bò, bơ và pho mát làm từ sữa Yak cùng với trà trộn vào lúa mạch rang, vo thành viên (gọi là Tsampa) là thức ăn chủ yếu hằng ngày. Phân bò cũng được sử dụng làm chất đốt.

tuyệt đồ dây cách mấy, họ cũng chẳng sợ. Trong khoảng khảy ngón tay, tuyết sẽ trôi tuột đi. Khi họ chuyển nhà, tháo lều ra, chất lên lưng bò chở đi, đến chỗ nào cũng đều được. Nhà của họ tùy thời biến hóa, vì là lều bạt dệt từ lông bò. Kiến thiết chỗ ở chính là điều cần thiết nhất trong đời người. Hiện thời, chúng ta sang đất nước của người khác, điều cần phải làm đầu tiên là mua nhà để ở cho thoải mái. Chẳng có nhà, quý vị sẽ chẳng an định.

Luân thứ hai là đã xây dựng nhà cửa xong, còn phải có ruộng đất. Chẳng có ruộng đất, làm sao có thể sống còn cho được? Những thứ chúng ta ăn toàn là do đất sanh ra. Như vậy thì làm cho nhân dân trong nước được an ổn, ăn uống sung túc, có ăn, có mặc, họ mong được hưởng thụ. Do vậy, nói đến “*kiến lập tài bảo nghiệp luân*”, khéo dạy dỗ, huấn luyện công, thương, tạp nghệ (雜藝, các ngành nghề khác nhau). “*Tạp*” (雜) là bao gồm rất nhiều [loại khác nhau]. Nay chúng ta thấy các món đồ chơi, các dụng cụ, hoặc máy móc để tập thể dục, thể thao, cho đến các phương tiện giao thông, đều [được gọi chung] là “*công thương tạp nghiệp*” (工商雜業). Trong lịch sử, phần lớn các vị hộ pháp cho Phật giáo đều là thương nhân. Hạng người này có phước báo, họ muốn gieo thiện căn. Quốc vương cũng hộ pháp, bất quá rất ít. Hộ pháp quốc vương là vua thuộc chủng tánh Sát-lợi (Sát-đế-lợi). Có các ác quốc vương, không chỉ chẳng hộ trì, mà trái lại còn tiêu diệt, tùy thuộc [họ thấy] Phật giáo có lợi cho họ hay không? Thương nhân thì gieo phước. Mọi người nhìn vào lịch sử Phật giáo, sẽ thấy đại đa số thương nhân hộ pháp. Vì sao phải dạy dân chúng tập luyện công, thương, tạp nghệ? Mọi người mong hưởng thụ, mong có đủ loại của cải trần ngoạn để tùy ý thọ dụng, tăng trưởng lạc thú trong cuộc sống, tăng trưởng sự vui sướng trong đời sống. Do vậy, vị vua Sát-đế-lợi quán đảnh này phải thành tựu vương luân thứ hai. Vương luân thứ hai bao gồm ba thứ nghiệp luân. Sau khi đã kiến lập vương luân thứ hai, quốc gia của vua có thể an vui.

“*Năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu*” (Có thể chế phục hết thảy oán địch, bạn ác): Khéo có thể bảo vệ gia tài của họ, bảo vệ quốc gia, bảo vệ sự an định của quốc dân, khiến cho hết thảy nhân dân tăng trưởng thọ mạng. Đó là vương luân thứ hai. Ở đây là cách nói tỷ dụ, chẳng chứa đựng ý nghĩa sâu xa nào, cho nên tôi nói đại lược. Dùng chuyện này để tỷ dụ Phật Luân.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai sơ thành Phật quả, đắc

Vô Thượng Trí, quán sát quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật pháp nhãn, dĩ thiện quán sát chư nghiệp pháp thọ nhân quả báo trí, kiến lập nhất thiết sở hóa hữu tình tam chủng nghiệp luân. Do thử nghiệp luân, năng linh Tam Bảo chủng tánh pháp nhãn trường dạ bất diệt, vô thượng chánh pháp xí thịnh lưu thông, linh chư hữu tình, trường thọ chủng chủng sanh thiên, Niết Bàn, an ổn khoái lạc, cập linh nhất thiết ngoại đạo tà luận bất năng hàng phục ngã chánh pháp nhãn, nhi năng như pháp tột bỉ tà luận.

(*經*)善男子！如是如來初成佛果，得無上智，觀察過去，未來，現在諸佛法眼，以善觀察諸業法受因果報智，建立一切所化有情三種業輪。由此業輪，能令三寶種姓法眼長夜不滅，無上正法熾盛流通，令諸有情，長受種種生天涅槃，安隱快樂，及令一切外道邪論不能降伏我正法眼，而能如法摧彼邪論。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Lúc Như Lai mới thành Phật quả như vậy, đắc Vô Thượng Trí, quán sát pháp nhãn của quá khứ, vị lai, và hiện tại như Phật, dùng trí khéo quán sát các nghiệp pháp lãnh nhận nhân và quả báo để kiến lập ba thứ nghiệp luân cho hết thấy hữu tình được hóa độ. Do các nghiệp luân ấy, có thể khiến cho pháp nhãn của chủng tánh Tam Bảo bất diệt trong đêm dài, chánh pháp vô thượng lưu thông hưng thịnh, khiến cho các hữu tình hưởng mãi các thứ vui sướng an ổn do sanh thiên hay chứng đắc Niết Bàn, và khiến cho tà luận của hết thấy các ngoại đạo chẳng thể hàng phục chánh pháp nhãn của ta, và có thể đúng như pháp mà đập tan các tà luận ấy).*

“*Như thị Như Lai sơ thành Phật quả*” (Như Lai mới thành Phật quả như thế): Đức Phật chứng đắc Phật quả, đạt được Vô Thượng Trí, muốn thấy quá khứ chư Phật, và vị lai chư Phật. Hiện tại, tam thế chư Phật đều chứng đắc pháp nhãn thanh tịnh. Phật nhãn quán hết thấy, có thể thấy thấu suốt hết thấy, trí quán sát các nghiệp pháp, cái nhân và quả báo lãnh thọ [do đã tạo các nghiệp ấy]. Do có loại trí huệ “*nhân quả báo trí*”, bèn kiến lập ba thứ nghiệp luân cho hết thấy các hữu tình được hóa độ. [Ba thứ nghiệp luân ấy] cũng giống như ba món nghiệp luân được nói đến trong tỷ dụ [về vương luân thứ hai] trên đây.

Nếu kiến thiết ba loại luân, sẽ có thể khiến cho chủng tánh Tam Bảo luôn hiện diện, chẳng đoạn tuyệt, khiến cho pháp nhãn của hết thấy

chúng sanh thanh tịnh, bất diệt trong đêm dài. “*Bất diệt*” có nghĩa là quang minh, tức quang minh của pháp nhãn. [Do quang minh], có thể biết đâu là chánh pháp, đâu là phi pháp, khiến cho chánh pháp vô thượng của Phật có thể lưu thông hưng thịnh, khiến cho các chúng sanh được giáo hóa của đức Phật trong cõi Phật đều có thể sanh lên trời, cho đến chứng đắc Niết Bàn. Sanh thiên vui sướng hơn ba ác đạo và nhân gian rất nhiều, nhưng hưởng thụ sự vui sướng [chân chánh] thì phải là chúng đắc rốt ráo sự vui sướng “*bất sanh bất diệt rốt ráo*”, [có như vậy thì mới thật sự hưởng] an ổn, sung sướng. Phàm là hết thấy các tà luận có hại của ngoại đạo, tà luận của ngoại đạo tranh chấp với chánh pháp nhãn, Phật pháp có thể hàng phục hết thấy tà luận, có thể đúng như pháp mà dẹp tan các tà luận.

(Kinh) Thiện nam tử! Hà đẳng danh vi tam chủng nghiệp luân? Nhất giả, kiến lập tu Định nghiệp luân. Nhị giả, kiến lập tập tụng nghiệp luân. Tam giả, kiến lập doanh phước nghiệp luân. Thiện nam tử! Vân hà Như Lai tu Định nghiệp luân? Định hữu thập chủng, hà đẳng vi thập? Vị chánh quán sát chư Hữu thức thân, lục chủng cảnh giới, ngã, ngã sở chấp dĩ vi kỳ nhân. Nghiệp vi lương điền, Vô Minh phú cái, Ái vi tư nhuận, vô hữu tự tại, y tha nhi lập, hệ thuộc chúng duyên, vị dục đoạn diệt Nghiệp, Phiền Não, Khổ, tam chủng lưu cố. Như thị quán sát, vân hà Nghiệp Lưu? Vị chư hữu tình sở hành chư hạnh. Nhược thử chư hạnh, sở do Vô Minh cập Ái vi nhân, năng sanh chư Hữu, danh Phiền Não Lưu. Nhược do phiền não, thức vi kỳ nhân, chúng duyên hòa hợp, Danh Sắc sanh khởi. Danh Sắc vi nhân, chúng duyên hòa hợp, Lục Xứ sanh khởi. Lục Xứ vi nhân, chúng duyên hòa hợp, Xúc, Thọ, Hậu Hữu, Sanh, Lão, Tử đẳng, thứ đệ sanh khởi, thị danh Khổ Lưu.

(經)善男子！何等名為三種業輪？一者，建立修定業輪。二者，建立習誦業輪。三者，建立營福業輪。善男子！云何如來修定業輪？定有十種，何等為十？謂正觀察諸有識身，六種境界，我，我所執以為其因。業為良田，無明覆蓋，愛為滋潤，無有自在，依他而立，係屬眾緣，為欲斷滅業、煩惱、苦、三種流故。如是觀察，云何業流？謂諸有情所行諸行。若此諸行，所由無明及愛為因，能生

諸有，名煩惱流。若由煩惱，識為其因，眾緣和合，名色生起。名色為因，眾緣和合，六處生起。六處為因，眾緣和合，觸、受、後有、生、老、死等，次第生起，是名苦流。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Những gì là ba thứ nghiệp luân? Một là kiến lập tu Định nghiệp luân, hai là kiến lập tập tụng nghiệp luân, ba là kiến lập doanh phước nghiệp luân. Nay thiện nam tử! Như Lai tu Định nghiệp luân là như thế nào? Có mười loại Định, những gì là mười? Tức là chánh quán sát sáu thứ cảnh giới của thức và thân trong các Hữu (tam giới), do Ngã, và những cái do ta chấp trước làm nhân. Nghiệp là ruộng tốt, do Vô Minh che phủ, Ái làm tưới tẩm, mà chẳng được tự tại, nương vào cái khác để thành lập, phụ thuộc các duyên. Vì muốn đoạn diệt ba loại dòng là Nghiệp, Phiền Não và Khổ, mà quan sát như thế. Nghiệp Lưu là như thế nào? Chính là các hạnh do các hữu tình đã làm. Nếu các hạnh ấy do Vô Minh và Ái làm nhân, có thể sanh ra các Hữu, thì gọi là Phiền Não Lưu. Nếu do phiền não và thức làm nhân của nó, các duyên hòa hợp thì Danh Sắc sanh khởi. Danh Sắc làm nhân, các duyên hòa hợp, Lục Xứ sanh khởi. Lục Xứ làm nhân, Xúc, Thọ, Hậu Hữu, Sanh, Lão, Tử v.v... theo thứ tự mà sanh khởi thì gọi là Khổ Lưu).

Tam Lưu bao gồm Nghiệp Lưu, Phiền Não Lưu, và Khổ Lưu. Phải quan sát chúng nó sanh trưởng như thế nào. Nghiệp Lưu là gì? Phiền Não Lưu là gì? Khổ Lưu là gì? Mỗi danh từ bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Nếu quý vị thấu hiểu, sẽ khế nhập kinh Phật. Không chỉ một bộ kinh này, mà rất nhiều bộ kinh, quý vị đều có thể hiểu. Ở đây, nêu ra ba loại Nghiệp Lưu, Nghiệp Lưu là gì? Chính là hết thảy mọi sự đã làm trong cuộc sống hằng ngày, kể cả ngũ nghệ, thậm chí kể từ lúc sanh ra mãi cho đến khi tử vong, quý vị chẳng thể trốn thoát được. Có rời lìa cũng chẳng rời lìa được, luôn thuộc vào trong ba loại nghiệp ấy. Nghiệp Lưu là các nghiệp do quý vị đã tạo. Phạm là hữu tình, bao gồm động vật, súc sanh, ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn, đều thuộc vào trong ấy, nhưng không tính thực vật. Bất quá, Nghiệp Lưu của nhân loại nặng nề nhất. Quý vị tạo tác các nghiệp, những gì quý vị đã làm, đều gọi là Nghiệp Lưu. Lưu là “vĩnh viễn chẳng ngưng dứt”. Lưu (流) là nghiệp luôn vận động, chuyên mãi chẳng ngưng dứt, vĩnh viễn trôi chảy như vậy.

Phiền Não Lưu là vô minh và ái. “Ái” là dục vọng của chúng sanh. Dục vọng của chúng sanh chính là căn bản sanh tử của chúng ta,

có ái nhiễm. Do vô minh và ái làm cái nhân, từ cái nhân ấy, sanh ra các hành vi. Do đã có hành vi, cho nên quý vị có các nghiệp đã tạo, là nghiệp thiện hay ác, cho nên có thăng lên hay giáng xuống. “Thăng” là sanh lên trời, “giáng” là đọa xuống địa ngục.

Khi tôi ở Bắc Kinh, có gặp một số công nhân mỏ than. Tôi hỏi họ: “Các vị làm nghề gì?” Họ nói: “Có khi tôi xuống địa ngục”. Tôi nói: “Quý vị có thể xuống địa ngục thật sao?” Họ đáp: “Tôi xuống địa ngục”. Tôi hỏi: “Xuống địa ngục cơ à? Xuống địa ngục chẳng chịu khổ hay sao?” Họ nói: “Tôi [xuống địa ngục] làm việc”. Tôi nói: “Làm việc gì vậy?” Họ nói: “Tôi cùng Diêm Vương lão tử đào than”. Tôi nói: “Công việc của các vị có phải là thợ mỏ than hay không?” Họ nói: “Đúng đấy! Hằng ngày chúng tôi đều xuống địa ngục. Chúng tôi mỗi sáng sớm mở mắt ra đều phải xuống đó”. Họ làm việc tại Môn Đầu Câu²⁷ ở Bắc Kinh, làm đến tối mới ra khỏi mỏ, rất dễ gặp cảnh hầm mỏ sụt lở, bị tảng đất phía trên sụt xuống, hay sập hầm mỏ. Đây là thuật ngữ nói về hầm mỏ của họ. Mỏ Môn Đầu Câu ở Bắc Kinh đã đào sâu gần mấy chục dặm, họ khai thác ở phía dưới Tây Sơn. “Có lúc chúng tôi cũng có dịp sanh thiên”. Tôi hỏi: “Trong đời này mà quý vị có thể sanh thiên ư?” Họ nói: “Đúng thế!” Tôi hỏi: “Quý vị sanh bằng cách nào?” Họ nói: “Đưa chúng tôi sang Trung Nam Hải²⁸ là chỗ của các quan to, tôi coi họ như Ngọc Hoàng Đại Đế, [sang đó] vá gạch, lợp ngói. Nhà họ bị dột, sai chúng tôi đến vá gạch, giặm ngói”. Tôi nói: “Bản lãnh của ông thật lớn, thăng thiên, nhập địa!”

Thật ra, cuộc sống của mỗi người đều là như vậy! Khi nào làm thiện nghiệp thì thăng lên. Có phước báo thì cuộc sống rất thoải mái, quý vị đừng quên nỗi đau khổ, [đừng quên] chúng ta cũng đã từng chịu khổ. Câu “*năng sanh chư Hữu*” (có thể sanh ra các Hữu) bao hàm rất nhiều [ý nghĩa] trong ấy. Tam Lưu là Nghiệp Lưu, Phiền Não Lưu, và Khổ

²⁷ Môn Đầu Câu (門頭溝) là một quận trực thuộc thành phố Bắc Kinh, 90% diện tích là núi non, đồi gò. Việc khai thác than đá đã bắt đầu từ cuối thời Minh.

²⁸ Trung Nam Hải là tên gọi khu vực ở phía Tây Tử Cấm Thành Bắc Kinh, gần với ba cái hồ lớn có tên gọi là Bắc Hải, Trung Hải, và Nam Hải. Từ đời Kim, khu này cảnh sắc rất tươi đẹp, ba cái hồ ấy được gọi chung là Thái Dịch Trì, và được xếp vào một trong Yên Kinh Bát Cảnh (tám cảnh đẹp tại Bắc Kinh). Đời Minh, Thanh, khu vực này được gọi là Tây Uyển. Nơi này có nhiều cung điện cũ của các triều đại. Sau khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc thành lập, các cơ quan trọng yếu như Quốc Vụ Viện, Trung Ương Thư Ký Xứ (văn phòng tổng bí thư), và các cơ sở đầu não khác của đảng và nhà nước cũng đặt tại đây...

Lưu. Khô là có phiền não, Thức làm cái nhân của nó. “Thức” bao gồm sáu thức, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, và Ý Thức. Mắt thuộc về Căn. Khi Nhãn Căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, nó chẳng có phân biệt. Cái có thể phân biệt là Nhãn Thức, dùng Nhãn Thức để phân biệt. “Thức” ở đây là sáu thức; nói gộp chung, sẽ là tám thức. Có phiền não thì Thức làm nhân, lại còn có rất nhiều nhân và rất nhiều duyên thức đầy thành tựu, nó mới sanh khởi theo thứ tự như vậy.

Những gì là năm quả trong hiện tại và hai quả trong vị lai? Những thứ ấy đều gọi là Khô Lưu. Vô Minh và Hành, Hành (行) có nghĩa là “vận động”. Nếu là tham, sân, si, mạn, nghi, kèm thêm Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Tà Kiến, mười loại ấy đều gọi là phiền não. Mười loại ấy còn được gọi là Kết Sử (結使), chúng thúc đẩy quý vị tạo nghiệp. Đó là Hành. Đây là những thứ trong nội tâm, thuộc về Nhân. Trong tâm tạo nghiệp, vẫn chưa sanh ra hiện thực. Sự vận động của Tướng trong tâm chính là hoạt động tâm lý vì quý vị chưa hiểu rõ. Do chẳng hiểu rõ mà cứ hoạt động, chẳng phải là hoạt động dựa theo trí huệ, mà là hoạt động ngu si, thuần túy là hoạt động tạo nghiệp, do mười món Kết Sử chỉ huy. Nghiệp thức để đầu thai, chúng ta thường nói các Kết Sử ấy chính là chủng tử của tám thức. Đó là ác phần, chẳng phải là thiện phần. Trong thức có hai phần Thiện và Ác; Sử thuộc về phần ác. Đã tạo các nghiệp ấy, do tạo cái nghiệp ấy bèn đầu thai.

Vì hai loại nhân này trong quá khứ mà tạo thành nghiệp. Thức thứ tám còn gọi là Hàm Tàng Thức (含藏識), vì chúng nó (các chủng tử, kết sử) chứa đựng trong thức ấy, tạo thành cái nghiệp ấy. Do vì nghiệp quá khứ, quý vị thọ báo. “Thọ báo” là tùy theo nghiệp đã tạo mà thọ báo. Có khi sanh thiên để hưởng thụ, đó cũng là Thức của người ấy [sanh thiên]. Như thế thì đầu thai trong sáu đường, đầu thai làm người là tốt nhất. Nếu quý vị tạo nhiều thiện nghiệp thì mới có thể sanh làm người. Thông thường, chúng sanh chẳng thể sanh vào nhân đạo được. Quý vị đọa vào ngạ quỷ, súc sanh, [địa ngục], tức ba ác đạo. Nếu đọa vào súc sanh đạo, sẽ càng khô hơn.

Bất luận đọa vào đường nào, khi nghiệp thức sắp nhập thai, cứ bảy ngày sẽ biến đổi. Lúc sắp nhập thai, sáu căn còn chưa sanh trưởng, ngay cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý đều chẳng có, chỉ có thai hình, sáu căn chưa đủ. Sau khi lọt lòng mẹ, ái dục tiếp xúc với cảnh, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thân thể tiếp xúc, ở trong bụng mẹ rất ấm áp, nay sanh ra, không khí khiến cho từng lỗ chân lông của quý vị bị kích thích. Sự thống

khô ấy quý vị nói không được, chỉ cảm thấy đau khổ. Sự đau khổ ấy chúng ta không biết.

Trong nhà tù, khi chịu đủ loại khổ hình, miệng quý vị bị bịt kín, mắt bịt chặt, có nhìn cũng chẳng thấy, có nghe cũng chẳng nghe được, sáu căn đều bị đóng kín, chỉ biết chịu khổ, nói chẳng ra lời. Tôi nghĩ nỗi khổ lúc đầu thai tiếp xúc ban đầu chắc cũng chẳng sai khác cho mấy. Chẳng có cách nào biểu đạt! Biểu đạt bằng cách nào đây? Đây là khổ quả. Đã tiếp xúc ngoại giới, sẽ khác hẳn, sanh khởi cảm giác khổ lạc, cũng là khi trẻ nhỏ chưa nói được, nếu nó chẳng vừa ý, sẽ dùng tiếng khóc để biểu đạt hết thảy. Trẻ nhỏ khóc, người lớn chớ nên đổ dành quá đáng, nó khóc để biểu đạt. Khi nó khóc, là lúc nó lớn dần. Hết thảy vận động của nó chỉ là khóc, khóc là sự vận động của nó. Khóc nhiều, không sao cả! Nó chỉ biểu đạt nó không thoải mái, trẻ nhỏ vẫn chưa biết nói. Quý vị đáp ứng đúng ý nó, nó sẽ cười. Quý vị chăm sóc trẻ nhỏ nhiều, sẽ cảm nhận điều ấy. Tôi hiểu biết rất ít, quý vị biết rõ hơn tôi, tôi chỉ dựa theo kinh để nói.

Khi nó sanh ra cảm thọ khổ hay lạc, nghiệp là đầu thai; đây là quả. Cho tới khi nó sanh trưởng sáu căn, đây là quả. Lọt lòng mẹ, tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài cũng là quả. Vừa tiếp xúc, sẽ nhận lãnh cảm giác khổ hay lạc. Từ đây trở đi bèn thọ nhận, suốt cả một đời đều phải thọ nhận. Thọ rồi lại đầu thai, hoặc lại chết đi, vĩnh viễn chẳng ngưng dứt. Do vậy, gọi là Lưu. Lưu (流) có nghĩa là “*chuyển động*”, lưu động chẳng ngừng. Đây là Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ. Đây là hai cái nhân trong quá khứ. Do hai cái nhân ấy, kết thành năm cái quả [trong hiện tại], tức Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, và Thọ là năm cái quả.

Do hai cái nhân trong quá khứ mà lãnh nhận năm cái quả trong hiện tại, chẳng dừng lại ở đó. Ái, Thủ, Hữu là ba cái nhân trong hiện tại. “*Đối cảnh*” tức là đối trước hết thấy các cảnh giới, bèn sanh khởi ái dục: “*Đóa hoa này đẹp quá, ta mua một đóa*”. Ta thấy trong vườn có rất nhiều hoa đẹp, không ai thấy, bèn ngắt một đóa. Đó là phạm giới trộm cắp. Thấy [vật gì đó] rất mắc tiền, [mơ tưởng] nếu mình lấy vật đó thì nhiều tiền lắm, giới trộm cắp đã thành. Tuy nói là “*tôi chẳng làm*”, chỉ cần đã sanh tâm thì đều tính cả! Do đã tạo cái nhân đó! Đã tạo nhân, đối với cảnh bèn sanh tham ái, nầy sanh dục vọng. Đã nầy sanh dục vọng, sẽ mong đạt được. Cái tốt thì mong đạt được, cái xấu thì muốn vứt đi, chẳng mong tiếp nhận. Vì truy cầu điều này, sẽ tạo nghiệp, tức là sẽ tạo tác. Hễ tạo tác, sẽ trở thành nghiệp! Do nghiệp nhân ấy, quý vị sẽ thọ

báo. Nay chúng ta làm, hiện tại đang nhận lãnh hiện báo. Cái quả báo đang thọ trong hiện tại chỉ là quả báo tạm thời.

Nếu ta cướp đoạt thứ gì của người ta, đương nhiên là sẽ thọ báo, ngay lập tức bị tróc nã, giam cầm trong ngục. Đã bị nhốt rồi, sau đó sẽ bị phán quyết hình phạt. Đó là hiện báo (現報, báo trong hiện tại), nhưng vẫn chưa kết thúc, vì đây chỉ là pháp luật nhân gian. Đã chịu xong [sự trừng phạt của pháp luật nhân gian], quý vị còn phải chịu nhân quả. Quý vị cướp bóc người khác, hay giết người, giết người thì phải đền mạng. Pháp luật quốc gia đã chấp hành. Cướp bóc của người ta thì bị bắt, ta bị bắn chết, có phải là đã xong hay chưa? Chưa đủ đâu nhé! Đây là pháp luật nhân gian, vẫn phải thọ báo. Người ấy vẫn tìm quý vị đòi nợ mạng, quý vị vẫn phải trả nợ. Nay quý vị tạo tác cái nhân, trong tương lai vẫn phải chịu khổ quả nơi Ngũ Uân, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, khổ quả. Trở lại để thọ, sanh trở lại. [Do đó], Sanh lại Lão, Lão lại Tử. Tử rồi lại tạo, tạo rồi lại sanh, sanh rồi lại tử. Cứ thay đổi qua lại liên tục như thế; đó gọi là pháp Thập Nhị Nhân Duyên.

Từ trong ấy, đức Phật lập ra cái luân thứ ba, tức là kiến lập Tu Định Luân, giải thích Định có mười loại. Quý vị phải quan sát mười loại thân, sáu loại cảnh giới. “*Ngã, ngã sở chấp, dĩ vi kỳ nhân*” (Ngã và những gì ta chấp trước sẽ là cái nhân của nó): Ta chấp nó thật sự là ta, nhưng như chúng tôi đã nói trong phần trên. Nghiệp do quý vị đã tạo là ruộng đất, là ruộng tốt, bị vô minh bao trùm, lại còn được Ái tưới tắm, cho nên chẳng thể tự tại. Bị cái nhân và nghiệp ấy trói buộc, đều nương vào duyên mà thành lập, tức là “*y tha nhi lập*” (nương nhờ cái khác mà lập). Đó gọi là “*duyên sanh*”. Các pháp đều sanh bởi duyên! Hễ sanh bởi nhân duyên, sẽ chẳng có tự thể, sanh mà diệt, diệt mà sanh, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh. Do chẳng có tự thể, là duyên khởi, cho nên có ý nghĩa “*chẳng thể tồn tại lâu dài*”, mà cũng có ý nghĩa “*luân chuyển*”. Giả sử muốn quan sát Nghiệp Lưu ấy, đã quan sát minh bạch rồi; sau đó, [sẽ thấu hiểu] đủ mọi các hạnh do hết thấy hữu tình tạo tác sẽ đều là các nghiệp. Các nghiệp đã tạo ấy lại trở thành Phiền Não Khổ, vì nghiệp đã tạo lại phụ thuộc các duyên mà thành tựu. Hễ thành tựu, quý vị sẽ chịu khổ, phải chịu phiền não khổ. Đã có phiền não, sẽ chịu khổ quả. Phải thường quan sát ba loại lưu ấy, tức Nghiệp Lưu, Phiền Não Lưu, và Khổ Lưu. Hết thấy những gì hữu tình đã làm, đều chẳng vượt ra ngoài pháp Thập Nhị Nhân Duyên được! Thuận theo sự suy tưởng và hành động của quý vị trong quá khứ mà lãnh thọ [cái quả của những thứ ấy] trong hiện tại và tương lai. Hiện tại lãnh thọ [cái quả do] cái nhân từ quá khứ. [Nói

cách khác], hiện tại thọ năm cái quả, chính là thọ cái quả của cái nhân trong quá khứ. Tướng mạo của quý vị phát triển đẹp hay xấu, có trí huệ hay không, đều liên quan với Vô Minh và Hành của quý vị trong quá khứ, và cũng liên quan đến thiện nghiệp của quý vị. Vậy thì lãnh nhận bất đồng đều từ Vô Minh và Hành. Vô Minh là trước, Hành là sau. Lại còn do có thêm Ái, mới sanh trưởng “*chư Hữu*”.

“*Chư Hữu*” là hết thấy hữu tình, chúng ta đều có tình cảm. Súc sanh có tình cảm hay không? Bất cứ loài súc sanh nào cũng đều có tình cảm. Quý vị hãy xem chim đỗ quyên. Nếu chú tâm quan sát, nghiên cứu cẩn thận, nhìn vào hành động của chúng, quý vị sẽ thấy chúng nó cũng có yêu, ghét, lấy, bỏ. Quý vị phải quan sát như thế mới biết. Trong nhà nuôi gà con hoặc chim đỗ quyên, quý vị sẽ thấy những con mái vây quanh con trống. Những con mái nếu không thích con trống, sẽ chẳng kết giao. Con mái thích con trống sẽ kết giao, đây chẳng phải là Ái hay sao? Chẳng phải là có lấy hay bỏ ư? Hết thấy động vật, hết thấy mọi người đều là như thế.

Mười hai loại nhân duyên sanh khởi ý thức, hợp thành mười hai điều kiện sanh tồn của hữu tình, điều này được gọi là Thập Nhị Chi. Vì ngu si, thiếu trí huệ, chẳng thấy thấu suốt, cho nên mới có Hành. Do có Hành nên mới tạo nghiệp. Nói theo Đại Thừa Khởi Tín Luận: “*Một niệm bất giác, sanh tam hệ tướng nơi tam tế tướng, đây là căn bản phiền não*”. Nó sẽ chẳng ngưng dứt, luôn chuyển biến. Do chuyển biến, nó sẽ truy cầu cảnh giới hiện tiền. Cảnh giới ấy vẫn là tự tâm, duyên theo cái Hành ấy. Do nó vận động, sẽ tìm kiếm đối tượng, sẽ chấp lấy cảnh. Vì mong chấp giữ cảnh, sẽ sanh ra Thức, nhưng Thức có phân biệt. Thức có nghĩa là “*phân biệt*”, người ấy sẽ phân biệt. Do có Thức, duyên theo Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ lại duyên Ái. Tốt thì người ấy yêu thích. Nếu quý vị dùng roi đánh kẻ khác, đó là Xúc, họ sẽ chẳng tiếp nhận, vì quá khô, họ có sự đau khổ. Quá nóng, sẽ đau khổ. Quá lạnh, cũng đau khổ. Sự đau khổ ấy thuộc về cảm thọ (sự cảm nhận) nơi Xúc. Duyên theo Ái như vậy, sẽ có lấy hay bỏ. Hễ có lấy hay bỏ, bèn duyên theo Hữu. Do duyên Thủ bèn có Hữu. Hữu duyên Hữu lại có Sanh. Do duyên theo Thủ là Hữu. Do duyên Hữu bèn có Sanh. Do duyên theo Sanh lại có lão, tử, ưu bi, khổ não, các điều họa hoạn to lớn tụ tập nơi thân, hết thấy khổ não đều nảy sanh.

Điều này cho thấy hết thấy các sự vật đều là duyên khởi. Nương vào các thứ khác để khởi hạnh, đều là nương vào duyên mà sanh. Mười hai nhân duyên, [xét theo] quá khứ, hiện tại, vị lai, thì Vô Minh và Hành

là hai cái nhân thuộc quá khứ nối kết với hiện tại. Điều này được gọi là một tầng nhân quả. Tầng nhân quả này bao gồm hai nhân và năm quả: Do cái nhân trong quá khứ, thọ cái quả trong hiện tại. Các quả ấy bao gồm Thức, Danh Sắc, và Lục Xứ; nhưng Lục Xứ do tiếp xúc mà nhận lãnh năm cái quả trong hiện tại. Lây hay bỏ trong ấy, [tức là] có Thủ và có Xả. Do có Ái bèn có Thủ, bèn có sanh tử (đó là HỮU). Đó là ba cái nhân. Ba cái nhân ấy (Ái, Thủ, HỮU) tạo thành khổ quả Sanh và Lão Tử trong tương lai. Đó gọi là ba nhân (Ái, Thủ, HỮU) và hai quả (Sanh và Lão Tử).

Sanh, Lão, Tử: Có Sanh thì nhất định có Lão, có Lão thì nhất định có Tử. Đôi khi còn nhảy vượt cấp, [tức là] chưa đời Lão mà đã chết trước. Có người do nghiệp bất đồng, chỉ chịu khổ, sanh ra đã chết ngay. Thậm chí còn có trường hợp thai chết trong bụng mẹ. Nghiệp bất đồng, [tức là] cái nhân trong quá khứ bất đồng, cho nên hứng chịu cái quả cũng khác nhau. Để tu Định nghiệp luân, Định nghiệp luân gồm mười loại. Khi tu Định, phải quan sát, quan sát sáu thứ cảnh giới nơi thân của quý vị.

Chúng tôi vừa nói về Thập Nhị Nhân Duyên; ở đây, [kinh văn] chỉ nói sáu loại cảnh giới, tức là nói theo cảnh giới nội tại. Trong ấy, còn nảy sanh Ngã và Ngã Sở Chấp, nghĩa là coi chính mình là chủ thể. Chấp trước thuộc về vô minh. Mỗi cá nhân chúng ta do không hiểu rõ, chẳng có trí huệ, tự cho rằng chính mình là đúng, cho ta là bậc nhất, chấp trước kiến giải ấy. Nhìn vào vấn đề, rõ ràng là chẳng đúng, nhưng mỗi người đều có sự chấp trước riêng. Điều đó là do cái nhân riêng của mỗi người. Khi mỗi người xem xét và phân tích vấn đề đều chẳng chuẩn xác, nhưng quý vị cứ cho rằng như vậy là đúng; thật ra đã sai lầm mất rồi! Giống như chúng ta mua cổ phiếu, mua tờ cổ phiếu này cứ nghĩ nhất định sẽ phát tài, nhất định sẽ tăng giá. Kết quả là quý vị mua phải cổ phiếu cúng tiền luôn! Đã không tăng giá, cơ hội sống tốt đẹp hơn đã vượt mất rồi! Quý vị thấy người ta kiếm được rất nhiều tiền, sanh lòng hâm mộ, quý vị bèn đi mua. Đó là Ngã Chấp. Họ cho rằng nhất định có thể kiếm tiền được; trên thực tế, nhất định là mất trắng tiền! Mất đến nỗi phải nhảy lầu tự sát, có tình hình này hay không? Cũng có khi nhận biết đúng thời cơ, lúc đó, nhất định phát tài, người ấy đã đầu tư đúng chỗ.

Những điều này đều thuộc về Ngã Chấp và Ngã Kiến, nhưng nói theo đạo lý trong kinh Phật, nói theo pháp sanh diệt, đã đạt được rồi thì cũng sẽ tiêu mất. Khi chưa đạt được, phải chịu khổ. Sau khi đã đạt được rồi, sẽ lại chịu khổ. Quý vị đạt được cũng thế, mà không đạt được cũng

thế, đều là hư huyền! Quý vị đạt được điều gì, cuối cùng sẽ đều bị tiêu diệt, đều là hư huyền chẳng thật! Nhưng họ chẳng nhận biết, cứ tưởng là có thật. Thật ra là hư vọng. Muốn họ nghĩ đến vô ngã, hết sức khó khăn! Chẳng diệt cái nhân, chẳng giữ lấy duyên, thực hiện bằng cách nào? Quý vị phải tu. Đức Phật muốn kiến lập tu Định nghiệp luân; trước hết, quý vị phải quán sát Nghiệp Lưu, Phiền Não Lưu, và Khổ Lưu.

(Kinh) Như thị tam lưu, nghiệp vi lương điền, vô minh vi nhân, ái vi tư nhuận, nhi đắc sanh trưởng. Vị dục khô hạc, nghiệp vi lương điền, vô minh vi nhân, ái vi tư nhuận, tam chủng lưu cố, U Ngũ Thủ Uẩn, quán vi vô thường, cập khổ, vô ngã, ngu độn, vô động, như huyền, như diễm, như thủy trung nguyệt, như mộng sở kiến, không, vô sở hữu, vô tướng, vô nguyện, vô sở tạo tác, vô sanh, vô khởi, vô xuất, vô tượng, tịch tĩnh, viễn ly, vô sở xuất sanh. U Ngũ Thủ Uẩn, như thị quán sát, năng thuận Không Nhân, thuận Vô Tướng Nhân, thuận Vô Nguyên Nhân, vị dục tùy thuận quán Ngũ Thủ Uẩn.

(經)如是三流，業為良田，無明為因，愛為滋潤，而得生長。為欲枯涸，業為良田，無明為因，愛為滋潤，三種流故，於五取蘊，觀為無常，及苦無我，愚鈍無動，如幻如焰，如水中月，如夢所見，空無所有，無相無願，無所造作，無生無起，無出無像，寂靜遠離，無所出生。於五取蘊，如是觀察，能順空忍，順無相忍，順無願忍，為欲隨順觀五取蘊。

(Kinh: Ba loại lưu như thế, nghiệp làm ruộng tốt, vô minh làm nhân, ái làm tưới tắm, bèn được sanh trưởng. Vì muốn làm khô cạn ba thứ lưu “nghiệp làm ruộng tốt, vô minh làm nhân, ái làm tưới tắm”, cho nên đối với Ngũ Thủ Uẩn, quán chúng nó là vô thường, và khổ, vô ngã, ngu độn, bất động, như huyền, như bóng nắng gợn, như trăng trong nước, như những gì được thấy trong mộng, rỗng không, chẳng sở hữu, vô tướng, vô nguyện, chẳng tạo tác, vô sanh, chẳng dấy lên, không thoát ra, không có hình tướng, tịch tĩnh, xa lìa, không sanh ra gì. Quán sát Ngũ Thủ Uẩn như vậy, có thể tùy thuận Không Nhân, tùy thuận Vô Tướng Nhân, tùy thuận Vô Nguyên Nhân, vì muốn tùy thuận quán Ngũ Thủ Uẩn).

“Nghiệp vi lương điền, vô minh vi nhân, ái vi tư nhuận” (Nghiệp

là ruộng tốt, vô minh làm nhân, ái làm tưới tắm): Đây lại là sanh trưởng. Quý vị mong khô cạn Nghiệp Lưu. Có lúc chữ Hạc (涸) này được đọc thành Cố (固), có lúc đọc là Hạc. “Khô” (枯) có nghĩa là “*khô cạn*”. Dòng nước ấy đã khô cạn; do đã khô cạn, sẽ chẳng thể tưới tắm và tăng trưởng được. Trước hết, quý vị đoạn Vô Minh, quán hết thấy sự vật đều là vô thường, sẽ chẳng còn Ái, chẳng sanh khởi cái tâm tham ái. Do vậy, đức Phật nói “*ngiệp là ruộng tốt, vô minh làm nhân, ái làm tưới tắm*” thì [Nghiệp Lưu] mới có thể sanh trưởng, sanh trưởng gì vậy? Ngũ Thủ Uẩn, cũng tức là Thủ, còn gọi là Tham Thủ. Trong Tâm Kinh, Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, [có thể nói gộp chung thành] hai pháp, tức Sắc và Tâm. Thọ, Tưởng, Hành, Thức thuộc về Tâm Pháp, Sắc thuộc về Sắc Pháp. Đó là hai loại, hai loại ấy đều là vô thường.

Do vậy, quý vị muốn tu Định; trước hết, phải quán những thứ ấy là vô thường, là khô, là chẳng ngọt ngào, là vô ngã, là căn cội của ngu si. Phải quán những thứ ấy là “*như huyễn, như diêm, như thủy trung nguyệt, như mộng sở kiến, không, vô sở hữu, vô tướng, vô nguyên, vô sở tạo tác, vô sanh, vô khởi*” (như huyễn, như ánh nắng gợn, như trăng trong nước, như những điều thấy trong mộng, rỗng không, chẳng sở hữu, vô tướng, vô nguyên, chẳng tạo tác, chẳng sanh, chẳng dấy lên). Muốn tu Định nghiệp này thì có sáu loại. Trước hết, phải quán sát từ Vô Thủ (không chấp giữ), tiến nhập ba môn giải thoát Không, Vô Tướng và Vô Nguyên trước; sau đấy lại tiến nhập. Sau khi chúng ta học Phật, mong tu hành, mong thật sự tiến nhập, mong giải thoát, thì đây là pháp cơ bản nhất. Hết thấy các môn Chỉ Quán ắt đều phải tu như vậy.

Vì thế, tôi giới thiệu đôi chút với mọi người. Nếu quý vị muốn nhập Định, phải quán sát mười hai loại lưu của sanh tử, phải đoạn cái nghiệp ấy, phải đoạn Nghiệp Lưu, Phiền Não Lưu, và Khô Lưu. Nếu quý vị muốn tu Định, cho đến “*sổ, tùy, chỉ, quán, chuyển, tịnh*”; đấy chính là những điều được nói trong kinh này. Trí Giả đại sư soạn Thiên Thai Tông Lục Diệu Môn, đã sửa một chữ trong ấy thành “*sổ, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh*”. Bộ kinh này nói về Chuyển (轉), Chuyển và Hoàn (還) có ý nghĩa tương thông. Chuyển biến một phen, “*hoàn bản, hoàn nguyên*” (trở về nguồn cội), ý nghĩa như nhau. Nhưng [tu Chỉ Quán thì phải] có tiền phương tiện; nếu quý vị chẳng có duyên trước, mà mong tu thì sẽ chẳng nhập được. Do vậy, Trí Giả đại sư đã đề xuất: Nếu muốn tu Chỉ Quán, ắt cần phải trọn đủ nhân duyên. Nếu chẳng có điều kiện ấy, quý vị tu chẳng thành. Có trọn đủ rất nhiều nhân duyên thì quý vị phát tâm mong tu hành, mong đắc Định, mong khai trí huệ, chứng đắc Định Huệ

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

sẽ có thể trừ khử các khổ nạn. Nếu quý vị muốn hành, phải có đủ duyên. Nếu chẳng có duyên, chẳng tu thành công được. Duyên gì vậy? Quý vị đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, phải trì giới. Tối thiểu là trì Tam Quy, Ngũ Giới thanh tịnh. Điều thứ nhất là trì giới thanh tịnh thì mới có thể ngưng dứt phiền não. Do trì giới, sanh ra các Thiên Định, và cũng có thể diệt khổ, có thể sanh trưởng trí huệ.

Điều thứ nhất chính là trì giới duyên (trì giới làm duyên), nhưng trì giới có các tình huống bất đồng. Trí Giả đại sư nói: Người tu hành trì giới có [ba loại tình huống] trì giới bất đồng. Ba loại trì giới bất đồng nào vậy? Tôi nói đơn giản:

- Ta đã trì, đối với các giới đã thọ, căn bản là chưa hề phạm. Loại thứ nhất như vậy là tốt nhất.

- Loại thứ hai là ta phạm rất nhỏ, rất nhẹ, chẳng nặng nề, hễ sám hối liền có thể sám hối được.

- Loại thứ ba là phạm căn bản giới. Quý vị đã thọ Ngũ Giới, nhưng giết, trộm, dâm, dối đều phạm. Đã quy y Tam Bảo, sau đấy, quý vị lại quy y ngoại đạo. Đây là phá Tam Quy; đây là loại thứ ba. Nhưng quý vị có thể chí thành chiếu theo giáo nghĩa Đại Thừa thì vẫn có thể sám hối, nhưng ắt cần phải đau đớn, khóc lóc, hằng ngày bái sám suốt ngày đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Sám hối như thế, sám hối đã thanh tịnh, đạt được thanh tịnh, đã được chứng minh rồi, [tức là] thấy tướng hảo. Đã thanh tịnh thì nhân duyên ấy vẫn có thể thành lập, tu Quán vẫn có thể nhập. Nhưng ắt cần phải là trong đời hiện tại chẳng tạo tội Ngũ Nghịch. Nếu đời hiện tại trót tạo tội Ngũ Nghịch mà mong thành tựu Chi Quán, sẽ rất khó!

Đã sám hối thanh tịnh rồi, đã thành tựu. Người tu Chi Quán thì một là từ trước đến nay chưa hề làm các điều ác, hai là đã làm chuyện ác mà có thể hối hận, vẫn có thể sám hối. Nhưng sám hối có ba phương thức:

- Thứ nhất là phải tin nhân quả.
- Thứ hai là sanh khởi lòng sợ hãi, tức là sợ đọa địa ngục, sợ thọ luân hồi.

- Thứ ba là phải sanh lòng hổ thẹn sâu xa.

Sau đó, cầu học phương pháp diệt tội, hoặc là lạy theo một sám pháp nào đó như Địa Tạng Sám, Chiêm Sát Sám, Thiên Phật Sám, hay Đại Bi Sám đều có thể được, chỉ tùy thuộc phương pháp nào thích hợp với quý vị.

Cuối cùng, nếu lúc quý vị tu Quán, hãy quán “*tội tánh vốn là*

Không, chỉ do tâm tạo. Nếu khi tâm đã mất thì tội cũng mất”, tức là quán Vô Sanh. Nếu người tội nghiệp nặng nề mà quán Vô Sanh, căn bản là chẳng thể quán nổi. Nếu trong đời này thật sự có thiện căn tức thể trong đời trước rất sâu dày, tu [sám hối] bảy ngày hoặc hai mươi một ngày, hoặc một tháng. Chúng ta lạy Chiêm Sát Sám, trong kinh Chiêm Sát, Địa Tạng Bồ Tát đã nói: “*Lạy bảy ngày, mười bốn ngày, hai mươi một ngày*”. Nếu lạy suốt một tháng, hai tháng mà vẫn chẳng thành, bèn lạy suốt ba năm, chẳng phải như chúng ta mỗi ngày lạy một lượt. Nếu lại còn có thể trì thánh hiệu thì sẽ được thanh tịnh.

Chiếu theo sám pháp của Địa Tạng Bồ Tát, khi tu tập là như thế đó. Điều thứ nhất, quý vị có đầy đủ cái duyên ấy, tôi chỉ nêu ra chuyện quả trách ngũ dục. Ngũ dục là lòng tham, là dục vọng. Cuộc sống chớ nên quá thoải mái. Cuộc sống quá thoải mái, quý vị muốn tiến nhập Chỉ Quán, sẽ chẳng thể tiến nhập được! Vọng tưởng tôi bời tán loạn, vẫn dục, chẳng thanh tịnh, làm sao có thể cấm dục cho được? Quý vị muốn tọa Thiền, ắt cần phải quả trách [ngũ dục]. Ngũ dục là [sự tham ái đối với] Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Kẻ ngu si mê mờ trong Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, yêu đắm Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, sanh tham đắm, chẳng biết lỗi lầm và tai hại của chúng. Người trí huệ biết chúng nó là họa hoạn, chẳng dám thân cận năm loại ấy; đó gọi là “*quả trách ngũ dục*”. Trong ấy có rất nhiều thứ, nếu mọi người muốn học, ắt cần phải đọc nhiều!

Loại thứ hai là trừ bỏ Ngũ Cái²⁹. Trong Ngũ Cái, tham dục chính là Tham Dục Cái. Do cảnh giới ngũ trần Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc mà quý vị sanh khởi dục vọng. Đã thế, trong Ý Căn nội tại của quý vị, cũng sanh khởi dục vọng. Khi quý vị tu Thiền, tâm sanh dục ái, chẳng ngồi yên nổi. Do vậy, nó che lấp thiện tâm của quý vị. Lúc bình thường thì vẫn dường như chẳng nóng giận chi hết, phiền não đều có thể giãn ép, có thể chịu đựng được. Chứ khi tọa Thiền, sẽ chẳng thể nhẫn được, các thứ bị giãn ép trong quá khứ đều ngoi lên, lại còn hết sức mạnh mẽ, dữ dội. Do vậy, muốn ngăn dứt các chương ngại sanh khởi do tu Chỉ hay tu Quán, quý vị phải tu Sở Tức Quán. Trong quá trình đếm số [theo hơi thở ra vào], có thể là chợt nghĩ tới bữa nào đó, kẻ nào đó xử tệ với ta, làm ta

²⁹ Ngũ Cái (Pañca-nivāraṇani) còn gọi là Ngũ Chương bao gồm Tham Dục (Abhidhyā), Sân Khuê (Vyāpāda), Thùy Miên (Styāna-middha, ham ngủ, thần trí hôn ám), Điều Hối (Auddhatya-Kaukrtya, tâm tình phập phều bất định, đã làm thiện sự lại hối hận) và Hoài Nghi (Vicikitsā).

khô sở, ta phải báo thù. Trong tâm càng nghĩ, càng sân hận, khiến cho quý vị quên sạch sành sanh những gì vốn đang tu tập! Thậm chí ngồi không nổi, phải đứng dậy, nghiệp chướng thôi thúc quý vị phải trả đũa. Muốn quả trách ngũ dục, muốn bỏ Ngũ Cái, điều kiện thứ nhất là phải có đủ ngoại duyên. Điều này bao gồm tất cả mười thứ.

Còn có loại thứ tư³⁰ là điều hòa. Đi, đứng, ngồi, nằm, đều có thể tu, nhưng ngồi thì thích hợp hơn. Khi tu Chỉ Quán, nhất định phải điều hòa sao cho thân và tâm thích ứng. Trước hết là điều thân (điều hòa cái thân) rồi điều tâm (điều hòa cái tâm). Xong xuôi, bèn điều tức (điều hòa hơi thở), [tức là theo thứ tự]: Điều thân, điều tức, điều tâm, phải điều hòa. Đây là loại thứ tư.

Mười duyên ấy tôi chỉ nêu danh từ. Nếu mọi người thật sự mong tu tập thì phải nghiên cứu. Duyên thứ năm là phải có phương tiện thiện xảo, tu hành phải có phương tiện thiện xảo. Trí Giả đại sư đã dạy các phương tiện thiện xảo.

Loại thứ sáu mới là chánh tu, tức thật sự tu Định, hoặc là khi quý vị tĩnh tọa cũng thế, hoặc ngồi xuống để tư duy quán tưởng cũng thế.

Loại thứ bảy là phát nguyện, khéo phát đại nguyện.

Loại thứ tám là chính quý vị phải nhận biết ma chướng. Khi chưa tu, ma chướng chẳng hiện. Khi tu, ma chướng sẽ xảy ra.

Loại thứ chín là đối trị Thiên bệnh. Khi quý vị tu Định, sẽ có rất nhiều bệnh, đó gọi là “*Thiên bệnh*”. Đây chẳng phải là thân thể chúng ta mắc bệnh. Quý vị phải biết căn kẽ Thiên bệnh là gì.

Loại thứ mười là có thể tiến nhập, tức chứng quả Thiên Định.

Nói chung, “*chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo*” (đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tự tịnh tâm ý, đức Phật dạy như thế): Nếu các pháp tu khác của quý vị chẳng có điều ấy, thì khi quý vị tu quán tưởng, hãy niệm bốn câu ấy: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo*”. Đây là lời dạy bảo của đức Phật, khi học Thiên Định. chính mình biết quán, biết tu, trước hết phải có đủ các duyên ấy. Các ngoại duyên đều đã thanh tịnh thì mới dễ tiến nhập ba môn giải thoát.

Ba môn giải thoát là:

1) Không Môn: Không Môn chẳng phải [là rỗng không] như chúng ta nói, bởi có khi dùng hư không làm tỷ dụ. “*Không*” chẳng phải là [rỗng tuếch] như hư không; nếu hiểu [Không] là “*hư không*” thì sai

³⁰ Không thấy lão pháp sư nhắc đến duyên thứ ba, có lẽ Ngài bỏ sót.

lầm mất rồi. “*Không*” bao hàm ý nghĩa “*hết thấy đều do duyên sanh, hết thấy các pháp đều chẳng có tự thể*”. Bản thể của chúng là Không, vì do rất nhiều duyên hợp thành, cũng từ nhân duyên mà sanh ra. Giả sử nhận biết hết thấy các pháp đều sanh từ nhân duyên, đều là vô tự tánh. Hôm nào đặc biệt nói đến “*Duyên khởi tánh Không*”, tôi sẽ giảng rất lâu. Nói “*hết thấy các pháp đều chẳng có tự tánh. Chẳng có tự tánh thì là Không*”, lại còn bảo “*bản thể của nó chính là Không*”, trọn chẳng phải là phá tan nó, [đừng hiểu là] phải phá hủy nó thì mới gọi là Không. Hoàn toàn chẳng phải là ý nghĩa đó. Nhưng nếu “*duyên tán*”, tức là duyên chẳng còn nữa, duyên chẳng trọn đủ, nó sẽ là không (chẳng còn tồn tại nữa). Nếu quý vị có thể liễu giải hàm nghĩa này, sẽ rất dễ đạt được tự tại. Quý vị đã biết thì đối với hết thấy các sự vật, sẽ chẳng dấy lên chấp trước, kể cả có thể đoạn Ngã Chấp. Nhất Thiết Trí chứng đắc bởi A La Hán là Không, [do Ngài đã] chứng đắc tầng ý nghĩa ấy, Ngài đã giải thoát. Đã nhập Không thì là giải thoát.

2) Vô Tướng còn gọi là Vô Tướng, hết thấy chẳng tướng. Quý vị đã biết hết thấy đều là Không, đối với tướng trạng nam, nữ, thật tại là chẳng thể đạt được. Nếu nhận biết “*hết thấy các pháp vô tướng*”, sẽ lìa khỏi tướng sai biệt của hết thấy các pháp, đạt được tự tại. Vì quý vị đối với hết thấy các pháp chẳng dấy lên chấp trước, biết nó chẳng có, nó là huyễn tướng, là giả tướng, như bóng, như hình. Vô tướng có nghĩa là như thế đó.

3) “*Vô nguyên, vô tác*” cũng gọi là Vô Dục. Quý vị đã biết hết thấy các pháp vô tướng, cho nên ở trong tam giới, chẳng mong cầu điều gì. Đã chẳng cầu, quý vị sẽ chẳng tạo nghiệp. Nếu quý vị chẳng tạo nghiệp sanh tử, đương nhiên là sẽ chẳng thọ khổ quả là quả báo của sanh tử. Do vô tướng, quý vị đạt được tự tại, nhất tướng, dị tướng, đồng tướng, chư tướng, sai biệt tướng, chẳng mong cầu các thứ tướng, vì chúng đều là Không, đều như huyễn.

Nếu có thể tiến nhập ba môn giải thoát ấy, có trí huệ, thật sự có thể tiến nhập, thì sẽ là “*ở trong thế gian, mà lìa thế gian*”. Tuy quý vị ở trong thế gian, nhưng đã tách khỏi thế gian vì chẳng bị các pháp thế gian câu thúc.

Lại xét đến “*số, tùy, chỉ, quán, chuyên, tịnh*” thì đối với Số (數), chúng ta thường nói là “*đếm số*”, tức là một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, đếm số như vậy. Đếm gì vậy? Đếm hơi thở ra vào. Đây là tu Định, tâm cần phải chuyên chú nơi một cảnh. Từ một tới mười, rồi lại đếm từ đầu, từ một đến mười. Hễ hơi có tạp niệm, sẽ đếm sai số. Quý

vị ắt phải chuyên chú nơi một cảnh, dựa trên các con số ấy, khiến cho cái tâm của quý vị định nơi con số, sẽ chẳng còn tìm cầu những vọng niệm khác nữa.

Loại này có rất nhiều cách tu. Có một khoảng thời gian, tôi sử dụng công phu như thế này: Tôi sử dụng thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, đếm theo từng chữ. Khi hít vào là Nam, thở ra là Mô, xong rồi lại hít vào là Địa, kế đó, lại thở ra là Tạng. Sau đó, hít vào là Bồ, thở ra là Tát. Mỗi chữ đều quán tưởng như vậy. Quý vị thở ra, hít vào như vậy, rồi lại thở ra, hít vào, đó gọi là Xuất Nhập Tức (出入息, hơi thở ra hít vào). Kinh Thập Luân nhằm dạy quý vị quán Xuất Nhập Tức, trọn chẳng nói đến con số để đếm; nhưng nói thông thường, phương pháp đếm [trong Sổ] là từ một đến mười. Lục Diệu Môn nói về chữ Sổ càng tường tận hơn. Đây là bước đầu trong cách tu Chỉ Quán.

Kinh Thập Luân dạy giản lược như vậy rồi, đối với mỗi loại, đều nói hai thứ tướng, tức là tướng có thể hít vào, thở ra, đạt được Định nơi tướng thở ra, hít vào. Vậy thì nay đang lúc thở ra, hít vào, thoát đầu hơi thở rất thô, cho đến khi quý vị quán tưởng đã lâu, hơi thở sẽ vi tế hơn. Sau khi đã vi tế, [sẽ đạt đến giai đoạn], hơi thở chẳng còn nữa. Như tôi niệm Nam Mô Địa Tạng Bồ Tát, niệm miết rồi cũng chẳng thấy có niệm nữa, hơi cũng chẳng thở ra, dường như hơi thở đã an định. Từ thô đến tế, vi tế đến mức hầu như chẳng còn cảm thấy nữa, cảm giác đã ngừng thờ luôn. Đây là tướng Xuất Nhập Tức.

Do quý vị đã tiến nhập công phu Xuất Nhập Tức, sẽ có thể chuyên chú, thuận theo hơi thở ra vào để ngưng dứt các “*vọng niệm, vọng tưởng, tìm cầu, dò xét*”. Nếu quý vị lìa khỏi vọng tưởng, vọng tưởng sẽ ngưng dứt. Chẳng còn tìm cầu nữa, chẳng dấy lên vọng tưởng nữa, quý vị đã đạt được công phu nơi Xuất Nhập Tức. Đạt được công phu, nói thông tục hơn một chút, sẽ là từ thô tướng tiến nhập tế tướng. Giống như lúc thoát đầu chúng ta mới đếm hơi thở, tâm rất thô, rất phập phều, lao chao, rất xáo động, số đếm chạy lung tung. Càng đếm, tư tưởng lại càng rong ruổi. Khi nghiệp đã có thể trụ vững, tức là trụ nơi hơi thở ra, hít vào, các niệm khác sẽ đều chẳng có nữa! Một niệm như vậy, quán nơi chót mũi, hoặc là quán một tướng nhất định, sẽ chuyên chú một cảnh, có hàm nghĩa như thế đó. Chuyên chú nơi một cảnh, quý vị có thể ngưng dứt vọng niệm, tướng thở ra, hít vào đã trở thành rất nhẹ nhàng, vi tế. Khéo giữ lấy tướng thở ra, hít vào, tướng ấy như có, như không, thế nhưng vẫn chưa ngưng dứt, ắt cần phải đạt tới cảnh giới Chỉ.

“*Tùy, số, chỉ, quán, chuyên, tịnh*”, sáu điều này liên quan với

nhau. Khi đó, quý vị cảm thấy hơi thở ra, hít vào đã diệt, chẳng còn hít thở nữa, mà cũng có thể trụ trong Định, hoặc như chúng ta nói là Khinh An, cũng gọi là Tam-ma-địa. Tới lúc ấy, biểu lộ tướng hít thở đã hết. Khi có thể biết đang thở ra hay hít vào đã tận, đó là Quán. Khi thở ra, hít vào đã chấm dứt thì là Chỉ. Biết hơi thở là thở ra hay hít vào, quan sát hơi thở ra, hít vào. Khi nó đã dứt thì cái tâm đã an trụ. Khi đó, quý vị phải quan sát chính mình, tâm không dấy động ý niệm nào khác, phải quan sát. Đó gọi là “do Định mà sanh ra Minh”. Minh là trí huệ. Trí huệ có nghĩa là Chiếu, đạt tới bước công phu thứ tư. Khi đó, đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức như đã nói trong phần trước, quý vị đã sớm xả Sắc pháp. Đây là chuyển tâm pháp. Quý vị có thể bỏ Ngũ Uẩn, dần dần tiến đến đắc Định. Thật sự có thể tiến nhập Định, dần dần có thể tiến nhập thánh địa (địa vị của bậc thánh), có thể thanh tịnh. Khi quý vị đã tịnh, sẽ xả Kết Sử tham, sân, si. Bỏ sạch các Kết Sử ấy, sẽ có thể sanh ra tịnh kiến (淨見, thấy biết thanh tịnh). Như vậy thì trí huệ đã khai. Nói ra dường như rất dễ dàng, nhưng thực hiện rất khó; trong ấy có các thứ tế hạnh (細行, các hạnh vi tế).

Còn nữa, trong khi quý vị tu, vị thầy hướng dẫn sẽ biết quý vị đạt tới cảnh giới nào. Nếu quý vị hỏi thầy: “Nay con đang ở cảnh giới nào?” Đặc biệt là khi ma chướng dấy lên, chính mình sẽ có thể nhận biết. Tuy đã nhận biết, nhưng chẳng thể khắc phục được! Chẳng hạn như nói: “Mỗi ngày chúng ta phải tĩnh tọa ba lần, hoặc tĩnh tọa năm lần”. Khi quý vị đã Định, hoặc là thoát đầu liền có thể khắc phục hết thấy khó khăn thì mới thanh tịnh được, chứ vừa mới nhập môn, chướng ngại sẽ xảy ra liền. Hoặc là rất nhiều chuyện ràng buộc, quấy nhiễu trong thế gian xảy đến, khiến cho cái tâm của quý vị chẳng an định, sẽ bị xáo động. Nếu lúc quý vị đang ngồi, hoặc đang đi, hoặc đang trong lúc quán tưởng, hay niệm Phật cũng thế, tuy tâm quý vị trụ tại một cảnh, nhưng tâm bị xao động, tự nhiên cảnh giới bên ngoài sẽ quấy nhiễu quý vị. Dầu không ai quấy nhiễu quý vị, chính [trong nội tâm] quý vị cũng sẽ tìm tòi. Đó là Tầm Tứ. Tự quý vị tìm tòi, lại còn thoái lui. Nếu bị như vậy, muốn tu trở lại để đạt được như trước rất khó. Chúng ta do môn Sở Tứ này sẽ có thể tiến nhập, có thể thuận theo (Tùy), xả trừ Tầm và Tứ³¹, chẳng truy cầu

³¹ Tầm (尋) và Tứ (伺): Tầm là cái tâm phân biệt nơi thô tướng của sự việc phát xuất từ ý thức, còn Tứ cũng là sự phân biệt nhưng chú trọng đến tế tướng. Nói chung, đây là tác dụng phân biệt, chấp trước chia chẻ sự vật cũng như các pháp dựa theo mức độ từ sâu đến cạn. Ở mức độ cạn thì gọi là Tầm, ở mức độ sâu hơn thì gọi là Tứ.

nữa. Chẳng tìm tòi thì tư tưởng chẳng bị phan duyên, cũng có nghĩa là cái tâm vọng tưởng chẳng còn nắm níu cái cảnh nữa.

Đặc biệt là đối với người tu hành, sẽ phát sanh loại chướng ngại này: Hoặc là trong tâm sanh khởi phiền não, chẳng muốn thực hiện nữa, chẳng muốn hành trì nữa, chẳng nghĩ tu tập nữa. Đây là [chướng ngại] do từ trong nội tại của chính mình sanh khởi. Hoặc là bằng hữu, thân thuộc [gây trở ngại]. Nói chung là duyên gì cũng đều đưa đến. Khi quý vị sắp tiến nhập, chướng ngại liền xảy ra. Vì sao? Vì trong quá khứ, chúng ta chẳng có thiện căn. Do vậy, Trí Giả đại sư mới nói: Khi quý vị tu Quán, muốn tu Định và tu Huệ thì phải đạt được đầy đủ các ngoại duyên trước đã! Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta phải sám hối, vẫn chưa nói tới tu Định, vì quý vị muốn tiến nhập, muốn học tập, phải sám hối trước đã. Nếu không, ngay cả cơ hội học tập quý vị cũng chẳng có. Kê như có cơ hội học tập đi nữa, quý vị cũng hoàn toàn chẳng thể tiến nhập được, vì sẽ bị chướng ngại ngăn lấp!

Vạn nhất các vị đạo hữu muốn tu Định thành thánh, phát nguyện: “Tôi sẽ nghe trọn vẹn kinh Thập Luân”. Bộ kinh này giảng xong từ đầu đến cuối, người nghe chẳng gián đoạn sợ chẳng được mấy ai. Tôi cũng chẳng dám nói “không có”, hoặc là sẽ bỏ lỡ một hai buổi. Khi giảng kinh Chiêm Sát, tôi đã thí nghiệm, theo như tôi thấy, người học trọn vẹn từ đầu đến đuôi rất ít! Do nguyên nhân gì vậy? Nghiệp Lưu! Đặc biệt là trong thời Mạt Pháp, duyên chẳng thịnh. Đặc biệt là nội chướng của chính mình còn dữ dội hơn ngoại chướng. Đã có nghiệp, sẽ khởi Hoặc, Hoặc là bất an, bứt rứt, thậm chí dấy lên phiền não, phiền não với ai? Phiền não với chính mình. Không thể kiên nhẫn ngồi nổi. Tu đạo là như thế đó, bất luận quý vị tu môn nào! Bái sám có chướng ngại hay không? Rất khó! Chính mình phát tâm, tự mình ước định. Thoạt đầu là ấn định ba lần, rồi sẽ biến thành hai lần. Sau đó, hai lần biến thành một lần, rất khó! Luôn có những thứ quấy nhiễu, ai quấy nhiễu? Nghiệp Lưu và Phiền Não Lưu của chính mình. Khổ quả quấy nhiễu quý vị. Quý vị mong siêu thoát, khó lắm thay!

Do vậy, chúng ta mong trở thành người tu đạo, mong chẳng tạo tác nghiệp sanh tử, mong cắt đứt dòng sanh tử, mà nếu chẳng có cái tâm phát nguyện ấy, làm sao có thể thực hiện cho được? Dầu quý vị có cái tâm ấy, muốn thực hiện, chướng ngại giữa chừng quá nhiều, quý vị phải khắc phục bằng cách nào? Trừ sức của chính mình ra, hãy cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Do vậy, chúng ta bái sám, cầu tha lực, dùng tâm lực của chính mình kết hợp với từ bi lực của Phật, Bồ Tát, như thế thì quý vị mới

có thể đoạn tam lưu. Đã đoạn tam lưu, quý vị sẽ chứng, sẽ có thể nhập thánh.

Khi chúng tôi mới bắt đầu học Hoa Nghiêm, do là căn cơ Nhị Thừa, đối với chuyện sanh về thế giới Cực Lạc, bèn suy nghĩ, cho rằng chẳng có gì là cần thiết, thậm chí cho rằng chẳng cần phải học, cứ nghĩ đó là phát đại nguyện. Hiện thời, càng học, càng kinh sợ, càng cảm thấy [chính mình] đã sai lầm. Quả A La Hán của Nhị Thừa đã đoạn sanh tử. Bậc thánh nhân chứng đắc Sơ Quả đã đoạn Kiến Hoặc, còn chúng ta thấy gì cũng sanh khởi phân biệt, thấy gì cũng đều sanh khởi tham ái, cách thánh quá xa. Nói dễ ợt, làm mới khó. [Vậy thì] “biết” có dễ hay không? Hay là “làm” dễ hơn? Nho gia nói “*tri nan hành dị*”, ý nói: Biết rất khó, làm dễ dàng hơn! Có những chuyện rất dễ biết, làm rất khó. Tôi thấy: Đối với người học Phật, biết lẫn hành đều khó, nhưng so sánh thì quý vị ắt cần phải thật sự biết trước đã, rồi mới có thể hành được! Đây là bước đầu tiên. Quý vị chẳng biết, hành bằng cách nào? Cái Biết ấy cần phải có trí huệ. Quý vị phải có khá nhiều loại nhân duyên thì mới có thể bắt đầu biết được!

Nếu quý vị gặp phải một vị sư phụ chẳng giỏi cho lắm, chẳng gặp được pháp hội giảng kinh, chúng ta thấy rất đơn giản, chứ thật ra rất khó! Theo như tôi biết, xét theo kinh nghiệm của tôi, hoàn toàn chẳng dễ dàng! Ngay cả biết mà quý vị không biết, hành bằng cách nào đây? Đúng không? Bước đầu tiên là phải biết, điều này là cơ sở. Quý vị phải tin tưởng! Nếu ngay cả tin mà quý vị cũng chẳng tin, làm sao có thể biết cho được? Vì quý vị có tiến nhập thì mới học. Ngay cả niềm tin cũng chẳng có, tu đạo bằng cách nào? Chúng ta đừng nói chi khác, hãy nhìn vào Tế Công, chúng ta đều rất hâm mộ. Ngài giải đãi dường ấy, thế mà giỏi giảng dường ấy, tùy tiện cầm lấy thứ gì cũng thành tựu. Ta thấy đối với các vị đại Bồ Tát, không gì chẳng phải là Phật pháp, nhưng muốn đạt đến cảnh giới ấy, chẳng phải là dễ đâu nhé!

Lúc bắt đầu học, đối với hết thảy các pháp đều chớ nên chấp trước. Nay tôi mới thấu hiểu, tôi chẳng có pháp, [vậy thì] chẳng cần chấp trước pháp, bảo tôi bỏ bằng cách nào? Tôi ắt phải nương theo pháp thì mới có thể trừ bỏ Ngã Chấp. Cho đến khi tôi chẳng có Ngã Chấp nữa, tôi cũng chẳng còn y theo pháp nữa. Hiện thời, cái Ngã vẫn còn đó, mỗi ngày cảnh giới ngũ dục đều có trọn đủ, mong chẳng cần đến pháp, làm sao quý vị tiến nhập cho được? Quý vị vẫn trôi lăn trong cảnh giới ngũ dục. Có phải là như thế hay không? Do vậy, nói là khó, mà cũng [có thể] nói là “rất dễ dàng”, tức là do cái tâm tín giải chí thành [thì sẽ thực hiện

được].

Sau khi đã tin, tự nhiên quý vị sẽ biết cái nào là tốt, cái nào là xấu, đương nhiên quý vị sẽ xuôi theo cái tốt, tránh né cái xấu. Rõ ràng là hổ lửa, ai sẽ nhảy vào? Đức Phật đã dạy rõ ràng “đó là hổ lửa”. Tam giới là hầm lửa, quý vị nhất định phải xuất ly. Người giải sâu, sẽ cầu [xuất ly] tha thiết. Nguyện khẩn thiết thì mới hành được. Quý vị thường niệm vô thường, niệm khổ, mỗi ngày toàn gặp gỡ khổ quả, chẳng phải là chuyện này bức bách, thì sẽ là chuyện kia bức bách. Vừa mới tốt đẹp một tí, khổ đưa đến liền!

Rất nhiều đạo hữu kinh doanh, buôn bán cũng thế, mà đi làm cũng thế, nhà cửa đều chẳng có vấn đề gì, chuyện gì cũng đều ổn, [bồng dung] vợ thất nghiệp, chẳng có thu nhập, quý vị nói có phiền toái hay không? Vừa mới tốt đẹp một chút, trong nhà liền có người bệnh, khám bệnh phải tốn tiền, rất bức bách. Nay những điều chúng ta học, cần phải tu hành, chính là “*giữ được ý niệm đến đi*”, cũng tức là chúng ta dấy lên ý niệm, hít thở chính là cái niệm đến đi. Hễ niệm dấy lên, thường nắm chắc ý niệm ấy, cũng chẳng dễ dàng! Chúng ta học dần dần, giống như chúng tôi giảng kinh Thập Luân chỉ sợ một hai ngày cũng giảng chẳng xong được! Học kinh để làm gì? Có thể dùng được thì vẫn sử dụng ngay lập tức. Đối với lúc khởi đầu, chúng tôi nói nhiều hơn một lần. Pháp này đối với chúng ta là thuận tiện nhất, mọi người đều có thể nhập được, đều có thể biết. Hôm nay, chúng tôi nói về chuyện “*giữ được cái niệm đến đi*”, chứ “*sổ, tùy, chỉ, quán, chuyển, tịnh*” vẫn chưa nói xong! Mọi người có thể xem sách Lục Diệu Môn, đối với mỗi điều, sách ấy đều giảng rất cặn kẽ, nhưng chỉ là chỗ khởi sự để tu hết thảy các môn Định.

Hiện thời, pháp sư Hoàng Giác đang giảng pháp Chỉ Quán trong Bồ Đề Đạo [Thứ Đệ Luận], đó là chiếu theo giáo nghĩa của Tây Tạng, cũng rất thuận tiện, rất giản dị, rõ ràng. Nếu mọi người tiến nhập, cũng rất dễ dàng. Nếu kết hợp cả hai cách này, sẽ càng hay hơn nữa!

(Kinh) Phục phương tiện tu Nhập Xuất Tức Quán, tức thị tu tập trì lai khứ niệm. Vân hà do niệm như thật quán sát nhập tức, xuất tức? Vị chánh quán sát, sổ cố, tùy cố, chỉ cố, quán cố, chuyển cố, tịnh cố. Ứng tri thử trung, Sổ năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, năng vi y phục chư Tâm, Tứ. Nhị, năng thủ u nhập xuất tức tướng. Tùy năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, y xuất ly, xả chư Tâm, Tứ. Nhị, năng thiện thủ nhập xuất tức tướng. Chỉ năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, năng thị hiện nhập xuất tức diệt. Nhị, năng

an trụ thẳng tam-ma-địa. Quán năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, năng thị hiện nhập xuất tức tận. Nhị, năng an trụ tâm cập tâm pháp, biệt dị quán sát. Chuyển năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, năng phương tiện xả chư Thủ Uẩn. Nhị, năng phương tiện thú nhập thánh địa. Tịnh năng tạo tác nhị chủng sự nghiệp: Nhất, năng xả kết. Nhị, năng tịnh kiến.

(經)复方便修入出息觀，即是修習持來去念。云何由念如實觀察入息出息？謂正觀察，數故、隨故、止故、觀故、轉故、淨故。應知此中，數能造作二種事業：一、能為依伏諸尋伺。二、能取於入出息相。隨能造作二種事業：一、依出離舍諸尋伺。二、能善取入出息相。止能造作二種事業：一、能示現入出息滅。二、能安住勝三摩地。觀能造作二種事業：一、能示現入出息盡。二、能安住心及心法，別異觀察。轉能造作二種事業：一、能方便舍諸取蘊。二、能方便趣入聖地。淨能造作二種事業：一、能舍結。二、能淨見。

(*Kinh*: Lại có phương tiện tu Nhập Xuất Tức Quán (quán hơi thở ra vào), tức là tu tập giữ vững cái niệm đến đi. Như thế nào là do niệm như thật mà quán sát thở ra, hít vào? Tức là chánh quán sát, do các phép Số, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, và Tịnh. Hãy nên biết trong ấy, Số có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là có thể dùng nó để chế phục Tâm và Tứ. Hai là có thể nắm giữ tướng hít vào, thở ra. “Tùy” có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là dựa vào xuất ly mà bỏ các Tâm và Tứ. Hai là có thể khéo giữ lấy tướng hít vào, thở ra. “Chỉ” có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là có thể thị hiện hít vào, thở ra diệt mất. Hai là có thể an trụ trong chánh định thù thắng. “Quán” có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là có thể thị hiện hít vào, thở ra đã chấm dứt. Hai là có thể an trụ tâm và tâm pháp sai khác để quán sát. “Chuyển” có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là có thể phương tiện xả các Thủ Uẩn. Hai là có thể phương tiện tiến nhập địa vị thánh. “Tịnh” có thể tạo tác hai thứ sự nghiệp: Một là có thể xả kết. Hai là có thể tịnh hóa tri kiến).

Phương tiện tối sơ để tu Định nghiệp luân là tu Nhập Xuất Tức Quán. Muốn tu pháp môn phương tiện này thì có sáu loại, tức là “số, tùy, chỉ, quán, chuyển, tịnh”. Pháp quán Nhập Xuất Tức này còn gọi là tu tập

“trì lại khứ niệm” (nắm vững niệm đến đi). Niệm đến, niệm đi [là đối tượng để quán của] phép Sở Tức Quán. Sở (數) là đếm chữ hay đếm số; dùng phương pháp đếm số để nhiếp tâm, nhiếp vọng niệm của quý vị. Chúng ta mới nghe hoặc mới học, cảm thấy [phương pháp này] rất đơn giản. Nếu quý vị thật sự tu tập, [sẽ nhận thấy] chẳng đơn giản cho lắm. Quý vị [chỉ chú trọng] đếm số là sai mất rồi. Có hai cách đếm:

- Một loại là hít vào đếm một, thở ra đếm hai. Một mực hít vào bèn đếm một, thở ra đếm hai, lại hít vào đếm ba, thở ra đếm bốn. Đây là một cách đếm.

- Một cách đếm khác là quý vị có thể gộp chung hít vào và thở ra để đếm thành một, [kế tiếp] hít vào thở ra đếm hai. Đếm tới mười là hết (lại đếm từ một trở lại). Một là con số khởi đầu, mười là con số kết thúc. Vòng mười lượt đầu tiên đã xong, quý vị lại đếm từ một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, lại quán số như vậy.

Thoạt đầu, quý vị cảm thấy đếm số như vậy rất đơn giản, cứ lo đếm số là sai mất rồi. Nếu tâm chẳng chú ý đôi chút, một là đếm lầm số, hai là hơi thở ra vào sẽ hỗn loạn. Hít vào, thở ra bị hỗn loạn, quý vị ắt cần phải điều hòa cân bằng hơi thở. Đã nhiếp cho quý vị khỏi hôn trầm, mà cũng nhiếp quý vị chẳng tán loạn. Vì đây là tu Định, là chỗ để tiến nhập đầu tiên, quý vị ắt cần phải tĩnh tâm quán sát. Chẳng hôn trầm, chẳng tán loạn thì quý vị mới có thể đếm số đúng được!

Nếu quý vị chẳng sử dụng công phu này, thoạt đầu nghe nói liền cho là quá đơn giản! Quý vị dùng rồi mới thấy thật ra rất khó, thoáng chốc đã đếm sai mất rồi. Nếu quý vị chỉ đếm số đơn, tức là hít vào đếm một, thở ra đếm hai, lại hít vào đếm ba, thở ra đếm bốn. Mười lần như vậy, mỗi lượt tính một vòng. Nếu hít vào và thở ra tính là một, như vậy mười lượt tức là mười lần hít vào thở ra. Có người cảm thấy vừa hít vào vừa thở ra mới đếm thành một số, sợ sẽ lầm loạn, liền hít vào đếm là một, thở ra đếm là hai, chỉ tùy thuộc sao cho quý vị đắc Định là tốt nhất. Quý vị có thể tự áp dụng phương tiện này. Nhưng khi quý vị đếm đến mười, bèn đếm lại từ đầu. Thoạt đầu, khi mới sử dụng [cách Quán này], vừa ngồi xuống, hơi thở rất nặng nề, rất hào hển. Quý vị cứ hít vào, thở ra, đếm số như vậy, hơi thở sẽ từ thô tháp trở nên nhẹ dịu, tới cuối cùng, thở ra lần hít vào đều ngưng. Như thế thì sẽ dần dần nhập Định.

Tôi sẽ nói đại lược đôi chút. “Tùy” (隨) là trước hết dựa theo hơi thở ra vào, trước hết thuận theo cách đếm số. Sau là “tùy” theo Chỉ. “Tùy” có thể khởi lên hai thứ tác dụng. Tùy thuận cách đếm số hơi thở ra vào mà có thể quán sát tướng thở ra, hít vào. Trong khi đếm số, đếm

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

tới đếm lui như vậy, điều hòa hơi thở hết sức vi tế. Dần dần, quý vị sẽ ngừng dứt các tâm mong cầu, tâm phan duyên. Tự quý vị có thể thấy được, chính mình có thể quán tưởng tướng trạng hít vào, thở ra, có thể thấy tướng ra vào của nó. Điều này thuộc về Sắc pháp, thuộc về sắc tướng. Do vậy, phép Quán của quý vị là hữu tướng, có thể dùng nó để hàng phục cái tâm tán loạn. Khi quý vị đếm số, tùy thuận theo tướng hít vào, thở ra ấy, chính mình có thể quan sát. Cách tùy thuận ấy có thể khởi lên hai thứ tác dụng: Một là ngưng dứt cái tâm tìm cầu, hai là hàng phục cái tâm Tâm Tứ.

Do lúc đếm số, có thể hàng phục cái tâm tán loạn. Cho đến lúc Tùy [như vừa nói trên đây], sẽ có thể xuất ly, bỏ được cái tâm Tâm Tứ. Khi ấy, người đó có thể khéo giữ lấy tướng hít vào, thở ra, [tức là] trong khi đang tu, có thể dần dần quan sát. Đó là tác dụng của Tùy. Tác dụng của Chỉ là khi đang Tùy, đối với tướng hít vào, thở ra đã hiện hữu ấy, sẽ có thể diệt trừ tướng hít vào, thở ra. Khi ấy, quý vị đã có thể dần dần nhập Định, an trụ trong Định. Khi quý vị cảm thấy đã có thể dần dần nhập Định, đó là quán chiếu, nó có thể báo cho quý vị biết hơi hít vào, thở ra đã hết, hoàn toàn bất động, đã diệt tận, có thể an trụ cái tâm.

“*Chuyển*” có nghĩa là hàng phục cái tướng ấy, có thể xả Sắc Pháp và Sắc Uẩn. Tướng thở ra hít vào thuộc về Sắc Uẩn. Người ấy dần dần đoạn phiền não, có thể nhập địa vị thánh, tức là đã đoạn phiền não. Khi cảm thấy tỉnh, người ấy có thể xả các thứ Kết Sử, bỏ được tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, Tà Kiến, tức mười phiền não Kết Sử ấy. Xả hoàn toàn chẳng phải là đoạn, vẫn chưa đạt tới cảnh giới ấy. Khi có thể đoạn, sẽ có thể sanh ra chánh tri, chánh kiến. Đó gọi là “*sáu loại phương tiện*”. Sáu loại phương tiện ấy chính từ phép Sổ mà Sổ, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, Tịnh. Trí Giả đại sư viết Lục Diệu Môn, đã sửa [Chuyển] thành Hoàn, [với ý nghĩa] “*hoàn nguyên*” (還原, trở lại) thanh tịnh.

Mỗi loại phương tiện đều có hai thứ tượng trưng: Một là thô, hai là tế. Khi quý vị mới tu, lúc đếm số, tùy thuận chính mình chọn lựa cách nào. Khi tôi sử dụng, tôi niệm thánh hiệu Địa Tạng: Cứ mỗi một chữ, hít vào ở chữ Nam, thở ra ở chữ Mô. Xong xuôi lại hít vào là chữ Địa, lại thở ra là chữ Tạng. Lại hít vào là chữ Bồ. Lại thở ra là chữ Tát. Tôi chia sáu chữ thành ba lượt. Hít vào, thở ra, hít vào, thở ra, hít vào, thở ra; niệm Phật mười lần thì là tôi niệm trọn sáu mươi chữ. Lúc đầu rất thô, phải tập trung tinh lực; hơi lơ lửng, lười nhác sẽ bị sai lầm ngay. Khi sử dụng đã khá tinh thông, đếm tới, đếm lui, dần dần hơi thở được hàng

phục, trong tâm liền tĩnh lặng. Đã chẳng thể dấy vọng tưởng, mà cũng chớ nên hôn trầm. Nếu tư tưởng chẳng chú ý đôi chút, quý vị sẽ chẳng thể quán chiếu được, sẽ bị làm. Thoạt đầu, quý vị cảm thấy như vậy quá phức tạp, có thể rút ngắn cho giản đơn hơn. Trước hết là đếm từ lúc hít vào, hít vào đếm là một, thở ra đếm là hai, vậy thì lại hít vào là ba, lại thở ra là bốn. Do vậy, trong năm vòng hít thở, sẽ đủ mười số.

Chiếu theo kinh nghiệm của tôi, nếu quý vị có thể đếm tới lần thứ năm trăm, bất luận quý vị đi lại cũng thế, mà ngồi cũng thế, có khi ngồi ở đó đếm số, quý vị sẽ cảm thấy giống như thăng ngóc, ngồi ngơ ngẩn tại đó. Vì quý vị chuyên chú vào một cảnh, kinh dạy “*chuyên chú một cảnh, sẽ có thể nhiếp tâm*”, đã hàng phục cảm giác thô, sẽ tiến nhập [cảm giác] tế. Khi đã tế, quý vị càng phải chú ý. Tế sẽ dễ trở thành gì? Dễ bị hôn trầm! Nhất định phải quán chiếu hơi thở ra vào, nhưng ắt cần phải chú ý: Quý vị chú tâm chuyên chú một cảnh, sẽ chẳng đếm sai số. Như thế thì hết thấy tâm vọng tưởng, tâm tìm cầu quan sát sẽ ngừng lại, Khi hơi thở đã ngừng, chúng nó sẽ bị khuất phục theo. Quý vị coi cái tướng tùy thuận ấy như là tướng của hơi thở ra vào. Khi đã tùy, sẽ có thể xả, có thể lìa khỏi hết thấy tướng hơi thở ra vào ấy, “lìa khỏi” là Xả. Đó là ý nghĩa của “Tùy”. “Tùy” có nghĩa là “*khi có thể xả, sẽ là tùy thuận*”. Cũng có nghĩa là “*đã lìa bỏ tướng hít vào, thở ra*” ấy, xả lìa tướng thô của Tâm và Tứ. Nhưng trong lúc đó, chỉ còn sót lại tướng hít vào, thở ra rất vi tế. Tướng ấy ắt cần phải đạt đến Chỉ, tức là trong tình huống Tùy, ắt cần phải đạt đến Chỉ thì quý vị mới có thể nhập Định. Đã nhập Định, tướng hít vào, thở ra sẽ chẳng có. Đã chẳng có, thì là đã ở trong Định; bất quá, Định ấy vẫn chưa phải là Đại Định.

Khi quý vị Chỉ, thị hiện tướng hít vào, thở ra đã diệt. Tam-ma-địa là Định. Lúc quý vị mới đắc Định, cảm giác hết sức hoan hỷ. Chuyện này phải thực hiện theo từng bước một, chẳng thể lướt qua được, chẳng thể nhảy cóc, quý vị ắt cần phải thực hiện theo từng bước một. Chúng ta thường nói “*Định có thể sanh ra Huệ*”, Huệ ở đây có nghĩa là Chiếu, chẳng còn phân biệt, chẳng còn tìm kiếm. Hễ tìm kiếm, sẽ lại rơi vào Tâm và Tứ trong phần trước. Chẳng phải là ý nghĩa như thế! Nó là chiếu, chiếu soi, quan sát, rồi lại quan sát. Đã chiếu soi, tướng hít vào, thở ra chẳng còn nữa. Như vậy bèn chẳng có thở ra, hít vào, mãi cho đến khi cái tướng [thở ra, hít vào] ấy cũng chẳng có. Trước tiên là chế phục Tâm và Tứ; sau đó, diệt tướng thở ra, hít vào. Cho đến khi Tùy, mãi cho đến khi tướng thở ra lần hít vào đều dần dần trở thành rất vi tế, cho tới khi chẳng còn nữa, thì là lúc đã đạt tới Chỉ, [thở ra, hít vào] hoàn toàn

hết hẳn, đã lia bỏ rồi. Đã hoàn toàn hết thì khi đó quý vị biết cái tâm đã an trụ trong Định cảnh, chuyên chú nơi một cảnh, đấy là an trụ. Tâm, tâm sở, biệt ý quan sát, tâm là tâm sở pháp. Chúng ta học Bách Pháp, biết Sắc Pháp có mười một món, Tâm Pháp có tám³², Tâm Sở Pháp gồm năm mươi một món.

“*Quán sát*” không có nghĩa là phân biệt, tìm tòi. Hễ tìm tòi, sẽ rơi vào Tầm Tứ, mà [quán sát] là Chiếu, chiếu soi phiền não của quý vị để hàng phục hôn trầm và tán loạn. [Hôn trầm và tán loạn] đều thuộc về Tâm Sở Pháp. Tùy theo ý thức của quý vị khởi phân biệt mà thành Lục Nhập, tức tai nghe tiếng, mắt thấy sắc, lưỡi biết vị... Quý vị chiếu soi sáu căn, những hiện tượng trên đây sẽ chẳng còn nữa. Đấy chẳng phải là ngây ngốc, mà cũng chẳng phải là ngủ mê, phải quan sát. Vì quý vị ở trong Định sanh khởi huệ tâm sở, đấy là bước đầu.

(Kinh) Như thị lục chủng phương tiện, tu tập Nhập Xuất Tức Quán, tiện năng tùy thuận quán Ngũ Thủ Uẩn. Sở dĩ giả hà? Như thị nhập tức, xuất tức tự tánh, danh Sắc Thủ Uẩn. Như thị nhập tức, xuất tức lãnh nạp, danh Thọ Thủ Uẩn. Như thị nhập tức, xuất tức thủ tướng, danh Tướng Thủ Uẩn. Như thị nhập tức, xuất tức tạo tác, danh Hành Thủ Uẩn. Như thị nhập tức, xuất tức liễu biệt, danh Thức Thủ Uẩn. Như thị sở thuyết ngũ chủng Thủ Uẩn, các các biệt dị, hỗ bất tương tự, tân tân phi cố, vô trụ, vô tích, bất khả ngôn thuyết. Như thị quán sát ngũ chủng Thủ Uẩn, năng trừ tam hạnh. Nhược năng như thị cứu cánh, tùy quán tam chủng hạnh tận, tiện năng u thử chư Hữu thức thân, lục chủng cảnh giới, cứu cánh tùy quán Ngũ, Ngũ Sở Chấp nghiệp, u vô minh, ái, nhân điền phú nhuận, nhất thiết giai tận.

(經)如是六種方便，修習入出息觀，便能隨順觀五取蘊。所以者何？如是入息，出息自性，名色取蘊。如是入息，出息領納，名受取蘊。如是入息，出息取相，名想取蘊。如是入息，出息造作，名行取蘊。如是入息，出息了別，名識取蘊。如是所說五種取蘊，各各別異，互不相似

³² Sắc pháp tức là những thứ sắc chất, bị ngăn ngại gồm năm căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và năm trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) cộng với một phần Pháp xứ. Tâm pháp gồm tám thức (nhãn thức, nhĩ thức, cho đến A Lại Da Thức). Tâm sở pháp là các tác dụng tâm lý của tám thức.

，新新非故，無住無積，不可言說。如是觀察五種取蘊，能除三行。若能如是究竟，隨觀三種行盡，便能於此諸有識身，六種境界，究竟隨觀我，我所執業，於無明，愛，因田覆潤，一切皆盡。

(Kinh: Sáu thứ phương tiện như thế, tu tập Nhập Xuất Tức Quán (quán hít vào, thở ra), sẽ có thể tùy thuận quán Ngũ Thủ Uẩn. Vì có sao vậy? Tự tánh của hít vào, thở ra như thế được gọi là Sắc Thủ Uẩn. Sự lãnh nạp nơi hít vào, thở ra như thế, được gọi là Thọ Thủ Uẩn. Giữ lấy tướng của hít vào, thở ra như thế, thì gọi là Tưởng Thủ Uẩn. Tạo tác của hít vào, thở ra như thế thì gọi là Hành Thủ Uẩn. Liễu biệt hít vào, thở ra như thế, thì gọi là Thức Thủ Uẩn. Năm loại Thủ Uẩn đã nói như thế, mỗi loại đều khác nhau, chẳng tương tự với nhau, luôn mới mẻ, chẳng cũ, chẳng trụ, chẳng tích tập, chẳng thể diễn tả bằng ngôn ngữ được. Quan sát năm loại Thủ Uẩn như thế, có thể trừ ba hạnh. Nếu có thể quan sát rõ ràng ba thứ hạnh ấy chấm dứt, sẽ có thể đối với các thức, thân thể, sáu loại cảnh giới trong các Hữu mà rõ ràng tùy quán Ngũ và các thứ được Ngũ chấp trước, giống như thừa ruộng do vô minh và ái làm cái nhân, che phủ, tưới tắm, hết thấy đều tận).

Sáu loại phương tiện này đều là phương tiện ban đầu để nhập Định. Đừng tưởng rằng Chỉ [trong Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, Tĩnh] là tam-ma-địa thù thắng, đây chẳng phải là đại định. Bất quá chỉ là trong một trăm lẻ tám môn tam-muội, mới nhập Sơ Hỷ Tĩnh, cũng là lúc thoát đầu mới tiến nhập tu hành. Cho đến khi Chuyển, lại khởi đầu, lại xả Uẩn. Uẩn (蘊) là chứa đựng. Đã nắm vững Uẩn, thì đã nhập thánh địa (địa vị thánh nhân). Như Sơ Quả thánh nhân đã đoạn Kiến Hoặc đại khái là như thế đó. Khi ấy, đã sâu rồi, có thể xả Kết Sử, chẳng truy cầu, nhưng chưa phải là đoạn, giống như chữ Xả trong giai đoạn Tùy ở phần trước. Người ấy đã đạt được chánh tri, chánh kiến. Thanh tịnh pháp nhãn đã tịnh, tức là sáu thứ phương tiện dùng để tu quán tình huống của hơi thở ra, hít vào. Lúc đó, có thể tùy thuận tiến tu thêm bước nữa. Vậy thì kinh văn giải thích rằng: Tiến tu thêm một bước nữa, quán cái Thở của hơi thở ra, hít vào cũng chính là tự tánh của hơi thở ra hít vào. Cái Thở ấy thuộc về Sắc Pháp, cho nên gọi là Sắc Thủ Uẩn. Vậy thì hết thấy các sắc được uẩn tàng đến đây đã ngưng dứt. Hít vào, thở ra, một vào, một ra, mang ý nghĩa lãnh nạp, điều đó được gọi là “lãnh thọ”, cũng gọi là Thọ Thủ Uẩn.

Thủ tướng (取相, nắm giữ tướng) hít vào, thở ra, “*thủ tướng*” chính là tướng trong tư tưởng (suy tưởng), cho nên gọi là Tướng Thủ Uẩn. Tạo tác do hít vào, thở ra như thế, có ý nghĩa “*vận chuyển*”. Do vận chuyển sự tạo tác ấy, nên gọi là Hành Thủ Uẩn. Liễu biệt (了別, thấy hiểu phân biệt rõ ràng) sự hít vào, thở ra như thế. Hít vào, thở ra, [rồi lại] hít vào, thở ra. Sự liễu biệt ấy được gọi là Thức Thủ Uẩn.

Năm thứ đó được gọi là Ngũ Thủ Uẩn (五取蘊). Ngũ Thủ Uẩn là Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. “*Thủ*” (取) có nghĩa là “quý vị vốn đã trọn đủ”. Ngũ Thủ Uẩn là trọn đủ. Mỗi người chúng ta đều trọn đủ. Chỉ cần là hữu tình, đều có đủ năm Uẩn Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức ấy. Năm Uẩn ấy, mỗi món đều khác biệt. Món này chẳng tương tự món kia; khi ấy, chúng là chẳng tương tự. Tiến thêm một bước nữa, những thứ trên đây đều bỏ sạch, thì gọi là Hậu (后). Có thơ Ngũ Thủ Uẩn và tế Ngũ Thủ Uẩn. Do những thứ ấy chẳng trụ, nên nói là “*tân tân phi cố*” (新新非故, luôn mới mẻ, chẳng cũ), [hàm ý]: Chẳng phải là cái đã có sẵn, mà là luôn thay thế, đổi mới lẫn nhau. Do chúng nó chẳng trụ, có phải là tích tụ một chỗ hay chẳng? Chẳng phải vậy! Mong dùng ngôn ngữ để giải thích rõ ràng Ngũ Uẩn thì chẳng thể dùng ngôn ngữ để giảng giải được. Chỉ có thể khi quán chiếu, quý vị bèn chiếu soi nó.

Quý vị có thể đạt tới tình huống như vậy, sẽ đạt được “*tam hạnh*”. “*Tam hạnh*” là gì vậy? Chính là phước, tội, và vô tác. “*Vô tác*” có nghĩa là vô động, cũng có nghĩa là chẳng khởi lên ý niệm về phước, mà cũng chẳng khởi ý niệm về tội. Đối với “*tam hạnh*”, quý vị có thể trừ khử “*phước, tội, vô động*”, còn gọi là vô ký, [tức là] chẳng tội, chẳng phước, có tánh chất vô ký. Nếu có thể tùy thuận, quán ba hạnh ấy đều đã hết, trong hiện tại, thân tâm sẽ thanh tịnh.

[Trong câu “*tiện năng ư thử chư Hữu thức thân lục chủng cảnh giới*”], “*thức*” là tâm, “*thân*” là thân thể. Thân thể thuộc vào Sắc Pháp, tâm là Tâm Pháp. Đối với hai pháp Sắc và Tâm ấy, lục căn đều thanh tịnh. Khi đó, có thể tiến nhập Ngã Chấp để dần dần thâm nhập quán Vô Ngã. Phá trừ vô ngã, sẽ có thể tiến nhập các pháp chấp trước bởi Ngã. Năng Chấp (chủ thể chấp trước) là Ngã, Ngã Sở Chấp (cái bị chấp trước bởi Ngã) chính là hết thấy các tướng cảnh giới. Chấp trước những tướng cảnh giới nào? Có vô minh và ái làm nhân, [tức là như trong chánh kinh, sánh ví vọng tâm như] “*thừa ruộng có ái và vô minh làm nhân, bị hết thấy các tội nghiệp che lấp*”. Các tội phước [do thừa ruộng ấy] sanh ra đều đã tận. Đó là bước đầu.

(Kinh) Như thị tu tập tứ chủng Niệm Trụ giai đắc viên mãn, nãi chí tu tập Bát Chi Thánh Đạo giai đắc viên mãn, như thị nãi chí tu tập thập bát bất cộng Phật pháp giai đắc viên mãn. Như thị nãi chí tu Nhất Thiết Chủng Vô Sanh Pháp Nhân, Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa đẳng giai đắc viên mãn. Như thị tu tập trì lai khứ niệm, nhập chư Tĩnh Lự, danh trụ chánh pháp thắng nghĩa hữu tình, danh vi chân thật tu tập Tĩnh Lự, danh vi chân thật cúng dường tam thế chư Phật Thế Tôn, danh nhất thiết Phật tâm trung chí tử, tụng Phật khẩu sanh, thị pháp sở thành, thị pháp sở hóa.

(經)如是修習四種念住皆得圓滿，乃至修習八支聖道皆得圓滿，如是乃至修習十八不共佛法皆得圓滿。如是乃至修一切種無生法忍，首楞伽摩三摩地等皆得圓滿。如是修習持來去念，入諸靜慮，名住正法勝義有情，名為真實修習靜慮，名為真實供養三世諸佛世尊，名一切佛心中之子，從佛口生，是法所成，是法所化。

(Kinh: Tu tập bốn loại Niệm Trụ như thế đều được viên mãn, cho đến tu tập tám chi thánh đạo đều được viên mãn, như thế cho đến tu tập mười tám Phật pháp bất cộng đều được viên mãn, như thế cho đến tu Nhất Thiết Chủng Vô Sanh Pháp Nhân (Nhất Thiết Chủng Trí), Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa (Thủ Lăng Nghiêm chánh định) v.v... đều được viên mãn. Tu tập giữ vững niệm đến đi như thế, nhập các Tĩnh Lự, gọi là hữu tình trụ trong nghĩa thù thắng của chánh pháp, gọi là tu tập Tĩnh Lự chân thật, gọi là chân thật cúng dường tam thế chư Phật Thế Tôn, gọi là con trong tâm của hết thầy các đức Phật, sanh từ miệng Phật, do pháp thành tựu, được hóa độ bởi pháp).

Sau khi đã tu xong các pháp ấy, mới có thể tiến nhập tu tập bốn loại Niệm Trụ. Khởi quán bốn loại Niệm Trụ là “quán thân bất tịnh, quán Thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã”. Thực hiện từ công phu Sô, Tùy, Chi, Quán, Chuyên, Tịnh. Sau đấy, lại khởi quán Tứ Niệm Xứ, có thể tiến nhập rất nhanh, thành công rất nhanh. “Viên mãn” có nghĩa là “thành tựu”. Thoạt đầu, đều là từ Sô mà bắt đầu, tức là cần phải từ trong Định, quý vị tấn tu thêm bước nữa là tu Tư Duy. Sau khi bốn loại Niệm Trụ như vậy đều đã viên mãn, Bát Thánh Đạo đều viên mãn, cho đến tu Thập Bát Bất Cộng Phật pháp đều viên mãn, cho đến tu Nhất Thiết Chủng Vô Sanh Pháp Nhân, cũng tức là Nhất Thiết Chủng

Trí. Vô Sanh Pháp Nhãn là chấp nhận các pháp vô sanh. Pháp vô sanh chỉ có một loại trí huệ, đạt được Thủ Lăng Già tam-ma-địa (Thủ Lăng Nghiêm tam-muội). Đây đều là nói tóm tắt. Nếu nói cặn kẽ, sẽ là mỗi món Định đều phải viên mãn. Trên đây là giải thích đại lược môn Phật Luân thứ hai như thế. Tu “*trì lai khứ niệm*” (giữ vững mỗi niệm đến đi) chính là tu cái niệm của quý vị. Do cái niệm ấy, tu niệm nhập Tĩnh Định, “*trụ chánh pháp thắng nghĩa hữu tình*” (là hữu tình trụ trong nghĩa thù thắng của chánh pháp). “*Chánh pháp thắng nghĩa*” là gì? Chính là nói đến Đệ Nhất Nghĩa, tức là nói đến Thật Tướng, nói tới ý nghĩa chân thật bất biến. Hữu tình ấy đã thành trụ, có thể chân thật tu hành Tĩnh Lự, chân thật tu hành Định.

Bát Chi Thánh Đạo là Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định, và Chánh Kiến. Đối với Phật pháp, chẳng nầy sanh tà tri, tà kiến, giải thích rất chánh xác, rời xa các kiến giải hư vọng như duy thần, duy vật, duy ngã. Tuy chỉ là hai chữ, nhưng Chánh Kiến cũng rất khó nầy sanh. Rất nhiều người trong chúng ta hy vọng có thần thông, mong mỗi có cảm ứng, hoặc là Ngã Chấp, Ngã Kiến rất sâu. Phàm là đối với chính mình, luôn đặt Ngã Kiến (kiến giải của chính mình) vào địa vị bậc nhất. Ngã Kiến chẳng phải là chánh kiến. Trong [các loại kiến giải] duy thần, duy ngã, và duy vật, luôn tách tâm và cảnh thành hai. Tâm và cảnh bị tách làm đôi, duy cảnh là duy vật chất (chỉ chấp nhận vật chất tồn tại), duy vật chỉ chấp nhận vật chất. Đừng nên xếp vật chất thành tánh chất bậc nhất, hoặc xếp duy tâm thành tánh chất bậc nhất, [những chấp trước ấy] đều là sai lầm. [Chẳng chấp trước như thế] thì mới là giải thích Phật pháp chánh xác. Ngoài tâm chẳng có pháp hay có cảnh. Ngoài cảnh cũng chẳng có tâm, mà ngoài pháp cũng chẳng có tâm. Cách giải thích ấy rất sâu. Chúng tôi chỉ nói [đơn giản Chánh Kiến] là nầy sanh kiến giải chân chánh, chẳng sanh ra tà tri, tà kiến là được rồi. [Hễ có chánh kiến], nhìn vào vấn đề, sẽ có thể thấy nhập lý sâu hơn một chút. Cái lý ấy nếu phải giải thích thì cũng rất nhiều. Nói đơn giản thì là chân tâm (tức là chân lý).

Tư tưởng của chúng ta hoạt động, chẳng thể lìa khỏi ba loại. Nói theo phía nhân loại thì một là vật lý, hai là tâm lý, còn một loại nữa là sanh lý. Rất nhiều người căn cứ theo sanh lý, khi hết thấy vật chất được sanh ra, họ có lập luận như thế này: Xét theo phương diện vật lý, hết thấy vật chất biến hóa, sanh, trụ, dị, diệt, họ có thể tìm ra quy luật. Đối với tâm lý, tức là đối với sự tư duy trong cái tâm của chính mình, cũng

có sự biến hóa nhất định, cũng có quy luật nhất định. Nhưng nếu thống nhất sanh lý với vật lý hoặc tâm lý thì hoàn toàn chẳng dễ dàng. Giống như một quốc gia lập ra pháp luật, ắt cần phải liễu giải tình hình trong nước, tánh tình của con người, đối với quan hệ giữa con người và gia tộc của họ, quan hệ lục thân quyến thuộc, quan hệ với quốc gia, quý vị chẳng thể không suy xét [các mối quan hệ ấy]. Vì thế, khi lập pháp, nhất định phải chú ý đến tình cảm của người dân. Pháp luật lập ra chẳng hợp lòng dân, thì pháp luật ấy sẽ chẳng thể thành lập, chẳng trở thành pháp luật.

Vì thế, chúng ta thường nói tới thiên lý và lòng người, còn có quốc pháp, cũng là “*tình, lý, pháp*”. Nói đạo lý thì có thể lồi đạo lý ra nói được, nhưng phải phù hợp tình người, phù hợp đạo lý, phù hợp phép nước. Trong ba loại đó, hễ trái nghịch một loại, sẽ chẳng thể thành lập. Lập ra một pháp hoàn toàn trái nghịch tình người, nói theo đạo lý thì cũng có thể suông sẻ, nhưng xét theo tình người sẽ chẳng thông. Quý vị sẽ bị toàn dân phản đối, vậy thì cũng không được. [Nếu chỉ] phù hợp tình lý, theo tình lý thì làm như vậy được, nhưng xét theo khía cạnh pháp luật, sẽ chẳng thể chấp nhận được. Không cần biết quý vị gặp khó khăn gì đi nữa, quốc gia ắt cần phải có pháp luật thống nhất. Thiên lý, quốc pháp, và nhân tình, quý vị phải hiểu ba điều ấy. Đã hiểu rồi, quý vị quay trở lại nghiên cứu sanh lý, vật lý, và tâm lý.

Như vừa rồi chúng tôi vừa nhắc đến Chánh Kiến, để dạy bảo chúng sanh, đức Phật luôn có phương tiện thiện xảo, mong cho quý vị đạt tới chân lý, đạt tới cảnh giới chân thật. Trước hết, Ngài chiếu theo tình huống để nói. Tánh tình mỗi người mỗi khác, vì sao phải quán cơ (觀機, xem xét căn cơ) thuyết pháp? Tiền nhân (前因, cái nhân trước đó) của họ khác nhau. Tiền nhân là Lý, tư tưởng và lý luận của họ trong hiện tại lại khác biệt. Đức Phật đều quan sát mỗi phương diện, thuyết pháp cho họ, họ có thể khai ngộ. Chúng ta nói tới Chánh Kiến, điều thứ nhất là phải vô ngã. Ngã Chấp quá nặng, chưa bàn đến Pháp Chấp. Khi chưa đoạn Ngã Chấp, có thể nào nói tới pháp được ư? Chuyện gì cũng đều đặt chính mình vào bậc nhất, đây chẳng phải là Chánh Kiến. Phạm là có Ngã Chấp, sẽ chẳng phải là Chánh Kiến. Tôi chỉ nói cặn kẽ một điều, những điều khác chẳng thể nói chi tiết.

Chánh Tư Duy: Vọng tưởng, tham dục, mong cầu đều chẳng chánh đáng. Chúng ta mong mỗi vĩnh viễn chẳng ngã bệnh, chuyện này chẳng thể được! Chỉ cần quý vị có nhục thể, [nhục thể ấy] do Địa, Thủy, Hỏa, Phong hòa hợp, do các duyên hòa hợp, mà mong mỗi vô bệnh, bất

luận là ai cũng đều chẳng thể được. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng mắc bệnh, [tức là] Ngài cũng thị hiện bị bệnh. Nếu quý vị có suy nghĩ vĩnh viễn chẳng ngã bệnh, đó là tư duy chẳng chánh xác. Còn có tham luyến, tham dục. Đây cũng chẳng phải là Chánh Tư Duy. Hoặc là chúng ta hy vọng nghe pháp nhiều, tăng thêm huệ mạng, mở mang trí huệ hơn, lấy trí huệ làm sanh mạng của chúng ta. Đó là chánh xác, khiến cho đạo nghiệp nơi sự tu đạo của chúng ta sớm có ngày thành tựu. Tư duy như vậy là Chánh Tư Duy. Phải có Chánh Kiến thì mới có thể sanh ra Chánh Tư Duy. Kiến giải của quý vị có trí huệ hay không? Từ cách nhìn của quý vị đối với vấn đề, sẽ biểu hiện ra [quý vị có Chánh Kiến hay không].

Chánh Ngữ rất dễ hiểu: Đừng nên nói bừa bãi, đừng hủy báng người khác, đừng hý luận, đừng ác khẩu, đừng chọc ngoáy thị phi. Sai lầm này rất dễ phạm: Nói chuyện thị phi của người ta, chính quý vị đang tạo thị phi! Mọi người hãy ngẫm xem, có phải đúng là như vậy hay không? Cái này đúng, cái kia chẳng đúng. Đúng là Thị, chẳng đúng là Phi. [Bàn luận] “chuyện Trương Tam làm khi đó là không đúng, Lý Tứ khi ấy là đúng”. Quý vị chỗ mồm bàn leo mấy câu, bàn chuyện thị phi, nói đúng thành sai, bẻ cong đúng sai! Phải chiếu theo điều gì? Chiếu theo vô ngã, chiếu theo cái thấy chánh xác. Do tư duy chánh xác, sẽ thốt ra lời lẽ chánh xác. Giống như Trung Hoa có câu: “*Phi lễ vật ngôn, phi lễ vật thị, phi lễ vật động*” (Phi lễ chớ nói, phi lễ chớ nhìn, phi lễ chớ làm). Phải hiểu Lễ như thế nào? Nói theo Phật giáo, Lễ là “hợp với pháp tắc”, xứng hợp lời Phật dạy thì sẽ là Lễ. Chánh Ngữ là phù hợp với pháp, phù hợp lời đức Phật dạy. Chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói đôi chiều, chẳng nói lời ác. Đây là đại tiền đề, là bốn tiêu chuẩn; nhưng trong ấy còn có rất nhiều [tiêu chuẩn khác nữa], chính quý vị phải tự quan sát.

Chánh Nghiệp: Phạm những gì phù hợp Phật, Pháp, Tăng, phù hợp lời đức Phật dạy, thì sẽ là Chánh Nghiệp. Nhưng nghề nghiệp của quý vị đang làm trong xã hội, quý vị theo đuổi một nghề nào, một đảng là giới pháp do đức Phật giáo hóa, một đảng là pháp luật của quốc gia. Nếu hai đảng mâu thuẫn với nhau, tức là quốc pháp và giới pháp do đức Phật chỉ dạy xung đột, phải tuân theo quốc pháp. Tuy đức Phật dạy bảo như thế ấy, nhưng khi quý vị tuân theo quốc pháp, chẳng tính là phạm giới. Quý vị tuân thủ giới pháp, có thể là quốc gia chẳng chấp thuận. Trong quốc độ quý vị đang ở, chẳng thể làm như vậy, quý vị hãy nên buông xuống, phải tùy thuận quốc pháp. Đây mới là hành vi chánh đáng. Khi ấy, chỉ cần quý vị chẳng trái pháp luật, chẳng thương tổn kẻ khác,

chẳng tính toán vì lợi ích của chính mình, chúng tôi cho rằng làm như vậy là cao thượng! Mỗi quốc độ, mỗi chủng tộc, tập quán sanh hoạt của mỗi dân tộc, tất cả tình cảm cao thượng đều khác nhau. Chúng tôi nêu lên mối quan hệ giữa hai tánh chất để thí dụ. Có rất nhiều quốc độ, rất nhiều dân tộc có cách nhìn khác nhau, quốc pháp cũng khác nhau.

Chiếu theo lời đức Phật chỉ dạy, hễ tà dâm, quý vị đã phạm dâm giới. Cái quý vị chẳng nên có, mà đạt được bằng cách phi pháp, thì là phạm giới, tức là phạm giới trộm cắp. Thậm chí giết người, phạm sát giới. Theo Bồ Tát giới, giết súc sanh cũng phạm giới giống như giết người. Trong giới tỳ-kheo, giới tỳ-kheo-ni, hoặc là Bát Quan Trai Giới, giới của ưu-bà-tắc và ưu-bà-di, sát giới thuần là nói đến chuyện giết người, quý vị trót phạm [sát sanh, nhưng không giết người] thì cũng không mất giới. Bát Chánh Đạo được nói tùy theo nơi chốn, tùy theo từng hạng người, đó cũng là đối cơ (對機, phù hợp căn cơ). Nói theo Bồ Tát sẽ hoàn toàn bất đồng; nói theo phàm phu, sẽ lại khác hẳn. Phải hiểu đạo lý này! Đã là Bát Chánh Đạo thì quý vị ăn nói phải phù hợp Bồ Đề đạo. Chúng tôi giải thích như vậy, sâu hơn một tầng.

Chánh Mạng: Nếu phù hợp tiêu chuẩn giới luật, dũng mãnh, tinh tấn tu đạo, tu hành Giới, Định, Huệ, dùng sự tinh tấn ấy để gìn giữ tánh mạng của quý vị. Đó là Chánh Mạng. Chánh Mạng là tôn trọng chính mình. Có lúc vì tu đạo, thà xả thân mạng; đó là tà mạng hay chánh mạng? Chúng ta thấy rất nhiều đạo tràng, như Xả Thân Nhai (捨身崖, vách đá xả thân) ở núi Nga Mi, hoặc trong kinh Pháp Hoa, Pháp Hỷ (Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến) Bồ Tát đốt thân cúng Phật; đây là chánh mạng hay tà mạng? Tùy thuộc quý vị dũng mãnh tinh tấn tới mức độ nào, cũng tùy thuộc quý vị tu đạo, nhận thức đã đạt tới địa vị nào? Có những người do trì giới mà chết, chẳng vì để sống sót mà phá giới, tùy thuộc quý vị lý giải như thế nào! Chủ yếu là do cái tâm và quan niệm của quý vị ngay trong lúc ấy là như thế nào, tôi lý giải như thế đó. Nếu vì khiến cho chúng tử Tam Bảo chẳng đoạn dứt, hoặc là tạm nhân nhượng vì lợi ích toàn cục, quý vị là Bồ Tát vì muốn hộ trì Tam Bảo chẳng đoạn dứt, mà chẳng chú trọng hết thấy tế hạnh. Thế nhưng, hiện tượng trái phạm giới đơn lẻ ấy chẳng thể dùng làm khuôn phép, chẳng thể coi là pháp thường sử dụng được. Giới luật do đức Phật chế định mới là pháp thường hằng. Nói tới Chánh Mạng tức là chẳng sống bằng tà mạng. Ví dụ như nói đến chuyện xem thiên văn, xem địa lý, đoán số tử vi, y phương, nhưng Bồ Tát có học vấn Ngũ Minh, cũng phải làm các chuyện ấy, chẳng coi các chuyện ấy là không đúng. Ngài có phương tiện

thiện xảo độ chúng sanh; tuy vậy, nếu quý vị là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni. lúc làm các chuyện ấy, sẽ là tà mạng! Nếu quý vị thọ Bồ Tát Giới, và cũng thọ tỳ-kheo giới, sẽ chẳng thể làm. Nói là Chánh, tức là có nhiều cách chọn lựa như thế đó!

Cuối cùng, Chánh Niệm là chúng ta phải rời xa hết thảy các vọng tưởng điên đảo. Người được gọi là “*chẳng mất chánh niệm*” là người niệm nào cũng đều chẳng quên Tam Bảo. Còn có Bồ Tát đã dự vào Tín vị (các địa vị thuộc Thập Tín), nhận biết tiền niệm dấy lên ý niệm bất hảo, sẽ chẳng để cho hậu niệm dấy lên, ngay lập tức uốn nắn. Có một loại người tuy phạm giới mà có thể sám hối, đã sám hối sẽ lại được thanh tịnh. Còn một loại khác thì là căn bản chẳng phạm giới, trì giới rất thanh tịnh. Cả hai loại người ấy đều thanh tịnh. Chữ Chánh chính là sanh khởi trí huệ chân chánh, từ Định mà khiến cho thân tâm của chính mình đạt tới nhân cách viên mãn, giống như nhân cách của đệ tử Phật, vâng theo quy định của Tam Bảo về nhân cách của hết thảy các đệ tử. Chúng ta phải giải thích như thế đó. Tôi giải thích Bát Chánh Đạo giản lược như vậy. Có rất nhiều cách giải thích Bát Chánh Đạo, tùy thuộc quý vị đã đạt đến địa vị nào, bèn giải thích theo địa vị ấy để nói thích ứng. Nói thông thường thì giải thích như thế đó.

Nhất Thiết Chủng Trí là hết thảy các loại. Tam Trí là Nhất Thiết Trí, Đạo Chủng Trí, và Nhất Thiết Chủng Trí. “*Chủng tử*” (種子) có nghĩa là “*nảy sanh*”. Nhất Thiết Trí là tổng trí huệ, là hết thảy các pháp được chấp giữ trong pháp Thanh Văn và Duyên Giác. Nhất Thiết Trí là đoạn Kiến Tư Hoặc. Đã đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng Trần Sa và Vô Minh vẫn chưa đoạn. Đạo Chủng Trí là nói đến Bồ Tát. Ngài có thể biết tướng sai biệt của hết thảy các pháp. Nhất Thiết Chủng Trí là nói về Phật. Trong ba trí ấy, Nhất Thiết Chủng Trí có thể biết cái nhân của hết thảy chúng sanh. Chúng ta nêu ra mỗi một chúng sanh, Ngài đều có thể thấy từ vô lượng kiếp đến nay, kẻ ấy đã gieo thiện căn, đã tin Phật từ khi nào. Nhất Thiết Chủng Trí còn gọi là trí huệ của Phật. Chỉ có thành Phật thì mới đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Đã thành Phật, sẽ trọn đủ hết thảy các loại trí huệ, điều đó được gọi là Nhất Thiết Chủng Trí, biết hết thảy các pháp và hết thảy các phương pháp thành đạo, biết cái nhân của hết thảy chúng sanh. Lại còn biết họ đáng nên nhận pháp nào để nói cho họ pháp ấy, mà cũng biết trí sai biệt của hết thảy các chúng sanh.

“*Nhất Thiết Chủng Vô Sanh Pháp Nhãn*” chính là Nhất Thiết Trí. “*Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa*” là Thủ Lăng Nghiêm tam-ma-địa, một trăm lẻ tám môn Định, đã có thể thành tựu viên mãn. Lúc thoát đầu, tu

Định là tu “trì lại khứ niệm”. “*Nhập chư Tĩnh Lự*”: Từ khởi đầu, tu “trì lại khứ niệm”, nhập Định, nhập đến mức trụ trong Tĩnh Lự. Kế đó, giải thích tất cả những môn Định đã nắm vững. Đối với nghĩa thù thắng của chánh pháp, loài hữu tình này chân thật tu hành Tĩnh Lự. Chân thật tu hành Tĩnh Lự thì sẽ đạt được [các môn Định]. Từ Nhất Thiết Trí, Đạo Chung Trí, và Nhất Thiết Chung Trí, người đạt được các loại trí ấy thì mới thật sự cúng dường tam thế chư Phật Thế Tôn. Nói như vậy đã bao gồm cả chủng tánh Bồ Tát, tức là nói đến Đạo Chung Tánh. Nếu tu hành như vậy, tu hành đến mức độ ấy thì mới là Phật tử có thể thành đạo của chư Phật. “*Tùng Phật khẩu sanh*” (Sanh từ miệng Phật): “*Sanh từ miệng Phật*” là pháp do đức Phật đã nói. Đối với những pháp do đức Phật đã nói, người ấy nương theo pháp mà thành đạo. Như vậy thì sanh thân của người ấy đã lấy pháp làm thân, do các pháp hóa độ.

(Kinh) Hoặc hữu Bồ Tát như thị tu tập, tiệm tiệm thoái chuyển, nữ chí Lưu Tận, thành A La Hán, cụ lục thần thông. Hoặc hữu Bồ Tát như thị tu tập, tiệm tiệm tăng trưởng, công đức viên mãn, thành đại Bồ Tát, nữ chí Thập Bát Bất Cộng Phật pháp, Nhất Thiết Chung Trí tu tập viên mãn. Thử nhân bất cử, đương đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Thiện nam tử! Ngã dĩ như thị chư nghiệp pháp thọ nhân quả báo trí, quán sát tam thế chư Phật pháp nhãn, an lập hữu tình, ư thử thập chủng tu Định nghiệp luân, linh kỳ tu tập. Thiện nam tử! Thị danh Như Lai tu Định nghiệp luân.

(經)或有菩薩如是修習，漸漸退轉，乃至漏盡，成阿羅漢，具六神通。或有菩薩如是修習，漸漸增長，功德圓滿，成大菩薩，乃至十八不共佛法，一切種智修習圓滿。此人不久，當得無上正等菩提。善男子！我以如是諸業法受因果報智，觀察三世諸佛法眼，安立有情，於此十種修定業輪，令其修習。善男子！是名如來修定業輪。

(Kinh: Hoặc có Bồ Tát tu tập như thế, sẽ dần dần thoái chuyển, cho đến Lưu Tận, thành A La Hán, có đủ sáu món thần thông. Hoặc có Bồ Tát tu tập như thế, dần dần tăng trưởng, công đức viên mãn, thành đại Bồ Tát, cho đến tu tập viên mãn mười tám món Phật pháp bất cộng và Nhất Thiết Chung Trí. Người ấy chẳng lâu sau sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nay thiện nam tử! Ta dùng trí [liễu giải] các nghiệp pháp, thọ nhân và quả báo như thế, dùng pháp nhãn của tam thế

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

chư Phật để quan sát, an lập hữu tình, khiến cho họ tu tập mười thứ nghiệp luân ấy. Nay thiện nam tử! Đó gọi là Như Lai tu Định nghiệp luân).

Có Bồ Tát sau khi đã chứng đắc Diệt Tận Định, đã đắc Tịch Tĩnh Định, chẳng còn tu hành tiến cao hơn nữa. Nói là “*thoái chuyển*” vì vị ấy ngừng ở nơi đây, cũng có nghĩa là coi như đã bị “*lui sụt*”. Lậu Tận (漏盡): Lậu Tận là hết sạch những gì? Hoặc nghiệp, tức Kiến Tư Hoặc Lậu của người ấy đã hết. Lậu đã tận, tức là chẳng còn [phiền não] rò rỉ nữa, chẳng còn rơi rớt, đọa xuống tam giới, đã thành tựu Vô Sanh. A La Hán còn dịch là Vô Sanh, vô sanh bèn vô diệt. A La Hán tự cho rằng sở đắc của chính mình đã là vô sanh, vô diệt, chẳng khác gì Phật, chẳng còn mong mỗi tiến cao hơn nữa. Đối với sáu loại thần thông, tức Thiên Nhĩ, Thiên Nhãn, Tha Tâm, Túc Mạng... vị ấy đã đạt được Lậu Tận Thông. Còn như báo thông (報通, thần thông đạt được do quả báo) của trời, người, hay quỷ thần thì chẳng có Lậu Tận, vì Kiến Tư Hoặc vẫn còn. Phát đại tâm, [tức là] phát Bồ Đề tâm, tu theo phương thức Chỉ Quán chính là tiến tu cao hơn, chẳng hề tới đây bèn dừng lại. Ngài khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể đạt đến mức độ ấy.

Bậc Sơ Phát Ý Bồ Tát hoàn toàn chẳng ngang hàng với A La Hán, ắt cần phải đạt đến Thập Địa Bồ Tát thì mới ngang hàng với A La Hán, nhưng do đã phát đại tâm, cho nên vượt cao hơn Tiểu Thừa. Vì tâm Bồ Đề chẳng có chỗ giới hạn, vị Bồ Tát ấy sẽ chẳng ngưng dứt, mà nhất định mong thành Phật.

Vì lẽ ấy, có Bồ Tát dần dần thoái chuyển, cảm thấy đạo Phật dài lâu, sanh khởi cái tâm thoái thất. Vậy thì vị ấy sẽ chứng đắc quả A La Hán, nhập Bát Niết Bàn. Còn bậc đại tâm Bồ Tát dần dần tăng trưởng công đức của chính mình, tăng trưởng thành Ma Ha Tát, tức là Đại Bồ Tát. Nội dung của Thập Bát Bất Cộng Pháp rất dài. Tôi vừa mới nói về Nhất Thiết Chung Trí, tu hành viên mãn, tu tập đã thành công, sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, [hay nói thông dụng hơn là] “*thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”.

“*Thiện nam tử*”: Đây là đức Phật trả lời Địa Tạng Bồ Tát. “*Ngã dĩ như thị chư nghiệp pháp thọ nhân quả báo trí*” (Ta dùng trí liễu giải quả báo sẽ phải thọ do cái nhân từ các nghiệp pháp như thế), “*chư nghiệp*” là tất cả tạo tác. Tạo tác gì vậy? Chính là phương pháp tu Định. Cái trước là nhân, cái sau là quả. Cho đến hết thảy Đạo Chung Trí rốt ráo báo đền công đức đã đều viên mãn rốt ráo, “*quan sát tam thế chư*

Phật pháp nhân, an lập hữu tình”, tức là dùng Phật nhân [của tam thể chư Phật] để quan sát hết thảy. Pháp nhân của tam thể chư Phật thấy rõ hết thảy quá khứ, hiện tại, tương lai, khiến cho hết thảy hữu tình, tức hết thảy chúng sanh đang trong lúc tu Định, sẽ tu tập mười loại tu Định nghiệp luân ấy. [Đó là ý nghĩa của câu] “*linh kỳ tu tập*” (khiến cho họ tu tập). Nhưng ở đây, phải chú trọng “*trì lai khứ niệm*” (giữ vững niệm đến đi). Đoạn kinh văn này chú trọng việc tu tập “*trì lai khứ niệm*”. “*Thị danh Như Lai tu Định nghiệp luân*” (Đó gọi là tu Định nghiệp luân của Như Lai): Tu Định nghiệp luân, nếu thâm nhập sâu hơn một chút, sẽ là thâm nhập Chỉ Quán như kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã nói. Trong phần trước, đức Phật đã nêu ra tam luân [trong Phật Luân thứ hai]. Đầu tiên là tu Định nghiệp luân, loại thứ hai [sẽ được nói tiếp sau đây] là tập tụng nghiệp luân.

(Kinh) Thiện nam tử! Vân hà Như Lai tập tụng nghiệp luân? Vị chư bát-sô, hoặc bát-sô-ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, hoặc phục tịnh tín chư thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân, thiện căn vi bạc, y Thế Tục Đấng, căn cơ vị thực, ngã đương an trí như thị hữu tình, linh kỳ tập tụng, sơ dạ, hậu dạ, tinh cần vô dãi. Nhược chư hữu tình cầu Vô Thượng Trí, ngã đương an trí thuần tịnh Đại Thừa, linh kỳ tự độc, hoặc giáo tha độc, linh kỳ tự tụng, hoặc giáo tha tụng, linh kỳ tự thuyết, hoặc giáo tha thuyết. Ư Đại Thừa trung, linh kỳ tự tập, hoặc giáo tha tập. Vị linh tự thân, cập tha thân trung đại phiền não tụ, giai trừ diệt cố, vị linh chứng đắc Vô Thượng Trí cố, vị trừ nhất thiết hữu tình khổ cố, vị linh thú nhập vô úy thành cố.

(經)善男子！云何如來習誦業輪？謂諸苾芻，或苾芻尼，鄔波索迦，鄔波斯迦，或復淨信諸善男子，或善女人，善根微薄，依世俗諦，根機未熟，我當安置如有有情，令其習誦初夜，後夜，精勤無怠。若諸有情求無上智，我當安置純淨大乘，令其自讀，或教他讀，令其自誦，或教他誦，令其自說，或教他說。於大乘中，令其自習，或教他習。為令自身，及他身中大煩惱聚，皆除滅故，為令證得無上智故，為除一切有情苦故，為令趣入無畏城故。

(Kinh: Này thiện nam tử! Như thế nào là tập tụng nghiệp luân của Như Lai? Vì các tỳ-kheo, hoặc tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hoặc là

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

các thiện nam tử và thiện nữ nhân có tín tâm thanh tịnh, thiện căn mỏng nhẹ, nương theo Thế Tục Đế, căn cơ chưa chín muồi, ta sẽ an bài các hữu tình như thế, khiến cho họ tập tụng. Đầu đêm, cuối đêm, siêng róng, chẳng lười nhác. Nếu các hữu tình cầu Vô Thượng Trí, ta sẽ sắp đặt Đại Thừa thuần tịnh cho họ tự đọc, hoặc dạy người khác đọc, khiến cho họ tự tụng, hoặc dạy người khác tụng, khiến cho họ tự nói, hay dạy người khác nói. Khiến cho họ tự tu tập Đại Thừa, hoặc dạy người khác tu tập. Vì muốn khiến cho khối phiền não to lớn nơi thân mình và thân người khác đều trừ diệt, vì khiến cho họ chứng đắc Vô Thượng Trí, vì trừ khổ cho hết thấy hữu tình, vì khiến cho họ tiến nhập tòa thành vô úy).

Nghiệp luân thứ hai là học tập tụng, học tập đọc như thế nào, cũng có nghĩa là đọc tụng Đại Thừa. Nếu tu Định mà chẳng có thiện căn này, sẽ chẳng đắc Định, tu chẳng thành. Quý vị hãy đọc tụng kinh điển cho nhiều, hoặc là đọc tụng kinh điển Đại Thừa, hoặc đọc tụng kinh điển của Thanh Văn và Duyên Giác Thừa, kinh điển của ba thừa đều được. Nếu quý vị tiến nhập đồng thời cả ba thừa cũng được. Tôi cảm thấy đức Phật từ Đại Thừa nói đến Trung Thừa, rồi nói đến Tiểu Thừa. Nói pháp Bồ Tát xong, bèn nói đến pháp Duyên Giác. Nói xong Duyên Giác, bèn nói đến Thanh Văn. Tùy thuộc trong ba thừa ấy, quý vị thuộc loại căn cơ nào, chủ yếu là khiến cho quý vị lìa khổ, được vui, đoạn trừ phiền não. Mục đích, tức tông chỉ của Ngài là nói với tứ chúng đệ tử, tức tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ. Ô-ba-sách-ca (Upāsaka) dịch là Cận Sự Nam (近事男), Ô-ba-tư-ca (Upāsikā) dịch là Cận Sự Nữ (近事女). Đó là tứ chúng đệ tử, [bao gồm] hai chúng tại gia và hai chúng xuất gia. Còn có những người chưa quy y, chưa thọ pháp, hoặc là có những thiện nam tử và thiện nữ nhân có lòng tin thanh tịnh, do căn cơ tu Định của họ trong đời quá khứ mỏng ít, thiện căn trong quá khứ chẳng dày, sẽ chiếu theo Thế Tục Đế, chẳng y chiếu nghĩa Chân Đế.

Trong phần trước, chúng tôi đã nói, đại khái là nương theo lẽ Chân để tu tập. Tu tập Định chính là nương theo lẽ Chân, bước đầu cũng là thế tục, dần dần sẽ tiến nhập lẽ Chân. Họ quán tâm, sẽ từ lý tánh tiến nhập. Đối chiếu giữa hai đẳng, Định vốn phải từ lý tánh tiến nhập, họ lại nói chuyện này chiếu theo Thế Tục Đế, tức là căn cơ chưa chín muồi. Đức Phật khiến cho các hữu tình ấy học tập “*tập tụng*”. Tập tụng cũng có yêu cầu nhất định, hoàn toàn chẳng phải là chúng ta niệm một đoạn kinh, hoặc niệm một bộ kinh mà được coi là “*tập tụng*”. Chúng ta niệm quá ít, quá ngắn, đức Phật dạy họ tập tụng vào lúc đầu đêm, cuối đêm, và

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

giữa đêm, [hay nói cách khác] bốn giờ đầu đêm, bốn giờ giữa đêm, và bốn giờ cuối đêm, tức là mười hai giờ. Trong mười hai giờ ấy, trừ bốn giờ thuộc giữa đêm có thể nghỉ ngơi đôi chút, có thể không tụng. Ngoài ra, vào lúc đầu đêm và cuối đêm, đều phải siêng róng, chẳng lười khác, đều phải tập tụng.

Vì căn cơ của người ấy rất nông cạn, mỏng tanh, nhưng phát tâm rất lớn, nguyện rất lớn. Trong quá khứ, người ấy đã gieo chủng tử có căn tánh Đại Thừa. Do vậy, người ấy khẩn cầu Vô Thượng Trí. Vô Thượng Trí là mong đạt tới thành Phật. Đức Phật bảo: Ta sẽ xếp đặt sao cho kẻ đó sẽ ở nơi Đại Thừa thuần tịnh, học đọc pháp Đại Thừa, niệm kinh điển Đại Thừa, khiến cho kẻ ấy tự đọc, lại còn dạy người khác đọc. Nếu quý vị phát đại tâm tự đọc, mà cũng dạy kẻ khác đọc, tự học, lại còn dạy người khác học, có ý niệm kiêm độ chúng sanh. Hoặc là tự mình tụng, hoặc là tụng kinh Pháp Hoa, hoặc tụng kinh Bát Nhã. Nếu chẳng thể đọc tụng toàn bộ Bát Nhã, bèn tụng kinh Kim Cang, hoặc tụng Tâm Kinh. Tự tụng, kiêm dạy người khác tụng. Chính mình nói, hoặc dạy người khác nói. Hoặc chính mình nghiên cứu, học tập kinh điển Đại Thừa, mà cũng dạy người khác học tập. Dùng phương pháp như vậy khiến cho chính mình và người khác đều đọc tụng kinh điển Đại Thừa hòng đoạn phiền não.

Bất luận mục đích học Phật sâu hay cạn, tập Định, hay tập Huệ, tiến nhập từ phương diện Huệ, hay tiến nhập từ phương diện Định, đều phải tu Định. Đọc tụng Đại Thừa đã hàm chứa ý nghĩa tu Định, chẳng phải là vào lúc đó mới đặt bày thứ tự như thế này: Hễ lúc nào tu Định, Định sẽ thuộc địa vị cao nhất. Nếu hoàn toàn tách rời Định và Huệ, ta chỉ học tập Định, chẳng học Huệ, sẽ chẳng thể được! Chỉ tu tập Huệ, không tu tập Định, cũng chẳng được! Ất phải là Định và Huệ cân bằng. Nhưng nói theo thứ tự thì Định có thể sanh ra Huệ, do Huệ cũng có thể nhập Định. Khi đọc kinh, đọc đến chỗ tương ứng, chẳng có người đọc và kinh được đọc, chẳng có tướng Tự và Tha, đấy cũng là một thứ công phu thuộc về Định cảnh. Thế nhưng, tu Định cũng thế, mà tu Huệ cũng thế, đọc tụng Đại Thừa cũng thế, mà “*trì lai khứ niệm*” cũng thế, mục đích đều nhằm đoạn phiền não.

Vì phiền não mà hôn trầm hay tán loạn, nếu chẳng phải là tán loạn, thì sẽ là hôn trầm. Hễ có phân biệt, chuyện gì cũng đều chẳng thể thành. Tâm chẳng an, làm sao có thể thành cho được? Cái tâm chúng ta chẳng định được! Nếu chẳng có Định, quý vị đọc tụng Đại Thừa cũng chẳng định được. Quý vị ngồi ở đó, đối trước kinh bốn niệm tụng, [do

tâm rong ruổi], chẳng biết niệm tới chỗ nào rồi. Niệm miết mà chính mình cũng chẳng tìm được [đang niệm tới đâu], niệm đến nổi ngủ gục. A! Niệm đến đâu rồi? Chẳng biết! Hoặc là dấy lên vọng tưởng thì cũng là sai lầm mất rồi!

Tôi cảm thấy chính mình hoàn toàn chẳng phải là kẻ dụng công. Người thật sự dụng công vài chục năm thì cũng phải nên có nhập xứ; hiện thời, tôi vẫn chưa được! Tôi nói thật đấy! Bất luận tu Định cũng thế, chỉ cần là đệ tử học Phật, quý vị ắt phải đoạn phiền não. Phiền não có nhiều lắm hay không? Quá nhiều! Tôi sao chép từ Bách Pháp Minh Môn Luận để nói với mọi người về các phiền não; chuyện này cũng rất hữu dụng.

“*Đại, trung phiền não*” (Phiền não bậc lớn và bậc trung): “*Đại phiền não*” là căn bản phiền não. Chúng tùy thuận cái tâm quý vị, bầu bạn với tâm sở pháp của quý vị. Chỉ cần khởi tâm động niệm, phiền não sẽ đi theo ngay! Quý vị chẳng lìa khỏi nó được. Điều thứ nhất là do chẳng có trí huệ, vô minh, ngu si. Ngu si thường được diễn tả bằng danh xưng khác là Tà Kiến, hoặc Vô Minh, chúng ta đều có rất nhiều! Buông lung bao gồm rất nhiều thứ, chúng ta suy ngẫm thì ai nấy đều hiểu. Buông lung, giải đãi là vào lúc giữa đêm, còn đầu đêm và cuối đêm đều đọc tụng Đại Thừa, [vậy thì] ban ngày quý vị làm gì? Hành phóng dật ư? Chẳng thể được! Một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, đức Phật đều dạy quý vị đọc tụng, hoặc là tu Định. Quý vị chẳng giữ giới luật, [nhưng do tu tập nghiêm ngặt như vậy], sẽ tự nhiên trì giới. Chúng ta ngu si, buông lung, giải đãi, chẳng tin, vì sao chẳng khởi tâm tinh tấn? Căn bản là do tín tâm không trọn đủ! Chẳng tin tưởng lời nói của mọi người, bất luận ai nói ra cũng đều phản bác. Đã không tin, ta còn ngồi ở đây làm chi nữa? Lòng tin ấy hữu hạn, hiện thời lòng tin của chúng ta chẳng kiên định. Vì tín tâm chẳng nhạy bén, tinh tấn chẳng thể dấy lên được, nói tương đối như thế đó.

Câu Xá Luận gọi hôn trầm và điệu cử (掉舉, trạo cử) là đại phiền não. [Đại phiền não] bao gồm sáu loại, tức tham, sân, si, mạn, nghi, [và ác kiến]. Từ trong ác kiến, sanh ra năm món, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến. [Năm món Kiến ấy cộng với tham, sân, si, mạn, nghi] thành Thập Sở phiền não (mười món Kết Sở), là căn bản phiền não. “*Đại phiền não*” có thể hiểu là căn bản phiền não.

“*Trung phiền não*” lại là gì? Có thể là Tùy phiền não (Upakleśa). “*Trung phiền não*” gồm hai mươi món phiền não. Chúng ta chia hai

mười món phiền não thành Đại Tùy, Trung Tùy, và Tiểu Tùy. Đại Tùy phiền não gồm tám món; đây cũng là Tùy Phiền Não trong căn bản phiền não. Bất Tín (Aśrāddhya), Giải Đãi (Kausīdya), Điều Cử (Auddhatya, trạo cử, lao chao, xáo động), Hôn Trầm (Styāna) là các Tùy tâm sở. Căn bản phiền não tùy thuộc cái tâm. Tâm pháp gồm có tám món, tức là [các thức] nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, Mạt Na, và A Lại Da. Đó gọi là “*tám tâm thức*” (tám tâm vương). Tâm pháp gồm tám món, còn Tâm Sở Pháp gồm năm mươi một món.

Ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra hai mươi món, tức là Đại Tùy phiền não gồm tám món đã được nói trên đây, tức Bất Tín, Giải Đãi, Điều Cử, Hôn Trầm, Phóng Dật (Pramāda, buông lung), cộng thêm Thất Chánh Niệm (thất niệm, Muṣitasmr̥ti), Tán Loạn (Vikṣepa), và Bất Chánh Tri (Asamprajanya), thành tám món Đại Tùy Phiền Não. Bất Chánh Tri là Đại Tùy phiền não, [gọi nó là] Đại Tùy phiền não nhằm biểu thị nó rất nặng nề.

Trung Tùy phiền não rất đơn giản, thứ nhất là Tàm (慚, thẹn), thứ hai là Quý (愧, hổ)³³. Chúng ta thường nói gộp chung thành Tàm Quý. Thật ra, Tàm là Tàm, Quý là Quý, giải thích như thế nào? Tàm là trong tâm chính mình khó chịu, xấu hổ đối với chính mình, trong tâm ngượng ngùng, cảm thấy mình trót làm điều sai trái, chẳng nên nghĩ “có phạm giới cũng chẳng sao”, hoặc “có làm vãn chẳng sao hết”, cho đến khi làm chuyện sai quấy, trong tâm sanh hổ thẹn. Quý là đối với người khác, đối với Tam Bảo, đối với đạo hữu, có sự hổ thẹn, có điều thẹn thường với chính mình, xấu hổ đối với người khác. Tàm và Quý là Trung Tùy Phiền Não. Đó là Trung Tùy Phiền Não. Tám món Đại Tùy và hai món Trung Tùy, gộp chung lại thành mười món. Còn có Tiểu Tùy phiền não gồm mười món, gộp chung lại thành hai mươi món. Tiểu Tùy phiền não gồm Phẫn (Krodha), Hận (Pradāsa), Nảo (Upanāha), Phú (Mrakṣa), Cuồng (Māyā), Siểm (Asāṭhya), Kiêu (Mada), Hại (Vihimsā), Tật (Īrṣyā), và Xan (Mātsarya, keo kiệt), mười món.

Phẫn (忿) là như thế nào? Bất bình! Chúng ta nói “bất bình khiến ta kêu ca”, chẳng nhịn nổi. Nói thông tục là “*chẳng nhịn tức nổi*”. Chuyện này quý vị chẳng thể nhịn nổi, bất luận là xảy ra trên thân người khác, hoặc là quý vị thấy một tình cảnh khiến cho quý vị cảm thấy bất bình. Bất quá, đó là cách suy tưởng trong tâm quý vị. Hận (恨) là có oán

³³ Ở đây, lão pháp sư nói nhầm. Trung Tùy phiền não phải là Vô Tàm (Āhrīkyā) và Vô Quý (Anapatrapya), còn Tàm và Quý được xếp vào Thiện Tâm Sở.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

cừ, cho rằng người khác hại mình, quý vị liền hận. Hận bèn sâu hơn một chút. Não (惱) có nghĩa làm quý vị buồn bực, quấy rối quý vị. Trong mỗi danh từ đều hàm chứa một ý nghĩa. Phú (覆) có nghĩa là “che lấp”, vì nó che lấp quý vị, khiến cho trí huệ chẳng thể phát khởi. Phú là hành vi của quý vị, hoặc chướng ngại trong tâm khiến cho trí huệ chẳng thể phát xuất. Tật (嫉) là ghen ghét. Chính mình keo kiệt, tham lam, chẳng chịu xả, thấy kẻ khác bố thí, bèn dấy lòng ghen ghét: “Kẻ đó luôn gây náo động, khiến cho ta bị khuất lấp!” Trong tâm luôn có ý nghĩ ấy, thấy người khác làm chuyện tốt, sẽ chẳng tùy hỷ, nảy sanh ganh tỵ. Quý vị cứ làm đi! Người ấy chẳng làm, hạng người như vậy keo kiệt đối với tài vật!

Xan và Tật coi như nhẹ tội một chút! Đặc biệt là đối với pháp, người ấy chẳng để cho người khác giảng. Người khác mà giảng, kẻ đó sẽ ghen ghét liền. Vì kẻ đó có cái tâm keo tham. Khi bị đọa lạc vào lòng keo tham đối với pháp, sẽ đọa vào ngạ quỷ đạo rất thảm. Chuyện kiêu này rất nhiều! Đối với pháp, chớ nên keo tham, chớ nên ghen tỵ, thấy người khác làm, hãy đều nên tùy hỷ, chớ nên keo tham! Vì sao phải keo tham? Keo và tham là vì lẽ nào? Kẻ đó dùng pháp để trao đổi điều kiện trong thế gian! Hễ được giá, sẽ đổi đãi bình đẳng: “Ta thuyết pháp cho người, người phải cúng dường ta. Phải xem người có trả đủ giá hay không? Có đủ thì ta mới nói, không đủ chẳng thèm nói!”

Đối với người học pháp, phải khuyên người khác đọc tụng Đại Thừa. [Thế mà] kẻ đó chẳng khuyên người khác thì thôi, thấy người khác khuyên người ta đọc, hấn bèn nảy lòng ghen tỵ, “chỉ có ta là tốt, chỉ có ta là mạnh mẽ”, phun ra lời đố kỵ, thậm chí thốt lời phá hoại. “Xan” là kẻ ấy chẳng chịu làm, “ta truyền dạy cách tu pháp này cho người, người phải cúng dường ta thật sộp đó nghe!” Có vị thượng sư nói theo kiểu đó, nhưng mỗi người mỗi khác, hãy tùy thuộc tâm lực của quý vị mà cân nhắc. Có vị thượng sư nói như vậy đó, “người phải đem nhiều tiền đến đây”, giống như kiểu nói tại Tây Tạng: “Người dẫn một thớt ngựa tốt đến [biếu ta], ta sẽ truyền quán đảnh cho người”. Tôi từng hỏi sư phụ tôi: “Điều ấy có nghĩa là gì?” Thầy dạy: “Gã [đệ tử] đó keo tham, yêu quý con ngựa ấy như tánh mạng, há có thể cầu pháp được ư? [Thượng sư] bảo hấn ‘đem con ngựa tặng cho ta, ta sẽ truyền pháp cho người’. Hấn mà xả được thì tu tập sẽ đạt được thành tựu. Ta chẳng cần con ngựa của hấn, đem tặng lại cho người khác”. Thế nhưng quý vị chẳng thuộc địa vị ấy, cũng chẳng có Tha Tâm Thông, hoặc chẳng có phẩm đức ấy, chớ có đòi hỏi người khác, hoặc là đòi người khác phải trả

một giá tiền nhất định. Được cúng dường rất nhiều vàng, bạc, của cải để làm gì chứ?

Mọi người hãy xem truyện của tôn giả Mật Lặc Nhật Ba (Milarepa)³⁴, sư phụ của Ngài là Mã Nhĩ Ba (Marpa)³⁵ yêu cầu Ngài cúng dường toàn bộ sở hữu rồi mới truyền pháp cho Ngài. Nhưng [nếu ta bắt chước làm như vậy], lời ta nói xuất phát từ keo tham, ta chẳng có bản lĩnh ấy, kẻ kia sẽ chẳng chịu xả, không chịu cúng dường pháp. Lừa gạt người khác, chẳng có tín nghĩa. Nói dối, siểm nịnh, quý vị rất dễ dàng nhìn ra. Phàm là bất cứ ai, đối với kẻ thấp kém hơn mình, nếu lúc nổi tâm kiêu mạn, nhất định sẽ nịnh nọt kẻ bề trên của mình. Kiêu ngạo đối

³⁴ Jetsun Milarepa (1028–1111) là một vị đại hành giả thành tựu (Mahasiddha) của Phật giáo Tây Tạng. Ngài sanh trong một gia đình giàu có ở miền Tây xứ Tây Tạng. Khi cha Ngài mất sớm, chú và thím Ngài đã tìm mọi cách tước đoạt gia sản, khiến cho mẹ, bản thân Ngài và em gái đều khôn cùng. Căm thù, Ngài bỏ nhà, tìm học thuật phù thủy, dùng phù chú giết chết chú, thím. Say máu trả thù, Ngài giết chết rất nhiều người. Sau đó, Ngài hối hận sâu xa, xin theo học với đại dịch giả Marpa, chịu rất nhiều thử thách và bị hành hạ rất khắc nghiệt. Chẳng hạn, tôn giả Marpa bắt Ngài xây một cái tháp ba tầng, xây xong, bắt phá tan rồi xây lại. Bất cứ chuyện lớn nhỏ gì, Milarepa cũng đều bị đánh, chửi thậm tệ. Cuối cùng, sau nhiều năm, Marpa chấp thuận và dạy pháp cho Ngài. Đến lúc đó, Marpa mới cho biết ông cố ý hành hạ như vậy để tiêu trừ nghiệp chướng cho Milarepa. Sau khi đắc pháp, nhất là pháp môn Lục Du Già của Naropa, Milarepa lui về ẩn tu trong một sơn cốc, sống khổ hạnh, và cuối cùng chứng ngộ, trở thành bậc đại hành giả về nhiều Mật Pháp. Những bài thơ của Ngài diễn tả sự chứng ngộ được phổ thành ca khúc và lưu truyền rất rộng rãi. Một đệ tử đắc pháp của Ngài là Gamgopa đã truyền thừa pháp mạch của Ngài, đặc biệt là pháp Đại Thủ Ấn (Mahamudra). Các môn đệ của Gamgopa đã lập nên tông phái Kargyupa (một trong bốn tông phái lớn nhất của Phật giáo Tây Tạng). Trong đó, tôn giả Dusum Khyenpa, đệ tử của Gamogopa, đã sáng lập chi phái Karma Kargyupa và trở thành Karmapa đời thứ nhất.

³⁵ Marpa Lotsawa (1012–1097), đôi khi còn gọi là Marpa Chökyi Lodrö, hoặc danh xưng thông dụng nhất là Đại Dịch Giả Marpa. Ngài quê ở miền Nam Tây Tạng, sanh trưởng trong một gia đình khá giả. Từ trẻ, Ngài đã theo học với Drokmi Shakay Yeshe, và thông thạo tiếng Sankrit. Do thấy kinh sách tại Tây Tạng không đủ và thiếu sót sau pháp nạn Phật giáo dưới thời vua Lang Dharma, Ngài phát tâm sang Ấn Độ cầu Mật Pháp. Ngài đã tham học với nhiều bậc đại hành giả Mật Tông Ấn Độ thời đó. Sau cùng, đắc pháp với ngài Naropa và đại đệ tử của Naropa là Maitripada. Sau mười hai năm miệt mài học tập, Ngài mang kinh sách trở về Tây Tạng và truyền bá Mật Pháp theo truyền thống Naropa. Tuy vậy, Ngài trở sang Ấn Độ hai lần nữa, vẫn theo học với Naropa để hoàn thiện kiến thức về Mật Tông, và được Naropa công nhận là pháp tử. Sau lần tham học lần cuối tại Ấn Độ, Ngài dành trọn thời gian phiên dịch kinh sách từ tiếng Phạn sang tiếng Tây Tạng.

với kẻ dưới, nhất định sẽ bợ đỡ bề trên. Trông thấy người có quyền, hoặc là có tiền bạc, nhất định kẻ đó sẽ cúi đầu, khom lưng, có ý nghĩa như thế đó. Những lời bợ đỡ, ngon ngọt gì hấn cũng đều tuôn ra hết. Ta có thể thấy chuyện này trên truyền hình. Người hiện thời có bộ dạng như vậy rất nhiều, người học Phật chớ nên nịnh nọt!

Cuồng siểm (誑諂) là chẳng nói lời thành thật. Trong ấy, lại chia thành hữu ý và vô ý. Quý vị chỉ cầu lợi, vì cái danh mà gạt gẫm người ta. Quý vị có mục đích, cái tội Cuồng (誑, lường gạt) lại lớn hơn một chút nữa. Tùy tiện nói giỡn với người khác, hoặc nói bỡn cợt để trêu đùa, tội này sẽ nhẹ hơn nhiều. Cuồng và Siểm đều thuộc loại vọng ngữ; nhưng Cuồng ở đây không phải là như vậy, Cuồng ở đây là cố ý, vì danh lợi. Siểm mị (諂媚, nịnh nọt, ve vuốt) cũng vì danh lợi.

Hại (害) khá rõ ràng, hoặc là hại người, nhưng kẻ đó cứ tưởng hại người, thật ra là hại chính mình. Phàm là hại người thì cũng đâu có hại được người ta, mà trái lại thành toàn cho người ta đấy chứ! Quý vị vừa hãm hại, đâm ra khiến cho người ta tiêu tai. Mọi người đọc kinh Kim Cang, [sẽ biết]: Nếu có ai bị kẻ khác khinh miệt, tội [của người đó] trong đời trước cũng sẽ tiêu diệt. Hoặc là quý vị bị kẻ khác hãm hại, cầu còn không được! Kẻ đó hại quý vị, tội trong đời trước của quý vị bị tiêu diệt. Vốn đáng bị đọa địa ngục, do kẻ đó hãm hại quý vị, ngay cả địa ngục cũng chẳng bị đọa, cái tội ấy cũng tiêu mất rồi!

Mạn (慢) là kiêu mạn. Chữ Kiêu (憍) trong “*kiêu mạn*” có rất nhiều cách giải thích. Mạn có mấy loại? Có mười loại mạn và mười loại kiêu. Tôi chỉ nói đại khái: Kẻ ấy vốn chẳng có bản lãnh, vốn chẳng nên hèn, vẫn cảm thấy mình ngon lành hơn người khác. Hạng người này rất nhiều! Kiến thức của kẻ đó chẳng to lớn gì, lại ngỡ chính mình rất lỗi lạc, giỏi giang hơn bất cứ ai khác. Ai cũng bị hấn khinh rẻ. Thậm chí cho rằng: “Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thật, ta mới là Phật thật”. Quả thật có kẻ như vậy đó, hòa thượng kiêu đó cũng có, cư sĩ kiêu đó cũng có luôn. Trong thời đại hiện tại, thứ gì cũng đều có! Phẫn, hận, nảo, phú, xan, tật, cuồng, siểm, hại, kiêu, hiện thời chúng ta có mấy thứ? Hai mươi món Tùy phiền não, đều là phiền não của chúng ta. Có mấy thứ ấy, làm sao khai ngộ cho nổi? Có tu hành nổi hay không? Bất luận đọc tụng Đại Thừa cũng thế, mà tu Định cũng thế, chúng đều ngăn chướng quý vị, làm sao quý vị có thể tiến nhập cho nổi? Rất khó tiến nhập! Bất quá, đây đều là tật xấu của chúng ta. Đức Phật dạy chúng ta có quá nhiều tật xấu, mọi người ắt phải tự mình đối chiếu một phen, đừng tới đây để nghe những lời lẽ êm tai! Kinh Thập Luân có rất ít lời lẽ êm tai, càng về sau càng

phức tạp. Ở đây là nói đại khái về những khuyết điểm của chúng ta. [Ở đây nhắc tới] các loại phiền não lớn; trong phần sau, sẽ nói cặn kẽ từng điều một, chỉ ra những lầm lỗi của chúng ta đang nảy sinh trong hiện thời.

Nếu diệt trừ những lầm lỗi ấy thì tốt lắm, quý vị tu Định cũng có thể tiến nhập, đọc tụng Đại Thừa cũng có thể sanh huệ. Đọc tụng Đại Thừa thì quý vị đọc tụng kinh điển Đại Thừa, nhập Định, có lẽ trông thấy thánh cảnh. Đọc phẩm Tịnh Hạnh, sẽ thấy Văn Thù Bồ Tát, chẳng sai biệt cho mấy! Đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, sẽ thấy Phổ Hiền Bồ Tát, đọc kinh Địa Tạng sẽ thấy Địa Tạng Bồ Tát. Đọc Phổ Môn sẽ thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, thật sao? Chính là do cái tâm của quý vị biến hóa. Vì cái tâm của quý vị đã định, đọc kinh, sẽ sanh khởi. Đây là huyền cảnh, đừng ngỡ là thánh cảnh. Nếu quý vị hơi sanh khởi Ngã Kiến, vừa chấp trước: “Ta khá quá chớ, có thể đọc kinh cảm ứng Bồ Tát hiện thân”. Đây là kiêu, sẽ lập tức chuốc lấy phiền não. Đó là huyền cảnh, nếu quý vị chẳng chấp trước, cứ đọc kinh sách y như cũ, [thánh cảnh] hiện cũng được, mà không hiện cũng chẳng sao! Giống như Văn Hỷ Bồ Tát: “*Ông là ông, tôi là tôi*”. Khi Văn Thù Bồ Tát hiện thân trước Văn Hỷ, chiếu lý cho Sư. Sư nói: “*Văn Thù là Văn Thù, Văn Hỷ là Văn Hỷ. Ông chẳng thể làm thay tôi*”³⁶. Có chí khí như thế đấy! Do vậy, hiện

³⁶ Theo cụ Nam Hoài Cẩn (南懷瑾), đây là một câu chuyện khá nổi tiếng trong nhà Thiền: Thiền sư Văn Hỷ xuất gia từ bé, ba mươi mấy tuổi mới bắt đầu tham Thiền. Vì tu mãi vẫn chẳng khai ngộ, Ngài bèn tam bộ nhất bát từ phương Nam đến núi Ngũ Đài mong được Văn Thù Bồ Tát chỉ điểm. Khi đến động Kim Cang ở Ngũ Đài, Sư gặp một ông lão dốt trâu, đầu bạc phơ, mời Sư vào lều tranh uống chén trà, hỏi Sư từ đâu đến. Văn Hỷ thưa từ phương Nam đến, mong gặp Văn Thù Bồ Tát. Ông cụ hỏi: “Phật giáo ở phương Nam như thế nào?” Sư thưa: “Lộn xộn lắm, nên tôi đến đây cầu pháp”. Cụ già cười bảo: “Ở đây cũng thế, rần rờn hỗn tạp, phàm thánh đồng cư!” Ông lão hỏi tiếp Phật pháp, Sư không trả lời được. Ông lão nhú mày, gọi: “Quân Đề! Tiễn khách!” Một bé trai chạy ra nói: “Xin mời sư phụ theo tôi”. Dẫn Sư ra khỏi lều, Sư quay lại định cảm tạ chú bé, chỉ thấy Văn Thù Bồ Tát cười trên con sư tử xanh đứng trên hư không. Giây lát Ngài biến mất. Ngàn dặm gian lao tam bộ nhất bát mong được Bồ Tát chỉ dạy, thế mà chẳng nhận biết Bồ Tát. Sư khóc lóc, sám hối, phát phần, quyết chí tu tập, rốt cuộc đại triệt đại ngộ. Sau khi đại ngộ, Sư phát nguyện phụng sự đại chúng, làm Phạn Đầu (người nấu cơm cho chư tăng) trong từng lâm. Mỗi bữa phải nấu cơm cho cả ngàn vị Tăng ăn. Có một hôm đang nấu cháo, Sư bỗng thấy ngài Văn Thù hiện thân trong nồi cháo, vẫn cười trên sư tử, chạy vòng quanh trong nồi. Văn Hỷ bèn dùng cái xẻng để quấy cháo đuổi đánh Văn Thù, quát to: “Văn Thù là Văn Thù, Văn Hỷ là Văn Hỷ. Ngài chạy đến đây làm chi? Ngài là

cảnh giới gì đi nữa, đều chẳng chấp trước, đáng nên làm gì thì cứ làm, đáng nên tu hành như thế nào, quý vị cứ tu hành đúng như thế đó!

Khi nhập Định, quý vị cũng có thể thấy rất nhiều cảnh giới. Đặc biệt là lúc mới vừa tu hành, Phật, Bồ Tát rất linh, dường như quý vị cầu gì cũng đều rất tương ứng. Tin lâu ngày, dường như Phật, Bồ Tát càng lúc càng xa. Trọn chẳng phải là Phật, Bồ Tát cách xa, mà là cái tâm của quý vị dấy lên biến hóa. Như người xuất gia chúng ta, xuất gia một năm thì Phật ở trước mắt, xuất gia mười năm thì Phật dọn qua Tây Thiên. Sau mười năm, người ấy chẳng biết nữa, Phật chẳng còn! Do nguyên nhân nào vậy? Sau khi học Phật, sanh khởi rất nhiều phiền não. Vốn là thánh sự, quý vị biến nó thành phiền não. Nơi Tục Đê còn chưa đủ, thêm vào Không Môn, chắc là chẳng rỗng không. Nếu thật sự chẳng không, tức là còn tăng thêm một cái Không nữa, Không trong hư không. Cái Không ấy rất lợi hại, khiến cho quý vị đọa lạc rất nhanh: “Chẳng có vấn đề gì! Không mà!” Dem toàn bộ nhân quả báo ứng một nét bút xóa sạch. Kẻ đó chẳng học Phật thì còn đỡ một tí, chẳng có lá gan lớn như vậy. Sau khi học Phật, to gan lắm: “Phật nói là Không mà!” Cho nên chuyện gì kẻ đó cũng đều dám làm. Sau khi đã làm, chắc chắn là [tội nghiệp] chẳng không rồi! Đợi đến khi thọ khổ, bụng đau, sợ nhứt, mới biết là Không chẳng được! Một tí tẹo cũng chẳng coi là Không được! Kẻ đó biết sự lợi hại, cho nên sẽ thật thà học.

Trong phần trước, chúng tôi đã nói về tập tụng nghiệp luân, nói đến “*trung đại phiền não tu, giai trừ diệt cố, vị linh chứng Vô Thượng Trí cố*” (các khối phiền não to lớn trong ấy đều trừ diệt, vì khiến cho chứng Vô Thượng Trí). Chúng tôi nhắc lại một chút. Trong phần trước, nói về tu Định nghiệp, tức là tu Định; ở đây dạy về tập tụng nghiệp. Sợ rằng mọi người sợ tập tụng thì nhiều, mà tu Định thì ít. Vì chúng ta đọc kinh Kim Cang, hoặc đọc kinh Di Đà, “*tập tụng*” là đọc tụng Đại Thừa. Thông thường, mọi người nhìn theo mặt chữ, niệm một lượt là xong. Có lúc, do thời gian rất vội vàng, dường như tăng tốc độ đọc cho lẹ hơn. Trong tình huống như vậy, khi đọc tụng, quý vị chẳng dễ gì tiến nhập. Tôi nói “không thể tiến nhập”, vì trong khi tập tụng, chẳng thể thuận theo đạo lý trong kinh văn mà nhập Quán, chỉ chiếu theo văn tự mà đọc. Tập tụng kiểu đó, công lực kém cõi hơn. Tập tụng kiểu đó, đoạn phiền não sẽ có phần khó khăn!

Ngài, tôi là tôi”. Ngài Văn Thù cười to: “Khô qua thì rễ cũng đắng, dưa ngọt thì cuống dưa cũng ngọt. Tu hành ba đại kiếp, đâm ra bị lão tăng ghét”.

Tập tụng nghiệp và tu Định nghiệp giống như nhau. Nếu quý vị có thể chí tâm đọc, chẳng hạn như đọc phẩm Phổ Môn, nếu đã có thể nghe qua, đã được giảng qua thì càng tốt hơn. Chưa được nghe giảng, hoặc là nghe vị sư phụ nào nói “đọc phẩm Phổ Môn sẽ có lợi ích”, quý vị bèn thỉnh một quyển kinh Phổ Môn để đọc như vậy. Chẳng có sư phụ truyền dạy, chẳng có ai bảo quý vị đọc như thế nào, quý vị đạt được hiệu quả sẽ kém hơn một chút. Vì sao? Trong tụng nghiệp luân, có thêm vào một chữ Tập. “Tập” (習) là học tập. Sau khi quý vị đã học tập rồi mới đọc. Khi quý vị tu tập tụng nghiệp luân, tức là khi ta đọc tụng Đại Thừa, chớ nên giải đãi. Đầu đêm, cuối đêm [đều phải tụng đọc]. Nay chúng ta đang thuộc thời Mạt, sợ rằng với tình huống thân thể của chúng sanh trong hiện thời, sẽ chẳng thể chịu đựng nổi! Mọi người chỉ đọc, hoặc là phẩm Phổ Môn, hoặc là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, hoặc là kinh Dược Sư, hoặc kinh Di Đà, đọc một bộ là được rồi. Vậy thì chẳng dùng đến đầu đêm và cuối đêm, chẳng trở thành vấn đề tốn thời gian quá lớn.

Khi đọc, nhất định phải tuân theo nghi thức. Nói chung, cần phải có một lư hương. Đồng thời, tùy theo sức của quý vị lo nổi mà cúng chút hoa. Nếu chẳng thể cúng nhiều thì một bông cũng được. Quý vị dùng một cái bình hoa nhỏ, đổ vào đó chút nước để dâng cúng hoa, thấp một nén hương, nghi thức ấy cần phải có. Bày kinh bôn ra, chúng ta trước hết phải đánh lễ ba lượt. Lễ xong, mở kinh bôn ra, quý vị phải lắng lòng một chốc. Sau đó, phải tĩnh tâm một thoáng, quán tưởng trong chốc lát. Tâm đã tĩnh, bèn mở kinh bôn ra để niệm. Niệm thì ắt cần phải từng chữ rành mạch, phân minh. Lúc mới niệm, càng phải rõ ràng, rành rẽ. Nếu quý vị muốn thâm nhập đôi chút, bèn thuận theo kinh văn mà nhập quán.

Nếu quý vị đọc phẩm Phổ Môn, phẩm Phổ Môn tán thán công đức của Quán Thế Âm Bồ Tát, tán thán Quán Thế Âm Bồ Tát như sau: Hễ quý vị gặp phải tai nạn gì, chỉ cần niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát có thể cứu khổ cứu nạn. Kinh văn dạy như thế đó. Quý vị phải biết: Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì phải chí tâm; chẳng chí tâm, sẽ không thể được. Nếu quý vị biết tu Quán, khi đọc phẩm Phổ Môn, quý vị quán tưởng vì sao Quán Thế Âm Bồ Tát phát nguyện to lớn dường ấy? Ta cũng mong học theo Ngài, đọc tụng chuyện Ngài đã làm trong quá khứ, cũng là những chuyện cũ, đó là các chuyện Quán Thế Âm Bồ Tát đã thực hiện trong quá khứ. Quý vị đọc [kinh văn dạy về] Ngài, cũng phải học theo Ngài phát nguyện.

Khi tụng kinh, nếu thêm vào Quán, hiệu quả sẽ to lớn. Như thế thì mới có thể đoạn phiền não. Có các đạo hữu đã từng hỏi tôi như thế này:

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

“Con đã tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên mấy ngàn bộ. Mỗi ngày tụng một bộ, con tụng mười mấy năm, thế nhưng một tí hiệu quả cũng chẳng có”. Tôi hỏi: “Quý vị tụng như thế nào?” Người ấy thưa: “Con cầm kinh bốn lên niệm”. Đúng hay không? Đúng! Tôi nói: “Quý vị nói hiệu quả thì là câu hiệu quả gì vậy? Thoạt đầu, quý vị phát nguyện gì vậy?” Khi tập tụng, quý vị phát nguyện. Quý vị đọc một bộ kinh nào, hoặc là kinh Địa Tạng, hoặc đọc phẩm Phổ Môn, hay phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, như thế thì sẽ tùy thuận Địa Tạng Bồ Tát mà phát nguyện để đọc kinh Địa Tạng. Quý vị đọc phẩm Phổ Môn, sẽ tùy thuận Quán Thế Âm Bồ Tát mà phát nguyện. Đọc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, sẽ thuận theo Phổ Hiền Bồ Tát để phát nguyện. Quý vị tụng như vậy, hiệu quả sẽ to lớn. Nếu quý vị có thể liễu giải ý nghĩa bao hàm trong bộ kinh ấy, khi tụng, nếu chẳng dấy lên chấp trước, chẳng thấy ta là người có thể tụng, chẳng có kinh được tụng. Khi niệm kinh, đọc tụng, tâm của quý vị và kinh kết thành một thể, tâm của quý vị và Quán Thế Âm Bồ Tát kết thành một thể. Quý vị đọc bộ kinh nào, sẽ kết thành một Thể với vị Bồ Tát trong bộ kinh đó. Đó gọi là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đây là một phương thức đọc kinh.

Đọc kinh xong, nhất định phải hồi hướng. Khi bắt đầu đọc thì phải phát nguyện, đọc xong phải hồi hướng. Phải làm theo quá trình nhất định, đó gọi là “*tu hành*”. Quý vị đọc kinh là hành Bồ Tát đạo ở ngay nơi đây, là tu hành. [Quý vị thắc mắc]: “Bản thân con ngồi ở đây niệm kinh, làm sao hành Bồ Tát đạo cho được?” Công đức đọc tụng kinh của quý vị gia trì, hồi hướng cho hết thấy chúng sanh, đặc biệt là chúng sanh trong ba ác đạo. Quý vị phát nguyện, hy vọng Bồ Tát gia trì, độ thoát họ, trừ khử tai nạn cho họ. Ý nghĩa của hồi hướng là dùng tâm lực của chúng ta, dùng sức mạnh do sự nghiệp chúng ta đã làm, để đạt được sự báo đáp nào, đều trao cho họ hết. Giống như chúng ta làm việc, đem tiền lương kiếm được cúng dường Tam Bảo. Sau đấy, thấy chúng sanh nghèo khổ, bèn bố thí cho họ, công đức ấy rất lớn. Nhưng quý vị chẳng biết khi đọc tụng kinh thì cũng giống như thế. Quý vị đạt được sự báo đáp là do Bồ Tát gia bị quý vị, Tam Bảo gia trì quý vị, bèn mong mỏi Tam Bảo sẽ gia trì hết thấy chúng sanh, bất luận hữu duyên hay vô duyên. Như vậy thì khi quý vị đọc tụng mới có thể đoạn phiền não.

Khi tập tụng có thể trừ diệt trung và đại phiền não, đạt được Vô Thượng Trí. Nếu không, quý vị chiêu theo kinh văn, chỉ niệm văn tự, sẽ chẳng đạt được [hiệu quả trừ phiền não như vậy]. Khi đọc, khi niệm, phải thêm vào sức quán tưởng, như vậy thì mới có thể đạt được Vô

Thượng Trí. Do mọi người ít tu Định, niệm kinh Dược Sư nhằm tiêu tai miễn nạn, giảm trừ đau khổ, khiến cho thân tâm khỏe mạnh, chẳng bị bệnh tật. Thậm chí nếu đã mắc bệnh, sẽ được lành bệnh, Bồ Tát gia bị lành bệnh. Quý vị đọc kinh Dược Sư cũng phải biết đọc. Đồng thời, lúc quý vị đọc, hãy thuận theo ý nghĩa của kinh văn mà nhập Quán, Định và Huệ hai đàng cùng kết hợp lại. Khi quý vị đọc, nếu tâm chẳng tạp loạn, quý vị đọc rồi sẽ có thể nhập Định. Đấy hoàn toàn chẳng phải là ngủ mê. Nếu đọc rồi hôn trầm, [tưởng rằng] cũng giống như nhập Định, vậy là lẫn lộn mất rồi! Nói đến ý nghĩa nhập Định là như quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm, sẽ nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm.

Trong quá khứ, có một vị lão hòa thượng là như vậy, Ngài đọc trong Định, tốc độ đọc rất nhanh, nhanh như thế nào? Ngài trên đường từ Thiên Vương Điện³⁷ đến đại điện, đã đọc xong một bộ kinh Hoa Nghiêm! Mọi người biết kinh Hoa Nghiêm có tám mươi quyển, Ngài mới đi một hai trăm bước như vậy mà đã đọc xong một bộ kinh Hoa Nghiêm, Ngài đọc trong Định! Nếu đọc phổ biến thì “*một chính là hết thấy*”. Sau đó, vị thị giả nêu câu hỏi, không tin Ngài, tìm tám mươi người, mỗi người cầm một quyển. Tám mươi người nghe Ngài đọc kinh, lấy quyển thứ nhất nghe Ngài đọc một quyển, lấy tám mươi quyển nghe Ngài đọc tám mươi quyển, Ngài đọc thông suốt.

Tuy chúng ta vẫn chưa đạt đến định lực ấy, nhưng chúng ta có thể thực hiện từ mức sơ khởi, nông cạn. Quý vị đọc kinh Địa Tạng, đọc được phẩm nào liền quán tưởng phẩm ấy, biết phẩm ấy có ý nghĩa gì, phải hiểu ý nghĩa rồi mới lại đọc, hiệu quả sẽ tốt hơn một chút. Thậm chí khi đọc kinh, đừng để chuyện vụn vặt chất chứa trong đầu. Khi đọc kinh, chớ nên dấy vọng tưởng. Khi tâm tưởng của quý vị rồi beng, ngồi yên nơi đó đọc kinh, vừa đọc liền ngủ gật. Tình huống này cũng có, đọc thì cứ đọc, nhưng dấy vọng tưởng, hôn trầm, chẳng biết đọc đến đâu rồi. Tu Định thì chẳng được lao chao, chẳng được hôn trầm, đọc kinh cũng phải như vậy. Chớ nên điệu cử (lao chao), mà cũng chớ nên hôn trầm. Nếu quý vị điệu cử, bộ kinh ấy sẽ xem được rất ít. Quý vị đọc trong một thời gian rất dài, vẫn đọc không xong, sẽ sanh phiền chán! Nếu gặp một bộ kinh dài, quý vị sẽ càng đọc không nổi. Đó chính là các lầm lỗi quý vị phải phòng ngừa thì mới có thể đạt đến Nhất Thiết Trí.

³⁷ Trong các đại tùng lâm, Thiên Vương Điện là điện thờ ngay sau sơn môn (cửa tam quan) của chùa. Trong điện thờ Di Lặc Bồ Tát ngồi chính giữa, bốn vị thiên vương châu hầu bốn góc, nên gọi là điện Thiên Vương.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Đọc kinh là tu Huệ, mà cũng là tu phước. Kinh Kim Cang giảng về nghĩa Không của Bát Nhã. Đọc kinh Kim Cang, phước đức to lớn. [Kinh ấy dạy đọc tụng kinh Kim Cang] công đức to hơn công đức bố thí do “*dùng bảy báu chất đầy tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường*”. Đây là phước, lại còn có thể sử dụng, tức là có thể dùng [cái phước ấy] để đạt được Huệ. Đó là Huệ. Phước huệ song tu thì mới có thể đạt được trí Bát Nhã. Trong kinh văn [kinh Kim Cang], dường như không nói gì đến cách tu, nhưng thật ra, mỗi bộ kinh đều dạy chúng ta phương pháp. Quý vị tu tập, lúc tu tập chính là lúc học, như thế thì quý vị mới có thể đạt được thọ dụng. Đức Phật khiến cho hết thảy chúng sanh, nếu ai có căn cơ Đại Thừa, chuyên môn tu Đại Thừa, sẽ làm cho người ấy tập đọc tụng Đại Thừa. Không chỉ là chính mình học tập và đọc, mà còn khuyên người khác học tập và đọc. Như thế thì sẽ có thể đạt được trí huệ vô thượng, vì đọc kinh điển Đại Thừa, hồi hướng cho hết thảy chúng sanh, trừ hết thảy các khổ, có thể tiêu trừ tất cả khổ nạn của chúng sanh. Chính quý vị đọc, khiến cho hết thảy chúng sanh cũng đọc, khiến cho họ tiến nhập tòa thành Vô Úy.

“*Vô Úy thành*” là sau khi đã thành Phật, sẽ có tứ vô sở úy. Úy (畏) là sợ hãi. Hiện thời, tình hình đáng sợ rất nhiều. Có rất nhiều đạo hữu đọc kinh Địa Tạng, cảm ứng bất đồng, hoặc là thấy quỷ thần, hoặc là phát lạnh. Đây đều chẳng phải là các hiện tượng xấu! Khi đó, chúng ta phải hỏi: “Người ấy có sợ hãi, chẳng dám đọc kinh nữa hay không?” Vốn đọc kinh là để tiêu trừ sợ hãi, nhưng người ấy có nỗi sợ hãi, do đọc kinh mà cảm nhận sợ hãi, tình huống kiểu này rất nhiều! Không chỉ là kinh Địa Tạng, đọc kinh khác cũng sẽ có. Trước hết, quý vị phải hiểu rõ: Đọc tụng kinh Đại Thừa, sẽ có hộ pháp bảo vệ, lẽ nào lại có cảm giác kinh hoảng? Vốn là khi đọc kinh, có thể tiến nhập vô úy, tiến nhập chẳng sợ sệt. Tứ Vô Sở Úy của đức Phật chính là Nhất Thiết Trí Vô Úy, chướng đạo vô sở úy (chẳng sợ sệt các pháp chướng đạo). Khi quý vị tu đạo, [đức Phật] bèn nói rõ ràng các pháp chướng ngại ấy. Khi Ngài đang nói, đều vô sở úy. Chỉ có đức Phật mới có thể nói rõ ràng hết thảy các pháp chướng đạo. Quý vị muốn tu đạo, thì Ngài ắt sẽ nói rõ ràng cho quý vị biết các pháp chướng đạo. Khi nói, Ngài chẳng hề sợ hãi.

Lại còn có Lậu Tận Vô Úy. Lậu Tận có nghĩa là chẳng bỏ sót tam giới, cho đến chẳng bỏ sót hết thảy chúng sanh, khiến cho họ vĩnh viễn đều đạt đến giải thoát. Điều thứ tư là Tận Khổ Đạo Vô Úy, tức là nói “*chấm dứt khổ đạo*” không sợ hãi. Khi nói, chẳng sợ hãi. Do trí huệ, đức Phật có thể biết [cặn kẽ]. Đó là cầu Đại Thừa. Cầu Đại Thừa thì phải

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

mong nhập Phật trí, đạt đến cảnh giới của Phật, trừ khổ cho hết thảy chúng sanh. Khi quý vị đọc tụng kinh điển Đại Thừa, sẽ có thể đạt được các lợi ích ấy. Chuyện này giống hệt như cầu lợi ích đắc Định trong phần trước.

(Kinh) Nhược chư hữu tình cầu Duyên Giác Thừa, ngã đương an trí chư duyên khởi pháp, linh kỳ tập tụng. Nhược chư hữu tình cầu Thanh Văn Thừa, ngã đương an trí bách thiên văn tụng Tứ A Cấp Ma, bách thiên văn tụng Tỳ Nại Da Tạng, bách thiên văn tụng A Tỳ Đạt Ma, cập Tỳ Bà Sa, linh kỳ tập tụng. Thiện nam tử! Thị danh Như Lai tập tụng nghiệp luân.

(經)若諸有情求緣覺乘，我當安置諸緣起法，令其習誦。若諸有情求聲聞乘，我當安置百千文頌四阿笈摩，百千文頌毗奈耶藏，百千文頌阿毗達磨，及毗婆沙，令其習誦。善男子！是名如來習誦業輪。

(Kinh: Nếu các hữu tình cầu Duyên Giác Thừa, ta sẽ xếp đặt các pháp duyên khởi để họ tụng tập. Nếu các hữu tình cầu Thanh Văn Thừa, ta sẽ an bài trăm ngàn văn tụng Tứ A Cấp Ma, trăm ngàn văn tụng Tỳ Nại Da Tạng, trăm ngàn văn tụng A Tỳ Đạt Ma và Tỳ Bà Sa để họ tập tụng. Nay thiện nam tử! Đó gọi là tập tụng nghiệp luân của Như Lai).

Nếu kẻ đó chẳng phải là căn khí Đại Thừa, đọc tụng Đại Thừa sẽ chẳng thể tiến nhập, đức Phật liền nói Duyên Giác Thừa. Duyên Giác Thừa là pháp Thập Nhị Nhân Duyên. Mười hai pháp nhân duyên ấy cũng có thể nói là “*pháp duyên khởi*”. Thấy hết thảy sự vật sanh diệt, biến hóa, biết vì sao phải thọ khổ? Vì sao sẽ hưởng vui? Đương nhiên, chứng Tịch Diệt là vui, luân hồi trong sanh tử là khổ. Vì duyên theo sự biến hóa của hết thảy sự vật, từ trí huệ của vị ấy, có thể sanh khởi sự giác ngộ, sanh ra trí huệ. Vị ấy thấy cây cối đã xanh lại vàng, bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, cho đến thọ mạng của con người dài ngắn khác nhau. Đối với những chuyện đó, vị ấy dụng tâm nghiên cứu, tìm ra nguyên nhân. Hai cái nhân trong quá khứ sanh ra khổ quả trong hiện tại, Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc. Khi đức Phật thuyết pháp, tức là lúc có Phật xuất thế, Duyên Giác sẽ nương theo pháp nhân duyên do đức Phật đã nói mà khai ngộ. Lúc chẳng có Phật ra đời, chính vị ấy thấy hết thảy sự sanh diệt, biến hóa mà ngộ đạo, bèn gọi là Độc Giác. Cũng có trường hợp do

thiện căn trong quá khứ, đối với loại chúng sanh này, bèn nói pháp nhân duyên, nói pháp duyên khởi, dạy họ niệm loại kinh này.

Nếu là Thanh Văn Thừa thì sao? Xếp đặt cho họ hàng trăm ngàn văn trường hàng và kệ tụng của Tứ A Cấp Ma. Tứ A Cấp Ma chính là Tứ A Hàm (Catvāri Āgama), có kinh Trường A Hàm (Dīrgha Āgama), kinh Trung A Hàm (Madhyama Āgama), kinh Tăng Nhất A Hàm (Ekottara Āgama), và kinh Tạp A Hàm (Saṃyukta Āgama). A Hàm (Āgama) có nghĩa là “truyền thừa thánh điển về giáo pháp của đức Phật”. Đây là trong thời đại khởi nguyên của Phật giáo, đệ tử Phật và các tín đồ đã dùng hình thức văn tự giống như thơ và các câu văn ngắn gọn, đơn giản để truyền lại những lời đức Phật chỉ dạy và các pháp do Ngài đã nói mà họ đã được nghe thấy. Hình thức thơ ca đều là truyền miệng, chẳng giống như chúng ta dùng văn tự để ghi lại. Vào thời điểm ấy, toàn là truyền miệng, trực tiếp khẩu truyền. Như vậy bèn gọi là “chân truyền”. Vì phải tích cực truyền thừa, cho nên mới dần dần phát triển thành hình thức truyền tụng. Do vậy, họ dùng văn tự ngắn gọn để ghi chép lại. Vào thời điểm ấy, tại Ấn Độ toàn dùng hình thức thi ca. Văn tự để tụng do đó mà có. Đây là duyên khởi hình thành kinh A Hàm.

Trường A Hàm có tất cả hai mươi hai quyển. Trong ấy có bốn phần, gồm ba mươi bộ kinh văn. Quyển thứ nhất ghi chép những điều liên quan đến cuộc đời đức Phật. Phần thứ hai là tu hành, là kinh điển liên quan đến giáo lý. Phần thứ ba là ngoại đạo chất vấn, tranh luận với nhau, đả phá các tà tri, tà kiến của ngoại đạo. Phần thứ tư nói về đạo lý “sanh, trụ, dị, diệt, thành, trụ, hoại, không” của thế giới này. Nói chung, Tứ A Hàm đều có những ý nghĩa đó.

Trung A Hàm chỉ dạy Tứ Đế (Catvāri Āryasatyāni), thập nhị nhân duyên (Pratītya-samutpāda-aṅga), hoặc là nêu thí dụ, cũng chính là những lời lẽ khi đức Phật và các đệ tử luận nghị, cho đến những việc mà các Ngài đã làm. Giống như khi chúng ta tụng kinh chỉ là ngôn ngữ, nhưng Trung A Hàm dạy chúng ta cách hành như thế nào, tức là phương pháp tu hành. Do vậy, kinh này thuộc về Hành. Nương theo ngôn ngữ chỉ dạy mà hành trì, cho nên thuộc về Hành.

Tăng Nhất A Hàm là nói theo con số. Vì khi tu theo bộ kinh điển này, cứ mười số thì tăng thêm một, bèn có mười một pháp. Cứ mười pháp lại tăng thêm một, chữ Tăng Nhất (增壹) có ý nghĩa như thế đó. Kinh có năm mươi quyển, lại tăng thêm một quyển, nên thành năm mươi một quyển.

Tạp A Hàm ghi chép rất nhiều loại hỗn hợp, chẳng thuộc loại kinh văn dài, chẳng phải là cùng một nghĩa lý, mà là rất nhiều nghĩa lý.

Vậy thì nguyên thủy Phật giáo có bốn loại kinh điển, tức Tứ A Hàm. Thuận theo kinh văn, tôi nói đại khái với mọi người đôi chút. “*An trí bách thiên văn tụng A Cấp Ma, bách thiên văn tụng Tỳ Nại Da Tạng*” (Xếp đặt trăm ngàn văn tụng A Cấp Ma, trăm ngàn văn tụng Tỳ Nại Da Tạng): “*Tỳ Nại Da*” (Vinaya) là Luật Tạng, chuyên nói về giới luật. Giới là quy củ, là pháp luật mà đệ tử Phật phải nên tuân thủ. Sở dĩ gọi là “*giới luật*”, chẳng gọi là pháp luật, vì nó có hai loại là Trì và Giá. “*Trì*” là đáng nên làm, có Chỉ Trì và Tác Trì. Chỉ Trì là không được phép làm. Tác Trì là nhất định phải làm, cần phải làm; quý vị chẳng làm, sẽ phạm giới. Bảo quý vị đừng nên làm, mà quý vị cứ khăng khăng làm thì cũng phạm giới. Cần phải chia ra thành hai loại Chỉ và Tác, trong ấy, nói rất nhiều điều.

Như mọi người rất quen thuộc Tam Quy. Tam Quy có nói giới hay không? Tam Quy cũng là giới. Quy y Phật nhằm ngăn che quý vị quy y ngoại đạo. Sau khi đã quy y Phật, chẳng thể quy y thiên ma, ngoại đạo nữa. Sau khi đã học Phật, nhất định phải trì tụng Tam Bảo, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đây là Tác Trì. Chẳng thể quy y ngoại đạo, chớ nên xem điển tịch của ngoại đạo. Khi quy y Pháp, chớ nên xem điển tịch của ngoại đạo. Đó là Chỉ Trì. Nhất định phải đọc kinh Phật là Tác Trì. Mỗi điều đều là như thế. Khi quy y Tăng, Tăng là tăng nhân, cũng là hết thầy người xuất gia, quý vị chẳng thể quy y tà đạo, vì đó lại là Chỉ Trì.

Phàm là trong giới luật, đối với bộ phận giới luật của Thanh Văn Thừa thì giới tỳ-kheo gồm hai trăm năm mươi điều. Cả hai trăm năm mươi giới điều đều chẳng phạm, đã trì thanh tịnh, nhất định sẽ chứng đắc quả A La Hán. Đây là nói kể từ ngày thọ giới trở đi, một mực chẳng phạm. Nếu quý vị trót phạm, theo đúng pháp sám hối thì là Tác Trì. Có pháp Yết Ma, tức là [những cách thức] dạy cho quý vị [sám hối, phát lộ] như thế nào, bèn làm như thế ấy. Quý vị đã phạm tội, phạm vào điều giới nhỏ, rất nhẹ mỏng, đã sám hối, bèn được thanh tịnh, khôi phục thanh tịnh, đó là Tác Trì. [Cách thức phát lộ, thưa bày trước Tăng đoàn, chân thành sám hối] gọi là pháp Yết Ma.

A Tỳ Đạt Ma (Abhidharma) thuộc về Luận Tạng. [A Cấp Ma, Tỳ Nại Da, và A Tỳ Đạt Ma] là Kinh, Luật, Luận. Trong nguyên thủy Phật giáo, kinh A Hàm là Kinh, A Tỳ Đạt Ma là Luận. Kinh, Luật, Luận là Tam Tạng. Tỳ Bà Sa (Vibhāṣā) là luận được phê bình, chú giải cũng rất

nhieu³⁸. Đối với người học Duyên Giác hay Thanh Văn, sẽ dạy họ tập tụng những thứ đó.

“*Thị danh Như Lai tập tụng nghiệp luân*” (Đó gọi là tập tụng nghiệp luân của Như Lai): Trên đây đã nói tập tụng như thế nào? Niệm những thứ ấy. Quý vị tự cảm thấy loại nào thích hợp với chính mình. Quý vị đọc kinh Tứ A Hàm, cảm thấy rất hay, vậy thì quý vị đọc kinh Tứ A Hàm. Quý vị đọc kinh điển Đại Thừa, kinh Kim Cang, kinh Di Đà, cảm thấy rất hay, hãy đọc kinh điển Đại Thừa. Sau khi quý vị quy y một vị sư phụ nào đó, rất ít người hướng về sư phụ thỉnh pháp: “Thưa sư phụ! Con nên đọc kinh gì là tốt nhất?” Rất ít người hỏi về vấn đề này. Thọ Tam Quy xong là bỏ đi, ngay cả niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng đều chẳng niệm, còn đọc kinh gì nữa! Họ chẳng thỉnh cầu chuyện ấy! Nếu có thỉnh cầu, sư phụ sẽ giảng cặn kẽ đôi chút. Có vị sư phụ chẳng nói với quý vị; quý vị chẳng hỏi, thầy cũng chẳng nói. Quý vị đã thọ Tam Quy, có khi còn muốn thọ Ngũ Giới. Thọ Ngũ Giới thì [sư phụ] nhất định phải giảng cho quý vị. Giảng ý nghĩa Tam Quy cho quý vị, tức là quý vị từ đây về sau đừng quên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Nhất định phải giảng những điều ấy; đó là tập tụng.

(Kinh) Thiện nam tử! Vân hà Như Lai doanh phước nghiệp luân? Vị chư hữu tình căn cơ ngu độn, vị chửng thiện căn, trí huệ vi liệt, giải đãi, thất niệm, nhiễm trước chửng chửng thọ dụng tư cụ, viễn ly thiện hữu, ngã đưong an trí như thị hữu tình, sử doanh phước nghiệp, vị linh tu tác Phật, Pháp, Tăng sự, cập thân giáo sư, quĩ phạm sư sự. Thiện nam tử! Thị danh Như Lai doanh phước nghiệp luân.

(經)善男子！云何如來營福業輪？謂諸有情根機愚鈍，未種善根，智慧微劣，懈怠失念，染著種種受用資具，遠離善友，我當安置如有有情，使營福業，謂令修作佛、法、僧事，及親教師、軌範師事。善男子！是名如來營福業輪。

³⁸ Do lão pháp sư nói câu này hơi khó hiểu, chúng tôi xin được nói thêm như sau: Chữ Vibhāsā theo nghĩa gốc có nghĩa là “*khái luận, khái yếu, giải thích*”, do vậy, từ ngữ này được dịch sang chữ Hán thành “*quảng giải, quảng thuyết, thẳng thuyết, chửng chửng thuyết*”. Đây là một từ ngữ dùng để chỉ các tác phẩm chú thích, chú giải các bộ luật hay luận. Bộ Tỳ Bà Sa nổi tiếng nhất là A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa Luận. Riêng bộ Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của ngài Long Thọ là ngoại lệ, vì đây là tác phẩm chú giải kinh Thập Trụ.

(Kinh: Này thiện nam tử! Như thế nào là doanh phước nghiệp luân của Như Lai? Tức là các hữu tình căn cơ ngu độn, chưa gieo thiện căn, trí huệ kém ít, lười nhác, thất niệm, nhiễm đắm nơi hưởng thụ các vật dụng, xa lìa bạn lành, ta sẽ sắp xếp cho các hữu tình như thế, khiến cho họ chăm lo tu tạo phước nghiệp, tức là khiến cho họ phụng sự Phật, Pháp, Tăng, và phụng sự các vị thân giáo sư, quý phạm sư. Này thiện nam tử! Đó gọi là doanh phước nghiệp luân của Như Lai).

Nếu tu Định chẳng được, tập tụng cũng chẳng tập tụng được, Như Lai còn có pháp môn phương tiện. Có pháp môn phương tiện gì vậy? Doanh phước nghiệp luân. Nghiệp là Tác (làm). Quý vị làm đôi chút phước đức, tức là tu phước. Đây là nói tới một loại hữu tình, căn tánh rất độn, chẳng thể đọc kinh, càng chẳng thể tu Định, ngu đốt, chậm lụt, chẳng có trí huệ. Vì trong quá khứ, họ chẳng gieo thiện căn, trí huệ rất kém thiếu, rất kém cỏi, mà cũng có nghĩa là “chẳng có trí huệ”. Vậy thì họ biểu hiện thành lười nhác, thất niệm. Mọi người đều thất niệm dễ dàng! Chúng ta có khi cầm râu chuối, hễ lần chuối thì nghĩ tới Phật, Pháp, Tăng. Buông râu chuối xuống liền quên bẵng. Cầm râu chuối mới niệm. Nói đến “*niệm*” thì là niệm nào cũng đều chẳng quên Tam Bảo, hoặc là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng đều được. Quý vị chuyên niệm Phật cũng được. Vì kẻ đó trí huệ kém cỏi, thiện căn lại ít, những lúc thất niệm sẽ càng nhiều hơn. Họ chấp trước sự hưởng thụ, mong hưởng thụ hết thảy những vật dụng trong cuộc sống. Họ thà đi đánh tám ván mạt chược, bảo họ đến nghe giảng kinh ở đây một buổi chùng một tiếng rười thối, họ cảm thấy rất khổ. Mỗi người có sở thích khác nhau. Như chỉ lấy giảng kinh làm thí dụ, kẻ không tin Phật thì không cần nói đến, đối với đệ tử Phật chúng ta, quý vị bảo họ vui chơi, tinh thần họ tràn đầy hăng hái, bảo họ niệm kinh, hoặc là tu Định, họ sẽ uể oải. Đối với thân thể hay vật dụng cần thiết cho cuộc sống, họ sẽ giữ rất kỹ, chẳng lười nhác, rất tinh tấn, hoàn toàn tương phản! Đây là vì họ tham ái, có dục vọng đối với thế giới này.

Đồng thời, cũng là do chẳng có “*thiện hữu*” (bạn lành) giúp đỡ họ. Được gọi là “*thiện hữu*” bao gồm quý vị, hoặc là quan hệ vợ chồng, hoặc quan hệ bạn bè, hoặc quan hệ lục thân quyến thuộc. Vì chúng ta có một người lục thân quyến thuộc tin Phật, người ấy sẽ khuyên quý vị tin Phật, mong dẫn dắt quý vị tin Phật. Do người ấy, quý vị có cơ hội tin Phật. Nếu chẳng có nhân duyên ấy, chẳng gặp vị thiện hữu ấy, cho đến giữa các bạn đạo giúp đỡ lẫn nhau, nhắc nhở lẫn nhau, khiến cho quý vị

tu hành, chẳng giải đãi. Giải đãi là nói tương phản với tinh tấn, thất niệm là nói tương phản với chánh niệm. Chẳng có thiện hữu, sẽ giống như loại hữu tình [ngu si, độn căn đang nói ở đây]. Đức Phật dạy: “*Ta sẽ an bài cho họ, khiến cho họ chăm lo tu phước*”. “*Doanh phước*” (營福) chính là tu tập, tích góp chút phước. Niệm Phật, niệm Pháp, hoặc là đến chùa miếu làm việc thiện, hoặc sửa chùa, tham gia tu tập, giống như rất nhiều đạo hữu làm nghĩa công (義工, làm thiện nguyện, hoặc làm công quả), tùy thuộc quý vị hồi hướng phước nghiệp ấy như thế nào. Tuy là thực hiện phước nghiệp rất bé, quý vị phải hồi hướng, khuếch trương nó thành to lớn. Chuyện này liên quan đến ý niệm.

Còn có những vị sư phụ mà quý vị thọ quy y, hoặc là thân giáo sư, hoặc quỳ phạm sư, khi họ hiện hữu, hãy làm thị giả cho họ, hoặc là chăm sóc họ. Khi họ tu hành, quý vị làm chút việc cho họ, đầy đủ là “*doanh phước*” (chăm lo tu phước). Chăm lo tu phước thì ở trong chùa đỡ đàn cho chư tăng. Vậy thì các vị cư sĩ tại gia, tức các vị Ưu-bà-tư-ca, Ưu-bà-sách-ca, cũng chính là Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ. Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ chính là doanh phước. Bước đầu tiên là đối với vị thân giáo sư của chính mình, nói thông thường, vị thân giáo sư là hòa thượng, cũng có nghĩa là vị hòa thượng mà quý vị thọ giới, hoặc các vị Yết Ma, Giáo Thọ, Quỳ Phạm Sư, Dẫn Lễ Sư truyền giới cho quý vị đều được kể vào trong ấy. Quý vị làm chút việc cho họ. Nếu quý vị tu Định chẳng thành, đọc kinh cũng chẳng thành, vậy thì quý vị hãy làm đôi chút việc tốt. Nếu quý vị làm thầy hương đăng trước bàn Phật, hoặc nếu trong nhà quý vị có thờ tượng Phật, mỗi ngày quý vị lau dọn bàn thờ, thắp hương, đó đều là những chuyện doanh phước. Chuyện doanh phước rất nhiều; đó là thành tựu Phật Luân thứ hai của Như Lai.

(Kinh) Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ nhị Phật Luân. Do thử luân cố, dĩ kỳ vô thượng tam thế nghiệp trí, như thật liễu tri nhất thiết hữu tình, chư nghiệp pháp thọ nhân cập quả báo, tùy kỳ sở ung, lập tam nghiệp luân, thành thực nhất thiết sở hóa hữu tình, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tởi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, chuyển đại phạm luân, thành đại phạm hạnh, như thật liễu tri chúng sanh nhân báo.

(經)善男子！我成如是第二佛輪。由此輪故，以其無上三世業智，如實了知一切有情，諸業法受因及果報，隨其所應，立三業輪，成熟一切所化有情，得安隱住，得無

驚恐，得無所畏，摧諸天魔，外道邪論，轉大梵輪，成大梵行，如實了知眾生因報。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ hai như thế. Do vì luân ấy, dùng vô thượng tam thế nghiệp trí, đúng như thật biết rõ các nghiệp pháp thọ nhân và quả báo của các hữu tình, tùy theo căn tánh của mỗi hữu tình mà lập ra ba nghiệp luân để thành thực hết thấy các hữu tình được hóa độ, khiến cho họ trụ trong an ổn, được chẳng kinh hoàng, được chẳng sợ hãi, dẹp tan tà luận của thiên ma và ngoại đạo, chuyên đại phạm luân, thành tựu đại phạm hạnh, đúng như thật biết rõ nhân và báo của chúng sanh).

“Do thử luân cố, dĩ kỳ vô thượng tam thế nghiệp trí, như thật liễu tri nhất thiết hữu tình chư nghiệp pháp thọ nhân cập quả báo” (Do vì luân ấy, dùng vô thượng tam thế nghiệp trí, đúng như thật biết rõ các nghiệp pháp thọ nhân và quả báo của các hữu tình): “Tam thế nghiệp trí” là nói đến đức Phật. Đối với ba đời quá khứ, vị lai và hiện tại, Ngài đều có thể biết rõ nghiệp ba đời, đều biết đúng như thật nghiệp của hết thấy chúng sanh. Hết thấy chúng sanh trong quá khứ, hiện tại, tương lai đã làm những gì, đã tạo những gì, đã gieo nhân nào, nay phải hứng chịu quả báo, đức Phật đều biết rõ đúng như thật. Do vậy, sẽ “tùy cơ ứng hóa”, tùy theo lẽ đáng nên, tức là thích ứng với căn cơ của họ mà lập ra ba loại nghiệp luân. Có thể nói “tam nghiệp luân” chính là ba nghiệp luân trên đây, tức định nghiệp, tập tụng nghiệp, và doanh phước nghiệp, thuận theo căn cơ, thấy họ thích hợp loại nào, tức nghiệp luân nào, bèn dạy họ hãy nương theo nghiệp luân ấy đề tu, khiến cho hết thấy các chúng sanh được đức Phật hóa độ đều có thể được an ổn. “An ổn” có nghĩa là chẳng bị khổ nạn, chẳng kinh hoàng, chẳng sợ sệt vì tam ác đạo, khiến cho họ chẳng sợ hãi. Đọa vào ba ác đạo là khổ, thậm chí chẳng cần nói đến chuyện đọa vào ba ác đạo, dẫu là làm người, như trong hiện thời mọi người đều là người, tức là nói theo nhân đạo, thì hiện thời chúng ta đều là đệ tử Phật, thuộc về tứ chúng đệ tử, quý vị có hoảng sợ, có sầu lo hay không? Mỗi ngày đều phải lo được, lo mất, có hoảng sợ, vì sao vậy? Quý vị chẳng tu Định nghiệp tốt đẹp. Thậm chí đối với cái luân thứ ba, phước đức cũng chẳng đủ, phước nghiệp cũng chẳng đủ!

Đức Phật không như vậy. Ngài thành tựu, đối với hết thấy chúng sanh, biết đúng thật thiện căn của chúng sanh sâu hay cạn, cũng như biết họ đã tạo nghiệp dày hay mỏng. Nghiệp đã tạo là thiện nghiệp hay ác

ngiệp, đã gieo cái nhân có sâu hay không? Có lớn hay không? Cho đến đối với quả báo họ đang lãnh nhận, có khổ nạn hay không? Có sợ hãi hay không? Biết quý vị có nỗi sợ hãi. Vì quý vị có sợ hãi, đức Phật sẽ dạy quý vị phương pháp trừ sợ hãi, tức là ba nghiệp luân như vừa mới nói. Trong ấy, bao gồm cách tu tập Định, có bao nhiêu loại Định? Cho đến đối với tập tụng, tập tụng quá nhiều! Tùy thuộc quý vị [ưa thích] đọc tụng loại kinh nào. Doanh phước rất rộng! Hiện thời, mọi người đều mong tưởng đủ loại thiện căn; đối với chuyện đọc tụng kinh điển Đại Thừa, chúng ta cũng biến thành tu phước! Tuy quý vị chẳng đạt được huệ, đọc tụng kinh điển vẫn là có phước đức, ngay cả phước đức được nghe danh tự cũng chẳng dễ dàng! Đối với thiện căn trong quá khứ, đức Phật có trọn đủ Nhất Thiết Chúng Trí, Ngài đều có thể biết, khiến cho quý vị chẳng còn kinh sợ nữa, khiến cho quý vị rốt ráo thành Phật, cũng có thể giống hết như Ngài, cũng có thể đập tan tà luận của hết thầy thiên ma và ngoại đạo.

“*Chuyển đại phạm luân*”: “*Phạm*” (梵) có nghĩa là thanh tịnh. Có thể đạt tới thanh tịnh, như vậy thì những nghiệp quý vị đã làm, đã tu hành, đều có thể trở thành phạm hạnh thanh tịnh. “*Phạm hạnh*” có nghĩa là thanh tịnh. Nói theo phía đức Phật, đức Phật chuyển đại pháp luân, chuyển thanh tịnh pháp luân. Ngài có thể đúng như thật biết nhân duyên quả báo của hết thầy chúng sanh.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đánh đại vương thành thiện xảo trí, quán sát nhất thiết sa-môn, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phiệt-xá, Thú-đạt-la đấng, chủng chủng công đức, đa văn, dũng kiện, công xảo, kỹ nghệ. Nhược chư chúng sanh phú hữu công đức, thành xảo tiện trí, tinh tấn, dũng mãnh, kiên cố bất thoái, chủng chủng phước đức nhi tự trang nghiêm.

(經)善男子！如剎帝利灌頂大王，成善巧智，觀察一切沙門，婆羅門，剎帝利，筏舍，戍達羅等，種種功德，多聞勇健，工巧技藝。若諸眾生富有功德，成巧便智，精進勇猛，堅固不退，種種福德而自莊嚴。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu trí thiện xảo, quan sát các thứ công đức, đa văn, dũng kiện, tài nghệ hay khéo của hết thầy sa-môn, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phiệt-xá, Thú-đạt-la v.v... Nếu các chúng sanh giàu có

công đức, thành tựu trí phương tiện thiện xảo, tinh tấn, dũng mãnh, kiên cố chẳng lui sụt, có đủ loại phước đức để tự trang nghiêm).

Dùng vương luân này để tỷ dụ Phật Luân thứ ba. Chúng ta đã nói Phật Luân thứ nhất và thứ hai, nay nêu lên vương luân thứ ba của vua Sát-đế-lợi. Trước là tỷ dụ, sau là pháp. Pháp là nói về Phật Luân, đó là pháp. Dùng Sát-đế-lợi trong thế gian, đây cũng là quý tộc trong bốn loại chủng tánh của Ấn Độ. Sau khi ông ta được quán đánh, tiếp nhận vương vị, thành tựu trí phương tiện thiện xảo. Vua xem xét nhân dân trong nước, quan sát hết thấy. Sa-môn (Śramaṇa) là người xuất gia. Sa-môn ở đây bao gồm cả xuất gia Bà-la-môn, không phải chỉ là hàng xuất gia của Phật giáo. Bà-la-môn cũng có người xuất gia. Các ngoại đạo khác cũng có người xuất gia. Họ dùng chữ Sa-môn để gọi chung. Sa-môn dịch nghĩa là Cần Túc (勤息), tức là “*cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si). Nếu nói rộng về các ý nghĩa được bao hàm trong từ ngữ Sa-môn, sẽ có rất nhiều cách giải thích. Nói chung thì có ý nghĩa như vậy.

Ấn Độ có bốn loại chủng tánh (Varṇa) ở ngoài sa-môn, bốn loại nào vậy? Chính là Bà-la-môn (Brāhmaṇa), Sát-đế-lợi (Kṣatriya), Phiệt-xá (Vaiśya), và Thú-đạt-la (Śūdra). Bà-la-môn giống như người đọc sách tại Trung Hoa, ở Ấn Độ thì gọi là “*học giả*”, tức là người có học vấn. Sát-đế-lợi là quý tộc, là dòng dõi vua chúa. Phiệt-xá bao gồm giới công thương nghiệp, cũng là sĩ, nông, công, thương. Phiệt-xá phần nhiều là nói về thương nhân. Thú-đạt-la là chủng tánh hạ tiện, tức là những kẻ làm đồ tể, nô bộc. Bốn loại chủng tánh cộng thêm sa-môn là toàn thể nhân dân trong nước. Quốc vương đối với nhân dân trong nước có mấy loại chủng tánh, nhà vua đều biết tài năng như thế nào để khiến cho họ vun bồi phước, như thế thì mới thích hợp với sự nghiệp của họ.

“*Chủng chủng công đức, đa văn, dũng kiện, công xảo kỹ nghệ*” (Các thứ công đức, đa văn, mạnh mẽ dũng cảm, tài nghệ khéo léo): Đây là nói tùy thuộc loại người như thế nào, bèn đối đãi đúng lẽ như thế đấy. Sau đó, vua sẽ phân phối, ban cho họ trân bảo, tiền tài, thóc gạo, ruộng đất, nhà cửa, nô tỳ, tôi tớ. Do vậy, vua cũng quan sát những người ấy, hạng người nào có công đức lớn, đáng nên hưởng thụ như thế nào, loại người nào đa văn, có trí huệ. Đa văn là học tập rộng rãi. Đa văn là nói đến học tập, không hoàn toàn là nói về học tập Phật pháp. Như Thú-đạt-la, căn bản là họ cũng chẳng học Phật pháp, có những kẻ không tin Phật. “*Công xảo kỹ nghệ*” là Công Xảo Minh, Công Xảo (工巧, hay khéo) là

như thương nhân. Phiệt-xá bao gồm công nhân, có kỹ thuật, hội họa, trang hoàng, tu bổ, đều được gộp vào trong ấy. Chữ “kỹ nghệ” bao gồm rất nhiều thứ. Giả sử đối đãi với những người có công đức, có trí huệ ấy (bất quá ở đây là nói những người hành xử rất thông minh, đừng lẫn lộn với trí huệ trong nhà Phật).

“Thành xảo tiện trí” (Thành tựu trí phương tiện thiện xảo): Vị vua quán đảnh này đối với sa-môn, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phiệt-xá, và Thú-đạt-la, tức năm loại người trong nước, [xét thấy] công đức của họ lớn hay nhỏ, năng lực mạnh hay yếu, kỹ thuật cao hay thấp, giả sử là người có công đức rất dồi dào, tức là công đức rất lớn, đây là một loại, hoặc là có phương tiện rất hay khéo, rất thông minh tức là rất lanh lợi, hoặc là có những sự vụ công hiến rất lớn đối với quốc gia, tinh tấn, dũng mãnh, cho đến hề làm chuyện gì, họ đều kiên cố chẳng lui sụt, dùng phước đức của chính mình để trang nghiêm. Như vậy thì vị vua quán đảnh ấy sẽ căn cứ theo nhu cầu, trí huệ, phẩm đức và năng lực của họ lớn hay nhỏ. Giống như tiền lương trong hiện thời, quý vị có thể làm chuyện gì, năng lực mạnh sẽ kiếm được nhiều tiền, năng lực kém sẽ kiếm ít hơn!

(Kinh) Thử Sát-đế-lợi quán đảnh đại vương, tùy bỉ sở ưng, cấp thí trân bảo, tài cốc, điền Trạch, nô tỳ, bộc sử. Ư tự quốc độ, nhược chư chúng sanh, đức nghệ khinh vi, công nghiệp tiền bạc, thử Sát-đế-lợi quán đảnh đại vương, tùy bỉ sở ưng, vi gia chẩn tuất. Ư tự quốc độ, nhược chư chúng sanh, công đức bạc liệt, thiếu u tinh tấn, giải đãi, lãn nọa, vong thất chánh niệm, vô từ bi tâm, bất tri ân báo. Ư hậu thế khổ, bất kiến bố úy, một cư gia nê, tích chư ác hạnh, thử Sát-đế-lợi quán đảnh đại vương, tùy bỉ sở ưng, chủng chủng trích phạt. Hoặc dĩ ngôn giáo khổ thiết ha trách, hoặc đoạt chủng chủng trân bảo, tư tài, hoặc đoạt thọ dụng như ý sản nghiệp, hoặc phạt tiên trượng, hoặc cầm lao ngục, hoặc đoạn chi tiết, hoặc trăm thân thủ. Như thị vô lượng tùy ưng trích phạt.

(經)此剎帝利灌頂大王，隨彼所應，給施珍寶，財谷田宅，奴婢僕使。於自國土，若諸眾生，德藝輕微，功業鮮薄，此剎帝利灌頂大王，隨彼所應，微加賑恤。於自國土，若諸眾生，功德薄劣，少於精進，懈怠懶惰，忘失正念，無慈悲心，不知恩報。於後世苦，不見怖畏，沒居家泥，積諸惡行，此剎帝利灌頂大王，隨彼所應，種種謫罰

。或以言教苦切呵責，或奪種種珍寶資財，或奪受用如意產業，或罰鞭杖，或禁牢獄，或斷支節，或斬身首。如是無量隨應謫罰。

(Kinh: Vị đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh ấy tùy theo lẽ đáng nên mà ban thí trân bảo, tiền tài, gạo thóc, ruộng đất, nhà cửa, nô tỳ, tôi tớ. Trong cõi nước của mình, nếu các chúng sanh, đức hạnh lẫn tài nghệ kém cỏi, công lao, sự nghiệp ít ỏi, mỏng manh, vị vua quán đánh Sát-đế-lợi ấy theo lẽ đáng nên sẽ chân cấp, giúp đỡ họ đôi chút. Trong cõi nước của chính mình, nếu các chúng sanh công đức mỏng kém, ít chịu tinh tấn, giải đãi, biếng nhác, quên mất chánh niệm, chẳng có tâm từ bi, chẳng biết báo ân, đối với nỗi khổ trong đời sau chẳng thấy sợ hãi, chìm đắm trong bùn lầy gia nghiệp, tích tập các hạnh ác, vị vua quán đánh Sát-đế-lợi ấy sẽ theo đúng lẽ đáng nên, áp dụng đủ loại trừng phạt. Hoặc dùng ngôn từ dạy bảo, quả trách nặng nề, hoặc tước đoạt các thứ trân bảo, của cải, hoặc tước đoạt các thứ thọ dụng như ý và sản nghiệp, hoặc trừng phạt bằng roi, gậy, hoặc giam trong nhà tù, hoặc chặt chân tay, hoặc chém phăng đầu. Vô lượng sự trừng phạt theo đúng lẽ như thế đó).

“Tùy bi sở ưng, thí cấp trân bảo tài cốc, điền Trạch, nô tỳ, bộc sử”
(Theo lẽ đáng nên mà ban thí trân bảo, tiền tài, gạo thóc, ruộng đất, nhà cửa, nô tỳ, tôi tớ): Trong quốc độ của chính họ, đối với các loài chúng sanh, bèn có sự phân biệt. Giống như tại Trung Hoa xưa kia, [các quan chức] có chín bậc, từ chức vụ Tề Tướng cho đến tri huyện là thất phẩm, cho đến nha dịch, đến thư biện³⁹, cho đến thôn trưởng, hương trưởng, tổng cộng thành chín phẩm. Tùy thuộc họ thích hợp làm gì, bèn giao cho họ làm việc đó. Đối với bậc thượng, bèn ban cho họ trân bảo, ruộng nương, nhà cửa, tôi tớ. Nếu chẳng có đức gì, đức chẳng trọng cho lắm, ban cấp rất ít. Công đức ít cũng là tương ứng với họ. Nếu năng lực của họ là ngay cả cái ăn, cái mặc cũng chẳng kiếm được, quốc vương liền từ bi, cứu tế, chẩn tuất cho họ. Còn có những kẻ công đức còn thấp kém hơn nữa, chẳng tinh tấn, giải đãi, lười nhác, quên mất chánh niệm, chẳng thể làm nổi chuyện tốt, đối với người khác chẳng có tâm từ bi. Thậm chí

³⁹ Thư biện (書辦) là danh xưng để gọi chung các nha lại tại các phủ huyện chuyên quản trị, biên chép văn thư, thống kê hồ sơ, và biên soạn các văn bản theo lệnh của các quan trên.

ban cho họ ân huệ rất lớn, họ cũng chẳng biết báo ân. Hiện thời, họ chẳng làm chuyện tốt, trong tương lai, nhất định hứng chịu quả báo. Đối với chuyện thọ khổ báo trong đời sau, họ chẳng sợ hãi, cũng chẳng kinh hoàng, làm một kẻ ác chẳng kiêng sợ chi hết.

“*Một cư gia nê, tích chư ác hạnh*” (Chìm đắm trong bùn lầy gia nghiệp, tích tập các ác hạnh): “*Chìm đắm trong bùn lầy gia nghiệp*” là nói đến sa-môn [chẳng lo tu hành, chỉ lo toan kiếm lợi, hưởng thụ, chẳng khác người tại gia], chẳng phải là xuất gia. “*Cư gia*” là tại gia, tại gia giống như hố bùn, chìm lìm trong hố bùn. Không chỉ là sa-môn, mà còn có những kẻ khác. Có thể giải thích “*cư gia*” bằng nhiều cách, như là kẻ ấy chẳng làm thiện nghiệp, chuyên làm ác nghiệp, quốc gia sẽ có pháp luật trừng phạt kẻ đó. Đó gọi là “*thưởng phạt phân minh*”. Trên đây là nói công đức lớn, nhỏ, nhiều, ít, có cống hiến cho quốc gia như thế nào. Công hiến lớn, sẽ ban thưởng trọng hậu; công hiến nhỏ, sẽ ít hơn. Cho đến kẻ chẳng hề cống hiến, chẳng thể duy trì cuộc sống, [quốc vương] còn phải chân tế, còn phải thương xót, giúp đỡ họ.

Còn những kẻ tạo ác thì làm như thế nào? Kẻ tích tập các ác hạnh, vua Sát-đế-lợi bèn trừng phạt họ. Còn phải “*chủng chủng trích phạt*” (các thứ trừng phạt). Đây là pháp luật, hoặc là phê bình họ, nếu ác nghiệp nặng nề hơn, sẽ trừng phạt, quở trách họ, hoặc tịch thu tài sản, tước đoạt các thứ trân bảo, tài sản, hoặc tịch thu sản nghiệp của họ. Nếu vẫn chưa đủ, hoặc là dùng roi, gậy đánh phạt họ, quất rất nhiều roi. Hoặc là tống họ vào tù, hoặc là cắt chặt chi thể, hoặc là chém đầu, tùy thuộc họ phạm tội ác lớn hay nhỏ. Những điều ấy chỉ là tỷ dụ. Chúng ta nói những điều này chủ yếu nhằm hiển thị Phật Luân. Vì chúng sanh tạo nghiệp rất nhiều, làm ác hạnh cũng rất nhiều. Khi mâu thuẫn với pháp luật của quốc gia, hình phạt cũng rất nhiều, có vô lượng hình phạt. Tuy tầng cấp thưởng cũng rất nhiều, nhưng tầng cấp trừng phạt cũng rất nhiều.

(Kinh) Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đảnh đại vương, thành tựu như thị đệ tam vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng. Thiện nam tử! Như thị Như Lai thành tựu thiện xảo tri căn cơ trí. Nhược chư đệ tử, viễn ly phước huệ xảo phương tiện trí, cập dĩ bố thí, điều phục tịch tĩnh, thất niệm, tâm loạn, lai chí ngã sở, quy y ngã, nhi ngã thiện tri bỉ căn ý nhạo, tùy miên, thắng giải, tùy kỳ sở ưng, vị thuyết trị phạt Tỳ Nại Da pháp.

(經)善男子！剎帝利種灌頂大王，成就如是第三王輪。由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。善男子！如是如來成就善巧知根機智。若諸弟子，遠離福慧巧方便智，及以佈施，調伏寂靜，失念心亂，來至我所，歸依於我，而我善知彼根意樂，隨眠勝解，隨其所應，為說治罰毗奈耶法。

(*Kinh: Nay thiện nam tử! Đại vương dòng Sát-đế-lợi được quán đánh thành tỳ vương luân thứ ba như thế. Do vì luân ấy, khiến cho cõi nước của chính mình tăng trưởng an vui, có thể chế phục hết thảy oán địch, bạn ác, khéo thủ hộ thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng. Nay thiện nam tử! Như Lai thành tỳ trí biết căn cơ hay khéo như thế. Nếu các đệ tử, xa lìa trí phước huệ, phương tiện hay khéo, và bố thí, điều phục tịch tĩnh, thất niệm, loạn tâm, đến chỗ ta, quy y ta, do ta khéo biết ý căn cơ, ý thích, tùy miên, và thắng giải của họ, sẽ theo lẽ đáng nên mà nói cho họ các pháp trì phật thuộc Tỳ Nại Da).*

“*Thiện nam tử! Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, thành tỳ như thị đệ tam vương luân*” (Này thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tỳ vương luân thứ ba như thế): Đây là chuyện quốc vương của một nước phải nên làm. Dùng chuyện này làm tỷ dụ, vì phải làm như thế thì mới có thể khiến cho quốc gia của ông ta yên vui, mới có thể hàng phục hết thảy oán địch và bạn ác, khiến cho quốc gia ấy bình an, mọi người đều có thể sống tốt đẹp.

“*Thiện nam tử! Như thị Như Lai thành tỳ thiện xảo trí căn cơ trí*” (Này thiện nam tử! Như Lai thành tỳ trí biết căn cơ hay khéo như thế): Biết căn cơ của hết thảy chúng sanh. Loại trí huệ này chẳng phải là trí thiện xảo của vua quán đánh Sát-đế-lợi, mà là trí huệ biết căn cơ của chúng sanh. “*Nhược chư đệ tử viễn ly phước huệ xảo phương tiện trí, cập dĩ bố thí, điều phục tịch tĩnh, thất niệm, tâm loạn, lai chí ngã sở, quy y ngã*” (Nếu các đệ tử xa lìa trí phương tiện thiện xảo phước huệ, cùng với bố thí, điều phục tịch tĩnh, thất niệm, loạn tâm, đến chỗ của ta, quy y ta): Vị đệ tử Phật ấy thoát đầu khi mới tin Phật, đến chỗ đức Phật, cầu Phật độ thoát, những người ấy có trí phước huệ phương tiện thiện xảo, cho đến có thể bố thí, điều phục phiền não, đều có thể đạt đến tịch tĩnh, đắc Định, cho đến đạt được chánh niệm. Nếu đã thất niệm, sẽ chẳng thể nhập Định, tâm rối loạn, do thất niệm nên loạn tâm. “*Lai chí ngã sở*”

(Đến chỗ ta) là hướng về đức Phật cầu pháp, quy y đức Phật.

“*Nhi ngã thiện tri bỉ căn ý nhạo*” [nghĩa là] ta (đức Phật) biết người ấy thuộc căn cơ gì, biết người ấy thích gì, biết căn bản phiền não của người ấy là gì, biết người ấy trọn đủ rất nhiều trí huệ, trọn đủ rất nhiều thiện căn. Đây là thắng giải (hiểu biết thù thắng). Thắng giải sâu nhất khi đạt đến địa vị Phật, trọn đủ Phật trí. “*Các chúng sanh đến chỗ Phật*” tượng trưng cho hết thấy chúng sanh, vì trong quá khứ, họ đã có trí phương tiện phước huệ thiện xảo, bố thí, điều phục tịch tĩnh, nay thất niệm, tâm loạn, đức Phật liền quan sát, cho họ quy y Phật. Vì Ngài liễu giải căn cơ của họ, hiểu biết tùy miên, căn bản phiền não của họ, hoặc là trí huệ của họ to hay nhỏ, sức thắng giải như thế nào, Ngài sẽ thuyết pháp thích ứng căn cơ.

“*Lai chí ngã sở*” (Đến chỗ ta), họ bèn theo đức Phật xuất gia. [Đức Phật] vì họ giảng pháp Tỳ Nại Da. Tỳ Nại Da (Vinaya) là giới luật. Phạm là quy y Phật, tối thiểu là thọ Tam Quy. Tam Quy, ngũ giới, hoặc là tám giới, mười giới, cho đến hai trăm năm mươi giới [của tỳ-kheo], ba trăm bốn mươi tám giới [của tỳ-kheo-ni], bốn giới trọng và hai mươi tám giới khinh, hoặc sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh [của Bồ Tát giới trong Ưu Bà Tắc Giới Kinh]. Tỳ Nại Da có nghĩa là “*giới pháp*”.

(Kinh) Nhược chư chúng sanh, kỳ tánh hận lệ, u chư học xứ, bất năng phụng trì, vì linh cứu trụ ngã chi thánh giáo, đa hữu sở tác, hoặc vị chế lập ức niệm trị phạt, hoặc dĩ ngôn giáo khủng bố ha trách, hoặc tạm khu tấn, hoặc linh chiết phục, quy thành lễ bái, hoặc bất dữ ngữ, bất cộng đồng lợi, hoặc như thảo bố, hoặc phục diệt tấn.

(經)若諸眾生，其性恨戾，於諸學處，不能奉持，為令久住我之聖教，多有所作，或為制立憶念治罰，或以言教恐怖呵責，或暫驅擯，或令折伏，歸誠禮拜，或不與語，不共同利，或如草布，或覆滅擯。

(Kinh: Nếu các chúng sanh tánh rất hung dữ, chẳng thể thọ trì các học xứ, vì khiến cho thánh giáo của ta tồn tại lâu dài [trong cõi đời], được nhiều người hành trì, mà hoặc là chế lập các cách nghĩ nhớ, quả phạt, hoặc dùng ngôn giáo để đe dọa, quả trách, hoặc tạm thời xua đuổi để chiết phục họ quy hướng chân thành, lễ bái, hoặc chẳng nói chuyện với họ, chẳng cùng chia sẻ lợi lộc với họ, hoặc [kẻ đó trót đã phạm tội] bèn cho sám hối, hoặc lại diệt tấn).

Còn có Tác Trì, cũng là luật pháp. Nếu các chúng sanh ấy căn tánh ương bướng, dữ dằn, hung ác, thô bạo, chẳng khéo từng thuận, đối với Tam Quy, Ngũ Giới, cho đến tám giới mà họ đã thọ nhận (“*học xứ*” là nói đến giới, cũng có thể hiểu là luật học mà họ đã được học), chẳng thể thọ trì, chẳng tuân phụng. Các giới luật ấy bảo vệ thánh giáo tồn tại lâu dài.

Nếu chẳng có giới luật, Phật pháp sẽ chẳng thể tồn tại lâu dài. Vì sao đức Phật cần phải chế giới? Khiến cho chánh pháp “*cửu trụ*” (久住), tức là khiến cho thánh giáo có thể tồn tại lâu dài trên thế gian, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể đạt được lợi ích trong tương lai. Phật pháp tồn tại lâu dài trong thế gian, người được lợi ích cũng rất nhiều. Vì thế, yêu cầu tất cả đều đến chỗ ta quy y, đệ tử của ta đều phải nên phụng trì giới luật. Mục đích phụng trì giới luật là khiến cho thánh giáo cửu trụ, khiến cho Phật pháp cửu trụ.

Giới luật nhằm ngăn ngừa, bảo vệ, giống như tường thành để bảo vệ dân chúng. Giới luật nhằm bảo vệ tâm địa của quý vị, thân chẳng lay động, tâm chẳng loạn, bảo vệ thân tâm của quý vị. Giới luật được chế định bao gồm các loại pháp: Hoặc quý vị trót phạm sai lầm, hãy nhớ lại bèn sám hối. Hoặc là dùng ngôn ngữ đáng sợ, nói “ngươi đã phạm giới, trong tương lai phải thọ báo, đọa địa ngục”. Đó là dùng ngôn ngữ đáng sợ để quở trách. Nếu nghiêm trọng hơn, phạm giới căn bản, sẽ liền “*khu tân*” (驅擯, trục xuất) người ấy, đuổi ra ngoài Phật pháp. Hoặc buộc kẻ ấy sám hối, tùy thuộc kẻ ấy phạm loại nào. Hoặc là bắt kẻ ấy quay về lễ bái, hoặc mọi người chẳng nói chuyện với kẻ ấy. Không nói chuyện tức là Tăng đoàn không quan tâm đến kẻ ấy nữa. Thậm chí chẳng “*cộng lợi*” (共利), [tức là] nêu thí chủ tại gia cúng dường các thứ tài vật v.v... sẽ chẳng chia sẻ cho kẻ đó. Đó gọi là “*bất cộng lợi*”.

“*Hoặc như thảo bố*”: “*Thảo bố*” (草布, cỏ bao phủ) tức là kẻ đó phạm tội quá nhiều, lớn nhỏ đều có, như cỏ che đất. Kẻ đó phạm tội giống như bùn lầy, lầy lội đến nỗi chẳng thể đi qua được, phải phủ cỏ lên mới đi qua được. Đây là phương thức sám hối tội lỗi. Tội lỗi kẻ ấy đã phạm cũng có tội nghiêm trọng, mà cũng có tội không nghiêm trọng. Phạm rất nhiều, nếu kể ra từng điều, khi mọi người cho kẻ đó sám hối sẽ chẳng thuận tiện cho lắm. Đây là một kiểu tổng sám. Giống như khi chúng ta bái sám, chuyện trong rất nhiều đời ta cũng chẳng biết. Kiếp này chúng ta chẳng phạm Ngũ Nghịch, Thập Ác, như vậy thì khi bái sám, chúng ta cứ hồi hướng như vậy. Vậy thì có thể là trong quá khứ,

tức là trong bao nhiêu đời khác trước kia, đã từng phạm tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, cho nên sám hối như vậy. Đây là những chuyện được tổng sám, vì chúng ta chẳng biết quá khứ, chẳng có trí huệ. “Thảo bố” là như cỏ che phủ mặt đất, dùng cỏ phủ mặt đất, tức là pháp sám hối tương đương với chuyện dùng cỏ phủ đất, trải lên mặt đất để quý vị có thể đi qua chỗ bùn lầy. Nếu đã phạm rất nhiều làm lỗi, quý vị bèn sám hối. Đây là ý nghĩa của tổng sám hối.

Hoặc là trong thật tại, đã hết cách, chẳng thể kê toa cứu chữa được, Tăng đoàn chẳng thể giữ quý vị lại, bèn “diệt tận” (滅擯), tức là đuổi quý vị ra ngoài. Tại các chùa miếu thuộc Đại Lục, hễ phạm giới căn bản, sẽ bị khai trừ, trục xuất ra khỏi chùa miếu. Mỗi khu vực khác nhau, tại Đại Lục là Mặc Tẩn (默擯). Phạm là phá giới kiểu này, kẻ ấy chẳng dám trở về chùa miếu, chính mình bỏ đi; điều này được gọi là pháp Mặc Tẩn.

(Kinh) Ngã dĩ diệu trí, tri chư hữu tình Bồ Đặc Già La căn cơ, ý nhạo, tùy miên, thắng giải, như ưng trích phạt, vị linh giai phá quảng đại tích tụ vô nghĩa hắc ám, khô kiệt phiền não chư bộc lưu cố, linh đắc sanh thiên, Niết Bàn lạc cố, vị hành ác đạo Bồ Đặc Già La đắc điều phục cố, tùy kỳ sở ưng, thuyết trị phạt pháp, quán sát hắc thuyết, đại thuyết sai khác, tùy kỳ sở ưng, thọ dữ trị phạt hành ác đạo pháp.

(經)我以妙智，知諸有情補特伽羅根機意樂，隨眠勝解，如應謫罰，為令皆破廣大積聚無義黑闇，枯竭煩惱諸瀑流故，令得生天，涅槃樂故，為行惡道補特伽羅得調伏故，隨其所應，說治罰法，觀察黑說，大說差別，隨其所應，授與治罰行惡道法。

(Kinh: Ta do diệu trí, biết căn cơ, ý thích, tùy miên, và thắng giải của các hữu tình Bồ Đặc Già La mà trừng phạt đúng lẽ, vì khiến cho họ đều phá trừ hắc ám vô nghĩa tích tụ rộng lớn, khô cạn các dòng thác phiền não, khiến cho họ được hưởng niềm vui sanh thiên hay Niết Bàn, vì điều phục Bồ Đặc Già La hành theo ác đạo, theo đúng lẽ mà nói pháp đối trị, trừng phạt, quán sát hắc thuyết và đại thuyết sai khác, theo đúng lẽ mà truyền trao các pháp đối trị, trừng phạt kẻ hành theo ác đạo).

“Ngã dĩ diệu trí, tri chư hữu tình Bồ Đặc Già La căn cơ, ý nhạo, tùy miên, thắng giải, như ưng trích phạt” (Ta do diệu trí, biết căn cơ, ý thích, tùy miên, và thắng giải của các hữu tình Bồ Đặc Già La mà trừng

phạt đúng lẽ): Bồ Đặc Già La (Pudgala) nghĩa là “người”, tức hữu tình chúng sanh. Đời đời kiếp kiếp lưu chuyển, cái chủ yếu bị lưu chuyển chính là ý nghĩa bao hàm trong từ ngữ Bồ Đặc Già La. Mục đích của việc “*tùy theo tội ác quý vị đã phạm mà đối trị, trừng phạt*” chính là để phá trừ hắc ám cho quý vị. Trong quá khứ, quý vị đã tích tụ những thứ vô nghĩa, chẳng có ý nghĩa thắng giải, chẳng có ý nghĩa tịnh hạnh, những thứ ấy đều hắc ám, muốn khô cạn các dòng thác phiền não ấy, tiêu trừ Ngã Chấp, Ngã Kiến. Đây là hàm nghĩa của giới luật, là mục đích của việc trừng phạt, khiến cho [người phạm tội] sau khi đã sám hối, sẽ được hưởng sự vui sướng sanh thiên, chứng đắc Niết Bàn. Đây là nói rộng, không nhất định chỉ nói đến người xuất gia. [Mục đích] là điều phục hạng chúng sanh làm ác.

Rất nhiều người trông thấy chùa miếu, hoặc là nghe thấy Phật pháp, họ trọn chẳng gia nhập đoàn thể Phật giáo, chẳng tin Phật, cũng chẳng phải là ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, tỳ-kheo, hay tỳ-kheo-ni. Còn loại Bồ Đặc Già La này có thể nghe Phật pháp, hoặc trông thấy chùa miếu, bèn gieo thiện căn cho họ, nhưng họ thấy giới luật của chúng ta, cảm thấy chẳng thể lãnh nhận được, cho nên chẳng dám gia nhập. Ta bèn nói với họ về phương diện tốt đẹp, để phương diện trị phạt sang một bên, [cho họ biết trong Phật pháp] còn có phương diện vun bồi phước, cũng chính là ba thứ luân đã nói trong phần trên (tu Định nghiệp, tập tụng, và doanh phước). Quan sát tội ác của họ lớn hay nhỏ, tội ác sai khác, để nói với họ về phương pháp đối trị, trừng phạt. Chẳng hạn như nói “sẽ đọa địa ngục”, chính là nói cho họ nghe phương pháp đối trị, trừng phạt. Nói họ sẽ thọ báo, sẽ bị đủ thứ bệnh. Đối với các quả báo ác ấy, trong tương lai, quý vị phải hứng chịu quả báo gì, đầy đều là hắc pháp. Các điều ấy được gọi là “*hắc thuyết, đại thuyết*”, nhưng phải xét xem những chúng sanh căn tánh kém hèn ấy tới mức độ nào!

(Kinh) Ngã dĩ diệu trí, tri chư hữu tình, cụ túc thành tựu tăng thượng tín kính, thuần tịnh ý nhạo, tùy kỳ sở ưng, vị thuyết chủng chủng thiện phẩm sai biệt, linh kỳ tu học, nãi chí linh bi nhất thiết thiện căn, giai đắc viên mãn, nhập vô úy thành. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ tam Phật Luân, do thử luân cố, tri chư hữu tình Bồ Đặc Già La, chủng chủng căn cơ, ý nhạo, tùy miên, cập dữ thắng giải, chư nghiệp pháp thọ, tùy kỳ sở ưng, lợi ích an lạc, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tội chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung,

chánh sư tử hống.

(經)我以妙智，知諸有情，具足成就增上信敬，純淨意樂，隨其所應，為說種種善品差別，令其修學，乃至令彼一切善根，皆得圓滿，入無畏城。善男子！我成如是第三佛輪，由此輪故，知諸有情補特伽羅，種種根機，意樂隨眠，及與勝解，諸業法受，隨其所應，利益安樂，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Ta do diệu trí biết các hữu tình thành tựu đầy đủ sự tín kính tăng thượng, ý thích thuần tịnh, theo đúng lẽ đáng nên mà nói các thứ thiện phẩm sai khác để họ tu học, cho đến khiến cho hết thấy các thiện căn đều được viên mãn, vào trong tòa thành vô úy. Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ ba như thế đó. Do luân này, biết các thứ căn cơ, ý thích, cùng với thắng giải, các nghiệp pháp nhận lãnh của các hữu tình Bồ Đặc Già La, theo đúng lẽ đáng nên mà lợi ích, an lạc, trụ trong an ổn, được chẳng kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta ở nơi địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, thực hiện sư tử hống giữa đại chúng).

Đây là khiến cho kẻ ấy có thể tăng thượng tín tâm. Đây là một loại trí huệ vi diệu của đức Phật, khiến cho các hữu tình tăng thêm cái tâm kính tín đối với Tam Bảo, khiến cho tâm ý của họ thanh tịnh, tâm chẳng tán loạn, nói cho họ biết các thứ thiện phẩm sai khác. Hành Thập Thiện, đừng sanh ác nghiệp, chớ nên nói dối, chớ nên nói bịa đặt, đừng nói những lời lẽ thù dật, đừng trộm cắp của người khác, chớ nên giết người. Hai điều ấy nhằm so sánh: Một đằng là thiện pháp luân, đằng kia là ác pháp luân. Thiện pháp luân có thể tăng thượng tín tâm của họ, chẳng nhất định [những người ấy phải thật sự] đến chỗ Phật. Trong phần trước, kinh văn nói “*lai chí ngã sở*” (đến chỗ của ta), nhưng trong thời đại hiện tại, hễ đến chỗ Tam Bảo thì cũng kể như là “*đến chỗ của Phật*”. Không nhất định phải đến đó để cầu xuất gia, mà là cầu thọ Tam Quy. Có những người thân cận Phật pháp, hoặc là đến Phật đường, chúng ta nói với họ về hai đường thiện và ác. Chuyện này cũng cần phải có nhân duyên. Có người ngay cả loại nhân duyên này cũng chẳng được thấy. Loại chúng sanh ấy chẳng có cách nào tăng trưởng thiện căn, do chẳng có loại nhân duyên này.

Hễ có loại nhân duyên này, sẽ dùng Phật Luân để chỉ dạy họ, khiến cho thiện căn của họ đạt đến viên mãn. Sau khi đã viên mãn, sẽ khiến cho họ chẳng còn sợ hãi. Hết thấy chúng sanh, sanh nhằm thời đại này, sanh nhằm thời đại Mạt Pháp, đều cảm thấy “không có nơi để trở về, không chốn nương thân”, kinh hoàng, sợ sệt. Chúng ta thấy rất nhiều người đang trong đời loạn, giữa cảnh chiến tranh loạn lạc, chúng ta khoan nói đến đao binh, ngay như trong lúc bị thiên tai như nạn châu chấu hoặc lũ lụt, họ chẳng có cái ăn, rất khó duy trì mạng sống, thậm chí còn bị mất mạng! Khi ấy, quý vị nói với họ mười thiện pháp: “Vì sao quý vị cảm lấy cái quả ấy? Đó là vì trong quá khứ, quý vị chẳng gieo nhân lành. Hãy đừng gieo nhân nữa, tức là hiện thời, quý vị đừng làm ác nữa. Muốn chuyển biến cái quả sẽ rất khó khăn. Quý vị có thể tạo cái nhân cho vị lai, hãy gieo chủng tử mới, khiến cho các thiện căn khác viên mãn”. Lúc đức Phật chẳng tại thế, đệ tử Phật đại diện đức Phật.

Phàm là tứ chúng đệ tử, đều phải nên làm như vậy, khiến cho thiện căn của hết thấy chúng sanh đều được viên mãn. Những gì đức Phật đã nói là trong khi Ngài còn đang tại thế. Đức Phật thành tựu các thiện nam tử: “*Ta thành tựu Phật Luân thứ ba như thế*”. Nhưng đức Phật chẳng còn tại thế, hiện thời, vua Sát-đế-lợi rất ít, ngay của vua Sát-đế-lợi cũng chẳng có. Do vậy, minh quân xuất thế, quốc gia sẽ rất hưng thịnh, mưa gió đúng thời, chẳng có tai họa. Nếu quốc vương ấy rất ác, hình phạt rất nặng, quốc vương mong muốn tạo ác, các quốc sư phải khuyên nhủ hấn: “Hãy nên giảm hình phạt, đại xá. Giảm bớt các tội, [những kẻ phạm] các tội nhẹ đều thả ra”. Đây đều là ý nghĩa sám hối. Khi bậc thánh quân tại thế, quốc gia sẽ rất bình an, được vài chục năm bình an. Như thời Mãn Thanh tại Trung Hoa, triều Khang Hy là thịnh thế. Những vị minh quân gần như chiếm nửa thời gian trị vì của triều đại Mãn Thanh. Đời Càn Long, trong suốt sáu mươi năm, chẳng có chiến tranh, nhân dân sống rất bình an, chính nhà vua cũng rất hạnh phúc. Vua suốt ngày làm thơ, làm câu đối, tức là vui chơi. Quốc gia chẳng có tai hại gì, thiên tai lẫn nhân họa đều rất ít. Thời điểm đó chính là lúc thánh quân tại thế. Đời nhà Châu cũng đều là như vậy. Vì cứu vớt nhân dân mà [Châu Vũ Vương] phạt Trụ, tức là trừng phạt kẻ cai trị tàn bạo. Hiện thời, chẳng có vua Sát-đế-lợi, Phật cũng chẳng có, Phật cũng chẳng tại thế, nhưng pháp của tiên đế còn đó, nhân, nghĩa, lễ, trí, hiếu, đễ, trung, tín, cữ pháp trị quốc của tiên vương lại dọn ra. Phật pháp thường là như thế, Phật pháp của chư Phật đều là như thế.

Do luân này sẽ khiến cho căn cơ, ý nhạo, tùy miên, phiền não, và

thắng giải của các loại Bồ Đặc Già La, cũng như các nghiệp pháp mà họ lãnh nhận, “tùy kỳ sở ứng, lợi ích an lạc” (theo đúng lẽ đáng nên mà lợi ích, an lạc), tức là hết thảy nhân dân, hết thảy chúng sanh, đều được lợi lạc. “An ổn” là chẳng kinh sợ. Chẳng kinh sợ thì họ sẽ không sợ hãi. Đó chính là đức Phật tự xưng thuyết: “Ngã xử đại tiên tôn vị, chuyên u Phật Luân, tội chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống” (Ta ở nơi địa vị đại tiên tôn quý, chuyên Phật Luân, dẹp tan tà loạn của các thiên ma và ngoại đạo, ở giữa đại chúng thực hiện sư tử hống): Chẳng sợ hãi, phát khởi sư tử hống, toàn nói ra chánh pháp. “Sư tử hống” (師子吼, sư tử rống) là từ ngữ hình dung. Sư tử tôn quý nhất trong trăm thú. Sư tử rống lên, trăm loài thú nghe thấy đều nứt não! Đó là cách nói hình dung, chúng ta chớ nên quá mức chấp trước.

Khi tôi ở Bắc Kinh, có một vị đạo hữu đã hỏi tôi: “Kinh Phật nói sư tử hống dường như rất ghê gớm, nhưng sư phụ ơi! Sư tử trong sở thú rống lên vẫn chẳng được như vậy!” Trả lời người ấy như thế nào đây? Có những câu hỏi như thế đầu lăm! Tôi nói: “Sư tử có rống hay không? Tôi đã đến sở thú rất nhiều lần, vẫn chưa nghe thấy nó rống”. Ông ta nói đã từng nghe, cũng chẳng ra sao cả! Tôi nói: “Bây giờ nó bị nhốt trong lồng thì làm sao được? Ông thả nó ra thử coi. Phật giáo chúng ta dùng sư tử hống là cách nói hình dung, biểu thị đức Phật ở giữa đại chúng thuyết pháp có oai lực rất cường thịnh. Ông chẳng thể so sánh [thô thiển] như vậy. Ông so sánh như vậy là không đúng, đây là đức Phật tự nói”. Nếu chúng ta tự nói, sẽ chẳng dám đem súc sanh so với Phật. Sư tử là súc sanh mà!

Như các đại tướng hoặc nguyên soái trong quá khứ được gọi là “hổ tướng”, chúng ta luôn dùng hổ để sánh ví. Nếu quý vị nói [họ dũng mãnh] như hổ thì được, chứ nếu nói họ là súc sanh, chỉ sợ đã bị họ gỡ cái sợ mất rồi! Quốc vương đều là rồng, Trung Hoa thường vẽ rồng, rồng biểu thị sự tôn quý nhất. Thế nhưng rồng là súc sanh. Nếu quý vị trông thấy quốc vương, bèn nói “bệ hạ là súc sanh”, đầu của quý vị lập tức “dọn nhà” mất! Tôi nói: “Ông nói như vậy không được! Đó là cách nói tỷ dụ, là từ ngữ hình dung, nhằm hình dung oai lực của Phật, chớ nên đem chuyện này ra so đo. Hễ so đo sẽ trở thành khập khiễng!” Nếu quý vị nói đại nguyên soái oai vũ như hổ, ông ta sẽ cao hứng, cười không khép miệng! Do vậy, có khi chỗ nào cũng đều chấp trước, có rất nhiều chỗ biểu lộ chấp trước, tức là đã chấp chặt vào đó. Chẳng nói theo pháp nghĩa chính là mong tìm khuyết điểm trong từ ngữ.

Doanh phước (chăm lo tu phước), quý vị làm chuyện tốt, trông

thấy tăng nhân, đừng hủy báng, hãy coi họ như thân giáo sư, hãy coi họ như đại đức để cung kính họ, quý vị sẽ tích phước. Trong tâm quý vị cung kính là được rồi. Còn nữa, khi đọc tụng, trước hết, hãy dâng cúng một đóa hoa, một nén hương. Ở đây, tôi còn muốn bổ sung mấy câu; nếu không, sẽ có khuyết điểm. Có một vị đạo hữu đã hỏi tôi: “Con làm công nhân, mấy người cùng ở chung một chỗ. Con thật sự muốn niệm kinh, không thắp hương, không cắm hoa, trong tâm dường như khó chịu lắm. Cái nhà con đang ở chẳng thể thắp hương, chẳng thể cúng Phật, chỉ có một cái giường, con bày chỗ nào đây?” Tôi nói: “Được thôi! Ông trải khăn phủ lên cái giường đó, vải của cái gói đầu phải sạch sẽ một chút, đặt kính bôn lên đó rồi ông quán tưởng”. Nếu như niệm kinh Địa Tạng, ông quán tưởng Địa Tạng Bồ Tát đến đó, ngồi ngay trên đó. Lại quán tưởng dọn đồ từ công ty bách hóa hoặc siêu thị”. Ông ta nói: “Làm sao con dám?” Tôi nói: “Chẳng phải vậy! Ông dùng cái tâm để dọn, chứ ông không trả tiền mà đòi dọn thật thì làm sao được? Ông cái gì cũng đều chẳng có, dùng tâm để cúng là được rồi. Ông chấp tay, hoa cũng cúng, hương cũng cúng, thứ gì cũng đều có, sẽ có cảm giác đúng pháp. Ông mở kính bôn ra để niệm, như vậy thì chẳng sao hết. Người khác cho là ông đang xem sách, không đọc ra tiếng thì vẫn được”.

Lại còn có thể dùng cách Kim Cang Trì để niệm kinh. Kim Cang Trì là gì? Chính mình niệm, chính mình nghe. Quý vị chỉ cần động đầu lưỡi, tai nghe được, chính mình nghe thấy, chứ người khác không nghe. Kiểu ấy gọi là Kim Cang Trì, tức là cách tụng niệm thầm. Đây gọi là “chẳng chấp trước”, đừng vì hình thức mà chậm trễ chánh hạnh của quý vị. Đó gọi là phương tiện thiện xảo, là phương tiện chánh hạnh. Niệm như thế xong là được, chẳng thể lạy thì lạy trong tâm là được! Nhà cửa chật hẹp như vậy, giường tầng thì quý vị lạy sao được? Tôi ở trong tù, ngay cả dập đầu lễ cũng không được, bèn lạy trong tâm, cai tù không biết. Khi quý vị [lạy thầm trong tâm], chẳng chấp tay cũng không sao, chẳng cần để người khác nhìn thấy hình thức bề ngoài. Trong tâm quý vị thanh tịnh, nội tâm làm công đức là được rồi. Đó gọi là trí phương tiện thiện xảo.

Quý vị chớ nên chấp trước, chuyện muốn làm hãy đạt tới mục đích là được rồi. Nếu kinh gì cũng chẳng thể niệm, niệm Phật có thể bao gồm trọn hết. Niệm thánh hiệu có thể bao gồm trọn hết. Quý vị ngồi đó, hương, hoa đều đã cúng dường xong. Đại nguyện thứ ba của Phổ Hiền Bồ Tát là “*quảng tu cúng dường*”, quý vị đã cúng dường trọn khắp, dọn hết những thứ từ các chỗ quý vị đã từng đến trên thế giới, không sao hết.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Quý vị cúng ở đó, cúng xong bèn niệm. Nếu chẳng thể bày kinh bôn ra, có thể nhớ rõ mười đại nguyện vương thì từ “*nhất giả, lễ kính chư Phật*” cho đến “*thập giả, phổ giai hồi hướng*”. Nếu như vậy mà cũng chẳng thể làm được thì niệm A Di Đà Phật cũng được! Chỉ cần quý vị chịu phát Bồ Đề tâm, quý vị nếu muốn gì, đều có thể làm được. Quý vị chẳng phát tâm, cứ viện cớ thoái thác! Nay Phật đường của chúng ta rất tốt, có người giảng kinh, thuyết pháp, quý vị cũng chẳng thềm đến nghe. Nhân duyên do chính mình sáng tạo, phước đức do chính mình tu. Tội nghiệp do chính mình làm, thiện căn do chính mình gieo.

Mọi người hãy nên học tập doanh phước như thế, học tập trì tụng như thế, học tập tu Định như thế. Nếu muốn đợi cho bốn duyên đều trọn đủ, sẽ phải chờ rất lâu! Cứ muốn chờ thứ gì cũng đều được chuẩn bị tốt đẹp, muốn chờ gió Đông thổi, vậy thì gió Đông sẽ vĩnh viễn chẳng thổi đến, mà cũng chẳng có Gia Cát Lượng tính toán. Quý vị tự mình sáng tạo Gia Cát Lượng là được rồi, tự mình làm như vậy là được! Chờ ư? Quý vị đừng nên chờ. Sanh mạng vô thường, chờ cái nỗi gì? Thật sự là chẳng có cách nào, niệm thánh hiệu cũng được, công đức bình đẳng, trong tâm quý vị nhất định phải bình đẳng. Trong Phật đường rất trang nghiêm, cứ cho là như vậy thì công đức mới lớn. Thật ra, ở nhà mà [chí tâm tu tập] như vậy thì cũng bình đẳng y hệt. Bất bình đẳng là do cái tâm của quý vị. Nếu quý vị dấy tâm phân biệt, đương nhiên là bất bình đẳng, sẽ khác hẳn. Tâm địa quý vị bình đẳng, có thể tôi luyện phiền não là được rồi. Lúc nào cũng đều chẳng sanh phiền não, người khác chửi bới, chọc tức quý vị cách nào đi nữa, quý vị vẫn chẳng nổi cáu, chẳng bốc hỏa, họ sẽ chẳng có cách nào hết. Khi mọi người tập tụng, đọc tụng, những yêu cầu tôi đã nói trên đây rất nghiêm ngặt, quý vị nghe tôi nói như vậy, bèn kêu ca: “Con không đủ điều kiện, con đọc không được!” Như vậy là tôi đã tạo tội rồi, cho nên sau đó, phải giải thích đôi chút. Chỉ cần quý vị làm được là tốt rồi. Làm nhiều không được, làm ít cũng không thể, vậy thì niệm một câu Phật hiệu. Mỗi ngày niệm mười tiếng cũng đủ rồi, chỉ xem quý vị niệm mười tiếng ấy như thế nào!

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán danh đại vương, tri tự quốc độ, hữu vô lượng hữu tình Bồ Đặc Già La, quy y chủng chủng tà thần, ngoại đạo, khởi u tà tín, cập khởi tà kiến, học tà cầm giới, chấp trước, tu trị tà cát hung tướng, cụ thọ chủng chủng vô lợi ích khô. Đại vương tri dĩ, số số triệu tập, dĩ kỳ tiên vương trị quốc chánh pháp, khai ngộ, thị hiện, giáo tập, giới sắc, linh kỳ xả trừ đảo tín, đảo

kiến, tu học tiên vương chánh trực cự pháp, linh tự quốc độ nhất thiết hữu tình, nhất thú, nhất quy, nhất ý, nhất dục, nhất thiết hòa hợp, đồng y tiên vương chánh pháp nhi chuyển, thỉnh thọ chiếu mạng, tùy thuận phụng hành, suất độ hòa đồng, tác sở ưng tác. Thời, Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, thường dữ quần thần sở sở tập hội, cộng vị gia hào, thọ chư khoái lạc, hy hý du hành, bất tương sai nhị, hàm cộng trừ tư, lý chư vương vụ. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ tứ vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(*經*)善男子！如剎帝利灌頂大王，知自國土，有無量有情補特伽羅，歸依種種邪神外道，起於邪信，及起邪見，學邪禁戒執著，修治邪吉凶相，具受種種無利益苦。大王知己，數數召集，以其先王治國正法，開悟示現教習誠教，令其舍除倒信倒見，修學先王正直舊法，令自國土一切有情，一趣、一歸、一意、一欲，一切和合，同依先王正法，而轉聽受詔命，隨順奉行，率土和同，作所應作。時，剎帝利灌頂大王，常與群臣數數集會，共味嘉饈，受諸快樂，嬉戲遊行，不相猜貳，咸共疇諮，理諸王務。善男子！剎帝利種灌頂大王，成就如是第四王輪。由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Như đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh, biết trong cõi nước của mình có vô lượng hữu tình Bồ Đặc Già La quy y các thứ tà thần, ngoại đạo, dấy lên tà tín và dấy tà kiến, học theo giới cấm tà vạy, chấp trước chuyện tu tập, đối trị các tướng cát hung tà vạy, thọ trọn đủ các thứ khổ chẳng có lợi ích. Đại vương đã biết, bèn nhiều lượt triệu tập, dùng chánh pháp trị quốc của tiên vương để khai ngộ, thị hiện, dạy bảo, răn đe, khiến cho họ trừ bỏ niềm tin điên đảo và kiến giải điên đảo, tu học pháp cũ chánh trực của tiên vương, khiến cho hết thấy hữu tình trong đất nước của mình đều hướng theo một lối, quay về một lối, một ý, một mong ước, hết thấy hòa hợp, cùng nương theo chánh pháp của tiên vương để vận dụng, nghe nhận chiếu chỉ, mạng lệnh, tùy thuận vâng làm theo. Cả nước hòa đồng, làm chuyện đáng nên*

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

làm. Khi ấy, đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh thường cùng với các vị quân thần nhiều lần tụ họp, cùng nếm các món ăn ngon, hưởng các sự vui sướng, vui thú du hành, chẳng nghi kỵ nhau, đều cùng nhau mưu tính, xử lý việc nước. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ tư như vậy. Do vì luân ấy, khiến cho cõi nước của mình tăng thêm yên vui, có thể hàng phục hết thảy các oán địch và bạn ác, khéo giữ gìn cái thân, tăng trưởng thọ mạng).

Phần này giống như các phần trước, nói vương luân trước, rồi nói đến Phật Luân. Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh biết hết thảy chúng sanh Bồ Đặc Già La trong cõi nước của chính mình, cũng tức là hết thảy chúng sanh trong nước của ông ta. Bồ Đặc Già La chúng sanh, đại khái có mười loại. Một loại là Bồ Đặc Già La chẳng gieo thiện căn, trong quá khứ chẳng có thiện căn, hiện tại lại chẳng tu phước nghiệp, cũng có nghĩa là chẳng tu thiện nghiệp. Hơn nữa, các nghiệp họ đã tu đều là liên tục tạp nhiễm. Một loại khác là những kẻ chẳng gặp gỡ bạn lành, toàn chung đụng bạn ác. Cả nước ấy đều là chúng sanh kiểu đó. Đồng thời, họ làm chuyện xấu, chẳng sợ hãi hậu quả. Dầu trong tương lai phải chịu quả báo trong tam đồ, họ đều chẳng sợ hậu quả. Tham, sân, si hết sức mạnh mẽ, vì tâm họ đã mê loạn, chấp chặt tà kiến. Nói đại khái thì có mười loại tình huống. Loại Bồ Đặc Già La quy y tà giáo, tức là tà thần, ngoại đạo chẳng chánh đáng. Có các loại tà thần, ngoại đạo chẳng gây ra chuyện ác rất lớn; ở đây là nói tới loại tạo ác.

Nêu một thí dụ như cúng tế quỷ tiên, nịnh nọt quỷ thần, giết các chúng sanh để cúng dường quỷ thần, cho rằng đây mới là cầu phước. Thật ra, làm như vậy, không chỉ chẳng cầu được phước, mà ngược lại, còn gieo rất nhiều khổ quả trong vị lai. Đó gọi là “tà tín ngưỡng”. Thậm chí, tôi thấy những thầy phong thủy cũng là “tà tín ngưỡng”! Họ nói tòa nhà này của quý vị tốt hay xấu, nói cát, hung, họa, phước. Nói theo Phật giáo, những điều ấy đều là tà tri, tà kiến. “Tà cảm giới”: Ấn Độ có rất nhiều ngoại đạo. Từ Ấn Độ, lại truyền sang Trung Hoa rất nhiều thứ ngoại đạo, hoặc là không ăn dầu, có kẻ chẳng ăn muối. Nói theo đất Trung Hoa thì không hề có chuyện thờ chó hay thờ bò. Tại Ấn Độ, có một cách nói như sau: “Con bò này đã đắc thần thông”. Họ thấy một con bò về sau được sanh lên trời, [chẳng nhận biết con bò được sanh thiên] là vì nó có công đối với con người, bèn sùng tín con bò ấy. Tôi

vừa mới qua Gia Nhĩ Các Đáp (Calcutta) của Ấn Độ, tản bộ trên đường phố. Ở trên khá nhiều con đường, tôi thấy bò đều rất to, rất mập. Đầu chúng nó đeo kín những thứ trang sức xanh xanh, đỏ đỏ. Tôi thấy những người lái xe hề thấy con bò, ngay lập tức ngừng xe lại, chờ con bò lững thững đi qua xong mới lái xe tiếp trên con đường đó. Con bò ấy cũng rất thông minh, nó đi trên con đường đó, chẳng đi sang phố khác, vì [người ở] con đường ấy đều tin thờ nó. Loại tín ngưỡng ấy được gọi là “*tà cảm giới*”. Còn có người đốt một đồng lửa. Bà-la-môn thờ lửa như thế đó. Mọi người vây quanh sụp lạy, lạy xong lại niệm chú ngữ và kinh điển của họ. Những điều ấy được gọi là “*tà cảm giới*”.

Có khi [các thứ ngoại đạo ấy] cũng rất giống Phật giáo. Họ nói: “Các vị là người xuất gia sống nơi mộ địa, ở ngoài đồng hoang, chúng tôi còn khổ hơn quý vị”. Còn có một loại người, ngủ trên bàn chông. Họ cũng ngủ ngoài đồng hoang, [tự khoe] “ta khổ hạnh hơn quý vị, sẽ thành đạo lớn hơn quý vị”. Đó gọi là “*tà kiến*”. Tu khổ hạnh thành đạo, hoàn toàn chẳng phải là thành tựu như vậy! Hễ có các thứ khổ sở vô ích, vị vua quán đánh Sát-đế-lợi thấy tình huống ấy, thường triệu tập các vị đại thần trong triều, và các nhân sĩ nổi danh trong nước, cùng nghiên cứu chánh pháp trị quốc của các vị tiên vương xưa kia để nhân dân cả nước học tập. Nếu có kẻ nào quấy rối tà vạy, sẽ chế tài họ: Nhẹ tội thì xử phạt, giáo dục; kẻ tội nặng có thể bị tống giam. Chẳng hạn như có rất nhiều kẻ tà tri, tà kiến, có đôi khi chúng nó sẽ hại người trong nước.

Chuyện xảy ra vào năm mươi năm trước, tức năm 1940, khi tôi đến Calcutta của Ấn Độ, nghe họ bảo: “Thầy đi đường tại Calcutta, phải cẩn thận đôi chút, đừng có đi một mình. Họ thấy thầy là người ngoài tới đây, lại chẳng hiểu ngôn ngữ, sẽ bức hại thầy. Họ bắt thầy vô phòng tối, đem thầy vô đó, chặt chân tay để cúng thần. Tròng mắt thì lại để cúng thần chi đó, còn bộ phận sinh dục thì cúng thần chi đó. Chân thì dùng để cúng thần chi đó”. Đây là tà tri đảo kiến. Nếu quốc gia chẳng ngăn chặn những chuyện ấy, pháp luật của quốc vương chẳng cấm đoán, chuyện ấy chẳng biết sẽ đến mức độ nào nữa! Đây là tà tri, tà kiến. Kiểu tà tri, tà kiến này ở Trung Hoa cũng rất nhiều!

Chánh pháp của tiên vương là thuở đầu khi mới kiến lập quốc gia ấy, tổ tiên đều rất từ bi. Pháp lệnh của quốc gia chính là đạo đức của họ. Trước kia, chúng ta cũng thường nghiên cứu luân lý, đạo đức, hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ của quốc gia. Xưa kia, rất nghiên cứu các môn đạo đức ấy. Thuở bé, tôi còn phải học. Tới khi tôi học trung học, chẳng còn nữa. Hiện thời, chẳng có ai nói đến luân lý, đạo đức! Chúng

tôi cũng chẳng phải là kẻ sùng cổ. Quá khứ cũng có điều tốt, mà hiện tại cũng có điều tốt. Những cái gọi là “*tiến bộ, cải cách*” thì phải sửa đổi những điều bất hảo trong quá khứ, sửa trừ những thứ cũ kỹ có hại cho nhân dân, mới đáng gọi là “*cải cách*”. Hiện thời, chỉ sợ đều chẳng được như thế, sửa đổi toàn bộ những điều tốt đẹp trong quá khứ do thời đại bất đồng, chúng ta thường nghe nói những lời lẽ ấy. Cải cách mà “*giết, trộm, dâm, dối*” hoành hành chẳng bị ngăn trở! Trong quá khứ, dân số cũng ít ỏi, nếu bị giết hại như vậy, chỉ sợ là dân số sẽ bị giảm thiểu, chẳng đáng bị chết mà chết mất. Đây là tà đảo kiến (邪倒見, tri kiến tà vạy, điên đảo). Nghiên cứu chánh pháp là nghiên cứu những điều đã được thi hành từ quá khứ xưa kia, nghiên cứu chánh trị luật pháp do tiên vương đã áp dụng trong quá khứ. Mọi người sau khi đã nghiên cứu, nhất trí tuân theo chánh pháp của tiên vương. Nếu kẻ nào không nghe theo, tức là trái nghịch chiếu mạng của hoàng đế. Hoàng đế chế định tân pháp, truyền cho hết thầy thần dân trong nước đều làm theo như vậy. Làm những gì họ đáng nên làm; chuyện chẳng nên làm, sẽ chẳng được phép làm. Vị vua quán đánh Sát-đế-lợi ấy thường tụ họp với quần chúng, thảo luận các vấn đề ấy. Quốc thái dân an, mọi người được hưởng thụ, trọn chẳng phải như trong hiện thời: Dùng của công để mời khách, biếu quà! Vì thế, mọi người cùng nhau chèn chén, khoái hoạt, hưởng thụ vui sướng, khoan khoái vui chơi. Đôi bên chẳng nghi kỵ nhau, đối với đất nước chẳng có hai lòng, chẳng ngờ vực, chẳng đố kỵ nhau, nhất tâm nhất ý cùng nhau mưu tính mong xử lý việc nước vẹn toàn. Đây là vua quán đánh Sát-đế-lợi thành tựu vương luân thứ tư, dùng điều này để hiển thị chánh luân của đức Phật.

Do vị quốc vương định ra các pháp luật mà khiến cho quốc độ ấy tăng trưởng an lạc, có thể khiến cho hết thầy oán địch và bạn ác đều bị hàng phục. Do vậy, có thể khéo thủ hộ thân mình. Chữ Thân (身) hàm nghĩa mỗi người dân đều có thể bảo vệ chính mình, mà cũng có thể yêu thương, che chở người khác. Như vậy thì mới có thể tăng trưởng thọ mạng, tích phước, tăng thọ, cho đến chẳng thương tổn kẻ khác. Đó là luân thứ tư của quốc vương.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai thành tựu thiện xảo tri thắng giải trí, kiến chư thế gian chúng chủng tà quy, tà kiến, tà ý, nhạo trước tà pháp, hành tà nghiệp hạnh. Do thị nhân duyên, thọ vô lượng khổ. Như Lai kiến dĩ, số số triệu tập, v đại chúng tiền, dĩ kỳ quá khứ chư Phật Thế Tôn Tam Bảo chúng tánh nhân quả, lục chủng Ba

La Mật Đa, Du Già y nhân, tam luật nghi đấng, chư nhân quả pháp, khai ngộ, thị hiện, khánh ủy, giới sắc nhất thiết chúng hội, linh kỳ giải thoát chư điền đảo kiến, kiến lập chánh kiến, an trí Thập Thiện chánh trực cự đạo, cộng chư hữu tình số số đồng tu pháp tùy, pháp hạnh, phương tiện dẫn nhiếp nhân quả đấng lưu. Vị chư hữu tình, tứ chúng hòa hợp, đồng tu nhất thiết thù thắng thiện hạnh, tiện cộng du hý tứ chủng Niệm Trụ, u tam-ma-địa giải thoát tri kiến, chư đạo phẩm trung, hoan ngu thọ lạc, vị linh thánh giáo cứu trụ thế cố, thiệu Tam Bảo chủng bất đoạn tuyệt cố, tiện cộng du hý Tứ Chánh Cần, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đẳng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi. Ư kỳ chủng chủng thắng tam-ma-địa giải thoát tri kiến chư đạo phẩm trung, hoan ngu thọ lạc. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ tử Phật Luân. Do thử luân cố, tri chư hữu tình Bồ Đặc Già La, chủng chủng thắng giải, quy thú, ý nhạo, chư nghiệp pháp thọ, tùy kỳ sở ưng, lợi ích an lạc, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tồ chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống.

(經)善男子！如是如來成就善巧知勝解智，見諸世間種種邪歸、邪見、邪意，樂著邪法，行邪業行。由是因緣，受無量苦。如來見已，數數召集，於大眾前，以其過去諸佛世尊三寶種姓因果，六種波羅蜜多，瑜伽依因，三律儀等，諸因果法，開悟、示現、慶慰、誠教一切眾會，令其解脫諸顛倒見，建立正見，安置十善正直舊道，共諸有情數數同修法隨法行，方便引攝因果等流。為諸有情，四眾和合，同修一切殊勝善行，便共遊戲四種念住，於三摩地解脫智見，諸道品中，歡娛受樂，為令聖教久住世故，紹三寶種不斷絕故，便共遊戲四正勤、四神足、五根、五力、七等覺支、八聖道支。於其種種勝三摩地解脫智見諸道品中，歡娛受樂。善男子！我成如是第四佛輪。由此輪故，知諸有情補特伽羅，種種勝解、歸趣、意樂、諸業法受，隨其所應，利益安樂，得安穩住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

(Kinh: Này thiện nam tử! Như Lai thành tựu trí biết thắng giải hay khéo như thế, thấy các thứ tà quy, tà kiến, tà ý, ưa thích tà pháp, hành hạnh tà nghiệp trong các thế gian. Do nhân duyên ấy, [chúng sanh] chịu vô lượng khổ. Như Lai thấy rồi bèn nhiều lượt triệu tập, đối trước đại chúng, dùng chuông tánh, nhân quả Tam Bảo của chư Phật Thế Tôn trong quá khứ, sáu loại Ba La Mật Đa, ba loại luật nghi nương theo cái nhân của Du Già v.v... các pháp nhân quả để khai ngộ thị hiện, an ủi khiến cho hoan hỷ, răn truyền hết thấy chúng hội, để họ thoát khỏi các tri kiến điên đảo, kiến lập chánh kiến, đặt vững đạo cũ Thập Thiện chánh trực, cùng với các hữu tình nhiều lượt cùng tu pháp tùy, pháp hạnh, dùng phương tiện để hướng dẫn, nhiếp thọ các thứ nhân quả, vì các hữu tình tứ chúng hòa hợp, cùng tu hết thấy hạnh lành thù thắng, liền cùng vui chơi trong bốn loại Niệm Trụ, hoan hỷ vui sướng trong các đạo phẩm chánh định, tri kiến giải thoát, vì để cho thánh giáo được tồn tại lâu dài trên thế gian, vì nối tiếp chuông tánh Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt, bèn dạo chơi trong Tứ Chánh Cần, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Đăng Giác Chi, Bát Thánh Đạo Chi, hoan hỷ vui thỏa trong các loại đạo phẩm, chánh định thù thắng, và tri kiến giải thoát. Này thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ tư như thế. Do vì luân này, biết các thứ kiến giải thù thắng, sự quy hướng, các sự yêu thích, các nghiệp pháp nhận lãnh của các hữu tình Bồ Đề Già La, tùy theo lẽ đáng nên mà lợi ích, an lạc, được trụ an ổn, được không kinh hoảng, được không sợ hãi, tự xưng “ta đã ở nơi địa vị đại tiên tôn quý”, chuyên Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng mà thực hiện sự tử hống).

Đây là Phật Luân thứ tư của đức Phật. Hiện thời, phần lớn đều là tà quy, tà kiến, ưa thích tà pháp, hành nghiệp hạnh tà. Công việc hiện thời do chính nhân dân tự mình lựa chọn. Nếu quý vị chọn nghề nghiệp không tốt, trong công việc ấy, đòi hỏi phải sát sanh, nhưng nghề nghiệp ấy hoàn toàn chẳng lừa gạt. Nghề nghiệp nào cũng đòi hỏi phải nói lời chân thật; bất quá, kẻ làm kinh doanh đều chẳng thể nói lời chân thật được! Tại Đại Lục, có những đạo hữu hỏi: “Không nói dối, sẽ chẳng có cách nào kinh doanh được!” Tôi đến Mỹ, thấy tình huống hoàn toàn chẳng phải là như vậy. Trong các siêu thị, trên quầy họ đề giá bao nhiêu tiền, sẽ bán bấy nhiêu tiền. Vì họ đề giá thật, chẳng cần có nhân viên phục vụ, họ cũng chẳng nói chuyện với quý vị. Do vậy, không nhất định phải nói dối! Lẽ đâu bắt buộc phải nói dối thì mới có thể kinh doanh

được! Tôi chỉ nêu ra một thí dụ như vậy. Đây là tà nghiệp. Tà nghiệp là làm tà hạnh, không nhất định phải làm như thế mà vẫn cứ làm!

Ngoài ra, nếu trong quá khứ, quý vị chẳng có phước báo lớn dường ấy, bất kể quý vị gạt gẫm cỡ nào, chèn ép như thế nào, mách khố lơ lửng cỡ nào đi nữa, kẻ như có cơ hội tước đoạt lọt vào tay, ngay lập tức sẽ thất bại. Kẻ cường đạo cướp đoạt, còn có cường đạo lợi hại hơn hẳn. Cường đạo cướp đoạt cường đạo, còn có cường đạo có thể lực to hơn nữa, chiến thắng quý vị! [Khăng khăng hành tà hạnh là do] chẳng biết mối quan hệ nhân duyên quả báo. Dù loại tà kiến, tà nghiệp, ưa thích chuyện tà pháp quá nhiều, hậu quả là quý vị nhất định phải hứng chịu vô lượng thống khổ. Quy y thân là tà quy, tri kiến bất chánh. Chúng ta đều có thể trông thấy đệ tử của họ hết sức đông đảo. Quý vị phải nói như thế nào đây? Đây chính là “*phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân*” (các phương pháp sẽ tụ tập theo từng loại, sự vật theo chia ra thành từng nhóm theo mỗi tánh chất riêng biệt). Nhân duyên kiểu đó chính là vì gã ma vương ấy muốn chuyển thế, bọn ma con, ma cháu của hắn sẽ theo hắn kéo đến, đương nhiên là tín phụng hắn, chúng nó chẳng tín phụng chánh giáo của quý vị!

Loại nào sẽ tín phụng theo loại ấy. Thuộc hạnh nào, nghiệp nào, sẽ kết giao những kẻ cùng hạnh, cùng nghiệp đó! Thương nhân sẽ chẳng qua lại, kết bằng hữu với kẻ làm chánh trị. Quý vị làm bạn với họ, nhất định sẽ gặp chuyện chẳng hay ho! Người ta nói: “*Giao quan cùng, giao thương phú*” (Chơi với quan sẽ nghèo mạt, chơi với thương nhân sẽ giàu). Muốn đánh quan tòa, chắc chắn sẽ bị khốn cùng. Đây là sự giáo hóa xưa cũ của Trung Hoa. Quý vị giao du với kẻ nào, chơi với kẻ ác hay với người lành, sẽ có mối quan hệ hết sức to lớn, như người Hoa đã nói: “*Cận châu giả xích, cận mạc giả hắc*” (Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen), hàm nghĩa như thế đó.

Đức Phật chỉ dạy các đệ tử phải chiếu theo nhân quả của chúng tánh Tam Bảo, các thứ giới luật, hoặc là dùng Lục Ba La Mật, tức là dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, ái hành, Tứ Nhiếp Pháp để giáo dục chúng sanh. Hoặc là nương theo tam luật nghi nơi nhân địa. Tam luật nghi là Tam Tụ Tịnh Giới, cũng tức là Nhiếp Thiện Pháp Giới, Nhiêu Ích Hữu Tình Giới, và Nhiếp Luật Nghi Giới. Ba thứ luật nghi ấy đều là pháp nhân quả. Thiện có thiện báo, ác có ác báo. “*Khai ngộ thị hiện*”: Có thể giảng chữ Ngộ là “*hiểu rõ*”. Sau khi đã hiểu rõ nhân quả báo ứng, sẽ khiến cho họ quy y Phật, quy y Pháp trong Tam Bảo, gieo chủng tánh thiện căn. Gieo nhân lành, sẽ đạt được quả lành. Hoặc là có cái

nhân tương ứng, thì sẽ có cái quả tương ứng. Dựa trên cái nhân để nghiệm chứng cái quả. Du Già có nghĩa là “*tương ứng*”, cũng có nghĩa là các pháp nhân quả thuộc ba loại luật nghi v.v... Đó gọi là “*nhân quả báo ứng*”. Khiến cho họ hiểu rõ đạo lý này. Có khi đức Phật lại an ủi chúng sanh, khiến cho họ vui mừng vì được an ủi, gieo phước điền nơi Tam Bảo, đời mai sau sẽ chẳng chịu khổ. Trong kinh Phật, có rất nhiều lời lẽ an ủi. Sau khi quý vị đã nghe pháp, đã quy y Phật, trong tương lai, sẽ hưởng đủ loại phước nghiệp, chẳng còn thọ khổ quả. Đây là những ngôn từ an ủi.

Tiếp đó là những ngôn từ răn truyền. Ngôn từ răn truyền chính là giới luật. Quý vị đã phạm giới, chẳng thể nào không đọa địa ngục, đọa vào ba ác đạo. Ngôn từ thuộc loại này rất nhiều. Đức Phật thường xuyên răn truyền các vị đại đệ tử làm thế nào để lợi ích chúng sanh, làm thế nào để tiêu trừ các tri kiến điên đảo của chúng sanh, khiến cho họ được giải thoát. Tri kiến giải thoát và tri kiến điên đảo, hai đằng hoàn toàn đối nghịch với nhau. Như thế nào thì mới có thể giải thoát? Quý vị phải kiến lập chánh tri, chánh kiến, đừng hành theo tà mạng. Vì để chính mình sống sót, mà kiến lập hạnh phúc của chính mình trên sự đau khổ của chúng sanh, chớ nên! Cho đến vì để chính mình sống thoải mái, nói chung là vì vật chất hữu hạn, bèn tranh đoạt. Có tranh đoạt hợp pháp và tranh đoạt bất hợp pháp. Có những thứ thuận theo nhân quả, đáng nên có thì sẽ có, chẳng đáng nên có thì sẽ chẳng thể đạt được! Chúng ta đồ công dộc sức, người ta sẽ đãi ngộ bằng tiền lương, đó là chuyện đáng nên có. Nếu đục khoét, trộm cắp, lường gạt người ta, đó là thứ chẳng đáng nên có. Mọi người đều biết chuyện đáng nên làm, chuyện chẳng nên làm, trong tâm họ tự biết rất rõ, nhưng vì lợi, hoặc vì danh, thầy kể chuyện nên làm hay chẳng nên làm, miễn sao ta có lợi để đổi lấy cái giả danh là được rồi! Biết rõ chuyện ấy chẳng thể làm mà cứ ương ngạnh muốn làm, biết rõ chuyện này đáng nên làm, nhưng chẳng có lợi ích gì cho ta, họ sẽ chẳng làm.

Khi ấy, đức Phật dạy bảo hết thầy chúng sanh, khiến cho họ có Thập Thiện, đó là đạo cũ chánh trực. Hết thầy chư Phật đều chỉ dạy như thế này: “Chớ nên giết, trộm, dâm, đừng nên tạo tham, sân, si, đừng nên nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác”. Đó là Thập Thiện Nghiệp, đó là chánh đạo, là cựu đạo. Cùng hết thầy hữu tình, hết thầy Bồ Đề Già La, nhiều lượt cùng tu pháp. Tu pháp gì, sẽ hành theo pháp đó. Chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp, sẽ hành theo Thập Thiện Nghiệp. Tu Lục Ba La Mật, sẽ hành theo pháp Lục Độ. Bồ thí chẳng đơn thuần là

vật chất. Chúng ta thường dùng vẻ mặt hoan hỷ đối đãi hết thảy chúng sanh, khiến chúng sanh trông thấy quý vị bèn hoan hỷ. Quý vị thấy Di Lạc Bồ Tát, Ngài ngồi đó tươi cười, Ngài bố thí hoan hỷ. Cho đến dùng Tài Bồ Thí, còn có cách thuyết pháp cho người khác, tức Pháp Bồ Thí, khuyên người khác làm chuyện tốt, đều là bố thí. Tôi chỉ nêu một thí dụ như vậy để nói.

Dầu sao, đây là phương tiện thiện xảo, dùng các pháp nhân quả ấy để hướng dẫn, nhiếp thọ, cũng tức là trong thiện ác nhân quả, sẽ có cạn và sâu. Sâu nhất là phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Đề đạo, cho đến quý vị sẽ tự nhiên chứng đắc thành Phật quả, điều ấy sâu lắm! Đối với những kẻ bình phàm, hoặc là khuyên người khác niệm Phật, khuyên người ta tin Phật, tin Phật thì có lợi ích gì? Miễn trừ tai nạn. Khuyên người khác coi trọng nhân quả một chút. Biết chúng ta khởi lên ý niệm xấu, trong tương lai, nhất định gặt hái quả báo xấu xa. Đây là nói theo hàng Bồ Tát. Nói theo bọn chúng sanh bình phàm, ắt cần phải có sự thật. [Phải nói với họ]: Làm chuyện ấy, sẽ thật sự tạo thành thương tổn; đây mới là trị tội. Đối với Bồ Tát thì khởi tâm động niệm là đã không được rồi, phải hiểu nhân quả ấy. Hàng đệ tử Phật chúng ta, tức tứ chúng đệ tử, hòa hợp cùng nhau tu hành thiện pháp.

Thiện pháp thù thắng nhất là phải phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, lợi ích chúng sanh, rộng độ chúng sanh. Phải cùng nhau tu hành thiện hạnh thù thắng, cùng nhau niệm Phật, đả Phật Thất, cùng nhau bái sám. Coi tu pháp thành thú vui, bốn loại Niệm Trụ, tức “*thân, thọ, tâm, pháp*”, vui chơi trong bốn loại Niệm Trụ ấy. Tam-ma-địa là Định. Tri kiến giải thoát có thể thành tựu Pháp Thân huệ mạng của quý vị. Cho đến đối với các đạo phàm, bao gồm rất nhiều thứ, như Tứ Chánh Cần, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo. Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Chỉ có tín tâm đối với Phật giáo thì vẫn chưa được, quý vị phải tinh tấn. Tấn là tinh tấn. Quý vị tinh tấn thì mới có thể đạt được điều tốt đẹp. Thường luôn nghĩ nhớ Tam Bảo, nghĩ tới pháp quý vị đang tu, chẳng xả chánh niệm. Quý vị một mực tu như vậy, giữ vững hơi thở ra vào, dần dần đắc Định. Do Định, có thể sanh ra Huệ, khởi quán chiếu. Ở trong Định, hàm chứa quán chiếu. Trong quán chiếu, hàm chứa Định, nhưng do quý vị tu đã lâu, sẽ có sức mạnh. Ngũ Căn và Ngũ Lực chính là sức mạnh ấy. Cho đến đối với các loại tam-ma-địa, sẽ chứng các loại Định, đắc các loại Huệ.

Đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: Do cái luân này, ta chẳng ở trong thế giới Sa Bà. Ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, tà

luận của hết thầy thiên ma và ngoại đạo đều bị phá hủy, giống như sư tử hồng. Đây là Phật Luân thứ tư. Trước tiên, nói về đủ thứ nguy hại trong thế gian, quốc vương xử lý như thế nào. Sau đó, đức Phật cũng dạy các đệ tử của Ngài đối trị các lỗi lầm, họa hoạn như thế nào.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, trị tự quốc độ, hoặc tha quốc độ, hữu vô lượng hữu tình Bồ Đặc Già La, u tỳ tài sắc, đam nhiễm vô yếm, u tha tài sắc, tham cầu truy ái, tức tiện an trí kiên cố thành, quách, thôn, phùng, thú la, quốc ấp, vương cung, quảng thuyết nãi chí xá-la, anh vũ, phòng thủ chúng cụ, linh vô tổn thất. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ ngũ vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ, tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如剎帝利灌頂大王，知自國土，或他國土，有無量有情補特伽羅，於自財色，耽染無厭，於他財色，貪求追愛，即便安置堅固城郭、村坊、戍邏、國邑、王宮，廣說乃至舍羅、鸚鵡，防守眾具，令無損失。善男子！剎帝利種灌頂大王，成就如是第五王輪。由此輪故，令自國土，增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Này thiện nam tử! Như đại vương quán đánh Sát-đế-lợi tự biết trong quốc độ của mình, hoặc quốc độ khác, có vô lượng hữu tình Bồ Đặc Già La đối với tài sắc của chính mình đắm nhiễm chẳng chán, đối với tài sắc của kẻ khác bèn tham cầu, theo đuổi, yêu mến, liền sắp đặt thành quách, thôn, phùng, tuần phòng nghiêm ngặt, [phòng vệ] quốc ấp, vương cung kiên cố, nói rộng thì cho đến đặt [các loài chim báo động] như xá-la, chim két, các vật dụng để phòng thủ, khiến cho chẳng bị tổn thất. Này thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ năm như thế. Do bởi luân ấy, khiến cho quốc độ của chính mình tăng trưởng yên vui, có thể hàng phục hết thầy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ thân, tăng thêm thọ mạng).

Những điều này đều nói về quốc vương. Thuở đức Phật tại thế, trước kia, hoàn toàn chẳng có dân chủ, [một đất nước] không thế nào

chẳng có quốc vương. Trong lịch sử đều là như vậy. Nếu một quốc gia chẳng có quốc vương, sẽ như bầy rồ không có thủ lãnh, loạn lạc ngay! Hiện thời, chúng ta là dân trị, pháp trị, chẳng phải là nhân trị. Dân trị là tuân theo pháp luật mà hành xử. Thời đại hiện tại chẳng giống thời đại thuở ấy, hiện thời loạn hay không, chúng ta cũng đều biết rất rõ ràng, nhưng chẳng có tư cách bình luận. Đức Phật nêu ra thí dụ, dựa trên hết thấy tình huống của thời Ngài đang sống. Hết thấy chúng sanh, đối với tài sắc của chính họ, “sắc” bao gồm các loại hưởng thụ, họ đắm nhiễm chẳng chán. Chử Đam (耽, đắm đuối) vốn là nói về một thứ độc, chúng sanh chẳng biết đó là độc, cứ tham luyến không bỏ được. Chính mình chẳng chịu xả, lại còn muốn bảo vệ, còn truy cầu những thứ thuộc về người khác. Do nguyên nhân này, nhà vua ắt cần phải bảo vệ quốc độ ấy, khiến cho cuộc sống của quốc dân an định. Hoặc là tu bổ tường thành cho kiên cố. Trong quá khứ, thành ấp đều được tu bổ như vậy. Thời đại ấy sử dụng đao thương. Nếu đắp tường thành cao hơn, dày hơn, đóng cửa thành lại, kẻ giặc chẳng thể vào được. Thôn làng cũng là như vậy.

Tôi nhớ thuở bé, sống trong một thôn xóm ở miền Đông Bắc Trung Hoa, đắp bốn lô-cốt (blockhaus, blockhouse). Ở đó, hoặc là có tám mươi gia đình, hoặc là một gia đình cả trăm người. Bốn lô-cốt đều có đặt thổ pháo⁴⁰, vì thuở ấy, vùng Đông Bắc rất nhiều thổ phi. Thổ phi tấn công, tường thành rất dày, [người trong lô-cốt] sẽ bắn súng từ trên xuống. Họ gọi chỗ ấy là Hưởng Dao (響窯)⁴¹, thôn ấy được gọi là Hưởng Dao, biểu thị trong ấy có thuốc nổ, có súng đạn, đại pháo. Thổ phi muốn cướp thôn ấy, ắt phải tập hợp rất nhiều người. Trước hết, dùng thổ pháo công phá tòa thành ấy rồi mới có thể tiến vào. Mỗi quốc gia xưa kia đều là như thế. Nếu quý vị đi qua, [sẽ thấy] mỗi thành thị có tường thành đắp dày như thế. Thậm chí như Tần Thủy Hoàng mong bảo vệ đất nước của mình bèn xây Vạn Lý Trường Thành. Vạn Lý Trường Thành dùng để ngăn chặn quân Hung Nô từ phương Bắc. Thuở ấy, nếu có tường thành bảo vệ sẽ rất tốt, thậm chí mỗi thôn trấn, mỗi thôn làng, cũng đều phải bảo vệ.

⁴⁰ Thổ pháo (土炮) là loại súng “thần công” kiểu xưa, tức loại đại bác sử dụng từ thời Trung Cổ, nòng súng đúc bằng gang đặc, phải dùng dây ngòi để đốt thuốc súng, bắn ra đạn gang, có tác dụng công phá thành lũy, chưa sử dụng các loại đạn nổ tung văng miếng gậy sát thương nặng nề như các loại pháo cối sau này.

⁴¹ Hưởng Dao là cách kiến trúc phổ biến tại vùng Quan Đông dành cho các gia trang hoặc thôn ấp lớn. Chung quanh xây thành cao và dày, bốn phía đặt lầu canh để gia đình bắn súng, tên nỏ, phòng ngự khi giặc cướp, thổ phi tấn công.

“*Vương cung*”: Mọi người đến thăm thành Bắc Kinh, [sẽ thấy có] ngoại thành, nội thành, còn có một tòa Tử Cấm Thành. Chúng ta đến thăm Tử Cấm Thành tại Cố Cung Bắc Kinh, [nếu] đóng chặt cửa, quý vị sẽ chẳng vào được. Hiện thời, có phi cơ trực thăng bay thẳng vào, thả bộ binh xuống, sẽ chiếm được ngay. Thời đại bất đồng, thiết bị cũng khác. Đây là nói theo ý nghĩa “*phòng hộ*”.

“*Xá-la, anh vũ*”: Con vẹt (két) trống gọi là Xá-la (Sāra), két mái gọi là Xá-lợi. Chim mái gọi là Xá-lợi (Sārikā), chim trống kêu là Xá-la. Xá La chuyên môn bảo vệ chim mái, nó làm nhiệm vụ ấy. Mọi người thấy chim nhận, nhận sợ bị lẻ loi. Một mai bị lẻ bạn, nó sẽ nghĩ đến chuyện tự sát. Vì sao? Cô đơn. Nếu bày nhận đáp xuống, con nhận lẻ bạn phải tuần phòng. Trong bày nhận, thường có nhận lẻ bạn. Người săn nhận sẽ bắt con nhận lẻ bạn trước. Nó bị bắt, sẽ không kêu nữa. Con nhận lẻ bạn không kêu nữa, hẳn có thể bắt được rất nhiều nhận, vì những con nhận khác đều đang ngủ.

Tôi ở Tây Tạng, thấy Tây Tạng có rất nhiều đàn bò Yak (mao ngưu, 犛牛) được bảo vệ. Quý vị thấy thông thường bò sợ sói, sợ báo, và cũng sợ cọp. Nhưng trong đàn bò, sẽ có một hai con đầu đàn, được gọi là “*đầu ngưu*” (頭牛, bò đầu đàn). Hễ đến tối, chúng nó sẽ ăn đặc biệt ngon, cũng chẳng cần phải ra ngoài gặm cỏ. Chủ nhân luôn cho nó ăn tầm ba (tsampa)⁴². Chủ nhân ăn gì, bèn cho nó ăn thứ đó. Thậm chí, nấu thức ăn cho nó. Nó sẽ làm gì? Tối buổi tối, chủ nhân đi ngủ, thả chó ra, chó sẽ phối hợp với bò đầu đàn. Con bò đầu đàn đi lại, đi quanh đàn bò vài vòng. Bò sợ con bò đầu đàn; nếu chủ mục trường đích thân chặn bò, bò vẫn chạy lộn xộn. Nhưng con bò đầu đàn đi quanh vài vòng, đàn bò đều nằm phục xuống, chẳng dám động đậy. Nó bèn tuần tra, xem có sói hay báo hay không? Bò đầu đàn phát huy tác dụng ấy. Tôi nêu thí dụ này, [nhằm chứng tỏ] ngay cả súc sanh hay phi cầm đều cần được bảo vệ, huống hồ nhân loại ư? Hiện thời, loài người trí huệ phức tạp, chẳng

⁴² Tầm ba (tsampa) là bột lúa đại mạch (barley) rang chín, đôi khi trộn lẫn với bột mì. Khi ăn trộn với trà bơ (nước trà cho bơ và muối vào) nắm thành từng vát để ăn. Đôi khi, người khá giả có thể cho nhiều trà để trộn thành một loại cháo sền sệt, hoặc thêm mật ong, hoặc sữa và Chhaang (một loại bia của Tây Tạng). Tsampa được coi là lương thực chính yếu của người Tây Tạng. Họ cũng dùng Tsampa hòa nước, ngào với mật hay đường, nặn thành từng khối to hình nón, gắn lên đó những mẫu trang trí nặn bằng bơ nhuộm nhiều màu sắc khác nhau, tạo hình thành hoa lá, chim muông, các biểu tượng trong Phật giáo như hoa sen, ngọc như ý, ngà voi, bánh xe pháp luân v.v... và gọi đó là Torma để cúng dường trên bàn thờ Phật và các thần linh.

giống như quá khứ, có hỏa tiễn cùng máy bay chiến đấu. Lại còn từ biên tấn công, từ trên lục địa bay tới, quá nhiều. Hiện thời, so với trước kia lại càng khác biệt. Đây là hàng phục hết thầy oán địch, bảo vệ tánh mạng và tài sản của bản thân và gia đình.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai thành tựu thiện xảo tri chư tánh trí, tri chư ác ma, cập cứu thập ngũ chúng tà ngoại đạo, tịnh dư vô lượng chúng ma ngoại đạo sở hoặc hữu tình. Ư tự tài sắc, đam nhiễm vô yếm, u tha tài sắc, tham cầu, truy ái, u ngã tự thân, cập ngũ đồ chúng, thâm sanh tăng tật, vi hại ngã cố, giả thiết trần soạn, tạp dĩ độc dược, ám trí hỏa khanh, nguy phu sàng tòa, hoặc thôi sơn thạch, hoặc phóng cuồng tượng, bạt kiếm truy trực, tán bột trần uế, báng hành dâm dục, hủy thị bất nam, hoặc vị phi nhân, hoặc ngôn huyền hóa, dĩ thị chư ác nhi tương phỉ hủy.

(經)善男子！如是如來成就善巧知諸性智，知諸惡魔，及九十五眾邪外道，並餘無量眾魔外道所惑有情。於自財色，耽染無厭，於他財色，貪求追愛，於我自身，及我徒眾，深生憎嫉，為害我故，假設珍饌，雜以毒藥，闇置火坑，偽敷床座，或推山石，或放狂象，拔劍追逐，散塗塵穢，謗行淫慾，毀是不男，或謂非人，或言幻化，以是諸惡而相誹毀。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như Lai thành tựu trí thiện xảo biết các tánh như vậy, biết các ác ma, và chín mươi lăm loại tà, ngoại đạo, và vô lượng các ma, ngoại đạo mê hoặc hữu tình. Đối với tài sắc của chính mình, đắm nhiễm chẳng chán, đối với tài sắc của người khác bèn tham cầu, mê say theo đuổi. Họ đối với bản thân ta và đồ chúng của ta, sanh lòng ghen ghét sâu xa, vì muốn làm hại ta mà hoặc giả vờ bày các thức ăn ngon xen lẫn thuốc độc, ngầm bày hố lửa, giả vờ trải giường, tòa, hoặc là đẩy đá từ trên núi xuống, hoặc thả voi cuồng, rút gươm truy đuổi, vung rải bụi dơ, báng bả ta làm chuyện dâm dục, hủy báng ta chẳng phải là nam nhân, hoặc bảo chẳng phải là người, hoặc nói ta là huyền hóa, dùng các điều ác như thế để phỉ báng, hủy gièm).

Chúng sanh trong đời Mạt Pháp hiện thời đã bị danh lợi dụ dỗ, mê hoặc, lại còn bị ngoại cảnh dụ dỗ, mê hoặc, [cho nên] tham, sân, si trong nội tâm đặc biệt nghiêm trọng. Đối với tài sản của chính mình, họ sẽ bảo

vệ. Tài sản thuộc về lợi, họ phòng bị rất chu đáo, tham lam chẳng chán, nhưng lại muốn lừa gạt, tước đoạt tài sản của người khác. Một người chưa đủ, còn dây dưa đến mấy người! Hiện thời, chuyện kiểu ấy rất nhiều. Còn có kẻ theo đuổi tài sắc, nghi kỵ lẫn nhau. Hữu tình chúng sanh trong hiện thời, đặc biệt là đệ tử Phật, phải đối phó với ác ma như thế nào? Ngoại đạo dụ dỗ, mê hoặc không gì chẳng ngoài tài, sắc, lợi, hại. Đồng thời đối với bản thân chúng ta, thậm chí đối với đồ chúng của chúng ta, cũng là đây kia đều bất an. Ngoại đạo ganh tỵ đối với chánh đạo của đức Phật. Hiện thời, không chỉ là ngoại đạo ganh tỵ, mà là đệ tử Phật cũng đang ghen tỵ lẫn nhau. Do vậy, tứ chúng đệ tử chúng ta phải tán thán lẫn nhau, chớ nên công kích lẫn nhau, hay hủy báng lẫn nhau. Như vậy là không nên!

Họ lừa gạt quý vị, mời quý vị làm khách, quý vị phải cẩn thận, họ bỏ thuốc độc trong đó. Hoặc là đào hầm bẫy, tức bẫy rập để bắt dã thú. Mọi người nếu đến vùng núi sẽ biết. Như khi tôi ở miền Đông Bắc [Trung Hoa], họ sắp đi vào núi, dặn dò quý vị, đi đường phải cẩn thận: “Người thấy con đường này, thật ra, phía dưới là hầm bẫy, phía trên phủ cỏ. Dã thú chạy lên đó, sẽ sụp bẫy”. Còn có bẫy treo trên cây, dùng những sợi thừng to thô trói lại. Nếu quý vị giẫm phải, sẽ bị bắn trúng, hoặc treo ngược lên. Sau đó, sẽ có người tới bắt. Đây là cách bẫy dã thú. Có người đi lầm vào chỗ gài bẫy dã thú ấy, đại đa số là chỗ núi rừng rất hiểm người lui tới. Kinh Địa Tạng có nói: Nếu quý vị hoặc vì có việc, chẳng thể nào không tiến vào rừng núi, sợ chuốc phải nguy hiểm, hãy niệm thánh hiệu của ta cho nhiều. Đó là trường hợp hãm nhập loại nguy nan này.

Hoặc là họ mời mọc quý vị, trải giường tòa, đối với quý vị [giả vờ] rất cung kính, rất kính phục. “*Hoặc thôi sơn thạch, hoặc phóng cuồng tượng*” (Hoặc đẩy núi đá, hoặc thả voi cuồng): Tại Ấn Độ, còn có voi cuồng; ở nơi đây (Trung Hoa) chẳng có. Có đôi khi họ cho voi uống rượu khiến nó điên cuồng. Voi giẫm đạp quý vị, dùng vòi cuốn quý vị ném đi. Hoặc là dùng vũ khí, rút gươm, giương súng bức bách quý vị. “*Tán bột trần uế*” (Vung rải bụi nhơ) tức là vu hãm quý vị, dùng những lời lẽ vu cáo, hãm hại, tung tin đồn có hại. Quý vị rõ ràng là thanh tịnh, họ liền tung rải tin đồn.

“*Báng hành dâm dục*”: Hủy báng quý vị phá giới. Hoặc là hủy hoại quý vị, hoài nghi quý vị chẳng phải là nam nhân. Trong Phật giáo, có năm loại “*bất nam*”, chẳng phải nam mà cũng chẳng phải nữ. Nêu một thí dụ, như thái giám chẳng phải là nam nhân, đó là một loại. Trong

giới luật của kinh Phật, có nói năm loại bất nam⁴³. Họ hoặc là nửa nam nửa nữ: Ở với nam nhân, họ là nữ. Ở chung với nữ nhân, họ là nam. Loại này gọi là Biến Bất Nam. Chẳng thể thấu nhận hạng người như vậy xuất gia. Họ hủy báng người ấy, thấy người ấy có đạo đức, đồ chúng quy y rất đông, liền hủy báng người ấy, nói người ấy chẳng phải là người, mà là quỷ biến hiện, đừng nên tin người ấy. Đây đều là ngôn từ hủy báng.

(Kinh) U Phật, Pháp, Tăng, diệt khởi vô lượng chúng chúng phỉ báng, mạ ly, hủy nhục. U ngã cận trụ Thanh Văn đệ tử, tật đố nhân duyên, khởi chư hủy báng. Như Lai tri dĩ, thiện thủ lục căn, y tứ phạm trụ, cụ tứ biện tài, vị chư Thanh Văn, tuyên thuyết pháp yếu, an lập thanh tịnh tam giải thoát môn. Ngã dĩ như thị thể, xuất thế gian, tri chư tánh trí, như thật liễu tri nhất thiết chúng sanh, chúng chúng vô lượng chư tánh sai biệt, tùy kỳ sở ưng, vị tác nhiều ích.

(經)於佛法僧亦起無量種種誹謗罵詈毀辱。於我近住聲聞弟子，嫉妒因緣，起諸譏謗。如來知己，善守六根，依四梵住，具四辯才，為諸聲聞，宣說法要，安立清淨三解脫門。我以如是世出世間，知諸性智，如實了知一切眾生，種種無量諸性差別，隨其所應，為作饒益。

(Kinh: Đối với Phật, Pháp, Tăng, cũng dấy lên vô lượng các thứ phỉ báng, chửi bới, hủy nhục. Đối với các đệ tử Thanh Văn cận trụ của ta, vì nhân duyên ganh ghét, dấy lên các thứ hủy báng. Như Lai đã biết, bền khéo giữ gìn sáu căn, nương vào bốn phạm trụ, trọn đủ bốn môn biện tài, vì các Thanh Văn tuyên nói pháp yếu, an lập ba môn giải thoát

⁴³ Ngũ Bất Nam (Pañca Pandakāh), còn gọi là Ngũ Chúng Hoàng Môn. Theo luật Thập tụng gồm:

1. Sanh bất nam (Jāti-pandaka) tức là từ lúc sanh ra, không có nam căn, hay không có khả năng hành dâm.
2. Bất bất nam (Paksa-pandaka): Chỉ có thể hành dâm trong nửa tháng, nửa tháng sau hoàn toàn chẳng thể.
3. Đố bất năng nam (Īrsyā-pandaka): Thấy người khác hành dâm, do đố kỵ bèn sanh khởi dâm tâm.
4. Biến bất nam (Saktaprādurbhāvī-pandaka): Khi hành dâm, nam căn bị biến mất. Theo từ điển Phật Học của Đinh Phước Bảo thì giải thích giống như lão pháp sư đã nói.
5. Bệnh bất nam (Āpat-pandaka): Nhân vì thương tích hay bệnh tật mà cắt bỏ nam căn.

thanh tịnh. Ta dùng trí biết các tánh thế gian và xuất thế gian như thế, đúng như thật biết rõ vô lượng các loại tánh sai biệt của hết thảy các chúng sanh, tùy theo lẽ đáng nên mà tạo lợi ích cho họ).

Tiếp đó, đều là ngôn từ hủy báng. Dùng đủ loại ác sự hủy báng quý vị, hủy báng gì vậy? Hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Rõ ràng là chánh pháp, họ nói đây chẳng phải là chánh pháp, [pháp của họ] mới là chánh pháp. Hoặc quý vị trì giới, trì giới thanh tịnh, họ bày ra đủ trò gây khó dễ, thậm chí hủy báng quý vị, khiến cho quý vị chẳng thể sống yên ổn. Tình hình kiểu ấy, trong chốn chùa miếu cũng có, tứ chúng đệ tử đều có. Chúng ta phải có trí huệ, phải nhận biết hạng người ấy. Nói rộng hơn, [sẽ là] vô lượng các loại hủy báng, chửi bới, hủy nhục. Đó là nói rộng. Hoặc là đối với các vị đệ tử Thanh Văn cận trụ của ta, “*cận trụ*” (近住) là ở bên cạnh đức Phật, tức là Tăng chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị ở cạnh đức Phật. Do nhân duyên ganh tỵ, vì họ sanh lòng ganh tỵ, bèn sanh khởi hủy báng. Đây là chuyện chỉ có khi đức Phật tại thế, những vị ở cạnh đức Phật được gọi là “*cận sự đệ tử*”. Đức Phật nhập Niết Bàn thì chẳng có nữa. Chùa lớn có của cải rất lớn, thấy nhà chùa giàu có, họ cũng sanh khởi hủy báng, chuyện này rất nhiều. Đức Phật nhắc chúng ta hãy khéo bảo vệ sáu căn, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Khéo gìn giữ sáu căn, cũng là “*phòng ý như thành*” (ngăn ngừa ý như giữ thành trì), đặc biệt là ý thức, giống như là đắp tường thành để phòng bị nó, vì nó (ý thức) sẽ tùy thời, chẳng thuận theo quy củ, tùy thời phạm sai lầm.

“*Y Tứ Phạm Trụ*” (Nuơng cây Tứ Phạm Trụ): Tứ Phạm Trụ là thanh tịnh. “*Thanh tịnh*” là nói đến điều gì vậy? Tức là Tứ Vô Lượng Tâm, từ, bi, hỷ, xả. Y từ, bi, hỷ, xả mà trụ. Phải trọn đủ bốn thứ biện tài. Có biện tài thì mới có thể bảo vệ Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo thanh tịnh, biện luận cùng ngoại đạo. Khi các vị Ca Diếp Ma Đằng (Kāśyapa Mātanga) và Trúc Pháp Lan (Dharmaratna) vào Trung Hoa truyền pháp, Đạo giáo biện luận cùng họ, nói [Phật pháp] là tà pháp, [bởi lẽ], “chúng tộc bất đồng, quốc độ bất đồng. Họ tới Trung Hoa hoằng pháp, sẽ là tà đạo”. Hoàng đế nói “cũng chẳng có cách nào”, bèn đem kinh sách do Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đem đến, đặt trên một cái đài, đem kinh sách Đạo giáo đặt trên đài khác, châm lửa đốt. Kinh điển Đạo giáo đều bị thiêu hủy. Kinh do Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan mang đến thuở ấy là Tứ Thập Nhị Chương Kinh. Kinh Tứ Thập Nhị Chương tỏa quang minh, chẳng bị thiêu hủy. Khi ấy, mới kiến lập chùa miếu.

Tứ Biện Tài là biện tài vô ngại, pháp vô ngại, ý vô ngại, và từ vô ngại. Tư cách của một vị pháp sư chân chánh là trọn đủ Tứ Vô Ngại Biện. Một vị thánh tăng thật sự nếu chẳng có ngữ ngôn tam-muội, hoằng pháp sẽ chẳng thể đạt được lợi ích rộng lớn, chẳng thể gọi là bậc pháp sư toàn tài được. Khi đó, các vị đại đức Ấn Độ tới Trung Hoa chẳng bao lâu, bèn học hiểu tiếng Hoa, học thông suốt ngôn ngữ, văn tự, đạt được phương tiện lợi sanh. Như chúng tôi rất đáng hổ thẹn, chẳng có trí huệ ấy. Tới quốc độ của người khác, chẳng hiểu ngôn ngữ, chẳng biết phong tục và tập quán của người ta, làm sao phiên dịch kinh sách cho được? Một vị đại đức hay đại pháp sư thật sự, ắt cần phải có hạnh thanh tịnh, từ, bi, hỷ, xả trọn đủ, pháp, ý, từ, biện tài ắt cần phải trọn đủ, khéo thuyết pháp cho người khác. Đức Phật chỉ dạy đệ tử, biết các nhân duyên trên đây, tức là các thứ hủy báng đã nói trên đây. Ngài răn dạy đệ tử hãy khéo bảo vệ sáu căn, siêng năng chuyên ròng, đừng buông lung, hãy nên nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ, thường nghĩ đến vô thường, nghĩ đến vô ngã, nghĩ đến khổ. Tuyên nói pháp yếu như vậy cho các vị Thanh Văn, an lập ba môn giải thoát thanh tịnh.

Đức Phật đã biết các thứ ngoại đạo hủy báng như trên, liền răn dạy các đệ tử hãy khéo bảo vệ sáu căn, giữ gìn các căn môn cẩn thận. “*Căn môn*” (根門) tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, phải chiếu theo từ, bi, hỷ, xả để trụ, phải học tập trọn đủ bốn loại biện tài. Đức Phật vì các đệ tử, các vị Thanh Văn, tuyên nói pháp yếu. Nói chung, phải an lập ba môn giải thoát. Ba môn giải thoát chính là Không, Vô Tướng, và Vô Nguyện. Dưới đây đều là những lời đức Phật dạy.

“*Ngã dĩ như thị thể, xuất thể gian tri chư tánh trí*” (Ta dùng trí biết các tánh thể gian và xuất thể gian như thế): Ta biết tánh của pháp, biết bản thể của pháp, biết nhân duyên của pháp, biết quả báo của pháp. Có loại trí huệ ấy, sẽ đúng như thật mà biết rõ chúng sanh có vô lượng các thứ tánh sai biệt. Có thể nói tánh ấy là tánh tình, mỗi người có tánh tình khác nhau. Nói như vậy, hoàn toàn chẳng phải là nói theo “*tánh thể*” (性體, bản thể của tánh). Tánh thể chẳng có sai biệt. Tánh được nói ở đây sẽ là căn tánh thiện căn của họ, các loại căn tánh thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại. Mỗi người một tánh, cũng có nghĩa là thói quen trong cuộc sống của quý vị. Mỗi người có thói quen sanh hoạt riêng. Có khi họ tin Phật, quy y trở thành đệ tử Phật, vâng theo giới luật của đức Phật đã dạy, cùng sống với Tăng đoàn, hàng phục cá tánh của chính mình, chẳng dám phóng túng. Cùng sống với đại chúng tăng, chính mình đã là đệ tử của đức Phật, chẳng thể tùy hứng, chẳng thể mặc tình theo tánh tình của cá

nhân. Đức Phật biết các thứ cá tánh hoàn toàn bất đồng của hết thảy đệ tử cho đến hết thảy chúng sanh. Đức Phật ứng cơ, [nghĩa là] tùy thuộc quý vị thích gì, Ngài sẽ khai ngộ quý vị điều đó, sẽ dựa theo đó để chỉ dạy quý vị. Chúng ta chẳng biết, khi đức Phật giảng kinh, chẳng hạn như kinh Thập Luân, các chúng sanh tương ứng với pháp này sẽ đều tụ hội, đều nhóm đến, đều tán thán, tùy hỷ. Địa Tạng Bồ Tát rất ráo cảm được pháp hội này bèn đến dự, khi mọi người nhóm họp đông đủ, sẽ ứng theo căn cơ trong hội ấy mà thuyết các thứ pháp.

Hiện thời, tình hình thông thường là học một bộ kinh nào, sẽ thỉnh vấn bộ kinh ấy. Giống như chúng tôi ở Mân Nam Phật Học Viện, hoặc Trung Quốc Phật Học Viện, tôi chỉ giảng về Pháp Tướng, chỉ giảng về Ngũ Giáo, chỉ nói về Tứ Đế, những điều khác tôi không nói, căn cứ theo những gì họ đang học để công hiến. Đức Phật hoàn toàn chẳng phải là như vậy, đức Phật căn cứ trên căn cơ: “Quý vị cần gì, ta sẽ nói cho quý vị điều ấy”. Hiện thời, trái ngược hẳn, quý vị có phải là căn cơ ấy hay không, tôi mặc kệ, tôi chỉ nói điều này! Vì sao mong sanh vào thời có đức Phật tại thế? Vì dễ dàng khai ngộ, dễ dàng thành đạo, gieo thiện căn, cho nên muốn sanh nhằm thời có Phật xuất thế. Coi như chúng ta thuộc vào tám nạn. Một trong tám nạn là nhằm lúc chẳng có Phật xuất thế, đã sai khác rất nhiều. Lại còn có đủ loại tà tri, tà kiến quấy nhiễu, quý vị có thể giải thoát bằng cách nào đây? Chẳng giải thoát được! Cho nên đức Phật có thể đúng như thật mà biết rõ đủ loại cá tánh của chúng sanh, đủ loại sự khác biệt. “*Tùy kỳ sở ứng*” (Theo lẽ đáng nên), “*sở ứng*” (所應) là tùy thuận người ấy đáng nên dùng pháp gì để có thể đắc độ, đức Phật liền tạo lợi ích cho người ấy, nói cho người ấy nghe pháp đó.

(Kinh) Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ ngũ Phật Luân. Do thử luân cố, dĩ thế, xuất thế tri chư tánh sai biệt, tùy kỳ sở ứng, lợi ích, an lạc, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tồi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống.

(經)善男子！我成如是第五佛輪。由此輪故，以世出世知諸性智，知諸有情補特伽羅，種種無量諸性差別，隨其所應，利益安樂，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大

眾中，正師子吼。

(Kinh:) *Này thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ năm như thế. Do vì luân ấy, dùng trí biết các tánh thế gian và xuất thế gian, biết các tánh sai biệt của vô lượng các hữu tình Bồ Đặc Già La, tùy theo lẽ đáng nên, mà lợi ích, yên vui, được trụ nơi an ổn, được không kinh hoảng, được không sợ hãi, tự xưng “ta ở nơi địa vị đại tiên tôn quý”, chuyên Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng, thực hiện sư tử吼ng.*

“Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ ngũ Phật Luân” (Này thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ năm như thế): Đây là thành tựu Phật Luân thứ năm. Do Phật Luân này, ta đối với pháp tánh của pháp thế gian và xuất thế gian, cũng đúng như lý mà nói, hoặc nói theo Sự, hoặc dùng giới luật để nói, vì ta có thể biết rõ pháp thế gian và xuất thế gian, có loại trí huệ ấy để đối đãi các loại Bồ Đặc Già La, tức các loại chúng sanh. Họ có vô lượng căn tánh khác biệt, vô lượng nhu cầu, ta sẽ theo đúng lẽ đáng nên mà lợi ích, an vui họ, khiến cho sau khi được nghe pháp đó, hành theo, sẽ được giải thoát. Dầu không làm theo, cũng được an ổn. Họ đã hiểu rõ, đã liễu giải, sẽ chẳng sợ hãi, [tự nhủ]: “Hoặc là ta không đến đó, hoặc ta né tránh”. Chúng ta liễu giải đằng trước là nguy hiểm, chẳng cần phải đến đó, quý vị chẳng tránh né ư? Rõ ràng biết là nguy hiểm, lại chẳng thể nào không đi, quý vị sẽ làm như thế nào? Ất cần phải đi qua lãnh thổ một nước, phải đi qua núi, rừng, thì phải làm sao? Quý vị đã niệm kinh Địa Tạng, sẽ biết là cần niệm Địa Tạng Bồ Tát. Trong phần trên, cũng đã nói rồi: Niệm thánh hiệu Địa Tạng có đủ loại công đức, được trụ trong an ổn. Khi ấy, quý vị mới có thể an ổn, chẳng sợ sệt, chẳng kinh hoảng, chẳng sợ hãi.

“Tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyên ư Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử吼ng” (Tự xưng ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyên Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng, thực hiện sư tử吼ng): Phần này giống như kinh văn trong phần trên. Đối với Thập Luân, trong mỗi luân, kinh văn đều nói như thế.

(Kinh) *Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán danh đại vương, an trí nhất thiết kiên cố thành quách, thôn phường, thú la, quốc ấp, vương cung, quảng thuyết nữ chí xá-la, anh vũ, phòng thủ cụ dĩ, xử tự cung trung, dữ chư quyền thuộc, hậu phi, thái nữ, nhi tự vi nhiều,*

du hỷ ngũ dục, chủng chủng nhạc cụ, phóng tứ lục căn, thọ chư hỷ lạc. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ lục vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如剎帝利灌頂大王，安置一切堅固城郭、村坊、戍邏、國邑、王宮，廣說乃至舍羅、鸚鵡，防守具已，處自宮中，與諸眷屬，后妃嫔女，而自圍繞，遊戲五欲，種種樂具，放恣六根，受諸喜樂。善男子！剎帝利灌頂大王，成就如是第六王輪。由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(*Kinh: Này thiện nam tử! Như đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh, xếp đặt hết thảy thành quách kiên cố, thôn phường, tuần phòng nghiêm ngặt, quốc ấp, vương cung, cho đến nói rộng là [xếp đặt các phương tiện báo động] như xá-la, anh vũ. Đã phòng thủ đầy đủ rồi, bèn ở trong cung của chính mình, cùng với các quyến thuộc, hậu phi, thái nữ vây quanh, vui chơi ngũ dục, các thứ nhạc cụ, buông lỏng sáu căn, hưởng các vui sướng. Này thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ sáu như thế. Do vì luân ấy, khiến cho quốc độ của chính mình tăng trưởng yên vui, có thể hàng phục hết thảy oán địch và bạn ác, khéo giữ gìn cái thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng).*

Luân thứ sáu và luân thứ năm tương tự. Vì nhà vua đã phòng hộ tốt đẹp, chuyên môn đề phòng, ngăn ngừa oán địch. Trong nước đã tốt đẹp, bèn phòng ngự hải ngoại. Đã có thể thống nhất trong nước, chẳng hai lòng, mọi người đều nhất trí, chẳng còn đấu đá nội bộ. Sau đấy, lại xây dựng thành thị kiên cố, thậm chí các thôn trấn đều có ngăn ngừa, bảo vệ. Điều này giống như trong phần trước [đã nói] “*nãi chí xá-la, anh vũ*”. Đã phòng thủ kỹ càng, thì sau đấy trong cung mới có thể vui sướng, mới có thể vui chơi. “*Phóng tứ lục căn, thọ chư hỷ lạc*” (Buông lung sáu căn, hưởng các hỷ lạc). Đây là một tỷ dụ. Bên ngoài chẳng có thành quách chắc chắn, chẳng có thôn, phường. “*Thú la*” (戍邏) có nghĩa là “tuần tra”. Chúng ta biết những người chỉ huy các đội lính phòng vệ chuyên lo phòng thủ. “*Thú*” (戍) có nghĩa là phòng thủ, “*la*” (邏) có nghĩa là tuần tra, xem có kẻ trộm cắp hay không. Cho đến vương cung,

quốc ấp, “ấp” (邑) có nghĩa là đô thị hay thành thị, hoặc là thôn trấn. “Vương cung” là chỗ nhà vua ở. [Các nơi ấy] đều phải phòng thủ kỹ càng, cũng tức là đảm bảo rất an toàn. Sau đây, mới có thể hưởng thụ, mới có thể vui sướng. “Thọ chư hỷ lạc” (Hưởng các vui sướng), ta thích nghe âm nhạc bèn nghe. Đây là vua quán lãnh thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi thành tựu vương luân thứ sáu.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai, dữ chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, cập đại Thanh Văn, an trí nhất thiết kiên cố thánh giáo phòng thủ chi sự, tức tiên hiện nhập tối sơ Tĩnh Lự, nãi chí hiện nhập đệ tứ Tĩnh Lự, hiện nhập Vô Biên Hu Không Xứ Định, quảng thuyết nãi chí hiện nhập Phi Tướng Phi Phi Tướng Định. Như thị nãi chí hiện nhập nhất thiết Phật sở hành định. Nhập thử Định dĩ, vô lượng bách thiên câu-chi na-dữu-đa thiên, long, Dược Xoa, La Sát, Kiện Đạt Phược, A Tổ Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, Bệ Lệ Đa, Tát Xá Giá, Bồ Đát Na, Yết Trá Bồ Đát Na đẳng, v chư chúng sanh, thường hoài độc ác, tổn hại chi tâm, vô từ, vô bi, v hậu thế khổ bất kiến bố úy, nhi bỉ kiến ngã nhập v nhất thiết Phật sở hành Định, giai v ngã sở, sanh đại hoan hỷ, khởi tịnh tín tâm. Ư Tam Bảo trung, giai sanh tối thắng hoan hỷ tịnh tín, tôn trọng cung kính, đắc vị tăng hữu. Ư nhất thiết ác, tầm quý phát lộ, thâm tâm hối quá, thệ nguyện vĩnh đoạn. Do thị nhân duyên, nhất sát-na khoảnh, vô lượng vô số chư phiền não chướng, nghiệp chướng, pháp chướng giai đắc tiêu diệt. Vô lượng vô số phước huệ, tư lương, giai đắc thành mãn, bói ly sanh tử, thú hướng Niết Bàn, hộ trì Như Lai vô thượng chánh pháp. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ lục Phật Luân.

(經)善男子！如是如來，與諸菩薩摩訶薩眾，及大聲聞，安置一切堅固聖教防守之事，即便現入最初靜慮，乃至現入第四靜慮，現入無邊虛空處定，廣說乃至現入非想非非想定。如是乃至現入一切佛所行定。入此定已，無量百千俱胝那庾多天、龍、藥叉、羅剎、健達縛、阿素洛、揭路茶、緊捺洛、莫呼洛伽、薛荔多、畢舍遮、布怛那、羯吒布怛那等，於諸眾生，常懷毒惡，損害之心，無慈無悲，於後世苦不見怖畏，而彼見我入於一切佛所行定，皆於我所，生大歡喜，起淨信心。於三寶中，皆生最勝歡喜

淨信，尊重恭敬，得未曾有。於一切惡，慚愧發露，深心悔過，誓願永斷。由是因緣，一剎那頃，無量無數諸煩惱障、業障、法障皆得銷滅。無量無數福慧、資糧、皆得成滿，背離生死，趣向涅槃，護持如來無上正法。善男子！我成如是第六佛輪。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như Lai và các vị Bồ Tát Ma Ha Tát cùng các đại Thanh Văn cũng như vậy, sắp đặt hết thấy các sự phòng thủ bằng thánh giáo kiên cố, liền thị hiện nhập môn Tĩnh Lự tối sơ, cho đến thị hiện nhập môn Tĩnh Lự thứ tư, thị hiện nhập Vô Biên Hư Không Xứ Định, nói rộng là cho đến thị hiện nhập Phi Tướng Phi Phi Tướng Định. Như thế cho đến thị hiện nhập hết thấy các môn Định do Phật đã hành. Đã nhập môn Định ấy rồi, vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa trời, rồng, Dược Xoa, La Sát, Kiện Đạt Phục, A Tó Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, Bệ Lê Đa, Tát Xá Giá, Bồ Đát Na, Yết Trá Bồ Đát Na v.v... đối với các chúng sanh thường ôm lòng độc ác, tổn hại, chẳng từ, chẳng bi, đối với sự khổ trong đời sau chẳng thấy sợ hãi, nhưng họ thấy ta nhập trong hết thấy các môn Định do Phật đã hành, bèn đối với ta sanh lòng hoan hỷ to lớn, khởi tín tâm trong sạch. Đối với Tam Bảo, đều sanh lòng tin thanh tịnh, hoan hỷ tối thắng, tôn trọng, cung kính, đạt được điều chưa từng có. Đối với hết thấy các điều ác, đều hổ thẹn, bày tỏ, thâm tâm hối lỗi, thệ nguyện vĩnh viễn đoạn trừ. Do nhân duyên ấy, trong khoảng một sát-na, vô lượng vô số các phiền não chướng, nghiệp chướng, pháp chướng đều được tiêu diệt. Vô lượng vô số tư lương phước huệ đều được thành tựu viên mãn, trái lìa sanh tử, tiến hướng Niết Bàn, hộ trì chánh pháp vô thượng của Như Lai. Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ sáu như thế đó).

Tĩnh Lự (靜慮): Có bốn loại Tĩnh Lự. Bốn Tĩnh Lự là gì? Chính là bốn loại Thiền Định. Dùng Tứ Thiền để đối trị Hoặc (惑, phiền não) của quý vị. Có công phu Định ấy, thậm chí có thể phòng ngừa Hoặc nhiễm. Đây là Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, và Tứ Thiền trong Sắc Giới. Vì thế, lại gọi là Sắc Giới Định. Tĩnh Lự là “thâm lự” (審慮, suy xét), đúng như thật biết rõ cảnh tánh của tâm ý. Định là trụ chắc nơi một loại cảnh tánh, cũng là quán tâm định trụ trong một loại cảnh tánh.

Người có thể thâm nhập [môn Thiền Định ấy], sau khi đã có thể lìa khỏi Dục Giới, cảm nhận có thể tương ứng với sự quán tưởng Sắc

Giới. Trong quá trình tu Định, ba món Thiền đầu (Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền) là những bậc thang phương tiện, là các hoạt động trong tâm dần dần phát triển, hình thành thế giới tinh thần. Tiến nhập đệ tứ Thiền mới là Thiền Định chân thật. Đây là nói về Sơ Quả thánh nhân, Nhị Quả thánh nhân, và Tam Quả thánh nhân. Sơ Quả thánh nhân trong quá trình sanh thiên, đã sanh thiên xong, lại trở vào nhân gian. Sơ Quả thánh nhân còn phải bảy lượt sanh vào nhân gian. Nhị Quả thánh nhân phải một lần trở lại nhân gian. Bậc Tam Quả chẳng trở lại [nhân gian], luôn ở trên cõi trời, luôn trụ trong Tứ Thiền Thiên. Vì các Ngài tu loại Định này, dần dần có thể thành tựu, đoạn dứt Kiến Hoặc phiền não, đoạn dứt Tư Hoặc phiền não, dần dần đoạn sạch Kiến Hoặc phiền não, mà cũng đoạn trừ Tư Hoặc phiền não, sẽ chứng đắc quả A La Hán. Sơ Thiền Ly Sanh Hỷ Lạc Địa, lia khỏi Tâm và Tứ.

Loại Thiền thứ hai là do Định sanh khởi, phiền não trong nội tâm người ấy bèn thanh tịnh. Chẳng như chúng ta, hễ nội tâm sanh khởi phiền não, liền cảm thấy trong tâm rất bức rứt, nội hỏa bốc lên rất to. Khi đó, vị ấy [trong tâm] chẳng có gì, Kiến Hoặc nội tại đã đoạn. Lại còn có thể đoạn Tư Hoặc. Đạt tới Tam Thiền Thiên, dần dần sanh khởi Định, sanh khởi cảm giác hỷ lạc. Đã đạt tới Tam Thiền Thiên, bèn ly hỷ, [tức là] Tam Thiền Thiên lia khỏi hỷ (sự hoan hỷ) do Định sanh ra. Đó cũng là thô lạc biến thành tế lạc, cho nên gọi là Diệu Lạc Địa. Khi ấy, sanh ra chánh tri, chánh kiến. Tứ Thiền Thiên là Xả Niệm Thanh Tịnh Địa (địa vị thanh tịnh, xả trừ ý niệm), đều là địa vị sau thù thắng hơn địa vị trước. Cõi trời phía sau không chỉ xả trừ những điều [hành giả] đã xả trừ khi chứng đắc trong cõi trời trước, mà còn tiến cao hơn một bước là xả trừ [những cảnh giới] trong cõi trời trước. Giống như chúng ta tu đạo, khi tu Định, quý vị tiến thêm một bước, đã chẳng còn thấy phiền não, đã hàng phục thô Hoặc. Nếu tu Sở Tác Quán, quý vị sẽ cảm thấy hơi thở ra rất thô, cho đến khi rất tĩnh, chẳng còn duyên niệm theo cảnh giới đã tu khi hơi thở còn thô tháp. Đây là tiến nhập cảnh giới tế, cũng là giai đoạn sau thù thắng hơn giai đoạn trước. Khi đã có tiên bộ trong giai đoạn sau, có thể bỏ qua các điều thuộc giai đoạn trước, chẳng còn duyên niệm những điều trước đó nữa!

Chúng ta thường nói “*đã vượt sông, chẳng cần thuyền nữa*”. Chớ nên duyên niệm những sự vật trước đó, hãy bỏ đi! Sau đó, học pháp. Đã học thâm nhập rồi, nếu đã đắc Định, quý vị chẳng bắt buộc phải xem văn tự, cũng không cần phải cầm kinh bản để niệm nữa. Quý vị có thể nhất tâm tu Định. Trong khi tu hành, nhất định là sẽ có loại cảnh giới này.

Sau khi đã đắc loại Định này, quý vị mới có thể hàng phục Hoặc, đối với sự dẫn dụ từ cảnh giới bên ngoài cũng thế, mà đối với [những thứ phiền não] sanh khởi trong nội tâm cũng thế, quý vị đều hàng phục được. Nếu chẳng có Định lực, quý vị sẽ chẳng thể hàng phục được. Sau bốn thứ Tĩnh Lự, tiếp đó, kinh văn nói đến chuyện nhập Vô Biên Hư Không Xứ Định, cho đến hiện nhập Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định. Những điều ấy được gọi là Tứ Thiên Tứ Không Định, tức là Không Vô Biên Xứ Định, Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định; đó là Tứ Không Định. Cho đến thị hiện nhập hết thảy các môn Định do Phật đã hành, từng bước đều có rất nhiều công sức.

Sau khi đã nhập Định, có thể ngăn ngừa hết thảy thiên ma và ngoại đạo, chúng sẽ chẳng thể quấy nhiễu quý vị. Ngăn ngừa gì vậy? “*Định như thành*” (Định như tòa thành). “*Kiên cố*” là thành quách, thôn phường kiên cố. Đây là nói sau khi đã nhập Định, quý vị sẽ thành đạo. Đối với nội tặc và ngoại tặc, thảy đều có thể hàng phục, chẳng bị kẻ giặc nào hại. Kế đó, [chánh kinh] nêu ra vô lượng trăm ngàn câu-chỉ na-dữu-đa, tức là nói “*ức triệu*”, trời, rồng, Dược Xoa, La Sát, Kiện Đạt Phục, A Tố Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già nhiều ngàn ấy. Đây là bát bộ quỷ thần chúng.

Sau đó toàn là quỷ, Bê Lệ Đa, Tát Xá Giá, Bồ Đát Na, Yết Trá Bồ Đát Na v.v... tổng cộng mười hai loại. Những loài quỷ ấy có thiện và ác. Có đôi khi họ là hộ pháp, có khi là loài ác, thường ôm lòng độc ác và tổn hại, chẳng có tâm từ bi. Do hành giả đắc bốn loại Tĩnh Lự, nhập Tứ Thiên Bát Định, cho đến Cửu Thứ Đệ Định, thậm chí nhập hết thảy các môn Định của Phật như Thủ Lăng Nghiêm Định, các quỷ thần sẽ chẳng thể nào hại người tu hành. Các quỷ thần trông thấy người tu hành và các bậc thánh hiền tu các môn Định do Phật đã hành, không chỉ chẳng nào hại, mà còn sanh khởi tâm hoan hỷ, sanh khởi tâm tịnh tín. Tịnh tín chẳng dễ sanh khởi; đây là tín tâm thanh tịnh. Khi đó, các quỷ thần ấy đối với Tam Bảo Phật Pháp Tăng, sẽ sanh khởi tịnh tín hoan lạc tối thắng.

Nếu chúng ta sanh khởi tịnh tín đối với Tam Bảo, sẽ chẳng xen tạp bất cứ danh văn gì nữa, chẳng màng đến quan hệ lợi hại. Quan hệ lợi hại là gì? Nếu sanh bệnh, quý vị mong cầu hết bệnh. Đó gọi là quan hệ lợi hại. Hiện thời, quá khổn khó, túng quẫn, quý vị mong cầu những thứ cần dùng cho cuộc sống sung túc đôi chút, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Cho đến đối với những việc kinh doanh, đều gọi là quan hệ lợi hại, chẳng gọi

là “*tịnh tín*”. Đây là có mong cầu. “*Tịnh tín*” là chẳng mong cầu, nhưng chúng ta phát Bồ Đề tâm cầu Phật, có tính là mong cầu hay không? Đó là thuận chánh đạo, là tâm thanh tịnh, chẳng thể so sánh với pháp thế gian. Nhất định phải liễu giải. Sau khi đã liễu giải, nhất định phải hiểu rõ ràng. Đã hiểu rõ ràng rồi, khi quý vị cầu, sẽ có hai loại nguyện. Phát nguyện là tốt nhất. Niệm phẩm Tịnh Hạnh, [quý vị sẽ thấy] tổng cộng có một trăm bốn mươi một loại nguyện, nhưng tổng kết lại, vẫn chỉ là hai nguyện: Độ chúng sanh và cầu thành Phật, thậm chí làm cho hết thấy chúng sanh đều thành Phật. Khi phát nguyện ấy, sẽ là thanh tịnh. Vì quý vị mong cái tâm của quý vị biến thành Phật tâm, đồng thời, mong phục hồi diện mạo sẵn có của chúng sanh, lại còn thanh tịnh Phật Tánh vốn có của họ. Đó gọi là *tịnh tín*.

Do vậy, nhất định phải phân định rõ ràng *tịnh tín* và *nhiễm ô tín*. Thế nhưng, chúng ta mới vào Phật môn, gặp phải kẻ bất tín thì làm như thế nào? Quý vị phải khuyên nhủ họ: “Tin Phật sẽ có lợi ích, trong nhà sẽ có thể bình an”. Quý vị chẳng thể lập tức kỳ vọng cao sâu quá mức, họ chẳng tiến nhập được! Trước hết, dùng dụ để lôi kéo, dần dần khiến cho họ nhập Phật đạo. Thoạt đầu, dùng những điều họ ưa thích nhất, cần thiết cấp bách nhất, quý vị nói với họ, họ sẽ thích chí, tin tưởng. Có gia trì hay không? Có gia trì. Sau khi được gia trì, sẽ làm cho họ dần dần sanh khởi tín tâm thanh tịnh hoan hỷ tối thắng, khiến cho họ sanh lòng cung kính đối với Tam Bảo thì mới có thể đoạn hết thấy ác, đoạn dần dần, chính họ mới nhận biết. Sau khi đã biết, sẽ hổ thẹn, biết phát lộ sám hối. Đã biết hối cải, cho nên ắt cần phải trọn đủ thân tâm, *tịnh tín* tâm, thì mới có thể thệ nguyện vĩnh viễn đoạn dứt phiền não.

Trong Phật Luân thứ sáu, đức Phật dạy: Khiến cho đệ tử của ta đều phải nên tu tập các pháp môn thuộc về Định, nhập Tứ Thiên Bát Định, cho đến hết thấy các môn Định của Như Lai. Đây là phòng ngừa, ngăn trở kẻ giặc bên ngoài quấy nhiễu và kẻ trộm bên trong trộm cắp. Cướp trong nhà khó đề phòng! Hãy nhớ cổ nhân đã bảo: “*Sơn tặc dị phòng, gia tặc nan phòng*” (Giặc trên núi dễ ngừa, giặc trong nhà khó ngừa). [Đề phòng] kẻ trộm bên ngoài thì dễ, quý vị chú ý cẩn thận là được, chứ gia tặc (家賊, kẻ giặc trong nhà), quý vị sẽ chẳng thể lo toan xuê. Giặc trong nhà mình rất khó đề phòng! Chúng ta có thể chế phục tướng cảnh giới bên ngoài ngay lập tức, hoặc chẳng dính líu đến, chẳng tham gia. Nếu căn cơ của chính mình chẳng dày, rất dễ bị tiêm nhiễm. Trà đình, tửu quán ta chẳng đến đó là được, chẳng đến phòng khiêu vũ là được. Những nơi chốn nào đừng nên tới, ta không tới là được rồi. Đã thọ

Bát Quan Trai Giới, [giới luật] chẳng chấp thuận quý vị đến các chỗ ấy. Điều ấy mang ý nghĩa “*phòng hộ*”. Đức Phật đã phòng hộ quý vị tốt đẹp, cho nên mới có thể tiêu trừ phiền não của quý vị.

Do nhân duyên này, vô lượng vô số các phiền não chướng, nghiệp chướng, và pháp chướng đều được tiêu diệt, hết thảy nhân duyên chướng đạo đều bị tiêu diệt, nhân duyên của thánh đạo tăng trưởng, vô lượng vô số tư lương phước huệ đều viên mãn. Như thế thì sẽ trái nghịch sanh tử, rời lìa sanh tử, gần với Niết Bàn, tiến hướng bất sanh, bất diệt. Sanh tử là sanh diệt. Có sanh, ắt có tử; đây là quy luật tất nhiên. Chúng ta đều sợ chết, chẳng biết so sánh giữa lúc sanh và lúc tử thì cũng đau khổ chẳng khác nhau cho mấy! Quý sợ đầu thai, người sợ chết! Quý có thần thông, họ biết trụ thai, thọ thai, sanh ra, các thứ đau khổ khôn ngần. Quý sợ siêu sanh, chẳng mong siêu sanh, làm quý tốt hơn. Quý cũng mong làm quý lâu dài.

Cùng một đạo lý, con người sợ chết, chẳng muốn chết. Quý cũng sợ chết, sợ chết thì mới biết chết rồi sẽ phải sanh. Con người đối với nỗi đau khổ chết chóc, chỉ biết sẽ biệt ly, chia lìa với người thân yêu của chính mình, vĩnh viễn biệt ly. Tài vật và nhà cửa do chính mình suốt đời gây tạo, thứ gì cũng chẳng đem theo được. Tới [thế gian này] như thế nào, sẽ ra đi như thế ấy! Khi sanh ra, thứ gì cũng chẳng cầm đến được. Từ trong bụng mẹ sanh ra, trần trùng trục, thứ gì cũng đều chẳng có. Khi quý vị chết đi, mặc vào một thân áo liệm, hỏa thiêu xong, thứ gì cũng đều chẳng còn, ngay cả bã xương cũng chẳng có. Đó gọi là “trái lìa sanh tử”, phải hiểu đạo lý này. Quý vị mong cầu bất tử ư? Chứng Niết Bàn sẽ bất tử, Niết Bàn là bất sanh, bất diệt.

Chắc là có kẻ bảo: “Người nói sai rồi! Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải là cũng chết đó thôi!” Chẳng phải là Ngài cũng thọ sanh ư? Hễ thọ sanh thì nhục thể nhất định phải chết. Đó gọi là “*bất sanh, bất tử*”, nhưng quý vị ngỡ là Ngài phải thọ sanh tử. Thật ra, Ngài hóa hiện. Cho đến khi quý vị thành đạo, sẽ biết là Ngài hóa hiện. Hiện thời cũng là hóa hiện. Nhục thể này do Thất Đại, tức địa, thủy, hỏa, phong, không, căn, và thức hợp thành, căn bản là chẳng có. Nếu là chân thật, đương nhiên sẽ bất diệt. Do chẳng chân thật, cho nên sẽ huyền diệt.

“*Hộ trì Như Lai vô thượng chánh pháp*” (Hộ trì chánh pháp vô thượng của Như Lai): Tám bộ quý thần thấy đức Phật tu các môn Định ấy, sanh khởi tâm hoan hỷ to lớn, sanh khởi tịnh tín hoan hỷ đối với Tam Bảo, đạt được điều chưa từng có, chẳng còn làm hết thảy các điều ác nữa, cho đến hỏ thẹn, phát lộ sám hối những điều đã trót làm trong quá

khứ, thâm tâm hồi cải hết thảy lỗi ác, vô lượng phước huệ đều được tăng trưởng, tiến hướng Niết Bàn. Sau đó, không chỉ là chẳng nào hại chúng sanh, mà sẽ còn hộ trì Tam Bảo, hộ trì chúng sanh. Ngay cả quý cũng đều phát nguyện: Người nào tu đạo, họ sẽ liên bảo vệ!

Vì sao chúng ta phải hộ trì Tam Bảo? Nếu có các thiện quý thân, [nếu như họ thấy chúng ta] tụng kinh, hoặc làm Phật sự, họ sẽ hộ trì chúng ta, chúng ta phải gia trì họ. Họ cầu phước huệ nơi chúng ta. Do vậy, chúng ta làm rất nhiều chuyện, ắt cần phải thành tâm, tịnh khiết, thậm chí tiến vào Phật đường, phải cung kính. Đây đều là đối ứng với quý thân. Nếu chúng ta làm sai, quý thân sẽ có tâm sân hận, Phật, Bồ Tát từ bi, chẳng quở trách quý vị, biết quý vị nghiệp nặng, do theo nghiệp lưu chuyển mà biểu hiện bất đồng. Quý thân chẳng như vậy. Do vậy, chúng ta có rất nhiều giới luật nhằm phòng hộ tâm tham, ngăn ngừa sân tâm dấy lên. Đây là Phật Luân thứ sáu.

(Kinh) Do thử luân cố, Như Lai du hý Tĩnh Lự giải thoát, đấng trì, đấng chí, vô lượng bách thiên vi diệu thâm định, dĩ tịnh trí tùy chuyển, diệt chư hữu tình vô lượng phiền não, tùy kỳ sở ưng, lợi ích, an lạc, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tồ chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử吼.

(經)由此輪故，如來遊戲靜慮解脫，等持等至，無量百千微妙深定，以淨智隨轉，滅諸有情無量煩惱，隨其所應，利益安樂，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Do vì luân ấy, Như Lai vui chơi nơi Tĩnh Lự, giải thoát, đấng trì, đấng chí⁴⁴, vô lượng trăm ngàn môn Định sâu vi diệu, dùng tịnh trí để chuyển đổi, diệt trừ vô lượng phiền não cho các hữu tình. Theo lẽ đáng nên mà lợi ích, an lạc, trụ trong an ổn, được chẳng kinh

⁴⁴ Đẳng Chí (Samāpati), còn phiên âm là Tam Ma Bát Đê, Tam Ma Bạt Đê, có nghĩa là sau khi đã viễn ly hôn trầm và điều cử, có thể giữ cho tâm và tâm sở bình đẳng chuyển đổi cảnh giới. Tứ Thiền và Tứ Vô Sắc Định cũng được gọi là Bát Đẳng Chí. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa cho rằng Đẳng Chí là chính thức tiến nhập cảnh giới Định, sau khi đã an trụ trong cảnh giới Định thì gọi là Tam Ma Bát Na (Samāpanna, chánh thọ). Đẳng Trì là tên gọi khác của Tam Ma Địa (Chánh Định).

hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta ở nơi địa vị đại tiên tôn quý, chuyên Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng, thực hiện sự tử hống).

Những điều này giống như trong phần trước, chẳng cần phải nói nữa.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, dữ chư quân thân, lãnh tứ binh chúng, châu tuần quán sát nhất thiết tự quốc thành, ấp, tụ lạc, sơn, xuyên, khe, giã, viên uyển, điền trạch, pha, hà, trì chiếu, khoáng dã, tùng lâm, trản la đặng xứ. Tùy bỉ sở tại, quốc giới chư phương hiểm trở đa nạn, bất nhậm doanh lý, hữu nghi, hữu bố, kham dung ngoại cảnh oán địch, ác hữu đầu thoán, tàng phục. Thử Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, tùy kỳ lực năng, phương tiện an trí chúng chúng tu lý kiên cố phòng thủ, linh bỉ chư phương, bình thân, vô nạn, kham nhậm doanh lý, vô nghi, vô bố, giá kỳ ngoại cảnh oán địch, ác hữu đầu thoán, tàng phục, an phủ tự quốc nhất thiết nhân dân, giai ly chúng khổ, thọ chư khoái lạc. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chúng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ thất vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如剎帝利灌頂大王，與諸群臣，領四兵眾，周巡觀察一切自國城邑、聚落、山川、溪澗、園苑、田澤、陂河、池沼、曠野、叢林、鎮邏等處。隨彼所在，國界諸方險阻多難，不任營理有疑有怖，堪容外境怨敵，惡友投竄藏伏。此剎帝利灌頂大王，隨其力能，方便安置種種修理堅固防守，令彼諸方，平坦無難，堪任營理，無疑無怖，遮其外境怨敵，惡友投竄藏伏，安撫自國一切人民，皆離眾苦，受諸快樂。善男子！剎帝利種灌頂大王，成就如是第七王輪。由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Như đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh, cùng với các quân thân, thống lãnh bốn loại binh, đi tuần tra trọn khắp, quan sát hết thấy thành, ấp, xóm làng, núi, sông, khe, ngòi, vườn

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

tượng, ruộng, nhà, sườn núi, sông ngòi, ao, chuôm, đồng hoang, rừng rậm, thị trấn v.v... trong nước mình. Ở bất cứ chỗ nào là chỗ hiểm trở, lắm tai nạn, không thể làm ăn, đáng ngờ, đáng sợ, có thể là chỗ để oán địch nước ngoài và bạn ác ẩn nấp, giấu mình, vị đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh ấy sẽ tùy theo sức mình, dùng phương tiện sắp đặt các thứ sửa chữa, chỉnh đốn, phòng thủ kiên cố, khiến cho các nơi bình thản, chẳng có hoạn nạn, có thể buôn bán, không còn nghi ngờ, không có sợ hãi, ngăn chặn bọn oán địch và bạn ác nước ngoài ẩn nấp, giấu mình, vỗ yên hết thầy nhân dân trong nước mình đều là các khổ, hưởng các vui sướng. Nay thiên nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ bảy như thế. Do vì luân này, khiến cho cõi nước của chính mình tăng trưởng an vui, có thể hàng phục hết thầy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ cái thân, khiến cho thọ mạng tăng thêm).

Đây là vương luân thứ bảy. Trong phần trước, đã nói bốn loại Thiên Định, tức Tứ Vô Sắc Định. Các danh từ như thế ấy, rất nhiều kinh luận sử dụng giống nhau. Khi quý vị thật sự học tập, sẽ thấu hiểu rất nhiều kinh Phật. Tứ Vô Sắc Định là vượt khỏi sắc tướng, chẳng có sắc để có thể biểu hiện, nên gọi là Vô Sắc. Bốn loại cảnh giới ấy đều là cảnh giới nơi tư tưởng, chẳng phải là hữu hình tướng, hữu sắc. Chẳng giống như sáu tầng trời trong Dục Giới và mười tám tầng trời trong Sắc Giới, [Tứ Không Thiên] chẳng có hình tướng, do tư duy mà đắc Định. Có thể chứng đắc Vô Sắc Giới Định chính là đã đối trị các thứ trói buộc trong Sắc Giới và Dục Giới, tức [đối trị] các thứ trói buộc có hình tướng. Nhập loại Định này, sẽ chẳng có trói buộc. Nhờ vào sự tu hành ấy, sẽ có thể hàng phục phiền não của quý vị. Học Phật pháp là hàng phục phiền não. Đắc bốn loại Định ấy, cảnh giới tinh thần và diện mạo của người ấy sẽ khác hẳn. Người ấy đang trụ trong Tịch Tĩnh.

1) Môn Định thứ nhất là Không Vô Biên Xứ. Hư không có ngần mé ư? Chẳng có! Vô biên. [Đặt tên như vậy] nhằm hình dung tâm thức khi nhập môn Định này, sẽ chẳng bị trói buộc bởi hết thầy các môn Định thuộc Tứ Thiên Thiên. Tức Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, các môn Định ấy có hình thức trói buộc, còn môn Không Xứ Định này chẳng có hình thức, chẳng có hình tướng. Chúng ta có thể tưởng tượng không gian to lớn vô hạn, không có cách nào hạn chế. Không gian rộng cuộc lớn cỡ nào? Vô Biên Xứ có nghĩa là “*chẳng có hạn chế, chẳng có xứ sở, chẳng có bờ mé, chẳng có hình tướng*”. Môn Định này vượt cao

hơn Tứ Thiên Bát Định trong phần trước. Có kinh luận nói đến loại Định thứ chín, tức là Cửu Thứ Đệ Định, có Tứ Thiên Bát Định. Tứ Không Xứ Định ở đây chính là Tứ Vô Sắc Định.

Hiện thời, nếu chú ý hơi thở ra vào, tu trì Xuất Nhập Tức, [tức quán tưởng] thở ra, hít vào. Nếu có thể giữ vững đến rốt ráo, quý vị sẽ đều vượt lên cao hơn. Các loại Định này đều nói theo tâm thức, chúng trừ khử chướng ngại của quý vị. Chẳng có chướng ngại. Trong không trung, có chướng ngại hay không? Chẳng có chướng ngại! Đó là Không Xứ Định. Không Vô Biên Xứ Định là Không Xứ Định, có thể diệt trừ chướng ngại của chúng ta. Khi đó, chẳng thể diễn tả: Có khi ngã năng nhập Định, hoặc ngã sở nhập Định, Năng và Sở đều là không, tư tưởng của người ấy (người tu Định) vẫn có tác ý. Tác ý chính là Không Xứ của tư tưởng, to lớn vô biên, vô tướng. Chỉ tận cùng hư không, chẳng có tướng ngăn mé, cho nên gọi là Không Vô Biên Xứ Định. Nói theo chúng ta hiện thời mà muốn tu loại Định này thì còn cách biệt rất xa, phải tiến từng bước. Bất quá, cần phải biết thứ tự ấy trước đã.

2) Loại thứ hai là Thức Xứ Định. Thức ở đây là thức trong “*tâm ý thức*”. Môn Định này gọi là Thức Xứ Định. Thức ấy lớn vô hạn. Nay chúng ta dùng năm thức trước là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, và Thân Thức. Năm thức ấy mang tánh chất cục bộ, hạn chế. Nếu chẳng có gì bên ngoài để giúp đỡ, chẳng có Không Đại giúp đỡ, chẳng có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, hoặc đèn giúp đỡ, mắt chúng ta thứ gì cũng chẳng thể thấy được. Trong tối tăm, còn có thể thấy được chăng? Tai chúng ta chỉ cần bị chướng ngại đôi chút, sẽ chẳng nghe rõ ràng. Thức Vô Biên Xứ là nói quý vị nhập môn Định này, sẽ khác hẳn. Nhập môn Định này, chẳng cậy vào ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú giúp đỡ, quý vị vừa tác ý, nhãn căn có thể trông thấy hết thấy. Đại Phạm thiên vương có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. Nhập môn Định này, chẳng phải là rỗng không. [Đừng hiểu lầm]: Nếu là Không định, đã là Không, thứ gì cũng chẳng có. Nó chẳng phải là Đoạn Diệt Không. “*Nhập môn Định này sẽ giống như rỗng không*”, chẳng phải là ý nghĩa ấy! Đây là Thức Xứ Định, Thức cũng to lớn vô hạn, Không cũng to lớn vô hạn; nhưng cái Thức này vẫn có tư duy. Cái Thức tư duy ấy chẳng có tướng biên giới.

3) Môn Định thứ ba là Vô Sở Hữu Xứ, còn gọi là Diệu Xứ Định. Môn Định này vượt cao hơn Thức Xứ Định, nương vào tất cả hết thấy các tướng tư duy của quý vị để an trụ. Diệu Xứ Định là quý vị tư duy đến chỗ nào, sẽ nhập Định nơi đó. Đây gọi là Diệu Xứ. Quý vị

ngiht đến chỗ nào, nơi đó là chỗ quý vị nhập Định, tùy thuận an trụ, tùy thuận tất cả các tướng của quý vị mà an trụ.

4) Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ: Môn Định này vượt cao hơn Vô Sở Hữu Xứ Định. Tư duy tướng ấy, nói là có tướng chẳng thể được, mà bảo là không có tướng cũng chẳng thể được! Quý vị tướng thứ gì, có tướng hay không có tướng? Có tác ý hay chẳng? Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ là cái phi tướng ấy cũng bị trừ khử, chẳng phải là hư huyền, mà cũng chẳng phải là rỗng không. Chẳng phải là tướng, chẳng phải là phi tướng, mà cũng chẳng là phi phi tướng; ý nghĩa bao hàm như thế đó. Phi Tướng tức là chẳng thể coi là có. Nó chẳng cần quý vị chấp trước, tức là diệt trừ tướng chấp trước của quý vị. Sự tư duy ấy chẳng phải là tư duy, chẳng phải là tướng, chẳng giống như chúng ta dùng lục căn ý thức để tướng. Chúng ta nghĩ tới sự vật gì, nghĩ tướng sự vật này, nghĩ tướng sự vật kia, trọn chẳng phải là như vậy. Phi Tướng chẳng phải là tướng, mà cũng chẳng phải là vô tướng. Phi Phi Tướng chẳng phải là Tướng đối ứng với Phi Tướng. Phi Phi Tướng tức là môn Định này khác với Diệt Tận Định. Diệt Tận Định là môn Định của A La Hán, vị ấy đã diệt sạch Kiến Tư phiền não. Nhưng khi nhập môn Định này (Phi Tướng Phi Phi Tướng Định), người ấy (người tu môn Định này) hãy còn có vô minh phiền não. Môn Định này còn có Tư Hoặc phiền não, [người chúng đắc môn Định này] hoàn toàn chẳng phải là thánh nhân, thế nhưng, chẳng phải là vô tướng, khác với vô tướng. Phải giải thích hai câu sau cùng, tức “*chẳng phải là vô tướng, khác với vô tướng*” như thế nào? Phi Tướng tức là chẳng phải tư duy, không suy nghĩ. Không suy nghĩ thì giống với Không Tịch, có nghĩa là nó khác với Vô Tướng Định, chẳng phải hoàn toàn là Không Tịch.

Tứ Vô Biên Xứ Định, bốn loại cảnh giới ấy đều do tư duy mà đắc Định. Vô Sắc Giới Định để đối trị gì vậy? Đối trị trói buộc, tức là đối trị các Hoặc nghiệp trói buộc chúng ta. Nói cách khác, đối với tướng cảnh giới bên ngoài, chúng ta đều có một loại cảm nhận. Bốn môn Định ấy là lìa khỏi sự cảm nhận, lìa khỏi sự cảm nhận tướng cảnh giới bên ngoài. Nói cách khác, đắc các môn Định ấy, cái tâm phan duyên của chúng ta sẽ ngưng dứt. Vì sao bốn môn Định này, mỗi môn sau lại tiến bộ hơn môn trước? Nói chung, chúng được gọi là Tứ Vô Sắc Định, tức là các môn Định thuộc vào Vô Sắc Giới. Trong Duy Thức đã nói về chúng rất rõ ràng!

Trong ấy, có ba loại thân biên. Ba loại thân biên ấy lại là ba thứ chỉ dạy, ba thứ thị hiện, ba thứ giáo hóa. Khi Phật, Bồ Tát giáo hóa

chúng sanh, các Ngài thị hiện “*đức, tướng, dụng*” của thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp:

1- Điều thứ nhất là thần thông biến hiện. Bồ Tát thương xót các chúng sanh chịu khổ trong địa ngục, Ngài bèn hiện sức thần thông. Đó gọi là “*thần thông biến hiện*”. Dùng sức thần thông của Ngài để tiêu diệt núi đao, biển lửa, các loại dụng cụ hành hình v.v... trong địa ngục. Khi Ngài dùng sức thần thông để hàng phục các hiện tượng ấy, chúng sanh chịu khổ trong địa ngục có thể siêu sanh, có thể thoát ra, sanh lên trời. Đây là thần thông biến hiện.

2- Điều thứ hai là ký thuyết biến hiện (記說變現). Ký thuyết biến hiện cũng là do Bồ Tát thương xót chúng sanh đang chịu khổ trong địa ngục; họ nghĩ nhớ gì (đó là Ký), Ngài bèn đến nói cho họ nghe pháp ấy (đó là Thuyết). Bồ Tát có thần thông, thuyết pháp ứng cơ. Trong tâm họ nghĩ gì, Phật bèn nói cho họ nghe pháp ấy, khiến cho chúng sanh nương nhờ pháp lực đó, thoát khỏi địa ngục. Nhờ vào sự hàng phục, nhờ vào sức thuyết pháp của Bồ Tát mà từ địa ngục thoát ra, sanh trong cõi trời, người, hưởng thụ vui sướng. Đây là Tha Tâm Thông của Bồ Tát. Chúng sanh trong địa ngục có thể cảm Bồ Tát tới thuyết pháp, chỉ là cơ hội này quá xa vời! Như thế nào thì mới có thể cảm thọ được? Trừ phi trong đời này, trước khi đọa địa ngục, quý vị có sức tín ngưỡng thành khẩn đối với đức Địa Tạng, Quán Âm, Phổ Hiền, Văn Thù, hoặc A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật. Lại còn do đền trả quả báo của một loại nghiệp. Khi lâm chung, dầu quý vị chẳng giữ vững chánh niệm, do đền trả quả báo phải đọa địa ngục, nhưng do sức thiện căn của quý vị rất mạnh mẽ, sẽ cảm ứng Phật, Bồ Tát. Các chúng sanh ấy nay đã đọa địa ngục, trong quá khứ họ có nhân duyên nhất định với ta, có tu vi (bản lãnh tu hành) nhất định. Như vậy thì Bồ Tát mới có thể cảm thông với người ấy được. Hoặc là nhờ sức cầu khẩn của lục thân quyến thuộc, thỉnh vị Bồ Tát ấy đến cứu độ. Giống như mẹ của Địa Tạng Bồ Tát, do Ngài cảm vời, bèn có thể sanh lên trời. Như mẹ của tôn giả Mục Kiền Liên đọa làm nga quý, Ngài muốn dùng sức thần thông cứu mẹ, nhưng không đủ sức. Thức ăn Ngài đưa cho mẹ đều biến thành lửa. Ngài liền cầu đức Phật cứu mẹ. Đức Phật dạy vào ngày hội Vu Lan Bồn, tức ngày Rằm tháng Bảy, hãy cúng dường đại chúng tăng. Nhờ vào sức mạnh của việc cúng dường đại chúng tăng, cậy vào sức mạnh ấy siêu độ mẹ Ngài. Do thí thực cho đại chúng, [mẹ Ngài] sẽ có thức ăn. Loại [thị hiện] này là thần biến, tức thuyết pháp thần biến. Nếu ở trong địa ngục mà vẫn có thể nghe Bồ Tát thuyết pháp, chẳng dễ dàng đâu nhé! So với chúng ta hiện thời đến pháp

hội cùng nhau học tập, khó hơn rất nhiều!

3- Loại thứ ba là giáo giới biến hiện (教誡變現, biến hiện răn dạy), cũng là Bồ Tát phát tâm từ bi, thuyết pháp để răn dạy họ. Nhờ sự răn dạy ấy, được thoát khỏi địa ngục, có thể dẹp trừ tai họa, nhưng chỉ có Bồ Tát đắc Lưu Tận Thông thì mới có thể đến địa ngục.

Bồ Tát có ba loại thân biến này, hoặc là chỉ dạy, hoặc là thị hiện, hoặc là giáo hóa, đều rất khó có. Trong kinh văn, đức Phật đã dạy như vậy. Vị quốc vương ấy, hoặc là chánh phủ, đối với quốc giới, phạm là chỗ nào nguy hiểm, bèn nói chỗ ấy có thể biến thành nơi chốn để vui chơi, kiến lập đại đô thị tại chỗ đó. Ở những chỗ ấy, đều phòng ngừa ngoại địch xâm nhập, lại còn ngăn ngừa trộm cướp xâm đoạt. Do vậy, giữ cho ngoại địch chẳng dễ ản núp, xâm lược quốc giới của nhà vua, sắp đặt đủ loại tuần tra, phòng ngừa, xếp đặt đất nước sao cho oán địch và bạn ác chẳng thể ản núp trong nước nhà. Đồng thời, khiến cho nhân dân cả nước ấy an cư lạc nghiệp, lìa các sự bức hại, lìa các khổ nạn. Vị quốc vương ấy thành tựu vương luân như thế; sau đó, quốc gia của nhà vua tăng trưởng an lạc, cuộc sống được bảo đảm. Đồng thời, oán địch và bạn ác thường chẳng đến xâm lăng, quấy rối, nhân dân an cư lạc nghiệp.

Người ta nói “*tâm quảng thể bần*” (心廣體胖), nghĩa là nếu cái tâm rộng rãi hơn, thân thể sẽ mập mạp hơn. Nếu quốc giới rất an định, mọi người chẳng phải lo lắng, bất luận sĩ, nông, công, thương đều rất tốt đẹp. Bất luận quý vị làm gì, cái tâm đã an rồi, tự nhiên phước thọ tăng trưởng, chẳng có gì ưu sầu nữa. Cái gây tổn thương lớn nhất cho thân thể và thọ mạng là ưu sầu. Vì sao phải ưu sầu? Cuộc sống chẳng được bảo đảm, thân thể bị xâm hại, quấy nhiễu. Quý vị thấy quốc gia nào có cuộc sống tốt đẹp hơn một chút, chúng tỏ pháp luật và chánh trị của quốc gia ấy có quan tâm, bảo vệ người dân tốt đẹp hơn. Nếu một quốc gia chẳng thể bảo vệ nhân dân trong nước mình, đầy trợn chẳng phải là thiên tai, mà là nhân họa. Kế đó, kinh văn nói về Phật Luân.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai dĩ kỳ Phật nhãn, như thật liễu tri nhất thiết hữu tình Bồ Đặc Già La, hữu tham, hữu sân, hữu si tâm đặng, như thật liễu tri thị chư hữu tình chủng chủng phiền não bệnh hạnh sai biệt. Như Lai tri dĩ, tiệp khởi vô lượng tinh tấn dũng mãnh phương tiệp, thể lực, tùy kỳ sở nghi, thọ dĩ chúng chúng tu Định diệu dục, linh chư hữu tình, tinh cần tu học, trừ phiền não bệnh.

(經)善男子！如是如來以其佛眼，如實了知一切有情補特伽羅，有貪、有瞋、有癡心等，如實了知是諸有情種種煩惱病行差別。如來知己，便起無量精進勇猛方便勢力，隨其所宜，授以種種修定妙藥，令諸有情，精勤修學，除煩惱病。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như Lai dùng Phật nhãn như thế, đúng như thật biết rõ hết thấy hữu tình Bồ Đặc Già La có các tâm tham, sân, si v.v... đúng như thật biết rõ các hữu tình có các thứ bệnh hạnh phiền não sai khác. Như Lai đã biết, bèn dậy lên vô lượng phương tiện và thế lực tinh tấn, dũng mãnh, tùy theo lẽ thích đáng, mà trao cho họ các thứ diệu dược tu Định, dạy các hữu tình siêng năng, chuyên ròng tu học để trừ bệnh phiền não).

“Thiện nam tử! Như thị Như Lai dĩ kỳ Phật nhãn, như thật liễu tri nhất thiết hữu tình Bồ Đặc Già La” (Nay thiện nam tử! Như Lai dùng Phật nhãn đúng như thật biết rõ hết thấy hữu tình Bồ Đặc Già La như thế): Có mười loại Bồ Đặc Già La. Bồ Đặc Già La (Pudgala) là danh từ dùng để chỉ luân hồi thọ sanh.

Loại thứ nhất là Bồ Đặc Già La chẳng gieo thiện căn. Trong đời quá khứ, hoặc trong đời hiện tại, người ấy chẳng có thiện căn Bồ Đề, mà cũng chẳng hề phát tâm. Không gieo thiện căn thì sẽ làm ác, chẳng tạo cái nhân thiện sự.

Loại thứ hai chưa từng tu phước nghiệp, chẳng bố thí cho người khác. Nói cách khác, chẳng hề giúp đỡ người khác, cho đến chẳng hề tiếp cận Phật pháp. Phải tiếp cận Phật pháp thì mới thọ giới, trì giới. Chưa tu phước nghiệp, cũng là tạo nhiều ác hạnh.

Loại thứ ba là tạp nhiễm liên tục, cũng là các thứ phiền não như tham, sân, si, Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Tà Kiến rất nhiều. Đây cũng gọi là “chẳng có thiện căn”. Tạp nhiễm tham, sân, si rất nặng, lại còn liên tục chẳng dứt, mà cũng là tạo ác nghiệp tham, sân, si chẳng gián đoạn.

Loại thứ tư là hữu tình tùy thuận điều ác. Vì đối với thiện nghiệp và ác nghiệp, họ dường như có tánh chất bất định. Gặp bạn lành, họ sẽ học theo điều lành. Gặp phải bạn ác, họ sẽ làm điều ác. Đây là nói do thiện căn của họ trong quá khứ ít ỏi, chẳng gặp bạn lành. Nếu gặp gỡ bạn lành, họ lại chẳng theo bạn lành cùng làm việc thiện. Hiện thời, có

rất nhiều người tin Phật và cũng tiếp cận Phật pháp, thậm chí đã thọ Tam Quy. Sau đó, họ lại phạm giới. Phạm giới gì vậy? Phạm Tam Quy, vì quy y tà đạo. Họ chẳng thể thâm nhập chánh đạo. Gặp phải ác hữu, ác tri thức dẫn dắt, bèn tiến hướng tà đạo, đi theo bạn ác.

Loại thứ năm là kẻ chẳng sợ khổ quả đời sau. Tạo ác nghiệp, kẻ ấy chẳng tin nhân quả, chẳng sợ nhân quả đời sau. Loại chúng sanh này chẳng tin nhân quả. Họ nói: “Chết rồi là kết thúc, còn thọ hậu báo chi nữa, thọ hậu hữu chi nữa!” Do vậy, họ chẳng sợ khổ quả trong đời sau. Loại Bồ Đặc Già La này tâm tham dục chẳng chán đủ, đặc biệt mạnh mẽ. Đối với của cải, [lòng ham muốn] vĩnh viễn chẳng hề có giới hạn. Chúng ta thấy các quốc vương, các quan chức chánh phủ, cho đến các nhà đại tư bản, các tập đoàn tài chánh lớn, họ đều chẳng có chừng hạn. Có mười ức, bèn mong có một trăm ức; có một trăm ức, bèn mơ một ngàn ức! Dem cả quả địa cầu trao cho họ, họ vẫn mong chiếm lấy mặt trời, chiếm luôn mặt trăng trong không trung, vĩnh viễn chẳng thể thỏa mãn! Đã làm quốc vương vẫn chưa đủ, vẫn mong làm Chuyển Luân Vương, muốn địa cầu đã tròn bèn to hơn. Đó là chuyện chẳng thể được. Lòng tham cầu dữ dội, vĩnh viễn chẳng chán đủ. Loại Bồ Đặc Già La này sân khuê mạnh mẽ, ngu si dữ dội. Phiền não xảy đến chẳng có cách nào ngưng dứt, đặc biệt là cái tâm sân hận dấy khởi rất mạnh mẽ. Ba thứ tham, sân, si đều chẳng chịu thua kém nhau, thế nhưng, si mạnh mẽ hơn đôi chút [so với tham và sân]. Si là đối với hết thấy các cảnh bèn mơ hồ, dấy lên các tà kiến, phá nát chánh pháp.

Có các đạo hữu đã tin tưởng chánh pháp, vì tin tưởng đã rất lâu, nhưng do một thứ lợi ích chi đó, hoặc do thân thể mắc bệnh khổ, nếu tin tưởng nhân quả sẽ biết đó là túc nghiệp mà ta hãy còn sót lại, bèn trừ sạch, Đó là một loại. Hoặc là buôn bán thất bại, bị tổn thất, gặp kẻ nói hươu nói vượn, hoặc kẻ khoe có thần thông: “Tôi sẽ giúp cho quý vị phát tài” bèn tin theo, quên mình đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Thậm chí [kẻ dối trá ấy] dạy họ chẳng cần tin Phật nữa, chẳng cần cúng dường Tăng nữa, chẳng cần thân cận người xuất gia. Đây là tội ngu si. Hiện tượng này rất nghiêm trọng. Loại Bồ Đặc Già La như thế cũng là vì trong đời quá khứ đã tích tập thiện căn chẳng sâu.

Loại Bồ Đặc Già La thứ chín⁴⁵ là đã mê hoặc, tâm họ mê loạn, tâm không thể làm chủ, không làm thiện nghiệp.

⁴⁵ Không thấy lão pháp sư nói đến loại thứ sáu, bảy và tám. Có lẽ những loại này đã được gộp chung trong đoạn kinh văn sau phần nói về loại Bồ Đặc Già La thứ năm.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Loại thứ mười là giữ tà kiến ác, chẳng tin chánh giáo của Như Lai, giữ vững tà kiến của ngoại đạo.

Mười loại Bồ Đặc Già La này đương nhiên sẽ đọa vào súc sanh đạo, hoặc đọa vào ngạ quỷ đạo. Chúng ta là Bồ Đặc Già La có thiện căn, hoàn toàn tương phản với những loại ấy. Nhưng chúng ta cũng có tham, sân, si, bất quá chẳng phải tham, sân, si giống như các loại Bồ Đặc Già La ấy. Họ là [tham, sân, si] liên tục chẳng ngừng, chẳng chịu ngưng dứt. Hiểu ý nghĩa này, [mới biết] chúng ta rất may mắn. Vì cái tâm tham, sân, si của Bồ Đặc Già La rất nặng. Đức Phật vì cứu độ loại chúng sanh này, thấy các loại bệnh của họ, không chỉ là thân thể sanh bệnh. Hễ có phiền não, thì đây là bệnh trạng, có đủ loại bệnh phiền não. Không chỉ là bệnh tật nơi thân thể, mà tâm lý cũng có bệnh, cũng mắc đủ loại bệnh phiền não. Giống như một quốc gia có rất nhiều nguy nan hiểm trở. Bất luận Đại Lục cũng thế, Đài Loan cũng thế, Gia Nã Đại cũng thế, Hoa Kỳ cũng thế, chúng ta từ đây nhìn vào, [sẽ thấy] mỗi vị đại vương quán đánh Sát-đế-lợi đều còn cách biệt rất xa yêu cầu “*quốc giới thanh tịnh*”! Vì thời đại này khác hẳn, tham, sân, si đặc biệt nặng nề, thời đại này tuyệt đối bất đồng. Những gì quý vị gặp gỡ, trông thấy hằng ngày, cho đến những gì quý vị suy tưởng, nghĩ ngợi đều thuộc về các căn bệnh tham, sân, si khác biệt. Như Lai hiểu rành mạch. Đức Phật và các vị đại Bồ Tát nếu muốn độ các chúng sanh đó, chẳng phải là tùy tiện mà có thể độ được.

Trong phẩm thứ tám của kinh Địa Tạng, vua Diêm La và đại quý vương nói: “Địa Tạng Bồ Tát đã phát đại nguyện lớn dường ấy, vì sao vẫn độ chưa xong? Vì sao đã độ xong, sau đó, họ lại trở vào? Mới từ địa ngục thoát ra, hầu như trở lại ngay”. Đức Phật bèn bảo các vị đại quý vương: “*Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề ương ngạnh, khó điều hòa, khó chế phục*”. [Ở đây, đức Phật dạy] quý vị phải sửa sang quốc giới sao cho địch nhân chẳng thể xâm nhập; quả thật [điều này] rất khó đạt được. Chỉ sợ rằng quốc vương hiện thời chẳng có năng lực này. Từ trên trời bay đến, từ dưới đất bò lên. Tu phước nghiệp có thể miễn trừ. Nếu chẳng tu phước nghiệp, làm người còn chưa dám nói chắc, quý vị có thể nghĩ ra biện pháp nào để đối trị. Lũ lụt, bão tố, hỏa hoạn, có cách nào hay không? Chư Phật, Bồ Tát hiểu nỗi thống khổ của chúng sanh, các Ngài sanh khởi vô lượng phương tiện và thế lực tinh tấn, dũng mãnh. Điều này cần phải do vô lượng kiếp tinh tấn tu hành, giống như các đạo hữu đã phát đại Bồ Đề tâm cứu độ chúng sanh. Chính quý vị trẻ tráng, giải đãi, thì ngay cả chính mình còn chẳng cứu được, làm sao cứu nổi người

khác? Ất phải tinh tấn!

Xác thật là chúng ta dững mãnh chưa đủ! Chẳng phải là dững mãnh đối với người khác, mà là dững mãnh đối với phiền não của chính mình. Chính mình đối với tham sân của chính mình, phải dững mãnh hơn! Nếu bại trận, sân tâm của quý vị vĩnh viễn càng ngày càng to. Phải dững mãnh tiêu trừ, khắc chế nó, phải dùng sức mạnh nào? Phải nhẫn nại. Nhẫn rất khó! [Trong chữ Hán, chữ Nhẫn (忍)] là trên chữ Tâm (心) cảm một thanh Dao (刀). Quý vị nhẫn bằng cách nào? Thường là khi chúng ta bực bội, sẽ chẳng thể nhẫn được! Cổ nhân nói: “*Nóng giận như mãnh hổ xuống núi*”. Khi một người nổi trận lôi đình, khi tâm sân hận dấy lên, ai khuyên người ấy cũng chẳng nghe lọt tai, phải cậy vào trí huệ của chính mình để chế ngự. Dùng sức nhẫn nại, dùng sức hàng phục để đừng nổi giận. Hãy thường tươi cười hoan hỷ với người khác, học theo lòng từ bi của Di Lặc Bồ Tát. Quý vị khiến người ta khóc lóc, người ta cũng khóc lóc trả lại. Người ta chửi quý vị, quý vị vẫn cười với họ. Họ đánh quý vị, quý vị vẫn dùng khuôn mặt tươi cười đối với họ, họ sẽ bó tay, cũng chẳng đánh nổi nữa. Đây là tâm sân hận. Đối với tâm tham cũng thế. Tham, sân, si đều chẳng sai biệt cho mấy!

Đức Phật đối đãi loại chúng sanh này, chính mình tinh tấn, dững mãnh, dùng sức trí huệ, dùng phương tiện thiện xảo, dùng sức mạnh ấy. Nhưng vẫn phải biết xem xét căn cơ, xem chúng sanh này hẳn là mắc phải loại bệnh nào, phải uống mấy loại thuốc. Kẻ có lòng sân hận lẫn tham lam nặng nề, quý vị khuyên bảo họ: “Đừng nổi nóng!” Họ sẽ tin ư? Họ chẳng hề tin đâu nhé! Nếu thế lực của quý vị mạnh hơn họ, tâm sân hận của họ sẽ sanh khởi, muốn đánh lộn. Họ muốn đánh nhau, nếu quý vị chế phục họ, đánh bại họ, cái tâm sân hận của họ cũng chẳng có, khiến cho họ liền thành thật. “*Cường lãng nhược, chúng bạo quả*” (Mạnh hiếp yếu, đông hiếp ít). Hai chữ “*thế lực*” hàm chứa ý nghĩa này. Chúng ta biết Quán Thế Âm Bồ Tát tại đất Hán hiện tướng từ bi, phần lớn thị hiện tướng nữ nhân. Ở Tây Tạng, Ngài thị hiện tướng hộ pháp, tức là tướng Dạ Xoa hung mãnh.

Những điều này thuộc về các loại diệu dược tu Định. Diệu dược sanh ra diệu lạc, trị các loại bệnh tham, sân, si cho quý vị. Dựa vào những gì? Cậy vào định lực. Quý vị nói “chẳng tham”, như có một đạo hữu hướng về tôi sám hối: Lúc ông ta ở trong một ngôi chùa, khi rời đi, nhất định phải lấy trộm một vật mang đi. Nếu chẳng lấy một món đồ nào, trong lòng đúng là khó chịu lắm. Bất luận ở trong ngôi chùa miếu nào, dẫu ngôi chùa ấy nghèo nàn đến mấy đi nữa, ông ta cũng phải cầm

một món đồ đi. Thật ra thì cũng chẳng lấy gì. Ông ta lấy món đồ cúng nào đó trước tượng Phật mang đi, vừa bước ra ngoài, đều đưa cho người khác, hoàn toàn chẳng phải chiếm dụng làm của riêng cho mình. Về sau, ông ta xin sám hối với tôi, nói: “Con chẳng hiểu vì sao! Trong tâm biết rõ là sai lầm, biết là đã phạm Căn Bản Giới, biết đây là ăn trộm vật của Tam Bảo, chẳng thể nào không đọa địa ngục, lại còn là đọa xuống địa ngục Vô Gián. Biết thì biết thế, nhưng vẫn cứ làm như vậy! Hôm nay, con thưa với Ngài cũng coi như sám hối. Con nói ra, chắc là về sau sẽ có thể chẳng làm nữa!” Tôi nói: “Nói với một người thì chưa được! Ông đến ngôi chùa nào, bèn nói với [mọi người trong] ngôi chùa ấy, tôi sẽ lấy trộm đồ, quý vị phải chú ý tôi, canh chừng tôi, khiến cho tôi đừng trộm cắp. Hoặc là quý vị sám hối giùm tôi. Dừng khí ấy chẳng dễ gì mà có được. Khi ăn trộm đồ vật của người ta, ông phải nói trắng ra cho người ta biết. Sau đây, người ta sẽ ngăn chặn ông. Điều này rất khó khăn!”

Ai nấy đều có lòng tham. Nếu triệt để đoạn dứt căn bản phiền não, quý vị sẽ thành tựu. Chẳng đoạn được! Chẳng có cái tâm trộm cắp, bắt quá có cái tâm chiếm tiện nghi, sợ rằng rất nhiều người đều có. Cũng có người chẳng chiếm tiện nghi của kẻ khác. Phạm là vật của người khác, trọn chẳng sanh vọng tưởng. Loại người này thiện căn trong quá khứ rất sâu dày, thấy vật thuộc về kẻ khác, không chỉ là vật thuộc về con người, mà đối với hết thảy các vật phẩm, hết thảy vật chất, người ấy đều chẳng sanh lòng tham ái, huống hồ sẽ chiếm hữu ư? Vật của chính mình còn mong xả, thậm chí quán tưởng thân thể của chính mình, biết là giả, ai muốn, ta cũng cho người đó. Bất quá, tôi thấy tại Đài Loan, những người hiến các bộ phận thân thể, chờ chết rồi mới lấy, tôi nói: “Nếu quý vị thật sự phát Bồ Đề tâm, sẽ cho người khác chẳng bận tâm. Ai cần cứ lấy trên thân tôi, tôi cho người đó”. Tôi từng hỏi bác sĩ, tôi nói: “Giả sử tôi đã tám mươi tuổi, tôi muốn bỏ các bộ phận trên thân tôi cho người ngoài ba mươi tuổi thì có thích hợp hay không? Có được hay không?” Ông ta nói: “Cũng chẳng sống được mấy ngày. Gắn vào thì cũng vẫn được, cũng tùy thuộc thể lực của thầy, tùy thuộc các cơ quan của thầy mạnh hay yếu. Nếu cơ quan hay thân thể có bệnh, thầy buông xả, ghép vào thân người khác. Vấn các cơ quan khác của người ấy chẳng có vấn đề gì, khi chuyển cơ quan của thầy qua thân người ấy, không được rồi, đâm ra người ấy lại bị tổn thương”. Bác sĩ hiểu rất rõ chuyện này. Nếu thật sự hiến cơ quan thì hãy xả ngay khi ấy, cho người khác là được rồi. Luyến tiếc, đợi sau khi chết, quý vị chết đi, dẫu sao cũng bị thiêu hủy, quý vị chẳng làm chủ được, có xả hay không cũng bằng không! Bất quá, quý vị

chẳng phát cái nguyện ấy, khi chẳng xả, người khác chẳng dám cắt lấy cơ quan của quý vị. Nếu không, sẽ là phạm tội!

Do vậy, ắt cần phải có diệu dược dững mãnh tu Định này thì mới trừ được. Ngay cả đối với thân thể của chính mình, cũng thường tu Quán như vậy, thì sẽ có Định lực. Đã có loại Định lực ấy, quý vị còn có gì chẳng xả được, còn muốn trộm đồ vật của người khác nữa ư? Tự nhiên là chẳng có! Phải thường quán tưởng nhần nhục, chẳng nổi nóng với bất cứ ai. Hễ gặp phải chuyện trái ý, chuyện chẳng vừa lòng, hoặc bị người khác chèo kéo, chính mình ngay lập tức cảnh giác: “Đây là cơ hội tốt để ta tu hành! Đây là cơ hội tốt cho ta sám hối”. Nếu thường suy nghĩ như vậy, tham, sân, si của quý vị hiện tiền, sẽ có thể đối trị như vậy, còn có ngu si nữa hay không? Đây là có trí huệ. Chẳng có trí huệ, sẽ chẳng làm được! Luyện tập đối trị tham, sân, si của chính mình, gặp loại cảnh giới này hiện tiền, sẽ khắc phục được! Đức Phật đã đáp ứng ban cho chúng ta loại diệu dược gì? Chính là các pháp ấy! Quý vị học theo phương pháp của đức Phật. Khi học, phải chuyên ròng, siêng năng học tập.

Tôi nghĩ mọi người vào lúc ấy, [chẳng hạn như] nếu tôi quở trách quý vị, hoặc có vị đạo hữu nào nói đùng chạm quý vị mấy câu, hoặc quý vị ngủ gục, người khác đánh thức quý vị ngay lập tức, quý vị sẽ thường sanh khởi tâm sân hận. Nếu khi tôi không nói, [khi bị đánh thức, kẻ đó sẽ cáu kỉnh]: “Ông nghe thì nghe, [tôi ngủ] mắc mớ gì đến ông?” Tôi xác thực đã thấy chuyện ấy. Hai người cãi cọ, tôi hỏi: “Hai vị cãi lầy chuyện gì vậy?” Người kia nói: “Người này ngủ gục, tôi kêu ông xóc lại tinh thần đôi chút”. Khi đó, tôi đang giảng kinh Hoa Nghiêm ở chùa Nam Phổ Đà, tôi nói: “Về sau, hãy chú ý một chút, người ta giúp đỡ quý vị, hãy nên sám hối mình đã si [vì ngủ gục]”. Sau đó còn nổi sân [khi được nhắc nhở], tham, sân, si đều trọn đủ! Tôi nói [với người kia]: “Quý vị giúp đỡ người ấy, vốn là chuyện tốt. Quý vị lại cãi nhau với người ta, sân tâm lại phát lên thì cũng như quý vị chẳng giúp người ta chi hết”. Rất khó! Khi chúng tôi giảng bộ kinh này, quý vị có một tia quang minh, tham, sân, si đều bị chế ngự, ngăn chặn.

Trường kỳ học tập như vậy; nếu có thể chuyên ròng, siêng năng học tập, sẽ giảm thiểu bệnh khổ của quý vị. Bệnh khổ lớn nhất của con người chính là bệnh phiền não, trọn chẳng phải là thân thể bị bệnh ung thư. Các thứ khác đều có thể chuyển biến, nhưng tâm tham rất khó chuyển biến. Quý vị mong chuyển biến tham, sân, si, rất khó! Chúng nó theo quý vị từ vô lượng đời đến nay, xoay chuyển chúng bằng cách nào? Bệnh tật trong hiện thời chỉ là bệnh trong một đời này. Hễ đời này chẳng

còn nữa, lại thay đổi diện mạo, chẳng biết sẽ biến thành bộ dạng chi nữa. Chúng ta ở nơi đây, tướng nam, tướng nữ, tướng già, tướng trẻ, luôn luôn chuyển hóa. Trước khi thành Phật, đều là như thế. Mọi người đều biết Đề Bà Đạt Đa chống đối đức Phật nhất, bị đọa địa ngục. Nhưng trong quá khứ, ông ta là vị thầy nói pháp Đại Thừa cho đức Phật, chúng ta thường chỉ nhìn vào tướng cảnh giới trước mắt.

(Kinh) Nhược chư hữu tình, nghi tu bất tịnh, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu bất tịnh dược. Nhược chư hữu tình, nghi tu phạm trụ, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu phạm trụ dược. Nhược chư hữu tình, nghi tu duyên khởi, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu duyên khởi dược. Nhược chư hữu tình, nghi tu tức niệm, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu tức niệm dược. Nhược chư hữu tình, nghi khả tu u tam giải thoát môn, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu u tam chủng giải thoát môn dược. Nhược chư hữu tình, nghi tu Tĩnh Lự, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu Tĩnh Lự dược. Nhược chư hữu tình, nghi tu Vô Sắc, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ tu Vô Sắc dược. Nhược chư hữu tình, nãi chí nghi tu Thủ Lăng Già Ma chư tam-ma-địa, trừ phiền não bệnh, tức tiện thọ dĩ Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa dược.

(經)若諸有情，宜修不淨，除煩惱病，即便授以修不淨藥。若諸有情，宜修梵住，除煩惱病，即便授以修梵住藥。若諸有情，宜修緣起，除煩惱病，即便授以修緣起藥。若諸有情，宜修息念，除煩惱病，即便授以修息念藥。若諸有情，宜可修於三解脫門，除煩惱病，即便授以修於三種解脫門藥。若諸有情，宜修靜慮，除煩惱病，即便授以修靜慮藥。若諸有情，宜修無色，除煩惱病，即便授以修無色藥。若諸有情，乃至宜修首楞伽摩諸三摩地，除煩惱病，即便授以首楞伽摩三摩地藥。

(Kinh: Nếu các hữu tình, đáng nên tu bất tịnh để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu bất tịnh. Nếu các hữu tình, đáng nên tu phạm trụ, để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu phạm trụ. Nếu các hữu tình, đáng nên tu duyên khởi, để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu duyên khởi. Nếu các hữu tình, đáng nên tu dứt niệm, để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu dứt niệm. Nếu các hữu tình, đáng nên

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

tu ba môn giải thoát để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu ba loại giải thoát môn. Nếu các hữu tình, đáng nên tu Tĩnh Lự, để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu Tĩnh Lự. Nếu các hữu tình, đáng nên tu Vô Sắc để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc tu Vô Sắc. Nếu các hữu tình, cho đến đáng nên tu các tam-ma-địa như Thủ Lăng Già Ma để trừ bệnh phiền não, liền trao cho thuốc Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa.

Hết thầy hữu tình đáng nên tu Bất Tịnh Quán, ta sẽ cho họ tu Bất Tịnh Quán để trị bệnh phiền não, trao cho họ thuốc Bất Tịnh, nói cho họ pháp Bất Tịnh Quán để đối trị. Họ chịu uống thuốc ấy, cũng tức là họ nghe pháp, bệnh sẽ lành. Có các chúng sanh, đáng nên tu Phạm Trụ. Phạm Trụ là thanh tịnh, tu hạnh thanh tịnh, hoặc là trì giới, hoặc nhẫn nhục, đều là phạm hạnh. Phạm (梵) có nghĩa là “*thanh tịnh*”, trừ bệnh phiền não. Ta sẽ cho họ thuốc tu Phạm Trụ. Tu Tứ Niệm Xứ, hoặc là tu Ngũ Căn, tu Ngũ Lực đều được.

“*Nhược chư hữu tình, nghi tu duyên khởi*” (Nếu các hữu tình đáng nên tu duyên khởi): Hiểu hết thầy các pháp sanh bởi nhân duyên, chẳng có thật thể. Các chúng sanh ấy tu Không Quán rất khá, liền nói pháp duyên khởi cho họ. Hết thầy các pháp là duyên khởi, hết thầy các pháp vô tự tánh, bản thể của hết thầy các pháp là rỗng không. Đó gọi là “*duyên khởi tánh Không*”.

“*Nhược chư hữu tình, nghi tu Túc Niệm*” (Nếu các hữu tình đáng nên tu Túc Niệm): Túc Niệm (息念) là ngưng dứt tạp niệm, như “*trì khứ lai niệm*” (giữ vững niệm qua lại, tức Sở Túc Quán) cũng được. Đây là dứt vọng. Dứt vọng sẽ có thể diệt trừ bệnh phiền não của quý vị. “*Nhược chư hữu tình, nghi khả tu u tam giải thoát môn*” (Nếu các hữu tình đáng nên tu ba môn giải thoát): Cũng chính là ba môn giải thoát Không, Vô Tướng, và Vô Nguyên. Đây là tu Không Quán, tu Vô Tác, tu Vô Tướng. Đó là ba môn giải thoát, sẽ trao cho họ thuốc Tam Giải Thoát Môn.

“*Nhược chư hữu tình, nghi tu Tĩnh Lự*” (Nếu các hữu tình đáng nên tu Tĩnh Lự): Tĩnh Lự là Định. Tu tam-muội, tức là dùng Định để trừ bệnh phiền não. Như vậy thì sẽ trao cho họ thuốc tu Tĩnh Lự. “*Nhược chư hữu tình, nghi tu Vô Sắc*” (Nếu các hữu tình đáng nên tu Vô Sắc): Vô Sắc là trừ bệnh phiền não. Trong phần trước, đã nói đến Vô Sắc Xứ Định, quán hết thầy các pháp chẳng có hình tướng, cũng tương tự như tu Không Tướng. Vô Sắc là có thể đối với ngũ uẩn Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, dùng sắc pháp để đại diện. Trong phần trước nói về tu tâm, còn ở đây là tu Sắc.

“*Nhược chư hữu tình, nãi chí nghi tu Thủ Lăng Già Ma chư tam-ma-địa*” (Nếu các hữu tình cho đến tu các môn tam-ma-địa như Thủ Lăng Già Ma): Đây cũng là đại định, tức Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa định. Tu môn Định này chính là môn Định rốt ráo, là môn Định rất sâu vô thượng trong một trăm lẻ tám môn tam-muội. Như vậy thì bèn trao truyền thuốc Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa.

(Kinh) Sở dĩ Như Lai thọ chư hữu tình như thị pháp dược, bất linh nhất thiết sở hóa hữu tình, vi tứ ma oán chi sở hệ nhiếp, bất linh nhất thiết sở hóa hữu tình, bồi nhân thiên thừa, hướng chư ác thú, bất linh Như Lai vô thượng pháp nhân, Tam Bảo chủng tánh tốc tạt hoại diệt.

(經)所以如來授諸有情如是法藥，不令一切所化有情，為四魔怨之所繫攝，不令一切所化有情，背人天乘，向諸惡趣，不令如來無上法眼，三寶種姓速疾壞滅。

(Kinh: Do Như Lai trao cho các hữu tình pháp dược như thế, chẳng khiến cho hết thảy hữu tình được hóa độ bị bốn thứ ma oán trói buộc, nhiếp thọ, chẳng để cho hết thảy hữu tình được hóa độ trái nghịch nhân thiên thừa, hướng đến các đường ác, chẳng để cho vô thượng pháp nhân của Như Lai và chủng tánh Tam Bảo bị hoại diệt nhanh chóng).

“*Như Lai thọ chư hữu tình như thị pháp dược, bất linh nhất thiết sở hóa hữu tình, vi tứ ma oán chi sở hệ nhiếp*” (Do Như Lai trao cho các hữu tình pháp dược như thế, chẳng khiến cho hết thảy hữu tình được hóa độ bị bốn thứ ma oán trói buộc, nhiếp thọ): Đây là nói chung. Trao cho thuốc Thủ Lăng Già Ma tam-ma-địa sẽ là rốt ráo. Đối với pháp dược nói trong các loại pháp dược ấy, nếu họ chịu tiếp nhận, chịu thọ trì, thì coi như đã uống thuốc. Đã uống thuốc, sẽ chẳng có phiền não. Đây là Phật Luân thứ bảy. Phật Luân này khiến cho hết thảy hữu tình chẳng bị tứ ma “*hệ nhiếp*” (繫攝), “*hệ*” (繫) là trói buộc, “*nhiếp*” (攝) là nhiếp trì. Tứ Ma thì thứ nhất là Ngũ Uẩn Ma. Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức; đây là một thứ ma. Còn có Phiền Não Ma. Phiền Não bao gồm Kiến Tư phiền não. Còn có Tử Ma. Chúng ta hết sức sợ hãi Tử Ma, chẳng có ai muốn chết! Chẳng dặng đưng, tự sát cũng có. Chết là chẳng thoải mái. Hễ tự sát, so với người chết bình thường sẽ đau khổ gấp bội, xuống địa ngục nhanh như tên bắn. Quý vị nói chẳng thể chịu nổi phiền não này, mong trốn thoát trách nhiệm, tự sát cho xong chuyện. Hễ chết

là hết chuyện! Đây là cách nghĩ tưởng tuyệt đối sai lầm! Trong giới luật, tự sát và sát nhân có cùng một tội lỗi, chớ nên tự sát!

Lúc đức Phật tại thế, có những vị tỳ-kheo vâng lời đức Phật dạy, tu trì Bất Tịnh Quán. Họ chán ghét thân thể khôn cùng, đã tu Bất Tịnh Quán sâu rồi, thấy thân thể này đúng là giòi bọ, tạp uế khôn kham! Họ phiền chán thân thể của chính mình tới cực điểm. Đã tu Bất Tịnh Quán thành tựu, sẽ có hiện tượng ấy, nhưng họ chẳng phát tâm Bồ Đề, chẳng niệm niệm độ chúng sanh. Do vậy, họ tu thành Bất Tịnh Quán suông, chỉ nghĩ sao cho chính mình được siêu thoát sạch sẽ! Nếu là độ chúng sanh, có đại Bồ Đề tâm, họ sẽ chẳng tự sát. Họ nhận thấy hết thảy chúng sanh đều là như vậy, đáng tiếc là chúng sanh chẳng hiểu rõ, bèn dùng hiện tượng thật tế của chính mình để nói cho mọi người biết. Họ nói ra, người khác cũng chẳng thấy.

Họ tự quán chiếu, tu Bất Tịnh Quán đã thành công, [do chẳng có Bồ Đề tâm], sẽ làm như thế nào? Tự sát chẳng được, họ bèn mượn tay các ngoại đạo Ấn Độ, đem y phục, vật dụng cho các ngoại đạo ấy, xin họ giết mình. Các ngoại đạo vì tiền, bèn giết chết họ. Về sau, đức Phật biết được, chẳng cho phép tự sát, người khác giết cũng không được. Tự mình giết cũng không được, mà mượn kẻ khác giết cũng không được! Đây là nói tới chuyện cũ trong giới luật. Phải quán tưởng cái chết ấy như thế nào? Chết là chướng ngại cho sự tu đạo của chúng ta. Nếu quý vị đang tu đạo, tử thuộc về phi mạng. “*Phi mạng*” có nghĩa là không đáng chết, là nhân duyên chướng đạo. Chướng đạo này được coi là một loại Ma, gọi là Tử Ma.

Còn có Thiên Ma. Thiên Ma là nói đến quỷ thần. Khi quý vị tu đạo đến một mức độ nhất định, lúc sắp thành tựu, thiên ma sẽ tìm tới, hóa hiện đủ loại tướng. Như khi Thích Ca Mâu Ni Phật sắp thành Phật, ma vương Ba Tuần liền suất lãnh bọn ma binh, ma tử đến vây quanh, quấy nhiễu đức Phật. Thiên ma gây chướng ngại cho quý vị. Đó là Thiên Ma. Quý vị đọc kinh, thấy quỷ, hoặc có quỷ đến, thân thể phát sốt, hoặc thấy tướng chi đó. Đây chẳng phải là chuyện xấu. Nếu chẳng phải là quyến thuộc của quý vị, sẽ không thể đến trước mặt quý vị. Chẳng phải là cha mẹ nhiều đời trong quá khứ, hoặc lục thân quyến thuộc của quý vị, sẽ chẳng đến trước mặt được! Họ tìm tới mong quý vị siêu độ, đâu có biết là quý vị sợ hãi. Họ chỉ biết quý vị là người nhà của họ, cho nên họ tìm đến. Kẻ tìm đến, tùy thuộc là loại người nào, nếu là loại chúng sanh có oai thần rất lớn, thân thể quý vị sẽ cảm thấy nóng bừng. Nếu là chư thiên, hoặc thiên thần tới nghe quý vị niệm kinh Địa Tạng, niệm Phổ

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Hiền Hạnh Nguyễn Phẩm, niệm phàm Phổ Môn, quý vị có cảm ứng, tương thông với họ, họ đến tăng phước, quý vị sẽ cảm thấy trên thân mình nóng bùng. Quý thật sự đến, quý vị sẽ cảm thấy thân thể rét run, rét từng chập, lạnh từng chập. Quý vị cứ tiếp tục niệm kinh, coi như chẳng có chuyện gì. Đến khi quý vị niệm xong, sẽ chẳng có chuyện gì cả! Có người [sợ hãi] chẳng niệm, nói: “Tôi không niệm nữa thì sẽ chẳng có [những chuyện đáng sợ ấy]”. Tôi nói: “Quý vị chẳng niệm, đương nhiên là chẳng có”. Người đó nói: “Tôi vĩnh viễn không niệm nữa!” Tôi nói: “Vĩnh viễn chẳng niệm là hỏng mất rồi! Quý vị cứ tiếp tục niệm, sẽ chẳng có chuyện gì!” Đó là chướng ngại, đấy chẳng phải là ma, phải phân biệt rõ ràng!

Khi Phật Luân vận chuyển, sẽ khiến cho những người ấy đều chẳng trái nghịch nhân thiên thừa, hoặc là làm người, hoặc sanh lên trời. Tôi thiếu là chẳng trái nghịch nhân thiên thừa, chẳng tiến hướng ba ác đạo. Đồng thời, khiến cho pháp của Như Lai, khiến cho pháp nhãn của Như Lai và chủng tánh Tam Bảo chẳng bị hoại diệt. Khiến cho các hữu tình được hóa độ chẳng trái nghịch nhân thiên thừa, chẳng hướng theo đường ác. Đối với pháp nhãn của Như Lai và chủng tánh Tam Bảo, sẽ khiến cho chẳng bị hoại diệt. “*Hoại diệt nhanh chóng*” là như chúng ta đối với pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật đã hoại diệt rất nhanh chóng: Chánh Pháp năm trăm năm, Tượng Pháp năm trăm năm, Mạt Pháp một vạn năm. Tuy nói như vậy, nhưng các điều ấy đều chẳng chuẩn xác, tùy thuộc nghiệp của chúng sanh như thế nào? Thời Mạt Pháp, cũng vẫn có chánh pháp tồn tại. Chỉ cần có người đọc tụng Đại Thừa, có Tam Bảo hiện diện, có tượng Phật, có Pháp Bảo, có Tăng chúng, tức là có Tam Bảo, có chỗ cho chúng ta gieo phước thì [thời Mạt Pháp] có thể trở thành Chánh Pháp.

Nay chúng ta đang học tập, đó là Chánh Pháp. Nếu rời chỗ này đi tạo tội thì sẽ là Mạt Pháp. Ý nghĩa của việc phân chia thành các thời điểm Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp chính là: Chánh Pháp là nói theo ý nghĩa chánh đạo và thành đạo. Vừa vào trong Phật pháp, vừa nghe giảng, bèn khai ngộ, bèn hiểu rõ, đó sẽ là Chánh Pháp. Cho đến lúc Mạt Pháp thì hằng ngày đều học mà phiền não chẳng dễ đoạn. Vì sức huân tập của chúng ta chẳng đủ, cũng có lẽ suốt mấy tháng chỉ nghe giảng một hai buổi, hoặc là mấy năm mới nghe một lần, tu thì tu vậy, nhưng tu như thế nào? Đức Phật yêu cầu chúng ta nghe pháp xong, tu ngay lập tức. Đã tu bèn chứng đắc. Điều đó gọi là “*chuyên ròng, siêng năng dững mānh*” thì mới có thể trừ phiền não.

(Kinh) Do thị Như Lai thọ chư hữu tình như thị pháp dược. Thiên nam tử! Ngã thành như thị đệ thất Phật Luân. Do thử luân cố, dĩ kỳ vô thượng Biến Hành hạnh trí, thọ chư chúng sanh chủng chủng pháp dược, linh cần tu học, trừ phiền não bệnh, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tởi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống.

(經)由是如來授諸有情如是法藥。善男子！我成如是第七佛輪。由此輪故，以其無上徧行行智，授諸眾生種種法藥，令勤修學，除煩惱病，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Do vậy Như Lai trao pháp dược như thế cho các hữu tình. Nay thiên nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ bảy như thế. Do vì luân ấy, dùng hạnh trí Biến Hành vô thượng, trao các loại pháp dược cho các chúng sanh, khiến họ siêng tu học, trừ bệnh phiền não, được trụ trong an ổn, được chẳng kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng thực hiện sư tử hống).

Địa Tạng Bồ Tát hỏi như vậy, đức Phật trả lời đến Phật Luân thứ bảy như thế. “*Biến Hành*” (徧行, Sarvatraga) có năm món, đối ứng với Biệt Cảnh (別境)⁴⁶. Năm món Biến Hành [trong Tâm Sở pháp] là Tác Ý (作意, Manasi-kāra), Xúc (觸, Sparsā), Thọ (受, Vedanā), Tưởng (想, Saṃjñā), và Tư (思, Cetanā). Món thứ nhất là Tác Ý. Tác Ý là tâm chúng ta suy tưởng như vậy, vận dụng ý niệm suy nghĩ. Thọ là tiếp nhận. Tiếp nhận các hình tướng gì? Người ta đánh quý vị, quý vị sẽ cảm thấy đau. Người ta xoa bóp, quý vị sẽ cảm thấy thoải mái, chẳng nói ra ngoài hình tướng được. Đó là ý nghĩa “*tiếp nhận*”. Chẳng hạn như nếu người khác tán dương quý vị, quý vị cũng tiếp nhận âm thanh ấy. Chửi bới thì quý vị tiếp nhận, sẽ sanh khởi phiền não, hoặc sẽ cãi lộn với kẻ đó. Người khác tán dương quý vị, trong tâm quý vị khoái trá. Thọ thuộc về tâm pháp,

⁴⁶ Biệt Cảnh là năm món tâm sở do tâm vương (tám thức) duyên từng cảnh riêng biệt mà sanh khởi. Biệt Cảnh gồm Dục, Thắng Giải, Niệm, Định và Huệ. Năm món Tâm Sở này thông với thiện, ác, và vô ký.

chẳng thể dùng hình tướng để hình dung. Tướng cũng là “*biến*” (徧, trọn khắp). Biến Hành khác với Biệt Cảnh. “*Biến*” có nghĩa là “*trọn khắp hết thảy mọi nơi*”. Tướng là suy nghĩ, nghĩ tưởng. Để tướng, quý vị phải Tác Ý (khởi lên ý niệm, vận dụng tâm tư). Tác Ý khác với Tướng đôi chút. Tướng chỉ là Tư Duy, còn Tác Ý là nghĩ tới cách thức [để thực hiện]. Trong Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận, điều này đã được giải thích rất rõ ràng. Món thứ tư là Tư, Tư và Tướng thường liên quan với nhau. Tư là tư duy, tự mình tư duy. Còn Tướng thì có lúc thêm vào hồi ức; do vậy, có sai khác đôi chút. Xúc là tiếp xúc. Xúc và Thọ dường như giống nhau, nhưng thật ra, chúng hoàn toàn chẳng giống nhau.

Năm món Biến Hành ấy, do vô thượng Biến Hành, sẽ dẫn khởi phiền não. Đối với điều này, phải có trí huệ. Nếu chẳng có trí huệ, sẽ chẳng thể đoạn phiền não. Nếu quý vị siêng năng, chuyên ròng, sẽ trừ được bệnh phiền não, được trụ trong an ổn, chẳng kinh hoảng, mà cũng chẳng sợ hãi, chẳng bị sợ sệt. Đức Phật tự xưng Ngài thuộc địa vị đại tiên tôn quý, thuộc vào địa vị Phật, chuyên pháp luân của Phật. Luân ấy có thể dẹp tan tà luận của hết thảy thiên ma và ngoại đạo, ở giữa đại chúng mà sư tử hồng.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán danh đại vương, ức niệm tự tha bổn tích chủng tánh, sơ sanh, đồng tử hy hý đẳng sự, vị ức tự tha w như thị xứ, sơ sanh mộc dục, hoài bảo nhũ bộ, án ma chi tiết, nữi chí hý tiểu, hoặc lộng hôi thổ, hoặc dữ thị từng chủng chủng ngao du, hoặc tập kỹ nghệ, hoặc phục tu doanh chủng chủng sự nghiệp, hoặc du tha quốc, túc dạ thê bạc, hoặc phụng sự vương, hoặc lý vương vụ, hoặc vi Thái Tử. Hoặc đẳng vương vị, đắc đại tự tại, thọ chư khoái lạc, quảng đại danh xưng, biến chư phương duy. Niệm thị sự dĩ, an lập tiên vương sở tuân chánh pháp, phủ dục nhất thiết quốc độ nhân dân, thủ hộ tự quốc, bất xâm tha cảnh. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán danh đại vương, thành tựu như thị đệ bát vương luân. Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng.

(經)善男子！如剎帝利灌頂大王，憶念自他本昔種姓，初生童子嬉戲等事，謂憶自他於如是處，初生沐浴，懷抱乳哺，按摩支節，乃至戲笑，或弄灰土，或與侍從種種遨遊，或習技藝，或復修營種種事業，或游他國，夙夜棲

泊，或奉事王，或理王務，或為太子。或登王位，得大自在，受諸快樂，廣大名稱，遍諸方維。念是事已，安立先王所遵正法，撫育一切國土人民，守護自國，不侵他境。善男子！剎帝利種灌頂大王，成就如是第八王輪。由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh nghĩ nhớ bốn tích và chủng tánh của chính mình lẫn người khác, các chuyện như lúc mới sanh ra, vui đùa khi còn là trẻ thơ v.v... tức là mình và người khác ở chỗ như vậy, lúc mới sanh được tắm rửa, ẩm bông, bú mớm, xoa bóp chân tay, cho đến cười đùa, hoặc nghịch tro, đất, hoặc cùng người hầu ngao du các thú, hoặc học tập nghề khéo, hoặc là kiến lập, lo liệu các thứ sự nghiệp, hoặc dạo chơi nước khác, hoặc trong đêm trú lại nghỉ ngơi, hoặc phụng sự vua, hoặc lo liệu việc nước, hoặc làm Thái Tử. Hoặc lên ngôi vua, được đại tự tại, hưởng các vui sướng, danh tiếng rộng lớn, trọn khắp các phương. Nghĩ tới những chuyện ấy rồi bèn an lập chánh pháp do tiên vương đã tuân hành để vô yên, nuôi nấng hết thầy nhân dân trong quốc độ, bảo vệ nước mình, chẳng xâm lấn nước khác. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ tám như thế. Do vì luân ấy, khiến cho nước mình tăng trưởng yên vui, có thể hàng phục hết thầy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ cái thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng).

Quốc vương ấy nhớ lại quá khứ, bắt đầu từ lúc còn là đứa bé, giống như mọi người, hoặc là vọc tro, đất, hoặc là được hầu hạ, rong chơi, hoặc là học tập các thứ tài khéo, hoặc tu tập các thứ sự nghiệp, nhớ lại những chuyện thưở làm đồ đệ, hoặc làm đệ tử. Nói những chuyện ấy để làm gì? Nhớ lại lúc quá khứ, nhà vua sẽ biết phải nên làm như thế nào trong hiện tại. Vị đại vương quán đánh ấy trong quá khứ, chính mình đã lúc trẻ thơ cho tới khi trưởng thành, đã được trưởng thành dưới pháp độ của tiên vương. Ông ta nhớ lại pháp độ của tiên vương tốt đẹp ngàn nào! Ta phải phát triển. Những chỗ không tốt, ta sẽ cải tiên, đó gọi là “*cách mạng*”. Phàm là cách mạng, cải cách, tức là trừ bỏ những phần không tốt đẹp, [thế nhưng] lịch sử hoàn toàn phát triển trái ngược, diệt trừ những cái tốt đẹp. Họ cách mạng theo kiểu chiếu theo những cái xấu xa để thực

hiện. Tôi thấy lịch sử phát triển như thế đó. Phật giáo đồ nói hoàng dương Phật pháp, [thế mà] chẳng hoàng dương thì còn đỡ, [Phật pháp] sẽ bị diệt chậm một chút. Càng hoàng dương, càng bị diệt lẹ! Phật đường càng nhiều, đệ tử Tam Bảo giả mạo càng đông, mọi người ắt cần phải có con mắt chánh pháp. Vì thế, nhà vua nhớ quá khứ, phải dùng chánh pháp của tiên vương, dùng các pháp do tiên vương đã áp dụng cho quốc độ này để vỗ yên nhân dân hiện thời trong nước, bảo vệ nước mình thành tựu tốt đẹp. Tốt lành như thế sẽ khiến cho nhân dân trong nước của nhà vua có thể an cư lạc nghiệp. Đây là nhớ lại quá khứ, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng nhớ lại quá khứ!

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai xử đại chúng hội, ức niệm tứ tha túc thế sở kinh vô lượng chủng sự, vị ức nhất sanh, hoặc nhị, hoặc tam, nãi chí vô lượng bách thiên sanh sự, hoặc ức thành kiếp, hoặc ức hoại kiếp, hoặc ức vô lượng thành kiếp, hoại kiếp, tàng ư quá khứ trụ như thị xứ, như thị danh tự, như thị chủng tánh, như thị chủng loại, như thị âm thực, như thị lãnh nạp khổ thọ, lạc thọ, như thị thọ lượng, như thị cứu trụ, như thị cực ư thọ lượng biên tế, từng bỉ xứ một, lai sanh thử gian, phục từng thử một, vãng sanh bỉ xứ. Ưc niệm túc thế như thị đẳng sự vô lượng, vô biên, tùy chư chúng sanh căn tánh sai biệt, kiến lập chánh pháp, vị tác nhiều ích. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ bát Phật Luân.

(經)善男子！如是如來處大眾會，憶念自他宿世所經無量種事，謂憶一生，或二，或三，乃至無量百千生事，或憶成劫，或憶壞劫，或憶無量成劫，壞劫，曾於過去住如是處，如是名字、如是種性、如是種類、如是飲食、如是領納苦受樂受、如是壽量、如是久住、如是極於壽量邊際，從彼處沒，來生此間，復從此沒，往生彼處。憶念宿世如是等事無量無邊，隨諸眾生根性差別，建立正法，為作饒益。善男子！我成如是第八佛輪。

(Kinh: Này thiện nam tử! Như Lai ở trong các đại chúng hội như thế, nghĩ nhớ vô lượng các sự mà mình và người đã trải qua trong các đời trước, tức là chuyện trong một đời, hoặc hai, hoặc ba, cho đến vô lượng trăm ngàn đời, hoặc nhớ kiếp thành, hoặc nhớ kiếp hoại, hoặc nhớ vô lượng kiếp thành, kiếp hoại, từng trong quá khứ ở chỗ như thế,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 1

tên gọi như thế, chủng tánh như thế, chủng loại như thế, ăn uống như thế, nhận lãnh khổ thọ và lạc thọ như thế, thọ lượng như thế, tồn tại lâu dài như thế, cùng tột ngần mé thọ lượng như thế, từ chỗ kia chết, đến sanh trong cõi này, lại từ cõi này mất đi, đến sanh trong chỗ kia. Nghĩ nhớ các sự trong những đời trước như thế, vô lượng, vô biên, tùy theo căn tánh sai biệt của các chúng sanh mà kiến lập chánh pháp, hòng tạo lợi ích. Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ tám như thế).

Trong đại chúng hội, đối với hết thảy các đệ tử do ta giáo hóa, đối với trăm ngàn ức chúng sanh, đều làm gì? Thuyết pháp đúng theo căn cơ. Hoặc là ở trong hoại kiếp, các đệ tử ấy đều theo ta làm gì? Trong thành kiếp, chúng ta đều làm gì? Trong một đại kiếp, có bốn kiếp là Thành, Trụ, Hoại, Không. Thành kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, Trụ kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, Hoại kiếp gồm hai mươi tiểu kiếp, Không kiếp có hai mươi tiểu kiếp. Hoại kiếp là giai đoạn giữa Thành kiếp và Không kiếp, thế giới đã sắp hủy diệt, địa cầu hoàn toàn chẳng còn. Khi hư hoại đến tột cùng, đại tam tai [xảy ra, thế giới] chẳng còn nữa, rỗng tuếch! Sau đây, lại dần dần ngưng tụ, ngưng kết, tinh vân (Nebula) lại dần dần hình thành. Giai đoạn Thành gồm hai mươi tiểu kiếp, Trụ gồm hai mươi tiểu kiếp. Nay chúng ta đang thuộc Trụ kiếp, trọn chẳng phải là Hoại kiếp.

Trong Trụ kiếp, nghĩ nhớ các nơi trong kiếp ấy, đã trải qua thời gian nhiều ngàn ấy, lại còn trải qua rất nhiều chỗ. Trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật từng nói như thế này: Trong thế giới Sa Bà này, tức trong tam thiên đại thiên thế giới này, chẳng có chỗ nào chùng bằng vì trần mà không phải là nơi Ngài xả thân mạng. Cũng tức là nói Ngài ở trong thế giới Sa Bà độ chúng sanh quá lâu! Cho đến [thời gian] làm chúng sanh trong thế giới này cũng rất nhiều, xả thân mạng nhằm lợi ích chúng sanh. Trong quá khứ, ta trụ ở nơi đây, người cũng trụ ở nơi đây. Người khác ở nơi kia có tên gọi là gì. Các thứ chủng tánh, chủng loại như thế nào, ăn những thực phẩm gì, nhận lãnh khổ thọ, lạc thọ, thọ mạng khá nhiều, hoặc là sống lâu nơi đời, hoặc là thọ mạng rất dài. “*Tùng bỉ xứ một, lai sanh thứ gian*” [nghĩa là] lại sanh đến chỗ này, từ chỗ này chết đi, lại sanh sang chỗ khác. Nghĩ nhớ các chuyện trong các đời trước như vậy, vô lượng, vô biên, quá nhiều! Khi mọi người đều thành Phật, nhìn lại một phen, sẽ biết các sanh mạng trong quá khứ là vô lượng, vô biên.

Trong khi quý vị niệm kinh, nằm mộng là giả, chẳng thật; nhưng

khi tôi nằm mộng, có khi đúng là thật! Lại nữa nằm mộng, giấc mộng ấy là giả, nhưng có lúc, đầu óc coi nó thành sự thật. Vì sao nói như vậy? Xác thực là tôi có cảm giác ấy. Khi tôi ở Nữ Ước, tôi nằm mộng, dường như là giấc mộng bắt đầu từ thời Nguyên. Tối hôm nay, mộng vẫn chưa xong, tỉnh giấc, tối mai chỉ cần đặt đầu xuống gối, lại nằm mộng, giống như viết tiểu thuyết theo lối từng chương, từng hồi vậy. Giấc mộng ấy sẽ được tiếp tục vào hồi thứ hai như thế này, như thế nọ! Sau đây tỉnh giấc, không mộng nữa. Đây vốn là giả, vì tôi tự mình chứng nghiệm giấc mộng của mình. Do nằm mộng mà xuất gia, đến Cửu Hoa Sơn là do nằm mộng. Đến Cổ Sơn cũng là do nằm mộng. Sau khi đã đến Cổ Sơn, chẳng nằm mộng nữa. Đến nơi ấy chẳng còn mộng nữa. Sau đây, chẳng còn nằm mộng nữa, mãi cho đến hiện tại, tôi vẫn hy vọng được giấc mộng chỉ điểm. Không nằm mộng, tức là lúc không mộng, tôi lại mê. So với lúc nằm mộng, mê càng sâu hơn. Đó là tật xấu của bản thân tôi.

Tuy nói mộng là giả, nhưng nó chỉ cho tôi phương hướng, tôi bèn cho rằng nó là thật. Khi đó, cũng chưa hề tiếp xúc Phật pháp, chuyện gì cũng chẳng biết. Do nằm mộng, tôi bèn xuất gia, do giấc mộng bèn xuất gia. Sư phụ đặt cho tôi pháp danh là Giác Tỉnh (覺醒), ngụ ý “*hễ giác ngộ, sẽ thức tỉnh*”. Sau đây, tôi nghĩ cái tên ấy chẳng thích hợp cho lắm. Dường như tôi vẫn chưa tỉnh, tôi nói tôi đang nằm mộng. Mộng Tham (夢參) là cái tên do tôi tự đặt, đúng là tương phản với chữ Giác Tỉnh. Mấy hôm trước, tôi bỗng ngẫu nhiên nhớ đến thầy tôi là lão hòa thượng Tu Lâm. Khi tôi niệm kinh, nghĩ đến vị thầy thế độ đã đặt tên cho mình. Tôi nghĩ: Khi nào tôi sẽ có thể tỉnh? Nay đã sắp chết đến nơi rồi, vẫn chẳng tỉnh, vẫn đang ở trong mộng, vẫn đang tham cứu. Hiện thời, ngay cả tham cứu cũng tham cứu chẳng xong! Vì sao? Tham cứu đến mức già khòm rồi, già lụm cùm rồi, chẳng giống như thuở trẻ trung, lúc mới vừa học pháp, lúc vừa mới tu. Do vậy, tu đạo mà mong đoạn phiền não rất khó, tôi tự mình thể nghiệm. Từ kinh nghiệm của cá nhân tôi, đã xuất gia hơn sáu mươi năm, hiện thời vẫn cách biệt rất xa, chẳng nắm vững một tí nào! Quý vị đừng nghĩ tôi đang nói nhảm, chẳng nói nhảm tí nào hết!

Do đó, khi đức Phật chỉ dạy hết thầy chúng sanh, Ngài đã căn cứ vào các thứ khác biệt trong quá khứ của họ. Đức Phật thuyết pháp, chúng ta lập tức thành đạo. Nếu kẻ nào chưa thành đạo, chẳng hạn như chúng tôi cũng muốn thật sự phát Bồ Đề tâm, chúng tôi giảng giải, giảng suốt mấy tháng, chỉ sợ người giảng lẫn người nghe đều chẳng thể tiên nhập, chỉ là gieo thiện căn cho tương lai. Chúng tôi khẳng định điều này:

Tuy chẳng có lợi ích to lớn, nhưng lợi ích ấy vẫn chẳng nhỏ! Có lợi ích gì thế? Chúng ta niệm kinh Địa Tạng, giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, giảng kinh Địa Tạng, giảng kinh Thập Luân, nói chung là Địa Tạng Bồ Tát sẽ chú ý chúng ta đôi chút.

Vì thế, chúng ta nghe, niệm, đều gói gắm nơi Địa Tạng Bồ Tát. Mỗi lần, tôi niệm Địa Tạng Bồ Tát, tôi đều nghĩ như thế. Tôi và các đạo hữu đều phó thác cho Địa Tạng Bồ Tát, hy vọng Bồ Tát sẽ nhanh chóng cứu chúng con. Cái tâm của quý vị đã hướng về Ngài, Địa Tạng Bồ Tát đã hướng đến chúng ta. Thật ra, đó là quý vị tự độ chính mình, cầu người khác chẳng bằng cầu chính mình! Cầu chính mình thì quý vị có thể cầu như thế nào? Niệm, đọc, chính mình tự xem một lượt, cũng sẽ cảm vùi Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát giảng cho quý vị, quý vị càng dễ dàng khai ngộ. Vì sao phải quan sát quá khứ? Vì như thế thì mới có thể biết căn tánh của họ, mà cũng biết nhân duyên giữa Phật và chúng ta trong quá khứ. Tuy chúng ta là đệ tử Phật trong thời Mạt Pháp, mà có thể cảm được Pháp Bảo Đại Thừa vẫn còn tồn tại trong thời Mạt Pháp, Tăng Bảo tồn tại, Phật Bảo tồn tại, đây cũng chính là Trụ Thế Tam Bảo. Tượng bằng đất nặn, gỗ chạm chính là Phật Bảo, Tam Tạng kinh văn là Pháp Bảo, người cạo đầu mặc y nghiêm sắc là Tăng Bảo. Quý vị có thể thấy Tăng Bảo, nếu thường xuyên cùng ở chung với Phật Pháp Tăng Tam Bảo, sẽ đắc độ rất nhanh. Đôi khi chúng ta nói: “*Phiền não rất nặng, nghiệp chướng rất sâu*”, tiêu cực khôn ngần! Chúng ta hãy nghĩ theo phương diện này: Đã gieo không ít thiện căn, hiện thời còn có thể ở cùng Phật Pháp Tăng. Có những vị tối ngu vẫn niệm, có khi niệm cả trong mộng. Có những đạo hữu còn có thể làm như vậy, quý vị còn sợ hãi chi nữa? Vì quý vị đã học pháp, sẽ chẳng sợ hãi, cũng đã thành tựu Phật Luân thứ tám rồi!

(Kinh) Do thử luân cố, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tội chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử吼.

(經)由此輪故，利益安樂無量有情，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Do vì luân này, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, được trụ an ổn, được chẳng kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta ở nơi địa

vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng, thực hiện sự tử hống).

Trên đây là Phật Luân thứ tám.

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, tùy niệm quán sát tự quốc hữu tình, chủng tánh, kỹ nghệ, cấp chư sự nghiệp, tử tử sanh tử, nhân quả thắng liệt, sai biệt bất đồng. Tri bỉ hữu tình sanh như thị gia, kỳ thân dũng kiện, hoặc phục khiếp nhược, u chư kỹ nghệ, dĩ học, vị học, sở hữu sự nghiệp thiện tác, ác tác, phú quý, bần tiện, đoan chánh, xú lậu, như thị đẳng loại, nãi chí mạng chung. Hoặc hữu tự nghiệp vị tận nhi tử, hoặc hữu tự nghiệp dĩ tận nhi tử, hoặc phạm vương pháp hình lục nhi tử, hoặc hữu đệ tương tàn hại nhi tử, hoặc nhân tiên trượng chủ sở nhi tử, hoặc nhân linh ngữ u trập nhi tử, hoặc nhân tập học kỹ nghệ nhi tử, hoặc nhân chiến trận thương sát nhi tử, hoặc nhân đấu tránh ẩu kích nhi tử, hoặc nhân tài bảo tham lận nhi tử, hoặc nhân sắc dục đam miện nhi tử, hoặc nhân phần hận kết phần nhi tử, hoặc nhân lao quỵện đốn tệt nhi tử, hoặc nhân cơ khát pháp tuyệt nhi tử, hoặc hữu quá tử, hoặc vô quá tử, hoặc kỳ niên tử, hoặc tráng niên tử, hoặc ấu niên tử, hoặc tác chủng chủng thiện nghiệp nhi tử, hoặc tác chủng chủng ác nghiệp nhi tử. Tri chư hữu tình hành thiện hạnh giả, thân hoại, mạng chung, đương vãng thiện thú. Tri chư hữu tình hành ác hạnh giả, thân hoại, mạng chung, đương vãng ác thú. Tri thị sự dĩ, phục tự tư duy: “Ngã đương chánh cần, tu thân thiện hạnh, tu ngữ thiện hạnh, tu ý thiện hạnh. Ngã đương thi thiết chủng chủng phương tiện, tu hành bố thí, điều phục tịch tĩnh, thân hoại mạng chung, đương vãng thiện thú, vật đạo ác thú”. Tử Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, tư duy thị dĩ, dũng mãnh, tinh tấn, tu thân, ngữ, ý, tam chủng thiện hạnh, thường hành bố thí, nhất thiết sở hữu âm thực, y phục, tượng, mã, ky, thừa, ngoại cụ, y dược, phòng xá, đăng minh, cấp dư tư cụ, nô tỳ, đồng bộc, chủng chủng trân tài, châu, ngọc, thủ, túc, nãi chí thân mạng, vô sở lận tích, cấp ly sát sanh, ly bất dĩ thủ, ly dục tà hạnh, ly hư cuồng ngữ, ly thô ác ngữ, ly ly gián ngữ, ly tạp uế ngữ, ly chư tham dục, ly chư sân khuê, ly chư tà kiến.

(經)善男子！如剎帝利灌頂大王，隨念觀察自國有情，種姓技藝，及諸事業，死此生彼，因果勝劣，差別不同

。知彼有情生如是家，其身勇健，或復怯弱，於諸技藝，已學未學，所有事業善作惡作，富貴貧賤，端正醜陋，如是等類，乃至命終。或有自業未盡而死，或有自業已盡而死，或犯王法刑戮而死，或有遞相殘害而死，或因鞭杖捶楚而死，或因囹圄幽繫而死，或因習學技藝而死，或因戰陣傷殺而死，或因斗諍毆擊而死，或因財寶貪吝而死，或因色慾耽湎而死，或因忿恨結憤而死，或因勞倦頓弊而死，或因飢渴乏絕而死，或有過死，或無過死，或耆年死，或壯年死，或幼年死，或作種種善業而死，或作種種惡業而死。知諸有情行善行者，身壞命終，當往善趣。知諸有情行惡行者，身壞命終，當往惡趣。知是事已，復自思維：「我當正勤，修身善行，修語善行，修意善行。我當施設種種方便，修行佈施，調伏寂靜，身壞命終，當往善趣，勿墮惡趣。」此剎帝利灌頂大王，思惟是已，勇猛精進，修身語意，三種善行，常行佈施，一切所有飲食、衣服、象馬、騎乘、臥具、醫藥、房舍、燈明、及餘資具，奴婢、僮僕、種種珍財，頭目手足，乃至身命，無所吝惜，及離殺生，離不與取，離欲邪行，離虛誑語，離粗惡語，離離間語，離雜穢語，離諸貪慾，離諸瞋恚，離諸邪見。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như đại vương Sát-đế-lợi đã được quán danh thuận theo ý niệm, quan sát hữu tình trong nước của chính mình, chủng tánh, tài khéo, và các sự nghiệp, chết đây, sanh kia, nhân quả hơn kém, sai khác bất đồng. Biết các hữu tình đó sanh trong gia đình như thế, thân họ dùng mãi, tráng kiện, hoặc là yếu ớt, đối với các nghề khéo đã học hay chưa học, tất cả sự nghiệp là làm lành hay làm ác, phú quý hay nghèo hèn, đoan chánh hay xấu xí, thô kệch, các loại như thế cho đến lúc mạng chung: Hoặc có người nghiệp của chính họ chưa hết mà đã chết, hoặc có người nghiệp của chính họ đã hết mà chết, hoặc phạm phải phép vua, bị xử tử chết. Hoặc có khi tàn hại lẫn nhau mà chết. Hoặc do bị roi, gậy đánh đập mà chết. Hoặc do bị giam kín trong nhà tù mà chết. Hoặc do học tập tài khéo mà chết. Hoặc do chiến trận bị sát thương mà chết. Hoặc do tranh chấp, đánh lộn mà chết. Hoặc do

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

tham lam, keo kiệt của cải mà chết. Hoặc do tham đắm sắc dục mà chết. Hoặc do phần hận, phần uất mà chết. Hoặc do mệt mỏi, suy sụp mà chết. Hoặc do đói khát, thiếu thốn mà chết. Hoặc do có lỗi mà chết. Hoặc không có lỗi mà chết. Hoặc tuổi già mà chết. Hoặc tuổi tráng niên mà chết. Hoặc tuổi thơ bé mà chết. Hoặc làm các loại nghiệp lành mà chết. Hoặc làm các loại ác nghiệp mà chết. Biết các hữu tình làm các hạnh lành, thân hoại, mạng hết, sẽ tiến vào đường lành. Biết các hữu tình làm các hạnh ác, thân hoại, mạng hết, sẽ vào đường ác. Đã biết chuyện ấy rồi, lại tự tư duy: “Ta nên siêng năng chánh đáng để tu thiện hạnh nơi thân, thiện hạnh nơi ngôn ngữ, thiện hạnh nơi ý. Ta sẽ sắp đặt các loại phương tiện, tu hành bố thí, điều phục tịch tĩnh. Thân hoại, mạng chung, sẽ tiến vào đường lành, chẳng đọa vào đường ác”. Vị đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đảnh ấy tư duy như thế xong, bèn dùng mãnh, tinh tấn, tu ba thứ hạnh lành nơi thân, ngữ, ý, thường hành bố thí, hết thấy tất cả thức ăn, y phục, voi, ngựa, vật cưỡi, xe cộ, đồ trái nằm, thuốc men, nhà cửa, đèn sáng, và các thứ vật dụng sinh hoạt khác, nô tỳ, người hầu, các loại của cải quý báu, đầu, mắt, chân, tay, cho đến thân mạng, chẳng hề keo tiếc, và lìa sát sanh, lìa chẳng cho mà lấy, lìa dục tà hạnh, lìa lời hư huyễn, dối trá, lìa lời thô ác, lìa lời ly gián, lìa lời tạp uế, lìa các tham dục, lìa các sân khuê, lìa các tà kiến).

Trong phần trước, đã nói về năm thứ Biến Hành, tôi sẽ giải thích lần nữa. Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, đây là năm loại. Khi năm loại Biến Hành ấy dậy lên, chúng sẽ đồng thời khởi, chẳng có trước sau. Tác Ý (作意) có nghĩa là “cảnh giác”, có nghĩa là khi cái tâm chưa dậy lên [ý niệm], Tác Ý sẽ khiến cho cái tâm khởi niệm. Khởi niệm là dậy lên tương cảnh giới. Nếu cái tâm vừa dậy niệm, nó sẽ có thể dẫn khởi quán cảnh. “Quán” có nghĩa là đối trước cảnh. Xúc là đã đối cảnh (對境, tiếp nhận cảnh). Thọ là lãnh nhận, lãnh nhận tiền cảnh. Tưởng là nắm giữ lấy tương cảnh giới. Tư là khởi tâm tạo nghiệp. Năm loại này đồng thời cùng khởi, cho nên gọi là Biến Hành.

Vương luân thứ chín của vua Sát-đế-lợi: Vị quốc vương ấy có trí huệ to lớn, tự mình trước hết xem xét trong nước ấy, chủng tánh, tài khéo, sự khéo léo, quốc gia ấy làm sự nghiệp gì, cho đến nhân dân trong quốc gia ấy “tử thử, sanh bỉ” tức là từ nơi này chết đi, sanh vào nơi kia. Cái trí huệ biết họ “chết ở nơi này, sanh vào nơi kia” chẳng phải là Túc Mạng Trí, nhà vua hoàn toàn chẳng biết “từ thế giới này chết đi, sẽ sanh vào thế giới nào”, mà là căn cứ trên các nghiệp họ đã làm, căn cứ theo

những chuyện họ đã làm khi còn sống bèn có thể phán đoán. Những chuyện họ đã làm trong hiện tại là nhân; trong tương lai, họ sanh đến nơi kia là quả. [Cụ thể là] sanh đến chỗ nào, ông ta không phán định được; vị quốc vương ấy chẳng có Túc Mạng Trí và Tha Tâm Trí. Ở đây là nói khi ông ta quan sát, bèn quan sát nhân dân trong quốc gia ấy đã gieo cái nhân tốt hay xấu, hiện thời họ hứng chịu cái quả. Vì sao phải hứng chịu cái quả như vậy? Do quá khứ đã gieo cái nhân không tốt. Biết nhân quả quá khứ của họ là thù thắng hay kém hèn? Hiện thời, vì sao có sự khác biệt như vậy? Từ cái quả của quá khứ, sẽ có thể biết cái nhân đã làm trong đời này: Sanh trong một gia đình tốt đẹp, hay sanh vào một gia đình không tốt. Như thế nào là một gia đình tốt đẹp? Như thế nào là một gia đình không tốt đẹp? Hoàn toàn đây chẳng phải là luận định theo của cải.

Tại Ấn Độ, sanh trong chủng tánh Bà-la-môn thì là gia đình tốt đẹp, có kiến thức, có học vấn. Sanh vào chủng tánh Sát-đế-lợi thì là gia đình phú quý. Nếu sanh trong chủng tánh Phệ-xá hoặc Thú-đà-la, sanh trong nhà đồ tể, sanh trong nhà thợ thuyền, sẽ là hơn kém bất đồng. Có người sanh ra cứ một mực trưởng thành, thân thể rất mạnh khỏe, rất dũng mãnh, rất tráng kiện. Có người sanh ra liền ốm đau, quặt quẹo, đó là ý nghĩa của từ “*khiếp nhược*” (怯弱) [trong chánh kinh]. Có người sanh ra đã rất thông minh, rất lanh lợi, hễ học nghề khéo nào liền thông hiểu. Có kẻ học rất khó, rất đần. Giống như trong thuở trước, công nhân theo thầy học ba năm, có người học một năm đã hiểu, mỗi người mỗi khác!

Do vậy làm lành, làm ác, phú quý, nghèo hèn, sanh ra đoan chánh, hoặc xấu xí, thô kệch, đủ mọi chủng loại, cho đến mạng chung, cũng là thọ mạng mỗi người khác biệt. Có người vì nghề nghiệp của chính mình, mạng chưa đáng chết mà lại chết mất. Đó là thọ mạng chưa tận, mà lại đoan mạng chết đi. Duyên tận bèn chết thì là chết chánh đáng. Tục gia có cách nhìn như thế này: Nếu chết trong nhà của chính mình thì gọi là “*thọ chung chánh tâm*” (壽終正寢). Nếu chết ở bên ngoài, là do quý vị tạo nghiệp, chẳng thể “*thọ chung chánh tâm*”, chết trong khi đang lưu lạc. Nếu phạm phải phép vua, bị chặt đầu, hoặc bị phán hình phạt treo cổ. Đây là “*chết vì hình lục*”. Họ do giết hại lẫn nhau mà chết, hoặc là bị roi gậy quật đánh mà chết. Bị trách phạt, hoặc do đấu đá với kẻ khác, hoặc bị giam cầm, chết trong tù ngục. Cho đến cả một đời u ám, chết trong nhà giam. Hoặc là vì học nghề khéo, bất luận học nghề nào, vì lỡ làm gây nên thương tích mà chết. Cũng có trường hợp như vậy. Hoặc là

quân trận đôi bên giao chiến mà chết. Hoặc là xô xát do cãi lộn với người khác mà chết. Hoặc vì tham luyến của cái mà chết.

Đối với chuyện tham luyến của cái này, tôi kể một câu chuyện: Có một vị lão hòa thượng suốt đời chặt mót được một đĩnh bạc, chẳng cần thận, làm rớt xuống nhà cầu. Do tiếc nuôi đĩnh bạc ấy, bèn chết đi. Sau khi mạng chung, ông ta biến thành một con ếch ở dưới hầm cầu, ôm đĩnh bạc ấy. Vị thầy Tri Khách trong ngôi chùa ấy rất có thần thông, rất có trí huệ, biết vị lão hòa thượng ấy chết rất bất thường, bèn mời người đào nhà cầu ấy lên. Hầm cầu trong chùa ở Đại Lục rất sâu, đào lên rất tốn công. Đào vét sạch cái hầm ấy, mới lấy ra được, niêm kinh hồi hướng, cầu nguyện cho ông ta, dùng đĩnh bạc ấy vì ông ta làm Phật sự, giúp cho ông ta siêu độ. Vị lão hòa thượng ấy may mắn gặp vị sư Tri Khách ấy. Nếu chẳng gặp, sẽ vĩnh viễn đọa trong đó để mà tham tiếc. Vì tham luyến tiền tài mà chết giống như thế, thường là những kẻ làm kinh doanh thất bại, tiền của đều tổn thất, hoặc do cái tâm nuôi tiếc của báu bị mất đi. Do toàn bộ tâm lực chú ý vào đó, hề mất đi, mạng người ấy cũng chấm dứt theo. Đó là do tham keo tài sắc mà chết vậy!

Hoặc là vì sắc dục mà chết. Có người luyến ái chẳng thành, u buồn mà chết. Có người luyến ái đã thành, cũng vì tham dục mà chết. Hoặc bị người khác hãm hại, tâm lý chẳng cân bằng được, không có sức chống lại kẻ đó, bèn phần hận, u uất mà chết. Đủ loại chết như vậy. Hoặc là do mệt nhọc, kiệt sức mà chết, hoặc là đói khát, thiếu thốn, suy kiệt mà chết. Hoặc là có lỗi mà chết, không có lỗi mà chết. Hoặc chết vào lúc tuổi già, hoặc chết trong thuở tráng niên, hoặc chết khi còn tấm bé. Hoặc là có thiện nghiệp mà chết, có kẻ mang ác nghiệp mà chết.

Vị vua Sát-đế-lợi ấy căn cứ vào các loại tình huống tử vong để phán đoán. Ông ta nói hữu tình do tạo thiện nghiệp, khi thân hoại, mạng chung, nhất định sẽ sanh vào chôn lành, sanh trong đường trời người. Nếu là kẻ rất ác, làm ác lắm nổi, kẻ ấy thân hoại, mạng chung, nhất định sanh vào tam ác đạo. Ông ta thấy sự tình trong xã hội, thấy rất rõ ràng. Bất quá, chỉ giới hạn trong vòng nhân dân của đất nước mình. Nói theo Phật giáo, không chỉ là một vị vua Sát-đế-lợi, chúng ta nhìn vào thế gian, xem toàn thể nhân gian, chuyện này thuộc vào pháp Tứ Đế. Lại nói nó là pháp thế gian. Hết thấy Phật pháp chẳng rời thế gian. Phật pháp do đức Phật đã nói chính là vì thế gian mà kiến lập pháp xuất thế gian.

Chúng ta có rất nhiều người sống đến sáu mươi mấy tuổi, trải qua rất nhiều chuyện trong thế gian. Kinh này nói đến các loại chết là nói đến thọ mạng khác biệt, có các loại chết [khác nhau]. Thuở ấy, còn chưa

có tai nạn xe cộ. Nếu có tai nạn xe cộ, nhất định là sẽ có trường hợp chết vì tai nạn xe cộ. Có đủ loại tai nạn xe cộ, cũng có trường hợp chết vì máy bay. Thuở đó, chỉ có thuyền, qua sông bị chết đuối thì có, nhưng công cụ để qua sông khác biệt. Giống như chúng ta ngồi thuyền lớn, thuyền chạy bằng máy, rất tốt. Thuyền gỗ trước kia cũng khá lắm. Nếu mọi người sống tại Tây Tạng, lúc qua sông ở vùng Khang Tây⁴⁷ phải ngồi thuyền, sẽ khiến quý vị sợ chết khiếp! Thuyền gì vậy? Thuyền bằng da bò. Một lớp da bò được lột ra, dùng bốn cọc gỗ để căng ra, đem phơi khô, dùng nó [bọc khung gỗ làm thành thuyền] để vượt sông. Họ chèo như thế này: Mỗi bên có một mái chèo. Đi về phía này thì chèo bên này, đi về phía bên kia thì chèo bên kia. Ngồi trong thuyền sẽ khiến quý vị sợ run lập cập. Sóng dồn tới, thuyền sẽ bị tung lên rất cao. Sóng rút xuống, thuyền lại trầm xuống. Nếu gặp sóng dữ, nước ủa vào, sẽ bị nhấn chìm. Nhấn chìm thì cũng chẳng có cách nào hết.

Đây là nói về các loại chết, chết đủ mọi cách, mọi dạng. Vị đại vương quán đảnh Sát-đế-lợi này, khi tu phước, đã quan sát đủ loại hiện tượng trong quốc giới, bèn tư duy. Ông ta nói: “Sanh mạng vô thường, chẳng thể làm chuyện xấu, chỉ nên làm chuyện tốt. Ta phải nên theo con đường chánh xác, siêng năng, dũng cảm tu hành”. “*Ngã đương chánh cần*” (Ta nên siêng năng chánh đáng): “*Chánh*” là chánh xác, chẳng phải là tà ma, ngoại đạo. Tự mình tu thiện hạnh nơi thân. Thiện hạnh nơi thân là thân nghiệp. Thiện hạnh là không giết, không trộm, không tà dâm. Tu thiện hạnh nơi lời ăn tiếng nói, tức là tu cái miệng, chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói thô ác, chẳng nói đôi chiều. Đây là tu ngữ thiện nghiệp. Tu thiện hạnh nơi ý là chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Ngoài ra, còn phải hành các loại bố thí, sắp đặt đủ loại phương tiện. Tu bố thí thì cũng phải là phương tiện thiện xảo, điều phục cái tâm của chính mình. Nhà vua có thể đắc Định, điều hòa hơi thở, khiến cho cái tâm lắng xuống. Như vậy thì tới khi thân hoại, mạng chung, sẽ có thể sanh vào đường lành, chẳng đọa trong nẻo ác. Vị vua Sát-đế-lợi quán đảnh tư duy về chuyện này; sau đó, ông ta dũng mãnh, tinh tấn. Tu thiện

⁴⁷ Khang Tây là cách người Hoa phiên âm tên gọi vùng Kham của Tây Tạng (còn được phiên âm là Khách Mộc, và dịch là Khang Khu). Vùng này nằm ở phía Đông Tây Tạng, là một tỉnh xưa của Tây Tạng, tiếp giáp với hai tỉnh Vệ Tạng (U-Tsang) và Am Đương (Amdo). Tỉnh này nay đã được chia nhỏ thành nhiều huyện để sáp nhập vào các tỉnh Tứ Xuyên, Thanh Hải, Cam Túc, và Vân Nam. Chiến binh Khampa nổi tiếng về tài bắn cung và cưỡi ngựa. Do đây là vùng đầu nguồn của bốn con sông lớn, nên họ sử dụng thuyền rất nhiều.

hạnh nơi ba nghiệp thân, ý, ngữ, hành thiện đạo. Thường hành bố thí, bố thí gì vậy? Thức ăn, quần áo, hết thấy các công cụ giao thông, voi, ngựa, xe cộ, cho đến đồ trải để ngủ, cho đến thuốc men cho người mắc bệnh, bố thí nhà cửa, bố thí đèn chiếu sáng, cho đến hết thấy các vật dụng cần thiết cho cuộc sống, tùy sức mà hành.

Vua quán đảnh Sát-đế-lợi có sức mạnh ấy, nhưng hiện thời, ông ta chẳng làm quốc vương, lúc đó, ông ta là người tu hành. Do sự tu hành, tư duy, thí xả, chẳng tạo các nghiệp ấy, cho nên lìa khỏi sát sanh, lìa khỏi chẳng cho mà lấy, lìa dục tà hạnh, cũng tức là lìa khỏi giết, trộm, dâm. Thân chẳng làm giết, trộm, dâm, miệng lìa lời lẽ hư dối, lời thô ác, lời ly gián, lời tạp uế. Chúng ta gọi lời lẽ tạp uế là ý ngữ (綺語, nói thêu dệt). Lời ly gián chính là nói đôi chiều, lời thô ác là ác khẩu, lời hư dối là vọng ngữ. Lìa các tham dục, lìa các sân khuể, lìa các tà kiến, cũng là lìa tham, sân, si.

(Kinh) Do thị nhân duyên, thử Sát-đế-lợi quán đảnh đại vương, đương hoạch thập chủng công đức thắng lợi. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, cụ đại danh xưng. Nhị giả, cụ đại tài bảo. Tam giả, cụ diệu sắc tướng. Tứ giả, cụ đa quyền thuộc. Ngũ giả, thiếu bệnh, thiếu não. Lục giả, bằng hữu, quyến thuộc thông huệ, đa văn. Thất giả, chánh chí, chánh hạnh, thân cận cúng dường. Bát giả, quảng mỹ thanh dự, lưu chấn thập phương. Cửu giả, đại oai đức thiên thần, thường tùy vệ hộ. Thập giả, thân hoại, mạng chung, đương sanh thiên thượng, thường cư thiện thú, An Lạc quốc độ. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đảnh đại vương, thành tựu như thị đệ cửu vương luân.

(經)由是因緣，此剎帝利灌頂大王，當獲十種功德勝利。何等為十？一者、具大名稱。二者、具大財寶。三者、具妙色相。四者、具多眷屬。五者、少病少惱。六者、朋友眷屬，聰慧多聞。七者、正至正行，親近供養。八者、廣美聲譽，流振十方。九者、大威德天神，常隨衛護。十者、身壞命終，當生天上，常居善趣，安樂國土。善男子！剎帝利種灌頂大王，成就如是第九王輪。

(Kinh: Do nhân duyên ấy, vị đại vương Sát-đế-lợi được quán đảnh ấy sẽ đạt được mười loại lợi ích công đức thù thắng. Những gì là mười? Một là trọn đủ danh xưng to lớn. Hai là trọn đủ của cải to lớn. Ba là trọn đủ sắc tướng màu nhiệm. Bốn là có nhiều quyến thuộc. Năm là ít

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 1

bệnh, ít phiền não. Sáu là bạn bè, quyến thuộc thông minh, trí huệ, đa văn. Bảy là chánh chí, chánh hạnh thân cận, cúng dường. Tám là thanh danh đẹp đẽ rộng lớn, vang rền mười phương. Chín là thiên thần có oai đức lớn thường theo bảo vệ. Mười là khi thân hoại, mạng chung, sẽ sanh lên trời, thường ở trong đường lành, hoặc cõi An Lạc. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ chín như thế).

Do nhân duyên mười nghiệp thanh tịnh, quán đánh đại vương Sát-đế-lợi đạt được mười loại công đức thù thắng. Không chỉ riêng mình ông ta, bất cứ hữu tình chúng sanh nào, nếu hành Thập Thiện Nghiệp, tùy thuộc người ấy hành Thập Thiện Nghiệp như thế nào, có sâu, có cạn. Như chúng ta thọ Ngũ Giới, đối với giới lìa tà dâm, nếu người ấy trì giới, ngay cả chánh dâm cũng không dâm, sẽ có thể sanh về Phạm Thiên. Người ấy chẳng nói dối, nói lời chân thật, chẳng nói lời chàm ngòi ly gián, tận lực nói lời tốt lành, khiến cho người khác hiền hòa, tốt đẹp. Đây là người ấy đã đảo ngược [những tập khí xấu ác], đó là công đức của người ấy, ai cũng gọi người ấy là “*đại thiện nhân*”, thanh danh đẹp đẽ. Vì người ấy bố thí, sẽ có thể được giàu to. Quả báo của bố thí là sẽ giàu có. Chúng ta cho rằng xả rồi sẽ chẳng có, khéo tương phản là trong tương lai, quý vị sẽ đạt được của cải to lớn. Có của cải là do phước đức chiêu cảm, hoặc do tu hành chiêu cảm. Quý vị chẳng có phước báo, hết thảy của cải đều chẳng thuộc về quý vị!

Mọi người biết hoàng đế cuối cùng của nhà Mãn Thanh là Tuyên Thống (Phổ Nghi). Về sau, lúc ông ta ngôi tù, chỉ có một người cháu trai theo ông ta. Người cháu ấy một mực theo ông ta đến cùng, cũng ở tù cùng với ông ta. Cháu ông ta hoàn toàn chẳng phạm tội gì, từ nhỏ đã ở bên cạnh chăm sóc ông ta, theo ông ta đi tù để có thể chăm sóc cuộc sống cho cựu hoàng. Anh ta và chú mình cất giấu rất nhiều thứ quý báu, chuyển từ trong cung ra, một mực cất giấu. Từ lúc sang Liên Xô cho đến khi về nước, Liên Xô chẳng tịch thu, chính quyền [Trung Quốc] chẳng tịch thu, vẫn cho anh ta giữ, tùy ý anh ta bán cho ai cũng được. Về sau, anh ta hiến toàn bộ cho nhà nước. Năm trước, tôi trở về Nam Phổ Đà, có gặp anh ta. Nay anh ta đang học vẽ, có họ là Ái Tân Giác La⁴⁸, biến thành một họa sĩ.

⁴⁸ Ái Tân Giác La (Aisin Gioro) là họ của các hoàng đế nhà Thanh. Aisin có nghĩa là Kim Quốc, chỉ triều đại nhà Kim trong lịch sử Trung Hoa vì Hoàng Thái Cực tự coi

Sau khi Phổ Nghi mất, chính quyền [Trung Quốc] đối xử với anh ta cũng khá khoan dung. Sau khi tốt nghiệp học viện nghệ thuật, anh ta làm họa sĩ. Ở Nam Phổ Đà, tôi có gặp anh ta, tôi nói: “Trở về Cố Cung, anh có cảm tưởng như thế nào?” Nếu Phổ Nghi không chết, vẫn làm hoàng đế, kể như anh ta là Thái Tử. Phổ Nghi chết rồi, sẽ do anh ta tiếp nhận [ngôi báu]. Anh ta nói: “Hết thầy vô thường, cũng chẳng thuộc về chúng ta, rốt cuộc sẽ thuộc về ai?” Anh ta học Phật đã rất lâu, hiểu được đạo lý ấy. Tôi lấy anh ta làm thí dụ, vì rất nhiều người mong cầu của cải, nói món đồ chi đó là bảo bối, rất đáng tiền. Ngay lập tức, quý vị sẽ có cách nhìn khác, sẽ đặc biệt bảo vệ món đồ ấy, sợ bị mất đi. Thật ra, quý vị chẳng thể bảo vệ được món đồ ấy. Hiện thời, trân bảo của Cố Cung rải rác khắp thế giới. Các món trân bảo ấy do đâu mà có? Khi một triều đại hoàng đế có phước, sẽ có người khai thác của báu từ trong biển dâng lên, cũng có món đồ do ngoại quốc tấn cống. Long vương, quỷ thần đều biến thành người bình phàm đến dâng của báu. Khi phước báo đã hết, thứ gì cũng đều chẳng còn, chỉ sợ bát cơm cũng biến thành vấn đề. Trân bảo là gì? Ăn no là trân bảo!

Đại ca Phổ Nghi, tại Bắc Kinh, [mọi người] thường gọi ông ta là Đại A Ca⁴⁹. Trước kia ông ta hút nha phiến (thuốc phiện), hút bạch phiến

là người phục hưng nhà Kim (nhà Thanh thoát đầu xưng quốc hiệu là Hậu Kim). Ái Tân là tộc danh (tên thị tộc, bộ tộc), còn Giác La là họ thật sự, Thanh Thái Tổ (Hoàng Thái Cực) đã ghép hai chữ này thành họ riêng của chi tộc mình. Giác La là bộ tộc Mãn Châu sống ở vùng Yilan, tỉnh Hắc Long Giang. Khi thành hoàng đế Trung Hoa, theo khuynh hướng Hán hóa, các vua đã đặt ra một số chữ trước tên mỗi thế hệ để đánh dấu thứ tự truyền thừa. Khang Hy đặt ra hai chữ Dận và Hoảng để đánh dấu con cháu trực hệ của mình. Càn Long đặt thêm các chữ Vĩnh, Miên, Dịch, Tải. Vua Đạo Quang đặt thêm các chữ Phổ, Dục, Hằng, Khải. Vua Hàm Phong đặt các chữ Đào, Tăng, Kỳ. Chẳng hạn vua Ung Chánh tên húy là Dận Chân, Càn Long là Hoảng Lịch, Gia Khánh là Vĩnh Diễm, Đạo Quang là Miên Ninh, Hàm Phong là Dịch Trữ, vua Quang Tự là Tải Diễm, vua Tuyên Thống tên húy là Phổ Nghi v.v... Sau khi nhà Thanh sụp đổ, con cháu hoàng tộc Ái Tân Giác La thường đổi họ thành Kim, Ngải, La, Triệu, hoặc lấy chữ thuộc thế hệ làm họ (như trường hợp của nhà thư pháp Khải Công, hoặc em trai vua Phổ Nghi là Phổ Nhậm đổi tên thành Kim Hữu Chi), nhưng vẫn có người giữ nguyên họ hoàng gia như diễn viên Ái Tân Giác La Khải Tinh, nhà thư pháp Ái Tân Giác La Khải Tương v.v...

⁴⁹ A Ca (阿哥), còn phiên âm là A Cách (có nghĩa là “anh” giống như “ca ca” trong tiếng Hán), vốn là một tiếng xưng hô trang trọng trong tiếng Mãn Châu để gọi vương tử, con cái của vương tử, thiếu gia, công tử v.v... Khi quân Mãn Châu vào Trung Hoa, danh xưng này trở thành tước hiệu riêng để gọi các hoàng tử nhà Thanh và các thế tử của các vương công Mông Cổ. Năm 1635, Thanh Thái Tông Hoàng Thái Cực

(heroin), [gia sản] vẫn có thể cầm cự, chẳng đến nỗi suy sụp nhanh như thế. Nhưng ông ta bài bạc, trong một đêm, thua mất một vạn, hai vạn đồng. Toàn chơi những canh bạc lớn, bán sạch đại vương phủ lẫn các phủ trách. Thua sạch rồi, chẳng có tiền thì làm gì? Thuở ấy, Bắc Kinh nói “kéo xe”. Ông ta phải đi kéo xe. Ai nấy đều biết, đó là Đại A Ca kéo xe! Thuở ấy, ông ta là thân vương, khi quý vị phước báo đã mất, cái gì cũng chẳng có! Quý vị chẳng thể dùng cân não để tích tụ được của cải đâu nhé, nhất định phải hiểu đạo lý này!

“*Cụ diệu sắc tướng*” (Trọn đủ sắc tướng màu nhiệm): Trưởng thành rất đẹp đẽ, ai trông thấy cũng đều hoan hỷ, lại còn hết sức cung kính. Có những kẻ xấu xí, thô kệch, nên bị kẻ khác xem thường. Nếu kẻ đó có nội đức thì còn được. Nếu nội đức cũng chẳng có, sẽ chẳng được người khác cung kính. “*Diệu sắc tướng*” là sắc tướng thù diệu, chẳng bình phàm! Có nghĩa là vị quốc vương ấy nếu có thể làm các thiện sự đó, tức là thực hiện tốt đẹp Thập Thiện Nghiệp, thậm chí còn hành bố thí, thì trong hiện đời, sẽ có được mười thứ lợi ích: Trọn đủ tiếng tăm to lớn, trọn đủ của cải to lớn, trọn đủ sắc tướng màu nhiệm, quyền thuộc đông đảo. Mọi người đừng nghĩ “*quyến thuộc*” chỉ là con cái, hay lục thân của chính mình, trọn chẳng phải là như vậy. Chúng ta là đệ tử đức Phật, đều là quyến thuộc của đức Phật, tức quyến thuộc của Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu chúng ta sanh vào thế giới Cực Lạc, sẽ lại thay đổi, sẽ là quyến thuộc của A Di Đà Phật. Đây cũng là quyến thuộc của Phật, là đệ tử Tam Bảo. Bất luận phá giới, thậm chí trái nghịch Tam Bảo, Phật vẫn nhiếp thọ quý vị, quý vị vẫn là quyến thuộc của Phật. Nếu quý vị trì giới thanh tịnh, nương theo Tam Quy, hành Thập Thiện, sẽ là quyến thuộc tốt. Quyến thuộc của đức Phật không nhất định mỗi người đều là đại Bồ Tát. Trong thời Mạt Pháp, quyến thuộc của đức Phật là tứ chúng đệ tử. Có rất nhiều kẻ xấu, nhưng đức Phật chẳng vứt bỏ họ. Nói chung là do thiện căn, trong tương lai, cũng sẽ được nhiếp thọ. Vì thế, vị quốc vương ấy làm nhiều chuyện tốt đẹp như vậy, quyến thuộc của quốc vương đặc

(Hong Taji, Đại Hãn đời thứ hai của nhà Hậu Kim, về sau cải quốc hiệu là Đại Thanh, cha của vua Thuận Trị (Phúc Lâm) nhà Thanh) hạ chiếu quy định chỉ có con và cháu trai của Thái Tổ Nỗ Nhĩ Cáp Xích được gọi là A Ca. Dân chúng không được gọi thẳng tên họ, mà phải gọi họ bằng A Ca hoặc Giác La. Sau khi chiếm được Trung Hoa, Thanh Thái Tông lại hạ lệnh: Tất cả con cháu trực hệ của hoàng đế được gọi là tông thất, chỉ riêng các hoàng tử mới được gọi là A Ca, thêm vào chữ chỉ thứ tự. Chẳng hạn Ung Chánh trước khi lên ngôi, được gọi là Tứ A Ca (do hoàng tử Dận Chân là con trai thứ tư của vua Khang Hy).

biệt đông đảo. Quốc dân trong quốc gia họ đều là quyền thuộc của nhà vua.

Loại công đức thứ năm là ít bệnh, ít khổ não. Rất ít sanh bệnh, rất ít phiền não. Thậm chí tất cả cảnh giới bên ngoài đều chẳng thể khiến cho vua cái kinh, đều khiến cho vua ít phiền não. Vua có chánh niệm hiện tiền, đương nhiên là ít bệnh, ít phiền não. Bằng hữu và quyền thuộc của vua cũng đều có trí huệ. Lại còn đa văn, đa văn là nói đến chuyện nghe pháp. Chúng ta mở rộng thêm một chút, sẽ là có tài khéo công nghệ thế gian, các loại kỹ thuật đều học được toàn bộ. Ông ta thông minh, “*đa văn*” là nghe nhiều pháp. Chánh trí, chánh hạnh, ông ta làm toàn chuyện tốt, đều là các hành vi chánh thường, đều chẳng lìa khỏi Thập Thiện, nói chung là như thế đó. Thân cận cúng dường Phật, Bồ Tát, cúng dường Tam Bảo, cho đến cúng dường, thí xả cho hết thầy mọi người.

“*Quảng mỹ thanh dư, lưu chân thập phương*” (Tiếng tăm rộng lớn đẹp đẽ vang dội khắp mười phương): [Thanh danh của] vị thiện vương ấy cho đến hiện tại vẫn còn được lưu truyền, như vua A Dục (Asoka Maurya) tạo tám vạn bốn ngàn tòa Phật tháp, trọn khắp thế giới Sa Bà. Trên trời, trong nhân gian, và cung rồng đều có. Nhân gian kể ra vẫn còn rất ít. Tại Trung Hoa, chỉ có chùa A Dục Vương ở Ninh Ba. Các nơi khác cũng nói là có xá-lợi của đức Phật, hoàn toàn chẳng thể khảo cứu được. Hiện thời, răng Phật⁵⁰ còn có thể khảo chứng. Xá-lợi lóng xương ngón tay của Phật ở chùa Pháp Môn còn có thể khảo chứng. Đối với [nơi thờ] xá-lợi đức Phật [tại Trung Hoa], chỉ có chùa A Dục Vương do vua A Dục kiến tạo là có một hạt, nhưng trong Phật đường của nhân gian, xá-lợi Phật quá nhiều. Đây cũng là xá-lợi Phật, mà kia cũng là xá-lợi Phật.

Lúc tôi ở Đài Bắc, có một đệ tử nói: Có người lấy được xá-lợi Phật đem bán, ông ta mua rất nhiều xá-lợi của Phật, đầy cả một bình, đem thờ ở đó! Quý vị coi đó là xá-lợi Phật để thờ phụng cũng được, ngay cả hình tượng vẽ trên giấy cũng đều là xá-lợi của Phật. Thế nhưng,

⁵⁰ Hiện thời, tại Tân Gia Ba có Phật Nha Tự Long Hoa Viện thờ xá-lợi là một chiếc răng được tin là của đức Phật, và chùa Sri Dalada Maligawa tại Kandy (Sri Lanka) cũng thờ một chiếc răng của đức Phật. Ngoài ra, tại chùa Linh Quang ở Bắc Kinh, tổng đàn Phật Quang Sơn ở Cao Hùng (Đài Loan), chùa Viên Giác (Zuirokusan Engaku Kōshō Zenji, Thụy Lộc Sơn Viên Giác Hưng Thánh Thiên Tự) ở Kamakura (Kiềm Thương) Nhật Bản, chùa Somawathiya Chaitya tại Plonnaruwa (Sri Lanka), chùa Lu Sơn (ở Rosemead, California) đều tuyên bố họ có thờ răng Phật. Không biết ở đây lão pháp sư nói đến nơi nào.

xá-lợi Phật thật sự chỉ có một viên. Đối với tiếng tăm danh vọng, tôi nêu vua A Dục làm thí dụ. Như Đường Thái Tông được tất cả mọi người xưng tụng là “hiền quân” (vua hiền) hoặc “thánh quân”. Đời Đường, Phật pháp đặc biệt hưng thịnh. Gần đây nhất là vị hoàng đế tương đối hưởng phước là vua Càn Long, làm vị thái bình thiên tử suốt sáu mươi năm. Chuyện gì cũng đều chẳng phải làm, lo làm thơ, vui chơi, ngắm phong cảnh. Đó là chuyện ông ta phải làm! Làm hoàng đế kiêu đó rất sung sướng. Sau ông ta, hai ba đời vua vẫn còn khá. Đó là quả báo thanh danh rộng lớn, đẹp đẽ!

“Cửu giả, đại oai đức thiên thân thường tùy vệ hộ” (Chín là bậc thiên thân có oai đức lớn thường theo hộ vệ): Người ấy chẳng thấy được. Tại Bắc Kinh, [dân chúng] thường kể những câu chuyện về Càn Long. Quan Thánh Đế Quân chỗ nào cũng có miếu thờ; là do chánh lệnh của Càn Long ban xuống, ấn định thành pháp luật quốc gia: “Mỗi huyện, mỗi thôn làng đều dựng miếu Quan Đế”. Vì sao dựng miếu Quan Đế? Vào thời Càn Long mới khởi đầu [xây dựng], trước kia, cũng chẳng có. Sau này, quý vị tới từng thôn trấn đều có miếu Quan Đế. Quan Đế thánh quân cũng hiền thánh, vì Quan Đế thánh quân bảo vệ vua Càn Long. [Chuyện kể rằng]: Có một hôm khi vua thượng triều, nghe đằng sau có tiếng vũ khí, ông ta chẳng cho đó là có người ám sát, mà biết đó là thần đến bảo vệ ông ta. Vua hỏi: “Ai hộ giá? Ai đến bảo vệ ta?” Sau lưng vua có tiếng đáp: “Nhị đệ Vân Trường”. Ông ta biết chính mình là Lưu Bị chuyển thế. Hoàng đế đều rất thông minh, bèn hỏi: “Tam đệ (Trương Phi) ở đâu?” Quan Công đáp: “Trấn thủ Liêu Dương”, cũng chính là Liêu Dương ở miệt Đông Bắc. Bất quá, vị tướng quân trấn thủ Liêu Dương chẳng có phước báo. Càn Long nghe nói, liền điều vị ấy vào kinh. Do tâm vua nôn nóng bèn dùng kim bài để vờ. Sau khi nhận được kim bài, [vị tướng quân] ấy lập tức phải lên đường, ngày đêm rong ruổi. Đó gọi là “kim bài điều”. Bị điều động, vị tướng quân ấy cho rằng chính mình đã phạm lỗi lầm rất lớn. Nếu không, sao [triều đình] lại dùng kim bài để điều động? Ông ta uống thuốc độc tự sát. Đây là một câu chuyện cũ. Đó là “đại oai đức thiên thân thường tùy thủ hộ”.

Như trong lúc chúng ta thọ giới, quý vị thọ Tam Quy, thọ Ngũ Giới, sẽ có hộ pháp thiện thân hộ trì quý vị. Quý vị vừa phá giới, họ liền rời khỏi quý vị. Phạm là người thọ Tam Quy, Ngũ Giới, sẽ gặp nguy nan rất ít. Tại Bắc Kinh thuở đó, có một vị hòa thượng hút thuốc phiện, lúc chết thì vẫn chết trong ngôi chùa ấy. Vào thời đó, Nhật Bản xâm lược [Trung Hoa], sau khi họ đã chiếm Bắc Kinh, tôi còn ở Bắc Kinh, có rất

hiều hòa thượng hút thuốc phiện. Trong chùa còn có tiền [thì chưa sao], lúc hết tiền, họ bèn bán chùa từng chỗ một. Những ngôi chùa ấy đều rất lớn. Họ tùy tiện bán một ít đất đai, đủ cho họ hút một, hai năm, nhưng họ cũng chẳng đến nỗi chết vật vạ trên đường phố!

Ở quê hương tôi có lời đồn, mùa Đông lạnh mấy chục độ âm, hành tây bị đông cứng, nhưng không chết, vẫn sống như thường. Có bao nhiêu tai ương, bao nhiêu tai nạn, vẫn chưa thấy có hòa thượng phải lê lét, lêu bêu ngoài đường. Tục ngữ có câu: “*Nga bắt tử Tăng, đông bắt tử thông*” (Tăng chẳng chết đói, hành chẳng chết vì lạnh). Vì thế có người nói: “*Chẳng có cơm ăn bèn xuất gia làm hòa thượng!*”. Ở phương Bắc, phong tục này rất nặng. Thuở ấy, tại các chùa ở nông thôn, hòa thượng không ăn chay, đều ăn mặn. Tuy rằng trong chùa không cho phép hòa thượng cưới vợ, nhưng họ cũng chẳng thọ giới, còn có “*ngoại gia*”. Ngoại gia là gì? Nhà của họ ở bên ngoài, chẳng ở trong chùa. Đó gọi là “*ngoại gia*”. Thời Mạt Pháp là như vậy đó. Đối trước hiện tượng này, đức Phật chẳng cho phép hủy báng họ, không chấp thuận hành hình họ, không chấp thuận dùng phép nước để xử phạt họ, vì họ thuộc chủng tánh Tam Bảo.

Nếu quý vị làm thiện nghiệp, sẽ có bậc oai thần đến hộ pháp cho quý vị. Khi quý vị thân hoại, mạng chung, sẽ sanh lên trời, thường ở trong đường lành. “*Quốc độ an lạc*” là nhân gian hoặc trên cõi trời. Đây là đại vương Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ chín như thế đó.

(Kinh) Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng. Thiện nam tử! Như thị Như Lai như thật liễu tri nhất thiết hữu tình tử sanh đẳng sự, vị như thật tri: Nhược chư hữu tình, thành thân ác hạnh, thành ngữ ác hạnh, thành ý ác hạnh, phi báng hiền thánh, cụ túc tà kiến, tà kiến nghiệp nhân, thân hoại, mạng chung, đọa chư ác thú, hoặc sanh địa ngục, hoặc sanh bàng sanh, hoặc sanh ngã quý. Nhược chư hữu tình, thành thân thiện hạnh, thành ngữ thiện hạnh, thành ý thiện hạnh, bất báng hiền thánh, cụ túc chánh kiến, chánh kiến nghiệp nhân, thân hoại, mạng chung, thăng chư thiện thú, hoặc sanh thiên thượng, hoặc sanh nhân trung, hoặc tận chư lậu. Như Lai như thị như thật tri dĩ, u bĩ chúng sanh, khởi đại từ bi, dũng mãnh, tinh tấn, hiện tam thân biến, linh bĩ chúng sanh, quy thú Phật pháp, giáo giới an trí, thành lập thế gian, xuất thế gian tín.

(經)由此輪故，令自國土增長安樂，能伏一切怨敵惡友，善守護身，令增壽命。善男子！如是如來如實了知一切有情死生等事，謂如實知：若諸有情，成身惡行，成語惡行，成意惡行，誹謗賢聖，具足邪見，邪見業因，身壞命終，墮諸惡趣，或生地獄，或生傍生，或生餓鬼。若諸有情，成身善行，成語善行，成意善行，不謗賢聖，具足正見，正見業因，身壞命終，升諸善趣，或生天上，或生人中，或盡諸漏。如來如是如實知己，於彼眾生，起大慈悲，勇猛精進，現三神變，令彼眾生，歸趣佛法，教誡安置，成立世間，出世間信。

(Kinh: Do vì luân này, khiến cho quốc độ của chính mình tăng trưởng an vui, có thể hàng phục hết thầy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng. Nay thiện nam tử! Như Lai biết rõ đúng như thật các chuyện tử sanh v.v... của hết thầy hữu tình như thế, tức là biết đúng như thật: Nếu các hữu tình thành tựu ác hạnh nơi thân, thành tựu ác hạnh nơi ngữ, thành tựu ác hạnh nơi ý, phỉ báng hiền thánh, trọn đủ tà kiến và nghiệp nhân tà kiến, thân hoại, mạng hết, sẽ đọa vào các đường ác, hoặc sanh vào địa ngục, hoặc sanh làm bàng sanh, hoặc sanh làm quỷ đói. Nếu các hữu tình thành tựu thiện hạnh nơi thân, thành tựu thiện hạnh nơi ngữ, thành tựu thiện hạnh nơi ý, chẳng báng hiền thánh, trọn đủ chánh kiến và nghiệp nhân của chánh kiến, thân hoại, mạng hết, sẽ thăng lên các đường lành, hoặc sanh lên trời, hoặc sanh trong loài người, hoặc hết sạch các lậu. Như Lai đã biết đúng như thật rồi, đối với các chúng sanh ấy, dấy đại từ bi, dũng mãnh, tinh tấn, hiện ra ba thứ thần biến, khiến cho các chúng sanh ấy quy hướng Phật pháp, sắp đặt các thứ răn dạy, thành tựu niềm tin xuất thế gian trong thế gian).

“Do thử luân cố, linh tự quốc độ tăng trưởng an lạc, năng phục nhất thiết oán địch, ác hữu, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng” (Do vì luân ấy, khiến cho nước mình tăng trưởng yên vui, có thể chế phục hết thầy oán địch và bạn ác, khéo thủ hộ thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng): Vị quốc vương ấy rất tốt, không chỉ tốt đẹp cho riêng mình, mà còn khiến cho trong quốc giới ấy chẳng có kẻ làm ác! “Thiện nam tử! Như thị Như Lai như thật liễu tri nhất thiết hữu tình tử sanh đẳng sự”

(Này thiện nam tử! Như Lai đúng như thật biết rõ những chuyện sanh tử của hết thảy các hữu tình): Những chuyện giống như thế, do trí huệ mà đức Phật bèn biết rõ đúng như thật, tức là lý giải xứng tánh. Đối với sanh tử, làm chuyện tốt, hay làm chuyện xấu, đức Phật đều biết. Trong mười loại Trí, [đức Phật] khéo biết chỗ sanh tử của hết thảy chúng sanh. Nếu hết thảy hữu tình, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, cũng tức là ba thứ ác hạnh nơi thân, ngữ, ý đều thành tựu, ác nghiệp đã thành tựu. Có các chúng sanh ác hạnh hủy báng hiền thánh. Đối với bậc hiền thánh có đức hạnh, họ đều hủy báng, trọn đủ tà kiến. Do cái nhân tà kiến ấy, sau khi họ chết đi, sẽ đọa vào ba ác đạo, sẽ rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh. “*Hoặc sanh bàng sanh*”: Bàng sanh (傍生) là súc sanh. Hoặc sanh làm ngạ quỷ, tức là ba ác đạo.

Nếu nói ngược lại, các chúng sanh đó “*thân thiện hạnh thành, ngữ thiện hạnh thành, ý thiện hạnh thành*”, tức là đã thành tựu thiện hạnh nơi thân, thành tựu thiện hạnh nơi ngữ, thành tựu thiện hạnh nơi ý, chẳng hủy báng hiền thánh, cũng chính là chánh tri, chánh kiến, chẳng phải là tà tri, tà kiến. Do các nghiệp nhân ấy, khi họ thân hoại, mạng chung, chỗ họ sanh về sẽ khác hẳn: Sanh vào đường lành, sanh trong nhân gian, hưởng thụ phú quý, vinh hoa. Sanh lên trời thì sao? Càng tốt hơn sanh trong nhân gian! “*Hoặc sanh thiên thượng, hoặc sanh nhân trung*” (Hoặc sanh lên trời, hoặc sanh trong loài người): Câu này có ý nghĩa bất định, tùy thuộc thiện nghiệp và ác nghiệp của người ấy lớn hay nhỏ. Như Lai đều biết rõ đúng như thật. “*U bi chúng sanh khởi đại từ bi, dũng mãnh, tinh tấn, hiện tam thân biến*” (Đối với các chúng sanh ấy, đầy đại từ bi, dũng mãnh, tinh tấn, hiện ra ba thân biến): Đức Phật biết rõ đúng như thật. Hạng chúng sanh này làm thiện nghiệp, Phật sanh khởi lòng từ bi nhiếp thọ, hộ trì. Nhiếp thọ, hộ trì người ấy như thế nào? Khiến cho chúng sanh ấy, tức những chúng sanh tốt lành ấy, những chúng sanh thiện nghiệp đã chín muồi do thân lực của Như Lai, sẽ tiến hưởng Phật pháp. Đức Phật sắp đặt răn dạy họ như thế nào? Thành lập niềm tin thế gian xuất thế gian, tức là tuy ở trong thế gian mà tin vào pháp xuất thế gian, kiến lập tín tâm.

(Kinh) Hà đẳng vi tam? Nhất giả, thân thông biến hiện. Nhị giả, ký thuyết biến hiện. Tam giả, giáo giới biến hiện. Do thị tam chủng biến hiện oai lực, khuyến phát hữu tình, giáo giới, an trí, thành lập thế gian xuất thế gian tín, linh u nhất thiết hữu thú tử sanh giai đắc giải thoát.

(經)何等為三？一者，神通變現。二者，記說變現。三者，教誡變現。由是三種變現威力，勸發有情，教誡安置，成立世間出世間信，令於一切有趣死生皆得解脫。

(*Kinh*: Những gì là ba? Một là thần thông biến hiện. Hai là ký thuyết biến hiện (do chúng sanh nghĩ nhớ pháp nào, bèn hiện thân nói pháp đó). Ba là giáo giới biến hiện (biến hiện răn dạy). Do oai lực của ba loại biến hiện này, khuyên lơn, phát khởi hữu tình, răn dạy, đặt yên, thành lập niềm tin xuất thế gian trong thế gian, khiến cho những kẻ tử sanh trong hết thấy các đường đều được giải thoát).

Ba loại thần biến, “hà đẳng vi tam? Nhất giả, thần thông biến hiện. Nhị giả, ký thuyết biến hiện. Tam giả, giáo giới biến hiện” (Những gì là ba? Một là thần thông biến hiện, hai là tùy họ nghĩ nhớ pháp nào sẽ hiện thân nói pháp đó, ba là biến hiện răn dạy): Răn dạy họ hãy khéo tăng thêm thiện hạnh, siêu xuất mười thiện nghiệp, tu tập Thiền Định, cho đến thọ ký, biến hiện thần thông, thọ ký họ trong tương lai, thị hiện Thần Túc Thông, Thần Cảnh Thông, khiến cho tín tâm của họ tăng trưởng. Nếu chúng ta mắc bệnh chẳng trị được, quý vị niệm thành khẩn, cầu nguyện như thế, Địa Tạng Bồ Tát sẽ trị lành cho chúng ta. Chẳng riêng mình quý vị sanh khởi tín tâm thanh tịnh, mà những thân hữu chung quanh cũng sẽ đều sanh khởi lòng tin thanh tịnh. Cũng có kẻ trông thấy cảnh giới ấy, họ vẫn hủy báng, do họ là hạng chúng sanh căn tánh xấu hèn. Họ là hạng người như vậy đó. Nếu quý vị nói người nào đó do niệm kinh Địa Tạng mà được Bồ Tát gia trì, được lành bệnh, hoặc chuyển hóa cảnh sống, kẻ không tin sẽ nói: “Lẽ nào có chuyện ấy? Bệnh ấy vốn có thể chữa lành”. Cũng có kẻ không tin, lý do không tin là vì căn tánh xấu ác. Người khéo tin là do có lý do để khéo tin. Do vậy, [có những kẻ] dùng thần thông hoặc những trò biến hiện lạ lùng để lừa gạt người khác, là vì có các chúng sanh ham chuộng. Nhưng người chánh tín sẽ chẳng đọa vào tà tri, tà kiến. Tuy họ cũng tán thán, tùy hỷ, nhưng cho rằng đây chưa phải là rốt ráo, nhất định phải hiểu đạo lý này. Phải khuyên lơn, phát khởi hữu tình như vậy, sắp đặt sao cho họ thành lập niềm tin xuất thế gian trong thế gian, khiến cho hết thấy “*hữu thú chúng sanh*” đều được giải thoát. “*Hữu thú*” (有趣) là lục đạo chúng sanh có nỗi khổ sanh tử, bao gồm trời, người, Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. “*Hữu thú*” có sáu đường, ở đây, là nói đến đường ác. Có sanh tử thì chưa được giải thoát, đều khiến cho bọn họ được giải thoát.

(Kinh) Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ cửu Phật Luân. Do thử luân cố, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tồi chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống.

(經)善男子！我成如是第九佛輪。由此輪故，利益安樂無量有情，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Này thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ chín như thế. Do vì luân này, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, trụ trong an ổn, được không kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta trụ nơi địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng, thực hiện sư tử hống).

Pháp do ta nói đều là chánh pháp, giống như sư tử rống, tà ma và ngoại đạo nghe thấy đều bị khuất phục. Có ý nghĩa ấy!

(Kinh) Thiện nam tử! Như Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, vị trừ tứ châu vô lượng hữu tình, chủng chủng thân bệnh, khí xả vương vị. Dĩ chư hương thang mộc dục thân thủ, trước tiên tịnh y, đoan tọa tư duy, u chư chúng sanh, kỳ tâm bình đẳng, từ bi hộ niệm, vị linh giải thoát nhất thiết bệnh cố, dĩ kỳ chủng chủng hương, hoa, kỹ nhạc, cập dư cúng cụ, cúng dường nhất thiết đại oai đức thiên thân. Nhĩ thời, nhất thiết thiên đế, long đế, nãi chí Mạc Hô Lạc Già thần đế, tri thị sự dĩ, các tương vị ngôn: “Thử Sát-đế-lợi quán đánh đại vương, cụ chư công đức, hữu đại oai thần, ưng tác Luân Vương, thống tứ châu chủ. Ngã đẳng nghi ưng cộng vãng kiến lập, linh phục vương vị, thống tứ châu chủ, linh chư chúng sanh, vô bệnh an lạc”. Thời, chư thiên đế, nãi chí Mạc Hô Lạc Già thần đế, tức tiện cộng vãng, lập Sát-đế-lợi quán đánh đại vương Chuyển Luân Vương vị, linh cụ thất bảo, thống tứ đại châu, giai đắc tự tại, thiên tử cụ túc, dũng kiện, đoan chánh, năng tồi oán địch, khóa vương đại địa, hằng cùng hải tế, trích phạt giai đình, đao trượng bất cử, hàm tu chánh pháp, phổ thọ an lạc. Thiện nam tử! Sát-đế-lợi chủng quán đánh đại vương, thành tựu như thị đệ thập vương luân. Do thử luân cố, u tứ đại châu, viên cập bát vạn tứ thiên tiểu chủ, an lập kỳ trung chư hữu tình loại, Thập Thiện

nghiệp đạo, thiện thủ hộ thân, linh tăng thọ mạng, thân hoại, mạng chung, đương sanh thiên trung, thọ chư diệu lạc.

(經)善男子！如剎帝利灌頂大王，為除四洲無量有情，種種身病，棄舍王位。以諸香湯沐浴身首，著鮮淨衣，端坐思維，於諸眾生，其心平等，慈悲護念，為令解脫一切病故，以其種種香華伎樂，及餘供具，供養一切大威德天神。爾時，一切天帝，龍帝，乃至莫呼洛伽神帝，知是事已，各相謂言：「此剎帝利灌頂大王，具諸功德，有大威神，應作輪王，統四洲渚。我等宜應共往建立，令復王位，統四洲渚，令諸眾生，無病安樂」。時，諸天帝，乃至莫呼洛伽神帝，即便共往，立剎帝利灌頂大王轉輪王位，令具七寶，統四大洲，皆得自在，千子具足，勇健端正，能摧怨敵，跨王大地，恆窮海際，謫罰皆停，刀杖不舉，咸修正法，普受安樂。善男子！剎帝利種灌頂大王，成就如是第十王輪。由此輪故，於四大洲，爰及八萬四千小渚，安立其中諸有情類，十善業道，善守護身，令增壽命，身壞命終，當生天中，受諸妙樂。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Như đại vương Sát-đế-lợi được quán đánh vì trừ các thứ thân bệnh cho vô lượng hữu tình trong bốn châu, bèn vứt bỏ ngôi vua, dùng các nước thơm tắm gội thân và đầu, mặc áo sạch sẽ, ngồi ngay ngắn tư duy, đối với các chúng sanh, tâm vua bình đẳng, từ bi hộ niệm, vì để giải thoát hết thầy bệnh, dùng các thứ hương, hoa, kỹ nhạc, và các vật cúng khác để cúng dường hết thầy các thiên thần có oai đức lớn. Lúc bấy giờ, hết thầy vua trời, vua rồng, cho đến thần đế Mạc Hô Lạc Già biết sự ấy rồi, đều nói với nhau: “Vị đại vương quán đánh Sát-đế-lợi này có đủ các công đức, có oai thần lớn, đáng làm Luân Vương thống lãnh bốn đại châu, chúng ta hãy nên cùng đến kiến lập, khôi phục ngôi vua, khiến cho ông ta thống lãnh bốn đại châu, khiến cho các chúng sanh không bệnh, yên vui”. Khi ấy, các vị thiên đế cho đến Mạc Hô Lạc Già thần đế liền cùng nhau đến, lập đại vương quán đánh Sát-đế-lợi lên ngôi Chuyển Luân Vương, khiến cho ông ta trọn đủ bảy báu, thống lãnh bốn đại châu đều được tự tại, có đủ một ngàn con trai, dùng mãnh, tráng kiện, đoan chánh, có thể dẹp tan oán địch, làm vua*

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

trọn khắp đại địa, tốt cùng ngần mé biển cả, các loại trùng phạt đều ngừng, đao, gậy chẳng dùng đến, [nhân dân] đều tu chánh pháp, khắp hưởng yên vui. Nay thiện nam tử! Đại vương thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi đã được quán đánh thành tựu vương luân thứ mười như thế. Do vì luân ấy, trong bốn đại châu, cùng với tám vạn bốn ngàn tiểu châu, đặt yên các loài hữu tình nơi Thập Thiện nghiệp đạo, khéo thủ hộ thân, khiến cho thọ mạng tăng trưởng, khi thân hoại, mạng chung, sẽ sanh về cõi trời, hưởng các sự vui màu nhiệm).

Đây là vương luân thứ mười, là pháp thế gian tốt đẹp nhất. Vị đại vương quán đánh Sát-đế-lợi ấy vì muốn trừ khử bệnh tật của chúng sanh trong bốn đại bộ châu, bèn “*khí xả vương vị*” (vứt bỏ ngôi vua), dùng nước thơm tắm rửa thân thể, mặc y phục mới sạch. Nhà vua liền tư duy, tư duy cũng là quán tưởng: Đối với chúng sanh mắc bệnh trong bốn đại bộ châu, phải trừ khử thân bệnh của họ như thế nào? Vì sao có thân bệnh? Thân bệnh là do nghiệp sát sanh nặng nề của họ trong nhiều đời quá khứ, cho nên thân thể mới bị bệnh. Còn nữa, thân bệnh dễ trị, tâm bệnh chẳng dễ trị. Làm như thế nào đây? Thuyết pháp cho họ, vì họ giải trừ các loại thân bệnh của hết thảy hữu tình trong bốn châu. Sau khi đã tư duy, vua bèn cúng dường các thiên thần có đại oai đức. Đây là nói đến Ngọc Hoàng Đại Đế, và cũng nói đến tầng trời thứ tư, hoàn toàn chẳng bao gồm Phạm Thiên. Vì “*cúng dường thiên đế*” là nói đến [vua] tầng trời thứ tư. Còn có long đế của các long vương, cho đến tám bộ quý thần chúng, cho đến thần đế của thần đại mãng xà. Mạc Hô Lạc Già là mãng thần (蟒神, thần đại mãng xà). Ông ta cúng dường những vị thần ấy, mong những vị thần ấy sẽ dùng thần lực để tiêu trừ bệnh tật của hết thảy chúng sanh. Đây chỉ là thân bệnh, trọn chẳng thuyết pháp.

Vị quán đánh đại vương ấy trọn đủ công đức, có oai thần to lớn, đáng làm Chuyên Luân Thánh Vương. Chuyên Luân Thánh Vương ở đây là nói đến Kim Luân Thánh Vương, sẽ làm vua bốn bộ châu. Kim Luân Thánh Vương là vua bốn bộ châu. Ngân Luân Thánh Vương làm vua ba bộ châu. Đông Luân Thánh Vương làm vua hai bộ châu. Thiết Luân Thánh Vương chỉ có thể làm vua một bộ châu. Hiện thời, trong thế giới này không có thánh vương. Trong thời đại này, dường như cũng chẳng có nghiệp luân của thánh vương! Quốc gia vô đạo, tai họa nhiều lượt dấy lên. Mọi người niệm kinh Nhân Vương Hộ Quốc sẽ biết. Vì công đức và phước đức của nhà vua, các vị thiên thần, thiên đế, long đế, cho đến thần đế của mãng xà thần, thần đế của tám bộ quý thần, đều

cùng nhau tụ hội, thảo luận, nghiên cứu vị Luân Vương này, xem [làm cách nào để] có thể khôi phục vương vị cho ông ta, [để ông ta] có thể làm bậc quán đảnh đại vương, bèn lập ông làm vị đại vương quán đảnh thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi giữ ngôi vị Chuyển Luân Vương, để ông ta làm vua cả bốn bộ châu, trọn đủ bảy món báu. Bảy món báu ấy không phải là vàng, bạc, mã não, bảo châu v.v... mà là thất bảo (Satta ratanāni) trong Tứ Đại Bộ Châu:

Một là Luân Bảo (Cakra-ratna). Nếu do phước báo, Luân Vương cảm được [ngôi vị] Kim Luân Vương, các vị quý thần, thiên, địa sẽ kiến tạo một cái kim luân. Luân ấy to cỡ nào? Xe Tổng Thống lớn nhất cũng chẳng to bằng cái luân ấy, còn to hơn cả tàu thủy. Quyển thuộc của nhà vua, tứ đại binh chủng, bảy báu đều đặt trên cái luân ấy. Thất bảo đều bao gồm trong Luân Bảo. Vua có thể cưỡi cái luân ấy phi hành bốn đại bộ châu: Đông Thắng Thần Châu, Bắc Câu Lô Châu, Tây Ngưu Hạ Châu [và Nam Thiệm Bộ Châu]. Chúng ta chỉ có thể ở Nam Thiệm Bộ Châu vì ở phía Nam của mặt trời. Phía Bắc của mặt trời là Bắc Câu Lô Châu. Phía Tây mặt trời là Tây Ngưu Hạ Châu, phía Đông của mặt trời là Đông Thắng Thần Châu.

Đây là thần thoại, kinh Phật trích dẫn thần thoại để thuyết minh về Kim Luân Vương. Chúng ta không cần nói tới tứ đại bộ châu. Một Nam Thiệm Bộ Châu có bao nhiêu chủng tộc, bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu tập quán sanh hoạt. Mỗi bộ lạc đều có tập quán sanh hoạt của riêng họ. Quốc độ đã phát triển thì họ có một thứ ngôn ngữ chung để giao tiếp. Nơi chưa khai phá, có chỗ phi cơ đã bay đến, cũng có chỗ phi cơ chưa bay tới. Đặc biệt là chủng tộc rong trong biển, có bao nhiêu loại hữu tình chúng sanh trong biển? Đối với bốn bộ châu của nhà vua, quý vị phải thông hiểu hết thầy ngôn ngữ. Điều thứ nhất là tập quán sanh hoạt, họ có phong tục bất đồng. Nếu mong thống nhất, há dễ dàng như vậy ư? Thống nhất tứ đại bộ châu chẳng dễ dàng! Nhà vua có thần lực này, đấy là Luân Bảo.

Còn có Tượng Bảo (Hasti-ratna), con voi ấy khác hẳn voi bình phàm. [Tuy nó] chẳng có thần thông lớn như con voi do Phổ Hiền Bồ Tát cưỡi, mà là loại Tượng Bảo thông thường. Tượng Bảo là của báu trong loài voi. Con voi ấy là voi báu. Còn có Mã Bảo (Aśva-ratna), thiên mã bay trên hư không, có nghĩa là “ngựa báu”, thiên mã có thể bay. Còn Châu Bảo (Maṇi-ratna), Châu Bảo tức là Như Ý Bảo Châu (Cintāmaṇi). Tất cả các bảo bối của Luân Vương khác với các thứ của chúng ta. Chúng ta chẳng có Dạ Minh Châu, trong đêm tối phải dùng ánh sáng của

đền. Nếu có một viên Dạ Minh Châu, căn nhà này liền sáng bừng. Chúng ta cũng chẳng có Tỳ Thủy Châu. Bất luận quý vị đến sông, hồ, rạch, biển, hễ dùng Tỳ Thủy Châu, nước liền rẽ làm hai để quý vị có thể đi qua. Ngay cả gió lốc, bất luận bão tố, bất luận loại gió nào, quý vị dùng Định Phong Châu hướng về phía đó, gió đều chẳng còn nữa. Luân Vương có các bảo bối ấy, vốn trọn đủ, chúng ta chẳng có phước báo gặp gỡ. Bất quá, các bảo châu ấy đều chẳng bằng viên Như Ý Bảo Châu trong tay Địa Tạng Bồ Tát. Tu thành tựu như Địa Tạng Bồ Tát, quý vị sẽ có được Như Ý Bảo Châu. Đây là thất bảo, còn có Nữ Bảo (Strī-ratna). Nữ Bảo cũng là mỹ nữ. Các mỹ nữ ấy hoàn toàn chẳng phải là mỹ nữ tham dục, mà rất thanh tịnh. Mọi người nghe giảng Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh, thiên nữ nói móc ngài Xá Lợi Phất là do Bồ Tát hóa hiện. Vị Luân Vương này tuy có đức, vẫn chưa thể cảm Bồ Tát hóa hiện [làm Nữ Bảo]. Mọi người chớ nên nghĩ [Nữ Bảo] là các ca nữ, kỹ nữ, toàn là phường xướng ca! Nếu nghĩ Nữ Bảo là bọn ca nữ trong nhân gian, thì sẽ chẳng thành của báu. Trong nhân gian, Bảo là gì? Bảo là tôn quý, hiếm hoi. Dùng ý nghĩa như vậy để nói về Nữ Bảo.

Còn có người tổng chỉ huy quân đội (Chủ Binh Bảo, Pariṇāyaka-ratna), đều ở trên Kim Luân. Vị đại thần ấy có oai thần chẳng thể nghĩ bàn, có thể dẹp tan hết thủy oán địch⁵¹. Tới lúc ấy, mọi người đều trì giới, đều hành Thập Thiện Nghiệp, làm sao có oán địch cho được? Luân Bảo của quốc vương đến đâu, nơi đó đều thanh tịnh, tôn vua làm bậc quán đánh đại vương. Trọn đủ Thất Bảo, thống lãnh tứ đại bộ châu, đều được tự tại. Hễ nói đến vua Sát-đế-lợi, Luân Vương có đủ “*thiên tử*”, tức là một ngàn đứa con trai, nhưng chẳng phải do cùng một vị phu nhân sanh ra, hoặc là vua có vô lượng phu nhân. Loại tình huống này chẳng thể dùng quy chế “*một vợ, một chồng*” để luận đoán được! Nhà vua thọ mạng cực dài, dững kiện, lại có một ngàn con trai, nhưng hành hạnh thanh tịnh. Nếu Chuyển Luân Thánh Vương thật sự dâm dục thì sẽ không được, ông ta cũng chẳng thể làm Chuyển Luân Thánh Vương. Đây là ý cảnh. [Con cái] có khi là hóa sanh. Đã thế, một ngàn đứa con đều dững kiện, đoan chánh, có thể dẹp tan oán địch.

Phàm là tứ đại bộ châu do nhà vua thống lãnh, cùng tận đến bờ mé của biển cả. Bờ mé của biển chẳng dễ gì cùng tận được. Thái Bình

⁵¹ Lão pháp sư còn nói thiếu một Bảo nữa là Chủ Tạng Bảo, đôi khi còn gọi là Cư Sĩ Bảo (Gahapati-ratna). Vị đại thần này có thể biết chỗ nào có kho báu, có thể mở các kho báu cho Chuyển Luân Vương tùy nghi sử dụng.

Dương, Đại Tây Dương là các đại dương chúng ta trông thấy, còn bảy rặng kim sơn vây quanh núi Tu Di và bảy tầng biển nước thơm, phía ngoài đều là biển cả nước mặn. Có câu tục ngữ rằng: “*Tam sơn, lục thủy, nhất phần điền*”, ý nói: Ruộng đất chỉ chiếm một phần, ba phần là đất núi non, sáu phần là đất ngập nước. Chỗ ruộng nương có thể trồng trọt chỉ được một phần. Có ai đo lường Thái Bình Dương rốt cuộc to cỡ nào hay không? Còn có năm đại dương nữa! Không chỉ là một đại dương, mà còn có Ấn Độ Dương, Nam Băng Dương, Bắc Băng Dương. “*Hằng cùng hải tế*” là ngay cả bờ mé của biển cả đều đạt đến tận cùng. Đó là nói sự thống lãnh rộng lớn, ngoài đại địa ra, hết thảy các quả núi, các mé biển. Tới khi ấy, vua chẳng có hình phạt, chẳng quở trách, hết thảy các hình phạt đều đình chỉ. Cũng chẳng có hình cụ để trách phạt, đao trượng chẳng dùng, vì [tất cả mọi người] đều tu chánh pháp, khắp tất cả đều hưởng yên vui. Do vậy, vị vua quán đảnh ấy thành tựu vương luân thứ mười.

Do vì luân này, ở trong tứ đại châu cho đến trọn khắp tám vạn bốn ngàn “*tiểu châu*” (小渚), tức là các tiểu châu. Tám vạn bốn ngàn tiểu châu, tiểu quốc gia có tám vạn bốn ngàn nước. Đây là nêu ra con số tổng quát, an lập trong đó. Các loài hữu tình ấy đều hành Thập Thiện Đạo, đều giữ gìn thân mình, thọ mạng tăng trưởng, thân hoại, mạng chung, chẳng đọa vào ba ác đạo. Khi đó, Kim Luân Vương thống lãnh nhân dân đều hành Thập Thiện Nghiệp. Khi hết thọ mạng, đều sanh lên cõi trời, chẳng đọa vào ba ác đạo. Kinh Phật chỉ nói như vậy, rốt cuộc có bao nhiêu Kim Luân Vương xuất thế, hoàn toàn chẳng ghi chép. Tối thiểu là trong quốc độ này, chẳng thấy ghi chép. Thiết Luân Vương cũng chẳng có. Thuở ấy, chỉ nói “*suất độ chi tân, mạc phi vương thổ*” (khắp cả bờ cõi, không gì chẳng phải là đất của nhà vua). “*Phổ thiên chi hạ*” (Dưới trọn khắp bầu trời) [trong cách nói của đế vương Trung Hoa thời cổ] gần như chỉ là [đất đai] ở hai bên bờ Hoàng Hà mà thôi. Lãnh thổ cai trị của Tam Hoàng Ngũ Đế rất nhỏ. Đó là “*tọa tỉnh quán thiên*” (ngồi dưới đáy giếng nhìn trời, éch ngồi đáy giếng), chẳng biết lãnh thổ của người khác ở ngoài lãnh thổ của mình to cỡ nào. Ý nghĩa là như vậy đây, hiểu ý nghĩa bao hàm ấy là được rồi!

Đây là dùng Phật nhãn để nhìn. Trong quốc độ tốt đẹp như thế, vào lúc tứ đại châu đều tốt đẹp, hoặc là khi đại châu được kiến lập đã hơn vạn vạn năm, đức Phật xuất thế thọ tám vạn năm, cũng có khi Phật trụ thế suốt một kiếp. Những lúc đó, có thể là có Kim Luân Vương hộ pháp. Nhưng nguyện lực của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải là như

vậy, [khi Ngài xuất thế] con người thọ mạng chỉ có một trăm năm, quốc gia thường xuyên chiến tranh, loạn lạc. Thuở đức Phật tại thế, đáng lẽ phải không có chiến tranh, loạn lạc chứ? Thuở đức Phật tại thế thì cũng [chiến tranh, loạn lạc] như vậy. Nếu nghiên cứu lịch sử Ấn Độ, xem xét tình huống của Ấn Độ như thế nào, ta sẽ thấy tình trạng y hệt. Hơn nữa, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ giáo hóa hai bên bờ sông Hằng. Quý vị đến Ấn Độ chiêm bái thánh tích, chỉ là [các nơi] ở hai bên bờ sông Hằng. Về sau, Phật pháp truyền bá khắp tứ đại bộ châu. Trừ Bắc Cầu Lô Châu không tin, những nơi khác đều có, thậm chí đại thiên thế giới, tức tam thiên đại thiên thế giới.

Nhưng đối với quốc độ chúng ta đang cư trụ, theo như những gì chúng ta có thể trông thấy, chúng ta cũng chỉ có thể liễu giải như vậy mà thôi! [Đối với kiến giải hạn hẹp của chúng ta], bốn đại bộ châu dường như thần thoại, vì chẳng được ghi chép, trong ý thức chẳng bảo tồn loại hồi ức này! Hoặc là đời trước thì có, hiện tại đều đã mê; nhưng quý vị phải tu, dũng mãnh tinh tấn tu, sẽ đạt được thần thông, sẽ [biết các cảnh giới nói trong kinh Phật] đều thật sự có.

Do vậy, có các vị đại đức nhập Định quan sát, có thể quan sát khá nhiều thế giới, vì sao các Ngài không nói? Nói ra có ai tin hay không? Còn có thể bị chê là điên rồi, tinh thần thác loạn! Cho nên ắt cần phải bình đẳng! Đức Phật thị hiện trong nhân gian, cũng chẳng thể [thị hiện] cao siêu hơn người khác quá nhiều. Kinh A Hàm nói Ngài giống như mọi người, cũng ôm bát khát thực, sống cuộc đời giống như mọi người. Vì nếu muốn hóa độ kẻ khác mà thị hiện đặc biệt cao, người khác sẽ cảm thấy Ngài cao không nắm bắt được: “Chúng ta làm sao có thể học theo được?” Cho nên có người nói: “Những giới điều như của các vị hòa thượng quý Ngài, tôi làm sao thọ cho nổi?” Cũng có kẻ nhìn vào, thậm chí còn cho rằng chẳng ăn thịt thì làm sao được? Có kẻ nói: “Tôi cũng muốn làm hòa thượng, nhưng nếu họ không cho tôi ăn thịt, tôi sẽ chẳng làm!” Mong muốn mọi thứ đều phải thuận theo dục vọng để nhận thức, đó là chuyện không thể nào được! Nếu nhận thức như thế, Luân Vương cũng là như vậy.

(Kinh) Thiện nam tử! Như thị Như Lai tích Bồ Tát vị, tri tự tha thân hữu vô lượng chủng chư phiền não bệnh, dĩ Định hương thủy, tẩy dục kỳ thân, cập dĩ Đế pháp đại từ đại bi, quán mộc kỳ thủ, trước tầm quý y. Thập phương nhất thiết chư Phật Thế Tôn, dĩ chư Tinh Lự, đẳng trì tinh tấn, phương tiện trí ý, từ bi hộ niệm, hàm tác thị ngôn:

“Nhu thị Đại Sĩ, thị đại phước huệ trang nghiêm bảo khí, kham dung nhất thiết tam chủng bất hộ, tứ vô sở úy, Như Lai thập lực, cập dữ thập bát bất cộng Phật pháp, kham đắc vô thượng Nhất Thiết Trí trí, đại từ, đại bi, vô bất cụ túc, thường hân lợi lạc nhất thiết chúng sanh. Thị cầu Phật Bảo thương nhân đạo thủ, năng cứu hữu tình sanh tử chúng khổ, năng thí hữu tình Niết Bàn đại lạc. Ngã đẳng nhất thiết chư Phật Thế Tôn, ưng dĩ thành ngôn, dữ kỳ sở nguyện, linh thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đắc vô thượng pháp, vi đại pháp vương”. Ngã u nhĩ thời, y phước huệ lực, dũng mãnh, tinh tấn, u Tứ Thánh Đế như thật tri dĩ, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Thiện nam tử! Như Chuyển Luân Vương thống tứ đại châu, giai đắc tự tại, như thị Như Lai u Tứ Tĩnh Lực, Tứ Vô Sắc Định, tứ chủng phạm trụ, tứ vô ngại giải, tứ thánh đế quán, tứ vô sở úy, Như Lai thập lực, cập dữ thập bát bất cộng Phật pháp, Nhất Thiết Chủng Trí giai đắc tự tại. Như Chuyển Luân Vương cụ túc thất bảo, như thị Như Lai thành tựu thất chủng Bồ Đề Phần bảo. Như Chuyển Luân Vương thiên tử cụ túc, dũng kiện, đoan chánh, năng phục oán địch, như thị Như Lai hữu A Nhã Đa Kiều Trần Na vi tối sơ, Tô Bạt Đà La Tô Lạt Đa vi tối hậu. Chư đại Thanh Văn, từng Phật tâm sanh, từng Phật khẩu sanh, từng pháp hóa sanh, đắc Phật pháp phần, chư lậu vĩnh tận, danh vi dũng kiện, cụ tứ phạm trụ, danh vi đoan chánh, năng phục nhất thiết thiên ma, ngoại đạo dị luận, oán địch. Như Chuyển Luân Vương, hóa cập bát vạn tứ thiên tiểu chủ. Như thị Như Lai u bách câu-chi Nam Thiệm Bộ Châu, u bách câu-chi Tây Cù Đà Ni châu, u bách câu-chi Đông Tỳ Đề Ha châu, u bách câu-chi Bắc Câu Lô châu, u bách câu-chi chư đại minh hải, u bách câu-chi chư Diệu Cao sơn, u bách câu-chi tứ đại vương thiên, u bách câu-chi nãi chí Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên, u bách câu-chi đại Luân Vi sơn, u thử cao quảng nhất Phật độ trung, ngôn âm thí hóa, giai đắc tự tại. Thiện nam tử! Ngã thành như thị đệ thập Phật Luân. Do thử luân cố, như thật liễu tri tự thân, tha thân, chư lậu vĩnh tận, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy. Tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, tối chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, xử đại chúng trung, chánh sư tử hống.

(經)善男子！如是如來昔菩薩位，知自他身有無量種諸煩惱病，以定香水，洗浴其身，及以諦法大慈大悲，灌沐其首，著慚愧衣。十方一切諸佛世尊，以諸靜慮，等持

精進，方便智意，慈悲護念，咸作是言：「如是大士，是大福慧莊嚴寶器，堪容一切三種不護，四無所畏，如來十力，及與十八不共佛法，堪得無上一切智智，大慈大悲無不具足，常欣利樂一切眾生。是求佛寶商人導首，能救有情生死眾苦，能施有情涅槃大樂。我等一切諸佛世尊，應以誠言，與其所願，令成如來應正等覺，得無上法，為大法王」。我於爾時，依福慧力，勇猛精進，於四聖諦如實知己，證得無上正等菩提。善男子！如轉輪王統四大洲，皆得自在，如是如來於四靜慮、四無色定、四種梵住、四無礙解、四聖諦觀、四無所畏、如來十力，及與十八不共佛法，一切種智皆得自在。如轉輪王具足七寶，如是如來成就七種菩提分寶。如轉輪王千子具足，勇健端正，能伏怨敵，如是如來有阿若多憍陳那為最初，蘇跋陀囉嚩刺多為最後。諸大聲聞，從佛心生，從佛口生，從法化生，得佛法分，諸漏永盡，名為勇健，具四梵住，名為端正，能伏一切天魔，外道異論怨敵。如轉輪王，化及八萬四千小渚。如是如來於百俱胝南瞻部洲，於百俱胝西瞿陀尼洲，於百俱胝東毗提訶洲，於百俱胝北俱盧洲，於百俱胝諸大溟海，於百俱胝諸妙高山，於百俱胝四大王天，於百俱胝乃至非想非非想天，於百俱胝大輪圍山，於此高廣一佛土中，言音施化，皆得自在。善男子！我成如是第十佛輪。由此輪故，如實了知自身他身，諸漏永盡，利益安樂無量有情，得安隱住，得無驚恐，得無所畏。自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，摧諸天魔，外道邪論，處大眾中，正師子吼。

(Kinh: Này thiện nam tử! Như Lai xưa thuộc địa vị Bồ Tát cũng như thế, biết thân mình và thân người khác có vô lượng các loại bệnh phiền não. Dùng nước Định thơm để tắm rửa thân mình, dùng Đế pháp đại từ, đại bi để xối, gội đầu mình, mặc áo hổ thẹn. Mười phương hết thấy chư Phật Thế Tôn dùng các Tĩnh Lự, đẳng trì, tinh tấn, phương tiện trí ý, từ bi hộ niệm, đều nói như thế này: “Vị Đại Sĩ như thế là vật dụng báu trang nghiêm bằng phước huệ to lớn, có thể chứa hết thấy ba thứ

bát hộ, bốn món vô sở úy, mười lực của Như Lai, cùng với mười tám món Phật pháp bất cộng, kham đạt được trí Nhất Thiết Trí vô thượng, đại từ, đại bi không gì chằng tròn đủ, thường thích lợi lạc hết thảy chúng sanh, là người hướng dẫn cho thương nhân [thâu lượm] Phật Bảo, có thể cứu các nỗi khổ sanh tử cho hữu tình, có thể thí niềm vui Niết Bàn to lớn cho hữu tình. Hết thảy chư Phật Thế Tôn chúng ta hãy nên dùng lời chân thành để thỏa nguyện của ông ta, khiến cho ông ta thành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, đắc vô thượng pháp, làm đại pháp vương”. Ngay trong lúc ấy, ta nương vào sức phước huệ, dũng mãnh, tinh tấn, đã biết Tứ Thánh Đế đúng như thật rồi, chúng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nay thiện nam tử! Như Chuyển Luân Vương thống lãnh bốn đại châu đều được tự tại, cũng như thế, Như Lai đối với Tứ Tĩnh Lự, Tứ Vô Sắc Định, bốn loại phạm trụ, tứ vô ngại giải, tứ thánh đế quán, tứ vô sở úy, Như Lai thập lực, và mười tám món Phật pháp bất cộng, Nhất Thiết Chủng Trí, đều được tự tại. Như Chuyển Luân Vương tròn đủ bảy báu; cũng như thế, Như Lai thành tựu bảy loại báu Bồ Đề Phần. Như Chuyển Luân Vương có đủ một ngàn con trai dũng kiện, đoan chánh, có thể hàng phục oán địch, cũng giống như thế, Như Lai có A Nhã Đa Kiêu Trần Na là đệ tử tối sơ, Tô Bạt Đà La Tô Lạt Đa là đệ tử tối hậu. Các đại Thanh Văn sanh từ tâm Phật, sanh từ miệng Phật, từ pháp hóa sanh, có phần trong Phật pháp, các lậu vĩnh viễn hết sạch, ai nấy đều dũng cảm, tráng kiện, tròn đủ tứ phạm trụ, được gọi là đoan chánh, có thể hàng phục hết thảy dị luận của hết thảy thiên ma, ngoại đạo và oán địch. Như Chuyển Luân Vương giáo hóa trọn khắp tám vạn bốn ngàn tiểu châu, cũng giống như thế, Như Lai trong một trăm câu-chi Nam Thiệm Bộ Châu, trong một trăm câu-chi Tây Cù Đà Ni châu, trong một trăm câu-chi Đông Tỳ Đề Ha châu, trong một trăm câu-chi Bắc Câu Lô châu, trong một trăm câu-chi các biển lớn mênh mông, trong một trăm câu-chi các núi Diệu Cao, trong một trăm câu-chi tứ đại vương thiên, trong một trăm câu-chi cho đến Phi Tường Phi Phi Tường thiên, trong một trăm câu-chi núi đại Luân Vi, trong một Phật độ cao rộng ấy, dùng ngôn âm để ban bố sự giáo hóa, đều được tự tại. Nay thiện nam tử! Ta thành tựu Phật Luân thứ mười như thế. Do vì luân ấy, biết rõ đúng như thật thân mình và thân người khác đã vĩnh viễn hết sạch các lậu, lợi ích an lạc vô lượng hữu tình, được trụ trong an ổn, được không kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, dẹp tan tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, ở trong đại chúng thực hiện sự tử hống).

Kể đó, nói về Phật Luân. “*Thiện nam tử, như thị Như Lai tích Bồ Tát vị*” (Này thiện nam tử! Như Lai xưa kia ở địa vị Bồ Tát cũng như thế), [nghĩa là] khi đức Phật trong quá khứ, hành Bồ Tát đạo trong Đâu Suất Thiên Cung, chỉ là từ sự từng trải của bản thân giống hết như chúng sanh, biết thân mình và thân người khác, cũng tức là khi đức Phật hành Bồ Tát đạo, trong lúc tu nhân, chưa thành Phật, biết thân của chính mình và thân của hết thảy chúng sanh đều có vô lượng các loại bệnh phiền não. Đây chẳng phải là thân bệnh của đại vương quán đánh, ông ta biết vô lượng bệnh phiền não. Phật dùng Định hương, để trừ phiền não thì dùng Định để trừ. Định có thể sanh ra Huệ. Dùng Định hương thì mới có thể trừ khử phiền não. Dùng nước Định thơm ấy để xối gột cái thân. Dùng gì để xối gột? “*Đế pháp*”. Đế pháp là lý pháp. Nước thơm tắm gội là pháp thế gian. Thế gian dùng hương để trị liệu là sạch sẽ nhất, thanh tịnh nhất, thanh khiết, thơm tho nhất để tẩy gột thân bệnh thì còn được, chứ chẳng thể tẩy gột bệnh phiền não của chúng sanh. Đế pháp có thể nói là tâm pháp, là lý pháp, nhập lý, là minh tâm kiến tánh. Dùng “*hành đại từ, đại bi*” cũng có nghĩa là cứu vớt, che chở hết thảy chúng sanh. Bi có thể dẹp khổ, Từ có thể ban vui, ban cho chúng sanh sự vui sướng. Lấy nước đại từ đại bi để xối gội đầu. Chúng ta biết khi Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh, phụ vương của Ngài dùng nước bốn biển rưới lên đỉnh đầu đức Phật. Đó là pháp thế gian. Ông ta lấy nước bằng cách nào? Do long vương đem đến cúng dường đức Phật.

“*Trước tà quý y*” (Mặc áo tà quý): Mặc y phục là áo Tà Quý, có nghĩa là có hổ, có thẹn. Tà (慚) là chính mình có lỗi bèn sám hối, luôn cảm thấy chính mình chẳng xứng đáng, chẳng kiêu mạn, giải đãi. Tinh tấn, dũng mãnh, chẳng có ý nghĩ kiêu căng, ngã mạn. Nếu chính mình làm chuyện xấu, sẽ thẹn với kẻ khác. Tà là trong nội tâm của chính mình. Quý (愧) là [nói theo phương diện] hành vi. Nếu tu tưởng nầy sanh ý niệm xấu, cảm thấy có hại cho chúng sanh, bất luận khởi lên ý niệm nào cũng đều có hại cho chúng sanh. Đồng thời, cũng bất lợi cho chính mình, bất lợi cho việc tu đạo. Ngài mặc y phục như thế đó. Y phục nhằm bảo vệ thân thể, dùng Tà Quý để bảo vệ Pháp Thân, khiến cho Pháp Thân được thanh khiết, khiến cho Pháp Thân vĩnh viễn tồn tại. Mười phương hết thảy chư Phật Thế Tôn đều “*dĩ chư Tĩnh Lự*” (dùng các Tĩnh Lự). Tĩnh Lự vẫn là Định, là tu Tu Duy. Tu Tu Duy còn gọi là tam-muội, hay còn gọi là Định.

“*Đẳng trì tinh tấn, phương tiện trí ý*”: Đẳng Trì là bình đẳng. Tam Học Giới, Định, Huệ đều bình đẳng thọ trì [thì gọi là Đẳng Trì].

Đối với hết thảy chúng sanh cũng đều bình đẳng, chẳng có lấy hay bỏ. Tinh tấn như vậy để làm gì? Mong cầu trí huệ phương tiện. Nếu muốn lợi ích chúng sanh, ắt cần phải đạt được phương tiện huệ. Liên quan đến lý Đế pháp, ắt cần phải có phương tiện thiện xảo. Đã có huệ ấy, dùng từ bi để hộ niệm, hộ niệm những người nào? Những người có các căn bệnh phiền não. Đối với những người có bệnh phiền não, bèn từ bi hộ niệm họ.

“*Hàm tác thị ngôn, như thị Đại Sĩ, thị đại phước huệ trang nghiêm bảo khí*” (Đều nói như thế này: Bạc Đại Sĩ như thế là vật báu được trang nghiêm bằng phước huệ to lớn): Ngài nói, khi ta còn thuộc địa vị tu nhân, hành Bồ Tát đạo, ta đã làm như vậy. Hết thảy chúng sanh xưng dương ta có đại phước huệ, là vật dụng quý báu trang nghiêm. Món báu ấy chính là món vật báu trang nghiêm. Đó là gì vậy? Chính là phước huệ. Món vật báu ấy dùng để chứa đựng phước huệ. Ngài giống như vật báu, giống như vật báu chứa đầy châu báu. Món vật báu ấy có thể chứa đựng hết thảy ba loại bất hộ. Có nhiều cách giải thích từ ngữ “*ba loại bất hộ*”. Có người nói là “chẳng hộ niệm tam đồ” cũng được, hoặc hiểu là “chẳng có tâm hộ niệm Tam Bảo” cũng được, hoặc là “địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là ba loại chẳng thể bảo vệ, cho nên không hộ niệm họ”. Như vậy là khi ta phát Bồ Đề tâm, ta thậm chí có thể dung nạp, nhẫn thọ, bao dung họ, tức là ta đều có thể hộ niệm hết thảy chúng sanh, kể cả những chúng sanh chẳng được hộ niệm. Nói cách khác, “*kham dung ba thứ bất hộ*” tức là có thể hộ niệm họ.

“*Tứ Vô Sở Úy, Như Lai thập lực*”: Trong phần trước, đã có nói về Tứ Vô Sở Úy, còn Như Lai Thập Lực và mười tám pháp bất cộng, trong quá khứ, tôi rất ít nhắc đến, chỉ nêu lên danh xưng. Hàm nghĩa trong các danh từ ấy rất sâu, tôi chỉ nói đại lược. Thập Lực là mười loại nào vậy? Chính là mười loại trí huệ của Như Lai. Do trí huệ sanh ra sức mạnh, do các sức mạnh ấy mà lợi lạc chúng sanh. Mười loại trí lực ấy, một là Xứ Phi Xứ Trí Lực. Trí huệ của đức Phật biết hết thảy chỗ sanh về của hết thảy chúng sanh, chỗ đã sanh trong quá khứ, sẽ sanh đến đâu, [tức là] từ chỗ nào mà sanh đến đây, rồi sẽ lại sanh về chỗ nào. Đó là Xứ Phi Xứ Trí Lực.

Thứ hai là Nghiệp Dị Thục Trí Lực. Nghiệp nhân cảm quả báo, trong ấy có Dị Thục Quả (異熟果), cái nhân của nó rắc rối, phức tạp. Chẳng hạn những sự nghiệp đã làm trong đời này bao gồm thiện nghiệp và ác nghiệp, có thiện lớn, ác nhỏ, có ác lớn, thiện nhỏ. Các thứ nghiệp ấy, nghiệp nào chín muồi trước, sẽ thọ quả báo của nghiệp ấy trước. Đức

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Phật biết rành mạch, Ngài có trí huệ ấy. Ở đây là nói tới hết thảy chúng sanh, không phải là một, hai người, phạm vi bao quát của [trí biết nghiệp dị thực] của hết thảy chúng sanh quá nhiều.

Loại thứ ba là Tĩnh Lự Giải Thoát Đăng Trì Trí Lực. Có thể đạt tới các thứ giải thoát, giải thoát là Định, Tĩnh Lự là Định. Chúng ta nói một trăm lẻ tám môn tam-muội. Tam-muội là Tĩnh Lự, Tĩnh Lự Định. Quá trình của Tĩnh Lự cũng rất nhiều, đức Phật đều bình đẳng thọ trì. Giống như chúng ta thọ trì mấy bộ kinh, mỗi bộ kinh [chỉ chọn ra] một phẩm như [thọ trì] phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa thì cũng coi như là thọ trì kinh Pháp Hoa, nhưng đây chỉ là một phẩm trong hai mươi tám phẩm của kinh Pháp Hoa. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện là phẩm cuối cùng trong tám mươi một phẩm của [kinh Hoa Nghiêm], [tụng phẩm ấy] cũng coi như tụng kinh Hoa Nghiêm. Tụng một phẩm tương đương tụng toàn thể bộ kinh. Phải thấu hiểu tầng ý nghĩa này. Chúng ta chẳng có tâm lượng ấy, sẽ chẳng thể bình đẳng. “Trì” có nghĩa là “*nhậm trì*” (任持, nắm giữ), dùng trí huệ ấy để đối đãi hết thảy tam-muội, có thể khiến cho chúng sanh giải thoát.

Loại thứ tư là Căn Thắng Liệt Trí Lực. Thượng căn, hạ căn, hoặc trung căn, đây là thuyết pháp tương ứng với căn cơ. Mười loại trí lực nhằm nói đối ứng với [căn cơ của] chúng sanh. Ngài biết họ là hàng thượng căn, hay là kẻ hạ căn, biết căn cơ của họ đã chín muồi hay chưa. Đức Phật có loại trí lực ấy. Đó gọi là [Căn Thắng Liệt] Trí Lực.

Loại thứ năm là Chủng Chủng Thắng Giải Trí Lực. Hết thảy các pháp, hết thảy sự vật, hết thảy Lý pháp, hết thảy Sự pháp, đức Phật có các loại thắng giải, siêu thế gian, vượt hẳn Nhị Thừa, vượt hẳn Bồ Tát. Loại trí lực này cao hơn Thập Địa. Mười loại trí lực nơi Phật quả chỉ có đức Phật trọn đủ, rốt ráo viên mãn.

Loại thứ sáu là Chủng Chủng Giới Trí Lực. Giới (界) có nghĩa là “*sanh trường*”. Chỗ giáp ranh giữa huyện này và huyện kia, giữa thôn này và thôn kia [được gọi là Giới]. Biết chủng tánh của hết thảy chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm nói đến “*pháp giới*”, giới sanh ra các thứ pháp, cho nên gọi là “*pháp giới*”. Ở đây không nói là pháp giới, mà gọi là “*chủng chủng thắng giải trí lực*”, có loại trí huệ này.

Loại thứ bảy là Biến Thú Hành Trí Lực. Chúng tôi vừa mới giải thích năm loại Biến Hành, nhưng đây chỉ mới là lúc sơ khởi. [Biến Thú Hành (遍趣行) có nghĩa là] có thể biết trọn khắp chúng sanh do nghiệp đã tạo, sẽ tiến hướng vào đường nào. Đối với mười pháp giới, chúng ta thường nói về sáu đường, chẳng nhắc đến thánh nhân pháp giới, tức

Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật, [do thiện nghiệp] cũng sẽ tiến hướng những pháp giới ấy. Nếu hành vi trong hiện thời của chúng ta nhằm tiến hướng Phật pháp giới thì sẽ là Phật. Hiện thời, quý vị dụng tâm, hiện thời đang tư duy, hiện thời đang thực hiện, đây là cái nhân. Quý vị đi theo con đường đó, tức là khi quý vị đang thực hiện, đã phân biệt sẽ hướng về đâu. Chuyện này rất rõ ràng. Nếu tu tập pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo, quý vị tiến hướng Thanh Văn. Học pháp duyên khởi mười hai nhân duyên, sẽ tiến hướng pháp Duyên Giác. Tu Lục Ba La Mật, tu Bát Nhã Ba La Mật, tu Lục Độ vạn hạnh, sẽ tiến hướng pháp Bồ Tát, Bồ Tát rốt cục có thể thành Phật. Đây là “*biến thú*” (遍趣, tiến hướng trọn khắp).

Loại thứ tám là Nhập Tùy Niệm Trí Lực, cũng gọi là Túc Mạng Thông. Đức Phật là Túc Mạng rất ráo, biết túc mạng của hết thảy chúng sanh. Biết hết thảy chúng sanh trong vô lượng kiếp quá khứ. Chuyện của mỗi chúng sanh trong vô lượng kiếp, đức Phật đều biết rành mạch. Thậm chí hiện thời quý vị đang nghĩ gì, tưởng gì, quý vị đang khởi tâm động niệm, nghĩ tới vô lượng kiếp trong quá khứ của quý vị, đức Phật đều biết rành mạch, hiểu rõ như trong lòng bàn tay. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã dùng số cát sông Hằng để tỷ dụ, mỗi hạt cát là một thế giới, cho đến một vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới, lại dùng [số lượng] cát trong một sông Hằng nơi mỗi thế giới trong các thế giới nhiều như cát sông Hằng tích lũy lại, có các Phật quốc độ nhiều ngàn ấy, mỗi Phật quốc độ có vô lượng vô biên chúng sanh, đức Phật đều biết tâm niệm của họ. Vô lượng vô biên chúng sanh trong tâm nghĩ tưởng điều gì, so sánh với sáu mươi ức người trên địa cầu hiện thời, chẳng biết là nhiều gấp bao nhiêu ngàn ngàn vạn vạn lần! Do vậy, tâm niệm của chúng ta đức Phật đều biết rõ ràng. Đây là Niệm Trí Lực, chẳng thể nghĩ bàn! Cuối cùng, đức Phật nói, tâm của tất cả chúng sanh, tâm quá khứ chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, ba tâm chẳng thể được. Đức Phật liễu giải tâm niệm của quý vị như thế đó. [Trong bài kệ tán Phật có câu] “*sát-na tâm niệm khả số tri*” nghĩa là tâm niệm trong từng sát-na, đức Phật đều biết từng điều một. Quý vị nghĩ gì, Ngài đều tính ra cho quý vị. Đó gọi là Tùy Niệm Trí Lực. Hễ quý vị nghĩ gì, chỉ cần vừa động niệm, đức Phật đều biết.

Loại thứ chín là Tử Sanh Trí Lực. Chết đây, sanh kia, chết từ nơi kia, sanh vào nơi đây. Sanh sanh tử tử, sanh sanh diệt diệt.

Loại thứ mười là Lậu Tận Trí Lực. Đức Phật là lậu tận rất ráo. Hàng Nhị Thừa cũng gọi là đã lậu tận, chẳng còn tạo tác nữa. Khi đó, chỉ

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

là họ chẳng rơi rớt vào tam giới. Lậu Tận của Phật là chẳng rơi vào chín pháp giới, cũng chẳng thoái chuyển thành Bồ Tát. Ngài cũng có thể thị hiện làm hết thảy chúng sanh, vì Ngài đã hết sạch các lậu. Các lậu đã tận thì mới có thể thị hiện. Vì thị hiện, mới có thể độ các chúng sanh. Đó là mười loại trí lực.

Đây là nói đại khái, nhưng kinh Hoa Nghiêm lại nói mười loại trí lực khác hẳn, nói sâu hơn một chút. Các bộ kinh nói về mười loại trí lực có sâu hay cạn, nhận thức sâu hay cạn tùy thuộc trí lực của mỗi người. Ví như nước trong biển cả, hương vị đều là vị mặn. Dầu quý vị mức một chén [ném thử], vẫn là cùng một vị mặn. Hàm nghĩa như thế đó. Học Phật pháp, chỉ cần quý vị tiên nhập Phật môn, thậm chí quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Đây chính là tu hành.

Khi truyền thọ Tam Quy, tôi thường chúc phước mọi người như thế này. Tôi nói: “Quý vị niệm quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Trước khi ngủ phải niệm, buổi sáng tỉnh dậy phải niệm. Như thế thì sẽ trọn đủ hết thảy Phật pháp”. Tuy quý vị chẳng phân biệt cận kề như vậy, nhưng nói chung, chúng ta nói “Phật, Pháp, Tăng”, đó là pháp. Pháp do ai nói? Đức Phật nói. Ai truyền? Hòa thượng, tăng nhân truyền. Hễ quý vị niệm “*Phật, Pháp, Tăng*”, bộ kinh này quý vị đã trọn đủ, mà bộ kinh kia quý vị cũng trọn đủ. Pháp này trọn đủ hết thảy các pháp, mười phương hết thảy các pháp tạng. Khi bái sám, chẳng phải là cầu như vậy hay sao? Chẳng phải là sám hồi như vậy đó ư? Quý vị phải lý giải mười Phật trí như vậy. Sau khi đã lý giải, quý vị sẽ hồi hướng nhiều hơn!

Còn có mười tám pháp bất cộng. Mười tám pháp bất cộng là Thân Vô Thất, Khẩu Vô Thất, Ý Vô Thất, tam nghiệp vô thất (ba nghiệp chẳng sai sót, lầm lỗi), đó là ba pháp. Ý là niệm. “*Thân vô thất*” là thân không có lầm lỗi. Như vậy thì thân Phật và thân của hết thảy chúng sanh, cho đến thân của Bồ Tát đều bất cộng (Phật có các pháp chuyên biệt mà các địa vị khác chẳng có). Đây là nói mười tám pháp bất cộng của Phật chẳng giống với các đại Bồ Tát; đó là Bất Cộng. Thân Phật là Thân Vô Thất, Khẩu Vô Thất, Ý Vô Thất, Bất Di Tướng (không có suy nghĩ khác lạ), Vô Bất Định Tâm (tâm không lúc nào chẳng Định), tâm Ngài luôn ở trong Định. Thậm chí khi thị hiện hóa thân, lợi ích chúng sanh, Ngài đều luôn ở trong Định, chẳng có lúc nào không Định. “*Na Già thường tại Định*” có ý nghĩa như vậy đó. Chẳng có gì mà trí huệ của Phật không thể chiếu soi. Bất luận pháp nào, chẳng có pháp nào không chiếu tỏ. Pháp bất cộng thứ bảy là Dục Vô Giảm tức là độ sanh chẳng chán mệt. Pháp thứ tám là Tinh Tấn Vô Giảm, tức vĩnh viễn tinh tấn. Pháp thứ chín là

Niệm Vô Giảm, tức là niệm nào cũng đều chẳng quên lợi ích chúng sanh. Niệm Vô Giảm là chẳng có niệm nào bỏ sót chuyện lợi ích chúng sanh.

Vì thế, chúng ta cũng phải niệm nào cũng đều chẳng quên Tam Bảo, chẳng bỏ sót một niệm nào! Trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chúng ta có bao nhiêu niệm? Do vậy, chúng ta cách Phật bao xa sẽ biết ngay! Quý vị nói xem, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, có bao nhiêu niệm mà ta chẳng niệm Tam Bảo? Quý vị niệm Tam Bảo bao nhiêu niệm? Chính mình biết rất rõ ràng. Quý vị niệm gì vậy? Tài, sắc, lợi lộc, công danh, phú quý, và gia đình, quyền thuộc của chính mình. Bọn hòa thượng chúng tôi thì nghĩ tới chùa miếu, đạo hữu. Thậm chí kể cả khi quý vị niệm kinh Phật hay niệm Phật, tâm niệm vẫn quần quanh trong đó. Nếu quý vị có tham đắm, tâm sẽ bất bình đẳng. Chúng ta [phân biệt] có lớn, nhỏ, từ cái này đến cái kia là chẳng được rồi. Giống như chúng ta mở mắt ra, liền thấy là nam, nữ, già, trẻ, tướng phân biệt rất nhiều. [Khi chứng đắc Phật quả], các niệm ấy đều mất. Dục Vô Giảm là độ chúng sanh chẳng giảm. Tinh Tấn Vô Giảm là chẳng có một niệm thoái thất.

Hết thầy trí huệ tương ứng vô giảm, vĩnh viễn bất thoái. Huệ Vô Giảm, Giải Thoát Vô Giảm, Giải Thoát Tri Kiến Vô Giảm, thân nghiệp có thể hành theo trí huệ, khẩu nghiệp hành theo trí huệ, ý nghiệp hành theo trí huệ, trí huệ biết quá khứ vô ngại. Quá khứ còn có quá khứ, quá khứ còn có vô ngại. Vô vô ngại, vô chướng ngại. Trí huệ biết vị lai vô ngại, trí huệ biết hiện tại vô ngại. Tổng cộng là mười tám pháp. Những pháp ấy chẳng cùng chung với hết thầy Bồ Tát. Chúng ta thì càng chẳng cần phải nói nữa, [các pháp bất cộng của Phật] chẳng cùng chung với chúng ta. Chỉ có Phật và Phật là cùng có chung các pháp ấy. Đó gọi là mười tám pháp bất cộng⁵².

⁵² Do cách nói của lão pháp sư không nêu rõ rệt mười tám pháp bất cộng, xin liệt kê theo thứ tự như sau để tiện tham khảo: Thân vô thất, khẩu vô thất, niệm vô thất, vô bất định tâm, vô dị tướng tâm, vô bất tri xả tâm, dục vô giảm, tinh tấn vô giảm, niệm vô giảm, huệ vô giảm, giải thoát vô giảm, giải thoát tri kiến vô giảm, nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hạnh, nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hạnh, nhất thiết ý nghiệp tùy trí huệ hạnh, trí huệ tri quá khứ thể vô ngại, trí huệ tri vị lai thể vô ngại, trí huệ tri hiện tại vô ngại. Đó là các pháp Bất Cộng theo kinh Đại Bát Nhã và Trí Độ Luận, và là cách nói phổ biến nhất khi luận định về mười tám pháp bất cộng. Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ lại chủ trương mười tám pháp Bất Cộng bao gồm Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, Tam Niệm Trụ (tâm bình đẳng đối với người nghe pháp cung kính, tâm bình đẳng đối với người nghe pháp chẳng cung kính, tâm bình đẳng đối với người nghe pháp tâm cung kính hay chẳng cung kính). Truyền thống Nam Truyền Phật giáo lại

Mười lục và mười tám pháp bất cộng bao gồm hết thảy. Như thế thì mới có thể kham đạt được trí Vô Thượng Nhất Thiết Trí, đại từ, đại bi, không gì chẳng trọn đủ, thường hành lợi lạc hết thảy chúng sanh, tâm thường luôn cầu. Tâm vui sướng, hân hoan lợi ích chúng sanh. Chúng ta đều phải học theo đức Phật, học gì vậy? Đừng thấy cái này là xấu, cái kia là tốt, cái nọ xinh đẹp. Người đẹp đẽ thì quý vị rất hào hứng thân cận. Đối với kẻ xấu ỉn thì trông thấy kẻ đó bèn cụt hứng, cách xa một chút. Kẻ đó nói chuyện với quý vị, quý vị chẳng kiên nhẫn cho lắm, tâm bất bình đẳng! Còn có những kẻ quý vị chán ghét, còn có kẻ từng hãm hại, oán địch của quý vị. Điều thứ nhất quý vị phải phát tâm là độ người chống đối quý vị, tức là oan gia của quý vị. Nếu quý vị có thể độ oan gia, tự nhiên là lục thân quyến thuộc của quý vị đều độ được, phiền não của quý vị sẽ ít đi, tâm oán hận cũng chẳng có, tâm căm ghét cũng chẳng còn. Kẻ đó hại quý vị, dụng tâm hại quý vị, quý vị dùng lòng từ bi đối đãi kẻ đó.

Tôi kể một câu chuyện: Khi chúng tôi ở Nữ Ước, có một cô gái người Mã Lai, trong các đồng nghiệp của cô tại sở bưu điện, có một cô nàng da trắng đúng là luôn tìm mọi cách gây khó dễ cho cô. Hai người cùng ngồi chung bàn làm việc. Cô ta đến bán sấm ở chỗ tôi, tức tôi khôn cùng, tính xin nghỉ, không làm việc ấy nữa, nhưng lại nghĩ ngợi: Rất khó xin vào sở bưu điện. Đã vào được bưu điện, bảo hiểm lao động và phước lợi (benefits) đều đặc biệt tốt, muốn dùng tâm chú để nguyện rửa cô ả da trắng kia, khiến cho cô ả khôn đốn. Tôi nói: “Đừng nên nguyện rửa cô ta. Nguyện rửa sẽ càng tệ hơn. Cô hãy bán sấm thay cho cô ta, cầu cô đó chuyển biến tư tưởng”. Cô ta nói: “Con mù đó hại con như vậy, con còn lạy giùm mù, hồi hướng cho mù hay sao?” Tôi đáp: “Đấy là phương pháp mâu nhiệm trong nhà Phật, dùng từ bi đối đãi kẻ oán hại. Trong quá khứ, nhất định là cô đã có nhân duyên với cô ta. Nếu không, sẽ chẳng tụ hội. Cô cứ làm thử xem”. Nói lần đầu, cô ta không làm. Nói hai ba lần [cô ta vẫn khăng khăng không chịu], tôi nghĩ ra một cách. Tôi nói: “Cô đi mua cà phê, mua thêm một ly nữa. Buổi trưa đều là uống cà phê, ăn bánh mì. Cô mua thêm một phần cho cô ta. Cô đối đãi với cô ta đặc biệt tốt. Cô ta càng xử tệ với cô, cô đối với cô ta càng tốt. Cô chỉ làm như vậy tám ngày, mười bữa, xem thử thế nào?” Sau đó, cô ta làm theo đề nghị của tôi, cô da trắng kia đối xử tốt hơn đối với cô ta. Trước kia

có cách giải thích khác, như trong các bộ Giải Thoát Đạo Luận, Thanh Tịnh Đạo Luận v.v... đã nói, nhưng sợ rườm rà nên không trích dẫn.

cần dừng xe thì cô da trắng đặc biệt ngừng xe, khiến cho cô ta phải ngừng theo, chẳng lái vào bãi đậu được. Về sau, đối xử với cô ta đặc biệt tốt đẹp.

Đây là chuyện nhỏ, cũng là đôi bên chẳng có oán cừu to cho lắm, tức là tùy tiện như thế một phen bèn có thể chuyển biến được. Nếu là đại oán cừu, quý vị xử tốt với người ấy cỡ nào đi nữa, người ấy vẫn một mực có tâm lý chẳng tín nhiệm quý vị. Thậm chí giữa mẹ con, chị em dâu, anh em, đều có hiện tượng này. Do nguyên nhân gì vậy? Kết oán từ đời quá khứ. Bên nào kết? Khúc mắc ấy chẳng tháo gỡ được! Hiện thời, quý vị dùng phương pháp tốt đẹp, cầu Phật, Bồ Tát gia trì kẻ ấy để cởi gỡ oán kết. Chúng ta cởi gỡ thì mới có thể chứng đắc Bồ Đề. Đối với oan gia, quý vị phải đặc biệt hồi hướng cho họ. Do vậy, quý vị phải đối đãi bình đẳng, chẳng có người nào tốt, chẳng có kẻ nào xấu. Chúng ta làm pháp sư, đối với các đạo hữu, đừng khởi tâm phân biệt. Hoặc là do đạo hữu này trí huệ to lớn, tôi vừa nói, người ấy hiểu liền, nói chuyện rất hợp ý, bèn đối với người ấy đặc biệt tốt hơn một chút. Đối với đạo hữu khác rất lợt lạt, luôn nghĩ kẻ đó chẳng vừa ý, như vậy là không được! Đây chẳng phải là khởi tâm đại từ đại bi. Càng là đạo hữu như vậy thì càng phải đối xử đặc biệt tốt với họ. Họ càng chẳng tiến lên, chẳng tinh tấn, biếng nhác, thì càng phải đặc biệt từ bi đối với họ, phải tha thứ cho họ, đừng khiến cho họ giải đãi.

Chúng tôi có một vị đạo hữu ở Đại Lục, đã quy y Phật rất nhiều năm, miệng lưỡi ngoa ngoắt, chửi mắng người khác đều kèm theo những chữ thô tục. Không được rồi! Chẳng nói năng thì còn được, hễ mở miệng ra là [phê phán] đạo hữu này, đạo hữu nọ, khuấy động thị phi, đó gọi là “*nói lỗi của Tam Bảo*”. Đối với người xuất gia bèn kể lỗi của tăng sĩ. Thậm chí, Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, Dược Sư Phật, người ấy cũng đều phê phán. Ông ta còn học Phật khá nhiều năm, cái tâm phân biệt quá nặng! Chúng ta phải coi mỗi vị đạo hữu như Thích Ca Mâu Ni Phật. Người dùng thuốc cứu độ chúng sanh, làm như vậy thì là Dược Sư Phật, là A Di Đà Phật, là Bất Động Như Lai. Quý vị cũng có thể nói như vậy. Phương tiện lợi sanh của năm mươi ba vị Phật khác nhau. Các Ngài chứng đắc Căn Bản Trí giống nhau, trọn đủ Pháp Thân giống hệt như chúng ta, nhưng phương tiện thiện xảo chẳng giống nhau, nhất định phải hiểu! Giữa các đạo hữu với nhau, phải đối xử hòa thuận.

(Kính) Thiện nam tử! Ngã thành như thị thập chủng Phật Luân, bốn nguyện lực cố, cư thử Phật độ, ngũ trước ác thế nhất thiết

hữu tình, tổn giảm nhất thiết bạch tịnh thiện pháp, quý pháp sở hữu thất thánh tài bảo, viễn ly nhất thiết thông mãn trí giả, đoạn thường la vãng chi sở phú tế, thường háo thừa ngự chư ác thú xa, ư hậu thế khổ bất kiến bố úy, thường xử biến trọng vô minh hắc ám, cụ thập ác nghiệp, tạo Ngũ Vô Giác, phỉ báng chánh pháp, hủy tử hiền thánh, ly chư thiện pháp, cụ chư ác pháp. Ngã ư kỳ trung, thành tựu như thị Phật Thập Luân cố, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển ư Phật Luân, hàng chư thiên ma, ngoại đạo tà luận, tồi diệt nhất thiết chư hữu tình loại, do như kim cang kiên cố phiến não, tùy kỳ sở nhạo, an lập nhất thiết hữu lực chúng sanh, linh trụ tam thừa bất thoái chuyển vị.

(經)善男子！我成如是十種佛輪，本願力故，居此佛土，五濁惡世一切有情，損減一切白淨善法，匱乏所有七聖財寶，遠離一切聰敏智者，斷常羅網之所覆蔽，常好乘馭諸惡趣車，於後世苦不見怖畏，常處遍重無明黑闇，具十惡業，造五無間，誹謗正法，毀訾賢聖，離諸善法，具諸惡法。我於其中，成就如是佛十輪故，得安隱住，得無驚恐，得無所畏，自稱我處大仙尊位，轉於佛輪，降諸天魔，外道邪論，摧滅一切諸有情類，猶如金剛堅固煩惱，隨其所樂，安立一切有力眾生，令住三乘不退轉位」。

(*Kinh: Này thiện nam tử! Ta thành tựu mười thứ Phật Luân như thế, do sức bốn nguyện, ở trong cõi Phật này, hết thấy hữu tình trong đời ác ngũ trước tổn giảm hết thấy thiện pháp trắng sạch, thiếu khuyết tất cả của báu Thất Thánh Tài, xa lìa hết thấy bậc thông minh, mãn tiếp, trí huệ, bị lưới rập Đoạn Kiến và Thường Kiến che phủ, thường thích ngồi trên xe vào các đường ác, chẳng sợ hãi nỗi khổ trong đời sau, thường ở trong tối tăm vô minh nặng nề trọn khắp, trọn đủ mười ác nghiệp, tạo tội Ngũ Vô Giác, phỉ báng chánh pháp, chê bai hiền thánh, lìa các thiện pháp, đủ các ác pháp. Ta ở trong đó, do thành tựu Thập Luân của Phật như thế, được trụ an ổn, được không kinh hoảng, được chẳng sợ hãi, tự xưng ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, hàng phục tà luận của các thiên ma và ngoại đạo, dẹp tan hết thấy các phiến não kiên cố ví như kim cang của hết thấy các loài hữu tình, tùy lòng họ ưa thích mà đặt yên hết thấy chúng sanh hữu lực trụ nơi địa vị bất thoái chuyển thuộc tam thừa”).*

Đoạn cuối cùng này nhằm tổng kết Thập Luân của Phật. Đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát, “*thiện nam tử*” là danh xưng đức Phật dùng để gọi Địa Tạng Bồ Tát. Ta vì thành tựu mười loại Phật Luân vừa nói trên đây, lại còn thêm sức bốn nguyện. Do sức bốn nguyện, sẽ sanh trong đời ác ngũ trược này, độ thoát hết thảy hữu tình chúng sanh khổ nạn. Đối với các thiện pháp ấy, chữ “*bạch tịnh*” nhằm hình dung thiện pháp. “*Bạch*” là tương phản với hắc, “*thiện*” đối lập với “*ác*”, “*tịnh*” đối lập với “*cấu*”. Chúng sanh trong đời ác ngũ trược này đều hành hắc pháp, đều là pháp cấu nhiễm, đều là pháp bất tịnh, thiếu thốn của báu Thất Thánh Tài. Của báu thánh tài khác với Thất Bảo [của Luân Vương] vừa nói trong phần trên. Thất Thánh Tài là gì? Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn Pháp (nghe pháp), Bố Thí, Trí Huệ, bảy món báu ấy. “*Quỹ pháp*” (匱乏) là chẳng có, thiếu khuyết. Đối với hết thảy bậc thiện tri thức trí sáng thông huệ, đã xa lìa đời ác ngũ trược này, nếu gặp những người có trí huệ ấy mà xa lìa thì là kẻ ngu si, vẩn đục, đều là ác nghiệp chúng sanh.

“*Đoạn Thường la vông*” (Lưới rập Đoạn Kiến và Thường Kiến): Đoạn là Đoạn Kiến, Thường là Thường Kiến, đều là chẳng tin nhân quả, chẳng tin quả báo thiện ác. Chẳng thiên lệch nơi Đoạn, sẽ lệch về Thường. Hoặc là cho rằng người đã chết là đoạn diệt. Thường Kiến là như thế này: Thấy hết thảy các pháp thường luôn như thế [chẳng hạn như người chết đi sẽ lại đầu thai làm người, súc sanh tái sanh vẫn là súc sanh]. [Những kiến chấp ấy] che lấp cái tâm trí huệ của chính mình, che lấp cái tâm sáng suốt. Họ ưa thích gì? Trụ trong đường ác, [đó là ý nghĩa của câu] “*thường háo thừa nự chư ác thú xa*”, thường làm ác nghiệp, rất ít thiện nghiệp. “*Thừa ác thú xa*” nghĩa là tiến vào đường ác. “*Ác thú*” (惡趣) thuần nói về ba ác đạo. Vì họ chẳng tin nhân quả, đối với chuyện hưởng vui hay chịu khổ trong vị lai, họ chẳng tin tưởng. Họ đã có tư tưởng Đoạn Kiến, chẳng tin nỗi khổ trong tương lai, cho nên chẳng sanh tâm sợ hãi. Nếu sanh khởi tâm sợ hãi đối với nỗi khổ trong tương lai, [nhận biết] hễ làm chuyện ác, làm một chuyện hại người, hoặc chuyện tổn người lợi mình, nhất định sẽ phải chịu quả báo ác. Nếu sanh khởi cái tâm sợ hãi ấy, kẻ đó sẽ chẳng làm. Nghe nói “*hại người rất cuộc hại mình*”, kẻ [bị vướng vào Đoạn Kiến hay Thường Kiến] sẽ chẳng tin tưởng lời ấy, đương nhiên phải đạt được yên vui trước mắt đã, thân kệ hậu quả. Do vậy, kẻ đó chẳng kinh hoàng, chẳng sợ hãi nỗi khổ trong đời sau. Những gì kẻ đó chú trọng, thực hiện, hoàn toàn là hắc nghiệp. Do bị vô minh hắc ám phủ lấp, kẻ đó tạo nghiệp Thập Ác. Mười ác nghiệp là giết, trộm, dâm, tham, sân, si, nói dối, nói thêu dệt, nói đôi

chiều, nói lời thô ác. Đấy đều là ác nghiệp, cũng là mười ác nghiệp. “*Ngũ Vô Gian tội*”: Tội Ngũ Vô Gian là giết cha, giết mẹ, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, giết A La Hán. Nếu phạm vào năm loại tội ấy, sẽ đọa địa ngục nhanh như tên bắn. Hủy báng chánh pháp, hành tà kiến. Những điều đức Phật giáo huấn đều là chánh pháp, họ hủy báng chẳng tin; do chẳng tin bèn hủy báng. Tức là họ hủy báng hiền thánh, phá hoại Tam Bảo, hủy báng Tam Bảo.

Hủy báng pháp do đức Phật thuyết, hủy báng, chê gièm các vị hiền thánh tăng; đấy cũng là hủy báng, ý nghĩa như nhau. Xa cách thiện pháp [là ý nghĩa của câu] “*ly chư thiện pháp*”. Họ làm toàn ác pháp, đó là “*cụ chư ác pháp*”. Đây là cách nói hình dung bọn hữu tình trong đời ác ngũ trược, thân, miệng, ý của họ đều là làm như thế ấy, những gì họ đã làm toàn là ác nghiệp. Đã chẳng có thiện pháp, vì đã bị “*tôn giảm*”. “*Tôn*” (損) là tổn thất, hoặc giảm bớt, chẳng phải là hoàn toàn hủy diệt. Do vậy, hữu tình chúng sanh trong đời ác ngũ trược toàn là điều khiển xe đi vào đường ác, chẳng phải là xe tiến vào đường lành. “*Thừa ác thú xa*” là hành Thập Ác nghiệp, sẽ bị khổ quả trong đời sau. Bất luận thời gian hay nơi chốn, hoặc hết thấy các chuyện đã làm, họ đều ở trong vô minh hắc ám. Nói là “*vô minh hắc ám*” vì họ chẳng có trí huệ. Do vậy, họ trọn đủ cỗ xe “*ác thú*”. Thậm chí còn nặng hơn Thập Ác là tạo tội Ngũ Vô Gian, hủy báng chánh pháp, hủy báng hiền thánh. Trong thời ngũ trược ác thế, ta sờ dĩ có thể trụ an ổn là do nương vào mười thứ Phật Luân như đã nói trên đây.

“*Ngã u kỳ trung thành tựu như thị Phật Thập Luân cố, đắc an ổn trụ, đắc vô kinh khủng, đắc vô sở úy, tự xưng ngã xử đại tiên tôn vị, chuyển u Phật Luân, hàng phục chư thiên ma, ngoại đạo tà luận*” (Ta ở trong ấy, do thành tựu mười luân của Phật như vậy, được trụ trong an ổn, được không kinh hoảng, được không sợ hãi, tự xưng ta thuộc địa vị đại tiên tôn quý, chuyển Phật Luân, hàng phục tà luận của chư thiên ma và ngoại đạo): Loại chúng sanh ấy có phiền não cứng chắc như kim cương, rất khó chuyển biến. Có phải là rất khó chuyển biến phiền não của mỗi chúng ta hay không? Rất khó thay đổi! Phiền não bao gồm quá nhiều! Vì chúng ta chẳng có trí huệ, chẳng thấy rõ hết thấy sự vật. Ngã Chấp, Ngã Kiến luôn rất sâu. Hễ hơi có tí gì chẳng vừa ý mình, bèn nảy sanh phiền não. Chuyện như vậy rất nhiều, có nhẹ, có nặng. Nếu muốn đoạn trừ loại phiền não này, rất khó!

Do vậy, đức Phật nói: Muốn độ chúng sanh trong thế giới Sa Bà, thế giới Sa Bà ương ngạnh, khó thể điều phục, rất khó độ thoát. Phiền

não của họ kiên cố như kim cương. Trong tình huống ấy, đức Phật vẫn ưa thích họ. Thế giới Sa Bà này vẫn còn có chúng sanh tốt lành, chẳng hoàn toàn đều là [bại hoại, cứng đầu] như vậy, vẫn còn có hạng người trí huệ, hoặc là mong thoát lìa tam giới, mong cầu quả vị tam thừa. Như vậy thì thuận theo điều họ tin tưởng, ưa thích, đức Phật sẽ an lập hết thấy hữu tình chúng sanh, thuyết pháp cho họ, khiến cho họ trụ nơi địa vị Bất Thoái Chuyển trong tam thừa, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chẳng còn thoái đọa vào sáu đường, chẳng luân chuyển trong sáu đường. Địa vị chẳng thoái chuyển là nói theo lục đạo, tức là chẳng lui sụt thành phàm phu!

(Kinh) Nhĩ thời, hội trung nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, nhất thiết Thanh Văn, nhất thiết thiên, long, quảng thuyết nữ chí nhất thiết Yết Trá Bồ Đát Na chúng, nhân phi nhân đẳng, giai đại hoan hỷ, đồng xưng “thiện tai”, vũ đại hương vũ, vũ đại hoa vũ, vũ chúng bảo vũ, vũ đại y vũ, nhất thiết đại địa giai tất chấn động. Văn thuyết như thị thập chủng Phật Luân, u chúng hội trung, hữu bát thập tứ bách thiên na-dữu-đa Bồ Tát Ma Ha Tát, đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Phục hữu vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát, hoạch đắc chủng chủng chư đà-la-ni tam-ma-địa nhân. Phục hữu vô lượng, vô số hữu tình, sơ phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, đắc bất thoái chuyển. Phục hữu vô lượng, vô số hữu tình, đăi đắc quả chứng.

(經)爾時，會中一切菩薩摩訶薩眾，一切聲聞，一切天、龍，廣說乃至一切羯吒布怛那眾，人非人等，皆大歡喜，同唱善哉，兩大香雨，兩大華雨，兩眾寶雨，兩大衣雨，一切大地皆悉震動。聞說如是十種佛輪，於眾會中，有八十四百千那庾多菩薩摩訶薩，得無生法忍。復有無量菩薩摩訶薩，獲得種種諸陀羅尼三摩地忍。復有無量，無數有情，初發無上正等覺心，得不退轉。復有無量，無數有情，逮得果證。

(Kinh: Lúc bảy giờ, trong hội, hết thấy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, hết thấy Thanh Văn, hết thấy trời, rồng, nói rộng là cho đến hết thấy các Yết Trá Bồ Đát Na, nhân phi nhân v.v... đều hoan hỷ to lớn, cùng xưng “lành thay”, tuôn mưa hương to, tuôn mưa hoa to, tuôn mưa các thứ báu, tuôn mưa to y phục, hết thấy đại địa thấy đều chấn động. Nghe nói

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

mười loại Phật Luân như thế, trong chúng hội, có tám mươi bốn trăm ngàn na-dữu-đa Bồ Tát Ma Ha Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Lại có vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được các thứ đà-la-ni tam-ma-địa nhân. Lại có vô lượng vô số hữu tình sơ phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, đạt được bất thoái chuyển. Lại có vô lượng vô số hữu tình đều được chứng quả).

Đức Phật thuyết pháp, từ trời, rồng cho đến Càn Đát Bà (Càn Thát Bà), A Tu La, cho đến nhân phi nhân v.v... do nghe đức Phật giảng về Phật Luân, đều hoan hỷ to lớn. Những người tham dự hội ấy là tứ chúng đệ tử, có Bồ Tát, có Thanh Văn, cũng có Duyên Giác, do được nghe đức Phật thuyết pháp, họ đều hoan hỷ. “*Đồng xướng thiện tai*” (Cùng xướng “lành thay”) cũng là tán thán. Đồng thời, ở trong hội, tuôn xuống mưa hương, “*vũ đại hoa vũ*” là dùng các thứ hương, hoa, vật báu để cúng dường. Số lượng [nhiều đến nỗi] phải dùng chữ Vũ để hình dung, giống như trời giáng xuống một trận mưa ngọt vậy. Khi ấy, hết thảy đại địa sáu thứ chấn động. Đại địa đều bị chấn động, nghĩa là khi đức Phật thuyết pháp ấy đã chiêu cảm đất đai đều rung động. Nghe nói mười thứ Phật Luân như vậy, nghe Phật Luân ấy, những người nghe pháp trong hội, có tám mươi bốn trăm ngàn na-dữu-đa Bồ Tát Ma Ha Tát. “*Na-dữu-đa*” là triệu, “*Câu-xá-la*” là ức, cũng là một ức triệu. Ở trong hội ấy, có bao nhiêu vị đại Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhân? Nhiều đến tám mươi bốn trăm ngàn triệu Bồ Tát như vậy đã đắc Vô Sanh Pháp Nhân.

“*Phục hữu vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát hoạch đắc chúng chúng chư đà-la-ni tam-ma-địa nhân*” (Lại có vô lượng Bồ Tát Ma Ha Tát đạt được các thứ đà-la-ni tam-ma-địa nhân), chúng đắc vô lượng tam-muội. “*Đà-la-ni*” là tổng trì, tổng trì hết thảy các pháp.

“*Phục hữu vô lượng vô số hữu tình, sơ phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, đắc bất thoái chuyển*” (Lại có vô lượng vô số hữu tình sơ phát Vô Thượng Chánh Đẳng Giác tâm, đắc bất thoái chuyển): Có các chúng sanh ở trong hội ấy phát Bồ Đề tâm, đạt được địa vị Bất Thoái Chuyển. Bất Thoái Chuyển là nói đến tín tâm. Sau khi đã tin bèn phát tâm, đã phát tâm sẽ chẳng lui sụt tín tâm. Còn có vô lượng hữu tình được chứng quả. Quả họ đã chứng chính là Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, hoặc là Duyên Giác. Đây là nói khi đức Phật giảng Thập Luân, có nhiều vị Bồ Tát, có nhiều hữu tình như vậy hoặc là phát tâm, hoặc là chứng quả, có người chứng địa vị Vô Sanh Pháp Nhân. Đây là phần kinh văn nói về lợi ích sau khi nghe thuyết pháp. Quyển thứ hai tức phẩm

Thập Luân đã giảng xong.

Phiền não của chúng sanh trong đời ác ngũ trược cứng cõi như kim cương, mọi người đều có thể lãnh hội. Bất quá, giết Phật, làm thân Phật chảy máu thì chẳng thể, nhưng phá hoại tượng vẽ trên giấy, hoặc tượng bằng đất nặn, gỗ khắc, sẽ có tội tương ứng như thế. Phá pháp, tức [phá hoại] Đế pháp (諦法), báng Tăng, ở trong Tăng chúng xúc xiểm ly gián, phá hòa hợp Tăng, đòn xóc hai đầu, khuấy động thị phi, tội ấy to lắm. Đây chẳng phải là nói kẻ đó dùng khẩu nghiệp khuấy động thị phi mà là do phá hòa hợp Tăng, bèn trở thành tội nghịch. Trong hiện thời, chỉ sợ rằng tình huống ấy chẳng ít. Chúng sanh tạo nghiệp này rất nhiều, bất quá trong quá khứ, rất ít nghe thấy hiện tượng giết cha, giết mẹ. Hiện thời, các vụ án về tội phạm loại này cũng chẳng ít. Vì sao? Nghiệp nặng! Phước nghiệp của chúng sanh càng lúc càng nhẹ, thậm chí chẳng còn. Do vậy, trong xã hội mới xuất hiện hiện tượng ấy. Đức Phật nói: “*Phật pháp trong thế gian, chẳng rời thế gian giác*”. Trên đây, đã dùng Thập Luân của Phật để đối chiếu Thập Luân của thế gian, tức Thập Luân của vua Sát-đế-lợi, đó là pháp thế gian, hiện tượng trong thế gian. Đức Phật từ trong thế gian, vượt thoát thế gian, đạt tới xuất thế gian. Đây chỉ là phẩm thứ hai do đức Phật nói.

Bắt đầu từ phẩm thứ ba, sẽ giải thích rộng khắp ý nghĩa của Phật Luân, cũng như ý nghĩa của pháp thế gian nơi vua Sát-đế-lợi, hai tình huống đều cùng tồn tại. Bất quá, trong tình huống hiện thời, nơi pháp thế gian, chúng sanh tạo mười ác nghiệp nghiêm trọng hơn, người tạo Thập Thiện Nghiệp rất ít, chứ chẳng phải là không có. Đệ tử quy y Tam Bảo đều hành mười thiện nghiệp, nhưng so với năm mươi bảy ức dân cư trên cả thế giới để nói, vẫn là thiếu số. Còn như những vị Bồ Tát chứng quả thành đạo, đạt được các môn đà-la-ni tam-ma-địa chắc là chẳng có. Dầu có đi nữa, chúng ta do chẳng đủ phước huệ, cũng chẳng thể thấy được! Đã phát Bồ Đề tâm, đã có thể tin tưởng, mà cũng chẳng hoài nghi, đối với Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo đã tin rồi, sẽ có thể khởi hạnh, chiếu theo lời chỉ dạy của đức Phật để hành, hạng chúng sanh như vậy rất ít!

III. Vô Y Hạnh - Phẩm Đệ Tam

無依行品第三

(Phẩm thứ ba: Vô Y Hạnh)

(Kinh) Nhĩ thời, hội trung hữu Đại Phạm Thiên, danh viết Thiên Tạng, cứu thực thiện căn, trụ Đệ Thập Địa, cụ chư Bồ Tát Ma

Ha Tát đức, tức tùng tòa khởi, hiệp chưởng lễ Phật, nhi thuyết tụng ngôn: “Công đức tạng huệ hải, ngã kim vẫn sở nghi, nguyện huệ hải thù thính, vị ngã trừ nghi trệ. Ngã đẳng kim khát ngưỡng, đức tạng thắng pháp vị, cập tối thượng nghĩa vị, cử chúng hàm dục vẫn”.

(經)爾時，會中有大梵天，名曰天藏，久植善根，住第十地，具諸菩薩摩訶薩德，即從座起，合掌禮佛，而說頌言：「功德藏慧海，我今問所疑，願慧海垂聽，為我除疑滯。我等今渴仰，德藏勝法味，及最上義味，舉眾咸欲聞」。

(*Kinh: Lúc bấy giờ, trong hội có Đại Phạm Thiên, tên là Thiên Tạng, gieo thiện căn đã lâu, trụ Đệ Thập Địa, trọn đủ các đức của Bồ Tát Ma Ha Tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay, lễ Phật, bèn nói kệ tụng rằng: “Biển huệ, kho công đức. Con nay hỏi điều nghi. Nguyện biển huệ lắng nghe. Vì con trừ nghi trệ. Chúng con nay khát ngưỡng, thắng pháp vị đức tạng, và nghĩa vị tối thượng. Đại chúng đều muốn nghe”*).

Bài kệ tụng này tán thán công đức của Phật, “*tạng huệ hải*” (藏慧海) là nói đến những lời đức Phật dạy. Phật chứa đựng hết thảy công đức, hàm tàng hết thảy trí huệ, sâu như biển, rộng như biển. Phạm Thiên nói “*ngã kim vẫn sở nghi*”, [nghĩa là] nay con có đôi chút nghi hoặc, có thể thưa hỏi hay chẳng? Có thể thỉnh cầu hay chẳng?

“*Nguyện huệ hải thù thính*” (Xin biển huệ rủ lòng nghe): Kính xin đức Phật thương xót, cho phép con nói, như vậy thì sẽ có thể trừ nổi nghi hoặc ấy cho con. “*Nghi hoặc*” là vướng mắc, ngăn ngại. Hễ có nghi hoặc, ngăn ngại, sẽ chẳng thể tiến thêm được. Khi trừ nghi hoặc thì con mới có thể tu. Chúng con và đại chúng tham dự pháp hội đều khát ngưỡng, khát ngưỡng gì vậy? “*Đức tạng thắng pháp vị*” (Pháp vị thù thắng nơi kho công đức). “*Đức tạng*” (德藏) là [từ ngữ] ca ngợi Phật, ca tụng đức Thế Tôn chứa đựng hết thảy công đức, có pháp vị thù thắng. “*Pháp vị*” (法味) là khi đức Phật thuyết pháp, sẽ có một loại hương vị, giống như khi chúng ta ăn uống, cảm nhận diệu vị sanh khởi. Ở đây là diệu vị của các pháp, như khi quý vị sanh khởi tâm hoan hỷ, sanh khởi tâm hớn hởi, sanh khởi tâm tinh tấn, sanh khởi tâm sám hối. Chuyện này bao hàm rất nhiều [ý nghĩa], tùy thuộc huệ lực khi nghe pháp của mỗi người, cũng như do sức thiện căn của chính mình.

“Tối thượng nghĩa vị” là pháp vị do nghe pháp, nghe Đệ Nhất Nghĩa Đế tối thượng. Nghĩa ấy là Đệ Nhất Nghĩa, ai nấy đều mong đạt được loại Đệ Nhất Nghĩa thù thắng ấy, có trí vị, lại còn có thể no đủ. Nghe pháp vị mà như thọ dụng thức ăn, chính mình hãy tự tu, hãy tu đi! Do vậy, hiện thời mọi người đều mong được nghe.

Trước hết, chúng ta phải biết hàm nghĩa của phẩm Vô Y Hạnh thì mới biết được ý nghĩa pháp vị ấy. Vô Y Hạnh là làm những điều chẳng đáng nương cậy. Điều đó có nghĩa là khi quý vị thực hiện một pháp nào đó, lẽ ra pháp đó phải là cơ sở để thiện căn và công đức nương vào đó mà sanh khởi, nhưng cái pháp mà quý vị đang hành đó lại chẳng thể làm cơ sở [cho thiện căn và công đức] nương cậy [hòng sanh khởi] được! Vô Y (無依) là “không nương cậy được”. Hành pháp (pháp được thực hiện) vốn là chỗ nương tựa để sanh khởi công đức và thiện căn; [thế mà các hành pháp được nói trong phẩm này] là Vô Y, tức là chúng chẳng thể dùng làm cơ sở để sanh khởi [thiện căn, công đức] được! Vì sao chẳng thế? Hoặc là do quý vị duyên niệm tà tri, tà kiến, tạo tác đủ loại nghiệp. Hoặc do ác duyên, chẳng gặp gỡ minh sư, mà gặp bạn ác dẫn dụ, vậy thì khi quý vị hành pháp, các pháp ấy chẳng thể làm chỗ nương cậy cho công đức và thiện căn, tức là những gì quý vị đã làm chẳng thể sanh ra thiện căn, chẳng thể sanh ra công đức. Vậy thì sẽ sanh ra gì? Sanh ra các tội lỗi. Dưới đây, [đức Phật sẽ kể ra] có tất cả mười loại.

(Kinh) Phật cáo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên ngôn: “N hư Lai kim giả tứ nhữ ý vấn, đương tùy vấn đáp, linh nhữ tâm hỷ”. Đại Phạm Thiên ngôn: “Duy nhiên, Thế Tôn!” Dĩ tụng vấn viết: “Lợi huệ tu Định giả, an trụ bất phóng dật, vị trụ Thắng Nghĩa Đế? Vị y chỉ sanh tử? Trú dạ u pháp nghĩa, tinh cần nhi tụng tập, vị độ phiền não hải? Vị thoái đọa ác thú? Dũng mãnh cần doanh phước, vị định thú Niết Bàn? Vị xử sanh tử trung, thoái đọa u ác thú? Thông huệ Sát-đế-lợi, thành tựu thập chủng luân, vị trầm sanh tử trung? Vị đương thăng Phật quả? Tạng nhiễm tâm nan phục, chư phiền não sở loạn, dĩ hà tịnh kỳ tâm, tu Định, phước, tụng nghiệp?”

(經)佛告天藏大梵天言：「如來今者恣汝意問，當隨問答，令汝心喜」。大梵天言：「唯然，世尊！」以頌問曰：「利慧修定者，安住不放逸，為住勝義諦？為依止生死？晝夜於法義，精勤而習誦，為渡煩惱海？為退墮惡趣

？勇猛勤營福，為定趣涅槃？為處生死中，退墮於惡趣？
聰慧剎帝利，成就十種輪，為沉生死中？為當升佛果？雜
染心難伏，諸煩惱所亂，以何淨其心，修定福誦業？」

(*Kinh: Đức Phật bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên rằng: “Nhu Lai nay cho phép ông tùy ý hỏi, sẽ theo lời ông hỏi mà đáp, khiến cho tâm ông vui mừng”. Đại Phạm Thiên nói: “Thưa vâng, đức Thế Tôn!” Dùng kệ hỏi rằng: “Kẻ huệ bén tu Định, an trụ chẳng buông lung, sẽ trụ Thắng Nghĩa Đế, hay nương cây sanh tử? Ngày đêm đều siêng rông, tụng tập các pháp nghĩa, sẽ vượt biển phiền não, hay thoái đọa đường ác? Dùng mãnh siêng tu phước, chắc chắn đạt Niết Bàn, hay ở trong sanh tử, lui sụt vào nẻo ác? Sát-đế-lợi thông huệ, thành tựu mười thứ luân, sẽ chìm trong sanh tử, hay ngự lên Phật quả? Tâm tạp nhiễm khó phục, các phiền não nhiều loạn, dùng gì để tịnh tâm, tu Định, phước, tụng nghiệp?”*)

Đức Phật liền khen ngợi các vấn đề do Thiên Tạng Đại Phạm Thiên đã hỏi. Đức Phật bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên: “*Nhu Lai nay cho phép ông tùy ý hỏi, sẽ tùy theo lời hỏi mà đáp, khiến cho tâm ông hoan hỷ*”. Đại Phạm Thiên thưa: “*Kính vâng, đức Thế Tôn!*”, rồi dùng kệ tụng đề hỏi. Trước hết, ông ta thưa thỉnh. Kệ tụng trong phần trước là đề thỉnh ý Phật: Con có nghi vấn, Ngài có thể giải đáp cho con hay không? Sau khi đã giải đáp, sẽ khiến cho chúng con đều do nghe pháp mà hưởng pháp vị thù thắng, nhiệm màu, nghe nghĩa vị thù thắng nhất. “*Pháp vị, nghĩa vị*”: Trong pháp vị có chứa đựng nghĩa vị, trong pháp có chứa đựng nghĩa lý. Đức Phật lại trả lời: “*Tùy như ý vấn*”, nghĩa là: Ông muốn hỏi ta, ta sẽ giải thích, trả lời cho ông. Đại Phạm Thiên dùng bài kệ tụng này để hỏi. Ông ta nói tất cả năm bài tụng, mỗi bài tụng là bốn câu. Ông ta nói: Người có trí huệ thông lợi mà tu Định, tức tu tam-muội, có thể chẳng buông lung. “*Chẳng buông lung*” (Bất phóng dật) tức là chẳng điệu cử (掉舉, lao chao, xáo động), mà cũng chẳng hôn trầm. Hạng chúng sanh như vậy sẽ trụ nơi Thắng Nghĩa Đế ư? Hay là vẫn phải lưu chuyển trong sanh tử? Vẫn y chỉ sanh tử để lưu chuyển, hay sẽ y chỉ Thắng Nghĩa? Tức là nói giả sử có một người trí huệ nhạy bén tu Định, an trụ trong tinh tấn, bất phóng dật để tu hành, người ấy sẽ trụ trong Thắng Nghĩa Đế, hay là vẫn nương tựa sanh tử? Đó là một vấn đề.

“*Trú dạ u pháp nghĩa, tinh cần nhi tụng tập, vị độ phiền não hải? Vị thoái đọa ác thú?*” (Ngày đêm đều siêng rông, tụng tập các pháp

nghĩa, sẽ vượt biển phiền não? Hay thoái đọa đường ác?): “*Pháp*” chính là nghĩa lý được chứa đựng trong các bài kinh do đức Phật đã nói. Mỗi bộ kinh đều có nghĩa lý, đều là vô thượng nghĩa, là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Do vậy, mỗi pháp đều gọi là “*Đế pháp*” (諦法, pháp chân thật). Đối với nghĩa lý của Phật pháp, ngày đêm tu tập, đọc tụng Đại Thừa, lại còn tinh tấn, dũng mãnh, siêng năng chuyên ròng, chẳng giải đãi; như thế thì có thể vượt biển phiền não hay chẳng? Người ấy làm như vậy có thể vượt biển phiền não hay không? Hay sẽ thoái đọa vào đường ác? Bài kệ này có ý nghĩa giống bài tụng trên: [Chỗ khác biệt là] một đảng tu Định, một đảng đọc tụng Đại Thừa để tu Huệ và tu phước.

Kế đó là chăm lo tu phước. “*Dũng mãnh cần doanh phước*” (Dũng mãnh, siêng tu phước): Làm hết thầy các Phật sự, luôn luôn dũng mãnh, chuyên ròng, siêng năng thực hiện. “*Vị định thú Niết Bàn? Vị sử sanh tử trung, thoái đọa v ác thú?*”, ý nói: Loại chúng sanh chuyên tu tạo phước nghiệp ấy có thể dùng sức phước đức để tiến hướng Niết Bàn hay không? Hay là vẫn ở trong sanh tử, lui đọa vào nẻo ác? Đây lại là một điều nữa!

Vấn đề thứ hai, Sát-đế-lợi thông minh, có trí huệ, thành tựu mười loại luân, “*vị trầm sanh tử trung? Vị đương thăng Phật quả?*” (sẽ chìm trong sanh tử? Hay ngự lên Phật quả?): Đối với các vua thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi như đã nói trong phần trước, tức Sát-đế-lợi được quán đánh làm vua, đã thành tựu mười loại vương luân, lên ngôi Kim Luân Vương, hoặc ngôi vua Đôn Luân. Sát-đế-lợi [làm Luân Vương] có bốn loại, chúng ta luôn nói đến Kim Luân Vương làm vua trọn khắp bốn bộ châu. Ông ta đã thành tựu mười loại vương luân, sẽ vẫn chìm đắm trong sanh tử, hay là sẽ thăng lên Phật quả? Tức là có thể thành Phật quả hay không?

“*Tạp nhiễm tâm nan phục, chư phiền não sở loạn, dĩ hà tịnh kỳ tâm, tu Định, phước, tụng nghiệp?*” (Tâm tạp nhiễm khó hàng phục, bị các phiền não làm loạn, làm thế nào để tịnh cái tâm, tu Định, tu phước, hay đọc tụng?): Đây là phần kệ tụng nhằm nêu chung những điều ấy. Chúng sanh trong hiện thời, bất luận tu Định cũng thế, mà tu tụng nghiệp (đọc tụng Đại Thừa) cũng thế, chúng sanh lo tu phước cũng thế, tâm họ toàn là tâm tạp nhiễm. Đối với vị Sát-đế-lợi được quán đánh làm vua, vì sao ông ta (Thiên Tạng Đại Phạm Thiên) hỏi như thế? Lo tu tạo phước thì có thể tiến hướng Niết Bàn hay không? Do nghiệp trì tụng có thể đạt đến Phật quả hay không? Tu Định có thể thành tựu tam-ma-địa hay không? Nêu ra một đảng là chánh diện, một đảng là tương phản, vì sao

ông ta hỏi như vậy? “*Tạp nhiễm tâm nan phục*” (Tâm tạp nhiễm khó hàng phục).

Cái tâm phiền não, cái tâm tạp nhiễm của chúng sanh rất khó điều phục. Thường là trong khi hành đạo, cái tâm của họ chẳng thể chuyên chú một cảnh, sẽ bị phiền não nhiễu loạn, dùng phương pháp gì thì mới có thể giữ cho cái tâm thanh tịnh để tu Định, hay tu phước, để thực hiện sự nghiệp thù thắng như thế?

Trong thời đại hiện tại, nhằm lúc Mạt Pháp, có rất nhiều đạo hữu tu Định, cho đến đọc tụng Đại Thừa, ấn định công khóa thường nhật, cũng như công khóa sáng tối trong các chùa miếu đều là đọc tụng Đại Thừa, còn có một số mật chú, làm Phật sự, hoặc là tụng kinh, lễ bái. Hoặc là có các đạo hữu, do trai chủ tới thỉnh cầu, sắp đặt cúng chay để tạo phước. Vậy thì làm những phước nghiệp ấy có thể thành đạo hay không? Có thể thành tựu Phật quả, thành tựu đạo nghiệp hay không? Vì sao hỏi như vậy? Vì khi họ thực hiện [những điều đó], cái tâm họ là tâm tạp nhiễm. Tâm tạp nhiễm chính là hai thứ tâm thiện và ác đều có, tâm họ chẳng thể chuyên chú một cảnh.

Khi tụng kinh, mọi người đều biết, chẳng dễ chuyên chú nơi nghĩa chặng đầu, nghĩa chặng giữa, và nghĩa chặng cuối trong kinh văn. Bắt đầu từ câu thứ nhất là đọc tựa đề kinh, cho đến cuối cùng là hồi hướng, sau khi đã đọc xong, trong khoảng ấy, có tạp loạn vọng tưởng hay không? Tâm có thanh tịnh hay không? Bản thân chúng ta đều có thể phán đoán. Có khi tâm thanh tịnh, có lúc niệm thì cứ niệm vậy, chẳng biết niệm đến chỗ nào rồi! Có lúc niệm mà ngủ gà ngủ gật cũng có! Có lúc do chẳng dụng công, còn chẳng nhận biết nữa kia. Hễ dụng công thì [sẽ nhận biết] hôn trầm lẫn điệu cử đều xuất hiện đủ mặt! Trong chốc lát này nghĩ đến chuyện khác, chốc lát sau lại nghĩ đến chuyện khác nữa! Hai đặng đều dễ bị quấy nhiễu nhất.

Trong khi niệm kinh thì miệng vẫn niệm, dường như niệm lâu lâu. Niệm phẩm Phổ Môn đã nhiều năm rồi, đã niệm mười mấy năm trở lên, thuộc nằm lòng rồi. Hoặc như chúng ta bái sám, bái chướng bao lâu, mọi người đều thuộc lòng. Đã thuộc rồi, càng dễ tán loạn. Miệng thì niệm đây, tâm chạy đến chỗ khác mất tiêu rồi! Như vậy thì có phước báo hay không? Tôi cho rằng vẫn có. Tối thiểu là khẩu nghiệp và thân nghiệp đã định, chỉ là chưa thể thanh tịnh vọng tưởng! Phạm Thiên nêu câu hỏi: Làm thế nào để có thể thanh tịnh cái tâm? Muốn tịnh tâm thì phải tu Định, tu phước, cho đến đọc tụng như thế nào thì hiệu quả mới to lớn. Nếu dùng cái tâm tạp nhiễm thì do phiền não tạp loạn quý vị, có công

đức hay không? Đức Phật có phương pháp thiện xảo phương tiện nào, khiến cho các chúng sanh ấy trừ bỏ cái tâm tạp nhiễm để tu Định, tu Phước, hoặc tập tụng hay không? Câu hỏi của Phạm Thiên chứa đựng ý nghĩa như thế đó.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo bỉ Thiên Tạng Đại Phạm Thiên viết: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ thiện biện tài, năng vấn tư nghĩa. Nhữ u thứ pháp, dĩ tác cù lao. Nhữ u chư hạnh, dĩ đắc viên mãn. Nhữ u quá khứ Cãng-già sa đấng Phật Thế Tôn sở, dĩ cần tam nghiệp, hưng long chánh pháp, thiệu Tam Bảo chúng, kim vị nhiều ích vô lượng chúng sanh, phục vấn Như Lai như thị thâm nghĩa. Thiện nam tử! Hữu đại ký biệt pháp, danh Vô Y Hạnh, quá khứ nhất thiết chư Phật Thế Tôn, vị dục thành thực chư hữu tình cố, vị linh yếm ly sanh tử pháp cố, vị linh trừ đoạn nghiệp phiền não cố, vị linh tam thừa tột viên mãn cố, tuyên thuyết, trụ trì thử Vô Y Hạnh đại ký biệt pháp”.

(經)爾時，世尊告彼天藏大梵天曰：「善哉！善哉！汝善辯才，能問斯義。汝於此法，已作劬勞。汝於諸行，已得圓滿。汝於過去殑伽沙等佛世尊所，已勤三業，興隆正法，紹三寶種，今為饒益無量眾生，復問如來如是深義。善男子！有大記別法，名無依行，過去一切諸佛世尊，為欲成熟諸有情故，為令厭離生死法故，為令除斷業煩惱故，為令三乘速圓滿故，宣說住持此無依行大記別法。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên rằng: “Lành thay! Lành thay! Ông biện tài hay khéo, có thể hỏi nghĩa ấy. Đối với pháp ấy, ông đã nhọc nhằn tu tập. Đối với các hạnh, ông đã viên mãn. Trong quá khứ, ông đã ở nơi các vị Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, dùng ba nghiệp siêng năng để chánh pháp hưng thịnh, tiếp nối chúng tánh Tam Bảo, nay vì muốn lợi ích vô lượng chúng sanh, lại hỏi Như Lai nghĩa sâu như thế. Nay thiện nam tử! Có pháp đại ký biệt tên là Vô Y Hạnh, hết thấy chư Phật Thế Tôn trong quá khứ vì muốn thành thực các hữu tình, vì muốn khiến cho họ chán lìa pháp sanh tử, vì muốn đoạn trừ nghiệp phiền não, vì khiến cho tam thừa mau viên mãn mà tuyên nói, duy trì pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này).

Đức Phật trả lời Thiên Tạng Đại Phạm Thiên rằng: “Ông hỏi rất hay! Ông biện tài vô ngại, biện tài khéo léo, cho nên có thể hỏi đạo lý

này”. Chữ “*Tu*” (斯) chỉ những vấn đề đã được nêu ra trước đó. “*Tu nghĩa*” (斯義) tức là “*nghĩa lý ấy*”. “*Nhữ u thử pháp dĩ tác cù lao*” nghĩa là: Đối với pháp này, ông đã tu tập rất lâu. “*Cù lao*” (劬勞) là tán thán ông ta rất vất vả, rất tinh tấn. Do vậy, đối với các pháp mà ông đã hỏi, ông đã hành viên mãn. Do các hạnh đã viên mãn, ông đã đạt đến Thập Địa, trụ trong địa vị Thập Địa Bồ Tát, tức là đạt tới Pháp Vân Địa, đã sắp viên mãn. Ông không chỉ hỏi ta trong hiện tại, mà còn ở nơi chư Phật Thế Tôn trong quá khứ nhiều như cát sông Hằng, ông cũng hỏi như thế.

Ông đã từng tu trì loại nghĩa sâu này, đã tự mình tu tập, đã có kinh nghiệm, Phạm Thiên đã biết. Khi tu Định, tu đọc tụng Đại Thừa nhằm tu huệ nghiệp, do cái tâm tạp nhiễm, bị phiền não nhiễu loạn, có thể liễu sanh tử hay không? Có thể chứng đắc Phật quả hay không? Ông ta đã từng kinh nghiệm: Dùng cái tâm tạp nhiễm, sẽ chẳng thể chứng đắc, ắt phải đạt được cái tâm thanh tịnh. Có phương pháp nào có thể khiến cho cái tâm của người ấy chẳng vọng động hay không, có thể chứng đắc cái tâm thanh tịnh hay không? Do vậy, đức Phật tán thán: Trong vô lượng kiếp quá khứ, đối trước chư Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng, ông đã dùng ba nghiệp thân, miệng, ý để siêng năng chuyên ròng tu hành, hộ trì chánh pháp, hưng thịnh chánh pháp, tiếp nối chủng tánh Tam Bảo, cũng đã từng hỏi chư Phật Thế Tôn [những ý nghĩa] như thế. Vì lợi ích vô lượng chúng sanh, nay ông ta lại hỏi ta nghĩa sâu như thế. Đạo lý này rất sâu! Ông nói cái tâm tạp nhiễm, chẳng có phước báo, lại do đâu mà đạt được tịnh tâm ư? Thiện căn phải do gieo bồi dần dần, Hoặc nghiệp dần dần tiêu. Chư Phật, Bồ Tát đều tu hành trải qua vô lượng kiếp. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện hóa thân, tu suốt ba đại A-tăng-kỳ kiếp, [thật ra], há nào phải chỉ có ba đại A-tăng-kỳ kiếp? Địa Tạng Bồ Tát tu hành vô lượng, vô lượng kiếp, rất nhiều ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Do vậy, Phật đạo khó thành!

Này thiện nam tử! Có pháp đại ký biệt tên là Vô Y Hạnh, chư Phật đều như thế. “*Đại ký biệt*” (大記別) là thọ ký, tức đức Phật dự đoán trong tương lai sẽ như thế này, như thế nọ; đó gọi là Ký Biệt (記別). Cho đến đức Phật chứng thực cho một vị đệ tử nào đó, nói: “Cho đến khi nào đó, đã trải qua bao nhiêu kiếp, ông sẽ thành Phật. Khi thành Phật, ông sẽ có danh hiệu là gì, quốc độ ấy tên là gì, thế giới ấy tên là gì”. Đó gọi là Thọ Ký (授記). [Đại Ký Biệt] ở đây là nói về thuyết pháp. “*Đại ký*” (大記) là nói về pháp, chẳng nói về người. Nói trong tương lai, hết thấy chúng sanh sẽ như thế này, như thế nọ, đây cũng là Ký Biệt. [Tiên đoán về tình

hình trong các giai đoạn] Chánh Pháp, Tượng Pháp, và Mạt Pháp, thì cũng là ý nghĩa Ký Biệt. Trong thời đại Mạt Pháp, chúng sanh sẽ như thế này, như thế nọ, thậm chí Phật pháp thừa thớt, tạo nghiệp nhiều, Đoạn Kiến, Thường Kiến, ác kiến rất nhiều.

(Kinh) Hiện tại, thập phương chư Phật Thế Tôn, diệc vị thành thực chư hữu tình cố, vị linh yếm ly sanh tử pháp cố, vị linh trừ đoạn nghiệp phiền não cố, vị linh tam thừa tốc viên mãn cố, tuyên thuyết, trụ trì thử Vô Y Hạnh đại ký biệt pháp. Vị lai nhất thiết chư Phật Thế Tôn, diệc vị thành thực chư hữu tình cố, vị linh yếm ly sanh tử pháp cố, vị linh trừ đoạn nghiệp phiền não cố, vị linh tam thừa tốc viên mãn cố, tuyên thuyết, trụ trì thử Vô Y Hạnh đại ký biệt pháp. Nhữ u quá khứ chư Như Lai sở, dĩ cụ đắc văn thử Vô Y Hạnh đại ký biệt pháp. Ngã u kim giả, diệc vị thành thực chư hữu tình cố, vị linh yếm ly sanh tử pháp cố, vị linh trừ đoạn nghiệp phiền não cố, vị linh tam thừa tốc viên mãn cố, tuyên thuyết, trụ trì thử Vô Y Hạnh đại ký biệt pháp. Nhữ ưng đế thính! Thiện tư niệm chi! Ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết”.

(經)現在，十方諸佛世尊，亦為成熟諸有情故，為令厭離生死法故，為令除斷業煩惱故，為令三乘速圓滿故，宣說住持此無依行大記別法。未來一切諸佛世尊，亦為成熟諸有情故，為令厭離生死法故，為令除斷業煩惱故，為令三乘速圓滿故，宣說住持此無依行大記別法。汝於過去諸如來所，已具得聞此無依行大記別法。我於今者，亦為成熟諸有情故，為令厭離生死法故，為令除斷業煩惱故，為令三乘速圓滿故，宣說住持此無依行大記別法。汝應諦聽！善思念之！吾當為汝分別解說」。

(Kinh: Hiện tại, mười phương chư Phật Thế Tôn cũng vì thành thực các hữu tình, vì khiến cho họ chán lìa pháp sanh tử, vì khiến cho họ đoạn trừ nghiệp phiền não, vì khiến cho tam thừa mau viên mãn mà tuyên nói, duy trì pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Vị lai hết thảy chư Phật Thế Tôn cũng vì thành thực các hữu tình, vì khiến cho họ chán lìa pháp sanh tử, vì khiến cho họ đoạn trừ nghiệp phiền não, vì khiến cho tam thừa mau viên mãn mà tuyên nói, duy trì pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Trong quá khứ, ông đã ở chỗ các đức Như Lai, được nghe trọn vẹn

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Ta nay cũng vì thành thực các hữu tình, vì khiến cho họ chán lìa pháp sanh tử, vì khiến cho họ đoạn trừ nghiệp phiền não, vì khiến cho tam thừa mau viên mãn mà tuyên nói, duy trì pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Ông hãy nên lắng nghe! Khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói”).

Bất luận quá khứ, hiện tại, hay vị lai chư Phật, tam thế chư Phật vì muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đoạn nghiệp, đoạn Kiến Hoặc, và đoạn phiền não của họ, khiến cho họ thành thực, lìa khỏi sanh tử, chứng đắc Niết Bàn, thành tựu quả vị tam thừa, chẳng còn luân hồi trong sáu đường nữa, cũng tuyên nói pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Tam thế chư Phật đều nói như thế. “Nhữ” (ông) là nói với Thiên Tạng Đại Phạm Thiên: Ông đã ở nơi quá khứ chư Phật, đã được nghe pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này. Ông đã được nghe rồi, nhưng vì duyên có lợi ích chúng sanh, lại xin ta nói. Nay ta cũng vì thành thực hết thảy các hữu tình, khiến cho hết thảy hữu tình đoạn phiền não, chứng Bồ Đề, vì làm cho họ chán lìa sanh tử, vì làm cho họ chứng đắc Niết Bàn, vì làm cho họ chứng các quả vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chóng thành tựu viên mãn, cho nên cũng sẽ tuyên nói pháp đại ký biệt Vô Y Hạnh này!

“*Nhữ ưng để thính!*” nghĩa là: Ông hãy nghe cho kỹ, nghe đúng như lý. Đối với mọi người thính pháp, đức Phật đều bảo “*hãy nghe như lý*”, “*để thính*”. Từ Bồ Tát thuộc quả vị Thập Địa cho đến Văn Thù Bồ Tát thừa hỏi, Địa Tạng Bồ Tát thừa hỏi, đức Phật đều dạy hãy “*để thính, như lý thính*” (hãy lắng, nghe đúng lý), [nói như vậy] nhằm dạy chúng ta [hãy nghe như lý, lắng nghe chân thật]. Chúng ta nhất định phải như lý mà suy xét. Nói là Văn (聞) tức là nghe, nghe chính là Văn Huệ. Văn, Tu, Tu, chẳng nghe thì làm sao có thể tư duy cho được? Chẳng tư duy, quý vị làm sao có thể tu? Nếu không, sẽ là tu mù! Quý vị phải biết tu như thế nào, hành trì như thế nào? Hành trì sẽ có phương pháp để hành trì. Do vậy, dạy quý vị phải “*để thính*”.

(Kinh) Nhĩ thời, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên ngôn: “Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyện nhạo dục văn”. Phật ngôn: - Đại Phạm! Hữu thập chủng Vô Y Hạnh pháp, nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, thượng bất năng thành Dục Giới thiện căn. Thiết sử tiên thành, tầm hoàn thoái thất. Huống đương năng thành Sắc, Vô Sắc Định, nãi chí tam thừa, tùy thành nhất thừa?

(經)爾時，天藏大梵天言：「唯然，世尊！願樂欲

聞」。佛言：「大梵！有十種無依行法，若修定者，隨有一行，尚不能成欲界善根。設使先成，尋還退失。況當能成色、無色定，乃至三乘，隨成一乘？

(Kinh: Lúc bấy giờ, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên thưa: “Kính vâng, đức Thế Tôn! Con xin ưa thích nghe”. Đức Phật dạy: - Nay Đại Phạm! Có mười pháp Vô Y Hạnh, nếu người tu Định mà có bất cứ một hạnh nào, sẽ còn chẳng thể thành tựu thiện căn trong Dục Giới. Giả sử [thiện căn ấy] đã thành tựu trước đó, sẽ lập tức lui sụt, mất đi. Huống hồ sẽ có thể thành tựu Sắc Giới Định và Vô Sắc Giới Định, cho đến thành tựu một thừa nào trong tam thừa ư?)

“Nhĩ thời, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên ngôn: - Dục nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục vãn” (Lúc bấy giờ, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên thưa: - Kính vâng, đức Thế Tôn! Con xin ưa thích nghe): Con nhất định sẽ vâng theo lời đức Phật căn dặn, chăm chú nghe, rất mong được nghe lời Phật dạy. “Phật ngôn: - Đại Phạm! Hữu thập chủng Vô Y Hạnh pháp. Nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, thượng bất năng thành Dục Giới thiện căn. Thiết sử tiên thành, tầm hoàn thoái thất. Huống đương năng thành Sắc, Vô Sắc Định, nãi chí tam thừa tùy thành nhất thừa?” (Đức Phật dạy: - Nay Đại Phạm! Có mười pháp Vô Y Hạnh. Nếu người tu Định mà có bất cứ một hạnh nào, còn chẳng thể thành tựu thiện căn trong Dục Giới. Giả sử [thiện căn ấy] đã thành tựu trước đó, vẫn bị lập tức lui sụt, mất đi. Huống hồ sẽ có thể thành tựu Sắc Giới Định và Vô Sắc Giới Định, cho đến thành tựu một thừa trong ba thừa ư?) Đây là nói có mười loại pháp Vô Y Hạnh. Khi người ấy hành theo pháp Vô Y, chẳng nương tựa Tam Bảo, chẳng nương tựa giáo pháp của đức Phật, như thế thì tu Định sẽ chẳng thể thành công!

Mười loại pháp Vô Y Hạnh ấy, hề có một loại, đều chẳng thể thành tựu. Ngay cả thiện căn trong Dục Giới còn chẳng thể thành tựu được. Nếu người ấy đã thành tựu trước đó, khi người ấy hành theo các pháp ấy, tức là trong mười loại Vô Y mà có một loại Vô Y, những gì người ấy đã đạt được trước kia đều bị thoái thất. Thiện căn và phước báo của chúng ta chẳng phải là vô hạn lượng. Nếu đời này chẳng tu, phước báo trước kia sẽ bị lui sụt, mất đi trong đời này. Đời này hưởng thụ hết rồi, sẽ chẳng còn nữa! Người học đạo nếu chẳng tinh tấn, hề giải đãi thì “*học đạo như thuyền bơi ngược nước, chẳng tiến, ắt lùi*”. Quý vị chẳng dũng mãnh tinh tấn, khi chưa đạt tới địa vị Bất Thoái, sẽ vẫn bị lui sụt,

trừ phi đã thành Phật! Đã thành Phật thì thân, miệng, ý của vị đó chẳng cần phải phòng hộ hoặc nghĩ tới nữa! Chẳng cần phải tác ý, mà là tự nhiên, chẳng có một tí bất thiện nào! Các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát trước khi đạt tới Bát Địa, đều phải phòng hộ, nghĩ tưởng [gìn giữ tam nghiệp thanh tịnh]. Bậc A La Hán tuy đã chứng đắc, cho rằng Niết Bàn bất động, nhưng các Ngài vẫn phải bảo vệ thân, miệng, ý. Đó gọi là “*hữu hộ*” (有護, phải bảo vệ). Phật đã đạt tới địa vị “*bất hộ*” (不護, chẳng cần phải gìn giữ, bảo vệ ba nghiệp).

Nếu trong mười loại Vô Y Hạnh, quý vị có một loại, mà mong thành tựu thiện căn trong Dục Giới, sẽ chẳng thể được! Trước kia đã thành tựu, mà nay có Vô Y Hạnh, hễ có một pháp như vậy, quý vị sẽ thoái thất. Nếu quý vị muốn tu Thiền Định, sẽ chẳng thể đắc Thiền Định. Các môn Thiền Định đều chẳng thể đạt được! Sắc Giới Thiền Định và Vô Sắc Giới Thiền Định đều không đạt được. Cũng tức là Tứ Thiên và Tứ Không Định trong Bát Định chẳng đạt được môn nào, hưởng hồ là nói đến quả vị trong tam thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, một thừa cũng chẳng thành! Có ý nghĩa như thế đó. Dưới đây, nêu ra mười Vô Y Hạnh.

(Kinh) Hà đẳng vi thập? Nhất giả, thể hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi phap tư duyên, kinh cầu nhiều loạn. Nhị giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi phạm Thi La, hành chư ác hạnh. Tam giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi diên đảo kiến, vọng chấp cát hung, thân tâm cương cường. Tứ giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi tâm điệu động, bất thuận hiền thánh, chư căn khinh táo. Ngũ giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi ly gián ngữ, phá loạn bỉ thử. Lục giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi thô ác ngữ, hủy mạ hiền thánh. Thất giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi tạp uế ngữ, cập hư cuồng ngữ. Bát giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoài tham tật, ư tha sở đắc lợi dưỡng, cung kính, tâm bất hoan duyệt. Cửu giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoài sân phẫn, ư chư hữu tình, tâm thường phẫn khuể. Thập giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoài tà kiến, bất vô nhân quả. Đại Phạm đương tri! Thị danh thập chủng Vô Y Hạnh pháp. Nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, thượng bất năng thành Dục Giới thiện căn. Thiết sử tiên thành, tâm hoàn thoái thất. Huống đương năng thành Sắc, Vô Sắc Định, nãi chí tam thừa, tùy thành nhất thừa?

(經)何等為十？一者、世有一類，雖欲修定，而乏資緣，經求擾亂。二者、復有一類，雖欲修定，而犯尸羅，行諸惡行。三者、復有一類，雖欲修定，而顛倒見，妄執吉凶，身心剛強。四者、復有一類，雖欲修定，而心掉動，不順賢聖，諸根輕躁。五者、復有一類，雖欲修定，而離間語，破亂彼此。六者、復有一類，雖欲修定，而粗惡語，毀罵賢聖。七者、復有一類，雖欲修定，而雜穢語，及虛誑語。八者、復有一類，雖欲修定，而懷貪嫉，於他所得利養恭敬，心不歡悅。九者、復有一類，雖欲修定，而懷瞋忿，於諸有情，心常憤恚。十者、復有一類，雖欲修定，而懷邪見，撥無因果。大梵當知！是名十種無依行法。若修定者，隨有一行，尚不能成欲界善根。設使先成，尋還退失。況當能成色、無色定，乃至三乘，隨成一乘？

(Kinh: Những gì là mười? Một là cõi đời có một loại người, tuy muốn tu Định mà thiếu các duyên phụ trợ, sẽ bị các điều mong cầu nhiễu loạn. Hai là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà phạm Thi La, làm các hạnh ác. Ba là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà tri kiến điên đảo, xằng bậy chấp trước cát, hung, thân tâm ương ngạnh. Bốn là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà tâm xao động, chẳng thuận theo hiền thánh, các căn bộp chộp. Năm là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà nói lời ly gián, phá hoại, nhiễu loạn đôi bên. Sáu là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà nói lời thô ác, hủy báng, chửi rủa hiền thánh. Bảy là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà nói lời tạp uế và lời hư dối. Tám là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà ôm lòng tham lam, ganh ghét, đối với chuyện người khác được lợi dưỡng, cung kính, tâm chẳng vui thích. Chín là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà ôm lòng sân hận, phẫn nộ, đối với các hữu tình, tâm thường phẫn nộ, giận dữ. Mười là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà thường ôm giữ tà kiến, bài bác chẳng có nhân quả. Đại Phạm hãy nên biết! Đấy gọi là mười pháp Vô Y Hạnh. Nếu người tu Định, hề có một hạnh nào, còn chẳng thể thành tựu thiện căn trong Dục Giới. Giả sử đã thành tựu trước đó, sẽ liền lui sụt, mất đi. Hướng hồ sẽ có thể thành tựu Sắc Giới Định và Vô Sắc Định, cho đến chẳng thành tựu bất

cứ thừa nào trong tam thừa u?)

“*Hà đẳng vi thập?*” (Những gì là mười): Gạn hỏi ý nghĩa, mười loại nào vậy? “*Nhất giả, thế hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi phạm tu duyên, kinh cầu nhiều loạn*” (Một là trong cõi đời có một loại người, tuy muốn tu Định mà thiếu các duyên giúp đỡ, bị các điều mong cầu nhiều loạn): Quý vị mong tu Định thì phải có tư lương; trước hết, phải chuẩn bị tư lương. Tư lương để tu Định có hai loại:

1) Quý vị phải có nơi chốn thanh vắng.

2) Có người hộ trì quý vị. Ăn mặc, sinh sống, thứ gì cũng đều có, chẳng phải bận lòng, chẳng phải khởi tâm động niệm.

Đây đều là tư lương để hành đạo. Càng trọng yếu hơn nữa là tư lương về pháp. Quý vị muốn tu Định, trước hết phải tu gia hạnh. Trước hết, quý vị sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng. Chúng ta đã thọ Tam Quy, đã thọ Ngũ Giới, trước hết, đều phải sám hối, đó là do ý nghĩa này. Quý vị chẳng có tư lương mà mong tu Định, tĩnh tu, sẽ chẳng thể làm được. Chẳng thể làm được thì vọng tưởng trong tâm quý vị nhất định sẽ sanh khởi: An bữa này, chẳng có bữa sau, làm thế nào đây? Khi tĩnh tọa nơi đó, sẽ nghĩ ngợi: “Ngày mai còn có gạo để bỏ vào nồi hay không?” Hoặc là quần áo để mặc không đủ, chẳng thể chống lạnh. Hoặc là chỗ quý vị tu đạo lắm muỗi quá. Muỗi đốt quý vị, khi Định lực còn chưa đủ, quý vị sẽ chẳng thể định được. Mong ở trong núi, tìm một chỗ thanh vắng, núi rừng chẳng phải là chỗ dễ ở. Nói theo Trung Hoa, khi quý vị tham cứu chưa thấu suốt, chẳng thể sống trong núi, cũng là vì quý vị chưa thể định được, chẳng có Định lực ấy. Loại Vô Y thứ nhất chính là chẳng có tư lương để nương cậy. Tu hành như vậy, sẽ chẳng thành tựu. Đó là điều thứ nhất.

“*Nhi giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi phạm Thi La, hành chư ác hạnh*” (Hai là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà phạm Giới Luật, làm các hạnh ác): Đã phạm giới, đã phá giới. Thi La bảo vệ quý vị. Thi La là căn bản để sanh thiện, ngăn ngừa sai trái, dứt điều ác. Nếu quý vị phạm giới, phá luật nghi, mà mong tu Định, sẽ chẳng thể được! Chẳng giữ giới thì là phạm giới. Phạm giới là hành ác hạnh. Hành ác hạnh mà muốn tu Định, sẽ chẳng thể được. Đây là Vô Y Hạnh thứ hai.

“*Tam giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi điên đảo kiến, vọng chấp cát, hung, thân tâm cương cường*” (Ba là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà tri kiến điên đảo, xằng bậy chấp trước cát, hung,

thân tâm ương ngạnh): Muốn tu Định mà dùng tri kiến điên đảo, [chấp trước] cát, hung, họa, phước. Cát, hung, họa, phước bao gồm rất nhiều điều! “*Điên đảo kiến*” là gì? Trông thấy căn nhà này, hoặc ngôi nhà này, vừa bước vào, lướt nhìn, bèn nói: “Chỗ này không tốt! Cửa sổ kia chẳng trở đúng chỗ. Mở cái cửa nọ không tốt. Trỏ cửa kiêu đó sẽ chuốc lấy hung hiểm, quý vị phải sửa đổi đôi chút. Phải làm như thế nào thì mới là tốt”. Đó gọi là “*điên đảo kiến*”. Cát, hung, họa, phước do nghiệp từ quá khứ của quý vị, được định đoạt bởi cái nhân trong quá khứ. Hơn nữa, người tốt lành ở chỗ ác, chỗ ác cũng biến thành tốt lành. Kẻ ác ở chỗ tốt, cát địa cũng biến thành hung địa! Hết thấy do con người, chẳng do nơi chốn, cũng chẳng do cái nhà nào!

Khi quý vị có điên đảo kiến, xằng bậy chấp trước cát, hung, họa, phước, thân tâm rất ương ngạnh, sẽ chẳng tiếp nhận chánh tri, chánh kiến. Đức Phật chẳng nói [cát, hung, họa, phước] như vậy. Cho đến những kẻ khoe khoang thần thông, thốt lời nói dối to lớn đều thuộc loại này. Cho đến coi cát, hung, họa, phước, chiêm tinh, sửa đổi tướng mạng cho người khác, đều là “*điên đảo kiến*”. Điên đảo kiến là vì điên đảo ở chỗ nào? Điên đảo nhân quả, chẳng tin tưởng thiện, ác, nhân, quả.

“*Tứ giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi tâm điệu động*” (Bốn là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà tâm xáo động): Tâm chẳng định được! Điều cử (掉舉, trạo cử) là vọng niệm rất nhiều, hết sức tạp loạn, cũng chính là các căn phập phều, bộp chộp. Người tu Định tối thiểu là phải thâm nhiếp sáu căn đôi chút. Vì sao khi chúng ta tu Định phải mở mắt ba phần, nhắm mắt bảy phần? Để nhãn căn chẳng hướng ra ngoài tìm tòi, dò xét, nhìn ngó khắp nơi! Phải lắng lòng! Khi mắt tiếp xúc cảnh, phải tịch tĩnh. Khi tai nghe thấy âm thanh, phải tịch tĩnh. Vì sao phải tìm chốn tịch tĩnh? Chẳng bị khuấy nhiễu! Quý vị đứng nơi đường lớn, toàn là tiếng xe hơi qua lại, làm sao quý vị tu Định cho nổi? Tu không nổi. Các điều ấy đều thuộc loại Điều Cử. Tâm điệu cử là do chẳng hành theo lời dạy bảo của thánh hiền, các căn rất phiền rối, bộp chộp, thân thể chẳng thể ngồi yên được! Sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý đều phập phều, nao động!

“*Ngũ giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi ly gián ngữ*” (Năm là có một loại người, tuy muốn tu Định mà thốt lời ly gián): Đây là hiện tượng phá giới. Đoạn trên nói về phá giới, [đoạn này nói về chuyện] chàm ngồi ly gián. Nếu không nói lời khuấy động ly gián, kẻ đó sẽ chẳng thể chịu được. Cũng chính là trông thấy kẻ khác tốt đẹp, tâm hấn ganh ghét, sẽ chen vào bịa đặt, dựng chuyện, chõ mồm phá hoại đôi bên.

Chuyện này chúng tôi chẳng cần nêu thí dụ, ai cũng đều hiểu đạo lý này!

“Lục giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi thô ác ngữ” (Sáu là lại có một loại người, tuy muốn tu Định nhưng nói lời thô ác): Miệng toàn phun ra những lời lẽ không sạch sẽ, luôn kèm theo những ngôn từ rất bẩn thỉu. Đó là “*thô ác ngữ*”. Hoặc là “*hủy mạ thánh hiền*” (hủy báng, chửi bới thánh hiền), trong ấy bao gồm báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, cho đến hiền nhân. Trong vòng các đạo hữu, người khác tu đạo, hẳn bèn sanh khởi chướng ngại. Trong ấy, luôn chứa đựng chuyện tranh lợi. Tranh danh cũng được gộp trong ấy. Bất quá nói lời thô ác thì chẳng phải là vô duyên vô cớ mắng chửi người khác, luôn bao hàm ý nghĩa ấy. Thốt ra loại lời lẽ này, sẽ là Vô Y. Nếu quý vị tu hành vô y, thì sẽ là ác y (惡依, nương tựa vào điều ác), chẳng phải là thiện y.

“Thất giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi tạp uest ngữ” (Bảy là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà thốt lời tạp uest): Tuy mong tu Định, nhưng tạp uest ngữ (雜穢語) chính là ý ngữ (nói thêu dệt). “*Ý ngữ*” (綺語) là nói năng chẳng có ý nghĩa gì, cũng là tán phét, hoặc là chuyện gẫu. Trong khi tán gẫu, ở đây được gọi “*xung xác tử*” (衝穀子), [có nghĩa là] giống như một loại ngũ cốc, nếu tuốt vỏ trấu đi, sẽ hiện ra lớp vỏ cám chân thật. Chữ Xung (衝) rất có ý nghĩa. Nhưng nói những lời chẳng có ý nghĩa, đã tạp uest, lại còn chen vào những ngôn từ chẳng sạch sẽ, lời tạp uest, tiếng hư dối, thốt lời giả dối gạt người. Đó là vọng ngữ!

“Bát giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoại tham tật” (Tám là lại có một loại người, tuy muốn tu Định mà ôm lòng tham lam, ghen ghét): Keo kiệt, tham lam, ghen ty. Từ đây trở đi là ba món tham, sân, si. Bản thân kẻ ấy tham lam, chính mình chẳng đạt được, thấy người khác có được, bèn sanh lòng ghen ty. Thấy người khác được cung kính, được cúng dường, hoặc là kinh doanh, buôn bán, hoặc bất luận làm chuyện gì, hễ đạt được lợi ích, kẻ ấy không chỉ chẳng tùy hỷ, chẳng sanh vui mừng, mà còn đâm ra ghen ty. Do ghen ty, kẻ ấy liền phá hoại. Đối với sự lợi dưỡng do kẻ khác đạt được, hẳn chẳng sanh tâm cung kính, chẳng sanh tâm vui mừng, mà nảy sanh lòng ghen ghét, chướng ngại!

“Cửu giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoại sân phần” (Chín là lại có một loại người, tuy muốn tu Định, nhưng ôm lòng sân hận, phần nộ): Tâm sân hận đối với hữu tình khác. Kẻ đó luôn thấy người khác chẳng vừa mắt. Hoặc là thấy hành động của người khác, người ấy cũng ngứa mắt. Thấy người khác nói năng, kẻ ấy cũng chẳng bằng lòng. Trong tâm họ có một niềm sân hận. Có tâm sân hận thì sẽ có

phần nộ. Phần nộ: Sân ở trong tâm, phần ở nơi tướng. Tướng ấy rõ rệt. Đối với hết thấy hữu tình, họ thường sanh khởi cái tâm phần hận. Chuyện này chẳng dính dáng gì đến quan hệ lợi hại. Đối với hết thấy chúng sanh, kẻ ấy như chúng ta thường nói là kẻ “*phẫn thế, tật tục*” (憤世嫉俗, hận đời, căm ghét thế gian). Đối với thế giới này, kẻ ấy hết sức ghen tỵ, hết sức tham lam! Do kẻ ấy chẳng đạt được gì, bèn ganh ghét những gì kẻ khác có được. Vì thế, kẻ đó thường sanh sân hận!

“*Thập giả, phục hữu nhất loại, tuy dục tu Định, nhi hoài tà kiến*” (Mười là có một loại người, tuy muốn tu Định mà thường ôm lòng tà kiến): Tà kiến là ngu si, tức là si trong “tham, sân, si”. Ngu si, tà kiến, chẳng tin nhân quả. Chẳng tin nhân quả, liền bài bác “chẳng có nhân quả”. Chẳng tin “làm lành được thiện, làm ác chịu ác”. Chẳng tin nhân quả, bèn là “*bát vô nhân quả*” (撥無因果, bài bác chẳng có nhân quả).

“*Đại Phạm đương tri! Thị danh thập chủng Vô Y Hạnh pháp. Nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, thượng bất năng thành Dục Giới thiện căn. Thiết sử tiên thành, tâm hoàn thoái thất. Huống đương năng thành Sắc, Vô Sắc Định, nãi chí tam thừa, tùy thành nhất thừa?*” (Đại Phạm nên biết: Đó gọi là mười loại pháp Vô Y Hạnh. Nếu người tu Định mà có bất cứ một hạnh nào, sẽ còn chẳng thể thành tựu thiện căn trong Dục Giới. Giả sử đã thành từ trước, liền bị lui sụt, mất đi. Huống hồ có thể thành tựu Sắc Giới Định và Vô Sắc Giới Định, cho đến có thể thành tựu một thừa trong ba thừa ư?): Đức Phật lại bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên: - Ông phải nên biết: Những điều ta vừa nói trên đây được gọi là “mười loại Vô Y Hạnh pháp”. Khi hành pháp, chẳng thuận theo thiện pháp, mà tạo tác đủ các loại ác hạnh nghiệp, làm toàn ác nghiệp, “vô y” là chẳng có thiện pháp để nương tựa. Nếu là người tu hành tu Định, trong mười loại ấy, hề có bất cứ một loại nào, mà mong thành tựu thiện căn trong Dục Giới, được sanh làm trời hay người, đạt được phước báo, chuyên thành giàu to, khi chuyên sanh sang đời sau, sẽ sống cuộc đời rất an lạc, rất vui sướng. Đó là chuyện chẳng thể đạt được!

Do vậy, chúng ta sống cuộc đời rất vui sướng, phải nên cảm tạ quá khứ của chính mình! Cầu người khác, chẳng bằng cầu chính mình. Trong quá khứ, quý vị đã tạo thiện căn, đời này tự nhiên hưởng thụ. Trong quá khứ, quý vị đã thương tổn kẻ khác rất nhiều, đời này cũng bị người khác thương tổn rất nhiều. Trong quá khứ, quý vị vô tình thương tổn kẻ khác, chính mình vẫn không biết. Đời này, quý vị cũng sẽ bị kẻ khác vô tình tổn thương. Giống như băng đảng đua xe ở Đài Loan, cảnh sát truy bắt chúng nó, hỏi vì sao chúng nó làm như vậy? Vì sao chúng nó

muôn giết người? Có thù oán với kẻ bị giết hay không? Có quen biết hay không? Không quen biết! Bản thân chúng nó cũng chẳng biết vì sao phải làm như thế! Đây là do cộng nghiệp cảm vờ. Đây chẳng phải là nghiệp của một cá nhân!

Chúng ta muốn tu thiện căn để chuyển biến cái nghiệp trong quá khứ, như thế nào thì có thể? [Thế nhưng] đời này những gì đã tu toàn là Vô Y Hạnh! Như thế nào là Hữu Y Hạnh? Trong phần sau sẽ nói. Tôi có thể nói trước đôi chút, như chúng ta quy y Tam Bảo, đã thọ Tam Quy Ngũ Giới. Thọ Tam Quy Ngũ Giới là nương theo thiện hạnh, là hữu y, y (nương tựa) gì vậy? Nương tựa Tam Bảo, nương theo sự chỉ dạy trong pháp do đức Phật đã nói, tin tưởng nhân quả, đương nhiên là “hữu y”. Hữu Y thì không chỉ là quý vị có thể thành tựu thiện căn, mà quả vị trong tam thừa cũng có thể đạt được, nhất định có thể thành Phật!

Nhưng trong một ngày, có rất nhiều tâm tạp nhiễm, chúng ta phải là “*hễ làm liền bái sám*”. Trong khi sám hối, trong khi bái sám, quý vị hồi hướng. Hồi hướng các chuyện sai lầm đã trót làm trong đời này, [đã trót] dấy lên các tạp niệm, dấy lên những ý niệm chẳng chánh xác, thân thể thực hiện các hành vi không đoan chánh, cho đến phá giới. Hễ phá giới, sẽ tùy thời sám hối. Sám hối thì sẽ lại thanh tịnh. Đây là có cái để nương cậy, nương cậy vào pháp sám hối do đức Phật đã dạy, nương theo Tam Bảo mà tu hành.

Đức Phật đã có lời chỉ dạy nhất định, chẳng hạn như bộ kinh này, chính là tu “*trì lại khứ niệm*” (giữ vững ý niệm đến đi). Đây là Hữu Y, tức là nương theo chánh pháp để tu Định, tu hành Thập Thiện Nghiệp. Đó gọi là Hữu Sở Y, có thể thành tựu đạo quả tam thừa. Không chỉ là mười loại Vô Y này; dưới đây, còn có [những loại khác].

(Kinh) Phục thứ Đại Phạm! Hựu hữu thập chủng Vô Y Hạnh pháp. Nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, chung bất năng thành chư tam-ma-địa. Thiết sử tiên thành, tầm hoàn thoái thất. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, nhạo trước sự nghiệp. Nhị giả, nhạo trước đàm luận. Tam giả, nhạo trước thù miên. Tứ giả, nhạo trước doanh cầu. Ngũ giả, nhạo trước diễm sắc. Lục giả, nhạo trước diệu thanh. Thất giả, nhạo trước phân hương. Bát giả, nhạo trước mỹ vị. Cửu giả, nhạo trước tế xúc. Thập giả, nhạo trước Tầm Tư.

(經)復次大梵！又有十種無依行法，若修定者，隨有一行，終不能成諸三摩地。設使先成，尋還退失。何等為

十？一者、樂著事業。二者、樂著談論。三者、樂著睡眠。四者、樂著營求。五者、樂著艷色。六者、樂著妙聲。七者、樂著芬香。八者、樂著美味。九者、樂著細觸。十者、樂著尋伺。

(Kinh: Lại này Đại Phạm! Lại có mười loại pháp Vô Y Hạnh. Nếu người tu Định mà hề có một hạnh, sẽ trọn chẳng thể thành các tam-ma-địa. Giả sử đã thành tựu từ trước, sẽ liền lui sụt, mất đi. Những gì là mười? Một là ưa đắm sự nghiệp. Hai là ưa đắm đàm luận. Ba là ưa đắm ngủ nghỉ. Bốn là ưa đắm lo toan, mong cầu. Năm là ưa đắm sắc đẹp. Sáu là ưa đắm tiếng màu nhiệm. Bảy là ưa đắm mùi thơm. Tám là ưa đắm mỹ vị. Chín là ưa đắm sự đụng chạm vi tế. Mười là ưa đắm Tâm Tư).

Mười pháp trong phần trước là Sơ Hạnh. Còn có mười pháp, nếu trọn đủ mười pháp ấy, quý vị mong tu đắc các môn Định, những môn Định cao sâu hơn đôi chút. Tam-ma-địa là tam-muội, đã thành tựu trong quá khứ, thế mà đời này có bất cứ một loại pháp nào trong mười loại pháp Vô Y Hạnh ấy, cũng sẽ buông xả, cũng sẽ thoái đọa, lui sụt, mất đi, chẳng còn nữa. Mười thứ danh từ ấy, sẽ được giải thích từng điều một trong phần sau.

(Kinh) Đại Phạm đương tri! Thị danh thập chủng Vô Y Hạnh pháp. Nhược tu Định giả, tùy hữu nhất hạnh, chung bất năng thành chư tam-ma-địa. Thiết sử tiên thành, tầm hoàn thoái thất. Nhược bất năng thành chư tam-ma-địa, tuy tập sở dư chư thiện pháp tu, nhi hữu thị sự, truy cầu thọ dụng tín thí nhân duyên, phát khởi ác tâm, tâm sở hữu pháp, u chư quốc vương, đại thần đẳng sở, phạm chư quá tội, hoặc bị ha mạ, hoặc bị chửi đả, hoặc bị đoạn tiết chi tiết, thủ túc. Do thị nhân duyên, hoặc thành trọng bệnh, trường thời thọ khổ, hoặc tạt mạng chung, u tam ác thú, tùy sanh nhất sở, nãi chí hoặc sanh Vô Gián địa ngục, như Ót Đạt Lạc Ca, A La Đồ Để Sa, Cù Ba Lý Ca, Đê Bà Đạt Đa. Như thị đẳng loại, thoái thất Tĩnh Lự, nãi chí đọa u Vô Gián địa ngục, thọ vô lượng chủng nan nhân đại khổ”.

(經)大梵當知！是名十種無依行法。若修定者，隨有一行，終不能成諸三摩地。設使先成，尋還退失。若不能成諸三摩地，雖集所餘諸善法聚，而有是事，追求受用信

施因緣，發起噁心，心所有法，於諸國王，大臣等所，犯諸過罪，或被呵罵，或被捶打，或被斷截肢節手足。由是因緣，或成重病，長時受苦，或疾命終，於三惡趣，隨生一所，乃至或生無間地獄，如噁達洛迦、阿邏荼底沙、瞿波理迦、提婆達多。如是等類，退失靜慮，乃至墮於無間地獄，受無量種難忍大苦」。

(Kinh: Đại Phạm nên biết: Đó là mười loại pháp Vô Y Hạnh. Nếu người tu Định mà có bất cứ một hạnh nào, sẽ trọn chẳng thể thành tựu các tam-ma-địa. Giả sử đã thành từ trước, sẽ liền thoái thất. Nếu chẳng thể thành tựu các tam-ma-địa, tuy tu tập các khôi thiện pháp khác, mà có chuyện này, [tức là] truy cầu hưởng dụng [sự cúng dường] nơi nhân duyên tín thí, phát khởi ác tâm và tâm sở hữu pháp, ở chỗ các quốc vương, đại thân v.v... phạm các tội lỗi, hoặc bị quở trách, chửi mắng, hoặc bị đánh đập, hoặc bị cắt chặt chi tiết, chân tay. Do nhân duyên ấy, hoặc thành trọng bệnh, chịu khổ lâu dài, hoặc nhanh chóng mạng chung. Trong ba đường ác, sẽ sanh về một đường nào đó, thậm chí có thể sanh vào địa ngục Vô Gián, như Ôt Đạt Lạc Ca, A La Đồ Để Sa, Cù Ba Lý Ca, Đề Bà Đạt Đa. Những kẻ như thế thoái thất Tĩnh Lự, cho đến đọa vào địa ngục Vô Gián, chịu vô lượng nỗi khổ to lớn khó thể chịu đựng nổi”).

“*Đại Phạm đương tri!*” (Đại Phạm nên biết): Đức Phật lại bảo vị Đại Phạm Thiên ấy, nói với ông ta, vì ông ta là bậc đương cơ. Nếu tu Định mà có bất cứ một hạnh nào trong mười loại pháp Vô Y Hạnh ấy, cũng chẳng thể thành tựu các tam-ma-địa, mong cầu đạt được Định sâu nơi tam-ma-địa sẽ chẳng thể được. Không chỉ là chẳng thể trong đời hiện tại, mà [những gì đạt được] trong đời quá khứ “*tâm hoàn thoái thất*” (sẽ liền bị lui sụt, mất đi). “*Nhược bất năng thành chư tam-ma-địa, tuy tập sở dư chư thiện pháp tu, nhi hữu thị sự, truy cầu thọ dụng tín thí nhân duyên, phát khởi ác tâm, tâm sở hữu pháp, ở chư quốc vương, đại thân đẳng sở, phạm chư quá tội*” (Nếu chẳng thể thành các tam-ma-địa, tuy tu tập các khôi thiện pháp khác, mà có chuyện này, [tức là] truy cầu hưởng thụ [các thứ cúng dường] nơi nhân duyên tín thí, phát khởi tâm ác, tâm sở hữu pháp, ở nơi các quốc vương và đại thân, phạm các tội lỗi). “*Phạm chư quá tội*” có nghĩa là đã không tu Định được, còn các thiện pháp thì sao? Tức là nói về các khôi thiện pháp khác. “*Sở dư chư*

thiện pháp” (Các thiện pháp khác) là nói về điều gì? Chẳng đắc Định, như vậy thì chúng ta tụng kinh, làm Phật sự, đó cũng là thiện sự, đó cũng là “*thiện pháp tu*”. Có các sự ấy, nhờ vào các thiện sự ấy để truy cầu sự hưởng thụ. “*Truy cầu thọ dụng*” là hưởng thụ. Tiếp nhận nhân duyên tín thí của người khác là vì có người tin tưởng Tam Bảo bèn bố thí, cúng dường.

Vì có nhân duyên ấy, kẻ đó bèn truy cầu. “*Truy cầu*” là đèn khuyến hóa [tín chủ cúng dường], đó là ý nghĩa của “*hóa duyên*” (化緣). Khi hóa duyên, có khi đạt được, có khi chẳng được! Trong tâm kẻ ấy bèn sanh khởi ác niệm. “*Ác niệm, tâm, tâm sở hữu pháp*”: Tâm sở hữu pháp [là các tác dụng tâm lý] tương ứng với tâm, lại còn đồng thời phát khởi. “*Tâm*” là tám thức tâm (nhãn thức, nhĩ thức...), tâm sở hữu pháp gồm năm mươi một món (như dục, tầm, quý, tham, sân, si, mạn...). Nhưng tâm sanh khởi ác niệm và tùy phiền não tương ứng của cái tâm là Phần sẽ đều hiện diện, phiền não ấy tương ứng với cái tâm và đồng thời phát khởi.

Trong quốc độ này, ở nơi quốc vương, đại thân v.v... kẻ ấy sẽ phạm rất nhiều lỗi lầm vì theo đuổi sự hưởng thụ, do tâm thức duyên theo sự truy cầu. Hễ truy cầu, sẽ phạm rất nhiều sai lầm. Do phạm các sai lầm, sẽ bị quốc vương, đại thân quở trách, hoặc bị đánh đập, hoặc bị chặt đứt tay chân, cánh tay. “*Chi tiết*” (肢節) cũng chính là tứ chi. Hoặc là do bị đánh đập mà sau đó trở thành trọng bệnh, hoặc bị chịu khổ trong một thời gian dài, hoặc vì lẽ ấy mà mạng chung. Sau khi mạng chung, sẽ đọa vào ba đường ác, tùy thuộc những gì kẻ ấy đã làm trong suốt một đời mà thậm chí đọa vào địa ngục Vô Gián.

Ở đây, đức Phật nêu lên một số trường hợp. Như Ôt Đạt Lạc Ca (Udraka Rāmaputra, Uất Đầu Lam Phát), A La Đồ Để Sa (Ārāḍakālāma, A Lam tiên nhân), Cù Ba Lý Ca (Gopālika), đó là ba ngoại đạo. Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) là em họ của đức Phật, là anh của ngài A Nan. Ông ta phạm tội Ngũ Nghịch, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, muốn làm Phật⁵³. Những hạng người giống như thế, đều thoái thất Tĩnh Lự, cũng là đã đánh mất Định. Quá khứ đã có [Định], cho đến khi tu tập Tĩnh Lự, khi tu Định, không chỉ là thoái thất, mà còn đọa vào địa ngục

⁵³ Đề Bà Đạt Đa từng ước hẹn với thái tử A Xà Thế: A Xà Thế giết cha (vua Tần Bà Sa La), cướp ngôi, còn Đề Bà Đạt Đa sẽ cướp đoạt Tăng đoàn, hại chết Phật, để ông ta đứng đầu Tăng đoàn, trở thành Phật mới! Ông ta sẽ nhờ thế lực của A Xà Thế trấn áp chư Tăng nếu âm mưu thành công.

Vô Giác, chịu vô lượng các nỗi khổ to lớn khó thể chịu đựng nổi. Khổ nạn rất nhiều, nên nói là “*nan nhân đại khổ*” (nỗi khổ to lớn khó thể chịu đựng).

Các vị thấy các sự khổ được chép trong kinh Địa Tạng, nếu chúng ta dùng nhục thể để chịu đựng, sẽ không có cách nào chịu nổi. Nếu quý vị nghĩ đến nỗi khổ ấy, sẽ chẳng thể chịu nổi. Nhưng đã bị đọa thì quý vị chẳng có sức đâu mà kháng cự, vẫn phải chấp nhận. Thân tâm bị giày vò, những gì chúng ta đã hứng chịu trong quá khứ đều quên hết rồi. Từ vô lượng kiếp đến nay, ai trong chúng ta cũng đều từng hứng chịu, nhưng đều mê mất, đều quên sạch cả rồi! Nếu cảnh giới ấy lại hiện tiền, chắc là cái tâm tu đạo sẽ có thể thành tựu mau hơn một chút. Đã biết khổ, sẽ chẳng dám tạo nghiệp nữa! Các ngoại đạo ấy đều tu ngoại đạo Định. Đề Bà Đạt Đa tu đạo mười hai năm, lúc mới xuất gia rất tốt. Về sau, ông ta chẳng thành đạo, bèn oán hận, tìm đến ngoại đạo học thần thông. Đã học được thần thông, bèn làm chuyện ác. Đó là thoái thất.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo A Nhã Đa Kiêu Trần Na ngôn: “Ngô thính nhữ đẳng cấp A Luyện Nhã tu Định bát-sô tối thượng phòng xá, tối thượng ngoạ cụ, tối thượng ẩm thực, nhất thiết Tăng sự giai ưng phóng miễn. Sở dĩ giả hà? Chư tu Định giả, nhược pháp tu duyên, tức tiện phát khởi nhất thiết ác tâm, tâm sở hữu pháp, bất năng thành tựu chư tam-ma-địa, nãi chí đọa u Vô Giác địa ngục, thọ vô lượng chủng nan nhân đại khổ”.

(經)爾時，世尊告阿若多憍陳那言：「吾聽汝等給阿練若修定苾芻最上房舍，最上臥具，最上飲食，一切僧事皆應放免。所以者何？諸修定者，若乏資緣，即便發起一切噁心，心所有法，不能成就諸三摩地，乃至墮於無間地獄，受無量種難忍大苦。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A Nhã Đa Kiêu Trần Na (Kiêu Trần Như) rằng: “Ta cho phép ông dành cho các bát-sô tu Định trong A Luyện Nhã phòng ốc tốt nhất, đồ trải nằm tốt nhất, thức ăn ngon nhất, hết thấy Tăng sự đều nên được miễn. Vì có sao vậy? Những người tu Định nếu thiếu các duyên phụ trợ, sẽ liền phát khởi hết thấy ác tâm và ác tâm sở hữu pháp, chẳng thể thành tựu các tam-ma-địa, cho đến đọa vào địa ngục Vô Giác, chịu vô lượng nỗi khổ to lớn khó thể chịu đựng).

Do tu Định ắt cần phải có đủ nhân duyên, phải trọn đủ các tư lương, cho nên đức Phật bèn nhắc lại. Lúc đức Phật mới thành đạo, Ngài đến Lộc Dã Uyển độ năm vị tỳ-kheo. Kiều Trần Như (Ājñātakauṇḍinya, A Nhã Đa Kiều Trần Na) là Thượng Thủ, là vị Thượng Thủ xuất gia đầu tiên, đây là vị đại đệ tử Thượng Thủ của đức Phật. Trong các vị tỳ-kheo thọ giới, Ngài là người đầu tiên. Nhóm các Ngài gồm có năm vị. Năm vị ấy là năm vị Thượng Thủ, cũng gọi là “*ngũ tỳ-kheo*”. Các Ngài trước kia từ hoàng cung theo đức Phật cùng xuất gia. Các Ngài thấy đức Phật đang tu khổ hạnh, bèn cùng tu với đức Phật. Về sau, do thấy đức Phật tiếp nhận bơ sữa do cô gái chăn dê [dâng cúng], bèn cho là đức Phật đã thoái thất đạo tâm, chẳng tu khổ hạnh nữa, liền lìa bỏ đức Phật, đến tu nơi Lộc Dã Uyển (Mrigadava, Isipatana). Lộc Dã Uyển cách Bồ Đề Già Da (Buddha-gayā, Bodh Gaya) chẳng xa cho mấy. Sau khi đức Phật thành đạo ở đạo tràng Bồ Đề Già Da, Ngài đến Lộc Dã Uyển, độ cho năm vị ấy trước tiên, thuyết pháp cho họ. Năm vị ấy đắc độ trước hết. Vì thế nói A Nhã Đa Kiều Trần Như là đệ tử tối thượng thủ, Ngài quản lý hết thầy phân phối.

Vì sao đức Phật phải nói với ngài Kiều Trần Như? Vì phòng ốc, chăn đệm, thức ăn, đồ uống đều do ngài Kiều Trần Như sắp xếp. Đức Phật liền bảo ngài Kiều Trần Như: “Ta cho phép ông cấp cho vị tỳ-kheo tu Định ấy phòng ốc tốt nhất, chăn đệm tốt nhất, thức ăn tốt nhất. Hết thầy những chuyện lao động thuộc về Tăng sự người ấy đều nên được miễn, để người ấy an tâm tu Định”. Vì sao phải làm như vậy? “*Sở dĩ già hà?*” (Vì lẽ nào vậy?) Đây là gạn hỏi ý nghĩa. Vì sao ta phải cho phép ông đối xử với người tu Định như vậy, chăm sóc họ tốt đẹp như vậy? Đức Phật bảo ngài Kiều Trần Như: Nếu người tu Định chẳng có tư lương, chẳng có hoàn cảnh rất tốt đẹp, họ sẽ sanh khởi ác tâm. Tuy ác tâm chẳng phải là rất nghiêm trọng, nhưng họ có thể ôm lòng oán trách, khi tu Định sẽ chẳng thể an tâm. Có ý nghĩa như vậy đó! Tình hình kiểu này có thể là mọi người đã đều từng trải rồi.

Khi tôi ở Phòng Sơn, các đạo hữu sống trong lều tranh. Có lúc mọi người gặp mặt nhau, đến chỗ thường trụ lãnh đồ xong, cầm một bao giấy nhỏ đựng muối, [cần nhăn]: “Thường trụ bần xin quá, cho chúng tôi có một tí muối! Ba mươi ngày phải làm thế nào đây? Một tháng mới phát tí xíu muối như vậy!” Họ nói thường trụ khổ sở, chẳng có cúng dường. Khi đó, chúng tôi ở phương Bắc mà phát kê, nếu phát bấp thì còn đỡ một chút, lâu đói, chứ kê thì chẳng thể đỡ đói cho lắm. Cháo kê như thế nào? Ba mươi cân hạt kê, thường trụ giữ lại ba cân, ba mươi cân bót

lại ba cân, tổng cộng phát cho quý vị hai mươi bảy cân. Với chút muối đó, quý vị cầm về lều tranh, chỉ có thể nấu cháo loãng, người tu Định chẳng cần lương thực nhiều lắm! Tôi muốn nói là họ oán hận. Khi họ chẳng đủ tư lương, làm sao có thể tu hành cho nổi? Do vậy, sẽ phan duyên.

Thuở đó, chúng tôi xuất gia chưa bao lâu, hoàn toàn chẳng phải là người tu hành lâu năm, cũng chẳng có duyên phận. Người tu hành đã lâu suy nghĩ: “Vị thí chủ nào đó phải nên chăm sóc tôi một phen, phải nên biếu tặng tôi”. Nếu tâm người ấy nghĩ đến chuyện đó, làm sao tu Định cho nổi? Đức Phật liễu giải tâm chúng sanh, liễu giải hết thấy sự vật. Do vậy, miễn cho họ hết thấy những việc lao động, chăm sóc đặc biệt tốt đẹp. Đặc biệt tốt đẹp thì người ấy có thể tu hay không? Hai đấng đều chẳng thể, tăng trưởng cái tâm tham cũng không được!

Ở tỉnh Hà Bắc, có một vị đại đức phát tâm mong cúng dường người tu Thiên Định. Người trụ tĩnh muốn gì, ông ta đều cho thứ đó. Có những người đến chỗ thường trụ, đòi tấm mền nỉ tốt nhất, ông ta cũng mua cho. Đòi đồng hồ sang nhất, ông ta cũng mua cho. Đã thế, trong mỗi gian nhà đều có phích nước nóng, thuở đó là rất cao cấp! Ông ta mong những người ở đó sẽ tu Định, mỗi căn nhà đều đặt phích nước nóng, mua cho mỗi người một cái. [Người tu Định] cảm thấy thân thể không khỏe, đòi ăn bánh chẻo. Ở phương Bắc, ăn bánh chẻo⁵⁴ là sang lắm. Ông ta bèn theo đúng ý nấu bánh chẻo. Sau đó, những người tu Thiên Định có tu hành tốt đẹp hay không? Chẳng hề! Đến cuối cùng, phước đức của ông ta chẳng đủ, những người tu Thiên Định dần dần bỏ đi hết sạch, chẳng còn sót lại một người nào! Ông ta cũng đóng cửa đạo tràng đó luôn! Khi ấy là năm một ngàn chín trăm ba mươi mấy, khoảng

⁵⁴ Bánh chẻo (餃子, giảo tử, Dumpling) loại bánh gói bằng vỏ bột mì, thường có hình bán nguyệt. Vỏ bánh là miếng bột được cán tròn, gói nhân xong, sẽ vặn mép bột thành các nếp nhún, trông giống như bánh quai vạc của Việt Nam. Bánh chẻo làm xong sẽ hấp, hay thả vào nồi nước luộc rồi ăn với súp (kiểu này sẽ được gọi là Thủy Giảo, hay Sủi Cảo theo cách phát âm của người Quảng Đông), hay đem nướng hoặc chiên. Đây là thứ bánh bắt buộc phải có trong Tết Nguyên Đán, thậm chí người Hoa thường hay tụ họp gói bánh chẻo với nhau trước đêm giao thừa. Nhân bánh thường là rau củ cắt vụn, thêm gia vị, có thể trộn với thịt băm hay tôm. Tuy Giảo Tử là tên gọi phổ biến, tùy vùng mà lại có tên gọi khác nhau, như vùng Sơn Đông gọi là Cốt Tạc, Hà Nam lại gọi là Chử Giác v.v... Tên gọi loại bánh Gyōza của Nhật chính là cách phát âm chữ Giảo Tử theo kiểu người Nhật. Tương truyền, loại bánh này do Trương Trọng Cảnh chế ra từ thời Nam Bắc Triều, có nhân bằng thịt dê để chữa bệnh.

ba mươi lăm, ba mươi sáu, ba mươi bảy chi đó. Đại khái chưa đầy ba năm đã kết thúc!

Khổ quá mức cũng không được, sướng quá mức cũng chẳng thể. Sướng quá, họ lại phóng dật. Khổ sở, họ sẽ oán hận. Thế nhưng, tư duyên (資緣, các duyên giúp cho việc tu Định) chẳng thể thiếu khuyết. Nếu không, sẽ dẫn đến ác tâm sở phát khởi. Tuy vậy, tư duyên đặc biệt tốt đẹp, đặc biệt thuận tiện, ác tâm sở của kẻ đó cũng thành lập! Phan duyên, tham lam, kẻ đó chẳng thể định nổi, mà cũng tu chẳng nổi! Do vậy, chẳng thể thành tựu tam-ma-địa, thậm chí đọa vào địa ngục Vô Gián, chịu vô lượng nỗi khổ to lớn khó thể chịu đựng được!

(Kinh) Tu Định hành giả, nhược cụ tư duyên, chư tam-ma-địa vị thành năng thành. Nhược tiên dĩ thành, chung bất thoái thất. Do thử bất khởi nhất thiết ác pháp, quảng thuyết nãi chí bất thiện tâm tứ, vãng sanh thiên thượng, chứng đắc Niết Bàn. Tu Định hành giả, nhược vị thành tựu chư tam-ma-địa, sơ dạ, hậu dạ, đương xả thù miên, tinh tấn tu học, viễn ly hội náo, thiểu dục tri túc, vô sở cố luyến. Nhất thiết tham, sân, phẫn, phú, nã, hại, kiêu, mạn, cống cao, xan lận, tật đố, ly gián, thô ác, hư cuồng, tạp uế, nhất thiết nhân gian hy hý phóng dật, giai tất viễn ly. Như thị hành giả, ưng thọ Thích, Phạm, hộ thế tứ vương, Chuyển Luân Vương đẳng tán thán, lễ bái, cung kính, thừa sự, phụng thí bách thiên na-dữu-đa cúng, hưởng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phiệt-xá, Thú-đạt-la đẳng. Vị đắc Định giả, thượng ưng thọ thử tán thán, lễ bái, cung kính thừa sự, phụng thí, cúng dường, hưởng hồ dĩ đắc tam-ma-địa giả!” Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết tụng viết: “Tu Định năng đoạn Hoặc, dư nghiệp sở bất năng, cố tu Định vi tôn, trí giả ưng cúng dường”.

(經)修定行者，若具資緣，諸三摩地未成能成。若先已成，終不退失。由此不起一切惡法，廣說乃至不善尋伺，往生天上，證得涅槃。修定行者，若未成就諸三摩地，初夜、後夜，當舍睡眠，精進修學，遠離憤鬧，少欲知足，無所顧戀。一切貪、瞋、忿、覆、惱、害、憍、慢、貢高、慳吝、嫉妒、離間、粗惡、虛誑、雜穢，一切人間嬉戲放逸，皆悉遠離。如是行者，應受釋、梵、護世四王、轉輪王等，讚歎、禮拜、恭敬、承事，奉施百千那庾多供

，況剎帝利、婆羅門、筏舍、戍達羅等。未得定者，尚應受此，讚歎、禮拜、恭敬、承事，奉施供養，何況已得三摩地者！」爾時，世尊而說頌曰：「修定能斷惑，餘業所不能，故修定為尊，智者應供養」。

(Kinh: Hành giả tu Định nếu có đủ các duyên phụ trợ thì các môn tam-ma địa chưa thành sẽ có thể thành. Nếu các môn Định đã thành từ trước, trọn chẳng bị thoái thất. Do vậy, chẳng dấy lên hết thấy ác pháp, Nói rộng thì cho đến chẳng có Tâm, Tứ bất thiện, sẽ sanh lên cõi trời, chứng đắc Niết Bàn. Hành giả tu Định nếu chưa thành tựu các tam-ma-địa, đầu đêm, cuối đêm, hãy nên bỏ ngủ nghỉ, tinh tấn tu học, xa lìa ồn ào, náo nhiệt, ít tham muốn, biết đủ, chẳng nuôi tiếc gì. Hết thấy tham, sân, phẫn, giáu giếm, nã hại, kiêu căng, ngạo mạn, ngạo nghễ, keo kiệt, ghen ghét, ly gián, nói thô ác, dối trá, tạp uế, hết thấy vui đùa phóng dật của nhân gian thấy đều xa lìa. Hành giả như thế đáng nên được Đế Thích, Phạm Vương, bốn thiên vương hộ thế, Chuyển Luân Vương v.v... tán thán, lễ bái, cung kính, phụng sự, dâng thí trăm ngàn na-dữu-đa vật cúng, hưởng hồ Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phiệt-xá, Thú-đạt-la v.v... Người chưa đắc Định còn đáng nên được họ tán thán, lễ bái, cung kính, phụng sự, hưởng hồ người đã đắc các tam-ma-địa!” Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng rằng: “Tu Định đoạn trừ Hoặc, các nghiệp khác chẳng thể. Nên tu Định tôn quý. Bạc trí nên cúng dường”).

Hành giả tu Định nhất định phải trọn đủ các duyên phụ trợ. Khi đó, có thể thành tựu các tam-ma-địa chưa thành tựu. Nếu [các tam-ma-địa] đã thành từ trước, tức là đã thành tựu thì sẽ càng tăng trưởng, chẳng bị thoái thất. Vậy thì do có Định lực, tâm có thể hàng phục, hết thấy ác pháp đều chẳng dấy lên. “*Quảng thuyết nãi chí bất thiện Tâm, Tứ*” (Nói rộng thì là cho đến các món Tâm, Tứ bất thiện): Tâm Tứ có nghĩa là “*truy cầu*”, [ở đây, kinh văn có ý nói] “*chẳng truy cầu nữa*”. Như thế thì có thể sanh lên trời, chứng đắc Niết Bàn, càng có thể tu thành công. Hoặc là tu Tứ Thiên Tứ Định, hoặc là Tứ Không Tứ Định, sẽ có thể sanh lên trời, thậm chí thâm nhập, tu các tam-ma-địa, cho đến rốt ráo chứng đắc Niết Bàn, cho đến chứng đắc, thành tựu các quả vị thuộc tam thừa.

Đây là đức Phật tán thán tu Định. Trong thế gian, vào lúc tu hành, có ba loại: Loại thứ nhất là tu Định tâm, loại thứ hai là tu đọc tụng, loại thứ ba là chăm lo tu phước. Hành giả tu Định là người tu hành, là người hành đạo. Định là “*Tĩnh Lực, tịch tĩnh*”. Khi tu nhân, chính là tu tịch tĩnh,

tu Tĩnh Lự, tu Quán. Về sau, khi thành tựu, đạt tới tam-ma-địa. Tam-ma-địa trong phần trước đã nói rất nhiều. Đẳng Trì dịch là Tịch Tĩnh. Người tu Định hạnh phải nên làm công tác chuẩn bị tư lương thì khi tu tập, quý vị mới dễ chứng đắc. Có những chuyện quý vị cần phải chú ý, cũng tức là đối với hoàn cảnh và tình hình khách quan bên ngoài, quý vị đều phải nên lưu ý.

Nếu quý vị còn chưa thành tựu tam-ma-địa, tức là trước khi chưa đắc Định, sẽ phải nhọc nhằn đôi chút. Đầu đêm, cuối đêm, khi quý vị còn chưa thành công, phải nên chịu cực đôi chút. Nếu tính vào lúc đầu đêm, dùng mười hai giờ trong hiện thời để tính toán, quý vị có thể nghỉ ngơi bốn tiếng đồng hồ vào lúc giữa đêm, Trong tám tiếng đồng hồ thuộc đầu đêm và cuối đêm, quý vị phải luôn tinh tấn tu hành, chớ nên quá ham ngủ. “*Đương xả thùy miên*” (Hãy nên bỏ ngủ nghỉ), bốn tiếng đồng hồ chẳng đủ. Ở đây nói tới người thật sự phát tâm muốn liễu sanh tử, mong đoạn phiền não. Hạng người tu hành như vậy sẽ thật sự tin tưởng, ngưỡng mộ lời chỉ dạy của đức Phật. Tôi phải nhấn mạnh: Tín tâm ấy hoàn toàn chẳng phải là lòng tin bình phàm của chúng ta, mà là thật sự tin sâu, chẳng dời đổi. Quý vị tin tưởng lời răn dạy của đức Phật, đức Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta sẽ làm đúng như thế ấy. Như thế thì mới có thể nhập đạo. Hiện thời, chúng ta đều tự nhận là rất tin Phật, cá nhân tôi cảm thấy vẫn chẳng đủ! Chúng ta hoàn toàn chẳng thể mỗi ngày suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, chỉ ngủ bốn giờ, trong hai mươi giờ còn lại đều có thể hành đạo, đúng không? Như bọn xuất gia chúng tôi, tức các tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni là “*chuyên nghiệp*”, chuyên nghiệp mà đều làm không được, còn như đối với mọi người học Phật, tu hành là nghề phụ, hoàn toàn chẳng phải là chuyên nghiệp [thì còn nói gì được nữa]!

Mọi người biết: Sau khi chúng tôi xuất gia, có công khóa sáng tối. Chúng tôi hai giờ rưỡi sáng đã phải thức dậy. Mỗi ngôi chùa đều là hai giờ rưỡi thức dậy. Quy định này, quý vị đến xin quả đơn (挂单, gia nhập chúng thường trụ) tại chùa miếu nào cũng đều là hai giờ rưỡi sáng thức dậy. Trong ấy, bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Xưa kia, tại Đại Lự, trong chùa miếu không có bữa tối, họ gọi [ăn lót dạ cho đỡ đói vào buổi tối] là “*duợc thạch*” (藥石), cũng có nghĩa là “*uống thuốc*”. Hiện thời, thân thể trong đời Mạt chẳng khỏe mạnh như cổ nhân trong quá khứ, bèn phải uống thuốc. Coi cơm chiều như thuốc, nhưng quy củ thông thường trong các chùa miếu [thuở trước], thuốc ấy là cháo ăn với dưa khú. Quý vị muốn ăn thì ăn, chẳng muốn ăn thì thôi!

Hiện thời, đương nhiên chẳng phải là như vậy. Nếu mọi người đến chùa miếu dùng cơm chiều, vẫn ăn rất ngon. Có các nhà sư trẻ tuổi còn đi ra các quán bán thức ăn vặt bên ngoài, giống như ở ngoài cửa chùa chúng ta, toàn là những cái quán nhỏ! Như vậy thì tu đạo làm sao nổi? Gieo thiện căn mà thôi! Nếu thật sự tu hành, quý vị đừng nên quá tham ngủ, ngủ nghề là một món Cái. Chúng ta tính thử xem, trong suốt một đời của chúng ta, thời gian ngủ nghề đã chiếm hết bao nhiêu? Chiếm rất nhiều thời gian! Nhưng có những người vì kinh doanh sự nghiệp, hoặc là làm công nhân, vẫn phải làm thêm giờ, có khi vì kiếm tiền, cũng ngủ rất ít. Vậy thì chẳng liên quan, ở đây, chuyên nói về người tu hành. Nếu lúc quý vị muốn tu Định, hãy nên tinh tấn, đừng nên giải đãi! Ngủ nghề chính là giải đãi. Quý vị đừng luống uổng thời gian tốt đẹp!

Có các đạo hữu đã phát tâm, mong ở trong núi, hoặc có rất nhiều đạo hữu hay cư sĩ muốn học theo cô đức, chẳng ngủ nghề, người như vậy cũng rất nhiều. Thậm chí cũng có người chẳng ăn cơm, đả một thất, hai thất, tập trung thời gian muốn tu đạo, mục đích là mong đắc Định. Đắc Định thì có lợi ích gì? Mọi người đều biết: Hễ đắc Định, sẽ có thể khai trí huệ. Khi ở trong Định, điều gì quý vị cũng đều thông tỏ. Như các vị A La Hán, nếu quý vị thỉnh các Ngài hồi hướng, khi các Ngài chưa nhập Định, sẽ chẳng khác chúng ta cho mấy. Hễ các Ngài nhập Định, khởi quán chiếu, trí huệ hiện tiền, các Ngài mới có thể biết. Các Ngài xả báo, bèn nhập tam-ma-địa, chứng Không lý.

Do vậy, khi chưa tu Định thành công, phải bỏ bớt ngủ nghỉ, phải tinh tấn tu học. Học gì vậy? Học Thiền Định, phải tu tập Định, nhưng quý vị sống trong thành thị sẽ tu chẳng thành! Xe cộ quá nhiều, khiến cho quý vị chẳng dễ nhập Định. Tiếng người ồn ào, cũng chẳng thể nhập Định. Chỗ huyên náo sẽ chẳng thể được! “*Thiểu dục tri túc*” (Ít ham muốn, biết đủ): Người tri túc thường vui sướng, đừng nên tham cầu quá nhiều! Chúng ta vì cái tâm tham cầu quá to, chẳng giác ngộ xác thân của chúng ta là huyễn hóa, chẳng nhận định nhục thể là vô thường, luôn để cho thân thể thoải mái, [chỉ suy tính] sao cho thân thể điều hòa, làm thế nào để thông dong, thỏa thích. Đa dục chẳng biết đủ, rất nhiều kẻ chẳng thể thỏa lòng được! Có lúc kẻ bần cùng thấy kẻ giàu có bèn cảm thấy rất kỳ quái: “Họ có nhiều tiền ngàn ấy, suốt đời có ăn hết nổi hay không?” Kẻ giàu thấy người nghèo nói: “Người chẳng tu phước, đáng phải chịu tội. Người nghèo mà là chuyện đáng phải như vậy!”

Đây là dạy chúng ta phải thiểu dục, tri túc, như những vị đại đức sống trong núi có phước báo rất lớn, nhưng họ đều buông xả, như thế thì

mới vui sướng được. Biết đủ sẽ thường vui. Người thiếu dục tự an. Thiếu dục thì quý vị mới có thể bình an. Vô cầu, quý vị cũng chẳng thương tổn ai. Vì thế, ắt cần phải thiếu dục tri túc, đừng nên lưu luyến. Lưu luyến có nghĩa là tham luyến. Đối với hết thảy sự vật trong thế gian, nói theo phía chúng ta, ăn, mặc, ở, đi lại, hễ “ăn, mặc, ở” còn đáp đối được thì chớ nên tham luyến. Đối với tham, sân, phẫn, phú, não hại, kiêu, mạn, ngạo nghễ, bủn xỉn, ghen ty, ly gián, thô ác, hư dối, tạp uế, quý vị phải trọn đủ từ, bi, hỷ, xả để đối trị tham, sân, si, ái. Lưu luyến có nghĩa là tham, sân, là lúc chẳng vừa ý sẽ sanh khởi phiền não. Sân là cái tâm sân hận.

Đây là ba căn bản tội nghiệp, tức tham, sân, si. Si là chẳng có trí huệ. Kiêu mạn: Ai nấy đều nghĩ như thế này: “Ta là kẻ bình phàm, có gì đáng để kiêu mạn?” Nhưng thật ra, chẳng phải là như thế. Mỗi người khi nghĩ đến những kẻ cùng lứa, hoặc đồng nghiệp, luôn cảm thấy ta ngon lành hơn họ. Kiêu, nói đơn giản là kiêu ngạo tự mãn, nói rộng thì là kiêu căng, phách lối. Chuyện đáng kiêu căng phô trương quá nhiều: Chẳng hiểu mà cứ ra vẻ thông hiểu, chẳng biết mà cứ giả vờ biết tuốt. Rõ ràng là chẳng ra hồn mà chính mình vẫn cảm thấy bản thân ta ghê gớm lắm! Vì sao nói gộp chung kiêu và mạn? “Mạn” (慢) ở đây có nghĩa là ngạo mạn.

Người nghèo có ngạo mạn hay không? Kẻ nghèo càng ngạo mạn! Họ cảm thấy chính mình rất thanh cao, đặc biệt là những kẻ có học. Xưa kia là “*cùng tú tài*” (窮秀才, chàng tú tài nghèo kiệt xác), nay là những kẻ đã tốt nghiệp đại học. Hiện thời, tốt nghiệp đại học vẫn còn thua kém, phải là người có học vị Tiến Sĩ hay Thạc Sĩ! Tôi nhớ hai mươi mấy năm trước, khi ở Thượng Hải, Tiến Sĩ chẳng ít. Ở Bắc Kinh, Tiến Sĩ cũng chẳng ít. Tôi đã gặp hai vị Tiến Sĩ học từ Mỹ về. Một người học ngành Nông Nghiệp từ trường Khang Nãi Nhĩ (Cornell), ông ta làm giáo sư đại học, đáng kiêu ngạo mà! Ông ta bị bắt vô tù, luôn nghĩ mình cao hơn kẻ khác: “Tôi là Tiến Sĩ ngồi tù”. Tôi nói: “Tôi là hòa thượng ở trong ngục!” Ông ta kêu tôi bầu bạn với ông ta, luôn cảm thấy kiêu ngạo. Bất luận đến chỗ nào, ông ta đều biểu lộ ra ngoài vẻ kiêu mạn. Bất cứ lúc nào, ông ta luôn [tự nghĩ chính mình] ngon lành hơn người khác. Sợ rằng đọa địa ngục, ông ta vẫn cảm thấy chỉ có ông ta mới đủ tư cách đọa địa ngục! Quý vị chẳng có cái nghiệp ấy, sẽ chẳng đến nơi ấy được đâu nhé! Như tôi ở trong tù, thời gian bị tù quá lâu, tiếp xúc cả đồng phạm nhân. Ở đó, giữa các phạm nhân với nhau, họ cũng cho rằng ta mạnh hơn lũ phạm nhân các người! Ai nấy đều có biểu hiện ấy. Đó chính là Câu

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Sanh Ngã Chấp (俱生我執, ngã chấp bẩm sanh). Điều này rất dữ dội, vì luôn nghĩ ta ngon lành hơn kẻ khác. Nữ đạo hữu bất luận xấu cỡ nào, đều cho rằng chính mình rất đẹp, suốt ngày luôn soi gương, luôn tô trát. Vì sao? Kiêu mạn, ngạo nghễ!

“Xan” (慳) có nghĩa là tham, rất keo tiết, cái tâm buông xả chẳng nặng! Chúng ta nói Xả là gì? Là bố thí, xả trong “tù, bi, hỷ, xả”. Xả thì phải xả từ trong chính cái tâm của quý vị, không chỉ là vật chất. Ngoại trừ vật chất bên ngoài, trước hết, phải xả cái tâm. Nếu tâm quý vị đã xả thanh tịnh, sẽ thành công. Chẳng có keo tham, sẽ đổi thành bố thí, là từ bi, là xả. Ghen tỵ thì sao? Điều này càng bao hàm nhiều ý nghĩa hơn nữa. Ghen ghét chuyện tốt đẹp của người khác! Nếu dính líu đến lợi hại thì ghen tỵ còn có thể lý giải, đằng này chẳng may liên quan đến kẻ đó! Chỉ cần có vài người, hễ nói đến chuyện tốt của người khác, người ta tán thán người ấy, kẻ đó bèn phun lời phá hoại ngay: “Hắn là cái thá gì chớ? Có gì là ghê gớm đâu?” Đó là ghen tỵ. Chuyện kiêu này rất nhiều, bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, quý vị đều có thể gặp phải!

Trong mười đại nguyện vương của phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đại nguyện thứ năm là “tùy hỷ công đức”: Thấy người khác làm chuyện tốt, quý vị phải tán thán. Tán thán, tùy hỷ thì chuyện tốt của người ấy sẽ chia cho quý vị phân nửa! Chúng ta phải thường tùy hỷ công đức của chư Phật, Bồ Tát. Như Địa Tạng Bồ Tát mọi người đều biết, nguyện lực to lớn, xuống địa ngục độ chúng sanh. Nguyện lực của Quán Thế Âm Bồ Tát cũng rất lớn, Ngài có mười hai đại nguyện. Phổ Hiền Bồ Tát có mười đại nguyện, Văn Thù Bồ Tát có mười đại nguyện, chúng ta đều tùy hỷ. Tùy hỷ sẽ được hưởng một phần. Thấy kẻ khác làm chuyện tốt, chúng ta chẳng có sức lực làm như vậy, chúng ta bèn tùy hỷ. Tùy hỷ người đó, gặp mặt được chia một nửa. Người Hoa [hay nói] “*gặp mặt, tôi chia một nửa*”, nhưng Phật giáo chẳng chú trọng vật chất, tôi tùy hỷ, cũng chẳng tổn hại đến cái sẵn có của người khác, đây là tùy hỷ công đức. Như thế thì sẽ có thể tiêu trừ ghen tỵ.

“Ly gián, thô ác”, “ly gián” (離間) là châm ngòi ly gián. Nếu thấy người khác thành công, kẻ [ly gián] sẽ phá hoại. Còn có lưỡng thiệt (兩舌 nói đôi chiều), xúc xiểm thị phi. Như trong phần trên đã nói, tham, sân, phẫn, phú, não hại, kiêu mạn, ngạo nghễ, đủ loại thô ác đều là hư dối, như uế, cũng là cấu uế. Không chỉ vứt bỏ những thứ đó, mà ngay cả những thứ vui chơi, buông lung trong nhân gian thấy đều xa lìa. Như ở nhà xem truyền hình, có tính là vui chơi hay không? Tùy thuộc quý vị xem như thế nào. Nếu là người phát tâm, người tu đạo, khi ở trong tình

cảnh ấy, tùy thuộc quý vị dụng tâm như thế nào? Quý vị có giữ được định hay không? Nếu định được, đầu quý vị vui chơi, cũng biến thành tinh tấn; vui chơi, buông lung đều biến thành tinh tấn. “*Na Già thường tại Định*” (Đức Thế Tôn thường ở trong Định). Phật, đại Bồ Tát làm hết thấy các chuyện tùy thuận chúng sanh, các Ngài thường ở trong Định. Những chuyện ấy đều biến thành tinh tấn. Nếu chúng ta chẳng làm được, chẳng có định lực ấy, tốt nhất là hãy xa lìa, tự mình kiểm điểm.

Có những kẻ thường xuyên viện cớ: “Đâu có phóng dật! Tôi đang tu đạo mà!” Đó là tự mình lừa mình! Nếu chúng ta trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, tuy chẳng thể tu tập suốt hai mươi tiếng đồng hồ, vậy thì mười tiếng đồng hồ có thể hay không? Làm chẳng nổi! Năm giờ có thể hay không? Làm chẳng nổi! Hai giờ có nổi hay không? Vẫn chẳng làm nổi! Một giờ có được hay không? Vẫn chẳng làm nổi! Vậy thì vào lúc sáng tối, khi sắp ngủ, khi sắp thức dậy, niệm mười lượt “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, chỉ sợ chuyện này vẫn chẳng làm được! Hoặc là lại nhiều hơn một chút, niệm “*nhất giả, lễ kính chư Phật. Nhị giả, xưng tán Như Lai*” cho đến “*thập giả, phổ giai hồi hướng*”, đọc thuộc mười đại nguyện vương của đức Phổ Hiền Đại Nguyện Vương thì cũng được chứ? Nếu những nguyện ấy cũng chẳng nhớ được, hãy niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm Phổ Hiền Bồ Tát, hoặc niệm Địa Tạng Bồ Tát, nhưng chúng ta vẫn có thói quen là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát và Địa Tạng Bồ Tát nhiều hơn. Niệm mấy chục câu chắc sẽ làm được chứ! Làm chuyện gì, quý vị hãy niệm mười mấy câu, sẽ đều có thể được!

Làm như thế sẽ có thể đối trị rất nhiều phiền não, từng chút một như vậy, tuy thời gian rất ít, nhưng lợi ích hết sức to lớn. Thông thường, thiện căn cạn mỏng, như chư vị đạo hữu thường tới nghe kinh, nghe một, hai tiếng đồng hồ, quý vị nghe văn tự, hoặc nghe ngôn ngữ của một vị pháp sư nào đó, có thể lọt vào tâm quý vị hay không? Dùng Nhĩ Căn để nghe, nghe rồi bèn xoay lại cái Nghe để nghe tự tánh, kết hợp với tâm tánh của quý vị. Dường như những chuyện đức Phật đã nói, ta đều vi phạm, cho nên ta chẳng đắc Định. Làm như thế nào đây? Sau khi ta đã biết, hãy nên dần dần xa lìa!

Một phương diện khác, nếu là tham, sân, phẫn, phú, cho đến hư dối, tạp uế, hết thấy chơi đùa, buông lung, đều là không tốt. Không tốt thì phải rời lìa. Tốt thì phải tinh tấn, phải thực hiện. “*Như thị hành giả*” (Hành giả như thế), cũng chính là người hành đạo, người tu Định, đương nhiên không nhất định là người xuất gia, [mà có thể là] các vị đạo hữu,

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hết thầy cư sĩ, hết tu Định quý vị phải làm như thế này: Ở nơi thanh vắng để tu đạo, tinh tấn, giảm bớt ngủ nghỉ, quý vị chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, không bủn xỉn, tham lam, chẳng ghen ty, chẳng buông lung, quý vị đáng nên đạt được gì? Được Đại Phạm thiên vương hộ trì quý vị. Còn có Tứ Thiên Vương, hoặc là Chuyển Luân Vương trong nhân gian, cũng như quốc vương sẽ đều tán thán, cung kính, lễ bái, thừa sự quý vị. Thậm chí đối với người tu Định ấy, tức người hành đạo ấy, sẽ bố thí trăm ngàn na-dữu-đa vật cúng nhiều ngàn ấy, cũng có nghĩa là cúng dường rất nhiều.

Một người thuộc chủng tánh Sát-đế-lợi, hay chủng tánh Bà-la-môn, cho đến Phiệt-xá, Thú-đạt-la, tức người thuộc bốn loại chủng tánh ấy, khi họ đang tu tập Định, tuy còn chưa đắc Định, họ cũng là người tu hành, đều có thể kham tiếp nhận Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương tán thán, lễ bái, cung kính, thừa sự, cúng dường. Nếu đã đắc tam-ma-địa, tu Định đã thành tựu, đã đắc Định, đã đắc tam-ma-địa, sẽ được cúng dường càng chẳng thể nghĩ bàn. Ất cần phải nói theo hai phương diện, liên quan đến thiện căn trong nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ của người ấy.

Như tại Ấn Độ, có các vị A La Hán đã chứng Tứ Quả A La Hán, không chỉ tu Định, mà còn đắc tam-ma-địa, đắc Không Định, đạt đến tột tại. Vì sao các vị ấy ôm bát khát thực, vẫn chẳng xin được? Lúc đó, có người đã hỏi đức Thế Tôn như thế, đức Phật bảo là do trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ, vị đó rất ít bố thí. Tuy đã thành tựu nơi phương diện Huệ, nhưng rất ít ỏi nơi phương diện Phước. Ấn Độ có câu: “*Tu huệ, bất tu phước, La Hán thác không bát*” (Tu huệ, chẳng tu phước, La Hán ôm bát rỗng), chẳng khát thực được. “*Tu phước, bất tu huệ, hương tợng quải anh lạc*” (Tu phước, chẳng tu huệ, voi thơm đeo anh lạc). Quốc vương cưỡi con voi to ấy, [người hầu] khoác châu báu, anh lạc để trang nghiêm [thân voi]. Nó là tu phước, chẳng tu huệ, đọa vào súc sanh đạo. La Hán tu huệ, chẳng tu phước, ôm bát rỗng, cũng chẳng phải là vĩnh viễn ôm bát rỗng không. Đôi khi cũng có lúc không khát thực được gì. Do vậy biết trong hết thầy sự vật, bất luận trong nội giáo, hay nơi tướng cảnh giới bên ngoài, đừng nên bận lòng những chuyện vụn vặt. Có những người thích hỏi những chuyện ấy, thích vắn vò những từ ngữ rỗng tuếch: “Tôi không tu Định, tôi vẫn được cúng dường”. Hoặc là nói như vậy đó! [Chẳng hề biết] được cúng dường là do phước báo của quý vị, chẳng phải do huệ sanh trưởng. Ở đây, đức Phật cô vũ, khích lệ người tu Định.

Đức Phật thuyết pháp, đều là ban cho chúng sanh đôi chút ngọt ngào, cho nên nói Địa Tạng Bồ Tát gia trì chúng ta, [khiến cho chúng ta] có thể đạt được rất nhiều lợi ích, thì họ mới chịu niệm. Phẩm Phổ Môn nói: Niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được gia trì rất nhiều. Miễn trừ rất nhiều tai nạn thì giống như được gia trì! Hiện thời, nếu quý vị nói Không với chúng sanh, [họ sẽ kinh ngạc]: “Không ư? Thế thì tôi tin để làm gì?” Họ chẳng tin, vì họ đã lý giải sai lầm. Quý vị ắt phải đạt đến mức độ nào thì mới nói chuyện tương ứng với mức độ đó, có nghĩa như vậy đấy! Do vậy, đức Thế Tôn đã dùng kệ tụng để biểu đạt các ý nghĩa trên đây. Vì sao nói như vậy? Vì người tu Định có thể đoạn Hoặc. Hoặc (惑) có nghĩa là “mê hoặc”, là chẳng hiểu rõ, chẳng có chánh tri, chánh kiến. Dấy lên tham, sân, si, dấy lên phẫn, phú, não hại, chẳng có Định lực. Hễ dấy tham dục, kẻ đó sẽ chẳng thể định được, sẽ bị cảnh xoay chuyển. Do tâm bị cảnh chuyển, cho nên đọa lạc. Nếu có định lực, tâm có thể chuyển cảnh. Tâm có thể chuyển cảnh, tức giống với Như Lai. Tuy đức Phật nói ra ba phương pháp, tức tu Định, đọc tụng Đại Thừa, cho đến tu phước, nhưng trong ba phương pháp ấy, chỉ có tu Định là tốt nhất. “Tu Định có thể đoạn Hoặc, các nghiệp khác chẳng thể”. Nếu quý vị tu hành các pháp khác, chẳng tu Định, mà mong đoạn Hoặc, sẽ rất khó. Vì thế, “cố tu Định vi tôn” (cho nên tu Định là tôn quý), đáng tôn trọng nhất, đáng tôn kính nhất. Do vậy, tu Định là tốt nhất. “Trí giả ưng đương cúng dường” [nghĩa là] người có trí huệ hãy nên làm như thế ấy, cúng dường, thừa sự!

(Kinh) Nhĩ thời, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ư Phật pháp trung nhi xuất gia giả, nhược Sát-đế-lợi, đại thân, tể tướng, dĩ tiên, trượng đẳng chủy khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng, vi đáng hợp nhĩ? Vi bất hợp da?”

(經)爾時，天藏大梵天言：「大德世尊！於佛法中而出家者，若剎帝利，大臣、宰相，以鞭杖等捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命，為當合爾？為不合耶？」

(Kinh): Lúc bấy giờ, Thiên Tạng Đại Phạm Thiên nói: “Bạch đại đức Thế Tôn! Đối với người xuất gia trong Phật pháp, nếu Sát-đế-lợi, đại thân, tể tướng, dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân họ, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi bới, hoặc cắt chân tay,

hoặc dứt mạng họ, có thích đáng hay không? Hay chẳng thích đáng?”)

Đây là chuyên nói về người xuất gia. Đại Phạm thiên vương ca ngợi đức Phật là “*đại đức Thế Tôn*”. Đối với những người xuất gia trong Phật pháp, “*xuất gia*” là nói đến các vị tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni. Xuất gia là lìa nhà thế tục, vào nhà Phật. Đối với vị xuất gia tỳ-kheo mà nếu quốc vương Sát-đế-lợi, hoặc đại thần, hay tể tướng của quốc vương là những kẻ có thế lực, có quyền thế, dùng roi hoặc gậy gộc đánh đập thân thể tỳ-kheo, trừng phạt người xuất gia. Hoặc là đem vị đó nhốt vào tù, hoặc chửi mắng, quở trách vị đó. Hoặc là chặt đứt tứ chi, “*giải chi tiết*” là chặt đứt chi thể, tức chặt tay, chặt chân, chặt cánh tay, chặt bắp chân, hoặc đoạn mạng vị đó, cho đến giết chết. Nói theo kiểu hiện thời sẽ là **bắn chết!**

Như vậy thì có đúng hay không? Có thích hợp hay không? Hay là chẳng đúng? Có một câu hỏi như thế đó. Trong câu hỏi này, bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Tỳ-kheo thời Mạt Pháp xuất gia hết sức khó khăn, tu đạo càng khó hơn. Trong thời Mạt Pháp, người tin Phật rất khó, lại còn chẳng sanh khởi tín tâm. Kẻ không tin thì nhiều, hoặc là đã tin, sau đó lại tiến tiến, lùi lùi. Có lần, tôi trở về chùa Nam Phổ Đà. Mọi người biết ở Đài Loan có một vị tỳ-kheo-ni, đầu tiên là mang danh nghĩa tỳ-kheo-ni, sau đó hoàn tục. Bà ta qua Đại Lục, rêu rao, chèo kéo khắp nơi. Người xuất gia trong chùa miếu còn nghiêm nhiên theo học với bà ta, còn cho rằng bà ta rất lỗi lạc. Sau đó, cục tôn giáo đuổi bà ta đi, hành động ấy khiến cho những kẻ xuất gia theo học với bà ta đều bị dọa sợ, trốn về quê nhà ẩn náu. Hiện tại chẳng còn chuyện gì nữa. [Những kẻ xuất gia ấy] đã sắp tốt nghiệp tại Phật Học Viện, đã học Phật mấy năm, sao còn bị mê hoặc kiểu đó? Nếu là những kẻ ít nghe Phật pháp, gặp phải loại ngoại đạo này, gặp phải cái gọi là “*thần thông*”, thường phô phang là “*khai thiên nhãn*”, hoặc “*mở con mắt thứ ba*”, thấy cái này, thấy cái nọ, liền cho là đáng tin. Hiện thời, tình hình này ở Đài Loan rất nhiều.

Đối với Tam Bảo, tức Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, quý vị ắt phải thà xả thân mạng, chẳng hủy báng Tam Bảo. Có sức tín ngưỡng kiểu đó, mới có thể giữ vững tín căn của quý vị. Lòng tin của quý vị ắt phải “*mọc rễ*”, ắt phải có sức mạnh. Khi tin, phải tin đến mức Niệm bất thoái, cho đến phải tu Định sao cho Định bất thoái, phải tu Huệ sao cho Huệ bất thoái. Đây là nói tới bước đầu, tín tâm ấy chẳng phải là do quý vị tu thành, mà là cái có thể [giúp cho hành nhân] đạt đến mục đích chính là

tín tâm ấy. Có tín tâm như vậy. Có huệ, sẽ có thể phân biệt rõ đúng sai. Có Định lực, sẽ không bị cảnh chuyển. Kẻ khác nói gì, quý vị sẽ dựa theo giáo nghĩa để suy xét. [So sánh giữa] Định của kẻ đó và Định do đức Phật dạy, tức Tứ Thiên Bát Định, thậm chí như “*trì niệm lai khứ*” (giữ vững ý niệm đến đi) được nói trong bộ kinh này, có loại công lực ấy hay không? Còn như thầy quý thân, kinh Địa Tạng đã nói rất rõ ràng!

Nếu quý vị thắc mắc, hãy dùng Chiêm Sát Luân Tướng của đức Địa Tạng để hỏi về nghiệp báo của chính mình, để chiêm sát nghiệp báo của chính mình. Kẻ đó hoặc là cáo tinh chuyển thế, hoặc là chồn hay cày thành tiên chuyển thế, hoặc là [những kẻ] do quả báo mà có thần thông. Tại mỗi quốc gia, đều có hạng người như thế không ché. Mắt họ có thể thấy sâu dưới đất mấy ngàn thước, có thể thấy cát, hung trong vị lai, có thể nói ra đủ loại tiên đoán. Bọn họ vẫn thuộc vào sanh tử, chẳng có gì lỗi lạc! Quý vị chớ nên tin họ, phải trọn đủ chánh tri, chánh kiến. Nói đến “*chánh tri, chánh kiến*” thì quý vị có thể khảo nghiệm một phen: Kẻ đó có nói “*hết thấy các pháp đều là vô ngã*” hay không? Có thể quán “*hết thấy các pháp vô thường*”, quán “*hết thấy các pháp là khổ*”, quán “*hết thấy các pháp đều là không*” hay chẳng? Có thể quán như vậy hay không? Có thể quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã hay không? Quý vị dùng pháp ấn, dùng các pháp do đức Phật đã dạy để ấn chứng một phen, sẽ phân biệt rõ ràng! Quý vị liễu giải kẻ đó rốt cuộc là đúng hay không đúng, phải trọn đủ loại trí huệ ấy. Nếu không, trong đời Mạt tu đạo khó khăn, xuất gia càng khó hơn.

Thời Mạt Pháp, nhằm lúc ngũ dục hừng hực, nhân dục sôi sục. Mọi người thấy trong thế giới này, xã hội trong hiện tiền có hình thái gì vậy? Nếu trong lúc này, quý vị có thể tu một năm, tôi thấy sẽ còn hơn tu một kiếp trong thế giới Cực Lạc rất nhiều. Thế giới Cực Lạc chẳng có ai chọc khuấy quý vị, quý vị chẳng đến nỗi sai lầm. Bồ thí thì quý vị bồ thí cho ai? Vàng ròng ư? Khắp nơi đều là các thứ trân kỳ, mã não, châu báu đầy đất. Cây cối cũng bằng chất báu, thứ gì cũng đều là chất báu. Chẳng có ai dây lòng tham, nhiều quá, chẳng tham nữa! Khi tôi chuyện gẫu với kẻ khác, người đó nói: “Trên thế giới này, hoàng kim quý nhất” Tôi nói: “Chưa chắc!” Người đó hỏi: “Thầy nói thứ gì quý nhất?” Tôi đáp: “Vẫn là gạo tẻ hoặc mạn đầu⁵⁵ quý nhất”. Kẻ đó bật cười, bảo: “Gạo thì một hai đồng đã mua được bao nhiêu là gạo!” Tôi nói: “Vào lúc bình thường, nếu sẵn gạo thì gạo không đáng tiền. Nếu nhằm lúc lũ lụt, một cái mạn

⁵⁵ Mạn đầu (mần đầu, 饅頭): Bánh bao không nhân.

đầu ông đưa cho họ mười lạng vàng, họ cũng chẳng bán cho ông”. Khi quốc gia đang rối loạn, không có ăn thì mới loạn, không có mặc thì mới loạn. Có vàng hay không, đều chẳng đáng kể chi hết.

Có một câu chuyện như thế này: Khi Hoàng Hà gây lụt lớn, hai người đi tỵ nạn. Một người tỵ nạn mang theo một túi vàng. Có một người ôm theo một mớ mận đầu. Người mang mận đầu do mang nhẹ, nên trèo lên cây. Kẻ vác theo vàng, cũng trèo lên cây. Họ ở trên cái cây đó. Lúc sau, hai người đều đói. Kẻ mang vàng nói: “Ta cho người một miếng vàng đổi lấy một cái mận đầu, có được hay không?” Người có mận đầu suy nghĩ: “Mua bán kiểu này thật sự rất có lời, được rồi, bán cho người một cái”. Đưa cho anh ta một cái mận đầu, anh ta liền đưa một miếng vàng. Nước chẳng rút, anh ta tùy thời dùng vàng mua mận đầu. Nước vẫn chẳng rút. Người mang mận đầu kia bán sạch mận đầu cho kẻ mang theo vàng. Hấn cứ nghĩ nước sẽ rút rất nhanh, nhưng nước vẫn không rút. Kẻ đem mận đầu thầm nghĩ: “Hễ nước rút thì ta sẽ phát tài”. Kẻ đem mận đầu nói với người mang theo vàng: “Vàng này người lấy lại đi để ta đổi lấy mận đầu”. Người mang vàng trả lời: “Mận đầu ta ăn hết sạch rồi, không còn nữa!” Thật ra, ông ta còn tám chín cái mận đầu, tự mình giữ lại. Kẻ đem mận đầu bị chết đói. Kẻ mang vàng vì có mận đầu mà sống sót. Kẻ mang mận đầu đã chết đói rồi, kẻ mang vàng lại đổi lấy hoàng kim như vậy để cầm về! Câu chuyện này thoạt nghe rất giống chuyện đùa. Quý vị nói xem: Thứ gì đáng quý trọng nhất? Tôi nói, cái đáng quý trọng nhất chính là trí huệ. Vốn khi đó đào thoát, ông ta mang theo mận đầu là đúng, vì trong nhà chẳng có chi khác, mà cũng chẳng có vàng. Nhưng khi đó, ông ta chẳng nghĩ lúc ấy cần tiền để làm gì? Tiền có dùng được đâu? Cái tâm tham sẽ chẳng nảy sanh!

Lúc đó, quốc vương và đại thần chẳng tin tưởng Tam Bảo. Chắc các vị nghĩ quốc vương Sát-đế-lợi và đại thần, tể tướng đều có phước báo, sao họ lại chẳng cung kính Tam Bảo, chẳng có tín tâm vậy? Sao lại còn đối xử với tỳ-kheo kiểu đó? Chửi bới, đánh đập, chặt chém chân tay? Chẳng tin thì mọi người hãy mở to mắt mà trông, bất luận tại Đài Loan, hay tại Đại Lục, ngay cả ở Mỹ, người ta căn bản không hiểu quý vị là người xuất gia, căn bản chẳng đếm xỉa tới! Họ có hiểu những chuyện đó hay không? Đến Ấn Độ thì hiện thời đã gần như chẳng có người xuất gia Phật giáo! Tuy nói Ấn Độ vẫn có người xuất gia, nhưng tới chùa Đại Bồ Đề, những người xuất gia đó có lẽ là người Tư Lý Lam Kha (Tích Lan, Sri Lanka), chứ bản thân người Ấn Độ thì không có. Còn có những ngôi chùa, hiện thời có những vị lạt-ma Tây Tạng đến tu tại

đó, chứ chùa Phật giáo của người Ấn đã đều bị phá tan. Loại tình huống này phổ biến trong thời Mạt Pháp.

Vì thế, tôi thường nói: Kinh Đại Tập Thập Luân đúng là hình chụp của thời đại Mạt Pháp, đã chụp ảnh cho chúng ta. Mọi người hãy xem thử, tình huống hiện thời có phải là như vậy hay không? Vẫn còn có tín đồ tôn giáo, tuy chẳng phải là tỳ-kheo, nhưng họ tin tưởng giáo nghĩa, luôn làm các thiện sự, làm chuyện tốt cho người khác. Như vậy thì có thể hay không, đúng hay không?

(Kinh) Phật cáo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên ngôn: - Thiện nam tử! Nhược chư hữu tình, u ngã pháp trung xuất gia, nãi chí thể trừ tu phát, bị phiến ca-sa, nhược trì giới, nhược phá giới, hạ chí vô giới, nhất thiết thiên, nhân, A Tổ Lạc đẳng, y tục chánh pháp, do thượng bất hợp dĩ tiên, trượng đẳng chủy khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng, hưởng y phi pháp! Hà dĩ cố? Trừ kỳ nhất thiết trì giới, đa văn, u ngã pháp trung nhi xuất gia giả, nhược hữu phá giới, hành chư ác pháp, nội hoài hủ bại, như uế oa loa, thật phi sa-môn, tự xưng sa-môn, thật phi phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh, hằng vị chúng chúng phiến não sở thắng, bại hoại khuynh phúc. Như thị phá giới chư ác bất-sô, do năng thị đạo nhất thiết thiên, long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phục, A Tổ Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân đẳng, vô lượng công đức trân bảo phục tạng.

(經)佛告天藏大梵天言：「善男子！若諸有情，於我法中出家，乃至剃除鬚髮，被片袈裟，若持戒，若破戒，下至無戒，一切天、人、阿素洛等，依俗正法，猶尚不合以鞭，杖等捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命，況依非法！何以故？除其一切持戒多聞，於我法中而出家者，若有破戒，行諸惡法，內懷腐敗，如穢蝸螺，實非沙門，自稱沙門，實非梵行，自稱梵行，恆為種種煩惱所勝，敗壞傾覆。如是破戒諸惡苾芻，猶能示導一切天、龍、藥叉、健達縛、阿素洛、揭路荼、緊捺洛、莫呼洛伽、人非人等，無量功德珍寶伏藏。」

(Kinh: Đức Phật bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên rằng: - Nay thiện nam tử! Nếu các hữu tình xuất gia trong pháp của ta, cho đến cạo

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

bỏ râu tóc, khoác một mảnh ca-sa, hoặc trì giới, hoặc phá giới, thậm chí không có giới, hết thấy trời, người, A Tố Lạc v.v... nương theo chánh pháp của thế tục, còn chẳng nên dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân họ, hoặc giam vào lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi bới, hoặc chặt tứ chi, hoặc đoạn mạng họ, hướng hồ những kẻ tuân theo phi pháp! Vì sao vậy? Trừ hết thấy những vị trì giới, đa văn, xuất gia trong pháp của ta, nếu có những kẻ phá giới, làm các pháp ác, trong tâm thối nát, như con ốc sên bản thủ, thật sự chẳng phải là sa-môn mà tự xưng là sa-môn, thật sự chẳng phải là phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh, luôn bị các thứ phiền não không chế, bại hoại, khuynh đảo.

Các ác bất-số phá giới như thế vẫn có thể chỉ dạy vô lượng kho báu công đức trân bảo cho hết thấy trời, rồng, Dược Xoa, Kiện Đạt Phước, A Tố Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân v.v...)

Vị Thiên Tạng Đại Phạm Thiên này có trí huệ, cho nên hỏi đạo lý như thế. Do vậy, đức Phật bảo Thiên Tạng Đại Phạm Thiên rằng: *“Thiện nam tử! Nhược chư hữu tình u ngã pháp trung xuất gia, nãi chí thế trừ tu phát, bị phiến ca-sa”* (Này thiện nam tử! Nếu có các hữu tình xuất gia trong pháp của ta, cho đến cạo bỏ râu tóc, khoác một mảnh ca-sa): Rất ít! Chỉ có một mảnh be bé mà thôi, cũng tức là gấn một mảnh ca-sa trên y phục. *“Nhược trì giới, nhược phá giới”* [nghĩa là] sau khi đã xuất gia, giữ giới luật rất tinh nghiêm, trì giới cũng chẳng trái phạm, giữ giới thanh tịnh; hoặc là sau khi đã xuất gia bèn phạm giới. *“Hạ chí vô giới”*: Có kẻ hủy hoại toàn bộ các giới đã thọ.

“Nhất thiết thiên, nhân, A Tố Lạc đẳng, y tục chánh pháp, do thượng bất hợp dĩ tiên, trượng đẳng chủy khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng. Hướng y phi pháp!” (Hết thấy trời, người, A Tố Lạc v.v... vâng theo chánh pháp của thế tục còn chẳng nên dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân họ, hoặc giam vào lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi bới, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng họ, hướng hồ những kẻ hành theo phi pháp!): Đây là vâng theo chánh pháp của thế tục, tức là giết người thì phải đền mạng, thiếu nợ thì phải trả tiền, trộm cắp người khác sẽ bị tai họa lao ngục. Nếu giam cầm, hoặc trừng phạt thì cũng là chiếu theo pháp luật của thế gian, nhất định phải bị trách phạt. Trước pháp luật, ai nấy đều bình đẳng, người xuất gia cũng chẳng có ngoại lệ!

Từ đời Đường - Tống đến nay, mỗi triều đại đều có. Thậm chí bậc

đại đức như Tử Bách lão nhân⁵⁶ chết trong ngục giam, Hám Sơn đại sư thì bị sung quân (đầy làm lính), cũng từng ngồi tù. Vào đời Minh, Hoàng Thái Hậu rất tin Phật [nhưng vua Minh Thần Tông tin theo Đạo giáo,

⁵⁶ Tử Bách lão nhân (1543-1603), Sư là cao tăng Thiên Tông, tổ quán ở Cú Dung huyện Tô Châu, đến đời cha Ngài dời sang Thái Hồ thuộc Ngô Huyện, Tô Châu. Sư họ Trầm, pháp danh Đạt Quán, về sau đổi thành Chân Khả, người đời sau xưng tụng Ngài bằng mỹ hiệu Tử Bách Tôn Giả. Ngài cùng với các vị Liên Trì, Ngẫu Ích, và Hám Sơn được gọi chung là Minh Mạt Tứ Đại Cao Tăng. Khi sinh ra, đến năm tuổi Ngài vẫn chưa biết nói. Về sau, gặp một vị dị Tăng, bảo: “Mai sau, đứa trẻ này sẽ xuất gia”, Ngài mới bắt đầu biết nói. Thuở bé, Ngài ngang tàng, hào hiệp, thích uống rượu, hề nói một lời không hợp là đánh nhau ngay. Năm mười bảy tuổi, đeo kiếm làm hiệp khách lãng du. Đền Xương Môn, do gặp trận mưa lớn, đứt mưa tại chùa Hồ Khâu. Đến đêm, nghe sư Minh Giác tụng Bát Thập Bát Phật Sám, bổng ngộ đạo. Sáng sớm hôm sau, xin xuất gia với ngài Minh Giác. Sau khi đã xuất gia, Ngài tĩnh tọa suốt đêm đến sáng, suốt đời không nằm xuống giường. Ngài tánh rất cương liệt, sau khi đã xuất gia, hề thấy Tăng nhân uống rượu, ăn thịt, sẽ quả mắng thậm tệ. Do Ngài trì giới rất nghiêm, tánh tình lại cương liệt, ai nấy đều sợ Ngài. Năm hai mươi tuổi, thọ Cụ Túc giới, để đọc kinh Hoa Nghiêm bèn bé quan suốt ba năm tại chùa Cảnh Đức. Sau đó, Sư từ biệt thầy, hành Đầu Đà hành cước suốt cả đời. Ngài một ngày đi hai mươi dặm đường, chân nứt nẻ, bèn dùng đá lót chân đi tiếp. Trên đường hành cước, do nghe bài kệ Kiến Đạo bèn ngộ đạo. Ngài đến làm môn hạ của tổ Biên Dung suốt chín năm. Năm Vạn Lịch thứ chín (1581), Sư phát nguyện cùng với các thiện tín như tri phủ Gia Hưng in khắc Đại Tạng Kinh. Quyên mộ mãi đến năm Vạn Lịch 17 (1589) mới bắt đầu khắc ván in tại Ngũ Đài. Bản in này thường được gọi là Gia Hưng Tạng. Năm Vạn Lịch 14 (1586), do được thư mời của ngài Hám Sơn, đôi bên gặp gỡ tại thành Tức Mặc ở Lao Sơn, trở thành bạn thâm giao. Năm Vạn Lịch 23 (1595), ngài Đức Thanh Hám Sơn bị vu hãm tội lén xây chùa, bị hạ ngục, rồi đầy đi Lôi Dương làm lính. Vì tìm cách cứu Hám Sơn, Ngài viết biểu xin triều đình ngưng thu thuế các mỏ quặng, lặn lội các nơi. Năm Vạn Lịch 31 (1603), vì vua Vạn Lịch (Minh Thần Tông) tính phé trường lập ấu, dẫn phát đến vụ án yêu thư, yêu ngôn, ngài Tử Bách vốn là bạn thân của Trầm Lý thuộc Đông Lâm đảng (các Nho sĩ chủ trương chống lại chính sách quan liêu và đề xướng cải tiến đất nước. Tư tưởng này bị bọn triều thần hủ bại cho là “*yêu ngôn hoặc chúng*”), nên bị vu cáo, tống giam vào ngục. Ngài bị bọn nha lại Đông Xưởng và vệ binh Cẩm Y Vệ tra khảo đến nổi thân thể rách mướp, chỉ còn thoi thóp. Đến ngày Mười Bảy tháng Chạp, Ngài cố sức tắm gội, ngồi ngay ngắn, niệm Tỳ Lô Giá Na Phật mấy câu rồi viên tịch. Sau khi mất, đệ tử đưa thi thể về chôn ở chùa Từ Huệ (phía Tây Bắc Kinh). Khi nạn lụt xảy ra, đệ tử đưa di thể về am Tịch Chiếu ở Kinh Sơn để chôn. Về sau, tháp bị ngập nước, lại dời về Khai Sơn, đã mười ba năm trôi qua, toàn thân xá lợi vẫn bất hoại! Mãi cho đến năm Vạn Lịch 44 (1616), khi ngài Đức Thanh Hám Sơn được tha, trở về Bắc Kinh cử hành lễ trà tỳ, đưa tro cốt về thờ tại Văn Thủ Đài ở Kinh Sơn thuộc huyện Du Hàng, tỉnh Chiết Giang.

nghe lời sám báng, hãm hại Tăng sĩ], hiện tượng kiêu này thường có. Đường Thái Tông là hoàng đế thời thịnh trị mà cũng giết rất nhiều hòa thượng. Do vậy, đế vương cũng chẳng tránh khỏi tạo nghiệp này. Nếu ông ta vâng theo chánh pháp của thế tục, sẽ phạm vào sai lầm, đều chẳng nên dùng roi, gậy đánh đập thân thể tỳ-kheo, hoặc giam họ trong lao ngục, hoặc chửi mắng họ, hoặc chặt chân tay họ, hoặc đoạn mạng họ. “*Hà dĩ cố?*”: Vì sao nói như vậy? “*Trừ kỳ nhất thiết trì giới, đa văn, v ngã pháp trung nhi xuất gia giả*” (Trừ hết thầy những người trì giới, đa văn, xuất gia trong pháp của ta): Những vị trì giới, đa văn, có đạo đức thì chẳng cần phải nói. Nếu có những kẻ phá giới, hành ác pháp, trong tâm thối nát, tuy bề ngoài là xuất gia, nhưng trọn chẳng thật sự tu hành, chẳng tu tập, mà cũng chẳng hành trì. Phá giới là hành ác pháp, tham, sân, si như đã nói trên đây đều trọn đủ.

“*Nội hoai hủ bại*” (Trong tâm thối nát): Bản thiêu, giống như con oa loa (蝸螺), tức là ốc sên. Loài này có khi được gọi là “*oa ngu*” (蝸牛). Ốc sên rút mình trong vỏ. “*Loa tu*” (螺螄, ốc nhồi) có vỏ bảo vệ thân nó, nhưng trong ấy rất bẩn, nó ăn và bài tiết ngay trong ấy, rất ứ tấp. Kẻ tạo nghiệp đọa vào loài đó. Vì thế, kẻ phá giới, hành ác pháp giống như con ốc nhồi (ốc brou), hoặc ốc sên. Họ tuy khoác ca-sa, đã xuất gia, nhưng chẳng phải là sa-môn. Họ tự nói mình là sa-môn, tự xưng là sa-môn, tự xưng là người xuất gia. “*Thật phi phạm hạnh*” (Thật sự chẳng phải là phạm hạnh), những gì họ đã làm đều là hạnh chẳng thanh tịnh. Tự kẻ đó nói là hạnh thanh tịnh, nhưng luôn bị khuấy phục bởi đủ loại phiền não. Phiền não thắng thế thiện nghiệp, ác nghiệp hơn hẳn thiện nghiệp của kẻ đó. “*Bại hoại khuynh phúc*” (Bại hoại, khuynh đảo): Phạm hạnh lần thanh tịnh hạnh của kẻ đó đều bị bại hoại. Phật môn đều bị kẻ đó bại hoại. Hạng ác tỳ-kheo phá giới như vậy vẫn có thể tạo phước đức cho trời người.

“*Do năng thị đạo nhất thiết thiên, long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phược, A Tô Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân đẳng, vô lượng công đức trân bảo phục tạng*” (Vẫn có thể chỉ dạy vô lượng kho tàng công đức quý báu cho hết thầy trời, rồng, Dược Xoa, Kiện Đạt Phược, A Tô Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hô Lạc Già, nhân phi nhân v.v...): Chỉ cần kẻ ấy là đệ tử Phật, chỉ cần kẻ đó còn khoác một mảnh ca-sa, sẽ có thể chỉ dạy tám bộ quý thân.

Tại Ấn Độ, có một người sống nơi mồ mả. Ông ta thấy một con rồng ác. Ông ta vốn là kẻ ăn mày đi xin dọc đường. Trong gò mả ấy, có [thi thể] của một vị tỳ-kheo đã viên tịch. Sau đó, ca-sa bị rách nát, rơi ra

một miếng. Người ăn mày ấy vội vã trùm mảnh áo đó lên đầu, ác long chẳng ăn ông ta, lướt qua. Chuyện này cho thấy, tuy là ác tỳ-kheo nhưng khoác ca-sa thì cũng có thể chỉ dạy tám bộ quỷ thần, vì mảnh áo ca-sa hàm chứa vô lượng kho báu công đức trân bảo. Hoàn toàn chẳng phải vì người ấy, mà là do mảnh áo của người ấy. Đó gọi là Tam Bảo chúng tánh.

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Ư ngã pháp trung, nhi xuất gia giả, tuy phá giới hạnh, nhi chư hữu tình đồ kỳ hình tướng, ưng sanh thập chủng thù thắng tư duy, đương hoạch vô lượng công đức bảo tu. Hà đẳng vi thập? Vị ngã pháp trung, nhi xuất gia giả, tuy phá giới hạnh, nhi chư hữu tình, hoặc hữu kiến dĩ, sanh ư niệm Phật ân trọng, tín kính thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, chung bất quy tín chư ngoại đạo sư, thư luận, đồ chúng, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành.

(經)又善男子！於我法中，而出家者，雖破戒行，而諸有情睹其形相，應生十種殊勝思惟，當獲無量功德寶聚。何等為十？謂我法中，而出家者，雖破戒行，而諸有情，或有見已，生於念佛殷重，信敬殊勝思惟。由是因緣，終不歸信諸外道師，書論，徒眾，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Người xuất gia trong pháp của ta tuy phá giới hạnh, nhưng các hữu tình thấy hình tướng của họ, sẽ sanh khởi mười loại tư duy thù thắng, sẽ đạt được vô lượng khối báu công đức. Những gì là mười? Tức là người xuất gia trong pháp của ta tuy phá giới hạnh, nhưng các hữu tình, nếu đã trông thấy, sẽ sanh tư duy thù thắng nghĩ tới Phật, trân trọng tín kính. Do nhân duyên ấy, họ trọn chẳng quy hướng, kính tin các thầy ngoại đạo, sách vở, luận thuyết, và đồ chúng của chúng nó, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, là khỏi các sợ hãi).

Trông thấy chiếc ca-sa ấy, sẽ sanh khởi ý tưởng thù thắng. Tuy kẻ đó phá giới, nhưng hẳn là Phật tử, biểu hiện vẫn là Phật tử. Mười loại công đức nào vậy? “*Vị ngã pháp trung nhi xuất gia giả, tuy phá giới hạnh, nhi chư hữu tình, hoặc hữu kiến dĩ, sanh ư niệm Phật ân trọng tín kính thù thắng tư duy*” (Chính là kẻ xuất gia trong pháp của ta, tuy phá

giới hạnh, nhưng các hữu tình mà được trông thấy, sẽ sanh khởi tư duy thù thắng nghĩ đến Phật, trân trọng kính tin): Tuy kẻ đó phá giới, nhưng chúng sanh trông thấy hẳn, hoàn toàn chẳng nghĩ hẳn là kẻ phá giới. Hữu tình chỉ thấy từ nơi thân hẳn là một vị tỳ-kheo, chỉ thấy một tướng. Vì chúng sanh chỉ thấy quý vị là một tỳ-kheo, liền sanh khởi ý tưởng thù thắng. Do thấy vị tỳ-kheo ấy mà họ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Do niệm Phật mà sanh khởi tư tưởng tin kính thù thắng. Họ sẽ nghĩ như thế này: “Vị tỳ-kheo này là đệ tử Phật”. Do đó, sẽ nghĩ tới công đức của Phật.

“Do thị nhân duyên, chung bất quy tín chư ngoại đạo sư, thư luận, đồ chúng” (Do nhân duyên ấy, họ trọn chẳng quy ngưỡng, tin tưởng các thầy ngoại đạo, sách vở, luận thuyết và đồ chúng của chúng nó): Người ấy do thấy hòa thượng phá giới, sẽ nghĩ đến Phật, nghĩ đến Pháp. Do vì nhân duyên này, người ấy quy y Phật, Pháp, Tăng, chẳng quy kính, tin tưởng bọn tà sư ngoại đạo. *“Ngoại đạo luận”* là sách vở, mà cũng là pháp của ngoại đạo. *“Đồ chúng”* là tăng chúng ngoại đạo. *“Bất quy y ngoại đạo sư, thư luận, đồ chúng, nãi chí u năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành”* (Chẳng quy các thầy ngoại đạo, sách vở, kinh luận, đồ chúng của họ, cho đến có thể vào tòa thành đại Niết Bàn, lia khỏi các sợ hãi), ý nói: Thấy vị tỳ-kheo phá giới ấy, người đó sanh khởi nhân duyên thù thắng, nghĩ đến Phật, nghĩ đến Pháp, thậm chí cung kính vị Tăng ấy. Do nhân duyên ấy, người đó có thể lia hết thảy sợ hãi, chứng đắc Niết Bàn, có thể nhập Định, có thể chúng đắc *“chẳng sanh diệt”*.

(Kinh) Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm thánh giới thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, năng ly sát sanh, ly bất dữ thủ, ly dục tà hạnh, ly hư cuống ngữ, ly ẩm chư tửu, sanh phóng dật xứ, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm bố thí thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, đắc đại tài vị, thân cận, cúng dường chánh chí, chánh hạnh, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành.

(經)或有見已，生念聖戒殊勝思惟。由是因緣，能離殺生，離不與取，離欲邪行，離虛誑語，離飲諸酒，生放逸處，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。或有見已，生念佈施殊勝思惟。由是因緣，得大財位，親近供養，正至正行，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。

(Kinh: Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ tới thánh giới. Do nhân duyên ấy, có thể lìa sát sanh, lìa chẳng cho mà lấy, lìa dục tà hạnh, lìa lời hư dối, chẳng uống các thứ rượu, lìa khỏi các chỗ sanh khởi phóng dật, cho đến có thể vào trong thành Đại Niết Bàn, lìa khỏi các sợ hãi. Hoặc là có người thấy rồi, sanh tư duy thù thắng nghĩ tới bố thí. Do nhân duyên ấy, đạt được địa vị và của cải to lớn, thân cận, cúng dường bậc chánh chí, chánh hạnh, cho đến có thể vào trong thành Đại Niết Bàn, lìa khỏi các sợ hãi).

Có người trông thấy vị tỳ-kheo ấy, thấy oai nghi của ông ta, nghĩ là ông ta trì giới, là người xuất gia, bèn cho rằng “ý niệm xuất gia” rất khó có. Do bởi nhân duyên ấy, vì cho rằng vị tỳ-kheo đoạn tham, sân, si, chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tà dâm, lìa lời nói hư vọng, lìa uống rượu, lìa các thứ rượu vì chúng là chỗ sanh khởi phóng dật, [cho nên] chẳng uống rượu. Cũng là do thấy một vị tỳ-kheo phá giới mà sanh khởi nhiều cảm giác thù thắng dường ấy! Người ấy có thể vì trông thấy vị tỳ-kheo phá giới ấy mà gieo thiện căn, cuối cùng thành đạo, chứng nhập Niết Bàn thành. Người ấy thấy một vị tỳ-kheo, liền sanh khởi cảm giác thù thắng, bèn cúng dường vị ấy, sanh ý tưởng bố thí. Do nhân duyên ấy, đạt được của cải và địa vị to tát. Thấy một vị tỳ-kheo mà coi vị ấy như một vị thánh tăng, sẽ sanh khởi ý tưởng thù thắng. Do hình tướng của vị ấy, [người đó sẽ] “*thân cận cúng dường, chánh chí, chánh hạnh, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành*” (thân cận, cúng dường bậc chánh chí, chánh hạnh, cho đến có thể vào trong thành Đại Niết Bàn, lìa khỏi các sợ hãi).

(Kinh) Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm nhân nhục, nhu hòa, chất trực thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, tiện năng viễn ly ly gián, thô ác, tạp uế, sân, phẫn, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm xuất gia, tinh cần tu hành thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, năng xả gia pháp, thú ư phi gia, dũng mãnh, tinh tấn, tu chư thắng hạnh, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm viễn ly chư tán loạn tâm, Tĩnh Lự, đẳng chí thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, tâm nhạo sơn lâm, A Luyện Nhã xứ, trú dạ tinh cần, tu chư Định hạnh, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm trí huệ thù thắng tư duy. Do thị nhân duyên, hân nhạo thính văn, độc, tụng chánh pháp, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại

Niết Bàn thành. Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm túc thực, xuất ly thiện căn thù thắng tư duy, nhuỷ ngữ úy vãn, nãi chí lễ túc. Do thị nhân duyên, đương sanh tôn quý, đại thể lực gia, vô lượng hữu tình hàm cộng chiêm ngưỡng, nãi chí năng nhập ly chư bố úy đại Niết Bàn thành. Thiện nam tử! Ư ngã pháp trung nhi xuất gia giả, tuy phá giới hạnh, nhi chư hữu tình đồ kỳ hình tướng, sanh thử thập chủng thù thắng tư duy, đương hoạch vô lượng công đức bảo tu. Thị cố, nhất thiết Sát-đế-lợi vương, đại thần, tể tướng, quyết định bất hợp dĩ tiên, trượng đẳng, chủ khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng.

(經)或有見已，生念忍辱柔和，質直殊勝思惟。由是因緣，便能遠離離間粗惡、雜穢瞋忿，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。或有見已，生念出家，精勤修行殊勝思惟。由是因緣，能舍家法，趣於非家，勇猛精進，修諸勝行，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。或有見已，生念遠離諸散亂心，靜慮等至殊勝思惟。由是因緣，心樂山林阿練若處，晝夜精勤，修諸定行，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。或有見已，生念智慧殊勝思惟。由是因緣，欣樂聽聞，讀誦正法，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。或有見已，生念宿植，出離善根殊勝思惟，軟語慰問，乃至禮足。由是因緣，當生尊貴，大勢力家，無量有情咸共瞻仰，乃至能入離諸怖畏大涅槃城。善男子！於我法中，而出家者，雖破戒行，而諸有情睹其形相，生此十種殊勝思惟，當獲無量功德寶聚。是故，一切剎帝利王，大臣，宰相，決定不合以鞭，杖等，捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命。

(Kinh: Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ tới nhân nhục, nhu hòa, chất trực. Do nhân duyên ấy, sẽ có thể xa lìa ly gián, thô ác, tạp uế, sân, phẫn, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ đến xuất gia, siêng ròng tu hành. Do nhân duyên ấy, có thể bỏ pháp tại gia, hướng đến không nhà, dùng mãnh, tinh tấn, tu các hạnh thù thắng, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ đến xa lìa các tâm tán loạn, [hướng đến] Tĩnh Lự, đẳng chí. Do nhân duyên ấy, tâm ưa thích núi, rừng, chốn A Luyện Nhã (A Lan Nhã), ngày đêm siêng rông tu các Định hạnh, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng nghĩ đến trí huệ. Do nhân duyên ấy, ưa thích lắng nghe, đọc, tụng chánh pháp, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ đến thiện căn xuất ly đã gieo từ trước, dùng lời lẽ mềm mỏng để an ủi, hỏi han, cho đến lễ dưới chân. Do nhân duyên ấy, sẽ sanh trong gia tộc tôn quý, có thể lực lớn, vô lượng hữu tình đều cùng chiêm ngưỡng, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. Nay thiện nam tử! Kể xuất gia trong pháp của ta, tuy phá giới hạnh, nhưng các hữu tình trông thấy hình tướng người ấy, sẽ sanh khởi mười loại tư duy thù thắng ấy, sẽ đạt được vô lượng khối công đức báu. Vì thế, hết thấy các vua Sát-đế-lợi, đại thần, tế tướng, quyết định chẳng nên dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân kẻ ấy, hoặc giam vào lao ngục, hoặc lại quở mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng kẻ đó).

“Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm nhĩ nhục, nhu hòa, chất trực thù thắng tư duy” (Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng, nghĩ tới nhĩ nhục, nhu hòa, chất trực): Đây là Nhĩ Nhục Ba La Mật. *“Do thị nhân duyên, tiện năng viễn ly ly gián, thô ác, tạp uế, sân, phẫn”* (Do nhân duyên ấy, liền có thể xa lìa lời ly gián, thô ác, tạp uế, sân, phẫn): Lìa tâm sân hận, lìa tạp uế. *“Tạp uế”* (雜穢) là lời thô ác, nhưng chẳng phải là ác khẩu. Do trông thấy hình tướng của vị tỳ-kheo phá giới ấy, khiến cho họ có thể tư duy như vậy, cho đến có thể vào trong thành đại Niết Bàn, lìa các sợ hãi. *“Hoặc hữu kiến dĩ, sanh niệm xuất gia, tinh cần tu hành thù thắng tư duy”* (Hoặc là có người đã thấy, bèn sanh tư duy thù thắng nghĩ đến xuất gia, siêng rông tu hành): Người xuất gia vô dục, vô trước (無着, không vướng mắc), thanh tịnh, tiêu sái⁵⁷. Tỳ-kheo phá giới [bề ngoài] cũng rất tiêu sái. Mọi người thấy thiên sư Đạo Tế thị

⁵⁷ *“Tiêu sái”* (潇洒) là từ ngữ hình dung tinh thần lẫn cử chỉ phóng khoáng, ung dung, lưu loát, tự nhiên, thanh nhã, thoát tục, nhàn nhã tự tại, chẳng cứng nhắc, câu nệ. Tuy phóng khoáng nhưng không suồng sã, vẫn giữ được chừng mực lễ nghi, khiến người khác kính trọng, ngưỡng mộ. Chữ này cũng thường được dùng để mô tả nét thư pháp nhẹ nhàng, bay bướm, tài hoa, nhưng không phóng túng, thô cuồng.

hiện nghịch hạnh. Tuy là nghịch hạnh, thật ra, Ngài hành Bồ Tát đạo, ai biết Ngài là thánh tăng? Chẳng biết! Thấy Sư uống rượu, vào quán ăn, thậm chí vào nhà thổ để độ người khác. Nghe tôi nói Ngài đến nhà thổ như vậy, chắc là mọi người hoài nghi, [cho rằng] chẳng phải vậy! Tôi nhớ khi tôi xem Tế Công Truyện, lúc ấy tôi cũng sanh khởi ý tưởng thù thắng, Ngài độ người như thế nào?

Có một hôm, Ngài đến nhà một đệ tử. Ở cửa Tây thành Tô Châu có một vị viên ngoại, tên là Tô Bắc Sơn. Sư đến đó tìm Tô Bắc Sơn, hỏi: “Hôm nay ông bận việc gì hay không?” Đệ tử thưa: “Không ạ!” Thiên sư Đạo Tế (道濟) nói: “Không bận gì thì đi với ta đến chỗ này”. Đệ tử hỏi: “Sư phụ đến chỗ nào vậy? Con đi với thầy”. Thiên sư Đạo Tế nói: “Ông mang tiền nhiều một chút!” [Trò thưa]: “Sư phụ uống rượu, con cúng dường cho thầy, không sao hết”. Thiên sư Đạo Tế nói: “Hôm nay ta không uống rượu, ta muốn đến chỗ này”. Trò hỏi: “Đến chỗ nào ạ?” Thiên sư Đạo Tế nói: “Ta đến phố bán hoa”. “Sư phụ ơi! Thầy đến chỗ đó làm chi?” “Ông đừng lo, cứ đi với ta”. Người đồ đệ ấy lắc đầu, được rồi, đến kỹ viện vậy! Tới nơi, ở đó có một kỹ nữ mới tới, là danh kỹ (名妓, kỹ nữ nổi tiếng). Thiên sư Đạo Tế nói: “Ta muốn kỹ nữ ấy, cô Đồng Xuân Hương”. Đồng Xuân Hương thấy một vị hòa thượng vừa bản thủ vừa nhếch nhác, bộ dáng rất khó coi! Nhưng viên ngoại thì nhìn khác hẳn, vừa có chức tước, vừa giàu có. Cô ta đối với viên ngoại hết sức xun xoe. Thiên sư Đạo Tế nói: “Cô đến đây, hẳn chẳng thể cứu cô, cứu cô vẫn phải cậy vào ta”. Cô ta hỏi: “Đại sư muốn làm gì?” Thiên sư Đạo Tế nói: “Cô lại đây ta nói cho cô nghe. Nhân rồi vô sự lại thoải mái, hòa thượng cũng muốn vui thú một chút. Kêu Xuân Hương một tiếng thì cô qua đây, qua chỗ ta nè, đừng có tới chỗ hẳn”. Đồng Xuân Hương liền hỏi: “Sư phụ! Thầy muốn làm gì?” Thiên sư Đạo Tế nói: “Mau mau cởi giải thắt lưng ra!” Xuân Hương sững sờ! Thiên sư Đạo Tế lại nói: “Tặng cho bản tăng cột giày rách. Giày cỏ của ta đã hỏng rồi, cô cho ta chiếc đai để cột giày, chứ chẳng có ý chi khác!” Thiên sư Đạo Tế muốn làm gì? Cô Đồng Xuân Hương bị kẻ khác hãm hại, bán vào kỹ viện. Thiên sư Đạo Tế vì độ cô ta mới đến đó, bảo Tô Bắc Sơn đem tiền chuộc cô ta ra, đưa cô về nhà. Cô gái ấy không biết, mẹ cô ta và nàng ta đã không còn liên lạc với nhau. Thiên sư Đạo Tế có thần thông, bèn bảo nàng tìm quản gia của Tô Bắc Sơn đưa cho cô ta một ít tiền. Thiên sư Đạo Tế đến cứu người!

Lại còn có một vị lão hòa thượng cũng giống như thế. Sư thấu nhận một đứa trẻ bốn, năm tuổi, dẫn nó vào sống trong núi. Ở trong núi,

đưa bé ấy ngoài trừ trông thấy cây cối, núi non, suối, khe, lại thấy dã thú hay cạp, thứ gì khác cũng chẳng thấy. Chờ đến khi đứa trẻ ấy mười tám tuổi trưởng thành, sư phụ dẫn nó xuống đạo phố phường. Úi chao! Đứa nhỏ thấy chói lòa cả mắt, tiếp nhận không xuể! Cuối cùng, tới một kỹ viện, các cô nương tô son trát phấn, sư phụ dẫn nó đi xem các kỹ nữ ấy một phen. Đồ đệ hỏi: “Sư phụ! Đó là gì vậy?” Sư phụ đáp: “Cạp!” Trên núi, cạp toàn ăn thịt người! Sau khi trở về núi, sư phụ hỏi nó: “Hôm nay con thấy thứ gì hay nhất?” Nó thưa: “Thứ gì cũng chẳng hay, cạp là hay nhất”.

Đó gọi là Hoặc. “*Hoặc*” (惑) là mê hoặc, cũng là cái nghiệp mang đến từ thuở lọt lòng. Tham dục khó đoạn, mỗi người chúng ta hãy tự chứng nghiệm chính mình! Tỳ-kheo phá giới cũng có thể khiến cho quý vị đoạn tham dục, vì quý vị chỉ nhìn từ hiện tượng. Các vị thánh nhân, các vị A La Hán thị hiện nghịch hạnh, như thiền sư Đạo Tế ra vào tửu quán, trà đình. Mỗi ngày, Sư làm như vậy, quý vị thấy Sư cũng chẳng tu hành, cũng chẳng làm chi hết, cầm bầu uống rượu, trong bọc còn giắt thịt chó. Thiền sư Đạo Tế có thể kéo các súc gỗ từ cái giếng trong chùa Tịnh Từ lên, quý vị có thể kéo nổi hay không? [Ngài làm như thế] để sửa chùa Tịnh Từ. Hiện thời, nếu quý vị đến Hàng Châu ở Đại Lục, đến chùa Tịnh Từ⁵⁸ nhìn xem, trong giếng còn có một súc gỗ gác trong đó. Cuối cùng [nhà chùa nói] “*đu ròi*”, Ngài không kéo nữa, bỏ luôn súc gỗ ấy tại đó!

Quý vị có tin hay không? Có thật đấy! Thiền sư Đạo Tế xác thực là sự thật. Nhưng có những chuyện chẳng phải là sự thật, mà do tiêu

⁵⁸ Chùa Tịnh Từ ở phía Nam của Tây Hồ, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, đối diện tháp Lô Phong, được xếp vào trong Tây Hồ Tứ Đại Cổ Sát (bốn ngôi chùa cổ lớn ở Tây Hồ), và Tây Hồ Thập Cảnh. Chùa do Ngô Việt Vương Tiên Hoàng Thục xây vào năm 954 để làm chỗ trụ tích cho tổ Vĩnh Minh Diên Thọ. Khi chùa bị hỏa hoạn, nhà chùa vận động quyên mộ. Ngài Đạo Tế (do hình dung cử chỉ điên khùng, nên thường bị gọi là Tế Điên) cũng đi ra ngoài, ăn uống no say, khật khưỡng về chùa. Tăng chúng hỏi: “Có quyên mộ được đồng nào hay không?” Sư đáp: “Nằm hết trong bụng tôi rồi”. Mọi người lắc đầu, Sư lăn ra ngủ mê mệt suốt ba ngày mới tỉnh. Sau đó, Sư đến bên cái giếng ở nhà bếp, kéo từng súc gỗ lên để làm cột kèo, cho đến khi thợ mộc nói đủ ròi mới thôi. Còn một súc gỗ chưa dùng tới, bị Sư bỏ lại trong giếng. Từ đó, giếng này đổi tên thành giếng Thần Vận. Thường mọi người chỉ biết đến Ngài qua các câu chuyện thần dị, chữa bệnh, thậm chí tôn xưng Ngài là Tế Công Hoạt Phật, chứ ít ai biết Ngài học vấn uyên bác, được tôn là tổ thứ sáu của phái Dương Kỳ trong tông Lâm Tế của Thiền Tông. Ngài còn để lại bộ Tuyên Phong Ngữ Lục (鐫峯語錄) gồm mười quyển, và rất nhiều các bài thi kệ được chép trong các bộ Tịnh Từ Tự Chí, Đài Sơn Phạm Hương v.v...

thuyết đặt ra. Ngài xuất gia, khùng khùng điên điên, quý vị nghĩ Ngài là hòa thượng phá giới. Thật ra, Ngài ngầm hành Bồ Tát hạnh, quý vị hoàn toàn chẳng biết. Do vậy, quý vị chỉ nên cung kính Tam Bảo, đừng nên so đo vị ấy phạm giới chi đó, [chuyện đó] đối với quý vị chẳng liên quan chi hết, người thọ báo là vị ấy. Hãy coi vị ấy là thánh tăng, coi hết thấy chúng sanh đều là Phật, coi như Bồ Tát. Câu chuyện về Tô Đông Pha và thiền sư Phật Ấn⁵⁹ cũng là như vậy. Quý vị dùng Phật Tánh, sẽ thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật. Nhưng người nhìn được như thế rất ít, khi quán tưởng, vẫn chẳng thể quán được như vậy.

(Kinh) Phục thứ Đại Phạm! Nhược hữu y ngã nhi xuất gia giả, phạm giới, ác hạnh, nội hoài hủ bại, như uế oa loa, thật phi sa-môn, tự xưng sa-môn, thật phi phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh, hằng vị chúng chúng phiền não sở thắng, bại hoại khuynh phúc. Như thị bát-sô, tuy phá cấm giới, hành chư ác hạnh, nhi vị nhất thiết thiên, long, Dược Xoa, Kiện Đạt Phục, A Tổ Lạc, Yết Lộ Đồ, Khẩn Nại Lạc, Mạc Hồ Lạc Già, nhân phi nhân đẳng, tác thiện tri thức, thị đạo vô lượng công đức phục tạng. Như thị bát-sô, tuy phi pháp khí, nhi thể tu phát, bị phục ca-sa, tấn chỉ oai nghi, đồng chư hiền thánh. Nhân kiến bỉ cố, vô lượng hữu tình chúng chúng thiện căn, giai đắc sanh trưởng, hựu

⁵⁹ Ngài Phật Ấn (1032-1098) là một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn nhà Thiền, pháp hiệu Liễu Nguyên, pháp tự Giác Lão. Ngài cũng có công chấn hưng Tịnh Độ, từng làm xã chủ của Thanh Tùng Xã, chuyên hướng dẫn các xã viên tu Tịnh Độ. Tống Thần Tông đã ban kim bát để tuyên dương phẩm đức của Ngài. Khi Ngài ở chùa Kim Sơn, từng làm bạn thân của Tô Đông Pha. Theo Kim Sơn Tự Chí, khi Tô Đông Pha đấu đá với Tư Mã Quang trong triều đình bị thất thế, bị biếm về Qua Châu. Họ Tô nghe nói ở Qua Châu có một vị hòa thượng rất nổi tiếng là Phật Ấn, bèn đến gặp. Ông ta khoe tài kinh luân, nói thao thao bất tuyệt cả buổi, bàn luận quốc sách, đông tây kim cổ, Phật Ấn chỉ lẳng lặng chăm chú nghe. Tô Đông Pha trong tâm khinh thường Phật Ấn chỉ mang cái danh hão, chẳng hiểu biết gì. Phật Ấn hỏi Tô Đông Pha: “Ngài thấy lão nạp là người như thế nào?” Tô Đông Pha khinh bỉ đáp: “Người chỉ có tiếng hão, vờ vĩnh cao sâu, chẳng có bản lĩnh thật học, chỉ lừa gạt người khác mà thôi”. Phật Ấn mỉm cười, chẳng nói gì. Tô Đông Pha càng thêm vênh váo, hỏi ngược: “Nhà sư thấy ta ra sao?” Sư đáp: “Ngài là bậc đại học sĩ, rất có học vấn, có tu dưỡng, lão nạp tự thẹn chẳng bằng”. Khi về nhà, Tô Đông Pha càng thêm đắc ý, khoe khoang với cô em gái là Tô Tiêu Muội. Cô em nghe xong, cười sặc cả cơm: “Anh gièm chê hòa thượng hết lời, Ngài chẳng giận mà còn tán dương anh, anh nói xem ai là người tu dưỡng? Ai có học vấn thật sự? Thật xấu hổ là anh chẳng hiểu biết gì hết mà vẫn cứ nhờn nhờn đắc ý”.

năng khai thị vô lượng hữu tình thiện thú, sanh thiên, Niết Bàn chánh lộ.

(經)復次大梵！若有依我而出家者，犯戒惡行，內懷腐敗，如穢蝸螺，實非沙門，自稱沙門，實非梵行，自稱梵行，恆為種種煩惱所勝，敗壞傾覆。如是苾芻，雖破禁戒，行諸惡行，而為一切天、龍、藥叉、健達縛、阿素洛、揭路荼、緊捺洛、莫呼洛伽，人非人等，作善知識，示導無量功德伏藏。如是苾芻，雖非法器，而剃鬚發，被服袈裟，進止威儀同諸賢聖。因見彼故，無量有情種種善根，皆得生長，又能開示無量有情善趣、生天、涅槃正路。

(Kinh: Lại này Đại Phạm! Nếu có kẻ nương theo ta xuất gia mà phạm giới, ác hạnh, trong tâm thói nát, như con ốc sên bản thủ, thật chẳng phải là sa-môn, tự xưng là sa-môn, thật chẳng phải là phạm hạnh, tự xưng là phạm hạnh, luôn bị các thứ phiền não không chế, bại hoại, khuynh đảo. Bất-sô như thế tuy phá giới cấm, làm các hạnh ác, nhưng là thiện tri thức cho hết thấy trời, rồng, Dược Xoa, Kiện Đạt Phước (Cà Thát Bà), A Tô Lạc (A Tu La), Yết Lộ Đồ (Ca Lô La), Khẩn Nại Lạc (Khẩn Na La), Mạc Hồ Lạc Già (Ma Hầu La Già), nhân phi nhân v.v... chỉ dạy vô lượng kho tàng công đức. Bất-sô như thế tuy chẳng phải là pháp khí, nhưng cạo râu tóc, khoác đấp ca-sa, oai nghi lui tới giống như bậc hiền thánh. Do vì thấy người đó, các thứ thiện căn của vô lượng hữu tình đều được sanh trưởng, lại còn có thể khai thị cho vô lượng hữu tình con đường chánh đáng để tiến đến đường lành, sanh lên trời, chứng đắc Niết Bàn).

Nếu có những kẻ nương theo ta xuất gia, phạm giới, ác hạnh, phạm gì vậy? Giống như con ốc sên, tuy họ tạo những nghiệp như vậy, quý vị cũng chớ nên coi thường họ. Họ có thể chỉ dạy kho báu vô lượng công đức. Những vị tỳ-kheo ấy tuy không phải là pháp khí, chẳng phải là một dụng cụ rất tốt để chứa đựng pháp. Một cái bát tốt đẹp sẽ chứa đựng thức ăn, đựng thức ăn tốt nhất. Hết thấy người xuất gia hoặc tứ chúng đệ tử, đều là dụng cụ chứa đựng pháp, đều chứa đựng hết thấy các pháp do đức Phật đã dạy.

Tuy những kẻ [được nói trong đoạn chánh kinh trên đây] chẳng phải là pháp khí rất tốt, nhưng họ cạo bỏ râu tóc, khoác ca-sa, cử chỉ oai

nghe vẫn giống như bậc hiền thánh, “*đồng chư hiền thánh*”. Vì hết thấy vô lượng hữu tình trông thấy họ, sẽ có thể sanh trưởng thiện nghiệp. Huống hồ những kẻ xuất gia được mấy bữa, tẻ lắm thì cũng biết nói mấy câu Phật pháp. Lại còn có thể khai thị vô lượng hữu tình, “*thiện thú, sanh thiên, Niết Bàn chánh lộ*” (con đường chánh đáng để hướng đến đường lành, sanh lên trời, chúng đắc Niết Bàn).

Tuy bản thân họ chẳng tu hành, nhưng họ nói với quý vị làm thế nào để tín ngưỡng Tam Bảo, tu hành như thế nào, cung kính như thế nào, bố thí như thế nào? Do vậy, mọi người đối với ngoại đạo, đối với tà sư, chẳng sanh ra cảm giác sợ hãi. Nếu quý vị sợ hãi, hãy đối trước Phật, Bồ Tát, đối trước kinh sách lễ bái là được rồi, sẽ có thể tránh khỏi tà vạy. Chỉ cần quý vị tâm chánh, có chánh tri, chánh kiến, tà kiến sẽ chẳng thể xâm nhập!

(Kinh) Thị cố, y ngã nhi xuất gia giả, nhược trì giới, nhược phá giới, hạ chí vô giới, ngã thượng bất hứa Chuyển Luân thánh vương, cập dư quốc vương, chư đại thần đẳng, y tục chánh pháp, dĩ tiên, trượng đẳng, chủy khẩu kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng, huống y phi pháp! Đại Phạm! Như thị phá giới ác hạnh bất-sô, tuy ư ngã pháp Tỳ Nại Da trung, danh vi tử thi, nhi hữu xuất gia giới đức dư thế, thí như ngu, xạ, thân mạng chung hậu, tuy thị vô thức bàng sanh tử thi, nhi ngu hữu hoàng, nhi xạ hữu hương, năng vi vô lượng vô biên hữu tình tác đại nhiều ích. Phá giới bất-sô diệt phục như thị, tuy ư ngã pháp Tỳ Nại Da trung, danh vi tử thi, nhi hữu xuất gia giới đức dư thế, năng vi vô lượng vô biên hữu tình tác đại nhiều ích.

(經)是故，依我而出家者，若持戒，若破戒，下至無戒，我尚不許轉輪聖王，及餘國王、諸大臣等，依俗正法，以鞭杖等，捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命，況依非法！大梵！如是破戒惡行苾芻，雖於我法毗奈耶中，名為死尸，而有出家戒德餘勢。譬如牛麝，身命終後，雖是無識傍生死尸，而牛有黃，而麝有香，能為無量無邊有情作大饒益。破戒苾芻亦復如是，雖於我法毗奈耶中，名為死尸，而有出家戒德餘勢，能為無量無邊有情作大饒益。

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 1

(Kinh: Vì thế, kẻ nương theo ta xuất gia, dù trì giới, hay phá giới, thậm chí chẳng có giới, ta còn chẳng chấp thuận Chuyển Luân thánh vương và các quốc vương khác, các đại thần v.v... nương theo chánh pháp của thế tục, dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân họ, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng họ, huông hồ là kẻ vâng theo phi pháp! Nay Đại Phạm! Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, tuy gọi là “xác chết” trong Tỳ Nại Da nơi pháp của ta, nhưng còn sót lại thể lực giới đức của hàng xuất gia, ví như bò và hươu xạ, sau khi thân mạng chết đi, tuy là xác chết của loài bàng sanh không còn hay biết gì, nhưng bò thì có ngưu hoàng, hươu xạ thì có xạ hương, có thể tạo lợi ích to lớn cho vô lượng, vô biên hữu tình. Bất-sô phá giới cũng giống như thế, tuy được gọi là “xác chết” trong Tỳ Nại Da nơi pháp của ta, do có thể lực giới đức còn sót lại của bậc xuất gia, bèn có thể tạo lợi ích to lớn cho vô lượng, vô biên hữu tình).

Do duyên có này, phàm là kẻ nương theo ta xuất gia, bất luận là trì giới hay phá giới, thậm chí kẻ chẳng có giới gì, ta đều chẳng chấp thuận Chuyển Luân thánh vương và các hàng quốc vương khác, các đại thần v.v... “*y tục chánh pháp*” tức là dùng pháp luật thế gian để đánh đập, tra khảo, cho đến dùng roi, gậy quất họ. “*Hoặc bế lao ngục, hoặc phục hạ ma, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng, huông y phi pháp*” (Hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng họ, huông hồ nương theo phi pháp): Phi pháp lại càng chẳng được, càng phạm tội! “*Đại Phạm! Như thị phá giới ác hạnh bất-sô, tuy ư ngã pháp Tỳ Nại Da, danh vi tử thi*” (Nay Đại Phạm! Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, tuy trong Tỳ Nại Da nơi pháp của ta, được gọi là “xác chết”): Trong Phật giáo chúng ta, nếu phá bốn căn bản giới, “*giết, trộm, dâm, dối*” là bốn căn bản giới, phá bốn căn bản giới thì gọi là “*tử thi*” (xác chết). Giới tỳ-kheo có bảy tụ pháp. Trong tự điển, danh xưng của bảy tụ không phiên dịch, nhưng từ nội dung có thể biết được đôi chút. Bảy tụ pháp gọi bốn giới căn bản là Tứ Ba La Di Pháp, tức là Khí Tội (棄罪, tội khiến cho người phạm phải, sẽ đáng bị vứt bỏ ra ngoài Tăng đoàn), đáng bị đuổi ra ngoài biển cả của Phật, trục xuất khỏi Phật giáo, thì gọi là Ba La Di pháp (Pārājikuddeso). Trong giới tỳ-kheo. Tội này chẳng cho phép sám hối.

Tuân theo pháp Đại Thừa, như chúng ta lạy Địa Tạng Sám, hoặc lạy Đại Bi Sám, Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Sám, vẫn có thể sám hối, nhưng sau khi sám hối, ắt cần phải thấy hảo tướng. Quý vị bái sám

thầy Địa Tạng Bồ Tát, bái Quán Âm sám, hay bái Đại Bi sám mà thầy Quán Thế Âm Bồ Tát, tội của quý vị sẽ thanh tịnh. Nhưng trong giới luật, giới tỳ-kheo chẳng thể sám hối [bằng cách tự lạy sám pháp, cầu hảo tướng]. Khi muốn sám hối, vẫn phải đối trước đại chúng tăng, [phải được] hai mươi vị Tăng thanh tịnh bảo quý vị: “Ông đã sám hối xong”. [Sau đó], tự mình ở một mình, một mình khấu đầu đánh lễ, vâng theo lời đức Phật dạy. Đây cũng là nói theo giới pháp, chuyên nói về tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni. Loại thứ hai là pháp Tăng Tàn. Tăng Tàn (僧殘, Saṃghā-vaśeṣa) có nghĩa là hãy còn một hơi thở, vẫn chưa chết. Đối với vấn đề xử lý, tôi chỉ nói danh từ mà thôi, mọi người biết là được rồi!

Thất Tự Tịnh Giới chuyên nói về tỳ-kheo. Người ấy chẳng hoàn toàn phạm toàn bộ các giới đó, chỉ cần phạm vào bốn căn bản thì Luật Tông đã gọi kẻ đó là “*tử thi*”. “*Tử thi*” nghĩa là giống như xác chết vậy, cũng có nghĩa là đã phạm Khí Tội. “*Hữu xuất gia giới đức dư thế*” (Có thể lực sót lại của giới đức xuất gia): Tuy phá giới, nhưng thuở đầu khi kẻ đó xuất gia, vẫn giữ giới thanh tịnh. Thế lực của việc trì giới thanh tịnh ấy vẫn chưa hoàn toàn mất sạch. Thế lực ấy giống như bò có Ngưu Hoàng. Nếu bò ăn cỏ linh chi, dạ dày của nó tiêu hóa chẳng được, giống như bị ung thư, mọc lên một cái bướu. Trong cái bướu ấy chứa đựng gì vậy? Đó gọi là Ngưu Hoàng (牛黃). Nếu ngựa ăn cỏ linh chi, sẽ gọi là Mã Bảo (馬寶). Nếu chó ăn cỏ linh chi thì gọi là Cẩu Bảo (狗寶), những thứ ấy đều gọi là Bảo.

Cái được gọi là Bảo (寶) ấy có công năng gì? Giải trừ bệnh khổ. Ngưu Hoàng chữa các chứng bệnh bất trị. Cắt một chút Ngưu Hoàng làm thuốc, cho quý vị uống để trừ bệnh. Xạ (麝) là xạ hương (麝香), sau khi con hươu xạ (musk deer) chết đi, tuy đã xả mạng rồi, đã chết, xạ hương vẫn có giá, vẫn là của báu. Tuy bò đã chết, Ngưu Hoàng vẫn là của báu, trọn chẳng phải là con bò nào cũng đều có. Nhưng loại hươu có xạ hương khi sắp chết, liền phình to bụng, cọ sát trên mặt đất cho vỡ ra, khiến cho xạ hương chảy mát, khiến cho thợ săn có muốn lấy, cũng chẳng lấy được!

Nai có lộc nhung (鹿茸). Nếu quý vị săn nó, làm nó bị thương, hoặc giết chết nó, thợ săn phải ôm lấy đầu nó trước. Nếu không, nó sẽ húc đầu vào cây cối. Lộc nhung là máu, nếu máu chảy mát, sẽ chẳng còn có tác dụng nữa. Người ta săn nai là vì nó có nhung. Săn hươu là vì nó có xạ hương. Ngưu Hoàng thì không nhất định, có đôi khi con bò bị bệnh chết, thầy thuốc phán đoán, nói con bò đã chết rồi. Tuy nó có Ngưu

Hoàng, nhưng chủ nhân hoàn toàn không biết, đem chôn nó, hoặc xẻ thịt để ăn, sai mất rồi! Chuyện này cần phải có bác sĩ thú y kết luận.

Sau khi thân mạng kết thúc, tuy là xác chết của loài bàng sanh chẳng có tri giác gì, tuy nó là súc sanh, chẳng có tri giác, chẳng có tri thức, nhưng xác chết của con thú ấy như bò có Nguru Hoàng, hươu xạ có xạ hương, có thể tạo lợi ích to lớn cho vô lượng, vô biên hữu tình, dùng để làm thuốc, có thể chữa trị rất nhiều bệnh tật cho con người. Bất-sô phá giới cũng giống như thế, tuy trong Tỳ Nại Da của Phật pháp được gọi là “tử thi”, nhưng do thế lực của giới đức còn sót lại, có thể tạo lợi ích to lớn cho vô lượng vô biên hữu tình.

(Kinh) Đại Phạm! Thí như cỗ khách, nhập u đại hải, sát bĩ nhất loại vô lượng chúng sanh, khiêu thủ kỳ mục, dữ Mạt Đạt Na quả, hòa hợp đảo sai, thành nhĩn bảo dược. Nhược chư hữu tình mạnh mẽ, vô mục, nãi chí bào thai nhi sanh mạnh mẽ, trì thử bảo dược, đồ bĩ nhĩn trung, sở hoạn giai trừ, đắc minh tịnh mục. Phá giới bất-sô diệt phục như thị, tuy u ngã pháp Tỳ Nại Da trung, danh vi “tử thi”, nhi hữu xuất gia oai nghi hình tướng, năng linh vô lượng, vô biên hữu tình tạm đắc kiến giả, thượng hoạch thanh tịnh trí huệ pháp nhĩn, hưởng năng vị tha tuyên thuyết chánh pháp!

(經)大梵！譬如賈客，入於大海，殺彼一類無量眾生，挑取其目，與末達那果，和合搗篲，成眼寶藥。若諸有情盲冥無目，乃至胞胎而生盲者，持此寶藥，塗彼眼中，所患皆除，得明淨目。破戒苾芻亦復如是，雖於我法毗奈耶中，名為死尸，而有出家威儀形相，能令無量無邊有情暫得見者，尚獲清淨智慧法眼，況能為他宣說正法！

(Kinh: Nay Đại Phạm! Ví như khách buôn vào trong biển cả, giết vô lượng chúng sanh thuộc một loại, khoét lấy mắt chúng, hòa hợp với quả Mạt Đạt Na⁶⁰, nghiền trộn, tạo thành loại thuốc báu cho mắt. Nếu các hữu tình đui mù, không mắt, cho đến kẻ mù từ lúc còn trong bào

⁶⁰ Mạt Đạt Na (Madana), sách Huệ Lâm Âm Nghĩa giảng: “Mạt Đạt Na quả, còn gọi là Ma Đà Na, hoặc Ma Đà La, dịch là Túy Quả, chỉ có ở Tây Vực, cõi này không có. Quả ấy to như quả cau, ăn vào sẽ bị say, có thể dùng làm thuốc”. Tự điển Phật Quang nói đây là loại quả có tên khoa học là Datura Metel, tức họ Cà Độc Dược. Loại này rất độc, có thể gây ảo giác, co giật, thậm chí gây chết người, nên dường như Datura Metel chẳng phải là loại quả làm thuốc đang nói ở đây.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

thai, đem loại thuốc bấu này bôi vào mắt, các bệnh tật đều trừ, được mắt sáng sạch. Bật-sô phá giới cũng giống như thế, tuy bị gọi là “xác chết” nơi Tỳ Nại Da trong pháp của ta, nhưng có hình tướng và oai nghi của bậc xuất gia, có thể khiến cho vô lượng, vô biên hữu tình tạm được trông thấy, còn có thể đạt được pháp nhãn trí huệ thanh tịnh, hướng hồ có thể vì họ tuyên nói chánh pháp).

Trong biển có một loại chúng sanh là loài cá, gã lái buôn ấy đã giết loài chúng sanh ấy để lấy mắt của chúng. Mạt Đạt Na quả, còn gọi là Túy Nhân Quả, nhưng có chất độc. Dùng mắt loại cá ấy, tức là dùng tròng mắt, nghiền chung với loại quả ấy, chế thành thuốc trị bệnh mắt. Có các chúng sanh mù đi, hoặc không có mắt, bị mù từ bé, đều dùng [loại thuốc ấy] được. Thậm chí kẻ sanh manh, tức là từ lúc lọt lòng đã là người mù, đem thuốc bấu ấy bôi cho, kẻ đó sẽ thấy được, tròng mắt liền khôi phục. Tỳ-kheo phá giới cũng giống như vậy. Tuy rằng ở trong pháp Tỳ Nại Da của ta bị gọi là “tử thi”, nhưng kẻ đó có oai nghi và hình tướng xuất gia, có thể khiến cho vô lượng, vô biên hữu tình, đều chỉ tạm thời thấy kẻ đó trong chốc lát, sẽ đều có thể đạt được pháp nhãn trí huệ thanh tịnh! Đây là quý vị gieo thiện căn. Nếu chẳng có nhân duyên ấy, ngay cả hình tướng của tỳ-kheo phá giới cũng chẳng trông thấy, mà cũng chẳng trông thấy người khoác áo ca-sa. Thậm chí công đức do trông thấy như vậy đều là chẳng thể nghĩ bàn. Thật đấy! Tại Đại Lục, trong khoảng thời gian từ 1950 cho đến 1980, quý vị muốn thấy một vị tăng sĩ mặc quần áo xuất gia, sẽ hoàn toàn chẳng thấy!

Tôi nhớ pháp sư Đại Quang là người viết bộ Ảnh Trần Hồi Úc Lục, có kể với tôi: “Tôi đến Thượng Hải liền tác quái”. Tôi hỏi: “Thầy tác quái gì vậy?” Thầy ấy kể: “Tôi mặc áo hậu (áo hải thanh) màu vàng, đắp y ca-sa đỏ, trong tay cầm tích trượng, cũng là tích trượng của Địa Tạng Bồ Tát, đi đến đường Nam Kinh ở bên ngoài của Thượng Hải. Tới đó bèn đi lòng vòng. Người ở đó xúm đen xúm đỏ vây quanh. Ai nấy đều nói đây là quái vật, chẳng biết là thứ gì?” Thế là cảnh sát ủa tới, lôi thầy ấy đi. Vừa thấy thầy ấy là Hoa Kiêu từ Hương Cảng sang, họ liền lập tức trục xuất. Khi đó, nếu có ai mặc y phục hòa thượng thì là phạm pháp. Như vậy mà đã là phạm pháp, hướng hồ còn vì người khác tuyên nói chánh pháp ư? Vị tỳ-kheo phá giới này còn có thể thuyết pháp thì càng tuyệt diệu thay!

(Kinh) Đại Phạm! Thí như thiêu hương, kỳ chất tuy hoại, nhi

khí phân phức, huân tha linh hương. Phá giới bất-sô diệc phục như thị. Do phá giới cố, phi lương phước điền, tuy hằng trú dạ tín thí sở thiêu, thân hoại, mạng chung, đọa tam ác thú, nhi vị vô lượng vô biên hữu tình tác đại nhiều ích, vị giai linh đắc văn u sanh thiên, Niết Bàn hương khí.

(*經*) 大梵！譬如燒香，其質雖壞，而氣芬馥，熏他令香。破戒苾芻亦復如是。由破戒故，非良福田，雖恆晝夜信施所燒，身壞命終，墮三惡趣，而為無量無邊有情作大饒益，謂皆令得聞於生天，涅槃香氣。

(*Kinh*: *Này Đại Phạm! Ví như đốt hương, chất liệu tuy xấu, nhưng mùi thơm ngát, xông những thứ khác khiến cho chúng cũng thơm tho. Bất-sô phá giới cũng giống như thế, do vì phá giới, chẳng phải là ruộng phước tốt lành, tuy ngày đêm luôn bị tín thí thiêu đốt, thân hoại, mạng chung, sẽ đọa vào ba đường ác, nhưng tạo lợi ích to lớn cho vô lượng vô biên hữu tình, tức là đều khiến cho họ được ngửi mùi thơm sanh thiên và Niết Bàn*).

Hương đốt tuy chất liệu xấu, nhưng mùi hương vẫn thơm tho, người bị nhuốm mùi hương cũng có mùi thơm. Tỳ-kheo phá giới cũng giống như vậy. Do vì ông ta phá giới, chẳng phải là ruộng phước tốt lành, nhưng ngày đêm luôn bị thiêu đốt bởi sự cúng dường của tín thí, khi thân hoại, mạng chung, sẽ đọa vào ba ác đạo. Bản thân ông ta do tiếp nhận sự cúng dường của tín thí, sau khi chết, sẽ đọa vào ba ác đạo, đọa vào địa ngục, rơi xuống ba ác đạo, nhưng [lúc còn sống] vẫn có thể tạo lợi ích to lớn cho vô lượng, vô biên hữu tình. Nói cách khác, bản thân ông ta phá giới, [do quả báo phá giới] vẫn phải thọ báo, nhưng ông ta có thể làm chuyện tốt cho hết thầy hữu tình. Về phần hết thầy hữu tình, vẫn có thể được nghe mùi hương sanh thiên và Niết Bàn. Trên thân ông ta có mùi hương, tức là hãy còn mùi hương do trước kia ông ta đã từng thọ giới, giữ giới thanh tịnh.

(*Kinh*) *Thị cố, Đại Phạm! Như thị phá giới, ác hạnh bất-sô, nhất thiết bạch y giai ưng thủ hộ, cung kính cúng dường. Ngã chung bất hứa chur tại gia giả, dĩ tiên, trượng đẳng chủy khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng. Ngã duy hứa bỉ thanh tịnh Tăng chúng, u bố-tát thời, hoặc tự tứ thời, khu tấn linh xuất, nhất thiết cấp thí tứ phương Tăng vật, ẩm thực, tư*

cụ, bất thính thọ dụng. Nhất thiết sa-môn Tỳ Nại Da sự, giai linh khu xuất, bất đắc tại chúng, nhi ngã bất hứa gia kỳ tiên, trượng, hệ phược, đoạn mạng”. Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết tụng viết: “Chiêm Bác Ca hoa tuy ửy tuy, nhi thượng thắng bỉ chư dư hoa. Phá giới ác hạnh chư bất-sô, do thắng nhất thiết ngoại đạo chúng”.

(經)是故，大梵！如是破戒，惡行苾芻，一切白衣皆應守護、恭敬、供養。我終不許諸在家者，以鞭杖等捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命。我唯許彼清淨僧眾，於布薩時，或自恣時，驅擯令出，一切給施四方僧物、飲食、資具，不聽受用。一切沙門毗奈耶事，皆令驅出，不得在眾，而我不許加其鞭杖、繫縛斷命」。爾時，世尊而說頌曰：「瞻博迦華雖萎悴，而尚勝彼諸餘華。破戒惡行諸苾芻，猶勝一切外道眾」。

(Kinh: Vì thế, Đại Phạm! Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, hết thầy kẻ bạch y đều nên thủ hộ, cung kính, cúng dường. Ta trọn chẳng chấp thuận các kẻ tại gia dùng roi, gậy v.v... đánh đập, tra khảo thân thể ông ta, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc giết chết. Ta chỉ cho phép Tăng chúng thanh tịnh vào lúc bố-tát, hoặc lúc tự tứ, xua đuổi [ông ta] ra khỏi Tăng đoàn, chẳng cho phép ông ta thọ dụng hết thầy những vật dụng, thức ăn, đồ dùng cúng thí cho tứ phương Tăng. Đối với hết thầy những chuyện thuộc về Tỳ Nại Da của sa-môn, [ông ta] đều bị đuổi ra [không cho tham dự], chẳng được ở trong chúng, nhưng ta chẳng chấp thuận đối xử với ông ta bằng roi, gậy, trói buộc, hay hại mạng”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng: “Hoa Chiêm Bác Ca tuy tàn héo, vẫn còn hơn các loài hoa khác. Các bất-sô phá giới ác hạnh, vẫn hơn hết thầy kẻ ngoại đạo”).

Cứ đề ông ta hoành hành như vậy thì không được. Tăng chúng sẽ cử hành bố-tát để xử phạt ông ta. Cái được gọi là “bố-tát” (Uposadha, Upavasatha) chính là người xuất gia vào ngày mùng Một và Rằm, tức mỗi nửa tháng phải thuyết giới một lần. Bố-tát chính là thuyết giới. Quý vị treo biển thông báo ở chùa miếu, có khi đề là “bố-tát”, có khi viết là “tụng giới”, tức là lấy giới bản ra đọc một lượt. Sau đó, gọi ông ta ra, đuổi ông ta ra ngoài Tăng đoàn. Phàm có ai cúng dường Tăng chúng, hòa hợp Tăng được hưởng dụng thức ăn, những vật dụng cần dùng cho

cuộc sống, y, đon⁶¹, ông ta sẽ vĩnh viễn chẳng có phần. Nếu mọi người vào lúc tụng giới mỗi nửa tháng, cũng chẳng cho phép ông ta đến đó. Phạm là khi tác pháp Yết Ma, chỉ cần là làm những chuyện thuộc về Luật, sẽ đuổi ông ta ra, chẳng được phép ở trong đại chúng, nhưng đức Phật không cho phép dùng roi, gậy, trói buộc, hoặc đoạn mạng ông ta.

Tuy là phá giới, giống như hoa Chiêm Bặc Ca (Campaka, hoa Chiêm Bặc, Kim Sắc Hoa) ở Ấn Độ bị héo úa, mùi thơm phai nhạt, vẫn hơn hẳn các loại hoa khác. Tuy là tỳ-kheo phá giới, ác tánh, so ra vẫn tốt hơn hết thầy bè lũ ngoại đạo, hết thầy kẻ ác. Điều này có nghĩa là chẳng cho phép người tại gia hủy báng tỳ-kheo. Trước kia, tôi đã thưa với các đạo hữu: “Dẫu tỳ-kheo tội tệ đến mấy, quý vị cũng đừng nên nói lỗi của tứ chúng!” Có các vị đại đức, các vị hòa thượng, cá nhân họ như thế nào, quý vị chẳng cần quản! Đặc biệt là kẻ bạch y (hàng tại gia), quý vị đừng nên bình luận. Người xuất gia có thể nói lỗi của người xuất gia hay không? Một người cũng chẳng thể nói, phải thỉnh đại chúng trực xuất kẻ ấy, cho đến chế định hẳn, tùy thuộc kẻ ấy phạm pháp nào trong Thất Pháp Tụ, đáng là tội gì, đáng xử phạt như thế nào, bèn xử phạt như thế ấy! Nhưng chuyện của Tăng chúng, quý vị là đạo hữu tại gia, hãy coi họ như đệ tử Phật, coi như Tăng Bảo, coi hết thầy các tỳ-kheo đều là thánh tăng. Trong tâm quý vị, họ là thánh tăng, công đức của quý vị chẳng bị mất đi tí nào! Chẳng vì kẻ đó phá giới mà ảnh hưởng tới quý vị! Đức Phật đã dạy rất rõ ràng. Do vậy, mọi người ngàn vạn lần đừng nói lỗi của Tam Bảo. Nếu quý vị khinh rẻ Tăng nhân, hủy báng, đánh chửi, chặt chân tay, quý vị đáng bị quả báo gì, trong phần sau sẽ nói.

Xin các đạo hữu chú ý điểm này: Chuyện này chỉ có thể nói với đệ tử Phật. Kẻ chẳng tin Phật, đương nhiên là họ chẳng tin! Ngay cả vị tỳ-kheo tốt lành, họ còn chẳng thể tin, đâu cần biết quý vị là tỳ-kheo loại nào! Dẫu sao họ chẳng tin quý vị. Giống như xưa kia ở Hương Cảng, nếu sáng sớm mà trông thấy một vị xuất gia cạo đầu, người Quảng Đông sẽ chửi bới, nói họ sẽ bị xui xẻo, hôm nay khỏi cần buôn bán nữa! “Hòa thượng! Mới sáng sớm người đừng mò ra đường!” Hiện thời đã tốt hơn,

⁶¹ Trong từng lâm theo quy củ xưa, trừ các vị chức sự, hay trưởng lão đã cao tuổi có liều phòng riêng để tiện nghỉ ngơi, dưỡng bệnh, còn chư Tăng thanh chúng sẽ chia thành từng chúng, ngủ trong các gian nhà lớn, hoàn toàn không có phòng riêng. Mỗi vị chỉ được kê một tấm ván làm giường vừa đủ để một người nằm. Nếu trở mình không cẩn thận, sẽ rơi ngay xuống đất. Tấm ván ấy được gọi là Đon. Do vậy, nếu gia nhập Tăng đoàn của một ngôi chùa sẽ gọi là “*quái đon*”, khi xin cáo từ ra đi thì gọi là “*trừu đon*” (rút đon).

vì hòa thượng nhiều. Hiện thời làm Phật sự cũng rất nhiều, dần dần họ đã biết. Nếu họ không biết, quý vị cũng chẳng có cách nào hết!

Phần kinh văn kể tiếp rất dài, đều dạy phải tôn kính tỳ-kheo. Đây hoàn toàn chẳng phải là đức Phật bao che khuyết điểm. Hoàn toàn chẳng có nghĩa là đệ tử Phật tệt bại như thế nào đi nữa, quý vị đều phải cung kính, dầu hư hỏng cỡ nào vẫn phải cung kính! Chẳng phải là ý nghĩa ấy. Vì đức Phật thấy rất xa, Ngài có thể thấy vô lượng kiếp trong quá khứ của chúng ta, và cũng thấy vô lượng kiếp trong tương lai. Ngài thấy rất nhiều kẻ vì hủy báng Tam Bảo mà đọa lạc trong tam đồ, do cung kính Tam Bảo mà được vô biên hạnh phúc. Những vị tỳ-kheo chúng ta coi là tốt đẹp, đương nhiên là cung kính. Đối với các vị tỳ-kheo phá giới hư hỏng, chớ nên hủy báng họ, chớ nên tiến hành xử lý họ.

Trong phần trước đã có nói, nếu thấy có các tỳ-kheo, trong tâm liền ưa thích thoát khỏi trần thế, muốn tu tập thanh tịnh trong chôn núi rừng. Vị tỳ-kheo trụ nơi thanh tịnh, tu Định hạnh, nếu gặp gỡ, quý vị có thể sanh trưởng trí huệ. Quý vị giải thích ý nghĩa ấy như thế nào? Vì sao thấy họ sẽ có thể sanh trưởng trí huệ? Thấy họ sẽ có thể đắc Định? Mọi người mỗi ngày gặp tôi, có sanh Định hay không? Có sanh trí huệ hay không? Đây chẳng phải là chuyện trong chốc lát. Quý vị thấy người đó, nếu sanh khởi tâm cung kính đối với Tam Bảo, sẽ có thể dần dần tăng trưởng thiện căn đã gieo trước kia trong đời quá khứ. Vì chúng ta gieo trồng thóc lúa, hoa màu trên đất, được đất và nước vun tưới, giống như chúng ta thấy Tăng Bảo, thấy Pháp Bảo, thấy Phật Bảo, sẽ vun quén [thiện căn] của quý vị một lượt, lại phát triển một lần. Gieo trồng như vậy, lâu ngày, thiện căn tăng trưởng; lâu ngày, quý vị sẽ tự nhiên thành tựu. Từ học Phật cho đến thành đạo, chẳng phải vừa tiếp xúc liền thành, mà là do từ vô lượng kiếp tới nay. Làm ác, tạo tội, chẳng phải là lập tức tạo thành, mà là tích lũy từ nhiều đời, vô lượng kiếp. Nay quý vị muốn tiêu trừ cái tội trong vô lượng kiếp, phải trải qua thời gian tôi luyện rất lâu!

Do vậy, đọc đoạn kinh văn này, sẽ thấu hiểu vì sao đối với tỳ-kheo phá giới, cho đến tỳ-kheo chẳng có phạm hạnh, chúng ta vẫn phải cung kính họ? Đây là như chúng ta thường nói: “*Chẳng nhìn mặt Tăng, cũng phải nhìn mặt Phật*”, có ý nghĩa như vậy đó. Chúng ta thấy họ là đệ tử Phật, [tôn kính họ là] vì chúng ta tôn kính Tam Bảo, tôn kính Phật, có hàm nghĩa như vậy. Nếu quý vị cho rằng: “Rõ ràng biết gã đó rất xấu. Chúng ta thấy hắn khoác một mảnh ca-sa vẫn rất cung kính hắn, chẳng hợp lý cho lắm!” Chẳng phải là ý nghĩa ấy, hoàn toàn chẳng phải là coi

trọng cá nhân ấy! Kẻ đó đã là đệ tử Phật, trong khi hấn chưa có pháp phục, chưa xuống tóc, nếu hấn phạm giới, Tăng đoàn sẽ khai trừ hấn. Kẻ đó chẳng có pháp phục; khi ấy, hấn chẳng phải là đệ tử Phật. Chỉ cần kẻ đó vẫn còn khoác ca-sa, sẽ còn thuộc trong Tăng Bảo. Dầu phạm rất nhiều giới, hay phá giới, gã tỳ-kheo phá giới ấy sẽ chẳng nói cho quý vị biết “ta là tỳ-kheo phá giới”. Hấn sẽ giống trổng, khoa chiêng, tuyên truyền [“ta là tỳ-kheo phá giới”] ư? Quý vị căn bản là chẳng biết hấn phá giới hay không! Do vậy, chỉ cần hấn hiện Tăng tướng, cứ cung kính hấn là được rồi!

Vì sao Luật Tạng dạy phải phát lộ sám hối? Đã có tội thì phải sám hối; nếu giấu giếm, sẽ là lương gạt. Trừ các tội do chính bản thân kẻ đó trót phạm ra, kẻ đó còn phạm thêm tội giấu giếm, lương gạt. Đây là tội càng thêm tội, rất nhiều. Khi sám hối, rất khó sám hối cho thanh tịnh. Quá khứ chúng ta đã có các sai lầm, phạm rất nhiều, nhưng chúng ta chẳng khai ngộ, thậm chí, trong cuộc đời bị bệnh tật, gặp rất nhiều chuyện chẳng vừa ý, người ta xuôi chèo mát mái, còn quý vị trầy trật, trắc trở là do nguyên nhân nào? Từ vô lượng kiếp đến nay, đã làm quá nhiều chuyện. Nhất thời sám hối, vẫn chẳng dễ gì sám hối thanh tịnh. Quý vị ắt cần phải sám hối trong một thời gian rất dài!

(Kinh) Phục thứ Đại Phạm! Hữu ngũ Vô Gian đại tội ác nghiệp. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả, cố tư sát phụ. Nhị giả, cố tư sát mẫu. Tam giả, cố tư sát A La Hán. Tứ giả, đảo kiến phá Thanh Văn Tăng. Ngũ giả, ác tâm xuất Phật thân huyết. Như thị ngũ chủng, danh vi Vô Gian đại tội ác nghiệp. Nhược nhân ư thử ngũ Vô Gian trung, tùy tạo nhất chủng, bất hợp xuất gia, cập thọ Cụ giới. Nhược linh xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, sự tiện phạm tội. Bỉ ung khu tẫn, linh xuất ngã pháp. Như thị chi nhân, dĩ hữu xuất gia oai nghi hình tướng, ngã diệc bất hứa gia kỳ tiên, trượng, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha ma, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng.

(經)復次大梵！有五無間大罪惡業。何等為五？一者、故思殺父。二者、故思殺母。三者、故思殺阿羅漢。四者、倒見破聲聞僧。五者、噁心出佛身血。如是五種，名為無間大罪惡業。若人於此五無間中，隨造一種，不合出家，及受具戒。若令出家，或受具戒，師便犯罪。彼應驅擯，令出我法。如是之人，以有出家威儀形相，我亦不許

加其鞭杖，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命。

(Kinh: Lại này Đại Phạm! Có năm ác nghiệp đại tội Vô Gián. Những gì là năm? Một là cố ý giết cha, hai là cố ý giết mẹ, ba là cố ý giết A La Hán, bốn là do tri kiến điên đảo mà phá Thanh Văn Tăng, năm là do ác tâm làm thân Phật chảy máu. Năm loại như thế gọi là “ác nghiệp đại tội Vô Gián”. Nếu ai tạo bất cứ loại nào trong năm loại Vô Gián ấy, chẳng thích hợp xuất gia và thọ Cụ Túc Giới. Nếu cho phép kẻ đó xuất gia, hoặc thọ Cụ Túc Giới, vị thầy sẽ phạm tội. Kẻ đó đáng nên bị xua đuổi ra ngoài pháp của ta. Người như thế đã có oai nghi và hình tướng xuất gia, ta cũng chẳng cho phép dùng roi, gậy đánh đập, hoặc nhốt vào lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi bới, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng kẻ đó).

Được gọi là Ngũ Vô Gián là năm loại như thế, được gọi chung là “Vô Gián đại tội ác nghiệp”. Nếu trong năm loại tội ấy, kẻ phạm bất cứ một loại nào, chẳng thích hợp để xuất gia, tức là chẳng thân nhận cho hẳn xuất gia, càng chẳng thể cho hẳn thọ Cụ Túc Giới. Khi quý vị sắp xuất gia, vị thầy sẽ hỏi: “Trước khi người xuất gia, đã làm những chuyện gì, có phạm phải những chuyện ấy hay chẳng?” Nếu có phạm chuyện này, thầy sẽ chẳng dám thân nhận quý vị. Còn có kẻ sáu căn chẳng đầy đủ. Hiện thời, trong Phật môn cũng có người mù, người què, người thọt, người bị bệnh thần kinh, những trường hợp ấy đều chẳng thể. Còn có năm loại Bất Nam, cũng là bất nam bất nữ. Hạng người này không được phép xuất gia, quý vị ắt phải thừa thật. Quý vị chẳng nói ra, vị sư phụ cũng chẳng thể kiểm tra, quý vị phải thẳng thắn khai ra. Nếu lòng gạt, chẳng nói, sẽ phạm tội lừa dối. Quý vị trà trộn vào đây, hộ pháp long thiên sẽ gây ra đủ loại chướng ngại nhiều hại quý vị. Chuyện này chẳng thể lừa gạt được! Tới khi quý vị thọ giới, lúc vào giới đàn, [các vị thầy truyền giới] sẽ hỏi các điều “*giá nạn*” (遮難, ngăn chướng), chẳng hạn như Ngũ Vô Gián là “*nạn*”. Còn có rất nhiều điều ngăn trở khiến cho quý vị chẳng thể thọ giới. Như năm loại Bất Nam, bất nam bất nữ, khi ở chung với nam chúng, kẻ đó là nữ, khi ở chung với nữ, kẻ đó là nam. Hoặc nửa nam, nửa nữ, phía trên là dương, phía dưới là âm. Những kẻ giống như vậy đều thuộc vào năm loại Bất Nam. Như thái giám sẽ chẳng thể xuất gia, chẳng thể thân nhận. Vì thế, làm tỳ-kheo rất khó.

Thoạt đầu, nếu trong quá khứ quý vị có tội Ngũ Vô Gián, phải chú ý đến chữ Cố (故). “*Cố tư sát phụ*” (Cố ý giết cha): “*Tư*” (思) là chuẩn

bị, trong ấy bao gồm sát nhân, sát pháp, sát nhân, sát nghiệp (cái nhân (nguyên do) giết, cách giết, người thực hiện hành động giết, và nghiệp giết), ắt phải đoạn mạng căn. Hễ chết rồi thì mới tính, tội ấy đã thành lập. Nếu chẳng phải là cố ý, vô tâm, thì là chẳng phạm căn bản giới, là tương tự tội (tội ngộ sát), đó là tương tự tội. Do vậy, phía trước các tội giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, đều có chữ Cố. Ba loại tội ấy đều có chữ Cố, tức là cố ý. Hữu tâm, thậm chí bày mưu tính kế, ba loại ấy [kết tội] như thế đó. “*Đạo kiến phá Thanh Văn Tăng*” (Tri kiến điên đảo phá Thanh Văn Tăng): Tri kiến điên đảo, chẳng phải là chánh tri, chánh kiến, tà tri, tà kiến điên đảo, phá hòa hợp Tăng, chia rẽ Tăng chúng vốn là một thành hai nhóm. Chẳng hạn như trong chùa chúng ta có ba mươi người xuất gia, quý vị chọc ngoáy ly gián, xé vụn thành từng nhóm từ ba người trở lên, đấy chính là phá hòa hợp chúng. Châm ngòi ly gián một người thì không tính. Nếu châm ngòi cho bảy tám người tách rời, sẽ là phá hòa hợp Tăng. Khi mọi người cùng nhau hòa hợp tu đạo, quý vị phá hoại, thì gọi là “*phá hòa hợp Tăng*”. Chuyện này chỉ giới hạn trong chúng Thanh Văn. Ác tâm làm thân Phật chảy máu, ác tâm là có tâm hủy báng, thậm chí có phẫn, có sân. Những tâm ấy đều coi như là ác tâm. Làm thân Phật chảy máu chỉ là khi đức Phật còn tại thế.

Có đạo hữu hỏi tôi: Tượng Phật vẽ trên giấy, do chúng ta chẳng chú ý, khiến cho bị xé rách, hủy hoại, hoặc được treo ở đó, khi quý vị lấy xuống, đã làm rách, như vậy thì có tính là “*làm thân Phật chảy máu*” hay không? Như thế thì chẳng tính, chỉ có thể tính là lỗi làm nhẹ ít. Chỉ có thể tính là không tôn trọng cho lắm, chỉ có thể tính như vậy. Chẳng thể tính là làm thân Phật chảy máu, vì tượng giấy chẳng thể chảy máu. Tượng bằng đất nặn hay gỗ khắc có chảy máu hay không? Chẳng có máu, đó là nói về cảnh hiện tiền, là cảnh chân thật. Như thế thì mới tính là tội Ngũ Nghịch. Đó gọi là Ngũ Vô Gián đại tội. Vô Gián (無間) là chịu khổ chẳng gián đoạn, chịu khổ chưa hề ngưng dứt. Khi quý vị sắp mạng chung, lúc vào địa ngục chẳng gián đoạn tí nào, rất u là nhanh.

Đối với năm loại ấy, hễ phạm một loại nào, cũng đều chẳng được phép xuất gia. Ngay cả xuất thế tục gia cũng chẳng thể, càng chẳng được phép thọ giới. Thọ Cụ Túc Giới, cũng tức là hai trăm năm mươi giới của tỳ-kheo. Giả sử vị sư phụ nào cho kẻ đó xuất gia, hoặc là cho kẻ đó thọ Cụ Túc Giới, vị sư phụ ấy đã phạm tội. Nếu thấu nhận kẻ đó, bản thân vị sư phụ ấy phạm tội, vậy thì các đồ chúng do ông ta đã thấu nhận thì sao? Phải đuổi những kẻ có đủ các thứ giá nạn ra ngoài Tăng đoàn, chẳng thể giữ họ lại trong Tăng đoàn, phải xua đuổi họ ra khỏi Phật giáo, chẳng

thâu nhận vào Phật pháp. Nói tỷ dụ thì giống như tử thi chết chìm trong biển, sóng biển nhất định sẽ đẩy nó lên bờ. Biển chẳng dung nạp tử thi, biển Phật pháp chẳng dung kẻ phá giới.

Còn như những kẻ phạm tội Ngũ Vô Giá, sư phụ vẫn thâu nhận kẻ đó, vẫn cho hắn thọ Cụ Túc Giới. Hắn vẫn chưa bị khai trừ, vẫn trà trộn trong số các vị xuất gia. Kẻ đó có oai nghi và hình tướng xuất gia, đã thọ Cụ Túc Giới, vẫn còn đắp y, chứ áo hậu (áo hải thanh) không tính là gì cả. Áo hậu là trang phục của người Hán. [Trái các đời] Hán, Đường, Tống, Minh đều là như vậy. Bất quá túi áo chẳng may to như vậy, tay áo cũng chẳng rộng như vậy, [khi may thành lễ phục cho tăng sĩ và cư sĩ đã] hơi tăng thêm đôi chút. Vào thời ấy (khi đức Phật giảng kinh Đại Tập Thập Luân), Ngài nói đến cái y (ca-sa); hiện thời, y cũng bị sửa đổi rồi! Có những người nói: “Xã hội đã biến hóa, phải nên thay đổi”. Hiện thời, [y ca-sa] có khoen và móc là từ Trung Hoa mà ra. Kiểu cách đó vốn từ Ấn Độ cũng là như vậy. Hiện thời, người Ấn Độ mặc y phục vẫn là như vậy. Ở đây, chúng ta có rất nhiều người Ấn Độ, quý vị thấy nam nữ hễ [mặc y phục truyền thống] sẽ vắt vạt áo chùng lên như thế đó.

Kẻ đó trọn đủ oai nghi của người xuất gia. Oai nghi của người xuất gia có bao nhiêu? Ba ngàn! Từ xưa đã hình dung oai nghi xuất gia: Nếu quý vị lên chánh điện, hoặc lúc đi đường, mắt chẳng nhìn về phía trước quá năm thước⁶². Nếu xoay đầu nhìn Đông ngó Tây, giống như lắc trống bỏi⁶³ thì không được rồi, đã phạm vào oai nghi! Đi đường có hạn chế nhất định, những điều này đều phải học. Thậm chí trong lúc dùng cơm, chẳng giống như chúng ta. Bới bát cơm như thế nào, cầm đũa ra sao, khi ăn phải ăn như thế nào, đặc biệt là trong khi ăn, nếu nhai chóp chếp là không được!

⁶² Thước ở đây là thước Tàu (xích, 呎), độ dài thay đổi xê xích tùy theo triều đại, nhưng không quá 33 cm.

⁶³ Trống bỏi (波浪鼓, ba lăng cổ) vốn là một loại trống nhỏ có thể cầm trên tay, tang trống rất nhỏ. Trống có hai mặt, có cán, hai bên tang trống buộc hai sợi dây buộc một hòn gỗ hoặc sỏi để khi lắc, hòn gỗ/sỏi đập vào mặt trống, sẽ phát ra tiếng. Loại trống này thường dùng cho trẻ con chơi, hay dành cho thợ nhuộm dùng để rao hàng. Mật Tông Tây Tạng cũng dùng một loại trống bỏi không có cán, eo thắt, thường gắn thêm đuôi bằng các giải vải thêu thùa nhiều màu sắc sỡ, gọi là Damaru để lắc chung với Kim Cang linh (Dril-bu) trong khi tụng niệm, hoặc khi tăng sĩ múa các điệu vũ Dakini hay các bài Kim Cang Vũ khác. Loại trống lớn hơn gọi là Chod drum cũng là hình thức trống bỏi.

Khi tôi ở Cổ Sơn, lúc quá đường (過堂, dùng bữa trưa) có hơn một ngàn người. Từ cửa trai đường bước vào, quý vị chẳng nghe thấy trong ấy có chút âm thanh nào. Trong ấy còn chẳng có tiếng đũa, bát, ngay cả tiếng nhai cơm cũng chẳng có, đâu có giống như một ngàn tám trăm người đang ăn cơm tại đó. Quý vị còn chẳng biết trong ấy có nhiều người đến thế! Khi đó, tôi vừa mới đến Cổ Sơn, tôi nói ngôi chùa này to ngàn ấy, sao lại vắng tanh thế này, vừa bước vào, còn có đôi chút cảm giác hoảng sợ. Đi trên hành lang cũng chẳng thấy một ai. Đến khi nghe tiếng bang⁶⁴, khi lên đại điện, ở mỗi cửa nhỏ, thoạt nhìn rất hẹp, đều có người xuất gia đứng. Lúc đó, cùng ở đấy có hơn tám trăm bảy mươi vị xuất gia, còn có hơn một ngàn vị tịnh nhân. Tịnh nhân (淨人) là người phục vụ trong chùa miếu, lo làm vườn, chăm nom vườn trái cây, dường như là ai nấy đều trọn đủ oai nghi của người xuất gia.

Quý vị làm tịnh nhân trong chùa, sẽ trọn đủ oai nghi. Chỉ cần vào chùa, sẽ chẳng giống với thế tục. Bất quá, hiện thời cũng tiến bộ rồi! [Người hiện thời cho rằng] những thứ đó đều chẳng cần nữa, cảm thấy quá rườm rà. Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh ràng buộc mỗi cá nhân trở thành hình dạng như thế đó.

Vào thời ấy, Tăng chúng sống trong chùa cũng chẳng cảm thấy [trói buộc gì], đã thành thói quen rồi. Từ khi thọ giới, một mực ở trong tùng lâm cho đến chùa lớn. Quý vị xuất gia, nhất định phải sống trong tùng lâm mới biết hình tướng oai nghi. Chỉ cần kẻ đó có hình tướng oai nghi, bất luận trong quá khứ hẳn đã phạm tội Ngũ Nghịch, thậm chí hẳn trà trộn trong Tăng chúng, hễ còn chưa bị trục xuất, đều chẳng nên trách phạt, quát đánh, hoặc giam cầm trong lao ngục, hoặc là chửi mắng, hoặc là cắt chặt tứ chi, hoặc là giết chết, những điều ấy đều chẳng thể! Dầu là chúng sanh trong quá khứ mắc tội Ngũ Vô Gian trà trộn vào Phật môn thì cũng đều chẳng thể!

Hôm nay, có đạo hữu hỏi tôi: “Giả sử biết người đó là kẻ phạm tội Ngũ Nghịch, tôi chẳng sanh tâm cung kính đối với hắn được!” Quý vị chớ nên sanh [cái tâm ấy], hãy nên sám hối. Vì tâm quý vị chẳng phải là Phật tâm, chẳng phải là Tam Bảo tâm. Quý vị gặp Tam Bảo, lẽ đâu

⁶⁴ Bang (梆), còn gọi là Ngưu Bang, là một dụng cụ báo hiệu trong trai đường của các đại tùng lâm, thường là gỗ đẽo thành hình một con cá lớn (hàm ý luôn tỉnh thức vì cá ngừ vẫn mở mắt). Khi cơm nước đã chuẩn bị ổn thỏa, vị Tăng trực nhật sẽ đánh ba hồi bang để Tăng chúng xếp hàng vào trai đường thọ trai. Có nơi còn dùng kèm thêm một bản và báo chung.

chẳng thể sanh khởi tín tâm? Quý vị nghĩ kẻ đó phá giới, chỉ cần kẻ đó có Tăng tướng, chúng ta thấy vị sư phụ này tốt lắm, bản thân vị sư phụ ấy cũng cảm thấy tốt lắm. Nhưng kẻ đó phạm các giới thuộc vi tế hạnh, long, thiên, quỷ thần đều biết cả, thậm chí [kẻ đó] còn chưa biết chính mình phạm giới! Trước nay chưa hề học giới, làm sao biết là phạm giới cho nôi? Tuy là như vậy, long, thiên, quỷ thần vẫn cung kính kẻ đó.

(Kinh) Phục hữu tứ chủng, cận Ngũ Vô Gian đại tội ác nghiệp căn bản chi tội. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, khởi bất thiện tâm, sát hại Độc Giác, thị sát sanh mạng đại tội ác nghiệp căn bản chi tội. Nhị giả, dâm A La Hán, bất-sô-ni Tăng, thị dục tà hạnh đại tội ác nghiệp căn bản chi tội. Tam giả, xâm tổn sở thí Tam Bảo tài vật, thị bất dữ thủ đại tội ác nghiệp căn bản chi tội. Tứ giả, đảo kiến phá hoại hòa hợp Tăng chúng, thị hư cuồng ngữ đại tội ác nghiệp căn bản chi tội.

(經)復有四種，近五無間大罪惡業根本之罪。何等為四？一者、起不善心，殺害獨覺，是殺生命大罪惡業根本之罪。二者、姪阿羅漢、苾芻尼僧，是欲邪行大罪惡業根本之罪。三者、侵損所施三寶財物，是不與取大罪惡業根本之罪。四者、倒見破壞和合僧眾，是虛誑語大罪惡業根本之罪。

(Kinh: Lại có bốn thứ là tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp, gần với Ngũ Vô Gian. Những gì là bốn? Một là dấy tâm bất thiện, sát hại Độc Giác, đó là tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp “sát sanh”. Hai là dâm uế A La Hán, bất-sô-ni Tăng, đó là tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp “tà hạnh dâm dục”. Ba là xâm phạm, tổn hại tài vật cúng thí cho Tam Bảo, đây là tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp “chẳng cho mà lấy”. Bốn là tri kiến điên đảo phá hoại Tăng chúng hòa hợp. Đó là tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp “nói lời hư dối”).

Đây là nói về Cận Ngũ Vô Gian Tội, hoàn toàn chẳng phạm tội nặng như tội Vô Gian. Cận Ngũ Vô Gian Tội có bốn thứ:

1) Loại thứ nhất, khởi tâm bất thiện, sát hại Độc Giác. Tâm bất thiện dấy lên ác tâm. Dấy lên ác tâm sát hại Độc Giác. Độc Giác là khi chẳng có Phật xuất thế, Ngài ở trong rừng núi vắng lặng tu hành, chứng đắc quả Độc Giác, tức là chứng đắc quả vị Độc Giác trong Nhị Thừa. Vì không có Phật xuất thế, Ngài tự khai ngộ chứng đạo, cho nên gọi là Độc

Giác. Có Phật xuất thế thì gọi là Duyên Giác, do nương vào mười hai pháp nhân duyên mà giác ngộ. Sát hại [Độc Giác] thì là Cận Ngũ Vô Giá, chưa tính là năm tội Vô Giá! Thế nhưng, đây là tội sát sanh, là tội căn bản đại ác nghiệp, chẳng tính là tội Vô Giá.

2) Hai là dâm uế A La Hán, bất-sô-ni Tăng, bất luận vị ấy có biết hay không. Đây là tội Cận Vô Giá, cũng là tội đại ác.

3) Ba là xâm phạm, tổn hại vật dụng thuộc thường trụ Tam Bảo, hoặc vật được thí cho thường trụ Tam Bảo. Đây là tội đại ác “*chẳng cho mà lấy*”.

4) Bốn là tri kiến điên đảo phá hòa hợp Tăng. Điên đảo tri kiến phá hòa hợp Tăng chỉ là tạo tội từ nơi ngôn ngữ của kẻ ấy. Đối với cả hai đấng, đều khuấy động thị phi, chỉ tính gộp trong ác ngữ và hư cuồng ngữ (nói lời lừa gạt), dính líu đến giới vọng ngữ.

Đây là bốn giới căn bản “*giết, trộm, dâm, dối*”.

(Kinh) Nhược nhân u thử tứ Cận Vô Giá đại tội ác nghiệp căn bản tội trung, tùy phạm nhất chủng, bất hợp xuất gia, cập thọ Cụ giới. Nhược linh xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, sự tiện đắc tội. Bỉ ưng khu tất, linh xuất ngã pháp. Như thị chi nhân, dĩ hữu xuất gia, cập thọ Cụ giới oai nghi hình tướng, ngã diệc bất hứa gia kỳ tiên, trượng, hoặc bê lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng.

(經)若人於此四近無間大罪惡業根本罪中，隨犯一種，不合出家，及受具戒。若令出家，或受具戒，師便得罪。彼應驅擯，令出我法。如是之人，以有出家，及受具戒威儀形相，我亦不許加其鞭杖，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命。

(Kinh: Nếu ai phạm bất cứ loại nào trong bốn tội căn bản thuộc về đại tội ác nghiệp Cận Vô Giá này, chẳng thích hợp xuất gia và thọ Cụ Túc Giới. Nếu cho kẻ ấy xuất gia hoặc thọ Cụ Túc Giới, vị thầy sẽ mắc tội. Kẻ đó đáng nên bị trục xuất, đuổi ra khỏi pháp của ta. Người như thế, nếu đã có oai nghi hình tướng xuất gia và thọ giới Cụ Túc, ta cũng chẳng cho dùng roi, gậy đánh đập, hoặc giam vào tù ngục, hoặc lại quả trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc giết chết).

Kẻ phá bốn loại giới căn bản, cũng là kẻ phạm tội căn bản, tội to tày trời, bất quá chẳng phải là Ngũ Vô Giá, mà là Cận Vô Giá. Bốn

loại ấy, hề phạm bất cứ loại nào, sư phụ chẳng thể thâm nhận kẻ đó. Nếu lúc gạn hỏi giá nạn, “người có giết thánh nhân hay không?” Điều này bao gồm các vị thuộc Nhị Thừa, tức Thanh Văn và Duyên Giác, kẻ đó thừa “*chẳng có*”. Chính hấn cũng chẳng biết người bị hấn giết chết có phải là thánh nhân hay không? Làm sao hấn biết nổi! La Hán và Độc Giác sẽ chẳng nói: “Ta đã chứng Độc Giác”. Mọi người đọc kinh Kim Cang sẽ biết ngay. Ngài Tu Bồ Đề nói: “*Chúng vô sở chứng*” (Chúng cái chẳng có gì để chứng). Hiểu đạo lý này là được rồi! Tuy các tội đó là tội căn bản, vẫn chẳng thể xuất gia. Đó là tội căn bản, chẳng phải là tội Vô Gián.

Kẻ phạm bốn đại tội ác, cũng chẳng thể xuất gia. Đó gọi là “*phạm tứ căn bản*”. Giết, trộm, dâm, dối là phạm vào tánh tội, người ấy chưa xuất gia, còn chưa thọ giới, chẳng phạm giá tội (遮罪)⁶⁵. Nếu đã xuất gia, lại thọ giới tỳ-kheo, hai đẳng trên đều phạm, [tức là] tánh tội lẫn giá tội đều phạm. Rõ ràng biết là đã phạm tội, quý vị còn mong thọ giới, tội thêm một bậc nữa, tự chuốc lấy khổ. Quý vị đọa địa ngục, hoặc là chịu cả hai tầng xử phạt, thời gian càng dài hơn! Giả sử vị sư phụ thâm nhận kẻ đó xuất gia, ngay từ đầu kẻ đó đã lường gạt sư phụ, căn bản là sư phụ của hấn không biết. Về sau, điều tra ra, vị sư phụ ấy phạm tội Đột Cát La (突吉羅, Duṣkṛta, Ác Tác), hướng về mọi người sám hối. Vị thầy ấy được chấp thuận sám hối. Sau đó, đuổi đồ đệ đi, chẳng thể dung nạp trong Phật pháp được. Tội nhân trọn có đủ bốn món đại ác ấy đã trà trộn vào hàng ngũ xuất gia, đức Phật cũng chẳng chấp thuận đánh đập hấn, cho đến chửi mắng, chặt chân tay, đoạn mạng của hấn.

(Kinh) Như thị hoặc hữu thị căn bản tội, phi Vô Gián tội. Hữu Vô Gián tội, phi căn bản tội. Hữu căn bản tội, diệc Vô Gián tội. Hữu phi căn bản tội, diệc phi Vô Gián tội. Hà đẳng danh vi thị căn bản tội, diệc Vô Gián tội? Vị ngã pháp trung, tiên dĩ xuất gia, thọ Cụ Giới giả, cố tư sát tha, dĩ đao cứu cánh kiến Đế nhân đẳng. Như thị danh vi thị căn bản tội, diệc Vô Gián tội. Thử u ngã pháp Tỳ Nại Da trung, ung tốc khu tấn.

⁶⁵ “*Tánh tội*” là những tội có bản chất đã ác. Hễ vi phạm sẽ mắc tội báo, như giết, trộm, dâm, dối v.v... “*Giá tội*” là những tội chế định để ngăn ngừa nhân duyên khiến cho người ấy phạm tánh tội (như giới uống rượu vì người uống rượu sẽ loạn tâm. Tuy vậy, Câu Xá Luận coi uống rượu là tánh tội), hoặc những giới chế định ngăn ngừa sự gièm chê hoặc hiềm nghi của thế gian.

(*Kinh*)如是或有是根本罪，非無間罪。有無間罪，非根本罪。有根本罪，亦無間罪。有非根本罪，亦非無間罪。何等名為是根本罪，亦無間罪？謂我法中，先已出家，受具戒者，故思殺他，已到究竟見諦人等。如是名為是根本罪，亦無間罪。此於我法毗奈耶中，應速驅擯。

(*Kinh*: *Như thế bèn có [các trường hợp]: Hoặc là có người phạm tội căn bản, nhưng chẳng phải là tội Vô Gian. Có người phạm tội Vô Gian, chẳng phải là tội căn bản. Có người phạm tội căn bản mà cũng là tội Vô Gian. Có người chẳng phải là tội căn bản mà cũng chẳng phải là tội Vô Gian. Những gì gọi là tội căn bản lẫn tội Vô Gian? Tức là kẻ ở trong pháp của ta đã xuất gia và thọ giới Cụ Túc từ trước, mà cố ý giết người khác, mà người bị giết ấy đã đạt đến mức kiến Đế rất ráo. Như thế thì gọi là phạm tội căn bản mà cũng phạm tội Vô Gian. Trong Tỳ Nại Da nơi pháp của ta, hãy nên nhanh chóng trục xuất kẻ ấy).*

Dùng bốn loại này để phân biệt. Có khi là tội căn bản, nhưng chẳng phải là tội Vô Gian, tức là kẻ đó giết Thanh Văn, giết A La Hán, cho đến dâm La Hán tỳ-kheo-ni. Đây là tội căn bản, chẳng phải là tội Vô Gian. Có khi là tội Vô Gian chẳng phải là tội căn bản. Tội này nhất định phải biện định rõ ràng: Tội ấy là tội Ngũ Vô Gian, chẳng thể xem như thuộc phạm vi của tội căn bản. Dầu sao, tội căn bản cũng thế, mà tội Vô Gian cũng thế, hai hạng người ấy đều chẳng thể thâm nhận cho phép xuất gia. Thậm chí hấn trà trộn vào, đã thọ giới, chúng ta biết hấn là kẻ như vậy, chớ nên coi rẻ hấn, phải nên theo đúng Tăng pháp mà đuổi hấn ra.

Có kẻ tội căn bản cũng có mà tội Ngũ Vô Gian cũng có luôn! Sát nghiệp, tâm sân hận, cho đến đối với “*giết, trộm, dâm, dối*” đều phạm rất nặng, hai đẳng đều trọn đủ, vậy là tội càng nặng! Có kẻ chẳng thuộc hai loại này, chẳng phải là tội căn bản, mà cũng chẳng phải là tội Vô Gian. Hai đẳng đều chẳng phải, sẽ là tội nhẹ. “*Tội nhẹ*” là tội Tăng Tàn thuộc Thất Tụ Pháp được nói trong kinh Phật, cũng rất nặng: Kẻ ấy phải đối trước hai mươi vị tỳ-kheo thanh tịnh [mà phát lộ sám hối] thì mới có thể sám trừ. Theo giáo nghĩa Tiểu Thừa, các tội ấy chẳng chấp thuận sám hối.

“*Hà đẳng danh vi thị căn bản tội diệc Vô Gian tội?*” (Những gì gọi là tội căn bản mà cũng là tội Vô Gian?): Tiếp đó là giải thích từng điều. “*Vị ngã pháp trung tiên dĩ xuất gia thọ Cụ Giới giả, cố tư sát tha,*

đĩ đao cứu cánh kiến Đế nhân đặng, như thị danh vi thị Căn Bản Tội diệc Vô Gian Tội” (Tức là ở trong pháp của ta, trước đã xuất gia, thọ Cụ Túc Giới, mà cố ý giết người khác, người đó là bậc đã kiến Đế rốt ráo. Như thế thì gọi là Căn Bản Tội mà cũng là Vô Gian Tội): Hai đặng đều trọn đủ. Nếu sau khi kẻ ấy xuất gia, đã thọ Cụ Túc Giới, mà cố ý. Chữ Cố (故) nghĩa là hữu ý. “Tu” (思) là suy nghĩ phương pháp, tức là sát duyên và sát nhân (nhân và duyên của việc giết chóc). Đã có sát nhân và sát duyên như thế, bèn giết bậc đã kiến Đế rốt ráo. Bậc kiến Đế rốt ráo chính là A La Hán, hoặc là Sơ Quả, thuộc địa vị Kiến Đạo. Kiến Đế lý Bồ Tát là nói đến bậc đại Bồ Tát, Kiến Đạo Đế Lý. “Kiến” (見) có nghĩa là địa vị Kiến Đạo, Đế (諦) là Lý, đã chứng đắc. Nếu kẻ đã thọ giới sát hại bậc như thế, như vậy thì tội Căn Bản cũng đã phạm. Tội Vô Gian cũng phạm luôn, hai đặng đều trọn đủ!

(Kinh) Hà đặng danh vi thị căn bản tội, phi Vô Gian tội? Vị ngã pháp trung, tiên dĩ xuất gia thọ Cụ giới giả, cố tư sát hại tha dị sanh nhân, nãi chí phương tiện dữ nhân độc dược, đọa kỳ thai tạng, như thị danh vi thị căn bản tội, phi Vô Gian tội. Thử nhân bất ưng dữ Tăng cộng trụ, chư hữu cấp thí tứ phương Tăng vật, diệc bất ưng linh u trung thọ dụng.

(經)何等名為是根本罪，非無間罪？謂我法中，先已出家受具戒者，故思殺害他異生人，下至方便與人毒藥，墮其胎藏，如是名為是根本罪，非無間罪。此人不應與僧共住，諸有給施四方僧物，亦不應令於中受用。

(Kinh: Những gì gọi là tội Căn Bản chẳng phải là tội Vô Gian? Tức là ở trong pháp của ta, trước đó đã xuất gia và thọ Cụ Túc Giới, cố ý sát hại người khác thuộc loài dị sanh, cho đến dùng phương tiện đưa thuốc độc cho người ta, khiến họ bị đọa thai. Như thế thì gọi là tội Căn Bản, chẳng phải là tội Vô Gian. Người ấy chẳng nên ở chung với Tăng. Nếu có các Tăng vật được bốn phương cúng thí thì cũng chẳng cho kẻ đó thọ dụng).

Trong Luật Tạng, phạm loại tội này, một khắc cũng chẳng thể lưu lại; hề biết đến, sẽ ngay lập tức trục xuất, tốc độ rất nhanh chóng. “Hà đặng danh vi thị căn bản tội phi Vô Gian tội? Vị u ngã pháp trung, tiên dĩ xuất gia thọ liễu Cụ Túc Giới, cố tư sát hại tha dị sanh nhân” (Những gì gọi là tội căn bản, chẳng phải là tội Vô Gian? Tức là ở trong pháp của

ta, trước hết đã xuất gia, đã thọ Cụ Túc Giới, cố ý sát hại kẻ khác thuộc loài dị sanh): Đây chỉ là tội giết người. “Dị” (異) là khác, hình tướng bất đồng, ngôn ngữ bất đồng, sắc thân bất đồng, đều gọi là “dị sanh”. Dù mọi tướng khác biệt, bèn gọi là “dị sanh”. “Dị sanh” là chúng sanh, tức loài chúng sanh. “Cố tư” (故思) là cố ý sát hại những người ấy, thậm chí sử dụng đủ loại phương tiện, chuốc thuốc độc cho người ta sẩy thai. Mọi người biết đây là sát hại kẻ dị sanh, sát hại người khác. Đó gọi là “căn bản tội”.

Mọi người biết phá thai là tội giết người, là tội căn bản, luận tội giống như giết người. Bất quá, theo pháp luật thế tục, hoàn toàn chẳng nghiêm trọng như vậy. Tuy là phạm tội, nhưng có những quốc gia, pháp luật của họ không coi đó là phạm tội, có quốc gia còn đề xướng phá thai. Tuy nói là tội căn bản, chẳng phải là tội Vô Gian, nhưng kẻ ấy chẳng nên ở chung với đại chúng Tăng, cũng chẳng nên được thọ dụng những vật thuộc về tứ phương Tăng dành cho đại chúng Tăng hưởng dụng. [Những vật] cúng dường đại chúng Tăng thì chẳng thể chia cho kẻ đó một phần, chẳng thể thọ dụng trong đó!

(Kinh) Hà đẳng danh vi thị Vô Gian tội, phi căn bản tội? Vị nhược hữu nhân, hoặc thọ Tam Quy, hoặc thọ Ngũ Giới, hoặc thọ thập giới, u Ngũ Vô Gian tùy tạo nhất chúng, như thị danh vi thị Vô Gian tội, phi căn bản tội. Như thị chi nhân, bất hợp xuất gia, cập thọ Cụ giới. Nhược linh xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, sự tiện đắc tội. Bĩ ưng khu tấn linh xuất ngã pháp. Hà đẳng danh vi phi căn bản tội, diệc phi Vô Gian tội? Vị nhược hữu nhân, hoặc thọ Tam Quy, hoặc thọ Ngũ Giới, u Phật, Pháp, Tăng nhi sanh nghi tâm, hoặc quy ngoại đạo dĩ vi sư đạo, hoặc chấp chủng chủng, nhược thiểu, nhược đa, cát hung chi tướng, từ tế quỷ thần. Nhược phục hữu nhân, u chư Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoặc Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc thị Đại Thừa tương ứng chánh pháp, phỉ báng, giá chỉ, tự bất tín thọ, linh tha yếm bội, chướng ngại tha nhân độc, tụng, thư tả, hạ chí lưu nạn nhất tụng chánh pháp. Như thị danh vi phi căn bản tội, diệc phi Vô Gian, nhi sanh cực trọng đại tội ác nghiệp, Cận Vô Gian tội. Như thị chi nhân, nhược vị sám hối, trừ diệt như thị đại tội ác nghiệp, bất hợp xuất gia, cập thọ Cụ giới. Nhược linh xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, sự tiện đắc tội. Bĩ ưng khu tấn, linh xuất ngã pháp. Nhược dĩ xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, phạm như thị tội, nhược bất sám hối, thử u ngã pháp Tỳ Nại Da

trung, ưng tức khu tấn. Sở dĩ giả hà? Thử nhị chủng nhân, tập hành phá hủy chánh pháp nhân hạnh, tập hành ẩn diệt chánh pháp đấng hạnh, tập hành đoạn tuyệt Tam Bảo chủng hạnh, linh chư thiên nhân tập hành vô nghĩa, vô lợi khổ hạnh, đọa chư ác thú. Thử nhị chủng nhân, tự báng chánh pháp, hủy tử hiền thánh, diệt linh tha nhân phỉ báng chánh pháp, hủy tử hiền thánh, mạng chung đương đọa Vô Gian địa ngục, kinh kiếp thọ khổ, bất khả liệu trị.

(經)何等名為是無間罪，非根本罪？謂若有人，或受三歸，或受五戒，或受十戒，於五無間隨造一種，如是名為是無間罪，非根本罪。如是之人，不合出家，及受具戒。若令出家，或受具戒，師便得罪。彼應驅擯令出我法。何等名為非根本罪，亦非無間罪？謂若有人，或受三歸，或受五戒，於佛法僧而生疑心，或歸外道以為師導，或執種種，若少若多，吉凶之相，祠祭鬼神。若復有人，於諸如來所說正法，或聲聞乘相應正法，或獨覺乘相應正法，或是大乘相應正法，誹謗遮止，自不信受，令他厭背，障礙他人讀誦書寫，下至留難一頌正法。如是名為非根本罪，亦非無間，而生極重大罪惡業，近無間罪。如是之人，若未懺悔，除滅如是大罪惡業，不合出家，及受具戒。若令出家，或受具戒，師便得罪。彼應驅擯令出我法。若已出家，或受具戒，犯如是罪，若不懺悔，此於我法毗奈耶中，應速驅擯。所以者何？此二種人，習行破毀正法眼行，習行隱滅正法燈行，習行斷絕三寶種行，令諸天人習行無義，無利苦行，墮諸惡趣。此二種人，自謗正法，毀些賢聖，亦令他人誹謗正法，毀些賢聖，命終當墮無間地獄，經劫受苦，不可療治。

(*Kinh*: Những gì gọi là tội Vô Gian, chẳng phải là tội căn bản? Tức là nếu có người thọ Tam Quy, hoặc thọ Ngũ Giới, hoặc thọ mười giới, mà tạo bất cứ một loại nào trong Ngũ Vô Gian, như thế sẽ gọi là tội Vô Gian, chẳng phải là tội căn bản. Người như thế chẳng thích hợp xuất gia, và thọ Cụ Túc Giới. Nếu cho kẻ đó xuất gia, hoặc thọ Cụ Túc Giới, thầy sẽ mắc tội. Kẻ ấy đáng nên bị xua đuổi ra khỏi pháp của ta.

Những gì gọi là *chẳng phải tội căn bản* mà cũng *chẳng phải tội Vô Gián*? Tức là nếu có người hoặc thọ Tam Quy, hoặc thọ Ngũ Giới, mà sanh lòng nghi đối với Phật, Pháp, Tăng, hoặc quy hướng ngoại đạo, coi họ là thầy hướng dẫn. Hoặc chấp trước các thứ tướng cát, hung, dù ít hay nhiều, cúng tế quý thần. Nếu lại có người đối với chánh pháp do đức Như Lai đã nói, hoặc chánh pháp tương ứng với Thanh Văn Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng với Độc Giác Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng với Đại Thừa mà phỉ báng, ngăn trở, tự mình chẳng tin nhận, [lại còn] khiến cho kẻ khác chán ngán, chống trái, chướng ngại người khác đọc, tụng, biên chép, tối thiểu là gây trở ngại cho một bài kệ chánh pháp. Như thế thì gọi là “*chẳng phải tội căn bản*, mà cũng *chẳng phải tội Vô Gián*”, nhưng sanh ra đại tội ác nghiệp cực nặng, là tội gần với Vô Gián. Người như thế, nếu chưa sám hối trừ diệt các ác nghiệp đại tội như thế, chẳng thích hợp xuất gia và thọ Cụ Túc Giới. Nếu cho kẻ đó xuất gia, hoặc thọ Cụ Túc Giới, thầy sẽ mắc tội. Kẻ đó đáng nên bị xua đuổi ra khỏi pháp của ta. Nếu đã xuất gia, hoặc thọ Cụ Túc Giới mà phạm tội như thế, nếu chẳng sám hối, thì trong Tỳ Nại Da nơi pháp của ta đáng nên mau chóng trục xuất. Vì có sao vậy? Hai loại người ấy đã thực hành hạnh phá hủy con mắt chánh pháp, đã thực hành cái hạnh ẩn diệt ngọn đèn chánh pháp, đã thực hành cái hạnh đoạn tuyệt chủng tánh Tam Bảo, khiến cho các trời và người thực hành khổ hạnh vô nghĩa, chẳng có lợi ích, đọa vào các đường ác. Hai loại người ấy tự báng chánh pháp, hủy báng, chê bai hiền thánh, cũng khiến cho kẻ khác phỉ báng chánh pháp, hủy báng, chê bai hiền thánh, mạng chung sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián, trải nhiều kiếp chịu khổ, chẳng thể chữa trị).

“Hà đẳng danh vi thị Vô Gián tội phi căn bản tội?” (Những gì gọi là tội Vô Gián, chẳng phải là tội căn bản?): Nếu nói có kẻ đã thọ Tam Quy, hoặc thọ Ngũ Giới, thọ mười giới, đối với năm tội Vô Gián mà tạo bất cứ tội nào, như thế sẽ gọi là “*tội Vô Gián, chẳng phải là tội căn bản*”. Chỉ là đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, thọ mười giới, đối với năm tội Vô Gián, hễ tạo một tội nào, [chẳng hạn như] cố ý giết cha, cố ý giết mẹ, đều tính là tội Vô Gián, chẳng phải là tội căn bản. Trọn đủ tội Vô Gián, nhưng chẳng trọn đủ cả hai đẳng (Vô Gián và căn bản). Kẻ đó chỉ trọn đủ một đẳng, chẳng phải là tội căn bản. Tội căn bản nhẹ hơn một chút, tội Vô Gián nặng hơn. Hạng người như thế cũng chẳng thể thâm nhận cho họ xuất gia, chẳng thích hợp xuất gia và thọ Cụ Túc Giới. “*Nhược linh xuất gia, hoặc thọ Cụ giới, sự tiện đắc tội*” (Nếu cho xuất gia, hoặc

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

thọ Cụ Túc Giới, thầy sẽ mắc tội): Kẻ đó vừa mới xuất gia thì phải trực xuất, chẳng cho phép ở trong Tăng chúng.

Nếu có kẻ thọ Tam Quy, thọ Ngũ Giới, sanh lòng hoài nghi đối với Phật, Pháp, Tăng, lại đến quy y ngoại đạo. Quy y ngoại đạo rồi tôn ngoại đạo làm thầy hướng dẫn. Bọn chúng nói rất nhiều tướng cát, hung. Đã thọ Tam Quy, thọ Ngũ Giới, mà quý vị lại sanh khởi tâm hoài nghi đối với Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, lại đi nghiên cứu cát, hung, họa, phước, quy y ngoại đạo. Hiện thời, chúng ta lại còn thêm một món nữa là học Khí Công. Học Khí Công đúng hay sai? Nếu quý vị rèn luyện thân thể, đánh quyền, luyện Khí Công, mong sẽ đạt được lợi ích chi đó, sai lầm mất rồi! Chuyện này tùy thuộc quý vị dụng tâm như thế nào? Nhưng trong Phật giáo, quý vị đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, thì chớ nên làm, vì đó là ngoại đạo, chẳng phải là Phật giáo, cũng là ở ngoài Phật giáo. Muốn họ đến làm thầy cho quý vị, dẫn dắt quý vị, hoặc là chấp trước nhiều hay ít đều chẳng quản. Cho đến đối với tướng cát, hung, họa, phước vật vãnh, thậm chí còn giống như [lập] từ đường, miếu tế tự, miếu thờ thần. Chuyện cúng bái này bao gồm rất nhiều thứ, trong từ đường tế quý, tế thần. Để tế quý thần, phải dùng rượu, thịt. Dùng đồ chay đến miếu quý thần cúng bái, chẳng bằng không cúng. Quý vị cúng họ, họ còn có thể sanh tâm sân hận.

“Nhược phục hữu nhân u Như Lai sở thuyết chánh pháp, hoặc Thanh Văn Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc Độc Giác Thừa tương ứng chánh pháp, hoặc thị Đại Thừa tương ứng chánh pháp” (Nếu lại có người đối với chánh pháp do đức Như Lai đã nói, hoặc chánh pháp tương ứng Thanh Văn Thừa, hoặc chánh pháp tương ứng Độc Giác Thừa, hoặc là chánh pháp tương ứng với Đại Thừa): *“Tương ứng”* (相應) có nghĩa là *“phù hợp”*. Tâm quý vị tương ứng với pháp Đại Thừa, hay tương ứng với pháp Nhị Thừa. *“Phỉ báng, giá chỉ”* (Phỉ báng, ngăn cấm): Hoặc là người khác đến hoằng dương, khiến cho chúng sanh đắc độ, quý vị ở nơi đó hủy báng, khuyên người ta chớ nên tin, bảo *“chẳng có lợi ích gì!”* Thậm chí còn nói rất nhiều lời phá hoại, ngăn trở người khác, không cho họ đến nghe. Hoặc là không cho họ đến nhận, đến nghe, hoặc không cho họ thân cận, bao gồm những điều ấy. Chính mình chẳng tin, còn khiến cho kẻ khác phản bội, cho đến khiến cho họ sanh khởi tâm phiền chán đối với Tam Bảo. Hoặc là chướng ngại kẻ khác đọc tụng kinh điển, biên chép kinh điển, dấu chỉ một bài kệ bốn câu. Đây chẳng phải là tội căn bản, cũng chẳng phải là tội Vô Gian, nhưng tội ác cực đại. Do vậy nói tội báng pháp gần với tội Vô Gian, rất gần giống tội Vô Gian!

Nếu kẻ ấy còn chẳng sám trừ những tội ấy, chẳng sám hối, chẳng diệt trừ tội ấy, kẻ có tội ác to lớn như thế sẽ chẳng thể xuất gia, cũng chẳng thể cho kẻ đó thọ Cụ Túc Giới. Đây đều là tội chẳng cho phép sám hối. Giả sử vị sư phụ thân nhận kẻ đó làm đồ đệ rồi lại cho hẳn thọ Cụ Túc Giới, vị thầy ấy sẽ mắc tội. Kẻ đó phạm pháp, chính là trái phạm Phật pháp, hoàn toàn chẳng vi phạm chánh pháp của thế tục (tức chẳng làm chuyện vi phạm pháp luật), kẻ đệ tử như thế sẽ bị trục xuất. Do vậy, nếu đã xuất gia, hoặc đã thọ Cụ Túc Giới mà phạm những tội ấy, hãy nên làm như thế nào? Phải sám hối! Có rất nhiều phương thức sám hối. Hai mươi vị Tăng cho phép kẻ đó sám hối, hoặc Tăng chúng cho phép kẻ đó làm Yết Ma, cho kẻ đó vĩnh viễn làm tịnh nhân, ở trong chùa miếu vĩnh viễn hành khổ hạnh. Nếu kẻ đó sám hối, có thể xử lý như vậy. Nếu chẳng sám hối, hãy nhanh chóng đuổi hẳn ra. Vì sao như vậy? Vì hai hạng này đã thực hiện hạnh phá hủy con mắt chánh pháp, những gì kẻ đó đã làm khiến cho chánh pháp nhân tạng chẳng thể trụ lâu dài trong thế gian, sẽ làm mù mắt của trời, người, làm mù mắt của hết thầy chúng sanh.

Chẳng có Phật pháp, chúng ta sẽ chẳng sáng suốt. Có Phật pháp thì có nghĩa là “*chiếu sáng*”. Đồng thời, những gì kẻ đó làm chính là đã ẩn diệt chánh pháp soi sáng như đèn, khiến cho chánh pháp chẳng hiện, thậm chí bị diệt trừ. Hành vi kiêu ấy chính là gì? Hạnh đoạn tuyệt chủng tánh Tam Bảo, khiến cho hết thầy trời, người tu tập khổ hạnh vô nghĩa, chẳng có lợi ích, đọa vào các đường ác, khiến cho người khác đều đọa trong ác đạo. Do vậy, hai loại người ấy chính họ đã hủy báng chánh pháp, hủy báng và chê gièm hiền thánh, lại còn khiến cho người khác hủy báng chánh pháp, gièm chê hiền thánh. Mạng chung, sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián, trải bao kiếp chịu khổ, chẳng thể chữa trị. Thời gian đọa lạc vì tội Ngũ Vô Gián hết sức lâu. Do vậy, nếu đọa vào ngục Vô Gián, một ngàn vị Phật xuất thế trong Hiền Kiếp, quý vị chẳng gặp được một vị, vẫn chẳng lìa khỏi địa ngục. Một ngàn vị Phật xuất thế, quý vị cũng chẳng gặp được vị nào, cho đến trải qua vô lượng đại kiếp, chẳng phải là tiểu kiếp, mà là vô lượng đại kiếp.

Đoạn này chuyên nói về tỳ-kheo phá giới, tỳ-kheo tạo đại ác nghiệp, quý vị đừng nên hủy báng họ, phải nên cung kính, mà cũng chớ nên đánh đập, cho đến não hại họ. Nếu như khiến cho những vật dụng cần thiết cho cuộc sống của kẻ đó bị thiếu hụt, hễ có một thí chủ muốn cúng dường kẻ đó, quý vị bảo: “Đó là tỳ-kheo phá giới, là kẻ xấu”. Hồng bét rồi! Họ sẽ lập tức chẳng cúng dường nữa, như vậy là quý vị phạm

tội. Tội ấy giống như tội của tỳ-kheo phá giới!

(Kinh) Phục thứ Đại Phạm! Hoặc hữu giá tội Vô Y Hạnh pháp, hoặc hữu tánh tội Vô Y Hạnh pháp. U tánh tội trung, hoặc hữu căn bản Vô Y Hạnh pháp. Vân hà căn bản Vô Y Hạnh pháp? Vị nhược bất-sô hành phi phạm hạnh, phạm căn bản tội. Hoặc dĩ cố tư sát dị sanh nhân, phạm căn bản tội. Hoặc phục thân đạo phi Tam Bảo vật, phạm căn bản tội. Hoặc đại vọng ngữ, phạm căn bản tội. Nhược hữu bất-sô u thử tứ chủng căn bản tội trung, tùy phạm nhất chủng, u chư bất-sô sở tác sự nghiệp, linh thọ chiết phục, nhất thiết cấp thí tứ phương Tăng vật, giai tất bất thính u trung thọ dụng. Nhi diệc bất hợp gia kỳ tiên, trượng, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng. Như thị danh vi u tánh tội trung căn bản trọng tội Vô Y Hạnh pháp. Hà cố thuyết danh vi căn bản tội? Vị nhược hữu nhân phạm thử tứ pháp, thân hoại, mạng chung, đọa chư ác thú, thị chư ác thú căn bản tội cố. Thị cố thuyết danh vi căn bản tội, hà cố Vô Gian cấp cận Vô Gian căn bản tội đẳng, thuyết danh cực trọng đại tội ác nghiệp Vô Y Hạnh pháp?

(經)復次大梵！或有遮罪無依行法，或有性罪無依行法。於性罪中，或有根本無依行法。云何根本無依行法？謂若苾芻行非梵行，犯根本罪。或以故思殺異生人，犯根本罪。或復偷盜非三寶物，犯根本罪。或大妄語，犯根本罪。若有苾芻於此四種根本罪中，隨犯一種，於諸苾芻所作事業，令受折伏，一切給施四方僧物，皆悉不聽於中受用。而亦不合加其鞭杖，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命。如是名為於性罪中根本重罪無依行法。何故說名為根本罪？謂若有人犯此四法，身壞命終，墮諸惡趣，是諸惡趣，根本罪故。是故說名為根本罪，何故無間及近無間根本罪等，說名極重大罪惡業無依行法？

(Kinh: Lại này Đại Phạm! Hoặc là có Vô Y Hạnh pháp thuộc về giá tội, hoặc có Vô Y Hạnh pháp thuộc về tánh tội. Trong tánh tội, hoặc là có pháp căn bản Vô Y Hạnh. Thế nào là pháp căn bản Vô Y Hạnh? Tức là nếu bất-sô làm chuyện chẳng phải là phạm hạnh, phạm căn bản tội, hoặc do cố ý giết người khác chủng loại, phạm căn bản tội. Hoặc trộm cắp vật chẳng thuộc về Tam Bảo, phạm căn bản tội. Hoặc đại vọng

ngũ, phạm căn bản tội. Nếu có bất-sô đối với bốn loại tội căn bản ấy, hề phạm một loại nào, thì đối với các sự nghiệp thực hiện bởi các bất-sô, hãy nên khiến cho kẻ đó bị chiết phục, hết thấy các vật bố thí cho tứ phương Tăng đều chẳng cho phép kẻ đó được thọ dụng, nhưng cũng chớ nên dùng roi, gậy đánh đập, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc giết chết. Như thế thì gọi là Vô Y Hạnh pháp thuộc trọng tội căn bản trong tánh tội. Vì sao nói là tội căn bản? Tức là nếu có kẻ nào phạm phải bốn pháp ấy, thân hoại, mạng chung, sẽ đọa trong các đường ác, do vì đó là tội căn bản, khiến cho [kẻ phạm tội] đọa vào trong các đường ác, cho nên gọi là tội căn bản. Vì sao nói các tội Vô Gian và cận Vô Gian được gọi là Vô Y Hạnh pháp ác nghiệp đại tội cực nặng?)

Chúng ta nói tới tánh tội; trong tánh tội, có căn bản và phi căn bản. Vô Y Hạnh pháp căn bản là gì? “*Nhược bất-sô hành phi phạm hạnh*” (Nếu bất-sô làm chuyện chẳng phải là phạm hạnh): “*Hành phi phạm hạnh*” tức là phạm dâm giới, phạm căn bản tội. Hoặc do “*cố tư sát dị sanh nhân*” (cố ý giết người khác chủng loại): Nếu phạm sát giới thì là phạm căn bản tội. Hoặc là trộm cắp vật chẳng phải của Tam Bảo, đã phạm căn bản tội, tức là ăn trộm đồ vật của người khác. Nhưng tại Ấn Độ, khi đức Phật chế giới, đã có một tiêu chuẩn: “Ở Ấn Độ, nếu thứ gì đáng giá năm đồng tiền Ấn Độ thì cũng kể như đã phạm tội căn bản”, cũng tức là tội căn bản thuộc về giới trộm cắp.

Hoặc là đại vọng ngữ. Trong Phật giáo, đại vọng ngữ là “*chính mình chưa chứng mà nói là đã chứng, chưa đắc mà nói là đã đắc*”, đó gọi là đại vọng ngữ. Chưa đắc thánh quả, tự nói đã chứng thánh quả, lường gạt kẻ khác tín ngưỡng. Chính mình vì danh lợi mà lường gạt tín ngưỡng, chủ yếu là vì lợi. Bốn loại ấy được gọi là “*dâm, giết, trộm, dối*”. Vì trong pháp Thanh Văn, đặt giới dâm ra trước. Quý vị thọ Bồ Tát giới, [thứ tự] sẽ là “*giết, trộm, dâm, dối*”, xếp dâm vào vị trí thứ ba. Điều đó có mối liên quan: Nơi Bồ Tát, đại từ đại bi là chánh yếu, dùng tâm Bồ Đề cứu độ hết thấy chúng sanh, lẽ đâu còn có thể sát hại chúng sanh? Do vậy, tội này nặng nhất. Theo thứ tự, sát giới nặng nhất. Đối với trộm cắp, hành Bồ Tát đạo thì phải bố thí, điều đầu tiên là phải bố thí chúng sanh, dẹp khổ cho chúng sanh, lẽ nào còn có chuyện trộm cắp món gì của chúng sanh để nuôi béo chính mình? Vì thế, kẻ ấy phạm tội rất nặng. Đó gọi là bốn căn bản.

Dâm, giết, trộm, dối, trong bốn tội căn bản ấy, hề phạm một loại,

sẽ đáng bị chiết phục trong các sự nghiệp (các pháp Yết Ma) được thực hiện bởi các bậc-sô. Quý vị làm chuyện ấy, đã bôi đen các vị tỳ-kheo thanh tịnh. “*Chiết phục*” (折伏) có nghĩa là bị kẻ khác khuất phục, hoặc là tự mình chịu chiết phục, cho đến nói kẻ phạm loại tội căn bản ấy thì trong các sự nghiệp do hàng tỳ-kheo thực hiện, kẻ ấy sẽ bị quở phạt. Đối với hết thảy các vật do thí chủ cúng dường cho tứ phương tăng, đều chẳng cho phép kẻ đó hưởng dụng. Hết thảy phòng ốc, y phục, thậm chí những vật dụng của Tăng chúng đều chẳng thể chia cho kẻ đó, cũng có nghĩa là hủy bỏ các phước lợi mà Tăng nhân đáng được hưởng thụ. Tuy vậy, hạng người như thế “*nhi diệc bất hợp gia kỳ tiên, trượng, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha ma, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng. Như thị danh vi u tánh tội trung, căn bản trọng tội Vô Y Hạnh pháp*” (cũng chẳng nên dùng roi, gậy đánh đập, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi bới, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng họ. Như thế gọi là Vô Y Hạnh Pháp thuộc trọng tội căn bản trong tánh tội). Vì các pháp ấy đều là pháp Vô Y Hạnh, chẳng sanh điều thiện, chẳng sanh công đức. Như trong phần trước chúng tôi đã nói: Thực hiện những hạnh chẳng thể sanh ra công đức thì hạnh ấy được gọi là pháp Vô Y Hạnh.

Vì sao lại nói là phạm tội căn bản? Tiếp đó, [đức Phật] giải thích tội căn bản là gì? Giả sử có kẻ phạm bốn pháp ấy, thân hoại, mạng chung, đọa vào các đường ác, tùy thuộc các tình tiết khi kẻ đó phạm tội [mà sẽ đọa vào đường nào]. Nói theo giới luật, sẽ là phải nghiên cứu khi quý vị phạm giới, cái tâm có mạnh mẽ hay không. Mạnh mẽ sẽ đóng vai trò chủ chốt, mà cố ý hay vô tình cũng đóng vai trò chủ chốt [để quyết định quả báo]. Hoặc là trong khi quý vị giết người thuộc chủng loại khác, cái tâm sân hận của quý vị hết sức nặng nề, đây là [tâm phạm tội] “mạnh mẽ”. Nếu quý vị sắp giết, lại chẳng muốn giết, tâm tình ấy chính là chẳng mạnh mẽ. Cũng có nghĩa là khi quý vị giết, cảm thấy chính mình đang phạm tội, trong tâm chính mình cũng rất khó chịu, nhưng lại không thể chẳng giết kẻ đó. Chẳng giết kẻ đó, chỉ sợ sẽ gặp nguy hại, tội ấy sẽ nhẹ hơn một chút.

Do vậy, vì sao phải học Giới? Do học mấy loại này, một đằng là nhân, cái nhân là mạnh mẽ, hay không mạnh mẽ. Một đằng khác là duyên, duyên thúc đẩy thành tựu. Tình huống của duyên rất phức tạp, đều phải phân biệt trong ấy. Khi kẻ đó phạm tội, nếu đã học pháp luật, sẽ hiểu điều này. Pháp thế gian cũng giống như thế. Đó gọi là tội căn bản, được gọi là “*căn bản tội*”. Nếu có kẻ phạm bốn pháp ấy, thân hoại, mạng chung, đọa vào đường ác. Có kẻ phạm phải hạnh dâm tà, sẽ đọa

làm chim uyên ương, đọa vào súc sanh đạo, sẽ đọa vào bàng sanh đạo. Bàng sanh cũng là súc sanh, nhưng chẳng phải là loài phi cầm (飛禽, chim bay). Súc sanh bao gồm rất nhiều loại, có loài ở trong biển, hoặc sống trên mặt đất, đều có những điểm khác biệt. Vì sao gọi Vô Gian, Cận Vô Gian, và tội căn bản là đại tội ác cực nặng? Đây là những thứ tạo nên tội nghiệp, là pháp Vô Y Hạnh.

(Kinh) Thiện nam tử! Thí như thiết đoàn, diên tích đoàn đẳng, trịch trí không trung, chung vô tạm trụ, tất tốc đọa địa. Tọa Ngũ Vô Gian, cập Cận Vô Gian tứ căn bản tội, tịnh bán chánh pháp, nghi Tam Bảo đẳng. Nhị chủng tội nhân diệc phục như thị. Nhược nhân u thử thập nhất tội trung, tùy tạo nhất chủng, thân hoại, mạng chung, vô dư gián cách, định sanh Vô Gian đại địa ngục trung, thọ chư kịch khổ. Cố danh cực trọng đại tội ác nghiệp Vô Y Hạnh pháp. Phạm thử cực trọng đại tội ác nghiệp Vô Y Hạnh pháp Bồ Đặc Già La, u hiện thân trung, quyết định bất năng tận chư phiền não, thượng bất năng thành chư tam-ma-địa, huống năng thú nhập chánh tánh ly sanh? Bỉ nhân mạng chung, định sanh địa ngục, thọ chư trọng khổ.

(經)善男子！譬如鐵搏，鉛錫搏等，擲置空中，終無暫住，必速墮地。造五無間，及近無間四根本罪，並謗正法，疑三寶等。二種罪人亦復如是。若人於此十一罪中，隨造一種，身壞命終，無餘間隔，定生無間大地獄中，受諸劇苦。故名極重大罪惡業無依行法。犯此極重大罪惡業無依行法補特伽羅，於現身中，決定不能盡諸煩惱，尚不能成諸三摩地，況能趣入正性離生？彼人命終，定生地獄，受諸重苦。

(Kinh: Này thiện nam tử! Ví như hòn sắt, hoặc hòn chì pha thiếc v.v... quăng lên không trung, trọn chẳng thể tạm thời dừng lại, ắt nhanh chóng rơi xuống đất. Tọa tội Ngũ Vô Gian và bốn tội căn bản Cận Vô Gian, cũng như bán chánh pháp, nghi ngờ Tam Bảo v.v... Hai loại tội nhân ấy cũng giống như thế. Nếu ai trong mười một tội ấy, hễ tạo một thứ, thân hoại, mạng chung, chẳng hề xen hở, chắc chắn sanh trong đại địa ngục Vô Gian, chịu các nỗi khổ cùng cực. Vì thế gọi là pháp Vô Y Hạnh ác nghiệp đại tội cực nặng. Bồ Đặc Già La (hữu tình) phạm pháp Vô Y Hạnh ác nghiệp đại tội cực nặng ấy thì trong đời hiện tại, chắc

chấn chẳng thể dứt hết các phiền não, còn chẳng thể thành tựu các tam-ma-địa, huống hồ có thể tiến nhập chánh tánh ly sanh? Kẻ ấy mạng chung, chắc chắn sanh vào địa ngục, chịu các nỗi khổ nặng nề).

Cầm hòn sắt hoặc hòn chì, phàm là thứ gì nặng nề, quý vị ném lên không trung, nó sẽ rơi xuống hết sức nhanh chóng, chẳng ngừng chút nào. Vật nặng, ném lên không trung, chẳng thể tạm ngừng trên không trung. Đây là nói: Kẻ phạm vào loại tội này, hễ mạng chung, trong vòng một niệm, ngay lập tức đọa địa ngục. Người ấy chết đi, quý vị quản lại bảy ngày cũng thế, hay ngay lập tức đem thiêu cũng thế, trọn chẳng có giá trị mảy may, chẳng ăn nhằm chi hết. Trong Phật giáo, sau khi một người đã chết, phải quản thi thể tối thiểu ba ngày, cho đến bảy ngày. Vì sao? Thần thức của kẻ đó chưa rời thân thể, nghiệp thiện ác cũng chẳng mạnh mẽ. Nếu nghiệp thiện mạnh mẽ, trong thời gian một niệm, có thể sanh về thế giới Cực Lạc; hễ mạng chung, sẽ ra đi ngay trong một niệm. Hoặc là sanh lên trời, đi ngay trong một niệm. Nếu chẳng vậy, [tức là] thiện nghiệp cũng chẳng mạnh mẽ, ác nghiệp cũng chẳng mạnh mẽ, khi kẻ đó hướng đến chỗ thọ báo trong tương lai, cũng chẳng mạnh mẽ [sanh ngay vào đó]. Chẳng mạnh mẽ, sẽ rất chậm rãi, thần thức của kẻ đó chẳng lìa thân xác, vẫn đắm luyến thể xác, chẳng nở bỏ. Do thần thức chưa rời thân thể, đành phải quản lại mấy ngày như vậy. Đợi đến khi xác định người ấy đã chết hẳn, thân đã lạnh rồi mới rời đi.

Trong kinh đã nói chuyện này rất cặn kẽ. Có những kẻ lúc ra đi, phần dưới thân thể lạnh trước, hoặc lạnh trước từ đầu. Lạnh trước từ phần đầu, phần nhiều đọa tam đồ. Từ phần dưới lạnh lên, có cơ hội sanh thiên nhiều hơn. Kiểu trắc nghiệm này dành cho kẻ bất định đối với hai loại nghiệp (thiện nghiệp lẫn ác nghiệp đều chẳng mạnh mẽ). Nhưng đối với kẻ tạo nghiệp mạnh mẽ, sẽ đọa địa ngục nhanh như tên bắn, giống như hòn sắt, hòn chì, do chúng nặng nề, ném lên không trung, sẽ rơi phịch xuống rất nhanh, trọn chẳng thể tạm dừng, ắt nhanh chóng rơi xuống đất. Nhất định sẽ rơi phịch xuống, lại còn rơi rất nhanh! Hai loại tội nhân tạo Ngũ Vô Giá và Cận Ngũ Vô Giá, cho đến bốn tội căn bản, cũng như báng chánh pháp, hoài nghi Tam Bảo, và hai loại tội nhân Cận Tứ Vô Giá, Cận Tứ Căn Bản Tội cũng sẽ giống như vậy, đọa địa ngục rất nhanh chóng!

“U thử thập nhất tội trung, tùy tạo nhất chủng, thân hoại, mạng chung, vô dư giá cách” (Trong mười một tội ấy, hễ tạo một loại, khi thân mạng, mạng chung, sẽ không xen hở): Năm tội Vô Giá trên đây là

năm loại, được gọi là Ngũ Vô Gián. [Cộng thêm] bốn tội căn bản là bốn loại nữa, hợp thành chín loại. Còn có hai loại nữa là cận Căn Bản và cận Vô Gián; do vậy, thành mười một loại. Hễ phạm một loại nào, thân hoại, mạng chung, sẽ chẳng có xen hở! Trong khoảng mạng chung, một tí kẽ hở cũng chẳng có. “*Định sanh Vô Gián đại địa ngục trung, thọ chư kịch khổ*” (Chắc chắn sanh trong đại địa ngục Vô Gián, chịu các nỗi khổ cùng cực): Loại khổ nạn này hết sức dữ dội, cho nên gọi là “*cực trọng đại tội ác nghiệp*”. Bồ Đặc Già La phạm phải Vô Y Hạnh pháp, phạm cực trọng đại tội ác nghiệp, trong hiện đời, loại chúng sanh ấy chắc chắn chẳng thể chấm dứt các phiền não được!

Đời này, quý vị mong trừ sạch các phiền não, chứng đắc Phật quả, sẽ chẳng thể được! Thậm chí cũng chẳng thể đắc Định. Còn chẳng thể thành tựu tam-ma-địa, huống hồ có thể tiến nhập chánh tánh ly sanh ư? “*Ly sanh chánh tánh*” là nói đến Niết Bàn. Chánh tánh ly sanh của bậc kiến đạo đã rời lìa sanh tử phiền não, đó gọi là “*tiến nhập chánh tánh ly sanh, tiến nhập Niết Bàn, lìa khỏi sanh tử*”. Người đó mạng chung, chắc chắn sanh vào địa ngục, không chỉ chẳng thể chứng quả, mà sanh thiên cũng chẳng thể, mà cũng chẳng thể tái sanh trong loài người. “*Thọ chư chúng khổ*” (Chịu các thứ khổ): Từ địa ngục Vô Gián thoát ra, thời gian hết sức lâu dài. Dầu lại có thể thác sanh trong nhân gian, nhưng do nghiệp lực trong quá khứ, kẻ đó sẽ trở nên mù, điếc, câm, ngọng, tứ chi tàn khuyết.

Người như thế từ trong ba ác đạo thoát ra, hoặc từ địa ngục thoát ra, đại khái là hạng người từ Ngũ Vô Gián thoát ra rất đông. Họ đầu thai vào các gia đình vẫn là kẻ ác hạnh. “*Phương dĩ tụ loại, vật dĩ quần phân*” (Các phương thức tụ tập thành loại, mọi vật chia thành từng nhóm). Chớ nên tạo loại tội này! Thông qua bái sám, xưng danh hiệu, Đại Bi Sám cũng được, Địa Tạng Sám cũng được. Chúng ta bái Chiêm Sát Sám, bái Thiên Phật Danh Sám đều có thể tiêu trừ loại nghiệp này. Đó gọi là pháp Đại Thừa. Quý vị niệm thánh hiệu Địa Tạng, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm mấy vị đại Bồ Tát, cho đến niệm Phật hiệu, đều có thể tiêu diệt trọng tội của quý vị. Bất quá, chẳng thể nào mong thành tựu ngay trong đời này được!

Chúng tôi lại nói ngược lại, người thành tựu trong đời hiện tại tức là trong quá khứ đã tích tập các nghiệp rất tốt lành, rất to lớn, tu đạo sắp thành, mà chưa thành tựu, cho nên trong đời này bèn hoàn thành. Ý nghĩa là như thế đó. Quý vị thấy người khác được cúng dường, quý vị phải tùy hỷ, tán thán, vì người ấy có công đức và phước báo. Tuy quý vị

chẳng đạt được, nhưng do tùy hỷ, tán thán, quý vị sẽ có được một nửa, nhất định phải tùy hỷ công đức. Đại nguyện thứ năm trong mười đại nguyện vương là “*tùy hỷ công đức*”, tức là chúng ta gieo thiện căn, cho đến vun bồi phước. Đây là phương pháp tốt nhất. Quý vị thấy trên đường phố, bất luận là đệ tử Tam Bảo, hay người bình phàm, tùy tiện làm chuyện tốt lành gì, thấy người ta phóng sanh, tuy quý vị chẳng bỏ tiền, nhưng tán thán, tùy hỷ đôi chút, quý vị sẽ có công đức giống như người đó. Thấy chuyện thiện, quý vị đều nên tùy hỷ. Thấy chuyện ác, nhất định phải sám hối, giúp kẻ đó hồi hướng, như thế thì chính quý vị đang hành Bồ Tát đạo. Đại nguyện thứ tư là “*sám hối*”, đã sám hối rồi bèn tùy hỷ. Chuyện này phải thực hiện bất cứ lúc nào. Đây là tư lương. Chuân bị loại tư lương này sẽ có mối quan hệ rất lớn đối với chuyện thành đạo trong tương lai!

(Kinh) Phục thứ Đại Phạm! Nhược thiện nam tử, nhược thiện nữ nhân, dĩ tịnh tín tâm, quy y ngã pháp, hoặc thú Thanh Văn Thừa, hoặc thú Độc Giác Thừa, hoặc thú Đại Thừa, u ngã pháp trung, tịnh tín xuất gia, thọ Cụ Túc Giới. Ư chư học xứ, thâm tâm kính trọng, u tứ căn bản tánh tội giới trung, kiên cố dững mãnh, tinh cần thủ hộ. Như thị chi nhân, thường vị nhất thiết nhân phi nhân đẳng, tùy trực ủng vệ, danh bất hư thọ nhân thiên cúng dường.

(經)復次大梵！若善男子，若善女人，以淨信心，歸依我法，或趣聲聞乘，或趣獨覺乘，或趣大乘，於我法中，淨信出家，受具足戒。於諸學處，深心敬重，於四根本性罪戒中，堅固勇猛，精勤守護。如是之人，常為一切人非人等，隨逐擁衛，名不虛受人天供養。

(Kinh: Lại này Đại Phạm! Nếu thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân dùng tâm tịnh tín, quy y pháp của ta, hoặc tiến hướng Thanh Văn Thừa, hoặc tiến hướng Độc Giác Thừa, hoặc tiến hướng Đại Thừa, ở trong pháp của ta, tịnh tín, xuất gia, thọ Cụ Túc Giới. Đối với các học xứ, thâm tâm kính trọng, đối với giới về bốn căn bản tánh tội, kiên cố, dững mãnh, siêng ròng gìn giữ, người như thế thường được hết thảy nhân phi nhân v.v... theo sát ủng hộ, bảo vệ, được gọi là “chẳng luống uổng tiếp nhận sự cúng dường của trời, người”).

Trong phần trước nói về kẻ làm ác, phá giới; ở đây, nói về trì giới, so sánh giữa hai đẳng. Nếu có kẻ nam, người nữ, tức là những nam tử rất

thiện lương, rất tốt, những nữ nhân rất tốt, có tâm tịnh tín. Chúng ta đều có tín tâm, nhưng “*tịnh*” thì rất khó. Nói chung là chẳng vì danh, chẳng vì lợi, mong cầu thánh đạo, chẳng phải mong sống ăn bám an nhàn, thấy hòa thượng bèn nghĩ làm hòa thượng rất dễ sống. Trong quá khứ, đã có câu thơ hâm mộ cuộc sống của hòa thượng: “*Thiết giáp tướng quân dạ độ quan, triều thần thị lậu ngũ canh hàn, nhật xuất tam can Tăng vị khởi, khán lai danh lợi bất như nhàn*” (Tướng quân giáp sắt đêm vượt ải, quan đi châu sớm rét buốt xương, trời đã gần trưa, Tăng chữa dậy, xem ra danh lợi chẳng bằng nhàn). Sau khi tôi xuất gia, cảm thấy bài thơ ấy không đúng. Vì sao? “*Nhật xuất tam can Tăng vị khởi*” (Mặt trời mọc cao ba sào, Tăng vẫn chưa dậy). Họ thấy hòa thượng đang ngủ, trọn chẳng biết hai giờ rưỡi sáng hòa thượng đã phải thức dậy, lên chánh điện tụng niệm, uống cháo xong, quá đường xong, trở về nghỉ ngơi đôi chút. Họ trông thấy, tưởng hòa thượng vẫn chưa thức dậy. Có người ngủ một chút, có người tĩnh tọa, họ chỉ thấy khi đó. Hòa thượng hai rưỡi sáng đã thức dậy, quý vị vào chùa miếu mà xem. Chuông, trống vừa gióng, mọi người trong chùa đều thức dậy, quý vị chẳng thể trốn tránh phận sự. Dùng tâm thái như vậy để xuất gia, hâm mộ cuộc sống hòa thượng an nhàn, hoặc là trốn nợ, hoặc là lánh nạn, trà trộn làm hòa thượng. Kể như thế chẳng thể làm một vị hòa thượng tốt, nhưng quý vị cũng chớ nên khinh rẻ hẳn, có ý nghĩa này. Đây là có tâm tịnh tín.

Sau khi đã quy y Phật pháp, người ấy cầu tu đạo, hoặc là tu Tứ Đế, tức Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tu mười hai nhân duyên, hoặc là tu Lục Độ vạn hạnh. Chúng ta nói tổng quát, lấy những pháp ấy làm đại diện, đó là “*tam thừa nhân*”. Người ấy dùng tín tâm thanh tịnh xuất gia như vậy, thọ Cụ Túc Giới. “*Ư chư học xứ*” (Nơi các học xứ): “*Học xứ*” là giới. Đã thọ giới thì phải học, ắt cần phải thọ tỳ-kheo giới rồi mới có thể học. Bỏ Tát giới thì ngược lại, trước đó, phải học cho kỹ rồi mới thọ giới. Tam Quy, Ngũ Giới dễ dàng. Quý vị có thể học trước rồi mới thọ, cũng có thể là thọ rồi mới học. Đó là phương tiện thiện xảo để nhiếp dẫn (nhiếp thọ, tiếp dẫn), nhưng giới của tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni thì khác hẳn. Sau khi đã thọ giới, năm năm đầu của vị tỳ-kheo xuất gia nhất định phải học giới luật. Học giới tinh thông rồi mới có thể học kinh, học luận. Giới luật là trước hết. Đồng thời, khi học phải trọn đủ thâm tâm, thiện tâm, và tịnh tâm. Thâm tâm bao gồm rất nhiều; ở đây nói là thâm tâm, tức là phải có cái tâm chí thành, khẩn thiết. Đại Thừa Khởi Tín Luận giảng thâm tâm phải trọn đủ hết thấy các thiện pháp, những gì đại Bồ Tát đã làm chỉ là thâm tâm, mà cũng là chí thành khẩn thiết. Như vậy thì mới có

thể kiên cố, dũng mãnh, siêng ròng gìn giữ bốn giới căn bản về “*giết, trộm, dâm, dối*”. Thọ giới dễ dàng, giữ bốn giới căn bản rất khó. Do vậy, ắt cần phải kiên cố. “*Kiên cố*” có nghĩa là hết sức kiên cường, bị bất cứ thử thách nào cũng đều chẳng ngã lòng, quý vị mới có thể giữ được bốn giới căn bản. Nếu không, chẳng dễ gì giữ được! Vì có tập khí trong vô lượng kiếp quá khứ, nhưng chỉ hạn định trong giới tương tỳ-kheo, quý vị giữ vững là được rồi.

Trong giới Bồ Tát, cũng là nói đến cái tâm. Như bốn căn bản giới, tâm sân hận chẳng dậy lên, chẳng có cái tâm giết người, sẽ chẳng thể giết người được. Khi quý vị hận thù kẻ khác, cái tâm gì cũng đều nảy sanh. Trước hết, không nói đến chuyện giết người. Quý vị thấy con gián hoặc con chuột, cắn hư thứ gì đó, hay phá hủy thức ăn của quý vị, tâm sân hận lập tức bốc lên. Quý vị muốn bắt nó chính cho nó chết đứ đừ, đấy là sát tâm. Do vậy, quý vị ắt cần phải có tín ngưỡng sâu sắc; đó là ý nghĩa “*kiên cố, dũng mãnh*”. Bốn giới căn bản ấy, quý vị chớ nên lui sụt. Hễ lui sụt đôi chút, xong mất rồi! Tuy chẳng phạm căn bản, chẳng phạm rốt ráo, nhưng xét theo một phương diện, quý vị lại phạm mất rồi. Phải tinh tấn gìn giữ, một tí buông lung cũng không được!

“*Phòng ý như thành*” (Ngăn ngừa tâm ý như gìn giữ thành trì): Giữ giới như ngọc như ý trắng sạch, không tỳ vết, chẳng thể có một tí sứt mẻ, làm như thế nào? Hễ phạm sai lầm, bèn lập tức sám hối. Mỗi nửa tháng bố-tát chính là nêu ra những sai lầm chính mình đã phạm, khiến cho đại chúng Tăng hay biết. Quý vị đã thanh tịnh, lại hoàn nguyện. Điều này giống như y phục đã bẩn, hãy giặt giũ. Giặt xong, vẫn chẳng hoàn toàn sạch sẽ như cũ. Y phục đã rách, đem vá, vá so với giặt còn khó khăn hơn. Tuy nói là đã vá, vẫn có vết vá. Đã phá giới, tuy quý vị đã sám hối, nhưng nói chung vẫn có khuyết điểm. Do vậy, quý vị siêng ròng gìn giữ. Nếu giữ chẳng phạm như thế thì mới có thể được trời, người cúng dường. “*Nhân phi nhân đấng*”, “*phi nhân*” là nói đến quỷ thần. Họ sẽ ủng hộ quý vị, được trời, người cúng dường.

(Kinh) Ư tam thừa trung, tùy sở hân nhạo, tốc năng thú nhập, thành biện cứu cánh. Thị cố, chân thật cầu Niết Bàn giả, ninh xả thân mạng, chung bất hủy phạm như thị tứ pháp. Sở dĩ giả hà? Chư hữu tình loại, yếu do tam nhân đắc Niết Bàn lạc: Nhất giả, y chỉ Như Lai vi nhân. Nhị giả, y ngã thánh giáo vi nhân. Tam giả, y ngã đệ tử vi nhân. Chư hữu tình loại y thử tam nhân, tinh cần tu hành, đắc Niết Bàn lạc. Nhược nhân hủy phạm như thị tứ pháp, ngã phi bỉ sư, bỉ phi

đệ tử.

(經)於三乘中，隨所欣樂，速能趣入，成辦究竟。是故，真實求涅槃者，寧舍身命，終不毀犯如是四法。所以者何？諸有情類，要由三因得涅槃樂：一者、依止如來為因。二者、依我聖教為因。三者、依我弟子為因。諸有情類依此三因，精勤修行，得涅槃樂。若人毀犯如是四法，我非彼師，彼非弟子。

(Kinh: Trong tam thừa, tùy lòng ưa thích mà mau chóng tiến nhập, tu tập hoàn mãn, thành tựu rốt ráo. Do vậy, người chân thật cầu Niết Bàn, thà xả thân mạng, trọn chẳng hủy phạm bốn pháp như thế. Vì có sao vậy? Các loại hữu tình cần phải do ba cái nhân mà đạt được niềm vui Niết Bàn: Một là y chỉ Như Lai làm nhân. Hai là nương theo thánh giáo của ta làm nhân. Ba là nương cậy đệ tử của ta làm nhân. Các loài hữu tình nương theo ba cái nhân ấy, siêng ròng tu hành, đạt được niềm vui Niết Bàn. Nếu có kẻ hủy phạm bốn pháp như thế, ta chẳng phải là thầy kẻ đó, kẻ đó chẳng phải là đệ tử [của ta]).

Trong pháp tam thừa Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, tùy lòng quý vị ưa thích, do cái nhân trong đời trước và trợ duyên bên ngoài trong hiện thời, nhân duyên đã chín muồi [bèn học theo một pháp]. Như thế thì quý vị học pháp Tứ Đế, hoặc học pháp nhân duyên, pháp Lục Độ, chẳng phạm bốn căn bản giới. Các oai nghi tế hạnh khác nếu quý vị trót phạm, hễ sám hối liền thanh tịnh, chẳng chướng ngại quý vị tu đạo, chẳng chướng ngại quý vị thành tựu. Phạm bốn căn bản giới sẽ chướng ngại quý vị tu đạo thành tựu, khi quý vị tu đạo, sẽ chẳng có cách nào tiến nhập! Vì sao nói như vậy? Nếu tu tập đến rốt ráo, như thế thì mới cầu Niết Bàn, cầu đạo lý “*bất sanh, bất tử, bất sanh, bất diệt*”. Do vậy, quý vị giữ giới này, phải giữ kiên cố đến mức độ như thế nào? “*Ninh xả thân mạng*” (Thà xả thân mạng)! Trong giới luật nơi kinh Phật, chẳng sát sanh tới mức độ nào? Bị trói bằng sợi cỏ. Khi gã đạo tặc bắt người ấy, chẳng có gì để trói được, bèn đem sợi thùng cột người ấy xuống cỏ. Hắn biết tỳ-kheo chẳng dám động. Hễ động, cỏ sẽ bị nhổ bật lên; như thế là phá giới. Các đạo tặc Ấn Độ đối với người xuất gia tin tưởng như thế đó. Đó gọi là “*thảo hệ tỳ-kheo*” (草繫比丘, tỳ-kheo bị buộc vào cỏ). Nếu như vậy, vị ấy sẽ thành đạo. Đó gọi là “*dũng mãnh tinh tấn*”.

Chúng ta đều có phương tiện thiện xảo. Vì sao phải cột vị ấy vào

cỏ? Quý vị cột vị ấy vào cây, vị ấy sẽ nghĩ cách tháo gỡ, tự bỏ chạy, có phải là như vậy hay không? Đây là nói tới chuyện trì giới kiên cố, vị ấy thà xả thân mạng, trọn chẳng phạm bốn pháp như thế, chẳng phạm bốn giới dâm, giết, trộm, dối. Vì sao phải nói như vậy? “*Sở dĩ giả hà?*” (Vì có sao vậy?): Nhằm nói hết thấy các loài hữu tình phải do ba cái nhân mà đạt được niềm vui Niết Bàn. Ba cái nhân ấy, đầu tiên là y chỉ Như Lai. “*Y chỉ Như Lai vi nhân*” (Nương cây Như Lai làm cái nhân). Mở rộng hơn một chút, sẽ là y chỉ thiện tri thức, nương cây Phật, phải nương vào thánh giáo, phải nương vào pháp. Như Lai là nhân, thánh giáo là nhân, tức là dùng pháp làm nhân. Lại còn phải nương cây đệ tử của ta, cũng tức là y chỉ Tăng. Đó gọi là y chỉ Tam Bảo làm nhân. Sau đó, sẽ tiếp nhận lời chỉ dạy, đây là nói Tam Tạng kinh, luật, luận đều được bao gồm trong ấy, hoàn toàn chẳng phải chỉ chuyên nói về giới luật, mà Kinh và Luận cũng đều được gộp vào trong đó. Hết thấy loài hữu tình, hết thấy chúng sanh nương vào ba cái nhân ấy, tức là nương theo Phật, Pháp, Tăng siêng năng tu hành, sẽ có thể chứng đắc niềm vui Niết Bàn.

Những điều này tôi đã giảng ở hội quán Thanh Tuyền tại Đài Bắc bốn lần, giảng về quy y Tam Bảo, cũng là nói nương theo Tam Bảo để tu hành là đủ rồi. Nương theo “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, ngày đêm trì tụng “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, công đức vô lượng. Vì thế, coi điều này là cái nhân. Lại còn có trợ duyên. Đã có ba cái nhân ấy, siêng ròng tu hành, tinh tấn dũng mãnh tu hành, chẳng giải đãi. Kinh Đại Tập Thập Luân dạy cách tu bằng “*trì lai khứ niệm*”, tức là quán hơi thở ra vào. Đây đều là phương pháp tu hành. Vì thế, Tam Bảo làm nhân, tức là quý vị chẳng phân biệt người nào phạm giới hay chẳng phạm giới, không quan tâm, chỉ quan tâm giữ sao cho cái tâm của chính mình tốt đẹp. Cái nhân ấy gieo trong tâm quý vị. Đức Phật dạy: Đối với hết thấy các đệ tử của ta, quý vị chẳng cần phân biệt họ. Quý vị đối xử bình đẳng với hết thấy Tăng chúng, đối với thánh tăng ta cũng thế, mà đối với phàm phu tăng, ta cũng coi như thánh tăng. Đối với thánh tăng và phàm phu tăng, chẳng khởi phân biệt. Chẳng nói “*vị Tăng này tu đạo, tu hành tốt lắm. Nếu ta cúng dường vị ấy, phước báo sẽ to hơn một chút. Ông Tăng kia là hòa thượng phá giới, ta cúng dường hắn, chỉ sợ phước báo của ta bị giảm bớt*”. Quý vị đừng phân biệt như thế! Nếu quý vị chẳng có cái tâm phân biệt, sẽ đều trở thành cúng dường thánh tăng. Như thế thì quý vị sẽ gieo phước báo, sẽ đạt được phước báo, đạo tu hành là như thế đó.

Nếu quý vị thấy đây là tượng đất nặn, tượng gỗ khắc, nói đó là

tượng giấy, [phân biệt] tượng vẽ trên giấy, tượng bằng đất đắp, tượng bằng gỗ khắc, đương nhiên là sẽ chẳng linh. Giấy thì linh nổi gì? Quý vị coi đó là Phật thật sự, thì sẽ linh. Đó là cái tâm của quý vị linh. Đây chính là Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo ở ngay trong tâm quý vị, làm cái nhân tu đạo cho quý vị. Quý vị có tịnh tín, tức là có tín tâm thanh tịnh thì mới có thể tiến nhập, mới có thể đạt tới vô phân biệt. Nếu chẳng có tín tâm thanh tịnh, làm sao có thể vô phân biệt cho được? Hai con mắt của chúng ta dùng ý thức và nhãn thức sẽ có phân biệt. Theo thói quen, còn chẳng đợi thiệt căn nếm thử, quý vị đã biết đắng, cay, chua, ngọt. Khổ qua nhất định là đắng! Phải luôn canh giữ loại đạo lý này. Đó là nói hết thấy các hữu tình phải y chỉ ba cái nhân ấy, siêng ròng tu hành, thì mới có thể đạt được niềm vui Niết Bàn. Nếu hủy phạm bốn pháp như thế, phạm phải “*dâm, giết, trộm, dối*”, ta chẳng thừa nhận kẻ đó là đệ tử của ta. “*Ngã phi bỉ sư, bỉ phi đệ tử*” (Ta chẳng phải là thầy của kẻ đó, kẻ đó chẳng phải là đệ tử), phải trục xuất ra khỏi Phật pháp!

(Kinh) Nhược nhân hủy phạm như thị tứ pháp, tác vi vi việt ngã sở tuyên thuyết thậm thâm quảng đại vô thường, khổ, không, vô ngã, tương ứng lợi ích, an lạc nhất thiết hữu tình biệt giải thoát giáo. Nhược việt như thị biệt giải thoát giáo, tác u nhất thiết Tịch Lự, đẳng trì, giai thành manh minh, bất năng thú nhập, vị chư phiền não ác nghiệp triển phục. U tam thừa pháp, diệc vi phi khí, đương đọa ác thú, thọ chư trọng khổ. Nhược thiện nam tử, nhược thiện nữ nhân, u ngã sở thuyết biệt giải thoát giáo, sở chế tứ chủng căn bản trọng tội, thanh tịnh vô phạm, ngã thị bỉ sư, bỉ thị đệ tử, tùy thuận ngã ngữ, thiện trụ ngã pháp, nhất thiết sở tác, giai đương thành mãn. Thử nhân thiện trụ Thi La Uẩn cố, danh vị thiện trụ nhất thiết thiện pháp. Hoặc danh cụ túc trụ Thanh Văn Thừa, hoặc danh cụ túc trụ Độc Giác Thừa, hoặc danh cụ túc trụ u Đại Thừa. Sở dĩ giả hà? Nhược năng hộ trì như thị tánh tội tứ căn bản pháp, đương tri tác vi kiến lập nhất thiết hữu lậu, vô lậu, thiện pháp thắng nhân. Thị cố, hộ trì như thị tứ pháp, danh vi nhất thiết thiện pháp căn bản.

(經)若人毀犯如是四法，則為違越我所宣說甚深廣大，無常、苦、空、無我、相應利益、安樂一切有情別解脫教。若越如是別解脫教，則於一切靜慮，等持皆成盲冥，不能趣入，為諸煩惱惡業纏縛。於三乘法，亦為非器，當

墮惡趣，受諸重苦。若善男子，若善女人，於我所說別解脫教，所制四種根本重罪，清淨無犯，我是彼師，彼是弟子，隨順我語，善住我法，一切所作，皆當成滿。此人善住尸羅蘊故，名為善住一切善法。或名具足住聲聞乘，或名具足住獨覺乘，或名具足住於大乘。所以者何？若能護持如是性罪四根本法，當知則為建立一切有漏，無漏善法勝因。是故，護持如是四法，名為一切善法根本。

(Kinh: Nếu kẻ nào hủy phạm bốn pháp như thế, tức là đã trái vượt giáo pháp biệt giải thoát “vô thường, khổ, không, vô ngã”, tương ứng lợi ích, an lạc hết thấy hữu tình rất sâu rộng lớn do ta đã tuyên nói. Nếu vượt giáo pháp biệt giải thoát như thế thì đối với hết thấy Tỳn Lự, đấng trị, đều trở thành mù tối, chẳng thể tiến nhập, bị các ác nghiệp phiền não trói buộc, mà cũng chẳng phải là căn khí thích hợp để tu pháp tam thừa, sẽ đọa trong đường ác, chịu các sự khổ nặng nề. Nếu thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân, đối với bốn loại căn bản trọng tội do ta chế định trong giáo pháp biệt giải thoát mà giữ thanh tịnh, chẳng trái phạm, ta là thầy người đó, người đó là đệ tử của ta, tùy thuận lời ta, khéo trụ trong pháp của ta, hết thấy việc làm sẽ đều thành tựu viên mãn. Người đó do khéo trụ trong Thi La Uẩn, cho nên gọi là khéo trụ trong hết thấy các pháp lành. Hoặc gọi là trụ trọn đủ trong Thanh Văn Thừa, trụ trọn đủ nơi Độc Giác Thừa, hoặc gọi là trụ trọn đủ trong Đại Thừa. Vì có sao vậy? Nếu có thể hộ trì bốn pháp căn bản thuộc về tánh tội như thế, hãy nên biết đó chính là kiến lập cái nhân thù thắng cho hết thấy thiện pháp hữu lậu và vô lậu. Vì thế, hộ trì bốn pháp như thế thì gọi là căn bản của hết thấy các thiện pháp).

Nếu kẻ nào hủy phạm bốn pháp như thế chính là trái nghịch pháp biệt giải thoát “vô thường, khổ, không, vô ngã” rộng lớn rất sâu tương ứng lợi ích, an lạc cho hết thấy hữu tình do ta đã nói. Vì đã trái nghịch, vượt qua, cho nên cũng là đã phạm. Trái vượt điều gì vậy? Chính là hết thấy các pháp do ta đã nói, nói chung là vô thường, khổ, không, vô ngã, bốn pháp ấy tương ứng với Niết Bàn. Các pháp ấy tương ứng với bất sanh, bất tử, cho đến tương ứng thành tựu đạo nghiệp. Nếu chẳng trái phạm bốn pháp ấy, tương ứng Tứ Thánh Đế Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, có thể khiến cho hết thấy chúng sanh đạt được lợi ích, cho đến khiến cho hết thấy chúng sanh có thể giải thoát.

“*Biệt giải thoát*”: Quý vị trì một giới, sẽ giải thoát trói buộc. “*Trì một giới, sẽ giải thoát các trói buộc*”, đây chính là giải thoát. Hai trăm năm mươi giới thanh tịnh chẳng phạm, chứng quả A La Hán, phân biệt giới giải thoát như thế. Nếu trái vượt, sẽ là vi phạm.

“*Tắc u nhất thiết Tĩnh Lự, đẳng trì, giai thành manh minh*” (Tức là đối với hết thầy Tĩnh Lự, đẳng trì, đều trở thành tối tăm): Đẳng Trì (等持) là trì hết thầy các pháp, bình đẳng trì “pháp nghĩa” của hết thầy các pháp. “*Manh minh*” (盲冥) là kẻ mù, “*minh*” (冥) là tối tăm. Trong khi quý vị tu Định, tu pháp, cho đến học giáo nghĩa, quý vị đều chẳng thể tiến nhập, là một bầu tối tăm. “*Manh*” (盲) là thứ gì cũng chẳng trông thấy. Chúng ta có mắt, chẳng phải là mù, nhưng trong chỗ tối tăm mà chẳng có ánh đèn, chẳng có ánh sáng mặt trời, chẳng có ánh sáng mặt trăng, khi chẳng có tam quang (ánh sáng đèn, ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trăng), quý vị cũng là mù, cũng chẳng thấy chi hết. Do vậy, chẳng thể tiến nhập. Quý vị tiến nhập Niết Bàn bằng cách nào? Bị các ác nghiệp phiền não trói buộc.

“*U tam thừa pháp, diệc phi pháp khí*” (Đối với các pháp tam thừa, cũng chẳng phải là pháp khí): Các ác nghiệp phiền não như thế đó, các ác nghiệp đã tạo đều chẳng thuận pháp tánh, chẳng tương ứng với giải thoát. Đây là ác nghiệp. Hoặc là nói chúng ta có rất nhiều phiền não; đây là vì những chuyện chúng ta đã làm toàn là sanh ra phiền não, chẳng nẩy sanh công đức. Công đức không có chỗ để nương tựa, những gì quý vị đã làm chẳng đáng trông cậy, là sanh phiền não, chẳng thể sanh ra công đức, chẳng thể sanh thiện pháp. Vì ác pháp quán trói quý vị, suốt ngày ở trong phiền não, quý vị còn có thể tu đạo nổi ư? Cho đến quý vị tu đạo tốt hay xấu, sau khi đã tin Phật, bất luận quý vị niệm kinh hay tu Định; đây là cách tốt nhất để kiểm tra, cảm nhận phiền não của chính mình như thế nào. Quý vị thấy gì, trong tâm đều chẳng vui sướng. Sau khi quý vị đã tin Phật, quy y Tam Bảo, thọ Tam Quy, cho đến Ngũ Giới, sở dĩ quý vị chẳng đạt được lợi ích, là vì quý vị vẫn đang ở trong phiền não. Phiền não tương ứng với đường ác, tương ứng với nghiệp bất thiện, tương ứng với ác nghiệp. Chẳng phiền não là tương ứng với thiện pháp, tương ứng với thiện nghiệp.

Nếu có thể thủ hộ tốt đẹp bốn giới căn bản, đức Phật nói như thế nào, ta bèn làm như thế đó. “*Tùy thuận ngữ ngữ, thiện trụ ngữ pháp*” (Tùy thuận lời ta, khéo trụ trong pháp của ta): Y giáo phụng hành. Đức Phật nói như thế nào, người đó liền làm như thế ấy, thường trụ trong Phật pháp. Pháp ấy là pháp gì? Phật pháp là tâm pháp của quý vị. Văn

Thù Bò Tát dạy chúng ta “*thiện dụng kỳ tâm*”. “*Thiện dụng kỳ tâm*” (Khéo dùng cái tâm) là đoạn phiền não. Bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, cũng đều vận dụng cái tâm của quý vị rất khéo, dùng đến mức tuyệt diệu. Chúng ta thấy rất nhiều người khéo dùng cái ác, tự cho là chính mình có rất nhiều ưu điểm, có rất nhiều chủ ý, dường như là rất có biện pháp, nhưng ý niệm của họ là ác niệm, chẳng hữu dụng đối với điều thiện cho lắm! Những sự nghiệp kẻ ấy đã thực hiện, làm sao có thể thành tựu cho nổi?

Nếu “*tùy thuận ngã ngữ, thiện trụ ngã pháp*” (tùy thuận lời ta, trụ trong pháp của ta), vậy thì hết thảy những gì kẻ ấy đã làm sẽ đều “*thành mãn*”, tức là thành tựu viên mãn, chẳng thiếu khuyết. “*Thử nhân thiện trụ Thi La Uẩn*” (Người ấy khéo trụ trong Thi La Uẩn): Thi La (Śīla) là Luật. Thi La có nghĩa là quý vị khéo ngừa sai, dứt ác. Dứt ác sẽ sanh ra thiện pháp. Đó là hàm nghĩa của Thi La. “*Uẩn*” (蘊) là ẩn tàng. Trong Thi La, ẩn tàng vô lượng thiện pháp, vô lượng công đức. Đó mới gọi là “*hân thiện trụ nhất thiết thiện pháp*” (vui thích khéo trụ trong hết thảy các pháp lành), “*hoặc danh cụ túc trụ Thanh Văn Thừa*” (hoặc gọi là trụ trọn đủ trong Thanh Văn thừa), “*hoặc danh cụ túc trụ Độc Giác Thừa*” (hoặc gọi là trụ trọn đủ trong Độc Giác thừa), “*hoặc danh cụ túc trụ Đại Thừa*” (hoặc gọi là trụ trọn đủ trong Đại Thừa). Như thế bèn trụ trong tam thừa!

Mọi người hãy ngẫm xem, bốn giới “*dâm, giết, trộm, dối*” này, trong quá khứ, tuy chẳng phạm nghiêm trọng như vậy, nhưng trong tâm ta không không chế, không ngưng dứt được. Ta thấy món đồ tốt của người khác, trong tâm mong có được, mong chiếm làm của riêng, đó là phạm giới trộm cắp. Sanh khởi mong tưởng quá phận, giống như hoa có chủ, không có chủ thì không tính, trên núi không tính. Hoa “có chủ” [ở đây nói theo ý nghĩa] hoa để cúng Phật, quý vị tới đó ngửi một chút, đó là “*trộm hương*”. Hương dành để cúng Phật, khi mua hương, hoặc mua hoa, quý vị đừng ngửi trước. Nếu quý vị chẳng mua nó, chẳng dành để cúng Phật, quý vị chẳng có ý niệm dùng để cúng Phật thì có thể ngửi một chút.

Nếu quý vị đã xác định, ta mua hoa này để cúng Phật, hễ ngửi một chút thì là “*trộm hương*”. Quý vị chẳng được Phật cho phép, đã cầm lên ngửi, tức là “*trộm hương*”, không được rồi! Giới trộm cắp hết sức khó giữ. Ta chẳng trộm cắp thứ gì của ai đó, còn phạm giới trộm cắp ư? Rất nhiều người khi tôi bảo họ phạm giới trộm cắp, họ chẳng thừa nhận: “Tôi ăn trộm đồ của người ta ư?” Suốt một ngày, quý vị đều có cái tâm

trộm cắp, nghiệp ăn trộm, cách ăn trộm, duyên ăn trộm, rất nhiều! Do vậy, pháp sư Hoằng Nhất soạn riêng một quyển sách nói về giới tướng của giới trộm cắp. Giới tướng của giới trộm cắp rất khó giữ. Nhưng đối với chúng ta mà nói, hễ dời [một vật gì đó] khỏi chỗ vốn có của nó là đã vi phạm. Giống như đóa hoa này, quý vị cầm nó ra khỏi chỗ vốn có của nó. Sau đó, ta lại hồi hận, đặt nó lại chỗ cũ, đã phạm giới rồi! Vẫn phải sám hối. Chỉ cần dời khỏi chỗ vốn có của nó là đã phạm rồi! Hễ đã xong một niệm thứ nhất thì đã trở thành sự thật. Sau đó hồi hận, niệm thứ hai là trì giới, có sao ta có thể phạm tội ấy? Đây là phạm Ngũ Giới. Dâm, giết, trộm, dối, bốn căn bản đều trọn đủ. Chạy vội vàng đặt lại chỗ cũ, đã phạm rồi, đặt trở lại thì cũng được sám hối. Bất quá đây là lỗi rất nhỏ yếu.

Nói thật ra, nếu chẳng phạm bốn pháp căn bản, tức là đã kiến lập cái nhân thù thắng của hết thảy thiện pháp hữu lậu và vô lậu. Trong pháp hữu lậu, đó cũng là cái nhân thù thắng. Quý vị mong đạt được phước báo nhân thiên, mong đạt được vinh hoa, phú quý, thì cũng phải nương theo bốn loại pháp này, đó cũng chính là pháp thế gian và xuất thế gian. Hữu lậu là nói đến pháp thế gian, vô lậu là chứng quả vị trong Phật pháp. Phật pháp là vô lậu, chứng đắc quả vị ấy. Đây là cái nhân thù thắng của hết thảy thiện pháp, thù thắng nhất. Nhân là cái nhân có thể sanh khởi, tức là có thể sanh khởi hết thảy thiện pháp, là cái nhân thù thắng nhất. Vì thế, hộ trì bốn pháp như thế, được gọi là căn bản của hết thảy các thiện pháp. Do vậy, quý vị phải hộ trì bốn pháp ấy. Bốn pháp ấy là căn bản của hết thảy các thiện pháp, vì thiện pháp sẽ do bốn pháp ấy mà sanh, từ đây mà sanh.

Chúng ta hãy xem lại, ở đây, nói đến tánh tội. Trong cuộc sống thường nhật, trong mỗi giao tiếp giữa người với người, mọi người hãy nghĩ xem, người chẳng phạm bốn loại tội ấy có được bao nhiêu? Mọi người đến từ Đài Bắc, hãy nhìn lại xem ở Đài Bắc có bao nhiêu người chẳng phạm bốn loại tội ấy? Rất nhiều. Giết chết oan uổng, hãm hại người khác, bịa chuyện hãm hại người khác, sợ rằng rất phổ biến. Người thật sự muốn hộ trì bốn pháp chẳng phạm, đâm ra là thiếu số, kẻ vi phạm trở thành đa số! Do vậy, kinh Đại Tập Thập Luân rất liên quan đến cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Chúng ta phải nên tùy thời, tùy lúc quán tưởng, bốn loại này rất dễ nhớ. Khi khởi tâm động niệm, quán tưởng cũng rất dễ dàng. Giả sử chẳng thanh tịnh, chẳng có tín tâm kiên cố; trong ấy, nảy sanh quá nhiều phiền não, ngàn đầu vạn mối, có đủ loại phương thức, đủ thứ khác nhau. Mọi người biết học giới rất khó! Lão

pháp sư Hoàng Nhất sau khi đã xuất gia, bèn khuyên điếm Nam Sơn tam đại bộ⁶⁶, tam đại bộ là ba bộ luận. Ngài hoàn toàn chẳng phê bình, chú giải, chỉ khuyên điếm đôi chút, chằm câu, ngắt câu thôi mà đã tốn công sức khá nhiều năm. Nếu chúng ta mở ra xem, đâu có kiến thức văn học, cũng chẳng dễ đọc hiểu. Khi Ngài (tổ Đạo Tuyên) viết thì [nguyên bản] còn chưa có chằm câu! Giới luật rất khó học, cho nên chúng ta thọ Tam Quy, Ngũ Giới, nhất định phải tuân thủ Tam Quy, Ngũ Giới. Ngũ Giới chính là bốn căn bản. Có thể giữ kỹ Ngũ Giới thì căn bản của hết thấy thiện pháp đều trọn đủ, thậm chí có thể dần dần thành Phật.

(Kinh) Như y đại địa, nhất thiết dược, cốc, hỷ, mộc, tùng lâm, giai đắc sanh trưởng. Như thị y chỉ cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, nhất thiết thiện pháp giai đắc sanh trưởng. Như y đại địa, nhất thiết chư sơn, Tiểu Luân Vi sơn, Đại Luân Vi sơn, Diệu Cao sơn vương, giai đắc an trụ. Như thị y chỉ cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, chư Thanh Văn Thừa, cập Độc Giác Thừa, vô thượng Đại Thừa, giai đắc an trụ. Như y đại địa, cầu đắc nhất thiết thế gian mỹ vị. Như thị y chỉ cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, cầu đắc nhất thiết Niệm, Định, Tổng Trì, an nhẫn thánh đạo, nãi chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

(經)如依大地，一切藥、谷、卉、木、叢林，皆得生長。如是依止極善護持四根本戒，一切善法皆得生長。如依大地，一切諸山、小輪圍山、大輪圍山、妙高山王，皆得安住。如是依止極善護持四根本戒，諸聲聞乘，及獨覺乘、無上大乘，皆得安住。如依大地，求得一切世間美味

⁶⁶ Do đời Đường, ngài Đạo Tuyên hoằng dương Tứ Luật Tông tại đạo tràng Chung Nam Sơn, nên Luật Tông truyền thừa theo giáo nghĩa của Ngài được gọi là Nam Sơn Luật Tông. Ngài Đạo Tuyên trước tác rất nhiều bản chú giải. Trong đó, có năm tác phẩm được gọi là Nam Sơn Ngũ Đại Bộ được coi là trọng yếu nhất. Về sau, các môn nhân tinh giản thành ba bộ, gọi là Nam Sơn Tam Đại Bộ, tức Tứ Phần Luật San Phồn Bồ Khuyết Hành Sự Sao, Tứ Phần Luật Tỷ Kheo Hàm Chú Giới Bản, và Tứ Phần Luật Tùy Cơ Yết Ma Sớ. Trải qua chiến loạn liên miên vào cuối đời Minh, các tác phẩm ấy bị thất lạc. Cho đến thời Dân Quốc, cư sĩ Từ Ủy Như thỉnh các tác phẩm từ Nhật Bản trở về, đem khắc in tại Thượng Hải, nhưng bị sai sót rất nhiều. Ngài Hoàng Nhất phải đối chiếu với nhiều tạng kinh tại Nhật Bản và Cao Ly, giáo chánh suốt hai mươi năm mới có được bản hoàn thiện. Do cách hành văn theo lối cổ không chằm câu, cho nên nếu không có học vấn rộng rãi, sẽ dễ ngắt câu sai, trở thành hiểu lầm hoàn toàn ý nghĩa.

。如是依止極善護持四根本戒，求得一切念、定、總持、安忍聖道，乃至無上正等菩提。

(Kinh: Như nương vào đại địa, hết thấy được thảo, ngũ cốc, cây cối, rừng rậm đều được sanh trưởng. Y chỉ hộ trì bốn giới căn bản cực thiện như thế, hết thấy thiện pháp đều được sanh trưởng. Như nương vào đại địa, hết thấy các núi, núi Tiểu Luân Vi, núi Đại Luân Vi, núi chúa Diệu Cao, đều được an trụ. Y chỉ hộ trì bốn giới căn bản cực thiện như thế, các Thanh Văn Thừa, và Độc Giác Thừa, vô thượng Đại Thừa đều được an trụ. Như nương vào đại địa, cầu đạt được hết thấy vị ngon trong thế gian. Y chỉ hộ trì bốn giới căn bản cực thiện như thế, cầu đạt được hết thấy Niệm, Định, Tổng Trì, an nhẫn thánh đạo, cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề).

Bốn giới căn bản là “dâm, giết, trộm, dối”. Giới “cấm uống rượu” trong Ngũ Giới không kể vào đó. Giới “không uống rượu” được coi như rất nhỏ. Bốn giới căn bản ấy, bất luận là người quy y Tam Bảo, hay đệ tử thọ Tam Quy Ngũ Giới, hoặc đệ tử Bát Quan Trai Giới, cho đến sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na nữ, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, bầy chúng đệ tử đều cùng tuân thủ. Vì sao gọi là căn bản giới? Vì giới căn bản có thể sanh ra trí huệ căn bản. Nếu phạm vào các giới ấy, chẳng thể sanh trí huệ, mà phước đức cũng đều mất đi. Nếu phá bốn căn bản giới, tất cả hết thấy các thiện pháp của quý vị đều chẳng thể an trụ.

Đức Phật nói tỷ dụ, vì có đại địa thì mới có thể sanh trưởng hết thấy các loại lương thực, các loại dược vật, các loại hoa cỏ, cho đến cây cối. Chúng ta biết: Chẳng có cây cối, chúng ta chẳng thể sanh tồn, cây cối chế tạo dưỡng khí (Oxygen, oxygène). Nếu thành thị thiếu cây cối, sẽ chẳng thể điều hòa dưỡng khí. Nếu chẳng có đại địa, hết thấy sự vật đều chẳng thể tồn tại, có ý nghĩa này. Cũng như vậy, mượn đại địa để tỷ dụ, chúng ta phải hộ trì bốn giới căn bản nhằm mục đích sanh trưởng hết thấy thiện pháp của chúng ta. Giống như đại địa, hết thấy núi non phải dựa vào đại địa để an trụ. Hết thấy các thiện pháp đều phải cậy vào hộ trì bốn giới căn bản. Nếu sau khi đã thọ Tam Quy, mà chẳng thọ Ngũ Giới, căn bản là người ấy chẳng phạm. Nếu kẻ đó phạm bốn giới căn bản này, sẽ bị quốc pháp chế tài. Phạm bốn giới căn bản này, từ cổ đến nay, pháp luật quốc gia sẽ đều chế tài. Như vậy thì kẻ đó chẳng phạm giá tội, nhưng công đức và thiện pháp mà người ấy đã đạt được sẽ chẳng thể sanh trưởng, sanh trưởng hết sức chậm chạp!

Nếu sau khi quý vị đã vào Phật môn, mong đắc Thiên Định, đắc tam-muội. “*Tổng trì*” là tam-muội, đắc đà-la-ni, cho đến đắc Lục Độ vạn hạnh, thậm chí thành Phật, mà nếu chẳng hộ trì bốn giới căn bản này, quý vị mong đạt được niêm thanh tịnh, đắc định thanh tịnh, đắc tam-muội, sẽ đều chẳng thể được, càng chẳng mong chỉ thành Phật được! Giống như đại địa chẳng chọn lựa, nó là bình đẳng. Do vậy, bất luận quý vị có gì sạch sẽ, hay chẳng sạch sẽ, nó chẳng phân biệt, đều bình đẳng gìn giữ, chẳng lựa chọn, chẳng thể nói “thanh tịnh thì ta mới duy trì, không thanh tịnh ta sẽ không duy trì”. Đức Phật dùng điều này để sánh ví tỳ-kheo phá giới. Nếu đã phạm bốn giới căn bản, sẽ lại như thế nào? Như trong phân trước chúng tôi đã nói, đế vương Sát-đế-lợi, hoặc Bà-la-môn, cho đến hai chúng đệ tử tại gia, hết thấy mọi người đều phải tôn kính người xuất gia, chớ nên phá hoại, chớ nên rêu rao lỗi kẻ đó!

(Kinh) Hựu như đại địa, u tịnh, bất tịnh, giai đẳng nhậm trì. Cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, chư thiện nam tử cập thiện nữ nhân diệc phục như thị. Ư thử pháp khí cập phi pháp khí, kỳ tâm bình đẳng, bất cơ, bất lộng, bất tự cống cao, bất suất ha cử, năng vi nhất thiết thiện pháp sanh xứ. Hựu như đại địa, nhất thiết hữu tình giai cộng thọ dụng, nhi đắc tồn hoạt. Cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, chư thiện nam tử cập thiện nữ nhân, diệc phục như thị. Ư chư Như Lai sở thuyết chánh pháp, sanh trưởng đệ nhất hoan hỷ tịnh tín. Ư chư hữu tình vô sai biệt tướng, dĩ Tứ Nhiếp Pháp bình đẳng nhiếp thọ, nhất thiết hữu tình giai cộng y chỉ, thọ dụng pháp lạc, nhi tự tồn hoạt”.

(經)又如大地，於淨不淨皆等任持。極善護持四根本戒，諸善男子及善女人亦復如是。於其法器及非法器，其心平等，不譏不弄，不自貢高，不率呵舉，能為一切善法生處。又如大地，一切有情皆共受用，而得存活。極善護持四根本戒，諸善男子及善女人亦復如是。於諸如來所說正法，生長第一歡喜淨信。於諸有情無差別想，以四攝法平等攝受，一切有情皆共依止，受用法樂，而自存活」。

(Kinh: Lại như đại địa, đối với tịnh và bất tịnh đều bình đẳng duy trì. Các thiện nam tử và thiện nữ nhân hộ trì cực tốt đẹp bốn giới căn bản, cũng giống như vậy: Đối với pháp khí và chẳng phải pháp khí, tâm họ bình đẳng, chẳng chê bai, chẳng trào lộng, chẳng tự kiêu căng,

chẳng khinh suất quở trách, cử tội, có thể làm chỗ sanh ra hết thảy các thiện pháp. Lại như đại địa, hết thảy hữu tình đều cùng thọ dụng để được sống còn. Các thiện nam tử và thiện nữ nhân hộ trì cực tốt đẹp bốn giới căn bản cũng giống như thế, đối với chánh pháp do Như Lai đã nói, sanh trưởng niềm tin thanh tịnh hoan hỷ bậc nhất, đối với các hữu tình, chẳng có ý tưởng sai khác, dùng Tứ Nhiếp Pháp để bình đẳng nhiếp thọ, hết thảy hữu tình đều cùng y chỉ, thọ dụng pháp lạc để tự sống còn”).

Tiếp đó, nói đến [mối quan hệ giữa] người xuất gia đối với người xuất gia, hòa thượng đối với hòa thượng. Đối với tỳ-kheo phá giới, phải nên làm như thế nào? Tăng đoàn này giống như đại địa, đối với tịnh và bất tịnh, trì giới thanh tịnh, hay chẳng trì giới thanh tịnh, vẫn đối đãi bình đẳng. Thế nhưng, hộ trì giới thanh tịnh, sẽ dễ thành thánh đạo, dễ thoát ly phiền não, dễ rời lìa khổ nạn. Trong quá khứ, quý vị đã phá bốn giới căn bản, tuy trải qua vô lượng ức đời đều hứng chịu khổ não. Dẫu được lại làm người thì hoặc là tứ chi tàn khuyết, hoặc tinh thần bất bình thường, hoặc chẳng có phước đức, trí huệ. Vậy thì [những người ấy] đối với chuyện tu Định, trì tụng, cho đến chăm lo làm phước như đã nói trong phần trước, sẽ đều chẳng có! Nếu trong quá khứ đã phá căn bản giới; hiện thời, sẽ rất khó lại được nghe pháp, chẳng biết phải trải qua vô lượng ức kiếp, rất khó gặp gỡ Tam Bảo. Vì thế, nói là hết thảy thiện nam tử, thiện nữ nhân hộ trì giới, hãy nên giống như đại địa. Có khi là pháp khí, nghe pháp bèn có thể thọ trì, cũng là vật dụng chứa đựng pháp. Có khi họ tuy nghe pháp, nhưng chẳng phải là vật dụng chứa đựng pháp, sẽ bị rò rỉ mất. Giống như cái chén hoặc cái bát đựng nước, chẳng thể có một lỗ hồng to bằng lỗ kim được. Nếu có chỗ rò rỉ, sẽ chẳng thể đựng nước được, sẽ luôn bị chảy mất. Nhưng chúng ta có thể vá đôi chút, tìm đồ để vá bát. Hiện thời, còn có một cách, dùng băng dính dán ở dưới, dán lỗ hồng lại, nó sẽ chẳng rỉ mất; nhưng vẫn là tàn khuyết! Đại địa đối với hết thảy nhiễm hay tịnh đều có thể đối đãi bình đẳng.

Do vậy, Tăng Bảo trong Tăng chúng, đối đãi những vị xuất gia, hoặc là đối với những vị tại gia thọ Ngũ Giới, cũng là thọ bốn giới căn bản, dẫu họ đã phá giới, tâm quý vị vẫn đối xử với họ bình đẳng. Chớ nên châm chọc, chớ nên cười nhạo, chớ nên đối với họ ra vẻ: “Ta trì giới thanh tịnh, người là đồ phá giới”. Trong các đạo hữu chúng ta, có rất nhiều vấn đề như thế ấy. Đức Phật chuyên thẳng thừng vạch ra các vấn đề ấy, mọi người phải đặc biệt chú ý. Phải dùng cái tâm bình đẳng để đối đãi, chớ nên khinh suất trách móc họ, thậm chí tố giác họ, rêu rao lỗi lầm

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

của họ. Như trong các đạo hữu chúng ta, tuy cùng thọ Tam Quy Ngũ Giới nơi một vị sư phụ mà vẫn chỉ trích lẫn nhau. Nếu chẳng cùng một vị sư phụ, thì càng chẳng cần phải nói nữa! Đấy đều là sai lầm.

Nếu hộ trì như thế, sẽ khiến cho hết thầy các thiện pháp có thể sanh trưởng, những người đã làm chuyện sai lầm phạm giới sẽ cầu mong sám hối. Sau khi sám hối, sẽ thanh tịnh; nhưng kẻ chẳng thể sám hối, chỉ cần kẻ đó có tâm hổ thẹn, có tâm hối lỗi, chẳng tiếp tục làm nữa, đối với hết thầy những gì đã phạm, kẻ đó biết là sai lầm. Dầu chưa sám hối thanh tịnh, kẻ đó chẳng hề tiếp tục làm nữa. Tạo tội ác cũng như thế, mà làm lành cũng là như thế, giống như đã quen nét, đã làm quen tay, không làm, trong tâm họ rất bút rút! Khi tôi ở trong tù, đã hỏi một gã trộm vặt: “Vì sao ăn trộm đồ vật của người ta? Trộm xong, anh lại chẳng hưởng thụ”. Kẻ đó thưa: “Con thấy món đồ gì của người ta mà không lấy trộm, trong tâm ngứa ngáy, cũng chẳng có cách nào ngủ được, cơm cũng chẳng có cách nào nuốt nổi!” Tới khi anh ta đã lấy trộm xong, chính mình cũng chẳng dùng, lấy rồi lại quăng đi, hoặc đem cho người khác, anh ta sẽ an tâm.

Còn nữa, quý vị hỏi kẻ làm nghề đồ tể, [sẽ biết] kẻ đó chẳng làm (chẳng mổ giết súc vật), sẽ không yên bụng. Kẻ làm một loại nghiệp nào đó, loại nghiệp lực ấy khiến cho kẻ đó tiếp tục làm ác, kẻ đó chẳng thể sám hối. Biển Tăng chúng trong Phật giáo cũng giống như thế, giống như đại địa, hết thầy hữu tình trên đại địa đều cùng nhau hưởng thụ, có thể cùng chung sống. Bốn giới căn bản này khiến cho Tăng đoàn tốt đẹp, khiến cho Phật pháp hưng thịnh, có thể tồn tại lâu dài trong thế gian. Vậy thì quý vị hộ trì bốn giới căn bản, Phật pháp có thể tồn tại lâu dài trong cõi đời.

Hoan hỷ tịnh tín bậc nhất là gì? Đối với hết thầy chúng sanh, hết thầy hữu tình chẳng khởi tâm phân biệt, chẳng nghĩ là sai khác. Nhưng trong ấy lại có một vấn đề, đã là chẳng nghĩ sai biệt, [vậy thì] vì sao tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni xuất gia như nhau, mà giới luật của nữ chúng nghiêm ngặt như vậy? Có đến ba trăm bốn mươi tám giới; vì sao nam chúng chỉ có hai trăm năm mươi giới? Đấy chẳng phải là khác biệt! Vì sao người xuất gia thọ giới Bồ Tát nhất định phải thọ mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, hàng tại gia có thể thọ sáu giới trọng, hai mươi tám giới khinh? Đấy chẳng phải là pháp khác biệt, mà là do căn cơ, có kẻ tiếp nhận được, có kẻ chẳng thể tiếp nhận! Nhưng [dù số lượng giới điều chênh lệch], đều yêu cầu quý vị phải có tín tâm thanh tịnh, đừng nên sanh ý tưởng khác biệt, pháp trong ba thừa đều bình đẳng!

Đối với căn cơ này, người ấy có thể tiếp nhận đến mức độ này, liền nói với họ Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đối với người thuộc căn cơ khác, do trình độ bất đồng, liền nói cho kẻ ấy về bố thí, trì giới, nhẫn nhục, Thiên Định, trí huệ, nói cho kẻ ấy biết pháp Lục Độ. Đây chẳng phải là khác biệt, mà là thật sự bình đẳng. Người ấy có thể tiếp nhận bao nhiêu, liền nói cho người ấy bấy nhiêu! Đức Phật có Tứ Nhiếp Pháp để bình đẳng nhiếp thọ, bố thí chẳng chọn lựa đối tượng. Nói kẻ đó là Phật, Bồ Tát, chúng ta sẽ cúng dường. Kẻ đó là chúng sanh khổ sở, chúng ta sẽ thí cho kẻ đó. Bố thí không nhất định là cho chút tiền, mà còn bao gồm Pháp Thí: Quý vị thuyết pháp cho kẻ đó, điều thứ nhất là bố thí. Như Ái Ngữ tức là nói với người khác những lời họ thích nghe, chẳng thốt lời hung ác, chẳng tùy tiện quở mắng người khác. Đối với bất cứ ai, cũng đều là như thế. Ngay cả đứa trẻ mới mấy tuổi, nó cũng có lòng tự trọng, quý vị cứ quen thói trách mắng. Nếu kẻ làm cha mẹ có chuyện gì chẳng như ý, thuận tay liền giáng cho con một cái tát nỏ đom đóm, hoặc đánh nó mấy cái. Nó có đôi chút sai lầm liền chửi bới, quát tháo, chớ nên!

Lại còn đối với người khác bèn làm chuyện lợi ích, đó là Lợi Hành. Bất luận nơi ngôn ngữ hay hành động, hoặc nơi phương diện tài lợi, bất cứ chuyện gì có lợi cho người khác thì làm nhiều chuyện lợi tha. Đồng Sự là quý vị muốn độ kẻ khác, họ làm gì, quý vị bèn làm giống như thế, thì mới dễ dàng tiếp cận họ, khiến cho tâm họ cảm thấy thân thiết, tiếp nhận. Đức Phật chỉ dạy chúng ta dùng Tứ Nhiếp Pháp để nhiếp thọ hết thảy hữu tình. Như thế thì họ sẽ dễ dàng tiếp nhận. Vì lúc Phật pháp tồn tại trên thế gian, hết thảy hữu tình đều cùng y chỉ. Y chỉ thì họ sẽ có thể đạt được pháp hỷ, có thể đạt được sự vui sướng nơi pháp. Vậy thì “sống còn” bao gồm hai loại: Một loại là sống còn theo pháp thế gian, chẳng tranh đua với đời, cuộc sống rất ít phiền não. Một loại sống còn khác là ở trong giáo, tức là trong Phật pháp, thường xuyên hành đạo như thế, trưởng dưỡng Pháp Thân của chính mình.

Đức Phật nói đoạn này xong, tôn giả Ưu Ba Ly cảm thấy thắc mắc, hỏi đức Phật: “Đối với các ác hạnh tỷ-kheo, con nên xử trí như thế nào?” Đoạn kế tiếp sẽ nói về chuyện đó.

(Kinh) Nhĩ thời, tôn giả Ưu Ba Ly văn Phật sở thuyết, tùng tòa nhi khởi, chinh lý y phục, đánh lễ Phật túc, thiên đản nhất kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng, cung kính, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, cực thiện hộ trì tứ căn bản giới, chư thiện nam tử cập thiện nữ nhân, kỳ pháp khí cập phi pháp khí, kỳ tâm bình đẳng,

bất cơ, bất lộng, bất tự công cao, bất suất ha cử. Nhược như thị giả, vị lai thế, hữu chư bất-sô phá giới, ác hạnh, thật phi sa-môn, tự xưng sa-môn, thật phi phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh, chư bất-sô Tăng vị thị nhân đẳng, vân hà phương tiện ha cử, khu tấn?”

(經)爾時，尊者優波離聞佛所說，從座而起，整理衣服，頂禮佛足，偏袒一肩，右膝著地，合掌恭敬白佛言：「世尊！如佛所說，極善護持四根本戒，諸善男子及善女人，於其法器及非法器，其心平等，不譏不弄，不自貢高，不率呵舉。若如是者，於未來世，有諸苾芻破戒惡行，實非沙門，自稱沙門，實非梵行，自稱梵行。諸苾芻僧，於是人等，云何方便呵舉驅擯？」

(*Kinh: Lúc bấy giờ, tôn giả Ưu Ba Ly nghe lời đức Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, đánh lễ dưới chân đức Phật, trật một bên vai áo, gối phải đặt sát đất, chắp tay, cung kính bạch với đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Như đức Phật đã nói, các thiện nam tử và thiện nữ nhân hộ trì cực tốt đẹp bốn giới căn bản, đối với pháp khí và chẳng phải pháp khí, tâm họ bình đẳng, chẳng chê bai, chẳng cười nhạo, chẳng tự kiêu căng, chẳng khinh suất quở mắng, cử tội. Nếu là như vậy thì trong đời vị lai, có các bất-sô phá giới, ác hạnh, thật sự chẳng phải là sa-môn, tự xưng là sa-môn, thật sự chẳng phải là phạm hạnh, mà tự xưng là phạm hạnh, các vị bất-sô Tăng đối với những người ấy sẽ dùng cách nào để quở trách, cử tội, trục xuất?”*)

Tôn giả Ưu Ba Ly (Upāli) là vị trì luật bậc nhất trong các đệ tử Phật. Luật Tạng được kết tập là do tôn giả Ưu Ba Ly chủ trì kết tập, Ngài hộ trì giới luật. Ngài nghe đức Phật nói, đối với hết thảy đều phải bình đẳng như thế, vẫn chẳng quở trách tỳ-kheo phá giới, ác hạnh. Nếu nói như vậy, Tăng đoàn sẽ phải làm như thế nào? Ngài liền hỏi đức Phật. Phần đầu đoạn kinh văn này nói về các nghi thức khi Ngài thỉnh vấn. Ngài hỏi, chiếu theo lời đức Phật dạy, thiện nam tử, thiện nữ nhân hộ trì bốn giới căn bản, đây là pháp khí. Nếu đối với kẻ chẳng phải là pháp khí, phá giới, [cụ thể là] phá bốn giới căn bản, phải đối xử bình đẳng với họ như thế nào? Lại còn chẳng cho phép gièm chê, trào phúng họ, chẳng được phép trêu chọc họ.

Tỳ-kheo trì giới chẳng được kiêu căng, ngã mạn, chẳng thể tùy tiện quở mắng, cử tội tỳ-kheo phá giới. Nếu là như vậy, trong tương lai,

những kẻ phá giới, ác hạnh ấy, căn bản chẳng phải là sa-môn, tự xưng sa-môn, những gì kẻ đó làm đều là ô nhiễm. Kẻ đó tự nói là phạm hạnh, là thanh tịnh hạnh, [vậy thì] trong đại chúng, phải chế tài kẻ đó như thế nào?

(Kinh) Phật cáo tôn giả Ưu Ba Ly ngôn: “Ngã chung bất hứa ngoại đạo, tục nhân cử bất-sô tội, ngã thượng bất hứa chư bất-sô Tăng bất y pháp, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô, hà hướng khu tẫn? Nhược bất y pháp, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô, hoặc phục khu tẫn, tiện hoạch đại tội.

(經)佛告尊者優波離言：「我終不許外道，俗人舉苾芻罪，我尚不許諸苾芻僧不依於法，率爾呵舉破戒苾芻，何況驅擯？若不依法，率爾呵舉破戒苾芻，或復驅擯，便獲大罪。」

(Kinh: Đức Phật bảo tôn giả Ưu Ba Ly rằng: - Ta trọn chẳng cho phép ngoại đạo và kẻ thế tục cử tội bất-sô, ta còn chẳng cho phép các bất-sô Tăng chẳng theo đúng pháp, khinh suất quả trách, cử tội phá giới bất-sô, hướng hồ trục xuất? Nếu chẳng theo đúng pháp mà tùy tiện quả mắng, cử tội phá giới bất-sô, hoặc lại xua đuổi, sẽ mắc tội lớn).

Trong Phật pháp, “ngoại đạo” tức là chẳng thuộc vào Phật giáo. Lại còn có kẻ tại gia, tức tục nhân, cho đến quốc vương, đại thần, [đức Phật] chẳng cho phép họ cử tội người xuất gia, không cho phép họ trùng trị tà hạnh của người xuất gia. Nếu lúc cần phải quả trách, cử tội họ, phải vâng theo pháp. Vâng theo pháp gì vậy? Đức Phật đối với tỳ-kheo phạm giới có bảy loại phương pháp chế tài. Bảy thứ chế tài nào vậy? Cũng là làm pháp sự. Thứ nhất là hiện tiền pháp, thứ hai là ức niệm pháp, thứ ba là bố thí pháp, thứ tư là tự nhiên chế pháp, thứ năm là nghịch tội hướng pháp, thứ sáu là đa nhân dữ pháp (nhiều người chấp thuận cho kẻ đó được phép sám hối hay không), thứ bảy là thảo phụ địa pháp (cho phép người phạm tội tự sám hối, sám hối tội khiên)⁶⁷. Phải dựa theo những điều ấy để làm pháp Yết Ma.

⁶⁷ Do đây là những pháp dành riêng cho người xuất gia, lão pháp sư không tiện giải thích chi tiết, chỉ nêu danh xưng. Trong luật điển của hàng xuất gia thì có giải thích cụ thể.

Kê tội tỳ-kheo thì phải vâng theo pháp, cũng tức là muốn quả trách, cử tội vị tỳ-kheo phá giới, phải do chư Tăng [thực hiện]. Một người không được, tối thiểu là phải có ba vị Tăng trở lên thì mới được phép cử tội tỳ-kheo. Quý vị chẳng vừa ý ông ta, thấy ông ta phá giới, nội tâm sanh khởi phiền não, liền tùy tiện quở mắng, cử tội, trách móc vị tỳ-kheo phá giới ấy, hoặc là đuổi ra, [hay nói trang trọng hơn là] “*khu tãn*” (驅擯).

“*Tiên hoạch đại tội*” (Liên mắc tội lớn). Đây là tội của chính mình, phải chịu lấy trừng phạt. Tội ấy đương nhiên chẳng phải là Tăng Già bố-tát, mà cũng chẳng phải là tội Ba La Di, mà là phạm tội chửi mắng Tăng, tội coi thường Tam Bảo, tội phá hoại Tam Bảo. Tội của quý vị rất lớn. Do vậy, sau khi nói xong, đức Phật liền bảo ngài Ưu Ba Ly...

(Kinh) Ưu Ba Ly! Nhữ kim đương tri, hữu thập phi pháp, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô, tiệp hoạch đại tội, chư hữu trí giả giai bất ưng thọ. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, bất hòa Tăng chúng, v quốc vương tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Nhị giả, bất hòa Tăng chúng, Phạm-chí chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Tam giả, bất hòa Tăng chúng, tế quan chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Tứ giả, bất hòa Tăng chúng, v chư trưởng giả, cư sĩ chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Ngũ giả, nữ nhân chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Lục giả, nam tử chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Thất giả, tịnh nhân chúng tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Bát giả, chúng đa bất-sô, bất-sô ni tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Cửu giả, túc oán hiềm tiền, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Thập giả, nội hoài phân hận, suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô. Như thị thập chủng, danh vi phi pháp suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô, tiệp hoạch đại tội. Thiết y thật sự nhĩ ha cử giả, thượng bất ưng thọ, huống v phi thật? Chư hữu thọ giả, diệc đắc đại tội!

(經)優波離！汝今當知，有十非法，率爾呵舉破戒苾芻，便獲大罪，諸有智者，皆不應受。何等為十？一者、不和僧眾，於國王前，率爾呵舉破戒苾芻。二者、不和僧眾，梵志眾前，率爾呵舉破戒苾芻。三者、不和僧眾，宰官眾前，率爾呵舉破戒苾芻。四者、不和僧眾，於諸長者，居士眾前，率爾呵舉破戒苾芻。五者、女人眾前，率爾呵舉破戒苾芻。六者、男子眾前，率爾呵舉破戒苾芻。七

者、淨人眾前，率爾呵舉破戒苾芻。八者、眾多苾芻，苾芻尼前，率爾呵舉破戒苾芻。九者、宿怨嫌前，率爾呵舉破戒苾芻。十者、內懷忿恨，率爾呵舉破戒苾芻。如是十種，名為非法，率爾呵舉破戒苾芻，便獲大罪。設依實事而呵舉者，尚不應受，況於非實？諸有受者，亦得大罪！

(Kinh: Này Ưu Ba Ly! Ông nay nên biết có mười loại phi pháp khinh suất quả trách, cử tội bất-sô phá giới, liền mắc tội lớn, những người có trí đều chẳng nên tiếp nhận. Những gì là mười? Một là Tăng chúng bất hòa, đối trước quốc vương, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Hai là Tăng chúng bất hòa, đối trước các phạm-chi, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Ba là Tăng chúng bất hòa, đối trước các tể quan, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Bốn là Tăng chúng bất hòa, đối trước các trưởng giả và cư sĩ, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Năm là đối trước các nữ nhân, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Sáu là đối trước các người nam, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Bảy là đối trước các tịnh nhân, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Tám là đối trước nhiều vị bất-sô và bất-sô-ni, khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Chín là đối trước kẻ sẵn có oán hiềm từ trước mà khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Mười là trong lòng ôm nỗi phẫn hận mà khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới. Mười loại như thế gọi là phi pháp khinh suất quả mắng, cử tội bất-sô phá giới, sẽ mắc tội lớn. Nếu dựa theo sự thật để quả mắng, cử tội, còn chẳng nên làm, huống hồ chẳng thật. Những người chấp thuận [sự kể tội ấy] cũng mắc tội lớn!)

Quý vị nay đã biết “hữu thập chủng phi pháp suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô, tiện hoạch đại tội” (có mười loại phi pháp khinh suất quả mắng, cử tội phá giới bất-sô, sẽ mắc tội lớn). Hễ phù hợp với mười loại trách mắng tỳ-kheo ấy, [tội] sẽ thành lập. Người có trí huệ chẳng nên làm như thế. Những gì là mười? Ta nói mười loại phi pháp, mười loại gì vậy? “Tăng chúng chẳng hòa hợp”, phải hết sức chú ý điều này! Phạm là Tăng chúng [chẳng hòa hợp], tức là ý kiến chẳng hòa hợp, hoặc quyền lợi chẳng hòa hợp. Ý kiến chẳng hòa hợp thì mọi người đều biết, quý vị có cách nhìn của quý vị, tôi có cách nhìn của tôi, tranh chấp rất nhiều! Quyền lợi bất hòa tức là phân phối các vật thuộc thường trụ, phân phối chẳng hợp lý, đương nhiên là sẽ chẳng hòa hợp.

Ở Đại Lục cũng như thế, [khi phân chia tiền tín thí cúng dường], vị Đương Gia sư, Tri Khách sư, lão hòa thượng trong chùa, họ lấy hai mươi đồng, quý vị [không giữ chức vụ] chỉ được một đồng. Thời đức Phật tại thế, như vậy là không được! Phật cũng chỉ nhận một đồng! Tôi chỉ nêu thí dụ, thật ra, thời đức Phật tại thế, chẳng có ai cúng dường tiền, đức Phật cũng chẳng nhận tiền. Ngài cấm tỳ-kheo cầm vàng, bạc. Cúng dường y phục, tăng y, muốn cúng dường y thì mỗi vị một bộ. Sau khi tôn giả Ca Lư Đà Di (Kālodāyin) mất đi, tài sản Ngài sở hữu trị giá sáu mươi vạn.

Sáu mươi vạn thuở đó, chẳng biết là bao nhiêu tiền. Thuở đức Phật tại thế, tôn giả Ca Lư Đà Di thị hiện tham lam, cố ý làm ra dáng vẻ đó. Ngài đã chứng quả A La Hán, đạt được vô ngã. Vì sao Ngài còn phải làm như thế? Thị hiện, như thế thì [đức Phật] mới thuận tiện chế giới! Tôi nêu lên thí dụ ấy. Do đó, có mười loại không được phép quở trách tỳ-kheo phá giới như vậy. Điều kiện thứ nhất là “*Tăng chẳng hòa hợp*”, quý vị chẳng thể làm Phật sự, vốn là chẳng hòa hợp. Hoặc là ở trước mặt quốc vương, “*suất nhĩ ha cử phá giới bất-sô*” (khinh suất quở trách, cử tội tỳ-kheo phá giới). Quốc vương đến chùa miếu, đương nhiên là vị tỳ-kheo phá giới chẳng thể tiếp nhận [bị quở trách, cử tội], ông ta cũng coi thường quốc vương. Tỳ-kheo phá giới rất kiêu ngạo, ngay cả giới còn chẳng thọ, ông ta còn sợ gì chứ? Hai là Tăng chúng chẳng hòa hợp, ở chỗ phạm-chí⁶⁸ tu hành hạnh thanh tịnh, [*phạm-chí*” tại Ấn Độ] giống như bậc trưởng giả hoặc học giả trong Nho giáo tại Trung Hoa. Ở ngay trước mặt họ, chẳng thể trách lỗi của tỳ-kheo. Ba là Tăng chúng chẳng hòa hợp, đối trước quan trên, quan chức địa phương, hoặc quan viên cao cấp, quý vị chẳng thể trách lỗi của tỳ-kheo, trách cứ ông ta sai trái chi đó. Chuyện này chớ nên! Bốn là Tăng chúng chẳng hòa hợp, đối trước các vị trưởng lão, trưởng giả, cư sĩ, đối trước các vị trưởng giả và cư sĩ thuộc tại gia tục nhân, chẳng thể dễ dãi trách lỗi tỳ-kheo phá giới. Năm là đối trước nữ nhân, chớ nên trách lỗi tỳ-kheo phá giới. Sáu là đối trước những nam tử tục gia, chớ nên khinh suất trách lỗi tỳ-kheo. Bảy là đối trước các vị tịnh nhân, đừng khinh suất trách lỗi tỳ-kheo. Các tịnh nhân ấy sống trong chùa miếu, chẳng phải là người xuất gia. Như chúng ta có

⁶⁸ Phạm-chí (Brahmacārin) có thể hiểu đơn giản là “*chí cầu phạm hạnh*”. Trong một đời của Bà-la-môn, sẽ có một khoảng thời gian họ lẩn tránh tu hành, sống trong núi rừng, hoặc nơi thanh vắng. Thời gian đó gọi là “*phạm-chí*”, hoặc có những Bà-la-môn phát nguyện suốt đời tu hành tịch tịnh, cũng gọi là Phạm-chí.

người tới làm công việc đôi chút, hoặc làm công quả thì gọi là “*tinh nhân*”. Nhưng do họ ở trong chùa lâu ngày, chớ nên ở trước mặt bọn họ mà trách lỗi tỳ-kheo. Thứ tám là đối trước đông đảo bát-sô và bát-sô-ni, mọi người đang hội họp đông đảo, [tức là] đối trước rất nhiều tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni, chớ nên trách lỗi tỳ-kheo, sợ rằng tỳ-kheo [đang được nói ở đây] là tỳ-kheo phá giới! Chín là do đối trước kẻ sẵn có hiềm oán từ trước, vị tỳ-kheo ấy có hiềm oán với những kẻ khác, quý vị chớ nên đối trước người có hiềm oán với ông ta, bèn quở mắng, trách tội của ông ta, chớ nên! Thứ mười là trong tâm ôm nỗi niềm phẫn hận, trong tâm đã dấy lên oán hận, quý vị liền trách lỗi tỳ-kheo, chớ nên! Tuy kẻ đó phá giới, quý vị chẳng thể khinh suất. Chưa thông qua phương cách đúng pháp để chỉ lỗi của ông ta, quý vị sẽ chẳng thể quở trách, cử tội của tỳ-kheo được!

“*Như thị thập chủng, danh vi phi pháp suất nhĩ ha cử phá giới bát-sô*” (Mười loại như thế được gọi là phi pháp khinh suất quở mắng và cử tội của hàng tỳ-kheo phá giới): Ở đây có một vấn đề, mọi người hãy suy ngẫm đôi chút: Tỳ-kheo đã phá giới mà đức Phật còn che chở họ như vậy để làm gì? Vì sao không cho phép người khác quở trách họ? Còn chẳng chấp thuận cho kẻ khác cử tội họ? Quá khứ hết thảy chư Phật đều như thế! Tuy các tỳ-kheo ấy đã phá giới, nhưng chúng tử thanh tịnh hãy còn sót lại, khi kẻ đó có một niệm thọ giới, trong một niệm ấy, cho đến trong quá trình kẻ đó xuất gia, trong tương lai, sẽ nhất định có thể thành Phật. Do vì lẽ ấy, chúng ta liên tưởng hết thảy chúng sanh được nghe Phật pháp, các Bồ Đặc Già La có thể thân cận Phật pháp, sẽ nhất định có thể thành Phật. Thành Phật vào lúc nào? Không nhất định, thời gian sẽ rất dài! Họ đã gieo chủng tử, nhất định sẽ sanh rễ, nảy mầm, tăng trưởng, nhất định có thể thành Phật.

“*Thiết y thật sự nhi ha cử giả, thượng bất ưng thọ, hướng u phi thật*” (Nếu dựa theo sự thật để quở trách, cử tội, còn chẳng nên tiếp nhận, hướng hồ chẳng thật): Kẻ đó phạm sai lầm; phạm giới là sự thật, cũng là tình huống thật sự. Phải nên [thực hiện] trong Tăng chúng, nương theo pháp của Tăng Già để cử tội người ấy. Có hai mươi vị tăng nhân, mười tăng nhân, hoặc [tối thiểu] là ba vị tăng nhân, nương theo pháp Yết Ma như vậy để cử tội người đó. Trong phần kinh văn kê tiếp, sẽ nêu thí dụ. Nếu chẳng làm như vậy, sẽ là phi pháp. Hướng hồ chuyện [phạm giới] ấy, quý vị nghe thấy, có phải là sự thật hay không, vẫn cần phải khảo sát. Chứ nếu [chỉ nghe nói] như vậy mà đã cử tội thì chẳng được! Phạm là vị tỳ-kheo quở trách, cử tội kiểu đó, cũng mắc tội lớn.

“Chư hữu thọ giả nhi y sự thật ha cử tha, thượng bất ưng thọ, hà hưởng bất y sự thật” (Các vị tiếp nhận [lời than phiền], nếu dựa theo sự thật để quả trách, cử tội, còn chẳng nên tiếp nhận [ngay lập tức trước khi điều tra rõ], hưởng hồ [vội vàng quả trách, cử tội dựa theo những lời tố cáo] chẳng dựa trên sự thật). Chư Thọ (受) này nói về điều gì? Có người tố giác, đến lúc đại chúng Tăng tác pháp, chẳng nên tiếp nhận ngay [lời tố cáo ấy để quả trách, cử tội người bị tố giác], trước hết, phải nên điều tra. Điều tra rõ ràng rồi mới chấp nhận [cử tội]. Nếu là sự thật cũng phải thận trọng, bởi [cử tội không thận trọng như vậy] rất dễ phá hoại Tăng đoàn.

Như tỳ-kheo Đại Thiên (Mahadeva) tại Ấn Độ bị quả trách, cử tội, đã đơn độc chia thành một chúng riêng, gồm năm trăm người, lập riêng pháp của ông ta, tức là có thêm pháp của Đại Thiên, [thường gọi là] “*Đại Thiên ngũ pháp*”. Đây là đối với danh tướng của giới luật, vì ý kiến chẳng hợp nhau mà [Tăng đoàn] phân liệt. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, kết tập giới luật, bèn chia thành hai mươi nhóm, tức là lúc ấy chia thành hai mươi bộ phái⁶⁹. Đó là vì ý kiến bất đồng. Quý vị tán thành vị tỳ-kheo này phá giới, muốn tác pháp Yết Ma, tôi không tán thành. Nhóm quý vị tán thành thì quý vị tác pháp, bọn tôi không tán thành, tôi bèn tách ra thành nhóm riêng. Lúc đó, chia thành hai mươi bộ phái. Chuyện này phải học giới Luật mới biết. Đây là chuyện nói về tỳ-kheo hòa hợp chúng. Đối với vấn đề này, đức Phật hết sức thận trọng, đã nói hết sức nhiều.

(Kinh) Phục hữu thập chủng phi pháp ha cử phá giới bất-sô, tiện hoạch đại tội, chư hữu trí giả diệc bất ưng thọ. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, chư dư ngoại đạo ha cử bất-sô. Nhị giả, bất trì cấm giới tại

⁶⁹ Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, do bất đồng về quan điểm giới luật, Tăng đoàn đã tách thành hai nhóm chánh là Thượng Tọa Bộ (Sthaviravāda) và Đại Chúng Bộ (Mahāsāṃghika) do chấp nhận quan điểm của Đại Thiên hay không. Theo thời gian, từ hai nhóm lớn này đã tách ra thành các nhóm nhỏ hơn, gọi chung là các bộ phái:

1) Từ Thượng Tọa Bộ tách ra thành mười một bộ phái là Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivāda), Tuyết Sơn Bộ (Haimavata), Độc Tử Bộ (Vatsīputrīya), Pháp Thượng Bộ (Dharmotara), Hiền Trụ Bộ (Bhadrāyānīya), Chánh Lượng Bộ (Saṃmitīya), Mật Lâm Sơn Bộ (Channagirika), Hóa Địa Bộ (Mahisasaka), Pháp Tạng Bộ (Dharmaguptaka), Âm Quang Bộ (Kāśyapīya) và Kinh Lượng Bộ (Sautrāntika).

2) Đại Chúng Bộ tách thành chín bộ phái: Nhất Thuyết Bộ (Ekavyāvahārika), Thuyết Xuất Thế Bộ (Lokottaravāda), Kê Dân Bộ (Gokulika), Đa Văn Bộ (Bahuśrutīya), Thuyết Giả Bộ (Prajñaptivāda), Chế Đa Sơn Bộ (Caitika), Tây Sơn Trụ Bộ (Aparaśaila), và Bắc Sơn Trụ Bộ (Uttarāśaila).

gia bạch y ha cử bất-sô. Tam giả, tạo Vô Gian tội ha cử bất-sô. Tứ giả, phi báng chánh pháp ha cử bất-sô. Ngũ giả, hủy tử hiền thánh ha cử bất-sô. Lục giả, si cuồng tâm loạn ha cử bất-sô. Thất giả, thống não sở triền ha cử bất-sô. Bát giả, tứ phương Tăng tịnh nhân ha cử bất-sô. Cửu giả, thủ viên lâm nhân ha cử bất-sô. Thập giả, bị phạt bất-sô ha cử bất-sô. Như thị thập chủng phi pháp ha cử phá giới bất-sô, tiện hoạch đại tội. Thiết y thật sự nhi ha cử giả, diệc bất ưng thọ, huống ư phi thật! Chư hữu thọ giả, diệc đắc đại tội.

(經)復有十種非法呵舉破戒苾芻，便獲大罪，諸有智者亦不應受。何等為十？一者、諸餘外道呵舉苾芻。二者、不持禁戒在家白衣呵舉苾芻。三者、造無間罪呵舉苾芻。四者、誹謗正法呵舉苾芻。五者、毀訾賢聖呵舉苾芻。六者、癡狂心亂呵舉苾芻。七者、痛惱所纏呵舉苾芻。八者、四方僧淨人呵舉苾芻。九者、守園林人呵舉苾芻。十者、被罰苾芻呵舉苾芻。如是十種非法呵舉破戒苾芻，便獲大罪。設依實事而呵舉者，亦不應受，況於非實！諸有受者，亦得大罪。

(*Kinh: Lại có mười loại phi pháp quả trách, cử tội phá giới bất-sô, sẽ mắc tội lớn, những người có trí cũng chẳng nên làm theo. Những gì là mười? Một là các ngoại đạo khác quả trách, cử tội bất-sô. Hai là tại gia bạch y chẳng trì giới cấm mà quả trách, cử tội bất-sô. Ba là kẻ tạo tội Vô Gian quả trách, cử tội bất-sô. Bốn là kẻ phi báng chánh pháp quả trách, cử tội bất-sô. Năm là kẻ hủy báng, chê bai hiền thánh quả trách, cử tội bất-sô. Sáu là kẻ si cuồng, loạn tâm quả trách, cử tội bất-sô. Bảy là kẻ bị đau đớn, khổ não trời buộc mà quả trách, cử tội bất-sô. Tám là tịnh nhân của tứ phương Tăng quả trách, cử tội bất-sô. Chín là kẻ trông coi vườn, rừng quả trách, cử tội bất-sô. Mười là bất-sô bị phạt lại quả trách, cử tội bất-sô. Mười thứ quả trách, cử tội phá giới bất-sô phi pháp như thế, sẽ chuốc lấy tội lớn. Nếu dựa theo sự thật mà quả trách, cử tội thì cũng chẳng nên tiếp nhận, huống hồ chẳng thật! Những ai tiếp nhận thì cũng mắc tội lớn).*

Chớ nên tiếp nhận, chớ nên lãnh nạp vấn đề loại này. Những gì là mười? Chớ nên [cho phép] các ngoại đạo quả trách, cử tội tỳ-kheo. Bạch y tại gia chẳng trì giới cấm quả trách, cử tội tỳ-kheo, “*cấm giới*” (禁戒)

[được nói ở đây] là giới cấm tại gia. Quý vị thọ Ngũ Giới hoặc Bát Quan Trai Giới. Đức Phật cấm chỉ, nói theo Luật, hàng bạch y tại gia chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo. Ba là kẻ tạo tội Vô Gian quở trách, cử tội bất-sô. Quý vị đã tạo tội Vô Gian, càng chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo. Dầu quý vị đã sám hối, vẫn chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo. Bốn là kẻ phi báng chánh pháp, chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo. Năm là người hủy báng, gièm chê hiền thánh mà quở trách, cử tội bất-sô. Hạng người này cũng chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo.

Do vậy, bạch y tại gia quở trách, cử tội tỳ-kheo thanh tịnh, quý vị đã phạm tội, tạo tội Vô Gian. Đối với tỳ-kheo phá giới, quý vị cũng chẳng thể quở trách, cử tội người đó. Trước hết, quý vị hãy kiểm tra chính mình thanh tịnh hay không thanh tịnh. Trong phần trên là hòa hợp Tăng chúng. Nếu Tăng chúng chẳng hòa hợp, sẽ chẳng thể cử tội của tỳ-kheo.

“Lục giả, si cuồng tâm loạn ha cử bất-sô” (Sáu là kẻ si cuồng, tâm loạn quở trách, cử tội bất-sô): Nội tâm của quý vị bất bình thường, lời nói chẳng đáng tin. Ngay cả quở trách, cử tội cũng chẳng thể tin tưởng được, [nếu để cho kẻ như vậy tùy tiện cử tội] thì [người cho phép] cũng phạm tội lớn. Kẻ đó tinh thần phân liệt, chớ nên [cho phép kẻ đó quở trách, cử tội]. *“Thất giả, thống não sở triền ha cử bất-sô”* (Bảy là kẻ bị đau khổ trói buộc quở trách, cử tội tỳ-kheo): Bản thân kẻ đó bị phiền não trói buộc, lại tìm tòi khuyết điểm của tỳ-kheo để quở trách, cử tội! *“Bát giả, tứ phương Tăng tịnh nhân ha cử bất-sô”* (Tám là tịnh nhân của tứ phương Tăng quở trách, cử tội bất-sô): *“Tứ phương Tăng tịnh nhân”* là tịnh nhân ở chung với Tăng Già. Chữ *“tịnh nhân”* chuyên chỉ người tại gia, trọn chẳng phải là hàng xuất gia. Họ ở trong chùa làm lụng, cũng là tịnh nhân của Tăng Già. Thứ chín là kẻ trông nom vườn, rừng. Trông nom vườn rừng của Tăng Già, cũng là người thủ hộ tài sản của tăng nhân. Họ chẳng thể quở trách, cử tội tỳ-kheo. *“Thập giả, bị phạt bất-sô ha cử bất-sô”* (Mười là bất-sô bị phạt mà quở trách, cử tội bất-sô): Chính quý vị là kẻ bị xử phạt, chẳng có quyền lực gì để quở trách, cử tội tỳ-kheo.

Mười loại như trên, *“như thị thập chủng phi pháp ha cử phá giới bất-sô, tiện hoạch đại tội. Thiết y thật sự nhi ha cử giả, diệc bất ưng thọ”* (Mười loại quở trách, cử tội phi pháp như thế sẽ mắc đại tội. Nếu họ nương theo sự thật để quở trách, cử tội, cũng chớ nên tiếp nhận): Tăng đoàn chớ nên tiếp nhận, những hạng người trên đây dầu nói sự thật còn chẳng nên tiếp nhận, bởi [những lời cáo buộc của họ] là *“phi pháp”*.

Huống hò, họ chẳng nói sự thật! Nếu ai tiếp nhận [những lời cáo buộc ấy] rồi quả trách tỳ-kheo, sẽ mắc tội lớn. Nói như vậy, tỳ-kheo phá giới có thể ở chung với Tăng chúng hay không?

(Kinh) Phục thứ Ưu Ba Ly! Nhược hữu bất-sô, hủy phạm cấm giới, dĩ Tăng cộng trụ. Ư Tăng chúng trung hữu dư bất-sô, quý tác sở hành giai tất cụ túc, nhất thiết ngũ đức vô bất viên mãn, ưng tòng tòa khởi, chỉnh lý y phục, cung kính đánh lễ bất-sô Tăng túc, tiện chí phá giới ác bất-sô tiền, cầu thỉnh cử tội, tác như thị ngôn: “Trưởng lão ưc niệm! Ngã kim dục cử trưởng lão sở phạm, dĩ thật, phi hư vọng, ưng thời, bất phi thời, nhuễn ngữ, phi thô quánh, từ tâm, bất sân khuê, lợi ích, phi tổn giảm, vị linh Như Lai pháp nhân, pháp đăng cửu xí thịnh cố. Trưởng lão thỉnh giả, ngã đương như pháp cử trưởng lão tội”. Bĩ nhược thỉnh giả, tiện ưng như pháp, như thật cử chi. Bĩ nhược bất thỉnh, phục ưng đánh lễ Thượng Tọa Tăng túc, cung kính bạch ngôn: “Như thị bất-sô phạm như thị sự, ngã y ngũ pháp, như thật cử chi”. Thời, Tăng chúng trung Thượng Tọa bất-sô, ưng thâm quán sát năng cử, sở cử, cập sở phạm sự hư, thật, khinh, trọng, y Tỳ Nại Da, cập Tổ Đát Lãm, phương tiện kiểm vấn, ủy dụ, ha trách, dĩ thất chủng pháp, như ưng diệt trừ. Nhược phạm trọng tội, ưng trọng trị phạt. Nhược phạm trung tội, ưng trung trị phạt. Nhược phạm khinh tội, ưng khinh trị phạt, linh kỳ tầm quý, sám hối sở phạm”.

(經)復次優波離！若有苾芻，毀犯禁戒，與僧共住。於眾僧中有餘苾芻，軌則所行皆悉具足，一切五德無不圓滿，應從座起，整理衣服，恭敬頂禮苾芻僧足，便至破戒惡苾芻前，求聽舉罪，作如是言：「長老憶念！我今欲舉長老所犯，以實非虛妄，應時不非時，軟語非粗獷，慈心不瞋恚，利益非損減，為令如來法眼，法燈久熾盛故。長老聽者，我當如法舉長老罪。」彼若聽者，便應如法，如實舉之。彼若不聽，復應頂禮上座僧足，恭敬白言：「如是苾芻犯如是事，我依五法，如實舉之。」時，僧眾中上座苾芻，應審觀察能舉所舉，及所犯事虛實輕重，依毗奈耶，及素怛纜，方便檢問，慰喻呵責，以七種法，如應滅除。若犯重罪，應重治罰。若犯中罪，應中治罰。若犯輕罪，應輕

治罰，令其慚愧，懺悔所犯」。

(**Kinh:** Lại này Ưu Ba Ly! Nếu có bất-sô hủy phạm cấm giới ở chung với Tăng chúng. Trong Tăng chúng, có bất-sô khác hành theo khuôn phép thấy đều trọn đủ, hết thấy năm đức không gì chẳng viên mãn, hãy nên từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, cung kính đánh lễ dưới chân bất-sô Tăng, đến trước phá giới ác bất-sô, xin người ấy hãy nghe cử tội, nói như thế này: ‘Trưởng lão nghĩ nhớ! Tôi nay muốn nêu ra các chuyện trưởng lão đã phạm, nêu sự thật, chẳng hư vọng, đúng lúc, chẳng sai thời, nói mềm mỏng, chẳng thô lỗ, cộc cằn, từ tâm, chẳng sân khúe, lợi ích, chẳng tổn giảm, vì khiến cho mất pháp và đèn pháp của Như Lai rục rở lâu dài. Trưởng lão chịu nghe, tôi sẽ đúng như pháp mà nêu ra tội của trưởng lão’. Nếu kẻ đó chịu nghe, sẽ đúng như pháp, đúng sự thật mà nêu ra. Nếu kẻ đó chẳng nghe, hãy nên đánh lễ dưới chân vị tăng Thượng Tọa, cung kính bạch rằng: ‘Bất-sô như vậy phạm chuyện như thế này, con sẽ theo đúng năm pháp, đúng sự thật mà nêu ra’. Khi đó, vị bất sô Thượng Tọa trong Tăng chúng hãy nên suy xét, quan sát người cử tội và kẻ bị cử tội, cũng như các chuyện đã phạm là giả, thật, nhẹ, nặng, dựa theo Tỳ Nại Da và Tổ Đát Lãm (Kinh Tạng) để phương tiện xét hỏi, kiểm chứng, an ủi, khuyên dụ, quở trách, dùng bảy loại pháp để theo đúng lẽ diệt trừ. Nếu phạm trọng tội, hãy nên trừng phạt nặng. Nếu phạm tội bậc trung, hãy nên trừng phạt bậc trung. Nếu phạm tội nhẹ, hãy nên trừng phạt tội nhẹ, khiến cho người ấy hổ thẹn, sám hối các điều đã phạm).

Kẻ đó hủy phạm giới cấm, tức là đã vi phạm những điều đức Phật cấm đoán, nhưng vẫn ở trong Tăng đoàn, ở chung với đại chúng Tăng. Như vậy thì vị tỳ-kheo khác là người vâng giữ quy củ, chẳng phạm giới, thanh tịnh, hành trì giới thanh tịnh thấy đều trọn đủ, hết thấy năm đức không gì chẳng viên mãn. E rằng năm đức ấy chẳng giống ngũ đức thường nói. Ngũ đức là trong ngày kết hạ an cư, có thể “tự tứ cử tội”. “Tự tứ cử tội” là như thế nào? “Tự tứ” (自語) có nghĩa là “tùy ý”. “Tự tứ” là tùy theo ý của quý vị, mà cũng thuận theo ý kiến của người khác, nên gọi là Tự Tứ. Hãy nên hiểu chữ Tứ (語) có nghĩa là Ý; [tự tứ] là tùy thuận ý của quý vị, mà cũng tùy thuận ý của người khác. Như thế thì sẽ nêu bày sai lầm của nhau. Cũng tức là kết hạ an cư từ Rằm tháng Tư đến Rằm tháng Bảy, khi an cư viên mãn, bèn sám hối tội đã phạm trong quá khứ. Đó là nói đến đời này, trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. Một

năm mới kết hạ an cư một lần. Trong một năm ấy, quý vị có làm chuyện sai trái nào hay chẳng? Đối trước đại chúng, bản thân quý vị có thể tự nêu bày, mà người khác cũng có thể vạch lỗi quý vị. Trong ấy bao gồm “thấy, nghe, nghi”. Ngay cả hoài nghi cũng đều có thể nói ra, nhưng chẳng thành sự thật, thì sẽ chẳng thể sám tội!

Một vị tỳ-kheo có tâm sân hận, nói vị tỳ-kheo khác phạm bất tịnh hạnh, nhưng trên thực tế, ông ta kể tội gì vậy? Do vị đó thấy dê đực và dê cái đang làm chuyện bất tịnh, [vị tỳ-kheo mang tâm sân hận] bèn nói vị tỳ-kheo kia cũng hành bất tịnh hạnh. Chuyện kiêu này cũng tính là sự thật ư? Đó gọi là “*sở kiến phi thật, sở cử diệc phi thật*” (điều trông thấy chẳng thật, điều được nêu ra cũng chẳng thật). Đó gọi là “*hoài nghi*”, tội này không tính! Tuy đối trước các vị tỳ-kheo khác công khai sám hối, nhưng phải xét xem tội ác lớn hay nhỏ. Tội lớn thì ba tỳ-kheo, lớn hơn nữa thì mười vị tỳ-kheo. Sám hối thanh tịnh xong, lại khéo tu hành. Đó là Tụ Tứ. Tụ Tứ có năm đức: Tụ mình nói ra, đối với chính mình chẳng trở ngại, chẳng thẹn, chẳng hổ, chẳng nghi. “*Tụ tứ bất tụ tứ tri chi*” [nghĩa là] tôi tự nghĩ tôi có tội ấy, có phải là thật sự phạm tội hay không? Chính tôi vẫn chẳng thể biết, tôi nói ra để mọi người chứng thực cho tôi một phen. Mọi người nói: “Thầy không phạm tội ấy” thì quý vị sẽ không phạm. Nếu nói quý vị phạm tội, quý vị liền sám hối. Đó gọi là “*tụ ngũ đức*” (năm đức của chính mình).

Thứ hai là “*cử tội ngũ đức*” (năm đức khi kể tội), còn gọi là Tha Ngũ Đức. “*Tri thời*” (Biết thời): Quý vị phải biết lúc nào thì mới có thể cử tội của tỳ-kheo. Biết lúc nào cũng chính là lúc tụ tứ trước đại chúng Tăng để sám hối. Đó là đúng thời. Thông thường, đại chúng Tăng tụ hội, trước hết, quý vị bước ra xin phép. Nếu kẻ đó (kẻ bị cử tội) chấp nhận, [tức là] “quý vị cứ nêu tội”. Người ấy đã chấp nhận, quý vị mới có thể cử tội. Nếu là chân thật, có lợi ích cho kẻ đó, có lợi cho chính mình, có lợi cho Tăng đoàn, phải nhu hòa, thiện thuận, lại còn phải có tâm từ bi. Đó là Ngũ Đức, được gọi chung là Tụ Tha Ngũ Đức. Trọn đủ ngũ đức như vậy, năm đức của chính mình và người khác đều viên mãn. Một vị tỳ-kheo như vậy từ chỗ ngồi đứng lên, chỉnh đốn y phục gọn ghẽ, “*cung kính đánh lễ bát-sô Tăng túc*” (cung kính đánh lễ dưới chân đại chúng bát-sô Tăng), lễ đại chúng. Tiếp đó, vị ấy lại đối trước vị bát-sô phá giới, thưa: “Tôi sẽ cử tội thầy, thầy có cho phép hay không?” “*Tác thị ngôn*” (Nói như thế này): Nói với người ấy như thế nào? Nói “*trường lão ức niệm*”: Thầy hãy suy nghĩ, tư duy, nhớ lại đôi chút, nay tôi muốn nói tội thầy đã phạm.

“*Ngã kim dục cử trưởng lão sở phạm*” (Tôi nay muốn nêu ra điều trưởng lão đã phạm): Tôi nói sự thật, chẳng phải là hư vọng. Nay lúc này là đúng thời, chẳng phải sai thời. Nay tôi nhu hòa, thiện thuận, nói nhẹ nhàng, chẳng phải là ăn nói cộc cằn, thô ác. Tôi chẳng có tâm sân hận, tôi muốn khiến cho Tăng đoàn thanh tịnh, khiến cho thầy khéo tu hành thanh tịnh. Tôi do từ tâm, chẳng phải vì sân khuể. Tôi vì tạo lợi ích cho thầy, chẳng phải là tổn hại, giảm thiểu đạo đức của thầy. Vì khiến cho chánh pháp nhãn tạng và đèn pháp của Như Lai vĩnh cửu sáng hừng hực trong nhân gian. Vì lẽ như vậy, tôi xin trưởng lão cho phép tôi kể lỗi của Ngài.

“*Thính giả*” (Chịu nghe, cho phép): Nếu vị tỳ-kheo trên đây nghe vị Tăng muốn cử tội nói đúng, cho phép vị ấy kể ra, thì vị ấy có thể đúng như pháp mà cử tội ấy. Nếu vị kia, tức vị bị tố giác chẳng chấp thuận, không để ý tới vị xin cử tội, nói: “Lời người nói không đúng, ta đâu có phạm sai lầm”, thì vị [xin cử tội] ấy phải làm như thế nào? Vị ấy sẽ đánh lễ Thượng Tọa.

“*Thượng Tọa*” hoặc là ngài Ưu Ba Ly, hoặc là các vị xuất gia đã lâu, cũng là bậc Thượng Tọa đại đức xuất gia, tăng lạp⁷⁰ cao, chủ trì pháp hội ấy. Liên hướng về vị Thượng Tọa ấy đánh lễ, cũng sẽ cung kính thưa bày như thế, nói tỳ-kheo như thế đã phạm tội như vậy. “*Ngã y ngũ pháp, như thật cử chi*” (Con sẽ nương theo năm pháp, đúng như thật mà nêu ra): Năm pháp ấy chỉ năm loại giới trọng đầu [trong Thất Tự Tịnh Giới của tỳ-kheo], tức Ba La Di (Pārājika), Tăng Tàn (Saṃghāvaśeṣa), chín mươi giới thuộc Ba Di Đề (Pāyattika, Đơn Đạo), cho đến ba mươi ba giới thuộc Ni Sa Ba Di Đề (Naihsargika-pāyattika, Xả Đạo), cũng là bốn pháp, cộng thêm hai giới thuộc loại Bất Định, nhưng hai giới Bất Định (Aniyata) sẽ không tính, có thể bỏ qua. Còn có một trăm điều thuộc Chúng Học Pháp (Saṃbahulāh Śaiksa-dharmāh), đều y theo các giới điều trong giới bản, ắt cần phải đúng sự thật mà nêu ra.

Ngoài ra, còn có năm pháp là Yết Ma Pháp, đây là chuyện của người xuất gia. Năm pháp ấy chỉ nên nói với người xuất gia, chẳng thể nói với hàng tại gia. Ngoài ra, còn có năm pháp là khi đại chúng Tăng đã

⁷⁰ Tăng lạp (僧臘) là số năm xuất gia của một tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni. Theo truyền thống Trung Hoa, Tăng lạp chỉ được tính kể từ khi vị ấy đã thọ Cụ Túc Giới. Nghiêm ngặt hơn, nêu năm tháng nào mà phạm giới (dù lớn hay nhỏ) thì đều không được tính vào Tăng lạp.

tụ tập, cần phải xướng lên. “Cử trừ” (舉籌, giơ thẻ) giống như phiếu bầu, [biểu thị] quý vị có tán thành kẻ tội người đó hay không? Nếu có một người không tán thành, sẽ chẳng thể cử tội. Còn có rất nhiều pháp, chỉ để nói với người xuất gia. Đối với Tăng chúng như vậy, vị tỳ-kheo Thượng Tọa phải nên quan sát. “*Nặng cử, sở cử*”: Người cử tội và kẻ bị cử tội, chuyện của vị kẻ tội và tội đã phạm là giả, hay thật, là bịa ra, hay có thật, là nặng, hay là nhẹ. Vậy thì lại dựa theo Tỳ Nại Da, tức là vâng theo Luật Tạng, Tổ Đát Lãm (Sūtra) là Kinh Tạng, vâng theo kinh do đức Phật đã nói, vâng theo giới luật do đức Phật đã dạy, “*phương tiện*” là phương tiện thiện xảo để kiểm nghiệm một phen. Khi ấy, vừa vỗ về, vừa quở trách kẻ đó.

“*Dĩ thất chủng pháp, như ưng diệt trừ*” (Dùng bảy loại pháp, theo đúng lẽ mà diệt trừ): Cũng chính là bảy loại pháp như chúng tôi vừa mới nói, tức ức niệm pháp (pháp nghĩ nhớ), tự tứ pháp, tự thuyết pháp (pháp tự nói, tự nêu ra tội lỗi), cho đến cuối cùng là kẻ ấy đã phạm tội lỗi lớn nhỏ quá nhiều, như cỏ che rợp đất, đối trước đại chúng sám hối như vậy. Nhưng [các tội đã phạm] chẳng phải là bốn căn bản (giết, trộm, dâm, dối). Phạm bốn căn bản thì không được! Tội nặng thì dùng cách trị tội nặng, tội nhẹ thì dùng cách trị tội nhẹ. “*Linh kỳ tầm quý, sám hối sở phạm*” (Khiến cho kẻ đó hổ thẹn, sám hối tội đã phạm), đạt tới mục đích gì? Khiến cho vị tỳ-kheo phá giới nhất định sẽ biểu lộ sám hối; về sau, không tái phạm nữa! Đại chúng Tăng chế tài kẻ đó, bảo kẻ đó bái sám, bắt kẻ đó “*diện bích*” (面壁, nhìn vách sám hối). Cấm túc (禁足), tức là không cho kẻ đó ra ngoài. Đây đều là các phương pháp chế tài. Tùy tình huống lúc đó mà định. Hiện thời, pháp này đã gần như chẳng thể thực hiện được, mà bản thân Tăng đoàn chẳng phải là hòa hợp như thế! Hiện thời là “anh xạc tôi, tôi xạc anh”, Tăng đoàn càng hỗn loạn, chỉ có vâng theo kinh, chính mình sám hối! Làm như vậy có được hay không? Vì lẽ này, tôn giả Ưu Ba Ly lại thỉnh vấn đức Phật.

(Kinh) Thời, Ưu Ba Ly phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược thật hữu quá, ác hạnh bất-sô, thị bạch y lực, hoặc tài bảo lực, hoặc đa văn lực, hoặc từ biện lực, hoặc đệ tử lực, dĩ như thị đẳng chư thế lực cố, lãng cự Tăng chúng Thượng Tọa bất-sô, trì Tổ Đát Lãm, cập Tỳ Nại Da, cập Ma Đát Lý Ca giả, như pháp giáo hối, giai bất thừa thuận. Như thị bất-sô, vân hà trị phạt?” Phật ngôn: “Ưu Ba Ly! Thượng Tọa bất-sô trì Tam Tạng giả, ưng hòa Tăng chúng, khiến sứ cáo bạch quốc vương, đại thân, linh trợ oai lực. Nhiên hậu, như thật y

pháp trị phạt”. Thời, Ưu Ba Ly phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược bỉ hữu quá, ác hạnh bất-sô, dĩ tài bảo lực, hoặc đa văn lực, hoặc từ biện lực, hoặc dĩ chủng chủng xảo phương tiện lực, linh bỉ quốc vương, đại thần hoan hỷ, giai trụ phá giới phi pháp bằng trung, dung túng như thị ác bất-sô tội, bất thính như thật y pháp trị phạt. Nhĩ thời, Tăng chúng ưng đương vân hà?” Phật ngôn: “Ưu Ba Ly! Nhược bỉ bất-sô hành Vô Y Hạnh, u tăng chúng trung, thô trọng tội tướng vị chương lộ giả, thị thời Tăng chúng ưng quyền xả trí. Nhược bỉ bất-sô hành Vô Y Hạnh, u Tăng chúng trung, thô trọng tội tướng dĩ chương lộ giả, thị thời Tăng chúng ưng cộng hòa hợp, y pháp khu tấn, linh xuất Phật pháp. Ưu Ba Ly! Thí như yển mạch, tại mạch điền trung, nha, hành, chi, điệp, dữ mạch tương tự, uế tạp tịnh mạch. Cập chí bỉ thảo, kỳ tuệ vị xuất, thị thời nông phu ưng quyền xả trí. Tuệ ký xuất dĩ, thị thời nông phu khùng uế tịnh mạch, tịnh căn tiền bạt, khí u điền ngoại. Hành Vô Y Hạnh, phá giới bất-sô điệp phục như thị, thị bạch y đẳng chủng chủng thế lực, trụ u Tăng trung, oai nghi, hình tướng, dữ Tăng tương tự, uế tạp thanh chúng, nãi chí thiện thân vị tương giác phát. U Tăng chúng trung, thô trọng tội tướng vị chương lộ giả, thị thời Tăng chúng ưng quyền xả trí. Nhược chư thiện thân dĩ tương phát giác, u Tăng chúng trung, thô trọng tội tướng dĩ chương lộ giả, thị thời Tăng chúng ưng cộng hòa hợp, y pháp khu tấn, linh xuất Phật pháp.

(經)時，優波離復白佛言：「世尊！若實有過，惡行苾芻，恃白衣力，或財寶力，或多聞力，或詞辯力，或弟子力，以如是等諸勢力故，凌拒僧眾上座苾芻，持素怛纜，及毗奈耶，及摩怛理伽者，如法教誨，皆不承順。如是苾芻，云何治罰？」佛言：「優波離！上座苾芻持三藏者，應和僧眾，遣使告白國王，大臣，令助威力。然後，如實依法治罰」。時，優波離復白佛言：「世尊！若彼有過，惡行苾芻，以財寶力，或多聞力，或詞辯力，或以種種巧方便力，令彼國王，大臣歡喜，皆住破戒非法朋中，容縱如是惡苾芻罪，不聽如實依法治罰，爾時，僧眾應當云何？」佛言：「優波離！若彼苾芻行無依行，於僧眾中，粗重罪相未彰露者，是時僧眾應權舍置。若彼苾芻行無依

行，於僧眾中，粗重罪相已彰露者，是時僧眾應共和合，依法驅擯，令出佛法。優波離！譬如燕麥，在麥田中，芽、莖、枝、葉，與麥相似，穢雜淨麥。及至彼草，其穗未出，是時農夫應權舍置。穗既出已，是時農夫恐穢淨麥，並根剪拔，棄於田外。行無依行，破戒苾芻亦復如是，恃白衣等種種勢力，住於僧中，威儀形相，與僧相似，穢雜清眾，乃至善神未相覺發。於僧眾中，粗重罪相未彰露者，是時僧眾應權舍置。若諸善神已相覺發，於僧眾中，粗重罪相已彰露者，是時僧眾應共和合，依法驅擯，令出佛法。

(Kinh: Khi đó, ngài Ưu Ba Ly lại bạch với đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nếu ác hạnh bất-sô thật sự có lỗi, y vào sức của kẻ tại gia, hoặc sức tiên của, hoặc sức đa văn, hoặc sức từ biện, hoặc sức đệ tử, do các thế lực như thế, lấn hiếp, chống cự Tăng chúng và Thượng Tọa bất-sô trì Kinh Tạng, Luật Tạng, và Luận Tạng, đối với lời răn dạy đúng pháp đều chẳng vâng theo. Bất-sô như thế thì trị phạt như thế nào?” Đức Phật dạy: “Này Ưu Ba Ly! Thượng Tọa bất-sô là vị trì Tam Tạng, hãy nên cùng với Tăng chúng, sai người đến báo với quốc vương và đại thần để họ giúp oai lực. Sau đây, đúng như thật, theo pháp mà trị phạt”. Khi đó, ngài Ưu Ba Ly lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nếu ác hạnh bất-sô có lỗi ấy dùng sức tiên của, hoặc sức đa văn, hoặc sức từ biện, hoặc dùng đủ loại sức phương tiện khéo léo, khiến cho các quốc vương và đại thần ấy hoan hỷ, đều trụ trong đám bè đảng phá giới, phi pháp, dung túng tội của ác bất-sô như thế, chẳng chấp thuận đúng như thật, theo pháp trị phạt. Lúc đó, Tăng chúng hãy nên làm như thế nào?” Đức Phật dạy: “Này Ưu Ba Ly! Nếu ác hạnh bất-sô hành Vô Y Hạnh, mà trong tăng chúng, tội tướng thô nặng của kẻ đó chưa lộ ra rõ rệt, lúc đó, Tăng chúng hãy nên tạm thời bỏ đó. Nếu bất-sô hành Vô Y Hạnh ấy, ở trong Tăng chúng, tội tướng thô nặng đã lộ rõ ràng, khi đó, Tăng chúng cùng hòa hợp, theo đúng pháp trục xuất kẻ đó ra ngoài Phật pháp. Này Ưu Ba Ly! Ví như yến mạch, ở trong ruộng lúa mạch, [các loại cỏ dại] có mầm, thân, cành, lá tương tự như lúa mạch, làm tạp uế lúa mạch. Khi các loại cỏ ấy chưa trở đồng đồng, lúc đó, nông phu hãy nên tạm thời bỏ đó. Lúa đã trở đồng đồng, lúc ấy, nông phu sợ chúng sẽ làm ô uế lúa mạch, bèn nhổ cắt tận rễ, vứt ra ngoài ruộng. Phá giới bất-

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

sô hành Vô Y Hạnh cũng giống như thế, cậy vào các thứ thế lực của kẻ tại gia v.v... ở trong Tăng chúng, oai nghi và hình tướng tương tự với Tăng, uế tạp Tăng chúng thanh tịnh, cho đến thiện thần cũng chưa nhận biết. Ở trong Tăng chúng, tội tướng thô nặng [của tỳ-kheo phá giới ấy] chưa tỏ lộ, khi đó, Tăng chúng tạm thời bỏ đó. Nếu các thiện thần đã phát giác, tội tướng thô nặng đã tỏ lộ trong Tăng chúng, khi ấy, Tăng chúng hãy nên cùng hòa hợp, theo đúng pháp xua đuổi kẻ đó ra ngoài Phật pháp).

“*Ma Đát Lý Ca*” (Mātrkā) là Luận Tạng. [Tỳ-kheo phá giới, ác hạnh đối với] giáo huấn đúng pháp trong Tam Tạng đều chẳng thừa nhận. Bất luận Tăng chúng giáo huấn kẻ đó như thế nào, hắn cũng đều chẳng tiếp nhận. “*Như thị bất-sô, vân hà trị phạt?*” (Bất-sô như thế trị phạt như thế nào?): Đối với loại tỳ-kheo ác tánh như thế, chúng con lại nên làm như thế nào? Đức Phật liền bảo tôn giả Ưu Ba Ly: “*Thượng Tọa bất-sô trì Tam Tạng giả*” [ý nói vị Thượng Tọa bất-sô] là người tinh thông Tam Tạng Kinh, Luật, Luận, “*ưng hòa Tăng chúng*” (nên cùng với Tăng chúng), hãy nên liên hợp toàn thể đại chúng, đại chúng trong đại hội nhất trí, phái một vị Tăng sĩ đến nói với quốc vương, đại thần, hy vọng quốc vương, đại thần đừng hợp tác với ác hạnh tỳ-kheo, sẽ tăng trưởng oai lực của Tăng đoàn. Sau đây, đúng như thật, vâng theo pháp để chế tài, trị phạt kẻ đó!

Tôn giả Ưu Ba Ly lại nói: “Bạch Thế Tôn! Nếu bất-sô ấy là kẻ có lỗi ác, có ác hạnh, có sức mạnh tiền bạc, mua chuộc quốc vương, mua chuộc đại thần”. Tiền có thể thông thần! Mọi người đều biết: Thuở đức Phật tại thế, đã có tình hình này! Nếu không, làm sao có thể chế giới cho được? “*Hoặc hữu đa văn lực*” (Hoặc có sức đa văn): Kẻ đó nghe kinh nhiều, biện tài lại rất lưu loát, sức từ biện (ngôn từ biện tài) biện luận vô ngại. Kẻ đó có tội, cãi thành vô tội, cãi phăng đen thành trắng; cũng có hạng người như vậy! Cũng có khi họ còn có thể nêu kinh, dẫn luận [để chứng minh bản thân vô tội]. “*Hoặc dĩ chủng chủng phương tiện lực*” (Hoặc dùng đủ loại sức phương tiện): Nghĩ đủ loại phương pháp để phá hoại Tăng đoàn, khiến cho quý vị chẳng thể trị tội kẻ đó được. Hoặc là kẻ đó khiến cho các quốc vương, đại thần hoan hỷ, dùng đủ loại phương pháp đút lót quốc vương, đại thần, hoặc là điên đảo trắng đen. Các quốc vương, đại thần ấy đều là bè đảng của tỳ-kheo phá giới, họ là bằng hữu của kẻ đó, thuộc vào đảng của kẻ đó. Dung túng tội của bất-sô như thế, quốc vương và đại thần sẽ chẳng giúp đỡ Tăng chúng thanh tịnh. “*Nhĩ*

thời, Tăng chúng ưng đương vân hà?” (Lúc bấy giờ, Tăng chúng phải nên làm như thế nào?): Tới lúc ấy, chúng ta lại nên xử lý như thế nào?

“Phật ngôn: - Ưu Ba Ly! Nhược bỉ bất-sô hành Vô Y Hạnh” (Đức Phật dạy: “Này Ưu Ba Ly! Nếu bất-sô ấy hành Vô Y Hạnh”): Vô Y Hạnh chẳng sanh công đức, chẳng sanh thiện pháp, chẳng nương theo đạo do đức Phật đã dạy để hành. Đó gọi là Vô Y Hạnh. Nhưng “*ư Tăng chúng trung*” (ở trong Tăng chúng), kẻ đó đã phạm tội, bất luận thô tội hay trọng tội, cho đến tội nhẹ, hễ còn chưa lộ rõ, chẳng phải công khai, chẳng phải là mọi người đều biết đến, vẫn chưa hiển lộ. Khi đó, Tăng chúng hãy nên dùng phương tiện quyền xảo, tạm thời chẳng quan tâm tới hẳn. “*Xả trí*” (舍置) là chẳng hỏi tới kẻ đó, chẳng có cách nào, đành bỏ đó không hỏi tới!

“*Nhược bỉ bất-sô hành Vô Y Hạnh, ư Tăng chúng trung, thô trọng tội tướng, dĩ chương lộ giả*” (Nếu bất-sô ấy hành Vô Y Hạnh, ở trong Tăng chúng, tội tướng thô nặng đã tỏ lộ): Ở trong Tăng đoàn, mọi người đều biết; khi đó, Tăng chúng hãy nên vâng theo pháp, nương theo giáo pháp của ta để trục xuất kẻ đó, đuổi kẻ đó ra khỏi Tăng đoàn, khiến cho kẻ đó rời lìa Phật pháp.

Đức Phật lại bảo ngài Ưu Ba Ly: Ví như yến mạch (燕麥, Oat). Yến mạch được trồng trong ruộng còn chưa trở hạt. Ở trong ruộng lúa mạch, các thứ [lúa đại hoặc cỏ đại khác] có mầm, thân, cành, lá giống hết lúa mạch tốt, quý vị chẳng thể phân định rõ ràng nổi. Chỉ vì nó chẳng có hạt, chưa kết hạt mà! “*Tạp uế tịnh mạch*” nghĩa là loại cỏ hay lúa đại tạp nhiễm xen lẫn với lúa mạch thuần túy; khi ấy, chúng vẫn còn đang là mạ non.

“*Bỉ thảo*” (Các thứ cỏ đó): Trước khi chúng trở đòng đòng, kết hạt, quý vị vẫn chẳng thể đoán định nó là yến mạch được. Quý vị xử lý nó, người khác vẫn không chấp nhận, đợi cho tới khi lúa đã trở đòng đòng, sẽ biết thứ nào chẳng phải là lúa mạch. Cỏ đại đương nhiên chẳng trở đòng đòng, chẳng thành lương thực, chẳng kết thành hạt lúa. Khi đó, nông phu mới nhổ bỏ, vứt đi. Chứ khi vừa mới nảy mầm, nông phu cũng chẳng phân biệt được. Đợi cho đến khi lúa trở đòng đòng, sẽ kết luận nó chẳng thể kết hạt, như thế thì nông phu sẽ nhổ cỏ tận gốc, vứt khỏi ruộng, quăng ra ngoài ruộng. Tỳ-kheo hành Vô Y pháp, phá giới cũng giống như thế. Hấn cấy vào các thứ thế lực của kẻ tại gia, trụ trong Tăng chúng, có oai nghi và hình tướng vẫn tương tự như Tăng chúng.

“*Uế tạp thanh chúng*” [nghĩa là] khiến cho đại chúng thanh tịnh bị nhuốm bẩn, chẳng thể thanh tịnh. Đồng thời, thiện thân vẫn chưa phát

giác, thiện thần chưa tỏ giác, thần hộ pháp chẳng tỏ giác, tội tướng thô nặng trong Tăng chúng còn chưa lộ rõ. Khi ấy, Tăng chúng chẳng quan tâm đến hấn, gác lại đó. Khi thiện thần đã phát giác, thần hộ pháp đã phát giác, tội tướng thô nặng của hấn đã lộ rõ trong Tăng chúng. Lúc đó, Tăng chúng hãy nên cùng hòa hợp, nương theo pháp mà trực xuất, đũa gõ ra ngoài Tăng đoàn Phật pháp.

(Kinh) Ưu Ba Ly! Thí như đại hải, bất túc tử thi, ngã Thanh Văn Tăng chư đệ tử chúng diệc phục như thị, bất dữ phá giới, ác hạnh bất-sô tử thi cộng trụ”. Thời, Ưu Ba Ly phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược bỉ phá giới, ác hạnh bất-sô, Tăng chúng hòa hợp cộng khu tấn dĩ, bỉ ác bất-sô, dĩ tài bảo lực, hoặc đa văn lực, hoặc từ biện lực, hoặc dĩ chủng chủng xảo phương tiện lực, linh bỉ quốc vương, đại thần hoan hỷ, giai trụ phá giới, phi pháp bằng trung, dĩ oai thế lực lăng bực Tăng chúng, hoàn linh như thị phá giới bất-sô dữ Tăng cộng trụ. Nhĩ thời, Tăng chúng đương phục vân hà?” Phật ngôn: “Ưu Ba Ly! Nhĩ thời, Tăng trung hữu năng hồi quý trì giới bất-sô, vị hộ giới cố, bất ưng sân mạ phá giới bất-sô, đản ưng cáo bạch quốc vương, đại thần, hoặc khùng lăng bực, nhi bất cáo bạch, ưng xả bản cư, biệt vãng dư xứ”.

(經)優波離！譬如大海，不宿死尸，我聲聞僧諸弟子眾亦復如是，不與破戒，惡行苾芻死尸共住」。時，優波離復白佛言：「世尊！若彼破戒，惡行苾芻，僧眾和合共驅擯已，彼惡苾芻，以財寶力，或多聞力，或詞辯力，或以種種巧方便力，令彼國王，大臣歡喜，皆住破戒，非法朋中，以威勢力凌逼僧眾，還令如是破戒苾芻與僧共住。爾時，僧眾當復云何？」佛言：「優波離！爾時，僧中有能悔愧持戒苾芻，為護戒故，不應瞋罵破戒苾芻，但應告白國王，大臣，或恐凌逼，而不告白，應舍本居，別往餘處」。

(Kinh: Nay Ưu Ba Ly! Ví như biển cả chẳng chứa xác chết, các đệ tử Thanh Văn Tăng của ta cũng giống như thế, chẳng cùng ở chung với xác chết bất-sô phá giới, ác hạnh”. Khi đó, ngài Ưu Ba Ly lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nếu bất-sô phá giới ác hạnh ấy đã bị Tăng chúng cùng hòa hợp trực xuất rồi, liền dùng sức tiền của, hoặc sức

đa văn, hoặc sức từ bi, hoặc dùng các loại sức phương tiện khéo léo, khiến cho quốc vương và đại thần hoan hỷ, đều trụ trong bè đảng phá giới, phi pháp, dùng sức oai thế lấn hiếp Tăng chúng, còn ép buộc họ phải cho bất-sô phá giới ở chung với chư Tăng. Khi ấy, Tăng chúng nên làm như thế nào?” Đức Phật dạy: “Này Ưu Ba Ly! Lúc bấy giờ, trong Tăng có vị bất-sô có thể sám hối, hổ thẹn, vì hộ giới, chẳng nên giận dữ, chửi mắng bất-sô phá giới, chỉ nên thưa rõ với quốc vương, đại thần. Nếu sợ bị lấn hiếp, bức bách mà chẳng thưa rõ, hãy nên bỏ chỗ đang ở, sang ở riêng chỗ khác”).

Nếu quý vị nhảy xuống biển chết đi, nước biển nhất định sẽ dùng sóng đẩy trả xác quý vị lên bờ. Biển chẳng chứa tử thi. “Ngã Thanh Văn Tăng chư đệ tử chúng diệc phục như thị, bất dữ phá giới, ác hạnh bất-sô tử thi cộng trụ” (Các đệ Thanh Văn Tăng của ta cũng giống như thế, chẳng ở chung với “xác chết” của bất-sô phá giới, ác hạnh), tuyệt đối chẳng ở chung với kẻ đó! “Thời Ưu Ba Ly phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược bị phá giới, ác hạnh bất-sô, Tăng chúng hòa hợp cộng khu tấn dĩ, bị ác bất-sô, dĩ tài bảo lực, hoặc đa văn lực, hoặc từ bi lực, hoặc dĩ chúng chúng xảo phương tiện lực, linh bị quốc vương, đại thần hoan hỷ” (Khi đó, ngài Ưu Ba Ly lại bạch với đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu bất-sô phá giới, ác hạnh ấy đã bị Tăng chúng hòa hợp cùng trục xuất rồi, nhưng hấn dùng sức tiền của, hoặc sức đa văn, hoặc sức từ bi, hoặc dùng sức của các loại phương tiện khéo léo khiến cho quốc vương và đại thần hoan hỷ): Quốc vương và đại thần đều đứng về phía tỳ-kheo phá giới, kéo bè kết đảng, dùng sức oai thế lấn hiếp, bức ép Tăng chúng, khiến họ phải ở chung với tỳ-kheo như thế. Trong quá khứ, quốc vương Ấn Độ làm chuyện này rất nhiều. Do vậy, đã chia hòa hợp Tăng thành hai chúng. Tỳ-kheo phá giới vẫn có kẻ tán thành họ, chẳng hạn như các tỳ-kheo giải đãi, phóng dật bèn ở chung với họ. Do vậy, ngay trong thuở đức Phật tại thế, đã có hiện tượng Tăng chúng phân liệt này!

Vậy thì lại phải làm như thế nào? Đuối, họ không đi, họ ở lỳ trong Tăng chúng. “Phật ngôn: - Ưu Ba Ly! Nhĩ thời, Tăng trung hữu năng hối quý, trì giới bất-sô, vị hộ giới cố, bất ưng sân mạ phá giới bất-sô, đản ưng cáo bạch quốc vương, đại thần, hoặc khùng lãng bức nhi bất cáo bạch, ưng xả bốn cư, biệt vãng dư xứ” (Đức Phật bảo: - Này Ưu Ba Ly! Lúc bấy giờ, trong Tăng có vị bất-sô có thể sám hối, hổ thẹn, trì giới, vì hộ giới, chớ nên giận dữ, chửi mắng bất-sô phá giới, chỉ nên bảo

rõ với quốc vương và đại thần. Hoặc là sợ bị lấn hiếp, bức ép mà chẳng thừa rõ với quốc vương và đại thần, hãy nên bỏ chỗ đang ở, sang sống riêng ở một nơi khác). Đó là đã bị phân liệt, làm như thế nào đây? Phương pháp xử lý là vị tỳ-kheo tốt hãy rời đi, chính mình tìm một chỗ khác để ở. Quý vị chẳng thể trêu vào hấn được, hãy nấu mình đi! Có ý nghĩa như vậy đó. Vẫn chẳng cho phép không chế, trừng phạt kẻ đó. Đây là nói rõ thiện tín của quốc vương lúc ấy đang bị thế lực ác vây quanh!

Đề Bà Đạt Đa và vua A Xà Thế muốn đoạt vương vị, [Đề Bà Đạt Đa] sai A Xà Thế đoạt ngôi vua của phụ vương A Xà Thế. Ông ta nói: “Khi Ngài làm hoàng đế, tôi sẽ làm Phật”. Thuở đức Phật tại thế, chuyện kiêu này đã xảy ra. Đã thế, ông ta còn rất ác. Do có thế lực, ông ta là anh của ngài A Nan, cũng thuộc vương tộc. Vì vậy, ông ta dùng đủ loại phương thức để hại Phật. Ở trên đỉnh núi, dùng đá toan đề nát Phật. Chẳng đề Phật được, đâm ra làm thân Phật chảy máu. Ngay khi đó, đại địa liền nứt ra, nhanh chóng hút Đề Bà Đạt Đa vào, thân hãm trong địa ngục. Phá hoại hòa hợp Tăng đoàn cũng [sẽ chuốc lấy tội lỗi] giống như thế!

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát phục bạch Phật ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Phả hữu Phật độ ngũ trước ác thế, không vô Phật thời, kỳ trung chúng sanh phiền não xí thịnh, tập chư ác hạnh, ngu si hận lệ, nan khả hóa phủ? Vị Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tế quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la. Như thị đẳng nhân, thiện căn vi thiếu, vô hữu tín tâm, siểm khúc, ngu si, hoài thông minh mạn, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, ly thiện tri thức, nãi chí thú hướng Vô Gian địa ngục.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩復白佛言：「大德世尊！頗有佛土五濁惡世，空無佛時，其中眾生煩惱熾盛，習諸惡行，愚癡佞戾，難可化不？謂剎帝利旃荼羅、宰官旃荼羅、居士旃荼羅、長者旃荼羅、沙門旃荼羅、婆羅門旃荼羅。如是等人，善根微少，無有信心，諂曲愚癡，懷聰明慢，不見不畏後世苦果，離善知識，乃至趣向無間地獄。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch đại đức Thế Tôn! Há có cõi Phật nào nhằm thời ngũ trước ác thế, trống rỗng, chẳng có Phật, chúng sanh trong ấy phiền

não lừng lẫy, quen làm các điều ác, ngu si, hung hăng, dữ tợn, khó thể hóa độ hay chăng? Tức là Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la. Những kẻ như thế thiện căn ít ỏi, chẳng có tín tâm, siểm nịnh, cong queo, ngu si, tự phụ thông minh, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, lia thiện tri thức, cho đến hương tới địa ngục Vô Gián).

Sau khi ngài Ưu Ba Ly hỏi xong, Địa Tạng Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng lên, hướng về đức Phật, thưa: “Đại đức Thế Tôn! Trong thời Mạt Pháp, có rất nhiều Phật quốc độ, không chỉ là Phật quốc độ này của chúng ta”, “*phả hữu Phật độ*” hàm nghĩa không chỉ là thế giới Sa Bà, mà vô lượng thế giới khác. Trong vô biên thế giới, có Phật quốc độ cũng thị hiện là ngũ trược ác thế. Ngũ trược ác thế là Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh Trược, và Mạng Trược; đây là Ngũ Trược. Thời đại ấy rất chẳng thanh tịnh. Cũng là thế gian lúc ấy rất ác, lại chẳng có Phật, là lúc rỗng không, chẳng có Phật. Vị Phật trước đã nhập diệt, vị Phật sau chưa giáng sanh. Khi đó, chúng sanh trong thế giới này, chúng sanh trong cõi Phật phiền não nặng nề khôn ngăn!

“*Xí thịnh*” (熾盛, hùng hực): Rất hưng thịnh, giống như lửa lớn. Chẳng làm chuyện tốt, làm điều ác, ai nấy đều quen làm. Đối với cảnh giới ngũ dục, mọi người tranh nhau tập luyện giết, trộm, dâm, dối. Hiện thời là như thế đó, quý vị có thể dùng kinh Phật để đối chiếu một phen. Ngu si cũng là tâm sân hận rất nặng, vô minh rất nặng, hết sức hung bạo. “*Lệ*” (戾) có nghĩa là hung bạo. Đối với chữ Hận (恨) phải nên dùng bút khoanh lại [để đánh dấu], [chẳng giống như] chữ Ngạn (犢) thuộc bộ Khuyển (犬), Hận (恨) có nghĩa là “chẳng dễ giáo hóa, ương ngạnh, khó điều phục”.

Có khi là ác đế vương, Sát-đế-lợi, quốc vương đó là Chiên-đồ-la, là kẻ ác. Chiên-đồ-la (旃荼羅, Caṇḍāla)⁷¹ biểu thị ý nghĩa ác. Cũng có tể quan Chiên-đồ-la. “*Ác quan*”: Đã có quốc vương ác thì sẽ có quan lại ác. Các cư sĩ ấy chẳng phải là cư sĩ đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, mà là kẻ tại gia. Kẻ tại gia Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, trưởng giả chẳng

⁷¹ Chiên-đồ-la còn phiên âm là Chiên Đà La, có nghĩa gốc là “*đồ tể, bạo ác*”. Thoạt đầu từ ngữ này dùng để chỉ những kẻ thuộc chủng tánh thấp, chuyên làm những nghề bị coi là hạ tiện như đồ tể, thuộc da. Dần dần, Chiên-đồ-la được dùng để chỉ những kẻ hung bạo, tàn nhẫn.

phải [người hành] Thập Thiện u? Đôi khi trưởng giả có của cải, giàu có, có oai lực lớn, họ cũng biến thành kẻ ác. Kẻ ác trong các trưởng giả, tức là ác trưởng giả, Bà-la-môn Chiên-đồ-la v.v... Những kẻ như thế thiện căn ít ỏi, chẳng có tín tâm, siểm khúc, ngu si. “*Khúc*” (曲) là chẳng ngay thẳng. Tâm họ chẳng chánh trực, siểm mị, không ngay thẳng. Quý vị thấy một kẻ đối với quan trên, đối với thượng cấp của hấn nịnh nọt khôn cùng! Ở trong văn phòng của quan trên, hấn sẽ khò lưng, chùng gối, đứng hết sức cung kính, khi trở về văn phòng của chính mình, nhất định sẽ đối xử kiêu căng, ngạo mạn với thuộc hạ. Hễ siểm nịnh cấp trên, nhất định sẽ kiêu căng với kẻ dưới. Kẻ đó chẳng có trí huệ, là kẻ ngu si, nhưng hấn ý chính mình thông minh, rất biết xu nịnh. Gian tướng, gian thần đều là kẻ rất thông minh. Họ làm chuyện xấu hết sức thông minh. Vì bọn họ làm chuyện xấu hết sức thông minh, bèn kiêu căng, ngạo mạn, thấy ai cũng chẳng bằng họ. Nhưng đối với khổ quả trong vị lai, họ chẳng trông thấy, mà cũng chẳng sanh lòng kính sợ, cũng chẳng tin tưởng. Nếu chúng ta nói nghiệp báo thiện ác với họ, nói vị lai sẽ như thế nào, căn bản là họ chẳng tin tưởng, bởi họ chỉ thấy người sống chịu tội, chẳng thấy người chết mang gông!

Tôi đã gặp một kẻ rất ác; hiện thời, hấn đã già rồi. Trong quá khứ, hấn làm đao phủ. Hiện thời, đổi sang xử tử bằng súng, hấn chẳng còn việc nữa. Hiện thời, hấn rất già, rất nghèo túng, rất khổ sở. Hấn vẫn chẳng sửa đổi thói quen ấy, tôi cũng tán gẫu với hấn suốt ngày. Tôi khuyên hấn tin Phật. Tôi nói: “Ông có thể thay đổi ác quả trong tương lai”. Hấn nói: “Tôi chẳng tin chuyện ông nói!” Chẳng tin thì thôi, tôi vẫn trò chuyện với hấn. Hấn khoe với tôi: Đao của hấn chẳng giống như chúng ta tưởng tượng. Chúng ta thường nghĩ giết người nhất định phải dùng một cây đao rất lớn. Chẳng phải vậy! Đao của hấn rất nhỏ, giống như dao xắt trái cây vậy, nhưng rất sắc bén, rất mỏng. Khi hấn giết người, chẳng phải là như chúng ta hung hăng chặt chém, hoàn toàn chẳng phải là như vậy. Đao của hấn bỏ trong ống, giấu trong tay áo. Tới lúc muốn giết quý vị, bèn vỗ áo lên cổ quý vị, nhấn mạnh một cái, sọ rụng xuống liền! Đao hết sức sắc bén, rất mỏng. Hấn thấy kẻ khác, bất luận là mẹ, hay cha, hay thân nhân của hấn, hấn sẽ nhìn vào cái ót của họ, xem sẽ hạ đao ở chỗ nào! Hấn chuyên môn xem chỗ nào có thể cửa đao, đốt xương nào có chỗ trống, trừ một tầng da ra! Hấn sẽ cửa ngay tại đó, giống như mổ bò. Một con bò hấn giết rất nhanh, tìm được chỗ khớp xương để cửa gọn rất nhanh. Loại người ác như vậy trong tâm toàn nghĩ đến chuyện ác, chỉ biết chuyện gì có lợi cho hấn là được rồi!

Trong xã hội này, mỗi người chúng ta cũng từng bị hại, quý vị có từng hại người khác hay không? Chắc cũng đã từng hại! Trong quan hệ lợi ích, kẻ hoàn toàn chưa hại người khác, tôi nghĩ vẫn là số ít. Nếu thật sự có hạng người như thế, thật sự là Bồ Tát. Trong đời ác ngũ trược này, chúng ta đừng tưởng rằng lúc này chẳng tốt! Trong lúc này mà quý vị có thể thọ Tam Quy, Ngũ Giới, trong tâm hướng thiện, so với lúc quý vị ở trong thế giới thanh tịnh, cũng như lúc thế giới này có Phật, công đức của quý vị hơn họ hành thiện trong mười năm, trăm năm, ngàn năm! Vì vậy, vào lúc chẳng thể làm việc thiện, chẳng có sức làm việc thiện, chẳng có sức đề đột phá hoàn cảnh hiện thực. Do vậy, nếu quý vị chẳng làm ác, sẽ bị hết thấy các thứ công kích, áp bức từ những kẻ làm ác. Chỗ nào quý vị cũng bị hạn chế, ước thúc. Nói cách khác, quý vị bị khốn đốn khắp nơi!

Chúng tôi nói “*thần hộ pháp bảo vệ quý vị*”, [tuy vậy], có khi sức mạnh của thần hộ pháp cũng chẳng đủ! Vì sao? Ác quỷ và ác thần có sức mạnh còn to hơn thần hộ pháp! Nhân gian còn chưa loạn, cõi trời đã loạn trước. A Tu La và chư thiên đánh nhau trước, chỉ sợ lúc ấy, chư thiên bận đánh giặc, thế lực của kẻ ác bèn tăng cường. Cho nên có khổ quả trong đời sau như vậy, lìa khỏi thiện tri thức, tiền hướng địa ngục Vô Gián.

(Kinh) Như thị đẳng nhân vị tài lợi cố, dữ chư phá giới, ác hạnh bất-sô, tương trợ cộng vi phi pháp bằng đảng, giai định thú hướng Vô Gián địa ngục. Nhược hữu thị xứ, ngã đương trụ bỉ, dĩ Phật Thế Tôn Như Lai pháp vương, lợi ích an lạc nhất thiết hữu tình. Vô thượng vi diệu cam lộ pháp vị, phương tiện hóa đạo, linh đắc thọ hành, bạt tế như thị Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, linh bất thú hướng Vô Gián địa ngục”.

(經)如是等人為財利故，與諸破戒，惡行苾芻，相助共為非法朋黨，皆定趣向無間地獄。若有是處，我當住彼，以佛世尊如來法王，利益安樂一切有情。無上微妙甘露法味，方便化導，令得受行，拔濟如是剎帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，令不趣向無間地獄」。

(Kinh: Những kẻ như thế vì tài lợi mà cùng với các bất-sô ác hạnh, phá giới, giúp đỡ nhau, cùng kết thành bè đảng phi pháp, đều chắc chắn tiến hướng địa ngục Vô Gián. Nếu có chỗ như thế, con sẽ ở

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

noi đó, dùng pháp của Phật Thế Tôn Như Lai pháp vương để lợi ích, an lạc hết thảy hữu tình, [cho họ hưởng] pháp vị cam lộ vi diệu vô thượng, phương tiện giáo hóa, hướng dẫn, khiến cho họ tiếp nhận, vâng hành, cứu vớt Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la như thế, khiến cho họ chẳng tiến hưởng địa ngục Vô Gián”).

Đây là Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện, là trọng điểm của kinh Thập Luân. Trước hết, Địa Tạng Bồ Tát hướng về đức Phật thưa bày: Trong đời ác ngũ trược, nhằm thuở Mạt Pháp, vào lúc chẳng có Phật, phiền não của chúng sanh rất mạnh. Trong loài người cũng có kẻ ác, mà quốc vương cũng ác, tể quan cũng ác, nhân dân cũng ác, cho đến kẻ làm gương mẫu như bậc trưởng giả cũng là ác trưởng giả, học giả Bà-la-môn cũng ác, cũng đều là Chiên-đồ-la. Những người như thế chẳng có thiện căn, lại chẳng có tín tâm, lại chẳng chí tâm, lại chẳng sợ khổ quả đời sau. Giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo cho họ nghe chẳng có tác dụng cho mấy, họ chẳng tin, có tác dụng chi đâu!

“*Giai định thú hướng Vô Gián địa ngục*” (Đều chắc chắn tiến hưởng địa ngục Vô Gián). Vì sao? Kẻ đó vì lợi, hạng người như kẻ đó còn chẳng phải vì danh, mà chuyên vì lợi. Kẻ vì danh còn tốt đẹp hơn một tí, vì còn phải quan tâm đến thể diện, phải giữ gìn thanh danh tốt đẹp. Kẻ tham tài lợi, hết thảy đều bất kể! Những kẻ xấu ác đó lại cùng tỳ-kheo phá giới, ác hạnh kết bầy với nhau, còn có thể tổ giác giả dối, hạng người này ở đâu cũng đều có! Trong giới Phật giáo, trong giới hòa thượng, cũng có những kẻ xu nịnh, dựa thân, cậy thế! Khi mới xuất gia, tư tưởng [của những kẻ ấy đã] có vấn đề, hoàn toàn chẳng phải là thanh tịnh xuất gia. Cũng có sư phụ thâm nhận kẻ đó, kiến lập trên quan hệ tài lợi. Có các chùa vì bảo tồn chính mình mà mong hại người khác, [cứ nghĩ] “chẳng hại người khác, sẽ chẳng thể bảo tồn chính mình. Hại người khác thì mới bảo tồn chính mình”. Nhưng trên thực tế, quý vị niệm kinh, niệm Phật, lễ bái, trì tụng cũng có thể bảo vệ chính mình, thiện pháp hộ pháp thân sẽ bảo vệ quý vị.

Bất quá, trong hiện thời, ngay cả thiện pháp thân cũng bảo hộ chẳng xuê, ác thân quá nhiều! Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát bèn phát nguyện này: Nếu có nơi như vậy, con nhất định đến đó. “*Ngã đương trụ bỉ*” (Con sẽ trụ trong đó), sẽ dùng pháp của đức Như Lai pháp vương trong Phật pháp để an vui hết thảy hữu tình, khiến cho họ đạt được pháp vị cam lộ vi diệu vô thượng, phương tiện giáo hóa, hướng dẫn, khiến cho họ có thể tiếp nhận, hành trì, chẳng tiến vào địa ngục Vô Gián. Chúng

tôi giảng kinh Thập Luân nhằm mục đích nói rõ công lực to lớn của Địa Tạng Bồ Tát, Ngài chuyên độ các chúng sanh chẳng thể giáo hóa. Khi họ đọa địa ngục, Ngài sẽ đến giáo hóa họ. Đợi cho tới lúc họ vào đó chịu khổ, may ra có thể chuyển biến đôi chút. Bất quá, chuyện này cũng rất khó nói!

Khi tôi ở Bắc Kinh, có một vị lão hòa thượng, ở trên đường, thấy một bà già dắt đứa cháu nhỏ, hai bà cháu đi xin ăn. Sư trông thấy, sanh lòng thương xót, Sư cũng đã hoàn tục. Bất quá, khi nhắc đến, chúng tôi vẫn kêu ông ta là “lão hòa thượng”. Bản thân ông ta có chỗ ở, chỗ ở rất rộng rãi. Sư bảo bà già: “Bà hãy để cho cháu bé này theo tôi xuất gia. Bà cũng tới đó làm tịnh nhân, chúng ta cùng sống với nhau, cần gì phải đi xin ăn nữa?” Đấy chẳng phải là hảo ý ư? Bà già đó nổi quạu: “Bọn tao ăn mày, đã mệt rệp cực đỉnh rồi, còn phải làm hòa thượng nữa hả?” Sư nói với tôi: “Pháp sư! Người hiện thời, đúng là chẳng có cách nào hết!” Tôi hỏi: “Sao vậy!” “Tôi muốn giúp bà ta an cư lạc nghiệp, sống ở chỗ tôi chẳng phải là rất tốt ư?” Bà ta liền nói: Bà ta đã mệt rệp đến cùng cực, lại còn phải làm hòa thượng hả? Còn bảo tôi: “Làm hòa thượng tệ hại hơn ăn mày!” Ông ta bảo tôi: “Thầy vẫn đừng nên làm pháp sư, đừng nên trở về chùa”. Tôi nói: “Tôi vẫn còn là phạm nhân! Chưa hoàn toàn khôi phục [tư cách công dân]”. Ông ta nói: “Bỏ đi! Mai sau khi được khôi phục, đừng nên làm hòa thượng nữa!” Ôi! Thật sự đáng thương. Nếu như vậy, Phật pháp sẽ chẳng có ai giảng nữa! Quý vị nói xem, xã hội này có ác hay không? Ác đến nỗi coi hòa thượng thành như vậy đó!

***(Kinh) Nhữ thời, Phật cáo Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: -
Thiện nam tử! Ư vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu chư chúng sanh
phiền não xí thịnh, tập chư ác hạnh, ngu si hận lệ, nan khả hóa đạo,
vị Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tử quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la,
trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la.
Như thị đẳng nhân, thiện căn vi thiếu, vô hữu tín tâm, siểm khúc, ngu
si, hoài thông minh mạn, ly thiện tri thức, ngôn vô chân thật, bất năng
tùy thuận thiện tri thức ngữ, thường hành phỉ báng, hủy tử, mạ ly. Ư
chư chánh pháp, do dự đảo kiến, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả,
thường nhạo tập cận chư ác luật nghi, háo hành sát sanh, nãi chí tà
kiến, khi cuồng thế gian, tự tha câu tổn. Thị Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la,
nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, hoại loạn ngã pháp. Ư ngã pháp
trung, nhi đắc xuất gia, hủy phá cấm giới, nhạo doanh tục nghiệp. Bĩ
Sát-đế-lợi nãi chí Bà-la-môn đẳng, cung kính cúng dường, tham lợi***

cầu tài, hữu ngôn vô hạnh, truyền thư tổng ấn, thông tín vãng lai, thương cổ bản dịch, háo tập ngoại điển, chủng thực doanh nông, tàng trữ bảo vật, thủ hộ viên trạch, thê, thiếp, nam, nữ, tập hành phù ấn, chú thuật sử quý, chiêm tướng cát hung, hợp hòa thang dược, liệu bệnh cầu tài, dĩ tự hoạt mạng, tham trước ẩm thực, y phục, bảo sức, cần doanh tục vụ, hủy phạm Thi La, hành chư ác pháp, bồi âm cầu hạnh, thật phi sa-môn, tự xưng sa-môn, thật phi phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh. Bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, ái nhạo thân cận, cung kính cúng dường, thỉnh thọ ngôn giáo. Thử phá giới giả, ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, diệc nhạo thân cận, cung kính cúng dường, thỉnh thọ ngôn giáo. Nhược kiến hữu nhân, ư ngã pháp trung, đắc xuất gia dĩ, cụ giới, phú đức, tinh tấn tu hành, Học, Vô Học hạnh, nãi chí chứng đắc tối hậu cực quả, bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, phản sanh tăng tật, bất nhạo thân cận, cung kính cúng dường, thỉnh thọ ngôn giáo.

(經)爾時，佛告地藏菩薩摩訶薩言：「善男子！於未來世，此佛土中，有諸眾生煩惱熾盛，習諸惡行，愚癡佞戾，難可化導，謂剎帝利旃荼羅、宰官旃荼羅、居士旃荼羅、長者旃荼羅、沙門旃荼羅、婆羅門旃荼羅。如是等人，善根微少，無有信心，諂曲愚癡，懷聰明慢，離善知識，言無真實，不能隨順善知識語，常行誹謗毀訾罵詈。於諸正法，猶豫倒見，不見不畏後世苦果，常樂習近諸惡律儀，好行殺生，乃至邪見，欺誑世間，自他俱損。是剎帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，壞亂我法。於我法中，而得出家，毀破禁戒，樂營俗業。彼剎帝利乃至婆羅門等，恭敬供養，貪利求財，有言無行，傳書送印，通信往來，商賈販易，好習外典，種植營農，藏貯寶物，守護園宅、妻妾、男女，習行符印，咒術使鬼，佔相吉凶，合和湯藥，療病求財，以自活命，貪著飲食、衣服、寶飾，勤營俗務，毀犯尸羅，行諸惡法，貝音狗行，實非沙門自稱沙門，實非梵行自稱梵行。彼剎帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，愛樂親近，恭敬供養，聽受言教。此破戒者，於剎帝

利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，亦樂親近，恭敬供養，聽受言教。若見有人，於我法中，得出家已，具戒富德，精進修行，學無學行，乃至證得最後極果，彼剎帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，反生憎嫉，不樂親近，恭敬供養，聽受言教。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Nay thiện nam tử! Trong đời vị lai, trong cõi Phật này, có các chúng sanh phiền não lừng lẫy, quen hành các ác hạnh, ngu si, hung tợn, khó thể giáo hóa, hướng dẫn, tức là Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la. Những kẻ như thế thiện căn ít ỏi, chẳng có tín tâm, siểm nịnh, cong vạy, ngu si, tự phụ thông minh, lừa thiện tri thức, lời nói chẳng chân thật, chẳng thể tùy thuận lời thiện tri thức, thường làm chuyện phi báng, chê gièm, chửi bới. Đối với chánh pháp bèn do dự, trì kiến điên đảo, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau. Thường thích hành trì, gài gữ các ác luật nghi, ưa thích sát sanh, cho đến tà kiến, dối gạt thế gian, mình lẫn người đều tổn hại. Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy phá hoại, rối loạn pháp của ta. Ở trong pháp của ta mà được xuất gia, hủy phá giới cấm, thích lo toan sự nghiệp thế tục. Các Sát-đế-lợi cho đến Bà-la-môn ấy cung kính cúng dường, tham lợi cầu tài, chỉ nói suông, chẳng có đức hạnh, truyền thư trao ấn, thông tin qua lại, buôn bán, dối chác, chuông học tập kinh sách ngoài Phật giáo, gieo trồng, canh nông, cất chứa vật báu, bảo vệ vườn, nhà, thê thiếp, con trai, con gái, tập luyện bùa, ấn, chú thuật để sai khiến quỷ, xem tướng cát hung, pha chế thuốc men, trị bệnh để kiếm tiền, hòng tự nuôi thân, tham đắm thức ăn, y phục, vật trang sức báu, siêng năng lo liệu sự vụ thế tục, hủy phạm Thi La, hành các pháp ác, học theo hạnh của chó, thật chẳng phải là sa-môn mà tự xưng là sa-môn, thật sự chẳng phải là phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh. Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy ưa thích thân cận, cung kính cúng dường, nghe nhận ngôn giáo [kẻ đò]. Kẻ phá giới ấy đối với Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn cũng thích thân cận, cúng dường, cung kính, nghe nhận ngôn giáo. Nếu thấy có người ở trong pháp của ta, đã được xuất gia, đủ giới, lăm đức, tinh tấn tu hành, tu tập hạnh Hữu Học và Vô Học, cho đến chứng đắc cực quả tối hậu, các Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy ngược ngạo sanh lòng

ghen ghét, chẳng thích thân cận, cung kính cúng dường, nghe nhận ngôn giáo).

Chánh pháp dường như bị hủy diệt, tâm hoài nghi của chúng sanh đặc biệt nặng nề, tri kiến điên đảo đặc biệt nghiêm trọng. Thậm chí đã vào Phật môn, họ vẫn sanh khởi tri kiến điên đảo, vẫn tin theo tà ma, ngoại đạo. Đây là vì kẻ đó ở trong Phật pháp, trong Phật giáo, chẳng đạt được bất cứ lợi ích gì. Tôi nghĩ mọi người có lẽ hoài nghi điều này. Kẻ đó tin Phật rất lâu, chẳng có thâm hoạch gì, vì kẻ đó có cái tâm cầu đạt được! Cầu gì vậy? “Phật, Bồ Tát phù hộ cho con phát tài. Phật, Bồ Tát phù hộ gia đình con bình an. Phật, Bồ Tát phù hộ nhà con ai nấy bình an, không bệnh tật, bất cứ tai nạn gì cũng chẳng xảy đến. Như vậy thì con muốn buôn bán gì, muốn làm chuyện gì, cũng sẽ đều phát tài”, thậm chí “con muốn hại kẻ khác, cũng phải giúp đỡ con hại được kẻ đó!”

Những chuyện như vậy tôi đã đều gặp cả rồi. Kẻ đó nói: “Có thể giúp tôi hay không?” Tôi hỏi: “Làm gì?” Kẻ đó bảo: “Thằng nhóc nhà tôi đặc biệt hư hỏng, tôi không thể nào không chỉnh nó!” Tôi bảo: “Tôi chẳng thể giúp ông! Hễ tôi giúp ông, nó sẽ giết tôi chết. Làm sao tôi giúp ông cho nổi?” Rất nhiều kẻ hiểu lầm Phật pháp, Phật pháp là vấn đề kiến giải. Quý vị ắt cần phải hiểu rõ Phật pháp là gì? Phật pháp chính là tâm pháp của quý vị. Quý vị phải giác ngộ, nó chính là quý vị, chính quý vị là chính mình. Tự mình nhận thức chính mình, đừng có tri kiến điên đảo. Đây mới là chánh tri chánh kiến thật sự. Ăn nói phải chánh ngữ, làm việc phải chánh hạnh. Thân, ngữ, ý phải là chánh kiến, chánh ngữ, chánh ý, đều phải chánh, hết thảy đều phải chánh, chớ nên điên đảo. Phải tin đời này quý vị làm tí ti chuyện hại người, về sau, phải đền bồi gấp mười lần, lại còn phải trả tiền lời nữa! Hoa báo, quả báo, dư báo! Chẳng hạn như quý vị thường xuyên bị bệnh. Đây là do quý vị sát sanh quá nặng, còn mắc nợ mạng, đền mạng vẫn chưa đủ, còn phải trả tiền lời, còn phải chịu dư báo.

Thân thể của quý vị chẳng khỏe mạnh. Đây là quả. Tùy tiện quý vị tìm thầy thuốc nào đó, tìm A Di Đà Phật, tìm Thích Ca Mâu Ni Phật, tìm Dược Sư Phật, các vị thầy thuốc ấy gần như đều có thể chữa khỏi bệnh cho quý vị. Quý vị tìm thầy thuốc thế gian sẽ trị chẳng hết, phải trị theo nhân quả báo ứng của quý vị. Lường gạt thế gian như vậy, chính mình tự hại chính mình, tự mình lẫn kẻ khác đều bị tổn hại. Do vậy, Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la “*hoại loạn ngã pháp*” (phá hoại, làm rối loạn pháp của ta), tức là phá hoại Phật pháp! Các gã Chiên-

đồ-la ấy là những kẻ có quyền lực, có thế lực, có của cải, họ phá hoại bằng cách nào? Họ cấu kết với sa-môn [phá giới, ác hạnh]. Hễ cấu kết với sa-môn thì sẽ phá hoại được. Do vậy, trong kinh Đại Bát Niết Bàn có chép: Khi đức Phật sắp Niết Bàn, ma vương Ba Tuần tìm đến. Lúc đó, đức Phật vẫn chưa quyết định nhập Niết Bàn, còn đang xem xét căn cơ của chúng sanh. Nếu lúc ấy, ngài A Nan đến chỗ Phật trước Ba Tuần, thỉnh Phật trụ thế, sẽ chẳng có chuyện gì! A Nan đến sau Ba Tuần, không được rồi! Ba Tuần đến trước, hấn thưa với đức Phật: “Bạch Thế Tôn! Ngài nên ra đi. Ngài đã độ con ma, cháu ma của tôi nhiều lắm rồi. Trong tương lai, tôi sẽ phá hoại Ngài”. Đức Phật hỏi: “Người sẽ phá hoại ta như thế nào?” Hấn nói sẽ phá hoại Phật pháp như thế này, như thế nọ, đức Phật đều cười bảo: “Người chẳng phá hoại được!” Hấn nói thêm: “Tôi còn có một phương pháp tốt nhất. Tôi sẽ sai ma con, ma cháu đều làm người xuất gia trong pháp của Ngài, làm tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni, ăn cơm của Ngài, mặc y phục của Ngài, nhưng chẳng làm chuyện của Ngài. Như vậy thì sẽ phá hoại được!”

Mọi vật cần phải mục nát trước rồi sau đó mới sanh ra giòi, trùng. Xuất phát từ nội bộ hư nát trước đã; sau đây mới sanh ra trùng. Hết thầy mọi thứ đều là như vậy. Do vậy, người ngoài chẳng thể phá hoại Phật pháp được! Vậy thì hòa thượng, tỳ-kheo-ni mặc áo hòa thượng, làm chuyện xấu xa. Người khác nhìn vào, thấy họ là người xuất gia, [bèn vỗ đũa cả nắm] “Phật pháp là như vậy đó!” Quý vị có thấy hay không? Ai còn tin được nữa! Họ đã phá hoại rồi! Quý vị phải biết các hòa thượng phá hoại, các tỳ-kheo-ni phá hoại ấy đều ma con, ma cháu kéo tới. Chuyện này đã có dự ngôn rồi! Nhưng các ác Sát-đế-lợi, ác Bà-la-môn, cho đến hết thầy các ác cư sĩ như đã nói trong phần trên cung kính, cúng dường các tăng sĩ ác ấy hoàn toàn chẳng phải là thiện tín thật sự, họ là những kẻ tri kiến điên đảo. Họ cúng dường bọn tham tài cầu lợi, chỉ nói suông, chẳng tu hành ấy, thậm chí còn gởi thư, trao đổi tin tức qua lại, buôn bán, kinh doanh, thích học tập các sách vở của ngoại đạo, đủ mọi thứ kinh doanh, trồng trọt, tàng trữ bảo vật, bảo vệ vườn tược, nhà cửa.

Kết duyên thì được, chẳng vì cầu lợi, chuyên vì lợi ích chúng sanh thì vẫn có thể dung thông. Hết thầy sự vật đều có thể dung thông. Do vậy, có những chuyện có lợi có thể mưu tính, dung thông được. Chúng ta dung thông với Địa Tạng Bồ Tát thì cũng có thể dung thông được. Vậy thì đối với Địa Tạng Bồ Tát, niệm danh hiệu của Ngài, học tập kinh Thập Luân, niệm kinh Địa Tạng cũng là dung thông với Ngài, nhưng đây là dung thông với thiện pháp, chẳng dung thông với ác pháp! Trong

lúc ấy, trao đổi tin tức qua lại, học kinh sách ngoại đạo, bán buôn, kinh doanh thương nghiệp. Hiện thời, chùa miếu của Nhật Bản đều là công ty! Chùa miếu Trung Hoa hiện thời cũng học đòi kiểu đó! E rằng Đại Lục đã học theo giỏi lắm, đã bắt đầu làm như vậy rồi! Tự lực cánh sinh, quý vị kinh doanh, chánh phủ cổ vũ, khích lệ. Hiện thời, còn phải mua vé vào cửa. Quý vị vào chùa thắp hương lễ Phật, phải cầm tiền mua hương, phải mua vé vào cửa!

Tôi đến chùa Nam Phổ Đà (ở Hạ Môn, tỉnh Phước Kiến), [vé vào cửa thuở đó là] một xu, nay chúng tôi trở về là một đồng, trong tương lai, sẽ tăng lên năm đồng! Cần bán vé vào cửa! Nếu không, hơn năm trăm người sẽ sống bằng cách nào? Phải dựa vào tiền bán vé vào cửa! Quý vị đến triều bái Phật, lễ Phật, thắp hương cũng phải tốn tiền, cũng phải mua. Đó là chẳng có cách nào, đó là Mạt Pháp! Còn có kẻ luyện chú thuật để sai khiến quỷ thần, xem tướng cát, hung. Còn có kẻ bán thuốc, pha chế thuốc thang. Bán thuốc giả thì hồng bát, bán thuốc thật thì còn đỡ một chút. Hiện thời, bán thuốc giả rất nhiều. Đặc biệt là trên núi, khoe là thuốc của ta từ núi Vũ Di ở Phước Kiến, do chùa nào tạo tác, do vị lão hòa thượng nào đó bào chế. Được lắm, vậy là rất có giá! Có rất nhiều chuyện như vậy, “*dĩ tự hoạt mạng, tham trước ẩm thực, y phục, bảo sức, cần doanh tục vụ, hủy phạm Thi La*” (để tự nuôi sống, tham đắm thức ăn, quần áo, vật trang sức báu, siêng năng lo liệu sự vụ thế tục, hủy phạm Thi La). Thi La là giới. Những chuyện đức Phật chế định không được làm, họ đều làm tuốt, phạm hết. Chủ yếu nhất là Tứ Chúng Thanh Tịnh Minh Hối (bốn loại giáo huấn rõ ràng về hạnh thanh tịnh), cũng chính là bốn giới căn bản. Bốn giới căn bản như vậy đều có thể phạm, những sai lầm khác càng nhiều. Thân giết, trộm, dâm, miệng nói đôi chiều, nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, cho đến ý tham, sân, si. Những thứ ấy đều có thể làm thì gọi là “*hành ác hạnh*”.

“*Bối âm cầu hạnh*” (貝音狗行) tức là học tập phương pháp của loài chó. Thời Mạt, tỳ-kheo phỉ báng lẫn nhau, đôi bên ngờ vực, ghen ghét lẫn nhau, chìm đắm trong vô ích mà chẳng thể tự cứu. Dùng chó làm thí dụ, “*bỉ chi hành thử pháp, vị chi hành cầu pháp*” (kẻ hành pháp ấy chính là hành pháp của chó), cũng tức là “*bối âm cầu hạnh*” có nghĩa là hành theo phương pháp của chó. Khi làm như vậy, kẻ đó đã đánh mất bản thể của sa-môn, phạm vào bốn giới căn bản, chẳng phải là sa-môn. Bất luận nơi ý nghĩa, hay nơi bản thể, đều đã mất tư cách sa-môn; nhưng chính kẻ đó không chịu sám hối. Nếu bản thân kẻ đó chẳng thể tuân thủ, có thể “*thoái giới*”. Cảm thấy [các giới ấy] đối với chính mình chẳng

thích hợp, quý vị có thể thoái giới. Nhưng kẻ đó lại chẳng thoái giới, vẫn lẫn lộn trong Tăng chúng. “*Thoái giới*” (退戒) chính là bỏ đạo hoàn tục. Vì sao kẻ ấy làm như thế? Hẳn thoái giới sẽ chẳng có chỗ nào kiếm cơm ăn! Ở trong chùa miếu, Tăng chúng rất đông, nói chung là có bậc đại đức. Bậc có đức sẽ cảm ứng ăn, mặc, ở đưa tới, kẻ đó còn hưởng thụ được! Do vậy, hạng người như thế đã thật hành phương pháp của chó, cho nên nói là “*bối âm cầu hạnh*”.

Những gì bản thân kẻ đó làm chẳng phải là hạnh thanh tịnh. “*Phạm hạnh*” có nghĩa là hạnh thanh tịnh. Chính mình làm hạnh ô nhiễm, hẳn vẫn tự xưng là phạm hạnh. Đây là hình dung loại tỳ-kheo phá giới, vẫn có những hạng người tin tưởng, ngưỡng mộ hẳn! Nếu ác Sát-đế-lợi vương, hễ thêm vào từ ngữ Chiên-đồ-la đều có nghĩa “*thuộc loại ác nhân*”. Trước đó (trước mỗi chủng loại), thêm vào chữ Chiên-đồ-la, hàm nghĩa ác quốc vương, ác Bà-la-môn, họ rất chịu thân cận hạng tỳ-kheo phá giới ấy. Đó gọi là “*phương dĩ loại tỳ, vật dĩ quần phân*” (các phương pháp được phân chia theo từng loại, sự vật dựa theo từng đặc tánh giống nhau mà chia ra). Xú khí (臭氣, hơi hôi thối, tức những kẻ xấu xa) thu hút nhau, thân thiết với nhau, kết hợp thành bè đảng. “*Cung kính cúng dường*”: Nói là “*cung kính cúng dường*” tức là cung kính, cúng dường các tỳ-kheo phá giới đó. “*Thính thọ ngôn giáo*” (Nghe và tiếp nhận ngôn giáo): Đối với những lời lẽ do kẻ chẳng hành phạm hạnh nói ra, họ cũng chịu nghe, bằng lòng tiếp nhận sự giáo hóa của kẻ đó!

Kẻ phá giới ấy đối với Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la luôn ưa thích thân cận, cúng dường, lắng nghe, tiếp nhận ngôn giáo của kẻ đó. Nếu thấy có kẻ, “*u ngã pháp trung*” (ở trong pháp của ta), “*u ngã pháp*” là ở trong Phật pháp xuất gia, thọ Cụ Túc Giới. Trong phần trước là nói về “*hoại tỳ-kheo*” (tỳ-kheo xấu), còn tiểu đoạn này nói đến các tỳ-kheo tốt. Sau khi đã xuất gia, sau khi đã thọ Cụ Túc Giới, có thể tuân thủ, có thể trì giới. “*Phú đức*” (福德) là đạo đức rất phong phú, đức hạnh dồi dào, trọn đủ giới đức, lại có thể tinh tấn hành. “*Học hành*” là tu hành. Học là “*học pháp*”, tức là địa vị Hữu Học. “*Vô Học hạnh*” là chứng đắc quả A La Hán. Tính từ Sơ Quả, thánh nhân đã chứng quả chẳng học giống như chúng ta, sự học của các Ngài là vô học, cho đến cuối cùng chứng đắc Phật quả. Nhưng có thể nói [Vô Học Hạnh] là quả A La Hán, từ Sơ Quả cho đến Tứ Quả.

Điều này có nghĩa là gì? Chính là nói Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la đối với tỳ-kheo ác hạnh bên thân cận, cúng dường, nghe nhận ngôn giáo của gã đó, nhưng đối với bậc tỳ-kheo có đạo đức,

không chỉ chẳng thân cận, mà còn ngược ngạo “tăng tật” (憎嫉), “tăng” (憎) là chán ghét, “tật” (嫉) là ganh tỵ, tức là chẳng thích thân cận, cũng chẳng ưa thích cung kính cúng dường, cũng chẳng nghe dạy, tiếp nhận các vị tỳ-kheo có đạo đức cho đến chứng quả ấy. Họ chẳng thân cận, chẳng tiếp nhận ngôn giáo của các Ngài.

(Kinh) Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, nhập bảo châu chủ, khí xả chủng chủng để thanh, đại thanh, kim, ngân, chân châu, hồng liên hoa sắc Phiệt Lưu Ly đẳng đại giá chân bảo, thủ Ca Giá châu. Ư vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nãi chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, diệc phục như thị. Nhập ngã chánh pháp bảo châu chủ trung, khí xả chủng chủng cụ giới, phú đức, nhạo Thắng Nghĩa Đế, cụ túc tầm quý Học, Vô Học nhân, cập thiện dị sanh, tinh cần tu học Lục Đáo Bỉ Ngạn, cụ chư công đức chân thánh đệ tử, thử chư phá giới, háo hành chúng ác, vô tầm, vô quý, ngôn từ thô quánh, thân tâm kiêu ngạo, ly chư bạch pháp, vô từ, vô bi, ác hạnh bất-sô, dĩ vi phước điền, cung kính cúng dường, thỉnh thọ ngôn giáo. Như thị ác nhân, sự cập đệ tử, câu định thú hướng Vô Gian địa ngục.

(經)善男子！譬如有人，入寶洲渚，棄舍種種帝青、大青、金、銀、真珠、紅蓮華色筏琉璃等大價真寶，取迦遮珠。於未來世，此佛土中，有剎帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，亦復如是。入我正法寶洲渚中，棄舍種種具戒富德、樂勝義諦、具足慚愧學無學人，及善異生，精勤修學六到彼岸、具諸功德真聖弟子，取諸破戒，好行眾惡，無慚無愧，言辭粗獷，身心驕傲，離諸白法，無慈無悲惡行苾芻，以為福田，恭敬供養聽受言教。如是惡人師及弟子，俱定趣向無間地獄。

(Kinh: Này thiện nam tử! Ví như có người vào bến bãi báu, vứt bỏ các thứ báu thật sự có giá trị cao như để thanh⁷², đại thanh, vàng, bạc, chân châu, Phiệt Lưu Ly màu hoa sen hồng, v.v... để lấy châu Ca Giá. Trong đời vị lai, trong cõi Phật này, có Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến

⁷² Đế thanh (帝青) là màu xanh da trời đậm. Sách Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa giảng: “Đế thanh tiếng Phạn là Nhân Đà La Ni La Mục Đa, có nghĩa là một món báu của Đế Thích, có màu xanh biếc”.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 1

Bà-la-môn Chiên-đồ-la cũng giống như thế, vào trong bến bãi bảo châu chánh pháp của ta, vứt bỏ những vị đũa giới, giàu đức, thích Thắng Nghĩa Đệ, là bậc Học, Vô Học, trọn đủ hổ thẹn, và những loài dị sanh tốt lành, và các vị đệ tử của bậc chân thánh thật sự siêng ròng tu học sáu Ba La Mật, đầy đủ các công đức, để chọn lấy các bất-sô ác hạnh, phá giới, thích làm các điều ác, không thẹn, không hổ, ngôn ngữ thô bạo, tục tằn, thân tâm kiêu ngạo, lia các bạch pháp, không từ, không bi, coi những gã đó là phước điền, cung kính, cúng dường, nghe nhận ngôn giáo. Kẻ ác như thế, thầy lẫn đệ tử chắc chắn đều tiến vào địa ngục Vô Gián).

Ca Giá (Kāca) châu cũng là một loại Ma-ni châu, nhưng kém xa Phiệt Lưu Ly (Vaidūrya, Phê Lưu Ly, Tỳ Lưu Ly, Lưu Ly, Lapis Lazuly), tức là thua hẳn một bậc. Thứ tốt, kẻ đó chẳng lấy, mà lấy thứ kém hơn. Đây là đức Phật nêu tỷ dụ, nhằm nói vào thời Mật Pháp, trong Phật quốc độ này của ta, có khi là ác vương Sát-đế-lợi, có lúc là Bà-la-môn Chiên-đồ-la tức là ác Bà-la-môn cũng giống như vậy. Đối với vị tỷ-kheo có đạo đức, họ chẳng tin tưởng, chẳng thân cận, chẳng nghe nhận lời dạy bảo. Đối với tỷ-kheo phá giới, ác hạnh, bèn “*nguru tâm nguru, mã tâm mã*” (ngựa tìm ngựa, trâu tìm trâu), còn hướng về gã đó cầu pháp, nghe nhận lời dạy của hắn!

Đã tới bến bãi châu báu chánh pháp của ta, lại vứt bỏ hạng trọn giới, lăm đức, vứt bỏ vị ưa thích Thắng Nghĩa Đệ. Thắng Nghĩa Đệ có nghĩa là Thật Tướng. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là cảnh giới Thật Tướng, là Thắng Nghĩa Đệ, tức là nghĩa lý tối thắng. Họ cũng vứt bỏ bậc trọn hổ thẹn, “*Học, Vô Học nhân*”. “*Học nhân*” là còn chưa chứng quả vị. “*Vô Học nhân*” là người đã chứng đắc quả vị. “*Cập thiện dị sanh*” (Và các loài dị sanh tốt lành), tức là thiện Bồ Đặc Già La. Cho đến họ cũng vứt bỏ ưu-bà-tắc, ưu-bà-di là người thật sự tu hành, thật sự tin tưởng, ngưỡng mộ chánh pháp, cung kính chánh pháp. Thậm chí vứt bỏ đệ tử của bậc “*chân thánh*” thật sự siêng ròng tu học Lục Đáo Bỉ Ngạn, tức là hành Lục Độ Ba La Mật, trọn đủ công đức. Đây là đệ tử [Phật] thật sự!

“*Chân thánh*” (真聖) là nói đến đức Phật. Họ là đệ tử thật sự của đức Phật, [đối với những vị ấy], những kẻ [ác hạnh Sát-đế-lợi, tể quan v.v...] đều chẳng thân cận, mà ngược ngạo “*thủ chư phá giới, hảo hành chúng ác, vô tâm, vô quý, ngôn từ thô quánh, thân tâm kiêu ngạo, ly chư bạch pháp, vô từ, vô bi, ác hạnh bất-sô, dĩ vi phước điền*” (chọn lấy các ác hạnh bất-sô phá giới, thích làm các điều ác, không thẹn, không hổ,

ngôn từ thô lỗ, tục tằn, thân tâm kiêu ngạo, lia các bạch pháp, chẳng từ, chẳng bi, coi đó là phước điền). Như vậy thì sẽ nhận được kết quả như thế nào? “*Như thị ác nhân, sư cập đệ tử, câu định thú hương Vô Gian địa ngục*” (Kẻ ác như thế, thầy và đệ tử đều chắc chắn tiến vào địa ngục Vô Gian). Quý vị tiếp nhận ngôn giáo của kẻ đó, tin tưởng, ngưỡng mộ hẳn, sẽ theo hẳn cùng xuống địa ngục. Điều này chắc chắn chẳng thể nghi ngờ. Do vậy, sẽ sanh ra một loại tà tri, tà kiến. Trong thời đại Mật Pháp hiện tại, thật sự chẳng ít kẻ [như vậy]. Nếu mọi người nương theo giáo điển, vận dụng trí huệ của chính mình, sử dụng chánh tri, chánh kiến, quý vị sẽ có thể biện định được.

Đôi với hiện thời, chuyện này hết sức cụ thể, cũng rất hiện thực, nhưng quý vị có thể dùng cách thức như đức Phật đã dạy để phán đoán, chẳng thuận theo ý kiến của chính mình, mà dùng giáo điển của đức Phật, dùng Phật pháp làm thầy, chẳng lấy cái tâm của chính mình làm thầy. Quý vị có thể thấy kẻ nào dẫn quý vị xuống địa ngục. Kẻ đó cũng làm Phật sự, nhưng bề cong Phật sự, dùng tri kiến điên đảo để làm Phật sự. Phật pháp vốn là phương pháp tốt đẹp để minh tâm kiến tánh, kẻ đó dùng Phật pháp để tạo danh lợi, làm giao dịch buôn bán, chẳng xuống địa ngục hay sao? Do vậy, đức Phật nói ra mười loại luân. Mười loại ấy hoàn toàn chẳng phải là thiện luân, mà là ác luân.

(Kinh) Thiện nam tử! Hữu thập ác luân, u vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, như thị đẳng nhân, u thập ác luân, hoặc tùy thành nhất, hoặc cụ thành tưu, tiên sở tu tập nhất thiết thiện căn, tồi hoại, thiêu diệt, giai vi hôi tẫn, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gian địa ngục.

(經)善男子！有十惡輪，於未來世，此佛土中，有剎帝利旃荼羅、宰官旃荼羅、居士旃荼羅、長者旃荼羅、沙門旃荼羅、婆羅門旃荼羅，如是等人，於十惡輪，或隨成一，或具成就，先所修集一切善根，摧壞燒滅，皆為灰燼，不久便當肢體廢缺，於多日夜結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Có mười ác luân, trong đời vị lai, trong

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

cõi Phật này, có Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan Chiên-đồ-la, cư sĩ Chiên-đồ-la, trưởng giả Chiên-đồ-la, sa-môn Chiên-đồ-la, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, những người như thế, trong mười ác luân nếu thành tựu một luân nào, hoặc thành tựu trọn đủ, thì hết thấy các thiện căn đã tu tập trước đó sẽ bị hư nát, cháy tiêu, đều thành tro tàn, chẳng lâu sau, từ chi sẽ tàn phé, thiếu khuyết, bị đờ lưỡi chẳng thể nói được trong nhiều ngày đêm, chịu các nỗi khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Sau khi chết đi, chắc chắn sanh vào địa ngục Vô Gián).

Các tỳ-kheo phá giới, tỳ-kheo ác hạnh, Bà-la-môn Chiên-đồ-la trong phần trước, “*nhu thị đẳng nhân*” (những kẻ như thế), từ các quốc vương cho đến dân chúng, cho đến hạng bình dân, cho đến người xuất gia, cho đến học giả, đều được bao gồm trong ấy. Có những người như thế, do mười ác luân như sẽ kể dưới đây, “*hoặc tùy thành nhất, hoặc cụ thành tựu*” (nếu thành tựu một loại nào đó, hoặc thành tựu trọn đủ). Hễ trọn đủ một luân, hoặc có đủ hai luân, hoặc trọn đủ ba luân không nhất định, hoặc chỉ có một luân, thiện căn do người ấy đã tu tập, tích tụ trong nhiều đời bao kiếp sẽ đều bị đập tan, hoặc bị đốt rụi. Nếu thành tựu một điều trong mười luân ấy, tất cả thiện căn và thiện niệm đã hành của người ấy trong nhiều đời bao kiếp đều hóa thành tro tàn! Do vậy, chúng ta cảm thấy chỉ gieo thiện căn, chỉ học tập Phật pháp, hoàn toàn chẳng thật sự đoạn phiền não; trong tương lai, quý vị có thể cũng sẽ rơi vào trong Thập Ác Luân này! Vì hễ chuyển thế, nếu quý vị chẳng tu đắc Túc Mạng Thông, sẽ dễ bị danh lợi và ái dục quán trôi mà dễ dàng đọa vào Thập Ác Luân.

Chúng ta học kinh Thập Luân, học kinh Địa Tạng, đọc tụng kinh Địa Tạng, cho đến đọc kinh Đại Tập Thập Luân, cho đến được Địa Tạng Bồ Tát gia trì, khiến cho chúng ta trong đời này có thiện căn và nhân duyên như vậy. Kết duyên với Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta sẽ chẳng đọa vào Thập Ác Luân, vì Địa Tạng Bồ Tát đã hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật cam đoan. Chúng ta đọc kinh Địa Tạng, sẽ có thể cảm nhận, thấu hiểu các vị đại Bồ Tát ấy. Phạm là đối với các vị Bồ Tát xuất hiện trong kinh Địa Tạng, cũng như trong phẩm nói về danh hiệu các vị Phật, tức phẩm thứ chín của kinh Địa Tạng, chúng ta trì bất cứ danh hiệu nào, sẽ vĩnh viễn chẳng đọa vào tam đồ. Nếu chúng ta kiến lập tín tâm kiên cố như vậy, sẽ chẳng dính líu Thập Ác Luân, sẽ chẳng bị đọa lạc. Do nguyên nhân nào? Do sức gia trì của Địa Tạng Bồ Tát, mà cũng là do Địa Tạng Bồ Tát gia trì, khiến cho chúng ta chẳng đọa vào ác luân.

Thậm chí trong thời Mạt Pháp, có chuyện thân cận Phật môn, tiền nhập Phật môn chùng bằng vi trần, bé tí ti như vậy, Địa Tạng Bồ Tát nhất định sẽ gia trì quý vị. Nhưng nếu quý vị cự tuyệt sự gia trì của Ngài, thậm chí chẳng thèm dính dáng đến Ngài thì sẽ là chuyện khác!

“*Bất cứu tiên đương chi thể phế khuyết*” (Không lâu sau, tứ chi sẽ bị tàn phế, thiếu khuyết): Đó là trong đời hiện tại. “*U đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn*” (Trong nhiều ngày đêm, bị đờ lưỡi chẳng thể nói được): Chẳng thể nói năng, lục căn đã mất tác dụng. “*Thọ chư khổ độc*” (Chịu các khổ độc): Loại khổ này ngay cả diễn tả, cũng chẳng thể diễn tả được! Chúng ta thấy rất nhiều người bị đụng xe, sau đó, biến thành người sống đời thực vật. Trước kia, tôi nghĩ người sống đời thực vật chắc là không nhiều, nhưng năm 1993, tôi sang Đài Loan, đến tổng y viện Vinh Dân và y viện Trường Canh ở Lâm Khâu, tôi mới thấy người sống đời thực vật trong bệnh viện quá nhiều. Vì thế, các điều mô tả trên đây chính là nói đến những người ấy. Bị khổ độc, thân thể lở loét, chẳng nói được, thứ gì cũng đều tàn phế, thiếu khuyết, đều hư hoại cùng cực. Đầu óc tàn phế, biến thành người thực vật. Hoặc là do nghiệp trong đời này, hoặc vì nghiệp của người ấy trong đời trước, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Vẫn chưa nói đến chuyện sau khi chết đi, hiện thời, người ấy vẫn còn sống, đã đau khổ cùng cực khó thể chịu đựng, chịu cảnh chi thể tàn phế, thiếu khuyết. Kẻ đầy đủ Thập Ác Luân, nhất định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gian.

(Kinh) Hà đẳng vi thập? Như thị phá giới, ác hạnh bất-sô, hữu Sát-đế-lợi, cập tể quan đẳng nhân thọ ác kiến, báng A Luyện Nhã thanh tịnh bất-sô ngôn: “Chư nhân giả! Như thị bất-sô ngu si, phạm ổi, trá hiện dị tướng, cuồng hoặc thể gian, vị cầu ẩm thực, y phục, lợi dưỡng, cung kính, danh dự, tự tán, hủy tha, tật đố đấu loạn, tham trước danh lợi, vô hữu yếm túc, ưng đương tấn truất, vật thọ kỳ ngôn. Như thị bất-sô chuyên hành vọng ngữ, ly để thật pháp, u thử giai vô đắc đạo quả giả, diệc vô ly dục, vĩnh tận chư lậu, dẫn vị lợi dưỡng, cung kính, danh dự, trụ A Luyện Nhã, tự hiện hữu đức. Thận mạc cúng dường, cung kính, thừa sự, như thị siểm khúc, phi chân phước điền, phi hành đạo giả”. Thời, Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nữ chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, u A Luyện Nhã thanh tịnh bất-sô, bất năng sanh thật tín tâm, hy hữu chi tướng, tâm vô cung kính, ý hoài lăng miệt, bất nhạo thân cận, thừa sự, cúng dường, sở hữu ngôn thuyết, giai bất thính thọ. Khinh hủy như thị trụ A Luyện Nhã thanh tịnh bất-sô, tức

thị khinh hủy nhất thiết pháp nhân Tam Bảo chủng tánh.

(經)何等為十？如是破戒，惡行苾芻，有剎帝利及宰官等，忍受惡見，謗阿練若清淨苾芻言：「諸仁者！如是苾芻愚癡凡猥，詐現異相，誑惑世間，為求飲食、衣服、利養，恭敬名譽，自讚毀他，嫉妒斗亂，貪著名利，無有厭足，應當擯黜，勿受其言。如是苾芻專行妄語，離諦實法，於此皆無得道果者，亦無離欲，永盡諸漏，但為利養、恭敬、名譽住阿練若，自現有德。慎莫供養，恭敬承事，如是諂曲，非真福田，非行道者」。時，剎帝利旃荼羅，乃至婆羅門旃荼羅，於阿練若清淨苾芻，不能生實信心，希有之想，心無恭敬，意懷凌蔑，不樂親近，承事供養，所有言說，皆不聽受。輕毀如是住阿練若清淨苾芻，即是輕毀一切法眼三寶種姓。

(*Kinh: Những gì là mười? Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, do có Sát-đế-lợi và tể quan v.v... tiếp nhận ác kiến [của hắn], liền báng bỏ vị bất-sô thanh tịnh trong A Luyện Nhã rằng: “Này các vị nhân giả! Bất-sô như thế ngu si, tầm thường, bỉ ổi, dối trá hiện tướng lạ, lòng gạt, mê hoặc thế gian, hòng cầu thức ăn, quần áo, lợi dưỡng, cung kính, danh dự, tự khen mình, chê người, ghen ghét, đấu đá, gây rối, tham đắm danh lợi chẳng hề chán đủ, đáng nên bị trục xuất, xua đuổi, đừng tin lời hắn. Bất-sô như thế chuyên môn nói dối, lừa pháp chắc thật, dối với pháp ấy, hắn ta đều chẳng đắc đạo quả, cũng chẳng lừa dục, vĩnh viễn hết thấy các lậu. Chỉ vì lợi dưỡng, cung kính, danh dự, mà ở trong A Luyện Nhã, làm ra vẻ có đạo đức. Hãy thận trọng, đừng cúng dường, cung kính, thừa sự kẻ siểm nịnh, cong vạy, chẳng phải là ruộng phước chân thật, chẳng phải là người tu đạo”. Khi đó, Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la đối với vị bất-sô thanh tịnh ở trong A Luyện Nhã, chẳng thể sanh tín tâm thật sự, chẳng có ý nghĩ hy hữu, tâm chẳng cung kính, ôm lòng lẩn hiếp, khinh miệt, chẳng thích thân cận, thừa sự, cúng dường, đối với tất cả ngôn thuyết của vị ấy đều chẳng nghe nhận. Khinh miệt, hủy báng vị bất-sô thanh tịnh trụ trong A Luyện Nhã như thế tức là khinh miệt, hủy báng hết thấy pháp nhân chủng tánh Tam Bảo).*

Từ đây trở đi, thuyết minh Thập Ác Luân. “Nhu thị phá giới ác

hạnh bất-sô, hữu Sát-đế-lợi cập tể quan đấng, nhân thọ ác kiến” (Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, do có Sát-đế-lợi và tể quan v.v... tiếp nhận ác kiến [của hắn]): Đối với tỳ-kheo ác hạnh ấy, có các Sát-đế-lợi và tể quan Chiên-đồ-la tiếp nhận, cũng như tin tưởng, nghe theo lời hắn, thậm chí cùng hắn làm ác. Làm ác gì vậy? “*Báng A Luyện Nhã thanh tịnh bất-sô ngôn*” (Báng bỏ vị bất-sô thanh tịnh trụ trong A Lan Nhã): Báng bỏ vị tỳ-kheo thanh tịnh ấy. A Luyện Nhã (A Lan Nhã, Aranya) là chỗ tịch tĩnh, núi rừng, dưới tàng cây cọ. Nói theo kiểu hiện thời, là tu trong núi rừng, tự mình thanh tu. Tỳ-kheo ác hạnh ấy hủy báng những vị đó, thốt ra những lời lẽ nào? Tỳ-kheo ác hạnh bảo vua Sát-đế-lợi và tể quan: Những kẻ ở trong núi rừng ấy đều rất ngu si. Họ hiện hình tướng khác lạ, cố ý làm ra vẻ tu hành, là bọn lường gạt. “*Cuống hoặc thế gian*” (Lừa gạt, mê hoặc thế gian), “*vì cầu ẩm thực, y phục, lợi dưỡng, cung kính, danh dự, tự tán, hủy tha, tật đố đấu loạn, tham trước danh lợi, vô hữu yếm túc, ưng đương tấn truất, vật thọ kỳ ngôn*” (vì cầu thức ăn, quần áo, lợi dưỡng, cung kính, danh dự, khen mình, chê người, ghen tỵ, đấu đá, gây rối, tham đắm danh lợi chẳng hề chán đủ. Hãy nên trực xuất, xua đuổi, đừng nghe lời họ).

Đây là tỳ-kheo ác hạnh phê phán tỳ-kheo thanh tịnh. Đoạn sau đây là lời lẽ hủy báng của hắn: “*Như thị bất-sô chuyên hành vọng ngữ, ly đế thật pháp. Ư thử giai vô đắc đạo quả giả, diệc vô ly dục, vĩnh tận chư lậu, dẫn vị lợi dưỡng, cung kính, danh dự, trụ A Luyện Nhã*” (Bất-sô như thế chuyên hành vọng ngữ, lia khỏi pháp chắc thật, đều chẳng đắc đạo quả trong đó, mà cũng chẳng lìa dục, chẳng vĩnh viễn hết sức các lậu, chỉ vì lợi dưỡng, cung kính, danh dự mà trụ trong A Luyện Nhã): Tức là nói họ trên thực tế chẳng đắc đạo quả, mà cũng chẳng ly dục, cũng chẳng hết sạch các lậu, chỉ vì lợi dưỡng, cung kính, danh dự, vì những thứ đó nên họ mới trụ trong nơi thanh tịnh, tịch tĩnh. “*Tự hiện hữu đức, thận mạt cúng dường, cung kính, thừa sự, như thị siểm khúc, phi chân phước điền, phi hành đạo giả*” (Tự làm ra vẻ có đức, hãy cẩn thận, đừng cúng dường, cung kính, thừa sự kẻ siểm nịnh, cong vạy, chẳng phải là phước điền thật sự, chẳng phải là kẻ tu hành như thế). Đó là những lời lẽ hủy báng vị tỳ-kheo thanh tịnh của tỳ-kheo ác hạnh!

“*Thời, Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, nữ chí Bà-la-môn Chiên-đồ-la, v A Luyện Nhã thanh tịnh bất-sô, bất năng sanh thật tín tâm, hy hữu chi tướng*” (Khi ấy, Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến Bà-la-môn Chiên-đồ-la đối với bất-sô thanh tịnh ở A Luyện Nhã chẳng thể sanh tín tâm chân thật và ý tưởng hy hữu): Đối với vị tỳ-kheo tốt đẹp, họ chẳng sanh khởi

lòng thành tín thật sự, chẳng sanh ý tưởng đây là vị thiện tri thức hy hữu khó tìm, cho nên họ chẳng có tâm cung kính, mà ôm lòng lẩn hiếp, khinh miệt. “Lăng” (陵) là lẩn hiếp, chúng ta nói là “*thịnh khí lăng nhân*” (盛氣陵人, khí thế hùng hực áp đảo kẻ khác) có ý nghĩa này. Miệt thị vị ấy. Khinh miệt, hủy báng vị bất-sô thanh tịnh trụ trong A Luyện Nhã như thế, tức là khinh miệt, hủy báng hết thấy chủng tánh pháp nhãn Tam Bảo. Sau khi nói như vậy, tỳ-kheo ác hạnh hủy báng vị tỳ-kheo thanh tịnh, lôi kéo bọn ác nhân từ Sát-đế-lợi cho đến Bà-la-môn cùng nhau hủy báng. Chuyện ấy sanh ra hiệu quả như thế nào? Do bọn họ muốn hủy diệt chủng tánh Tam Bảo. “*Pháp nhãn*”: “*Nhãn*” có nghĩa là quan sát. Chẳng có pháp, hủy diệt pháp thanh tịnh. Các chúng sanh ấy đã làm toàn điều ác, chẳng có con mắt chánh pháp, cho nên điên đảo. Nói thiện thành ác, ngược ngạo biến các điều ác do chính mình đã làm thành thiện. Như thế thì sẽ nhận được kết quả như thế nào?

(Kinh) Thời, bĩ quốc trung hữu chư thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả, ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phẫn, hổ tương vị ngôn: “Nhân đẳng! Đương quán thử Sát-đế-lợi, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, giai tất khinh hủy nhất thiết pháp nhãn Tam Bảo chủng tánh, tổn giảm thiện căn, do ác hữu lực, nhiếp chư tội nghiệp, đương đọa ác thú. Ngã đẳng từng kim vật phục ủng hộ thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, tịnh kỳ sở cư quốc độ, thành, ấp”. Tác thị ngữ dĩ, nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng giai tất khí xả, bất phục ủng hộ bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, tịnh bĩ sở cư quốc độ, thành, ấp. Ư bĩ quốc độ, nhất thiết pháp khí chân thật phước điền, giai xuất kỳ quốc. Thiết hữu trụ giả, diệc sanh xả tâm, bất phục hộ niệm. Do chư thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, cập chư pháp khí chân thật phước điền, ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, tịnh bĩ sở cư quốc độ, thành, ấp, giai xả thủ hộ, bất hộ niệm dĩ. Thời bĩ quốc độ, tự quân, tha quân, cạnh khởi xâm lăng, cánh tương tàn hại, tật dịch, cơ cấn, nhân thử phục hưng. Bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, nhất thiết quốc dân, giai vô hoan lạc. Tiên sở ái nhạo, kim tất biệt ly. Bằng hữu, quyến thuộc cánh tương sân hận, tiềm mưu sai nhị, vô từ, vô bi, tật đố, xan tham, chúng ác giai khởi. Sở vị sát sanh, nữ chí tà kiến, vô tầm, vô quý, thực dụng nhất thiết Tốt-đồ-ba vật, cập Tăng Kỳ vật, tăng vô hồi tâm. Bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la

vwang, tăng tât trung hiền, ái nhạo siểm nịnh, linh kỹ quan thứ hồ tương xâm lãng, phân khuể kết oán, hưng chư đầu tránh. Cộng dư lân quốc giao trận chiến thời, quân sĩ ly tâm, vô bất thoái bại. Bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phé khuyết, u đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục.

(經)時，彼國中有諸天、龍、藥叉神等，信敬三寶無動壞者，於剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿，互相謂言：「仁等！當觀此剎帝利、宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，皆悉輕毀一切法眼三寶種姓，損減善根，由惡友力，攝諸罪業，當墮惡趣。我等從今勿復擁護此剎帝利旃荼羅等，並其所居國土城邑」。作是語已，一切天、龍、藥叉神等皆悉棄舍，不復擁護彼剎帝利旃荼羅等，並彼所居國土城邑。於彼國土，一切法器真實福田，皆出其國。設有住者，亦生舍心，不復護念。由諸天、龍、藥叉神等，及諸法器真實福田，於剎帝利旃荼羅等，並彼所居國土城邑，皆舍守護，不護念已。時彼國土自軍他軍，競起侵凌，更相殘害，疾疫饑饉，因此復興。彼剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，一切國民，皆無歡樂。先所愛樂，今悉別離。朋友眷屬更相瞋恨，潛謀猜貳，無慈無悲，嫉妒慳貪，眾惡皆起。所謂殺生乃至邪見，無慚無愧，食用一切宰堵波物，及僧祇物，曾無悔心。彼剎帝利旃荼羅王，憎嫉忠賢，愛樂諂佞，令己官庶互相侵凌，憤恚結怨，興諸斗諍。共餘鄰國交陣戰時，軍士離心，無不退敗。彼剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong nước ấy có các trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... tin kính Tam Bảo chẳng bị lay động, phá hoại, đối với vua

Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến các sa-môn, Bà-la-môn v.v... toàn là hạng Chiên-đồ-la, tâm sanh sân hận, phần nộ, nói với nhau: “Các vị! Hãy xem bọn Chiên-đồ-la Sát-đế-lợi, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn này thấy đều khinh miệt, hủy báng hết thấy chúng tánh Tam Bảo pháp nhân, tôn giảm thiện căn, do sức của bạn ác mà thâm tóm các tội nghiệp, sẽ đọa vào đường ác. Từ nay, chúng ta chẳng còn ủng hộ bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la v.v... ấy và quốc độ, thành, ấp nơi bọn chúng sống nữa”. Nói lời ấy xong, hết thấy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... thấy đều vứt bỏ, chẳng còn ủng hộ bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la v.v... ấy nữa, và cõi nước, thành, ấp nơi bọn chúng sống. Trong quốc độ ấy, hết thấy các bậc pháp khí, phước điền chân thật đều ra khỏi nước ấy. Nếu có vị nào ở lại thì cũng sanh tâm lìa bỏ, chẳng còn hộ niệm nữa. Do chư thiên, rồng, Dược Xoa thần v.v... và các bậc pháp khí, chân thật phước điền đối với bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la v.v... ấy và quốc độ, thành, ấp nơi bọn chúng sống đều buông bỏ sự thủ hộ, chẳng hộ niệm nữa, trong quốc độ đó, lúc ấy, quân của chính mình và quân nước khác đua nhau dấy lên xâm lăng, tàn hại lẫn nhau. Dịch bệnh, đói kém do vậy lại dấy lên. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến những gã Chiên-đồ-la thuộc loại sa-môn, Bà-la-môn... hết thấy quốc dân, đều chẳng được vui sướng. Những gì yêu thích trước kia, nay đều biệt ly. Bạn bè và quyến thuộc sân hận lẫn nhau, ngầm tính mưu kế, nghi ngờ, chẳng từ, chẳng bi, ghen ghét, keo tham. Các điều ác đều dấy lên, như là sát sanh, cho đến tà kiến, chẳng thẹn, chẳng hổ, ăn dùng hết thấy những vật thuộc về Tốt-đổ-ba (tháp thờ Phật) và vật thuộc về Tăng chúng, chưa từng có tâm hối hận. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương ghen ghét bậc trung hiền, ưa thích phùng siểm nịnh, khiến cho quan và dân của chính mình xâm phạm lẫn nhau, phần, sân, kết oán, dấy lên các sự đấu tranh. Khi cùng các nước lân cận giao chiến, do lòng quân ly tán, không lúc nào chẳng thua chạy. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, và bọn tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm bị đờ lười chẳng thể nói, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng, mạng chung nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián).

Các vị thiện thần hộ pháp nổi tâm sân hận. “Hỗ tương vị ngôn” nghĩa là các thần nói với nhau: “Nhân đấng! Đương quán thử Sát-đế-lợi, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la nhân” (Các vị! Hãy xem bọn Sát-đế-lợi, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-

môn Chiên-đồ-la này). Họ nói hiện thời, trong quốc độ này, từ quốc vương, cho đến tể quan, cư sĩ, trưởng giả của ông ta, thậm chí còn có hàng xuất gia, Bà-la-môn đều là Chiên-đồ-la. Chiên-đồ-la là ác nhân. Ác nhân hành ác pháp. Chúng nó hủy báng Tam Bảo và hết thầy chủng tánh pháp nhãn Tam Bảo, tổn giảm căn lành. Người trong quốc độ ấy chẳng có thiện căn, do sức của bạn ác mà thâm nhiếp các tội nghiệp. Từ ác lực, tạo ra hết thầy ác nghiệp. “*Đương đọa ác thú*” (Sẽ đọa vào đường ác), nhất định đọa vào tam đồ!

“*Ngã đẳng tòng kim, vật phục ủng hộ thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, tịnh kỳ sở cư quốc độ, thành, áp. Tác thị ngữ dĩ, nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, giai tất khí xả*” (“Chúng ta từ nay trở đi chẳng còn ủng hộ bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la này nữa và quốc độ, thành, áp nơi bọn chúng cư ngụ”. Nói lời ấy rồi, hết thầy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... thầy đều vứt bỏ). Các vị thiện thần rời khỏi quốc độ ấy, chỉ còn lại La Sát, Dạ Xoa ác! Từ đây trở đi, quốc độ ấy chẳng cát tường, các vị hộ pháp thiện thần chẳng còn ủng hộ nữa! “*Thiết hữu trụ giả, diệc sanh xả tâm*” (Nếu có vị nào ở lại, cũng sanh tâm buông bỏ): Hoặc còn một số ít còn ở lại, chưa đi, nhưng chẳng hộ trì bọn chúng, sanh tâm buông bỏ. Không chỉ là thần, mà người xuất gia chúng ta [cũng buông xả]! Có thể nhìn thấy hiện tượng xã hội này: Sau khi các vị tỷ-kheo thiện lương đều buông bỏ, không thủ hộ, không còn hộ niệm bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và quốc độ, thành, áp nơi bọn chúng sống nữa. Sau khi chẳng còn hộ niệm, “*thời bỉ quốc độ, tự quân, tha quân, cạnh khởi xâm lăng*” (khi ấy, trong quốc độ đó, quân của nước mình và quân nước khác đua nhau dậy lên xâm lăng): “*Tự quân*” là quân đội của chính nước mình đánh lẫn nhau, giống như tại Trung Hoa Đại Lục, quân Mao Trạch Đông và quân Quốc Dân Đảng đánh nhau rất nhiều năm. Sau đó, “*tha quân*” (quân nước khác), người Nhật Bản liền xâm lược quốc gia. “*Tha quân*” (Quân khác) tức người khác đánh xong, quân nước mình lại đánh, giết hại lẫn nhau, cho đến dịch bệnh, đói kém. Còn có tai ương nước, lửa. “*Phục hưng*” [ở đây] có nghĩa là các tai họa ấy lại dậy lên. “*Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, nhất thiết quốc dân, giai vô hoan lạc*” (Bọn vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-La, hết thầy nhân dân trong nước đều chẳng vui sướng): Chẳng thể vui sướng nổi! “*Tiên sở ái nhạo, kim tất biệt ly*” nghĩa là những gì được hưởng thụ, yêu thích trong quá khứ, các cảnh tượng khoái hoạt đều chẳng còn nữa, đều rời bỏ cả rồi!

“*Bằng hữu quyền thuộc, cánh tương sân hận*” (Bạn bè và quyền thuộc sân hận lẫn nhau): Thân nhân của chính mình sân hận lẫn nhau, não hại lẫn nhau. Chuyện này chẳng cần giải thích! Không chỉ Đài Loan có nhiều, mà Đại Lục cũng nhiều. Hằng ngày quý vị đều có thể trông thấy, giống như chúng ta thấy ngay cả bầu bán cũng đấu đá. “*Vô tâm, vô quý*” (Không hổ, không thẹn), khi đó “*tật đồ xan tham, chúng ác giai khởi*” (ghen ghét, keo tham, các điều ác đều dậy lên). Toàn là tạo ác nghiệp, cho đến sát nghiệp, tà kiến. “*Chẳng hổ, chẳng thẹn*”, bao gồm rất nhiều tà kiến! Chúng tôi nêu một thí dụ đơn giản nhất. Trong khi họ ăn các chúng sanh khác, họ nói các chúng sanh đó được sanh ra để cho họ ăn! Đó gọi là tà kiến. Lợn, dê chi nữa đều là những thứ thức ăn ư? Lợn, dê sanh ra để cho con người ăn, vậy thì gà sanh ra cũng để cho người ăn ư? Nói như vậy, con người sanh ra cũng là để cho chó sói, cho cọp ăn ư? [Bị vặn hỏi như thế], bọn họ mới chẳng nghĩ như vậy, và cũng chẳng nói như vậy. Chuyện này gọi là tà kiến! Tà tri, tà kiến, chẳng hổ, chẳng thẹn! Thậm chí đối với tiền bạc nơi chùa miếu, bọn chúng đều đến cướp lấy xài, chẳng sợ địa ngục Vô Gian. Tiền bạc từ tất cả chùa miếu, họ đều cướp lấy để dùng. “*Tặng Kỳ vật*” là những thứ cúng dường trong chùa miếu của Tăng chúng, bọn họ đều cướp lấy để dùng, một tí tâm hồi cải cũng chẳng có!

Những kẻ đó, “*bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương tăng tật trung hiền*” (gã vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy ghen ghét bậc trung thân, hiền thân): Ghen ghét người hiền, ghen ghét người tốt, sùng ái bọn siểm mị, gian nịnh. “*Nịnh*” (佞) là gian thần, là kẻ xấu. Chúng ta nói họ trở thành người xấu. Đã làm quan, cho đến đã được bầu làm thượng nghị sĩ, đều xâm phạm lẫn nhau. Có lúc xuất phát từ tư lợi, có lúc xuất phát từ đảng phái, chưa hề lo toan nhân dân cả nước như thế nào, tuy họ luôn rêu rao “ta suy xét cho toàn thể quốc dân”, mượn cái chiêu bài ấy để thành tựu danh lợi cho chính mình. “*Hỗ tương xâm lăng*”: Trong lúc đó, sức kẻ đó chẳng chống nổi quý vị, quý vị liền giết phăng hẳn đi, hoặc là tàn sát cả gia tộc của hắn. Cái tâm phần hận của bọn họ kết chặt thành “*phần khuê*” trong tâm. “*Phần khuê*” là sức mạnh phần nộ mà chẳng tiết phát được, kết trong tâm sẽ sanh ra khuê nộ. Đây là kết thù chuốc oán, cho đến lúc chết còn nói: “*Ta thành quý cũng phải báo cừ!*” Vậy là kết hận, uất hận kết lại trong tâm. Đời sau tái sanh, nếu gặp gỡ nhau, kẻ đó có thể đối xử tốt với quý vị hay không? Vì sao có người vừa mới thấy kẻ khác, chẳng có mảy may liên hệ gì với người đó, cũng rút súng bắn liền? Đây chẳng phải là kiếp này, mà là [oan trái] đã kết trong đời quá khứ. Kẻ

đó vừa trông thấy, bèn chẳng thể nào không giết chết kẻ kia, vì đời trước người đã giết chết ta. Vì kẻ đó chẳng thấy đời trước, đây là “*khuể kết*”.

“*Hưng chư đấu tránh*” (Dây lên đấu đá, tranh chấp): Đề xướng đấu tranh, tuyên dương đấu tranh. Đấu đến nỗi con đấu với cha, vợ chồng đấu nhau, gia tộc đấu nhau. “*Cộng dư lân quốc giao trận chiến thời*” (Lúc giao chiến với nước lân cận): Quốc gia như vậy, binh sĩ trong quân đội cũng chẳng thể đánh trận. Khi giao chiến với người khác, quân sĩ tức là các binh sĩ tác chiến, tâm họ đã rã rời, chẳng nghĩ bảo vệ quốc gia ấy, chẳng nghĩ sẽ xả thân bảo vệ quốc gia. Do vậy, cùng địch nhân giao chiến sẽ bị chiến bại! “*Bi Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phé khuyết*” (Bọn vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và lũ Chiên-đồ-la tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn ấy chẳng lâu sau tứ chi sẽ bị tàn phế, thiếu khuyết): Tức là những kẻ ấy hoặc bị người khác giết hại, tàn hại, hoặc chính mình ngã bệnh, bất luận bệnh tật như thế nào, đều sanh ra ác bệnh chẳng thể chữa trị, bị bệnh rất lâu. Trong nhiều ngày đêm, đó lưỡi chẳng thể nói, có miệng mà chẳng thể ăn gì được!

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tùy ác hữu hành, thiện căn vi thiếu, siểm khúc, ngu si, hoài thông minh mạn, u Tam Bảo sở, vô thuận tịnh tâm, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả. Thử hữu nhất loại, u Thanh Văn Thừa đắc vi thiếu tín, thật thị ngu si, tự vị thông mãn, u ngã sở thuyết Duyên Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, hỷ tử, phỉ báng, bất thính chúng sanh thọ trì, độc tụng, hạ chí nhất tụng.

(經)復次，善男子！有剎帝利旃荼羅王、宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，隨惡友行，善根微少，諂曲愚癡，懷聰明慢，於三寶所，無淳淨心，不見不畏後世苦果。此有一類，於聲聞乘得微少信，實是愚癡，自謂聰敏，於我所說緣覺乘法，及大乘法，毀訾誹謗，不聽眾生受持讀誦，下至一頌。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, cho đến những gã Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn làm theo bạn ác, thiện căn ít ỏi, siểm khúc, ngu si, tự phụ thông minh, đối với Tam Bảo, tâm chẳng thuận tịnh, chẳng thấy, chẳng sợ khổ

quả đời sau. Hạng người như vậy tin tưởng Thanh Văn Thừa đôi chút, thật sự là phùng ngu si, tự cho là thông minh, mãi tiếp, đối với pháp thuộc Duyên Giác Thừa và pháp Đại Thừa do ta đã nói bèn chê gièm, phỉ báng, chẳng cho phép chúng sanh thọ trì, đọc tụng, dấu chỉ một bài kệ tụng).

Đây là một loại ác luân khác. Có quốc vương là ác quốc vương, tất cả tể quan, thần dân, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, và Bà-la-môn của hắn đều là kẻ ác. “*Tùy ác hữu hành*” (Làm theo bạn ác). “*Ác hữu*” (惡友, bạn ác) là sa-môn phá giới như chúng ta vừa nói, cho đến sa-môn giả mạo! Hiện thời, có rất nhiều sa-môn giả mạo. Một kẻ tại gia cũng tự xưng là pháp sư, cũng mặc áo hậu vàng, đắp y đỏ của hòa thượng, cũng thăng tòa thuyết pháp, giải thích Phật pháp theo một kiểu khác biệt. Tôi ở Đài Loan nghe nói quý vị còn có thể phát sóng trên truyền hình. Gã đó mua một tiết mục nói mấy phút. Đó là điên đảo. Kẻ như vậy, thuận theo ác hữu làm những chuyện gì? “*Siểm khúc, ngu si*”. Hắn còn tưởng chính mình rất thông minh. Nói là “*thông minh*”, vì hắn cho rằng tà kiến của chính mình rất thông minh, thông minh tới mức độ nào? Chẳng có tín tâm đối với Tam Bảo, chẳng có tâm thuần tịnh, chẳng có tâm cung kính, chẳng tin nhân quả. Lúc ấy, có thể lộ rõ hắn là kẻ chẳng tin nhân quả. Hễ tin nhân quả, hắn trọn chẳng dám làm các việc ấy! Đây là kẻ chẳng học Phật pháp. Có lúc, tâm hắn không dám làm chuyện ác, hắn chẳng làm được, vì trong quốc độ của chúng ta, chẳng hạn như dân tộc Trung Hoa, Nho giáo cũng thế, trong truyền thống lịch sử mấy ngàn năm cũng thế, tuy [trong lúc] chưa có Phật pháp, họ cũng biết chuyện này chẳng thể làm, chẳng làm chuyện hại người, lợi mình. Nho giáo cũng dạy như thế. “*Phi lễ vật thị*” (Chuyện phi lễ chớ nhìn), chẳng hợp đạo lý chớ nên nhìn, chẳng hợp đạo lý thì đừng nên làm, các âm thanh chẳng hợp đạo lý đừng nên nghe. “*Phi lễ vật thị, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật thính*” (Chuyện phi lễ đừng nhìn, lời phi lễ chớ nói, chuyện phi lễ chớ nghe), những điều này ứng hợp với Phật giáo. Đây là “*chú trọng nhân quả*”.

“*Hại nhân giả, nhân hằng hại chi. Sát nhân giả, nhân hằng sát chi*” (Kẻ hại người, người khác luôn hại hắn. Kẻ giết người, người khác luôn giết hắn). Nhưng hắn chẳng tin, cứ nghĩ chính mình rất thông minh. Nếu quý vị nói với hắn pháp Thanh Văn, hắn bảo: “Ta là Đại Thừa!” Nếu quý vị nói pháp Bồ Tát với hắn, bảo hắn hành Bồ Tát đạo, hắn nói: “Ta là Tiểu Thừa, là tự lợi.” Rốt cuộc hắn là thừa nào? Một thừa cũng chẳng phải! Hắn là địa ngục thừa, mà cũng là tam đồ thừa. Hắn ngồi lên

cỗ xe ấy, cái xe đó chuyên chở hần vào trong tam đồ, thậm chí hần còn thỏa thích nữa!

Hoặc là đối với pháp nhân duyên, kẻ đó hiểu đôi chút, bèn báng pháp Thanh Văn, báng pháp Đại Thừa, báng pháp Lục Độ. Hoặc là kẻ đó học pháp Thanh Văn, học Khô, Tập, Diệt, Đạo, liền báng pháp Duyên Giác, báng Đại Thừa, báng pháp Lục Độ. Hần tự cho mình là viên mãn, chính mình đang học pháp Đại Thừa, sanh khởi hủy báng đối với pháp Tiểu Thừa. Đối với pháp Tiểu Thừa, đức Phật cũng tán thán. Học pháp Đại Thừa, cứ nghĩ chẳng cần học pháp Nhị Thừa, [thế nhưng] đức Phật hoàn toàn chẳng hủy báng pháp Nhị Thừa. Đức Phật đối với người căn cơ Đại Thừa, bèn nói cho họ pháp Đại Thừa. Quý vị đã phát Bồ Đề tâm, độ hết thủy chúng sanh, hết thủy chúng sanh đều có thể độ, huống hồ thánh nhân Nhị Thừa ư? Do vậy, pháp tam thừa đều đúng. Phải thấu hiểu đức Phật đối ứng căn cơ mà thuyết pháp, chẳng phải là chuyên nói một pháp nào! Nếu có các chúng sanh thuộc loại căn cơ này, Ngài sẽ nói cho họ loại pháp này. Đối với loại căn cơ khác, Ngài sẽ nói một loại phương pháp khác. Phương pháp tu hành có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn, phương pháp rất nhiều, tùy thuộc nói với người nào! Nói với kẻ đó mà chẳng thích hợp thì sẽ chẳng thể nói, ý nghĩa như thế đó!

Thấu hiểu tầng ý nghĩa này, đối với pháp tam thừa, đều phải nên đọc tụng, chớ nên hủy báng. Ở đây lại nói, đối với những người xuất gia, cũng như đối với ưu-bà-di cư sĩ, giữa các cư sĩ với nhau, giữa người xuất gia với nhau, các thiện nam nữ tại gia tịnh tín, đối đãi tứ chúng đệ tử, quan tâm lẫn nhau, phải nên tôn trọng. Đối với một tỳ-kheo phá giới trên đây, phải nên đối đãi như thế nào? Kẻ đó có nhân quả của chính hần, quý vị cứ một mực coi kẻ đó như thánh nhân. Quý vị dùng cái tâm thánh nhân, thấy hết thủy mọi người đều là thánh nhân. Thọ trì đọc tụng pháp tam thừa, tối thiểu là một bài kệ tụng.

(Kinh) Phục hữu nhất loại, ư Duyên Giác Thừa đắc vi thiếu tín, thật thị ngu si, tự vị thông mãn, ư ngã sở thuyết Thanh Văn Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, hủy tử, phỉ báng, bất thính chúng sanh thọ trì, độc tụng, hạ chí nhất tụng. Phục hữu nhất loại, ư Đại Thừa pháp đắc vi thiếu tín, thật thị ngu si, tự vị thông mãn, ư ngã sở thuyết Thanh Văn Thừa pháp, Duyên Giác Thừa pháp, hủy tử, phỉ báng, bất thính chúng sanh thọ trì, độc tụng, hạ chí nhất tụng. Như thị đẳng nhân, danh vi hủy báng Phật chánh pháp giả, diệc vi vi nghịch tam thể chư Phật, phá tam thể chư Phật nhất thiết pháp tạng, phần thiểu

đoạn diệt, giai vi hôi tấn, đoạn hoại nhất thiết bát chi thánh đạo, khiêu hoại vô lượng chúng sanh pháp nhãn. Nhược Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đặng Chiên-đồ-la nhân, ư Phật sở thuyết Thanh Văn Thừa pháp, Duyên Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, chương ngại phú tàng, linh kỳ ẩn một, nãi chí nhất tụng.

(經)復有一類，於緣覺乘得微少信，實是愚癡，自謂聰敏，於我所說聲聞乘法，及大乘法，毀訾誹謗，不聽眾生受持讀誦，下至一頌。復有一類，於大乘法得微少信，實是愚癡，自謂聰敏，於我所說聲聞乘法，緣覺乘法，毀訾誹謗，不聽眾生受持讀誦，下至一頌。如是等人，名為毀謗佛正法者，亦為違逆三世諸佛，破三世佛一切法藏，焚燒斷滅，皆為灰燼，斷壞一切八支聖道，挑壞無量眾生法眼。若剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，於佛所說聲聞乘法、緣覺乘法，及大乘法，障礙覆藏，令其隱沒，乃至一頌。

(Kinh: Lại có một loại tin tưởng Duyên Giác Thừa đôi chút, thật sự là ngu si, tự cho mình thông minh, mãi tiếp, đối với pháp Thanh Văn Thừa và pháp Đại Thừa do ta đã nói, chê gièm, phỉ báng, chẳng cho phép chúng sanh thọ trì, đọc tụng, dẫu chỉ một bài kệ tụng. Lại có một loại người tin tưởng pháp Đại Thừa đôi chút, thật sự là ngu si, tự cho là thông minh, mãi tiếp, đối với pháp Thanh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa do ta đã nói, chẳng cho phép chúng sanh thọ trì, đọc tụng, dẫu chỉ một bài kệ tụng. Hạng người như thế gọi là hủy báng chánh pháp của Phật, cũng là trái nghịch tam thể chư Phật, phá hết thầy pháp tạng của tam thể Phật, thiêu đốt, đoạn diệt đều thành tro tàn, dứt trừ, đoạn hoại hết thầy tám chi thánh đạo, chọc mù pháp nhãn của vô lượng chúng sanh. Nếu vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn người sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la đối với pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa, và pháp Đại Thừa do đức Phật đã nói mà chương ngại, che giấu, khiến bị ẩn mất, dẫu chỉ một bài kệ tụng).

“Phục hữu nhất loại, ư Duyên Giác Thừa đắc vi thiếu tín” (Lại có một loại người đối với Duyên Giác Thừa tin tưởng đôi chút): Thật sự là kẻ ngu si, họ chẳng chứng đắc đạo Duyên Giác, tự cho chính mình thông minh, bèn báng pháp Thanh Văn Thừa. Đây gọi là “hủy báng chánh

pháp”. Quý vị có biết “*Án, ma ni bát di hồng*” (Aum, maṇi padme hūm) chứa đựng ý nghĩa gì hay không? Quý vị ắt phải dùng cách hiển thị, dùng ngôn ngữ chỉ bày để giải thích một phen, quý vị mới có thể biết. “*Án, ma ni bát di hồng*”, tất cả các kinh luận của Quán Tự Tại Bồ Tát đều có thể bao hàm trong sáu chữ ấy, thậm chí được bao gồm trong một chữ Án. Một chữ Án trọn đủ hết thảy. Chẳng có cơ sở Hiền Giáo, quý vị chẳng hiểu, làm sao có thể nhập cho được? Đây là dạy chúng ta đối với chánh pháp Tam Bảo, phải nên hộ trì, chớ nên hủy báng. Nếu hủy báng, quý vị đã hủy báng chánh pháp, đó là pháp tạng của tam thế chư Phật. Đối với bất luận các tông, các phái, dù Hiền hay Mật, quý vị cho rằng pháp nào đó không đúng thì chẳng học là được rồi. Pháp ấy chẳng thích hợp với căn cơ của quý vị. Quý vị phải tìm pháp nào đúng với căn cơ của quý vị. Hủy báng tương đương với “*phân thiêu đoạn diệt*” (thiêu đốt, đoạn diệt), chọc mù pháp nhãn của vô lượng chúng sanh, khiến cho chúng sanh đều thành kẻ mù, chẳng có trí huệ nơi pháp.

“*Nhược Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đấng Chiên-đồ-la nhân, u Phật sở thuyết Thanh Văn Thừa pháp, Duyên Giác Thừa pháp, cập Đại Thừa pháp, chương ngại, phú tàng*” (Nếu vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la đối với pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa, và pháp Đại Thừa do đức Phật đã nói mà chương ngại, che giấu), khiến cho các pháp ấy chẳng thể hoằng dương, “*linh kỳ ẩn mật*” (khiến chúng bị ẩn mật). Bộ kinh nào chẳng được nói, bộ kinh ấy sẽ dần dần chẳng còn trên cõi đời. Vì sao có người nói “khi pháp diệt, kinh A Di Đà vẫn còn trụ thế một trăm năm”? Vì có nhiều người hoằng dương Tịnh Độ. [Trong khi đó, có các kinh] giáo nghĩa rất sâu, nhưng giải thích quá ít, bất luận bộ kinh nào [gặp phải tình cảnh ấy, sẽ dần dần bị ẩn mật]. Hiện thời, trong Kinh Tạng có rất nhiều phương pháp tốt đẹp, nhưng rất nhiều pháp đều bị ẩn mật!

Nếu duyệt tạng (閱藏, đọc Đại Tạng Kinh), quý vị có thể cảm nhận bộ kinh ấy đối với quý vị rất thích hợp, lại chẳng có ai giảng, chẳng có ai hoằng dương, chẳng có ai đề xướng, chẳng được ấn hành. Chúng ta trừ mấy bộ kinh như kinh Kim Cang, kinh A Di Đà, kinh Dược Sư ra, rất nhiều kinh dần dần không được nhắc đến nữa, chúng sẽ dần dần biến mất. Chẳng có ai hoằng dương, sẽ bị mai một. Hoằng dương kinh A Di Đà nhiều vì pháp này thích hợp căn cơ của chúng ta trong đời Mạt Pháp, xác thật là đối ứng căn cơ. Quý vị học chẳng hiểu, cứ niệm câu A Di Đà Phật là được rồi! Niệm câu A Di Đà Phật cũng có thể đắc độ. Nhưng nếu

đã học, phải học cho kỹ, học kỹ là như thế nào? Có rất nhiều phương pháp niệm A Di Đà Phật. Trước hết, hãy thanh tịnh cái tâm của quý vị, tự hỏi chính mình dùng cái tâm gì để niệm? Niệm Phật chẳng phải là miệng niệm, niệm Phật phải từ tâm khởi niệm. Niệm nào cũng đều phải quy vào tâm. Cái tâm này của quý vị là Phật, tâm này làm Phật. A Di Đà chính là quý vị. Chính quý vị có thể phóng vô lượng quang, nhưng quý vị ắt phải học thấu đáo. Nếu quý vị hủy báng, pháp ấy liền bị chướng ngại, dần dần sẽ bị hủy diệt!

(Kinh) Đương tri thị nhân, danh bất cung kính nhất thiết pháp nhân Tam Bảo chủng tánh. Do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả, w Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phần, quảng thuyết nữ chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, w đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián đại ngục.

(經)當知是人，名不恭敬一切法眼三寶種姓。由是因緣，令護國土一切天、龍、藥叉神等，信敬三寶無動壞者，於剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿，廣說乃至彼剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當支體廢缺，於多日夜結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間大獄。

(Kinh: Hãy nên biết người ấy được gọi là chẳng cung kính hết thảy chủng tánh pháp nhân Tam Bảo. Do nhân duyên ấy, khiến cho hết thảy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... hộ trì quốc độ ấy là những vị tín kính Tam Bảo chẳng lay động, chẳng bị phá hoại, sanh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn người Chiên-đồ-la sa-môn, Bà-la-môn, nói rộng là cho đến bọn vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy chẳng bao lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm, đờ lười chẳng thể nói được, chịu các nỗi khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng, mạng chung nhất định sanh vào ngục lớn Vô Gián).

Kẻ hủy báng hãy nên biết: Ai hủy báng, ai là “bất cung kính nhất

thiết pháp nhãn Tam Bảo chủng tánh, do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả” (chẳng cung kính hết thấy chủng tánh pháp nhãn Tam Bảo. Do nhân duyên ấy, khiến cho hết thấy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... hộ trì quốc độ ấy là những vị tín kính Tam Bảo chẳng lay động, chẳng bị phá hoại): Lòng tin của các vị quý thần ấy có nền tảng, chẳng tùy tiện dao động. “Vô động hoại giả” [nghĩa là] chẳng hề dao động tín tâm, chẳng thể phá hoại tín tâm của họ được. Trời, rồng, Dược Xoa thần như vậy, trong các vị trời, rồng, Dược Xoa thần là Dạ Xoa, có thiện và ác. Người có thiện và ác, thần cũng có thiện và ác giống hệt như vậy. Thiện thần hộ pháp đối với vua Chiên-đồ-la Sát-đế-lợi cho đến những kẻ Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... sanh tâm sân hận, nói rộng là cho đến bọn người gồm vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những kẻ Chiên-đồ-la chẳng bao lâu tứ chi sẽ bị tàn phế, thiếu khuyết. Kẻ báng pháp “*ư đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhân, mạng chung định sanh Vô Gián đại ngục*” (trong nhiều ngày đêm, đờ lười chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng, mạng chung nhất định sanh vào đại ngục Vô Gián): Điều này giống như trong phần trước [đã nói], quyết định sanh vào đại ngục Vô Gián, đó cũng là địa ngục Vô Gián.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tùy trực phá giới ác bất-sô hành, quảng thuyết nãi chí ư bỉ quốc trung hữu chư pháp khí, chân thật phước điền, ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la đẳng, giai trụ xả tâm, nhi bất hộ niệm. Tuy cư kỳ quốc, nhi y pháp trụ, thường bất hỷ nhạo tục gian cư chỉ, diệc bất sở sở vãng thí chủ gia. Thiết linh tạm vãng, nhi hộ ngữ ngôn. Túng hữu ngữ ngôn, tăng vô hư cuống, chung bất đối bỉ tại gia nhân tiền, cơ hủy, khinh lộng chư phá giới giả. Ư chư phá giới ác hạnh bất-sô, chung bất khinh nhiên triếp tương kiểm vấn, diệc bất hiện tướng, cố hiển kỳ phi, thường cận phước điền, viễn chư phá giới. Nhi bỉ phá giới, ác hạnh bất-sô, ư thử trì giới, chân thiện hạnh giả, phản sanh sân hận, khinh hủy xâm lãng, ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tại gia nam, nữ, đại, tiểu đẳng tiền, chủng chủng siểm khúc, hư vọng đàm luận, hủy tử, phi báng thử trì giới giả, linh Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-

môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, u ngã đệ tử thiếu dục, tri túc, tri giới, đa văn, cụ diệu biện tài chư bất-sô sở, tâm sanh sân hận, chủng chủng thô ngôn, ha mạ, bức thiết, linh tâm ưu não, thân bất an thái, hoặc đoạt y, bát, chư tư thân cụ, linh kỳ quý pháp, hoặc đoạt sở thí tứ phương Tăng vật, bất thỉnh thọ dụng, hoặc bẻ lao ngục, già tỏa khảo sở, hoặc giải chi tiết, hoặc trảm thân thủ.

(經)復次，善男子！有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，隨逐破戒惡苾芻行，廣說乃至於彼國中有諸法器，真實福田，於剎帝利旃荼羅等，皆住舍心，而不護念。雖居其國，而依法住，常不喜樂俗間居止，亦不數數往施主家。設令暫往，而護語言。縱有語言，曾無虛誑，終不對彼在家人前，譏毀輕弄諸破戒者。於諸破戒惡行苾芻，終不輕然輒相檢問，亦不現相，故顯其非，常近福田，遠諸破戒。而彼破戒，惡行苾芻，於此持戒，真善行者，反生瞋恨，輕毀侵凌，於剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，在家男女大小等前，種種諂曲，虛妄談論，毀訾誹謗此持戒者，令剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，於我弟子少欲知足，持戒多聞，具妙辯才諸苾芻所，心生瞋恨，種種粗言，呵罵逼切，令心憂惱，身不安泰，或奪衣鉢，諸資身具，令其匱乏，或奪所施四方僧物，不聽受用，或閉牢獄，枷鎖拷楚，或解支節，或斬身首。

(*Kinh*: *Lại này thiện nam tử! Có Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những gã Chiên-đồ-la làm theo ác bất-sô phá giới, nói rộng là cho đến trong nước ấy có những vị là pháp khí, là ruộng phước chân thật, đối với bọn Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy, đều mang tâm lừa bịp, chẳng hộ niệm chúng. Tuy ở trong nước ấy, nhưng theo đúng pháp mà trụ, thường chẳng ưa thích sống trong thế tục, cũng chẳng nhiều lượt đến nhà thí chủ. Dầu có tạm đến, bèn gìn giữ lời ăn tiếng nói. Dầu có nói năng, chưa từng hư dối, trọn chẳng đối trước kẻ tại gia mà gièm chê, hủy báng, khinh thường, trào lộng các kẻ phá giới. Đối với các bất-sô ác hạnh, phá giới, trọn chẳng khinh suất tùy tiện tra hỏi, cũng chẳng hiện tướng có ý hiển lộ sai trái của họ, thường gần*

phước điền, xa các kẻ phá giới. Nhưng gã bất-sô phá giới, ác hạnh ấy đối với bậc trì giới, thiện hạnh chân thật đó lại ngược ngạo sanh lòng sân hận, khinh miệt, hủy báng, xâm lấn, đối trước vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la, tại gia nam, nữ, lớn, nhỏ, đủ loại siểm khúc, đàm luận hư vọng, chê bai, phỉ báng vị trì giới ấy, khiến cho vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến những kẻ Chiên-đồ-la thuộc sa-môn, Bà-la-môn đối với các đệ tử bất-sô thiếu dục, tri túc, trì giới, đa văn, trọn đủ biện tài hay khéo của ta, sanh tâm sân hận, dùng đủ mọi lời lẽ thô lỗ, quở trách, chửi bới, bức bách, khiến cho tâm họ ru não, thân chẳng yên ổn, hoặc cướp đoạt y, bát, và các vật dụng cần dùng, khiến họ bị thiếu thốn, hoặc đoạt vật thí cho tứ phương Tăng, hoặc giam vào lao ngục, gông, xiềng, tra khảo, hoặc chặt chân tay, hoặc chém đứt đầu).

Đoạn kinh văn này nói: Từ ác vương cho đến ác nhân, đều bị thiện thần hộ trì quốc độ ấy lia bỏ, chẳng hộ niệm bọn chúng nữa. Cũng có vị vẫn ở trong quốc độ ấy, có vị đã bỏ đi, có vị vẫn chưa rời đi. Tuy chẳng rời đi, cũng chẳng quản, chẳng hộ niệm quốc độ, chẳng hộ niệm những kẻ trên đây! Hạng người ấy chẳng thích trụ trong thế gian, thích sống nơi tịch tĩnh, tức là như trong phần trước đã nói là “*trụ tịch tĩnh xứ*”, nơi đó được gọi là A Lan Nhã (hoặc A Luyện Nhã). Họ cũng chẳng thường xuyên đến nhà thí chủ, đó cũng là nhà thí chủ có tín tâm. “*Thiết linh tạm vãng*” (Giả sử tạm đến), hoặc là do có chuyện gì phải đến một phen, đối với lời ăn tiếng nói của chính họ, họ khéo giữ gìn, chẳng nói lời hư dối, chẳng nói lời gạt gẫm, mê hoặc kẻ khác. Cũng chẳng ở trước mặt hàng tại gia “*cơ hủy khinh lộng*” (gièm chê, hủy báng, khinh miệt, trào lộng) các kẻ phá giới, tức là trọn chẳng nói lời của tỳ-kheo phá giới, bất luận đối với ai, bất luận đối với quốc vương! Trên đây, đã nêu rất nhiều trường hợp, đều chẳng nói lời của tỳ-kheo ác hạnh. “*Cố hiển kỳ phi*” tức là cố ý hiển lộ lỗi lầm của tỳ-kheo phá giới, ác hạnh. “*Thường cận phước điền, viễn chư phá giới*” (Thường gần ruộng phước, xa những kẻ phá giới): Bản thân họ chẳng ở chung với tỳ-kheo phá giới, nhưng bất-sô phá giới, ác hạnh ngược ngạo sanh lòng sân hận đối với người trì giới. Vì thiện nhân, thiện hạnh tỳ-kheo do gìn giữ ngôn hạnh, chẳng có câu nào nhắc đến lỗi quấy của hắn. Nhưng tỳ-kheo ác hạnh lại khác, hắn đâm ra “*khinh hủy, xâm lấn*” (khinh miệt, hủy báng, xâm phạm), xâm phạm vị thiện tỳ-kheo ấy, đối trước “*Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân*” (vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la

cho đến những gã Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn), hoặc đối trước tại gia nam, nữ, bất luận người lớn, kẻ nhỏ, đủ loại siểm khúc, hư vọng đàm luận, “*hủy tử, phi báng thử trì giới giả*” (hủy báng, gièm pha, phi báng người trì giới ấy), nói xấu người thanh tịnh ấy, tức vị tỳ-kheo thanh tịnh, khiến cho vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy tâm sanh sân hận, cho đến dùng đủ loại lời lẽ thô ác, quở trách, chửi bới, bực bách, khiến cho tâm họ ưu não, khiến cho các tỳ-kheo như thế, tức các tỳ-kheo tu hành thân lẫn tâm đều chẳng được an ổn, thanh thản! Hoặc còn tệ hơn nữa là cướp đoạt y, bát, và các vật dụng sinh hoạt của các vị thiện tỳ-kheo, khiến cho họ bị thiếu thốn. Hoặc đoạt những vật thí cho tứ phương Tăng. Những thứ do người khác cúng dường cho tỳ-kheo, họ đều tước đoạt, chẳng cho hưởng dụng. Tệ hơn nữa là “*hoặc bế lao ngục, giã tóa khảo sở, hoặc giải chi tiết, hoặc trảm thân thủ*” (hoặc nhốt vào lao ngục, gông xiềng tra khảo, hoặc chặt chân tay, hoặc chém đầu). Đủ mọi hình phạt, phi lý hành hạ!

(Kinh) Thiện nam tử! Đương quán như thị chư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, thân cận phá giới, ác hạnh bất-sô, tạo tác như thị chủng chủng đại tội, nữ chí đương đọa Vô Gián địa ngục. Nhược chư chúng sanh tác Ngũ Vô Gián, hoặc phạm trọng giới, hoặc cận Vô Gián tánh tội, giá tội do khinh. Như thị chư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, thân cận phá giới, vi phạm pháp trọng tội. Thiện nam tử! Như thị phá giới, ác hạnh bất-sô, tuy tác như thị vi phạm trọng tội, nhi y ngã pháp, thể trừ tu phát, bị phục ca-sa, tấn chỉ oai nghi đồng chư hiền thánh, ngã thượng bất hứa quốc vương, đại thần, chư tại gia giả, y tục chánh pháp, dĩ tiên, trượng đẳng, chủy khảo kỳ thân, hoặc bế lao ngục, hoặc phục ha mạ, hoặc giải chi tiết, hoặc đoạn kỳ mạng, hưởng y phi pháp? Quốc vương, đại thần, chư tại gia giả, nhược tác thử sự, tiện hoạch đại tội, quyết định đương sanh Vô Gián địa ngục. Ư chư phá giới, ác hạnh bất-sô, do thượng bất ưng như thị trích phạt, hà hưởng trì giới chân thiện hạnh giả? Thiện nam tử! Nhược hữu bất-sô, u chư căn bản tánh trọng tội trung, tùy phạm nhất tội, tuy danh phá giới ác hạnh bất-sô, nhi u thân giáo hòa hợp Tăng trung, sở đắc luật nghi, do bất đoạn tuyệt, nữ chí khí xả sở học Thi La, do hữu bạch pháp hương khí tùy trực. Quốc vương, đại thần, chư tại gia giả, vô hữu luật nghi, bất ưng khinh mạn, cập gia trích phạt. Như thị bất-sô tuy phi pháp khí, thoái thất thánh

pháp, uế tạp thanh chúng, phá hoại nhất thiết sa-môn pháp sự, bất đắc thọ dụng tứ phương Tăng vật, nhi u thân giáo hòa hợp Tăng trung, sở đắc luật nghi bất khí xả cố, do thắng nhất thiết tại gia bạch y. Phạm tánh tội giả, thượng ưng như thị, huông phạm kỳ dư chư tiểu giá tội. Thị cố, bất hứa quốc vương, đại thần, chư tại gia giả, khinh mạn, trích phạt.

(經)善男子！當觀如是諸剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，親近破戒，惡行苾芻，造作如是種種大罪，乃至當墮無間地獄。若諸眾生作五無間，或犯重戒，或近無間性罪，遮罪猶輕。如是諸剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，親近破戒，越法重罪。善男子！如是破戒，惡行苾芻，雖作如是越法重罪，而依我法，剃除鬚髮，被服袈裟，進止威儀同諸賢聖，我尚不許國王、大臣、諸在家者，依俗正法，以鞭杖等捶拷其身，或閉牢獄，或復呵罵，或解肢節，或斷其命，況依非法？國王、大臣、諸在家者，若作此事，便獲大罪，決定當生無間地獄。於諸破戒，惡行苾芻，猶尚不應如是謫罰，何況持戒真善行者？善男子！若有苾芻，於諸根本性重罪中，隨犯一罪，雖名破戒惡行苾芻，而於親教和合僧中，所得律儀，猶不斷絕，乃至棄舍所學尸羅，猶有白法香氣隨逐。國王、大臣、諸在家者，無有律儀，不應輕慢，及加謫罰。如是苾芻雖非法器，退失聖法，穢雜清眾，破壞一切沙門法事，不得受用四方僧物，而於親教和合僧中，所得律儀不棄舍故，猶勝一切在家白衣。犯性罪者，尚應如是，況犯其餘諸小遮罪。是故，不許國王、大臣、諸在家者，輕慢謫罰。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Hãy nên quán các vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la như thế, thân cận bất-sô phá giới, ác hạnh, tạo tác đủ mọi tội to lớn như thế, cho đến sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián. Nếu các chúng sanh tạo tội Ngũ Vô Gián, hoặc phạm trọng giới, hoặc tánh tội Cận Vô Gián, giá tội còn nhẹ. Các vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn người sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la như thế thân cận kẻ phá giới, vượt pháp, phạm trọng tội.*

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 1

Này thiện nam tử! Bất-sô phá giới, ác hạnh như thế, tuy tạo trọng tội vượt pháp như thế, nhưng do nương theo pháp của ta, cạo bỏ râu tóc, mặc khoác ca-sa, oai nghi cư xử, giống như các vị hiền thánh, ta còn chẳng cho phép quốc vương, đại thần, những kẻ tại gia nương theo chánh pháp của thế tục dùng roi, gậy v.v... để đánh đập, tra khảo thân họ, hoặc giam trong lao ngục, hoặc lại quở trách, chửi mắng, hoặc chặt chân tay, hoặc đoạn mạng họ, hưởng hồ nương theo phi pháp! Quốc vương, đại thần, các kẻ tại gia, nếu làm chuyện ấy, sẽ mắc tội lớn, quyết định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gian. Đối với các bất-sô ác hạnh, phá giới, còn chẳng nên trừng phạt như thế, hà huống [làm như thế đối với] bậc trì giới, thiện hạnh thật sự ư? Này thiện nam tử! Nếu có bất-sô đối với các trọng tội mang tánh căn bản, hễ phạm một tội, tuy gọi là “bất-sô phá giới, ác hạnh”, nhưng luật nghi đã được truyền thọ bởi Tăng chúng thân giáo hòa hợp vẫn chẳng đoạn tuyệt, thậm chí kẻ đó vứt bỏ Thi La đã học, vẫn còn có hương thơm bạch pháp đọng lại. Quốc vương, đại thần, những kẻ tại gia, do chẳng có luật nghi, chớ nên khinh mạn và ra tay trừng phạt. Bất-sô như thế, tuy chẳng phải là pháp khí, lui mất thánh pháp, ướm tạp Tăng chúng thanh tịnh, phá hoại hết thầy các pháp sự của sa-môn, chẳng được thọ dụng vật dụng của tứ phương Tăng, nhưng chẳng vứt bỏ luật nghi đã đạt được từ thân giáo hòa hợp Tăng, vẫn hơn hẳn hết thầy kẻ bạch y tại gia. Kẻ phạm tánh tội còn nên như thế, huống hồ kẻ phạm những giá tội nhỏ khác. Vì thế, chẳng cho phép quốc vương, đại thần, và những kẻ tại gia khinh mạn, trừng phạt).

“Nhu thị chủng chủng đại tội” (Đủ loại tội lớn như thế) tức là vì dùng đủ mọi cách hãm hại bậc tỳ-kheo thiện lương, tỳ-kheo trì giới, tỳ-kheo tu hành, tức là phạm vào đủ loại tội lớn, “đương đọa Vô Gian địa ngục” (sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian). “Nhuợc chư chúng sanh tác Ngũ Vô Gian, hoặc phạm trọng giới, hoặc Cận Vô Gian tánh tội” (Nếu các chúng sanh tạo tội Ngũ Vô Gian, hoặc phạm trọng giới, hoặc tánh tội Cận Vô Gian): Tội Cận Vô Gian, còn chưa phạm đại tội Ngũ Vô Gian. Tôi nêu thí dụ như sau: Giết người, nhưng chưa giết chết, [tức là] tuy người ấy bị giết, nhưng sau đó không chết, cái tội ấy là tội Cận Ngũ Vô Gian, vẫn chưa phải là tội Ngũ Vô Gian. Chẳng hoàn thành thì vẫn chưa kể là phạm giới căn bản. Nhưng tỳ-kheo có ác hạnh ấy đã là tỳ-kheo phá giới. “Thiện nam tử! Nhu thị phá giới ác hạnh bất-sô, tuy tác như thị việ pháp trọng tội” (Này thiện nam tử! Bất-sô ác hạnh, phá giới như thế tuy tạo trọng tội vượt pháp như vậy), kẻ đó đã tạo loại trọng tội ấy, tội

Vô Giám ấy, nhưng do kẻ đó nương theo pháp của ta cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa, oai nghi cử chỉ vẫn giống bậc hiền thánh. Quốc vương đối với tỳ-kheo ác hạnh, cũng có quốc vương thiện lương, chẳng hoàn toàn là quốc vương mang tánh ác. Ác tánh quốc vương có cùng một thể với kẻ đó (tỳ-kheo phá giới), đương nhiên sẽ chẳng giết kẻ đó, chẳng hại kẻ đó, vì nghĩ hấn làm đúng. Quốc vương thiện lương, đối với gã ác tánh tỳ-kheo ấy, tuy hấn chẳng thể vâng theo chánh pháp, hoặc là gã tỳ-kheo ấy trộm cắp, hoặc là gã tỳ-kheo ấy giết người, đáng phải đền mạng. Chiếu theo chánh pháp [của thế tục], phải đoạn dứt sanh mạng của gã tỳ-kheo ấy, điều này chớ nên! Vì hấn đã thị hiện tướng trạng giống như bậc hiền thánh, là Tăng Bảo có thiện căn thọ giới, hãy còn thể lực sót lại của thiện pháp. Thế lực ấy chưa tiêu hết sạch, [cho nên] chẳng thể đoạn mạng hấn, huống hồ [xử trí theo] phi pháp ư? Dẫu hợp pháp, cũng chẳng thể làm như vậy, vâng theo phi pháp thì càng chẳng thể được!

Do đó, “*quốc vương, đại thần, chư tại gia giả, nhược tác thử sự, tiện hoạch đại tội*” (quốc vương, đại thần, những kẻ tại gia, nếu làm chuyện này sẽ mắc tội lớn): Nếu đối với vị tỳ-kheo phá giới mà làm chuyện ấy, tức là trừng phạt kẻ đó, sẽ mắc tội lớn. “*Quyết định đương sanh Vô Giám địa ngục*” (Quyết định sẽ sanh vào địa ngục Vô Giám), tương đương với quý vị đã sát sanh. Đối với các bậc-sô phá giới, ác hạnh như thế, còn chẳng nên trách phạt như vậy, huống hồ là [trách phạt như vậy đối với] bậc trì giới, thiện hạnh chân thật? Đối với tỳ-kheo phá giới còn chẳng thể làm như vậy, cho đến đối với người tu hành, tỳ-kheo thật sự trì giới, cho đến tỳ-kheo hoàng pháp, cho đến tỳ-kheo thật sự trụ trì chánh pháp, càng chẳng thể làm như thế. Làm như vậy, tội càng lớn hơn nữa!

Bốn giới “*giết, trộm, dâm, dối*”, hễ phá bất cứ một giới nào trong ấy, đều gọi là “*tỳ-kheo phá giới, ác hạnh*”, nhưng luật nghi đã được truyền thọ từ thân giáo hòa hợp Tăng vẫn chẳng đoạn tuyệt. Kẻ ấy vẫn chưa hoàn toàn đánh mất, vẫn chẳng đoạn giới thể của luật nghi đã thọ. Thậm chí đối với Thi La đã học, tuy tỳ-kheo phá giới, ác hạnh ấy đã hoàn toàn vứt bỏ, chẳng học nữa, nhưng hấn vẫn còn có mùi hương của pháp thanh tịnh. Thế lực sót lại của giới hương vẫn còn đọng lại, [ví như] đàn hương đã đốt, khói đã chẳng còn, nhưng quý vị ở trong căn nhà ấy đã lâu, trên thân quý vị vẫn có mùi hương, còn có mùi đàn hương, hoặc mùi trầm hương, có hàm nghĩa như vậy.

“*Quốc vương, đại thần, chư tại gia giả, vô hữu luật nghi, bất ưng khinh mạn*” (Quốc vương, đại thần, những kẻ tại gia do chẳng có luật

nghi, chớ nên khinh mạn): Quốc vương, đại thần, bản thân quý vị chẳng thọ giới, chẳng có giới luật nghi, làm sao có thể khinh mạn kẻ đó cho được? Huống hồ lại còn trách phạt! “*Như thị bất-sô, tuy phi pháp khí, thoái thất thánh pháp, uế tạp thanh chúng, phá hoại nhất thiết sa-môn pháp sự, bất đắc thọ dụng tứ phương Tăng vật, nhi u thân giáo hòa hợp Tăng trung, sở đắc luật nghi bất khí xả cố*” (Bất-sô như thế tuy chẳng phải là pháp khí, lui mất thánh pháp, uế tạp Tăng chúng thanh tịnh, phá hoại pháp sự của hết thầy sa-môn, chẳng được thọ dụng vật của tứ phương Tăng, nhưng do chẳng vứt bỏ luật nghi đã được truyền thọ từ thân giáo hòa hợp Tăng). Do vì thoát đầu thọ giới, học Luật từ Thân Giáo Sư của người ấy, kẻ đó vẫn chưa hoàn toàn vứt bỏ luật nghi đã được truyền thọ bởi hòa hợp Tăng. Do vậy, kẻ đó vẫn hơn hẳn hết thầy hàng bạch y tại gia. Đã phạm giới căn bản, “*phạm tánh tội giả, thượng ưng như thị*” ([đôi với] kẻ phạm tánh tội, còn nên như thế). Đối với [tỳ-kheo] phạm giới căn bản, hàng tại gia bạch y, hoặc quốc vương còn chẳng nên coi thường kẻ đó, chớ nên trách phạt kẻ đó. Cho đến trường hợp tỳ-kheo phá giới ấy phạm giá tội nhỏ, lại càng không nên làm, tức là càng không nên trách phạt kẻ đó.

Nếu quốc vương, đại thần, các kẻ tại gia khinh mạn, trách phạt [tỳ-kheo phá giới] thì chẳng đúng! Chớ nên trách phạt, khinh mạn kẻ đó. Nói như vậy, dường như đức Phật rất bảo vệ các đệ tử, kẻ đã phá giới mà còn bảo vệ như vậy! Hoàn toàn chẳng phải là do nguyên nhân này. Chẳng phải là bảo vệ họ, mà là bảo vệ quý vị, bảo vệ kẻ tại gia hủy báng họ, sợ quý vị sẽ chôn vùi phước đức, sẽ đọa địa ngục. Chẳng phải là bảo vệ kẻ [phá giới] đó! Nếu chúng ta quan sát sai lầm, [sẽ tưởng] đức Phật bảo vệ đệ tử phá giới của Ngài, giống như bọn tại gia chúng ta bảo vệ con cái của chính mình, hoặc như công ty bảo vệ viên chức của chính mình. Dùng quan niệm ấy để nhận thức đức Phật thì sai lầm mất rồi! Vì sao nói như vậy? Vì đức Phật bảo vệ quý vị khiến cho quý vị đừng tạo tội, hoàn toàn chẳng phải là bảo vệ tỳ-kheo phá giới ấy. Ai hủy báng kẻ đó, kẻ đó làm gì thì kẻ đó phải chịu báo, chứ nếu quý vị hủy báng kẻ đó, sẽ mắc tội. Đây là bảo vệ quý vị, chớ nên làm như vậy.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Thiện nam tử! Nãi vãng quá khứ, hữu Ca Xa quốc vương danh Phạm Thọ, sắc Chiên-đồ-la: “Hữu đại tượng vương, danh Thanh Liên Mục, lục nha cụ túc, trụ Tuyết sơn biên, như khả vãng bỉ, bạt thủ nha lai. Nhược bất đắc giả, như đẳng ngũ nhân, định vô hoạt nghĩa”. Thời, Chiên-đồ-la vị hộ thân mạng, chấp trì cung

tiển, phi xích ca-sa, trá hiện sa-môn oai nghi hình tướng, vãng Tuyết sơn biên, chí tượng vương sở. Thời, bỉ mẫu tượng dao kiến nhân lai, chấp trì cung tiễn, kinh bố trì tẩu, nghệ tượng vương sở, bạch ngôn: “Đại Thiên! Kim kiến hữu nhân trưng cung, niệp tiễn, từ hành thị siêm, lai thú ngã đấng, tương phi ngã đấng mạng dục tận da?” Tượng vương vãn dĩ, cử mục tiệp kiến thể trừ tu phát, trước ca-sa nhân, tức vị mẫu tượng, nhi thuyết tụng viết: “Bị Căng-già sa đấng, chư Phật pháp tràng tướng, quán thử lý chư ác, tất bất hại chúng sanh”. Thời, bỉ mẫu tượng dĩ tụng đáp viết: “Tuy tri bị pháp phục, nhi chấp trì cung tiễn, thị ác Chiên-đô-la, nhạo ác, vô bi mẫn”. Thời, đại tượng vương phục thuyết tụng viết: “Kiến ca-sa nhất tướng, tri thị từ bi bốn, thử tất quy Phật giả, mẫn niệm chư chúng sanh. Nhữ vật hoài nghi lự, nghi ung tức nhiếp tâm, bị thử pháp y nhân, dục độ sanh tử hải”.

(經)所以者何？善男子！乃往過去，有迦奢國王名梵授，敕旃荼羅：「有大象王，名青蓮目，六牙具足，住雪山邊，汝可往彼，拔取牙來。若不得者，汝等五人，定無活義」。時，旃荼羅為護身命，執持弓箭，披赤袈裟，詐現沙門威儀形相，往雪山邊，至象王所。時，彼母象遙見人來，執持弓箭，驚怖馳走，詣象王所，白言：「大天！今見有人張弓撿箭，徐行視覘，來趣我等，將非我等，命欲盡耶？」象王聞已，舉目便見剃除鬚髮，著袈裟人，即為母象而說頌曰：「被殄伽沙等，諸佛法幢相，觀此離諸惡，必不害眾生」。時，彼母象以頌答曰：「雖知被法服，而執持弓箭，是惡旃荼羅，樂惡無悲愍」。時，大象王復說頌曰：「見袈裟一相，知是慈悲本，此必歸佛者，愍念諸眾生。汝勿懷疑慮，宜應速攝心，被此法衣人，欲渡生死海」。

(Kinh: Vì có sao vậy? Này thiện nam tử! Trong thời quá khứ, có nước Ca Xa, vua tên Phạm Thọ, sắc truyền Chiên-đô-la: “Có voi chúa lớn, tên là Thanh Liên Mục, có đủ sáu ngà, ở cạnh núi Tuyết, các người hãy sang đó, bẻ lấy ngà về. Nếu chẳng lấy được, năm đứa người đừng mong sống nữa!” Khi đó, Chiên-đô-la vì giữ tánh mạng, cầm nắm cung, tên, khoác ca-sa đỏ, giả vờ hiện oai nghi và hình tướng sa-môn, đến bên núi Tuyết, tới chỗ voi chúa. Khi ấy, voi cái từ xa trông thấy có người đi đến, cầm nắm cung, tên, bèn kinh sợ rảo chạy đến chỗ voi chúa, bạch

rằng: “Đại Thiên! Nay tôi thấy có kẻ giương cung, lắp tên, đi thông thả nhìn ngó, tới chỗ chúng ta, chẳng phải là muốn đoạn mạng của chúng ta ư?” Voi chúa nghe nói, nhướng mắt liền thấy người cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, liền vì voi cái nói bài tụng rằng: “Người đắp tướng pháp tràng, của Hằng sa chư Phật, xét ra, lia các ác, ắt chẳng hại chúng sanh”. Lúc đó, voi cái dùng kệ tụng đáp: “Tuy biết mặc pháp phục, nhưng cầm nắm cung, tên, là ác Chiên-đồ-la, chuộng ác, chẳng thương xót”. Khi ấy, đại tợng vương lại nói kệ tụng rằng: “Trông thấy tướng ca-sa, biết vốn là từ bi, người ấy ắt quy Phật, nghĩ thương các chúng sanh. Người đừng lo ngò nữa, hãy nên mau nhiếp tâm, người mặc pháp y này, muốn vượt biển sanh tử”).

Đây là đức Phật tự mình nêu thí dụ: Có voi chúa lớn tên là Thanh Liên Mục (mắt như sen xanh). Voi trắng sáu ngà là voi báu. Nó ở chỗ nào? Ở bên núi Tuyết. Trong quá khứ, có nước tên Ca Xa La, quốc vương tên là Phạm Thọ. Vua tìm mấy gã ác nhân Chiên-đồ-la, tức ác nhân thuộc chủng tánh Chiên-đồ-la, vua bảo họ: “Có voi chúa lớn tên là Thanh Liên Mục, có đủ sáu ngà đang ở bên núi Tuyết. Ngà của nó là ngà báu. Các người qua nơi đó, bẻ ngà nó về cho ta. Nếu các người chẳng bẻ được ngà, ta sẽ giết toàn bộ các người”. Năm gã Chiên-đồ-la ấy chẳng có cách nào, vì bảo vệ thân mạng của chính mình, bèn đi giết con voi ấy. Bọn họ biết dùng sức của chính họ, nhất định sẽ bị con voi ấy đạp chết. Vì voi có oai lực rất lớn, bọn họ làm cách nào? Bọn họ liền cầm theo cung, tên, ở chỗ cách xa con voi ấy, hóa trang thành sa-môn, cạo tóc, tìm y ca-sa đỏ, giả làm oai nghi và hình tướng sa-môn. “*Vãng Tuyết sơn biên, chí tợng vương sở*” (Đến bên núi Tuyết, tới chỗ voi chúa). Voi chúa ấy có voi cái; từ xa, voi cái thấy có kẻ cầm cung tên đến nơi đây, rất kinh hoảng, chạy đến trước mặt voi chúa thưa trình, tán thán voi chúa, tán thán đại thiên: “*Kim kiến hữu nhân trượng cung, niệp tiễn, từ hành thị siêm*” (Nay thấy có người giương cung, lắp tên, đi thông thả dòm ngó). Nó nói: “Chỉ sợ bọn chúng đến gây thương tổn cho chúng ta. Chúng nó vừa đi, vừa dò xét tìm kiếm”. “*Lai thú ngã đặng*” nghĩa là đến chỗ chúng ta, há chẳng phải là muốn đoạn mạng chúng ta ư? Có phải là chúng ta sẽ chết hay không?

Voi chúa nghe xong, đưa mắt nhìn, liền thấy người cạo bỏ râu tóc, đắp ca-sa, bèn nói kệ tụng bảo voi cái: “*Bị Căng-già sa đặng, chư Phật pháp tràng tợng, quán thử ly chư ác, tất bất hại chúng sanh*” (Người khoác tướng pháp tràng, của Hằng sa chư Phật, quán họ lia các ác, ắt

chẳng hại chúng sanh). Nó nói: “Ngươi sai lầm rồi. Những người này đắp y ca-sa, đã gieo thiện căn nơi chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Y phục họ mặc chính là tướng pháp tràng của hết thầy chư Phật. Đây là y ca-sa, bọn họ đã lia các ác, sao có thể hại chúng sanh cho được?” Voi chúa nói như thế. Voi cái lại đáp lời: “Tuy biết là họ mặc pháp phục, nhưng họ cầm nắm cung tên, tức là ác Chiên-đồ-la, thích làm ác, chẳng có lòng bi悯”. Do bọn họ chẳng thể bi悯, sẽ thích làm chuyện ác. Những kẻ đó đều là ác Chiên-đồ-la. Tuy mặc pháp phục, sao lại có thể cầm cung tên cho được? Bọn họ giả vờ đấy!

Voi chúa vẫn nói, lại dùng kệ tụng bảo: “*Kiến ca-sa nhất tướng, tri thị từ bi bốn*” (Thấy tướng khoác ca-sa, biết vốn là từ bi): Voi chúa nói: “Mặc kệ họ đi! Chỉ cần thấy ca-sa, sẽ trọn đủ từ bi. Người khoác ca-sa căn bản là từ bi, nhất định từ bi đối với hết thầy chúng sanh”. “*Thử tất quy Phật giả*” (Kẻ ấy ắt quy hướng Phật), nhất định là đệ tử Phật. “*Mẫn niệm chư chúng sanh*” (Thương xót các chúng sanh): Từ悯, thương xót hết thầy chúng sanh. “*Nhữ vật hoài nghi lự*” (Ngươi đừng ôm lòng lo ngờ), ý nói: Ngươi đừng ngờ vực quá mức. “*Nghi ưng tốc nhiếp tâm*” (Hãy nên mau nhiếp tâm): Ngươi hãy thu nhiếp cái tâm lại, đừng nghĩ như vậy nữa! Người mặc ca-sa muốn vượt biển sanh tử, lẽ nào có thể hại chúng sanh cho được?

(Kinh) Thời, Chiên-đồ-la tức dĩ độc tiễn, loan cung thâm xạ, trúng tượng vương tâm. Mẫu tượng kiến chi, cử thanh hào đào, bi ai ngạnh ế, dĩ tụng bạch ngôn: “Bị thử pháp y nhân, nghi ưng định quy Phật, oai nghi tuy tịch tĩnh, nhi hoài độc ác tâm, ưng tốc đập bỉ thân, linh kỳ mạng căn đoạn, diệt thử oán linh tận, dĩ xạ thiên thân cố”. Thời, đại tượng vương dĩ tụng đáp viết: “Ninh tốc xả thân mạng, bất ưng sanh ác tâm, bỉ tuy hoài trá tâm, do tự Phật đệ tử. Trí giả phi vị mạng, nhi hoại thanh tịnh tâm, vị độ chư hữu tình, thường tập Bồ Đề hạnh”. Thời, đại tượng vương tâm sanh bi悯, từ vấn nhân viết: “Nhữ hà sở tu?” Bỉ nhân đáp viết: “Dục tu nhữ nha”. Tượng vương hoan hỷ, tức tự bạt nha, thí Chiên-đồ-la, nhi thuyết tụng viết: “Ngã dĩ bạch nha kim thí nhữ, vô phần, vô hận, vô tham tích. Nguyên thử thí phước đương thành Phật, diệt chư chúng sanh phiền não bệnh”.

(經)時，旃荼羅即以毒箭，彎弓審射，中象王心。母象見之，舉聲號啕，悲哀哽噎，以頌白言：「被此法衣人，宜應定歸佛，威儀雖寂靜，而懷毒噁心，應速躅彼身，令

其命根斷，滅此怨令盡，以射天身故」。時，大象王以頌答曰：「寧速舍身命，不應生噁心，彼雖懷詐心，猶似佛弟子。智者非為命，而壞清淨心，為度諸有情，常習菩提行」。時，大象王心生悲愍，徐問人曰：「汝何所須？」彼人答曰：「欲須汝牙」。象王歡喜，即自拔牙，施旃荼羅，而說頌曰：「我以白牙今施汝，無忿無恨無貪惜。願此施福當成佛，滅諸眾生煩惱病」。

(Kinh: Khi đó, Chiên-đồ-la liền dùng mũi tên độc kéo cung, ngắm bắn, trúng tim voi chúa. Voi cái trông thấy, lớn tiếng gào rú, bi ai, nghẹn ngào, dùng kệ tụng rằng: “Kẻ mặc pháp y này, đáng nên quy y Phật, oai nghi tuy tịch tĩnh, nhưng ôm tâm độc ác, mau giẫm đạp thân chúng, hòng đoạn mạng căn chúng, diệt hết nỗi oán này, dám bắn thân đại thiên”. Khi ấy, đại tượng vương dùng kệ tụng đáp rằng: “Thà mau xả thân mạng, chẳng nên sanh tâm ác, tâm họ tuy gian trá, vẫn giống đệ tử Phật. Người trí chẳng vì mạng, mà hoại tâm thanh tịnh. Vì độ các hữu tình, thường tu Bồ Đề hạnh”. Khi đó, đại tượng vương sanh tâm bi mẫn, thông thả hỏi mấy người ấy rằng: “Người cần gì?” Những kẻ đó đáp rằng: “Muốn ngà của người”. Voi chúa hoan hỷ, tức tự nhổ ngà, thì Chiên-đồ-la, lại nói kệ tụng rằng: “Nay dùng ngà trắng thí cho người, không phân, không hận, chẳng tham tiếc. Nguyên phước thí này sẽ thành Phật, diệt bệnh phiền não cho chúng sanh”).

Ngay trong lúc [voi chúa] đang nói, kẻ ác Chiên-đồ-la giương cung, bắn mũi tên độc trúng vào tim con voi ấy. “Mẫu tượng kiến chi, cử thanh hào đào, bi ai ngạnh ế, dĩ tụng bạch ngôn: - Bị thử ca-sa nhân, nghi ưng định quy Phật, oai nghi tuy tịch tĩnh, nhi hoài độc ác tâm” (Voi cái trông thấy, lớn tiếng gào rú, bi ai, nghẹn ngào, dùng kệ tụng thưa rằng: - Kẻ mặc ca-sa này, đáng nên quy y Phật, oai nghi tuy tịch tĩnh, nhưng ôm lòng độc ác). Oai nghi của họ trông tốt đẹp lắm, nhưng tâm quá xấu xa! “Ung tốc đạp bỉ thân” (Hãy mau giẫm thân họ): Voi cái nói, ta sẽ giết bọn họ. “Linh kỳ mạng căn đoạn” (Hòng dứt tánh mạng họ). Giết chết, tức là đoạn dứt mạng căn. “Diệt thử oán linh tận” (Diệt hết nỗi oán này): Cái tâm oán hận này, tôi chẳng diệt họ, sẽ không cam lòng! Tiêu diệt bọn họ, hận tâm của tôi mới có thể tiêu mất, mới tiêu hết nỗi oán. Đại tượng vương không chấp thuận, dùng kệ tụng bảo voi cái: “Ninh tốc xả thân mạng, bất ưng sanh ác tâm” (Thà mau xả thân mạng,

chẳng nên sanh tâm ác): Khuyên lơn voi cái, người ngàn vạn lần đừng sanh tâm ác, ta xả thân mạng là được rồi. “*Bỉ tuy hoài trá tâm, do tự Phật đệ tử*” (Tuy họ lòng gian trá, vẫn giống đệ tử Phật): Tuy bọn họ chẳng phải là đệ tử Phật thật sự, họ lường gạt, nhưng họ tương tự. Vì sao? Họ khoác áo của đệ tử Phật. “*Trí giả phi vị mạng*” (Người trí chẳng vì mạng): Người có trí huệ tuyệt đối chẳng vì bảo vệ sanh mạng của chính mình, “*nhi hoại thanh tịnh tâm*” (mà hoại tâm thanh tịnh): Phá hủy cái tâm thanh tịnh của chúng ta. Xả thân mạng chẳng sao cả! Chẳng thể phá hoại tâm thanh tịnh. “*Vị độ chư hữu tình, thường tập Bồ Đề hạnh*” (Vì độ các hữu tình, thường tu hạnh Bồ Đề): Phải phát khởi Bồ Đề nhân, tu hạnh Bồ Đề. Có thanh tịnh tâm chính là Bồ Đề hạnh, nhất định có thể chứng quả Bồ Đề.

“*Thời, đại tượng vương tâm sanh bi mãn*” (Khi ấy, đại tượng vương sanh tâm bi mãn): Đối với kẻ bắn nó, không chỉ chẳng thương tổn, mà ngược lại còn thương xót họ. “*Từ vấn nhân viết*” (Thong thả hỏi họ rằng): “*Từ*” (徐) là chậm rãi, nhu hòa, thiện thuận. “*Nhữ hà sở tu?*” (Người cần gì?): Hỏi các người vì sao phải bắn ta, các người cần gì vậy? Bọn họ đáp, tức các gã Chiên-đồ-la ấy trả lời: “*Dục tu nhữ nha!*” tức là “muốn có ngà của người”. Voi chúa nghe xong, rất hoan hỷ, tự mình nhổ ngà cho Chiên-đồ-la, bố thí cho bọn chúng. “*Ngã dĩ bạch nha kim thí nhữ, vô phần, vô hận, vô tham tiếc*” (Ngà trắng nay đem thí cho người, chẳng phần, chẳng hận, không tham tiếc): Ta chẳng có lòng tham, đối với cơ thể của chính mình chẳng có lòng tham, ta cũng chẳng luyến tiếc. Người bắn ta, ta cũng chẳng phần hận người, chẳng oán hận người. Mục đích của ta là nguyện bố thí cho người chiếc ngà này, do phước đức bố thí này mà sẽ thành Phật. Trong tương lai, ta nhất định có thể thành Phật, và cũng có thể dùng công đức này để diệt hết thầy bệnh phiền não của chúng sanh. Ta phát nguyện tiêu diệt phiền não và bệnh khổ của hết thầy chúng sanh.

(Kinh) Thiện nam tử! Đương quán như thị quá khứ tượng vương, tuy thọ vô hạ bàng sanh thú thân, vị cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố, nhi năng khí xả thân mạng vô lạn, cung kính, tôn trọng trước ca-sa nhân, tuy bỉ vi oán, nhi bất gia báo. Nhiên vị lai thế, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, thật thị ngu si, hoài thông minh mạn, siểm khúc, hư trá, khi cuồng thế gian, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả. Ư quy ngũ pháp nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí,

nhược phi pháp khí chư đệ tử sở, não loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiên, trượng sở thất kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử u nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, phạm chư đại tội, quyết định đương thú Vô Gian địa ngục, đoạn diệt thiện căn, phân thiêu tương tục, nhất thiết trí giả chi sở viễn ly.

(*經*)善男子！當觀如是過去象王，雖受無暇傍生趣身，為求阿耨多羅三藐三菩提故，而能舍棄身命無吝，恭敬尊重著袈裟人，雖彼為怨，而不加報。然未來世，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，實是愚癡，懷聰明慢，諂曲虛詐，欺誑世間，不見不畏後世苦果。於歸我法而出家者，若是法器、若非法器諸弟子所，惱亂呵罵，或以鞭杖楚撻其身，或閉牢獄，乃至斷命。此於一切過去、未來、現在諸佛，犯諸大罪，決定當趣無間地獄，斷滅善根，焚燒相續，一切智者之所遠離。

(*Kinh*: *Này thiện nam tử! Hãy nên quán voi chúa trong quá khứ như thế, tuy thọ thân không nhàn hạ trong đường bàng sanh, vì cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên có thể buông xả thân mạng chẳng keo tiết, cung kính, tôn trọng người đắp y ca-sa. Tuy kẻ đó gây oán, chẳng báo thù. Nhưng trong đời vị lai có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những gã Chiên-đồ-la thật sự ngu si, tự phụ thông minh, siểm nịnh, cong vạy, dối trá, lòng gạt thế gian, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, nếu đối với các đệ tử nương theo pháp của ta xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải là pháp khí, mà não loạn, quở trách, chửi mắng, hoặc dùng roi, gây đánh đập thân họ, hoặc giam trong lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó phạm các đại tội nơi hết thấy quá khứ, vị lai, và hiện tại chư Phật, quyết định sẽ tiến vào địa ngục Vô Gian, đoạn diệt căn lành, thiêu đốt liên tục, hết thấy người có trí đều xa lìa).*

Voi chúa ấy vốn là súc sanh, thọ thân bàng sanh, tức súc sanh. “*Vì cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố, nhi năng khí xả thân mạng vô lận*” (Vì cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà có thể buông bỏ thân mạng chẳng keo tiết): Buông xả thân mạng chẳng keo tiết, chẳng oán hận, có thể cung kính, tôn trọng người đắp y ca-sa, cung kính

người mặc ca-sa. Ca-sa (Kāśāya) là nhân nhục y. Ca-sa có rất nhiều hàm nghĩa. “*Tuy bỉ vi oán, nhi bất gia báo*” (Tuy kẻ đó gây oán mà không báo thù): Kẻ đó bắt chết nó, nó đáng lẽ phải cừ hận, phải kết oán, nhưng nó chẳng trả thù. Nếu dùng sức của voi chúa để trả thù, năm gã ấy sẽ chẳng còn mạng sống!

“*Nhiên vị lai thế hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, thật thị ngu si, hoài thông minh mạn, siểm khúc, hư trá, khi cuồng thế gian, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả. Ư quy ngã pháp nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí*” (Nhưng trong đời vị lai có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những gã Chiên-đồ-la, thật sự ngu si, tự phụ là thông minh, siểm khúc, dối trá, lường gạt thế gian, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, đối với người quy y pháp ta xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí): “*Pháp khí*” là đệ tử trì giới, “*phi pháp khí*” là đệ tử phá giới. Bất luận pháp khí, hay phi pháp khí tức tỳ-kheo phá giới, đều coi như cao hơn hết thấy người thế tục, bất luận quốc vương, đại thần, hay thứ dân. Nếu đối với tỳ-kheo mà quở trách, chửi mắng, nã loạn, quát đánh, cho đến giam cầm trong tù ngục, thậm chí đoạn mạng, sẽ là phá hoại Phật pháp của hết thấy chư Phật trong quá khứ, vị lai, và hiện tại, diệt chánh pháp nhân tạng, phạm phải tội lớn. “*Quyết định đương thú Vô Gian địa ngục*” (Quyết định đọa vào địa ngục Vô Gian), quyết định đọa địa ngục, lại còn vĩnh viễn đoạn dứt thiện căn. Loại tội ác ấy tiếp tục không ngừng, giống như lửa thiêu đốt liên tục. “*Nhất thiết trí giả chi sở viễn ly*” (Hết thấy người có trí đều xa lìa), chuyện này hết thấy người có trí huệ sẽ tuyệt đối chẳng làm, rời xa ác sự này!

(Kinh) *Bỉ ký tạo tác như thị trọng tội, phục hoài ngạo mạn, cuồng hoặc thế gian, tự xưng “ngã đẳng diệt cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, ngã thị Đại Thừa, đương đắc tác Phật”. Thí như hữu nhân, tự khiêu kỳ mạn, manh vô sở kiến, nhi dục đạo tha đẳng thượng đại sơn, chung vô thị xú! Ư vị lai thế, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, diệt phục như thị, ư quy ngã pháp, nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí chư đệ tử sở, nã loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiên, trượng sở thất kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử ư nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, phạm chư đại tội, đoạn diệt thiện căn, phần thiêu tương tục, nhất thiết trí giả chi sở viễn*

ly, quyết định đương thú Vô Gian địa ngục.

(經)彼既造作如是重罪，復懷傲慢，誑惑世間，自稱「我等亦求無上正等菩提，我是大乘，當得作佛」。譬如有人，自挑其目，盲無所見，而欲導他登上大山，終無是處！於未來世，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，亦復如是，於歸我法，而出家者，若是法器、若非法器諸弟子所，惱亂呵罵，或以鞭杖楚撻其身，或閉牢獄，乃至斷命。此於一切過去、未來、現在諸佛，犯諸大罪，斷滅善根，焚燒相續，一切智者之所遠離，決定當趣無間地獄。

(Kinh: Kẻ đó đã tạo tác trọng tội như thế, lại còn ôm lòng ngạo mạn, dối gạt, mê hoặc thế gian, tự xưng “chúng ta cũng cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, ta là Đại Thừa, sẽ được làm Phật”. Ví như có kẻ tự chọc mù mắt mình, mù lòa chẳng thấy gì, mà muốn hướng dẫn người khác trèo lên núi lớn, chẳng có lẽ ấy! Trong đời vị lai, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và bọn tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những kẻ Chiên-đồ-la cũng giống như thế, đối với các đệ tử quy y pháp của ta xuất gia, đều là pháp khí hay chẳng phải pháp khí, mà nã loạn, quở trách, chửi bới, hoặc dùng roi, gậy đánh đập thân họ, hoặc nhốt vào lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó phạm các đại tội đối với hết thầy chư Phật trong quá khứ, vị lai, và hiện tại, đoạn diệt căn lành, thiêu đốt liên tục, hết thầy người có trí đều xa lìa, quyết định sẽ vào địa ngục Vô Gian).

Giả sử có vua Sát-đế-lợi, cho đến những kẻ thuộc chủng tánh Bà-la-môn, hoặc Sát-đế-lợi tạo tội này, bản thân họ vẫn rất ngạo mạn. “Cuống hoặc thế gian” (Lừa dối, mê hoặc thế gian), lừa dối, mê hoặc như thế nào? “Ngã đẳng diệc cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề”, tức là chúng ta cũng cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Còn nói gì nữa? “Ngã thị Đại Thừa, đương đắc tác Phật” (Ta là Đại Thừa, sẽ được làm Phật): Đây là lừa bịp, dối trá! Kẻ đó làm chuyện ác, còn gạt gẫm người khác là chính hẵn đang học pháp Đại Thừa, chẳng chấp tướng, các pháp đều là Không. Gạt gẫm, lừa bịp thế gian! “Thí như hữu nhân, tự khiêu kỳ mục, manh vô sở kiến, nhi dục đạo tha đẳng thượng đại sơn, vô hữu thị xứ” nghĩa là: Như có một người tự làm mù mắt của chính mình, sau đó,

còn muốn làm người dẫn đường, lãnh đạo kẻ khác lên núi, có thể làm nổi hay không? Chẳng có chuyện đó, tuyệt đối chẳng thể nào được!

Trên đây là tỷ dụ, nay nói về pháp. Kẻ xuất gia trong pháp của ta, nương theo pháp của ta mà xuất gia, hoặc là pháp khí, tức tỳ-kheo thanh tịnh, hoặc chẳng phải là pháp khí, tức là tỳ-kheo phá giới. Đối với các đệ tử ấy của ta mà “*não loạn, hạ mạ, hoặc dĩ tiên, trượng sở thất kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử u nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật phạm chư đại tội, đoạn diệt thiện căn, phần thiêu tương tục, nhất thiết trí giả chi sở viễn ly, quyết định đương thú Vô Gian địa ngục*” (não loạn, quở trách, chửi bới, hoặc dùng roi, gây đánh đập thân họ, hoặc nhốt vào lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó phạm các tội lớn đối với quá khứ, vị lai, và hiện tại chư Phật, đoạn diệt căn lành, thiêu đốt liên tục, hết thấy người có trí đều xa lìa, chắc chắn đọa vào địa ngục Vô Gian). Những điều này đều là nhắc lại. Mỗi câu phía trước và phía sau đều giống nhau, chỉ có vài câu tình tiết trong phần giữa là khác mà thôi!

(Kinh) Bĩ ký tạo tác như thị trọng tội, phục hoài ngạo mạn, cuồng hoặc thê gian, tự xưng “ngã đẳng diệc cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, ngã thị Đại Thừa, đương đắc tác Phật”. Bĩ do não loạn xuất gia nhân cố, hạ tiện nhân thân, thượng nan khả đắc, hưởng đương năng chứng Nhị Thừa Bồ Đề? Vô Thượng Đại Thừa, u kỳ tuyệt phần.

(經)彼既造作如是重罪，復懷傲慢，誑惑世間，自稱「我等亦求無上正等菩提，我是大乘，當得作佛。」彼由惱亂出家人故，下賤人身，尚難可得，況當能證二乘菩提？無上大乘，於其絕分。

(Kinh: Kẻ đó đã tạo tác trọng tội như thế, lại còn ôm lòng ngạo mạn, lừa dối, mê hoặc thê gian, tự xưng “chúng ta cũng cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, ta là Đại Thừa, sẽ được làm Phật”. Kẻ đó do não loạn người xuất gia, làm thân người hạ tiện còn khó thể được, hưởng hồ sẽ có thể chứng Nhị Thừa Bồ Đề ư? Trọn chẳng có phần nơi Vô Thượng Đại Thừa).

Kẻ đó lừa gạt gì vậy? Dùng lời lẽ lừa gạt! Hạng người như thế luôn lường gạt thê gian, còn có thể thành Phật nổi ư? Kẻ đó não loạn người xuất gia, ngay cả được chuyển sanh làm thân người thấp hèn vẫn

chưa thể, đều chẳng đạt được! [Đó chính là ý nghĩa của câu] “*thượng nan khả đắc*”. Kẻ đó còn nói sẽ đắc Nhị Thừa Bồ Đề, cho đến cứu cánh Bồ Đề của Đại Thừa ư? Đối với kẻ đó mà nói, trọn chẳng thể được!

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Quá khứ hữu quốc danh Bàn Giá La, vương hiệu Thắng Quân, thống lãnh bỉ quốc. Thời, bỉ hữu nhất đại khâu khoáng sở, danh Khiết Lam Bà, thậm khả bố úy, Dược Xoa, La Sát, đa trụ kỳ trung. Nhược hữu nhập giả, tâm kinh, mao thụ. Thời hữu quốc nhân, tội ưng hợp tử, vương sắc điển ngục phược kỳ ngũ xứ, tống Khiết Lam Bà đại khâu khoáng sở, linh chư ác quỷ thực đạm kỳ thân. Tội nhân văn dĩ, vị hộ mạng cố, tức thể tu phát, cầu mịch ca-sa, ngộ đắc nhất phiến, tự hệ kỳ cảnh. Thời điển ngục giả như vương sở sắc, phược kỳ ngũ xứ, tống khâu khoáng trung, chư nhân hoàn dĩ.

(經)又善男子！過去有國名般遮羅，王號勝軍，統領彼國。時，彼有一大丘壙所，名竭藍婆，甚可怖畏，藥叉、羅剎，多住其中。若有入者，心驚毛豎。時有國人，罪應合死，王敕典獄縛其五處，送竭藍婆大丘壙所，令諸惡鬼食啖其身。罪人聞已，為護命故，即剃鬚發，求覓袈裟，遇得一片，自系其頸。時典獄者如王所敕，縛其五處，送丘壙中，諸人還已。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Trong quá khứ, có quốc gia tên là Bàn Giá La, vua tên là Thắng Quân, thống lãnh nước ấy. Khi đó, nước ấy có một chỗ gò mả hoang vu to lớn, tên là Khiết Lam Bà, rất đáng kinh sợ. Dược Xoa, La Sát phân nhiều ở trong đó. Nếu có ai vào đó, tâm sẽ kinh hãi, rón da gà. Khi đó, hễ nước ấy có tội nhân mắc tội đáng chết, vua truyền người giám ngục trói năm chỗ trên thân kẻ đó, đưa đến vùng gò hoang lớn Khiết Lam Bà để các ác quỷ ăn nuốt thân kẻ đó. Tội nhân nghe rồi, vì bảo vệ tánh mạng, liền cạo râu tóc, tìm kiếm ca-sa, gặp được một mảnh, bèn buộc vào cổ. Khi đó, người giám ngục tuân lời vua truyền, trói kẻ đó ở năm chỗ, đưa vào gò hoang. Mọi người đều quay về hết rồi).

“*Quá khứ hữu quốc danh Bàn Giá La*” (Trong quá khứ có quốc gia tên là Bàn Giá La), đây là một trong mười sáu đại quốc của Ấn Độ,

tên là nước Bàn Giá La (Pañcāla)⁷³. Quốc vương ấy hiệu là Thắng Quân (Jayasena), là vua của nước đó, thống lãnh quốc gia ấy. Nước ấy có một chỗ tên là Khiết Lam Bà, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*đại khâu khoáng*” (大邱壙, chỗ gò mả to lớn). Đại khâu khoáng là gì? Đại khâu khoáng là nơi mồ mả, tức là người sau khi đã chết, chôn vùi vào nơi đất vô chủ, còn gọi là “*loạn phần*” (亂墳, nơi mồ hoang). Ai cũng có thể chôn vào đó. Lại còn là nơi hoang dã, rất ít người ở. “*Đại khâu khoáng sở*” là Khiết Lam Bà. “*Thậm khả bố úy*” (Rất đáng kinh sợ): Chỗ ấy hết sức đáng sợ, không ai mò đến đó. La Sát và Dược Xoa đều đến chỗ đó, ở trong đó. Giả sử có người trông thấy nơi ấy, tới nơi ấy, sẽ đều kinh sợ, rớt hết da gà, [đó là ý nghĩa của câu] “*tâm kinh, mao thụ*”.

Thuở ấy, trong nước Bàn Giá La, hề có người phạm tội, tội ấy đáng phải xử tử, vua Thắng Quân liền truyền kẻ chấp pháp, tức giám ngục, trói buộc năm chỗ nơi thân tội nhân, tức hai tay, hai chân, trói chặt hai tay và hai chân, dùng thừng thít chặt hai chân, trông lên cổ, đó gọi là “*ngũ xú*” (năm chỗ). Trói chặt kẻ đó xong, đưa đến gò mả hoang ấy, cũng tức là chỗ hoang vu Khiết Lam Bà để ác quỷ ăn thịt kẻ đó, thế là xong, chẳng cần phải giết hại hấn! Vì vậy, quốc vương ấy chẳng giết hại chúng sanh, mà đem tội nhân đến chốn hoang dã, thí cho quỷ thần.

Gã tội nhân nghe biết quốc vương sẽ tống hấn đến chỗ đó, đại khái là nghe biết sự thù thắng của ca-sa, liền cạo tóc đầu, hóa thân thành sa-môn. “*Cầu mịch ca-sa*” (Tìm kiếm ca-sa): Hấn muốn tìm một tấm ca-sa mà chẳng tìm được, chỉ tìm thấy một mảnh ca-sa, chỉ được một mảnh ca-sa, hoặc là ca-sa mục nát. Có được một mảnh ca-sa như vậy, hấn buộc vào cổ. Giám ngục bèn đưa hấn đến chỗ gò hoang. Những người áp tải hấn đã quay về hết, tới ban đêm. Quỷ thần ở chốn hoang vu ấy ban ngày chẳng xuất hiện. Quỷ thần lẩn tránh thái dương, âm khí chẳng thắng nổi dương khí của vàng thái dương. Tuy chúng ta sợ quỷ; thật ra, quỷ cũng sợ người, đặc biệt là đệ tử Phật. Chính mình chẳng thấy quang minh của chính mình. Quỷ thần trông thấy kẻ đó, nhưng kẻ đó chẳng tin Tam Bảo, cũng chẳng có thần hộ pháp gia trì, nhiệt năng, hỏa lực, và dương khí trên người kẻ đó khiến quỷ thần e ngại. Quỷ sợ người, người cũng sợ quỷ. Người ta nghe nói đến quỷ bèn sợ hãi. Thật ra, quỷ cũng sợ hãi con

⁷³ Bàn Giá La là một vương quốc cổ nằm giữa hai sông Hằng và Á Mục Nạp (Yamuna), tương đương với huyện Farrukhabad hiện thời thuộc tiểu bang Uttar Pradesh của Ấn Độ. Về sau, nó bị sát nhập vào đế quốc của Không Tước vương triều (Maurya) rồi hoàn toàn bị xóa sổ bởi đế quốc Gupta (Cấp Đa).

người. Quý vị không làm chuyện phải thẹn với lòng, đâu có sợ quỷ gõ cửa! Quý vị đã trót làm, có chuyện [sai trái] thì mới sợ hãi. Hơn nữa, bậc chánh nhân quân tử chẳng sợ quỷ, thứ gì cũng đều chẳng sợ. Tâm quý vị bất chánh thì mới sợ. Đã làm chuyện hổ thẹn với lòng mình, đã làm chuyện sai trái đối với người khác, trong tâm quý vị có quỷ. Quý vị sợ quỷ là sợ quỷ ngay trong lòng mình, có ý nghĩa này!

(Kinh) Chí u dạ phân, hữu đại La Sát mẫu, danh Dao Kiếm Nhân, dữ ngũ thiên quyển thuộc lai nhập trũng gian. Tội nhân dao kiến, thân tâm kinh tủng. Thời, La Sát mẫu kiến hữu thử nhân bị phục ngũ xú, thể trừ tu phát, phiến xích ca-sa hệ kỳ cảnh hạ, tức tiện hữu nhiều, tôn trọng, đành lễ, hiệp chưởng cung kính, nhi thuyết tụng ngôn: “Nhân khả tự an ủy, ngã chung bất hại nhữ, kiến thể phát, nhiễm y, linh ngã ỨC NIỆM PHẬT”. Thời, La Sát tử bạch kỳ mẫu ngôn: “Mẫu, ngã vị cơ khát, thậm bức thiết thân tâm, nguyện thỉnh thực thử nhân, tức khổ, thân tâm lạc”. Thời, La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: “Bị Căng-già sa Phật, giải thoát tràng tướng y, u thử khởi ác tâm, định đọa Vô Gian ngục”. Thời, La Sát tử dữ chư quyển thuộc, hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đành lễ, hiệp chưởng cung kính, nhi thuyết tụng viết: “Sám hối nhiễm y nhân, ngã ninh u phụ mẫu, tạo thân, ngũ, ý ác, u nhữ chung vô hại”.

(經)至於夜分，有大羅剎母，名刀劍眼，與五千眷屬來入塚間。罪人遙見，身心驚悚。時，羅剎母見有此人被縛五處，剃除鬚髮，片赤袈裟系其頸下，即便右繞，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌言：「人可自安慰，我終不害汝，見剃髮染衣，令我憶念佛」。時，羅剎子白其母言：「母，我為飢渴，甚逼切身心，願聽食此人，息苦身心樂」。時，羅剎母便告子言：「被殃伽沙佛，解脫幢相衣，於此起噁心，定墮無間獄」。時，羅剎子與諸眷屬，右繞此人，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌曰：「懺悔染衣人，我寧於父母，造身語意惡，於汝終無害」。

(Kinh: Tới ban đêm, có đại La Sát mẫu tên là Dao Kiếm Nhân, và năm ngàn quyển thuộc vào trong chỗ mồ mả. Tội nhân từ xa trông thấy, thân tâm kinh hoảng, run rẩy. Khi đó, La Sát mẫu thấy có người bị trói năm chỗ, cạo bỏ râu tóc, mảnh ca-sa đở buộc dưới cổ, liền nhiều theo

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

chiều bên phải, tôn trọng, đánh lễ, chắp tay cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Ông hãy tự an ổn, tôi trọn chẳng hại ông, thấy tóc cạo, áo nhuộm, khiến tôi nghĩ nhớ Phật”. Khi đó, các La Sát con thưa với mẹ rằng: “Mẹ, con bị đói khát, rất bức bách thân tâm, cho con ăn người này, dứt khổ, thân tâm sướng”. Khi đó, La Sát mẫu bèn bảo các con rằng: “Mặc y tràng giải thoát, của Hằng sa chư Phật, ác tâm với người ấy, nhất định đọa Vô Gián”. Khi đó, các La Sát con và các quyến thuộc nhiều theo chiều bên phải của người ấy, tôn trọng, đánh lễ, chắp tay cung kính mà nói kệ tụng rằng: “Sám hối bậc áo nhuộm, con thà với cha mẹ, tạo thân, ngữ, ý ác, trọn chẳng hại đến Ngài”).

Tới nửa đêm, quỷ thần tìm tới. “Hữu đại La Sát mẫu, danh Dao Kiếm Nhân, dữ ngũ thiên quyến thuộc, lai nhập trung gian” (Có đại La Sát mẫu tên là Dao Kiếm Nhân (mắt như đao gươm), và năm ngàn quyến thuộc đến trong mồ mả), đến chỗ gò mả hoang. Tội nhân từ xa trông thấy, thân tâm kinh hoảng, run rẩy. La Sát mẫu thấy có người “*bị phước ngũ xứ, thế trừ tu phát*” (bị trói năm chỗ, cạo bỏ râu tóc), còn có một mảnh ca-sa đỏ buộc dưới cổ, bèn rất cung kính, liền nhiều theo chiều phải ba vòng, giống như chúng ta vào điện Phật, nhiều theo chiều phải ba vòng. Tại Đại Lục, mỗi lần chúng ta tiến vào đại điện thì trong đại điện đều có thể đi chung quanh thông suốt, nhất định là quý vị có thể nhiều Phật, chẳng giống như đại điện của chúng ta ở đây, quý vị chẳng thể đi vòng ra sau được, vì tượng Phật chẳng đặt ở chính giữa, xây tháp vây quanh. Hễ bước vào tháp, nhiều quanh bốn phía tháp ba vòng, hoặc bảy vòng, phước điền sẽ vô lượng. Sau khi nhiều thì mới có thể đánh lễ. Bước vào cửa, động tác đầu tiên là nhiều quanh tháp ba vòng, nhiều tháp kính hành. Đây là quy chế của Phật. Do vậy, La Sát mẫu vừa thấy người có một mảnh ca-sa, bèn nhiều quanh người ấy ba vòng. Sau khi nhiều xong, “*tôn trọng, đánh lễ, chắp tay, cung kính*” nói kệ tán tụng: “*Nhân khả tự an ủy, ngã chung bất hại nữ*” (Ông hãy tự an lòng, ta trọn chẳng hại ông). Đừng nên sợ hãi, ông có thể an ổn. Vì ta trông thấy ông, “*kiến thế phát nhiễm y, linh ngã ức niệm Phật*” (thấy cạo tóc, y nhuộm, khiến ta nhớ nghĩ Phật): Ta nghĩ tới đức Phật, ông đừng nên sợ hãi. Ta sẽ chẳng thương tổn ông. Nhưng con cái bà ta, và năm ngàn quyến thuộc lại khác. Các La Sát con liền nói với mẹ, tức “*bạch mẫu ngôn*”, mẹ ơi! “*Ngã vị cơ khát*”, nay con vừa khát vừa đói. “*Cơ*” (飢) là đói, “*khát*” (渴) là mong được uống nước. “*Thậm bức thiết thân tâm*” [nghĩa là] thân tâm của con rất bất an. “*Nguyên thỉnh thực thử nhân, tức khổ, thân*

tâm lạc” (Cho con ăn người này, dứt khổ, thân tâm sướng): Mẹ hãy cho phép con ăn thịt hân!

La Sát mẫu liền bảo các con của bà ta: “*La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: - Bị Căng-già sa Phậ, giải thoát tràng tướng y, u thử sanh ác tâm, định đọa Vô Gian ngục*” (La Sát mẫu liền bảo con rằng: - [Người này] mặc y mang hình tướng giải thoát tràng của chư Phật số nhiều như sông Hằng, sanh ác tâm đối với người này, chắc chắn đọa vào địa ngục Vô Gian): Các con chớ sanh khởi ý niệm ấy! Đây là tám y giải thoát của chư Phật nhiều như cát sông Hằng, “*tràng tướng y*” là pháp tràng, rất thù thắng. Đối với người ấy mà sanh khởi ác tâm, “*định đọa Vô Gian ngục*”, các con nhất định đọa vào địa ngục Vô Gian, đừng sanh khởi cái tâm ấy. Các La Sát con và quyến thuộc vừa nghe La Sát mẫu nói như thế, họ đều học theo La Sát mẫu, vây quanh thân người ấy, nhiều ba vòng theo chiều phải, “*tôn kính, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính thuyết tụng viết: - Sám hối nhiễm y nhân, ngã ninh u phụ mẫu, tạo thân, ngữ, ý ác, u nhữ chung vô hại*” (tôn kính, đánh lễ, chắp tay, cung kính nói kệ tụng rằng: - Xin sám hối đối với bậc đấng y nhuộm, tôi thà đối với cha mẹ tạo các điều ác nơi thân, ngữ, ý, trọn chẳng làm hại ông). Khuyên ông hãy an tâm, chúng tôi sẽ không hại ông. Giả sử chúng tôi chẳng nghe lời cha mẹ, cho đến có thể chống đối cha mẹ, nhưng chẳng dám tôn thương ông. Vì sao? Ông là người sám hối, mặc áo thâm. Ông là bậc sám hối, cầu đạo, là đệ tử của Phật.

(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu đại La Sát mẫu, danh Lư Loa Xỉ, diệc hữu ngũ thiên quyến thuộc vi nhiều, lai nhập trung gian. Thời, La Sát mẫu diệc kiến thử nhân bị phục ngũ xứ, thế trừ tu phát, phiến xích ca-sa hệ kỳ cảnh hạ, tức tiện hữu nhiều, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng ngôn: “Nhân u ngã vật bố, nhữ cảnh sở hệ phục, thị tiên tràng tướng y, ngã đánh lễ cúng dường”. Thời, La Sát tử bạch kỳ mẫu viết: “Nhân huyết nhục cam mỹ, nguyện mẫu thỉnh ngã thực, tăng trưởng thân tâm lực, dũng mãnh, vô sở úy”. Thời, La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: “Nhân thiên đẳng diệu lạc, do cung kính xuất gia, cố cúng dường nhiễm y, đương hoạch vô lượng lạc”. Thời, La Sát tử dữ chư quyến thuộc, hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng viết: “Ngã kim cung kính lễ, thế phát nhiễm y nhân, nguyện thường u vị lai, kiến Phật thâm sanh tín”.

(經)爾時，復有大羅剎母，名驢騾齒，亦有五千眷屬圍繞，來入塚間。時，羅剎母亦見此人被縛五處，剃除鬚髮，片赤袈裟系其頸下，即便右繞，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌言：「人於我勿怖，汝頸所繫服，是仙幢相衣，我頂禮供養」。時，羅剎子白其母曰：「人血肉甘美，願母聽我食，增長身心力，勇猛無所畏」。時，羅剎母便告子言：「人天等妙樂，由恭敬出家，故供養染衣，當獲無量樂」。時，羅剎子與諸眷屬，右繞此人，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌曰：「我今恭敬禮，剃髮染衣人，願常於未來，見佛深生信」。

(*Kinh*: Lúc bấy giờ, lại có đại La Sát mẫu, tên là Lu Loa Xi (Răng Lừa), cũng có năm ngàn quyến thuộc vây quanh, vào trong khu gò má. Khi đó, La Sát mẫu cũng thấy người ấy bị trói năm chỗ, cạo bỏ râu tóc, một mảnh ca-sa đỏ buộc dưới cổ, liền nhiễu theo chiều phải, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Ông đừng sợ hãi tôi, cổ ông có đeo buộc, tràng tượng của đại tiên, tôi đánh lễ, cúng dường”. Khi đó, các La Sát con thưa với mẹ rằng: “Máu thịt người thơm ngọt, xin mẹ cho con ăn, tăng trưởng sức thân tâm, dùng mảnh, chẳng sợ hãi”. Khi đó, La Sát mẫu liền bảo các con rằng: “Vui màu nhiệm trời, người, do cung kính xuất gia, nên cúng dường y nhuộm, sẽ được vô lượng lạc”. Khi đó, các La Sát con và các quyến thuộc nhiễu theo chiều phải quanh thân người ấy, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính mà nói kệ tụng rằng: “Con nay cung kính lễ, người cạo tóc, y nhuộm, nguyện thường trong vị lai, thấy Phật, sanh thâm tín”).

Ngoại trừ tên La Sát Mẫu không giống trong phần trước, những điều khác đều tương đồng, đều là nhắc lại. Còn có kệ tán thán có đôi chút sai khác. “*Nhân ư ngã vật bố, như cảnh sở hệ phục, thị tiên tràng tượng y, ngã đánh lễ, cúng dường*” (Ông đừng sợ hãi ta, cổ ông có đeo buộc, tràng tượng y đại tiên. Tôi đánh lễ cúng dường): La Sát mẫu trông thấy kẻ phạm tội ấy trên cổ có một mảnh ca-sa, do vậy, liền nói với kẻ đó: Ông chẳng cần sợ hãi, đừng kinh hoảng, tôi cung kính mảnh ca-sa buộc trên cổ ông. Y ca-sa là pháp tràng tượng y của các vị đại tiên, tức là chư Phật, tôi đánh lễ cúng dường, cũng là do ý nghĩa ức niệm đức Phật. Tuy La Sát mẫu là như thế, các La Sát con vẫn muốn xin mẹ cho phép ăn

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Kỳ – Quyển 1

kẻ đó: “*Nhân huyết nhục cam mỹ, nguyện mẫu thỉnh ngã thực, tăng trưởng thân tâm lực, dũng mãnh vô sở úy*” (Máu thịt người thơm ngọt, xin mẹ cho con ăn, tăng trưởng sức thân tâm, dũng mãnh, không sợ hãi): Các La Sát con hướng về mẹ yêu cầu, máu và thịt người rất thơm ngọt, quý nói như thế. “*Nguyện mẫu thỉnh ngã thực*”, chữ Thực (食) này có nghĩa là “ăn”. Hy vọng mẹ cho phép con, chấp thuận cho con ăn gã này. Ăn rồi sẽ tăng trưởng sức lực nơi thân tâm con, con sẽ chẳng sợ hãi, dũng mãnh, chẳng sợ sệt.

Quý tử mẫu liền bảo bọn chúng: “*Nhân thiên đấng diêu lạc, do cung kính xuất gia, cố cung kính nhiếp y, đương hoạch vô thượng lạc*”, nghĩa là: Sở dĩ nhân thiên có thể đạt được phước báo trời, người, hưởng thụ các loại sung sướng vi diệu, đều là do cung kính người xuất gia. Cho nên hãy cung kính người mặc ca-sa này, sẽ có thể đạt được vô lượng vui sướng. Vì lẽ đó, các con chẳng thể ăn người này! Mẹ con quý La Sát nói với nhau như thế, các La Sát con cũng như năm ngàn quyến thuộc của chúng, cũng đi nhiễu theo chiều bên phải của người ấy. “*Tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính nhi thuyết tụng viết: - Ngã kim cung kính lễ, thế phát nhiếp y nhân, nguyện thường ư vị lai, kiến Phật sanh tâm tín*” (Tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: - Tôi nay cung kính lễ, bậc y nhuộm, cạo tóc, nguyện thường trong tương lai, thấy Phật, sanh tâm tín): Đây là họ phát nguyện. Những quý con ấy và các quyến thuộc của chúng phát nguyện: Tôi nay cung kính đánh lễ người cạo tóc, đắp y nhuộm này, nguyện trong đời tương lai, khi tôi chuyển thế, sẽ được gặp gỡ Phật. Khi thấy Phật có thể sanh khởi tín tâm thanh tịnh, thoát lìa biển khổ, chẳng còn luân chuyển nữa!

(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu đại La Sát mẫu, danh Tranh Nanh Phát, diệc hữu ngũ thiên quyến thuộc vi nhiều, lai nhập trung gian. Thời, La Sát mẫu diệc kiến thử nhân bị phược ngũ xú, thế trừ tu phát, phiến xích ca-sa hệ kỳ cảnh hạ, tức tiện hữu nhiều, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng ngôn: “Đại tiên tràng tướng y, trí giả ưng tán phụng, nhược năng tu cúng dường, tất đoạn chur hữu phược”. Thời, La Sát tử bạch kỳ mẫu viết: “Thử nhân thân huyết nhục, quốc vương chi sở lã, nguyện thỉnh ngã ẩm đạm, đắc lực thừa sự mẫu”. Thời, La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: “Nur thị nhiếp y nhân, phi nhữ sở ưng thực, ư thử khởi ác giả, đương thành đại khổ khí”. Thời, La Sát tử dữ chur quyến thuộc, hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng cung kính, nhi thuyết tụng viết: “Nhữ thị đại

tiên chủng, kham vi lương phước điền, cố ngã tu cúng dường, nguyện tuyệt chư hữu phước”.

(經)爾時，復有大羅剎母，名猗猗發，亦有五千眷屬圍繞，來入塚間。時，羅剎母亦見此人被縛五處，剃除鬚髮，片赤袈裟系其頸下，即便右繞，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌言：「大仙幢相衣，智者應讚奉，若能修供養，必斷諸有縛」。時，羅剎子白其母曰：「此人身血肉，國王之所賚，願聽我飲啖，得力承事母」。時，羅剎母便告子言：「如是染衣人，非汝所應食，於此起惡者，當成大苦器」。時，羅剎子與諸眷屬，右繞此人，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌曰：「汝是大仙種，堪為良福田，故我修供養，願絕諸有縛」。

(*Kinh: Lúc bảy giờ, lại có đại La Sát mẫu, tên là Tranh Nanh Phát (phát khởi hung ác), cũng có năm ngàn quyến thuộc vây quanh, vào trong gò mả. Khi đó, La Sát mẫu cũng thấy người ấy bị trói năm chỗ, cạo bỏ râu tóc, mảnh ca-sa đỏ buộc ở dưới cổ, liền nhiễu theo chiều phải, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Đại tiên tràng tướng y, người trí phải khen trọng, nếu hay tu cúng dường, ắt đoạn các hữu phước”. Khi đó, các La Sát con thưa cùng mẹ rằng: “Máu thịt thân người này, do quốc vương ban tặng, nguyện cho con ăn, uống, có sức hầu hạ mẹ”. Khi đó, La Sát mẫu liền bảo con rằng: “Người áo nhuộm như thế, các con chớ nên ăn, với người này khởi ác, sẽ chịu khổ sở lớn”. Khi đó, các La Sát con và các quyến thuộc, nhiễu theo chiều phải của người ấy, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Ông thuộc dòng đại tiên, đáng làm ruộng phước tốt, nên tôi tu cúng dường, nguyện dứt các hữu phước”*).

“Đại tiên” là nói đến đức Phật. Cái y ấy của đức Phật giống như tràng báu, dựng lập tướng ấy, sẽ có nghĩa là gì? Chính là lia khổ được vui. Người có trí huệ hãy nên tán thán, cúng dường, cung kính. Nếu ai có thể tu cúng dường, sẽ có thể đoạn hết thảy các phước (phiền não trói buộc). Có rất nhiều Phước. Nếu nói rộng ra, sẽ là hai mươi lăm món Phước. Hai mươi lăm Hữu trong tam giới đều có thể trói buộc quý vị, cho đến phiền não của chúng ta, tức tám vạn bốn ngàn phiền não đều trói buộc quý vị, phải có ý nghĩ đoạn phiền não. Nếu ai có thể cúng dường các vị xuất gia, sẽ nhất định có thể đoạn kết sử, đoạn phiền não. La Sát

con cũng hướng về mẹ xin ăn thịt người đó. “*Thử nhân thân huyết nhục*”: Trên thân kẻ đó có đủ máu và thịt. “*Quốc vương chi sở lã*” (Do quốc vương ban tặng): Quốc vương ban cho chúng ta ăn, đem kẻ này bỏ ở đây. “*Nguyện thỉnh ngã ẩm đạm*”: Xin mẹ hãy cho phép chúng con ăn thịt hẳn. “*Đắc lực thừa sự mẫu*”: [Ăn thịt hẳn xong], thân tâm con khỏe mạnh, có sức, con sẽ khéo hiếu kính mẹ. La Sát mẫu liền bảo các con: “*Như thị nhiệm y nhân, phi nhữ sở ưng thực, u thử khởi ác giả, đương thành đại khổ khí*” (Người áo nhuộm như thế, con chớ có nên ăn. Khởi ác với người ấy, sẽ chịu khổ to tát): Các con chớ nên ăn thịt người cạo tóc, đắp y nhuộm. Nếu các con phát khởi ác niệm đối với người ấy, sanh khởi ác tâm, con sẽ biến thành kẻ chịu khổ! “*Khí*” (器) là dụng cụ, đồ đựng. Dụng cụ ấy chứa đựng sự khổ. Pháp khí chứa đựng pháp, đây là cách nói hình dung.

“*Thời La Sát tử dữ chư quyển thuộc*” (Khi đó, các La Sát con và các quyển thuộc) cũng nghe lời La Sát mẫu nói. “*Hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng viết: - Nhữ thị đại tiên chủng, kham vi lương phước điền, cố ngã tu cúng dường, nguyện tuyệt chư hữu phước*” (Nhiều quanh người ấy theo chiều bên phải, tôn trọng đánh lễ, chấp tay, bèn nói kệ tụng rằng: “Ông thuộc dòng đại tiên, kham làm ruộng phước tốt. Vì thế, tu cúng dường. Nguyện dứt các hữu phước”): “*Nguyện tuyệt chư hữu phước*” giống như “*tất đoạn chư hữu phước*” (tắt đoạn các trói buộc trong các Hữu). Mỗi bài kệ tụng đều có ý nghĩa giống nhau, chỉ là cách dùng từ trong mỗi câu thay đổi đôi chút. Thật ra, những bài kệ tụng ấy chỉ thuyết minh một vấn đề: Đối với người xuất gia đắp y nhuộm, bèn tôn trọng tâm ý ấy, hoàn toàn chẳng phải là người ấy. La Sát đều có thần thông. Họ biết kẻ đó là phần tử phạm tội, nhưng do kẻ đó khoác tâm ý ấy, chẳng thể thương tổn tánh mạng của hẳn. Tồn hại tánh mạng của hẳn chính là hủy diệt pháp tướng của đức Phật. Điều này có hàm nghĩa như thế đó!

(Kinh) Nhữ thời, phục hữu đại La Sát mẫu, danh Đao Kiếm Khâu, diệc hữu ngũ thiên quyển thuộc vi nhiều, lai nhập trung gian. Thời, La Sát mẫu diệc kiến thử nhân bị phước ngũ xứ, thế trừ tu phát, phiền xích ca-sa hệ kỳ cảnh hạ, tức tiện hữu nhiều, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng ngôn: “Nhữ kim bị pháp y, tất thú Niết Bàn lạc, cố ngã bất hại nhữ, khủng chư Phật sở ha”. Thời, La Sát tử bạch kỳ mẫu viết: “Ngã thường hấp tinh khí, ẩm đạm nhân huyết nhục, nguyện thỉnh thực thử nhân, linh sắc lực sung

thịnh”. Thời, La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: “Nhuộc hại chư ca-sa, thế trừ tu phát giả, tất đọa Vô Gian ngục, cứu thọ đại khổ khổ”. Thời, La Sát tử dữ chư quyến thuộc, hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng viết: “Ngã đẳng bố địa ngục, cố bất hại nhữ mạng, đương giải phóng nhữ thân, nguyện thoát địa ngục khổ”.

(經)爾時，復有大羅剎母，名刀劍口，亦有五千眷屬圍繞，來入塚間。時，羅剎母亦見此人被縛五處，剃除鬚髮，片赤袈裟系其頸下，即便右繞，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌言：「汝今被法衣，必趣涅槃樂，故我不害汝，恐諸佛所呵」。時，羅剎子白其母曰：「我常吸精氣，飲啖人血肉，願聽食此人，令色力充盛」。時，羅剎母便告子言：「若害諸袈裟，剃除鬚髮者，必墮無間獄，久受大苦器」。時，羅剎子與諸眷屬，右繞此人，尊重頂禮，合掌恭敬，而說頌曰：「我等怖地獄，故不害汝命，當解放汝身，願脫地獄苦」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, lại có đại La Sát mẫu tên là Dao Kiếm Khẩu (miệng như đao guom), cũng có năm ngàn quyến thuộc vây quanh, vào trong gò mả. Khi đó, La Sát mẫu cũng thấy người ấy bị trói năm chỗ, cạo bỏ râu tóc, một mảnh ca-sa đỏ buộc ở dưới cổ, liền nhiều theo chiều phải, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Ông nay mặc pháp y, ắt đọa Niết Bàn lạc, nên ta chẳng hại ông, sợ chư Phật quả trách”. Khi đó, các La Sát con thưa cùng mẹ rằng: “Con thường hút tinh khí, ăn uống máu thịt người, xin cho ăn người này, khiến sắc lực sung mãn”. Khi đó, La Sát mẫu liền bảo các con rằng: “Nếu hại người đấp y, và cạo bỏ râu tóc, ắt đọa ngục Vô Gian, chịu khổ lớn dài lâu”. Khi đó, các La Sát con nhiều quanh thân người ấy theo chiều bên phải, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: “Chúng tôi sợ địa ngục, nên chẳng hại mạng ông. Sẽ cởi trói cho ông, nguyện thoát khổ địa ngục”).

“Xích sắc” là màu đỏ, nhưng thuở đức Phật tại thế, y của Ngài [chế định] luôn là y nhuộm hoại sắc, chẳng phải là đỏ tươi. Chẳng hạn như y phục của lạt-ma mặc đều là màu đỏ pha sắc tía (màu Maroon), y vàng cũng chẳng phải là vàng tươi. Sau khi [Phật giáo] truyền sang

Trung Hoa, y phục của chúng ta biến thành màu đỏ tươi, vàng tươi. Đây là vì quốc vương thuở ấy, cũng tức là vua Sát-đế-lợi muốn làm như vậy, nhằm thể hiện ý nghĩa tôn trọng, [cho nên] tặng nhân đều sửa lại. Nhưng người xuất gia chúng ta mặc trang phục này, áo dài vạt vuông, cổ tròn, chính là y phục của người thời Hán.

Hơn nữa, chùa miếu được gọi là Tự, đó là tên gọi của dinh phủ quan lại thời Hán, tức là nơi làm việc, tức nha môn của chánh phủ. Thuở đó, [quốc khách] từ ngoại quốc đến, hoặc từ Ấn Độ đến, đều đưa tới Hồng Lô Tự⁷⁴, tương đương với chỗ chiêu đãi của bộ ngoại giao. Ở đó, có rất nhiều phòng ốc để tiếp đãi họ. Do vậy, lập một ngôi chùa, chẳng gọi là tự miếu, cũng chẳng gọi là Tăng già-lam, mà gọi là Tự. Tự vốn là Hồng Lô Tự đời Hán. Các sảnh, các viện của chánh phủ đều gọi là Tự. Biết ý nghĩa này là được rồi. Nay ý nghĩa được bao hàm trong đoạn kinh văn này có chút sai khác. “*Xích ca-sa*” là áo ca-sa màu đỏ. Y ca-sa dịch nghĩa là “*giải thoát phục*”, [hàm ý] mặc y phục ấy sẽ giải thoát. Nhưng hiện thời chẳng giải thoát được, đắp y vẫn chẳng giải thoát, giống như trong phần trước chúng tôi đã nói: Có rất nhiều tỳ-kheo phá giới, đức Phật vẫn cho phép quý vị cúng dường, vẫn phải ủng hộ kẻ đó, chẳng cho phép thương tổn kẻ đó. Đây có nghĩa là gì? Do ý nghĩa: Kẻ đó vẫn có thể làm cho người khác trông thấy hình tướng tỳ-kheo, làm phước điền cho người khác. Hiện thời, có lúc ngay cả tỳ-kheo phá giới cũng chẳng trông thấy. Một vạn năm sau này trong thời Mạt Pháp, tương trạng Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo đã chẳng còn! Trên Đại Lục đã có thời gian suốt hơn ba mươi năm chẳng có [hình tướng tỳ-kheo]!

⁷⁴ Hồng Lô Tự (鴻盧寺) là cơ quan đặc trách tiếp khách ngoại quốc, nhất là các sứ đoàn ngoại giao. Cơ quan này dưới thời Tần có tên là Điền Khách, sang thời Hán đổi thành Đại Hành Lệnh. Hán Vũ Đế đổi thành Đại Hồng Lô với ý nghĩa “lớn tiếng truyền tụng tán dương”, thể hiện ý nghĩa hướng dẫn các nghi lễ. Đứng đầu là Hồng Lô Tự Khanh, phó là Thiếu Khanh, ngoài ra còn có các chức Thừa, Chủ Bạ phụ tá. Cơ quan này đặc trách việc đón tiếp sứ đoàn, tiếp nhận, và giám định các phẩm vật tiến cống, an trí chỗ nghỉ ngơi, khoản đãi các sứ đoàn, hướng dẫn các nghi lễ, tặng quà cho sứ đoàn theo quy định. Đến thời Minh, cơ quan này kiêm thêm việc phụ giúp bộ Lễ tổ chức các điển lễ, tế tự, tiệc tùng, tang ma của triều đình. Đến đời Thanh, lại đặt thêm các viện trực thuộc Hồng Lô Tự như Truyền Pháp đặc trách san nhuận kinh văn, và Tăng Lục Ty để chương quản danh sách tăng ni, tự viện trong nước... Hai triều đại Kim và Nguyên không có cơ cấu này, mọi trách nhiệm của Hồng Lô Tự giao về bộ Lễ.

Do vậy, quý tử mẫu Dao Kiếm Khâu cũng như thế. Vị La Sát Mẫu này chúng ta thường dịch là Quý Tử Mẫu⁷⁵. La Sát mẫu có năm ngàn quyến thuộc vây quanh vào trong vùng gò mả ấy. La Sát mẫu thấy kẻ đó bị trói năm chỗ, còn có một mảnh ca-sa đỏ buộc trên cổ, bèn nhiều theo chiều phải, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính. “*Nhữ kim bị pháp y*” (Ông nay đeo pháp y), đây là pháp y của người tu đạo. Nếu chúng ta thọ Tam Quy Ngũ Giới, Ngũ Giới cho phép có một cái y để mặc khi lễ sám, đó cũng gọi là “*pháp phục*”. Đây là chế định của đức Phật, nhưng trong ấy chỉ có năm điều⁷⁶, chẳng có điều ngang. Có điều ngang nhằm biểu thị điều gì? Giống như đất ruộng. Đó là phước điền, làm ruộng phước cho chúng sanh. Quý vị thấy cái y ấy, liền gieo phước điền. Nếu có thể lễ bái, phước lớn hơn một chút, cúng dường thì phước lớn hơn chút nữa. Hơn nữa, chỉ cần quý vị trông thấy cái y ấy, sẽ gieo thiện căn, cho nên gọi là pháp y. “*Nhữ kim bị pháp y*” (Ông nay mặc pháp y): Bất luận ông là giả vờ cũng thế, mà thật sự cũng thế, chỉ cần ông đã mặc. “*Tất thú Niết Bàn lạc*” (Ất đạt đến niềm vui Niết Bàn): Trong tương lai, nhất định chúng đắc Phật quả, Niết Bàn có nghĩa là “*bất sanh, bất diệt*”. “*Cố ngã bất hại nhữ*”: Do vậy, tôi sẽ chẳng thương tổn ông. “*Khủng chư Phật sở ha*” (Sợ chư Phật quả trách): Nếu tôi tổn thương ông, chư Phật sẽ quả trách, hoặc trách phạt tôi, tôi sẽ mắc tội!

“*Thời, La Sát tử bạch kỳ mẫu viết: ‘Ngã thường háp tinh khí, ẩm đạm nhân huyết nhục, nguyện thỉnh thực thử nhân, linh sắc lực sung thịnh’*. Thời La Sát mẫu tiện cáo tử ngôn: - *Nhược hại trước ca-sa, thế trừ tu phát giả*” (Khi đó, La Sát con thưa với mẹ rằng: “Con thường hút tinh khí, ăn thịt, uống máu người. Cho con ăn người này, khiến sắc lực sung mãn”. Khi đó, La Sát mẫu liền bảo con rằng: “Nếu hại kẻ đắp y,

⁷⁵ Chữ Quý Tử Mẫu ở đây chỉ có nghĩa là mẹ của lũ quý con. Khi kinh Phật nói Quý Tử Mẫu mà không nêu rõ danh xưng thì là nói đến quý mẫu Ha Rị Đế (Hariti), còn dịch là Hoan Hỷ Mẫu, Bao Ác Mẫu, hoặc Ái Tử Mẫu. Bà này có năm trăm đứa con, được đức Phật hóa độ, phát nguyện chuyên bảo hộ trẻ con.

⁷⁶ “Điều” là một mảnh vải. Ở đây lão pháp sư nói Mạn Y (縵衣) dành cho cư sĩ theo kiểu cổ gồm năm miếng dọc không có những mảnh ngang. Trong khi y ngũ điều của chư tăng thì mỗi mảnh dọc ấy lại cắt thành những mảnh nhỏ hơn, thông thường là một mảnh dài, một mảnh ngắn. Hiện thời, hầu như mạn y thường may nguyên khối vải, hay chỉ do hai miếng vải ghép lại. Thông thường, Mạn Y dành cho người tại gia đã thọ Bồ Tát Giới. Nhưng có những đạo tràng như Phật Quang Sơn, thọ Ngũ Giới đã cho phép đắp y. Nói chung, truyền thống Trung Hoa khuyến cáo chỉ đắp y khi sám hối, hoặc tụng giới, không nên mặc tràn lan. Cũng như đắp là để nhớ giới đã thọ, không phải để khoe khoang, tự mãn.

cao bỏ râu lẫn tóc”): Nêu các con hại người xuất gia, “*tất đọa Vô Gian ngục, cứu thọ đại khổ khí*” (át đọa ngục Vô Gian, chịu khổ lớn dài lâu): Sẽ trở thành một dụng cụ chứa đựng khổ, chịu sự khổ độc lâu dài! “*Thời, La Sát tử dữ chư quyền thuộc hữu nhiều thử nhân, tôn trọng, đánh lễ, hiệp chưởng, cung kính, nhi thuyết tụng viết: - Ngã đẳng bố địa ngục, cố bất hại nhữ mạng, đương giải phóng nhữ thân, nguyện thoát địa ngục khổ*” (Lúc ấy, các La Sát con và các quyền thuộc nhiều quanh người ấy theo chiều bên phải, tôn trọng, đánh lễ, chấp tay, cung kính, mà nói kệ tụng rằng: - Chúng tôi sợ địa ngục, nên chẳng hại mạng ông, sẽ giải thoát thân ông, nguyện thoát khổ địa ngục): Chúng tôi vì sợ chịu khổ trong địa ngục, cho nên sẽ chẳng hại mạng ông. Nếu không, chúng tôi sẽ ăn thịt ông! “*Đương giải phóng nhữ thân, nguyện thoát địa ngục khổ*”: Tôi sẽ thả ông đi, hồi hướng cho chính mình trong tương lai chẳng còn phải chịu nỗi khổ trong địa ngục.

(Kinh) Thời, chư La Sát mẫu, tử, quyền thuộc, đồng khởi từ tâm, giải thử nhân phược, sám tạ, ủy dụ, hoan hỷ phóng hoàn. Thử nhân thanh đán tạt chí vương sở, dĩ như thượng sự, cụ bạch ư vương. Thời, Thắng Quân vương cập chư quyền thuộc, văn chi kinh được, thán vị tăng hữu, tức lập điều chế, ban cáo quốc nhân: “Tự kim dĩ hậu, ư ngã quốc trung, hữu Phật đệ tử, nhược trì giới, nhược phá giới, hạ chí vô giới, đản thế tu phát, bị phục ca-sa, chư hữu xâm lăng, hoặc gia hại giả, đương dĩ tứ tội nhi hình phạt chi”. Do thử nhân duyên, chúng nhân mộ đức, tiệm tiệm quy hóa, vương Thiệm Bộ Châu, giai cộng thành tâm, quy kính Tam Bảo. Thiện nam tử! Đương quán như thị quá khứ La Sát, tuy thọ vô hạ ngã quý thú thân, hấp nhân tinh khí, ẩm đạm huyết nhục, ác tâm xí thịnh, vô hữu từ bi, nhi kiến vô giới, thế trừ tu phát, dĩ phiền ca-sa quả kỳ cảnh giả, tức tiện hữu nhiều, tôn trọng, đánh lễ, cung kính, tán tụng, vô tổn hại tâm.

(經)時，諸羅剎母子眷屬，同起慈心，解此人縛，懺謝慰喻，歡喜放還。此人清旦疾至王所，以如上事，具白於王。時，勝軍王及諸眷屬，聞之驚躍，嘆未曾有。即立條制，頒告國人：「自今已後，於我國中，有佛弟子，若持戒、若破戒，下至無戒，但剃鬚發，被服袈裟，諸有侵凌或加害者，當以死罪而刑罰之」。由此因緣，眾人慕德，漸漸歸化，王贍部洲，皆共誠心，歸敬三寶。善男子！當觀

如是過去羅剎，雖受無暇餓鬼趣身，吸人精氣，飲啖血肉，噁心熾盛，無有慈悲，而見無戒，剃除鬚髮，以片袈裟掛其頸者，即便右繞，尊重頂禮，恭敬讚頌，無損害心。

(Kinh: Lúc ấy, các mẹ con La Sát và quyền thuộc cùng dấy từ tâm, cõi trời cho người ấy, sám hối, tạ từ, an ủi, khuyên dụ, hoan hỷ thả người ấy về. Người ấy sáng sớm vội đến chỗ nhà vua, đem chuyện trên đây tâu cận kề cùng vua. Khi đó, vua Thắng Quân và các quyền thuộc nghe xong, kinh ngạc, hớn hở, than là chưa từng có, lập tức chế định điều luật, bố cáo với dân trong nước: “Từ nay trở đi, trong nước của ta, có đệ tử Phật, dù trì giới, hay phá giới, thậm chí chẳng có giới, chỉ cạo bỏ râu tóc, đắp khoác ca-sa, mà nếu có kẻ nào xâm phạm, hiếp đáp, hoặc làm hại, sẽ dùng tội tử hình để trừng phạt”. Do nhân duyên ấy, mọi người hâm mộ đức, dần dần quy hướng sự giáo hóa. Trong Thiệm Bộ Châu của nhà vua, [dân chúng] đều cùng thành tâm quy kính Tam Bảo. Nay thiện nam tử! Hãy nên quán La Sát trong quá khứ như thế, tuy thọ thân không nhàn hạ trong đường ngạ quỷ, hút tinh khí của kẻ khác, ăn thịt, uống máu, ác tâm lừng lẫy, chẳng có từ bi, mà thấy kẻ chẳng có giới, cạo bỏ râu tóc, dùng một mảnh ca-sa đeo vào cổ, liền nhiễu theo chiều phải, tôn trọng, đánh lễ, cung kính, tán tụng, chẳng có tâm tổn hại).

Đoạn này bao gồm rất nhiều mẹ con La Sát và quyền thuộc như đã nói trên đây “đồng khởi từ tâm”. Chữ Đồng (同) có nghĩa là mọi người đều phát khởi tâm từ bi. “Giải thử nhân phược” [nghĩa là] tháo gỡ dây thừng hoặc dụng cụ hành hình cho kẻ đó. “Sám tạ ủy dụ” đồng thời sám hối, hoan hỷ, an ủi kẻ đó. “Hoan hỷ phóng hoàn” (Hoan hỷ thả về): Nói ông hãy quay về, để cho kẻ đó chạy đi. Đây là chuyện trong đêm! “Thử nhân thanh đán tật chí vương sở” (Người ấy sáng sớm, vội đến chỗ vua): “Thanh đán” là sáng sớm. Đến sáng mai, kẻ đó còn chưa chết, bèn rất nhanh chóng, “tật” (疾) là nhanh chóng, tới chỗ quốc vương, vào vương cung. “Dĩ như thượng sự cụ bạch ư vương” (Đem chuyện trên đây tâu cận kề với vua): Đem những chuyện kẻ đó đã từng trải hôm qua, tức chuyện mẹ con La Sát chẳng hại mạng hấn, tâu lên quốc vương. “Thời, Thắng Quân vương cập chư quyền thuộc văn chi kinh dục” (Khi đó, vua Thắng Quân và các quyền thuộc nghe kẻ, kinh ngạc, hớn hở): Vua Thắng Quân là quốc vương xử phạt hấn, còn có các đại thần, quyền thuộc, nghe kẻ đó kê lại như vậy, ngạc nhiên khôn cùng! “Thán vị

tăng hữu” có nghĩa là kinh ngạc than thở! “*Tức lập điều chế*” (Liên lập ra quy chế): Lập ra quy định. Nói theo hiện thời là đối với hiến pháp đã lập, liền tăng thêm điều khoản này, tuyên cáo khắp thiên hạ: “*Tự kim dĩ hậu, u ngã quốc trung, hữu Phật đệ tử, nhược trì giới, nhược phá giới, hạ chí vô giới*” (Từ nay trở đi, trong nước của ta, có đệ tử Phật, dù là trì giới, hay phá giới, thậm chí không có giới): “*Vô giới*” là còn chưa xuất gia, vì phải ty nạn, lìa khỏi cảm giác hoảng sợ, mới tìm ca-sa, nhưng chẳng tìm được, chỉ có được một mảnh. Mảnh ca-sa ấy cứu kẻ đó, đây là kẻ “*vô giới*”. Chỉ cần cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa, không cho phép bất cứ ai xâm phạm, lấn hiếp, hay lăng nhục kẻ đó. Nếu quý vị xâm hại, hoặc làm hại người cạo bỏ râu tóc, đắp khoác ca-sa, sẽ dùng hình phạt tử tội để trừng phạt. Đây là pháp luật do vua Thắng Quân định ra.

“*Do thử nhân duyên, chúng nhân mộ đức, tiệm tiệm quy hóa vương Thiệm Bộ Châu*” (Do nhân duyên ấy, mọi người hâm mộ đức dần dần quy hướng sự giáo hóa của vua nơi Thiệm Bộ Châu): Do vua Thắng Quân làm như vậy, định ra loại pháp luật này, miễn trừ tử hình, miễn trừ tử tội, chẳng phải là dành cho hết thảy mọi người, mà là đối với người xuất gia, phải cung kính, phải lễ bái, phải kính lễ. Vì có nhân duyên như vậy, các quốc độ khác, hoặc là nhân dân đều dần dần ngưỡng mộ đạo đức của nhà vua, dần dần quy hướng về sự giáo hóa của ông ta. Vua Thắng Quân làm như vậy, cho nên dần dần đã đề cao thế lực của quốc vương.

“*Quy hóa*” là như mọi người đều biết, đã tới Gia Nã Đại, phải nhập quốc tịch. Đó gọi là “*quy hóa*”. Quý vị phải tuyên thệ, còn phải thề. Khi tôi ở Nữ Ước, có một đạo hữu sau khi tuyên thệ, trở về nói với tôi: “Hôm nay người khảo hạch đã hỏi con: Giả sử chúng ta đánh nhau với Trung Quốc, đánh nhau với người Hoa. Chúng tôi phải ông đi đánh giặc, ông có đi hay không?” Tôi hỏi: “Ông trả lời ra sao?” Ông ta trả lời: “Đi thôi! Đương nhiên là đi”. Tôi bảo: “Ông trả lời như vậy chẳng phải là đệ tử Phật!” Ông ta rất ngạc nhiên hỏi: “Con nên trả lời như thế nào?” Tôi bảo: “Ông nên trả lời, tôi hy vọng quý vị không gây chiến. Quý vị sai tôi đi chiến đấu, tôi không đi, chẳng nhập tịch thì thôi!” Vì La Sát quý tử mẫu muốn quý vị quy hóa, quý vị cũng quy phục và chịu để cho chúng nó giáo hóa ư? Mọi người hãy ngẫm xem, có thể là chẳng bị hỏi câu ấy, nhưng cũng có thể bị hỏi vấn đề này!

Phàm là chuyện gây nguy hại cho kẻ khác, ta sẽ không làm. [Chuyện nguy hại cho] súc sanh ta cũng chẳng làm! Muốn chúng ta giết súc sanh, chúng ta chẳng giết súc sanh. Ngay cả La Xoa (La Sát), Dạ

Xoa, là những quý ác nhất, họ còn như vậy, huống hồ chúng ta là người u? Bất luận quý vị vào quốc tịch nước nào, sai quý vị đi giết đồng bào của mình, quý vị có thể phát cái nguyện ấy hay không? Hãy chú ý, chớ nên vì lợi ích trước mắt mà bỏ lỡ rất nhiều hạnh phúc trong tương lai. Nếu cho rằng đây là nói suông, chẳng có vấn đề gì! Ôi chao! Quý vị đừng nghĩ là nói suông, khi tuyên thệ nhập tịch, chẳng phải là nguyện, mà là thệ nguyện. Tuyên thệ xong, quý vị không làm, sẽ là vọng ngữ; nếu làm, lại thương tổn kẻ khác, ngay cả thương tổn súc sanh cũng chẳng được!

“Thiện nam tử! Đương quán như thị quá khứ La Sát, tuy thọ vô hạ nga quý thú thân” (Này thiện nam tử! Hãy nên quán La Sát trong quá khứ như thế, tuy thọ thân chẳng nhàn hạ trong đường nga quý): *“Vô hạ”* (無暇) là khiến cho người học Phật pháp chẳng rảnh rang, thân thể chịu khổ, không thể nhàn hạ nổi! Giống như các đạo hữu có lúc bận tíu tít, chịu đựng các tai nạn không ngớt, chính mình mong tu hành, chẳng thể được! *“Vô hạ”*: Có rất nhiều người phát nguyện nghe giảng viên mãn bộ kinh này, chẳng thiếu một buổi nào, chẳng thể được! Quý vị còn có chuyện phải làm. Hễ phải làm thì sẽ rời khỏi chỗ này. Hoặc là vì bệnh tật mà phải rời đi, hoặc vì có chuyện mà phải rời đi, hoặc là bận việc trong công ty mà phải rời đi, chẳng thể nghe. Đây là giải đãi, chẳng tinh tấn. Đó là nghiệp quá khứ, hoặc vì nghiệp chướng gây chướng ngại. Chẳng có cách nào, đó là chuyện nhỏ! Dũng mãnh, tinh tấn thì sẽ có thể làm được! *“Bát vô hạ, thập viên mãn”*⁷⁷: Mong cầu được làm thân người như vậy đều chẳng thể được!

Lấy ngay bản thân tôi làm thí dụ. Tôi ở trong tù vài chục năm, tôi mong học Phật pháp, lễ bái, sám hối đều chẳng thể, chẳng có cơ hội ấy. Đó gọi là *“vô hạ”*. Quý vị mong cái thân viên mãn, rất khó khăn! Họ vốn là thân quý La Sát, đã là không rảnh rang, là nga quý. Họ có thể thấy kẻ đó mà chẳng ăn thịt, đây là rất khó có! Họ dựa vào hút tinh khí, uống máu, ăn thịt [để tồn tại], ác tâm của họ hết sức dữ dội, chẳng có quan

⁷⁷ *“Bát vô hạ”* tức là tám nạn, hàm ý người gặp một trong tám nạn ấy sẽ bị phiền não và các khổ nạn quán trói, không thể thanh thân tu đạo giải thoát được. *“Bát vô hạ”* là địa ngục, nga quý, súc sanh, biên địa, sanh trong cõi trời trường thọ, sanh nhằm cõi đời không có Phật, các căn chẳng đủ, và có tà kiến. *“Thập viên mãn”* là mười nhân duyên viên mãn khiến cho người ấy có thể nghe pháp tu hành: Sanh làm người, sanh tại nơi có văn hóa cao, các căn đầy đủ, chẳng có túc nghiệp điên đảo, chánh tín, nhằm lúc Phật xuất thế, có người giảng nói chánh pháp, giáo pháp trụ thế, tin tưởng hành theo chánh pháp, gặp gỡ thiện tri thức chỉ dạy.

niệm từ bi chi hết! Nhưng thấy một kẻ chẳng có giới, cạo bỏ râu tóc, chỉ dùng một mảnh ca-sa buộc vào cổ, họ còn có thể nhiều theo chiều bên phải, còn có thể tôn kính, đánh lễ, cung kính, tán thán kẻ đó, tiêu trừ cái tâm tổn hại!

(Kinh) Nhiên vị lai thế, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm hoài độc ác, vô hữu từ mẫn, tạo tội quá u Dục Xoa, La Sát, ngu si, ngạo mạn, đoạn diệt thiện căn. U quy ngũ pháp, nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, thế trừ tu phát, bị phục ca-sa chư đệ tử sở, bất sanh cung kính, não loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiên trượng sở thất kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử u nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, phạm chư đại tội, đoạn diệt thiện căn, phần thiêu tương tục, nhất thiết trí giả chi sở viễn ly, quyết định đương sanh Vô Gián địa ngục.

(經)然未來世，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，心懷毒惡，無有慈愍，造罪過於藥叉、羅剎，愚癡傲慢，斷滅善根。於歸我法，而出家者，若是法器，若非法器，剃除鬚髮，被服袈裟諸弟子所，不生恭敬，惱亂呵罵，或以鞭杖楚撻其身，或閉牢獄，乃至斷命。此於一切過去、未來、現在諸佛，犯諸大罪，斷滅善根，焚燒相續，一切智者之所遠離，決定當生無間地獄。

(Kinh: Nhưng đời vị lai có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn là những kẻ Chiên-đồ-la, ô m lòng độc ác, chẳng có từ mẫn, tạo tội còn hơn Dục Xoa, La Sát, ngu si, ngạo mạn, đoạn diệt thiện căn. Đối với các đệ tử quy y pháp của ta xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, cạo bỏ râu tóc, khoác đắp ca-sa mà chẳng sanh cung kính, não loạn, quở trách, chửi bới, hoặc dùng roi, gây đánh đập thân họ, hoặc giam trong lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó phạm các đại tội nơi hết thấy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, đoạn diệt thiện căn, thiêu đốt liên tục, hết thấy người có trí đều xa lìa, quyết định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gián).

Những gã Chiên-đồ-la ấy làm ác còn vượt quá La Sát, Dục Xoa. “Ngu si ngạo mạn”, chẳng có trí huệ. Chính mình chẳng có trí huệ, vẫn

rất kiêu ngạo. “Đoạn diệt thiện căn. Ư quy ngã pháp nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí” (Đoạn diệt thiện căn. Đối với kẻ quy y pháp của ta xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí): Pháp khí là vị tỳ-kheo thanh tịnh, tốt đẹp. Phi pháp khí là tỳ-kheo phá giới, nhưng chỉ cần người ấy là đệ tử cạo bỏ râu tóc, khoác đắp ca-sa. Đối trước họ mà “*bất sanh cung kính, não loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiên, trượng sở thát kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử u nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, phạm chư đại tội*” (chẳng sanh lòng cung kính, não loạn, quở trách, chửi bới, hoặc dùng roi, gây đánh đập thân kẻ đó, hoặc giam trong lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó đã phạm các tội lớn nơi hết thấy chư Phật trong quá khứ, vị lai và hiện tại): Đã phạm vào tội ác lớn nhất đối với tam thế chư Phật, đoạn diệt thiện căn. Trong quá khứ có chút thiện căn, do lần này [tạo tội như thế] liền đoạn diệt.

“*Phần thiêu tương tục*” (Thiêu đốt liên tục): Đây là cách nói hình dung. “*Nhất thiết trí giả chi sở viễn ly, quyết định đương sanh Vô Gian địa ngục*” (Hết thấy người có trí sẽ xa lìa, quyết định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gian): Khi phạm loại tội này, chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục Vô Gian!

(Kinh) Hựu thiện nam tử! Tích hữu quốc vương, danh Siêu Phước Đức. Hữu nhân phạm quá, tội ưng hợp tử, vương tánh nhân tử, bất dục đoạn mạng. Hữu nhất đại thần, đa chư trí sách, tiền bạch vương viết: “Nguyện vật vi ưu, chung bất linh vương đắc sát sanh tội, bất phó khôi khoái linh sát thử nhân”. Thời bỉ đại thần, dĩ kỹ trí lực, tương phạm tội nhân, phó ác túy tượng. Thời ác túy tượng, dĩ tỵ quyền thủ tội nhân lưỡng hĩnh, cử thượng không trung, tận kỳ thế lực, dục phác u địa. Hốt kiến thử nhân thường hữu xích sắc, vị thị ca-sa, tâm sanh tịnh tín, tiện từ trí địa, sám tạ bi hào, quy phục u tiền, dĩ tỵ vấn túc, thâm tâm kính trọng, chiêm ngưỡng bỉ nhân. Đại thần kiến dĩ, trì hoàn bạch vương. Vương văn hỷ ngạc, thán vị tăng hữu, tiện sắc quốc nhân gia kính Tam Bảo. Nhân tư đoạn sát, vương Thiệm Bộ Châu. Thiện nam tử! Đương quán như thị quá khứ túy tượng, tuy thọ vô hạ bàng sanh thú thân, nhi kính ca-sa, bất tạo ác nghiệp.

(經)又善男子！昔有國王，名超福德。有人犯過，罪應合死，王性仁慈，不欲斷命。有一大臣，多諸智策，前白王曰：「願勿為憂，終不令王得殺生罪，不付魁膾令殺此

人」。時彼大臣，以己智力，將犯罪人，付惡醉象。時惡醉象，以鼻卷取罪人兩脛，舉上空中，盡其勢力，欲撲於地。忽見此人裳有赤色，謂是袈裟，心生淨信，便徐置地，懺謝悲號，跪伏於前，以鼻拄足，深心敬重，瞻仰彼人。大臣見已，馳還白王。王聞喜愕，嘆未曾有，便敕國人加敬三寶。因斯斷殺，王贍部洲。善男子！當觀如是過去醉象，雖受無暇傍生趣身，而敬袈裟，不造惡業。

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Xưa kia có quốc vương, tên là Siêu Phước Đức. Có kẻ phạm lỗi, tội đáng phải chết. Tánh vua nhân từ, chẳng muốn đoạn mạng kẻ đó. Có một đại thần có nhiều kế sách trí huệ, đối trước vua, tâu rằng: “Xin bệ hạ đừng lo, thần trọn chẳng khiến cho bệ hạ mắc tội sát sanh, chẳng giao cho đao phủ giết người này”. Khi đó, đại thần dùng trí lực của chính mình, đem kẻ phạm tội giao cho con voi say hung ác. Lúc đó, con voi say hung ác dùng vòi cuốn lấy hai bắp chân tội nhân, giơ lên trên không, tận hết sức lực, toan quăng kẻ đó xuống đất, bỗng thấy cái xiêm người ấy mặc có màu đỏ, cho là ca-sa, tâm sanh tịnh tín, liền thông thả đặt xuống đất, sám hối, tạ lỗi, gào lên buồn bã, quỳ phục trước mặt, dùng vòi vuốt ve chân [kẻ đó], thâm tâm kính trọng, chiêm ngưỡng kẻ ấy. Đại thần đã thấy, bèn vội quay về, tâu với vua. Vua nghe chuyện hoan hỷ, kinh ngạc, than là chưa từng có, liền sắc truyền người trong nước càng thêm tôn kính Tam Bảo. Do vậy, thôi giết hại, vua thống lãnh trọn Thiêm Bộ Châu. Này thiện nam tử! Hãy nên quán voi say trong quá khứ như thế, tuy thọ thân chẳng nhàn hạ trong đường bàng sanh, mà kính trọng ca-sa, chẳng tạo ác nghiệp).

Đây là kể chuyện cũ. Những câu chuyện cũ sẽ khơi gợi chúng ta sanh khởi tín tâm. Trong quá khứ có vị quốc vương, tên là Siêu Phước Đức, có người phạm tội. “Tội ung hợp tử, vương tánh nhân từ, bất dục đoạn mạng” (Tội đáng phải chết, vua tánh nhân từ, chẳng muốn đoạn mạng): Vua không muốn giết gã tội nhân đó, không muốn đoạn mạng hắn, có nghĩa là muốn miễn trừ tội tử hình. Tuy hắn phạm tội ác rất lớn, đáng bị tử hình, bèn toan lưu đầy hắn. “Hữu nhất đại thần, đa chur trí sách” nghĩa là có một vị đại thần rất có trí huệ, có sách lược. Ông ta bèn tâu với vua Siêu Phước Đức: “Nguyện vật vi ưu” (Xin đừng lo buồn). Tâu quốc vương! Ngài đừng vì chuyện này mà rầu rĩ, thần sẽ làm cho bệ hạ chẳng mắc tội sát sanh, cũng có nghĩa là: Tuy chẳng giết, vẫn có thể

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

xử phạt hẳn. “*Bất linh khôi khoái, linh sát thử nhân*” (Cũng chẳng giao cho đao phủ giết chết kẻ này): “*Khôi khoái*” (魁膾) là đao phủ. Vị đại thần này, dùng sức trí huệ của mình, đem phạm nhân “*phó ác túy tượng*” (giao cho voi say hung ác), tức là dùng một con súc sanh để chấp pháp. Con voi ấy rất hung ác, đổ rượu cho voi uống say. Người say sẽ mất tánh người, voi say cũng đánh mất bản tánh của nó. Con voi ấy dùng vòi “*quyển thủ lưỡng hĩnh*” (cuốn lấy hai bắp chân) của tội nhân, “*lưỡng hĩnh*” (兩脛) là hai bắp chân. Nó cuốn lấy kẻ đó “*quyển cử không trung*” (co vòi, giơ lên trên không), dùng vòi nhắc người ấy lên cao. “*Tận kỳ thế lực*” (Tận hết sức nó): Con voi ấy dùng hết khí lực, muốn quăng kẻ đó xuống đất, từ trên cao quật xuống; nhưng con voi ấy bỗng dừng phát hiện y phục khoác trên thân kẻ đó có màu đỏ, “*hốt kiến thử nhân thường hữu xích sắc*” (bỗng thấy cái xiêm của kẻ đó có màu đỏ). “*Thường*” (裳) là xiêm y; trang phục của kẻ đó có màu đỏ, nó ngỡ đó là ca-sa. Con voi say hung ác liền sanh khởi tín tâm thanh tịnh. “*Tiền từ trí địa*” (Bèn thông thả đặt xuống đất), bèn chậm chậm, nhẹ nhàng đặt người ấy xuống đất.

“*Sám tạ bi hào*” (Sám hối, tạ lỗi, kêu lên buồn bã): Con voi ấy bèn hướng về kẻ đó sám hối, tạ lỗi, buồn bã khóc lóc. “*Hào*” (號) là lớn tiếng kêu khóc. “*Quy phục ư tiền*” (Quy phủ phục trước mặt): Quy gối trước kẻ đó. “*Dĩ tỵ vãn túc*” tức là dùng vòi cọ chân kẻ đó, vuốt ve chân tội nhân. “*Thâm tâm kính trọng, chiêm ngưỡng bỉ nhân. Đại thần kiến dĩ, trì hoàn bạch vương*” (Tâm kính trọng sâu xa, chiêm ngưỡng kẻ đó. Đại thần thấy vậy, vội trở về tâu với vua): Vị đại thần rất ngạc nhiên, liền tâu với vua. “*Vương vãn hỷ ngạc*” (Vua nghe tâu, hoan hỷ, kinh ngạc): Nhà vua cũng rất kinh ngạc, có chuyện như vậy! “*Thán vị tăng hữu*” nghĩa là tán thán hiếm có, bèn “*sắc quốc nhân gia kính Tam Bảo, nhân tư đoạn sát*” (sắc truyền người dân trong nước, càng thêm tôn kính Tam Bảo. Do vậy, chấm dứt sát hại): Quốc gia ấy từ đó trở đi, chẳng còn sát sanh, điều trị giới “*bất sát sanh*”. Thiện nam tử hãy nên quán voi say trong quá khứ như thế, tuy thọ thân chẳng nhân hạ trong đường bàng sanh; trong phần trên là ngựa quý, ở đây là súc sanh, chúng sanh trong ba ác đạo đối với tội nhân mặc ca-sa đỏ đều sanh khởi tâm cung kính to lớn dường ấy. “*Nhi kính ca-sa, bất tạo ác nghiệp*” (Kính trọng ca-sa, chẳng tạo ác nghiệp), nhưng con người chẳng phải là như vậy.

(Kinh) Nhiên vị lai thế, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đô-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đô-la nhân,

tâm hoài độc ác, vô hữu từ mẫn, tạo chư tội nghiệp, quá ác túy tượng, ngu si, ngạo mạn, đoạn diệt thiện căn. Ư quy ngã pháp nhi xuất gia giả, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, thể trừ tu phát, bị phục ca-sa chư đệ tử sở, bất sanh cung kính, não loạn, ha mạ, hoặc dĩ tiền trượng sở thát kỳ thân, hoặc bế lao ngục, nãi chí đoạn mạng. Thử u nhất thiết quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, phạm chư đại tội, đoạn diệt thiện căn, phần thiêu tương tục, nhất thiết trí giả chi sở viễn ly, quyết định đương sanh Vô Gián địa ngục.

(經)然未來世，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，心懷毒惡，無有慈愍，造諸罪業，過惡醉象，愚癡傲慢，斷滅善根。於歸我法而出家者，若是法器，若非法器，剃除鬚髮，被服袈裟諸弟子所，不生恭敬，惱亂呵罵，或以鞭杖楚撻其身，或閉牢獄，乃至斷命。此於一切過去、未來、現在諸佛，犯諸大罪，斷滅善根，焚燒相續，一切智者之所遠離，決定當生無間地獄。

(*Kinh*: Nhưng trong đời vị lai có vua Sát-đế-lợi Chiên-đô-la, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những kẻ Chiên-đô-la, ôm lòng ác độc, chẳng từ mẫn, tạo các tội nghiệp còn hơn voi say hung ác, ngu si, ngạo mạn, đoạn diệt căn lành. Đối với các đệ tử quy y pháp của ta mà xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa, bèn chẳng sanh tâm cung kính, não loạn, quả trách, chửi bới, hoặc dùng roi, gây đánh đập thân họ, hoặc nhốt vào lao ngục, cho đến đoạn mạng. Kẻ đó phạm tội lớn đối với hết thầy chư Phật trong quá khứ, vị lai, và hiện tại, đoạn diệt căn lành, thiêu đốt liên tục, hết thầy người trí xa lìa, quyết định sẽ sanh vào địa ngục Vô Gián).

“Vị lai” là khi nào? Có thể là thời hiện tại của chúng ta! Hiện thời được gọi là Mạt Pháp. Xã hội hiện tại có phải là thật sự như vậy hay không? Như chúng ta là nơi có Phật pháp, còn biết Tam Bảo là gì, chứ nơi chẳng có Phật pháp thì căn bản chẳng hiểu Tam Bảo là gì! Tượng đắp ở chùa Nam Phổ Đà tại Hạ Môn, chính giữa là Thích Ca Mâu Ni Phật, Dược Sư Phật, và A Di Đà Phật, ba thánh tượng. Hai bên các Ngài đắp tượng hộ pháp. Một là Đệ Thích Thiên, tượng kia là Đại Phạm Thiên, cũng là Đại Phạm Thiên Chúa, cũng là chúa cõi trời. Chúng ta thấy các tượng ấy, chứ những nơi khác chẳng rõ rệt như ở chùa Nam Phổ

Đà. Đại Phạm thiên vương cũng hộ trì Phật pháp, thỉnh pháp, chuyên môn hộ trì Phật pháp.

Tôi đã thấy vài người xuất gia ở Mỹ. Họ tự đi làm, kiếm tiền, kiếm tiền đến một mức nhất định, bèn đến trung tâm bệ quan để bệ quan: Giao một vạn đồng để bệ quan ba năm, ba tháng, hoặc ba ngày. Có một vị đi làm nửa ngày, nửa ngày học pháp. Hiện thời, các quốc gia chẳng có Tam Bảo vẫn nhiều hơn. Chẳng hạn như Đại Lục và Đài Loan có Tam Bảo, [đại chúng] có cung kính đối với tỳ-kheo hay không? Đa số mọi người cung kính, nhưng vẫn có một số người chẳng cung kính. Đối với tỳ-kheo phá giới, hoặc tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni chẳng tu hành, họ sẽ hủy báng.

Nếu đọc kinh Đại Tập Thập Luân mà tin tưởng, sẽ có thể [có thái độ] tốt đẹp hơn đôi chút. Nếu chẳng tin thì vẫn cứ như vậy. Đức Phật nói như thế đó. Những kẻ đó cho đến vua, quan, dân chúng “*tâm hoài độc ác*” (ôm lòng độc ác), chẳng từ mẫn, cứ làm đúng như vậy, còn dữ dội hơn con voi ác bị say, đoạn mất thiện căn.

Đối với các đệ tử nương theo pháp của đức Phật để xuất gia, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, họ chẳng cung kính, chẳng sanh tâm cung kính, cứ náo loạn, quở trách, chửi bới, thậm chí dùng roi, gậy đánh đập, nhốt vào lao ngục. Chuyện này vào lúc mới thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa [đã xảy ra] khá nhiều. Vào thuở đó, người xuất gia trong chùa miếu nhất loạt bị bắt bỏ đạo, hoàn tục, mãi cho đến năm 1980, theo chánh sách tôn giáo, mới lại khôi phục, trả lại chùa miếu cho hòa thượng. Khi chánh sách được thực hiện, muốn tìm hòa thượng, tìm không ra, phải tìm các hòa thượng đã hoàn tục lập gia đình trở về. Thuở đầu, từ năm 1980 cho đến 1983, tình huống là như thế đó, [các vị sư đã hoàn tục ấy] mặc y phục tại gia đi làm, đến chùa miếu làm việc, bèn khoác áo tràng vào. Có chuyện thì mặc vào, xong việc thì tan sở, treo áo tràng lên, trở về nhà. Hiện thời thì không như vậy nữa. Kể từ sau năm 1983, chánh sách được thực hiện tiến bộ hơn nữa. Tăng ra Tăng, chùa ra chùa, từ lúc đó mới được khôi phục nguyên trạng!

(Kinh) Nhược Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, thành tựu như thị đệ tam ác luân. Do thử nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo, vô động hoại giả, u Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm

sanh sân phần. Quảng thuyết nãi chí bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục.

(經)若剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，成就如是第三惡輪。由此因緣，令護國土一切天、龍、藥叉神等，信敬三寶，無動壞者，於剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿。廣說乃至彼剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Nếu vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... thành tựu ác luân thứ ba như thế; do nhân duyên ấy, khiến cho hết thầy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... hộ trì quốc độ là những vị tin kính Tam Bảo chẳng lay động, chẳng hư hoại, bèn sanh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... Nói rộng là cho đến các vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn... những gã Chiên-đồ-la ấy chẳng bao lâu sẽ liền tứ chi tàn phế, thiếu khuyết. Trong nhiều ngày đêm, đờ lưỡi chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián).

Trên đây là nói tổng quát, đều là ác luân!

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! U vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tùy ác hữu hành, thiện căn vi thiếu, quảng thuyết nãi chí bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, kiến hữu sở thí tứ phương Tăng vật, vị chư tự xá, hoặc tự xá vật, hoặc chư viên lâm, hoặc viên lâm vật, hoặc chư trang điền, hoặc trang điền vật, hoặc sở nhiếp thọ tịnh nhân nam nữ, hoặc sở nhiếp thọ súc sanh chủng loại, hoặc sở nhiếp thọ y phục, ẩm thực, hoặc sở nhiếp thọ sàng, tòa, phu cụ, hoặc sở nhiếp thọ bệnh duyên y dược, hoặc sở nhiếp thọ chủng chủng tư thân ưng thọ dụng vật. Như thị sở thí tứ phương

Tăng vật, cụ giới, phú đức, tinh tấn tu hành Học, Vô Học hạnh, nãi chí chứng đắc tối hậu cực quả, thanh tịnh bất-sô sở ưng thọ dụng.

(經)復次，善男子！於未來世，此佛土中，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，隨惡友行，善根微少，廣說乃至不見不畏後世苦果，見有所施四方僧物，謂諸寺舍，或寺舍物，或諸園林，或園林物，或諸莊田，或莊田物，或所攝受淨人男女，或所攝受畜生種類，或所攝受衣服飲食，或所攝受床座敷具，或所攝受病緣醫藥，或所攝受種種資身應受用物。如是所施四方僧物，具戒富德，精進修行，學無學行乃至證得最後極果，清淨苾芻所應受用。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Trong đời vị lai, trong cõi Phật này, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là bọn Chiên-đồ-la làm theo bạn ác, căn lành kém ít, nói rộng là cho đến chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, thấy các vật cúng thí cho tứ phương Tăng, tức là chùa chiền, hoặc vật dụng trong chùa, hoặc các vườn rừng, hoặc các vật trong vườn rừng, hoặc các trang trại, ruộng đất, hoặc vật thuộc các trang trại, ruộng đất, hoặc các tịnh nhân nam nữ thuộc quyền sở hữu của nhà chùa, hoặc các loài súc sanh của chùa, các y phục, thức ăn của chùa, hoặc giường, tòa, đồ trái của chùa, hoặc thuốc men chữa trị bệnh tật của chùa, hoặc các vật cần dùng cho cuộc sống đáng nên thọ dụng của nhà chùa. Các vật thí cho tứ phương Tăng như thế đáng nên dành cho các bậc đủ giới, giàu đức, tinh tấn tu hành thuộc các địa vị Học và Vô Học, cho đến bậc tỳ-kheo thanh tịnh chứng đắc cực quả tối hậu thọ dụng).

Nói chung là chẳng tin tưởng nhân quả báo ứng. Bất quá, những quốc gia nói đến dân chủ thì còn tin theo nhân quả, chỉ là chẳng tin tưởng khấn thiết như Phật giáo, nhưng họ vẫn mong làm chuyện tốt. Các quốc gia phương Tây bảo vệ động vật; bất quá, họ chẳng bảo vệ triệt để, cũng chẳng trì giới kiêng giết để bảo vệ. Tuy vậy, có cái hay là họ bảo vệ cầm thú, yêu thương, bảo vệ súc sanh, tức là cũng có lòng nhân từ, vẫn sợ hãi khổ quả trong vị lai. Đây là nói đến điều gì vậy? Trong phần trên là nói về người, ở đây nói về vật. Những kẻ ác, vua ác đó, họ tước đoạt các vật phẩm dành để cúng dường tứ phương Tăng nhân, hoặc là

phòng ốc trong chùa, hoặc vật dụng trong chùa chiền, vườn rừng, hoặc vật trong vườn rừng, hoặc là điền trang, hoặc các vật thuộc điền trang, hoặc các tịnh nhân nam nữ thuộc về nhà chùa. Bọn quốc vương cho đến đại thân như thế đã tước đoạt vật dụng của Tăng Già khá nhiều. Nếu mọi người đến Bắc Kinh, tại Bắc Kinh có chùa Đàm Chá (潭柘), tọa lạc tại ngoại thành Bắc Kinh. Gần như một nửa đất đai nơi đó thuộc về chùa Đàm Chá. Thuở ấy, các vị Tăng ăn cơm trong chùa có khoảng hơn ba ngàn người, chia thành bảy chỗ ăn cơm, tức bảy chỗ đánh bang⁷⁸, chín chỗ để tụng niệm công khóa. Hiện thời có những chỗ bị hủy hoại, vừa trùng tu!

Đoạt ruộng vườn của nhà chùa, đoạt phòng ốc của chùa, đã tạo tội ấy thì phải thọ báo. “*Tịnh nhân nam nữ*” là như thế này: Trong chùa miếu [nếu là chùa ni, các tịnh nhân] đều là nữ nhân. Những người sống trong ngôi chùa lớn đều là nam nhân, [tịnh nhân cũng toàn là nam giới]. Vì sao gọi là “*tịnh nhân*”? Họ phát tâm, chẳng hạn như làm công quả, ở trong chùa, ăn cơm nhà chùa, làm lụng trong trang viên của chùa miếu, hoặc chăm sóc chùa miếu. Chuyện quét dọn, làm vệ sinh sạch sẽ, hoặc phóng sanh do họ chăm lo. Như vườn rừng của Cổ Sơn nhiều ngàn ấy, cây ăn quả trên núi có đến mấy vạn gốc quít, phải có người hái, có người lo toan, những người đó đều gọi là “*tịnh nhân*”. Nấu cơm trong chùa, làm hết thảy mọi công việc khác nhau, đều là tịnh nhân. Tỳ-kheo chẳng thể làm! Hễ tỳ-kheo làm, sẽ là phạm giới. Đó là trong thuở ấy, nay thì đều phải tự làm. Khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, đều là tự gieo trồng, tự ăn. Hòa thượng tự mình trồng trọt, tự mình nấu cơm, tự lo liệu cuộc sống. Đây là tùy thuận chế độ pháp luật của quốc gia. Phạm là kẻ cướp đoạt vật dụng của Tăng, sẽ phải thọ báo, nhất định sẽ thọ báo!

Trong chùa miếu, còn có rất nhiều thứ, hoặc các loài chúng sanh thuộc quyền sở hữu của nhà chùa. Hoặc y phục, thức ăn của nhà chùa, hoặc giường, tòa, đồ trái nạm, hoặc các thứ thuốc men chữa bệnh, các loại vật dụng cần dùng cho cuộc sống thuộc sở hữu nhà chùa, các vật thí cho tứ phương Tăng như thế, là những vật đáng nên dành cho những vị trọn đủ giới đức, tinh tấn tu hành, học theo hạnh Hữu Học và Vô Học, cho đến các vị bất-sô thanh tịnh chúng đắc cực quả tối hậu hưởng dụng. Các vật phẩm trên đây, cho đến động vật và thực vật: Thực vật ở trong vườn, rừng, động vật trong chùa miếu; có chùa miếu còn có lừa, ngựa, vì

⁷⁸ Bang (梆) là một dụng cụ báo hiệu có hình con cá dài bằng gỗ, thường treo trước nhà trù, hoặc Tăng xá, có nhiệm vụ báo hiệu giờ thọ trai.

họ có trang viên. Trong trang viên, nhất định có lừa, ngựa, có bò, những thứ ấy đều thuộc về chùa miếu. Còn có những con vật được người ta phóng sanh. Trong vùng núi, đại đa số là núi non, họ thả chúng trên núi. Vùng núi ấy thuộc về nhà chùa, cũng là hết thảy các thứ thuộc về hòa thượng. Dầu cho người hay vật, đều thuộc về quyền sở hữu và hưởng dụng của bậc có đạo đức, tinh tấn tu hành, thuộc địa vị Hữu Học và Vô Học. Hữu Học là chưa chứng đắc Tứ Quả, Vô Học là địa vị đã chứng Tứ Quả. Đạt tới địa vị Vô Học thì chứng đắc cực quả. Đó là sự hưởng dụng đúng lý của tỳ-kheo thanh tịnh.

(Kinh) Bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, dĩ cường thế lực, xâm đoạt cụ giới thanh tịnh bát-sô, bất thính thọ dụng, hồi dữ phá giới ác hạnh bát-sô, kinh doanh tại gia chư tục nghiệp giả, linh cộng thọ dụng, hoặc độc thọ dụng. Phá giới bát-sô ký thọ đắc dĩ, hoặc cộng thọ dụng, hoặc độc thọ dụng, hoặc dữ tục nhân, đồng cộng thọ dụng. Do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả, u Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân hận. Quảng thuyết nữ chí bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gian địa ngục.

(經)彼剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，以強勢力，侵奪具戒清淨苾芻，不聽受用，回與破戒惡行苾芻，經營在家諸俗業者，令共受用，或獨受用。破戒苾芻既受得已，或共受用，或獨受用，或與俗人，同共受用。由是因緣，令護國土一切天、龍、藥叉神等，信敬三寶無動壞者，於剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿。廣說乃至彼剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Gã vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy cho đến bọn Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... do thế lực mạnh mẽ, xâm phạm,

cướp đoạt bất-sô trọn đủ giới hạnh thanh tịnh, không cho họ hưởng dụng, trao cho bọn bất-sô phá giới là những kẻ kinh doanh các sự nghiệp thế tục của người tại gia để cùng nhau hưởng thụ, hoặc hưởng thụ một mình, hoặc cùng kẻ thế tục hưởng thụ. Do nhân duyên ấy, khiến cho hết thấy trời, rồng, Dược Xoa thần v.v... hộ trì quốc độ, là những vị tín kính Tam Bảo chẳng hư hoại, chẳng lay động, sanh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... Nói rộng thì cho đến vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, và tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn... thuộc loại Chiên-đồ-la ấy, chẳng lâu sau, sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm, bị đờ lười chẳng nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Chết đi, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián).

Chiên-đồ-la sa-môn là tỳ-kheo phá giới. Nếu mọi người đã xem Ảnh Trần Hồi Úc Lục, sẽ biết: Lão pháp sư Đàm Hư tiếp nhận chùa Pháp Nguyên, bị bọn ác tỳ-kheo thưa kiện. Bọn chúng muốn chiếm đoạt những bảo vật của chùa Pháp Nguyên. Do vậy, thanh tịnh tỳ-kheo và ác tỳ-kheo phải ra tòa. Khi đó, quân phiệt Đông Bắc vẫn đang chiếm đóng miền Đông Bắc, Dương Lăng Các⁷⁹ quy y lão pháp sư Đàm Hư. Tuy có thế lực, lão pháp sư Đàm Hư chẳng làm như vậy. Sau đó, Ngài vẫn giao ngôi chùa đó cho các gã tỳ-kheo ấy. Các gã ác tỳ-kheo ấy sẽ như thế nào? Bọn chúng có được các thứ ấy, sẽ cùng với các ác tỳ-kheo khác cùng hưởng thụ, hoặc riêng mình hưởng thụ, hoặc là cùng kẻ thế tục, cùng các tịnh nhân, và kẻ tại gia cùng nhau hưởng thụ, hoặc là cùng với những kẻ ác Chiên-đồ-la hưởng thụ. Do nhân duyên ấy, chọc giận thần hộ pháp. Các vị trời, rồng, thần Dược Xoa v.v... hộ trì quốc độ ấy, là những vị tín kính Tam Bảo chẳng hư hoại động, liền sanh khởi tâm sân khuê.

Còn như “*ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phần. Quảng thuyết nữ chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cửu tiện đương chi thể phế khuyết*”

⁷⁹ Dương Lăng Các (1866-1929) tên thật là Dương Vũ Đình, tự là Lăng Các, còn có các tên hiệu khác là Lâm Các, Lâm Cát. Quê ở huyện Pháp Khố, tỉnh Phụng Thiên (nay là huyện Pháp Khố, tỉnh Liêu Ninh). Ông ta là một tướng lĩnh quân phiệt hùng mạnh trong chánh quyền quân phiệt Bắc Dương thuộc Phụng Hệ (quân phiệt vùng Phụng Thiên). Do tranh quyền cai trị, ông ta bị lãnh tụ Phụng Hệ là Trương Học Lương sai người bí mật ám sát vào năm 1929.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

(sinh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến những gã sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la ấy. Nói rộng thì cho đến vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy và những gã tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la đó, chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết), chẳng phải là đức Phật nguyện rửa họ. Ngài thấy nhân quả báo ứng, thấy họ nhất định phải hứng chịu nỗi khổ cùng cực ấy. Nếu không, quý vị sẽ nói “đức Phật cũng nguyện rửa người khác”. Chuyện này giống như khi đọc phẩm Phổ Môn, [thấy kinh dạy] có kẻ dùng thuốc độc hại người khác, [do người bị hại chí tâm xưng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát], đâm ra [kẻ hại người] sẽ phải tự hứng chịu, chính mình phải nhận lấy [hậu quả ấy], đã có người hỏi tôi: “Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng từ bi”. Tôi hỏi: “Vì sao?” Người đó đáp: “Phẩm Phổ Môn nói khi dùng thuốc độc hại kẻ khác, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ khiến cho kẻ ấy tự uống thuốc độc, khiến cho chính kẻ ấy mắc hại”. Tôi nói: “Đó chẳng phải là ý của Quán Thế Âm Bồ Tát. Ông đã hiểu sai ý nghĩa của kinh. Đó là kẻ ấy tự thọ báo”.

Giống như ở đây đức Phật nói “*chẳng lâu sau, tứ chi sẽ bị tàn phế, thiếu khuyết*”; đây là đức Phật thấy kẻ đó phải thọ quả báo ấy. Cho đến “*u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn. Mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục*” (trong nhiều ngày đêm bị đờ lơ, chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián): Còn sống thì chịu khổ đôi chút, vẫn còn dễ chịu, vẫn tốt hơn nhiều so với địa ngục Vô Gián. Chết đi, nhất định đọa vào địa ngục Vô Gián. Phải liễu giải chánh xác đạo lý này! Nếu không, sẽ nói “đức Phật nguyện rửa những kẻ ấy đều đọa địa ngục Vô Gián”, hoàn toàn chẳng phải là ý nghĩa như vậy! Đức Phật thấy quả báo của họ, mà cũng chẳng thể cứu họ. Họ đã phạm tội ấy, đức Phật chẳng thể cứu nổi! Do vậy, cuối cùng Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện sẽ cứu họ. Nói nhiều như vậy, nhằm hiển thị lòng đại từ đại bi của Địa Tạng Bồ Tát. Đây là kinh Thập Luân chuyên hiển thị đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát đến nơi đó chuyên cứu vớt những kẻ ấy.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! U vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tùy ác hữu hành, thiện căn vi thiếu. Quảng thuyết nữ chí bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, kiến y ngã pháp nhi xuất gia giả, thông duệ, đa văn, ngữ thậm viên mãn,

hoặc năng truyền thông Thanh Văn Thừa pháp, hoặc năng truyền thông Độc Giác Thừa pháp, hoặc năng truyền thông Vô Thượng Thừa pháp, linh quảng lưu bố, lợi lạc hữu tình. Bĩ u như thị thuyết pháp sư sở, ha mạ, hủy nhục, phỉ báng, khinh lộng, khi cuống, bức bách, nã loạn pháp sư, chướng ngại chánh pháp.

(經)復次，善男子！於未來世，此佛土中，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，隨惡友行，善根微少。廣說乃至不見不畏後世苦果，見依我法而出家者，聰睿多聞，語甚圓滿，或能傳通聲聞乘法，或能傳通獨覺乘法，或能傳通無上乘法，令廣流佈，利樂有情。彼於如是說法師所，呵罵毀辱，誹謗輕弄，欺誑逼迫，惱亂法師，障礙正法。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những gã Chiên-đồ-la làm theo bạn ác, thiện căn ít ỏi. Nói rộng là cho đến chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, thấy người nương theo pháp của ta xuất gia, thông duệ, đa văn, nói năng hết sức viên mãn, hoặc có thể truyền dạy, thông đạt pháp Thanh Văn Thừa, hoặc có thể truyền dạy, thông đạt pháp Độc Giác Thừa, hoặc có thể truyền dạy, thông đạt pháp Vô Thượng Thừa, khiến cho [các pháp ấy] được truyền bá rộng rãi, lợi lạc hữu tình. Bọn họ đối với vị thầy thuyết pháp như thế bèn quở trách, chửi bới, hủy nhục, phỉ báng, khinh mạn, trào lộng, lừa dối, áp bức, nã loạn pháp sư, chướng ngại chánh pháp).

Ác luân trong phần trước là tước đoạt vật dụng của Tăng-già, còn ác luân trong phần này là gã ác nhân này câu kết với gã ác nhân khác, tức là câu kết với kẻ ác, chẳng sợ khổ quả đời sau. Thấy người nương theo Phật pháp xuất gia, “thông duệ, đa văn”.

“Duệ” (睿) có nghĩa là “hiểu rõ, có trí huệ”. “Đa văn” là nghe nhiều Phật pháp, mở mang trí huệ. “Ngữ thâm viên mãn”, “viên mãn” là người ấy thuyết pháp, giải thích pháp do đức Phật đã nói, khiến cho pháp tồn tại trong cõi đời, khiến cho loài người được lợi ích, hoặc là có thể truyền đạt, thông đạt pháp Thanh Văn Thừa. Kế đó là [giải thích cận kề thêm] ý nghĩa của từ ngữ “ngữ thâm viên mãn”: Hoặc là có thể truyền đạt pháp Độc Giác Thừa, hoặc là có thể truyền đạt pháp Vô Thượng Thừa, tức là pháp Đại Thừa, khiến cho pháp tam thừa được truyền bá

rộng rãi, lợi lạc hữu tình.

“*Bỉ ư như thị thuyết pháp sư sở, ha mạ, hủy nhục, phỉ báng, khinh lộng, khi cuống, bức bách, não loạn pháp sư, chướng ngại chánh pháp*” (Bọn họ đối với vị thầy thuyết pháp như thế bèn quở trách, chửi bới, hủy nhục, phỉ báng, khinh mạn, trào lộng, lừa dối, áp bức, não loạn pháp sư, chướng ngại chánh pháp): Không cho phép vị ấy thuyết pháp, não loạn vị ấy.

(Kinh) Do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ, nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thân đẳng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả, ư Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phần. Quảng thuyết nữ chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, ư đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục.

(經)由是因緣，令護國土，一切天、龍、藥叉神等，信敬三寶無動壞者，於剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿。廣說乃至彼剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Do nhân duyên ấy, khiến cho hết thầy trời, rồng, thân Dược Xoa v.v... hộ trì quốc độ là các vị tín kính Tam Bảo chẳng động hoại, sanh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến lũ Chiên-đồ-la trong giới Sa-môn, Bà-la-môn v.v... Nói rộng là cho đến vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và bọn tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn... là những gã Chiên-đồ-la chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, khuyết thiếu, trong nhiều ngày đêm đờ lưỡi chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián).

Do nhân duyên này, khiến cho hết thầy trời, rồng, Dược Xoa thân v.v... là các vị hộ trì quốc độ này, hộ trì nhân dân trong quốc gia, họ là những vị tín kính Tam Bảo, [tín tâm] chẳng thể động hoại, sẽ sanh tâm sân phần đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, cho đến những gã Chiên-

đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... Nói rộng sẽ là sanh tâm phần hận đối với Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những gã Chiên-đồ-la. Do sanh phần hận, bọn vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la [cũng như lũ Chiên-đồ-la tể quan, trưởng giả v.v... của chúng] chẳng lâu sau, tứ chi sẽ bị tàn phế, thiếu khuyết. “*Chi tiết phế khuyết*” là tứ chi tàn khuyết, chẳng vẹn toàn, hoặc là bị tai nạn xe cộ, hoặc từ trên núi ngã xuống, hoặc đi du lịch bị rơi xuống nước, đều là các biểu hiện của tứ chi chẳng vẹn. Hiện thời, chuyện này cũng biến hóa! Có một lần, tôi triều bái núi Ngũ Đài. Nơi con đường chạy từ ven sông cho đến chùa dài ngàn ấy, hai bên đường toàn là ăn mày, đủ mọi hình tướng. Quý vị trông thấy, sẽ sanh lòng sợ hãi. Hoặc chỉ còn nửa mặt, hoặc một mắt. Tàn phế cũng khác nhau, tay bên trái là móc, đùi bên phải cụt lủng lẳng, đủ mọi thứ hình trạng lạ lùng, quý vị chẳng thể tưởng tượng nổi. Hiện thời, chẳng còn nữa, có phải là chẳng có kẻ làm ác nữa hay không? Chẳng phải! Trước kia, có thể nói là Bồ Tát thị hiện để quý vị đến nơi ấy sẽ biết sám hối do trông thấy hình tướng ấy. Hiện thời, vì chỗ ấy đã trở thành nơi buôn bán, những kẻ đó chẳng còn nữa, chẳng trông thấy nữa!

Do nhân duyên ấy, khiến cho quốc gia đó chẳng được an ninh, các vị thần hộ pháp chẳng còn hộ trì nữa. Các chuyện quái dị trong quốc gia ấy nảy sanh tràn lan, quân nước mình và quân nước khác gây chiến với nhau, tai ương, bệnh dịch hoành hành, lòng dân chẳng an định, cho đến chẳng bao lâu, tứ chi của bọn chúng bị tàn khuyết. “*U đa nhật dạ, kết thiệt bất ngôn, thọ chư khổ độc*” (Trong nhiều ngày đêm bị đờ lưỡi, chẳng nói được, hứng chịu các khổ độc): Có thể nói là chẳng khác người sống đời thực vật trong hiện thời cho mấy, đau xót cùng cực, khó thể chịu đựng! Khi mạng chung, chắc chắn sanh vào địa ngục Vô Gian.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! U vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, tùy ác hữu hành, thiện căn vi thiếu. Quảng thuyết nữ chí bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, kiến hữu sở thí tứ phương Tăng vật, tự xá, trang điền, nhân, súc, tài bảo, hoa thụ, quả thụ, nhiễm thụ, âm thụ, hương dược thụ đẳng, cập dư tư thân chủng chủng tạp vật. Ngã chư đệ tử, cụ giới, phú đức, tinh tấn tu hành Học, Vô Học hạnh, nữ chí chứng đắc tối hậu cực quả, thanh tịnh bất-sô sở uing thọ dụng. Bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, dĩ cường thế lực, hoặc tự

bức đoạt, hoặc giáo nhân đoạt, hoặc vị tự dụng, hoặc vị tha dụng. Do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đảng, tín kính Tam Bảo vô động hoại giả, u Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn đảng Chiên-đồ-la nhân, tâm sanh sân phẫn. Quảng thuyết nữ chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đảng Chiên-đồ-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, u đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gian địa ngục.

(經)復次，善男子！於未來世，此佛土中，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，隨惡友行，善根微少，廣說乃至不見不畏後世苦果，見有所施四方僧物，寺舍、莊田、人畜、財寶、華樹、果樹、染樹、蔭樹、香藥樹等，及餘資身種種雜物。我諸弟子，具戒富德，精進修行學無學行，乃至證得最後極果，清淨苾芻所應受用。彼剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，以強勢力，或自逼奪，或教人奪，或為自用，或為他用。由是因緣，令護國土一切天、龍、藥叉神等，信敬三寶無動壞者，於剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，心生瞋忿。廣說乃至彼剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Trong đời vị lai, trong cõi Phật ấy, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những gã Chiên-đồ-la làm theo bạn ác, thiện căn ít ỏi. Nói rộng là cho đến chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, thấy có những vật thí cho tứ phương Tăng, như phòng ốc trong chùa chiền, trang trại, ruộng nương, người, súc vật, của cải, cây có hoa, cây ăn quả, cây có chất nhựa làm thuốc nhuộm, cây rợp bóng mát, cây để chế hương liệu v.v... và các thứ vật dụng khác cần dùng cho cuộc sống. Các đệ tử của ta là những vị bát-sô thanh tịnh trọn giới, đủ đức, tinh tấn tu hành các hạnh Học và Vô Học, cho đến chứng đắc cực quả tối hậu đáng nên hưởng dụng [những thứ ấy]. Gã vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la ấy cho đến

sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những gã Chiên-đồ-la, cậy vào thế lực mạnh mẽ, hoặc tự bức bách, chiếm đoạt, hoặc dạy kẻ khác chiếm đoạt để chính mình dùng, hoặc cho người khác dùng. Do nhân duyên ấy, khiến cho hét thảy trời, rồng, thần Dược Xoa v.v... là những vị hộ trì quốc độ, tín kính Tam Bảo chẳng động hoại, sanh tâm sân hận đối với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến những gã sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la. Nói rộng là cho đến vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn... những gã Chiên-đồ-la ấy chẳng lâu sau sẽ bị tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm bị đờ lưỡi chẳng nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, nhất định sanh vào địa ngục Vô Gian).

Đây là làm theo bạn ác, bị kẻ ác xúi giục, dạy bảo, cho đến chẳng sợ khổ quả trong đời sau. Thấy vật được bỏ thí cho tứ phương Tăng, như phòng ốc trong nhà chùa, trang trại, ruộng nương, cửa cải của người và súc vật, cây có hoa, cây ăn quả, cây làm thuốc nhuộm, cây rợp bóng mát, cây làm hương liệu v.v... “*Nhiễm thụ*” (染樹, cây thuốc nhuộm) kết trái có chứa chất nhuộm. Loại cây này có hai tác dụng: Quả do cây ấy sanh ra có thể nhuộm quần áo, hoặc dùng để nhuộm màu [các vật liệu khác]. Những điều này đều là nhắc lại, phân giữa có thay đổi đôi chút, [tức là] nơi sự, nơi cảnh, thay đổi đôi chút. Kinh văn trước và sau đó đều giống hệt nhau. Đây là những kẻ ác cùng nhau tước đoạt vật dụng của Tăng chúng.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! U' vị lai thế, thử Phật độ trung, hữu Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, thiện căn vi thiếu, vô hữu tín tâm, siểm khức, ngu si, hoài thông minh mạn, ngôn vô chân thật, viễn ly thiện hữu, tùy ác hữu hành. U' chư thánh pháp, tâm hoài do dự, bất kiến, bất úy hậu thế khổ quả, thường nhạo tập cận chư ác luật nghi, háo hành sát sanh, nãi chí tà kiến, nhi hoài ngạo mạn, cuồng hoặc thế gian, tự xưng ngã thị trụ luật nghi giả. Bĩ Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, chủng chủng phương tiện, hủy diệt ngã pháp, vu quy ngã pháp nhi xuất gia giả, sở sở sân hận, ha mạ, hủy nhục, khảo sở, cầm bẻ, cát tiết chi tiết, nãi chí đoạn mạng. Ngã sở thuyết pháp, bất khăng tín thọ, hoại Tốt-đỗ-ba, cập chư tự xá, khu bức bất-sô, thoái linh hoàn tục, chướng ngại thế phát, bị phục ca-sa, chủng chủng khu sử, đồng chư bặc thứ.

Do thị nhân duyên, linh hộ quốc độ nhất thiết thiên, long, Dược Xoa thần đẳng, tín kính Tam Bảo, vô động hoại giả.

(經)復次，善男子！於未來世，此佛土中，有剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，善根微少，無有信心，諂曲愚癡，懷聰明慢，言無真實，遠離善友，隨惡友行。於諸聖法，心懷猶豫，不見不畏後世苦果，常樂習近諸惡律儀，好行殺生，乃至邪見，而懷傲慢，誑惑世間，自稱我是住律儀者。彼剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，種種方便，毀滅我法，于歸我法而出家者，數數瞋忿，呵罵毀辱，拷楚禁閉，割截肢節，乃至斷命，我所說法，不肯信受，壞窣堵波及諸寺舍，驅逼苾芻，退令還俗，障礙剃髮，被服袈裟，種種驅使，同諸僕庶。由是因緣，令護國土一切天、龍、藥叉神等，信敬三寶，無動壞者。

(*Kinh: Lại này, thiện nam tử! Trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, có vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tế quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... là những gã Chiên-đồ-la thiện căn ít ỏi, chẳng có tín tâm, siểm khúc, ngu si, tự phụ thông minh, lời nói chẳng chân thật, xa lìa bạn lành, làm theo bạn ác. Đối với các chánh pháp, ôm lòng do dự, chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả đời sau, thường thích thân cận, thực hiện các ác luật nghi, ưa thích sát sanh, cho đến tà kiến, ôm lòng lừa dối, mê hoặc thế gian, tự xưng “ta là kẻ trụ trong luật nghi”. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la cho đến bọn Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn ấy dùng đủ mọi phương tiện hủy diệt pháp của ta. Đối với những người quy hướng pháp của ta xuất gia, bèn nhiều lượt sân phần, quở trách, chửi bới, đánh đập, giam cầm, chặt cắt chân tay, cho đến giết chết. Đối với pháp do ta nói, họ chẳng chịu tin nhận, phá hoại tháp, và các phòng xá trong chùa, xua đuổi, áp bức bắt-sô phải lui về hoàn tục, chướng ngại người cạo đầu, khoác mặc ca-sa, đủ cách xua đuổi, sai khiến họ giống như tôi tớ. Do nhân duyên này, khiến cho hết thấy trời, rồng, thần Dược Xoa v.v... là những vị hộ trì quốc độ, tín kính Tam Bảo chẳng hoại động).*

Tự nhận là rất thông minh, nói năng chẳng chân thật. “Ngôn vô chân thật”: Chẳng nói lời thành thật. Có một số đạo hữu đệ tử Phật hỏi: “Thưa sư phụ! Chúng con buôn bán, chẳng nói lời giả dối, chẳng nói xạo

đôi chút, sẽ chẳng có cách nào buôn bán được!” Tôi nói: “Khi tôi chưa đến Mỹ, tôi chẳng có cách nào trả lời quý vị. Sau khi đã đến Mỹ, tôi thấy người buôn bán tại Mỹ, trong siêu thị, chẳng có ai nói chuyện với quý vị. Quý vị chẳng cần hỏi giá tiền, họ đều ghi rõ. Quý vị muốn mua thì lấy. Chẳng có chuyện trả giá, quý vị muốn mua thì mua”. Họ nói: “Nếu bán sỉ thì phải trả giá”. Tôi nói: “Người bán món đồ ấy là bán sỉ, người ấy đến đó ước định một lô hàng, họ cũng cò kè, mặc cả”. Tôi bảo: “Đây cũng chẳng phải là không nói dối thì không được! Quý vị cứ nói đúng sự thật, chẳng nhất định là phải nói dối mới kiếm tiền nổi!” Đó là tạo tín tâm cho họ, chẳng chiết khấu. Còn như trong hiện thời, những gì chúng ta nghe được, bất luận từ kẻ buôn bán cho đến kẻ chẳng buôn bán, họ có thể nói bao nhiêu câu chân thật?

Sư phụ chẳng nên nói dối, đúng không? Ở đây có ác hạnh sa-môn, còn có Chiên-đồ-la sa-môn, chẳng nói lời chân thật, nói dối, nói thêu dệt, rất khó đoạn! Vì sao? Vì họ “*viễn ly thiện hữu, tùy ác hữu hành, u chú thánh pháp, tâm hoài do dự*” (xa lìa bạn lành, hành theo bạn ác, ôm lòng do dự đối với các thánh pháp). Họ hoài nghi Phật pháp, hỏi: “Những lời đức Phật nói có thật hay không?” Còn có kiểu nói khác nữa: “Đức Phật đã nói từ hơn hai ngàn năm trước, nay chẳng còn hữu dụng nữa! Hiện nay là thời đại nào? Vẫn cứ nhắc tới những lời lẽ từ hơn hai ngàn năm trước ư?” Tôi nói: “Đức Phật nói tham, sân, si, Ngài dạy nói dối là dối gạt. Vậy thì trong thời đại này, bất luận người thuộc quốc gia nào, nếu quý vị lừa tiền, lường gạt thì có phạm tội hay không? Lừa dối thì có phạm tội hay không? Vẫn là chẳng thể! Có thể nói lời hư giả hay không? Chớ nên lừa gạt! Vẫn nên đề cao sự thành thật. Giết, trộm, dâm càng chẳng cần phải nói nữa! Giết, trộm, dâm thì trong bất cứ thời đại nào, triều đại nào, quốc gia nào, dầu sửa đổi thế nào đi nữa, giết, trộm, dâm vẫn đều là phạm tội!”

“*Tùy ác hữu hạnh*” (Làm theo bạn ác): Kẻ đó chẳng có thiện tâm, tâm kẻ đó biến thành ác tâm, chẳng tin tưởng lời dạy của đức Phật. “*Tâm hoài do dự*” (Ôm lòng do dự): Chẳng tin tưởng cho lắm! Có rất nhiều đạo hữu ôm lòng lo ngại đối với vấn đề này. Hễ có ý niệm ấy thì trong khi tu hành, kẻ đó thường hoài nghi, chẳng thể tin tưởng thành khẩn. Vậy thì quý vị tu hành, mong chứng thánh quả, đoạn phiền não đều rất khó khăn. Tuy đã gieo thiện căn, vẫn chẳng biết phải mất bao nhiêu năm, bao nhiêu đời, rèn giữa dần dần! Nếu tâm quý vị thành khẩn, quý vị sẽ chiêm tiện nghi, sẽ có thể đắc độ rất nhanh chóng. Chẳng thể nói nhất định là “*lập tức chứng quả*”, nhưng qua hai ba đời, quý vị sẽ

dần dần có thể tiến nhập, có thể nhập môn.

Hiện thời, chúng ta đều ở ngoài Phật môn, dường như là tin Phật, trên thực tế, chẳng nhập môn! Nguyên nhân là gì? “*Tâm hoài do dự*” (Ôm lòng do dự). Chuyện này giống như người uống nước, nước nóng hay lạnh, chính quý vị tự biết. Bất quá, đức Phật nói như vậy, chúng ta bèn tin tưởng lời Phật, nhưng vẫn chẳng thấy, chẳng sợ khổ quả trong đời sau, vì chẳng nhìn thấy, sẽ chẳng sợ hãi. Khá nhiều người thấy rồi mới sợ hãi. Khi thấy rồi mới sợ hãi thì đã muộn mất rồi, chẳng còn kịp nữa. Có hối hận thì đã muộn màng! Chớ nên lo ngại, nghi ngờ. Quý vị có thể phân biệt được ai là bạn ác, ai là bạn lành hay không? Ngay cả điều này còn chẳng biết nữa mà! Nói chung, cần phải biết thiện và ác, cần phải biết người thiện và kẻ ác. Nhưng có những kẻ bề ngoài làm ra vẻ thiện tướng, trong lòng rất ác, quý vị chẳng dễ biết được! Nếu quý vị niệm nhiều, cầu Phật, Bồ Tát cho nhiều, dùng Chiêm Sát Luân để hỏi: “Tôi thân cận vị sư phụ này, trong tâm vị ấy có thánh hạnh hay không? Ông ta có phải thật sự là một vị sư phụ tốt hay không?” Quý vị sẽ có thể biết. Kinh Chiêm Sát dạy như thế, quý vị đừng nói là pháp sư Mộng Tham nói. Nếu nói như thế, mọi người lại chửi tôi! Trong quyển Thượng của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo có nói rất rõ ràng: Nếu quý vị muốn thân cận người ấy, hoặc làm bạn với người ấy, coi là thiện tri thức, phải xét xem người ấy có phải là thiện tri thức hay không? Yêu cầu của thiện tri thức rất cao! Phải trọn đủ điều kiện như thế nào thì mới có thể coi là thiện tri thức? Chúng ta chẳng đòi hỏi rất nghiêm ngặt. Nay là thời Mạt Pháp, chẳng có cách nào, chỉ cần tốt đẹp một chút thôi! Trước tiên, quý vị hãy gieo Chiêm Sát Luân, nếu [Chiêm Sát Luân] dạy: “Quý vị chớ nên thân cận kẻ đó. Kẻ đó nội tại chẳng có thật đức. [Nhưng gì] kẻ đó thị hiện trong hiện thời đều là giả tướng”. Hoặc là “quý vị có thể thân cận người ấy, sẽ có thể đạt được lợi ích”. Kinh Chiêm Sát nói rất rõ ràng; hễ quý vị chiêm sát một phen, sẽ biết ngay!

“*Thường nhạo tập cận chư ác luật nghi*” (Thường thích tu tập, thân cận các ác luật nghi): Ác luật nghi là luật nghi chẳng do đức Phật chế định. Đối với ác luật nghi, chúng tôi nêu thí dụ như sau: Để tế trời, tế thần, phải giết lợn, mổ dê, cho đến giết gà. Đây gọi là tà tri, tà kiến. Ưa chuộng sát sanh là tà tri, tà kiến, “*Nhi hoài ngạo mạn, cuồng hoặc thế gian, tự xưng ngã thị trụ luật nghi giả*” (Mà ôm lòng ngạo mạn, dối gạt, mê hoặc thế gian, tự xưng “ta là bậc trụ trong luật nghi”): Còn tự nói chính mình là bậc trì giới!

“*Bi Sát-đế-lợi Chiên-đô-la vương, nữ chí sa-môn, Bà-la-môn*

đăng Chiên-đô-la nhân, chủng chủng phương tiện, hủy diệt ngã pháp” (Vua Sát-đế-lợi Chiên-đô-la cho đến những gã Chiên-đô-la sa-môn, Bà-la-môn v.v... dùng đủ mọi phương tiện để hủy diệt pháp của ta): Họ nghĩ đủ mọi loại phương tiện, luôn mong hủy diệt Phật pháp. Thậm chí còn nói họ cũng học pháp Dược Sư, cũng giảng kinh Dược Sư, cũng lạy Dược Sư sám. Nói chung là luôn pha tạp tà tri, tà kiến vào đó. Họ đem Đạo Giáo, thậm chí tà đạo, vu giáo (巫教, đồng bóng, ma thuật) đều xen lẫn vào. Dần dần như thế khiến cho chúng sanh chẳng phân biệt được, cái nào là thật, cái nào là giả, cái nào là Phật giáo, cái nào là Đạo Giáo, phân biệt không nổi. Đó gọi là “*hủy diệt*”.

“*U quy ngã pháp nhi xuất gia giả, sở sở sân phần, ha mạ hủy nhục, khảo sở, cầm bẻ, cắt tiết chi tiết, nãi chí đoạn mạng*” (Đối với người quy y pháp của ta mà xuất gia, bèn nhiều lượt sân phần, quở trách, chửi bới, hủy nhục, đánh đập, giam cầm, cắt chặt tứ chi, cho đến đoạn mạng): Đối với pháp do ta đã nói, họ chẳng chịu tin nhận. “*Hoại Tót-đổ-ba*” (Phá hoại tháp) cũng là phá hoại chùa miếu. “*Cập chư tự xá*” (Và phòng ốc trong chùa): “*Tự miếu*” ở đây chuyên nói về tháp, còn “*tự xá*” trong phần sau là nói về tinh xá trong chùa miếu. Đây là phiên dịch. Tiếng Phạn trong kinh Phật trọn chẳng gọi [chùa miếu] là Tự, mà là do chúng ta phiên dịch. A Lan Nhã hoặc Tăng-già-lam, sở dĩ phiên dịch thành Tự là vì Trung Hoa dùng chữ Tự để hình dung. “*Khu bức bật-sô, thoái linh hoàn tục*” (Xua đuôi, áp bức bật-sô, buộc họ hoàn tục): Không chỉ trong hiện tại, mà vào đời Đường, Đường Vũ Tông đã khởi sự trục xuất, cưỡng bức tỳ-kheo hoàn tục.

“*Chướng ngại thế phát, bị phục ca-sa*” (Chướng ngại người cạo tóc khoác mặc ca-sa): Không cho phép quý vị xuất gia, dùng đủ mọi cách xua đuôi, sai khiến, “*đồng chư bộc thứ*” (giống như tôi tớ): Sai khiến người xuất gia, sử dụng kẻ xuất gia, coi họ như nô bộc. Đấy đều là sự thật.

(Kinh) U Sát-đế-lợi Chiên-đô-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đăng Chiên-đô-la nhân, tâm sanh sân phần. Quảng thuyết nãi chí bỉ Sát-đế-lợi Chiên-đô-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đăng Chiên-đô-la nhân, bất cứu tiện đương chi thể phé khuyết, w đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gian địa ngục.

(經)於剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅

人，心生瞋忿。廣說乃至彼剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，不久便當肢體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。

(Kinh: Sanh tâm sân phân đôi với vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn v.v... Chiên-đồ-la. Nói rộng là cho đến bọn vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... thuộc loại Chiên-đồ-la ấy chẳng lâu sau tứ chi tàn phế, thiếu khuyết, trong nhiều ngày đêm bị đờ lưỡi chẳng thể nói được, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng, mạng chung nhất định sanh vào địa ngục Vô Gián).

Những kẻ đó vĩnh viễn chẳng được nghe những lời này. Dầu nghe, vẫn chẳng tin. Họ có thể được nghe kinh Đại Tập Thập Luân hay không? Họ chẳng được nghe! Trong quá khứ giảng pháp Đại Thừa, nói những lời này, dường như cũng sợ đắc tội với kẻ khác. Thuở ấy, nếu đắc tội với các quốc vương, đắc tội với các đại thần, trong ấy bao gồm sa-môn, Bà-la-môn, cho đến những kẻ tin phụng Phật pháp, đều bao gồm trong ấy, hãy đều nên tự kiểm điểm, có phải là chuyện như thế hay không? Bộ kinh này được khai diễn rất ít, chúng tôi cứ đứng theo kinh mà nói.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, thượng sở thuyết thập chủng ác luân, hoặc tùy thành nhất, hoặc cụ thành tỵ, tiên sở tu tập nhất thiết thiện căn, tội hoại tiêu diệt, giai vi hôi tân, bất cứu tiện đương chi thể phế khuyết, w đa nhật dạ, kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gián địa ngục. Thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, w đương lai thế, hạ tiện nhân thân, thượng nan khả đắc, hưởng đương năng chứng Nhị Thừa Bồ Đề! Vô Thượng Đại Thừa, w kỳ tuyệt phần. Như thị ác nhân, Đại Thừa danh tự thượng nan đắc văn, hưởng đương năng chứng Vô Thượng Phật Quả! Thị nhân cứu cánh tự tổn, tổn tha, nhất thiết chư Phật sở bất năng cứu!

(經)善男子！若剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，於上所說十種惡輪，或隨成

一，或具成就，先所修集一切善根，摧壞燒滅，皆為灰燼，不久便當支體廢缺，於多日夜，結舌不言，受諸苦毒，痛切難忍，命終定生無間地獄。此剎帝利旃荼羅王，宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等旃荼羅人，於當來世，下賤人身，尚難可得，況當能證二乘菩提！無上大乘，於其絕分。如是惡人，大乘名字尚難得聞，況當能證無上佛果！是人究竟自損損他，一切諸佛所不能救！

(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la, và bọn Chiên-đồ-la trong giới tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn... đối với mười ác luân vừa nói trên đây, hễ thành tựu bất cứ một luân nào, hoặc thành tựu trọn đủ, thì hết thảy thiện căn đã tu tập trước kia sẽ bị phá nát, thiêu rụi, đều thành tro tàn. Chẳng lâu sau, tứ chi sẽ tàn phé, khiếm khuyết, trong nhiều ngày đêm đờ lơỉ chẳng thể nói, chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng, mạng chung chắc chắn sanh vào địa ngục Vô Gian. Vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la và bọn Chiên-đồ-la trong giới tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... ấy trong đời tương lai, còn khó thể làm thân người hạ tiện, huống hồ sẽ có thể chứng Nhị Thừa Bồ Đề! Trọn chẳng có phần nơi Vô Thượng Đại Thừa. Kẻ ác như thế, danh tự Đại Thừa còn khó được nghe, huống hồ sẽ có thể chứng Vô Thượng Phật Quả! Người ấy rất ráo tổn mình, tổn người, hết thảy chư Phật chẳng thể cứu nổi!)

Mười loại ác luân đã nói xong. Ở đây, chẳng nói riêng [khổ quả của từng điều] mà nói tổng quát. “*Hoặc tùy thành nhất, hoặc cụ thành tựu*” (Hoặc thành tựu bất cứ một luân nào, hoặc thành tựu trọn đủ): Mười luân đều có, hoặc chỉ có một luân, vậy thì những gì quý vị đã tu tập “*nhất thiết thiện căn, tỳ hoại, thiêu diệt*” (hết thảy thiện căn bị phá nát, thiêu rụi), thiện căn trước kia của quý vị đều bị ác luân ấy hủy diệt. “*Giai vị hôi tẫn, bất cứu tiện đương chi thể phé khuyết, u đa nhật dạ kết thiết bất ngôn, thọ chư khổ độc, thống thiết nan nhẫn, mạng chung định sanh Vô Gian địa ngục. Thử Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, u đương lai thế, hạ tiện nhân thân thượng nan khả đắc*” (Đều thành tro tàn. Chẳng lâu sau, tứ chi sẽ tàn phé, khiếm khuyết. Trong nhiều ngày đêm, đờ lơỉ chẳng thể nói. Chịu các khổ độc, đau đớn cùng cực khó thể chịu đựng. Mạng chung, chắc chắn sanh vào địa ngục Vô Gian. Vua Sát-đế-lợi

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Chiên-đồ-la và bọn Chiên-đồ-la trong giới tề quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... ấy trong đời tương lai, còn khó thể làm thân người hạ tiện): Chẳng thể mong chuyển sanh lại được làm thân người! Dầu muốn làm kẻ hạ tiện vẫn không được! Huống hồ có thể chứng “*Nhị Thừa Bồ Đề, Vô Thượng Đại Thừa dữ kỳ tuyệt phân*” (Nhị Thừa Bồ Đề, trọn chẳng có phần với Vô Thượng Đại Thừa). Kẻ đó chẳng thể bèn mạng được, trọn chẳng dính líu đến Phật pháp nổi!

“*Như thị ác nhân, Đại Thừa danh tự thượng nan đắc văn*” (Kẻ ác như thế, danh tự Đại Thừa còn khó thể nghe nổi): Ngay cả danh hiệu Đại Thừa, như kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, cho đến kinh Kim Cang, kinh Địa Tạng, kinh Đại Tập Thập Luân, danh tự của hết thầy các kinh đều chẳng nghe thấy. Ngay cả tên kinh mà còn khó thể nghe thấy, vậy thì còn có thể chứng Phật quả nữa chẳng? “*Thị nhân cứu cánh tự tổn, tổn tha*” (Người ấy rất ráo tự tổn, tổn người): Tự tổn hại mình mà cũng tổn hại người khác!

“*Nhất thiết chư Phật sở bất năng cứu*” (Hết thầy chư Phật chẳng thể cứu nổi): Nếu trọn đủ mười ác luân ấy, hễ có một luân nào, chư Phật đều chẳng có cách nào cứu quý vị. Bất quá, Địa Tạng Bồ Tát sẽ đến nơi đó, cứu vớt quý vị. Quý vị đọa vào địa ngục Vô Gián, Địa Tạng Bồ Tát ở ngay trong địa ngục chờ đợi quý vị, Ngài đến đó cứu vớt. Có phải là chúng sanh trong địa ngục Vô Gián, hễ Địa Tạng Bồ Tát thuyết pháp thì họ sẽ nghe thấy hay không? Cũng chưa chắc! Vẫn phải kết cái duyên. Vô lượng đời trong quá khứ đều chẳng có nhân duyên ấy, chẳng có nhân, mà cũng chẳng có duyên. Tỳ-kheo phá giới có lợi thế là họ đã kết duyên với Tam Bảo, thật sự tin nhận, còn có oai lực sót lại, còn có đức sót thừa, còn có chủng tử ấy. Do vậy, đức Phật nói “còn có thể cứu họ”. Quý vị chớ nên xem thường họ, hàm nghĩa như thế đó.

(Kinh) “Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, áp du vi nghiệp. Nhất nhất ma lap, giai hữu trùng sanh. Dĩ luân áp chi, du tiện lưu xuất. Nhữ đương quán thử áp ma du nhân, u nhật dạ trung, sát kỹ sanh mạng? Giả sử như thị áp ma du nhân, dĩ thập cụ luân, tương tục hằng áp. Ư nhất nhật dạ, nhất nhất luân trung, sở áp ma du, số mãn thiên hộc. Như thị tương tục, chí mãn thiên niên. Nhữ quán thử nhân, sát kỹ sanh mạng? Sở hoạch tội nghiệp, ninh vi đa phủ?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn! Thậm đa, đại đức! Thử nhân sở sát vô lượng, vô biên. Sở hoạch tội nghiệp bất khả xưng kể, toán, số, thí dụ, sở bất năng cập, duy Phật năng tri, dư vô tri giả”.

(經)善男子！譬如有人，壓油為業。一一麻粒，皆有蟲生。以輪壓之，油便流出。汝當觀此壓麻油人，於日夜中，殺幾生命？假使如是壓麻油人，以十具輪，相續恆壓。於一日夜，一一輪中，所壓麻油，數滿千斛。如是相續，至滿千年。汝觀此人，殺幾生命？所獲罪業，寧為多不？」地藏菩薩摩訶薩言：「甚多，世尊！甚多，大德！此人所殺無量無邊。所獲罪業不可稱計，算數譬喻所不能及，唯佛能知，餘無知者」。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Ví như có người làm nghề ép dầu. Trong một hạt mè, đều có trùng sống. Dùng thớt nghiền để ép, dầu liền chảy ra. Ông hãy nên quán kẻ ép dầu ấy trong một ngày đêm, đã giết bao nhiêu sanh mạng? Giả sử người ép dầu như thế dùng mười cái máy ép, luôn ép liên tục. Trong một ngày đêm, mỗi cái máy ép, ép dầu mè số tròn ngàn học⁸⁰. Liên tục như thế, đến trọn ngàn năm. Ông hãy quán xem người ấy đã giết bao nhiêu sanh mạng? Chuốc lấy tội nghiệp có nhiều hay không?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thưa: “Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều! Kẻ đó đã giết vô lượng, vô biên, chuốc lấy tội nghiệp chẳng thể nói kể. Toán, số, thí dụ đều chẳng thể sánh được, chỉ đức Phật có thể biết, người khác chẳng biết”).

Mọi người có thể thấy cái thớt ép trong máy ép dầu. Có hai loại hạt thường dùng, tức là hạt mè, hoặc là hạt cải. Trên mỗi loại hạt để ép dầu, đều có trùng sống. Chúng rất nhỏ bé, nhục nhãn của quý vị rất khó trông thấy, lại còn rất nhiều. Kẻ đó dùng thớt nghiền để ép, hoặc là ép hạt cải, hoặc hạt mè, dầu liền chảy ra. “*Nhữ đương quán thử áp ma du nhân, ư nhật dạ trung, sát kỷ sanh mạng?*” (Ông hãy xem người ép dầu ấy, trong một ngày đêm, đã giết bao nhiêu sanh mạng?): Quý vị nói xem kẻ đó trong một ngày đêm đã giết bao nhiêu? Trong xưởng của kẻ đó, có mười cái máy ép dầu. Ngày đêm ép như vậy chẳng ngừng, vậy thì số dầu mè do hai thớt nghiền [của mỗi máy] ép ra, sẽ là ngàn cân. “*Như thị tương tục, chí mãn thiên niên*” (Liên tục như thế cho đến trọn một ngàn năm), lại còn ép suốt một ngàn năm, kẻ đó đã giết bao nhiêu sanh mạng?

⁸⁰ Một Học là mười đấu, mỗi đấu là mười thăng. Một thăng dao động từ một lít cho đến 1,8 lít. Như vậy một học khoảng từ 100 đến 180 lít.

“Sở hoạch tội nghiệp ninh vi đa phủ?” (Chuốc lấy tội nghiệp có nhiều hay không?)

Trong đoạn này, Địa Tạng Bồ Tát thỉnh pháp, đức Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát đừng quên những vị đương cơ. Đức Phật hỏi Địa Tạng Bồ Tát: “Ông nói xem có nhiều hay không?” Địa Tạng Bồ Tát thưa: “Bạch đức Thế Tôn rất nhiều! Bạch đại đức rất nhiều”. Kẻ đó sát hại chúng sanh vô lượng, vô biên, chuốc lấy tội nghiệp chẳng có cách nào tính kê, [dầu sử dụng] toán, số, thí dụ [để sánh ví] đều chẳng thể sánh nổi! Đó là sánh ví tội ác của kẻ đó. “Duy Phật năng tri, dư vô tri giả” nghĩa là: Chỉ có đức Phật mới có thể biết, những người khác chẳng thể biết nổi!

(Kinh) Phật ngôn: - Thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, vị tài lợi cố, trí thập tâm phùng. Nhất nhất phùng trung, trí thiên tâm nữ. Nhất nhất tâm nữ, chủng chủng trang nghiêm, cuồng hoặc đa nhân, hằng vi dục sự. Như thị tương tục, chí mãn thiên niên. Thử nhân hoạch tội bất khả xưng kê, toán, số, thí dụ, sở bất năng cập. Như tiền thập luân áp du nhân tội, đẳng nhất tâm phùng sở hoạch tội nghiệp. Hựu, thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, vị tài lợi cố, trí thập tửu phùng. Nhất nhất phùng trung, chủng chủng nghiêm sức, phương tiện chiêu dụ thiên đạ nhân, ẩm hứng hoan ngu, trú dạ vô phê. Như thị tương tục, chí mãn thiên niên. Thử nhân hoạch tội bất khả xưng kê, toán, số, thí dụ sở bất năng cập. Như tiền sở thuyết thập tâm phùng tội, đẳng nhất tửu phùng sở hoạch tội nghiệp. Hựu, thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, vị tài lợi cố, trí thập đồ phùng. Nhất nhất phùng trung, w nhất nhất dạ, sát hại thiên sanh, ngu, dương, đả, lộc, kê, trư đẳng mạng. Như thị tương tục, chí mãn thiên niên. Thử nhân hoạch tội bất khả xưng kê, toán, số, thí dụ sở bất năng cập. Như tiền sở thuyết thập tửu phùng tội, đẳng nhất đồ phùng sở hoạch tội nghiệp. Như tiền sở thuyết thập đồ phùng tội, đẳng Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương, nãi chí sa-môn, Bà-la-môn đẳng Chiên-đồ-la nhân, w tiền thập ác, tùy thành nhất luân, nhất nhất nhất dạ sở hoạch tội nghiệp.

(經)佛言：「善男子！假使有人，為財利故，置十婬坊。一一坊中，置千婬女。一一婬女，種種莊嚴，誑惑多人，恆為欲事。如是相續，至滿千年。此人獲罪不可稱計，算數譬喻所不能及。如前十輪壓油人罪，等一婬坊所獲

罪業。又，善男子！假使有人，為財利故，置十酒坊。一一坊中，種種嚴飾，方便招誘千耽酒人，飲興歡娛，晝夜無廢。如是相續，至滿千年。此人獲罪不可稱計，算數譬喻所不能及。如前所說十娼坊罪，等一酒坊所獲罪業。又，善男子！假使有人，為財利故，置十屠坊。一一坊中，於一日夜，殺害千生，牛、羊、駝、鹿、雞、豬等命。如是相續，至滿千年。此人獲罪不可稱計，算數譬喻所不能及。如前所說十酒坊罪，等一屠坊所獲罪業。如前所說十屠坊罪，等剎帝利旃荼羅王，乃至沙門、婆羅門等旃荼羅人，於前十惡，隨成一輪，一日一夜所獲罪業」。

(Kinh: Đức Phật bảo: - Nay thiện nam tử! Giả sử có người vì tài lợi mà lập mười nhà thố. Trong mỗi nhà thố, đặt một ngàn dâm nữ. Mỗi dâm nữ đủ loại trang sức, dối gạt, mê hoặc nhiều người luôn làm dục sự. Liên tục như thế, cho đến trọn một ngàn năm. Người ấy mắc tội chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng. Như tội của kẻ có mười máy ép dầu trên đây, bằng với tội nghiệp do một nhà thố gây ra. Lại này thiện nam tử! Giả sử có người vì tài lợi mà lập mười tiệm rượu. Trong mỗi tiệm, trang hoàng đủ mọi cách, dùng phương tiện chiêu dụ một ngàn người ham uống rượu, say sưa vui sướng, ngày đêm chẳng bỏ lỡ. Liên tục như thế, cho đến trọn một ngàn năm. Người ấy mắc tội chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng. Tội của mười nhà thố như đã nói trên đây, bằng với tội nghiệp do một tiệm rượu gây ra. Lại này thiện nam tử! Giả sử có người vì tài lợi mà lập ra mười lò sát sanh. Trong mỗi lò, trong một ngày đêm, giết hại một ngàn sanh mạng của trâu, dê, lạc đà, nai, gà, lợn v.v... Liên tục như thế, cho đến một năm. Người ấy mắc tội chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng. Tội của mười tiệm rượu như đã nói trên đây bằng với tội nghiệp do một lò sát sanh gây tạo. Tội của mười lò sát sanh như đã nói trên đây bằng với tội nghiệp đã gây tạo của vua Sát-đế-lợi Chiên-đồ-la vương cho đến những gã sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la do trong một ngày một đêm thành tựu bất cứ một luân nào trong mười ác luân như đã nói trên).

Mở kỹ viện, mở mười nhà thố. Trong mỗi kỹ viện, đặt một ngàn dâm nữ. Mỗi nàng còn mê hoặc rất nhiều người. “Hàng vi dục sự”

(Luôn làm dục sự): Làm hạnh bất tịnh ấy. “*Như thị tương tục, chí mãn thiên niên. Thử nhân hoạch tội bất khả xưng kể, toán, số, thí dụ bất năng cập. Như tiền thập luân áp du nhân tội, đẳng nhất dâm phùng*” (Liên tục như thế, cho đến tròn một ngàn năm. Người ấy mắc tội chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng. Như tội của người có mười máy ép dầu trong phần trước sẽ bằng với tội của một nhà thổ). Tội ác của kẻ có mười máy ép dầu, mười tội ác ấy chỉ bằng tội gây tạo do lập một nhà thổ! [Tội do lập] một nhà thổ nặng gấp mười lần tội của người trước (người ép dầu). Kẻ sau so với người trước đều [phạm tội] nặng hơn gấp mười lần.

“*Giả sử hữu nhân, vị tài lợi cố, trí thập tửu phùng*” (Giả sử có người vì tài lợi mà lập ra mười tiệm rượu): Trong Bồ Tát Giới, bán rượu là giới căn bản, còn tội uống rượu nhỏ và nhẹ hơn! Bán rượu tức là quý vị đã mê hoặc kẻ khác. “*Nhất nhất phùng trung, chủng chủng nghiêm sức, phùng tiện chiêu dụ thiên đām tửu nhân*” (Trong mỗi tiệm, trang hoàng đủ thứ, dùng các phương tiện chiêu dụ một ngàn kẻ ham rượu): Một ngàn kẻ mê rượu, trầm mê trong rượu, uống rượu làm vui. “*Ấm hính hoan ngu, nhật dạ vô phế*” (Say sưa vui vẻ, ngày đêm chẳng bỏ lỡ): Chỗ bán rượu ngày đêm đều bán! “*Như thị tương tục, chí mãn thiên niên*” (Liên tục như thế, cho đến tròn một ngàn năm): Kẻ đó mắc tội chẳng thể tính kể. Toán, số, thí dụ đều chẳng thể sánh bằng. Tội do lập mười nhà thổ như vừa nói trên đây bằng với tội nghiệp gây tạo do lập một tiệm rượu. Tội mở mười nhà thổ bằng với tội mở một tiệm bán rượu.

Tội của lò mổ còn lớn hơn nữa. Tội ác của mười lò mổ tương đương với tội gây tạo bởi vua Chiên-đồ-la cho đến bọn sa-môn, Bà-la-môn Chiên-đồ-la thành tựu một luân trong mười ác luân, chẳng phải là cả mười luân đều thành tựu! [Nếu thành tựu cả mười luân], lại càng khôn ngoan! Trong mười ác luân, thành tựu một luân trong vòng một ngày một đêm, sẽ tương đương với tội của một lò mổ. Mười tiệm rượu mới bằng một lò mổ!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết tụng viết: - Thập áp du luân tội, đẳng bỉ nhất dâm phùng. Trí bỉ thập dâm phùng, đẳng nhất tửu phùng tội. Trí thập tửu phùng tội, đẳng bỉ nhất đồ phùng. Trí bỉ thập đồ phùng, tội đẳng vương đẳng nhất.

(經)爾時，世尊而說頌曰：「十壓油輪罪，等彼一婬

坊。置彼十婬坊，等一酒坊罪。置十酒坊罪，等彼一屠坊。置彼十屠坊，罪等王等一」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng rằng: - Tội mười máy ép dầu, bằng tội một nhà thổ. Mở ra mười nhà thổ, tội bằng một tiệm rượu. Tội mở mười tiệm rượu, tội bằng một lò mổ. Tội mở mười lò mổ, bằng tội của vua, quan, thực hiện một ác luân).

Đoạn này giống như tổng kết. Do tội của mười lò mổ bằng với tội của vua Sát-đế-lợi, cho đến những gã Chiên-đồ-la trong giới sa-môn, Bà-la-môn v.v... thực hiện một ác luân. Thậm chí họ chẳng tạo ác luân ấy lâu dài, chỉ một ngày một đêm! Đây là ác luân như đã nói trong phần trước, do tội nghiệp của một ác luân là vô lượng, vô biên. Nếu tội nghiệp đó lớn dường ấy, khi nào sẽ thoát khỏi địa ngục Vô Gián? Vì sao kẻ làm ác nhiều dường ấy? Người trên thế giới vẫn rất nhiều, thay phiên luân chuyển, từ súc sanh đạo thoát ra. Súc sanh còn nhiều hơn loài người, đúng không? Mọi người hãy ngắm xem! Lấy một loại súc sanh, chẳng hạn như kiến, quý vị nói xem: “Nam Thiệm Bộ Châu có bao nhiêu kiến?” Chẳng nói chi khác, kiến rất đông, vượt hơn sáu mươi ức nhân khẩu bao nhiêu lần? Còn có những loài khác, họ dần dần thọ báo đã xong, lại chuyển thành người. Địa ngục, quỷ đạo, tất cả các đường khác đều sẽ chuyển thành người. Còn thiên đạo thì có lúc thiện nghiệp trong cõi trời chưa hết, họ lại chuyển sanh trong nhân gian. Có người nói: “Chư thiên chuyển thế, từ nạ quỷ đến, từ địa ngục đến, cùng với chư thiên chuyển thành người, tuyệt đối bất đồng”.

Các ác nghiệp như [ác nghiệp của] vua Chiên-đồ-la vương, Chiên-đồ-la sa-môn, Chiên-đồ-la Bà-la-môn, hết thấy Chiên-đồ-la chúng sanh mang ý nghĩa ác, họ là chúng sanh làm ác, tạo một ác nghiệp sẽ thọ khổ vô lượng. Nếu chúng ta nghĩ đến điều này, quý vị còn dám làm ác hay không? Trong khi quý vị khởi tâm động niệm, niệm trước vừa dấy lên, niệm sau hãy ngay lập tức ngăn dứt. Quý vị nghĩ xem, kinh Đại Tập Thập Luân dạy chẳng giống các kinh khác, [các kinh khác] chẳng nói rõ rệt như kinh Đại Tập Thập Luân. Thoạt đầu, tôi chẳng mong giảng kinh Đại Tập Thập Luân, suy nghĩ suốt một hai năm, vẫn không dám giảng. Ngay cả tôi còn sợ hãi, lo ngại [giảng ra] sẽ khiến cho người khác sanh khởi cảm giác kính sợ, hoặc còn dễ dàng chuốc lấy sự phỉ báng. Họ sẽ cho rằng đức Phật chẳng từ bi dường ấy, hung tợn dường ấy, Phật chẳng phải là đại từ bi ư? Chính vì Ngài đại từ đại bi, cho nên mới dạy quý vị

đừng làm chuyện ấy. “Nếu quý vị cứ làm, ta chẳng có cách nào cứu quý vị”. Dạy bảo quý vị như thế này: [“Quý vị phạm mười ác luân], Phật, Bồ Tát chẳng có cách nào cứu”. Bất quá, sau đó, Địa Tạng Bồ Tát vẫn phát nguyện cứu họ, nhưng cứu chẳng xuê, vẫn còn rất nhiều. Những kẻ Ngài có thể cứu vẫn là thiểu số.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát phục bạch Phật ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện trưởng giả, chân thiện sa-môn, chân thiện Bà-la-môn, như thị đẳng nhân, năng tự thiện hộ, diệc thiện hộ tha, thiện hộ hậu thế, thiện hộ Phật pháp xuất gia chi nhân. Nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí vô giới, thế trừ tu phát, bị ca-sa giả, phổ thiện thủ hộ, cung kính cúng dường. Hựu năng thiện hộ Thanh Văn Thừa pháp, Duyên Giác Thừa pháp cập Đại Thừa pháp, cung kính thỉnh vãn, tín thọ, cúng dường. Ư trụ Đại Thừa, cụ giới, phú đức, tinh cần tu hành, nãi chí trụ quả Bồ Đặc Già La, năng thiện thủ hộ, trợ kỳ thế lực, tứ vãn thỉnh thọ, hoan hỷ đàm luận, viên ly phá giới, ác hạnh bất-sô. Ư chư sở thí tứ phương Tăng vật, chung bắt linh nhân phi pháp phí dụng, cần gia thủ hộ, cúng tứ phương Tăng. Ư Tốt-đổ-ba, cập Tăng Kỳ vật, chung bắt tự đoạt, bắt giáo tha đoạt, diệc bắt tự dụng, bắt giáo tha dụng. Ư năng biện thuyết tam thừa pháp nhân, cung kính cúng dường, gia hộ dĩ lực, bắt linh tha nhân phỉ báng, hủy nhục, tôn trọng, an ủy chư xuất gia nhân, tín thọ, hộ trì Phật sở thuyết pháp, chung bắt phá hoại chư Tốt-đổ-ba, diệc thường hộ trì Tăng Già Lam xá. Ư thế tu phát, bị phục ca-sa xuất gia nhân sở, chung bắt hủy phế. Ư thập ác luân, tự bất nhiễm tập, diệc thường khuyến tha ly thập ác luân. Cụ học tiên vương trị quốc chánh pháp, thiệu Tam Bảo chủng, thường linh xí thịnh, hằng nhạo thân cận chư thiện tri thức, từ tâm phủ dụ nhất thiết quốc nhân, tùy kỳ sở nghi, phương tiện hóa đạo, linh xả tà pháp, tu hành chánh pháp. Như thị chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, đắc kỷ sở phước? Diệt kỷ sở tội?

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩復白佛言：「大德世尊！若有真善剎帝利、真善宰官、真善居士、真善長者、真善沙門、真善婆羅門，如是等人，能自善護，亦善護他，善護後世，善護佛法出家之人。若是法器，若非法器，下至

無戒，剃除鬚髮，被袈裟者，普善守護，恭敬供養。又能善護聲聞乘法、緣覺乘法及大乘法，恭敬聽聞，信受供養。於住大乘，具戒富德，精勤修行，乃至住果補特伽羅，能善守護，助其勢力，諮問聽受，歡喜談論，遠離破戒，惡行苾芻。於諸所施四方僧物，終不令人非法費用，勤加守護，供四方僧。於宰堵波，及僧祇物，終不自奪，不教他奪，亦不自用，不教他用。於能辯說三乘法人，恭敬供養，加護與力，不令他人誹謗毀辱，尊重安慰諸出家人，信受護持佛所說法，終不破壞諸宰堵波，亦常護持僧伽藍舍。於剃鬚發、被服袈裟、出家人所，終不毀廢。於十惡輪，自不染習，亦常勸他，離十惡輪。具學先王治國正法，紹三寶種，常令熾盛，恆樂親近諸善知識，慈心撫育一切國人，隨其所宜，方便化導，令舍邪法，修行正法。如是真善剎帝利王，乃至真善婆羅門等，得幾所福？滅幾所罪？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch với đức Phật rằng: - Bạch đại đức Thế Tôn! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi, chân thiện tể quan, chân thiện cư sĩ, chân thiện trưởng giả, chân thiện sa-môn, chân thiện Bà-la-môn, những người như thế có thể khéo gìn giữ chính mình, cũng khéo gìn giữ người khác, khéo thủ hộ đời sau, khéo thủ hộ người xuất gia trong Phật pháp. Dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, thậm chí kẻ chẳng có giới, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, khéo thủ hộ trọn khắp, cung kính cúng dường. Lại có thể khéo thủ hộ pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa, và pháp Đại Thừa, cung kính lắng nghe, tin nhận, cúng dường. Đối với bậc trụ trong Đại Thừa, đủ giới, giàu đức, siêng rông tu hành, cho đến trụ quả Bồ Đặc Già La, có thể khéo thủ hộ, giúp thế lực cho họ, thưa hỏi, nghe nhận, hoan hỷ đàm luận, xa lìa bất-sô phá giới, ác hạnh. Đối với các vật thí cho tứ phương Tăng, trọn chẳng để kẻ khác tiêu xài phung phí phi pháp, càng thêm siêng năng thủ hộ, cúng tứ phương Tăng. Đối với Tót-đổ-ba (Stupa, tháp) và vật dụng thuộc về Tăng chúng, trọn chẳng tự đoạt, chẳng dạy kẻ khác đoạt, cũng chẳng tự dùng, chẳng dạy kẻ khác dùng. Đối với người có thể biện luận, diễn thuyết pháp tam thừa, bèn cung kính cúng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

dường, gia hộ, tăng thêm sức, chẳng để cho kẻ khác phỉ báng, hủy nhục [người ấy]. Tôn trọng, an ủi các vị xuất gia. Tin nhận và hộ trì pháp do đức Phật đã nói. Trọn chẳng phá hoại các tốt-đỏ-ba, cũng thường hộ trì phòng ốc thuộc Tăng Già Lam. Đối với các vị xuất gia cạo bỏ râu tóc, đắp ca-sa, trọn chẳng hủy phé. Tự chẳng nhuộm bản do hành mười ác luân, cũng thường khuyên người khác lìa mười ác luân. Học trọn đủ chánh pháp trị quốc của tiên vương, nối tiếp chúng tánh Tam Bảo, khiến cho thường hưng thịnh, luôn thích thân cận các vị thiện tri thức, từ tâm vô về, dưỡng dục hết thầy người trong nước, tùy theo lẽ thích ứng mà phương tiện giáo hóa, hướng dẫn, khiến họ bỏ tà pháp, tu hành chánh pháp. Vua Sát-đế-lợi chân thiện cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... như thế, sẽ được bao nhiêu phước? Diệt bao nhiêu tội?)

Đoạn kinh văn dài này tương phản với đoạn kinh văn trước đó. Trong phần trước là làm ác phải đọa địa ngục, đọa vào Vô Gián. Ở đây, nói ngược lại: Nếu các Sát-đế-lợi, cho đến Bà-la-môn v.v... cúng dường thủ hộ Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, phước đức của họ sẽ to cỡ nào? Đoạn kinh văn này và đoạn kinh trước đó tương đồng, một đấng thiện, một đấng ác. Trong kinh Đại Tập Thập Luân, do Địa Tạng Bồ Tát thỉnh pháp, thuyết pháp, lấy Ngài làm chánh yếu, cho nên gọi là kinh Địa Tạng Thập Luân. Từ đây trở đi, trong phần trước đã nói mười ác luân nhiều như thế, nếu nói ngược lại, [tức là] chẳng làm các điều ác ấy, cho đến xa lìa điều ác ấy, họ sẽ có phước đức nhiều cỡ nào? Địa Tạng Bồ Tát hỏi như thế. Đối chiếu văn tự trong phần này với phần trước, ắt cần phải giảng giải đôi chút.

“*Chân thiện*” là gì? Chân thiện là giải thoát, thật sự đạt được giải thoát, cho đến tu tập, sẽ có thể chứng đắc Niết Bàn, đây là ý nghĩa “*chân thiện*”. Thật sự tu hành, thật sự giải thoát, cho đến tín tâm kiên định, các vị Sát-đế-lợi, tể quan, Bà-la-môn, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, những người ấy tự mình hộ niệm chính mình, khéo léo hộ niệm. Chúng ta đọc phẩm Tịnh Hạnh, [ý nghĩa chủ đạo trong phẩm kinh ấy] chẳng phải là “*thiện dụng kỳ tâm*” (khéo dùng cái tâm) ư? Hàm nghĩa là “*chính mình có thể khéo dụng tâm, không chỉ hộ trì đời hiện tại, mà còn hộ trì cả đời sau!*”

Kế tiếp là Tam Bảo, hộ trì Phật, hộ trì Pháp, hộ trì Tăng chúng. Trong việc hộ trì Tăng nhân, có những vị tốt lành, trì giới thanh tịnh, có vị chẳng phải là pháp khí, mà cũng là phá giới. Trong phần trước đã nói tỳ-kheo phá giới, thậm chí kẻ chẳng có giới nào, chỉ cần kẻ đó cạo bỏ

râu tóc, đắp y ca-sa, từ Sát-đế-lợi cho đến Bà-la-môn đều cung kính thủ hộ, hướng về họ nghe pháp, [tức] pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa, và pháp Đại Thừa, tức là pháp tam thừa, cung kính nghe nhận. Đã tin rồi bèn có thể tiếp nhận, tiếp nhận rồi bèn có thể tu hành. Không chỉ tin nhận mà thôi, lại còn thực hiện. Cúng dường là bổ thí. Đối với các bậc trọn đủ giới thanh tịnh, có đức, siêng rông tu hành, cho đến Bồ Đặc Già La đã chứng quả, cũng là Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả; đây là hoàn toàn nói theo pháp Tiểu Thừa, người ấy có thể khéo thủ hộ, giúp họ tu hành, mang ý nghĩa “*làm hộ pháp*” cho họ. Lại còn hướng về họ thưa hỏi Phật pháp, hoan hỷ đàm luận, xa lìa tà-kheo phá giới, ác hạnh. Đây là xét theo phương diện tốt đẹp. Đối với kẻ phá giới, chẳng bị tà-kheo phá giới tiêm nhiễm. Đối với những vật được bốn phương cúng dường trong Tăng Già Lam, cũng là các vật của Tăng chúng, người ấy chẳng phi pháp chiếm dụng, cũng chẳng phi pháp chiếm đoạt, lại còn giúp sức thủ hộ.

Vậy thì cúng dường tứ phương Tăng cho đến đối với tháp, cũng như vật dụng của Tăng Già, là những vật phẩm cúng dường đại chúng trong Tăng Già Lam, “*chung bắt tự đoạt*” (trọn chẳng tự chiếm đoạt), tức là các vua Sát-đế-lợi, đại thần có quyền thế chẳng tự cướp đoạt, chẳng đoạt để chính mình sở hữu, cũng chẳng để tự dùng, mà cũng chẳng cho phép kẻ khác tước đoạt, cũng chẳng cho phép kẻ khác dùng. Chỉ cần là người có thể nói pháp tam thừa, họ sẽ đều hộ trì, cung kính cúng dường, giúp sức cho người ấy càng thêm siêng rông tu hành. Trong đoạn trước đã nói, nếu tu hành tại đó, có các ác tà-kheo phá hoại các tà-kheo tịch tĩnh, cũng như ác Bà-la-môn phá hoại các vị tà-kheo tịch tĩnh, họ (quốc vương, đại thần) sẽ liền bảo vệ, an ủi các vị xuất gia ấy. Tin nhận, hộ trì pháp do đức Phật đã nói. “*Chung bắt phá hoại chư tốt-đổ-ba*” (Trọn chẳng phá hoại các tháp), tức là [trọn chẳng phá hoại] chùa miếu hay tháp.

Đối với mười ác luân đã nói trong phần trước, bản thân họ chẳng bị tiêm nhiễm, chẳng hành ác pháp. Họ còn khuyên những kẻ đó rời bỏ mười ác luân. Đối với các chúng sanh Bồ Đặc Già La đã tiêm nhiễm, huân tập mười ác luân, các vua quán đánh Sát-đế-lợi cho đến Bà-la-môn đều khuyên những kẻ đó phải xa lìa mười ác luân. “*Cụ học tiên vương trị quốc chánh pháp*” (Học trọn đủ chánh pháp trị quốc của tiên vương): Đây là nói tỷ dụ, [hàm ý] học Pháp Bảo do quá khứ chư Phật đã dạy. Như vậy thì mới có thể khiến cho Tam Bảo chẳng đoạn diệt. “*Thiệu*” (紹) có nghĩa là “*kế thừa*”. “*Thiệu Tam Bảo chúng*” (Nói tiếp chúng

tánh Tam Bảo), thường khiến cho Phật Pháp Tăng Tam Bảo hưng thịnh, cũng thường xuyên mong muốn thân cận thiện tri thức, từ tâm vô về, dưỡng dục hết thảy người dân trong nước. Như thế bèn “tùy kỳ sở nghi” (theo lẽ thích ứng), tức là thuận theo [căn tánh của] người tu hành ấy cho đến những tỳ-kheo ác hạnh mà uốn nắn họ. Uốn nắn thì cũng cần phải hộ trì, giáo hóa, hướng dẫn, phải chọn lựa phương tiện giáo hóa, hướng dẫn, khiến cho họ lìa bỏ tà pháp, tu hành chánh pháp.

“*Như thị chân thiện Sát-đế-lợi, nữ chí u chân thiện Bà-la-môn đấng, đắc kỷ sở phước? Diệt kỷ sở tội?*” (Chân thiện Sát-đế-lợi cho đến chân thiện Bà-la-môn như thế sẽ được bao nhiêu phước? Diệt bao nhiêu tội?): Tăng phước, diệt tội, bất luận là người ấy từ tu đạo cho đến có thể sống hạnh phúc trên thế gian, luôn có thể tu pháp xuất thế. Trong phần trước đã nói các vua Chiên-đồ-la Sát-đế-lợi, Chiên-đồ-la Bà-la-môn v.v... làm chuyện ác, cùng với ác tỳ-kheo phá hoại tỳ-kheo tịnh hạnh, cho đến khiến cho các vị ấy chẳng thể tu đạo, những kẻ tạo tội nhiều như vậy, đều đọa vào địa ngục Vô Gián. [Ở đây], nói ngược lại, những người hộ trì Phật Pháp Tăng Tam Bảo thì sẽ có thể đạt được bao nhiêu điều lợi ích?

(Kinh) Phật ngôn: “Thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, xuất hiện thế gian, cụ đại oai lực, u nhật sơ phần, tích tập thất bảo, mãn Thiệm Bộ Châu, phụng thí chư Phật, cập đệ tử chúng. U nhật trung phần, diệt tập thất bảo, mãn Thiệm Bộ Châu, phụng thí chư Phật, cập đệ tử chúng. U nhật hậu phần, diệt tập thất bảo, mãn Thiệm Bộ Châu, phụng thí chư Phật, cập đệ tử chúng. Như thị nhật nhật tương tục, bố thí mãn bách thiên niên, thử nhân phước tu, ninh vi đa phủ?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn! Thận đa, đại đức! Thử nhân phước tu vô lượng vô biên, bất khả xưng kể. Toán, số, thí dụ, sở bất năng cập, duy Phật năng tri, dư vô tri giả”. Phật ngôn: “Thiện nam tử! Như thị, như thị. Như nữ sở thuyết. Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Bà-la-môn đấng, u thập ác luân, tự bất nhiễm tập, diệt thường khuyến tha ly thập ác luân, sở hoạch phước tu, quá tiền phước tu, vô lượng, vô biên, bất khả xưng kể”.

(經)佛言：「善男子！假使有人，出現世間，具大威力，於日初分，積集七寶，滿瞻部洲，奉施諸佛，及弟子眾。於日中分，亦集七寶，滿瞻部洲，奉施諸佛，及弟子

眾。於日後分，亦集七寶，滿瞻部洲，奉施諸佛，及弟子眾。如是日日相續，佈施滿百千年，此人福聚，寧為多不？」地藏菩薩摩訶薩言：「甚多，世尊！甚多，大德！此人福聚無量無邊，不可稱計。算數譬喻所不能及，唯佛能知，餘無知者」。佛言：「善男子！如是，如是。如汝所說。若有真善剎帝利王，乃至真善婆羅門等，於十惡輪，自不染習，亦常勸他離十惡輪，所獲福聚，過前福聚，無量無邊，不可稱計。

(Kinh: Đức Phật nói: “Này thiện nam tử! Giả sử có người xuất hiện trong thế gian, có oai lực lớn, vào buổi sáng tích tập bảy báu đầy khắp Thiệm Bộ Châu, dâng cúng chư Phật và các vị đệ tử. Vào buổi trưa, cũng tụ tập bảy báu đầy khắp Thiệm Bộ Châu, dâng cúng chư Phật và các vị đệ tử. Vào buổi tối, cũng tụ tập bảy báu đầy khắp Thiệm Bộ Châu, dâng cúng chư Phật và các vị đệ tử. Hằng ngày liên tục như thế, bố thí trọn trăm ngàn năm, người ấy tích tụ phước há có nhiều chăng?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: “Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều! Người ấy tích tụ phước vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể. Toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng, chỉ riêng Phật có thể biết, những người khác không biết”. Đức Phật bảo: “Này thiện nam tử! Đúng như vậy, đúng như thế. Đúng như lời ông nói. Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... đối với mười ác luân chẳng tự huân tập, cũng thường khuyến hóa người khác rời lìa hành mười ác luân, thì khối phước đạt được sẽ vượt hơn phước tích tụ bởi người trước vô lượng vô biên, chẳng thể tính kể”).

“Thiện nam tử” ở đây là danh xưng [đức Phật dùng để gọi] Địa Tạng Bồ Tát. Giả sử có người xuất hiện trong thế gian, trọn đủ oai lực rất lớn, tức là nói đến phước nghiệp của người ấy, so với vua quán đánh Sát-đế-lợi hộ trì các thiện tín, hàng phục những kẻ có tánh ác thì công đức của người ấy lớn cỡ nào? Cũng tức là đề luận định công đức của người ấy, đức Phật bèn dùng cách tỷ dụ, tỷ dụ theo từng tầng một. [Trong tầng tỷ dụ đầu tiên, đức Phật nói]: Giả sử có một người như thế xuất hiện trên thế gian, người ấy có rất nhiều oai lực.

“*U nhật sơ phân*”, [tức là] lúc mặt trời mới mọc, “*tích tập thất bảo, mãn Thiệm Bộ Châu*”: Vào buổi sáng, người ấy có thể do oai lực của chính mình mà tập trung bảy báu, mã não, san hô, hổ phách, tổng

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

cộng nhiều cỡ nào? Nhiều như Nam Thiệm Bộ Châu! Vào sáng sớm, dùng bảy báu nhiều ngàn ấy để cúng dường chư Phật và các vị đệ tử. “*U nhật trung phần*” tức là buổi trưa cũng tụng tập bảy báu đầy ấp Thiệm Bộ Châu. [Buổi sáng] đã bố thí xong, buổi trưa lại tụng tập bảy báu đầy ấp Nam Thiệm Bộ Châu nhiều ngàn ấy, “*phụng thí chư Phật cập đệ tử chúng. U nhật hậu phần, diệc tập thất bảo, mãn Thiệm Bộ Châu, phụng thí chư Phật cập đệ tử chúng*” [nghĩa là] ngay trong ngày hôm đó, buổi trưa, buổi tối, kể cả buổi sáng, trong ba thời thần, đều tụng tập bảy báu đầy ấp Nam Thiệm Bộ Châu, ba lượt đều tụng tập bảy báu trọn khắp Nam Thiệm Bộ Châu như thế để bố thí, cúng dường chư Phật và các đệ tử, lại còn chẳng phải chỉ [làm như vậy] một ngày!

“*Như thị nhật nhật tương tục*” [tức là] hằng ngày đều [tiếp tục] cúng dường như thế. Cúng dường trong thời gian nhiều cỡ nào? “*Mãn bách thiên niên*” (Trọn trăm ngàn năm): Hoặc là cúng dường một trăm năm, hoặc cúng dường một ngàn năm. Hãy nói xem, người ấy có phước đức nhiều hay không? Dùng các thứ thất bảo ấy để cúng dường chư Phật, mỗi ngày ba lượt cúng dường, cúng dường trong trăm ngàn năm, phước đức ấy có nhiều hay không? Địa Tạng Bồ Tát thưa: “*Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều!*” Sự cúng dường ấy chẳng thể nghĩ bàn, phước do người ấy tích tụ “*vô lượng vô biên, chẳng thể tính kể*”. Dùng con số để tính toán, mỗi ngày đều như thế ba lượt cúng dường bảy báu nhiều ngàn ấy, phước đức của người ấy dầu dùng toán, số, thí dụ [để tính toán hay so sánh] đều tính chẳng ra! Phước đức cúng dường ấy chỉ có đức Phật mới biết, người khác không biết: Trừ đức Phật ra, các vị đại Bồ Tát khác cũng không có cách nào biết được.

Đức Phật dạy: “*Thiện nam tử! Như thị, như thị*”, [nghĩa là] ông nói rất là đúng. “*Như nhữ sở thuyết*” hàm nghĩa: Như ông vừa mới hỏi ta “*nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn v.v...*” tự mình chẳng huân tập mười ác luân, lại còn khuyên kẻ khác rời lìa mười ác luân, sẽ đạt được phước đức to lớn cỡ nào? Phước đức của người ấy so với phước đức vừa nói trên đây “*quá tiền phước tụ*” (hơn hẳn phước tích tụ trước đó), “*tụ*” (聚) có nghĩa là “*tụ tập*”. Nói đến phước đức của người ấy, thì phước đức đã tụ tập [của người ấy] vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể. Thiện nam tử ấy đã tự mình chẳng huân nhiễm mười ác luân, lại còn khuyên kẻ khác cũng đừng huân nhiễm mười ác luân, rời lìa mười ác luân, phước đức của người ấy vượt xa phước của người cúng dường trên đây. Đây là bước đầu. Nay lại nói cao hơn một bậc nữa!

(*Kinh*) “*Hưu, thiện nam tử! Giả sử hữu nhân xuất hiện thế gian, cụ đại oai lực, vị tứ phương Tăng doanh kiến tự vũ, kỳ lượng khoan quảng đẳng tứ đại châu, thượng diệu phòng xá, sàng, phu, y phục, ẩm thực, y dược, tư duyên sung bị, linh chú Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, đại đệ tử chúng chỉ trụ kỳ trung, tinh tấn tu hành chủng chủng thiện phẩm. Nhược trú, nhược dạ, vô hữu giải tức, kinh bách thiên câu-chi na-dữu-đa tuế, cung cấp cúng dường, tương tục bất tuyệt. Thử nhân phước tu, ninh vi đa phủ?*” *Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát* ngôn: “*Thậm đa, Thế Tôn! Thậm đa, đại đức! Thử nhân phước tu vô lượng vô biên, bất khả xưng kể, toán, số, thí dụ sở bất năng cập, duy Phật năng tri, dư vô tri giả*”. *Phật* ngôn: “*Thiện nam tử! Như thị, như thị, như nhữ sở thuyết*”.

(*經*)又，善男子！假使有人出現世間，具大威力，為四方僧營建寺宇，其量寬廣等四大洲，上妙房舍、床敷、衣服、飲食、醫藥，資緣充備，令諸如來、聲聞、菩薩、大弟子眾止住其中，精進修行種種善品。若晝若夜，無有懈怠，經百千俱胝那庾多歲，供給供養，相續不絕。此人福聚，寧為多不？」地藏菩薩摩訶薩言：「甚多，世尊！甚多，大德！此人福聚無量無邊，不可稱計，算數譬喻所不能及，唯佛能知，餘無知者」。佛言：「善男子！如是，如是，如汝所說。

(*Kinh*: “*Lại này thiện nam tử! Giả sử có người xuất hiện trong thế gian, có oai lực lớn, vị tứ phương Tăng tạo dựng chùa chiền, kích thước rộng lớn bằng bốn đại châu, phòng ốc tốt đẹp nhất, giường, mền, y phục, thức ăn, thuốc men, các vật cần thiết trọn đủ, để các vị Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, các vị đại đệ tử ở trong ấy, tinh tấn tu hành các loại thiện phẩm. Dù đêm hay ngày, chẳng hề lười nhác, ngưng nghỉ. Trải qua trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa năm cung cấp, cúng dường liên tục chẳng dứt, phước do người ấy tích tụ há có nhiều chăng?*”

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thưa: “*Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều! Người ấy tích tụ phước đức vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng, chỉ riêng đức Phật có thể biết, kẻ khác chẳng biết*”.

Đức Phật bảo: “*Này thiện nam tử! Đúng như thế đấy, đúng như vậy đấy, đúng như lời ông đã nói*”).

Xây dựng trụ xứ trong Tăng Già Lam, tức là chỗ ở dành cho Tăng nhân. Ngôi chùa ấy to cỡ nào? Xây dựng ngôi chùa “*khoan quảng đấng tứ đại bộ châu*” (rộng lớn bằng bốn bộ châu): Tứ đại bộ châu đều thành một ngôi chùa! Người ấy có đại oai lực, còn có phòng ốc tốt đẹp nhất. Trong mỗi phòng, còn có những vật dụng sinh hoạt như y phục, giường, mền đệm, y phục, thức ăn, “*tu duyên sung bị*” (các thứ cần thiết cho cuộc sống đều trọn đủ). Các vật cần dùng cho cuộc sống đều rất đầy đủ, để các vị Như Lai, chẳng phải là một, hai vị Phật [mà là chư Phật], khiến cho các vị Thanh Văn và Bồ Tát là đệ tử của chư Như Lai cùng ở trong ngôi chùa do kẻ ấy đã tạo. “*Tinh tấn tu hành chủng chủng thiện phẩm*” (Tinh tấn tu hành các loại thiện phẩm), đương nhiên là chư Phật, Bồ Tát sẽ chỉ dạy, dẫn dắt, sẽ thuyết pháp. Thuyết pháp thì còn có rất nhiều chúng sanh đều có thể siêng ròng tu hành. Thiện phẩm là do đức Phật chỉ dạy, như trong kinh đã nói, hoặc là tu tập Thiền Định, hoặc đọc tụng, hoặc lễ bái. “*Nhược trú, nhược dạ, vô hữu giải tức, kinh bách thiên câu-chi na-dữu-đa tuế*” (Dù ngày hay đêm chẳng hề biếng nhác, ngưng nghỉ, trải qua trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa năm), na-dữu-đa là ức, trăm ngàn câu-chi ức, nhiều dường ấy, “*cung cấp cúng dường, tương tục bất tuyệt, thử nhân phước tụ ninh vi đa phủ?*” (cung cấp, công đức, liên tục chẳng dứt, phước đức của người ấy há có nhiều chẳng?)

“*Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Thậm đa, Thế Tôn! Thậm đa, đại đức!*” (Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: - Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều). Đức Thế Tôn nói phước do người đó tích tụ vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể. Chúng ta có thể tưởng tượng điều này. Chúng ta dựng một ngôi chùa bình thường, như trường giả Cấp Cô Độc tạo dựng tinh xá Kỳ Viên cho đức Phật. Khi trường giả tạo tinh xá, trên tầng trời thứ ba là Dạ Ma Thiên cũng tạo cung điện cho ông ta. Tinh xá của ông ta trong nhân gian còn chưa hoàn thành, mà cung điện phước đức [trên cõi trời] đã kiến tạo xong xuôi! Đây chỉ là tinh xá Kỳ Viên. Tinh xá Kỳ Viên là một viên lâm tại nước Xá Vệ mà thôi, còn tinh xá [được nói ở đây] to cỡ nào? Lượng bằng tứ đại bộ châu! Công đức này đương nhiên to hơn công đức kia, phước đức [sẽ được hưởng] sau khi chết đương nhiên cũng rất lớn. Nhưng phước đức xuất thế gian và phước đức thế gian khác nhau. Phước đức nhân thiên dẫu to cách mấy, vẫn là hư vọng. Đức Phật dùng tỷ dụ này nhằm nói người ấy đã tích tụ phước vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng, chỉ đức Phật có thể biết, người khác chẳng biết. Giống như trong phần trước, đức Phật dạy: “*Thiện nam tử! Như thị, như thị*”. Đức

Phật bảo Địa Tạng Bồ Tát: Ông nói đúng lắm, đúng như lời ông nói, phước đức như vậy vô lượng, vô biên.

(Kinh) “Hưu, thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, xuất hiện thế gian, cụ đại oai lực, vị tứ phương Tăng doanh kiến tự vũ, khoan quảng lượng đẳng thập tứ đại châu, thượng diệu phòng xá, sàng, phu, y phục, ẩm thực, y dược, tư duyên sung bị, linh chú Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, đại đệ tử chúng chỉ trụ kỳ trung, tinh tấn tu hành chủng chủng thiện phẩm. Nhược trú, nhược dạ, vô hữu giải tức. Kinh bách thiên câu-chi na-dữu-đa tuế, cung cấp, cúng dường, tương tục bất tuyệt, thử nhân phước tụ, ninh vi đa phủ?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn! Thậm đa, đại đức! Thử nhân phước tụ vô lượng, vô biên, bất khả xưng kể, toán, số, thí dụ sở bất năng cập, duy Phật năng tri, dư vô tri giả”. Phật ngôn: “Thiện nam tử! Như thị, như thị, như nhữ sở thuyết”.

(經)又，善男子！假使有人，出現世間，具大威力，為四方僧營建寺宇，寬廣量等十四大洲，上妙房舍、床敷、衣服、飲食、醫藥，資緣充備，令諸如來、聲聞、菩薩、大弟子眾止住其中，精進修行種種善品。若晝若夜，無有懈怠。經百千俱胝那庾多歲，供給供養，相續不絕，此人福聚，寧為多不？」地藏菩薩摩訶薩言：「甚多，世尊！甚多，大德！此人福聚無量無邊，不可稱計，算數譬喻所不能及，唯佛能知，餘無知者」。佛言：「善男子！如是，如是，如汝所說。

(Kinh: “Lại này thiện nam tử! Giả sử có người xuất hiện trong thế gian, có oai lực lớn, vì tứ phương Tăng tạo dựng chùa miếu, kích thước rộng lớn bằng mười bốn đại châu, phòng ốc tốt đẹp nhất, giường, mền đệm, y phục, thức ăn, thuốc men, các vật cần thiết trọn đủ, để các vị Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, các vị đại đệ tử ở trong ấy, tinh tấn tu hành các loại thiện phẩm. Dù đêm hay ngày, chẳng hề lười nhác, ngưng nghỉ. Trải qua trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa năm, cung cấp, cúng dường liên tục chẳng dứt, phước do người ấy tích tụ há có nhiều chăng?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thưa: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức, rất nhiều! Người ấy tích tụ phước đức vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng, chỉ Phật có thể biết, kẻ khác

chẳng biết”. Đức Phật bảo: “Này thiện nam tử! Đúng như thế đấy, đúng như vậy đấy, đúng như lời ông đã nói”).

Trong phần trước nói tứ đại châu, ở đây nói gấp đôi, cũng kiến tạo phòng ốc thượng diệu, giường, mền đệm, y phục, thức ăn, thuốc men, các duyên trọn đủ, để chư Như Lai, Thanh Văn, Bồ Tát, các vị đại đệ tử v.v... ở trong ấy tu hành, cho đến thuyết pháp độ chúng sanh, ngày đêm đều chẳng giải đãi. Trải qua trăm ngàn câu chi na-dữu-đa năm, cung cấp, cúng dường, liên tục chẳng dứt. Chẳng phải là một, hai ngày, mà là trong thời gian vô cùng, vô tận, người ấy tích tập phước đức có nhiều hay không? Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: *“Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch đại đức rất nhiều”*. Người ấy tích tụ phước đức vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể, toán, số, thí dụ đều chẳng sánh bằng, chỉ đức Phật có thể biết, người khác chẳng biết. Đức Phật dạy: *“Thiện nam tử! Như thị, như thị, như nhữ sở thuyết”*, [nghĩa là] ông nói rất đúng, phước đức ấy vô lượng, vô biên.

(Kinh) Hựu, thiện nam tử! Giả sử hữu nhân, xuất hiện thế gian, cụ đại oai lực, vị Phật xá-lợi, khởi Tốt-đổ-ba, nghiêm lệ, cao quảng, lượng đẳng tam thiên đại thiên thế giới. Như tiền sở thuyết vị tứ phương Tăng tạo tự phước tự, loại thử sở thuyết vị Phật xá-lợi khởi Tốt-đổ-ba, sở hoạch phước tự, u bách phần trung bất cập kỳ nhất, u thiên phần trung diệc bất cập nhất, u bách thiên phần diệc bất cập nhất, u câu-chi phần diệc bất cập nhất, na-dữu-đa phần, số phần, toán phần, kế phần, dụ phần, nãi chí ồ-ba-ni-sát-dàm phần, diệc bất cập nhất.

(經)又，善男子！假使有人，出現世間，具大威力，為佛舍利，起窣堵波，嚴麗高廣，量等三千大千世界。如前所說為四方僧造寺福聚，類此所說為佛舍利起窣堵波，所獲福聚，於百分中不及其一，於千分中亦不及一，於百千分亦不及一，於俱胝分亦不及一，那庾多分、數分算分、計分喻分，乃至鄔波尼殺曇分亦不及一。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Giả sử có người xuất hiện trong thế gian, có oai lực lớn, vì xá-lợi của Phật mà dựng Tốt-đổ-ba, trang nghiêm, tráng lệ, cao rộng, lượng bằng tam thiên đại thiên thế giới. Phước tích tự vì tạo chùa cho tứ phương Tăng như đã nói trong phần

trước so với phước đang nói ở đây, tức là so với khối phước đạt được do dựng tháp thờ xá-lợi của Phật thì sẽ chẳng bằng một phần trăm, cũng chẳng bằng một phần ngàn, cũng chẳng bằng một phần trăm ngàn, cũng chẳng bằng một phần câu-chi, một phần na-dữu-đa, một phần toán, một phần số, một phần kế, một phần dụ, cho đến cũng chẳng bằng một phần ô-ba-ni-sát-đàm).

Vì sao lại thêm câu “*cụ đại oai lực*” (có oai lực to lớn)? Nếu chẳng có loại sức mạnh như thế, sao có thể tạo dựng thành tựu được? Phước đức của người này cũng chẳng thể nghĩ bàn! Lại vì xá-lợi của Phật mà tạo Tốt-đồ-ba (Stupa), tức là kiến tạo tháp thờ xá-lợi. Tháp ấy được kiến tạo có kích thước bằng tam thiên đại thiên thế giới, cao rộng như vậy. Phước tích tụ do tạo chùa cho tứ phương Tăng đã nói trong phần trước nếu đem so với chuyện này, tức là so với phước tích tụ do vì xá-lợi của Phật mà dựng Tốt-đồ-ba, “*ư bách phần trung bất cập kỳ nhất, ư thiên phần trung diệc bất cập nhất, ư bách thiên phần diệc bất cập nhất, ư câu-chi phần diệc bất cập nhất, na-dữu-đa phần, số phần, toán phần, kế phần, dụ phần, nãi chí ô-ba-ni-sát-đàm phần*” (chẳng bằng một phần trăm, cũng chẳng bằng một phần ngàn, cũng chẳng bằng một phần trăm ngàn, cũng chẳng bằng một phần câu-chi, một phần na-dữu-đa, một phần toán, một phần số, một phần kế, một phần dụ cho đến một phần ô-ba-ni-sát-đàm): Ô-ba-ni-sát-đàm (Upanisadam-api)⁸¹ là một phần cực nhỏ, là con số nhỏ nhất, “*diệc bất cập nhất*” (cũng chẳng bằng một phần).

Đây là nói đảo lại. Nói đảo lại như thế nào? Trong phần trước đã nói những con số. Sau đó lại đem công đức của vị Sát-đế-lợi, tức Sát-đế-lợi thiện vương, chân thiện Sát-đế-lợi, [tức công đức do] bản thân nhà vua chẳng dính mắc mười ác luân, khuyên người khác đừng dính mắc mười ác luân, xa lìa mười ác luân để so sánh từng bước. Hiện thời, nói đảo lại, chẳng nhắc lại công đức của vị chân thiện Sát-đế-lợi vương, vẫn nhằm chỉ rõ: Công đức ấy, hoặc phước đức của người đã làm những việc

⁸¹ Sách Hy Lân Âm Nghĩa (希麟音義) quyển một giảng: “Ô-ba-ni-sát-đàm là tiếng Phạn, là phần cực nhỏ trong cách tính toán. Còn gọi là Ưu-ba-ni-sái-tha. Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa dẫn Du Già Đại Luận dịch thành Vi Tế Phần. Như chẻ một sợi lông thành một trăm phần, lại chẻ một phần ấy thành trăm ngàn vạn phần, lại chẻ mỗi phần ấy sau khi đã chia chẻ ấy giống như trước, cho đến khi mỗi phần chia chẻ ấy gần với hư không, chẳng thể chia nhỏ hơn được nữa, thì gọi là Ô-ba-ni-sát-đàm phần”.

như tạo tháp thờ xá-lợi của Phật dẫu nhiều ngàn ấy, vẫn chẳng thể sánh bằng một phần công đức của vị chân thiện vương xa lìa mười ác luân và khuyên người khác xa lìa mười ác luân. Không chỉ là chẳng bằng một phần mười, chẳng bằng một phần trăm, mà cho đến một phần của câu-chỉ phần cũng chẳng bằng!

“*Na-dữu-đa phần, số phần, toán phần, kế phần, dụ phần, nãi chí ồ-ba-ni-sát-đàm phần diệc bất cập nhất*”: Mọi người hãy biết đoạn kinh văn này mang ý nghĩa hiển thị công đức và phước đức do xa lìa mười ác luân. Đức Phật càng nói càng sâu, càng sâu càng nhiều, càng nói càng nhiều. Phước đức xa lìa mười ác luân, cho đến dạy người khác xa lìa mười ác luân, quả thật chẳng thể tính kể, to hơn bất cứ phước đức nào, vì đây là pháp xuất thế gian, liễu sanh tử. Từ nay về sau, vĩnh viễn liễu thoát, chẳng còn làm ác nữa. Có hàm nghĩa như thế đó!

(Kinh) Hựu, thiện nam tử! Giả sử hữu đức Ba La Mật Đa, cụ bát giải thoát, Tĩnh Lự, Đẳng Chí đại A La Hán, biến mãn tam thiên đại thiên thế giới, như đạo, ma, trúc, vi, cam giá, tùng lâm, nhất thiết giai bị kiên phược ngũ xứ, kinh bách thiên niên. Thời hữu nhất nhân, xuất hiện u thế, cụ đại oai lực, nhạo phước đức cố, tất giải bị phược chư A La Hán, hương thang tháo dục, phụng thí y bát, kinh bách thiên niên, cấp thượng phòng xá, sàng, phu, y phục, ẩm thực, y dược, chủng chủng sở tu như pháp tư cụ. Chư A La Hán bát Niết Bàn dĩ, cúng dường phần thiêu, thân thủ xá-lợi, dĩ diệp thất bảo, khởi Tót-đồ-ba, an trí kỳ trung. Phục dĩ chủng chủng bảo tràng, phan, cái, hương, hoa, kỹ nhạc, nhi cúng dường chi. Như tiền sở thuyết vị Phật xá-lợi khởi Tót-đồ-ba sở hoạch phước tu, loại thử sở thuyết giải A La Hán cúng dường phước tu, u bách phần trung bất cập kỳ nhất, u thiên phần trung diệc bất cập nhất, u bách thiên phần diệc bất cập nhất, u câu-chỉ phần diệc bất cập nhất, na-dữu-đa phần, số phần, toán phần, kế phần, dụ phần, nãi chí ồ-ba-ni-sát-đàm phần, diệc bất cập nhất.

(經)又，善男子！假使有得波羅密多，具八解脫靜慮等至大阿羅漢，徧滿三千大千世界，如稻、麻、竹葦、甘蔗、叢林，一切皆被堅縛五處，經百千年。時有一人，出現於世，具大威力，樂福德故，悉解被縛諸阿羅漢，香湯澡浴，奉施衣鉢，經百千年，給上房舍、床敷、衣服、飲食、醫藥，種種所須如法資具。諸阿羅漢般涅槃已，供養

焚燒，收取舍利，以妙七寶，起窣堵波，安置其中。復以種種寶幢、幡蓋、香華、伎樂而供養之。如前所說為佛舍利起窣堵波，所獲福聚，類此所說，解阿羅漢供養福聚，於百分中不及其一，於千分中亦不及一，於百千分亦不及一，於俱胝分亦不及一，那庾多分、數分算分、計分喻分乃至鄔波尼殺曇分，亦不及一。

(Kinh: Lại này, thiện nam tử! Giả sử có các vị đại A La Hán đắc Ba La Mật Đa, đủ tám giải thoát, Tĩnh Lự, Đăng Chí, trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới như lúa, mè, tre, lau, mía, rừng cây, hết thảy đều bị trói chặt năm chỗ, trải qua trăm ngàn năm. Khi đó, có người xuất hiện trong cõi đời, có oai lực lớn, do ưa thích phước đức, đều cởi trói cho các vị A La Hán, dùng nước thơm tắm gội, dâng thí y, bát. Trải qua trăm ngàn năm, dâng hiến phòng ốc bậc thượng, giường, mền, y phục, thức ăn, thuốc men, các thứ vật dụng cần thiết đúng pháp. Các vị A La Hán đã nhập Niết Bàn rồi, người ấy bèn cúng dường, hỏa thiêu, thâu nhặt xá-lợi, dùng bảy báu màu nhiệm để dựng tháp, đặt ở trong ấy. Lại dùng các thứ tràng báu, phan, lọng, hương, hoa, kỹ nhạc để cúng dường. Phước tích tụ do dựng tháp thờ xá-lợi của Phật như trong phần trước đã nói, đem so với phước tích tụ do cởi trói và cúng dường các A La Hán này thì chẳng bằng một phần trăm, cũng chẳng bằng một phần ngàn, cũng chẳng bằng một phần trăm ngàn, cũng chẳng bằng một phần câu-chi, một phần na-dữu-đa, một phần số, một phần toán, một phần kế, một phần dụ, cho đến một phần ỏ-ba-ni-sát-đàm, cũng đều chẳng bằng).

Đây là nói một chút phần công đức, [tức là] vẫn chẳng sánh bằng một phần cực nhỏ công đức của vua Sát-đế-lợi [chẳng hành thập ác luân].

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, ư thập ác luân, tự bất nhiễm tập, diệt thường khuyến tha ly thập ác luân, sở hoạch phước đức, quá tiền phước tụ vô lượng, vô biên, bất khả xưng kể. Như sanh phước số, diệt tội diệt nhĩ.

(經)善男子！若有真善剎帝利王，乃至真善婆羅門等，於十惡輪，自不染習，亦常勸他離十惡輪，所獲福德，

過前福聚無量無邊，不可稱計。如生福數，滅罪亦爾。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... đối với mười ác luân tự mình chẳng tiêm nhiễm, cũng thường khuyên người khác lìa mười ác luân, sẽ đạt được phước đức vượt quá phước tích tụ trên đây vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể. [Do công đức ấy cũng có thể] diệt tội giống như số lượng phước đã sanh khởi).

Các chân thiện Bà-la-môn ấy tự mình chẳng tiêm nhiễm mười ác luân, cũng khuyên người khác chẳng tiêm nhiễm, sẽ đạt được phước đức vượt quá lượng phước tích tụ như đã nói trên đây vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể lần. Trong phần trước [đã nói các thiện sự từ dùng bảy báu đây áp tứ đại bộ châu để cúng dường hằng ngày ba lượt suốt trăm ngàn năm] cho đến tạo tháp, miếu, cứ từng bước, từng tầng một so sánh, [dầu cho] càng lúc càng to lớn, càng nhiều hơn, vẫn đều chẳng bằng phước đức do các vị chân thiện Bà-la-môn đạt được vì tự mình chẳng tiêm nhiễm mười ác luân này, và cũng khuyên người khác lìa mười ác luân. [Đó là ý nghĩa của câu] “*quá tiền phước tụ vô lượng, vô biên, bất khả xưng kể, như sanh phước số, diệt tội diệt nhĩ*”.

Khi người ấy còn sống, phước đức chẳng thể nghĩ bàn, tiêu diệt tội ác cũng thế, cũng giống hết như phước đức. Cũng có nghĩa là: Người ấy có thể dần dần thành Phật. Lìa thập ác là Thập Thiện. Thập ác và Thập Thiện có điểm khác biệt là gì? Người ấy khiến cho hết thảy chúng sanh lìa mười ác, cũng là cung kính cúng dường Tam Bảo, trụ thế Tam Bảo, khiến cho Phật pháp vĩnh viễn tồn tại trên thế gian, khiến cho pháp nhãn của chúng sanh chẳng bị đoạn tuyệt, chúng sanh trong vị lai đắc độ càng nhiều hơn. Điều này chẳng thể đo lường được. Dựa theo điều này để suy đoán, phước đức ấy chẳng thể suy lường được! Thị hiện [bồ thí] của cải, cho đến dựng tháp, cho đến tất cả các thứ cúng dường, đều là hữu hạn. Vì sao? Những thứ ấy vẫn thuộc về tướng thế gian. Khiến cho con người lìa thập ác thì thuộc về xuất thế gian.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, cập chư chân thiện tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đẳng, u vị lai thế, hậu ngũ bách tuế, pháp dục diệt thời, năng thiện hộ trì ngã chi pháp nhãn, năng tự thiện hộ, diệt thiện hộ tha, thiện hộ hậu thế, thiện hộ ngã pháp xuất gia đệ tử, nhược thị pháp khí, nhược phi pháp khí, hạ chí vô giới, thế trừ tu phát, bị ca-sa giả, phổ thiện thủ

hộ, cung kính cúng dường, linh vô tổn não. Hựu năng thiện hộ tam thừa chánh pháp. Thính thọ cúng dường Thanh Văn pháp thời, u Độc Giác Thừa cập Đại Thừa pháp, bất sanh phỉ báng. U Độc Giác Thừa, cập Đại Thừa nhân, diệc bất tăng tật. Thính thọ cúng dường Độc Giác pháp thời, u Thanh Văn Thừa cập Đại Thừa pháp, bất sanh phỉ báng. U Thanh Văn Thừa cập Đại Thừa nhân, diệc bất tăng tật. Thính thọ cúng dường Đại Thừa pháp thời, u Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, bất sanh phỉ báng. U Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa nhân, diệc bất tăng tật. U Thanh Văn Thừa, Độc Giác Thừa pháp, bất cầu thú chứng, duy cầu thú chứng Đại Thừa chánh pháp. U trụ Đại Thừa, cụ giới, phú đức, tinh cần tu hành, nãi chí trụ quả Bồ Đặc Già La, đa số thân cận, thừa sự, cúng dường, thâm tâm kính trọng, thỉnh vấn, thính thọ.

(經)善男子！若有真善剎帝利王，及諸真善宰官、居士、長者、沙門、婆羅門等，於未來世，後五百歲，法欲滅時，能善護持我之法眼，能自善護，亦善護他，善護後世，善護我法出家弟子，若是法器，若非法器，下至無戒，剃除鬚髮，被袈裟者，普善守護，恭敬供養，令無損惱。又能善護三乘正法。聽受供養聲聞法時，於獨覺乘及大乘法，不生誹謗。於獨覺乘及大乘人，亦不憎嫉。聽受供養獨覺法時，於聲聞乘及大乘法，不生誹謗。於聲聞乘及大乘人，亦不憎嫉。聽受供養大乘法時，於聲聞乘、獨覺乘法，不生誹謗。於聲聞乘、獨覺乘人，亦不憎嫉。於聲聞乘、獨覺乘法，不求趣證，唯求趣證大乘正法。於住大乘，具戒富德，精勤修行，乃至住果補特伽羅，多數親近，承事供養，深心敬重，請問聽受。

(Kinh: *Này thiện nam tử! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương và các chân thiện tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v... trong đời vị lai, năm trăm năm cuối, khi pháp sắp diệt, có thể khéo hộ trì pháp nhân của ta, có thể khéo tự hộ trì, mà cũng khéo hộ trì người khác, khéo hộ trì đệ tử xuất gia trong pháp của ta, dù là pháp khí, hay chẳng phải pháp khí, thậm chí kẻ chẳng có giới, cạo bỏ râu tóc, đắp y ca-sa, đều khéo thủ hộ trọn khắp, cung kính cúng dường, khiến cho họ chẳng bị tổn hại, não loạn. Lại có thể khéo hộ trì chánh pháp tam thừa. Khi nghe*

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

nhận, cúng dường pháp Thanh Văn, đối với pháp Độc Giác Thừa và pháp Đại Thừa, chẳng sanh phỉ báng. Đối với người [tu tập] pháp Độc Giác Thừa và pháp Đại Thừa, cũng chẳng ghen ghét. Khi nghe nhận, cúng dường pháp Độc Giác, đối với pháp Thanh Văn Thừa và pháp Đại Thừa, chẳng sanh phỉ báng. Đối với người [tu tập] pháp Thanh Văn Thừa và pháp Đại Thừa, cũng chẳng ghen ghét. Khi nghe nhận, cúng dường pháp Đại Thừa, đối với pháp Thanh Văn Thừa và pháp Độc Giác Thừa, chẳng sanh phỉ báng. Đối với người [tu tập] Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa, cũng chẳng ghen ghét. Đối với pháp Thanh Văn Thừa và Độc Giác Thừa chẳng cầu chứng nhập, chỉ cầu chứng nhập chánh pháp Đại Thừa. Đối với Bồ Đặc Già La trụ Đại Thừa, đủ giới, giàu đức, siêng rông tu hành, cho đến trụ quả vị, nhiều lượt thân cận, thừa sự, cúng dường, thâm tâm kính trọng, thưa hỏi, nghe nhận).

Trong đoạn kinh văn này, Phật lại nêu thí dụ để nói. Nếu lia mười ác luân, “*nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, cập chư chân thiện tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn đấng*” (nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương và các chân thiện tể quan, cư sĩ, trưởng giả, sa-môn, Bà-la-môn v.v...), năm trăm năm sau trong đời vị lai, “*hậu ngũ bách tuế*” là nói về năm trăm năm cuối cùng [trong thời Mạt Pháp]. Ở đây, có hai cách nói:

1) Chánh Pháp năm trăm năm, Tượng Pháp năm trăm năm, Mạt Pháp năm trăm năm. Đây là một cách nói bao gồm một ngàn năm trăm năm. [Thuyết này] có khi nói là Chánh Pháp năm trăm năm, Tượng Pháp năm trăm năm, Mạt Pháp một ngàn năm.

2) Thuyết khác là Chánh Pháp và Tượng Pháp đều một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm.

Mấy cách nói ấy hoàn toàn chẳng tương đồng, ở đây chỉ nói tới năm trăm năm cuối cùng. [Nếu hiểu] Mạt Pháp một vạn năm thì khi chín ngàn năm trăm năm đã qua, chỉ còn lại năm trăm năm, lúc đó, pháp sắp diệt.

Khi Phật pháp hãy còn, tức là nói thời Mạt Pháp hãy còn tồn tại rất dài. [Ở đây] nói khi pháp sắp diệt, trong năm trăm năm cuối cùng, vào lúc đó, dẫu trong lúc Tam Vũ diệt Phật cũng thế, chúng ta cho rằng vẫn chưa đến lúc pháp diệt, pháp ấy có thể tồn tại trong thế gian. Người ấy không chỉ hộ trì chính mình, mà còn khéo hộ trì người khác, cũng khéo hộ trì các đệ tử xuất gia theo pháp của đức Phật trong đời sau. Bất luận [người xuất gia ấy] trì giới hay chẳng trì giới, là pháp khí hay chẳng

phải pháp khí, cho đến chẳng thọ giới, hễ vừa cạo bỏ râu tóc, “*bị thương ca-sa*” (khoác áo ca-sa), thậm chí ca-sa ấy là ca-sa của sa-di, giống như mạn y⁸² của chúng ta, chẳng phải là phước điền y.

“*Phổ thiện thủ hộ, cung kính cúng dường*” (Khéo có thể thủ hộ trọn khắp, cung kính cúng dường): Xa lìa mười ác luân, vua Sát-đế-lợi ấy “*nãi chí Bà-la-môn đấng*” (cho đến hàng Bà-la-môn) có thể khéo hộ trì Phật pháp, có thể khiến cho Phật pháp trụ thế, khiến cho những người học pháp ấy chẳng bị tổn hại, náo loạn, bình đẳng hộ trì chánh pháp tam thừa. Đối với những phần kinh văn sau đó, quý vị hiểu ý nghĩa như vậy là được rồi. Hộ trì pháp Thanh Văn, chẳng hủy báng pháp Độc Giác, chẳng hủy báng pháp Đại Thừa. Hộ trì pháp Độc Giác, chẳng hủy báng pháp Thanh Văn, chẳng hủy báng pháp Đại Thừa. Vậy thì khi cúng dường pháp Đại Thừa, người ấy cũng chẳng hủy báng pháp Thanh Văn, cũng chẳng hủy báng pháp Độc Giác. Trong tam thừa, người ấy tin theo thừa nào, sẽ chẳng hủy báng hai thừa kia, phải cùng hộ trì tam thừa. Cũng chẳng ghét bỏ, cũng chẳng hủy báng, mà phải bình đẳng cúng dường. Nếu như Bồ Đặc Già La là bậc trụ quả, tức là trụ trong Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả. “*Trụ quả*” là nói đến toàn bộ La Hán Thừa, Thanh Văn Thừa. Người ấy đều phải “*thân cận cúng dường, thâm tâm kính trọng, thỉnh vấn, thỉnh thọ*” (thân cận cúng dường, thâm tâm kính trọng, thưa hỏi, nghe nhận).

(Kinh) Viễn ly phá giới, ác hạnh bất-sô. Ư chư sở thí tứ phương Tăng vật, chung bắt linh nhân phi pháp phí dụng, cần gia thủ hộ, cúng tứ phương Tăng. Ư Tốt-đồ-ba, cập Tăng Kỳ vật, chung bắt tự đoạt, bắt giáo tha đoạt, diệc bắt tự dụng, bắt giáo tha dụng. Ư năng biện thuyết tam thừa pháp nhân, cung kính cúng dường, gia hộ dĩ lực, bắt linh tha nhân phỉ báng, hủy nhục. Tôn trọng, an ủy chư xuất gia nhân. Tín thọ, hộ trì Như Lai thánh giáo. Chung bắt phá hoại chư Tốt-đồ-ba. Diệc thường hộ trì tứ phương Tăng tự. Ư ngã xuất gia chư đệ tử sở, chung bắt hủy phế, hoàn tục sách sử. Ư thập ác luân, tự bắt nhiễm tập, diệc thường khuyến tha ly thập ác luân. Cụ học tiên vương trị quốc chánh pháp. Thập Thiện nghiệp đạo, nhiếp hóa thế gian.

⁸² Mạn y (縵衣) là y không có điều (thường là màu nâu) dùng cho cư sĩ đã thọ Bồ Tát Giới (đối với phần lớn các tông phái thuộc Thiên Tông, người đã thọ Ngũ Giới đều đắp mạn y khi làm lễ sám hối). Do rất nhiều tông phái của Phật giáo, tăng sĩ không đắp y vàng (kể cả thiên phái Tào Động), cho nên y sa-di không có điều sẽ giống y hết mạn y của cư sĩ.

Thường đương thân cận chư thiện tri thức, thiêu Tam Bảo chủng, thường linh xá thịnh, thiện hộ pháp nhân, linh bất diệt một. Như thị chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Bà-la-môn đấng, do cụ như thị chư công đức cố, danh bất hư thọ quốc nhân bổng lộc. Nhất thiết thiên, long, Dược Xoa quý thần, nữ chí Yết Trá Bồ Đát Na đấng, giai sanh hoan hỷ, từ bi ủng hộ nhất thiết pháp khí, chân thật phước điền, diệc sanh hoan hỷ, từ bi hộ niệm.

(經)遠離破戒，惡行苾芻。於諸所施四方僧物，終不令人非法費用，勤加守護，供四方僧。於宰堵波，及僧祇物，終不自奪，不教他奪，亦不自用，不教他用。於能辯說三乘法人，恭敬供養，加護與力，不令他人誹謗毀辱。尊重安慰諸出家人。信受護持如來聖教。終不破壞諸宰堵波。亦常護持四方僧寺。於我出家諸弟子所，終不毀廢，還俗策使。於十惡輪，自不染習，亦常勸他離十惡輪。具學先王治國正法。十善業道，攝化世間。常當親近諸善知識，紹三寶種，常令熾盛，善護法眼，令不滅沒。如是真善剎帝利王，乃至真善婆羅門等，由具如是諸功德故，名不虛受國人俸祿。一切天、龍、藥叉鬼神，乃至羯吒布怛那等，皆生歡喜，慈悲擁護一切法器，真實福田，亦生歡喜，慈悲護念。

(Kinh: Xa lìa bậ-t-sô phá giới, ác hạnh. Đối với những vật cúng thí cho tứ phương Tăng, trọn chẳng để cho người khác sử dụng phung phí phi pháp, càng thêm siêng năng thủ hộ, cúng dường tứ phương Tăng. Đối với vật dụng trong tháp và vật dụng của Tăng chúng, trọn chẳng tự chiếm đoạt, hay dạy người khác chiếm đoạt, cũng chẳng tự dùng, dạy người khác dùng. Đối với bậc có thể biện thuyết pháp tam thừa, bèn cung kính cúng dường, gia tăng, hộ trì thể lực, chẳng để cho kẻ khác phi báng, hủy nhục [vị ấy]. Tôn trọng, an ủi các vị xuất gia, tin nhận, hộ trì thánh giáo của Như Lai. Trọn chẳng phá hoại các tòa tháp, cũng thường hộ trì chùa của tứ phương Tăng. Đối với các đệ tử xuất gia của ta, trọn chẳng hủy phế, ép buộc họ hoàn tục. Đối với mười ác luân, trọn chẳng tiêm nhiễm, cũng thường khuyên kẻ khác lìa mười ác luân. Học đầy đủ chánh pháp trị quốc của tiên vương. Dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo nhiếp hóa thế gian. Thường xuyên thân cận các vị thiện tri thức, nối tiếp

chúng tánh Tam Bảo, khiến cho thường hưng thịnh, khéo hộ trì pháp nhân, chẳng để diệt mất. Các chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến chân thiện Bà-la-môn như vậy do trọn đủ các công đức như thế, gọi là chẳng luống nhận bổng lộc của nhân dân. Hết thấy trời, rồng, Dược Xoa, quỷ thần, cho đến Yết Trá Bồ Đát Na v.v... đều sanh hoan hỷ, từ bi ủng hộ hết thấy pháp khí, phước điền chân thật cũng sanh hoan hỷ, từ bi hộ niệm).

Xa lia bạt-sô phá giới, ác hạnh. Ác hạnh tỳ-kheo có thể chuyển hóa; ở đây là nói [xa lia] những tỳ-kheo ác hạnh chẳng thể chuyển hóa. Họ chẳng nghe nhận, chẳng thể hưởng dụng vật cúng thí cho tứ phương Tăng. Hễ họ hưởng dụng, sẽ là phi pháp. “Cần gia thủ hộ” (Càng thêm siêng năng thủ hộ): Hộ trì các vật thuộc về Tăng chúng thanh tịnh, không cho các tỳ-kheo ác hạnh hưởng dụng. “U năng biện thuyết tam thừa pháp nhân, cung kính cúng dường” (Đối với người có thể biện luận, giảng nói pháp tam thừa, đều cung kính cúng dường): Cúng dường gì vậy? Đối với người có thể thuyết pháp tam thừa, bèn cung kính cúng dường, tăng thêm sức hộ trì.

Tuy đã phá giới, người ấy vẫn có thể giải thích các pháp, thì cũng phải cung kính cúng dường người ấy, thỉnh người ấy thuyết pháp, mà cũng chẳng để cho kẻ khác hủy báng người ấy. Tôn trọng, an ủi hết thấy người xuất gia. Tin nhận, hộ trì thánh giáo của Như Lai như vậy. Phạm là pháp do đức Phật đã nói, cũng chính là lời dạy của đức Phật, đều là thánh giáo. Bậc đại thánh nhân chẳng phá hoại pháp, chẳng phá hoại người học pháp, cũng chẳng phá hoại tốt-đỗ-ba, chẳng phá hoại chùa, tháp. Có những kẻ phá hoại tháp, miếu. Hiện thời, ở đây chúng ta chẳng thấy; nhưng nếu quý vị sang Đại Lục du lịch, bất luận đến một đạo tràng nào, quý vị sẽ thấy tháp, miếu bị phá hoại, chùa chiền bị thiêu hủy. Tạo những tội ấy chẳng thể nghĩ bàn. Nay ở đây đang nói đến những vị hảo nhân, hảo nhân là ai? Thiện tín thật sự, cho đến các vua Sát-đế-lợi vương, Bà-la-môn v.v... Họ không chỉ hộ trì người xuất gia chân chánh, mà còn hộ trì pháp, hộ trì chùa, hộ trì chùa của tứ phương Tăng và chùa miếu nơi Tăng nhân cư trú.

“U ngã xuất gia chư đệ tử sở, chung bất hủy phế, hoàn tục sách sử” (Đối với các đệ tử xuất gia của ta, trọn chẳng hủy phế, áp bức họ hoàn tục): Người ấy chẳng cưỡng ép người xuất gia. Hủy hoại chùa miếu, không cho phép xuất gia, buộc họ phải hoàn tục, thì gọi là “sách sử” (策使). Tăng nhân ở Đại Lục từng bị như thế. Dẫu sao, nhất định là

có tiền nhân (前因, cái nhân từ trước) gây nên sự hủy diệt, chẳng phải là vô duyên cớ mà sanh. Thiện thần hộ pháp sẽ chẳng hộ trì các ác quốc vương La Sát cho đến bọn ác Bà-la-môn v.v... như thế. “*U thập ác luân, tự bất nhiễm tập*” (Tự chẳng nhiễm mười ác luân), cũng thường khuyên kẻ khác lìa mười ác luân, học trọn đủ chánh pháp trị quốc của tiên vương, học trọn đủ những điều chư Phật chỉ dạy. Nói theo Phật pháp, Thập Thiện Nghiệp Đạo nhiếp hóa thế gian. Thập Thiện Nghiệp Đạo có cạn và sâu. Nếu bản thân chúng ta có thể chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tà dâm, chẳng vọng ngữ, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu, cho đến chẳng dấy lên tham, sân, si, tự thân thanh tịnh, cũng khuyên hết thảy chúng sanh đều như thế, chẳng tạo mười ác nghiệp, hành Thập Thiện Nghiệp, dùng Thập Thiện Nghiệp để “*nhiếp hóa thế gian, thường thời thân cận thiện tri thức*” (nhiếp hóa thế gian, thường luôn thân cận thiện tri thức). Liên quan đến thiện tri thức thì Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Luận⁸³ đã giảng rất cặn kẽ.

“*Thiệu Tam Bảo chủng*” (Nói tiếp chủng tánh Tam Bảo): Khiến cho chủng tánh Tam Bảo chẳng đoạn tuyệt. Chủng tánh Phật Bảo chẳng đoạn tuyệt, tức là hễ có [tượng Phật, Bồ Tát] bằng đất nặn, gỗ khắc, cho đến hình in hoặc vẽ trên giấy, đều coi là Phật Bảo. Đó là hóa thân của Phật Bảo. Chúng ta thấy tượng giấy, tượng đất, tượng gỗ khắc, bèn coi đó là hóa thân của chư Phật. Khi đức Phật ở trên cung trời Đao Lợi nói kinh Địa Tạng đã quá lâu, quốc vương, đại thần, và các đại đệ tử tưởng nhớ Phật, thỉnh họa sĩ vẽ tượng, vẽ hình tượng Phật. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật từ trên trời trở lại nhân gian, bức tượng vẽ ấy tự mình đến nghênh tiếp đức Phật. Do tượng ấy có sự thù thắng riêng, mọi người mới tôn kính. Quý vị đừng thấy đó là giấy, đừng coi đó là tượng đất, gỗ khắc. Nếu quý vị nghĩ đó là Phật thật thì sẽ thật sự là Phật. Nếu trong tâm cho rằng đó là bùn, cho rằng đó là giấy, thì nó chỉ là hình vẽ trên giấy!

Tổ sư Đôn Hà chê tượng Phật, muốn tìm xá-lợi trong tượng Phật. Vị hòa thượng kia bảo Ngài: “Đó là tượng tạc bằng gỗ, làm sao có xá-lợi cho được?” Lời ấy chẳng hoàn toàn đúng; đó là vì công lực tu hành của

⁸³ Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Quảng Luận (Lamrim Chenmo) do sáng tổ của Cách Lỗ Phái (Gelugpa) của Tây Tạng là Tông Khách Ba (Tsongkhapa) biên soạn vào năm 1405, dựa theo phần biện định về thứ tự của các quả vị chứng đạo trong bộ Bồ Đề Đạo Đẳng Luận của tôn giả A Đề Hạp (Atisha) người Ấn biên soạn. Ngài Tông Khách Ba đã phân định các kinh luận dựa trên các căn cơ (hạ sĩ, trung sĩ, thượng sĩ) và Chỉ Quán Luận để phân định các địa vị. Tác phẩm này đã được trưởng lão Pháp Tôn dịch sang tiếng Hán vào năm 1931.

quý vị chẳng đủ. Có khi hình tượng trên giấy có thể sanh ra xá-lợi. Công lực trọn đủ, giấy có thể sanh ra xá-lợi. Quý vị thấy trong Cảm Ứng Lục có chép [những câu chuyện như thế]: Từ kinh sách xuất hiện xá-lợi. Quốc sư Thanh Lương đọc kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm xuất hiện xá-lợi. Xá-lợi từ trong kinh sách rớt ra. Trong quá khứ, chuyện như vậy rất nhiều. Đấy đều là vì đạo đức cảm ứng gia trì, hoàn toàn chẳng có gì đáng ngạc nhiên! Nếu quý vị tu, cũng có thể đạt được!

Có khi trong Đại Tạng Kinh, mở Tạng Kinh ra tụng, sẽ sanh ra xá-lợi. Xá-lợi từ chỗ nào trong Tạng Kinh xuất hiện? Đó là do thiện thần hộ pháp cúng dường. Do vậy, tùy thuộc người tu đạo dùng tâm tình như thế nào để làm chuyện ấy. Công đức ấy là do tâm quý vị mà quyết định, chẳng phải là do hành vi đã làm mà quyết định. Quý vị phải hiểu đạo lý này. Sau khi đã biết, lúc quý vị tụng kinh, học pháp, nghe pháp, tâm quý vị sẽ có một loại cảm ứng, hoàn toàn chẳng phải là bên ngoài hiện tượng chi đó! Dầu phóng quang, cũng đừng coi đó là thật. Chỉ cần trong tâm quý vị đoạn phiền não thì mới là thật. Tâm chẳng phiền não, thường gìn giữ sự vui sướng thanh tịnh. Đó là thật, đấy là Pháp Thân của chính quý vị hiển hiện. Các hiện tượng được thấy từ bên ngoài đều là của người khác, chẳng phải là của quý vị. Cái thật sự của quý vị là trong tâm thanh lương, vĩnh viễn chẳng có nhiệt não. Người ta đánh, chửi, vũ nhục quý vị, quý vị đều [cảm thấy] tốt lắm, tiêu nghiệp chướng của ta. Giống như kinh Kim Cang đã dạy: Bị kẻ khác khinh mạn, vũ nhục, tức là trong đời trước quý vị đã tạo tội nghiệp đáng đọa địa ngục thọ báo, nay [do bị khinh mạn, vũ nhục, cho nên] vẫn chưa phải hứng chịu, tội nặng mà chịu báo nhẹ, quý vị đã chiếm tiện nghi to lớn!

Nếu ai chửi bới, quý vị nói “A Di Đà Phật”; khi ấy, quý vị niệm như vậy là thích đáng. Hoàn toàn chẳng phải là như khi gọi điện thoại, người ta hỏi quý vị: “Ai đó?”, bèn đáp: “A Di Đà Phật!” Vậy là không được rồi, quý vị đâu có phải là A Di Đà Phật! Người ta hỏi quý vị là ai cơ mà! Hiện thời, khi gọi điện thoại thường xuyên có [tình huống] như khi được hỏi: “Vị nào vậy?” [Người gọi trả lời]: “A Di Đà Phật!” Tôi nói: “Quý vị là A Di Đà Phật à?” Chúng tôi có nhiều đệ tử, hễ gọi điện thoại muốn nói chuyện với tôi, tôi vừa hỏi: “Vị nào vậy?” [Nghe đáp] “A Di Đà Phật”, tôi tưởng A Di Đà Phật gọi điện thoại cho tôi chứ! Có người cho rằng: “Nói năng trả lời đều niệm A Di Đà Phật thì dường như ta rất dụng công, chỗ nào cũng đều chẳng lìa khỏi A Di Đà Phật”. Thật ra, chẳng biết cái tâm đã chạy đến đâu mất rồi! Vì thế, pháp này phải khéo dùng, phải khéo dụng tâm!

Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta: Người có trí huệ khéo dùng cái tâm, đừng dùng sai chỗ! Dùng sai chỗ, không chỉ chẳng có lợi, mà còn hỏng bét! Người khác nghe thấy, sẽ rất khinh miệt, phải hiểu đạo lý này! Nói chúng ta không cần niệm kinh, lạy Phật, mà cứ mong cầu cảm ứng chi đó, [chẳng hạn như] hiện quang minh, bắc đèn hiện hoa, các chuyện ấy chẳng thấy đem lại cho quý vị lợi lạc chi cả! Chỉ là khiến cho quý vị tăng thêm tín tâm, khiến cho tín tâm của quý vị tốt hơn một chút, chứ quý vị chẳng đạt được lợi ích thật sự chi hết! Lợi ích thực tế là gì? Vào lúc đáng nầy sanh phiền não, sẽ chẳng có phiền não! Đối với người khác, đây là phiền não không ngăn, còn nơi quý vị sẽ là hoan hỷ, chẳng sầu não, sống lâu hơn một chút, bệnh tật cũng ít hơn!

Do vậy, hễ có bệnh thì vẫn phải trị. Đức Phật cũng nói đến chuyện chữa bệnh, nhưng quý vị phải biết nguyên nhân gây ra bệnh. Cái nhân quý vị đã tạo trong quá khứ, chỉ trông cậy vào y dược của thế gian sẽ chẳng đủ, quý vị phải trả nợ mà! Y dược thế gian chẳng thể bệnh gì cũng đều chữa được! Quý vị muốn uống thứ gì tốt một chút để kéo dài mạng sống ư? Tôi thấy trong quá khứ, đê vương, quan lại, người nào chẳng có tiền? Có hoàng đế nào chẳng ăn ngon? Họ có thể kéo dài thọ mạng hay không? Chẳng thể! Quý vị tích phước, hành nhiều thiện sự hơn, phóng sanh nhiều hơn, đừng giết kẻ khác, tự nhiên là người khác chẳng giết hại quý vị. Quý vị chẳng thương tổn người khác, người khác sẽ chẳng thương tổn quý vị. Nhưng quý vị chỗ nào cũng thương tổn kẻ khác, tự nhiên phải mắc báo ứng. Người lành và kẻ ác phân biệt ở chỗ này. Phải thật sự hộ trì Phật pháp, thường khiến cho Tam Bảo hưng thịnh, giống như hộ trì con mắt của chúng sanh vậy. Đó gọi là “*pháp nhân*”, khiến cho nó chẳng bị diệt mất. Sau khi chẳng bị diệt mất, hết thấy chúng sanh còn có pháp để học. Sau khi đã học, họ sẽ có thể ngộ đạo.

“Nhu thị chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, do cụ như thị công đức cố, danh bất hư thọ quốc nhân bồng lộc” (Chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn như thế, do trọn đủ công đức như thế, được gọi là “chẳng lường hưởng bồng lộc của dân chúng”): Sát-đế-lợi vương chính là [tượng trưng cho toàn thể] quốc gia, nhân dân cả nước cung kính ông ta. Các vị đại thần ấy “*nhất thiết thiên, long, Dược Xoa quý thân*” (hết thấy trời, rồng, Dược Xoa, quý thân), “*nữ chí Yết Trá Bồ Đát Na*” (cho đến Yết Trá Bồ Đát Na), “*thần*” là thần vương. Các vị thần vương ấy đều sanh lòng hoan hỷ, ngay cả các ác quỷ vương đều sanh hoan hỷ. “*Từ bi ủng hộ nhất thiết pháp khí, chân thật phước điền diệt sanh hoan hỷ, từ bi hộ*

niệm” (Từ bi ủng hộ hết thảy pháp khí, ruộng phước chân thật, cũng sanh hoan hỷ, từ bi hộ niệm).

(Kinh) Do thị nhân duyên, sở cư quốc độ, cập chư hữu tình, triển chuyển xí thịnh, an ổn phong lạc. Lân quốc binh qua bất năng xâm hại, giai kính mộ đức, tự lai quy phụ. Do thử triển chuyển khuyến tu thiện nghiệp, khô kiệt ác thú, tăng trưởng thiên nhân, thủ hộ thân mạng, linh đắc trường viễn, tự diệt phiền não, diệt linh tha diệt, trụ trì Bồ Đề đạo, Lục Ba La Mật Đa, phá hoại nhất thiết chúng tà ác đạo. Ư sanh tử hải, bất cứu trầm luân, thường ly ác hữu, thường cận thiện hữu, sanh sanh thường ngộ chư Phật, Bồ Tát, cung kính thừa sự, tăng vô tàm phế. Bất cứu giai đương tùy tâm sở nhạo, các các an trụ u Phật quốc độ, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

(經)由是因緣，所居國土及諸有情，展轉熾盛，安隱豐樂。鄰國兵戈不能侵害，皆敬慕德，自來歸附。由此展轉勸修善業，枯竭惡趣，增長天人，守護身命，令得長遠，自滅煩惱，亦令他滅，住持菩提道、六波羅蜜多，破壞一切眾邪惡道。於生死海，不久沉淪，常離惡友，常近善友，生生常遇諸佛菩薩，恭敬承事，曾無暫廢。不久皆當隨心所樂，各各安住於佛國土，證得無上正等菩提」。

(Kinh: Do nhân duyên ấy, quốc độ đang ở và các hữu tình lần lượt hưng thịnh, an ổn, giàu vui. Các nước lân cận chẳng dấy binh xâm lấn, đều kính yêu, hâm mộ đức, tự đến quy phục, xin phụ thuộc. Do vậy, lần lượt khuyến tu thiện nghiệp, khô cạn đường ác, tăng trưởng trời, người, thủ hộ thân mạng khiến cho dài lâu, tự diệt phiền não, cũng diệt [phiền não] cho người khác, trụ trì Bồ Đề đạo, Lục Ba La Mật Đa, phá hoại hết thảy các tà ác đạo, chẳng còn trầm luân lâu dài trong biển sanh tử, thường lia bạn ác, thường gần bạn lành, đời đời thường gặp chư Phật, Bồ Tát, cung kính thừa sự, chưa từng tàm bỏ. Chẳng lâu sau, sẽ đều thuận theo lòng muốn, ai nấy đều an trụ trong Phật quốc độ, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề).

Quốc gia ấy hết sức an định, cuộc sống hết sức vui sướng. “An ổn phong lạc” (An ổn, giàu có, vui sướng): Thậm chí các nước láng giềng đều chẳng thể xâm lấn. Binh lực [của họ] “bất năng xâm hại, giai kính mộ đức” (chẳng thể xâm lăng, gây hại, đều kính mộ đức), cung kính

quốc gia ấy, tán thán đức hạnh của quốc gia ấy. Họ tự nhiên quy thuận quý vị. Quý vị chẳng cần phải tranh đoạt, chẳng cần phải thảo phạt. Chỉ cần là bậc có đức, người khác đều cung kính quý vị. Quý vị dùng bạo lực mong hàng phục người khác. Hôm nay họ khuất phục, ngày mai họ lại chẳng phục, lại làm phản!

Đời Đường, thực lực quốc gia cường thịnh, đối đãi các nước chung quanh, chẳng hạn như đối với dân tộc Thổ Phồn⁸⁴. Dân Thổ Phồn cũng là người Tây Tạng, từ Thanh Hải cho đến Tây Tạng, chinh chiến nhiều năm, từ đời Đường mãi cho đến đời Thanh. Thời thịnh trị dưới đời hoàng đế Càn Long nhà Thanh, chiến tranh lớn nhỏ đã chết rất nhiều người. Từ nội địa [Trung Hoa], phát binh đánh sang Tây Khang, cho đến chỗ giáp ranh với Tây Tạng, tức vùng Đại Kim Xuyên và Tiểu Kim Xuyên, những nơi ấy gặp tai họa chiến tranh từ năm này qua tháng khác. Đây là thời thịnh trị Càn Long đấy nhé. Nếu chẳng phải là đời thịnh trị, chiến tranh lại càng chẳng cần phải nói nữa, xâm hại lẫn nhau. Hễ nơi nào có chiến tranh, nơi đó sẽ có tai dịch lưu hành, tức là chỗ ôn dịch lây lan, gió trái mùa, thủy tai vì nước dâng không đúng thời, hỏa tai do lửa

⁸⁴ Thổ Phồn (吐蕃, Bod chenpo, còn đọc là Thổ Phiên) là danh xưng người Hán gọi một vương quốc cổ trên đất Tây Tạng tồn tại từ thế kỷ thứ 7 cho đến thứ 9, có địa bàn bao gồm vùng đất trung Tháp Lý Mộc (Tarim), cao nguyên Tây Tạng, và một phần Bengal, kể cả tỉnh Cam Túc, tỉnh Thanh Hải, vùng Khang Ba (tỉnh Tứ Xuyên) và một phần tỉnh Vân Nam của Trung Hoa. Vương triều này được thành lập bởi Namri Songtsen từ đời Tùy, nhưng người đưa vương triều này đến mức cường thịnh nhất là Songtsen Gampo (con trai của Namri Songtsen, sử Trung Hoa gọi ông là Tùng Tán Can Bố). Thổ Phồn trở thành một mối đe dọa nơi biên giới phía Tây cho nhà Đường, nhất là sau khi Songtsen Gampo đánh bại và sát nhập vương quốc Thổ Dục Hồn (Tuyhuhun) vào Thổ Phồn. Đường Thái Tông đã gả công chúa Văn Thành cho Songtsen Gampo. Theo truyền thuyết, công chúa đã đem Phật giáo vào Tây Tạng. Người Tây Tạng coi nhà vua là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, công chúa Văn Thành (Mungchang Kungco trong tiếng Tây Tạng) được coi là hóa thân của Tara Bồ Tát (Độ Mẫu). Vương triều suy vong khi vua Tritsu Detsen (Ralpacan) bị ám sát bởi hai viên quan theo đạo Bön (tôn giáo bản địa của Tây Tạng, người Hoa gọi là Bồng giáo, hoặc Bần giáo), và anh của nhà vua là Langdarma (một người chống đạo Phật) lên ngôi. Langdarma bách hại đạo Phật, tàn phá chùa chiền, cuối cùng bị một tu sĩ Phật giáo ám sát. Các thủ lĩnh địa phương nổi lên tranh giành quyền lực, khiến vương triều suy vong và sụp đổ, Tây Tạng rơi vào cảnh nội chiến triền miên cho đến khi nhà Nguyên xâm lược, biến Tây Tạng thành phiên quốc của Trung Hoa, mãi cho đến khi Tai Situ Changchub Gyatsen đánh bại quân Mông Cổ, lập ra vương triều Phagmodrupa.

cháy đột ngột, chẳng nên cháy mà cứ cháy. Đây là Tứ Đại Chúng tứ giới xâm hại, do chẳng làm chuyện lành. Đó là quả báo.

Nhưng trong thời Mật Pháp, các hiện tượng [thịnh trị] ấy chẳng thể nào có! Vì sao chẳng thể có? Do lòng người chẳng có khả năng [tạo nên những hiện tượng thịnh trị được]. Nếu lòng người có khả năng thì sẽ là Chánh Pháp, chẳng gọi là Mật Pháp. Nhưng chúng ta chẳng thể đòi hỏi toàn thể đều như vậy, cốt sao mỗi cá nhân chúng ta đều nên tạo khả năng. Nếu tâm quý vị thuần hành Thập Thiện Nghiệp, Chánh Pháp sẽ trụ thế, ta duy trì Phật pháp trong cõi đời, tuyên dương Phật pháp, hành Thập Thiện Nghiệp, chẳng não hại bất cứ ai, mà bất cứ ai cũng chẳng não hại ta. Ta không báo thù, chỉ đòi hỏi chính mình, như vậy thì sẽ là hành Bồ Đề đạo, Phật pháp sẽ trụ thế lâu dài, Bồ Đề đạo cũng trụ thế. Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, Thiền Định, Bát Nhã, Lục Ba La Mật đều trụ thế lâu dài. “*Phá hoại nhất thiết chúng tà ác đạo, u sanh tử hải bất cứu trầm luân*” (Phá hoại hết thảy các tà ác đạo, chẳng còn trầm luân dài lâu trong biển sanh tử): Sẽ chẳng có biển sanh tử, nó chẳng tồn tại, mà trầm luân cũng chẳng có!

“*Thường ly ác hữu, thường cận thiện hữu, sanh sanh thường ngộ chư Phật, Bồ Tát*” (Thường lia bạn ác, thường gần bạn lành. Đòi đòi thường gặp chư Phật, Bồ Tát): Mọi người đừng cho rằng triều bái Ngũ Đài Sơn là gieo đại thiện căn chẳng thể nghĩ bàn, [cho nên người sống tại Ngũ Đài Sơn đều là thiện nhân]! Quý vị triều bái Ngũ Đài Sơn là đã gieo đại thiện căn, nhưng người sanh trưởng tại Ngũ Đài Sơn chẳng gieo thiện căn. “*Danh sơn để hạ vô thiện nhân*”, [nghĩa là] “kẻ sống nơi ngọn núi nổi tiếng chẳng có người lành”! Sau khi [Đại Lục] thực hiện chánh sách khoan dung tôn giáo, tôi dẫn các học tăng từ Trung Quốc Phật Học Viện, hơn hai mươi học tăng triều bái Ngũ Đài Sơn, đứng vào lúc tiết trời rất nóng. Ngũ Đài Sơn thuộc Đài Hoài Trấn, [trần ấy] cũng là trung tâm của vùng Ngũ Đài. Mỗi năm đến tháng Bảy, nơi ấy có đại hội lừa ngựa. Lừa ngựa trong phạm vi từ mười đến hai mươi huyện chung quanh đều đưa tới bán tại Đài Hoài Trấn. Lúc đó, chúng tôi muốn đến đó để quét dọn tháp của Năng Hải Thượng Sư⁸⁵, muốn trèo lên Đại Loa Đảnh

⁸⁵ Năng Hải thượng sư (1886-1967) là một vị danh Tăng ở Trung Hoa chủ trương phục hồi Mật Tông theo truyền thống Hán truyền Phật giáo. Sư xuất thân trong một gia đình nghèo tại Miên Trúc (tỉnh Tứ Xuyên), cha mẹ mất sớm. Sư vào học viện quân sự và trở thành sĩ quan huấn luyện tại trường võ bị Vân Nam. Mãi cho đến năm 1924, Sư mới thỏa nguyện xuất gia thuộc thế hệ 44 dòng Lâm Tế. Do tinh tấn tu hành, Sư được đặc cách thọ Cụ Túc Giới vào năm 1925 do lão hòa thượng Thích

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

thì chỗ ấy toàn là lừa với ngựa, chẳng có lợn! Các học tăng hỏi tôi: “Thưa lão pháp sư! Vì sao Ngũ Đài Sơn có lắm lừa và ngựa như vậy?” Tôi nói: “Quý vị phải chú ý. Nếu tu hành không tốt, quý vị thác sanh, có thể chẳng thành người, mà sẽ thành lừa, ngựa”. Tôi nói: “Những con lừa, ngựa ở Ngũ Đài Sơn chính là người dân sống quanh Ngũ Đài Sơn. Những người dân ấy chuyên môn ăn cắp đồ của hòa thượng, trộm cắp những vật trong chùa miếu. Thậm chí đá trong chùa cũng bị họ khiêng đi. Quý vị nói xem, có phải là ác hay không?” Có phải là người ở núi Phổ Đà, người ở núi Nga Mi đều hành thiện sự hay không? Chẳng thể nào! Vì sao? Các vị tự mình đoán thử xem, hoặc tự tham cứu, suy ngẫm, sẽ biết ngay!

Nếu có thể thường xuyên “*ngộ đáo chư Phật, Bồ Tát cung kính, thừa sự, tăng vô tam phế*” (gặp chư Phật, Bồ Tát bèn cung kính, thừa sự, chưa từng tam lợi là): Dầu trong một khoảng thời gian ngắn ngủi cũng chẳng phế xả, sẽ là “*tùy tâm sở nhạo*” (tùy lòng ưa thích), quý vị muốn sanh về thế giới Cực Lạc cũng thế, mà sanh lên trời cũng thế, vĩnh viễn sanh trong thiện đạo, hoặc là [sanh về] thế giới của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, tùy tiện mong đến nơi nào, “*các các an trụ ư Phật quốc độ*” (ai nấy đều an trụ trong quốc độ của Phật), là Phật quốc độ thanh tịnh. Phật quốc độ thanh tịnh của mười phương vô lượng chư Phật quý vị đều đến được. Đã tới Phật quốc độ thanh tịnh, còn chẳng thành Phật ư? Thành tựu ngay trong một đời! Trong thế giới Cực Lạc, chẳng còn thọ sanh luân chuyển nữa. Dầu thời gian dài đến mấy đi nữa, vẫn đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề rất ráo!

(Kinh) Nhĩ thời, chúng trung nhất thiết thiên đế, cập chư quyền thuộc, nữ chí nhất thiết Tát Xá Giá đế, cập chư quyền thuộc, tùng tòa

Quán Nhất chùa Bảo Quang (thành phố Thành Đô) làm đàn đầu. Cùng năm ấy, Sư theo pháp sư Đại Dũng từ Tứ Xuyên sang Tây Tạng học Phật. Suốt từ năm 1928 đến năm 1940, Sư nhiều lần sang Tây Tạng học Mật pháp, y chỉ Khang Tát thượng sư (Khangsar Rinpoche), được truyền pháp, trở thành đích tử đời thứ 28 của Cách Lỗ phái (Gelugpa). Sau khi học thành tài, Sư trở về Thành Đô, lập chùa Cận Từ chuyên môn phiên dịch và xuất bản kinh Phật, bồi dưỡng nhiều đệ tử, được tôn xưng mỹ hiệu là “*Tông Khách Ba tái sanh*”. Đến rạng sáng ngày 01 tháng Giêng năm 1967, pháp sư Thâm Đức vào liêu phòng của Ngài gọi Ngài dùng cháo sáng, thấy pháp sư đáp y, ngồi kiệt già, đã viên tịch từ lúc nào, thọ 81 tuổi. Di thể của Sư được an táng tại Thanh Lương Kiều ở Ngũ Đài Sơn. Mãi đến năm 1973, di thể của Ngài mới được đưa về chôn tại núi Bảo Tháp và lập tháp thờ.

nhi khởi, đảnh lễ Phật túc, hiệp chưởng, cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Đại đức Thế Tôn! Ư vị lai thế, hậu ngũ bách tuế, ư thử Phật độ, pháp dục diệt thời, nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, ư thập ác luân, tự năng viễn ly, diệt năng khuyến tha linh kỳ viễn ly, thiện hộ tự tha, thiện hộ hậu thế, hộ trì chánh pháp, thiệu Tam Bảo chủng, giai linh xí thịnh, vô hữu đoạn tuyệt. Dĩ yếu ngôn chi, như Phật sở thuyết, như thị đẳng nhân, ư tam thừa pháp, cung kính thính thọ, chung bất ẩn tàng. Ư tam thừa nhân, hộ trì, cúng dường, bất linh nhiều nã. Ư Tam Bảo vật, cần gia thủ hộ, bất linh xâm tổn. Ngã đẳng quyền thuộc, ư thử chân thiện Sát-đế-lợi vương, nữ chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, cần gia ủng hộ, linh kỳ thập pháp, giai đắc tăng trưởng”.

(經)爾時，眾中一切天帝，及諸眷屬，乃至一切畢舍遮帝，及諸眷屬，從座而起，頂禮佛足，合掌恭敬，而白佛言：「大德世尊！於未來世，後五百歲，於此佛土，法欲滅時，若有真善剎帝利王，乃至真善婆羅門等，於十惡輪，自能遠離，亦能勸他令其遠離，善護自他，善護後世，護持正法，紹三寶種，皆令熾盛，無有斷絕。以要言之，如佛所說，如是等人，於三乘法，恭敬聽受，終不隱藏。於三乘人，護持供養，不令擾惱。於三寶物，勤加守護，不令侵損。我等眷屬，於此真善剎帝利王，乃至真善婆羅門等，勤加擁護，令其十法，皆得增長。

(*Kinh: Lúc bảy giờ, trong đại chúng, hết thấy thiên đế và các quyền thuộc, cho đến hết thấy Tất Xá Giá đế và các quyền thuộc, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, chấp tay, cung kính, bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Trong đời mai sau, vào năm trăm năm cuối, trong cõi Phật này, khi pháp sắp diệt, nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... có thể tự xa lìa mười ác luân ấy, cũng có thể khuyến người khác khiến họ xa lìa, khéo hộ trì cả mình lẫn người, khéo hộ trì đời sau, hộ trì chánh pháp, nối tiếp chủng tánh Tam Bảo đều khiến cho hưng thịnh, chẳng bị đoạn tuyệt. Nói tóm gọn là như lời đức Phật dạy, những người như thế đối với pháp tam thừa, cung kính nghe nhận, trọn chẳng ẩn giấu. Đối với người thuộc tam thừa, hộ trì, cúng dường, chẳng khiến cho họ bị quấy nhiễu, nã loạn. Đối với vật thuộc về Tam Bảo, càng thêm siêng năng thủ hộ, chẳng để bị*

xâm phạm, tổn hại. Chúng con và quyến thuộc đối với chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn ấy, đều thêm siêng năng ủng hộ, khiến cho mười pháp ấy đều được tăng trưởng”).

“*Tát Xá Giá đế*” là vua quý hút máu, Tát Xá Giá (Piśāca) là một loài quỷ. “*Cập chư quyến thuộc*” (Và các quyến thuộc): Đây là Bồ Tát hóa hiện, đừng coi họ là quỷ. Nếu họ [thật sự] là quỷ, sẽ chẳng thể đến pháp hội này. Đó là Bồ Tát hóa hiện, thị hiện. Giống như chúng ta xem kinh Địa Tạng, thấy có rất nhiều quỷ vương. Những quỷ ấy cũng chẳng phải là bình phạm. Chẳng phải là quỷ vương Chủ Mạng sẽ thành Phật trong vị lai hay sao? Đức Phật thọ ký cho vị ấy, bảy mươi kiếp sau sẽ thành Phật. Đây là bậc đại Bồ Tát thị hiện. “*Tùng tòa nhi khởi*” (Từ chỗ ngồi đứng dậy), chẳng phải là một người, hay hai người. Chư thiên Đế Thích, thiên đê bao gồm rất nhiều, còn có nhiều quyến thuộc của họ, chữ “*nãi chí*” (cho đến) trong đoạn này diễn tả ý giản lược, [hàm nghĩa] còn có các quỷ vương thuộc tám bộ quỷ thần, còn có rất nhiều vị “*đánh lễ Phật túc, hiệp chưởng, cung kính*” (đánh lễ dưới chân Phật, chấp tay, cung kính); đó là nghi thức lễ kính đức Phật.

“*Nhi bạch Phật ngôn: - Đại đức Thế Tôn! Ư vị lai thế, hậu ngũ bách tuế, ư thử Phật độ, pháp dục diệt thời, nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, ư thập ác luân, tự năng viễn ly, diệt năng khuyến tha linh kỳ viễn ly, thiện hộ tự tha, thiện hộ hậu thế, hộ trì chánh pháp, thiêu Tam Bảo chủng, giai linh xí thịnh, vô hữu đoạn tuyệt*” (Bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đại đức Thế Tôn! Trong đời mai sau, vào năm trăm năm cuối, trong cõi Phật này, khi pháp sắp diệt, nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... có thể tự xa lìa mười ác luân ấy, cũng có thể khuyến người khác khiến họ xa lìa, khéo hộ trì cả mình lẫn người, khéo hộ trì đời sau, hộ trì chánh pháp, nói tiếp chủng tánh Tam Bảo đều khiến cho hưng thịnh, chẳng bị đoạn tuyệt”). Đoạn kinh văn này do mọi người cùng xưng nói, hướng về đức Phật bày tỏ. Họ nói trong thời Mạt Pháp, vào năm trăm năm cuối, Phật pháp sắp tiêu diệt, các quốc vương, Bà-la-môn ấy rời lìa mười ác luân, lại còn có thể khuyến người khác rời xa, khéo thủ hộ chính mình, khéo thủ hộ đời sau, hộ trì chánh pháp, có thể tiếp nối hưng thịnh chủng tánh Tam Bảo, đều khiến cho hưng thịnh, chẳng bị đoạn tuyệt. “*Dĩ yếu ngôn chi, như Phật sở thuyết*” (Nói tóm lại, đúng như lời Phật dạy): Đoạn kinh văn này chẳng phải là hoàn toàn lặp lại lời đức Phật đã dạy, “*như thị đẳng nhân, ư tam thừa pháp, cung kính thỉnh*

thọ, chung bắt ân tàng, u tam thừa nhân, hộ trì cung kính, bắt linh nhiều nã” (những người như thế đối với pháp tam thừa, cung kính nghe nhận, trọn chẳng ân giấu. Đối với người tam thừa, hộ trì cúng dường, chẳng khiến cho họ bị quấy nhiễu, não loạn), “nhiều” (擾) là quấy rối, làm não hại.

“U Tam Bảo vật, cần gia thủ hộ, bắt linh xâm tổn. Ngã đẳng quyền thuộc, u thủ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, cần gia ủng hộ, linh kỳ thập pháp giai đắc tăng trưởng” (Đối với vật dụng của Tam Bảo, càng thêm siêng thủ hộ, chẳng để bị xâm phạm, tổn hại. Chúng con và quyền thuộc đối với chân thiện Sát-đế-lợi vương ấy cho đến chân thiện Bà-la-môn v.v... càng thêm siêng năng ủng hộ, khiến cho mười pháp ấy đều được tăng trưởng). Đó là thiện thân hộ pháp. Chúng ta thường nói đến thiện thân hộ pháp, có bao nhiêu thiện thân hộ pháp? Cũng là số lượng chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị có điều thiện thì hai bên thân sẽ có thiện thân hộ pháp. Quý vị đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, mỗi giới có năm vị thiện thân hộ pháp. Quý vị phá một giới, sẽ mất đi năm vị. Năm giới đều phá, hai mươi lăm vị thiện thân hộ pháp ấy đều chẳng còn nữa. Do vậy, phải trì giới, trì giới thanh tịnh. Mỗi giới đều có năm vị thiện thân hộ pháp, chỉ cần quý vị phá một giới, sẽ chẳng còn nữa. Quý vị cũng chẳng thể trông thấy. Nếu quý vị đã phá một giới, sẽ cảm thấy áo não, cảm thấy rất không thoải mái, đó là vì thiện thân đã rời đi, ác thân bèn tìm đến!

Trong kinh Phật, Giới Kinh có nói: Thuở đó, tại Ấn Độ, đức Phật cho phép tỳ-kheo ăn thịt, nhưng tỏi, hẹ, hành, kiệu, hưng cừ, tức ngũ huân (五葷, năm thứ rau có mùi hôi nồng) đều chẳng thể ăn. Vì sau khi ăn, ban đêm khi ngủ, quỷ vương, ác thần sẽ tới ăn, chẳng phải là ăn thịt quý vị, mà là hít lấy hơi quý vị thở ra. Họ hút lấy hơi thở ấy, bèn no đủ, [khí phận của] quý vị sẽ ứng hợp với họ. Do vậy, đức Phật chẳng cho phép đệ tử ăn ngũ huân; những thứ đó mới gọi là ngũ huân. Chúng ta thường gọi ăn thịt là ngũ huân, chẳng phải vậy, đó gọi là Tinh (腥, tanh tươi). Tinh chẳng phải là Huân, tỏi, hành... mới là Huân. Kế đó, nói tới mười pháp, khiến cho mười pháp đều được tăng trưởng. Mười pháp nào vậy?

(Kinh) Hà đẳng vi thập? Nhất giả, tăng trưởng thọ mạng. Nhị giả, tăng trưởng vô nạn. Tam giả, tăng trưởng vô bệnh. Tứ giả, tăng trưởng quyền thuộc. Ngũ giả, tăng trưởng tài bảo. Lục giả, tăng trưởng tư cụ. Thất giả, tăng trưởng tự tại. Bát giả, tăng trưởng danh

xung. Cứu giả, tăng trưởng thiện hữu. Thập giả, tăng trưởng trí huệ. Đại đức Thế Tôn! Nhược bỉ chân thiện Sát-đê-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, u thập ác luân, tự năng viễn ly, diệc năng khuyến tha linh kỳ viễn ly, cụ tiền sở thuyết chư công đức giả, ngã đẳng ủng hộ, định đương đắc thử thập pháp tăng trưởng.

(經)何等為十？一者、增長壽命。二者、增長無難。三者、增長無病。四者、增長眷屬。五者、增長財寶。六者、增長資具。七者、增長自在。八者、增長名稱。九者、增長善友。十者、增長智慧。大德世尊！若彼真善剎帝利王，乃至真善婆羅門等，於十惡輪，自能遠離，亦能勸他令其遠離，具前所說諸功德者，我等擁護，定當得此十法增長。

(Kinh: Những gì là mười? Một là tăng trưởng thọ mạng. Hai là tăng trưởng không nạn. Ba là tăng trưởng không bệnh. Bốn là tăng trưởng quyền thuộc. Năm là tăng trưởng của cải. Sáu là tăng trưởng vật dụng cần dùng. Bảy là tăng trưởng tự tại. Tám là tăng trưởng tiếng tăm. Chín là tăng trưởng bạn lành. Mười là tăng trưởng trí huệ. Đại đức Thế Tôn! Nếu chân thiện Sát-đê-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn ấy, đối với mười ác có thể tự xa lìa, cũng có thể khuyên người khác khiến cho xa lìa, sẽ trọn đủ các công đức như đã nói trên đây. Chúng con sẽ ủng hộ khiến cho người ấy nhất định đạt được mười pháp tăng trưởng ấy).

Những gì là mười? Một là tăng trưởng thọ mạng, tức trường thọ. Hai là tăng trưởng vô nạn, tai nạn gì cũng đều chẳng có. Tai nạn gì đến chỗ quý vị cũng đều hóa hiểm thành lành. Có khi ở Đài Loan, tôi gặp tai nạn xe cộ ở ngay trước mặt; ở trên đường, bất cứ lúc nào cũng đều có thể thấy. Đụng xe, tôi nghĩ chỉ sai lệch một vài giây. Người đó lái mau hơn một chút sẽ vượt qua, hoặc chậm một chút, cũng chẳng va chạm. Họ chẳng mau, chẳng chậm, vừa đúng lúc đụng phải. Đó gọi là nghiệp. Đây là sự thật. Quý vị chẳng có cái nghiệp ấy, thọ mạng của quý vị dài lâu, tăng trưởng vô nạn, tăng trưởng vô bệnh. Chúng ta phát Bồ Đề tâm, còn có cái tâm tăng trưởng, thiện căn lúc nào cũng đều tăng trưởng, nghiệp chướng sẽ tùy thời mà biến mất. Thọ mạng của quý vị có phải là cố định hay không? Vẫn chẳng phải là cố định! Nếu quý vị làm như thế (tức là không hành mười ác luân), sẽ tăng trưởng thọ mạng. Thọ mạng của một

người vốn là sáu mươi tuổi, nay chúng ta có thể tăng trưởng đến một trăm tuổi. Như vậy là “*tăng trưởng thọ mạng, tăng trưởng vô nạn, tăng trưởng vô bệnh, tăng trưởng quyền thuộc*”. Không chỉ bản thân quý vị cát tường, mà người cùng ở với quý vị sẽ đều cát tường. Họ mong thân cận quý vị, mong theo quý vị. Còn “*tăng trưởng tài bảo, tăng trưởng tự tại, tăng trưởng tự tại*” (tăng trưởng của cải, tăng trưởng các vật dụng cần dùng, tăng trưởng tự tại), các điều này chẳng dễ dàng. Tăng trưởng tự tại là cuộc sống rất thoải mái, không phiền, không náo, thông dong, nhàn hạ, chẳng có gì nhiều loạn quý vị. Làm chuyện gì cũng đều có cảm giác tự tại.

“*Tăng trưởng danh xưng*” (Tăng trưởng tiếng tăm), thanh danh chính là “*danh*” trong câu này. Người hiện thời chẳng phải là háo danh hay sao? Cái danh ấy chẳng phải do quý vị cầu được. Nếu quý vị làm chuyện tốt, tiếng lành sẽ lan xa. Giống như danh xưng của Thích Ca Mâu Ni Phật, mười phương pháp giới chư Phật đều biết. A Di Đà Phật, các cõi Phật đều biết. Không chỉ riêng thế giới này của chúng ta muốn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, trong mười phương thế giới, người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ rất nhiều, đến đó để tham học. Hãy nên biết, họ đến thế giới Cực Lạc để tham học. Chúng sanh trong thế giới Cực Lạc muốn đến chỗ Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Bất Động Như Lai, hoặc tới các nơi để tham học [rất dễ dàng]. Bởi lẽ, các vị Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc và đại chúng trong Liên Trì Hải Hội mỗi sáng sớm thức dậy, vào lúc ăn sáng, họ đến mười ức cõi Phật trong mười phương để cúng dường, xong xuôi quay về, vẫn chưa ăn sáng. Quý vị có thể tham cứu điều đó có nghĩa là gì?

“*Tăng trưởng thiện hữu*” (Tăng trưởng bạn lành): Người tốt muốn thân cận quý vị, người xấu đều lìa khỏi. Đó là “*phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân*” (các phương pháp tương tự được gom thành nhóm, mọi sự vật tùy theo đặc tánh mà chia thành từng loại riêng), bao hàm ý nghĩa ấy. Cuối cùng là “*tăng trưởng trí huệ*”, sẽ tăng trưởng trí huệ Bát Nhã. “*Đại đức Thế Tôn! Nhược bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, u thập ác luân, tự năng viễn ly, diệc năng khuyến tha linh kỳ viễn ly, cụ tiền sở thuyết chư công đức giả, ngã đẳng ủng hộ*” (Bạch Đại đức Thế Tôn! Nếu các chân thiện Sát-đế-lợi vương, cho đến các chân thiện Bà-la-môn ấy có thể tự xa lìa mười ác luân, mà cũng có thể khuyến người khác xa lìa, sẽ trọn đủ các công đức như đã nói trên đây, chúng con sẽ ủng hộ). Đối với mười loại vừa nói trên đây, chúng con đều ủng hộ, khiến cho họ trường thọ, cho đến tăng trưởng trí huệ,

khiến cho họ có trí huệ. “*Định đương đắc thủ thập pháp tăng trưởng*” (Nhất định sẽ đều đắc mười pháp tăng trưởng ấy): Chúng con hộ trì người ấy, khiến cho mười pháp ấy tăng trưởng nơi người ấy!

(Kinh) Phục thứ, Thế Tôn! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, thành tựu như tiền sở thuyết công đức, ngã đẳng quyên thuộc cần gia ủng hộ, linh u thập pháp giai đắc viễn ly. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, viễn ly nhất thiết oán gia khẩu địch. Nhị giả, viễn ly nhất thiết phi ái sắc, thanh, hương, vị, xúc cảnh. Tam giả, viễn ly nhất thiết chướng lệ tật bệnh. Tứ giả, viễn ly nhất thiết tà chấp ác kiến. Ngũ giả, viễn ly nhất thiết tà vọng quy y. Lục giả, viễn ly nhất thiết tà ác tai quái. Thất giả, viễn ly nhất thiết tà ác sự nghiệp. Bát giả, viễn ly nhất thiết tà ác tri thức. Cửu giả, viễn ly nhất thiết tại gia ú nê. Thập giả, viễn ly nhất thiết phi thời yếu táng. Đại đức Thế Tôn! Nhược bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, nãi chí chân thiện Bà-la-môn đẳng, thành tiền sở thuyết chư công đức giả, ngã đẳng ủng hộ, định đương đắc thủ thập pháp viễn ly.

(經)復次，世尊！若有真善剎帝利王，乃至真善婆羅門等，成就如前所說功德，我等眷屬勤加擁護，令於十法皆得遠離。何等為十？一者、遠離一切怨家寇敵。二者、遠離一切非愛色聲香味觸境。三者、遠離一切障癘疾病。四者、遠離一切邪執惡見。五者、遠離一切邪妄歸依。六者、遠離一切邪惡災怪。七者、遠離一切邪惡事業。八者、遠離一切邪惡知識。九者、遠離一切居家淤泥。十者、遠離一切非時夭喪。大德世尊！若彼真善剎帝利王，乃至真善婆羅門等，成前所說諸功德者，我等擁護，定當得此十法遠離。

(Kinh: Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn thành tựu các công đức như đã nói trên đây, quyên thuộc chúng con sẽ càng siêng năng ủng hộ, khiến cho họ đều được xa lìa mười pháp. Những gì là mười? Một là xa lìa hết thấy oán gia, giặc cướp, đối địch. Hai là xa lìa hết thấy cảnh “sắc, thanh, hương, vị, xúc” chẳng đáng yêu mến. Ba là xa lìa hết thấy tai chướng, dịch lệ, bệnh tật. Bốn là xa lìa hết thấy tà chấp, ác kiến. Năm là xa lìa hết thấy quy y tà vạy, hư vọng. Sáu là xa lìa hết thấy tà ác tai quái.

Bảy là xa lìa hết thấy sự nghiệp tà ác. Tám là xa lìa hết thấy tri thức tà ác. Chín là xa lìa hết thấy bùn lầy tại gia. Mười là xa lìa hết thấy chết yếu chẳng đúng thời. Bạch đại đức Thế Tôn! Nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn ấy thành tựu các công đức như đã nói trên đây, chúng con sẽ ủng hộ, nhất định khiến cho họ sẽ được xa lìa mười pháp ấy).

Ngoài tăng trưởng mười pháp ra, còn có mười pháp sẽ xa lìa. “*Viễn ly nhất thiết oán gia khẩu địch*” (Xa lìa hết thấy oán gia, giặc cướp, địch nhân): Địch nhân và những kẻ phản đối quý vị sẽ đều xa lìa, cho đến cường đạo như tôi vừa mới nói cũng sẽ xa lìa. “*Viễn ly nhất thiết phi ái sắc thanh hương vị xúc cảnh*” (Xa lìa hết thấy những cảnh “sắc, thanh, hương, vị, xúc” chẳng đáng yêu mến): Các thứ cảnh “sắc, thanh, hương, vị, xúc” quý vị không ưa thích đều chẳng hiện tiền, những gì quý vị yêu thích mới hiện tiền. “*Phi ái*” nghĩa là quý vị chẳng ưa thích. Cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc không ưa thích đều chẳng thể hiện tiền. Mắt quý vị cũng chẳng trông thấy, tai cũng chẳng nghe thấy, chẳng dính dáng lục căn của quý vị. Đây là thần hộ pháp tránh cho quý vị.

“*Tam giả, viễn ly nhất thiết chướng lệ tật bệnh*” (Ba là xa lìa hết thấy tai chướng, dịch lệ, bệnh tật): Bệnh truyền nhiễm vô hiệu đối với quý vị. Dẫu bệnh gì được coi là rất nguy hại, quý vị cũng chẳng cần sợ hãi. Chẳng phải là tôi đã từng nói với mọi người hay sao: Bệnh phong cùi [khiến cho bệnh nhân] rụng sạch lông mày, cái tâm sẽ dần dần phát điên. Sau đó, còn cắn ngón tay của chính mình, cứ một mực cắn mãi. Tại Tây Tạng, nếu gặp phải bệnh nhân thuộc loại này, bèn đưa họ lên đỉnh núi cao, dùng đá làm nhà cho họ ở, người trong nhà khi đưa cơm cho họ, đều cách rất xa, kêu họ tự tới lấy, mãi cho đến khi họ chết mới thôi!

Tại Đại Lục, cũng có người mắc bệnh phong cùi ấy, bị cách ly khỏi mọi người. Căn bệnh này rất nguy hại. Nhà thờ nước Pháp chuyên thu thập bệnh nhân phong cùi, tinh thần của đạo Thiên Chúa chẳng thể nghĩ bàn! Tôi rất tán thán họ. Mấy cô y tá và bác sĩ, chẳng có ai sống sót trở về. Họ vào trong đó, tối đa là năm năm, tối thiểu là ba năm, hoặc trễ hơn một chút, nhất định sẽ bị lây bệnh. Bọn họ sống ở đó để trị liệu bệnh nhân, trừ bớt nỗi khổ nạn của họ. Khi tôi ở trong tù, họ bắt một người như thế, sáu mươi mấy tuổi rồi. Khi đưa đến mới biết người ấy mắc bệnh phong cùi, liền giam riêng một phòng, cách ly với chúng tôi. Cần có người đưa cơm cho kẻ ấy, ai cũng chẳng muốn đi. Tôi nói: “Tôi đi là được rồi!” Làm chuyện ấy rất tốt, tôi cũng chẳng cần phải lao động,

chuyện gì cũng không làm. Hằng ngày đưa cơm cho người ấy, khi đó, còn đút cơm cho người ấy. Về sau, người ấy toàn thân rữa nát, hỏi người ấy có đau khổ hay không? Người ấy cũng chẳng biết, lắc đầu tỏ vẻ không biết, toàn thân đã hư nát rồi. Tôi từ căn phòng ấy đi ra, người khác cũng chẳng ở chung với tôi, tôi ở riêng một buồng giam.

Sau đó, có rất nhiều bác sĩ khám nghiệm, nói tôi chẳng bị lây bệnh. Sau đây, họ lại ở chung với tôi. Quả thật, sau này tôi không bị bệnh. Căn bệnh ấy chẳng lây cho tôi, chính mình có tín tâm. Nhưng khi đó vì sao tôi làm như vậy? Tôi cũng mong chết. Chết kiểu đó cũng rất tốt, thối rữa mà chết, tiêu tai miễn nạn! Nhưng tôi không chết được, đại khái là để đợi cho đến hiện thời, tôi và mọi người cùng nhau học tập. Có rất nhiều chuyện chẳng thể nghĩ bàn, vì lúc ấy bệnh truyền nhiễm hết sức dữ dội. Nhưng còn có nghiệp gì? Tà tri, ác kiến, chúng ta vẫn còn có, cũng chớ nên cho rằng chúng ta đã tin Phật thì một chút tà kiến cũng chẳng còn! Tôi thấy mỗi người [đều có tà kiến] hoặc nhiều, hoặc ít. Chánh kiến nhiều hơn, tà kiến sẽ ít đi, vì chánh kiến khắc phục tà kiến. Chúng ta nhìn vấn đề, suy nghĩ sự việc, có rất nhiều chỗ chẳng đúng, chẳng chánh xác; ngàn vạn lần chớ nên kiêu ngạo, tự mãn. Chúng ta học quá ít, biết quá ít, lại còn dấu biết mà chẳng thể làm, chẳng thể chuyển biến cái tâm của chính mình.

Tham, sân, si, chúng ta đều biết là độc, có ai chẳng nổi giận? Chúng ta là đệ tử đức Phật, kẻ chẳng tin Phật thì không nói, có ai chẳng dấy lên lòng tham? Lòng tham bao gồm rất nhiều thứ, kể cả khi chúng ta học thiện pháp. Chẳng hạn như chúng ta trì bảy biến chú Đại Bi, bảy biến chẳng thành, bèn niệm một trăm lễ tám biến. Đây chẳng phải là tham ư? Nhưng do nó thuận theo thiện tâm sở, chẳng thể xếp vào tham, nhưng trong hàm nghĩa thì có. Nếu quý vị niệm một lượt, chân thành, cũng là công đức vô lượng. Một trăm lễ tám biến diệt sạch vọng tưởng, vẫn chẳng tốt bằng một biến, có hàm nghĩa này, tức là nói quý vị phải thành tâm một lần, có tín tâm thật sự.

“Đệ tử, viễn ly nhất thiết tà chấp ác kiến” (Thứ tư là xa lìa hết thảy chấp trước tà vạy và ác kiến): Có lúc nào chẳng thiện thuận, chẳng điều nhu như thế. Nghe kẻ khác nói bèn chẳng tiếp nhận: “Tao học điều này rất khá, bọn mày học chẳng ra cái quái gì!” Những điều đó đều thuộc về tà kiến! Kinh văn trong bộ kinh này đã dạy: Quý vị nghe pháp Thanh Văn Thừa, nếu báng pháp Độc Giác Thừa, nếu báng pháp Đại Thừa, sẽ là tà kiến. Học pháp Đại Thừa, nếu bài xích pháp Thanh Văn, bài xích pháp Độc Giác, sẽ là tà kiến. Chánh và tà chỉ trong vòng một

niệm! Cho nên chúng ta hãy có dịp bên sám hối cho nhiều, chớ nên cố chấp ý kiến của chính mình, chớ nên cho rằng những gì ta trông thấy đều đúng, chưa chắc đâu nhé! Quý vị thấy là vàng, người khác thấy là trắng. Vì quý vị đeo cặp kiếng màu, vì quý vị có rất nhiều vọng niệm, rất nhiều tạp niệm, rất nhiều kiến giải chẳng chánh xác, làm sao thấy chánh xác cho nổi? Chỉ có chiếu theo lời Phật dạy để chứng minh là chánh xác hay chẳng chánh xác! Quý vị đừng nên cố chấp ý mình. Nói điều này là tà tri, tà kiến cũng đừng sợ. Vì chúng ta niệm A Di Đà Phật chính là chánh kiến. Quý vị niệm A Di Đà Phật cũng đừng bài xích Dược Sư Phật, vì quý vị niệm A Di Đà Phật, [trông thấy] kẻ khác niệm kinh Dược Sư, [bèn phản đối]: “Chẳng thể được! Sao người không niệm A Di Đà Phật? Ta đi về phương Tây, người đi sang phương Đông, không được rồi. Như thế là trật lất rồi!” Đó là tà tri, tà kiến! Quý vị nói: “Chỗ nào tôi cũng chẳng đi, tôi là người thuộc thế giới Sa Bà, tôi cần đến thế giới Cực Lạc làm chi, quá khó!” Như vậy thì cũng chẳng đúng, đấy cũng là tà tri, tà kiến. Khi chưa nhập Tín vị, rất khó nói quý vị là chánh tri, chánh kiến. Sau khi đã tin, có hoàn toàn đúng hay không? Vẫn chưa được! Ất cần phải đạt đến Sơ Trụ thì mới bất thoái; đó gọi là Phát Tâm Trụ. Lại phát Bồ Đề tâm, phát Bồ Đề tâm trước kia không tính, đấy chẳng phải là thật sự phát!

“Viễn ly nhất thiết tà vọng quy y” (Xa lìa hết thảy quy y tà vọng): Chuyện này càng nhiều hơn! Sau khi đã quy y Tam Bảo, vẫn muốn xử quẻ, vẫn muốn tin thần. Sau khi đã quy y Tam Bảo, vẫn mong sống trên đời cả trăm năm, hoặc một ngàn năm, học tập Khí Công để cho thân thể mình tốt đẹp hơn đôi chút, có thể chữa bệnh. Chẳng phải là muốn bảo dưỡng thân thể trường thọ, chỉ muốn cho thân thể mình khỏe mạnh. Nếu nói thật sự nghiêm ngặt, đệ tử Phật đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, yêu cầu rất nhiều. Hơn nữa, có rất nhiều đệ tử muốn thọ Bồ Tát Giới, quý vị phải học trước, quý vị có lá gan to gan ấy hay không? Phát Bồ Đề tâm. Ta vừa thoát ly Bồ Đề tâm, sẽ đọa địa ngục. Đã phạm, ta sám hối thì được! Quý vị muốn thành Phật, một niệm tâm ấy đã vượt xa rất nhiều kiếp! Do vậy, trước khi thọ Bồ Tát Giới, phải học trước. Quý vị nhận biết rõ ràng rồi mới có thể thật sự gánh vác. Như vậy rồi mới đi thọ giới. Tam Quy, Ngũ Giới, và Bồ Tát Giới ắt cần phải thọ, có thể gánh vác thì cũng nên thọ. Chẳng thể gánh vác thì cũng phải thọ. Vì sao? Có thể gieo chủng tử thành Phật, hãy phạm liền sám hối. Sám hối như thế nào? Lạy Phật, niệm Phật đều có thể sám hối. Thậm chí niệm Địa Tạng Bồ Tát đều có thể sám hối. Kinh Chiêm Sát cũng dạy như thế, dạy tu hai loại Quán. “Nếu

chẳng tu thành Nhất Thật cảnh giới thì có thể niệm tên ta cũng được!”
Tức là xưng niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát thì cũng có thể tiến nhập tu Quán.

Cho đến “*viễn ly nhất thiết tà ác tri thức*” (xa lìa hết thảy tri thức tà ác). Tri kiến tà ác của quý vị do đâu mà có? Do tri thức tà ác dạy bảo! Xa lìa họ thì sẽ chẳng còn.

“*Viễn ly nhất thiết tại gia ứ nê*” (Xa lìa hết thảy bùn lầy tại gia): Coi tại gia như hồ bùn. Thật ra, những vị thần ấy cũng đang ở trong bùn lầy. Thiên, nhân, A Tu La, lục đạo đều ở trong bùn lầy. Nếu đã rời lìa thì Phạm Thiên chẳng có bùn lầy. Sau đó, ông ta cũng sẽ đọa trong bùn lầy, chẳng rõ ráo, do chưa thành Phật.

“*Viễn ly nhất thiết phi thời yếu táng*” (Xa lìa hết thảy chết yếu không đúng thời): Tử vong chết yếu, thọ mạng chưa hết. Mọi người đọc kinh Dược Sư, chẳng phải là thấy có chín loại chết đột ngột (“*hoanh tử*”, 橫死) ư? Không đáng chết, gặp phải cái chết không đúng thời, giống như tôi vừa mới nói: Đi sớm hơn một bước sẽ chẳng mắc phải nghiệp ấy, chậm một bước cũng chẳng mắc phải nghiệp ấy. Quý vị đi nhanh một chút sẽ vượt qua, hoặc chậm một chút sẽ chẳng đặng phải. Chẳng nhanh, chẳng chậm, vừa khớp bị xe tông phải, xảy ra chuyện! “*Yếu táng*” (夭喪, chết yếu) rất khó nói. Trẻ thơ trong bụng mẹ còn chưa sanh ra đã chết. Chết trong thai cũng có. Cho đến xét theo thọ mạng, độ tuổi nào chết cũng đều có. Chết ngang xương (“*hoanh tử*”) kiểu nào cũng có. Tại Hương Cảng cũng rất nhiều [trường hợp chết ngang xương như vậy]. Người đi bên dưới, bên trên sửa chữa, rơi một cục gạch xuống, hoặc là rơi thứ gì đó, đúng ngay vào đầu, người đó chết ngay, làm sao chẳng gọi là “không đáng chết” cho được? Biết làm sao đây? Chuyện như vậy rất nhiều, đó gọi là “*yếu táng*”.

Bạch đại đức Thế Tôn! Nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương cho đến các chân thiện Bà-la-môn ấy thành tựu các công đức như đã nói trên đây, tức là công đức như trong phần trước đã nói “chính mình xa lìa mười ác luân, lại khuyên người khác cũng rời xa mười ác luân”, do thành tựu công đức ấy, người đó nhất định sẽ đạt được mười pháp viễn ly này, tức là xa rời mười loại tai nạn đó.

(Kinh) Phục thứ, Thế Tôn! Nhược hữu chân thiện Sát-đế-lợi vương, cụ tu như tiền sở thuyết công đức, linh viên mãn giả, ngã đẳng quyến thuộc, cần gia ủng hộ, linh thử đế vương, tịnh chư quyến thuộc, cập kỳ quốc độ nhất thiết nhân dân, linh ư thập pháp, giai đắc viễn ly.

Hà đẳng vi thập? Nhất giả, viễn ly nhất thiết tha quốc oán địch. Nhị giả, viễn ly nhất thiết tự quốc oán địch. Tam giả, viễn ly nhất thiết hung ác quỷ thần. Tứ giả, viễn ly nhất thiết khiên dương kháng hạn. Ngũ giả, viễn ly nhất thiết phục âm, trệ vũ. Lục giả, viễn ly nhất thiết phi thời hàn nhiệt, liệt phong, bạo vũ, sưng bạc tai hại. Thất giả, viễn ly nhất thiết ác tinh biến quái. Bát giả, viễn ly nhất thiết cơ cấn hoang kiệt. Cửu giả, viễn ly nhất thiết phi thời bệnh tử. Thập giả, viễn ly nhất thiết tà chấp, ác kiến. Đại đức Thế Tôn! Nhược bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, cụ tu như tiền sở thuyết công đức, linh viên mãn giả, ngã đẳng quyên thuộc, cần gia ủng hộ, linh thử đế vương, tịnh chư quyên thuộc, cập kỳ quốc độ nhất thiết nhân dân, định đương đắc thử thập pháp viễn ly”. Nhĩ thời, Thế Tôn tán chư thiên đế, cập kỳ quyên thuộc, nãi chí nhất thiết Tất Xá Giá đế, cập quyên thuộc ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Nhữ đẳng nãi năng phát thử thệ nguyện. Thử sự giai thị nhữ đẳng ưng tác. Do thị nhân duyên, đương linh nhữ đẳng trường dạ an lạc”.

(經)復次，世尊！若有真善剎帝利王，具修如前所說功德，令圓滿者，我等眷屬，勤加擁護，令此帝王，並諸眷屬，及其國土一切人民，令於十法，皆得遠離。何等為十？一者、遠離一切他國怨敵。二者、遠離一切自國怨敵。三者、遠離一切兇惡鬼神。四者、遠離一切愆陽亢旱。五者、遠離一切伏陰滯雨。六者、遠離一切非時寒熱、烈風、暴雨、霜雹災害。七者、遠離一切惡星變怪。八者、遠離一切饑饉荒儉。九者、遠離一切非時病死。十者、遠離一切邪執惡見。大德世尊！若彼真善剎帝利王，具修如前所說功德，令圓滿者，我等眷屬，勤加擁護，令此帝王，並諸眷屬，及其國土一切人民，定當得此十法遠離」。爾時，世尊讚諸天帝，及其眷屬，及至一切畢舍遮帝，及眷屬言：「善哉！善哉！汝等乃能發此誓願。此事皆是汝等應作。由是因緣，當令汝等長夜安樂」。

(Kinh: “Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu có chân thiện Sát-đế-lợi vương, tu trọn đủ viên mãn các công đức như đã nói trên đây, quyên thuộc chúng con càng thêm siêng năng ủng hộ, khiến cho đế vương và các quyên thuộc, cùng với hết thảy nhân dân trong quốc độ đều được xa

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

lìa mười pháp. Những gì là mười? Một là xa lìa hết thấy oán địch từ nước khác. Hai là xa lìa hết thấy oán địch trong nước mình. Ba là xa lìa hết thấy quỷ thần hung ác. Bốn là xa lìa hết thấy chuyện dương khí quá thịnh gây ra hạn hán dữ dội. Năm là xa lìa hết thấy tối tăm lâu ngày, mưa dầm. Sáu là xa lìa hết thấy nóng lạnh trái thời, gió loạn, mưa cuồng, sương, mưa đá tai hại. Bảy là xa lìa hết thấy sao xấu biến hiện quái lạ. Tám là xa lìa hết thấy đói kém, mất mùa. Chín là xa lìa hết thấy chết chóc vì bệnh tật trái thời. Mười là xa lìa hết thấy tà chấp, ác kiến. Bạch đại đức Thế Tôn! Nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương ấy tu trọn đủ viên mãn các công đức như đã nói trên đây, quyến thuộc chúng con càng thêm siêng năng ủng hộ, khiến cho đế vương ấy và các quyến thuộc, cùng với hết thấy nhân dân trong nước, nhất định sẽ được xa lìa mười pháp ấy”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen ngợi các thiên đế cùng với quyến thuộc, cho đến hết thấy Tất Xá Giá đế và các quyến thuộc rằng: “Lành thay! Lành thay! Các ông có thể phát ra thệ nguyện này. Chuyện này là chuyện các ông nên làm. Do nhân duyên này, sẽ khiến cho các ông yên vui trong đêm dài”).

Còn có những pháp xa lìa, “*hà đẳng vi thập?*” (những gì là mười?) “*Viễn ly nhất thiết tha quốc oán địch*” (Xa lìa hết thấy oán địch từ nước khác) là nói theo phía quốc vương. “*Viễn ly nhất thiết tự quốc oán địch*” nghĩa là quốc gia của chính mình chẳng có oán địch, sẽ không có chuyện phản loạn, quân mình chẳng tàn sát lẫn nhau. Quân nước khác cũng chẳng kéo đến. “*Tam giả, viễn ly nhất thiết hung ác quỷ thần*” (Ba là xa lìa hết thấy quỷ thần hung ác), quỷ thần hung ác chẳng thể xâm phạm, quấy nhiễu. “*Tứ giả, viễn ly nhất thiết khiên dương kháng hạn*” (Bốn là xa lìa hết thấy chuyện dương khí quá thịnh gây ra hạn hán dữ dội): Tức là nạn hạn hán, nói đơn giản [“*khiên dương kháng hạn*”] là nạn hạn hán. “*Ngũ giả, viễn ly nhất thiết phục âm trệ vũ*”: (Năm là xa lìa hết thấy âm u nhiều ngày, mưa dầm): Âm u lâu ngày chẳng quang đăng, sau đó, lại còn phát sanh lũ lụt. “*Lục giả, viễn ly nhất thiết phi thời hàn nhiệt*” (Sáu là xa lìa hết thấy lạnh, nóng trái thời): Nên lạnh mà chẳng lạnh, nên nóng mà chẳng nóng. Hiện thời, khí hậu điên đảo như thế đó. Khi tôi còn bé, miền Đông Bắc là mấy chục độ âm, gần đây đã thay đổi, tối đa là mười độ âm đã hiếm hoi lắm rồi. Mùa Hè lại còn đặc biệt nóng. Đây là mưa gió chẳng đúng thời, tai họa nảy sanh liên tiếp. “*Liệt phong, bạo vũ, sương bạc tai hại*” (Gió loạn, mưa cuồng, sương, mưa đá gây tai hại): Sương tuôn, mưa đá rất nhiều! “*Thất giả, viễn ly nhất thiết ác tinh*

biến quái. Bát giả, viễn ly nhất thiết cơ căn hoang kiệm. Cửu giả, viễn ly nhất thiết phi thời bệnh tử. Thập giả, viễn ly nhất thiết tà chấp ác kiến” (Bảy là xa lìa hết thấy sao xấu biến hiện quái dị. Tám là xa lìa hết thấy đối kềm, mất mùa. Chín là xa lìa hết thấy cái chết chẳng đúng thời. Mười là xa lìa hết thấy tà chấp, ác kiến): Hơi giống phần trước.

“Đại đức Thế Tôn! Nhược bỉ chân thiện Sát-đế-lợi vương, cụ tu như tiền sở thuyết công đức, linh viên mãn giả, ngã đẳng quyền thuộc cần gia ủng hộ” (Bạch đại đức Thế Tôn! Nếu chân thiện Sát-đế-lợi vương ấy tu trọn đủ viên mãn các công đức như đã nói trên đây, quyền thuộc chúng con càng thêm siêng năng ủng hộ). Như thế sẽ *“linh thử đế vương, tịnh chư quyền thuộc, cập kỳ quốc độ nhất thiết nhân dân, định đương đắc thử thập pháp viễn ly”* (khiến cho đế vương và các quyền thuộc cùng với hết thấy nhân dân trong nước, nhất định sẽ được xa lìa mười pháp ấy). Mười pháp ấy chính là pháp xa lìa sẽ được nói trong phần kế tiếp.

(Kinh) Nhĩ thời, Thiên Tạng Đại Phạm phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Duy nguyện thánh ngã vị vị lai thế, thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, thuyết Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú. Do thử Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú oai thần lực cố, linh vị lai thế, thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, bất vị nhất thiết oán địch, ác hữu chi sở tồi phục. Năng linh nhất thiết oán địch, ác hữu tự nhiên thoái tán. Năng thiện hộ trì thân, ngữ, ý, nghiệp, vị chư trí giả thường sở xưng tán, ly chư ác pháp. Thường hành thiện pháp, thường ly nhất thiết tà kiến, tà quy. Thường u Đại Thừa tinh tấn tu hành, dũng mãnh, kiên cố. Thường năng thành tựu vô lượng, vô số sở hóa hữu tình, trí bất y tha, tự nhiên thiện xảo, cụ năng tu hành Lục Đáo Bỉ Ngạn trân bảo phục tạng, viễn ly nhất thiết phần, xan, tật đẳng phiền não triền cấu. Thường vị nhất thiết nhân phi nhân đẳng, cung kính hộ niệm, chư hữu sở vị, tâm vô vong thất, bất xả hữu tình, nhạo Tứ Nhiếp sự. Thường bất viễn ly pháp khí phước điền”.

(經)爾時，天藏大梵復白佛言：「世尊！唯願聽我為未來世，此佛土中，一切真善剎帝利王，說能護國不退輪心大陀羅尼明咒章句。由此護國不退輪心大陀羅尼明咒章句威神力故，令未來世，此佛土中，一切真善剎帝利王，

不為一切怨敵惡友，之所摧伏。能令一切怨敵惡友，自然退散。能善護持身語意業，為諸智者常所稱讚，離諸惡法。常行善法，常離一切邪見邪歸。常於大乘精進修行，勇猛堅固。常能成就無量無數所化有情，智不依他，自然善巧，具能修行六到彼岸珍寶伏藏，遠離一切忿慳嫉等煩惱纏垢。常為一切人非人等，恭敬護念，諸有所為，心無忘失，不舍有情，樂四攝事。常不遠離法器福田」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Thiên Tạng Đại Phạm lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Kính mong cho phép con vì hết thầy chân thiện Sát-đế-lợi vương trong cõi Phật này nơi đời vị lai, nói Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú. Do sức oai thần của Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú này, khiến cho hết thầy chân thiện Sát-đế-lợi vương trong cõi Phật này nơi đời vị lai chẳng bị hết thầy oán địch và bạn ác dẹp tan, hàng phục. Có thể khiến cho hết thầy oán địch và bạn ác tự nhiên lui tan, có thể khéo hộ trì thân, ngữ, ý nghiệp, được những người có trí thường ca ngợi, lìa các ác pháp. Thường hành thiện pháp, thường lìa hết thầy tà kiến, tà quy. Thường dùng nhẫn, kiên cố, tinh tấn tu hành Đại Thừa. Thường có thể thành tựu vô lượng vô số hữu tình được hóa độ, trí chẳng phải cậy vào người khác, tự nhiên thiện xảo, có thể trọn đủ kho tàng trân quý Lục Đáo Bỉ Ngạn, xa lìa hết thầy các phiền não triền cấu như phân, keo kiệt, ganh ghét v.v... Thường được hết thầy nhân phi nhân v.v... cung kính hộ niệm, những gì đã làm tâm chẳng quên mất, chẳng bỏ hữu tình, thích hành Tứ Nhiếp. Thường chẳng xa lìa ruộng phước pháp khí”).

Thiên Tạng Đại Phạm bắt đầu thỉnh vấn: “Thế Tôn! Duy nguyện thỉnh ngã vị vị lai thế, thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, thuyết Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú” (Bạch đức Thế Tôn! Kính mong cho phép con vì hết thầy chân thiện Sát-đế-lợi vương trong cõi Phật này nơi đời vị lai, nói Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú): Bất thoái luân, bất thoái gì vậy? Phải trì chú này. Do oai lực của Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú, có thể khiến cho trong Phật quốc độ vào thời Mạt Pháp, tất cả quốc vương thật sự tốt đẹp “bất vị nhất thiết oán địch ác hữu chi sở tội phục, năng linh nhất thiết

oán địch ác hữu tự nhiên thoái tán” (chẳng bị hết thấy oán địch và bạn ác dẹp tan, hàng phục, có thể khiến cho oán địch và bạn ác tự nhiên lui tan): Họ mong chinh phạt quý vị, trong nước họ sẽ dấy lên nội loạn, dấy lên biến hóa, họ sẽ phải lui tan.

“*Năng thiện hộ trì thân, ngữ, ý nghiệp*” (Có thể khéo hộ trì thân, ngữ, ý nghiệp): Chuyện này chẳng dễ dàng, có thể khiến cho thân, ngữ, ý nghiệp của Sát-đế-lợi chẳng phạm sai trái, chẳng làm các điều ác. Đó là [tác dụng của] bài chú này.

“*Vị chư trí giả thường sở xưng tán, ly chư ác pháp*” (Được những người có trí thường ca ngợi, lia các pháp ác): Xa lia hết thấy các ác pháp, thường hành thiện pháp, thường lia hết thấy tà kiến, tà quy, [tà quy] là quy hướng những thứ không chánh đáng! “*Thường u Đại Thừa tinh tấn tu hành, dũng mãnh, kiên cố, thường thành tựu vô lượng vô số sở hóa hữu tình, trí bất y tha, tự nhiên thiện xảo*” (Thường đối với Đại Thừa, tinh tấn tu hành, dũng mãnh, kiên cố, thường thành tựu vô lượng, vô số hữu tình được hóa độ trí chẳng cậy vào ai khác, tự nhiên hay khéo): Đây là thành tựu trí huệ, [trí huệ ấy] chẳng phải do những điều khác khởi lên, mà là do tự tâm biến hóa. Tôi thường nói với các đạo hữu: Khi quý vị đọc tụng Đại Thừa, hãy đọc tụng nhiều lần. Bộ kinh này quý vị vốn không hiểu, sau khi đã đọc, sẽ hiểu toàn bộ, thông suốt trước sau, cũng chẳng cần phải hỏi ai khác. Đó gọi là “*bất do tha đắc*” (chẳng do ai khác mà đạt được). Loại trí huệ này do quý vị tinh tấn tu tập mà đạt được, tự nhiên có trí huệ thiện xảo!

“*Cụ năng tu hành Lục Đáo Bỉ Ngạn trân bảo phục tạng*” (Có thể tu hành trọn đủ kho tàng trân bảo Lục Đáo Bỉ Ngạn): Lục Ba La Mật giống như kho tàng trân bảo, thoát ly biển sanh tử tới bờ kia Niết Bàn. “*Viễn ly nhất thiết phần, xan, tật đặng phiền não triền cấu*” (Xa lia hết thấy các phiền não triền cấu như phần, keo kiệt, ghen ghét v.v...): Phần hận, keo tham, ghen ty, chướng ngại, những món phiền não ấy ràng buộc, quấy nhiễu quý vị, đều là cấu nhiễm. “*Thường vị nhất thiết nhân phi nhân đặng cung kính hộ niệm, chư hữu sở vi, tâm vô vong thất*” (Thường được hết thấy nhân phi nhân v.v... cung kính hộ niệm. Những việc đã làm, tâm đều chẳng quên mất): Đạt được trí chẳng thể nghĩ bàn, cũng tức là trí nhớ mạnh mẽ, chẳng bỏ hữu tình, thích hành Tứ Nhiếp, tức bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, [đó là] Tứ Nhiếp Pháp. Dùng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, bốn loại ấy để nhiếp thọ hết thấy hữu tình. “*Thường bất viễn ly pháp khí phước điền*” (Thường chẳng xa lia pháp khí phước điền): Thường chẳng lia pháp, thường chẳng lia Pháp Bảo.

Phước ấy vô lượng.

(Kinh) Phật ngôn: “Thiên Tạng! Ngô kim tứ nhữ vị vị lai thế, thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, thuyết Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú. Do thử Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú oai thần lực cố, linh vị lai thế, thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, bất vị nhất thiết oán địch, ác hữu chi sở tội phục, quảng thuyết nãi chí thường bất viễn ly nhất thiết chư Phật, cập Phật đệ tử”. Nhĩ thời, Thiên Tạng Đại Phạm tức thuyết Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú: “Đát diệt tha. Mâu ni mạo lệ. Mâu na yết lạp phiệt. Mâu ni hột lê đạt duệ. Mâu ni rô ha tỳ chiết lệ. Mâu na hạt lật chề. Mâu ni cấp mê. Thúc ngật la bác sai. Bát la xa bác sai. Mật ra bác sai. Tao lạt bà hột lật đế. Đố lạt noa ngật lật chiết lệ. Bát đát la xoa hột lật đế. Cự cụ noa mật lệ. Áp phiệt xoa tát lệ. Át nô ha kỳ lý phiệt. Mâu ni bát tháp phiệt. Sa ha”.

(經)佛言：「天藏！吾今恣汝為未來世，此佛土中，一切真善剎帝利王，說能護國不退輪心大陀羅尼明咒章句。由此護國不退輪心大陀羅尼明咒章句威神力故，令未來世，此佛土中，一切真善剎帝利王，不為一切怨敵惡友，之所摧伏，廣說乃至常不遠離一切諸佛，及佛弟子」。爾時，天藏大梵即說護國不退輪心大陀羅尼明咒章句：「怛經他。牟尼冒隸。牟尼揭臘筏。牟尼紇梨達曳。牟尼噓訶毗折隸。牟尼曷栗制。牟尼笈謎。束訖羅博差。鉢邏奢博差。蜜囉博差。騷刺婆紇栗帝。妬刺拏訖栗折隸。鉢怛邏叉紇栗帝。具具拏蜜隸。喞筏叉薩隸。遏怒訶祇履筏。牟尼鉢塔筏。莎訶」。

(Kinh: Đức Phật nói: “Này Thiên Tạng! Ta nay cho phép ông vì hết thấy các vị vua Sát-đế-lợi vương chân thiện trong cõi Phật này vào thuở vị lai, nói Năng Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú. Do sức oai thần của Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú này, khiến cho trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, hết thấy chân thiện Sát-đế-lợi vương chẳng bị hết thấy oán địch và bạn ác dẹp tan, hàng phục, nói rộng cho đến thường chẳng xa

lìa Phật và các đệ tử Phật”. Lúc bấy giờ, Thiên Tạng Đại Phạm liền nói Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Ni Minh Chú Chương Cú: “Đát điệt tha. Mâu ni mạo lệ. Mâu na yết lạp phiệt. Mâu ni hột lê đạt duệ. Mâu ni rô ha tỳ chiết lệ. Mâu na hạt lạt chế. Mâu ni cấp mê. Thúc ngật la bác sai. Bát la xa bác sai. Mật ra bác sai. Tao lạt bà hột lạt đế. Đố lạt noa ngật lạt chiết lệ. Bát đát la xoa hột lạt đế. Cự cụ noa mật lệ. Ấp phiệt xoa tát lệ. Át nô ha kỳ lý phiệt. Mâu ni bát tháp phiệt. Sa ha”).

Thiên Tạng Đại Phạm vì hộ trì vị chân thiện Sát-đế-lợi vương, khiến cho quốc gia của ông ta chẳng còn bị tai họa nữa, bèn nói bài chú như vậy, nhưng ắt cần phải thỉnh đức Phật cho phép. Đức Phật liền cho phép ông ta nói. Lại còn bảo bài chú ấy rất hay, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh, khiến cho hết thảy Sát-đế-lợi vương có thể đạt được rất nhiều lợi ích to lớn, cho phép ông ta nói.

“Đát điệt tha”: Đát điệt tha (Tadyathā) là gì? Chính là “tức thuyết chú viết” (liền nói chú rằng), các bài chú trong các kinh đều có [câu này]. Chẳng phải là các bài chú đều rất dài, nhưng Đát-điệt-tha chính là “tức thuyết chú viết”, cũng là khởi sự nói chú. Mỗi bài chú đều có câu này. Sau câu đó (câu “tức thuyết chú viết”) mới là chú thật sự, những câu trước đó chẳng phải là chú. Như trong chú Lăng Nghiêm, có rất nhiều câu chẳng phải chú thật sự. Đại Bi Chú cũng thế, quý vị phải biết từ chữ “đát điệt tha” trở đi mới là chú ngữ. Những câu trước đó là gì? Những câu trước đó là tiền phương tiện, cũng thuộc về nghi thức, nghi quỹ giảng kinh thuyết pháp. Do vậy, chú Lăng Nghiêm nhiều cỡ nào? “Tất đát đa bát đát ra” (Sitātapatrā)⁸⁶ chính là chú Lăng Nghiêm. Đó

⁸⁶ Trong chú Lăng Nghiêm, cuối hội thứ năm, sau chữ Tadyathā là “án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạt xà ra đà rị, bàn đà, bàn đà nhĩ, bạt xà ra bát ng ni phẩn, hổ hồng đô rô ung phẩn, sa bà ha” (Aum, anale, viśade, vīra vajra-dhare, bandha, bandhane vajrapaṇe, phaṭ phaṭ hūṃ trūṃ phaṭ svāha). Nhưng nói chú Lăng Nghiêm là Tất Đát Đa Bát Đát Ra vì khi nói chú này, đức Phật đã phóng quang từ nhục kế trên đỉnh đầu nói ra, và chú này có tên gọi đầy đủ là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm. Tất Đát Đa Bát Đát Ra dịch nghĩa là Đại Bạch Tán Cái (tàn lọng trắng) do hai chữ Sita (màu trắng) và Atapatrā (dù, lọng) ghép lại. Trong Mật Tông, đây là một vị Phật Đảnh, tức thân cụ thể của trí huệ Phật, với danh xưng là Đại Bạch Tán Cái Phật Đảnh Phật Mẫu (Uṣṇīṣasitātapatrā). Vị này được đặc biệt tôn sùng trong Tạng Truyền Phật Giáo. Vị Phật Đảnh này thường được tạo hình dạng nữ Bồ Tát, có ba mặt sáu tay, hoặc ba mặt tám tay, đôi khi lên đến một ngàn tay, một ngàn mặt, một ngàn chân, một triệu mắt, nhằm biểu thị mạnh mẽ phá tan các phiền não trong tam thiên đại thiên thế giới. Pháp khí tiêu biểu là bánh xe pháp luân và chiếc lọng trắng. Các nhà chú giải cho

gọi là “*chú tâm*”⁸⁷. Còn có những bài chú ngắn hơn Lăng Nghiêm, cũng có bài rất dài. So với phần Đát-điệt-tha ở đây còn dài hơn. Từng bài chú đều là như vậy.

“*Đát điệt tha. Mâu ni mao lệ*”: Chữ Mâu Ni trong “*mâu ni mao lệ*” chính ra phải nói là Ma Ni. Khi phiên dịch đã tùy thuận cách phát âm [thuở đó] mà phiên dịch thành “*mâu ni mao lệ*”. Đối với âm thanh khi niệm chú, quý vị đừng nuốt chữ, phải phát âm cho chuẩn. Nếu dựa theo mặt chữ để niệm, quý vị sẽ niệm sai. Nếu quý vị niệm Mâu Ni Mạo Lệ là được, đọc thành Mâu Ni Mạo Đãi⁸⁸ là đã khác rồi. “*Mâu na yết lap phiệt. Mâu ni hột lê đạt duệ. Mâu ni rô ha tỳ chiết lệ. Mâu na hạt lật chế. Mâu ni cấp mê. Thúc ngật la bác sai. Bát la xa bác sai*” Chữ La (囉) này khi phát âm luôn đọc thành Ra. Đối với câu “*mật ra bác sai*”, quý vị đừng đọc theo nguyên âm (tức La), đọc chữ [“囉” trong] Mật La phải kèm thêm bộ Khẩu. Phạm là chữ nào có thêm bộ Khẩu, sẽ đọc thành Ra. “*Tao lạt bà hột lật đế. Đố lạt noa hột lật chiết lệ. Bát đát la xoa hột lật đế. Cự cụ noa mật lệ. Ấp phiệt xoa tát lệ. Át nô ha kỳ lý phiệt. Mâu ni bát tháp phiệt. “Sa ha”* (Svāha) là thành tựu, hết thấy đều đã thành tựu.

(Kinh) Thiên Tạng Đại Phạm thuyết thị chú dĩ, phục bạch Phật ngôn: “Duy nguyện Thế Tôn, cập chư đại chúng, u ngã sở thuyết đại đà-la-ni, giai sanh tùy hỷ”. Thế Tôn cáo viết: “Thiện tai! Thiện tai!” Nhất thiết đại chúng diệc tác thị ngôn: “Thiện tai! Thiện tai!”

(經)天藏大梵說是咒已，復白佛言：「唯願世尊，及諸大眾，於我所說大陀羅尼，皆生隨喜」。世尊告曰：「善哉！善哉！」一切大眾亦作是言：「善哉！善哉！」

(Kinh: Thiên Tạng Đại Phạm nói chú ấy xong, lại bạch cùng đức Phật: “Kính mong đức Thế Tôn và các đại chúng đối với đại đà-la-ni do

rằng năm hội của chú Lăng Nghiêm, tương ứng với ngũ trí Như Lai, và toàn thể các câu chú trước chữ Đát-điệt-dạ-tha chính là lời quy kính xưng tụng danh hiệu của các vị Phật, Bồ Tát, kim cương, minh vương, hộ pháp, yết ma quý thần chúng trong mỗi bộ thuộc Ngũ Bộ.

⁸⁷ Chú tâm (咒心) có nghĩa là Chú tâm là câu chú chánh yếu, cốt lõi của cả bài chú. Những câu trước chữ Tadyathā thường là những danh hiệu, những lời tán dương chư Phật, hoặc vị bộ chủ (chân ngôn chủ) của bài chú ấy.

⁸⁸ Chữ Lệ (隸) khi viết theo lối giản thể sẽ thành “隶” trùng với lối viết cổ của chữ Đãi (逮), nên nếu không chú ý sẽ đọc sai Lệ thành Đãi khi niệm chú.

con đã nói đều sanh lòng tùy hỷ”. Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay!” Hết thầy đại chúng cũng nói như thế này: “Lành thay! Lành thay!”).

Thiên Tạng nói xong bài chú ấy, thưa: “Con hy vọng đức Thế Tôn và hết thầy đại chúng có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể sanh tâm tùy hỷ đối với bài chú con vừa nói”. Đức Thế Tôn bảo rằng: “Lành thay! Lành thay! Được lắm, Ta tùy hỷ, tùy hỷ”. Đại chúng cũng đều nói: “Lành thay! Lành thay! Ta tùy hỷ”.

(Kinh) Nhữ thời, Thế Tôn phục cáo tôn giả Đại Mục Càn Liên, cập cáo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát viết: - Thiện nam tử! Nhữ đẳng giai ưng thọ trì như thị Thiên Tạng Đại Phạm sở thuyết Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại Đà La Mi Minh Chú Chương Cú, truyền thọ vị lai thử Phật độ trung, nhất thiết chân thiện Sát-đế-lợi vương, linh tự thọ trì, cập linh lưu bố. Do thị nhân duyên, bỉ chư chân thiện Sát-đế-lợi vương, tịnh chư quyến thuộc, cập quốc nhân dân, nhất thiết giai đắc lợi ích an lạc, thường chuyển pháp luân, danh xưng cao viễn, oai đức xí thịnh, tồi diệt tà kiến, kiến lập chánh kiến, thủ hộ pháp nhãn, thiệu Tam Bảo chủng, giai linh xí thịnh, vô hữu đoạn tuyệt, thành thực vô lượng, vô biên hữu tình, u Đại Thừa trung, kiên cố tịnh tín, cứu trụ viên mãn, năng cụ tu Lục Ba La Mật Đa, đoạn nhất thiết chướng, tốc đáo cứu cánh.

(經)爾時，世尊復告尊者大目乾連，及告彌勒菩薩摩訶薩曰：「善男子！汝等皆應受持如是天藏大梵所說護國不退輪心大陀羅尼明咒章句，傳授未來此佛土中，一切真善剎帝利王，令自受持，及令流佈。由是因緣，彼諸真善剎帝利王，並諸眷屬，及國人民，一切皆得利益安樂，常轉法輪，名稱高遠，威德熾盛，摧滅邪見，建立正見，守護法眼，紹三寶種，皆令熾盛，無有斷絕，成熟無量無邊有情，於大乘中，堅固淨信，久住圓滿，能具修六波羅蜜多，斷一切障，速到究竟」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo tôn giả Đại Mục Càn Liên (Đại Mục Kiền Liên), và Di Lặc Bồ Tát rằng: - Nay thiện nam tử! Các ông đều nên thọ trì Hộ Quốc Bất Thoái Luân Tâm Đại

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

Đà La Ni Minh Chú Chương Cú do Thiên Tạng Đại Phạm đã nói như thế, truyền dạy cho hết thầy chân thiện Sát-đế-lợi vương trong cõi Phật này vào thuở vị lai, khiến cho họ tự thọ trì và lưu truyền. Do nhân duyên ấy, các vị chân thiện Sát-đế-lợi vương và các quyến thuộc, cùng với nhân dân trong nước, hết thầy đều được lợi ích, yên vui, thường chuyển pháp luân, tiếng tăm cao xa, oai đức lừng lẫy, phá diệt tà kiến, kiến lập chánh kiến, thủ hộ pháp nhãn, nối tiếp chúng tánh Tam Bảo, khiến cho đều hưng thịnh, chẳng bị đoạn tuyệt, thành thực vô lượng, vô biên hữu tình, lòng tin trong sạch kiên cố đối với Đại Thừa, tồn tại lâu dài viên mãn, có thể tu trọn Lục Ba La Mật Đa, đoạn hết thầy các chướng, nhanh chóng đạt đến rốt ráo).

Sau khi Thiên Tạng Đại Phạm nói xong bài chú ấy, đã mong cầu đức Thế Tôn và đại chúng tùy hỷ. Đức Phật bèn bảo đại đệ tử Mục Kiền Liên và Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát là đại đệ tử trong các vị Bồ Tát, Mục Kiền Liên là đại đệ tử trong chúng Thanh Văn. Di Lặc Bồ Tát giảng sanh tại Ấn Độ, thị hiện nhục thân, chẳng giống như Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng ở trong thế gian này, Ngài hóa hiện. Đức Phật bảo ngài Mục Kiền Liên và Di Lặc Bồ Tát: “Các ông đều phải nên thọ trì Hộ Quốc Bất Thoái Tâm Đà La Ni Minh Chú do Thiên Tạng Đại Phạm vừa nói, khiến cho trong đời vị lai, nơi cõi Phật này, người có tâm thật sự cầu giải thoát, làm bậc chân thiện, khiến cho quốc vương thuộc chúng tánh Sát-đế-lợi như thế tự mình tiếp nhận. Đồng thời, do ông ta lãnh đạo nhân dân trong nước, sẽ khiến cho mọi người đều tiếp nhận. Như vậy thì sẽ khiến cho quốc gia ấy được lợi ích, an vui. Do chú ấy, có thể khiến cho chánh pháp thường tồn tại, pháp luân thường chuyển. Đồng thời, tiếng tăm của quốc vương cũng sẽ cao xa, oai đức lừng lẫy.

Trong quốc độ như thế, tà tri, tà kiến sẽ bớt đi, kiến lập một loại chánh tri chánh kiến. Đây là do sức gia trì của chú này. Do sức gia trì của chú này mà thủ hộ pháp nhãn. Pháp nhãn là Phật pháp trụ thế, giống hệt như tròng mắt. Người có mắt thì mới có thể thấy. Chẳng có nhãn căn, thứ gì cũng chẳng thấy được. Có như vậy thì mới khiến cho Tam Bảo vĩnh viễn tồn tại lâu dài trong thế gian, lại còn có thể tỏa sáng rạng ngời, vĩnh viễn chẳng bị đoạn tuyệt. Đã có pháp, sẽ có thể thành thực vô lượng, vô biên hữu tình, hết thầy chúng sanh nghe pháp sẽ có thể đạt được giải thoát, có thể đắc độ.

Khi chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo chính

là khiến cho quý vị thành tựu tín tâm. Vị Bồ Tát phát khởi trong kinh ấy tên là Kiên Tịnh Tín, nay tín tâm của chúng ta giống như sợi lông trong không trung, vật vờ theo gió thổi, gặp cảnh giới nào bèn bị thổi đến chỗ đó, đã chẳng kiên định, mà cũng chẳng thanh tịnh. Tín tâm kiên định dường như rất dễ dàng! Nếu có thể có tín tâm, sẽ có thể thành Phật. Đây là nhân, thành Phật là quả. Tu thanh tịnh tín thì phải mất một vạn đại kiếp, rất khó khăn! Những gì chúng ta đang tu tập trong hiện tại là để khiến cho tín tâm thanh tịnh, luôn kiên cố, chẳng lay động! Chúng ta gặp cảnh giới liền bị dao động. Nếu vậy, quý vị mong viên mãn Phật quả, sẽ chẳng thể được! Nếu muốn tu Lục Ba La Mật thì cũng chẳng thể! Ất cần phải có tín tâm thanh tịnh, Lục Ba La Mật sẽ đều có thể trọn đủ. Chẳng có tín tâm thanh tịnh, quý vị làm chuyện gì cũng đều xen tạp ô nhiễm, chẳng thuần! Chẳng hạn như nay chúng ta cũng hành bố thí, cũng hành xả, nhưng sự hành xả của quý vị chẳng thanh tịnh! Ví như hiện thời đến mùa Đông, chúng ta có quần áo dư bèn xả đôi chút. Quý vị xả những thứ quần áo dư bằng cái tâm gì? Điều này có mối quan hệ rất lớn. Tín tâm thanh tịnh, tôn kính người khác, đừng coi kẻ khác là ăn mày!

Chúng tôi đang giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo một lần nữa. Trong kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát đã thưa hỏi đức Phật, vì sao sau khi bố thí, có người hưởng phước một đời, có người hưởng phước mười đời, có người hưởng phước trăm đời, ngàn đời, cho đến có người hưởng phước vô lượng? Vì sao cùng tu bố thí như nhau, cùng là bố thí các vật như nhau [mà lại hưởng phước sai khác đến thế?] Đó là do cái tâm phân biệt. Nếu tôn kính người khác, sẽ là cái tâm cúng dường. Nếu hành bố thí [bằng cái tâm cúng dường], sẽ giống như cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng.

Trong hết thảy các kinh, gần như [đều dạy phải bố thí giống như] cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng. Tôn trọng hết thảy chúng sanh, người ấy cúng dường hết thảy chúng sanh. Cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng, lại còn cúng dường hết thảy chúng sanh, tức là đối với quý thân, đối đãi với họ như chúng sanh, đều là Bồ Đặc Già La. Dùng cái tâm ấy để cúng dường hết thảy, tận hư không, trọn pháp giới, vô cùng, vô tận, như thế thì công đức của quý vị sẽ to lớn. Tuy thí vật chất chẳng nhiều lắm, nhưng tâm lượng to lớn. Khi chúng ta sám hối, cũng giống như vậy. Tuy nói “làm điều ác chẳng lớn”, nhưng ngày đêm liên tục, cái tâm mạnh mẽ, điều ác ấy sẽ to lớn, điều ác đó sẽ trọn khắp pháp giới. Vì sao chúng ta vẫn một mực chẳng xuất ly, chẳng thể viên mãn thành Phật được? Do nguyên nhân như thế đó. Phải

dụng tâm sám hối. Như thế thì mới có thể đạt đến rốt ráo!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn trùng hiển thử nghĩa, nhi thuyết tụng viết: - Thời Thiên Tạng Đại Phạm, thỉnh vấn Lương Túc Tôn, lợi căn đẳng hữu tình, nhạo tu Định, tụng, phước, thông huệ vương thành pháp, vị thăng tấn, trầm luân? Sở tu tam sự trung, thù trừ Hoặc bất thoát? Thế Tôn cáo bỉ ngôn, nhược phạm Vô Y Hạnh, tuy giác huệ mãnh lợi, nhi thú Vô Gian ngục. Phi chân thông huệ cố, nhạo hành Thập Ác Luân, đoạn diệt chư thiện căn, tốc thú ư địa ngục. Định năng đoạn phiền não, phi thánh tụng phước nghiệp. Cố dục cầu Niết Bàn, thường đương tu Tĩnh Lự. Hữu huệ, cần tinh tấn, hộ trì ngũ chánh pháp, do kính tín ca-sa, năng độ phiền não hải, nhạo xử không nhân lâm, viễn tạo vô đồng loại, kính trì giới tu định, năng độ chư hữu hải. Phổ tín kính tam thừa, hưng long ngũ chánh pháp, cung kính nhiếp y giả, đương thành công đức hải.

(經)爾時，世尊重顯此義，而說頌曰：「時天藏大梵，請問兩足尊，利根等有情，樂修定誦福，聰慧王成法，為升進沉淪？所修三事中，誰除惑不退？世尊告彼言，若犯無依行，雖覺慧猛利，而趣無間獄。非真聰慧故，樂行十惡輪，斷滅諸善根，速趣於地獄。定能斷煩惱，非聽誦福業。故欲求涅槃，常當修靜慮。有慧勤精進，護持我正法，由敬信袈裟，能渡煩惱海，樂處空閑林，遠造無同類，敬持戒修定，能渡諸有海。普信敬三乘，興隆我正法，供養染衣者，當成功德海。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn hiển lộ lại ý nghĩa này, bèn nói kệ tụng rằng: “Khi Thiên Tạng Đại Phạm, thưa hỏi Lương Túc Tôn, các hữu tình lợi căn, thích tu Định, tụng, phước, vua thông huệ thành pháp, thăng tấn hay trầm luân? Trong ba sự đã tu, pháp nào sẽ trừ Hoặc, khiến đạt được bất thoát? Thế Tôn bảo ông ta: Nếu phạm Vô Y Hạnh, dầu giác huệ mạnh bén, vẫn vào ngục Vô Gian. Chẳng thật sự thông huệ, ưa làm mười ác luân, đoạn diệt các thiện căn, mau chóng vào địa ngục. Định đoạn trừ phiền não, chẳng do tụng phước nghiệp. Do vậy, cầu Niết Bàn, thường nên tu Tĩnh Lự. Có huệ, siêng tinh tấn, hộ trì Phật chánh pháp, do kính tín ca-sa, sẽ vượt biển phiền não, thích ở chốn thanh vắng, xa lìa kẻ khác hạnh, kính trì giới, tu Định, sẽ vượt biển tam

giới. Tin kính khắp ba thừa, hưng thịnh Phật chánh pháp. Cung kính người xuất gia, sẽ thành biển công đức).

Đoạn kinh văn thuộc phẩm Vô Y Hạnh này trên cơ bản đã sắp viên mãn, đức Phật bèn nhắc lại các ý nghĩa bao hàm trong ấy một lượt. Trong đoạn kệ tụng này, [đức Phật nhắc lại chuyện] Thiên Tạng Đại Phạm thưa hỏi, nhắc lại lời hỏi của ông ta. Thiên Tạng Đại Phạm đến “*thỉnh vấn Lương Túc Tôn*” (thưa hỏi đấng Lương Túc Tôn). Đây là đức Thế Tôn nói kệ tụng, chẳng phải là Thiên Tạng Đại Phạm nói. Bởi lẽ, sau khi đã nói xong ý nghĩa này, đức Phật nhắc lại đôi chút. Vì sao? Trong hội trường thuyết pháp của đức Phật, hoàn toàn chẳng phải toàn là thánh chúng đều hiện diện từ đầu, cũng có người nửa chừng mới đến. Họ chẳng được nghe đoạn kinh văn ấy, đức Phật bèn nhắc lại, bổ sung đôi chút, bất quá chẳng nói cặn kẽ như vậy. Thuở đức Phật tại thế, những vị như tôn giả Ca Diếp, hoặc Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, trong những vị Bồ Tát và Thanh Văn thường có vị do sự nghiệp hóa độ, phải đi rất xa. Trong pháp môn Đại Tập này, chẳng đợi các vị ấy trở lại, gần như đã nói xong, đức Phật lại dùng kệ tụng để nhắc lại một lượt. Các vị ấy đều có trí huệ, [chỉ cần] nói sơ lược đôi chút, các vị liền hiểu rõ, chẳng cần phải nhắc lại cặn kẽ. Kệ tụng có khi rất dài, có lúc rất giản lược. Trong phần Trường Hàng trước đó, các bài kệ tụng chỉ nhằm nói lên một chuyện, còn kệ tụng ở đây đã khái quát các ý nghĩa [trong phẩm kinh này].

Thiên Tạng Đại Phạm hỏi: “Tu định, tu phước, tụng kinh, pháp nào tốt đẹp? Trong ba pháp ấy, pháp nào là tối thượng? Có thứ tự hay không?” Vì khi ông ta thỉnh vấn, đức Phật đã dạy ba loại nghiệp, tức tu Định nghiệp, trì tụng nghiệp, và doanh tạo phước nghiệp. Đức Thế Tôn bảo ông ta, tức “*cáo bỉ ngôn*”, cả ba môn ấy đều tốt. Nếu phạm Vô Sở Y, tức là Vô Y Hạnh, thì các hành vi tu tập của quý vị sẽ chẳng thể sanh ra công đức, chẳng thể sanh ra phước đức. Do tu Vô Y Hạnh, những sự nghiệp họ đã làm sẽ là Vô Y Hạnh. Chẳng nương cậy Tam Bảo, cho đến làm chuyện phản đạo, cũng tức là chẳng nghe lời dạy bảo của đức Như Lai. Tuy kẻ đó rất thông minh, có giác huệ cũng rất mạnh mẽ, nhạy bén, nhưng kẻ đó đã phạm Vô Y Hạnh, hoặc mười ác luân đã nói trong phần trước, hễ có một ác luân, những gì kẻ đó tu tập sẽ chẳng thành tựu. Dẫu thông minh đến mấy, dẫu có trí huệ như thế nào đi nữa, vẫn đọa vào địa ngục Vô Gian. Vì sao? Vì trí huệ và thông minh của kẻ đó chẳng chân thật, [đó là ý nghĩa của câu] “*phi chân thông huệ cố*”. Trí huệ và thông minh chân thật sẽ như thế nào? Chẳng làm thập ác! Giống như đối với

thập ác luân trong phần trước, nếu người ấy chẳng có một điều nào, thì sẽ là thông huệ chân chánh. Nay chúng ta đã học thập ác luân, chính mình có thể đối chiếu đôi chút, chúng ta có hành vi thập ác luân hay không?

Nêu thí dụ, vấn đề ăn mặn và ăn chay khiến cho nhiều người rất lúng túng. Có kẻ mong xuất ly, cũng chán ghét sanh tử, chán lìa khổ não trong thế gian, cũng muốn niệm Phật sanh về thế giới Cực Lạc, nhưng ở phương Đông (Sa Bà) ăn thịt uống rượu, kẻ đó chẳng buông xuống được! Có người cho rằng nếu phải ăn chay sẽ rất khó khăn, xác thực là rất khó khăn, vì tập quán từ vô thủy đến nay, sẽ gặp khó khăn. Kẻ đó nếu thấy các vị xuất gia, có các vị xuất gia vẫn ăn mặn, kẻ đó bèn chọn lựa ăn mặn. Ăn mặn mà cũng muốn thành Phật tại Tây Phương, vẫn ăn thịt tại Đông phương, quý vị nói như vậy thì xét theo tâm lý, chuyện này chẳng có vấn đề gì, tùy thuộc quý vị có giải thoát hay không? Nhưng do nơi tâm lý đã trái phạm, đó chẳng phải là thật sự có trí huệ!

Còn nữa, đối với y phục, chúng ta mặc quần áo, có mặc đúng cách hay không? Tôi cho rằng phải nên chú trọng đối với y phục. Mùa Hè phải mặc mỏng một chút, mát mẻ một chút, mùa Đông phải giữ ấm hơn. Quần áo nhằm bảo vệ thân thể của chúng ta. Hiện thời đã sai mất rồi, mặc quần áo là để cho người khác xem! Trong thời đại hiện tại, chú trọng thời trang, mặc y phục cho người khác ngắm, chính mình phải chịu tội. Bó thân thể chật cứng, rất khó chịu. Như ở Mỹ có các công ty quy định, [nữ giới] đi làm nhất định phải mặc váy. Mùa Đông rét buốt như thế, bao nhiêu độ âm, cô ta mặc váy trông rất đẹp đẽ, để hai đùi phô ra. Đùi của phụ nữ [do không được giữ ấm] sanh ra rất nhiều bệnh tật. Đặc biệt là đối với phụ nữ, sẽ dẫn đến chuyện kinh nguyệt chẳng điều hòa, đủ loại bệnh tật ở phần thân dưới. Cô ta cũng thà hy sinh cái mạng, vẫn phải ăn mặc xinh đẹp đôi chút, sợ không xinh đẹp, sẽ chẳng khiến cho người khác thích. Quý vị thấy đó, bất luận là tô son hay trang điểm, cốt là để người khác trông thấy sẽ ưa thích, chẳng phải vì chính mình, mà là vì người khác. Điều ấy chẳng cần thiết!

Xưa kia, có một vị lão hòa thượng được một nhà thí chủ cúng dường. Cả nhà ấy từ khi Sư bắt đầu tu đạo đều là toàn gia sốt sắng cúng dường. Đã trải qua hai, ba thế hệ, đều cúng dường Sư. Lão hòa thượng sống rất lâu, tu hành trong núi. Có một lần, nhà ấy đang có hỷ sự, vị lão hòa thượng ấy lại đến đó để hóa duyên, đến nhận gạo. Sư đứng ngoài cửa thấy nhà ấy đang lo tổ chức tiệc vui, bèn khóc âm lên. Người khác hỏi Sư: “Lão hòa thượng! Hôm nay chúng tôi có đại hỷ sự, sư đến nơi

đây, có sao sư đến báo tang, khóc lóc chuyện gì vậy?” Sư nói: “Đáng thương cho lão thí chủ của tôi, đáng thương cho chúng sanh khổ sở, cháu nội cưới bà nội!” Sư nói: “Đây là tôi tự trông thấy. Bà ta lại tái sanh làm người, làm cô dâu cho cháu nội”. “*Trư dương tịch thượng tọa, lục thân oa lý chữ*” (Lợn, dê ngồi trên tiệc, lục thân nấu trong nồi).

Khi bà nội kết hôn, lục thân đều biến thành lợn, dê. Nay đứa cháu kết hôn, các con lợn, dê ấy đang ngồi ăn tiệc, còn lục thân thuở đó bị nấu trong nồi. Sư có thần thông, thấy rõ như vậy. Điều này mang ý nghĩa cảnh sách. Vì sao chúng ta phải phóng sanh? Phải cứu độ chúng sanh, sám hối tội lỗi. Phóng sanh tiêu nghiệp nhanh nhất. Quý vị chẳng muốn nhiễm bệnh, phóng sanh là được rồi. Khiến cho người khác sống vui sướng, cuộc sống của quý vị cũng vui sướng. Kẻ đoạn dứt thiện căn, hành mười ác luân, chẳng đọa địa ngục ư? Đương nhiên là đọa địa ngục! Đức Phật nói: “*Định có thể đoạn phiền não, chẳng phải do tập tụng và tạo phước*”. Vậy thì Định chẳng phải là phước nghiệp do nghe và học tập kinh điển, bởi phước ấy có thể thuộc vào phước thế gian, có ý nghĩa như thế đó. Quý vị mong cầu Niết Bàn, phải thường tu Định, tu Tĩnh Lự. Tĩnh Lự không nhất định là tọa Thiền, Tĩnh Lự tức là tâm quý vị phải thường luôn quan sát. Hoặc là quan sát bằng Chỉ. Chỉ quan sát là Định, hoặc là huệ quan sát. Huệ quan sát là tu Huệ, cũng chính là vận dụng cả Chỉ lẫn Quán, có hàm nghĩa như vậy! Nếu có trí huệ, lại còn dừng mãi tinh tấn tu hành, tu hành như thế nào? Hộ trì chánh pháp của Phật, hộ pháp là tu hành.

“*Do kính tín ca-sa*”: Tin vào tám y ấy. Vì trong phần trước, đã nêu ra rất nhiều thí dụ, chẳng hạn như quỷ La Sát trông thấy một mảnh ca-sa đỏ, chẳng ăn thịt kẻ đó cũng là vì phải kính tín. Cung kính sanh khởi thanh tịnh tín, đừng nên chiết khấu. “*Năng độ phiền não hải*” (Có thể vượt biển phiền não): Do tín tâm như vậy, có thể vượt qua biển khổ sanh tử. Kẻ đó, đừng tìm chỗ náo nhiệt, hãy tìm chỗ rừng sâu thanh vắng, chẳng qua lại với những kẻ ác, cho đến xa lìa chỗ ồn náo trong xã hội. Quý vị tu Định như vậy thì mới có thể tu thành công, trì giới mới có thể trì kiên cố. Cho đến “*kính trì giới, tu Định*” (kính cẩn giữ giới, tu Định) ở nơi ấy, hoàn cảnh khách quan bên ngoài chẳng khiến cho quý vị phạm tội, cơ hội phạm tội ít ỏi. Ở trong Định cảnh, tâm tham cũng chẳng sanh khởi, đặc biệt là ngồi trong thi lâm⁸⁹, quý vị thấy cứ chốc lát lại đưa

⁸⁹ Thi lâm (屍林): Tại Ấn Độ có những vùng không chôn hay thiêu, họ có những khu rừng chuyên dành để bỏ xác người chết vào đó để xác tự rửa nát.

một xác chết đến, chết rồi sẽ rữa nát, vừa trông thấy sẽ khởi lên cái tâm chán lìa. Quý vị cũng như thế, thân thể của chính mình rồi cũng sẽ như vậy.

Do vậy, ở trong nhân gian huyễn hóa này độ chúng sanh, người ấy chẳng thấy chúng sanh là chân thật, chỉ thấy như mộng, huyễn, bọt, bóng. Nếu chúng sanh đều là chân thật, Bồ Tát suốt ngày vì tâm đại bi, chỉ sợ chính mình cũng sẽ khổ não chết mất. Các Ngài chẳng bị cảnh chuyển, nhận biết đó là huyễn hóa. Nếu chúng ta chẳng có định lực như thế, cũng chẳng có rất nhiều thiện căn, chỉ có thể xa lìa, chớ nên đến chốn ồn náo, như vậy thì mới có thể vượt biển “*chư Hữu*” (hai mươi lăm Hữu, tức tam giới).

“*Phổ kính tín tam thừa*” (Tin kính trọn khắp tam thừa): Đối với tam thừa chẳng dấy lên phân biệt. Thanh Văn Thừa cũng thế, Duyên Giác Thừa cũng thế, Bồ Tát Thừa cũng thế, như vậy thì mới có thể “*hung long ngã chánh pháp*” (hung thịnh chánh pháp của ta). “*Cung kính nhiệm y giả, đương thành công đức hải*” (Cung kính bậc mặc áo nhuộm, sẽ thành tựu biên công đức): Quý vị mong cầu công đức, hãy cúng dường bậc xuất gia cho nhiều, ly dục thanh tịnh. Quý vị đừng phân biệt vị này có phải là thánh tăng hay không, vị kia có phải là phá giới hay không. Trong tâm quý vị căn bản là chẳng dấy lên ý niệm ấy, hết thấy đều là Phật tử.

(Kinh) Năng phục nan điều tâm, bất cử bất-sô tội. Tu tri tức thánh chủng, đương thành Lương Túc Tôn. Viễn ly ác bất-sô, thân cận thánh hạnh xứ. Bất thực dụng Tăng vật, tốc chứng đại Bồ Đề. Tam giới trung an lạc, giai do Tam Bảo sanh. Cố cầu an lạc nhân, thường cúng dường Tam Bảo. Chiên-đồ-la vương đẳng, bằng đẳng ác bất-sô. Ư Tam Bảo khởi quá, tốc đọa Vô Gián ngục. Thập áp du luân tội, đẳng bỉ nhất dâm phùng. Trí bỉ thập dâm phùng, đẳng nhất tửu phùng tội. Trí thập tửu phùng tội, đẳng bỉ nhất đồ phùng. Trí bỉ thập đồ phùng, tội đẳng vương đẳng nhất. Chân thiện quốc vương đẳng, hung long ngã chánh pháp, phổ cúng dường tam thừa, đương thành công đức hải. Thất bảo mãn Thiệm Bộ, phụng thí Phật cập Tăng, bỉ sở hoạch phước tụ, bất như hộ Phật pháp. Vị Phật, Tăng tạo tụ, lượng đẳng thập tứ châu, bỉ sở hoạch phước tụ, bất như hộ Phật pháp. Tạo Phật tốt-đổ-ba, lượng đẳng tam thiên giới, bỉ sở hoạch phước tụ, bất như hộ Phật pháp. Giải A La Hán phước, chủng chủng tu cúng dường, bất chứng ngã chánh pháp, kỳ phước thắng u bỉ.

Thiên câu-chi kiếp trung, trí giả cần tu Định, sở sanh thắng giác huệ, bất như hộ ngũ pháp. Chân thiện quốc vương đẳng, viễn ly thập ác luân, hộ trì ngũ chánh pháp, cập trước ca-sa giả. Bất hủy báng ngũ thuyết, tam thừa pháp cập nhân, phổ thỉnh văn cúng dường, hộ trì thuyết pháp giả, bất tôn Tam Bảo vật, bất chướng trước ca-sa, thường kính khí, phi khí, phước thắng vô luân thất.

(經)能伏難調心，不舉苾芻罪。修知足聖種，當成兩足尊。遠離惡苾芻，親近聖行處。不食用僧物，速證大菩提。三界中安樂，皆由三寶生。故求安樂人，常供養三寶。旃荼羅王等，朋黨惡苾芻。於三寶起過，速墮無間獄。十壓油輪罪，等彼一婬坊。置彼十婬坊，等一酒坊罪。置十酒坊罪，等彼一屠坊。置彼十屠坊，罪等王等一。真善國王等，興隆我正法，普供養三乘，當成功德海。七寶滿瞻部，奉施佛及僧，彼所獲福聚，不如護佛法。為佛僧造寺，量等十四洲，彼所獲福聚，不如護佛法。造佛窣堵波，量等三千界，彼所獲福聚，不如護佛法。解阿羅漢縛，種種修供養，不障我正法，其福勝於彼。千俱胝劫中，智者勤修定，所生勝覺慧，不如護我法。真善國王等，遠離十惡輪，護持我正法，及著袈裟者。不毀謗我說，三乘法及人，普聽聞供養，護持說法者，不損三寶物，不障著袈裟，當敬器非器，福勝無倫匹。

(Kinh: Hàng phục tâm khó điều, chẳng cử tội bất-sô. Cần biết đủ thánh chủng, sẽ thành Lương Túc Tôn. Xa lìa bất-sô ác, thân cận chỗ thánh hạnh. Chẳng ăn, dùng Tăng vật, mau chứng đại Bồ Đề. An lạc trong tam giới, đều do Tam Bảo sanh. Nên người cầu an lạc, thường cúng dường Tam Bảo. Bọn vua Chiên-đồ-la, cùng ác tăng kết đảng. Phạm lỗi với Tam Bảo, mau đọa ngục Vô Gián. Tội mười máy ép dầu, bằng tội một nhà thổ. Lập ra mười nhà thổ, bằng tội một tiệm rượu. Tội mở mười tiệm rượu, bằng mở một lò mổ. Lập ra mười lò mổ, tội bằng với vua quan, chuyên hành một ác luân. Bậc quốc vương chân thiện, hưng thịnh Phật chánh pháp, cúng dường khắp ba thừa, sẽ thành biển công đức. Bảy báu khắp Thiệm Bộ, dâng thí Phật và Tăng, người ấy đạt khỏi phước, chẳng bằng hộ Phật pháp. Vì Phật, Tăng dựng chùa, to

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

bằng mười bốn châu, người ấy đạt khối phước, chẳng bằng hộ Phật pháp. Dựng tháp thờ phụng Phật, to bằng cõi tam thiên, người ấy đạt khối phước, chẳng bằng hộ Phật pháp. Cởi trói A La Hán, đủ mọi cách cúng dường, chẳng chướng Phật chánh pháp, phước ấy vượt hơn hẳn. Trong ngàn câu-chi kiếp, người trí siêng tu Định, sanh giác huệ thù thắng, chẳng bằng hộ pháp ta. Bạc quốc vương chân thiện, xa lìa mười ác luân, hộ trì Phật chánh pháp, và người mặc ca-sa, chẳng bằng hộ pháp tam thừa, do ta đã nói ra, chẳng bằng người hành trì. Nghe trọn khắp, cúng dường, hộ trì người thuyết pháp, chẳng tổn vật Tam Bảo, chẳng chướng người xuất gia, thường kính khí, phi khí, phước thù thắng khôn sánh).

“*Năng phục nan điều tâm*” (Có thể hàng phục cái tâm khó điều phục): Điều phục cái tâm của quý vị cho tốt. Cái tâm ấy khó điều phục. Quý vị đã tin Phật, nghe hai bộ kinh, nghe rồi lập tức chuyển biến. Bất quá, tâm tham rất khó không chế, khó chế ngự hơn bất cứ sự vật nào! Có đạo hữu nói: “Hễ tôi tĩnh tọa, vọng niệm [dấy lên] nhiều ngàn ấy”. Đó là do tĩnh tọa, quý vị mới nhận biết vọng niệm. Chẳng tĩnh tọa, làm sao nhận biết vọng niệm cho được, vì quý vị đang ở trong vọng niệm! Tô Đông Pha có bài thơ: “*Hoành khán thành lãn, trác thành phong. Viễn cận, cao đê các bất đồng. Bất thức Lô Sơn chân diện mục, chỉ duyên thân tại thử sơn trung*” (Nhìn ngang thành lãn, dọc thành đỉnh. Cao, thấp, gần xa, khác hẳn nhau. Chẳng biết Lô Sơn chân diện mục, vì thân vẫn ở tại non này). Quý vị ở trong phiền não, sẽ chẳng trông thấy phiền não. Vì quý vị tu Định, hoặc nghe kinh rồi đối chiếu, như thế này là phiền não, như thế kia là phiền não. Nếu không, quý vị làm sao biết nổi? Vì quý vị nghe kinh xong, tĩnh tọa ở nơi đây, lại dấy lên vọng niệm. Vọng niệm ấy sau nửa tiếng đồng hồ lại mất đi, quý vị chuyển theo vọng niệm. Giả sử quý vị chẳng học Phật, chẳng làm gì, thì trong nửa tiếng đồng hồ, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị đều bị vọng niệm xoay chuyển, làm sao nhận biết cho nổi? Lúc tĩnh đã bị vọng niệm chuyển, mà đêm ngủ nằm mộng vẫn bị vọng niệm chuyển, hoàn toàn chẳng có lúc nào làm chủ! Bạc đại đức cũng có lúc chẳng thể làm chủ, chưa phải là Bồ Tát đẳng địa (tôi thiểu đã chứng Sơ Địa), hoặc địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng), cũng sẽ có lúc chẳng thể làm chủ!

A La Hán cũng đã đoạn Kiến Tư Hoặc, khi chẳng nhập Định, Ngài cũng chẳng thể làm chủ. Vì sao Ngài “*hôi thân mẫn trí*” (灰身泯智)

tức là phải đốt cháy thân thể này? Bất luận Ngài có thần thông, phần trên thân thể bốc lửa, phần dưới thân thể tuôn ra nước, mười tám pháp thần thông biến hóa, tự mình siêu hóa chính mình, chẳng còn nhục thể này nữa, đã đoạn dứt, thật sự nhập Niết Bàn. Khi đạt tới trình độ nhất định, vị ấy sẽ dậy lên biến hóa, chẳng đơn giản như vậy. Nếu nghiên cứu A La Hán, [sẽ thấy] có rất nhiều loại A La Hán, cũng có thoái địa (thoái chuyên) A La Hán. Vị ấy chẳng tiến lên, chẳng độ chúng sanh, chẳng lợi lạc thế gian. Trước khi thành Phật, khi chưa đạt tới Bát Địa Bồ Tát, tức Bất Động Địa, sẽ chưa phải là bất thoái. Bất thoái lại có Vị Bất Thoái và Niệm Bất Thoái. Niệm Bất Thoái rất khó, hiểu đạo lý này là được rồi!

Đối với hết thảy các pháp, phải biết đủ. “*Tu tri túc thánh chủng, đương thành Lương Túc Tôn*” (Cần phải biết đủ, đó là chủng tử của bậc thánh, sẽ trở thành Lương Túc Tôn): Chủ yếu là đối với tham, đặc biệt là chúng ta lưu chuyển trong sanh tử vì dục, tức ái dục. Đây là căn bản sanh tử của chúng ta. “*Viễn ly ác bất-sô, thân cận thánh hạnh xứ*” (Xa lìa bất-sô ác, thân cận bậc thánh hạnh): Thân cận từ-kheo tốt, đừng thân cận ác từ-kheo. Trong phần trước, đã bảo quý vị đừng phân biệt. Đó là nói khi quý vị cúng dường, đừng dấy lòng phân biệt. Còn khi quý vị tu hành, phải chọn lựa ai là thiện hữu, ai là ác hữu? Nếu quý vị có sức có thể chuyển kẻ ác như các vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng, các Ngài chẳng phân biệt thiện hay ác, càng ác, càng độ kẻ đó. Chúng ta chẳng có sức mạnh ấy, kẻ bình phàm chẳng có sức mạnh ấy, đức Phật liền dạy cho chúng ta biết: Hãy bớt thân cận các ác từ-kheo ấy, hãy thân cận những vị Tăng có thánh hạnh, đáng cung kính.

Hơn nữa, ngàn vạn phần đừng dùng vật của Tăng, Tăng [được nói ở đây là Tăng chúng] trong chùa miếu. Hễ nhắc đến Tăng là nói tới Tăng Già, Tăng Già chẳng phải là một vị. Một vị sẽ không thể gọi là Tăng. Chỉ có xuất gia thì gọi là từ-kheo. [Nói đến Tăng] thì ít cần phải là từ ba vị trở lên. “*Tăng vật*” là vật dụng của đại chúng Tăng từ ba vị trở lên, quý vị đừng dùng! Nếu là như thế, quý vị thân cận thiện hữu, đừng lạm dụng vật thuộc về thường trụ, sẽ rất dễ thành tựu quả Bồ Đề. Vì điều này tương đương với chẳng trộm cắp, thân cận thiện hữu sẽ giống như tôn kính Tăng. Quý vị gặp gỡ ác từ-kheo, sẽ bị mắc hại, nhưng khi quý vị cúng dường họ, chẳng vì họ là kẻ ác mà quý vị phê bình. Do vậy, trong phần trước, đã nói rất nhiều lượt, cung kính vì áo ca-sa đỏ, do người ấy khoác ca-sa, [cho nên] quý vị cung kính Tăng tướng của người ấy. Như thế thì trong tam giới, quý vị có thể đạt được an lạc, khiến cho Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo sanh khởi, “*thường cúng dường Tam Bảo*”. Đó là

Hữu Y. Sở dĩ Vô Y là vì người ấy chẳng thân cận Tam Bảo, cho nên Vô Y. Trong phẩm sau là Hữu Y, những gì người ấy đã làm đều là thân cận Tam Bảo; đấy gọi là Hữu Y.

“*Chiên-đồ-la vương đặng, bằng đặng ác bất-sô, u Tam Bảo khởi quá, tốc đọa Vô Gian ngục*” (Bọn vua Chiên-đồ-la, kết đảng với sư ác, phạm lỗi với Tam Bảo, mau đọa ngục Vô Gian): Trong phần trước đã nói rất nhiều. Tỳ-kheo hiện thời còn kết bái huynh đệ; tôi đã thấy rất nhiều. Ở Ấn Ni (Indonesia) và Tân Gia Ba có mấy người, đều thuộc lứa tuổi trung niên, năm sáu chục tuổi. Tỳ-kheo hiện thời còn kết bái huynh đệ với nhau, quý vị nói việc này đúng hay sai? Tôi nghĩ ai nghe xong cũng cảm thấy chẳng đúng, đó gọi là “*kéo bè kết đảng*”. Đó là ác tỳ-kheo, họ thường đối trước Phật, Pháp, Tăng tạo tội, sẽ đọa địa ngục rất nhanh!

Trong phần trước, đã nói “*thập áp du luân tội, đặng bỉ nhất dâm phùng. Trí bỉ thập dâm phùng, đặng nhất tửu phùng tội. Trí thập tửu phùng tội, đặng bỉ nhất đồ phùng. Trí bỉ thập đồ phùng, tội đặng vương đặng nhất*” (Tội mười máy ép dầu, bằng tội một nhà thổ. Mở ra mười nhà thổ, tội bằng một quán rượu. Lập ra mười quán rượu, tội bằng một lò mổ. Lập ra mười lò mổ, tội bằng với vua quan, thành tựu một luân ác): Tội của ác tánh vương bằng tội của mười tiệm rượu⁹⁰. Quý vị làm quốc vương, hễ tạo một tội, sẽ bằng tội của mười tiệm rượu. Vì quốc vương có sức lớn, tạo tội cũng lớn. Tu thiện lớn, tạo tội cũng lớn, “*Chân thiện quốc vương đặng, hưng long ngã chánh pháp, phổ cúng dường tam thừa*” (Bậc quốc vương chân thiện, hưng thịnh Phật chánh pháp, cúng dường khắp tam thừa), chẳng dấy lên sự chọn lựa đối với tam thừa, “*đương thành công đức hải*” (sẽ thành tựu biển công đức), nếu cúng dường như vậy, công đức sẽ thành tựu rất nhanh chóng.

“*Thất bảo mãn Thiệm Bộ*” (Bảy báu đầy khắp Nam Thiệm Bộ Châu): Bảy báu đầy ấp Thiệm Bộ Châu, điều này đã được nhắc tới trong phần trước. “*Phụng thí Phật cập Tăng, bỉ sở hoạch phước tỵ, bất như hộ Phật pháp*” (Dâng thí Phật và Tăng, đạt được khối phước đức, chẳng bằng hộ Phật pháp): Cung ứng vật chất là hữu hạn, cũng có lúc chấm dứt. Nếu hộ trì Phật pháp, khiến cho trong vị lai có rất nhiều người đắc độ, công đức ấy vô lượng. “*Vị Phật, Tăng tạo tỵ, lượng đặng thập tứ châu*” (Vì Phật, Tăng dựng chùa, lượng bằng mười bốn châu): Ý nghĩa này trong phần trước đã đều nói rồi. Ở đây là trùng tụng. “*Bỉ sở hoạch*

⁹⁰ Ở đây có lẽ là người chép lại lời giảng ghi lầm. Đúng ra phải là mười lò mổ.

phước tu, bất như hộ Phật pháp” (Họ đạt được khối phước, chẳng bằng hộ trì Phật pháp), công đức chẳng lớn bằng hộ trì Phật pháp. “*Tạo Phật tốt-đỏ-ba, lượng đấng tam thiên giới*” (Tạo tháp thờ phụng Phật, lượng bằng cõi đại thiên): Tạo ngôi chùa rất lớn, chùa to bằng tam thiên đại thiên thế giới, phước đạt được cũng “*bất như hộ Phật pháp*” (chẳng bằng hộ trì pháp của Phật). “*Giải A La Hán phước, chủng chủng tu cúng dường, bất chướng ngã chánh pháp, kỳ phước thắng ư bỉ*” (Cởi trói A La Hán, cúng dường đủ các thứ, chẳng chướng Phật chánh pháp, phước ấy vượt hơn hẳn): Đây cũng là hộ pháp. Trong phần trước đã nói, có kẻ trói A La Hán, hay muốn bức hại họ, bèn cứu giúp họ, giải thoát họ. Sau đó, lại còn cúng dường các Ngài đủ mọi cách. Công đức ấy vẫn chẳng bằng công đức hộ trì chánh pháp, công đức chẳng chướng ngại chánh pháp. Phước đức của người sau vượt hẳn công đức trước.

“*Thiên câu-chi kiếp trung, trí giả cần tu Định, sở sanh thắng giác huệ, bất như hộ ngã pháp*” (Trong ngàn câu-chi kiếp, người trí siêng tu Định, sanh giác huệ thù thắng, chẳng bằng hộ Phật pháp): Cá nhân quý vị tu một ngàn kiếp, thậm chí có trí huệ, tu Định như vậy sanh ra giác huệ thù thắng, nhưng vẫn chẳng lớn bằng công đức hộ trì chánh pháp của ta. Đó là chỉ vì chính mình, chẳng lợi ích chúng sanh. Chỉ cần có Phật pháp nhân tồn tại, hết thấy vị lai vô cùng, vô tận chúng sanh đều đắc độ, cho nên mọi người phải hoằng dương Phật pháp, chớ nên viện cớ: “Tôi chẳng có học vấn, tôi chẳng biết hoằng dương như thế nào”. Quý vị khuyên người khác niệm câu A Di Đà Phật, đó chính là hoằng dương Phật pháp. Quý vị nói cho người khác một bộ kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, cho đến một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, hoặc nói một bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Họ được nghe những danh xưng ấy, đều là hoằng dương Phật pháp, gieo thiện căn. [Do vậy], ai nấy đều có thể hoằng pháp.

Vì thế, đệ tử Tam Bảo, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đều phải nên hoằng pháp. Thậm chí chúng ta thường xuyên đối trước súc sanh thuyết Tam Quy cho chúng. Quý vị nói: “Nó nghe có hiểu hay không?” Đừng cho rằng nó không hiểu! Nếu quý vị thật sự nói với nó, nó sẽ đắc độ. Chúng sanh càng nhỏ, như kiến rất nhiều. Chẳng phải là nhà quý vị có gián hay sao? Chẳng phải là có chuột hay sao? Quý vị đừng thương tổn chúng nó, hãy nói Tam Quy cho chúng nó. Quý vị nói: “Các người ở nơi đây chẳng thích hợp, ta dời chỗ các người. Các người hãy rời đi. Vì ta rất dễ tổn thương người, người khác thấy các người cũng chẳng thanh tịnh, sẽ đánh chết các người. Các người hãy rời đi”.

Quý vị nói Tam Quy, thuyết pháp cho chúng nó, hãy thử xem! Đừng nảy sanh tâm phiền não, đừng thương tổn chúng nó.

“*Chân thiện quốc vương đấng, viễn ly thập ác luân, hộ trì ngã chánh pháp, cập trước ca-sa giả*” (Bậc quốc vương chân thiện, xa lìa mười ác luân, hộ trì pháp của ta, và người mặc ca sa): Không chỉ hộ pháp, mà còn phải hộ Tăng, đừng hủy báng pháp tam thừa do ta đã nói và người hành trì pháp tam thừa. “*Phổ thỉnh văn cúng dường, hộ trì thuyết pháp giả*” (Nghe trọn khắp, cúng dường, hộ trì người thuyết pháp): Khiến cho quý vị hộ trì người thuyết pháp. Đừng nói chi khác, niệm câu A Di Đà Phật là được rồi, khéo khuyên hết thảy mọi người. Nhưng quý vị ngàn vạn lần chớ nên hủy báng. Phạm là các pháp do đức Phật đã nói, đối với những lời đức Phật đã dạy, đều chẳng hủy báng. Pháp Thanh Văn, pháp Duyên Giác, pháp Bồ Tát, chỉ cần là bất cứ pháp do đức Phật đã nói, quý vị đều chẳng hủy báng. Cho đến người hộ trì, tức là nói tới người thuyết pháp, quý vị phải nghe trọn khắp. Chỉ cần là người ấy nói Phật pháp, sẽ thường lắng nghe, lại còn phải cúng dường. Hộ trì người thuyết pháp, hoặc là hề có ai thuyết pháp, đều phải hộ trì người đó.

Tiếp đó, chẳng tổn hại vật thuộc về Tam Bảo. Đối với vật thuộc Phật, Pháp, Tăng, quý vị chớ nên hủy hoại. “*Thường kính khí, phi khí*” (Thường kính trọng pháp khí và phi pháp khí): Là pháp khí cũng thế, mà chẳng phải là pháp khí cũng thế. Pháp khí là tỳ-kheo thanh tịnh, phi khí (chẳng phải pháp khí) là tỳ-kheo phá giới, hoặc là thanh tịnh cận sự nam, thanh tịnh cận sự nữ, hề ai thọ Tam Quy Ngũ Giới, người ấy là thanh tịnh. Sau khi đã thọ Tam Quy, [vị thầy truyền giới] sẽ bảo quý vị: “*Quy y Phật, trọn chẳng quy y ngoại đạo, thiên ma v.v...*”, quý vị chẳng lay quỹ thân, cầu cạnh quỹ thân gia trì. Trong bất cứ tình huống nào, cũng đều chẳng làm, dẫn cho mất mạng [cũng chẳng làm]. Sau khi đã quy y Phật, chẳng quy y quỹ thân. Thọ Tam Quy, quy y Pháp, chẳng quy y sách vở của ngoại đạo. Quy y Tăng, chẳng quy y tà chúng của ngoại đạo. Đó gọi là Tam Quy thanh tịnh. Có rất nhiều người Tam Quy chẳng thanh tịnh, lại càng chẳng nói tới Ngũ Giới, Bồ Tát Giới! Tam Quy trọn chẳng thanh tịnh, phải nên chú ý điều này. Đây là chuyện rất quan trọng.

“*Phước thắng vô luân thất*” (Phước thù thắng, khôn sánh bằng): Nếu có thể làm như vậy, bất luận thanh tịnh hay không, ta đều đối đãi bình đẳng. Lại còn chẳng bươi móc lỗi của họ. Làm sao ta biết họ thanh tịnh hay không? Vì quý vị nghe người khác nghị luận, hoặc quý vị tham dự bàn luận, quý vị sẽ biết họ thanh tịnh hay không. Dùng thánh giáo

lượng đê lượng định họ. Chẳng cần làm như vậy, họ có quả báo của họ!

(Kinh) Như ngũ nhật tịnh hiện, đại hải giai khô kiệt. Như thị hộ ngũ pháp, năng khô kiệt phiền não. Như phong tai khởi thời, chư sơn giai tán diệt. Như thị hộ ngũ pháp, năng trừ diệt phiền não. Như thủy tai khởi thời, đại địa giai phiêu hoại. Như thị hộ ngũ pháp, năng hoại phi ái quả. Như như ý bảo châu, tùy sở nguyện giai mãn. Như thị tam thừa pháp, năng mãn chúng sanh nguyện. Như ngộ đắc hiền bình, trừ bần, hoạch phú lạc. Như thị ngộ Phật pháp, diệt Hoặc, chứng Bồ Đề. Như thập ngũ dạ nguyệt, minh chiếu mãn hư không. Như thị hộ pháp nhân, trí huệ châu pháp giới. Như hư không bình đẳng, vô vật, diệc vô tướng. Như thị hộ pháp nhân, tri chư pháp nhất vị. Như nhật phóng quang minh, hằng trừ thế gian ám. Như thị hộ pháp giả, thường phổ chiếu thế gian.

(經)如五日並現，大海皆枯竭。如是護我法，能枯竭煩惱。如風災起時，諸山皆散滅。如是護我法，能除滅煩惱。如水災起時，大地皆漂壞。如是護我法，能壞非愛果。如如意寶珠，隨所願皆滿。如是三乘法，能滿眾生願。如遇得賢瓶，除貧獲富樂。如是遇佛法，滅惑證菩提。如十五夜月，明照滿虛空。如是護法人，智慧周法界。如虛空平等，無物亦無相。如是護法人，知諸法一味。如日放光明，恆除世間闇。如是護法者，常普照世間」。

(Kinh: Năm mặt trời cùng hiện, biển cả đều khô cạn. Hộ pháp ta như thế, khô cạn các phiền não. Như lúc phong tai dậy, các núi đều tan diệt. Hộ pháp ta như thế, hay trừ diệt phiền não. Như lúc thủy tai dậy, đại địa đều ngập, hư. Hộ pháp ta như thế, hoại quả chẳng mến yêu. Như bảo châu như ý, nguyện gì cũng đều thỏa. Pháp tam thừa như thế, thỏa mãn chúng sanh nguyện. Như gặp được hiền bình, trừ nghèo, được giàu vui. Gặp Phật pháp cũng thế, diệt Hoặc, chứng Bồ Đề. Như trăng đêm hôm Rằm, chiếu sáng khắp hư không. Người hộ pháp cũng thế, trí huệ trọn pháp giới. Như hư không bình đẳng, không vật, chẳng có tướng. Người hộ pháp cũng thế, biết các pháp một vị. Như mặt trời tỏa sáng, luôn trừ tối thế gian. Người hộ pháp cũng thế, thường chiếu khắp thế gian).

“Như ngũ nhật tịnh hiện, đại hải giai khô kiệt. Như thị hộ ngũ

pháp, năng khô kiệt phiền não” (Như năm mặt trời cùng hiện ra, biển cả đều khô cạn. Hộ trì pháp ta cũng như thế, có thể khô cạn biển phiền não): Khi thế giới này đến lúc tận thế, hỏa tai sẽ sanh khởi như thế này: Năm vàng thái dương là đã quá sức rồi, đến cuối cùng, xuất hiện bảy mặt trời. Bảy vàng thái dương nung đốt, tất cả đều bốc lửa. Thứ gì cũng đều cháy rụi. Núi cũng cháy, đá cũng bốc cháy. Quý vị thấy bom nguyên tử, lửa từ bom nguyên tử là như thế đó. Sự vật gì cũng đều có thể cháy! Năm vàng thái dương xuất hiện như thế, tất cả nước biển đều khô cạn. Nếu quý vị hộ trì Phật pháp, phiền não của quý vị đều khô cạn, năm vàng thái dương biến thành trí huệ.

“Như phong tai khởi thời, chư sơn giai tán diệt. Như thị hộ ngã pháp, năng trừ diệt phiền não” (Như lúc phong tai dậy, các núi đều tan diệt. Hộ pháp ta cũng thế, hay trừ diệt phiền não): Khi phong tai phát sanh, phá tan các núi, thổi tung lên không trung, biến thành vi trần. Chuyện này mọi người đều có thể nhìn thấy như khi có gió lốc.

“Như thủy tai khởi thời, đại địa giai phiêu hoại” (Như lúc thủy tai dậy, đại địa đều ngập, hư): Toàn thể đại địa đều ngập nước. *“Như thị hộ ngã pháp, năng hoại phi ái quả”* (Hộ pháp ta cũng thế, hay hoại quả chẳng thích): Sẽ chứng thánh quả. “Ái” không tốt, “phi ái” là tốt⁹¹, có nghĩa là hư hoại. Hư hoại những điều xấu xa chẳng đáng mến thích, khiến cho sự mến thích [không đúng lý] ấy chẳng thể sanh ra cái quả.

“Như như ý bảo châu, tùy sở nguyện giai mãn. Như thị tam thừa pháp, năng mãn chúng sanh nguyện. Như ngô đắc hiền bình, trừ bần hoạc phú lạc” (Như bảo châu như ý, nguyện nào cũng đều thỏa. Pháp tam thừa cũng thế, hay mãn nguyện chúng sanh. Như gặp được hiền bình, trừ nghèo, được giàu vui): Đó là thần thoại. Nếu vào trong biển cả thâm nhật báu vật, tìm được cái hiền bình ấy, quý vị mong gì, trong bình báu bèn sanh ra thứ ấy. Mọi người đã từng xem chuyện Ngàn Lẻ Một Đêm hay chưa? Hễ đã xem Ngàn Lẻ Một Đêm, sẽ biết đến ông thần đèn. Ở đây chẳng phải là bình báu kiêu đó, mà là do đức Phật nói, hãy nghĩ nó giống như trong chiếc bảo bình của Quán Thế Âm Bồ Tát, thứ gì cũng đều có. Hoặc như viên bảo châu của Địa Tạng Bồ Tát, thứ gì cũng đều có. Đây là trừ nghèo khó. Do vậy, đạt được sự giàu vui!

“Như thị ngô Phật pháp, diệt Hoặc, chúng Bồ Đề. Như thập ngũ dạ nguyệt” (Gặp Phật pháp như thế, diệt Hoặc, chúng Bồ Đề, như trăng

⁹¹ Câu này hơi khó hiểu. Theo ngu ý, lão pháp sư muốn nói Ái (yêu mến chấp trước) là không tốt. “Phi ái” (không yêu mến chấp trước) là tốt.

Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh Giảng Ký – Quyển 1

đêm hôm Rằm): Như vàng trăng đêm Rằm mỗi tháng, quang minh chiếu trọn khắp, “*minh chiếu mãn hư không. Như thị hộ pháp nhân, trí huệ châu pháp giới*” (chiếu sáng ngời hư không. Người hộ pháp như thế, trí huệ trọn pháp giới): Trí huệ ấy trọn khắp các pháp.

“*N hư hư không bình đẳng, vô vật, diệc vô tướng. Như thị hộ pháp nhân, trí chư pháp nhất vị. Như nhật phóng quang minh, hằng trừ thế gian ám. Như thị hộ pháp giả, thường phổ chiếu thế gian*” (Như hư không bình đẳng, không vật, cũng không tướng. Người hộ pháp cũng thế, biết các pháp một vị. Như mặt trời phóng quang, luôn trừ tối thế gian. Người hộ pháp cũng thế, thường chiếu khắp thế gian): Mặt trời vừa mọc, tối tăm trong thế gian đều tiêu mất. Do vậy, ai hộ trì Phật pháp, sẽ giống như vàng mặt trời, chiếu trọn khắp thế gian. Hộ pháp có sâu, có cạn, tùy thuộc quý vị hộ trì như thế nào. Nhưng có một điều kiện: Chúng ta chớ nên hủy báng. Bất luận ai thuyết pháp, quý vị đều tán thán, tùy hỷ, không nói đến cái xấu, chỉ nói về điều tốt, như thế là hộ pháp. Phàm chỗ nào có pháp bảo, quý vị bèn cung kính, coi giống như Phật đang ngự tại đó. Pháp bảo là Pháp Thân của Phật, mà cũng là Pháp Thân của quý vị. Quý vị cung kính và tôn kính như thế, dẫu chúng ta có những chỗ chưa thấu hiểu, các bậc đại đức trong quá khứ rất chú ý chuyện này.

Hiện thời, bất luận là đạo hữu tại gia cư sĩ, ngay cả các hòa thượng, rất nhiều vị hòa thượng trong chùa miếu cũng đều chẳng chú ý cho lắm, các tiểu hòa thượng thông thường lại càng chẳng cần phải nói nữa. Cầm kinh Phật mà không đủ quý trọng, cứ giống như cầm một quyển sách bình thường, quăng, ném, cuộn vò! Đạo hữu tại gia càng chẳng cần phải nói nữa! Họ phải nên trân trọng, nâng niu kính, luôn tôn kính như vậy; đây là Pháp Thân của Phật, phải cung kính như thế. Phẩm Vô Y Hạnh nói đến đây đã xong.

**Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh
Giảng Ký - Quyển 1**

“Hoan nghênh ân tống, công đức vô lượng”